

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 89

LUẬN A TỶ ĐẠT MA
TẬP DI MÔN TỨC

SỐ 1536
(QUYỂN 1 → 20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH

SỐ 1536

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

Tác giả: Tôn giả Xá Lợi Tử.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng

QUYỂN 1

Phẩm 1: DUYÊN KHỞI

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đến ngụ tại khu rừng Chiết-lộ-ca, gần ấp huyện Ba Ba, nơi sinh sống của số đông các lực sĩ.

Bấy giờ, trong ấp huyện, tại thôn Đông Tây nơi các lực sĩ thường đến tụ họp vui chơi gọi là Ót-bạt-nhã-ca-cựu-chế-đa, vừa mới xây xong một đài trang sức bằng ngọc quý. Nơi này chưa hề có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn, lực sĩ nào đến ở và sử dụng các tiện nghi. Khi biết được Đức Thế Tôn cùng quý Tăng sĩ Bí-sô vừa đến ngụ nơi khu rừng gần đó, thì họ hết sức vui mừng, hội họp nhau lại và bàn: “Chúng ta vừa mới sửa sang xây dựng xong tòa đài đẹp tuyệt ấy. Vậy trước hết nên thỉnh Phật cùng các thầy Bí-sô có phước điền vô thượng đến ở tại đây. Nhân đó nghề nghiệp của chúng ta sẽ phát đạt, có bao nhiêu tiền bạc để chi dụng, do đó an ổn vui sướng, suốt đêm an giấc chẳng lo toan chi, như thế chẳng tốt lắm sao?”.

Các lực sĩ sau khi bàn luận xong, đều chiêu tập bạn bè và bà con quyến thuộc cùng ra khỏi ấp Ba Ba đến thẳng chỗ Như Lai. Đến nơi

www.daitangkinh.org

cùng lễ dưới chân Phật, đi nhiều quanh Phật ba vòng rồi cùng ngồi sang một phía.

Bấy giờ, Đức Bạc-già-phạm dùng lời lẽ hiền hòa dịu dàng thăm hỏi an ủi các lực sĩ và bà con quyến thuộc của họ, lại đem đủ các pháp môn mẫu nhiệm để chỉ bày dạy bảo, và khích lệ khen ngợi hết sức vui vẻ. Khi nói xong thì Đức Phật im lặng ngồi yên.

Đám người lực sĩ khi nghe Đức Phật nói pháp xong thì vui mừng hơn hởi, liền đứng dậy và chấp tay cung kính cùng bạch Phật:

- Lực sĩ chúng con, trong ấp này thường đến tụ tập vui chơi ở thôn Đông Tây nơi Ốt-bạt-nhã-ca-cựu-chế-đa, vừa mới xây dựng một đài trang sức bằng ngọc quý, nhưng chưa có vị Sa-môn hay Bà-la-môn và các lực sĩ nào đến ở đó cả. Nay mong Thế Tôn thương xót chúng con, Ngài hãy cùng quý vị đệ tử đến ở nơi ấy, khiến chúng con được nhiều lợi ích, luôn được an ổn hạnh phúc.

Khi ấy, Đức Như Lai thương xót họ liền đem chúng đệ tử đến ở tại đây. Nhân đây Ngài dùng pháp âm vi diệu vì các lực sĩ giảng nói những sự sai khác của quả báo bố thí, hỏi qua đáp lại mãi đến đêm xuống đã lâu. Đám người lực sĩ cùng số quyến thuộc được nghe pháp hết sức vui mừng đồng lễ Phật rồi ra về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-tử:

- Lưng Ta khá đau, cần phải nghỉ ngơi. Vậy thầy hãy thay Ta giảng nói các pháp thiết yếu cho chúng Bí-sô, chớ nên bỏ phí thời giờ vô ích.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-tử yên lặng vâng lời. Bấy giờ, Đức Phật liền dùng bốn lớp Ốt-đát-la-tăng trải làm nệm tựa, xếp y làm gối rồi thẳng mình chồng chân nằm nghiêng về hông mặt, thâu giữ tâm đúng pháp nhập quang minh tướng. Trong khi nhập định vẫn đầy đủ các niệm chánh tri nhưng tâm thì yên lặng vững vàng, bất động như ngọn núi Đại Bảo.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo chúng Bí-sô:

- Vùng đất Ba Ba này trước đây có một vị Đạo sĩ, giữa chốn đông người đã tự phong mình là bậc Tôn sư. Sau khi người ấy qua đời chưa đầy một tháng thì các hàng đệ tử bày ra việc kết bạn thành từng đôi một. Cả hai người mãi phân vân tranh cãi nhau, có khi lại miệt thị chê bai dữ dội. Ai nấy tự bảo chỉ mình là kẻ thông suốt giáo luật của thầy mà không phải là ai khác. Chỉ có mình hiểu rõ luật pháp ấy thì lời phán quyết của mình mới đúng lý hợp nghi thức. Sự việc này đối với các ông là dứt phần. Thế là những điều thầy, dạy ai nấy tự cho là của riêng mình, tự tiện đối trước ra sau, hoặc thêm hoặc bớt, phân chia chi li vụn

vật và lập thành nhiều môn phái khác nhau. Rồi tranh giành ngôi vị hơn thua, nên khích bác, tranh luận. Để tránh lỗi lầm, khó khăn, họ càng chê bai, bài xích lẫn nhau. Tuy có tranh luận, nhưng không bàn về đạo lý mà chỉ phun ra những dao mác bén nhọn để tàn hại nhau. Những kẻ tín đồ bạch y tin theo đạo đó thấy đám đệ tử tranh chống nhau như thế liền nổi giận, khinh bỉ bỏ đi.

Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng:

- Ông Đạo sĩ ở thôn Ba Ba lìa thân tộc ấy chủ trương: Nói ác là phải chịu khổ, chẳng thể ra khỏi (giải thoát), chẳng thể đạt đến chánh giác. Đây là pháp hư hoại không thể đạt đến, không thể nương nhờ. Trái lại Đức Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác, là vị Đại sư của chúng ta, có giáo pháp chủ trương: Nói thiện được thiện, luôn được giải thoát, xuất ly, có thể đạt đến giác ngộ hoàn toàn (chánh giác), là pháp chẳng hư hoại, có thể đạt tới, có chỗ nương nhờ. Chúng ta hiện nay được nghe những giáo pháp Phật nói, hiện Ngài đang còn sống đây, hãy hòa hợp kết tập lại thành pháp Tỳ-nại-da. Chớ nên để sau khi Như Lai nhập Niết-bàn rồi thì có việc đệ tử đệ tử tranh cãi chống đối nhau. Trái lại ta sống rất hòa thuận, siêng năng tuân giữ các pháp luật phạm hạnh thanh tịnh. Thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thọ hưởng được nhiều phước báo an lạc thù thắng.

Phẩm 2: MỘT PHÁP

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Toàn thể quý thầy nên biết Phật là người đã hiểu biết một cách thấu triệt đầy đủ về pháp môn duy nhất, và đã ân cần giảng nói, dạy bảo chỉ bày cho toàn thể đệ tử, môn đồ. Chúng ta hiện nay cần nên hòa hợp thu thập, kết tập lại đầy đủ. Để sau này khi Đức Phật diệt độ thì không xảy ra việc tranh cãi và khiến cho tất cả mọi người nên hòa thuận tuân giữ các pháp luật và phạm hạnh thanh tịnh tạo các lợi lạc lâu dài cho vô số các loài hữu tình. Thương xót hàng trời, người ở thế gian khiến họ thọ hưởng được nhiều phước báo an lạc thù thắng.

Thế nào là một pháp?

Có kệ (Ốt-đà-nam) nói:

Một pháp là hữu tình

Nương ăn, nương nghiệp sống

Đối tất cả pháp thiện

Chớ phóng dật làm trọng.

Tất cả các loài hữu tình đều nương vào việc ăn uống mà sống.

Tất cả các loài hữu tình đều nương vào nghiệp báo (hành) mà sống. Đối với các pháp thiện chớ nên khinh thường, sống phóng dật... đó gọi là “một pháp duy nhất”.

Thế nào là tất cả loài hữu tình đều nương vào việc ăn uống mà sống? Còn ăn là sao, mà nói loài hữu tình đều phải nương nhờ việc ăn uống mà sống còn.

Này quý thầy Bí-sô nên biết, như Đức Thế Tôn đã nói: Việc ăn uống có bốn cách, nhờ đó khiến nhiều chủng loại hữu tình được yên sống và có thể hoạt động giúp ích cho các nhu cầu của đời sống. Bốn cách ăn uống ấy là gì? (Sự nuôi sống ấy là gì?)

1. Là ăn một nắm cơm dù lớn hay bé, nhiều hay ít.
2. Là ăn bằng cách xúc chạm.
3. Là ăn bằng ý tưởng nghĩ đến.
4. Là ăn bằng thức biết.

Do bốn cách ăn này nên nói các loài hữu tình đều phải nương nhờ ăn uống mà sống.

Hỏi: Do nguyên cơ gì biết được các loài hữu tình đều phải nhờ ăn uống mà sống còn?

Đáp: Ấy là các loài hữu tình đối với thân thể họ do sự tụ họp tạo nên, và khi thức ăn chưa đầy đủ là nguyên nhân chính cho loài có tướng, và khi thức ăn đầy đủ là nguyên nhân chính cho loài có tướng, có suy nghĩ làm việc nói năng hoạt động sống còn, và bao nhiêu biến chuyển khác nhau... Trái lại cũng đối với loài hữu tình đó mà sự cạn kiệt thiếu thốn thức ăn là nguyên nhân chính khiến các suy nghĩ hoạt động nói năng kia phải chết chóc, tan nát và biến chuyển đổi khác. Do đó biết được các loài hữu tình đều phải nương nhờ thức ăn mà sống còn.

Hỏi: Như thế, với bốn cách ăn uống đó, nên nói đó là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Như thế, với bốn cách ăn uống đó, nên gọi là thường hay vô thường?

Đáp: Nên nói là vô thường.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là còn mãi lâu dài hay chẳng lâu dài, còn mãi?

Đáp: Nên nói là chẳng lâu dài mãi.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là biến đổi hay chẳng biến đổi?

Đáp: Nên nói là biến đổi.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là do duyên sinh hay nói chẳng phải do duyên sinh?

Đáp: Nên nói là do duyên sinh ra.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói nó thuộc về danh hay thuộc về sắc?

Đáp: Về đoàn thực thì nói thuộc về sắc, còn ba cách ăn kia thì nên nói thuộc về danh.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là hữu kiến hay bảo là vô kiến?

Đáp: Nên nói là vô kiến.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là hữu đối hay là vô đối?

Đáp: Với đoàn thực (ăn từng nắm) nên nói là hữu đối, còn ba thứ ăn kia thì nói là vô đối.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là tâm hay chẳng phải tâm, nên nói là tâm sở hay chẳng phải tâm sở, nên nói là tâm tương ứng hay nói tâm chẳng phải tương ứng?

Đáp: Với đoàn thực nên nói là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở, và tâm chẳng tương ứng. Còn ăn bằng cách xúc chạm và bằng ý nghĩ, nên nói là tâm sở và tâm tương ứng. Riêng ăn bằng thức biết thì nói đó là tâm.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Với đoàn thực nên nói là vô ký, còn ba cách ăn kia nên nói là thiện, hoặc bất thiện, hoặc là vô ký.

Hỏi: Thế nào là ăn bằng cách xúc chạm thiện?

Đáp: Nếu xúc chạm có pháp thiện hữu lậu làm điều kiện thì có thể giúp nuôi lớn các căn và thêm nhiều ích lợi đối với thân tứ đại. Nơi nào cần thấm đượm thì đượm thấm, nơi nào cần làm cho tươi trẻ thì làm cho tươi trẻ, cần che chở, chuyển đổi, giữ gìn thì sẵn sàng che chở, chuyển đổi, và giữ gìn. Đó gọi là cách ăn xúc chạm thiện.

Hỏi: Thế nào là ăn bằng cách xúc chạm bất thiện?

Đáp: Nếu do xúc chạm bất thiện làm điều kiện thì từ đó có thể nuôi lớn các căn và thân tứ đại được nhiều lợi ích. Lại hay thấm nhuần những chỗ (những lúc) cần thấm nhuần..., cho đến chuyển đổi, giữ gìn v.v... thì đó gọi là cách ăn xúc chạm bất thiện.

Hỏi: Thế nào là ăn bằng cách xúc chạm vô ký?

Đáp: Nếu nhờ xúc chạm vô ký làm điều kiện, từ đó có thể nuôi lớn các căn thân tứ đại được thêm lợi ích, lại hay thấm đượm những chỗ,

những chỗ cần được thấm đượm cho đến chuyển đổi, giữ gìn..., thì gọi là cách ăn xúc chạm vô ký.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến thiện?

Đáp: Nếu lúc đó có các pháp thiện hữu lậu tương ứng với ý nghĩ, nghĩ các việc đang xảy ra trước mắt, nghĩ những việc, những ý đã nghĩ qua, nghĩ đến các loại ý nghiệp tạo nên tâm ý đó. Đó gọi là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến bất thiện?

Đáp: Nếu chạm việc bất thiện lại ứng hợp với các ý nghĩ lúc đó, mà nghĩ việc trước mắt v.v... cho đến nghĩ đến các ý nghiệp tạo ra nên tâm ý đó..., thì gọi đó là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến bất thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến vô ký?

Đáp: Nếu chạm việc vô ký ứng hợp với các ý nghĩ lúc đó..., cho đến nghĩ đến các ý nghiệp v.v... thì gọi là cách ăn bằng ý tưởng nghĩ đến vô ký.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng thức biết thiện?

Đáp: Nếu có pháp thiện hữu lậu tương ứng với các tâm ý thức lúc đó, thì gọi là cách ăn bằng thức biết thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng thức biết bất thiện?

Đáp: Nếu ý nghĩ bất thiện tương ứng với các tâm ý thức lúc đó, thì gọi là ăn bằng thức biết bất thiện.

Hỏi: Thế nào là cách ăn bằng thức biết vô ký?

Đáp: Nếu ý nghĩ vô ký tương ứng với tâm ý thức lúc đó, thì gọi là ăn bằng thức biết vô ký.

Hỏi: Như thế, với bốn cách ăn đó, nên gọi là học hay vô học, hay gọi là phi học phi vô học.

Đáp: Nên nói phi học phi vô học.

Hỏi: Với bốn cách ăn đó, nên nói thuộc cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc?

Đáp: Về đoàn thực nên nói thuộc cõi Dục, còn ba cách ăn kia thì hoặc thuộc cõi Sắc hoặc cõi Vô sắc.

Hỏi: Các thức ăn đều là đoàn thực chăng?

Đáp: Chỉ các đoàn thực thì đều là ăn. Có những cái ăn nhưng không cần phải đoàn thực, tức ba cách ăn kia và thế tục (sống ở đời).

Hỏi: Các thức ăn đều là ăn bằng xúc chạm chăng?

Đáp: Xúc chạm đều là ăn, nhưng có thức ăn chẳng phải là ăn bằng xúc chạm. Tức là ba cách ăn kia và thế tục.

Hỏi: Các thức ăn đều là ăn bằng ý nghĩ chăng?

Đáp: Các ý nghĩ đều là ăn, nhưng có những thức ăn chẳng phải ăn bằng ý nghĩ. Tức là ba cách ăn kia và thế tục.

Hỏi: Các thức ăn đều là ăn bằng thức chẳng?

Đáp: Cách ăn của thức đều là ăn, nhưng có những thức ăn chẳng phải là ăn bằng thức. Tức là ba cách ăn khác kia và thế tục.

Hỏi: Các phần ăn từng nắm đều là ăn chẳng?

Đáp: Nên quy thành bốn luận chứng:

1. Có những nắm từng phần ăn nhưng chẳng phải là ăn, là có các phần ăn này làm duyên đầy nhưng các căn hư hoại, ốm gầy, thân thể biến đổi hư hoại.

2. Lại có cách ăn nhưng chẳng cần phần ăn. Tức là ba cách ăn kia và thế tục.

3. Lại có phần ăn mà cũng là ăn, đó là các phần ăn này làm duyên khiến các căn tăng trưởng, thân thể đầy đủ thêm hơn, và có thể thấm đượm nơi cần thấm đượm, cho đến tùy sự giữ gìn v.v...

4. Lại còn có chẳng có phần ăn mà cũng chẳng phải ăn, tức là trừ tướng trước vừa kể.

Hỏi: Các thứ chạm xúc đều gọi là ăn chẳng?

Đáp: Nên chia ra bốn luận chứng:

1. Là có chạm xúc mà chẳng có ăn, tức là có chạm xúc với pháp vô lậu và hữu lậu để làm duyên, nhưng các căn lại bị hao gầy, thân thể bị biến đổi hư hoại.

2. Lại có cách ăn mà chẳng cần phải chạm xúc, là khác với ba cách ăn kia và thế tục.

3. Lại có xúc chạm mà cũng là ăn, là có xúc chạm với hữu lậu để làm duyên, giúp các căn thêm lớn, thân thể đầy đủ ích lợi và lại có thể thấm đượm tùy nơi cần thấm đượm, cho đến giữ gìn tùy nơi cần giữ gìn v.v...

4. Lại có chẳng cần xúc chạm mà chẳng phải là ăn, tức là trừ ba tướng trước vừa kể.

Như cách ăn do xúc chạm có bốn thứ đó, cách ăn về ý nghĩ và về thức biết thì cũng như thế, nên biết.

Hỏi: Lại có khi nào do ăn làm điều kiện rồi sinh ra ăn, sinh ra chẳng phải ăn, hoặc sinh ra ăn nhưng chẳng phải ăn chẳng?

Đáp: Có sinh ra.

Hỏi: Thế nào là do ăn làm duyên mà sinh ra ăn?

Đáp: Khi có phần ăn làm duyên thì sinh ra ba thứ ăn kia.

Hỏi: Thế nào là do ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn?

Đáp: Do đoàn thực làm duyên mà sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Thế nào là do ăn làm duyên mà sinh ra ăn nhưng chẳng phải ăn?

Đáp: Do đoàn thực làm duyên mà sinh ra ba thứ ăn kia và thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Lại có khi nào chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn, sinh ra ăn, sinh ra ăn mà chẳng phải ăn chăng?

Đáp: Có sinh ra.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt và sắc làm duyên thì sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Thế nào là chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn?

Đáp: Như mắt và sắc làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn nhưng chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt và sắc làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết cùng thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Lại có khi nào ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn, sinh ra ăn, sinh ra ăn chẳng phải ăn chăng?

Đáp: Có sinh ra.

Hỏi: Thế nào là ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết cùng thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Thế nào là ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn?

Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên mà sinh ra các cách ăn về chạm xúc, ý nghĩ và thức biết.

Hỏi: Thế nào là ăn, chẳng phải ăn làm duyên mà sinh ra ăn chẳng phải ăn?

Đáp: Như mắt, sắc và nhãn thức làm duyên thì sinh ra thọ, tưởng, tác ý v.v...

Hỏi: Nếu đoàn thực (có phần ăn thực) đã dứt, đã biết khắp thì cách ăn bằng chạm xúc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu ăn bằng cách chạm xúc đã dứt, đã biết cách thì đoàn thực cũng thế. Có đoàn thực đã dứt, đã biết khắp mà chẳng phải là thức ăn chạm xúc, tức là chỉ mới lìa dục nhiễm, chưa lìa được thượng nhiễm. Như lấy đoàn thực đối chiếu với ăn bằng chạm xúc, đối chiếu với ăn

bằng ý nghĩ và thức biết cũng như thế.

Hỏi: Nếu ăn bằng chạm xúc đã dứt, đã biết khắp thì ăn bằng ý nghĩ có như thế chăng?

Đáp: Có như thế. Nếu lấy cách ăn do chạm xúc mà đối chiếu với cách ăn bằng ý nghĩ thì đối với cách ăn bằng thức cũng như vậy.

Hỏi: Nếu ăn bằng ý nghĩ đã dứt, đã biết khắp thì cách ăn bằng thức cũng như thế chăng?

Đáp: Cũng như thế.

Hỏi: Nếu đối với sự ăn uống đã dứt, đã biết khắp, thì đó là lia được cách nhiệm trước cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu đối với đoàn thực đã dứt, đã biết khắp, thì nó chỉ lia nhiệm trước ở cõi Dục, chứ không phải ở cõi Sắc và Vô sắc. Còn như đối với cả ba cách ăn kia mà đã dứt, đã biết khắp, thì nó đã lia được các nhiệm ở cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Khi đó thì đối với tất cả, tất cả sự việc, tất cả mọi thứ, tất cả ngôi vị, tất cả chỗ, tất cả các ràng buộc kết chặt đều đã lia nhiệm ô. Còn tất cả loài hữu tình đều phải nương vào hành mà sống.

Hỏi: Thế nào là hành mà nói là loài hữu tình phải nương vào hành mà sống?

Đáp: Nay quý thầy Bí-sô nên biết, như Đức Thế Tôn đã nói: Nếu các loài hữu tình đối với thân thể mình, do tụ hợp tạo nên, mà chẳng chết mất, chẳng hao mòn, chẳng bị phá vỡ, chẳng lỗi lầm, chẳng lui sụt..., thì đều là do đời sống (thọ) giữ cho thân xác (mạng căn) luôn liên tục nối tiếp mãi. Cuộc sống (thọ) này gọi là hành. Do cái hành đó mà cả loài hữu tình sống còn hoạt động được chính hành này đối với những việc cần che chở giữ gìn hay chuyển đổi thì nó sẽ tùy theo mà che chở giữ gìn chuyển đổi. Do đó nên nói tất cả các loài hữu tình đều nương nhờ hành mà sống.

Hỏi: Do điều kiện nào mà biết được các loài hữu tình đều nương vào hành mà trụ?

Đáp: Nghĩa là tất cả loài hữu tình đối với thân tụ hợp này, khi nào cuộc sống của hành còn đầy đủ là nguyên nhân chính để có suy nghĩ, làm việc, nói năng, hoạt động, sống còn và các sự chuyển biến khác nhau. Còn như các loài hữu tình đó đối với thân tụ hợp này khi nào cuộc sống của hành đã thiếu vắng là nguyên nhân chính khiến các suy nghĩ nói năng hoạt động sống còn kia đều phải chết chóc tan nát rụi tàn và chuyển biến đổi khác. Do đó nên biết các loài hữu tình đều phải nương nhờ vào hành mà sống còn.

Hỏi: Như thế mạng sống phải nói là hữu vi hay vô vi?

Đáp: Nên nói là hữu vi.

Hỏi: Với mạng sống nên nói là thường hay vô thường?

Đáp: Nên nói là vô thường.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là còn mãi lâu dài hay chẳng còn mãi lâu dài?

Đáp: Nên nói là chẳng còn mãi lâu dài.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là biến đổi hay chẳng biến đổi?

Đáp: Nên nói là biến đổi.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là do duyên sinh hay chẳng phải do duyên sinh ra?

Đáp: Nên nói là do duyên sinh ra.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói thuộc về sắc hay thuộc về danh?

Đáp: Nên nói thuộc về danh.

Hỏi: Như thế mạng sống nên nói là có thấy hay chẳng thấy?

Đáp: Nên nói không thấy.

Hỏi: Như thế mạng sống nên nói là có đối hay không có đối?

Đáp: Nên nói không đối.

Hỏi: Như thế mạng sống nên nói là tâm hay chẳng phải tâm, nên nói là tâm sở hay chẳng phải tâm sở, nên nói là tâm tương ứng hay tâm chẳng tương ứng?

Đáp: Nên nói là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở, và tâm chẳng tương ứng.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là thiện, bất thiện hay vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Nên nói là hữu lậu.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói là học hay vô học?

Đáp: Nên nói là chẳng phải là học cũng chẳng phải là vô học.

Hỏi: Như thế mạng sống đó nên nói thuộc cõi Dục, cõi Sắc, hay cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói là thuộc cõi Dục, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc thuộc cõi Vô sắc.

Vì sao nói là thuộc cõi Dục? Vì đó là mạng sống ở cõi Dục.

Vì sao nói là thuộc cõi Sắc? Vì đó là mạng sống ở cõi Sắc.

Vì sao nói là thuộc cõi Vô sắc? Vì đó là mạng sống ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Sắc đã dứt, đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Dục cũng thế. Có mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp thì chẳng phải là mạng sống ở cõi Sắc. Nghĩa là đã lìa được cái nhiệm ở cõi Dục, nhưng chưa lìa được cái nhiệm của cõi Sắc.

Hỏi: Nếu mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Vô sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Vô sắc đã dứt, đã biết khắp thì mạng sống ở cõi Dục cũng như thế. Có mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp thì chẳng phải là mạng sống ở cõi Vô sắc. Nghĩa là đã lìa nhiệm cõi Dục, nhưng chưa lìa được nhiệm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu mạng sống ở cõi Sắc đã dứt đã biết khắp thì mạng sống cõi Vô sắc cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Vô sắc đã dứt đã biết khắp, thì mạng sống ở cõi Sắc cũng như thế. Có mạng sống ở cõi Sắc đã dứt đã biết khắp thì chẳng phải là mạng sống ở cõi Vô sắc. Nghĩa là đã lìa nhiệm cõi Sắc, nhưng chưa lìa được nhiệm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu đối với mạng sống đã dứt, đã biết khắp, thì nó có lìa được các nhiệm của cả ba cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Đáp: Nếu mạng sống ở cõi Dục đã dứt, đã biết khắp, thì nó đã lìa nhiệm ở cõi Dục, chẳng phải ở cõi Sắc và Vô sắc. Nếu mạng sống ở cõi Sắc đã dứt, đã biết khắp, thì nó chỉ mới lìa nhiệm ở cõi Dục, Sắc, chứ không phải ở cõi Vô sắc. Còn nếu mạng sống ở cõi Vô sắc đã dứt, đã biết khắp thì khi ấy nó đã lìa hết các nhiệm của cả ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Bấy giờ, đối với tất cả, tất cả sự việc, tất cả mọi thứ, tất cả ngôi vị, tất cả chỗ, tất cả sự ràng buộc, kết chặt đều được lìa tất cả ô nhiễm.

Đối với tất cả pháp thiện không có buông lung. Thế nào là buông lung?

Đáp: Nếu đoạn dứt các pháp bất thiện, thực hiện đầy đủ các pháp thiện, luôn luôn luyện tập trau giồi, lúc nào cũng tu trì, luôn thực hiện các việc một cách bền bỉ, lâu dài mãi mãi, tu trì nhiều lần nhiều ngày không bao giờ ngưng nghỉ. Đó gọi là chẳng buông lung hay là bất phóng dật.

Phẩm 3: HAI PHÁP - Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo đại chúng: Tất cả quý thầy nên biết! Đức Phật là người đã hiểu biết thấu suốt đầy đủ về hai pháp, đã vì các hàng đệ tử, môn đồ ân cần giảng dạy chỉ bày. Vậy nay chúng ta cần nên hòa hợp kết tập lại, để sau này khi Đức Phật đã diệt độ thì không xảy ra việc tranh cãi và khiến tất cả mọi người cần hòa thuận tuân giữ các pháp luật và phạm hạnh thanh tịnh để tạo nên các lợi lạc lâu dài cho vô số các loài hữu tình. Thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thọ hưởng các phước báo an lạc thù thắng. Thế nào là hai pháp? Kệ nói: (Ốt-đà-nam)

*Hai pháp là Danh, Sắc,
Cho đến Tận - Vô sanh
Gồm hai mươi bảy thứ
Sẽ giải thích chương sau.*

Có hai pháp gọi là danh và sắc.

Lại có hai pháp, đó là vô minh và hữu ái.

Lại có hai pháp, đó là có thấy và không thấy.

Lại có hai pháp, đó là không hổ, không thẹn.

Lại có hai pháp, đó là hổ và thẹn.

Lại có hai pháp, đó là lời ác, bạn ác.

Lại có hai pháp, đó là lời lành, bạn lành.

Lại có hai pháp, đó là khéo léo gây tội và khéo léo thoát tội.

Lại có hai pháp, đó là khéo léo nhập định và khéo léo xuất định.

Lại có hai pháp, đó là giới hạn khéo léo và tác ý khéo léo.

Lại có hai pháp, đó là thật thà ngay thẳng và hiền hòa.

Lại có hai pháp, kham nhẫn (nhẫn nhục) và luôn vui.

Lại có hai pháp, đó là hòa thuận và cúng dường.

Lại có hai pháp, đó là niệm đủ và biết đúng.

Lại có hai pháp, đó là sức suy nghĩ chọn lọc và sức tu tập.

Lại có hai pháp, đó là chẳng giữ gìn căn môn và ăn chẳng biết lượng đủ.

Lại có hai pháp, đó là giới giữ gìn căn môn và ăn biết lượng đủ.

Lại có hai pháp, đó là thiếu giới, thiếu kiến.

Lại có hai pháp, đó là phá giới, phá kiến.

Lại có hai pháp, đó là đủ giới, đủ kiến.

Lại có hai pháp, đó là tịnh giới, tịnh kiến.

Lại có hai pháp, đó là thấy đúng, như lý thù thắng.

Lại có hai pháp, đó là chán đúng, như lý thù thắng.

Lại có hai pháp, đó là đối với pháp thiện chẳng mừng đủ và đối với sự đoạn dứt chẳng ngăn trở.

Lại có hai pháp, đó là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Lại có hai pháp, đó là sáng suốt và giải thoát.

Lại có hai pháp, đó là trí tận và trí vô sinh.

Trong đây có hai pháp: Đó gọi là danh - sắc.

Hỏi: Thế nào là danh?

Đáp: Đó là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cùng hư không trạch diệt và phi trạch diệt, đó gọi là danh.

Hỏi: Thế nào là sắc?

Đáp: Thân tứ đại (đất, nước, gió, lửa) và sự tạo ra sắc chất.

Lại có hai pháp: Đó gọi là vô minh và hữu ái.

Hỏi: Vô minh là gì?

Đáp: Như trong Luận Pháp Uẩn nói.

Hỏi: Hữu ái là gì?

Đáp: Các sự tham lam ở cõi Sắc và Vô sắc vì tham lam nên cất chứa, giữ gìn, đam mê đắm vướng và yêu thương chấp nhiễm, đó là hữu ái.

Lại có hai pháp: Đó là có thấy (hữu kiến) và không thấy (vô kiến).

Hỏi: Có thấy là sao?

Đáp: Như bảo cõi thế gian của ta là thường còn. Do đó phát khởi sự nhận chịu ham thích nhìn thấy, thì gọi đó là có thấy.

Hỏi: Không thấy là sao?

Đáp: Như bảo cõi thế gian của ta là đoạn diệt do đó khởi lên sự nhận chịu ham thích nhìn thấy, đó gọi là không thấy.

Lại có hai pháp: Gọi là không hổ, không thẹn.

Hỏi: Không hổ là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Kẻ không biết xấu hổ là đối với các việc đáng xấu hổ mà lại không biết xấu hổ. Các việc đáng xấu hổ đó là sự xấu xa độc ác, chẳng lành, lại tùy thuận theo các thói ô nhiễm xen tạp, tùy thuận vào kiếp sau bị các khổ não dị thực và tùy thuận theo cuộc sống ở vị lai với sinh, già, chết, rồi sau này khi các việc ác xấu xa chẳng tốt lành sinh ra nhưng không biết xấu hổ, không có điều xấu hổ, không tự xấu hổ riêng mình, không trên (trơ trên), không bị làm trên, không có hổ thẹn, không tôn sùng kính trọng ai, không được tôn sùng kính trọng, không tùy thuộc người khác, không có kẻ khác tùy thuộc

mình, đối với mình lúc nào cũng luôn tự tại không hề biết sợ sệt áy náy... đó gọi là không xấu hổ”.

Hỏi: Không thẹn là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Không biết thẹn, đối với các việc đáng hổ thẹn mà chẳng sinh lòng hổ thẹn. Việc đáng hổ thẹn đó là các việc xấu xa ác độc chẳng thiện cho đến tùy thuận có thân thời vị lai với đủ cả sinh, già, chết, và sau này khi các sự xấu xa chẳng tốt lành sinh ra thì không biết hổ thẹn, không có điều kiện hổ thẹn, chẳng tự thẹn riêng mình, không biết hổ thẹn, không có điều hổ thẹn, cũng chẳng biết tự hổ thẹn riêng. Đối với các tội lỗi đã làm mà chẳng hề biết sợ hãi lo lắng, chẳng thấy có điều chi sợ sệt bối rối cả. Đó gọi là chẳng biết thẹn”.

Lại có hai pháp: Đó là biết hổ, biết thẹn.

Hỏi: Biết hổ là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có kẻ biết hổ là đối với các việc đáng xấu hổ thì sinh lòng xấu hổ. Việc đáng xấu hổ đó là những việc xấu xa chẳng thiện, cho đến tùy thuận, đến cuộc sống ở tương lai có đủ sinh, già, chết. Và sau này khi các việc xấu xa chẳng tốt lành sinh ra thì có biết xấu hổ, có điều xấu hổ, có tự biết xấu hổ riêng. Có sai khiến, bị sai khiến, có sai lầm riêng. Có tôn sùng kính trọng và được tôn sùng kính trọng, có tùy thuộc và được người khác tùy thuộc. Đối với sự tự tại thì biết sợ sệt, đó gọi là biết xấu hổ”.

Hỏi: Biết thẹn là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có những kẻ biết thẹn là đối với các việc đáng hổ thẹn thì sinh lòng hổ thẹn. Việc đáng hổ thẹn tức là các việc xấu xa độc ác chẳng tốt lành, cho đến gây nên kiếp sống ở vị lai với sinh, già, chết. Và sau này khi các việc ác chẳng lành đó sinh ra thì biết hổ thẹn, có hổ thẹn riêng mình. Biết hổ thẹn các điều đã hổ thẹn, có sự hổ thẹn riêng mình. Đối với các tội ác lỗi lầm đã gây ra thì biết sợ sệt áy náy lo lắng, thấy được các việc đáng e dè sợ sệt. Đó là biết thẹn”.

Lại có hai pháp: Đó là lời nói xấu ác và bạn xấu ác.

Hỏi: Thế nào là lời nói xấu ác?

Đáp: Như Luận Pháp Uẩn nói.

Hỏi: Thế nào là bạn xấu ác?

Đáp: Cũng trong Luận Pháp Uẩn đã nói.

Lại có hai pháp: Đó là lời nói lành và bạn lành.

Hỏi: Lời nói lành là sao?

Đáp: Trong cùng một hạng người, nghề nghiệp, khi nào cần thân

thiết chỉ bày dạy bảo nhau thì cùng thân thiết giúp nhau để được như nhau. Khi nào cần dùng mầu mực, thì cũng tùy thuận mà thực hiện. Đối với người khác có tài đức thì một lòng kính trọng tôn quý, tin tưởng giao tế qua lại để trở thành nhóm bạn hiền, đúng như pháp mà khuyên bảo nhau như nói từ nay trở đi chớ làm xấu thân nghiệp, chớ làm xấu ngữ nghiệp, chớ làm xấu ý nghiệp, chớ làm, sống theo nó. Chớ nên gần gũi với các bạn xấu. Chớ nên gây tạo các nghiệp ác sẽ bị đọa vào ba đường dữ. Cứ như thế mà khuyên răn dạy bảo những lời hay ý đẹp đúng lúc, đúng nơi. Còn đối với các việc tu hành đạo pháp thì cần nên tùy thuận mà gia công bền bỉ khéo léo như mài giũa ngọc quý, để đạo đức ngày càng trở nên tôn quý đẹp đẽ hơn. Hãy giúp đỡ bạn bè những tài sản quý báu lớn lao bằng những lời khuyên răn dạy bảo quý báu, cùng nhau mến yêu, chia ngọt xẻ bùi đồng cảm, đồng sở thích, cùng tin tưởng giúp đỡ nhau hết lòng. Chẳng lấy trộm, cái gì cho mới lấy đàng hoàng. Không nên chống cự nghịch thù cũng không bắt bẻ, chống báng chê bai nhau, hay bài bác hắt hủi nhau tàn tệ... Đó là lời nói lành.

Hỏi: Còn bạn lành là thế nào?

Đáp: Như Luận Pháp Uẩn nói.

Lại có hai pháp: Đó là khéo léo gây tội và khéo léo thoát tội.

Hỏi: Thế nào là khéo léo gây tội?

Đáp: Tội tức là có năm thứ tội của thân ngữ uẩn. Năm thứ tội đó là:

1. Là hơn người khác.
2. Nhiều thứ khác.
3. Là đọa vào địa ngục bị nấu đốt.
4. Là đối thú.
5. Là làm ác.

Khéo gây tội tức là đúng như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô phạm tội hơn người là như thế, thầy Bí-sô phạm nhiều tội khác là như thế, thầy Bí-sô phạm tội chưng nấu là như thế, thầy Bí-sô phạm tội đối thú là như thế, thầy Bí-sô phạm tội làm ác là như thế.

Lại cần phải như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội hơn người. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm nhiều thứ tội khác. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội bị đọa vào nơi nấu đốt. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội đối thú. Thầy Bí-sô đã khởi lên phạm tội làm ác.

Lại cần phải như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô này đã phạm tội hơn người như thế. Thầy Bí-sô này đã phạm nhiều tội khác như thế. Thầy Bí-sô này đã phạm tội chưng nấu như thế. Thầy Bí-sô này đã

phạm tội đối thú như thế. Thầy Bí-sô này đã phạm tội làm ác như thế.

Lại cần phải như thật mà thấy biết: Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội hơn người. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm nhiều tội khác. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội chướng nấu. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội đối thú. Thầy Bí-sô này đã khởi lên phạm tội làm ác.

Lại phải như thật mà thấy biết: Các thầy Bí-sô đã phạm tội hoặc nặng hay nhẹ, hoặc sâu hay cạn, hoặc có dư hay không dư, hoặc che giấu hay không che giấu, hoặc rõ ràng hay không rõ ràng, hoặc đã phát lộ hay chưa phát lộ, hoặc đã diệt trừ hết hay chưa diệt trừ hết, hoặc có thể nói hay không nói được, hoặc làm được hay chẳng thể làm được. Như thế mà gây tạo ra các thứ tội, là đã hiểu rõ ràng, hiểu tất cả, hiểu mọi việc gần gũi, hiểu rõ khắp mọi nơi, thấy mình hiểu biết lượng định kỹ, sáng suốt, tuệ hạnh hiểu biết thông tỏ Tỳ-bát-xá-na... đó gọi là khéo léo gây tội.

Hỏi: Thế nào là khéo léo thoát tội?

Đáp: Tội là năm thứ tội của thân ngũ uẩn. Như trước đã nói rõ.

Các tội khéo léo, nghĩa là đúng như thật mà hiểu biết với bốn tội sau đây thì có thể thoát ra, đó là: các thứ khác, chướng nấu, đối thú, làm ác.

Việc thoát ra như thế nào? Như nói thế này: Tôi là... (như thế), từ trước nay chưa hề bày tỏ cùng ai. Hôm nay tôn xin nói lời này để trình bày việc đó. Với tội lỗi như thế nay xin thưa bày... Tôi vừa trình bày xong, nay xin phát lộ sám hối. Đối với tội như thế, nay xin làm đúng theo pháp đã được quy định. Nếu không phát lộ sám hối thì chẳng được tiêu trừ. Nên hôm nay tôi xin trình bày rõ ràng các việc như thế và xin chân thành phát lộ sám hối đúng như điều quy định với tội lỗi như thế... nay phát lộ sám hối như thế rồi thì tội lỗi kia sẽ được tiêu trừ. Và như thế là biết được rằng mình đã thoát ra các tội lỗi..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là thoát tội một cách khéo léo.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 2

Phẩm 3: HAI PHÁP - Phần 2

Lại có hai pháp: Đó là khéo nhập định và khéo xuất định.

Hỏi: Thế nào là khéo nhập định?

Đáp: Định nghĩa là tám thứ yên định tám uẩn. Tức là bốn pháp tinh lự thiền và bốn thứ định vô sắc.

Khéo nhập định nghĩa là như thật thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, nhập định sơ tinh lự Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến nhập định phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, như thật thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, đối với định sơ thiền thì có tác ý khéo léo, Bồ-đặc-già-la như thế cho đến đối với định phi tưởng phi phi tưởng vẫn có tác dụng khéo léo.

Lại nữa, như thật thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, nhập vào đạo sơ thiền Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến nhập vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, như thật thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, đối với đạo sơ thiền có tác ý khéo léo và Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến đối với định phi tưởng phi phi tưởng xứ mà có tác ý khéo léo.

Việc đó như thế nào? Như có người nói lời này, tác ý như thế mà tôi tác ý như vậy: đối với định sơ thiền cho đến định phi tưởng phi phi tưởng xứ nên khéo hiểu biết tất cả, hiểu các việc ở gần và khéo phân biệt, khéo suy nghĩ và khéo thông suốt. Tôi đã nghĩ như thế, và quán thấy như thế, hiểu biết (thắng giải) như thế, gìn giữ từ như thế, phân biệt như thế. Nhập vào định sơ thiền cho đến nhập vào định phi tưởng phi phi tưởng xứ mà khéo hiểu biết tất cả, cho đến khéo thông suốt. Tôi nay như thế mà thấu giữ tâm, khuyến gắng tâm, điều phục tâm, giữ gìn tâm, khởi tâm, buông bỏ tâm, chế ngự tâm, theo tâm. Khi nhập định sơ thiền, cho đến khi nhập định phi tưởng phi phi tưởng xứ thì sẽ hiểu biết tất cả cho đến khéo thông đạt. Tôi nay đúng theo pháp như thế mà nhập

định và khéo giỏi nhập định, nhưng lại không tác dụng và không có lợi ích, không thể làm được nhiều việc vì bị chướng ngại. Nay tôi đối với pháp này mà hiểu biết tất cả cho đến thông suốt và với cách như thế tôi nhập định và nhập định khéo giỏi nên có tác dụng, có lợi ích, và làm được nhiều việc mà không bị chướng ngại.

Đối với pháp này tôi khéo hiểu biết tất cả cho đến khéo thấy thông suốt. Với cách như thế mà nhập vào các thứ định, hiểu biết rõ ràng, hiểu biết tất cả, hiểu biết các việc gần, hiểu biết khắp nơi. Thấu triệt mọi suy xét thông minh, lượng định kỹ lưỡng sáng suốt, tuệ hạnh hiểu biết thông minh, Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là nhập định khéo léo.

Hỏi: Thế nào là xuất định khéo léo?

Đáp: Định tức là tám thứ yên định tám uẩn. Tức là bốn thứ thiền (tĩnh lực) và bốn thứ định vô sắc.

Xuất định khéo léo, nghĩa là đúng như thật mà thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, xuất định sơ thiền Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến xuất định phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, phải nên như thật mà thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, đối với khi xuất định sơ thiền mà tác ý khéo léo Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến xuất định phi tưởng phi phi tưởng xứ vẫn có tác ý khéo léo.

Lại nữa, nên đúng như thật mà thấy biết Bồ-đặc-già-la như thế, khi xuất định sơ thiền Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến xuất định phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Lại nữa, nên đúng như thật biết Bồ-đặc-già-la như thế, khi xuất đạo sơ thiền mà có tác ý khéo léo Bồ-đặc-già-la như thế, cho đến khi xuất định phi tưởng phi phi tưởng xứ, mà khéo hiểu biết tất cả, khéo hiểu việc gần, khéo phân biệt, khéo suy nghĩ, khéo thông suốt. Tôi nay nghĩ như thế mà quán thấy như thế, hiểu biết như thế, giữ gìn như thế, phân biệt như thế. Khi xuất định sơ thiền cho đến xuất định phi tưởng phi phi tưởng xứ khéo hiểu biết tất cả, cho đến khéo thông suốt và như thế mà tôi thâm giữ tâm, khuyến gắng (sách tấn) tâm, điều phục tâm, giữ gìn tâm, khởi tâm, theo tâm, chế ngự tâm và buông bỏ tâm. Trong khi xuất định sơ thiền cho đến khi xuất định phi tưởng phi phi tưởng xứ mà khéo hiểu biết tất cả cho đến khéo thông suốt. Tôi đúng pháp như thế mà xuất định, cho đến xuất định khéo léo mà không có tác dụng, không có lợi ích, không làm được nhiều việc vì bị chướng ngại. Nay đối với pháp này tôi khéo hiểu biết tất cả, cho đến khéo thông suốt. Cứ như thế mà biết là đủ xuất ra các thứ định, cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là xuất định khéo léo.

Lại có hai pháp: Đó là biết giới khéo léo và tác ý khéo léo.

Hỏi: Biết giới khéo léo là sao?

Đáp: Như có Bí-sô biết đúng như thật mười tám giới. Đó là mắt, màu sắc và nhãn thức. Tai, tiếng và nhĩ thức. Mũi, mùi hương và tỷ thức. Lưỡi, vị và thiệt thức. Thân, chạm xúc và thân thức. Ý, các pháp và ý thức.

Lại đúng như thật mà thấy biết sáu giới: Đất, nước, gió, lửa, không và thức.

Lại biết đúng như thật về sáu giới: Dục, giận, hại, ra khỏi (xuất ly), không giận, không hại.

Lại biết đúng như thật về sáu giới. Đó là vui, khổ, mừng, buồn rầu buồn xả và vô minh.

Lại biết đúng như thật về bốn giới. Đó là thọ, tưởng, hành, thức.

Lại biết đúng như thật về ba giới. Đó là cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Lại biết đúng như thật về ba giới. Đó là quá khứ, vị lai và hiện tại.

Lại biết đúng như thật về ba giới. Đó là kém, trung bình và vi diệu.

Lại biết đúng như thật về ba giới. Đó là thiện, bất thiện và vô ký.

Lại biết đúng như thật về hai giới. Đó là hữu lậu, vô lậu.

Lại biết đúng như thật về hai giới. Đó là hữu vi, vô vi.

Đối với các thứ giới như thế mà biết rõ, biết tất cả, biết gần, biết khắp, thấu suốt, xét đoán kỹ lưỡng thông suốt, tuệ hạnh hiểu biết minh trí Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là biết giới khéo léo.

Hỏi: Còn tác ý khéo léo là sao?

Đáp: Như Bí-sô hoặc thọ trì Tố-đất-lãm, hoặc thọ trì Tỳ-nại-da, hoặc thọ trì A-tỳ-đạt-ma, hoặc nghe Thân giáo sư giảng, hoặc nghe thầy Luật sư mô phạm dạy bảo, hoặc nghe kho tàng mở, mang truyền thọ bảo, hoặc nghe người theo Lý nhất như nói, y chỉ nương nhờ vào các điều đã kể dẫn đúng lý, các điều nghe được sẽ tạo nên trí tuệ sáng tỏ. Đối với nhân giới đến ý thức giới mà khéo léo tác ý (nghĩ tưởng) suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với địa giới cho đến thức giới, khéo léo tác ý, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với dục, giận hờn, tổn hại, khéo léo tác ý, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với xuất ly, chẳng giận hờn, chẳng tổn hại, khéo léo tác ý, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với vui, khổ, mừng, buồn rầu, buông bỏ, vô minh, khéo léo tác ý, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với các giới thọ, tưởng, hành, thức, tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với sắc và vô sắc, khéo léo tác ý, suy nghĩ là chẳng thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với diệt giới, khéo léo tác ý, suy nghĩ là chẳng thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, khéo léo tác ý, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với kém và trung bình, khéo léo tác ý suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với tốt (diệu), tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với thiện, bất thiện và vô ký, tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với học và vô học, tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với phi học phi vô học, tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với hữu lậu mà tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với vô lậu giới mà tác ý khéo léo, suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với hữu vi giới mà khéo léo tác ý suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Đối với vô vi giới mà khéo léo tác ý suy nghĩ là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã.

Lại nữa, như có Bí-sô thấy đúng như thật về quá khứ, vị lai, hiện tại mà tác ý. Thiện, bất thiện và vô ký mà tác ý, sự ràng buộc vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc mà tác ý. Với học, vô học, phi học phi vô học mà tác ý. Đối với thấy mà đoạn dứt, tu mà đoạn dứt và chẳng phải sự đoạn dứt mà tác ý. Đối với các thứ như thế mà tác ý hiểu rõ ràng cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tác ý khéo léo.

Lại có hai pháp: Đó là thật thà ngay thẳng và nhu hòa.

Hỏi: Thực thà ngay thẳng là sao?

Đáp: Tâm chẳng cứng rắn, tâm chẳng mạnh bạo, tâm chẳng ương ngạnh, tâm thuần chất, tâm chánh trực, tâm đượm nhuần linh hoạt, tâm dịu dàng hiền từ, tâm điều hòa thuận hợp. Đó gọi là thực thà ngay thẳng.

Hỏi: Nhu hòa là sao?

Đáp: Thân chẳng cứng rắn, thân chẳng mạnh bạo, thân chẳng ương ngạnh cứng cỏi, thân lại thuần chất, thân chánh trực, thân đượm nhuần linh hoạt, thân dịu dàng hiền từ, thân điều hòa thuận hợp. Đó gọi là hiền hòa, nhu hòa.

Lại có hai pháp: đó là kham nhẫn và luôn vui.

Hỏi: Kham nhẫn là sao?

Đáp: Tức là khéo nhịn chịu, chịu đựng các thứ lạnh nóng, đói khát, gió mặt trời, ruồi muỗi, rắn độc, bò cạp v.v... Lại có thể nhịn chịu được những lời chửi mắng dữ tợn, độc ác của kẻ khác, lại có thể vì mãnh lực của quyền lợi dù nhỏ mà sẵn sàng đứng dậy nhẫn tâm chịu khổ kể cả phải bỏ mạng. Đó gọi là kham nhẫn.

Hỏi: Luôn vui (trong mọi hoàn cảnh) là sao?

Đáp: Giả sử như có việc xảy ra khiến mình không thể chịu đựng nổi, không thể kìm hãm được mình, không thể xoay chuyển đổi dời, không thể nhịn chịu được. Nhưng đối với sự việc, với người gây sự thì mình chẳng hề dữ dằn bạo ngược, chẳng hề thô bỉ tục tằn và tàn bạo. Trái lại đều có thể bỏ qua mà vui vẻ. Lại có thể dễ dàng chấp nhận việc chung sống cùng hạng người ác đó mà tìm cách khắc phục các tội ác. Như thế khi có việc xảy đến một cách bất trắc mà vẫn chịu đựng được, vẫn luôn bình tĩnh kiềm chế được mình, có thể xoay sở chuyển đổi, có thể nhẫn nại chịu đựng. Lại nữa, đối với họ vẫn không hề tâm ác bạo ngược, cũng chẳng thô tục dữ dằn của thú tính. Trái lại có thể chịu đựng, bình tĩnh, vui vẻ trong bất cứ hoàn cảnh trường hợp nào. Lại có thể dễ dàng chung sống để cảm hóa được họ từ bỏ các tội ác. Đó gọi là luôn vui.

Lại có hai pháp: Đó là hòa thuận và cúng dường.

Hỏi: Hòa thuận là sao?

Đáp: Nếu có niềm vui nào bất chợt xảy đến khiến tất cả đều vui tươi hạnh phúc chẳng chỉ lời ăn tiếng nói dịu dàng êm ái dễ thương, mà còn mặt mày tươi tắn hiền hòa, nổi buồn lo biến mất. Trước hết nói lời an ủi vỗ về thăm hỏi mọi người: Quý vị hôm nay đến đây công việc có

đễ dàng phát triển tốt chăng? Cuộc sống có vui vẻ thoải mái chăng? Sống yên không bệnh hoạn và ăn ngủ ngon lành đấy chứ? Cứ như thế đem lại nguồn vui cho mọi người bằng những lời lẽ vui vẻ đầy nụ cười. Đó gọi là hòa thuận.

Hỏi: Cúng dường là sao?

Đáp: Cúng dường (bố thí) có hai loại: Một là cúng dường tiền của (tài thí). Hai là cúng dường pháp.

Thế nào là cúng dường tiền của? Là tùy ý thích mà dùng đủ các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, và vải vóc y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men, tiền của và mọi thứ vật dụng cần thiết hằng ngày đem cung cấp ban thí cho tất cả mọi người mặc tình sử dụng, chẳng bận lòng, vì người này có thể buông xả hết tất cả. Đó gọi là cúng dường tiền của.

Thế nào là cúng dường pháp? Là dùng các pháp như Tổ-đất-lãm, Tỳ-nại-da, hoặc A-tỳ-đạt-ma, hoặc các lời giảng thuyết dạy bảo của các Thân giáo sư, của các Luật sư, thầy Sư phạm, hoặc trong các Tạng kinh điển trao truyền dạy dỗ, hay là một điều gì khác đáng tin cậy..., mà đem ra cung cấp bố thí ban bố giúp đỡ cho tất cả mọi người khiến họ cũng như mình biết bố thí và buông bỏ tất cả... Đó gọi là cúng dường pháp. Gọi chung hai thứ này với một tên là cúng dường.

Lại có hai pháp: Đó là niệm đủ và biết đúng.

Hỏi: Thế nào là niệm đủ?

Đáp: Như y vào pháp thiện là xuất ly, xa lìa, như nghĩ các thứ, nghĩ tùy theo, nghĩ chuyên chú tập trung, nghĩ nhớ..., mà chẳng quên mất, bỏ sót, rơi rớt. Chẳng quên pháp tánh, tâm trí luôn sáng suốt ghi nhớ đầy đủ. Đó gọi là niệm đủ.

Hỏi: Thế nào là biết đúng?

Đáp: Như y vào pháp thiện là xuất ly, xa lìa. Đối với pháp chọn lựa thì chọn lựa cùng cực, chọn lựa rốt ráo tận cùng, nên hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần, hiểu khắp. Thấu suốt mọi điều quan yếu, phán xét lượng định kỹ lưỡng sáng suốt tuệ hạnh hiểu biết thông tỏ Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là biết đúng.

Lại có hai pháp: Đó là sức suy nghĩ chọn lựa và sức tu hành.

Hỏi: Thế nào là sức suy nghĩ chọn lựa?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Các thầy Bí-sô nên biết, các người đệ tử Phật nghe nhiều nên biết đó là học”.

Các việc làm ác do thân gây ra sẽ chiêu cảm các quả báo xấu dị thực cho hiện đời và cả đời sau. Cho hay nếu thân ta gây ra nhiều tội

ác thì hiện đời chính mình tự ghê tởm, tự hại đời mình, mà còn bị người khác, trời, thần, chư Phật chê trách, cũng như bị người trí và kẻ đồng tu phạm hạnh khinh ghét, và tiếng như sẽ đồn khắp thế gian. Sau khi chết sẽ bị đọa vào các đường dữ ở trong chốn địa ngục khổ não. Do biết được khi thân gây tội ác thì hiện đời và cả đời sau sẽ bị nhiều tội khổ, nên siêng năng gìn giữ không để thân gây tội ác nữa. Trái lại còn gia tâm siêng tu các hạnh nghiệp tốt của thân. Còn đối với nghiệp ác của lời nói và nghiệp ác của ý nghĩ thì nói rộng ra cũng như thế. Cho đến cần phải siêng năng tu tập các hạnh nghiệp tốt của lời nói và ý nghĩ. Nếu có thể thực hiện cái nhân về suy nghĩ chọn lựa như thế, thì nên nương nhờ vào suy nghĩ chọn lựa và trụ vào biết suy xét tuyển chọn kỹ lưỡng. Như thế, để luôn luôn đoạn dứt các pháp bất thiện. Trái lại tu hành đầy đủ các pháp thiện. Nói đó là biết suy nghĩ tuyển chọn, cũng gọi đó là sức, nên gọi là sức suy nghĩ chọn lựa.

Hỏi: Thế nào là sức tu hành?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Quý thầy Bí-sô nên biết, những đệ tử nghe nhiều (học nhiều) của Phật càng phải tu hành và nghĩ nhớ các giác chi (các điều tỉnh giác) nên nương nhờ vào sự chán sợ, nương nhờ vào sự chia lìa, nương nhờ vào sự diệt hết mà hưởng về sự buông xả. Hãy tu tập kỹ lưỡng các giác chi như: Sự chọn lựa, siêng, vui, nhẹ nhàng, định và buông xả..., nên nương nhờ vào sự chán sợ, nương nhờ vào sự chia lìa, nương nhờ vào sự diệt hết mà hưởng về sự buông xả. Nếu gây tạo cái nhân tu tập như thế, rồi nương nhờ vào tu tập và trụ vào tu tập để luôn đoạn dứt các pháp bất thiện, trái lại tu tập nhiều các pháp thiện. Nói đó là tu tập, cũng gọi là sức. Nên gọi là sức tu tập. Vì sao gọi là sức? Nếu với cái sức đó mà chúng ta nương nhờ vào nó và trụ vào nó thì có thể đoạn dứt, có thể nghiền nát, có thể phá tan các sự trói buộc chặt chẽ của tùy miên và sự ràng buộc của tùy phiền não cho nên gọi đó là sức.

Lại có hai pháp: Đó là chẳng biết giữ gìn căn môn và ăn chẳng biết lượng định.

Hỏi: Thế nào là chẳng biết giữ gìn căn môn?

Đáp: Các thầy Bí-sô nên biết, như Thế Tôn đã nói: Những phàm phu kém hiểu biết khi mắt nhìn thấy sắc, do nhãn căn nên giữ lấy cái tướng ham thích của mình, chẳng giữ gìn nhãn căn, rơi vào chỗ chẳng cảnh giác phòng hộ, nên lòng tham ái khởi lên, các mầm móng xấu ác từ tâm phát triển lớn nhanh. Đó là đối với nhãn căn chẳng biết phòng hộ bảo vệ, cho nên nói là chẳng biết giữ gìn nhãn căn. Vì chẳng giữ gìn

nhân căn, nên tham sân si sinh trưởng mạnh mẽ. Nói về tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như thế.

Vả lại, như nói về ý căn, khi ý hiểu biết các pháp, do ý căn nên chấp chặt lấy tướng tùy sự ham thích của mình, chẳng giữ gìn ý căn, rơi vào chỗ chẳng cảnh giác phòng hộ, nên lòng tham ái khởi lên bất chợt, thế là mầm mống xấu ác từ tâm phát triển lớn nhanh. Đó là đối với ý căn chẳng biết bảo vệ phòng hộ, cho nên nói là chẳng biết giữ gìn ý căn. Vì chẳng giữ gìn phòng hộ ý căn, nên tham sân si sinh trưởng mạnh mẽ.

Ấy là do phát khởi lên sự suy nghĩ chọn lựa chẳng đúng lý, nên khi mắt nhìn thấy các sắc, tai nghe các thứ tiếng, mũi ngửi các mùi, lưỡi nếm các vị, thân chạm xúc vật, ý hiểu các pháp... Với sáu cửa của sáu căn (căn môn) như thế mà chẳng được phòng hộ bảo vệ, chẳng canh chừng mọi thứ, chẳng canh chừng khắp mọi lúc mọi nơi, lại chẳng giấu kỹ, chẳng che, chẳng đậy, chẳng yên tĩnh vắng lặng, chẳng điều phục, chẳng giữ gìn, chẳng làm chủ được nó... Đó gọi là chẳng giữ gìn căn môn.

Hỏi: Ăn chẳng biết lượng là sao?

Đáp: Các thầy Bí-sô nên biết, như Thế Tôn đã nói: Người phàm phu kém hiểu biết chẳng biết suy nghĩ chọn lựa mà ăn. Vì sự mập béo khỏe mạnh, vì tánh phóng túng, vì dung mạo đẹp đẽ, vì dáng vẻ oai nghiêm..., mà ăn các thức ăn chẳng hề suy nghĩ lựa chọn, nghĩa là chẳng biết suy nghĩ chọn lựa cách đúng lý, mà cứ ăn càn những thức ăn gì chẳng cần biết.

Vì sự khỏe mạnh mập béo mà ăn, tức là một số người, khi ăn thì nghĩ: Ta ăn thức ăn này tất sẽ mập mập khiến thân khỏe mạnh có thể làm được những việc nặng nhọc, hoặc đảm trách những sự việc quan trọng, của cải sẽ có nhiều và sống lâu trên đời, có thể đập nát mọi kẻ thù và ngồi xe mà đi khắp chốn, rồi lại có thể nhảy xa ném mạnh, làm biết bao trò đùa ở chốn thế gian này...

Vì tánh phóng túng mà ăn, là một số người khi ăn thì nghĩ: Nay ta ăn những thức ăn này tất sẽ mập mập khiến ta thỏa chí oai vệ biết mấy. Với lòng kiêu kỳ, ta đứng lên là tất cả sẽ đứng theo, ta bày ra cái gì ở đâu cũng có, cứ thế mà qua mặt tất cả, rồi mặc tình mà vui thú, mặc sức tung hoành.

Vì dung mạo đẹp đẽ mà ăn, là một số người khi ăn thì nghĩ: Nay ta ăn thức ăn này tất sẽ rất bổ dưỡng sẽ khiến thân ta dung mạo đẹp đẽ tươi tắn, da dẻ mịn màng trơn láng...

Vì dáng vẻ oai nghiêm mà ăn, là một số người khi ăn thì nghĩ: Ta ăn thức ăn này tất sẽ rất bổ dưỡng, no đủ, khiến thân ta trở thành một hình dáng uy nghiêm đẹp đẽ bậc nhất, khiến tất cả mọi người đều phải mến yêu kính trọng.

Vì có nhiều người coi trọng sự ăn uống như vậy, nhưng các thức ăn đâu có giống nhau mà lại chẳng biết lượng định, cũng chẳng thông minh sáng suốt nên chẳng hiểu rõ sự tướng của nó cho nên không thể tự mình cắt giảm số lượng. Nên ta chỉ cứ thế mà ăn. Đó là ăn chẳng biết lượng.

Lại có hai pháp: Đó là hay giữ gìn căn môn và ăn biết lượng định.

Hỏi: Hay giữ gìn căn môn là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Có nhiều đệ tử Phật nghe nhiều, học nhiều, khi mắt nhìn thấy sắc là do nhãn căn, nhưng chẳng chấp giữ tướng đó, cũng chẳng chấp lấy sự ham thích, liền có thể giữ gìn được nhãn căn. Do có sự giữ gìn nên không khởi lên lòng tham ái, các việc xấu xa chẳng lành, cũng không tùy theo tâm mà sinh trưởng. Đó là biết phòng hộ bảo vệ nhãn căn. Do đó nên nói giỏi giữ gìn nhãn căn. Vì hay giữ gìn nhãn căn nên tham sân si chẳng khởi.

Tai, mũi, lưỡi, thân ý đều cũng như thế. Vả lại, như nói về ý căn. Khi ý đã hiểu các pháp là do ý căn, nhưng chẳng chấp lấy sự tướng của nó, cũng chẳng chấp lấy sự ham thích nên liền có thể giữ gìn được ý căn. Do có sự giữ gìn nên lòng tham ái không thể khởi lên được, các việc xấu xa chẳng lành, cũng không tùy tâm mà sinh trưởng. Đó là biết phòng hộ bảo vệ ý căn. Do đó nên nói là giỏi giữ gìn ý căn, vì giỏi giữ gìn ý căn nên tham sân si chẳng khởi.

Ấy là do phát khởi đúng lý sự biết suy xét chọn lựa. Khi mắt thấy các sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm các vị, thân chạm các vật, ý hiểu các pháp, đối với sáu căn môn đó mà giỏi giữ gìn phòng hộ hay canh chừng mọi lúc mọi nơi, hay giấu kín, hay che đậy, hay vắng lặng, hay điều phục kiểm chế, hay phòng hộ. Đó là giỏi giữ gìn căn môn.

Hỏi: Còn ăn biết lượng định là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các đệ tử đa văn của Đức Phật nên biết suy nghĩ chọn lựa mà ăn. Ăn chẳng vì mạnh khỏe mập béo, chẳng vì kiêu ngạo phóng túng, chẳng vì dung mạo đẹp đẽ, cũng chẳng vì hình dáng oai nghi, mà ăn chỉ vì tấm hình hài này, chỉ qua cơn đói khát tạm sống nơi đây để giữ gìn phạm hạnh mà ăn thức ăn

này. Vì muốn dứt bỏ lãnh thọ cũ nên không khởi ý thọ nhận cái mới, sống cuộc sống an lành vô tội, để được trụ vào nơi an lạc mà ăn thức ăn này. Hay biết suy xét chọn lựa mà ăn, là trụ vào đúng lý đã kể biết suy xét chọn lựa mà ăn thức ăn này.

Chẳng vì sự mạnh khỏe béo mập mà ăn, tức chẳng phải như một số người khi ăn thì nghĩ: Ta ăn thức ăn này tất sẽ béo mập ra khiến thân ta mạnh khỏe, có thể làm các việc nặng nhọc và đảm trách các sự việc quan trọng, có nhiều tiền của và sống lâu trên cõi đời này. Lại có thể đập nát mọi kẻ thù và dong ngựa xe đi khắp nơi, có thể phóng xa nhảy cao và làm biết bao trò đùa ở thế gian này.

Chẳng vì kiêu ngạo phóng túng mà ăn, tức là chẳng phải như một số người khi ăn thì nghĩ: Ta ăn thức ăn này tức sẽ mập mạp khiến cho ta phỉ chí anh hào oai vệ biết mấy! Với lòng kiêu kỳ hể muốn đứng lên thì tất cả đều đứng, muốn sinh ra thì tất cả đều sinh, liên tục như thế mà vượt qua tất cả, rồi mặc tình vui thú, mặc sức tung hoành.

Chẳng vì dung mạo đẹp đẽ mà ăn, tức là chẳng như một số người khi ăn thì nghĩ: Ta ăn thức ăn này tất sẽ rất bổ dưỡng khiến cho thân ta dung mạo đẹp đẽ tươi tắn, da dẻ mịn màng trơn láng.

Chẳng vì dáng vẻ oai nghiêm mà ăn, tức chẳng như một số người khi ăn thì nghĩ: Ta ăn những thức ăn này tức sẽ bổ dưỡng no đủ, sẽ khiến thân ta trở thành một hình dáng uy nghiêm đẹp đẽ bậc nhất, khiến tất cả mọi người đều phải kính trọng mến yêu.

Chỉ vì thân hình này tạm sống chốn này mà ăn thức ăn này, nghĩa là thân thể cũng gọi là danh sắc, thân căn cũng gọi là thân, phần sắc của năm căn cũng gọi là thân, bốn đại đất, nước, gió, lửa hợp lại tạo nên cũng gọi là thân. Với ý nghĩa nói là do bốn đại hợp lại tạo thành thân nên các đệ tử của chư Phật khi ăn thì chỉ nghĩ ta ăn thức ăn này để bốn đại hợp lại tạo nên thân này. Tạm ở mà ở vậy, chứ chỗ ở gần nhất, cần thiết nhất là an trụ, cho nên gọi là tạm trú. Các đệ tử Phật khi ăn chỉ nghĩ ta ăn thức ăn này để khiến cho thân do tứ đại hợp lại tạo nên được sống còn. Tùy cuộc sống nên chỗ nào cần giữ gìn thì giữ gìn bảo hộ, chỗ nào cần thay đổi chuyển biến thì chuyển biến, cho nên gọi là cuộc sống.

Chỉ vì muốn chấm dứt sự đói khát mà ăn. Vì sự đói khát ở đây gây nên khổ sở nên nói là đói khát. Các đệ tử Phật khi ăn thì chỉ nghĩ: Ta ăn thức ăn này là cốt để sự đói khát gây khổ tạm thời dừng lại, không gây khổ nào nữa.

Chỉ vì việc tu trì phạm hạnh mà ăn, tức là lia bỏ dâm dục cũng

gọi là phạm hạnh, tu tám chánh đạo cũng gọi là phạm hạnh. Nghĩa ở đây nói thì tu tám chánh đạo gọi là phạm hạnh. Các đệ tử Phật khi ăn thì chỉ nghĩ: Vì muốn tu trì, tùy thuận làm lợi ích đối với tám chánh đạo mà thôi.

Vì để dứt sự lãnh thọ cũ và chẳng dám khởi lên lãnh thọ mới mà ăn, tức là do điều kiện duyên không ăn mà chịu khổ, nên gọi là lãnh thọ cũ, còn do duyên ăn, mà chịu khổ, nên gọi là lãnh thọ mới. Các đệ tử Phật khi ăn chỉ nghĩ ta ăn thức ăn này là vì đoạn dứt lãnh thọ cái cũ, và chẳng khởi lên lãnh thọ cái mới, chứ chẳng phải là vì muốn được vui sướng hay vì muốn cuộc sống không tội lỗi mà ăn thức ăn này.

Cuộc sống có hai thứ, đó là cuộc sống có tội và cuộc sống không tội lỗi.

Thế nào là cuộc sống có tội? Như có một số người xảo trá dối lừa mà làm ra vẻ thiết tha cảm động, tối mắt vì lợi, chỉ biết kiếm lợi cầu được ăn uống. Với phương cách hư vọng như thế khi được ăn uống rồi thì khoái chí ta đây mặc tình ham ăn, mê muội tham ái, đắm chấp mãi chẳng buông bỏ, không thấy được lỗi lớn của mình đã làm, chẳng biết tìm cách thoát ra..., như thế gọi là cuộc sống có tội.

Thế nào là cuộc sống không tội lỗi? Chẳng phải như kẻ dối lừa xảo trá kia làm ra vẻ thành thật tha thiết, chỉ biết có lợi và chỉ cắm vào kiếm lợi để mong được ăn uống. Dùng phương tiện như thật khi được ăn uống rồi thì đúng pháp mà thọ dụng, chẳng hề tham ái mê muội, chẳng đắm mê đắm trước, thấy được lỗi mình đã qua mà cố tìm cách ra khỏi, giải thoát. Đó gọi là cuộc sống không tội lỗi như thế mà ăn thức ăn này.

Vì mong được an vui mà ăn, là các hàng đệ tử Phật khi ăn thì chỉ nghĩ: Vì muốn cho sức khỏe của thân không bị giảm sút suy nhược và tâm thần tỉnh táo vui vẻ để làm mọi việc thiện.

Vì muốn được an trụ mà ăn, tức là các hàng đệ tử Phật khi ăn chỉ biết nghĩ ăn thức ăn này là để các việc đi đứng ngồi nằm và học tập đọc tụng hay tu thiền định được thân tâm an lạc yên ổn. Các người như thế thì không hề quý chuộng việc ăn uống. Đối với các việc ăn uống luôn coi là bình thường. Và có tánh biết lượng định hạn chế, có trí tuệ minh mẫn sáng suốt, do đó mà giỏi hiểu rõ sự tướng của nó. Khi đã hiểu rõ rồi thì tự biết cắt giảm: ta nên chỉ ăn như thế thôi. Đó là ăn biết lượng định.

Lại có hai pháp: Tức là mất giới và mất kiến.

Hỏi: Thế nào là mất giới?

Đáp: Tức là giết hại, trộm cướp và tà dâm, nói dối, nói lời ly gián chia lìa, nói lời dữ dằn thô tục, nói lời nhơ bẩn.

Lại nữa, hoặc giết hại, hoặc trộm cướp, hoặc tà dâm, chẳng phạm hạnh, lại như các người chẳng có giới thiện (giới bất thiện), các người chẳng có giới đúng lý mà nói, các người có giới thiện định bị chướng ngại thì đó là mất (thiếu) giới.

Tại sao gọi là mất giới? Việc việc mất giới, tự tánh của nó chẳng đáng ưa thích, chẳng đáng vui, chẳng đáng mừng, chẳng đáng để ý, chẳng được an ổn, chẳng ngay thẳng, chẳng đáng mừng vui, chẳng vừa ý thỏa lòng, và trái chính lý.

Hơn nữa việc đó khiến có các quả chẳng đáng mến thích, quả chẳng đáng vui, quả chẳng đáng mừng, quả chẳng đáng để ý, quả chẳng ngay thẳng, quả chẳng đáng mừng vui, quả chẳng vừa ý thỏa lòng và trái chánh lý.

Lại nữa, việc đó hay chiêu cảm các báo dị thực chẳng đáng mến thích, báo dị thực chẳng đáng vui, báo dị thực chẳng đáng mừng, báo dị thực chẳng đáng để ý, báo dị thực chẳng an ổn, báo dị thực chẳng ngay thẳng, báo dị thực chẳng đáng mừng vui, báo dị thực chẳng vừa ý, báo dị thực trái chính lý. Nên gọi là mất giới.

Hỏi: Thế nào là mất kiến?

Đáp: Có những người có thấy mà chẳng bố thí, không có ái thân, không có cúng tế, không có hạnh khéo đẹp, không có hạnh ác, không có nghiệp quả dị thực của hạnh diệu và hạnh ác, không có đời này, không có kiếp khác, không cha, không mẹ, không có loài sinh hóa hữu tình, không có quả A-la-hán, chánh chí chánh hạnh thế gian tức là đời này và đời khác. Tự thấu suốt làm quả chứng và được chứng quả hiểu biết: “Đời sống ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng thọ thân sau”.

Lại còn có những người có cái thấy chẳng lành, có những kẻ có cái thấy chẳng đúng lý mà nói, có những kẻ có cái thấy gây chướng ngại cho thiện định. Đó là mất kiến.

Tại sao gọi là mất kiến? Tự tánh của pháp này chẳng đáng mến thích..., đến..., trái với chánh lý. Lại vì việc đó bị quả chẳng đáng mến thích..., cho đến..., quả trái chánh lý.

Lại còn việc đó hay chiêu cảm các báo dị thực chẳng đáng mến thích..., đến..., báo dị thực trái chánh lý. Nên gọi là mất kiến.

Cũng như mất giới mất kiến, về phá giới phá kiến cũng như thế, nên biết.

Lại có hai pháp: Đó là đủ giới và đủ kiến.

Hỏi: Thế nào là đủ giới?

Đáp: Tức là lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ tà dâm, lìa bỏ nói dối, nói ly gián, nói lời dữ dần thô tục, và nói nhơ nhớp. Lại còn lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ phi phạm hạnh (tà dâm).

Lại còn có những kẻ có giới học, những kẻ có giới vô học, và những kẻ có giới giỏi về chẳng phải học và chẳng phải vô học. Đó là đủ giới.

Vì sao gọi là đủ giới? Vì tự tánh của pháp đó là đáng mến thích, đáng vui, đáng mừng, đáng để ý, đáng an ổn, ngay thẳng, đáng vui mừng, ý thuận theo chánh lý.

Lại còn pháp đó có thể khiến được quả đáng mến thích, quả đáng vui, quả đáng mừng, quả đáng để ý, quả được an ổn, quả ngay thẳng, quả đáng mừng vui, quả ý thuận theo chánh lý.

Lại còn pháp này có thể chiêu cảm các báo dị thực đáng mến thích, báo dị thực đáng vui, báo dị thực đáng mừng, báo dị thực đáng để ý, báo dị thực an ổn, báo dị thực ngay thẳng, báo dị thực đáng mừng vui, báo dị thực thuận theo chánh lý. Nên gọi là đủ giới.

Hỏi: Thế nào là đủ kiến?

Đáp: Các cái thấy có bố thí, có ái thân, có cúng tế, có hạnh diệu, có hạnh ác, có nghiệp quả dị thực của hạnh diệu và hạnh ác. Có đời này và có đời khác, có mẹ, có cha, có loài hữu tình hóa sinh, có bậc chứng chánh chí chánh hạnh A-la-hán ở thế gian. Tức là tự thấu suốt được đời này và đời khác, đã chứng quả đầy đủ, đúng như thật mà chứng biết: “Đời sống ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận thân đời sau”.

Lại còn có những kẻ thấy có học, có những kẻ thấy vô học, có những kẻ khéo thấy chẳng phải học chẳng phải vô học. Đó là đủ kiến.

Vì sao gọi là đủ kiến? Vì tự tánh của pháp đó đáng mến thích... cho đến quả trái với chánh lý. Lại vì việc đó bị quả chẳng đáng mến thích..., cho đến quả thuận theo chánh lý.

Lại nữa, vì pháp này chiêu cảm được báo dị thực đáng mến thích... cho đến báo dị thực thuận theo chánh lý cho nên gọi là đủ kiến.

Về tịnh giới và tịnh kiến cũng giống như đủ giới và đủ kiến, nên biết.

Lại có hai pháp: Đó là thấy đúng và như lý thù thắng.

Hỏi: Thế nào là thấy đúng?

Đáp: Tức là nương vào pháp thiện và xuất ly, xa lìa. Đối với pháp

thiện chọn lựa thì phải chọn lựa cùng cực, chọn lựa tốt bậc. Hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần, hiểu khắp. Thấu suốt các điều quan yếu, phán xét lượng định kỹ lưỡng sáng suốt, tuệ hạnh hiểu biết thông tỏ Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Thế nào là như lý thù thắng?

Đáp: Như bảo có thầy Bí-sô đúng như sự thấy của ông ta, như do hình tướng của các hạnh là như thế, nên thấy rõ ở thế gian các việc chưa sinh rồi sẽ sinh. Rồi đúng lý mà suy xét các tướng mạo hình dạng của các hạnh như thế, liền khiến cho Thánh đạo khởi lên các việc cần khởi, sinh ra các điều cần sinh, chuyển đổi ngay với các việc cần chuyển đổi và tu tập cho đến khi thấy rõ ra. Đó gọi là đạo như lý thù thắng.

Lại nữa, nếu có Bí-sô như sự thấy của mình: Như do các hình tướng của các hạnh như thế, pháp thiện là tùy theo một pháp xuất ly và xa lìa, việc chưa sinh rồi sẽ sinh ra, người đó đúng như lý mà suy nghĩ xét các tướng mạo hình dạng của các hạnh như thế. Vì do người ấy đúng lý mà suy xét các tướng mạo hình trạng của các hạnh nên khiến Thánh đạo khởi lên sinh ra mọi thứ, sinh ra những điều chuyển đổi ngay hiện đời mà chuyển đổi và tu tập rõ. Đó gọi là đạo như lý thù thắng. Hai tên đó gọi chung là Như lý thù thắng.

Lại có hai pháp: Đó là chán đúng và như lý thù thắng.

Hỏi: Thế nào là chán?

Đáp: Là y vào bốn thứ chán đúng pháp mà sinh ra chán sợ.

Hỏi: Thế nào là như lý thù thắng?

Đáp: Tức là do chánh tư duy (suy nghĩ đúng) mà dẫn đến việc sinh ra Thánh đạo. Bốn pháp chánh đúng pháp là gì? Đó là:

1. Do mình suy tổn và chán đúng pháp.
2. Do người khác suy tổn mà chán đúng pháp.
3. Do mình hưng thịnh mà chán đúng pháp.
4. Do người khác hưng thịnh mà chán đúng pháp.

Y vào “Do mình suy tổn mà chán đúng pháp”, mà sinh ra sự chán như lý thù thắng, là như có một số người tự thấy: Mình có thân làm việc ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác cuối cùng đã nhiều quá mức, nên nghĩ ta nhân sống quá buông lung, nương vào buông lung rồi trụ vào buông lung, do đó mà càng buông lung, nên gây tạo ra biết bao điều ác. Ta nay nên khiến cho các điều xấu ác đó, cái nào chưa sinh thì khiến đừng sinh, cái nào đã sinh ra thì phải đoạn dứt hẳn. Do đó mà ý thoát ra rất mạnh mẽ, cho đến sinh ra chán sợ. Đó gọi là chán. Đã chán sợ rồi thì đúng như lý mà suy tư tìm xét khiến cho Thánh đạo khởi lên sinh ra

mọi thứ, và chuyển đổi ngay hiện đời bày ra việc tu hành. Đó là Đạo Như lý thù thắng. Như thế gọi là y vào sự mình suy tổn mà chán đứng lý thù thắng.

Y vào việc người khác suy tổn mà chán đứng pháp, sinh ra sự chán sợ như lý thù thắng là như có một số người tự thấy người khác có thân làm ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ điều ác, cuối cùng đã nhiều quá mức liền nghĩ: Người ấy do buông lung, nường vào buông lung rồi trụ vào buông lung, do đó càng buông lung, mà tạo ra các điều xấu ác đó. Nay đối với các điều xấu ác chẳng thiện đó, nếu cái nào chưa sinh thì đừng để sinh ra, cái nào sinh ra rồi thì phải đoạn dứt hẳn. Người ấy do đó mà có ý ra khỏi rất mạnh mẽ. Do đó dẫn đến sinh ra chán sợ, nên gọi là chán. Khi đã sinh ra chán rồi thì đúng như Lý là suy tư tìm xét, nên khiến cho Thánh đạo khởi lên sinh ra mọi thứ, và chuyển đổi ngay hiện đời mà bày ra việc tu hành. Đó gọi là Đạo Như lý thù thắng. Như thế gọi là y vào sự suy tổn của người khác mà chán đứng lý thù thắng.

Y vào sự hưng thịnh của mình chán đứng pháp mà sinh ra sự chán như lý thù thắng. Như nói có một số người tự thấy rằng: Mình có thân làm hạnh tốt, miệng nói lời tốt, ý nghĩ tốt..., cuối cùng đã được tròn đầy thuần phục. Liền nghĩ: Ta nhân chẳng sống buông lung, nường vào không buông lung rồi trụ vào không buông lung. Do chẳng buông lung này mà làm được các việc tốt đẹp cao thượng như thế. Nay ta nên khiến các điều tốt đẹp cao thượng ấy cái nào chưa sinh thì phải sinh ra, cái nào sinh ra rồi thì càng rộng nhiều gấp bội. Người ấy do đó mà có ý xuất ly mạnh mẽ nên sinh ra chán sợ. Đó gọi là chán. Sinh ra chán rồi thì đúng lý mà suy tư tìm xét liền khiến Thánh đạo khởi lên sinh ra các thứ, sinh ra sự chuyển đổi ngay hiện đời và sự việc tu hành rõ ra. Đó là Đạo Như lý thù thắng. Như thế gọi là y vào sự mình hưng thịnh mà chán đứng lý thù thắng.

Y vào sự hưng thịnh của người khác mà thuận chán đứng pháp, mà sinh ra sự chán như lý thù thắng, tức là như có một số người tự thấy người khác có thân làm điều tốt, miệng nói điều tốt, ý nghĩ tốt, cuối cùng đã được tròn đầy thuần thực, liền nghĩ: Người ấy nhân chẳng sống buông lung phóng túng, nường vào chẳng buông lung và trụ vào chẳng buông lung, do chẳng buông lung mà làm được các điều tốt đẹp cao thượng này. Ta nay nên khiến các điều tốt đẹp cao thượng ấy, cái nào chưa sinh thì phải sinh ra, cái nào đã sinh thì càng thêm rộng lớn gấp bội. Người ấy do đó mà có ý xuất ly càng mạnh mẽ nên dẫn đến sự chán sợ. Đó gọi là chán sợ. Khi đã sinh chán rồi thì đúng lý mà suy tư tìm,

khuyến cho Thánh đạo khởi lên sinh ra mọi thứ, và sinh ra sự chuyển đổi ngay trong hiện đời và sự việc tu hành hiện rõ ra. Đó gọi là Đạo Như Lý thù thắng. Như thế gọi là y vào sự hưng thịnh của người khác mà chán đúng lý thù thắng.

Lại có hai pháp: Đó là đối với pháp thiện chẳng mừng đủ và đối với pháp đoạn chẳng ngăn trở.

Hỏi: Đối với pháp thiện chẳng mừng là đủ là sao?

Đáp: Đối với pháp thiện chẳng nên mừng cho là đủ, tức là như có một hạng người chỉ mới được một chút giới liền mừng là đủ, chỉ giữ được ít điều cấm liền mừng là đủ, chỉ mới lìa dục liền mừng là đủ, chỉ mới được quán bất tịnh liền mừng là đủ, chỉ mới được các niệms tư tức liền mừng là đủ. Hoặc chỉ mới được sơ thiền cho đến đệ tứ thiền liền mừng là đủ. Hoặc chỉ mới được Từ vô lượng cho đến Xả vô lượng (Từ, Bi, Hỷ, Xả) liền mừng là đủ. Hoặc chỉ mới được định Không vô biên xứ cho đến định Phi tưởng Phi phi tưởng xứ liền mừng là đủ. Hoặc chỉ mới được quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, liền mừng là đủ, hoặc chỉ mới được Thần thông cảnh chứng trí Thiên nhĩ thông chứng trí, Tha tâm thông chứng trí, Túc trụ tùy niệms thông chứng trí, Tử sinh thông chứng trí, liền mừng cho là đủ. Những thứ đó đều gọi là đối với pháp thiện mừng là đủ.

Hỏi: Còn đối với pháp thiện chẳng mừng là đủ thì thế nào?

Đáp: Như có một số người chẳng chỉ được một ít giới liền mừng là đủ. Rộng nói đến chẳng phải chỉ được Tử sinh thông chứng trí liền mừng là đủ.

Kẻ ấy nghĩ: Ta tu các pháp thiện cho đến khi chưa chứng được quả A-la-hán, thì trong suốt thời gian ấy trọn không nên mừng cho là đủ. Đó gọi là đối với pháp thiện chẳng nên mừng cho là đủ.

Hỏi: Còn đối với pháp đoạn diệt không bị ngăn trở là sao?

Đáp: Đối với pháp đoạn diệt không bị ngăn trở đó là: Như có một số người vì muốn đoạn dứt pháp chẳng thiện và vì muốn làm tròn đủ pháp thiện..., nên mạnh mẽ tinh tấn hăng hái ham thích siêng năng ân cần tu tập mãi không nghỉ, và có ý nghĩ: Làm thế nào để ta mau chóng được chứng các pháp thiện đúng lý. Do đó người ấy càng mạnh mẽ tinh tấn hăng hái ham thích siêng năng ân cần tu tập mãi, trong khi ấy, vẫn chưa chứng được các pháp thiện đúng lý, liền nghĩ: Ta đã tu pháp đoạn (các pháp bất thiện) mà lại phí uổng công sức, không có kết quả, chẳng lợi ích, vô nghĩa lý, chẳng thú vị gì, thật là vô ích. Do đó mà kẻ ấy đối với đoạn không có thắng lợi, liền chê bai chế nhạo. Như thế gọi là đối

với pháp đoạn bị ngăn trở.

Lại một hạng người vì muốn đoạn dứt pháp chẳng thiện và vì muốn thực hiện tròn đủ các pháp thiện, nên mạnh mẽ tinh tấn hăng hái ham thích siêng năng tu hành mãi chẳng dừng, và nghĩ: Làm thế nào để ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý? Rồi người ấy mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng ân cần tu tập... nhưng trong khi chưa chứng được các pháp thiện đúng lý, hoặc đã chứng rồi nhưng chẳng hay biết, rồi liền nghĩ: Ta tu pháp đoạn diệt thật là phí công uổng sức, không có kết quả, chẳng lợi ích, vô nghĩa lý, chẳng thú vị gì, thật là vô ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn không được thắng lợi, liền sinh ra chán nản rồi chệch bại chế nhạo. Như thế cũng gọi là đối với pháp đoạn bị ngăn trở.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 3

Phẩm 3: HAI PHÁP, Phần 3

Đối với pháp đoạn không bị ngăn trở, là như có một số người vì muốn đoạn trừ các pháp bất thiện và hoàn thành tròn đủ các pháp thiện nên mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích, siêng năng ân cần tu tập mãi chẳng thôi. Rồi nghĩ: “Làm thế nào để ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý”. Nên người ấy mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng tu tập. Trong khi ấy thì chưa chứng được các pháp thiện đúng lý, liền nghĩ: Như lời Thế Tôn nói thì không có điều nào chẳng đáng nghe theo. Này các nam tử! hãy nên siêng năng tu tập chánh hạnh nhưng chẳng chứng được các pháp thiện đúng lý, ấy là do việc tu hành của ta chưa được đầy đủ, thế nên chưa chứng được các pháp thiện đúng lý mà thôi. Chứ thật ra việc tu hành pháp đoạn trừ của ta chẳng uổng phí công lao. Chắc chắn nhất định là có kết quả có lợi, có ý nghĩa, thú vị và rất có ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn đạt được thắng lợi, nên chẳng sinh lòng chán nản mà chê bai trách móc. Ấy gọi là đối với pháp đoạn không bị ngăn trở.

Lại có một số người vì muốn đoạn trừ pháp bất thiện và muốn hoàn thành trọn vẹn các pháp thiện, nên mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng tu mãi chẳng thôi, và nghĩ: “Làm thế nào để ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý”. Do đó người ấy mạnh mẽ tinh tấn hăng hái ham thích siêng năng tu tập mãi chẳng dừng. Trong khi ấy chưa chứng được các pháp thiện đúng lý, hoặc tuy đã chứng được nhưng chẳng hay biết, liền nghĩ: Như lời Thế Tôn nói chẳng có lời nào chẳng được tuân hành nghe theo: Này các Thiện nam đang siêng năng tu chánh hạnh, nhưng chẳng chứng được các pháp thiện đúng lý, ấy là vì việc tu chánh hạnh của ta chưa thật đầy đủ, do đó mà chưa chứng được các pháp thiện đúng lý. Nhất định rằng việc tu pháp đoạn của ta không hề phí công vô ích, nó có kết quả lợi ích, nó có nghĩa lý và rất thú vị

hữu ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn đạt được thắng lợi, nên không sinh lòng chán nản mà chê bai trách móc. Đó là đối với pháp đoạn không bị ngăn trở.

Lại có một số người vì muốn đoạn trừ các pháp bất thiện và thực hiện đầy đủ các pháp thiện, nên mạnh mẽ tinh tấn, hăng hái ham thích, siêng năng tu tập mãi chẳng dừng, mà nghĩ: “Làm thế nào ta nhanh chóng chứng được các pháp thiện đúng lý”. Nên người ấy mạnh mẽ, tinh tấn, hăng hái ham thích siêng năng tu tập. Trong lúc đó thì chứng được các pháp thiện đúng lý, liền nghĩ: Nhất định việc tu pháp đoạn của ta không hề luống uổng phí công, nó có kết quả lợi ích, có ý nghĩa thú vị và hữu ích. Do đó mà người ấy đối với pháp đoạn đạt được thắng lợi, nên chẳng sinh lòng chán nản và chê bai trách móc. Đó gọi là đối với pháp đoạn chẳng bị ngăn trở.

Lại có hai pháp: Đó là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Thế nào là Xa-ma-tha?

Đáp: Tức là khéo chú tâm vào một cảnh.

Hỏi: Thế nào là Tỳ-bát-xá-na?

Đáp: Là tương ứng với Xa-ma-tha. Đối với pháp chọn lựa thì nên chọn lựa cùng cực và chọn lựa cùng cực tốt bậc. Cùng hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần và hiểu khắp. Thấu suốt các điều quan yếu, phán xét lượng định thật kỹ lưỡng sáng suốt. Tuệ hạnh hiểu biết thông minh mẫn tuệ Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Tỳ-bát-xá-na. Như Thế Tôn có kệ:

Chẳng có định không tuệ

Chẳng có tuệ không định

Cần có định và tuệ

Mới chứng được Niết-bàn.

Chẳng có định nào mà không tuệ là nếu có một loại tuệ như thế, tất phải có được một thứ định như thế. Nếu không có lợi tuệ đó, tức nhiên cũng chẳng có được thứ định như thế, cho nên nói chẳng có định nào mà không tuệ.

Chẳng có tuệ nào mà không định, nghĩa là nếu tuệ mà có được là do định sinh ra, vì định là sự tập trung. Vậy dù là thứ định nào thì đều phải do yên định tập trung mà sinh ra. Do đó mà, với cái định như thế thì sẽ được cái tuệ như thế, còn nếu không có định thuộc loại nào thì cũng sẽ không có được tuệ thuộc loại đó được. Nên nói: “Chẳng có tuệ nào mà không có định”.

Cần có tuệ và định, mới chứng được Niết-bàn, nghĩa là khi ái dục đã dứt hết thì gọi là Niết-bàn. Khi đó cần phải đủ cả định và tuệ thì mới

được chứng đắc, nếu trong đó, thiếu một thứ thì không thể chứng được. Do đó mà nói là: Cần có định có tuệ mới chứng được Niết-bàn.

Lại nữa, hoặc có Bồ-đặc-già-la chỉ được nội tâm yên dứt, nhưng chưa được tuệ quán cao thượng, hoặc có Bồ-đặc-già-la được tuệ quán cao thượng nhưng chưa được nội tâm yên dứt, hoặc có Bồ-đặc-già-la chẳng được nội tâm yên dứt mà cũng chẳng được tuệ quán cao thượng, hoặc có Bồ-đặc-già-la được cả nội tâm yên dứt và tuệ quán cao thượng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la chỉ được nội tâm yên dứt mà chưa được tuệ quán cao thượng? Như Bồ-đặc-già-la được tứ thiền của thế gian mà chưa được Thánh tuệ xuất thế.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la chỉ được tuệ quán cao thượng mà chưa được nội tâm yên dứt? Như Bồ-đặc-già-la chỉ được Thánh tuệ xuất thế mà chưa được tứ thiền của thế gian.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la chẳng được nội tâm yên dứt mà cũng chẳng được tuệ quán cao thượng? Như Bồ-đặc-già-la chẳng được tứ thiền thế gian mà cũng chẳng được Thánh tuệ xuất thế.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la được cả nội tâm yên dứt và được tuệ quán cao thượng? Như Bồ-đặc-già-la được cả tứ thiền thế gian và được cả Thánh tuệ xuất thế.

Như nói khi tứ thiền thế gian đã tương ứng thì tâm trụ đều được trụ tất cả, nơi trụ cần thiết gần nhất là an trụ. Không hề tán loạn nhiếp giữ thoi dứt đều được hộ trì gìn giữ.

Chú tâm vào một cảnh, đó là chỉ rõ nội tâm được yên dứt.

Như khi nói được Thánh tuệ gồm sáu thức là đối với pháp chọn lựa thì chọn lựa cùng cực và chọn lựa cùng cực tột bậc. Hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần, hiểu khắp. Thông suốt mọi điều quan yếu, phán xét lượng kỹ lưỡng sáng suốt. Tuệ hạnh hiểu biết thông minh mẫn tiệp Tỳ-bát-xá-na. Đây là chỉ rõ tuệ quán cao thượng, đó gọi là Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na.

Lại có hai pháp: Đó là minh và giải thoát.

Hỏi: Thế nào là minh?

Đáp: Đó là ba thứ minh vô học. Ba thứ minh nào? Ấy là:

1. Là minh vô học túc trụ tùy niệm trí tác chứng.
2. Là minh vô học tử sinh trí tác chứng.
3. Là minh vô học lậu tận trí tác chứng. Đó gọi là ba minh.

Hỏi: Thế nào là giải thoát?

Đáp: Có ba thứ giải thoát. Ba thứ giải thoát nào? Đó là:

1. Là tâm giải thoát.
2. Là tuệ giải thoát.

3. Là vô vi giải thoát.

Tâm giải thoát, tức là tâm tương ứng với căn thiện không tham, đã được hiểu rõ (thắng giải), sẽ được hiểu rõ và đang được hiểu rõ. Đó gọi là tâm giải thoát.

Tuệ giải thoát, tức là tâm tương ứng với căn thiện không ngu si, đã được hiểu rõ, sẽ được hiểu rõ và đang được hiểu rõ. Đó là tuệ giải thoát.

Vô vi giải thoát tức là trạch diệt. Đó gọi là vô vi giải thoát.

Trong đó, tâm giải thoát lại có học, vô học và phi học phi vô học.

Tâm giải thoát học là sao? Tức là tâm tương ứng với căn thiện không tham, có học đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, đang hiểu rõ.

Tâm giải thoát vô học là sao? Tức là tâm tương ứng với không tham, vô học, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ.

Tâm giải thoát phi học phi vô học là sao? Đó là tâm tương ứng với căn thiện, không tham hữu lậu, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, và đang hiểu rõ. Ấy là phi học phi vô học.

Tuệ giải thoát cũng có học, hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học.

Tuệ giải thoát có học là sao? Tức là tâm tương ứng với căn thiện, không ngu si có học, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ.

Tuệ giải thoát vô học là sao? Tức là tâm tương ứng với căn thiện, không ngu si vô học, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ.

Tuệ giải thoát chẳng phải học, chẳng phải vô học là sao? Ấy là tâm tương ứng với căn thiện, không ngu si hữu lậu, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ và đang hiểu rõ. Đó là chẳng phải học chẳng phải vô học.

Vô vi giải thoát chỉ có chẳng phải học chẳng phải vô học. Đó gọi là minh giải thoát.

Lại có hai pháp: Đó là trí tận và trí vô sinh.

Hỏi: Trí tận là sao?

Đáp: Tức là biết như thật: Ta đã biết Khổ, ta đã đoạn trừ Tập, ta đã chứng Diệt và ta đã tu Đạo. Đây là chỗ sinh ra trí thấy sáng suốt và giải tuệ sáng suốt. Đó gọi là trí tận.

Hỏi: Trí vô sinh là sao?

Đáp: Tức là biết như thật: Ta đã biết Khổ không cần biết nữa. Ta đã chứng Diệt không cần phải chứng nữa. Ta đã tu Đạo không cần phải tu nữa. Đây là chỗ sinh ra trí sáng suốt và giải tuệ sáng suốt. Đó gọi là trí vô sinh.

Lại còn, nếu đã biết đúng như thật đã diệt hết dục lậu, hữu lậu và

vô minh lậu thì đó là trí tận, còn như thật mà biết sự diệt hết ba thứ lậu vừa kể là đã hết sạch không còn sinh lại nữa thì đó là trí vô sinh.

Lại còn, nếu đúng như thật mà biết đã diệt hết tất cả sự trói buộc của các kết phược tùy miên và tùy phiền não, thì gọi là trí tận. Còn đúng như thật mà biết đã diệt hết tất cả sự trói buộc của các kết phược tùy miên tùy phiền não và chúng không còn khởi lên nữa, thì đó là trí vô sinh.

Phẩm 4: BA PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Tất cả quý thầy nên biết: Đức Phật tự mình đã thấu suốt về ba pháp, rồi vì các hàng đệ tử đem ra giảng dạy chỉ bày. Chúng ta nay nên hòa hợp mà kết tập lại kỹ lưỡng, để khi Phật diệt độ thì không có sự tranh cãi sau này. Và nên khiến mọi người cần hòa thuận tuân giữ pháp luật và phạm hạnh thanh tịnh để tạo lợi lạc lâu dài cho vô số loài hữu tình. Thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thọ hưởng các phước báo an lạc thù thắng. Ba pháp đó là gì? Có năm bài kệ tụng.

Bài kệ (Ôt-đà-nam) thứ nhất nói:

Ba pháp đầu có mười

Là: căn, tâm, hành, giới

Ba pháp trước có hai

Một pháp sau có bốn.

Có ba căn bất thiện và ba căn thiện, ba tâm bất thiện và ba tâm thiện, ba hạnh ác và ba hạnh diệu. Có nhiều thứ ba giới:

Ba giới: Dục, giận và hại.

Ba giới: Xuất ly, không giận, không hại.

Ba giới: Dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Ba giới: Sắc, vô sắc và diệt.

Ba căn bất thiện: Đó là tham lam, sân giận, si mê.

Hỏi: Căn bất thiện tham là sao? Tham là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với các dục cảnh mà tham lam, ham muốn tất cả, cầm giữ cất giấu, phòng hộ giữ gìn, chấp chặt, mền mê, ham thích, mê muội, đam mê ham thích, đam mê ham thích khắp cả, rồi trói buộc nội tâm, ước muốn, mong cầu, ham đắm, chiêu tập các khổ, là loài tham lam, thứ sinh ra tham lam..., gọi chung là tham.

Thế nào là căn bất thiện? Tức là sự tham lam này có tánh bất

thiện vì nó hay gây ra vô số các gốc chẳng thiện khác, nên nó là gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc khổ sâu, gốc nhớ nhớp, gốc các tạp nhiễm, gốc chẳng trong sạch, gốc chẳng mát trong. Thế nên gọi là căn bất thiện tham.

Hỏi: Căn bất thiện sân là sao? Sân là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với các loài hữu tình muốn gây ra sự tổn hại. Lòng luôn ôm ấp sự tàn hại, muốn gây sự sầu não đau khổ cho mọi người. Đã từng sân giận, sẽ sân giận, hiện đang sân giận, ưa gây tội lỗi, luôn luôn thích gây tội ác, lòng luôn hờn giận cùng cực. Đối với các loài hữu tình luôn trái nhau và đột nhiên lại gây bao khổ nạn tội ác. Đã từng gây tội ác, sẽ gây tội ác và hiện đang gây tội ác. Gọi chúng là sân giận.

Thế nào là căn bất thiện? Nghĩa là sự sân giận này có tánh chẳng thiện vì nó gây ra vô số các gốc tội ác chẳng thiện khác. Thế nên nó là gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc khổ sâu, gốc nhớ nhớp, gốc các tạp nhiễm, gốc chẳng trong sạch, gốc chẳng tươi mát trong trắng. Thế nên gọi là căn bất thiện sân.

Hỏi: Căn bất thiện si là sao? Si là gì?

Đáp: Tức là phía trước chẳng biết, phía sau chẳng biết, cả trước sau đều chẳng biết gì. Chẳng biết trong, chẳng biết ngoài, cả trong ngoài đều chẳng biết. Chẳng biết nghiệp, chẳng biết dị thực, chẳng biết cả nghiệp của dị thực. Đối với nghiệp làm thiện cũng không biết, nghiệp tạo ác cũng chẳng hay, cả nghiệp tạo thiện ác cũng chẳng biết gì. Không biết nhân, không biết pháp do nhân sinh ra, không biết Phật, không biết pháp, không biết Tăng. Đối với Khổ không biết, Tập không biết, Diệt không biết, Đạo cũng không biết. Không biết pháp nào có tội, pháp nào không tội, không biết pháp nào thiện, pháp nào bất thiện. Không biết pháp nào đáng tu, pháp nào chẳng đáng tu. Chẳng biết pháp nào thấp kém, pháp nào là cao quý nhiệm mầu. Đen cũng chẳng biết mà Trắng cũng mịt mù. Chẳng hiểu pháp nào là đối địch, pháp nào là duyên sinh. Đối với sáu chỗ xúc chạm cũng không như thật mà biết. Cứ như thế mà hoàn toàn chẳng thấy, chẳng biết, chẳng nhìn xem. Tất cả đều đen tối ngu si, vô minh, mờ mịt. Luôn luôn bị úp chụp buộc ràng trong một màn lưới đen tối, ngu muội ngờ nghệch, vẫn đục đầy cạn cáu. Từ đó phát sinh ra đui mù, vô minh và đần độn vô trí, diệt mất hết trí tuệ sáng suốt, chướng ngại các pháp thiện, khiến không chứng được Niết-bàn. Nó là lậu vô minh, là dòng sông cuồng bạo vô minh, là cái ách vô minh nặng nề, gốc độc vô minh, cành độc vô minh, lá độc vô minh, hoa

độc vô minh, quả độc vô minh. Si hết thấy, si cùng cực vẫn là si tàn ác, từ si sinh ra si, từ tàn ác sinh ra tàn ác... Đều gọi chung là si.

Thế nào là căn bất thiện? Vì cái ngu si đó là tánh chẳng thiện, nó gây ra bao nhiêu gốc chẳng thiện khác. Thế nên nó là gốc bệnh, gốc ung nhọt, gốc tên độc, gốc khổ sâu, gốc dơ nhớp, gốc các tạp nhiễm, gốc chẳng trong sạch, gốc chẳng mát trong. Thế nên gọi là căn bất thiện si.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các ác tham, sân, si
Làm não hại tâm mình
Như ruột cây có sâu
Trái và vỏ đều hư.*

Ba căn thiện: Đó là căn thiện không tham, căn thiện không sân giận, căn thiện không si mê.

Hỏi: Căn thiện không tham, thì không tham là sao?

Đáp: Tức không ham cảnh dục, chẳng ngang hàng với kẻ tham, chẳng cất giấu, chẳng canh chừng giữ gìn, chẳng chấp chặt, chẳng mến, chẳng ham, chẳng mê muội, chẳng đam mê ham thích, chẳng đam mê ham thích khắp cả, chẳng trối cột nội tâm, chẳng ước muốn mong cầu, chẳng ham đắm. Chẳng phải khổ tập, chẳng phải là loại tham lam, chẳng phải là thứ sinh ra tham lam... Gọi chung là không tham.

Thế nào là căn thiện? Vì sự không tham này là tánh thiện, nó có thể chế tạo ra vô lượng gốc pháp thiện. Thế nên nó không phải là gốc bệnh gốc ung nhọt, không phải là gốc tên độc, gốc nhơ nhớp, không phải là gốc các tạp nhiễm. Nó là gốc trong sạch, là gốc mát mẻ trắng trong. Thế nên gọi là căn thiện không tham.

Hỏi: Còn căn thiện không sân giận là sao? Không sân giận là sao?

Đáp: Không gây tổn hại chúng sinh, không ôm lòng độc hại, không gây rắc rối khổ não cho họ. Không phải đã, sẽ hay đang giận. Không ưa gieo tai họa hay tai họa trầm trọng cho ai. Ý không giận dữ, không làm trái ngược tàn bạo với loài hữu tình. Không muốn gây tai họa cho họ dù đã, đang hay sẽ. Hết thấy việc đó gọi chung là không sân hận.

Thế nào là căn thiện? Không có pháp giận dữ là tánh thiện. Không giận dữ có khả năng làm gốc cho vô lượng pháp thiện. Nên không sân giận sẽ không làm ra gốc bệnh, không làm gốc ung nhọt, gốc tên độc, không phải là gốc nhơ nhớp hay gốc của các tạp nhiễm, mà là gốc trong sạch, gốc tươi mát trong trắng. Thế nên gọi là căn thiện không sân

giận.

Hỏi: Căn thiện không si mê là sao? Không si mê là gì?

Đáp: Tức là có trí biết phía trước, có trí biết phía sau, có trí biết cả trước sau, có trí biết trong, trí biết ngoài, trí biết cả trong ngoài. Có trí biết nghiệp, trí biết dị thực, trí biết cả nghiệp của dị thực. Có trí biết nghiệp làm thiện, trí biết nghiệp làm ác, trí biết nghiệp làm thiện ác. Có trí biết nhân biết, nhân sinh pháp, có trí biết Phật, biết Pháp, biết Tăng, có trí biết Khổ, biết Tập, biết Diệt, biết Đạo, có trí biết pháp thiện và pháp bất thiện, trí biết pháp nào có tội pháp nào không tội. Trí biết pháp nào nên tu pháp nào chẳng nên tu, trí biết pháp nào thấp kém, pháp nào cao quý, trí biết pháp nào đen, pháp nào trắng. Trí biết pháp nào có đối địch, pháp nào là duyên sinh. Trí biết sáu chỗ xúc chạm như thật. Trí biết như thế sẽ thấy sáng suốt, hiểu rõ ràng với cái nhìn giải tuệ rực sáng. Nên gọi chung là không si mê.

Thế nào là căn thiện? Không có pháp si mê là tánh thiện, không si mê có khả năng làm gốc cho vô lượng pháp thiện, thế nên pháp đó không phải là gốc bệnh, không làm gốc ung nhọt hay gốc tên độc, không phải là gốc nhơ nhớp hay là gốc các tạp nhiễm, mà nó là gốc trong sạch, gốc tươi mát trắng trong. Thế nên gọi là căn thiện không si mê.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu lià tham sân si
Thì gọi là bậc trí
Cũng gọi là Thượng sĩ
Tự tâm không nào hại
Thế nên phải xa lià
Tham sân là vô minh
Siêng tu, khởi tuệ sáng
Được mau hết các khổ.*

Ba tầm bất thiện: Tức là tầm tham dục, tầm giận hờn và tầm tổn hại.

Hỏi: Tầm tham dục là gì?

Đáp: Tức là tham dục tương ứng với tâm tìm kiếm mong cầu, tìm cầu gần, tìm cầu khắp, tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mặt rất rõ ràng. Biết suy lường, vạch kế hoạch làm việc biết suy xét phân biệt..., gọi chung là tầm tham dục.

Hỏi: Tầm giận dữ là gì?

Đáp: Tức là sân giận tương ứng với các tìm kiếm mong cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần. Tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, rõ ràng sáng tỏ trước

mặt. Biết suy lường, vạch kế hoạch làm việc, biết suy xét phân biệt gọi chung là tầm giận dữ.

Hỏi: Tầm tổn hại là gì?

Đáp: Tức là sự tổn hại tương ứng với các tâm tìm kiếm tìm cầu. Tìm cầu khắp, tìm cầu gần. Tâm sáng tỏ rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mặt. Biết suy lường vạch kế hoạch làm việc, biết suy xét phân biệt. Gọi chung là tầm tổn hại. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tầm ác phục chúng sinh
Khiến việc như thấy sạch
Càng thêm lớn tham ái
Cột trói mình thật chặt.*

Ba tầm thiện: Đó là tầm xuất ly, tầm không giận dữ và tầm không hại.

Hỏi: Tầm xuất ly là gì?

Đáp: Tức là suy nghĩ tìm xét về các lỗi lầm tai họa do tầm tham dục gây ra. Do vì tầm tham dục là thứ bất thiện, chỉ có đám hạ tiện mới làm theo, còn hết thảy Như Lai, các hàng đệ tử, những bậc hiền quý và các thiện sĩ đều cùng chê trách chán sợ nó, vì nó hại mình, hại người khác và hại tất cả. Nó làm tắt trí tuệ, cản trở đạo phẩm và cả Niết-bàn. Ai có tham dục thì không sinh trí tuệ sáng suốt, không dẫn đến Bồ-đề và không chứng được Niết-bàn. Như thế khi suy xét về các lỗi lầm tai họa của tầm tham dục thì các tâm tìm cầu, tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm sáng tỏ rất sáng tỏ, rõ ràng trước mặt, rồi suy lường, vạch kế hoạch làm việc và suy xét phân biệt..., nên gọi tầm xuất ly.

Lại còn vì muốn đoạn dứt tầm tham dục nên suy xét các công đức của tầm xuất ly. Vì tầm xuất ly là pháp thiện hơn hết, nên chỉ có các bậc cao quý mới tin hiểu nhớ chắc. Tất cả Như Lai, các hàng đệ tử, các bậc Hiền quý và Thiện sĩ đều cùng ngợi khen, do nó chẳng bao giờ hại mình, hại người hay hại tất cả. Nó cũng không làm mất trí tuệ và không cản trở các đạo phẩm hay Niết-bàn. Ai tuân hành pháp này, sẽ phát sinh trí tuệ sáng suốt, dẫn đến quả Bồ-đề và có thể chứng được Niết-bàn. Khi suy xét các công đức của tầm xuất ly, thì các tâm sẽ tìm cầu cho đến phân biệt các việc..., nên gọi là tầm xuất ly.

Lại nữa, suy nghĩ mà thấy tầm tham dục như là bệnh ung nhọt, bị tên độc, gây khổ não là vô thường, khổ, không, vô ngã..., nó chuyển động gây nên bao nhiêu lao khổ nhọc nhằn, mệt mỏi suy yếu rã rời..., vì nó là pháp hư hư hoại. Nó vụt thoáng qua nhanh chóng chẳng hề dừng nghỉ, nó luôn suy tàn rã mục chẳng phải còn hoài. Chẳng thể tin

cậy được, vì nó là pháp biến đổi hư hoại. Khi suy nghĩ về tầm tham dục như thế thì các tâm luôn kiếm tìm và đến cả việc phân biệt gọi là tầm xuất ly.

Lại nữa, khi vì muốn đoạn trừ tầm tham dục nên suy nghĩ diệt nó chính là sự tịch tĩnh chân thật. Như thế khi suy nghĩ về đạo diệt kia thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ gọi là tầm xuất ly.

Lại còn suy nghĩ về định tâm xả và đạo tâm xả tương ứng với định là định vô tướng, định diệt tận và trạch diệt. Khi suy nghĩ như thế thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ ràng đó gọi là tầm xuất ly.

Lại nữa, khi suy nghĩ về xuất ly, và xuất ly tương ứng với: Thọ, tưởng, hành, thức, và khi người ta khởi thân và ngữ nghiệp mà tâm không tương ứng với hành..., thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ gọi là tầm xuất ly.

Hỏi: Còn tầm không giận dữ là gì?

Đáp: Tức là suy nghĩ về tai họa của tầm giận dữ thì thấy giận dữ là pháp chẳng thiện. Chỉ có kẻ hạ tiện mới tin tưởng làm theo. Còn tất cả Như Lai, các hàng đệ tử, các bậc Hiền quý, và Thiện sĩ đều cùng chê trách, chán sợ, vì nó sẽ làm hại mình, hại người khác và hại tất cả. Nó làm mất trí tuệ và làm cản trở các đạo phẩm và Niết-bàn. Những ai ưa giận dữ thì không phát sinh trí tuệ, chẳng dẫn đến Bồ-đề và không chứng được Niết-bàn. Khi suy xét các tai họa của tầm giận dữ gây ra thì các tâm tìm cầu khắp, tìm cầu gần, tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mặt, rồi suy lường vạch kế hoạch làm việc, suy xét phân biệt... Nên gọi là tầm không giận dữ.

Lại vì muốn đoạn dứt tầm giận dữ, nên suy nghĩ đến các công đức của tầm không giận dữ. Vì tầm không giận dữ là pháp thiện cao quý, nên chỉ các bậc tôn quý tin tưởng thọ trì. Vì thế mà tất cả Như Lai và các hàng đệ tử cùng các bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng ngợi khen, do nó chẳng bao giờ làm hại mình, hại người khác hay hại tất cả. Nó cũng không làm mất trí tuệ, chẳng làm chướng ngại các đạo phẩm và quả vị Niết-bàn. Những ai tuân hành pháp này thì sẽ phát sinh trí tuệ, dẫn đến Bồ-đề và chứng được Niết-bàn. Khi suy nghĩ về công đức của tầm không giận dữ như thế thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ ràng gọi là tầm không sân dữ.

Lại nữa, khi suy nghĩ thấy tầm giận dữ như bệnh ung nhọt, tên độc, gây khổ não là vô thường, khổ, không, vô ngã. Nó gây ra biết bao lao khổ nhọc mệt, suy yếu rã rời, vì nó là pháp hư hoại. Nó vụt thoáng qua nhanh chóng chẳng hề dừng nghỉ. Nó luôn suy yếu rã mục chẳng phải

còn mãi. Nó chẳng thể tin cậy được, vì nó là pháp biến dịch hư hoại. Khi suy nghĩ các tâm giận dữ như thế, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt gọi là tâm không giận dữ.

Lại nữa, còn vì muốn đoạn dứt tâm giận dữ nên suy nghĩ diệt nó chính là sự tịch diệt chân thật. Suy nghĩ đạo, ấy là xuất ly chân thật. Khi suy nghĩ Đạo, Diệt, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt gọi là tâm không giận dữ.

Lại nữa, khi tư duy đến định Từ tâm tận đạo từ tương ứng với định, định vô tướng, định diệt tận, trạch diệt. Khi các tâm tìm cầu suy nghĩ như thế cho đến phân biệt gọi đó là tâm không giận dữ.

Lại suy nghĩ không giận dữ và không giận dữ tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức và người ta khi khởi nghiệp thân và ngữ mà tâm không tương ứng với hành, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt gọi là tâm không giận dữ.

Hỏi: Tâm không hại là gì?

Đáp: Tức là suy nghĩ tai hại của tâm tổn hại thì thấy nó là pháp chẳng thiện. Chỉ có hạng người thấp kém hạ tiện mới tin tưởng làm theo. Còn tất cả Như Lai, hàng đệ tử, các bậc Hiền quý, Thiện sĩ thì luôn chê trách đáng sợ, vì nó sẽ làm hại mình, hại người, hại tất cả. Nó làm hư mất trí tuệ, làm chướng ngại các đạo phẩm và quả vị Niết-bàn. Nếu ai thường làm việc tổn hại đó thì không phát sinh được trí tuệ sáng suốt, chẳng dẫn đến Bồ-đề, không thể chứng Niết-bàn. Khi suy tư về các tai họa của tâm tổn hại như thế, thì các tâm tìm cầu đến khắp cả, tìm cầu gần, tâm sáng tỏ, rất sáng tỏ, sáng tỏ trước mắt, rồi suy lường vạch kế hoạch làm việc, suy xét phân biệt..., gọi là tâm không tổn hại.

Lại vì muốn đoạn dứt tâm tổn hại nên suy nghĩ các công đức của tâm không tổn hại, thì thấy tâm không tổn hại là pháp thiện cao quý, chỉ có những bậc cao quý mới tìm hiểu thực hành. Tất cả Như Lai và hàng đệ tử cùng các bậc Hiền quý, Thiện sĩ đều cùng ngợi khen. Vì nó chẳng hại mình, hại người khác, chẳng hại tất cả. Nó chẳng làm mất trí tuệ, chẳng chướng ngại các đạo phẩm và quả vị Niết-bàn. Những ai tuân hành pháp này thì phát sinh trí tuệ sáng suốt, dẫn đến giác ngộ và chứng được quả Niết-bàn. Khi suy xét các công đức của tâm không tổn hại thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ gọi là tâm không tổn hại.

Lại nữa, suy xét thấy rằng tâm tổn hại như là bệnh ung nhọt, tên độc, gây khổ não là vô thường, khổ, không, vô ngã..., nó chuyển động gây nên bao lao khổ nhọc nhằn, suy yếu rã rời..., vì nó là pháp hư hoại. Nó vụt thoáng qua nhanh chóng chẳng hề dừng nghỉ. Nó luôn suy tàn rã

mục chẳng phải còn hoài. Nó không thể tin cậy được, vì nó là pháp biến đổi hư hoại. Khi suy nghĩ về tâm tổn hại như thế thì các tâm luôn tìm cầu tìm kiếm cho đến phân biệt rõ, đó gọi là tâm không tổn hại.

Lại nữa, vì muốn đoạn trừ tâm tổn hại, nên suy nghĩ đến diệt nó chính là sự tịch tĩnh chân thật, và suy nghĩ đạo ấy thì đó là sự xuất ly chân thật. Như thế khi suy nghĩ về đạo diệt kia thì cái tâm tìm cầu cho đến phân biệt được đó là tâm không tổn hại.

Lại nữa, còn suy nghĩ về định tâm bi và đạo định tâm tương ứng với định là định vô tướng, diệt, tận định và trạch diệt. Khi suy nghĩ như thế thì các tâm sẽ tìm cầu cho đến phân biệt rõ, đó gọi là tâm không tổn hại.

Lại nữa, khi suy nghĩ về không tổn hại và nó tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức, và khi người ta khởi thân về ngũ nghiệp mà tâm lại không tương ứng hành, thì các tâm tìm cầu cho đến phân biệt rõ được gọi là tâm không tổn hại.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ưa diệt các tâm ác
Siêng tu quán bất tịnh
Luôn nghĩ diệt tham ái
Trói chắc, bị đứt tung.*

Ba hạnh ác: Đó là thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác.

Hỏi: Thế nào là thân làm ác?

Đáp: Tức là giết hại, trộm cướp, tà dâm. Lại còn nói: Giết hại, trộm cướp và không phạm hạnh. Cũng nói hết thấy thân nghiệp bất thiện, hết thấy thân nghiệp dẫn đến không đúng lý, hết thấy thân nghiệp gây chướng ngại thiền định. Nói chung là thân làm ác.

Hỏi: Thế nào là miệng làm ác?

Đáp: Tức là nói dối, nói lời ly gián, nói lời dữ dằn thô tục, nói lời nơ nhớt tội lỗi. Lại nữa hết thấy ngũ nghiệp chẳng thiện, ngũ nghiệp dẫn đến trái chánh pháp, hết thấy ngũ nghiệp gây chướng ngại thiền định. Gọi chung đó là miệng làm ác.

Hỏi: Thế nào là ý làm ác?

Đáp: Tức là tham dục, giận dữ, tà kiến. Lại nữa hết thấy ý nghiệp chẳng thiện, hết thấy ý nghiệp trái chánh pháp, hết thấy ý nghiệp gây chướng ngại thiền định..., gọi chung là ý làm ác. Như Thế Tôn nói kệ:

*Nếu thân cứ hành ác
Miệng, ý vẫn hành ác
Chẳng tìm cách đối trị*

Tất phải đọa vào địa ngục.

Ba hạnh diệu: Đó là thân làm việc cao quý, miệng làm việc cao quý, ý nghĩ việc cao quý (hạnh cao quý của...).

Hỏi: Thân làm việc cao quý là sao?

Đáp: Tức là lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ tà dâm. Lại nữa cũng là lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ phi phạm hạnh. Lại thân nghiệp hàng Hữu học và thân nghiệp hàng Vô học và các thân nghiệp của hàng không phải học không phải vô học. Gọi chung là thân làm việc cao quý.

Hỏi: Miệng làm việc cao quý là sao?

Đáp: Tức là lìa bỏ nói dối, lìa bỏ nói lời ly gián, lìa bỏ nói lời dữ dẫn thô tục, lìa bỏ nói nhớp nhơ. Lại còn có các ngữ nghiệp của hàng hữu học, các ngữ nghiệp của hàng vô học và các ngữ nghiệp của hàng phi học, phi vô học gọi chung là miệng làm việc cao quý.

Hỏi: Ý làm việc cao quý là sao?

Đáp: Tức là không tham, không sân giận mà thấy biết đúng. Lại còn có các ý nghiệp của hàng hữu học, các ý nghiệp của hàng vô học, các ý nghiệp của hàng phi học, phi vô học, gọi chung là ý làm việc cao quý. Như Thế Tôn nói kệ:

*Nếu thân tu hạnh quý
Miệng, ý làm hạnh quý
Không duyên trở ngại nào
Được lên trời hưởng phước.*

Các lĩnh vực tham dục, giận dữ, tổn hại, các lĩnh vực xuất ly, không giận dữ, không tổn hại..., đúng như pháp uẩn mà luận bàn. Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc..., cũng luận bàn như pháp uẩn. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu có kẻ biết khắp
Cõi Dục, Sắc, Vô sắc
Vượt nương vào tất cả
Nên chạm vào vô dư.
Thân chứng được cam lồ
Vô lậu chẳng nghĩ bàn
Thế Tôn nói Niết-bàn
Vì ích lợi quần sinh.*

Cõi Sắc, cõi Vô sắc và diệt giới..., thì cũng nên theo đúng pháp uẩn mà luận bàn. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

Chúng sinh ở cõi Sắc

Và ở cõi Vô sắc
 Chẳng chứng được pháp diệt
 Nhất định có kiếp sau.
 Nếu khắp biết cõi Sắc
 Chẳng trụ vào Vô sắc
 Đến chỗ diệt rốt ráo
 Tức giải thoát sinh tử.

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ hai nói:

Hai, ba pháp có mười
 Thế ngôn y, xứ, hành
 Tâm số đến thượng tòa
 Tụ - cử chẳng giữ ba.

Đây nói về: Có ba đời, ba ngôn y, ba chỗ có sắc, ba thứ hành, ba thứ tâm, ba thứ bổ-đặc-già-la, ba thứ thượng tòa, ba thứ khối, ba việc gây tội, ba thứ không giữ gìn.

Ba đời: Đó là đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại.

Hỏi: Đời quá khứ là sao?

Đáp: Là các hạnh đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển đổi, đã đang chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện thì đều tàn tạ theo quá khứ là mất, diệt, lìa, biến là tính chất quá khứ, loại quá khứ đều thuộc đời quá khứ. Đó gọi là đời quá khứ.

Hỏi: Đời vị lai là sao?

Đáp: Là các hạnh chưa khởi, chưa khởi tất cả, chưa sinh ra, hết thấy chưa sinh ra, chưa chuyển đổi, hiện chưa chuyển đổi, chưa tụ họp, chưa xuất hiện, thuộc tánh chưa có, thuộc loại chưa tới, thuộc đời vị lai. Đó gọi là đời vị lai.

Hỏi: Đời hiện tại thì sao?

Đáp: Tức là các hành đã khởi lên, cùng khởi lên, đã sinh, cùng sinh, đã chuyển, đã chuyển hiện, tụ tập xuất hiện để trụ vào đã tàn tạ, chưa diệt hết, chưa lìa, biến hòa hợp hiện tiền, tính chất hiện tại, loại hiện tại, hiện thuộc về đời hiện tại, nghĩa là đời hiện tại. Đời (thế) là nghĩa thế nào? Đời là chỉ rõ các hành, tăng lời nói.

Ba thứ ngôn y: Tức là quá khứ ngôn y, vị lai ngôn y và hiện tại ngôn y.

Hỏi: Quá khứ dựa vào lời nói là thế nào? Ngôn là gì, y là gì mà nói là quá khứ dựa vào lời nói?

Đáp: Các hành đã khởi, cùng khởi, đã sinh, cùng sinh, đã chuyển đổi, đã hiện chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã tàn tạ, đã qua đi,

đã mất hết, chia lìa, biến đổi, tính chất quá khứ, loại quá khứ là thuộc đời quá khứ nên gọi là quá khứ, tức nương vào các hành đã khởi trong quá khứ, mà nói, mà nêu bày bình luận, kêu gọi, tuyên nói, chỉ bày, dạy bảo, khuyên răn. Ý hướng vào lời nói, âm hưởng của lời nói, nghiệp của lời nói, biểu thị của lời nói..., đều gọi là lời nói. Còn như những điều nói ở trước, thì các hành của quá khứ cũng gọi là y (nương tựa). Là nói do có cái gốc nhân của tâm nhìn nên các duyên khởi liên tục phát sinh, có thể làm các sinh duyên tập hợp cùng khởi lên, vì dựa vào hành khởi của quá khứ mà nói. Do đó các hành của quá khứ cũng gọi là quá khứ dựa vào lời nói.

Hỏi: Vị lai dựa vào lời nói là sao? Vị lai ngôn là sao, y là sao mà nói là vị lai ngôn y?

Đáp: Các hành hoàn toàn chưa khởi, hoàn toàn chưa cùng khởi, chắc chắn chưa sinh, cùng chưa sinh chắc chắn, chưa chuyển đổi, chưa chuyển đổi vào hiện tại, chưa tụ tập, chưa xuất hiện là tính chất vị lai, loại vị lai, nó thuộc đời vị lai, nên gọi là chưa tới. Tức dựa vào các hành vị lai khởi lên như thế mà nói năng, có lời nêu bày, bình luận kêu gọi, tuyên nói, chỉ bày, dạy bảo, khuyên răn. Luồng lời nói, âm hưởng của lời nói, nghiệp lời nói, biểu thị của lời nói..., đều gọi là nói. Tức là đều nói trước về các hành vị lai, cũng gọi là nương tựa. Ấy là nói do các gốc nhân của tâm nhìn nên các duyên khởi liên tục phát sinh, vì có thể làm sinh các duyên tập hợp lại cùng khởi lên, vì dựa vào các hành của vị lai mà nói. Do đó các hành của vị lai cũng gọi là vị lai dựa vào lời nói.

Hỏi: Hiện tại dựa vào lời nói là sao? Hiện tại ngôn là sao? Y là sao mà nói là hiện tại ngôn y?

Đáp: Các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đang chuyển đổi, chuyển đổi ngay trong hiện tại đang tụ tập, đang xuất hiện, đang tạ từ ra đi đã mất hết, đang chia lìa biến đổi hiện thời trước mắt. Nó là tính chất hiện tại, thuộc loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Thế nên gọi là hiện tại. Tức là dựa vào các hành hiện tại đã khởi lên như thế mà nói năng, có lời nêu bày, bình luận, kêu gọi, tuyên nói, chỉ bày, dạy bảo, khuyên răn của lời nói, tâm hướng của lời nói, nghiệp của lời nói, biểu thị của lời nói..., đều gọi là nói. Còn là điều nói trước các hành hiện tại cũng gọi là nương tựa. Ấy là nói do gốc nhân của tâm nhìn, các duyên khởi liên tục phát sinh. Vì có thể làm sinh các duyên tập hợp lại cùng khởi lên, vì dựa vào các hành khởi của hiện tại mà nói. Do đó các hành của hiện tại cũng gọi là hiện tại dựa vào lời nói.

“Không có cái thứ tư, thứ năm vì dựa vào hữu vi mà nói”, nghĩa

là pháp hữu vi chỉ có ba thứ, mà không thể có cái thứ tư, thứ năm. Nếu nói đây là dựa vào tất cả pháp mà nói, thì các pháp vô vi tức là thuộc vào lời nói hiện tại. Lại không có cái thứ tư, thứ năm có thể được, như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ưa ngôn tưởng chúng sinh
Luôn trụ vào ngôn tưởng
Chưa biết khắp ngôn tưởng
Vào sinh tử vô cùng
Nếu biết khắp ngôn tưởng
Với nó, không gì vui
Cũng chẳng ưa nói nó
Thường vui tu thiên định
Tịch định luôn siêng năng
Thấy bờ sinh tử hết
Phá tan các quân ma
Vượt sinh tử, đến bờ kia.*

Ba sắc xứ: Tức là ba lĩnh vực gồm thâu tất cả sắc. Ba thứ đó là gì? Đó là:

1. Là có sắc có thấy có đối.
2. Là có sắc không thấy có đối.
3. Là có sắc không thấy không đối.

Thế nào là sắc có thấy có đối? Đó là một lĩnh vực (xứ).

Thế nào là sắc không thấy có đối? Đó là chín lĩnh vực.

Thế nào là sắc không thấy không đối? Đó là phần ít của một lĩnh vực.

Ba thứ hành: đó là hành của thân, hành của miệng, hành của ý.

Hỏi: Hành của thân là gì?

Đáp: Thân cũng gọi là thân hành, nghiệp của thân cũng gọi là thân hành. Hít vào thở ra cũng gọi là thân hành. Theo nghĩa ở đây thì ý muốn nói thân hành là hít thở ra vào. Vì sao? Vì hít vào nghĩa là thở đưa khí từ ngoài vào trong thân, còn thở ra tức là đưa khí từ trong thân ra ngoài. Do cách thế đó mà khiến thân chuyển động thông suốt và được yên ổn bình an. Do đó hít vào thở ra nói là thân hành.

Hỏi: Hành của miệng là thế nào?

Đáp: Lời nói cũng gọi là ngữ hành, ngữ nghiệp cũng gọi là ngữ hành, tâm tứ cũng gọi là ngữ hành. Với nghĩa này thì ý muốn nói sự suy xét theo đối là ngữ hành. Vì sao? Vì cần phải suy xét kỹ lưỡng rồi mới phát ra lời nói. Nói thì đều phải xem xét kỹ lưỡng. Thế nên suy xét được

gọi là ngữ hành.

Hỏi: Hành của ý là thế nào?

Đáp: Ý nghĩ cũng là ý hành, ý nghiệp cũng gọi là ý hành, suy nghĩ tư tưởng cũng gọi là ý hành. Theo nghĩa trong đây thì ý nói suy nghĩ tư tưởng là ý hành. Vì sao? Vì nghĩ tưởng và suy xét là pháp tâm sở, nó dựa vào tâm và hệ thuộc vào tâm, nó nương nhờ vào tâm nhưng lại giúp đỡ phò trợ cho tâm. Thế nên nghĩ tưởng suy xét gọi là ý hành.

Ba thứ tâm:

1. Là tâm dụ như ung nhọt ghẻ lở.
2. Tâm dụ như ánh chớp.
3. Là tâm dụ như kim cương.

Hỏi: Tâm dụ như ung nhọt ghẻ lở là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại chúng sinh có bản chất rất hung dữ bạo ác, nói năng dữ dằn thô tục, khi có chút xích mích hay việc buồn khổ nhỏ nhặt nào thì dùng dùng giận dữ, kết oán gây thù, dữ dằn chửi bới hung hăng, khác nào ung nhọt ghẻ lở khi vừa bị vật chạm vào thì vỡ ra, tung chảy máu đầm đìa không thôi. Vì tâm đó cũng vậy, chỉ cần phải chút nghịch duyên là lập tức giận dữ bùng nổ, hận oán triền miên không dứt.

Vì sao coi tâm ấy như là ung nhọt ghẻ lở? Vì tâm ý thức kẻ ấy mới chạm phải chút trái duyên thì lập tức bùng ra bao thứ chất dơ bẩn hôi hám..., cho nên gọi là tâm dụ như bệnh ung nhọt ghẻ lở.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 4

Phẩm 4: BA PHÁP, Phần 2

Hỏi: Tâm dụ như ánh chớp là sao?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói, quý thầy Bí-sô nên biết ở trên đời có một loại chúng sinh thường ở A-lan-nhã, hoặc sống bên các gốc cây, hay ở nơi vắng vẻ, trống trải, siêng năng tu hành và tu rất nhiều, nên chứng được tâm định tịch tĩnh. Vì nương vào tâm định ấy nên dứt được năm phần kết sử thuận hạ, và chứng được quả Bất hoàn, được hóa sinh bậc cao nên được ở cõi trên. Chứng nhập Niết-bàn không còn sinh lại ở cõi Dục nữa. Giống như trời cuối hạ sang đầu thu, trên đám mây đen ngồn ngồn kia có nhiều ánh chớp, điện lóe sáng. Nhưng vừa lóe sáng đó thì vụt tắt ngay. Cũng như có loại chúng sinh như thế, thường ở A-lan-nhã cho đến nói rộng. Kẻ ấy có tâm chứng được như ánh điện chớp chẳng? Tâm ý thức kẻ ấy đã chứng quả Bất hoàn, tạm thời lóe sáng, nhưng liền vụt tắt ngay. Thế nên gọi là tâm dụ như ánh điện chớp vậy.

Hỏi: Tâm dụ như kim cương là sao?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại chúng sinh thường ở nơi A-lan-nhã, hoặc sống bên các gốc cây hay ở nơi trống vắng. Thường siêng năng tu tập và tu tập thật nhiều cho nên chứng được tâm định tịch tĩnh. Vì nương theo tâm định đó mà dứt hết các lậu hoặc, chứng được giải thoát vô lậu tuệ tâm. Ở trong hiện đời nhờ có thông tuệ cao quý, nên tự chứng biết và có được các công đức viên mãn, tự bảo rằng ta đã chứng biết kiếp sống này đã hết, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ nhận kiếp sau nữa. Khác nào chất kim cương không có một tí vật nào mà chẳng cắt đứt, chẳng xuyên thủng, chẳng phá nát ra, những vật đó dù là sắt, ngà, xương hay sò ốc, hoặc sừng, hoặc châu ngọc hay đá rắn... Đó cũng như loại chúng sinh thường ở nơi A-lan-nhã cho đến nói rộng ra, kẻ ấy đã có được tâm dụ như kim cương.

Vì sao nói tâm kẻ ấy dụ như kim cương? Tâm ý thức của kẻ ấy đã chứng được quả vô học, không còn các phiền não ràng buộc mà cũng không thể hư hoại. Thế nên gọi là tâm dụ như kim cương.

Ba thứ chúng sinh:

1. Chúng sinh trí tuệ bị che.
2. Chúng sinh trí tuệ bấp vế.
3. Chúng sinh trí tuệ rộng lớn.

Hỏi: Thế nào là chúng sinh trí tuệ bị che?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Trên đời có một loại chúng sinh, vì muốn nghe pháp nên quỳ trước Bí-sô, Bí-sô thương tình mà giảng nói cho nghe các pháp chính yếu, chỉ bày các pháp thiện trước, giữa, sau, lời văn và ý nghĩa rất hay đẹp cao quý, thuần nhất đầy đủ, phạm hạnh trong trắng. Nhưng kẻ ấy khi ngồi tại pháp tòa nghe các pháp đã nói đủ các phần: Trước, giữa, sau lại chẳng hiểu gì cả. Vì sao như thế? Là vì người đó không có trí tuệ, giống như một cái bình bị đậy kín, tuy rót rất nhiều nước nhưng chảy vào chẳng được giọt nào. Loại chúng sinh đó, đã quỳ trước Bí-sô để nghe pháp... rộng nói hết sức nhưng kẻ ấy vì không có trí tuệ, nên gọi là chúng sinh trí tuệ bị che kín.

Vì sao gọi là chúng sinh trí tuệ bị che kín? Vì người đó có loại trí tuệ như thế, nên khi ngồi nghe pháp tại pháp tòa, thì đối với các giáo pháp gồm các phần: Trước, giữa, sau đều muốn nghe hiểu, song với trình độ trí tuệ như thế nên chẳng thể hiểu được gì. Người đó có trí tuệ ấy đã được nghe đủ các phần: trước, giữa sau song rồi, dù rất muốn hiểu được giáo pháp nhưng vì không có tuệ (trí tuệ) nên chẳng hiểu được gì. Thế nên gọi là chúng sinh tuệ bị che kín.

Hỏi: Thế nào là chúng sinh trí tuệ bấp vế?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại chúng sinh vì muốn nghe pháp nên quỳ trước Bí-sô, vị Bí-sô này thương xót vị đó mà nói các pháp quan yếu, chỉ bày đầy đủ các pháp thiện đủ các phần, các trình độ trước, giữa, sau với văn nghĩa rất hay, thuần nhất và đầy đủ. Kẻ nghe pháp có phạm hạnh trong trắng ấy khi nghe pháp đủ các phần: Trước, giữa, sau thì đều hiểu rõ. Nhưng từ khi đứng dậy ra về thì sau đó lại quên mất cả. Giống như có một người đặt thức ăn rất ngon lành trên bấp vế, khi vô ý đứng lên thì tất cả thức ăn đều rơi đổ hết. Cũng như thế có một loại chúng sinh được nghe pháp với vị Bí-sô..., sau đó quên mất cả, nên gọi là chúng sinh trí tuệ bấp vế.

Vì sao gọi chúng sinh trí tuệ bấp vế? Khi kẻ ấy ở tại pháp tòa được

nghe đủ các phần giáo pháp: trước - giữa - sau, với loại trí tuệ đó nên khi đang ngồi nghe thì đều hiểu rõ. Nhưng khi nghe xong đứng dậy ra về thì các giáo pháp dù trước đó đã hiểu rõ vậy mà sau này đều quên mất cả nên coi như vô trí chẳng hiểu được gì, dù trước có hiểu nhưng nay quên cả rồi. Thế nên gọi là chúng sinh trí tuệ bấp vế.

Hỏi: Thế nào là chúng sinh trí tuệ rộng lớn?

Đáp: Như Thế Tôn nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Trên đời có một loại chúng sinh, đến ngồi nghe pháp cùng một vị Bí-sô. Vị Bí-sô thương tình nói các pháp chính yếu, chỉ rõ các pháp thiện, trước, giữa, sau, vẫn nghĩa rất hay, thuần nhất và đầy đủ. Kẻ nghe pháp phạm hạnh trong trắng đó được nghe đủ và hiểu rõ các phần giáo pháp trước, giữa, sau. Khi đứng dậy ra về thì vẫn còn nhớ và hiểu rõ các giáo pháp đủ các phần đã nói, lại hiểu rất tinh xác các nghĩa lý, ý chỉ cao xa. Giống như các thiếu nữ con nhà quý tộc giàu có hoặc hàng Bà-la-môn, hay con các nhà Trưởng giả, cư sĩ..., dùng nước sạch để tắm gội rồi thoa xức các thứ dầu thơm chải cắt tóc tai, trang điểm dung nhan, mặc quần áo đẹp, đeo chuỗi ngọc vòng vàng, để sắc đẹp càng lộng lẫy. Chỉ còn thiếu vành hoa và chiếc mũ đội đầu. Bấy giờ có nhiều kẻ giàu có sang trọng cầm đủ các vành hoa quý đẹp như Ôt-bát-ra, Đòm-bạc-ca v.v... đem dâng cho các nàng tùy ý ưa thích. Khi ấy các cô gái hết sức hãnh diện vui mừng trân trọng nhận lấy các vành hoa cài vắt lên đầu, lòng rất sung sướng hân hoan mãi chẳng quên. Cũng như thế, có một loại chúng sinh được nghe pháp với thầy Bí-sô, hiểu biết đầy đủ các nghĩa thú thù thắng, đó gọi là chúng sinh trí tuệ rộng lớn.

Vì sao gọi là chúng sinh trí tuệ rộng lớn? Vì kẻ đó với trí tuệ ấy khi ở chỗ pháp tòa nghe đủ giáo pháp các phần trước giữa sau, với thứ trí tuệ đó muốn hiểu điều gì thì đều hiểu rõ. Kẻ đó với trí tuệ đó, khi nghe pháp xong đứng dậy ra về thì nhờ có trí tuệ đó mà các pháp đã nói trước giữa sau tất cả đều nhớ và hiểu biết rõ ràng đầy đủ, hiểu cả những nghĩa lý sâu xa cao siêu... Cho nên gọi đó là chúng sinh trí tuệ rộng lớn. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tuệ che không thông minh
Tuy nhiều phen nghe pháp
Không trí nên chẳng hiểu
Như chế nước bình kín.
Tuệ bấp vế khá hơn
Ngồi nghe dù hiểu rõ
Đứng dậy thì quên hết*

*Như để cơm trên vế.
 Tuệ rộng quý hơn hết
 Ngồi nghe hoặc đứng lên
 Văn nghĩa đều hiểu đủ
 Như gái tóc cài hoa
 Đủ biện tài nhớ hiểu
 Ưa tu tịnh, bỏ nhiễm
 Dứt kiêu mạn, buông lung
 Thì lia các đường ác.*

Ba thứ thượng tòa: Đó là thượng tòa lớn tuổi, thượng tòa thế tục và thượng tòa pháp tánh.

Hỏi: Thế nào là thượng tòa lớn tuổi?

Đáp: Có nhiều người đã già cả lớn tuổi, nên gọi là thượng tòa lớn tuổi.

Hỏi: Thế nào là thượng tòa thế tục?

Đáp: Như có nhiều người học đạo mà vốn trước kia là kẻ giàu có, Trưởng giả, người làm luật hay những kẻ nhiều tiền, quả vị cao, hoặc dòng họ lớn, thế lực lớn, bà con và bọn thuộc hạ đông đảo..., hơn ta mọi mặt, nên ta suy tôn là thượng tòa, mà cung kính cúng dường, tôn trọng ngợi khen ca tụng... Do lý do đó mà tuy tuổi mới hai mươi, hai mươi lăm tuổi nhưng biết rõ giáo pháp mà có cửa cải, dòng họ, thế lực lớn lao cao quý, hoặc có bà con và tay chân thuộc hạ đông đảo thì đều hòa hợp mà suy tôn là thượng tòa được cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi. Như các nơi xã ấp, quận huyện, thành đô trong nước mà có những kẻ học rộng tài cao, biết tính toán, luận thuyết giỏi, thơ văn chữ viết, vẽ, in đẹp hoặc tinh xảo khéo giỏi trong mọi ngành nghề, tất cả đều hơn người khác thì cùng hòa hợp mà suy tôn là thượng tòa và được cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Hoặc như trong hàng buôn bán, những kẻ giàu có nhất cũng được mọi người cùng hòa hợp suy tôn là thượng tòa và cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi. Hoặc như các bậc vua chúa, đại thần quan lớn..., cũng được dân chúng cùng cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi. Như chuyện vua Nan-đà cùng muốn đánh nhau với dòng vua tóc dài (Trường Phát) nên chiêu tập Mã thắng vương dòng Sát-đế-lợi đến để ban thưởng tiền của châu báu, khiến họ biểu diễn hết tài nghệ. Khi vua biết mình thua nên bảo với quần thần: Các vị nên biết, ta muốn kính lạy dưới chân Mã thắng vương dòng Sát-đế-lợi. Đại thần tâu: Trời chẳng bằng lòng để vua kính lạy dưới chân Mã thắng vương dòng Sát-đế-lợi. Vì sao? Vì bọn ấy vốn là thần dân phải

phò tá hầu hạ nhà vua, vua đâu nên lay dưới chân hàng thần dân được. Các việc như thế nhiều vô số. Nay ý muốn nói dòng vua tóc dài như vua Nan-đà ấy là thượng tòa thế tục.

Hỏi: Thượng tòa pháp tánh là sao?

Đáp: Những bậc trưởng thượng già cả đã thọ giới cụ túc rồi thì gọi là thượng tòa pháp tánh. Ở đây cũng kể các thượng tòa lớn tuổi. Vì sao? Như Phật nói: Kể xuất gia thọ giới cụ túc thì nói đó là đời sống chân chánh. Hoặc như các Bí-sô đã chứng quả A-la-hán, dứt hết các lậu hoặc những việc làm đã xong, đã đặt gánh nặng xuống mà được lợi mình, dứt hết các kiết sử phiền não mà được trí chánh giác và giải thoát tâm luôn được tự tại..., đó là ý muốn nói ở đây để chỉ cho thượng tòa pháp tánh. Như khi Đức Thế Tôn nói về các thượng tòa thì nói kệ:

*Tâm động nói thêu dệt
Ý nhiễm nghĩ lung tung
Tuy ẩn lâu rừng thẳm
Chẳng phải chân thượng tòa.
Đủ giới, trí, chánh niệm
Tịch tĩnh, tâm giải thoát
Quan sát đúng các pháp
Đó là chân thượng tòa.*

Ba thứ tụ: Tức là tà tánh định tụ, chánh tánh định tụ và bất định tụ.

Hỏi: Tà tánh định tụ là sao?

Đáp: Tức là tạo năm tội đọa vào địa ngục vô gián.

Hỏi: Chánh tánh định tụ là sao?

Đáp: Tức là pháp hữu học và vô học.

Hỏi: Bất định tụ là sao?

Đáp: Tức là trừ bỏ năm tội vô gián, trừ bỏ các pháp hữu lậu và được vô vi.

Ba thứ kể tội: Đó là do thấy mà kể tội, do nghe mà kể tội, do nghi mà kể tội.

Hỏi: Do thấy mà kể tội là sao? Sao là thấy, sao là kể tội, sao là sự, mà nói là do thấy mà kể tội?

Đáp: Thấy, tức là thấy có Bí-sô cố ý giết hại, trộm cướp, làm chẳng đúng phạm hạnh, dâm dục. Biết rõ mà nói, mà dối trá nên nghĩ ra các việc chẳng thiện như: ăn phi thời, uống các thứ rượu, tự tay đào đất, chặt phá cây cỏ, ca múa, đờn địch, đội mũ, giắt cài hoa, chơi bời phóng dật... Đó gọi là thấy mà kể tội.

Gọi năm thứ kể tội: đó là

1. Xét biết mà kể tội.
2. Nhớ nghĩ mà kể tội.
3. Làm pháp yết ma mà kể tội.
4. Khi Bố sái tha mà lập việc kể tội.
5. Tự ý nêu thời khắc lập việc kể tội.

Thế nào là xét biết mà kể tội? Nghĩa là xét biết thầy Bí-sô đó mà nói: Cụ thọ (thầy) đã phạm tội đó như thế, cần nên phát lồ chớ nên che giấu. Nếu phát lồ sẽ được an ổn, không phát lồ thì tội càng nặng thêm. Đó gọi là xét biết mà kể tội.

Thế nào là nhớ nghĩ mà kể tội? Nghĩa là có dạy bảo người khác, khiến họ trực nhớ lại, bảo rằng cụ thọ, thầy đã từng phạm tội đó như thế, hãy nên phát lồ, chớ có che giấu, nếu phát lồ thì sẽ được an ổn, không phát lồ tội lại nặng thêm. Đó gọi là nhớ nghĩ mà kể tội.

Thế nào là làm pháp yết ma mà kể tội? Tức là nên bảo rằng: Này thầy kia, chớ nên chẳng khiến ta biết mà làm thình. Thầy hãy ra đây ta sẽ nói với thầy vài lời... Đó gọi là làm pháp yết ma mà kể tội.

Thế nào là khi Bố sái tha mà kể tội? Gọi là khi Bố sái tha mà lập việc kể tội, thì nói như vậy: Chúng Bí-sô đây hãy hòa hợp cùng ngồi xuống đây. Tôi là Bí-sô tên..., nay vì chớ sai phạm... Đó gọi là khi Bố sái tha mà lập việc kể tội.

Thế nào là tự ý nêu thời khắc lập việc kể tội? Nghĩa là khi tự ý nêu thời khắc kể chớ sai phạm thì nói thế này: Chúng Bí-sô đây nên hòa hợp cùng ngồi xuống đây tự ý mà kể việc. Tôi là Bí-sô tên..., nay tự ý kể các sai phạm của chúng... Ấy gọi là tự ý nêu thời khắc lập nên việc kể tội.

Còn việc kể tội, tức là do thấy việc phạm tội trước đó, nên gọi là sự việc. Như thế là gồm cả việc do thấy mà kể tội.

Hỏi: Thế nào là do nghe mà kể tội? Nghe mà kể tội, thì nghe là sao, kể tội là sao, sự là sao, mà nói là do nghe mà kể tội?

Đáp: Nghe, tức là nghe có thầy Bí-sô nghĩ đến việc giết hại, trộm cướp, làm chẳng hợp phạm hạnh, dâm dục. Biết rõ mà nói lời dối trá, cho nên nghĩ ra các việc chẳng thiện như ăn phi thời, uống rượu, tự tay đào đất, chặt phá cây cỏ, ca múa đờn địch, đổi mào giắt hoa cài tóc, sống buông lung... Đó gọi là do nghe mà kể tội. Tức cũng có năm thứ kể tội như trước đã nói. Còn việc kể tội, thì tức là nghe việc phạm tội từ trước đây nên gọi đó là sự việc. Như thế gộp lại gọi do nghe mà kể tội.

Hỏi: Thế nào là do nghi mà kể tội? Nghi mà kể tội, thì nghi là sao, kể tội là sao, sự việc là sao, mà nói là nghi mà kể tội?

Đáp: Nghi, tức là do năm điều kiện mà sinh ra nghi:

1. Là do sắc.
2. Là do thanh.
3. Là do hương.
4. Là do vị.
5. Là do xúc.

Do sắc, thì tức là thấy có thầy Bí-sô lúc phi thời mà vào hoặc ra khỏi thôn xóm, hoặc cùng với người nữ mà vào ra khỏi tông lâm, hoặc giao du thân thiết với ngoại đạo, hoặc giao du chơi giỡn với bọn phiến đế bán trạch ca, hoặc giao du thân thiết với Bí-sô ni, với dâm nữ, với các chàng trai trẻ, với gái già, với góa phụ..., thấy các việc đáng nghi ngờ như thế, rồi sinh nghi khi nhìn thấy người (cụ thọ) đó hiện làm các việc chẳng tốt đẹp thanh tịnh như thế, đó chẳng phải là Sa-môn, không phải là hạnh tùy thuận. Như thế là Thầy đây nhất định đã phạm tội về trái phạm hạnh. Đó gọi là do sắc mà sinh nghi.

Do thanh mà sinh nghi, nghĩa là nghe việc thầy Bí-sô lúc phi thời mà vào hoặc ra khỏi thôn xóm, hoặc nghe nói cùng người vào và ra khỏi tông lâm, hoặc nghe nói đã giao du thân thiết với bọn ngoại đạo với bọn phiến đế bán trạch ca, hoặc với Bí-sô ni, hay với dâm nữ, hay trẻ em trai, với gái già hay với quả phụ..., nghe những việc đáng nghi như thế liền sinh nghi thầy này đã làm những việc xấu xa không thanh tịnh, không phải hạnh Sa-môn, hạnh tùy thuận. Như vậy Thầy đó nhất định đã phạm tội trái phạm hạnh. Đó là do mà sinh nghi.

Do hương mà sinh nghi là sao? Tức là như có Bí-sô hoặc vì rửa tay hoặc vì rửa mặt hay uống nước hoặc vì một lý do nào đó mà vào chỗ ở của các Bí-sô khác, ở đó có mùi hôi đặc biệt như là mùi của đàn bà con gái, mùi rượu thịt, hay mùi dầu thơm thoa xúc, xông xịt, hoặc một thứ mùi thơm hôi nào khác của sự dâm dật..., ấy là do mùi hương mà sinh nghi rằng: Thầy này đã đến ở chỗ nào, đã làm các việc xấu xa chẳng thanh tịnh như thế, chẳng phải mùi hương của Sa-môn hoặc hạnh tùy thuận. Nhất định là Thầy đó đã phạm tội trái phạm hạnh. Đó là do hương mà sinh nghi.

Do vị mà sinh nghi là sao? Tức là như có Bí-sô hoặc do rửa tay hay rửa mặt hoặc uống nước, hoặc vì một lý do nào đó phải vào chỗ ở của các Bí-sô khác nên thầy ví đó trong miệng có ngậm nhai những chất có vị đặc biệt như chất đăm-bổ-la, long não, đậu khấu, hoặc những chất

khác có mùi vị của dâm dật. Thấy vị Bí-sô ấy có mùi vị đó rồi liền sinh nghi rằng vị này nay đã nếm các mùi vị chẳng thanh tịnh như thế không phải là mùi vị của Sa-môn, của tùy thuận, nhất định đã phạm tội trái phạm hạnh. Đó gọi là do vị mà sinh nghi.

Do xúc mà sinh nghi là sao? Tức là như có Bí-sô vì rửa tay hoặc rửa mặt, uống nước hoặc vì một lý do nào đó phải vào chỗ ở của các Bí-sô khác, nên thấy vị Bí-sô ấy nằm trên giường có hương thơm, trang sức bằng những lụa là êm ái trơn láng, và gấm vóc nhung lụa trải làm ngọạ cụ. Ở hai đầu giường đều có đặt một chiếc gối đỏ và dùng ca lạng giã hạt mà phủ lên. Ở chỗ người ấy lại có cô gái trẻ tuổi mỹ miều hoặc nằm hay ngồi. Thấy việc ấy rồi thì nghi rằng: nay thân của người đó đã làm những việc không thanh tịnh không phải là sự xúc chạm của bậc Sa-môn hay hạnh tùy thuận, nhất định là Thầy ấy đã phạm tội trái phạm hạnh. Đó gọi là xúc mà sinh nghi. Đó gọi là vì nghi mà kể tội. Cũng có năm thứ kể tội như trước đây đã nói, ấy gọi là sự kể tội, tức là các sự nghi ngờ phạm tội ở trước thì gọi là sự. Như thế là gộp chung gọi là do nghi mà kể tội.

Ba sự chẳng che giấu: Tức là ba nghiệp của chư Như Lai đều không có lầm lỗi, nào phải che giấu e người khác biết được, cho nên gọi là chẳng lo giữ gìn.

Hỏi: Ba thứ đó là gì?

1. Là hết thấy thân nghiệp của Như Lai luôn hiện hành thanh tịnh, không chỗ nào là chẳng thanh tịnh khi thân nghiệp hiện ra việc gì mà sợ kẻ khác biết được, mới cần phải che giấu giữ gìn.

2. Là hết thấy ngữ nghiệp của Như Lai hiện hành thanh tịnh, không việc gì là không thanh tịnh. Khi ngữ nghiệp hiện ra việc gì mà sợ người khác biết được mới cần phải che giấu giữ gìn.

3. Là hết thấy ý nghiệp của Như Lai hiện hành thanh tịnh, không việc gì là không thanh tịnh. Khi ý nghiệp hiện ra việc gì mà sợ người khác biết được, mới cần phải che giấu giữ gìn.

Đáp: Thân nghiệp hiện hành thanh tịnh, tức là lìa giết hại, lìa trộm cắp, và lìa dâm dục tà hạnh. Lại còn gọi là: Lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cắp, lìa bỏ trái phạm hạnh. Lại còn thân nghiệp hiện hành thanh tịnh có học, thân nghiệp hiện hành thanh tịnh vô học và thân nghiệp hiện hành thanh tịnh khéo phi học phi vô học. Gọi chung là thân nghiệp hiện hành thanh tịnh. Ý ở đây muốn nói về nghĩa là Như Lai có thân nghiệp hiện hành thanh tịnh vô học và có thân nghiệp hiện hành thanh tịnh khéo phi học phi vô học. Như Lai đã thành tựu thân nghiệp hiện hành thanh tịnh

rất đầy đủ viên mãn toàn vẹn, cho nên nói Như Lai có thân nghiệp hiện hành thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là Như Lai có thân nghiệp hiện hành không có chỗ nào là không thanh tịnh?

Đáp: Thân nghiệp hiện hành không thanh tịnh, đó là giết hại, trộm cướp, dâm dục tà hạnh. Lại còn giết hại, trộm cướp, trái phạm hạnh. Lại còn, có thân nghiệp chẳng thiện, có thân nghiệp dẫn đến chỗ phi lý (chẳng đúng chánh lý), có thân nghiệp gây chướng ngại cho thiền định. Gọi chung đó là thân nghiệp hiện hành không thanh tịnh. Đối với thân nghiệp hiện hành không thanh tịnh này thì Như Lai đã đoạn dứt, đã biết khắp, giống như tiêu diệt rễ cỏ dại và chặt ngọn cây đa la, khiến nó chết tiệt, không còn sống lại nữa. Do đó Như Lai không cần che giấu, cất giữ, che chắn... “Chớ để người khác thấy được thân nghiệp như bản ô uế của ta”. Cho nên nói Như Lai luôn luôn hiện hành thân nghiệp đều là thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là Như Lai có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh?

Đáp: Ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh đó là lìa các sự nói dối, nói ly gián, nói hung dữ thô tục, nói dơ bẩn. Lại còn có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh có học, có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh vô học và có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh khéo phi học phi vô học. Nói chung là ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh.

Ý ở đây là nói về nghĩa Như Lai có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh vô học và có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh khéo phi học phi vô học. Như Lai đã thành tựu đầy đủ vẹn toàn cái ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh. Cho nên nói Như Lai có ngữ nghiệp hiện hành thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao nói Như Lai luôn luôn hiện hành ngữ nghiệp đều là thanh tịnh?

Đáp: Ngữ nghiệp hiện hành chẳng thanh tịnh, đó là nói dối, nói ly gián, nói dữ dằn thô tục, nói dơ bẩn. Lại còn có ngữ nghiệp chẳng thiện, có ngữ nghiệp dẫn đến việc phi lý, có ngữ nghiệp làm chướng ngại thiền định. Gọi chung là ngữ nghiệp hiện hành không thanh tịnh. Đối với ngữ nghiệp hiện hành không thanh tịnh này thì Như Lai đã đoạn dứt, đã biết khắp (biết rõ tất cả). Giống như phá rễ cỏ dại hay chặt ngọn cây đa la, khiến nó chết tiệt không còn sinh lại nữa. Do đó Như Lai không cần che giấu, cất giữ, che chắn... “Chớ để người khác thấy được ngữ nghiệp dơ bẩn này của ta”. Cho nên nói Như Lai có ngữ nghiệp luôn hiện hành thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào là có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh?

Đáp: Ý nghiệp hiện hành thanh tịnh, đó là không tham, không sân giận và nghĩ đúng. Lại còn có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh có học, có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh vô học và có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh khéo phi học phi vô học. Gọi chung là ý nghiệp hiện hành thanh tịnh. Ý ở đây là muốn nói về nghĩa Như Lai có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh vô học và có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh khéo phi học phi vô học. Như Lai đã thành tựu đầy đủ toàn vẹn cái ý nghiệp hiện hành thanh tịnh. Cho nên nói Như Lai có ý nghiệp hiện hành thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao Như Lai luôn luôn có ý nghiệp hiện hành đều là thanh tịnh?

Đáp: Ý nghiệp hiện hành chẳng thanh tịnh, tức là gồm tham lam, sân giận và tà kiến. Lại còn có ý nghiệp chẳng thiện, có ý nghiệp dẫn đến phi lý, có ý nghiệp làm chướng ngại thiền định. Gọi chung là ý nghiệp hiện hành chẳng thanh tịnh.

Đối với ý nghiệp nghiệp hiện hành không thanh tịnh đây thì Như Lai đã đoạn dứt, đã biết rõ tất cả. Giống như phá rễ cỏ dại hay chặt ngọn cây đa la, khiến sau nó chết tiệt không còn sinh lại nữa. Do đó Như Lai không cần che giấu, giấu giếm ngăn che giữ gìn... “Chớ để người khác thấy được ý nghiệp dơ bẩn này của ta. Cho nên nói Như Lai có ý nghiệp luôn hiện hành đều là thanh tịnh”.

Bài kệ tụng thứ ba nói:

*Ba: ba pháp có chín
Là ba ái, lậu, cầu
Và có - hắc ám thân
Sợ, các: Thọ khổ kiêu.*

Gồm có: Ba thứ ái, ba thứ lậu, ba thứ cầu, ba thứ hữu, ba thứ thân đen tối, ba thứ sợ, ba thứ thọ, ba thứ tánh khổ, ba loại kiêu mạn.

Ba thứ ái: Đó là ái dục, ái sắc, ái vô sắc.

Hỏi: Ái dục là thế nào?

Đáp: Nghĩa là đối với các dục có những cái tham nào thì đều tham lam ham muốn tất cả, rồi sinh ra nắm giữ, chứa cất, giấu giếm, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt. Đó gọi là ái dục.

Lại còn bị ràng buộc trong cõi Dục cùng các thứ: mười tám giới, mười hai xứ và năm uẩn nếu có những cái tham nào thì đều tham lam ham muốn tất cả, rồi nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê chấp trước, yêu mền, dính chặt... Đó gọi là ái dục.

Lại còn, dưới kể từ địa ngục Vô gián, trên đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, gồm thân cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức..., có những cái tham nào

đều tham tất, rồi nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt. Đó gọi là ái sắc.

Hỏi: Ái sắc là sao?

Đáp: Nghĩa là đối với các sắc, có những cái tham nào đều tham lam, ham muốn tất cả, rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ái sắc. Lại còn bị ràng buộc trong cõi Sắc cùng với mười bốn giới, mười xứ và năm uẩn nếu có những cái tham nào thì đều tham tất cả, rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ái sắc. Lại còn, dưới từ cõi trời Phạm chúng, trên lên đến cõi trời Sắc cứu cánh, gồm thêm cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có những cái tham nào đều tham tất, rồi nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt. Đó gọi là ái sắc.

Hỏi: Ái vô sắc là sao?

Đáp: Nghĩa là đối với các thứ: Vô sắc có những cái tham nào đều tham lam ham muốn tất cả, rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ái vô sắc. Lại còn bị ràng buộc trong cõi Vô sắc cùng với hai xứ, bốn uẩn, trong đó có những cái tham nào thì đều tham tất, rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ái vô sắc.

Lại nữa, như cõi Dục và cõi Vô sắc thì nhất định các chỗ nơi thứ bậc trên dưới cao thấp có sai khác nhau, không thể lẫn lộn nhau được. Còn ở cõi Vô sắc thì không giống nhau như thế, nhưng đối với những cái cần phải nương nhờ y chỉ thì nhất định là phải có nương nhờ y chỉ nên sinh ra các sự hơn kém mà nói có trên dưới. Do đó mà dưới từ cõi trời Không vô biên xứ, trên lên đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng, gồm thâu các thứ thọ, tưởng, hành, thức. Trong đó có những cái tham nào thì đều tham tất, rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ái vô sắc. Như Thế Tôn nói kệ:

Những kẻ nào có ái

Nhiều đời luôn lưu chuyển

Nhiều phen khổ trong thai

Lẫn quẩn nơi các cõi.

Kẻ nào đoạn hết ái

Dòng thác lũ ngừng chảy

Vì không ái trợ lực

Chẳng xoay vòng kiếp sau.

Lại có ba thứ ham thích (Ái):

1. Là ham thích dục.
2. Là ham thích sự có.
3. Là ham thích sự không có.

Hỏi: Ham thích dục là sao?

Đáp: Đối với các dục trong đó có những thứ tham nào đều ham thích ưa muốn tất cả rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ham thích dục.

Hỏi: Ham thích sự có là sao?

Đáp: Đối với cõi Sắc và Vô sắc có những cái tham nào đều ham thích ưa muốn tất cả rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu dính chặt... Đó gọi là ham thích sự có.

Hỏi: Ham thích sự không có là sao?

Đáp: Tức là mừng vui với sự không có. Đối với không có, nếu có những cái tham nào thì đều ham thích ưa muốn tất cả, rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt... Đó gọi là ham thích sự không có. Điều này như thế nào? Thí dụ như có người luôn luôn bị các sự sợ hãi lo lắng bứt ngặt, gây khổ sâu, và bị các nỗi buồn rầu đau khổ bứt ngặt gây khổ..., nên luôn luôn có cảm giác khổ sở. Do đó mà nghĩ: Làm thế nào thân ta khi chết rồi thì tan mất, dứt hết không có gì nữa thế là dứt hẳn các bệnh há chẳng sung sướng vui lắm sao? Thế là người vui với sự không có. Cho nên trong không có thì có nhiều ham thích ưa muốn rồi sinh ra nắm giữ, cất giấu, giữ gìn, đam mê, chấp trước, mền yêu, dính chặt. Thế nên gọi là ham thích sự không có. Như Thế Tôn có nói kệ:

*Kẻ nào còn chấp ái
 Tâm tham có, không có
 Ma ách đóng ách vào
 Thân luôn không an lạc.
 Xoay vòng trong các cõi
 Sinh ra rồi già, chết
 Như ghé con ham sữa
 Theo mẹ bú mãi thôi.*

Ba thứ lậu: Đó là dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu.

Hỏi: Dục lậu là sao?

Đáp: Trừ cõi Dục bị cột chặt vào vô minh, còn các cõi Dục khác thì bị ràng buộc do tùy miên và tùy phiền não, nên gọi là dục lậu.

Hỏi: Hữu lậu là sao?

Đáp: Trừ cõi Sắc và Vô sắc bị cột chặt vào vô minh, còn các cõi

Sắc và Vô sắc khác bị ràng buộc do tùy miên và tùy phiền não, nên gọi là hữu lậu.

Hỏi: Vô minh lậu là sao?

Đáp: Cả ba cõi đều ngu mê không có trí tuệ, đó gọi là vô minh lậu.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu Bí-sô đã đoạn
Lậu dục, hữu, vô minh
Các lậu đã dứt hẳn
Nhập Niết-bàn không bóng.*

Ba thứ cầu mong: Đó là cầu mong dục, cầu mong hữu và cầu mong phạm hạnh.

Hỏi: Cầu mong dục là sao?

Đáp: Trụ ở cõi Dục thì đối với các pháp ở cõi Dục, pháp nào chưa được thì mong cho được. Các thứ cầu mong tùy theo đó mà mong cầu, mong cầu đều nhau (bình đẳng), sợ mà cầu, vui mà cầu mong, suy nghĩ mà mong cầu, siêng mà mong cầu v.v... Đó gọi là mong cầu dục.

Hỏi: Cầu mong hữu là sao?

Đáp: Trụ ở cõi Sắc và Vô sắc thì đối với các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc, pháp nào chưa được thì mong cầu cho được. Các thứ cầu mong đó... cho đến siêng năng mong cầu. Đó gọi là mong cầu sự có (Hữu).

Hỏi: Cầu mong phạm hạnh là sao?

Đáp: Nghĩa là hai thứ giáo hội thì nói là phạm hạnh, tám chánh đạo cũng gọi là phạm hạnh. Với nghĩa trong đây thí ý nói về tám chánh đạo phạm hạnh. Đối với tám chánh đạo có những cái nào chưa được thì mong cho được, các thứ cầu mong..., cho đến siêng năng mà cầu, thì đó gọi là mong cầu phạm hạnh.

Lại còn dục cầu thì không phải là mong cầu sau khi chết rồi sẽ được sinh lên các cõi, mà là đối với cuộc sống hiện tại thì ham thích các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, y phục, ăn uống, giường nằm (ngọa cụ), thuốc men, tiền bạc, vật dụng hằng ngày..., thứ nào chưa được thì mong cho được. Các thứ cầu mong..., cho đến siêng cầu, đó gọi là dục cầu.

Còn hữu cầu (mong cầu các hữu), tức là có năm thứ uẩn chấp. Tức là sắc uẩn chấp, thọ uẩn chấp, tưởng uẩn chấp, hành uẩn chấp, thức uẩn chấp. Ví dụ có loại người nghĩ: Làm thế nào mà ở đời vị lai ta sẽ có được các loại sắc, thọ, tưởng, hành, thức như thế. Người ấy sau khi chết rồi sẽ sinh lên các cõi đó, và với năm uẩn sắc, thọ v.v... đó mà có các mong cầu..., cho đến siêng năng cầu mong... Đó gọi là hữu cầu.

Còn mong cầu phạm hạnh là sao? Tức là từ pháp thế đệ nhất khi

hướng đến khổ pháp trí nhãn thì có cầu mong phạm hạnh cũng chẳng phải có phạm hạnh. Vì sao như thế? Là vì phạm hạnh chính là tám chi Thánh đạo (tám chánh đạo). Khi đó đối với phạm hạnh thì chưa được hoặc chưa gần được, chưa có, chưa hiện có. Khi từ khổ pháp trí nhãn hướng đến khổ pháp trí thì có mong cầu phạm hạnh liền có phạm hạnh. Vì sao? Vì phạm hạnh là tám chánh đạo. Bây giờ, đối với phạm hạnh thì đã được, đã gần được, đã có, đã hiện có. Như thế, nếu từ khổ pháp trí hướng đến khổ loại trí nhãn, rồi từ khổ loại trí nhãn hướng đến khổ loại trí, và từ khổ loại trí hướng đến tập pháp trí nhãn, rồi từ tập pháp trí nhãn hướng đến tập pháp trí, rồi từ tập pháp trí hướng đến tập loại trí nhãn, rồi từ tập loại trí nhãn hướng đến tập loại trí, và từ tập loại trí hướng đến diệt pháp trí nhãn, rồi từ diệt pháp trí nhãn hướng đến diệt pháp trí, rồi từ diệt pháp trí hướng đến diệt loại trí nhãn, rồi từ diệt loại trí nhãn hướng đến diệt loại trí, và từ diệt loại trí hướng đến đạo pháp trí nhãn, rồi từ đạo pháp trí nhãn hướng đến đạo pháp trí, và từ đạo pháp trí hướng đến đạo loại trí nhãn, rồi từ đạo loại trí nhãn hướng đến đạo loại trí, và từ đạo loại trí hướng đến đạo loại trí. Hoặc khi hướng đến các trí vô lậu khác thì có mong cầu phạm hạnh liền có phạm hạnh. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo nói là phạm hạnh. Nên lúc đó đối với phạm hạnh thì đã được, đã gần được, đã có, đã hiện có.

Lại còn, nếu là đạo ở thế gian, khi đã chứng được quả Nhất lai hay quả Bất hoàn thì có mong cầu phạm hạnh thì chẳng có phạm hạnh. Vì sao? Vì phạm hạnh là tám chi Thánh đạo. Bây giờ đối với phạm hạnh vẫn chưa được, chưa gần được, chưa có, chưa hiện có. Nếu đối với đạo vô lậu mà chứng được quả Dự lưu, hoặc khi chứng được các quả vị Nhất lai, Bất hoàn và A-la-hán thì có mong cầu phạm hạnh liền được phạm hạnh. Vì sao? Vì phạm hạnh là tám chi Thánh đạo. Bây giờ, đối với phạm hạnh là đã được, đã gần được, đã có, đã hiện có. Như Thế Tôn nói kệ:

*Đủ niệm định chánh tri
Chân đệ tử chư Phật
Chánh biết cầu đạo Thánh
Trọn chẳng cầu việc khác.
Nếu mong cầu đã dứt
Thánh đạo cũng tuyệt đường
Bí-sô mong cầu dứt
Nhập Niết-bàn không bóng.*

Ba thứ hữu: Đó là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

Hỏi: Dục hữu là gì?

Đáp: Nếu nghiệp thuộc cõi Dục mà chấp làm điều kiện, thì sẽ có được cái nghiệp của dị thực đó, gọi là Dục hữu.

Hỏi: Sắc hữu là gì?

Đáp: Nếu nghiệp thuộc cõi Sắc mà chấp làm điều kiện, thì sẽ có được cái nghiệp của dị thực đó, gọi là sắc hữu.

Hỏi: Vô sắc hữu là gì?

Đáp: Nếu nghiệp thuộc cõi Vô sắc mà chấp làm điều kiện, thì sẽ có được cái nghiệp của dị thực ấy, đó gọi là vô sắc hữu.

Ba thứ thân hắc ám: Đó là thân hắc ám quá khứ, thân hắc ám vị lai và thân hắc ám hiện tại.

Hỏi: Thân hắc ám quá khứ. Quá khứ là gì, hắc ám là gì, thân là gì, mà gọi là thân hắc ám quá khứ?

Đáp: Quá khứ, nghĩa là các hành đã khởi, cùng khởi lên, đã sinh, đều cùng sinh ra, đã chuyển, đã hiện chuyển, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ ra đi, qua đi, diệt mất, chia lìa, biến đổi thuộc tánh quá khứ, loại quá khứ, thuộc đời quá khứ, nên gọi là quá khứ.

Hắc ám là gì? Nghĩa là đối với các hạnh quá khứ mà phát khởi các thứ mong cầu các thứ tuệ hiểu biết lạ lùng khác nhau. Nói rộng cho đến thứ tên độc của nghi ngờ do dự. Đó gọi là hắc ám.

Còn thân là gì? Có người nói nghi tương ứng với vô minh thì gọi là thân. Ở nghĩa trong đây thì nghi gọi là thân. Tại sao? Vì hắc (đen) là ngu si vô trí, do hắc nên có ám nên gọi là hắc ám. Đây là nghi, tức là bỏ cái đen tối nầy mà gọi là thân. Cho nên nói thân hắc ám quá khứ.

Hỏi: Thân hắc ám vị lai. Vị lai là gì, hắc ám là gì, thân là gì mà gọi là thân hắc ám vị lai?

Đáp: Vị lai: Nghĩa là các hành chưa khởi, cùng chưa khởi lên, chưa sinh cùng chưa sinh ra, chưa chuyển, hiện chưa chuyển, chưa tụ tập, chưa xuất hiện, thuộc tánh vị lai, loại vị lai, thuộc đời vị lai. Thế nên gọi là vị lai.

Hắc ám (đen tối) là gì? Nghĩa là đối với các hành vị lai mà phát khởi các thứ mong cầu các thứ tuệ hiểu biết lạ lùng khác nhau. Rộng nói cho đến thứ tên độc của nghi ngờ do dự. Đó gọi là hắc ám.

Còn thân, tức là thuyết nói khi tương ứng với vô minh gọi là thân. Theo nghĩa đó thì nghi là thân. Vì sao? Là vì đen là ngu si vô trí, do đen nên có tối. Đây tức là nghi, do đen tối đó mà gọi là thân. Cho nên nói là thân hắc ám vị lai.

Hỏi: Thân hắc ám hiện tại. Hiện tại là gì, hắc ám là gì, thân là gì

mà nói là thân hắc ám hiện tại?

Đáp: Hiện tại, nghĩa là các hành đang khởi, cùng khởi lên, đã sinh, cùng sinh đang chuyển đổi, hiện đang chuyển, đang trụ ở tụ tập và xuất hiện, đang từ tạ ra đi, đang diệt mất, đang chia lìa biến đổi hòa hợp ở hiện tiền, thuộc tánh hiện tại, loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó gọi là hiện tại.

Hắc ám là gì? Nghĩa là đối với các hành hiện tại mà khởi lên các thứ mong cầu các thứ tuệ hiểu biết khác lạ. Nói rộng cho đến thứ tên độc của nghi ngờ do dự đó là hắc ám.

Còn thân, tức là có thuyết nói nghi tương ứng với vô minh gọi là thân theo nghĩa đó thì nghi là thân. Vì sao? Đen tức là ngu si vô trí, do đen nên có tối. Nên nói là đen tối (hắc ám). Đây tức là nghi, tức là do đen tối này mà gọi là thân. Cho nên nói thân hắc ám hiện tại.

Ba thứ sợ hãi: Đó là sợ bệnh, sợ già, sợ chết.

Hỏi: Sợ bệnh là gì?

Đáp: Bệnh là: Thí dụ như đau đầu v.v... Như trong pháp uẩn mà nói gọi là bệnh. Sợ là sao? Như có một số người thấy người khác bệnh thì hết sức run sợ, tự nghĩ: Thân ta cũng là phận đó, cũng có tính chất đó, cũng hiện tượng đó. Và chưa thể vượt qua hiện tượng đó nên họ hết sức sợ sệt hãi hùng, sợ đến sờn gai ốc, dựng tóc gáy! Đó gọi là sợ. Do bệnh mà sợ hãi nên gọi là sợ bệnh.

Hỏi: Sợ già là sao?

Đáp: Già là tóc bạc, rụng v.v..., nên theo pháp uẩn mà bàn, đó là già. Sợ là sao? Như có người thấy người khác già khụ thì hoảng sợ... Nói rộng ra như sợ dựng tóc gáy. Đó là sợ. Do vì già mà sợ hãi, nên gọi là sợ già.

Hỏi: Sợ chết là thế nào?

Đáp: Chết là sao? Là mọi người mọi vật đang sống hoạt động, tụ họp, dời đổi..., lại bỗng dừng trở nên bất động chết mất hư hoại nên bàn về chết chóc theo pháp uẩn mà bàn đó gọi là chết. Sợ là sao? Như có số người thấy người khác chết đi thì hoảng vía, nói rộng ra như sợ đến dựng tóc gáy. Đó gọi là sợ. Do chết chóc mà sợ hãi, nên gọi là sợ chết. Như Thế Tôn nói kệ:

*Các dị sinh tuy sợ
Nhưng thứ bệnh, già, chết
Mà chẳng thể như thật
Chán sợ về thân này
Ta vì chán thân này*

*Hiểu sâu hiện tượng đó
Nên chẳng ham ở lâu
Mau nhập vô dư y
Ta xét thấy mọi thứ
Tuổi trẻ không bệnh, chết
Bệnh, già, chết hủy hoại
Chỉ xuất ly an ổn
Ta đã luôn siêng năng
Thấu suốt đường rốt ráo
Nên chẳng ham theo dục
Buông xả, tu phạm hạnh.*



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 5

Phẩm 4: BA PHÁP, Phần 3

Ba thứ thọ nhận: Thọ nhận vui, thọ nhận khổ, thọ nhận chẳng khổ, chẳng vui.

Hỏi: Thọ nhận vui là gì?

Đáp: Tức là tiếp xúc thọ nhận các điều thuận vui nên khiến thân và tâm đều vui mà nhận đều xúc cảm. Đó là cảm xúc vui. Lại còn khi tu Sơ thiền, Nhị thiền và Tam thiền thì cũng có những cảm giác, cảm xúc vui của thân và tâm như thế. Nên gọi là thọ nhận vui.

Hỏi: Thọ nhận khổ là gì?

Đáp: Tức là tiếp xúc thọ nhận các điều thuận khổ nên khiến thân và tâm đều khổ mà nhận đều cảm xúc. Đó là cảm xúc khổ.

Hỏi: Thọ nhận chẳng khổ chẳng vui là gì?

Đáp: Tức là tiếp xúc thọ nhận các điều thuận với chẳng khổ chẳng vui khiến thân và tâm buông xả, không nhận đều, không phải không nhận đều cảm xúc. Như Thế Tôn nói lời kệ:

*Đủ niệm, định, chánh tri
Chân đệ tử chư Phật
Nên biết đúng các thọ
Khiến mọi tham chẳng sinh.
Đối các thọ và đạo
Đều khiến thấy mất dần
Bí-sô hết các thọ
Là Niết-bàn vô ảnh.*

Ba thứ tánh khổ: Tức là tính chất khổ khổ, tính chất hoại khổ và tính chất hành khổ.

Hỏi: Thế nào là tính chất khổ khổ?

Đáp: Các hành ở cõi Dục do khổ chồng lên nhau nên phải khổ.

Hỏi: Thế nào là tính chất hoại khổ?

Đáp: Các hành ở cõi Sắc do hoại khổ nên có khổ.

Hỏi: Thế nào là tính chất hành khổ?

Đáp: Các hành ở cõi Vô sắc do hành khổ nên có khổ.

Lại còn các hành nào chẳng vừa ý là do khổ khổ cho nên có khổ. Còn các hành nào vừa ý mà bị hoại khổ cho nên có khổ. Còn các hành nào thuận với việc buông xả mà do hành khổ nên có khổ.

Lại còn, nếu có cảm xúc khổ, nếu pháp đó tương ứng thích hợp, nếu pháp đó đều có, nếu từ nó sinh ra, nếu như những cái đó khiến mình không mến thích được quả dị thực..., thì đó là do khổ mà có khổ

Nếu có các cảm xúc vui, nếu pháp đó tương ứng thích hợp, nếu pháp đó đều có, nếu từ nó sinh ra, nếu các thứ đó khiến không thể mến thích được quả dị thực, ấy là do hoại khổ nên có khổ.

Nếu cảm xúc chẳng khổ chẳng vui, nếu pháp đó tương ứng thích hợp, nếu pháp đó đều có, nếu từ nó sinh ra, nếu các thứ đó chẳng phải đáng ưa chẳng phải không đáng ưa quả dị thực. Ấy là do hành khổ cho nên có khổ.

Hỏi: Lại còn tính chất khổ khổ là thế nào?

Đáp: Các thân xác này mà có đây là do khổ khổ mà khổ. Vì sao? Vì chính từ thân này mà có già, bệnh, chết và biết bao nhiêu thứ khổ.

Hỏi: Còn tính chất hoại khổ là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói như tình bèo bạn thắm thiết, tình ruột thịt thân yêu và bao nhiêu cảnh vật, bao sự việc rất hợp ý vui lòng... Nếu khi gặp phải sự biến đổi hư hoại, hoặc gặp phải sự hủy báng chê bai, khinh chê miệt thị... Rồi thì phát sinh ra bao nhiêu sầu khổ đau buồn, bi thương nhục nhã. Chính lúc đó là do hoại khổ tạo ra khổ.

Hỏi: Tính chất của hành khổ là sao?

Đáp: Trừ tính chất khổ khổ và tính chất hoại khổ, tất cả các hành hữu lậu đều thuộc về hành khổ mà có khổ.

Ba thứ kiêu ngạo:

1. Kiêu ngạo vì ta hơn.
2. Kiêu ngạo vì ta bằng họ.
3. Kiêu ngạo vì ta thua kém.

Hỏi: Vì ta hơn mà kiêu ngạo là sao?

Đáp: Như có người nghĩ: Kể ra về giống nòi, hình dạng, nghề nghiệp, sự khéo léo, tiền của, địa vị, tuổi thọ, sức khỏe..., của ta, dù nhìn chung hay riêng biệt, tất cả đều vượt hơn người ấy. Do đó mà khởi lên kiêu ngạo phách lối. Đã kiêu ngạo sẽ càng kiêu ngạo hơn mãi, lòng luôn tự cao tự đại luôn vênh váo, cậy thế, miệt thị khinh thường tất cả.

Đó là kiêu ngạo vì ta hơn.

Hỏi: Kiêu ngạo vì ta bằng họ là sao?

Đáp: Như có người nghĩ: Kể ra về giống nòi, hình dáng, nghề nghiệp, tài nghệ, tiền của, địa vị, tuổi thọ, thể lực, sức khỏe..., của ta, dù nhìn chung hay riêng biệt, tất cả đều ngang bằng với kẻ đó. Do một lý do riêng mà khởi lên kiêu ngạo, đã kiêu ngạo rồi thì sẽ càng phách lối hơn lên, lòng luôn tự cao tự đại, luôn vênh váo, cậy thế, miệt thị coi thường tất cả. Đó là kiêu ngạo vì ta bằng họ.

Hỏi: Kiêu ngạo vì ta thua kém là sao?

Đáp: Như có người nghĩ: Kể về giống nòi, hình dáng, nghề nghiệp, tài nghệ, tiền của, địa vị, tuổi thọ, sức khỏe, thể lực..., của ta, dù nhìn chung hay riêng biệt thì ta đều thua hẳn cả. Nhưng vì một lý do riêng mà khởi lên lòng kiêu ngạo, đã kiêu ngạo thì lại càng kiêu ngạo phách lối hơn lên, lòng luôn tự cao tự đại, luôn vênh váo cậy thế, miệt thị coi thường tất cả. Đó là kiêu ngạo vì ta kém thua.

Bài kệ thứ tư nói (Ốt-đà-nam):

Bốn: Ba pháp có mười

Là: Lửa, phước, dục, lạc

Và tuệ, căn, mắt, phục

Sáu một, lửa tuệ hai.

Có ba thứ lửa, ba phước nghiệp, ba dục sinh, ba lạc sinh, ba thứ tuệ, ba thứ căn, ba thứ mắt, ba thứ phục, lửa tuệ mỗi thứ có hai, còn sáu thứ khác mỗi thứ có một.

Ba thứ lửa: Đó là lửa tham, lửa sân, lửa si.

Hỏi: Lửa tham là sao?

Đáp: Nghĩa là đối với sự tham lam trong các cảnh dục mà ham thích ham muốn tất cả rồi sinh ra giấu cất, giữ gìn, chấp chặt, yêu thích, mê mẩn lo lắng đắm mê, tự cột trói nội tâm, ước muốn, mong cầu, ham thích. Là nơi chiêu tập các khổ, nó là loại tham lam, thứ sinh ra tham lam. Gọi chung là tham lam. Tham ái này, che chắn ngăn lấp mà phát sinh ra các thứ bứt rứt nóng nảy cho thân và tâm, hoặc cả thân tâm, nó thiêu đốt thân hoặc tâm hoặc cả thân tâm, nó não hại phá rối thân hoặc tâm hoặc cả thân tâm. Do bị tham ái nó cột trói ràng rịt nên suốt cả ngày đêm luôn luôn gặp bao nhiêu thứ buồn rầu phiền muộn chẳng vui thích, chẳng thỏa lòng với quả dị thực. Thế nên gọi là lửa tham.

Hỏi: Lửa sân giận là sao?

Đáp: Là cố ý muốn làm tổn hại loài hữu tình, lòng luôn ôm mối tàn độc thích gây đau buồn cho mọi người. Đã sân giận, đang giận và

sẽ giận dữ mãi. Thích gây ra tội ác tai họa, lại càng hừng hực tạo thêm. Lòng mãi giận dữ hung ác, nên lại càng trái khuấy dữ dần gây tai họa cho mọi người. Đã gây tai họa, sẽ gây tai họa và hiện đang gây tai họa. Gọi chung là giận. Giận nảy che chắn ngăn lấp mà phát sinh ra các thứ bứt rứt nóng nảy cho thân hoặc tâm hoặc cả thân tâm, nó thiêu đốt não hại thân hoặc tâm hoặc cả thân tâm. Do vì bị sân giận cột trói ràng rịt nên suốt cả ngày đêm luôn luôn gặp bao thứ buồn rầu phiền muộn, chẳng vui thích, chẳng thỏa lòng với quả dị thực. Đó là lửa sân.

Hỏi: Lửa si mê là thế nào?

Đáp: Nghĩa là đối với phía trước hay phía sau, hoặc cả hai phía trước sau chẳng biết gì. Nói rộng ra là cho đến thuộc loại si mê, thứ sinh ra si mê, đều gọi chung là si. Ngu si nảy che chắn, ngăn lấp mà phát sinh ra các thứ bứt rứt nóng nảy cho thân hoặc tâm hoặc cả thân tâm, nó thiêu đốt, não hại quấy nhiễu cho thân hoặc tâm hay cả thân tâm. Lại bị sự ngu si trói cột ràng buộc nên suốt cả ngày đêm luôn luôn gặp bao thứ buồn rầu phiền muộn, chẳng vui thích, chẳng thỏa lòng với quả dị thực. Đó gọi là lửa si. Như Thế Tôn nói kệ:

*Có nhiều kẻ ngu si
Lửa đốt tham sân si
Đắm mê các cảnh dục
Hại đời, ghét pháp Phật.
Ba lửa độc thiêu đốt
Nếu chẳng biết như thật
Bền tham đắm có thân
Chẳng đến được tịch diệt.
Tà quấy ngăn lối đi
Đọa vào ba đường dữ
Luân hồi, chịu khổ não
Chẳng thoát khỏi lưới ma.
Đệ tử bậc Chánh giác
Suốt đêm ngày siêng năng
Từ tuệ diệt tướng xấu
Cùng dập tắt ba lửa.
Do đó vào Thánh đạo
Hàng phục các quân ma
Chứng được hai Niết-bàn
Mát mẻ không lậu hoặc.*

Có ba thứ lửa: Đó là lửa nên phụng sự, lửa nên ban thí cấp dưỡng,

lửa nên cúng dường.

Hỏi: Thế nào là lửa nên phụng sự?

Đáp: Cha mẹ là những người đáng được thờ kính phụng sự, như Đức Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn có thân hình cao đẹp. Thế nào là lửa nên phụng sự? Nghĩa là, ở đời thì cha mẹ những kẻ đáng được hưởng thụ mọi sự cung phụng đầy đủ, vui vẻ của con mình. Và tùy lúc, tùy nơi mà cung phụng không lầm lỗi trái ý. Thế nào là người con dùng mọi thứ đầy đủ và vui vẻ tùy lúc tùy nơi mà cung phụng không trái ý là lửa nên phụng sự? Nghĩa là chàng trai trẻ dòng dõi ưu tú do sức của cần mẫn siêng năng, của đôi tay chân mạnh mẽ, của mồ hôi nước mắt và máu mà hợp pháp tạo ra những của cải tiền bạc, các sự đầy đủ vui vẻ, tùy lúc tùy nơi mà phụng dưỡng thờ kính không lỗi lầm trái ý cha mẹ. Vì sao gọi là lửa đáng nên phụng sự? Tức do cha mẹ sinh ra, và nuôi lớn người trai trẻ ấy nay được thành đạt, thế nên chư Phật nói cha mẹ rất đáng được phụng sự thờ kính cung phụng.

Hỏi: Thế nào là lửa nên ban thí cấp dưỡng?

Đáp: Ấy là vợ con, nô tỳ kẻ giúp việc và bè bạn, phải được chủ nhà ban thí cấp dưỡng, như Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn có thân hình cao lớn. Thế nào là lửa ban thí cấp dưỡng? Tức là ở đời thì có vợ con nô tỳ kẻ giúp việc và bè bạn phải được gia chủ tùy lúc tùy nơi mà ban thí cung cấp mọi thứ đầy đủ và vui vẻ không lỗi lầm nghịch ý. Vì sao chủ nhà phải dùng các thứ đầy đủ và vui vẻ mà tùy lúc tùy nơi không lỗi lầm trái ý mà cung cấp ban thí lửa đang cung cấp ban thí? Nghĩa là chàng trai trẻ dòng dõi kia do sức của siêng năng với đôi tay chân mạnh mẽ và với mồ hôi nước mắt và cả máu để tạo ra của cải tiền bạc một cách hợp pháp mà cung cấp đầy đủ và vui vẻ, tùy lúc tùy nơi không hề lỗi lầm trái ý cho vợ con, nô tỳ kẻ giúp việc và cả bạn bè. Vì sao gọi là lửa cung cấp ban thí? Nghĩa là chàng trai trẻ dòng dõi kia khi ở nhà hãy đúng pháp mà phụng sự không lỗi lầm trái ý vợ con như dạy bảo chỉ về cách làm việc, các việc nên làm, khiến cho không lỗi lầm thiếu hụt và hoàn thành nhanh chóng. Thế nên chư Phật nói là vợ con, nô tỳ kẻ giúp việc và bè bạn là lửa nên cung cấp ban thí.

Hỏi: Thế nào là lửa đáng nên cúng dường?

Đáp: Các bậc Sa-môn Bà-la-môn chân chánh đáng được các thí chủ cung kính cúng dường như Đức Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn có thân hình cao lớn. Vì sao gọi là lửa đáng nên cúng dường? Nghĩa là các bậc Sa-môn Bà-la-môn nếu đã lìa bỏ tham lam hoặc đã tu hành điều phục thói tật tham lam, hoặc đã lìa bỏ sân giận hay tu hành điều

phục thói tật sân giận, hoặc đã lìa bỏ si mê hay đang tu hành điều phục thói tật si mê. Các bậc Sa-môn Bà-la-môn như thế đáng thọ hưởng các vui vẻ đầy đủ của thí chủ tùy lúc tùy nơi mà cúng dường không trái lý. Vì sao thí chủ dùng các thứ đầy đủ vui vẻ để tùy lúc tùy nơi mà cúng dường đúng lý tức lửa đáng cúng dường? Ấy là vì chàng trai trẻ dòng dõi kia do sức luôn siêng năng, sức của đôi tay chân khỏe mạnh hay sức của mồ hôi nước mắt và máu để tạo ra các của cải tiền bạc một cách hợp pháp mà có đầy đủ các thứ vui tươi để tùy lúc tùy nơi mà cúng dường không nghịch lý lỗi lầm các bậc Sa-môn Bà-la-môn như đã nói trước đây. Vì sau gọi là lửa đáng nên cúng dường? Vì chàng trai trẻ dòng dõi ấy đáng nên cúng dường các bậc A-la-hán và những bậc hữu học, chính họ là ruộng phước chân chánh ở thế gian để các thí chủ ở đó mà gieo trồng cây phước đức, để chiêu cảm được quả dị thực giàu sang hạnh phúc ở đời này và đời khác cũng như quả giải thoát. Thế nên chư Phật nói các bậc Sa-môn chân chánh, Bà-la-môn chân chánh là lửa đáng cúng dường.

Các loại lửa khác ở thế gian, chẳng đáng phụng sự, cung cấp ban thí và cúng dường, vì nó không thể giúp các loài hữu tình có được các quả báo cao quý. Thế nên Đức Thế Tôn nói kệ:

Bậc trí giỏi đúng pháp

Thờ cúng ba thứ lửa

Sinh vui vẻ trên đời

Chứng giải thoát hết khổ.

Có ba sự phước nghiệp: Đó là sự phước nghiệp bố thí, sự phước nghiệp trì giới và sự phước nghiệp tu hành.

Hỏi: Sự phước nghiệp bố thí: Thí là gì, phước là gì, nghiệp là gì, sự là gì mà gọi là sự phước nghiệp bố thí?

Đáp: Nghĩa là thí chủ bố thí cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, những kẻ nghèo khổ, tu khổ hạnh và kẻ ăn xin các thứ như: thức ăn, thuốc men, y phục, hoa cài đầu, các chất thơm để thoa xức, hoặc nhà cửa phòng ốc, giường nằm, ngọa cụ, đèn đuốc mọi thứ vật dụng..., đó là những vật bố thí.

Lại do thân mà bố thí, nghĩa là hoặc bố thí thân, bố thí việc làm của thân nghiệp, hoặc bố thí mà mình buông xả. Do miệng mà bố thí, nghĩa là bố thí lời nói, bố thí ngữ nghiệp, hoặc bố thí vật mà mình buông xả. Do ý mà bố thí, nghĩa là bố thí tâm ý, bố thí ý nghiệp hoặc bố thí tâm buông xả. Đó gọi là bố thí các loại.

Phước là sao? Nghĩa là bố thí đều các hạnh của thân và lời nói đều

có khuôn phép và đời sống thanh tịnh, gọi đó là phước. Còn nghiệp là sao? Nghĩa là bố thí đều là hạnh của các tư tưởng, suy nghĩ, đang suy nghĩ, đã suy nghĩ, các loại suy nghĩ tạo nên ý nghiệp. Đó là nghiệp. Còn sự, thì đó là người bố thí, kẻ nhận và vật bố thí, đó gọi là sự.

Trong đây thì vật bố thí (loại thí) gọi là thí loại, cũng gọi là phước, là nghiệp, là sự. Còn phước ở đây thì gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, là sự, là loại bố thí. Còn nghiệp thì gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, là vật thí, là phước. Ở đây chỉ có sự thì gọi là sự mà thôi.

Hỏi: Sự phước nghiệp trì giới: Giới loại là gì, phước là gì, nghiệp là gì, sự là gì mà gọi là: Sự phước nghiệp trì giới?

Đáp: Các thứ giới tức là: Từ bỏ giết hại, từ bỏ trộm cướp, lìa dâm dục tà hạnh, lìa nói dối, lìa bỏ uống chất Tốt-la-mê-lê-gia-mạt-đà, buông lung chồn rượu chè..., đó gọi là các thứ giới (giới loại). Phước, tức là trì giới thì đều là các hạnh của thân và miệng đều có khuôn phép, đời sống thanh tịnh. Đó là phước. Nghiệp, trì giới đều là hạnh của các sự suy nghĩ, hiện đang suy nghĩ, đã suy nghĩ, các loại suy nghĩ tạo nên ý nghiệp. Đó là nghiệp. Còn sự, tức là ngăn ngừa, giữ gìn, ngăn cấm hoặc từ bỏ giết hại thì đó là sự lìa bỏ giết hại. Nếu ngăn cấm hoặc lìa bỏ trộm cướp, thì đó là sự lìa bỏ trộm cướp. Còn nếu ngăn cấm hoặc lìa bỏ tà hạnh thì đó là sự lìa bỏ tà hạnh. Nếu ngăn cấm lìa bỏ nói dối thì đó là sự lìa bỏ nói dối. Nếu ngăn cấm lìa bỏ việc uống Tốt-la-mê-lê-gia-mạt-đà, phóng dật chồn rượu chè thì tức là sự lìa bỏ uống các thứ rượu. Đó gọi là sự.

Ở đây giới loại thì gọi là giới loại, cũng gọi là phước, là nghiệp, là sự, là giới loại. Còn nghiệp ở đây cũng gọi là nghiệp, là phước, là sự, là giới loại. Và sự ở đây cũng gọi là sự, là giới loại, là phước, là nghiệp.

Hỏi: phước nghiệp tu hành: Tu loại là gì, phước là gì, nghiệp là gì, sự là gì mà gọi là Sự phước nghiệp tu hành?

Đáp: Các thứ tu hành tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả bốn thứ tâm vô lượng. Đó gọi là tu loại. Phước là bốn thứ vô lượng đó đều là các hạnh của thân và miệng có khuôn phép và đời sống thanh tịnh, đó gọi là phước. Còn nghiệp, tức là thứ vô lượng đó đều là hạnh của các tư tưởng suy nghĩ, hiện đang suy nghĩ, đã suy nghĩ, các thứ suy nghĩ tạo nên ý nghiệp, đó gọi là nghiệp. Còn sự, nghĩa là các sự duyên đến để khởi lên bốn thứ vô lượng tâm, đó gọi là sự. Ở đây thì phước cũng gọi là phước, cũng gọi là nghiệp, là sự, là tu loại. Còn nghiệp gọi là nghiệp, cũng gọi là sự, là phước, là tu loại. Riêng sự đây chỉ gọi là sự mà thôi. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bậc trí nương vào pháp
Siêng học thí, giới, tu
Khiến thế gian không khổ
Nhận ba thứ quả vui.*

Ba thứ dục sinh: Có các loại chúng sinh (hữu tình) ham thích thọ nhận các dục cảnh đẹp để hiện tiền, vì ở trong các dục cảnh hiện tiền, họ được giàu sang tự tại, gọi đó là người có toàn là người có một phần trời đó là dục sinh thứ nhất (cõi Dục).

Có các loài hữu tình lại ưa thích tự mình hóa ra các dục cảnh đẹp để. Vì ở trong các dục cảnh đẹp để tự hóa đó, họ trở nên giàu sang tự tại, gọi đó là cõi trời Lạc-biến-hóa, đó là dục sinh thứ hai.

Có các loài hữu tình lại ưa thích các biến hóa dục cảnh đẹp để của người khác, nó đối với các dục cảnh đẹp để vì trong đó họ trở nên giàu sang tự tại, nên gọi là cõi trời Tha-hóa-tự-tại, đó là dục sinh thứ ba.

Các loài hữu tình nói ở đây, là các hữu tình theo nghĩa đế nghĩa thắng, thì không nắm bắt được, chẳng thể gần được, nó không có, cũng chẳng hiện hữu, mà chỉ là các uẩn, giới và xứ. Do các ý tưởng nghĩ ra nên giả đặt gọi đó là hữu tình là Na-la ý, sinh bé thơ, mạng là sống, nuôi dưỡng là sĩ phu, Bỏ-đặc-già-la..., do đó nên nói có các loài hữu tình ưa thích hưởng thụ cảnh vui hiện tiền. Còn các dục cảnh đẹp để, đó tức là những loài hữu tình luôn thích thọ hưởng những thứ đã được cất giấu, giữ gìn, chất chứa, tụ tập, gói gắm, đặt để... và tùy theo gốc của nó mà sinh ra các dục cảnh hiện tiền.

Trong các dục cảnh đẹp để hiện tiền họ giàu sang tự tại, tức là các loài hữu tình đó đối với các thứ thọ hưởng được cất chứa giữ gìn chứa nhóm gói gắm, đặt để, tùy gốc của nó sinh ra các dục cảnh hiện tiền, thì có quyền được tùy ý thọ hưởng.

Nói toàn là người là chỉ cho tất cả người.

Một phần trời là chỉ bốn cõi trời dưới của cõi Dục.

Số một, tức là tùy theo sự tính đếm dần dần liên tục theo thứ tự thì đó là chỗ ở số một.

Dục sinh, là cõi Dục mà sinh ra.

Lại còn, có các loài hữu tình, tức là nói các loài hữu tình đó nếu theo nghĩa đế, nghĩa thắng thì không thể nắm bắt được, nói rộng như trước.

Ưa thích hưởng thụ các dục cảnh đẹp để tự mình biến hóa đó, tức là cõi trời Lạc-biến-hóa có thể biến hóa tạo ra các nghiệp loại như thế và chính do các nghiệp đó mà tùy ý thích có thể biến hóa ra các thứ vật

dụng kể cả nam nữ để mà vui chơi. Hoặc thiên nữ thì hóa làm thiên nam để tự đùa vui, hoặc thiên nam cũng hóa làm thiên nữ để tự vui đùa.

Đối với các đực cảnh đẹp để do tự biến hóa ra họ được sung sướng tự tại, nghĩa là cõi trời Lạc-biến-hóa tạo tác tăng thêm các nghiệp loại như thế là do các nghiệp ấy họ tùy thích biến hóa ra nam nữ các thứ rồi có quyền được tự do tùy ý hưởng thụ.

Nói “Cõi trời Lạc-biến-hóa” là chỉ cõi trời biến hóa ra mọi thứ vui. “Là bậc thứ hai” (Dục sinh thứ hai) tức là tùy theo sự tính đếm dần dần liên tục theo thứ tự, thì đây là bậc thứ hai.

“Dục sinh” đây là cõi Dục mà sinh ra.

Lại còn có các loài hữu tình, gọi các loài hữu tình nếu theo nghĩa để nghĩa thẳng thì không thể nắm bắt được, nói rộng như trước.

Ưu thích thọ hưởng các đực cảnh do người khác biến hóa ra thì nghĩa là cõi trời Tha-hóa-tự-tại tạo ra tăng thêm các nghiệp loại như thế và do các nghiệp đó cùng với các trời Tha-hóa-tự-tại, tuy là đồng một loại thân ở chung một cõi, đồng một cuộc sống, đồng một đường hưởng tiến tới, nhưng có cao thấp hơn kém khác nhau. Các người ở cõi trời thấp kém thì phải biến hóa đủ mọi thứ; sắc, thanh, hương vị, xúc các đực cảnh đẹp để để cho các người ở cõi trời cao hơn hưởng thụ sử dụng.

Đối với các đực cảnh đẹp để do người khác biến hóa ra thì họ trở nên giàu sang tự tại, có nghĩa là cõi trời Tha-hóa-tự-tại phải tạo ra tăng thêm các nghiệp lợi như thế và do các nghiệp đó mà tùy sở thích khiến các người ở các cõi trời thấp kém phải tạo tác, biến hóa ra các thứ sắc, thanh, hương vị, xúc, các đực cảnh đẹp để để người ở các cõi trời cao hơn có quyền được tự do tùy ý thọ hưởng sử dụng cảnh ấy. Thí dụ như trời Phạm thiên tuy là đồng một loại đồng ở một cõi, đồng một đời sống, đồng một nơi tiến tới... Nhưng lại có hơn kém cao thấp khác nhau. Như cõi trời Phạm chúng thì thấp kém, còn cõi trời Phạm phụ thì cao hơn. Cõi trời Tha-hóa-tự-tại thiên cũng vậy, tạo tác tăng thêm các nghiệp loại như thế, và họ do nghiệp đó... như trước đã nói rộng. Gọi Tha-hóa-tự-tại thiên, là chỉ rõ tất cả Tha-hóa-tự-tại thiên vậy. Còn “là bậc thứ ba” (Đệ tam dục sinh), tức là tùy theo sự tính đếm dần dần liên tục theo thứ tự thì nó thuộc bậc thứ ba. Dục sinh, tức là ở cõi Dục mà sinh ra.

Ba thứ lạc sinh:

1. Có các loài hữu tình ly sinh hỷ lạc, nên khắp thân họ đều được nhuần thấm, đều được vui thích, đều được đầy đủ. Khi thấm nhuần đến đầy đủ đã xong thì được trụ vào an lạc mãi. Đó là cõi trời Phạm chúng, là lạc sinh số một.

2. Có các loài hữu tình từ định sinh hỷ lạc thì thân họ nhuần thấm khắp các vui đó đều được vui thích, đều được đầy đủ. Khi thấm nhuần đến đầy đủ đã xong thì được trụ vào an lạc mãi. Đó là cõi trời Cực quang tịnh, là lạc sinh thứ hai.

3. Có các loài hữu tình đã lìa tất cả mọi sự vui mừng ham thích nên khắp thân đều được nhuần thấm, đều được vui thích, đều được đầy đủ. Khi thấm nhuần đến đầy đủ đã xong thì được trụ vào an lạc mãi. Đó là cõi Biến tịnh, là lạc sinh thứ ba.

Trong đây nói các loài hữu tình, nghĩa là các loài hữu tình theo nghĩa đế nghĩa thắng thì chẳng thể nắm bắt được, chẳng thể gần được, không phải có, cũng không phải hiện hữu, mà chỉ là các uẩn, giới và xứ. Nhưng do tư tưởng nghĩ ra mà giả đặt tên gọi là hữu tình, là Na-la ý sinh bé thơ, mạng là sống, nuôi dưỡng là sĩ phu, Bồ-đặc-già-la. Do đó cho nên nói các loài hữu tình.

Tức như là thân, thì thân gọi là thân, thân nghiệp cũng gọi là thân, thân căn cũng gọi là thân, năm căn có sắc cũng gọi là thân, bốn đại hợp nhau cũng gọi là thân. Theo nghĩa trong đây, là thân do bốn đại hợp nhau, cho nên nói tức như là thân.

Ly sinh hỷ lạc: Tức là từ bậc sơ thiền, tức là đã có được cái vui bình nhiên (bình đẳng tự nhiên) thế nên gọi là ly sinh hỷ lạc, nên khắp thân đều được thấm nhuần vui đó. Vui thích và đầy đủ, là ở cõi trời Phạm chúng đối với ly sinh hỷ lạc kia, tùy ý muốn mà được, không chút khó khăn cực khổ chi. Khi có ly sinh hỷ lạc đó rồi thì muốn khởi là khởi, muốn sinh là sinh các sự tụ tập xuất hiện, nên có thể khiến cho thân do bốn đại hợp thành đó khắp chỗ của thân đều được nhuần thấm, đều vui thích, đều đầy đủ. Khi đã nhuần thấm đến đầy đủ rồi thì sẽ được trụ vào an lạc. Thân và tâm không khổ não tức là trụ vào an lạc.

Như trong kinh Phân Biệt Sinh Ký, Thế Tôn có nói: “Các thầy Bì-sô nên biết, như người tu thiền định thì từ cõi này chết đi sẽ được sinh lên cõi trời Phạm chúng mà nhiều lần được ly sinh hỷ lạc”. Trước đây khi trụ họ vào Sơ thiền thì cũng đã được nhiều lần được ly sinh hỷ lạc. Ly sinh hỷ lạc đã nhận được trước hay sau thì không có gì lạ lùng hay sai khác nhau cả. Nếu như y vào thiền định, nghĩa là trước đây có ở trong bậc Sơ thiền, còn như có luyện tập tu hành, có làm rất nhiều việc thì sau này sẽ sinh lên cõi trời Phạm chúng. Cả hai thứ ly sinh hỷ lạc đó, phẩm loại chúng giống nhau. Trời Phạm chúng cũng chỉ có bậc Sơ thiền. Còn trời Phạm chúng là số một, là theo sự tính đếm dần dần liên tục theo thứ tự thì nó ở hàng thứ nhất.

Lạc sinh, nghĩa là khi ở chỗ này sinh ra mà lớn lên, hưởng được nhiều vui vẻ an ổn, là sự khổ vui, chỉ ưa thích hưởng được các sự vui mà thôi cho nên gọi là lạc sinh (đời sống vui).

Lại còn nói có các loài hữu tình, tức là theo nghĩa đế nghĩa thắng thì loài hữu tình là chẳng thể nắm bắt được như trước đã nói rộng.

“Tức như thị thân” là thân gọi là thân, cho đến nói rộng. Còn “Thiền định sinh hỷ lạc” nghĩa là khi nhập nhị thiền thì được vui bình đẳng tự nhiên, các thọ nhận đều thâm giữ. Thế nên nói thiền định sinh vui mừng. Khắp thân đều được thấm nhuần, đều vui thích, đều đầy đủ, tức là cõi trời Cực quang tịnh. Đối với định sinh hỷ lạc này tùy ý muốn mà có được, không khó khăn nhọc nhằn chi. Định này sinh ra vui mừng đó rồi thì muốn khởi là khởi, muốn sinh là sinh các sự tụ tập xuất hiện, nên có thể khiến cho thân do bốn đại hợp thành đó, khắp thân đều được thấm nhuần, đều vui thích, đều đầy đủ. Khi đã thấm nhuần cho đến đầy đủ rồi thì sẽ được trụ vào an lạc. Nghĩa là ngay lúc đó do định mà sinh vui mừng, thân tâm không khổ não tức là trụ vào an lạc.

Như trong kinh Phân Biệt Sinh Ký, Thế Tôn có nói: “Các thầy Bì-sô nên biết, như kẻ tu thiền định thì từ cõi này chết đi sẽ được sinh lên cõi trời Cực quang tịnh, nhiều lần được hưởng định sinh vui mừng”. Trước đây khi trụ vào Nhị thiền, thì họ cũng nhiều lần được định sinh niềm hoan lạc. Định sinh niềm hoan lạc đã nhận được trước hay sau, không có gì lạ lùng hay sai khác nhau. Y vào thiền định nên gọi trước đây có ở trong bậc Nhị thiền, còn như có luyện tập tu hành, có làm rất nhiều việc thì sau này sẽ sinh lên cõi Trời Cực quang tịnh. Cả hai thứ hưởng được định sinh hoan lạc đó, phẩm loại chúng giống nhau. Cực quang tịnh thiên là cũng chỉ cho bậc Nhị thiền. Còn nói cõi Trời Cực quang tịnh là bậc thứ hai ấy, là tùy theo sự tính đếm dần dần liên tục theo thứ tự thì nó ở hàng thứ hai.

Lạc sinh (đời sống vui) nghĩa là khi ở chỗ này sinh ra và lớn lên thì hưởng được nhiều vui vẻ an ổn, là sự khổ vui, chỉ ưa thích hưởng được các sự vui mà thôi, nên gọi là lạc sinh (đời sống vui).

Lại còn nói các loài hữu tình, nếu theo nghĩa đế nghĩa thắng thì không thể nắm bắt được họ như trước đã nói rộng.

Còn “Tức như thị thân” là thân gọi là thân, cho đến như rộng nói. Còn ly sinh hỷ lạc là khi nhập Tam thiền thì được vui bình đẳng tự nhiên, các thọ nhận đều nhiếp giữ. Thế nên gọi là ly sinh hỷ lạc. Còn khắp thân đều được thấm nhuần, đều vui thích, đều đầy đủ, đó là cõi trời Biến tịnh. Đối với ly sinh hỷ lạc này tùy ý muốn mà có, không

khó khăn nhọc nhằn chi, tức là vui lia hoan lạc nảy muốn khởi thì khởi, muốn sinh là sinh, các sự tụ tập xuất hiện, nên có thể khiến cho thân do bốn đại hợp thành, khắp thân đều được thấm nhuần, đều vui thích, đều đầy đủ. Khi thấm nhuần cho đến đầy đủ đã xong thì sẽ được trụ vào an lạc, là ngay lúc đó do ly sinh hỷ lạc, thân tâm không còn khổ não tức là trụ vào an lạc.

Như trong kinh Phân Biệt Sinh Ký, Thế Tôn có nói: “Các thầy Bì-sô nên biết! Như người tu thiền định, từ cõi này chết rồi sẽ sinh lên cõi trời Biến tịnh nhiều lần được hưởng vui ly sinh hỷ lạc”. Trước đây khi trụ vào Tam thiên, thì họ cũng đã nhiều lần hưởng được ly sinh hỷ lạc. Vui ly sinh hỷ lạc đã nhận được trước hay sau thì không có gì lạ lùng hay sai khác nhau. Nếu như y vào thiền định, nghĩa là nên gọi trước đây có ở trong bậc Tam thiên, còn như có luyện tập tu hành, có làm rất nhiều việc thì sau này sẽ sinh lên cõi trời Biến tịnh. Cả hai thứ ly sinh hỷ lạc, phẩm loại đều giống nhau. Gọi Biến tịnh là cũng chỉ cho bậc Tam thiên. Còn nói Biến tịnh là bậc thứ hai, thì đó là theo sự tính đếm dần dần liên tục theo thứ tự, thì nó ở hàng thứ ba

Lạc sinh là khi ở chỗ này sinh và lớn lên thì hưởng được nhiều vui vẻ an ổn, lia sự khổ vui, chỉ ưa thích hưởng được các sự vui mà thôi, nên gọi là lạc sinh (đời sống vui).

- Ba thứ tuệ đầu: Đó là tuệ do nghe mà có, tuệ do suy tư mà có, tuệ do tu mà có.

Hỏi: Thế nào là tuệ do nghe mà có?

Đáp: Nhưng vì nghe, nương vào nghe, do nghe mà lập nên. Cho nên ở đó có khả năng thấu triệt hiểu biết đúng đắn tự tại nhất. Việc đó như thế nào? Ví như có vị Bì-sô hoặc thọ trì các pháp như Tổ-đất-lãm, Tỳ-nại-da hay A-tỳ-đạt-ma, hoặc nghe bậc thân giáo sư dạy bảo, hay thầy luật sư, thầy mô phạm nói, hoặc các lời giảng xoay vần truyền trao nhau mà nói, hoặc nghe theo lý nhất như mà nói. Đó gọi là nghe.

Nhân nghe đó, dựa vào nghe đó, do nghe đó mà lập nên. Do đó đối với mọi điều đều thấu triệt hiểu biết đúng đắn tự tại, nên gọi là tuệ do nghe mà có.

Hỏi: Thế nào là tuệ do suy tư mà có?

Đáp: Nhân suy nghĩ, dựa vào suy nghĩ, do suy nghĩ mà lập ra, nên nó có khả năng thấu triệt hiểu biết đúng đắn tự tại nhất. Việc đó như thế nào? Nghĩa là có người đúng theo lý nhất như mà suy tư, mà biên chép, suy đoán, tính toán, ấn định, hoặc suy nghĩ về nghiệp của các việc đã làm..., đó gọi là suy nghĩ.

Nhân suy tư đó, nương vào vào suy tư đó, do suy tư đó mà lập ra, nên có khả năng thấu triệt hiểu biết đúng đắn tự tại mọi vấn đề, nên gọi là tuệ do suy tư mà có.

Hỏi: Thế nào là tuệ do tu mà có?

Đáp: Nhân tu, nương vào tu, do tu mà lập ra nên có khả năng thấu triệt hiểu biết đúng đắn tự tại nhất. Việc đó như thế nào? Nghĩa là như theo phương tiện khéo léo hiệu quả nhất mà siêng năng tu tập các đạo, liả mọi lỗi lầm ô nhiễm. Do sự tu hành liả nhiễm, mà từ bỏ được ái dục và các pháp xấu ác, chẳng thiện, lại có suy tìm (tâm) và quán xét kỹ lưỡng (tứ) liả các động cơ sinh ra các niềm hoan lạc mà trụ vào Sơ thiên một cách hoàn hảo đầy đủ. Kể rộng ra cho đến việc trụ vào Tứ thiên một cách hoàn toàn đầy đủ..., thì đó gọi là tu.

Nhân tu đó, nương vào tu đó, do tu đó mà lập ra, nên đều thấu triệt hiểu biết đúng đắn tự tại mọi chỗ. Nên gọi là tuệ do tu mà có vậy. Có người nói: Đây cũng gọi là tuệ do tư duy suy tư mà có chưa đúng: Vì sao? Vì chỉ dựa vào pháp đặc biệt (Pháp bất cộng) của pháp Phật mà tu hành thì mới gọi được là do tu mà thành được tuệ. Nay ở đây có nghĩa là dựa vào các điều đã kể mà khởi lên cái tuệ tịch tĩnh, thì đều gọi là tuệ do tu mà có.

- Ba thứ tuệ sau: Đó là tuệ của hàng hữu học, tuệ của hàng vô học và tuệ của hàng chẳng phải hữu học, chẳng phải vô học.

Hỏi: Thế nào là tuệ của hàng hữu học?

Đáp: Học là tác ý, tương ứng, là với phép chọn lựa thì phải chọn lựa thật kỹ lưỡng, vô cùng kỹ lưỡng để hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần, hiểu khắp hết. Và thấu suốt các điều quan yếu, phán xét định lượng kỹ lưỡng sáng suốt. Dùng hoạt động của tuệ hiểu biết thông suốt Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là tuệ của hàng hữu học.

Hỏi: Thế nào là tuệ của hàng vô học?

Đáp: Với hàng vô học mà tác ý, tương ứng, là đối với pháp chọn lựa kể dài đến Tỳ-bát-xá-na, thì đó gọi là tuệ của hàng vô học.

Hỏi: Thế nào là tuệ của hàng phi học, phi vô học?

Đáp: Nghĩa là với hữu lậu mà tác ý tương ứng. Nghĩa là đối với pháp chọn lựa kể dài đến Tỳ-bát-xá-na, thì đó gọi là tuệ của hàng phi học, phi vô học.

- Ba thứ căn: Đó là căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết và căn biết đầy đủ. Dựa vào pháp uẩn mà luận sâu xa rộng về các tướng của chúng, như Đức Thế Tôn nói kệ:

Học là học các căn

Luôn theo đạo chính trực
 Thường siêng năng tinh tấn
 Giữ gìn kỹ tâm mình.
 Tuệ căn đầu không dứt
 Sinh tuệ căn thứ hai
 Còn tuệ căn thứ ba
 Giải thoát rồi mới có.
 Ngồi giải thoát chẳng động
 Các kiết sử dứt hết
 Căn vô lậu tròn đầy
 Ưa gần trừ các căn.
 Trụ sâu vào tịch diệt
 Nhận giữ thân sau cùng
 Hàng phục chúng quân ma
 Chứng thường lạc rốt ráo.

- Ba thứ nhãn: Đó là nhục nhãn (mắt trần), thiên nhãn, Thánh tuệ nhãn.

Hỏi: Nhục nhãn (mắt trần) là sao?

Đáp: Đó là do xương thịt, máu sạch của bốn đại tạo ra, gồm có nhãn giới, nhãn xứ và nhãn căn, nên gọi là nhục nhãn.

Hỏi: Thiên nhãn (mắt trời) là sao?

Đáp: Chẳng do các thứ xương thịt màu tạp nhập, mà phải thật sạch của bốn đại tạo nên, gồm có: nhãn giới, nhãn xứ và nhãn căn, nên gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Thánh tuệ nhãn là sao?

Đáp: Tức là các thứ tuệ hữu học, tuệ vô học, cùng tất cả các thứ tuệ phi học, phi vô học. Đó gọi là Thánh tuệ nhãn.

Thế Tôn có nói kệ:

Nhục nhãn là kém nhất
 Thiên nhãn có khá hơn
 Thánh tuệ nhãn quý nhất
 Ba thứ đó khác nhau
 Tuệ thiện ở thế gian
 Có khả năng lựa chọn
 Học, không học, biết đúng
 Hết sinh, già, bệnh chết
 Đại giác cõi trời người
 Danh xưng rất cao xa

*Đều do tuệ chứng nhanh
Diệu giác trang nghiêm thân.*

- Ba thứ nương nhờ: Gồm có: Nương nhờ nghe, nương nhờ lìa bỏ, nương nhờ tuệ.

Hỏi: Nương nhờ nghe là sao?

Đáp: Là nghe học nhiều, nhớ chắc, chứa nhóm các điều nghe thấy. Các pháp thiện được nói ra, đủ các phần trước giữa sau với lời lẽ nghĩa lý cao siêu khéo léo, thuần nhất, đầy đủ, phạm hạnh trong sạch..., với các pháp như thế thì nên lắng nghe thật kỹ lưỡng đầy đủ rồi ghi nhớ thật chính xác đầy đủ rõ ràng các lời giảng dạy đó và chuyên tâm suy xét phán đoán tìm hiểu cặn kẽ để thấu suốt triệt để các nghĩa lý cao sâu. Thế nên gọi là nghe. Nhân nghe đó, nương cái nghe đó, do xây dựng nghe như thế, cho nên có thể đoạn trừ tất cả các pháp xấu xa bất thiện mà khéo tu các pháp thiện. Đó gọi là nghe, cũng gọi là nương nhờ, cũng gọi là nương nhờ sự nghe học. Đó gọi là nương nhờ nghe.

Hỏi: Nương nhờ sự lìa bỏ là sao?

Đáp: Tức là lìa bỏ ái dục, các điều xấu xa bất thiện, có tìm tòi suy xét (tâm) có quán xét (tứ) lìa bỏ cái gốc sinh ra niềm vui hoan lạc mà trụ vào sơ thiền một cách hoàn mãn (đầy đủ) rộng kể cho đến đệ tứ thiền..., đó gọi là sự lìa bỏ. Nhân lìa bỏ đó, nương vào sự lìa bỏ đó, do xây dựng sự lìa bỏ như thế, nên có thể đoạn trừ được các pháp chướng thiện và giải tu các pháp thiện. Đó gọi là sự lìa bỏ, cũng gọi là nương nhờ, sự nương nhờ lìa bỏ, cho nên gọi là nương nhờ sự lìa bỏ

Hỏi: Nương nhờ tuệ là sao?

Đáp: tức là hiểu biết như thật đây là khổ thánh đế, đây là Tập thánh đế, đây là sự diệt khổ thánh đế, đây là con đường đến đạo diệt khổ thánh đế. Đó gọi là tuệ. Nhân tuệ đó, y vào tuệ đó và xây dựng tuệ như thế, cho nên có thể đoạn trừ các pháp chướng thiện và khéo tu các pháp thiện. Đó gọi là tuệ, cũng gọi là nương nhờ, hay nương nhờ vào tuệ. Do đó gọi là nương nhờ tuệ, như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nương nghe là kém nhất
Nương lìa thì khá hơn
Nương tuệ là tối thắng
Sức tinh tấn đầy đủ.
Luôn nhập định lạc tịnh
Biết thế gian sinh diệt
Giải thoát với tất cả
Tất sang đến bờ kia.*

Bài tụng thứ năm:

*Năm: Ba pháp có mười
Là học, tu, trụ, định
Đạo, tịnh, mặc, tăng thượng
Vô thượng và ba minh.*

Gồm có: ba thứ học, ba thứ tu, ba thứ trụ, ba thứ định, ba thứ thì đạo, ba thứ thanh tịnh, ba thứ tịch mặc, ba thứ vô thượng và ba thứ minh.

- Ba thứ học: Gồm có giới học tăng thượng, tâm học tăng thượng, tuệ học tăng thượng.

Hỏi: Giới học tăng thượng là sao?

Đáp: Tức là an trụ vào giới luật đầy đủ, giữ gìn các luật nghi giải thoát đặc biệt. Các pháp tắc luật lệ ra làm tất cả đều đầy đủ đúng đắn cho nên dù một lỗi lầm rất nhỏ mà coi như một đại sự lo lắng mãi khôn nguôi. Chỗ nào học được đều luôn đến cầu học. Đó gọi là giới học tăng thượng.

Hỏi: Tâm học tăng thượng là sao?

Đáp: Tức là lia các ái dục, các pháp xấu xa chẳng thiện, luôn luôn tìm tòi (tâm) và suy xét (tứ) để lia cái gốc sinh ra niềm hoan lạc mà nhập vào định sơ thiền một cách hoàn mãn trọn vẹn. Rộng kể cho đến nhập trụ vẹn toàn vào cả đệ Tứ thiền. Đó gọi là tâm học tăng thượng.

Hỏi: Tuệ học tăng thượng là sao?

Đáp: Tức là đúng như thật mà hiểu biết đây là khổ thánh đế, đây là Thánh đế chiêu tập khổ. Đây là Thánh đế sự diệt khổ, đây là Thánh đế đạo (con đường) dẫn đến sự diệt khổ. Đó gọi là tuệ học thêm cao (tăng thượng) Thế Tôn đã nói kệ:

*Bí-sô đủ ba học
Ưu tu hành đúng lý
Giới - Tâm - Tuệ thêm lên
Luôn liên tục hiện hành.
Đầy đủ sức tinh tấn
Và sáng đầy thiền định
Luôn gìn giữ các căn
Siêng tu, chẳng buông lung.
Ngày sao đêm cũng vậy
Đêm vậy ngày cũng thế
Trước sao sau cũng vậy
Sau sao trước cũng thế.*

Dưới trên như thế nào
 Trên dưới cũng như vậy
 Nương nhờ mọi chỗ tốt
 Do định chẳng phóng dật.
 Đây nói là học đạo
 Chẳng phóng túng, mà trụ
 Do hay hiểu, giỏi xả
 Nên được tâm giải thoát.
 Đời bảo là bậc giác
 Dũng mãnh đến bờ giác
 Hạnh sáng đều tròn đầy
 Luôn trụ chỗ không quên.
 Mạng căn không nối tiếp
 Ái dứt nên giải thoát
 Như đèn lửa Niết-bàn
 Tâm giải thoát rốt ráo.

- Ba thứ tu: Đó là tu giới, tu định và tu tuệ.

Hỏi: Tu giới là sao?

Đáp: Nghĩa là đối với các giới luật cao quý nên gần gũi rèn tập thật nhiều, liên tục ân cần quý trọng siêng năng tu hành chẳng ngơi nghỉ. Đó gọi là tu giới.

Hỏi: Tu định là sao?

Đáp: Tức là đối với các pháp thiền định cao quý nên gần gũi rèn tập thật nhiều liên tục ân cần quý trọng và siêng năng tu hành không ngơi nghỉ. Đó gọi là tu định.

Hỏi: Tu tuệ là sao?

Đáp: Tức là đối với các trí tuệ cao quý nên gần gũi rèn tập thật nhiều, liên tục ân cần quý trọng và siêng năng tu hành không ngơi nghỉ. Đó gọi là tu tuệ. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

Khéo tu giới - định - tuệ
 Đến rốt ráo tận cùng
 Đã dứt hẳn các hữu
 Không lỗi cũng chẳng lo.
 Thoát khỏi các chấp trước
 Đủ định lợi tuệ sâu
 Vượt khỏi cảnh giới ma
 Như mặt trời chiếu khắp.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 6

Phẩm 4: BA PHÁP, Phần 4

- Ba thứ trụ: Thiên trụ, Phạm trụ, Thánh trụ.

Hỏi: Thiên trụ là gì?

Đáp: Nghĩa là bốn thứ thiên (tính lự). Bốn pháp nào? Nghĩa là lia ái dục, các pháp xấu xa bất thiện có tâm, có tứ, lia sự sinh ra vui mừng.

Khi nhập sơ thiên đầy đủ mà trụ. Rộng nói cho đến nhập vào Tứ thiên đầy đủ mà trụ. Như Đức Thế Tôn đã nói cho thầy Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: “Nầy Phạm chí nên biết! Như khi Ta nhập tứ thiên ở thế gian, thì cứ chăm chỉ theo một thứ thiên định tính lự mà thực hành. Khi đó thì ta vì thiên trụ (ở cõi trời) mà thực hành. Như khi ta ở thế gian mà trụ nhập vào tứ thiên, cứ tùy theo một thứ thiên mà trụ nhập kể cả khi đi, đứng, ngồi, nằm. Chính khi đó ta là thiên trụ mà trụ dù có đi, đứng, ngồi, nằm. Như vậy khi ở thế gian ta trụ vào tứ thiên thì cứ một thứ thiên định tính lự mà gần gũi luyện tập nhiều lần ân cần quý trọng liên tục, siêng tu không ngơi nghỉ. Đó gọi là Thiên trụ”.

Hỏi: Phạm trụ là thế nào?

Đáp: Tức là bốn thứ vô lượng. Bốn thứ vô lượng là gì? Đó là Từ-Bi-Hỷ-Xả, như Đức Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: “Nầy Phạm chí nên biết! Như khi Ta tu bốn thứ tâm vô lượng, thì cứ chuyên tâm vào một thứ tâm vô lượng mà thực hành. Chính khi đó mà ta phạm trụ (trụ vào thanh tịnh) mà thực hành. Như khi ta tu bốn tâm vô lượng thì ta cứ chuyên tâm vào một thứ vô lượng tâm mà thực hành kể cả khi đi, đứng, ngồi, nằm. Chính khi đó ta là phạm trụ mà trụ dù có đi, đứng, ngồi, nằm, như vậy khi đó ta cứ một thứ vô lượng tâm mà gần gũi luyện tập nhiều lần ân cần quý trọng liên tục, siêng tu mãi không ngơi nghỉ. Đó gọi là Phạm trụ”.

Hỏi: Thánh trụ là thế nào?

Đáp: Tức là đối với bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thân tức, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo... Như Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: “Nầy Phạm chí nên biết! Như ở trong những pháp thiện sinh ra từ ý niệm xuất ly, xa lìa, thì ta theo một pháp thiện ấy mà thực hành. Chính khi đó ta là Thánh trụ (trụ vào thánh vị) mà thực hành. Như ta dùng pháp thiện sinh ra từ xuất ly, xa lìa, chuyên tâm vào một pháp thiện đó mà trụ, kể cả việc đi, đứng, ngồi nằm. Chính khi đó ta là Thánh trụ mà trụ hoặc đi, đứng, ngồi nằm. Như vậy ta cứ chuyên tâm pháp thiện do xuất ly, xa lìa sinh ra ấy mà gần gũi rèn tập nhiều lần, ân cần quý trọng liên tục, siêng tu mãi không ngơi nghỉ. Đó gọi là Thánh trụ”.

- Ba thứ định: Định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, định không có tầm tứ.

Hỏi: Thế nào là định có tầm có tứ?

Đáp: Nếu định mà có đủ cả tầm và tứ, thì tầm khởi lên, tứ cũng sẽ khởi lên, tầm tương ứng, tứ cũng sẽ tương ứng. Nương vào tầm tứ mà chuyển tâm trụ vào đó. Và rộng nói cho đến khi tâm chỉ chú vào một cảnh. Thì đó gọi là định có tầm có tứ.

Hỏi: Thế nào là định không có tầm chỉ có tứ?

Đáp: Nếu định mà không có tầm, chỉ có tứ thì không có tầm khởi, chỉ có tứ khởi, và tầm không tương ứng mà chỉ có tứ tương ứng thôi. Khi tầm đã thôi dứt ngơi nghỉ thì chỉ có y vào tứ mà chuyển tâm trụ vào thôi. Và rộng nói cho đến khi tâm chỉ chú vào một cảnh. Đó gọi là định không tầm có tứ.

Hỏi: Thế nào là định không có tầm và tứ?

Đáp: Nếu định mà không có cả tầm và tứ, thì chẳng phải tầm hay tứ khởi, mà tầm và tứ cũng không tương ứng. Nếu tầm và tứ đều đã thôi dứt ngơi nghỉ thì tâm cũng trụ vào đó. Rộng nói cho đến khi tâm chỉ chú vào một cảnh. Đó gọi là định không tầm không tứ.

- Ba thứ chỉ bày:

1. Do thần thông biến hóa chỉ bày.
2. Do tâm ghi nhớ chỉ bày.
3. Do lời dạy răn chỉ bày.

Hỏi: Do thần thông biến hóa chỉ bày là sao? Thần thông biến hóa là gì, chỉ bày là gì mà nói là dùng thần biến để chỉ bày?

Đáp: Thần thông biến hóa, tức là các loại thần thông biến hóa đang biến, đã biến, sẽ biến, tức có thể biến một thành nhiều, hoặc nhiều thành một, hoặc rõ ràng hoặc kín đáo, hoặc biết, hoặc thấy...,

như mọi ngăn cản của tường vách, núi non, sông biển..., thân vẫn đi qua được hết. Như thế nói rộng và kể đến hiện ra thân các trời thần chuyển biến tự do. Đó gọi là thần thông biến hóa.

Chỉ dẫn là sao? Nghĩa là có thầy Bí-sô tuy đã rõ biết các thứ thần thông biến hóa nhưng không để cho ai thấy biết cả. Thì đó gọi là thần biến tự tại chứ không gọi là chỉ dẫn. Như nếu Bí-sô nào rõ biết các thứ thần thông biến hóa mà lại khiến cho người khác đều thấy biết được cả, thì gọi là thần biến tự tại mà cũng gọi là chỉ dẫn. Thế nên khi nói là có thần thông biến hóa chỉ dẫn, thì cần phải khiến cho người khác thấy tất cả, hiểu biết tất cả rồi tùy theo đó mà điều phục dạy dỗ, thì mới gọi là thần biến, cũng gọi là chỉ dẫn. Do đó mà nói do thần thông biến hóa chỉ dẫn, chỉ bày.

Hỏi: Do tâm ghi nhớ chỉ bày: Tâm ghi nhớ là sao? Chỉ bày là sao mà nói tâm ghi nhớ chỉ bày?

Đáp: Tâm ghi nhớ, như Thế Tôn đã dạy: Các thầy Bí-sô nên biết, có một loại người hoặc do xem thấy hình tướng hoặc do nghe nói năng rồi tùy theo đó mà ghi nhớ tâm người khác, ý nó như vậy, như kia, ý nó thay đổi ra sao, hoặc nhớ các việc quá khứ, vị lai, hoặc đang xảy ra, hoặc nhớ các việc làm, các lời nói đã lâu. Hoặc chỉ nhớ chút ít thì gọi là tâm ghi nhớ. Hoặc nhớ được nhiều thì gọi là pháp tâm sở. Các thứ ghi nhớ tất cả như thật thì đều là như thật.

Hoặc có một loại người chẳng do xem tướng, hay nghe nói mà vẫn ghi nhớ được tâm người khác. Nhưng ấy là do thiên thần hoặc ma quỷ (phi nhân) nghe tiếng nói nên ghi nhớ được tâm người khác, ý nói thế này thế kia, ý nó thay đổi ra sao, nói rộng như trước đã kể.

Hoặc có một loại người chẳng do thiên thần hay phi nhân nghe tiếng nói mà ghi nhớ được tâm kẻ khác, song chính là do nội tâm thấy biết tâm tánh của người có các nghĩ ngợi suy tư (tâm tứ) nên ghi nhớ tâm người khác, ý nói thế này thế kia biến đổi ra sao..., nói rộng như trước.

Lại có một loại người chẳng phải do nội tâm biết rõ tánh tình của người khác có suy tư nghĩ ngợi gì. Song do hiện thấy tâm tánh đang trụ vào Tam-ma-địa không tầm không tứ. Thấy rồi thì nghĩ: Như thế là vị này đã không tầm tứ, ý hạnh rất mầu nhiệm. Như thế vị này khi xuất định cứ nên khởi ý như thế, tầm tứ như thế, những điều ghi nhớ tất cả như thật đều là như thật.

Như thế là vị đó từ đó xuất định sẽ khởi ý như thế, tầm tứ như thế các điều ghi nhớ tất cả là như thật thì đều là như thật. Đó gọi là tâm ghi

nhớ

Chỉ dẫn là sao? Nghĩa là như có vị Bí-sô tuy do xem tướng hoặc do nghe nói năng rồi ghi nhớ tâm người khác, rộng nói cho đến: Vị này như thế từ định xuất ra sẽ khởi ý như thế, tâm tứ như thế. Các điều ghi nhớ tất cả là như thật thì đều là như thật. Nếu chẳng để cho người khác biết thì đó gọi là tâm ghi nhớ tự tại chẳng gọi là chỉ dẫn. Còn như có Bí-sô do xem tướng hoặc do nghe nói năng rồi tùy theo đó mà ghi nhớ tâm người khác. Nói rộng cho đến như thế là vị này từ đây xuất định, tất sẽ khởi ý như thế, tâm tứ như thế. Các điều ghi nhớ tất cả là như thật thì đều là như thật, lại còn khiến cho người khác biết được, thì đó gọi là tâm ghi nhớ tự tại (do ở mình) cũng gọi là chỉ dẫn. Thế nên nói tâm ghi nhớ chỉ dẫn. Điều cần là phải khiến cho người khác thấy tất cả, biết tất cả hiểu tất cả rồi tùy theo mà dạy dỗ điều phục, thì mới gọi là ghi nhớ, cũng gọi là chỉ dẫn. Do đó mà gọi là do tâm ghi nhớ mà chỉ bày.

Hỏi: Do răn dạy chỉ bày: Răn dạy là sao, chỉ dẫn là sao mà gọi là do răn dạy mà chỉ bày?

Đáp: Răn dạy, như Thế Tôn nói: “Này các Bí-sô nên biết! Như có Bí-sô vì người khác nói, đây là Khổ thánh đế cần phải biết rõ. Đây là khổ tập (sự gây khổ) Thánh đế phải diệt cho hết. Đây là khổ diệt (sự hết khổ) Thánh đế cần nên chứng. Đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ Thánh đế, cần phải tu tập. Đó gọi là răn dạy”.

Chỉ dẫn (bày) là sao? Nghĩa là có Bí-sô tuy cũng vì người khác nói đây là khổ Thánh đế, cần phải biết cặn kẽ. Đây là sự gây khổ Thánh đế cần phải diệt cho hết. Đây là sự diệt hết khổ cần phải chứng. Đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ cần phải tu hành. Nhưng khi người ấy nghe xong thì lại không chấp nhận cho đó là đúng thật chẳng có được trí tuệ để quan sát các việc ở đời. Nên chỉ gọi đó là lời răn dạy tự tại, chứ không gọi là chỉ dẫn.

Nếu có Bí-sô có khả năng vì người khác nói: Đây là khổ Thánh đế, nên hiểu biết cặn kẽ... cho đến đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ Thánh đế, cần phải tu tập, nhưng lại khiến mọi người khi nghe xong thì liền chấp nhận cho là đúng thật và có được trí tuệ quan sát mọi việc ở đời đúng đắn, nên gọi là sự răn dạy tự tại cũng gọi là sự chỉ bày. Thế nên nói do răn dạy chỉ bày là phải khiến người khác thấy tất cả, hiểu tất cả để tùy theo đó mà răn dạy điều phục họ, nên mới gọi là sự răn dạy cũng gọi là chỉ bày. Do đó mà nói do răn dạy mà chỉ bày.

- Ba thứ thanh tịnh: Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh và ý thanh tịnh.

Hỏi: Thân thanh tịnh là gì?

Đáp: Đó tức là không giết hại, không trộm cướp, không dâm dục tà hạnh, hoặc nói là lìa giết hại, lìa trộm cướp, lìa phi phạm hạnh. Lại còn có các thân nghiệp hạng có học, có thân nghiệp hạng vô học và có các thân nghiệp hạng khéo phi học phi vô học. Tất cả như thế gọi là thân thanh tịnh.

Hỏi: Ngữ thanh tịnh là gì?

Đáp: Tức lìa lời nói dối, lời ly gián, lời thô tục dữ dằn, lời cấu uế, lại còn có các ngữ nghiệp hạng có học, các ngữ nghiệp hạng vô học và các ngữ nghiệp khéo phi học phi vô học. Tất cả như thế gọi là ngữ thanh tịnh.

Hỏi: Ý thanh tịnh là gì?

Đáp: Tức là không tham lam, không sân giận, thấy biết đúng. Lại còn có các ý nghiệp hạng có học, có các ý nghiệp hạng vô học và có các ý nghiệp khéo phi học phi vô học. Tất cả như thế gọi là ý thanh tịnh. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thân, ngữ, ý thanh tịnh
Ta nói vô lậu tịnh
Gọi thanh tịnh vẹn toàn
Tịnh được các thứ ác.*

- Ba thứ vắng lặng (Tịch mặc): Đó là thân vắng lặng, ngữ vắng lặng, ý vắng lặng.

Hỏi: Thân vắng lặng là sao?

Đáp: Tức là phép tắc luật nghi của thân thuộc loại không học, nên gọi là thân vắng lặng.

Hỏi: Ngữ vắng lặng là sao?

Đáp: Tức là phép tắc luật nghi của ngữ thuộc loại không học, nên gọi là ngữ vắng lặng.

Hỏi: Ý vắng lặng là sao?

Đáp: Tức là phép tắc luật nghi của ý thuộc loại không học, nên gọi là ý vắng lặng. Như Thế Tôn nói kệ:

*Thân, ngữ, ý vắng lặng
Ta nói vô lậu vắng
Gọi vắng lặng vẹn toàn
Vắng lặng các thứ ác.*

- Ba thứ vươn lên (tăng thượng): Đó là đời vươn lên, tự mình vươn lên, pháp vươn lên.

Hỏi: Đời vươn lên là sao?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: “Có các Bí-sô thường ở A-lan-nhã, hoặc ngụ bên gốc cây hay ở chỗ vắng vẻ đã học những giáo pháp đáng học hỏi, nên nghĩ: Cõi thế gian này có rất nhiều người tập hợp, và chắc chắn ở những chỗ đông đảo đó phải có nhiều trời thần. Các vị này có thiên nhãn và trí biết rõ lòng dạ người khác, dầu gần hay xa đều thấy rõ ràng, tâm ai xấu tốt cao thấp đều am tường, nay nếu ta nghĩ ngợi (tâm tứ) các việc chẳng thiện, tất nhiên là các đăm mê chấp trước bất thiện sẽ đeo bám vào tâm ta. Nếu các thiên thần chư Thiên thấy biết ta như thế tất sẽ cùng bảo nhau: Hãy xem anh hiền lành kia, đã từng chán đời kính đạo mà xuất gia, tại sao nay lại nghĩ ngợi chi các điều xằng bậy bất thiện để cho các đăm mê chấp trước ác kia có dịp bám chắc vào. Lại trong cõi thế gian đây nơi đại chúng thường tụ họp đó thì hoặc hiện có chư Phật và các hàng đệ tử của Ngài hoặc đã có thiên nhãn và trí thấu hiểu lòng người khác, dù gần hay xa thấy đều biết rõ, tâm ai tốt xấu cao thấp cũng am tường. Nay nếu ta nghĩ ngợi lung tung đến các điều chẳng tốt lành để bị các đăm mê chấp trước ác kia nó bám chặt. Tất nhiên chư Thánh chúng sẽ thấy biết ta. Biết rồi sẽ cùng bảo nhau: Hãy nhìn kỹ người trai trẻ hiền lành kia, đã từng chán đời tự tin đạo xuất gia, tại sao nay lại nghĩ ngợi những điều chẳng tốt lành để các đăm mê chấp trước xấu xa quấy nhiễu ta. Và lại nghĩ: Các người trong thế gian dù có thấy biết ta như những đầu bằng chính ta tự phán xét hiểu biết. Vậy nay ta cần phải tự xét nét chớ nên sinh ra các nghĩ ngợi xằng bậy bất thiện như thế, để bị các đăm mê chấp trước kia chi phối. Người ấy nhân đó tự xét biết tìm hiểu theo dõi mình, rồi siêng năng tinh tấn tu tập hơn lên khiến thân tâm tiến đến chỗ nhẹ nhàng thư thái, xa lìa các hôn trầm mê muội mà trụ vào chánh niệm, tâm chí quyết một điều là chế phục sự ngu si dốt nát. Do thế gian giúp sức vươn lên như thế nên đoạn trừ được các pháp bất thiện khéo tu các pháp thiện. Như thế là nhờ sức thế gian (đời) vươn cao mà khởi lên các pháp thiện hữu lậu hoặc đạo vô lậu. Thế nên gọi là đời vươn lên”.

Hỏi: Tự mình vươn lên là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có những Bí-sô thường ở nơi A-lan-nhã, hoặc tạm trú bên gốc cây hay ở chốn vắng vẻ, đã học các pháp đáng học hỏi, nên nghĩ: Ta nay đã chán đời tục tin đạo, xuất gia, chẳng nên sinh ra các nghĩ ngợi lung tung về các điều xằng bậy bất thiện, để cho các đăm mê chấp trước chi phối ta. Hãy luôn luôn nên tự xét nét, chớ nên nghĩ ngợi lung tung xằng bậy như thế, để cho các thứ đăm mê

ham thích xấu kia lôi cuốn ta. Do đó người ấy tự theo dõi xét nét mình, rồi siêng năng tiến tu để thân tâm được khinh an thoải mái, lìa mình ra hôn trầm mê muội, an trụ vào chánh niệm định tâm một hướng chế ngự ngu si. Ấy là do sức vươn cao của chính mình, nên có thể cắt đứt các pháp bất thiện, giỏi tu các pháp thiện. Như thế là do chính sức vươn cao của chính mình mà có thể khởi lên các pháp thiện hữu lậu hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là tự mình vươn lên”.

Hỏi: Pháp vươn lên là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có nhiều thầy Bí-sô sống nơi A-lan-nhã hoặc ở bên gốc cây nơi thanh vắng, đã từng học các pháp đáng học nên nghĩ: Tất cả pháp mà chư Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác nói là khéo nói những gì hiện thấy. Đây là lìa mình ra khỏi nhiệt não đứng lúc. Các bậc trí đến quan sát và thưởng thức thì nội tâm đều chứng ngộ. Chánh pháp như thế, ta đều hiểu biết, không nên sinh nghĩ ngợi lung tung các việc chẳng tốt lành, khiến các đam mê ham thích xấu quấy nhiễu ta. Do đó người ấy tự xét hiểu mình rồi, siêng năng tiến tu khiến thân tâm khinh an thoải mái, xa lìa các hôn trầm mê muội và an trụ vào chánh niệm, định tâm một mực, chế ngự ngu si dần dần. Chính nhờ sức vươn cao của chánh pháp, nên có thể cắt đứt các điều xấu bất thiện và khéo tu các pháp thiện. Như thế là do chính sức vươn cao của chánh pháp, có thể khởi lên các pháp thiện hữu lậu hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là pháp vươn cao”. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Kẻ sống không có trí
Ưa làm các nghiệp ác
Họ giỏi tự thối sút
Như thật và hư vọng.
Bậc hiền thiện chứng được
Chẳng nên tự khinh mình
Tự tỉnh ác của mình
Có lỗi, không giấu giếm.
Đời hiện có thiên thần
Phật và đệ tử Phật
Luôn thấy biết kẻ ngu
Gây tạo các nghiệp ác.
Đó là đời vươn cao
Mình và pháp vươn cao
Giỏi trừ pháp chẳng thiện
Tu hành làm theo pháp.*

*Ta nói kẻ mạnh mẽ
Khéo hàng phục quân ma
Vượt sinh già bệnh chết
Chứng tịch diệt mãi mãi.*

- Ba thứ vô thượng: Đó là hạnh vô thượng, trí vô thượng và giải thoát vô thượng.

Hỏi: Hạnh vô thượng là sao?

Đáp: Tức là vô học tám chi Thánh đạo (Tám Thánh đạo)

Hỏi: Trí vô thượng là sao?

Đáp: Tức là tám thứ trí vô học gọi là trí vô thượng.

Hỏi: Giải thoát vô thượng là sao?

Đáp: Tức là tận trí và vô sinh trí thì gọi là giải thoát vô thượng.

- Ba minh: Là vô học ba minh:

1. Trí sáng của bậc vô học tùy sức mà nhớ về đời trước.
2. Trí sáng của bậc vô học về sinh tử.
3. Trí sáng của bậc vô học về lậu tận.

Hỏi: Thế nào là trí sáng của bậc vô học tùy sức mà nhớ về đời trước?

Đáp: Như nhớ biết đúng như thật các sự việc đời trước, nghĩa là nhớ biết các việc đời quá khứ đúng như thật, hoặc một đời, hay mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hoặc nhiều trăm ngàn, nhiều ngàn đời, nhiều trăm ngàn đời. Hoặc kiếp hoại hay kiếp thành, hoặc kiếp hoại và thành, hoặc nhiều kiếp hoại, nhiều kiếp thành, hoặc kiếp hoại thành. Đối với các loài hữu tình sống trong các đời đó, tên gì họ gì, dòng họ nào, ăn những thức ăn gì, đau khổ vui sướng ra sao, sống già hay trẻ, hưởng thọ được nhiều ít khi nào thì chết..., và ta cũng vậy, chính ta hoặc mọi người, sống nơi khác chết rồi sinh lên nơi này, hoặc ở nơi này sinh lên chỗ khác, cho đến hình dạng, cách nói năng, việc làm..., với bao nhiêu thứ của các đời trước đó, chỉ cần một ý nghĩ là ta biết thật rõ ràng đầy đủ đúng y như thật. Đó gọi là trí sáng của bậc vô học tùy sức nhớ mà biết việc đời trước. Vì sao gọi là minh? Tức là trí thấy biết rõ ràng các việc ở đời trước một cách liên tục đó là minh.

Hỏi: Thế nào là trí sáng của bậc vô học về sinh tử?

Đáp: Do thiên nhãn thanh tịnh mà nhìn thấy suốt tất cả mọi người. Thấy rõ các loài hữu tình lúc mới sinh, lúc chết hay hình dạng đẹp, xấu hoặc giỏi, cao sang hay thấp kém, dở dốt, hoặc sinh vào cõi cao quý hay bị đọa vào chốn ác đạo. Các loài hữu tình đó có thân, miệng, ý đã làm các điều tội lỗi xấu ác gì, hoặc khởi lên tà kiến, có những quan điểm

nhận xét bậy bạ, hoặc chê bai chống báng Thánh tăng, các bậc hiền sĩ. Do các tà kiến sai quấy, gây nghiệp tạo nhân, do các nguyên nhân đó mà sau khi chết rồi tất phải rơi vào đường dữ đọa vào địa ngục. Và cũng có các loài hữu tình có thân, ngữ và ý đã thành tựu các hạnh tốt đẹp thanh tịnh nhiệm mầu, phát khởi chánh kiến là những tư tưởng, nhận thức sáng suốt, gây tạo nghiệp thân. Do nhân duyên đó mà khi chết rồi thì được sinh lên các cõi thiện như các cõi trời. Tất cả các loại nghiệp quả tốt, xấu sai khác nhau của tất cả chúng sinh thì đều biết đúng như thật. Thế nên gọi là trí sáng của bậc vô học về sinh tử. Minh ở đây là sao? Là trí hiểu biết các nghiệp quả của mình, đó gọi là minh.

Hỏi: Thế nào là trí sáng của bậc vô học về lậu tận?

Đáp: Tức là biết đúng như thật đây là khổ Thánh đế, đây là nhân gây khổ Thánh đế, đây là sự diệt hết khổ Thánh đế và đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ Thánh đế. Đúng như thật mà biết như thế, thấy như thế, biết rõ các tâm giải thoát, như tâm đã giải thoát các dục lậu, tâm đã giải thoát các hữu lậu. Ta biết một cách đúng như thật: “Đời sống của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng thọ thân sau”. Thế nên gọi là trí sáng của bậc vô học về lậu tận. Minh ở đây nghĩa là gì? Tức là trí biết các lậu hoặc đã dứt hết thế nên gọi là minh. Như Thế Tôn nói kệ:

*Mâu-ni biết đời trước
Thấy các cõi tốt xấu
Hiểu sinh tử đã hết
Được trí tuệ rốt ráo.
Biết tâm hằng giải thoát
Khởi tham sân... các lậu
Thành tựu ba thứ minh
Gọi là đủ ba minh.*

Phẩm 5: BỐN PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Quý thầy nên biết: Đối với bốn pháp, Đức Phật đã thấu suốt hiểu biết rất tường tận đầy đủ, sau đó đem ra giảng dạy chỉ bày cho tất cả hàng đệ tử. Nay chúng ta cần nên hòa hợp kết tập lại, để sau này khi Đức Phật đã diệt độ thì không có việc tranh cãi. Và tất cả đều tuân hành giữ gìn giới luật phạm hạnh để đem lại vô lượng lợi lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh hữu tình. Chúng

ta nên thương xót hàng trời, người khiến họ thọ hưởng được nhiều nghĩa lý thù thắng và mọi sự lợi ích an lạc đẹp đẽ.

Bốn pháp là gì? Đây là năm bài tụng (Ổt-đà-nam):

Bài tụng thứ nhất nói:

*Một: Bốn pháp có mười
Niệm, đoạn, thân, lực, đế
Tướng, vô lượng, vô sắc
Thánh chủng, quả có bốn.*

Có bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thân túc, bốn tĩnh lực, bốn Thánh đế, bốn tướng, bốn vô lượng, bốn vô sắc, bốn thánh chủng, bốn quả Sa-môn.

- Bốn niệm trụ: Thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ và pháp niệm trụ.

1. Thân niệm trụ là sao?

Đáp: Có mười thứ sắc xứ và pháp xứ thuộc về sắc. Đó gọi là thân niệm trụ.

2. Thọ niệm trụ là sao?

Đáp: Tức là sáu cảm xúc (thọ) của thân, như mắt thấy vật thì sinh ra nhận biết cảm xúc. Cho đến ý xúc pháp sinh ra thọ v.v... Đó gọi là thọ niệm trụ.

3. Tâm niệm trụ là sao?

Đáp: Tức là sáu thức của thân, tức là nhãn thức cho đến ý thức. Đó gọi là tâm niệm trụ.

4. Pháp niệm trụ là sao?

Đáp: Thọ uẩn chẳng thấu giữ được pháp vô sắc. Ấy gọi là pháp niệm trụ.

Lại còn, thân vươn lên (tăng thượng) mà sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thân niệm trụ. Thọ vươn lên, thì sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, nên gọi là thọ niệm trụ. Tâm vươn lên thì sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, nên gọi là tâm niệm trụ. Pháp vươn lên thì sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, nên gọi là pháp niệm trụ.

Lại còn khi duyên nơi thân tuệ thì gọi là thân niệm trụ. Tuệ duyên nơi thọ thì gọi là thọ niệm trụ. Tuệ duyên nơi tâm thì gọi là tâm niệm trụ. Tuệ duyên nơi pháp thì gọi là pháp niệm trụ.

- Bốn chánh đoạn: Gồm có:

1. Nếu các điều ác bất thiện đã sinh thì phải cố đoạn trừ, luôn luôn khởi sự siêng năng tinh tấn để khuyến khích và gìn giữ tâm như

thế mãi.

2. Nếu các điều ác bất thiện chưa sinh thì phải cố sức khiến chúng đừng sinh, luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và gìn giữ tâm như thế mãi.

3. Nếu các điều thiện chưa sinh, thì phải cố gắng khiến chúng sinh ra, luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và giữ tâm như thế mãi.

4. Nếu các điều thiện đã sinh ra rồi thì phải gắng giữ gìn thật bền bỉ không bao giờ xao lãng, phải luôn tu trì bồi bổ khiến các pháp thiện ấy càng rộng lớn gấp bội, để chứng được trí tuệ lớn. Luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và gìn giữ tâm như thế mãi.

- Đối với các pháp xấu xa chẳng thiện đã sinh ra rồi thì phải gắng sức đoạn trừ, nên phải siêng năng tinh tấn mà khuyến khích và gìn giữ tâm như thế mãi. Vậy “Chánh đoạn” là gì? Tức là cắt đứt các pháp bất thiện đã sinh ra và cố gắng hết sức để khởi tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, như thế gọi là chánh đoạn thứ nhất.

- Đối với các ác pháp chưa sinh ra thì phải cố gắng ngăn ngừa đừng để nó sinh ra và phải siêng năng tinh tấn khuyến khích và gìn giữ tâm mãi như thế. Chánh đoạn là gì? Tức là phải ngăn ngừa không để các pháp xấu ác, chẳng thiện sinh ra và phải cố gắng vươn lên khởi tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ hai.

- Đối với các pháp thiện chưa sinh phải cố gắng khiến cho nó sinh ra, luôn luôn siêng năng tinh tấn mà khuyến khích và giữ gìn tâm mãi như thế. Chánh đoạn là gì? Nghĩa là đối với các pháp thiện chưa sinh ra thì phải cố gắng vươn lên tiến tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ ba.

- Đối với các pháp thiện đã sinh rồi thì phải giữ gìn thật bền vững không chút xao lãng bỏ quên, phải luôn tu trì bồi bổ khiến các pháp thiện ấy càng rộng lớn gấp bội để được chứng trí tuệ lớn. Luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và giữ gìn tâm như thế mãi. Chánh đoạn là gì? Đối với các pháp thiện đã sinh ra rồi thì càng cố sức vươn lên để tiến tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ tư.

Bốn thần túc: Gồm có:

1. Thần túc đoạn hạnh thành tựu dục Tam-ma-địa.
2. Thần túc đoạn hạnh thành tựu cần Tam-ma-địa.
3. Thần túc đoạn hạnh thành tựu tâm Tam-ma-địa.

4. Thần túc đoạn hạnh thành tựu quán Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu dục Tam-ma-địa?

Đáp: Nghĩa là do dục vươn cao (tăng thượng) mà sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu dục Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu cần Tam-ma-địa?

Đáp: Cần (siêng năng) vươn cao sẽ sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu cần Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu tâm Tam-ma-địa?

Đáp: Tâm vươn cao sẽ sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu tâm Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu quán Tam-ma-địa?

Đáp: Quán vươn cao sẽ sinh ra các pháp thiện và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu quán Tam-ma-địa.

Bốn tĩnh lực (Thiền): Tức là tĩnh lực thứ nhất, tĩnh lực thứ hai, tĩnh lực thứ ba và tĩnh lực thứ tư.

1. Thế nào là tĩnh lực thứ nhất?

Đáp: Tĩnh lực thứ nhất thâm giữ năm uẩn thiện.

2. Thế nào gọi là tĩnh lực thứ hai?

Đáp: Tĩnh lực thứ hai thâm giữ năm uẩn thiện.

3. Thế nào là tĩnh lực thứ ba?

Đáp: Tĩnh lực thứ ba thâm giữ năm uẩn thiện.

4. Thế nào gọi là tĩnh lực thứ tư?

Đáp: Tĩnh lực thứ tư thâm giữ năm uẩn thiện.

Bốn Thánh đế: Tức là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, và khổ diệt đạo Thánh đế (đạo đưa đến sự diệt khổ Thánh đế).

1. Khổ Thánh đế là sao?

Đáp: Là chấp chặt vào năm uẩn, tức chấp chặt sắc uẩn, chấp chặt thọ uẩn, chấp chặt tưởng uẩn, chấp chặt hành uẩn, chấp chặt thức uẩn. Đó gọi là khổ Thánh đế.

2. Khổ tập Thánh đế là sao?

Đáp: Chính các nhân hữu lậu nó chiêu tập tạo nên các khổ.

3. Khổ diệt Thánh đế là sao?

Đáp: Chọn lựa pháp diệt và vô vi, nên gọi là khổ diệt Thánh đế

4. Đưa đạo đến sự diệt khổ Thánh đế là sao?

Đáp: Gồm các pháp hữu học và các pháp vô học là con đường

(đạo) đưa đến chỗ diệt khổ.

Bốn tưởng: Gồm có:

1. Nghĩ tưởng nhỏ.
2. Nghĩ tưởng lớn.
3. Nghĩ tưởng vô lượng.
4. Không có tưởng.

- Nghĩ tưởng nhỏ là sao?

Đáp: Tức là khởi ý (tác ý) suy nghĩ tìm hiểu các sắc nhỏ như nghĩ trước thấy ma bầm, nong nặc, rệu rã, vỡ toáng, sinh chương, nghĩ về các hài cốt, sự rục rã của hài cốt, hoặc nghĩ về đất, về nước, về lửa, về gió, hoặc nghĩ về màu xanh, màu vàng, đỏ hoặc trắng, hoặc nghĩ về tai họa tội ác của ái dục, tham dục, hoặc suy nghĩ về các công đức của sự xuất ly (giải thoát)... cùng các thứ đó mà khởi lên các ý tưởng, như tưởng các việc hiện tại, các việc đã qua hay chưa đến. Đó gọi là nghĩ tưởng nhỏ.

- Nghĩ tưởng lớn là sao?

Đáp: Tức tác ý suy nghĩ tìm hiểu một cách rộng rãi về các sắc nhưng không phải to lớn đến không có bến bờ biên vực. Ví như cũng nghĩ về thân chết bầm xanh, nói rộng như trước đã nói. Đó gọi là nghĩ tưởng lớn.

- Nghĩ tưởng vô lượng là sao?

Đáp: Tức là tác ý suy nghĩ, tìm hiểu rộng lớn về các sắc, khối lượng của nó lớn đến vô biên, thí dụ như suy nghĩ về thân chết bầm xanh. Nói rộng như trước, nên gọi là nghĩ tưởng vô lượng.

- Không có nghĩ tưởng là sao?

Đáp: Đây tức là chỉ rõ không có việc nghĩ tưởng chi cả.

Bốn vô lượng: Đó là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng và xả vô lượng.

1. Từ vô lượng là sao?

Đáp: Tức các thứ từ ái và lòng tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân nghiệp và ngữ nghiệp hoạt động từ hạnh nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng hành, có nghĩa là dù thân và ngữ làm hạnh từ nhưng tâm không động, không để ý gì đến, thì đó gọi là từ vô lượng.

2. Bi vô lượng là sao?

Đáp: Tức các thứ bi và lòng thương tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân và ngữ nghiệp hoạt động bi hạnh nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng nghĩa là thân và ngữ làm hạnh bi nhưng tâm không chấp trước để ý đến, thì đó gọi là bi vô lượng.

3. Hỷ vô lượng là sao?

Đáp: Tức là thứ niềm vui tâm vui tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân và ngữ nghiệp hoạt động hỷ hạnh, nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng hành. Nghĩa là thân và ngữ làm hạnh hỷ, nhưng tâm không chấp trước để ý đến, thì đó gọi là hỷ vô lượng.

4. Xả vô lượng là sao?

Đáp: Tức là các thứ xả, và xả tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân và ngữ nghiệp hoạt động xả hạnh, nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng hành. Nghĩa là thân và ngữ làm hạnh xả, nhưng tâm không chấp trước, để ý đến. Đó gọi là xả vô lượng.

Bốn vô sắc:

1. Không vô biên xứ.
2. Thức vô biên xứ.
3. Vô sở hữu xứ.
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Không vô biên xứ: Tóm lược có hai thứ:

1. Định.
2. Sinh.

Hết thấy sinh của thọ, tưởng, hành, thức gọi đó là Không vô biên xứ.

- Thức vô biên xứ là sao?

Đáp: Thức vô biên xứ tóm lược có hai thứ định và sinh. Hết thấy thọ, tưởng, hành, thức của định - sinh thì gọi đó là Thức vô biên xứ.

- Vô sở hữu xứ là sao?

Đáp: Vô sở hữu xứ tóm lược có hai thứ định và sinh. Hết thấy thọ, tưởng, hành, thức của định - sinh thì gọi là Vô sở hữu xứ.

- Phi tưởng phi phi tưởng xứ là sao?

Đáp: Phi tưởng phi phi tưởng xứ tóm lược có hai thứ định và sinh. Nếu hết thấy thọ, tưởng, hành, thức của định - sinh thì gọi đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Và có một thứ định khi khởi tâm bất tương ứng hành đó là định diệt tưởng. Đó gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Bốn Thánh chủng:

1. Là như một vị Bí-sô khi có được y phục liền vui mừng cho là đầy đủ rồi, vui, khen ngợi là đủ chẳng cần cầu tìm y phục, khiến cho người đời bàn tán khen chê. Nếu cầu chẳng được thì lại không chịu cam phận, mà lại trông ngóng kiếm tìm, đấm ngực bực tức buồn rầu. Còn

như những vị nào khi đã cầu được rồi, đứng pháp thọ dụng, không sinh lòng đam mê, đắm chấp, ham thích, giấu giữ cất chứa. Trong khi thọ dụng, thấy được các lỗi lầm, rồi hiểu biết chỉ mong cầu việc xuất ly giải thoát. Do vậy người này được y phục là đáng mừng vui, nhưng không hề ý mình mà miệt thị khen chê kẻ khác. Trái lại lúc nào cũng siêng năng tinh tấn chuyên tâm thiền định chánh tri. Đó gọi là sự an trụ vào dòng Thánh (Thánh chủng) cổ xưa.

2. Là như thầy Bí-sô có được việc ăn uống liền sinh vui mừng cho là đủ, như trước đã nói đầy đủ.

3. Là như thầy Bí-sô có được ngọa cụ, giường chiếu liền sinh vui mừng cho là đầy đủ, như trước đây đã nói đầy đủ.

4. Là như thầy Bí-sô đã đoạn hết sự ham muốn vui thích lại siêng năng cầu học các cách đoạn trừ ái lạc, ham thích các vui của tu, siêng năng chuyên cần học tập các cách tu đầy an vui. Như thế người này dần dần đạt đến trình độ không cần phải tu phép đoạn ái lạc nữa, cũng không còn phải học hành chi nữa, mà cũng chẳng miệt thị khinh chê ai. Trái lại còn luôn luôn siêng năng khuyến khích tâm mình chú tâm vào chánh tri. Đó gọi là được an trụ vào dòng Thánh cổ xưa.

Hỏi: Thế nào là do các y phục được vui mừng mà được vào dòng Thánh?

Đáp: Khi có được y phục thì vui mừng với sức cố gắng vươn lên để tạo ra vô số pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, thì đó gọi là do y phục sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh.

Hỏi: Khi được ăn uống sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh là sao?

Đáp: Khi có được y phục thì vui mừng và với sức cố gắng vươn lên để tạo ra các pháp thiện và đạo vô lậu. Thì đó gọi là do được ăn uống sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh.

Hỏi: Khi được ngọa cụ giường nằm sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh là sao?

Đáp: Khi có được ngọa cụ giường nằm thì vui mừng và với sức cố gắng vươn lên để tạo ra vô số pháp thiện và đạo vô lậu. Thì đó gọi là do có được ngọa cụ sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh.

Hỏi: Thế nào là tu đoạn ái lạc mà được vào dòng Thánh?

Đáp: Khi tu đoạn trừ ái lạc thì càng cố gắng vươn lên sẽ sinh ra các pháp thiện và đạo vô lậu. Thế nên gọi là tu pháp đoạn ái lạc mà được vào dòng Thánh.

Bốn quả Sa-môn: Đó là quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn,

quả A-la-hán.

Thế nào là quả Dự lưu?

Đáp: Quả Dự lưu có hai thứ, tức là hữu vi và vô vi, nghĩa là khi chứng quả Dự lưu rồi, nhưng còn học hỏi các pháp, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả Dự lưu hữu vi. Còn quả Dự lưu vô vi là khi đó có được trạch diệt, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả Dự lưu vô vi.

Quả Nhất lai và quả Bất hoàn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là quả A-la-hán?

Đáp: Quả A-la-hán cũng có hai thứ hữu vi và vô vi. Quả A-la-hán hữu vi, tức là khi chứng quả A-la-hán rồi thì vẫn còn học hỏi các pháp, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả A-la-hán hữu vi. Còn quả A-la-hán vô vi tức là khi chứng quả A-la-hán thì có trạch diệt, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả A-la-hán vô vi.

Bài kệ tụng (Ốt-đà-nam) thứ hai:

*Hai: Bốn pháp có chín
Là chi, tịnh, trí, lực
Xứ, uẩn, y, pháp tích
Còn bốn trí có hai.*

Gồm có: Bốn chi Dự lưu, bốn thứ chứng tịnh, bốn thứ trí, bốn thứ lực, bốn thứ xứ, bốn thứ uẩn, bốn thứ y, bốn thứ pháp tích, và trí có hai thứ, còn tám thứ kia mỗi thứ có một thứ.

Bốn chi Dự lưu:

1. Gân gũi bậc thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Tác ý (nghĩ ngợi) đúng lý.
4. Pháp tùy, pháp hành.

- Gân gũi bậc Thiện sĩ là sao?

Đáp: Bậc Thiện sĩ đó là Phật và các đệ tử Phật, hoặc là các Bồ-đặc-già-la đầy đủ giới và đức, đã lìa hết các lỗi lầm cấu bẩn (các phiền não), hoàn thành các pháp thiện, đủ khả năng tiếp quả vị của Thầy để thành tựu các đức hạnh cao quý. Biết sai, ăn năn chữa lỗi, biết gìn giữ các pháp thiện, ham học tập các điều cần yếu mới lạ, thấy biết đầy đủ mọi việc. Ham suy tư, chọn, thích khen ngợi tán dương, ưa xét nét quan sát, bản tánh thông minh nhanh nhạy, hiểu biết sáng suốt đầy đủ. Có trí tuệ, không còn ham thích mong cầu. Không chìm đắm trong cõi tham vì các tham lam đã sạch. Không đắm chìm trong cõi sân, vì sân giận đã dứt. Không đắm chìm trong chốn si mê vì các si mê đã tiêu trừ. Luôn

luôn sống trong cảnh điều hòa thuận hợp, bao giờ cũng trống vắng yên lặng và giải thoát mãi mãi. Đây đủ các công đức tuyệt diệu cao quý như thế nên gọi là bậc Thiện sĩ. Nếu ai đối với bậc Thiện sĩ đã có đủ các đức tánh đó mà gần gũi phụng sự cung kính cúng dường..., thì gọi là gần gũi bậc Thiện sĩ.

- Lắng nghe chánh pháp là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với những chỗ nào chưa hiểu biết sáng tỏ mà được các bậc Thiện sĩ như vừa kể, chánh pháp giải bày chỉ rõ đúng đắn thì gọi là chánh pháp. Những chỗ nào chưa được khai ngộ thấu đáo thì giúp cho khai ngộ hiểu rõ đúng đắn. Do trí tuệ thông suốt với bao nhiêu câu văn ý nghĩa hay ho hấp dẫn, cao siêu tuyệt diệu mà dùng mọi phương cách thích hợp khéo léo để vì người khác mà diễn giảng giải bày, sắp đặt, trình bày chỉ dạy cho hiểu biết, lấy vô lượng pháp môn mà trình bày chỉ dạy cho hiểu biết đúng đắn như la khi nói khổ thì đúng là khổ, khi nói về tập thì đúng là tập, diệt thì đúng là diệt, đạo thì đúng là đạo..., các thứ như thế đều gọi là chánh pháp.

Nếu đối với chánh pháp đã nói như thế mà thích chú ý lắng nghe, ham thích tu trì, thích chỗ rốt ráo cùng tột, ưa hiểu biết, thích quan sát tìm hiểu, ham tư duy suy tìm, nghiên cứu, luôn mong ước được thấu suốt mọi lẽ, thích giao tế tiếp xúc, coi quý trọng quả chứng và mong cầu được chứng quả. Vì muốn được nghe chánh pháp nên không sợ gian khổ cay đắng, dễ nhỡ chặc mà làm nên luôn sử dụng lỗ tai rất nhiều và đối với pháp âm (tiếng giảng đạo) thì phát triển nhĩ thức thật tinh xảo. Như thế gọi là lắng nghe chánh pháp.

- Tác ý (nghĩ ngợi) đúng lý là sao?

Đáp: Khi tai đã nghe thì nhĩ thức sẽ thấu suốt các nghĩa lý của giáo pháp rất chính xác không hề lầm lẫn. Do nghe hiểu (nhĩ thức) sẽ khiến tâm chuyên chú gom giữ các điều cần thiết rồi khởi ý nghĩ ngợi suy xét chánh tư duy, tâm tánh tỉnh sáng. Như thế gọi là nghĩ ngợi đúng lý.

- Cách đúng theo pháp mà tu hành là sao?

Đáp: Đúng lý mà nghĩ ngợi tác ý sẽ dẫn đến ý niệm xuất ly, xa lìa, là nơi sinh ra các pháp thiện cao cả, tu tập thật bền bỉ chắc chắn siêng năng không gián đoạn, không xao lãng. Như thế gọi là đúng theo pháp mà tu hành.

Bốn thứ chứng tịnh: Như Khế kinh có nói: Nếu đã được thành tựu bốn pháp thì gọi là Dự lưu. Có bốn pháp nào? Đó là: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh và giới được bậc Thánh yêu mến.

1. Phật chứng tịnh là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói các thầy Bí-sô nên biết, các đệ tử Phật cần nên nương nhau mà luôn luôn nhớ nghĩ đến chư Phật, Đức Thế Tôn đây chính là Như Lai, đã chứng quả A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm. Các vị nên lấy hình tướng đó để nghĩ nhớ đến chư Phật. Sự thấy biết là chứng trí căn bản, tương ứng với sự tin tưởng và tính chất của lòng tin. Tính chất của niềm tin hiện tiền được tùy thuận chấp nhận nơi lòng ái mộ và tính chất của lòng ái mộ. Khi nào tâm được lắng yên không còn quấy động nữa thì lúc đó là tâm thanh tịnh, nên gọi là Phật chứng tịnh.

2. Pháp chứng tịnh là sao?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, các thầy Bí-sô nên biết các hàng đệ tử của Phật cần phải nương nhau mà nghĩ nhớ đến Chánh pháp. Do vì chư Phật thuyết Chánh pháp vô cùng hấp dẫn khéo léo, hiện lúc đó ai nghe thấy được, đều được tươi mát và đứng lúc hướng dẫn những kẻ trí thường gần gũi quan sát sẽ được nội chứng. Các vị nhờ đó mà tùy nay luôn nghĩ nhớ đến chánh pháp. Sự thấy biết là chứng trí căn bản, tương ứng với sự tin tưởng và tính chất của sự tin tưởng, tính chất của niềm tin hiện tiền sẽ tùy thuộc được chấp nhận của sự mến mộ và tính chất mến mộ. Khi nào tâm được lắng yên không còn bị quấy động nữa thì lúc đó tâm được thanh tịnh. Đó gọi là Pháp chứng tịnh.

3. Tăng chứng tịnh là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết, các hàng đệ tử Phật cần phải nương nhau mà nghĩ nhớ đến chư Thánh Tăng. Họ là những hàng đệ tử của Phật đầy đủ các đạo hành nhiệm mầu và hạnh thành thật ngay thẳng, hạnh đúng lý, hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp. Đối với Tăng ở đây thì có Dự lưu hướng và quả Dự lưu, có hướng Nhất lai và quả Nhất lai, có hướng Bất hoàn và quả Bất hoàn, có hướng A-la-hán và quả A-la-hán. Như thế thì kể chung có bốn đôi và tám cặp Bồ-đặc-già-la, là chúng đệ tử của Phật có đầy đủ giới luật, đầy đủ thiền định, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, tri kiến giải thoát đầy đủ, đáng kính mời, đáng phủ phục (rạp mình tôn kính), có vô thượng phước điền rất đáng tôn quý cung kính được mọi người ở thế gian ngưỡng mộ cúng dường. Người ấy nên lấy đó mà tùy theo để nhớ nghĩ đến chư Tăng. Sự thấy biết là trí chứng căn bản, nó tương ứng với sự tin tưởng và tính chất của tin tưởng. Đối với tính chất niềm tin hiện tiền được tùy thuận, được chấp nhận mến mộ và tính chất của mến mộ. Khi tâm đã lắng yên không bị quấy động nữa thì tâm sẽ thanh tịnh. Đó

gọi là Tăng chứng tịnh.

4. Thế nào là giới luật của các Thánh mẫn thích?

Đáp: Khi thân và ngữ có phép tắc luật nghi vô lậu thì đời sống sẽ thanh tịnh. Đó gọi là chư Thánh thích trì giới.

Hỏi: Vì sao nói là các Thánh mẫn thích giới luật?

Đáp: Chư Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử Phật các vị ấy đối với giới luật vô cùng mẫn mộ, hân hoan tin nhận thuận theo không bao giờ dám trái nghịch chống đối. Thế nên gọi là chư Thánh mẫn thích giới luật. Các hàng Dự lưu thành tựu được bốn việc như thế.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 7

Phẩm 5: BỐN PHÁP, Phần 2

- Bốn thứ trí: Tức là pháp trí, loại trí, tha tâm trí và thế tục trí.

1. Pháp trí là gì?

Đáp: Là trí duyên nơi cõi Dục, tạo các hành vô lậu; là trí duyên nơi cõi Dục tạo nhân cho các thứ vô lậu; là trí duyên nơi cõi Dục hành pháp diệt của vô lậu, là trí duyên nơi cõi Dục hành đạo năng đoạn của vô lậu. Lại nữa, trí duyên nơi pháp trí, lĩnh vực pháp trí đó gọi là pháp trí.

2. Loại trí là gì?

Đáp: Là trí duyên nơi cõi Sắc, Vô sắc tạo các hành vô lậu, là trí duyên nơi cõi Sắc, Vô sắc tạo nhân cho các thứ vô lậu; là trí duyên nơi cõi Sắc, Vô sắc hành pháp diệt của vô lậu; là trí duyên nơi vô lậu hành đạo năng đoạn của vô lậu. Lại nữa, trí duyên nơi loại trí, lĩnh vực loại trí, đó gọi là loại trí.

3. Tha tâm trí là gì?

Đáp: Nếu như tu trí thì sẽ thành quả tu (tu để chứng quả). Nếu y chỉ vào tu hành mà chẳng có lỗi lầm, thì có thể biết được tâm và tâm sở của người khác, trong hiện tại là cõi Dục và cõi Sắc hòa hợp và biết được một phần tâm và tâm sở vô lậu của người khác. Thế nên gọi là tha tâm trí (trí biết tâm người khác).

4. Thế tục trí là gì?

Đáp: Là trí tuệ hữu lậu.

Lại có bốn thứ trí: Đó là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.

Hỏi: Khổ trí là gì?

Đáp: Đó là đối với năm thủ uẩn suy nghĩ nó là vô thường, khổ, không, vô ngã mà khởi lên trí vô lậu. Đó gọi là khổ trí.

Hỏi: Tập trí là gì?

Đáp: Đối với các nhân hữu lậu suy nghĩ về điều kiện sinh của nó

mà phát trí vô lậu. Đó gọi là tập trí.

Hỏi: Diệt trí là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với các thứ trạch diệt, tư duy suy xét đến cái diệt thanh tịnh mâu nhiệm nhất là xa nó, do đó khởi sinh ra trí vô lậu. Đó gọi là diệt trí.

Hỏi: Đạo trí là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với đạo vô lậu suy tư con đường ra khỏi (sinh tử) như thế nào, đó là phát sinh ra trí vô lậu. Thế nên gọi là đạo trí.

- Có bốn thứ sức (lực): Đó là sức tin, sức tinh tấn, sức định và sức tuệ.

1. *Sức mạnh của lòng tin là gì?*

Đáp: Là nương vào chư Phật Như Lai Đại Giác Ngộ (Chánh Đẳng Giác) mà trồng niềm tin trong sạch, nên gốc rễ nó bền vững, tất cả các bậc Sa-môn hay Bà-la-môn cùng các hàng Thiên, Ma, Phạm, hoặc ở các cõi khác (thế gian) đều không thể kéo đổ, cướp đoạt niềm tin ấy được. Đó gọi là sức mạnh của lòng tin.

2. *Sức mạnh của tinh tấn là gì?*

Đáp: Trừ bỏ điều ác, bất thiện đã có, siêng năng giữ tâm nắm ý chế ngự điều ác, bất thiện chưa có, để nó không được sinh ra.

Siêng năng giữ tâm nắm ý làm cho điều thiện chưa sinh, được sinh. Siêng năng như vậy, làm cho vững bền trụ chắc không quên đối với điều thiện đang có. Tu đầy đủ gấp hai rộng ra để trí chứng được sự thật. Siêng năng giữ tâm nắm ý gọi là sức tinh tấn.

3. *Sức thiền định là gì?*

Đáp: Nghĩa là phải lìa bỏ tham dục và các điều xấu ác bất thiện, có tầm có tứ, ly sinh hỷ lạc. Nhập vào Sơ thiền đầy đủ mà trụ, lần lượt cho đến nhập trụ vào đệ Tứ thiền toàn vẹn đầy đủ. Đó gọi là sức thiền định.

4. *Sức trí tuệ là gì?*

Đáp: Nghĩa là hiểu biết đúng như thật đây là Khổ thánh đế, đây là Khổ tập thánh đế, đây là Khổ diệt thánh đế, đây là Thánh đế chỉ bày đạo là con đường dẫn đến sự diệt khổ. Đó gọi là sức trí tuệ.

Vì sao gọi là “Sức”? Vì nhân có các sức đó, nương vào sức đó, trụ vào các sức đó thì có khả năng cắt đứt, nghiền nát, phá tung tất cả các thứ trói buộc của kiết sử, những quán thối của tùy miên, tùy phiền não. Thế nên gọi là sức.

- Bốn xứ: Gồm có tuệ xứ, đế xứ, xả xứ, tịch tĩnh xứ.

1. *Thế nào là tuệ xứ?*

Đáp: Như trong kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Lĩnh vực của tuệ cao cả là lậu tận trí. Thế nên các Bí-sô cần phải thành tựu lậu tận trí đó. Nếu thành tựu nó thì gọi là thành tựu lĩnh vực tuệ tối thắng. Do đó gọi là tuệ xứ.

2. Thế nào là đế xứ?

Đáp: Như trong kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Lĩnh vực của Đế cao cả, là giải thoát bất động. Đế có nghĩa là pháp đúng như thật, trái với nó là dối trá là hư giả chẳng thật. Thế nên các Bí-sô cần phải thành tựu bất động giải thoát. Nếu thành tựu nó thì gọi là thành tựu lĩnh vực của đế tối thắng. Đó gọi là đế xứ.

3. Thế nào gọi là xả xứ?

Đáp: Như trong kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Trước hết sự chấp chặc vào vô trí, vô minh nó sẽ đẩy ta ra khỏi con đường chánh pháp. Vậy nay ta cần phải buông bỏ, ném bỏ tất cả những chấp trước giữ chặc ấy đi. Nầy các Bí-sô nên biết, lĩnh của cao cả đó là buông bỏ tất cả mọi thứ nương nhờ, khi ái đã dứt, tập nhiễm đã lìa thì đạt Niết-bàn hằng diệt. Thế nên các Bí-sô nên thành tựu Niết-bàn đó. Khi đã thành tựu nó thì gọi là đã thành tựu lĩnh vực của tối thắng. Thế nên gọi là xả xứ.

4. Tịch tĩnh xứ là gì?

Đáp: Như trong kinh Biện Lục Giới Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm nói với Cụ thọ Trì Kiên: Bí-sô nên biết! Tham lam làm nhơ bẩn và não hại bản tâm khiến không thể giải thoát được. Sân giận và ngu si cũng làm nhơ bẩn và não hại bản tâm khiến không thể giải thoát được. Các Bí-sô nên biết, phải trừ diệt cho thật hết các tham sân si đó đừng để sót tí nào, phải trừ cho hết, phải trừ bỏ quăng ném nó thật xa. Khi ái đã dứt, tập nhiễm đã lìa, hoàn toàn trống vắng sạch sẽ thì đó gọi là tịch tĩnh vắng lặng chân thật. Thế nên các Bí-sô nên thành tựu tịch tĩnh chân thật đó. Khi đã thành tựu nó thì gọi là đã thành tựu được lĩnh vực của tịch tĩnh tối thắng. Đó gọi là tịch tĩnh tịnh xứ.

- Bốn thứ uẩn: Gồm có giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn và giải thoát uẩn.

1. Giới uẩn là sao?

Đáp: Như trong kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Các Bí-sô nên biết! Ta nói giới luật bậc hữu học, hoặc giới luật bậc vô học, hay tất cả giới luật khéo chẳng học chẳng vô học thì đều là

giới uẩn. Đó gọi là giới uẩn.

2. Định uẩn là sao?

Đáp: Như trong kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Các Bí-sô nên biết! Ta nói hoặc thiên định bậc hữu học, hoặc thiên định bậc vô học, hoặc tất cả thiên định khéo chẳng học chẳng vô học thì đều là định uẩn. Thế nên gọi là định uẩn.

3. Tuệ uẩn là sao?

Đáp: Như trong kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Các Bí-sô nên biết! Ta nói tuệ bậc hữu học, hoặc tuệ bậc vô học, hoặc tất cả tuệ khéo chẳng học chẳng vô học thì đều là tuệ uẩn cả. Thế nên gọi là tuệ uẩn.

4. Thế nào gọi là giải thoát uẩn?

Đáp: Như trong kinh Biện Tam Uẩn Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Các Bí-sô nên biết! Ta nói giải thoát bậc hữu học, hoặc giải thoát của bậc vô học, hoặc tất cả giải thoát khéo chẳng học chẳng vô học thì đều là giải thoát uẩn. Thế nên gọi là giải thoát uẩn.

Bốn thứ y (nương nhờ): Gồm có:

1. Suy nghĩ chọn lựa một cách nên tránh xa.
2. Suy nghĩ chọn lựa một cách nên thọ dụng.
3. Suy nghĩ chọn lựa một cách nên trừ bỏ.
4. Suy nghĩ chọn lựa một cách nên chịu đựng.

- Thế nào là suy nghĩ chọn lựa một cách nên tránh xa?

Đáp: Như trong kinh Phòng Chư Lộ Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Các thầy Bí-sô cần phải phán xét, suy nghĩ chọn lựa..., các cách tránh xa các loài voi hung, ngựa dữ, trâu điên, chó dữ, trâu nước hung bạo v.v... Phải xét biết mà tránh xa các cây độc, gai độc, hầm hố, bờ vực, hang sâu, giếng, hầm xí, sông sâu v.v... Phải nên suy xét mà tránh xa các việc hung dữ, hành động cử chỉ bạo ác, các đám bạn bè xấu xa làm ác, chỗ sống của tội ác, các ngọa cụ xấu ác, cần phải lánh xa. Các ngọa cụ xấu ác, tức là khi thọ dụng thứ ngọa cụ đó thì bậc trí giả và các bạn đồng tu phạm hạnh đáng lẽ chẳng đáng phân biệt, suy lường, nghi kỵ..., lại sinh ra phân biệt, suy lường, nghi kỵ, ngờ vực. Nên Ta nói đó là cái ngọa cụ xấu ác. Các thầy Bí-sô cần phải lánh xa nó đi... Như thế gọi là suy nghĩ chọn một pháp nên lánh xa.

- Thế nào là suy nghĩ chọn một cách nên thọ dụng?

Đáp: Như trong kinh Phòng Chư Lộ Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Đây các thầy Bí-sô cần phải phán xét, suy nghĩ chọn lựa kỹ một cách về sự thọ dụng. Phải nên đúng như pháp mà thọ dụng y phục. Đó

chẳng phải vì muốn dưỡng kiện, vì kiêu ngạo hách dịch, vì sắc đẹp, vì thân hình oai vệ..., mà chỉ vì muốn che chắn nóng lạnh, ngăn ngừa rắn rít ruồi muỗi châm chích cắn mổ và nhất là để che chắn hình hài xấu xa đáng mắc cỡ này mà thọ dụng y phục này. Các thầy cũng nên xét biết, suy tính chọn lựa cách đúng như pháp mà ăn uống. Ăn uống đây chẳng phải là để dưỡng kiện, hay vì kiêu ngạo hay vì nhan sắc thân hình đẹp để oai vệ..., mà chỉ vì muốn giữ cho hình hài này tạm sống qua ngày, thoát được cái đói khát, an tâm tu trì phạm hạnh, tránh thọ nhận cái cũ (đói khát), chẳng dám thọ nhận cái mới để sống đời sống không lỗi lầm vô tội và được trụ vào an lạc. Các thầy cũng nên suy xét chọn lựa cách dùng ngọa cụ đúng pháp là không phải vì dưỡng kiện, vì kiêu ngạo hay sắc đẹp của mặt mày, thân hình oai vệ..., mà chỉ ngăn ngừa gió mưa lạnh nóng và cốt để ngồi thiền định đạt đến chỗ tịch tĩnh an ổn cao quý nhất.

Các thầy cũng nên suy xét chọn lựa cách dùng thuốc men đúng pháp là không phải vì sự dưỡng kiện, vì kiêu ngạo, vì nhan sắc đẹp để, thân hình oai vệ..., mà chỉ muốn trị các bệnh đang hành hạ hoặc ngăn ngừa các bệnh tật để thân tâm an ổn mà tu nghiệp thiện. Đó gọi là suy nghĩ chọn lựa một cách nên thọ dụng đúng pháp.

- Thế nào là suy xét chọn lựa một cách nên trừ bỏ?

Đáp: Như trong kinh Phòng Chư Lưu Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Nay các thầy Bí-sô, ai đã khởi các thứ tầm như tham dục, giận dữ gây tổn hại..., thì chớ nên giấu giếm, hãy nên mau mau đoạn trừ cho thật hết, hãy ói mửa ra, hãy trừ khử tiêu diệt chúng đừng để sót. Đó là suy xét chọn lựa một cách nên trừ bỏ.

- Thế nào là suy xét chọn lựa một cách nên chịu đựng?

Đáp: Như trong kinh Phòng Chư Lưu Ký Biệt, Đức Bạc-già-phạm có nói: Các thầy Bí-sô cần phải cố gắng nỗ lực siêng năng, mạnh mẽ gắng sức, chẳng nên lìa mình ra khỏi cỗ xe pháp thiện, cho dù như thân ta máu thịt khô kiệt, chỉ còn da xương chằng chịt mà tạm sống. Nếu chánh pháp cao cả kia chưa ngộ được thì phải siêng năng cố gắng mãi không ngừng. Như khi quá cố gắng mà thân tâm có mệt mỏi thì cũng không vì thế mà trễ nãi biếng lười. Phải trăn mình chai lì chịu đựng được các thứ lạnh nóng đói khát rắn rít ruồi muỗi gió mưa bão táp... Rồi lại phải ráng chịu đựng bao cay đắng mà kẻ khác hành hạ, làm nhục, cả đến giết hại... Đó gọi là suy xét chọn lựa một cách nên chịu đựng.

Bốn thứ pháp tích: Tức là: 1. Vô tham pháp tích; 2. Vô sân pháp

tích; 3. Chánh niệm pháp tích; 4. Chánh định pháp tích.

1. Không tham pháp tích là sao?

Đáp: Không tham tức là đối với các dục cảnh không tham, đều không ham muốn, rộng nói cho đến chẳng phải thuộc loại tham lam, chẳng phải là thứ sinh ra tham lam..., nên gọi là không tham. Pháp tích thì không tham cũng gọi là pháp mà cũng gọi là tích (dấu vết). Thế nên gọi là không tham pháp tích.

2. Không sân pháp tích là sao?

Đáp: Không sân giận, tức là đối với các loài hữu tình không cố ý gây tổn hại. Không ôm lòng tàn độc nên chẳng muốn gây buồn lo đau khổ cho ai. Rộng nói cho đến chẳng từng gây tai họa, sẽ gây tai họa hoặc đang gây tai họa cho ai. Thế nên gọi là không sân giận. Còn pháp tích thì không sân giận cũng gọi là pháp và cũng gọi là tích. Thế nên gọi là không sân giận pháp tích.

3. Chánh niệm pháp tích là sao?

Đáp: Chánh niệm nghĩa là nương tựa vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh ra. Các ý nghĩ tùy theo chỗ và việc mà ghi nhớ. Rộng nói cho đến tâm có trí nhớ rất sáng suốt. Đó gọi là chánh niệm. Còn pháp tích thì chánh niệm cũng gọi là pháp và cũng gọi là tích, cũng gọi là pháp tích. Thế nên gọi là chánh niệm pháp tích.

4. Chánh định pháp tích là gì?

Đáp: Là nương vào pháp thiện do xuất ly và xa lìa sinh ra, các định khiến cho tâm luôn được an trụ. Rộng nói cho đến khi tâm chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là chánh định. Pháp tích: Nghĩa là chánh định cũng gọi là pháp, cũng gọi là tích, cũng gọi là pháp tích. Thế nên gọi là chánh định pháp tích.

- Bốn pháp chứng được:

1. Hoặc có pháp do thân chứng được.
2. Có pháp do niệm chứng được.
3. Có pháp do mắt chứng được.
4. Có pháp do tuệ chứng được.

- Pháp do thân chứng được là gì?

Đáp: Tức là tám thứ giải thoát, là thân chứng được.

- Pháp do niệm chứng được là gì?

Đáp: Tức là các việc thuộc các đời trước, là niệm chứng được.

- Pháp do mắt chứng được là gì?

Đáp: Tức là các việc sinh tử mà mắt chứng được.

- Pháp do tuệ chứng được là gì?

Đáp: Đó là các trí lậu tận thì tuệ cần nên chứng.

Bài tụng Ôt-đà-nam thứ ba nói:

*Ba: Bốn pháp có chín,
Hạnh, tu, nghiệp, thọ, ách,
Ly hệ và bộc lưu,
Thủ, hệ mỗi thứ bốn.*

Gồm có: Bốn thứ hạnh, bốn thứ tu định, bốn thứ nghiệp, bốn thứ pháp thọ, bốn thứ ách, bốn thứ ly hệ, bốn thứ bộc lưu, bốn thứ thủ và bốn thứ thân hệ.

- Bốn thứ hạnh:

1. Khổ trì thông hạnh.
2. Khổ tốc thông hạnh.
3. Lạc trì thông hạnh.
4. Lạc tốc thông hạnh.

- Khổ trì thông hạnh là gì?

Đáp: Khi thiền định chẳng thân giữ được phần thô (hạ phẩm) của năm căn, nên gọi là Khổ trì thông hạnh.

- Khổ tốc thông hạnh là gì?

Đáp: Khi thiền định chẳng thân giữ được phần tế (thượng phẩm) của năm căn.

- Lạc trì thông hạnh là gì?

Đáp: Khi thiền định thân giữ được phần thô (hạ phẩm) của năm căn.

- Lạc tốc thông hạnh là gì?

Đáp: Khi thiền định thân giữ được phần tế (thượng phẩm) của năm căn.

- Bốn thứ hạnh:

1. Hạnh chẳng chịu đựng được.
2. Hạnh chịu đựng được.
3. Hạnh điều phục.
4. Hạnh tịch tĩnh.

- Hạnh chẳng chịu đựng được là sao?

Đáp: Nghĩa là chẳng thể chịu đựng được các thứ lạnh nóng đói khát rần rít ruồi muỗi mưa gió khi gặp phải v.v... Lại cũng không thể chịu đựng nổi việc bị người khác tạo nên sự cay đắng khổ sở cho thân thể như bằng cách chửi mắng đánh đập hành hạ hay giết chết v.v... Các thứ như thế chẳng thể chịu đựng được, nên gọi là hạnh chẳng chịu đựng

được.

- Hạnh chịu đựng được là sao?

Đáp: Nghĩa là có thể chịu đựng được các thứ lạnh nóng đói khát rần rít ruồi muỗi mưa gió v.v... khi gặp phải. Lại cũng có thể chịu đựng được khi bị người khác làm nhục chửi mắng hành hạ đánh đập hay giết chết. Những việc như thế gọi là hạnh chịu đựng được.

- Hạnh điều phục là sao?

Đáp: Thí dụ khi mắt thấy sắc thì chuyên tâm giữ ý lại, canh chừng giữ gìn nhãn căn, kìm giữ điều phục làm chủ tâm mình. Không để cho nó khởi lên các thứ phiền não và các nghiệp ác. Cũng như khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân đụng chạm, ý hiểu pháp v.v..., thì kịp thời giữ gìn tâm ý, ngăn ngừa canh chừng giữ gìn nhĩ căn v.v..., cho đến ngăn ngừa giữ gìn ý căn, kìm giữ, điều phục làm chủ tâm mình không để cho nó khởi lên các thứ phiền não và các nghiệp ác. Đó gọi là hạnh điều phục.

- Hạnh vắng lặng tịch tĩnh là sao?

Đáp: Nghĩa là bốn thứ niệm trụ, bốn thứ chánh đoạn, bốn thứ thân túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, bốn thứ thông hạnh, bốn thứ pháp tích... Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na..., đó gọi là hạnh tịch vắng lặng.

Hỏi: Vì sao lại nói đó là hạnh tịch tĩnh?

Đáp: Vì chính các hạnh đó mà rèn luyện tu tập hoặc thực hiện thật nhiều thì có thể khiến cho các tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn v.v..., đã sinh ra thì phải bị tiêu trừ yên lặng trống vắng và vô cùng vắng lặng. Thế nên gọi là hạnh vắng lặng tịch tĩnh.

- Bốn thứ tu định:

1. Nếu tu định mà tu tập rèn luyện và làm việc thật nhiều thì đời này sẽ được trụ vào pháp an lạc.

2. Nếu có tu định mà tu tập rèn luyện và làm việc thật nhiều thì sẽ chứng được tri kiến thù thắng nhất.

3. Nếu có tu định mà tu tập rèn luyện và làm việc thật nhiều thì sẽ chứng được tuệ phân biệt thù thắng nhất.

4. Nếu có tu định mà tu tập rèn luyện và làm việc thật nhiều thì các lậu đều dứt hết.

- Vì sao mà tu định có tu tập rèn luyện, làm việc nhiều thì đời này sẽ được trụ vào pháp lạc?

Đáp: Ở bậc sơ thiền đã thấu giữ được pháp ly sinh hỷ lạc, tâm hoàn toàn chuyên chú vào một cảnh. Tu tập bền bỉ, lúc nào cũng siêng

năng chuyên cần tu tập không một giây phút xao lãng. Thế nên gọi là tu định mà tu tập và làm được nhiều việc thì đời này trụ vào pháp lạc.

- Thế nào là tu định mà tu tập rèn luyện, làm việc thật nhiều sẽ chứng được tri kiến tối thắng?

Đáp: Đối với tướng quang minh mà chuyển hoàn toàn tâm vào một cảnh, cứ thế mà tu tập rèn luyện bền bỉ, siêng năng tu tập mãi chẳng một giây phút xao lãng thì sẽ chứng được tri kiến cao cả nhất.

- Thế nào là tu định mà tu tập rèn luyện làm việc thật nhiều thì sẽ chứng được tuệ phân biệt cao cả nhất?

Đáp: Nếu đối với thọ tướng mà tâm xét và quan sát kỹ mà đi đến tâm chuyên nhất vào một chỗ (nhất tâm bất loạn). Cứ thế mà tu tập bền bỉ, siêng năng tu tập mãi chẳng một phút xao lãng thì gọi là tu định mà tu tập và làm được nhiều việc thì sẽ chứng được tuệ phân biệt tối thắng.

- Thế nào là tu định mà tu tập rèn luyện và làm được khá nhiều việc thì các lậu đều dứt trừ hết?

Đáp: Đệ Tứ thiền gồm thâu cả thanh tịnh, xả, niệm, câu hành, đạo quả A-la-hán không gián đoạn và luôn nhất tâm bất loạn, cứ như thế mà tu tập rèn luyện bền bỉ, luôn luôn siêng tu mãi chẳng hề xao lãng. Thế nên gọi là tu định mà rèn luyện tu tập và làm việc thật nhiều, các hoặc lậu dứt sạch.

Như trong kinh Ba La Diễn Noa, Đức Bạc-già-phạm nói kệ:

*Đoạn dục tưởng lo sợ,
Lìa hôn trầm, mê ngủ,
Và trạo cử, ố tác,
Được xả niệm thanh tịnh.
Pháp luân là cao tột,
Được chánh trí giải thoát,
Ta nói vô minh dứt,
Được thắng tuệ phân biệt.*

- Bốn thứ nghiệp: Gồm có:

1. Nghiệp của dị thực đen của đen.
2. Nghiệp của dị thực trắng của trắng.
3. Nghiệp của dị thực đen trắng trắng đen.
4. Nghiệp của dị thực chẳng phải trắng chẳng phải đen, có khả năng dứt được các nghiệp.

- Thế nào là nghiệp dị thực đen của đen?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói với thầy Bồ-thích-noa, người giữ câu

chi giới về bờ: Tất cả nên biết kỹ lưỡng! Ở đời có loại Bồ-đặc-già-la tạo các hành thân, ngữ, ý gây tổn hại. Khi đã gây các hạnh tổn hại đó rồi liền chứa nhóm tích tụ làm tăng trưởng sự tổn hại. Khi đã chứa nhóm tăng trưởng tổn hại thì gây tổn hại cho tự thể, khi tự thể mình bị tổn hại thì gây tổn hại cho cả thế gian. Khi thế gian đã bị tổn hại rồi thì gặp va chạm, gây tổn hại va chạm, khi va chạm đã bị tổn hại rồi thì gặp thọ gây tổn hại thọ. Thật là một mực chẳng đáng ưa, chẳng đáng vui, chẳng đáng mừng, chẳng vừa ý. Như các loại hữu tình Na lạc già sinh ra từ các loại đó rồi cũng gặp các xúc, thọ như thế v.v... Thế nên Ta nói các loại hữu tình đó tự mình tạo nghiệp. Tất cả hãy nên biết: Đó là nghiệp dị thực đen của đen.

Tạo các hành thân, ngữ, ý gây tổn hại là gì? Là tạo các hành thân, ngữ, ý chẳng thiện. Ở nghĩa trong này ý nói các hành thân, ngữ, ý chẳng thiện đó tức là các hành thân, ngữ, ý gây tổn hại. Khi đã tạo các hành thân, ngữ, ý gây tổn hại rồi thì chứa cất và làm tăng trưởng thêm sự tổn hại, có nghĩa là tạo các hành thân, ngữ, ý chẳng thiện rồi thì gây tạo thêm ra các pháp chẳng xa lìa. Nghĩa ở đây là khi nói gây tạo thêm các pháp chẳng xa lìa thì chỉ cho việc tích tụ chứa nhóm thêm nhiều sự tổn hại. Khi chứa nhóm thêm nhiều sự tổn hại thì sẽ gây tổn hại cho tự thể của mình. Có nghĩa là khi gây tạo thêm lớn các pháp chẳng xa lìa rồi thì sẽ bị quả báo đọa vào địa ngục. Nghĩa ở đây ý nói: Bị đọa vào địa ngục tức là chỉ cho việc tự thể bị tổn hại. Tại sao như thế? Nghĩa là khi ở trong đó rồi thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân đụng chạm, ý hiểu pháp. Tất cả đều không vừa ý, ý không vui, không phải vừa ý, không có tướng vừa ý, không có tướng bình đẳng, luôn không bình đẳng... Do các sự kiện như thế mà phải chịu khổ sầu.

Khi đã rước hại cho tự thể thì sẽ sinh tổn hại cả thế gian. Có nghĩa là khi gây nhân địa ngục thì tất phải bị đọa vào địa ngục. Ý nói đọa vào địa ngục ở đây là chỉ việc tổn hại thế gian. Vì sao thế? Nghĩa là khi đọa vào địa ngục rồi thì mắt thấy sắc..., cho đến ý hiểu pháp, tất cả đều chẳng vừa ý thỏa lòng, rộng nói cho đến chẳng bình đẳng và không có tướng bình đẳng..., do các sự kiện đó mà luôn thấy đau khổ.

Nó sinh tổn hại thế gian rồi thì sẽ gặp các xúc tổn hại, nghĩa là khi đọa vào địa ngục thì tất phải gặp xúc ở địa ngục. Ý nói địa ngục đây là chỉ việc bị tổn hại.

Khi gặp xúc tổn hại rồi thì tất phải nhận tổn hại, nghĩa là khi gặp xúc loại đó thì phải có cái thọ loại đó. Khi xúc thuận hợp với khổ thì thọ cũng phải khổ. Do đó nên nói gặp xúc có tổn hại rồi thì có thọ tổn hại,

chẳng thế nào có việc vui thích, đáng ham muốn, vừa ý thỏa lòng cả, là với thọ khổ đó thì tất cả chúng sinh đều không thể nào ham thích vui mừng vừa ý cả. Do đó cho nên nói là luôn luôn chẳng đáng ham thích và vừa lòng.

Như loài hữu tình Na-lạc-ca, đây là chỉ cho loài hữu tình thế gian gây tội ác đáng bị đọa vào địa ngục. Do đó mà nói như loài hữu tình Na-lạc-ca.

Nó do loại này sinh ra loại đó, là loài hữu tình gây tạo các việc có nhân duyên đó thì phải sinh như thế. Do đó mà nói nó thuộc loại nào thì sinh ra loại đó.

Khi đã sinh rồi thì gặp xúc loại đó, nghĩa là sinh ra ở địa ngục thì gặp xúc ở địa ngục. Do đó mà nói đã sinh ra rồi thì gặp xúc loại đó.

Thế nên Ta nói các loài hữu tình chính mình gây tạo các nghiệp.

Nghĩa là giả sử hoặc có tạo các hành thân khẩu ý có tổn hại, hoặc không tạo, hoặc có chứa nhóm thêm các tổn hại, hoặc không có chứa nhóm, hoặc có chứa nhóm thêm lớn các tổn hại thì chiêu cảm tự thể bị tổn hại hoặc không chứa nhóm thì tự thể không bị tổn hại, nếu tự thể bị tổn hại thì gây tổn hại cho thế gian, hoặc tự thể không tổn hại thì không gây tổn hại cho thế gian. Nếu đã sinh tổn hại thế gian thì gặp xúc tổn hại, hoặc không gây tổn hại thế gian thì không gặp xúc tổn hại. Nếu gặp xúc tổn hại thì bị tổn hại, hoặc không gặp xúc tổn hại thì không gặp tổn hại, chẳng cần phải nói.

Thế nên Ta nói các loài hữu tình đó tự mình tạo nghiệp, vì gây tạo các hành thân-khẩu-ý có tổn hại, thì tích chứa thêm lớn các sự tổn hại. Nếu chẳng tạo các hành thân, ngữ, ý tổn hại thì làm sao tích chứa thêm lớn các thứ tổn hại được? Còn như chứa nhóm thêm lớn các sự tổn hại thì tất phải gây tổn hại cho tự thể. Còn nếu chẳng chứa nhóm thêm các tổn hại thì làm sao gây tổn hại cho tự thể được? Còn như đã gây tổn hại cho tự thể thì sẽ sinh tổn hại cho thế gian. Nếu chẳng gây tổn hại cho tự thể thì làm sao gây tổn hại cho thế gian được? Còn như đã gây tổn hại cho thế gian thì phải gặp xúc tổn hại, nếu chẳng gây tổn hại thế gian thì làm sao gặp xúc tổn hại được. Còn như gặp xúc tổn hại thì tất phải nhận thọ tổn hại, nếu chẳng gặp xúc tổn hại thì đâu có nhận thọ tổn hại được? Chính điều này mới đáng nói, đáng để ý. Thế nên, Ta nói các loài hữu tình đó chính mình tạo nghiệp. Đó gọi là nghiệp dị thực đen của đen, nghĩa là chính nghiệp này là xấu ác chẳng thiện cho nên chiêu cảm nghiệp dị thực xấu xa chẳng vui vẻ ưa thích được vậy!

- Thế nào là nghiệp dị thực trắng của trắng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói với thầy Bồ-thích-noa, người giữ câu chi giới về bò. Tất cả nên biết ở đời có loại Bồ-đặc-già-la tạo ra các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, nó tạo ra các hành thân, ngữ, ý không tổn hại rồi thì chứa nhóm tăng thêm các thứ không tổn hại. Khi đã chứa nhóm các thứ không tổn hại rồi thì có được tự thể không tổn hại. Khi có được tự thể không tổn hại rồi thì không sinh tổn hại cho thế gian. Khi đã sinh ra không tổn hại thế gian thì gặp xúc không tổn hại. Khi gặp xúc không tổn hại thì nhận được thọ không tổn hại. Thế là cứ một mực mến thích vui vẻ mừng rỡ và thỏa ý vừa lòng. Đây chính là các hữu tình ở cõi trời không cần phải ăn uống. Nó từ loại này, nên sinh ra loại đó. Đã sinh rồi thì gặp xúc loại đó. Thế nên Ta nói các loại hữu tình đó tự mình tạo nghiệp, tất cả nên biết, đó là nghiệp dị thực trắng của trắng.

Tạo hành thân, ngữ, ý không tổn hại là tạo các hành thân, ngữ, ý tốt lành, nghĩa trong này ý nói hạnh thiện của thân, ngữ, ý tức là các hạnh không tổn hại của thân, ngữ, ý. Nó tạo ra các hành thân, ngữ, ý không tổn hại rồi thì chứa nhóm thêm các thứ không tổn hại, là tạo các hành thân, ngữ, ý tốt lành rồi thì gây tạo thêm lớn các pháp xa lìa, tức là nói chứa nhóm thêm lớn các thứ không tổn hại.

Chứa nhóm thêm lớn các thứ không tổn hại rồi thì sẽ được cái tự thể không tổn hại là gây tạo thêm lớn các pháp xa lìa được sinh vào cõi Sắc. Ý trong này nói cõi Sắc là chỉ cho tự thể không có tổn hại. Vì sao như thế? Vì khi đã trụ ở đó thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân đụng chạm, ý hiểu việc (pháp) thì tất cả đều vừa ý, chẳng thể không vừa ý được, tất cả đều vui, đều đúng ý, đều bình đẳng, mà không thể nào không vui, không đúng lý, không bình đẳng được, chính sự kiện đó nên toàn là vui vẻ thỏa lòng.

Nó đã được tự thể không tổn hại nên sinh ra thế gian không tổn hại, nghĩa là đã chiêu cảm có cõi Sắc rồi thì sẽ sinh lên cõi trời thuộc Sắc giới. Ý ở đây nói cõi trời thuộc Sắc giới chính là thế gian không tổn hại đó. Vì sao như thế? Vì sinh vào cõi trời thuộc Sắc giới, thì mắt thấy sắc cho đến ý biết pháp tất cả đều vừa ý, rộng nói cho đến tướng bình đẳng đều được bình đẳng. Do sự kiện này nên hoàn toàn nhận được sự vui mừng vừa ý.

Do sinh ra thế gian không tổn hại nên gặp được xúc không tổn hại, nghĩa là khi sinh ở cõi trời thuộc Sắc giới rồi thì gặp xúc ở cõi Sắc. Ý ở đây nói xúc cõi trời thuộc Sắc giới là xúc không tổn hại.

Khi nó gặp xúc không tổn hại thì sẽ nhận được thọ không tổn hại, là gặp được loại xúc như thế thì nhất định nhận được thọ (cảm xúc) như

thế, tức là xúc đã thuận vui thì thọ cũng vui sướng. Do đó mà nói gặp xúc không tổn hại thì nhận được thọ không tổn hại.

Như thế là cứ một mực mến thích, vui mừng, thỏa ý, nghĩa là với thọ vui sướng đó thì vô lượng loài hữu tình nào cũng đều mến thích, vui vẻ, vừa ý. Do đó nên nói tất cả đều một mực vui thích thỏa lòng.

Như các loài hữu tình ở các cõi trời không ăn uống, nghĩa là nói thế gian hưởng về cõi Sắc. Do đó nên nói loài hữu tình chư Thiên không cần ăn uống.

Nó do loại này thì sinh ra loại đó, nghĩa là chính các sự việc của loài hữu tình đó có nhân duyên đó mà sinh ra như vậy. Do đó nên nói nó do loại nào thì sinh ra loại đó.

Sinh ra gặp xúc loại đó, nghĩa là đã sinh vào cõi Sắc thì gặp xúc của cõi Sắc. Do đó mà nói đã sinh ra rồi thì lại gặp xúc của loại đó.

Thế nên Ta nói loài hữu tình đó tự mình tạo nghiệp, nghĩa là giả sử như tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, hoặc chẳng tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, thì đều chứa nhóm thêm nhiều các thứ không tổn hại. Nếu chứa nhóm thêm nhiều các thứ không tổn hại, thì sẽ chiêu cảm tự thể không tổn hại, hoặc chẳng chiêu cảm được tự thể không tổn hại. Nếu như có được tự thể không tổn hại hoặc chẳng có được tự thể không tổn hại thì sẽ sinh ra thế gian không tổn hại, hoặc chẳng sinh ra thế gian không tổn hại. Nếu đã sinh ra thế gian không tổn hại, hoặc chẳng sinh ra thế gian không tổn hại thì sẽ gặp được xúc không tổn hại hoặc chẳng gặp xúc không tổn hại. Nếu gặp được xúc không tổn hại, hoặc chẳng gặp xúc không tổn hại thì sẽ nhận được thọ không tổn hại. Điều này chẳng đáng nói.

Thế nên Ta nói các loài hữu tình đó tự mình tạo nghiệp. Vì nếu tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại, thì chứa nhóm tăng thêm các thứ không tổn hại. Chẳng tạo các hành thân, ngữ, ý không tổn hại thì chẳng chứa nhóm thêm nhiều các thứ không tổn hại, thì có được tự thể không tổn hại. Nếu chẳng chứa nhóm thêm các thứ không tổn hại thì cũng chẳng có được tự thể không tổn hại. Nếu cảm được tự thể không tổn hại thì sinh ra thế gian không tổn hại. Không cảm được tự thể không tổn hại thì cũng không sinh ra thế gian không tổn hại. Nếu sinh ra thế gian không tổn hại thì gặp được xúc không tổn hại, còn như chẳng sinh ra thế gian không tổn hại thì cũng chẳng gặp được xúc không tổn hại. Nếu gặp được xúc không tổn hại thì nhận được thọ không tổn hại. Còn như không gặp được xúc không tổn hại thì cũng không nhận được thọ không tổn hại. Đây là điều đáng nói, thế nên Ta nói các loài hữu tình

đó tự tạo nghiệp.

Đó gọi là nghiệp dị thực trắng của trắng, nghĩa là các nghiệp tốt lành này chiêu cảm được quả dị thực đáng vui mừng mến thích.

- Thế nào gọi là nghiệp dị thực trắng đen của trắng đen?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói với thầy Bồ-thích-noa, người giữ câu chi giới về bò: Tất cả nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la tạo ra các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại. Nó tạo ra các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại rồi thì chứa nhóm thêm nhiều các pháp tổn hại và không tổn hại. Nó chứa nhóm thêm nhiều các pháp tổn hại và không tổn hại rồi liền chiêu cảm tự thể có tổn hại và không tổn hại. Khi nó đã chiêu cảm tự thể có tổn hại và không tổn hại thì nó sẽ sinh ra cõi thế gian có tổn hại và không tổn hại. Khi đã sinh ra cõi thế gian có tổn hại và không tổn hại thì sẽ gặp được xúc có tổn hại và không tổn hại. Khi đã được cái xúc có tổn hại và không tổn hại thì nhận được cái thọ có tổn hại và không tổn hại. Nó xen vào nhau lẫn lộn như loài hữu tình vừa là người vừa là một phần trời pha lẫn vào. Do loại này mà sinh ra loài đó. Đã sinh rồi thì sẽ gặp loại xúc đó. Thế nên Ta nói, loài hữu tình đó do chính mình tạo nghiệp. Tất cả đều nên biết đó là nghiệp dị thực trắng đen của trắng đen.

Tạo ra các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại, là tạo ra các hành thân, ngữ, ý có thiện và chẳng thiện. Ý ở đây nói tạo ra các hành thân, ngữ, ý có thiện và chẳng thiện thì gọi là tạo ra các hành thân, ngữ, ý tổn hại và không tổn hại. Tạo ra các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại rồi thì chứa nhóm tăng thêm nhiều các thứ tổn hại và không tổn hại đó, nghĩa là đã tạo ra các hành thân, ngữ, ý thiện và chẳng thiện rồi thì tạo tác tăng thêm các pháp xa lìa và chẳng xa lìa. Nghĩa trong này, ý nói gây tạo thêm nhiều các pháp xa lìa và chẳng xa lìa thì gọi là chứa nhóm thêm nhiều các thứ tổn hại và không tổn hại đó. Chứa nhóm thêm nhiều các thứ tổn hại và không tổn hại ấy rồi thì chiêu cảm được tự thể tổn hại và không tổn hại đó, nghĩa là gây tạo thêm nhiều các pháp xa lìa và chẳng xa lìa rồi thì liền chiêu cảm được cõi Dục của người và trời. Ý ở đây nói cõi Dục của trời và người thì gọi là tự thể có tổn hại và không tổn hại. Vì sao? Ấy là vì khi trụ ở trong cõi đó thì mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân đụng chạm và ý biết pháp, tất cả có khi là vừa ý có khi chẳng vừa ý, ý vui và cũng có khi ý chẳng vui, có tướng vừa ý, mà có khi có tướng không vừa ý, có khi bình đẳng tự nhiên mà cũng có khi chẳng tự nhiên bình đẳng... Do các sự kiện như thế mà hoặc vui hoặc buồn lẫn lộn.

Khi chiêm cảm được tự thể tổn hại và không tổn hại thì sẽ sinh ra cõi thế gian tổn hại hoặc không tổn hại, có nghĩa là chiêm cảm được ở trong cõi Dục của trời và người rồi thì chắc chắn sẽ sinh vào cõi Dục đó. Ý ở đây nói cõi Dục của trời và người thì gọi là thế gian tổn hại hoặc không tổn hại. Vì sao? Vì khi đã sinh làm trời và người trong cõi Dục rồi thì mắt thấy sắc..., cho đến ý biết pháp tất cả đều là hoặc vừa ý hoặc chẳng vừa ý, rộng nói cho đến được bình đẳng tự nhiên hoặc chẳng bình đẳng tự nhiên. Do các sự kiện đó mà có vui khổ xen lẫn nhau. Khi sinh cõi thế gian có tổn hại hoặc không tổn hại thì sẽ gặp xúc có tổn hại hoặc không tổn hại, có nghĩa là khi sinh vào cõi Dục của trời và người rồi thì gặp xúc ở cõi Dục của trời và người. Ý ở đây nói cái xúc cõi Dục của trời và người thì đó là cái xúc có tổn hại và không tổn hại.

Khi gặp xúc có tổn hại và không tổn hại rồi thì sẽ nhận được thọ có tổn hại và không tổn hại, có nghĩa là với loại xúc như thế thì nhất định phải nhận được loại thọ như thế. Khi xúc đã thuận khổ và lạc thì tất nhiên thọ cũng phải khổ và lạc. Do đó cho nên nói gặp xúc có tổn hại hay không tổn hại rồi thì sẽ nhận được thọ có tổn hại và không tổn hại, xen lẫn vào đó, có nghĩa là khổ và vui nó xen lẫn vào nhau mà hiện ra ngay trong khi đó. Do đó nên nói là nó chen nhau, xen lẫn vào nhau.

Do loại này thì sinh ra loại đó, nghĩa là các sự việc mà loài hữu tình đó y vào thì có nhân đó duyên đó mà sinh ra nó. Do đó mà nói do loại này sinh ra loại đó.

Khi đã sinh ra rồi thì sẽ gặp xúc loại đó, nghĩa là khi sinh vào cõi Dục của trời và người rồi thì sẽ gặp xúc ở cõi Dục của trời và người. Do đó mà nói khi sinh ra rồi thì sẽ gặp xúc loại đó.

Thế nên Ta nói các loài hữu tình đó tự mình tạo nghiệp có nghĩa là giả sử: Nếu như tạo các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại, hoặc chẳng tạo ra các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại thì đều chứa nhóm thêm nhiều các thứ tổn hại hoặc không tổn hại, hoặc chẳng chứa nhóm thêm nhiều thứ có tổn hại hoặc không tổn hại. Nếu chứa nhóm thêm nhiều các thứ tổn hại hoặc không tổn hại, hoặc không chứa nhóm thêm nhiều các thứ tổn hại hoặc không tổn hại, thì sẽ chiêm cảm được tự thể có tổn hại hoặc không tổn hại, hoặc không chiêm cảm được tự thể có tổn hại hoặc không tổn hại. Nếu đã có được tự thể tổn hại, hoặc không tổn hại, hoặc chẳng có được tự thể tổn hại, hoặc không tổn hại thì sẽ sinh ra cõi thế gian có tổn hại hoặc không tổn hại, hoặc chẳng sinh ra cõi thế gian tổn hại hoặc không tổn hại. Nếu đã sinh ra cõi thế gian có tổn hại và không tổn hại, hoặc không sinh ra cõi thế gian tổn

hại hoặc không tổn hại thì sẽ gặp được các xúc tổn hại hoặc không tổn hại, hoặc không gặp các xúc tổn hại hoặc không tổn hại. Nếu gặp các xúc tổn hại hoặc không tổn hại, hoặc không gặp được các xúc tổn hại hoặc không tổn hại thì nhận được thọ tổn hại hoặc không tổn hại. Đây thì chẳng cần phải nói.

Thế nên Ta nói các loài hữu tình ấy tự mình đã tạo các nghiệp.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 8

Phẩm 5: BỐN PHÁP, Phần 3

Vì nếu tạo ra các hành thân, ngữ, ý có tổn hại và không tổn hại thì chứa nhóm thêm nhiều các pháp tổn hại và không tổn hại, còn nếu chẳng tạo các hành thân, miệng, ý tổn hại hoặc không tổn hại thì chẳng chứa nhóm thêm nhiều các pháp tổn hại và không tổn hại. Nếu đã chứa nhóm thêm nhiều các pháp tổn hại và không tổn hại thì chiêu cảm được tự thể tổn hại và không tổn hại. Còn nếu chẳng chứa nhóm thêm nhiều các pháp tổn hại và không tổn hại thì chiêu cảm được tự thể tổn hại và không tổn hại, sẽ sinh ra cõi thế gian tổn hại và không tổn hại. Còn nếu chẳng chiêu cảm được tự thể tổn hại và không tổn hại thì chẳng sinh ra cõi thế gian tổn hại và không tổn hại. Nếu đã sinh ra cõi thế gian tổn hại và không tổn hại thì sẽ gặp được xúc tổn hại và không tổn hại. Còn nếu chẳng sinh ra cõi thế gian tổn hại và không tổn hại thì chẳng gặp được xúc tổn hại và không tổn hại. Nếu đã gặp được xúc tổn hại và không tổn hại thì sẽ nhận được thọ tổn hại và không tổn hại. Nếu không gặp được xúc tổn hại và không tổn hại thì cũng không nhận được thọ tổn hại và không tổn hại. Thế nên Ta nói các loài hữu tình ấy tự mình tạo nghiệp.

Thế nên gọi là nghiệp dị thực trắng đen của trắng đen, nghĩa là nghiệp này thiện hoặc chẳng thiện, chiêu cảm được dị thực đáng mến thích và chẳng đáng mến thích.

- Thế nào là không có nghiệp dị thực chẳng đen cũng chẳng trắng là nghiệp có thể diệt hết các nghiệp?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói với thầy Bồ-thích-noa, người giữ câu chi giới về bò: Tất cả nên biết, hoặc có thể diệt hết được các nghiệp suy nghĩ dị thực đen của đen (toàn đen), hoặc có thể diệt hết được các nghiệp dị thực trắng của trắng (toàn trắng), hoặc có thể diệt hết được các nghiệp suy nghĩ dị thực đen trắng của đen trắng. Đó gọi là có thể

diệt hết các nghiệp không còn nghiệp dị thực chẳng đen chẳng trắng.

Chẳng đen ở đây, nghĩa là nghiệp này chẳng phải như nghiệp chẳng thiện. Vì chẳng có ý là đen mà nói là đen, nên gọi là chẳng đen.

Chẳng trắng, nghĩa là nghiệp này chẳng phải như nghiệp thiện hữu lậu. Do vừa ý với trắng mà nói là trắng, cho nên bảo là chẳng trắng.

Không phải là dị thực, nghĩa là nghiệp này chẳng phải như ba nghiệp trước có thể chiêu cảm đến dị thực, cho nên gọi là không phải nghiệp dị thực.

Hay diệt hết các nghiệp, nghĩa là nghiệp này học và suy nghĩ thì có thể hưởng đến sự tổn giảm. Vì sao? Nghĩa là nếu học và suy nghĩ mà có thể hưởng đến (bị) sự tổn giảm thì đối với nghiệp trước có thể dứt hết, khắp hết và theo đó mà được hết vĩnh viễn. Với nghĩa trong này thì ý gọi đó là nghiệp có thể diệt hết các nghiệp. Do đó nên nói không có nghiệp dị thực chẳng đen chẳng trắng là nghiệp có thể diệt hết các nghiệp.

Bốn thứ pháp thọ: Gồm có:

1. Có pháp thọ có khả năng cảm được dị thực hiện tại vui, sau khổ.

2. Có pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại khổ, sau vui.

3. Có pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại khổ, sau khổ.

4. Có pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại vui và sau vui.

- Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại vui, sau khổ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Như có một loại Bồ-đặc-già-la cùng với niềm vui sướng mà giết hại, trộm cướp, dâm dục, tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời hung ác, nói lời cấu uế, tham dục, sân giận, tà kiến. Nó giết hại..., cho đến tà kiến, lấy các việc đó làm điều kiện mà được vui sướng. Nhưng các thứ thân vui, tâm vui như thế đều là việc chẳng thiện. Cuối cùng bị các thứ bất thiện đó thấu giữ điều khiển nên nó làm chướng ngại các trí tuệ sáng suốt, nó chướng ngại các thứ giác ngộ, tức là nó chướng ngại Niết-bàn. Thế nên gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại vui, sau khổ.

- Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại khổ, sau vui?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Như có một số Bồ-đặc-già-la cùng với buồn khổ mà từ bỏ việc giết hại, bỏ trộm cướp, bỏ dâm dục, tà hạnh, lìa bỏ nói dối, nói ly gián, nói lời hung ác, nói lời cấu uế, không tham không sân giận và chánh kiến. Họ lìa bỏ giết hại cho đến chánh kiến, lấy đó làm điều kiện mà bị đau khổ buồn rầu. Các thứ khổ của thân tâm như thế là điều thiện. Loại tốt lành rốt ráo đó thân giữ điều khiển nên có thể dẫn đến trí tuệ sáng suốt (thông tuệ), chứng được giác ngộ và đạt đạo Niết-bàn. Thế nên gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm hiện tại khổ, sau vui.

- Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại khổ và sau cũng khổ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Có một loại Bồ-đặc-già-la cùng với khổ buồn và chuyên giết hại trộm cướp, dâm dục, tà hạnh hoặc nói dối, nói lời ly gián, nói lời hung ác, nói lời cấu uế, hoặc tham dục giận dữ và tà kiến. Người này lấy giết hại..., cho đến tà kiến làm điều kiện cho sự buồn khổ. Và các sự đau khổ của thân và tâm như thế đều lại là chẳng thiện, khi bị các điều chẳng thiện này thân giữ điều khiển tất sẽ gây chướng ngại cho trí tuệ sáng suốt, chướng ngại cho giác ngộ và cả đạo quả Niết-bàn. Thế nên gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại khổ và sau cũng khổ.

- Thế nào là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại vui và sau cũng vui?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Có một số Bồ-đặc-già-la rất vui mừng sung sướng khi lìa dứt giết hại, trộm cướp, dâm dục tà hạnh, hoặc lìa bỏ nói dối, nói ly gián, nói lời hung ác, nói lời cấu uế, vui sướng khi không còn tham lam sân giận và được chánh kiến. Người này lìa bỏ giết hại... cho đến được chánh kiến, lấy đó làm điều kiện mà được vui vẻ sung sướng. Và các thứ vui sướng của thân tâm như thế đều là tốt lành. Khi các sự tốt lành này thân giữ điều khiển thì sẽ dẫn đến trí tuệ sáng suốt, chứng được giác ngộ và Niết-bàn. Thế nên gọi là pháp thọ có khả năng chiêu cảm dị thực hiện tại vui và sau này cũng vui.

Có bốn thứ ách: Đó là ách dục, ách hữu, ách kiến, ách vô minh.

1. Thế nào là ách dục?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Có rất nhiều phàm phu ngu si, bợn dị sinh dốt nát không học, đối với dục thì chiêu tập gây tạo các thứ chết chóc mất mát, các tai họa làm hại cho giải thoát (xuất ly) làm mất trí tuệ không biết đúng như thật. Đối với dục mà có

những tính chất như vừa kể thì gồm có các thứ như tham dục, tình dục, thân thiết dục, ái dục, lạc dục (ham vui), muộn dục (buồn thương mê muội) đam mê ham thích, ham vui mừng, ham cất giấu, ham đua đòi hòa theo..., các thứ đó nó trói chặt tâm mình. Nên gọi là ách dục.

2. Thế nào là ách hữu?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các loài phàm phu ngu si và bọn dị sinh thất học đối với các hữu thì chiêu tập gây tạo các thứ mất mát chết chóc, các tai họa làm hại sự giải thoát, làm mất trí tuệ không biết đúng như thật. Các thứ hữu có tính chất như vừa kể thì gồm có các thứ như: Có tham, có tình dục, có thân thiết, có yêu thương, có vui sướng, có mê mẩn, có đam mê, có ham thích, có mừng vui, có chứa cất, có hòa theo (bắt chước)... Những thứ đó nó trói chặt tâm mình. Nên gọi là ách hữu.

3. Thế nào là ách kiến?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các hàng phàm phu ngu si và bọn dị sinh thất học đối với sự thấy biết thường chiêu tập gây tạo các thứ chết chóc mất mát, gây các tai họa cho sự giải thoát làm mất trí tuệ không biết đúng như thật... Đối với các thấy biết mà có những tính chất như vừa kể trên thì gồm có các thứ như: Thấy chấp vào tham lam, duyên nơi tình dục, duyên nơi sự thân thiết, duyên nơi sự yêu thương, duyên nơi vui sướng, duyên nơi mê mẩn, duyên nơi đam mê, duyên nơi ham thích, duyên nơi vui mừng, duyên nơi chứa chấp, duyên nơi hòa theo... Những thứ đó nó trói chặt tâm mình nên gọi là ách kiến.

4. Thế nào là ách vô minh?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các loài phàm phu ngu si, đám dị sinh thất học đối với sáu thứ xúc (sắc, thanh, hương...) thường chiêu tập gây tạo các khổ ách. Đối với sáu thứ chạm xúc đó mà đam mê chấp trước, vô minh ngu si không trí tuệ nên tùy miên càng thêm lớn. Thế nên gọi là ách vô minh. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hữu tình mang ách dục,
Ách hữu, kiến tương ưng,
Do ngu si dẫn đầu,
Chìm mãi trong sinh tử.*

Bốn thứ cởi trói (ly hệ):

1. Thoát khỏi ách dục.
2. Thoát khỏi ách hữu.
3. Thoát khỏi ách chấp giữ.

4. Thoát khỏi ách vô minh.

- Thế nào là cõi trời (thoát khỏi) ách dục?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các hàng đệ tử học rộng của Phật lìa xa các thứ dục chiêu tập gây tạo sự chết chóc mất mát, gây tai họa cho giải thoát, để có trí tuệ biết đúng như thật. Đối với các thứ dục như: Tham dục, tình dục, thân thiết dục, ái dục, lạc dục, tham mê mẩn, đam mê ham thích, ham mừng vui, ham cất giấu, ham hòa theo... Tất cả các thứ đó không hề gây vướng bận ràng buộc tâm mình. Thế nên nói là thoát khỏi ách dục.

- Thế nào là thoát khỏi ách hữu?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các hàng đệ tử học rộng của Đức Phật thường lìa xa các thứ có chiêu tập gây tạo các thứ chết chóc mất mát, gây tai họa cho sự giải thoát, để có trí tuệ biết đúng như thật. Đối với các thứ có (hữu) như có tham, có tình dục, có thân thiết, có yêu thương, có vui sướng, có mê muội, có đam mê, có ham thích, có mừng vui, có cất chứa, có hòa theo... Tất cả những thứ có đó không hề gây vướng bận ràng buộc tâm mình. Thế nên nói là thoát khỏi ách có.

- Thế nào là thoát khỏi ách kiến?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các hàng đệ tử học rộng của Đức Phật thường lìa xa các thứ chấp giữ mà nó chiêu tập gây tạo ra các thứ chết chóc mất mát, gây tai họa cho sự giải thoát, để có trí tuệ biết đúng như thật. Đối với các thứ thấy như chấp giữ tham lam, chấp giữ tình dục, chấp giữ thân thiết, chấp giữ yêu thương, chấp giữ vui sướng, chấp giữ mê mẩn, chấp giữ đam mê, chấp giữ ham thích, chấp giữ mừng vui, chấp giữ cất chứa, chấp giữ hòa theo... Tất cả những thứ thấy chấp giữ đó không hề gây vướng bận ràng buộc tâm mình. Thế nên nói là thoát khỏi ách chấp giữ.

- Thế nào là thoát khỏi ách vô minh?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các hàng đệ tử học rộng của Đức Phật thường biết đúng như thật và sáu thứ chạm xúc gây ra các thứ chết chóc mất mát, gây tai họa cho giải thoát. Các thứ chấp trước đam mê do ngu si vô minh vô trí đối với sáu thứ xúc chạm đó không hề làm vướng bận hoặc ràng buộc tâm mình. Thế nên gọi là thoát khỏi ách vô minh. Như Đức Thế Tôn có nói kệ:

*Nếu đoạn ách dục hữu,
Và vượt khỏi ách kiến,
Xa lìa ách vô minh,*

*Liên đượ vui an ổn.
Ở trong pháp hiện tại,
Chứng vắng lặng vĩnh viễn,
Xa lìa hết thảy ách,
Tất chẳng đến đời sau.*

Bốn dòng thác:

1. Dòng thác dục.
2. Dòng thác hữu.
3. Dòng thác kiến.
4. Dòng thác vô minh.

- Thế nào là dòng thác dục?

Đáp: Trừ cõi Dục bị ràng buộc với các nhận thức (kiến) vô minh, còn các cõi Dục khác thì bị sự ràng buộc thật chặt của tùy miên và tùy phiền não. Thế nên gọi là dòng thác của dục.

- Thế nào là dòng thác của hữu?

Đáp: Cõi Sắc và Vô sắc trói buộc với các nhận thức vô minh. Còn các cõi Sắc và Vô sắc khác thì bị sự ràng buộc thật chặt của tùy miên và tùy phiền não. Thế nên gọi là dòng thác của hữu.

- Thế nào là dòng thác của kiến?

Đáp: Gồm có năm thứ:

1. Chấp giữ có thân.
2. Chấp giữ thiên lệch một bên.
3. Chấp giữ tà kiến.
4. Kiến thủ có chấp trước.
5. Giới cấm thủ.

Đó là năm thứ kiến. Vì thế nên gọi là dòng thác kiến.

- Thế nào là dòng thác của vô minh?

Đáp: Cả ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc đều ngu si không có trí tuệ. Cho nên gọi là dòng thác của vô minh.

Bốn thứ chấp giữ:

1. Chấp giữ dục.
2. Chấp giữ kiến.
3. Chấp giữ giới cấm.
4. Chấp giữ lời mình.

- Thế nào là chấp giữ dục?

Đáp: Trừ các chấp giữ và các chấp giữ giới cấm ở cõi Dục này, thì những trói buộc chặt chẽ của tùy miên và tùy phiền não ở các cõi Dục khác đều gọi là chấp giữ dục.

- Thế nào là chấp giữ kiến?

Đáp: Có bốn thứ chấp giữ:

1. Thân kiến.
2. Biên kiến.
3. Tà kiến.
4. Kiến thủ.

Cả bốn thứ kiến đó gọi chung là kiến thủ.

- Thế nào là chấp giữ giới cấm?

Đáp: Như có một số điều răn cấm, nếu ai giữ đúng các điều răn cấm này thì sẽ được thanh tịnh, sẽ được giải thoát, sẽ được ra khỏi, sẽ được thoát khỏi khổ vui, sẽ vượt khỏi bến bờ của vui khổ. Còn trái lại đối với giới mà sai lầm cho rằng giữ gìn hoặc một hai điều, hoặc giữ đầy đủ tất cả các điều răn cấm do họ đặt ra đó để được thanh tịnh, được giải thoát, được ra khỏi, được thoát khỏi khổ vui, được vượt ra thoát vòng vui khổ..., đó gọi là giới cấm thủ.

- Thế nào là Chấp giữ lời mình?

Đáp: Trừ cõi Sắc và Vô sắc bị trói buộc với các chấp sai lầm và chấp giữ giới cấm, thì những cột chặt do tùy miên và tùy phiền não ở các cõi Sắc và Vô sắc khác đều gọi là chấp giữ lời mình.

Bốn thứ trói buộc thân: Đó là

1. Tham trói buộc thân.
2. Sân giận trói buộc thân.
3. Chấp giới cấm trói buộc thân.
4. Chấp đây là thật trói buộc thân.

- Thế nào là tham trói buộc thân?

Đáp: Tham, tức là đối với các thứ tham của dục cảnh mà tham muốn cho đến các loại tham, các thứ sinh ra tham..., đó gọi là tham. Còn thân bị trói buộc, nghĩa là khi các thứ tham đó chưa bị cắt đứt, chưa được biết khắp. Đối với mọi loài hữu tình, mọi thứ thân, mọi thứ nhóm họp tụ tập, mọi thứ có được..., thì đều lấy tự thể làm nhân làm duyên mà trói buộc. Hoặc là trói buộc riêng lẻ, hoặc buộc dính chùm vào nhau, buộc tiếp nối mãi, buộc như thế càng chắc càng lâu. Giống như một người thợ khéo kết tóc hay đám học trò ông ta gom các thứ hoa để trước mặt rồi lấy một sợi chỉ tơ dài chắc mà khâu kết lại thành các thứ tràng hoa để cài lên tóc. Các thứ hoa đó thì dùng một sợi tơ để làm điều kiện mà khâu kết dính chặt vào nhau. Hoặc buộc riêng lẻ, buộc dính chùm, buộc kế tiếp mới tạo nên một tràng hoa đẹp. Sự tham lam ở đây cũng thế, vì chưa đoạn trừ hết, chưa biết khắp, nên đối với mọi thứ hữu tình, mọi thứ

thân, mọi thứ nhóm họp, tụ tập, mọi thứ có được, thì lấy tự thể làm điều kiện mà buộc vào nhau, hoặc buộc riêng lẻ, buộc dính chùm, buộc kể nhau mới bền chắc lâu dài. Thế nên gọi là tham trói buộc thân.

- Thế nào là sân giận trói buộc thân?

Đáp: Sân giận, tức là cố ý gây tổn hại cho loài hữu tình. Rộng nói cho đến hiện đang gay tai họa tội ác, đó gọi là sân giận. Còn thân bị trói buộc thì như vừa mới nói.

- Thế nào là chấp giữ giới cấm trói buộc thân?

Đáp: Sự chấp giữ giới cấm và sự trói buộc thân thì như trước đã nói rồi.

- Thế nào là chấp đây là thật trói buộc thân?

Đáp: Chấp đây là thật nghĩa là hoặc chấp có ta và cõi thế gian này còn hoài, cho rằng điều này đúng thật còn các ý khác đều sai lầm. Hoặc chấp có ta và cõi thế gian này không thường còn, cho rằng chỉ điều này là thật, còn các ý khác đều sai lầm hư vọng.

Hoặc chấp ta và cõi thế gian này cũng thường mà cũng không thường, chỉ điều này là thật, còn các điều khác là sai lầm giả tạo.

Hoặc chấp ta và cõi thế gian này có giới hạn, chỉ có điều này là thật, còn các điều khác là sai lầm giả tạo.

Hoặc chấp ta và cõi thế gian này là không có giới hạn, chỉ có điều này là thật còn các điều khác là sai lầm giả tạo.

Hoặc chấp ta và cõi thế gian này có giới hạn mà cũng không có giới hạn, chỉ điều này là thật, còn các điều khác là sai lầm giả tạo.

Hoặc chấp mạng sống tức là thân, chỉ điều này là thật, còn các điều khác là sai lầm.

Hoặc chấp mạng sống là khác với thân, chỉ điều này là thật, các điều khác là sai lầm.

Hoặc chấp là Như Lai chết rồi thì có, chỉ có điều này là thật, các điều khác là sai lầm.

Hoặc chấp Như Lai chết rồi là chẳng phải có, chỉ có điều này là thật, các điều khác là sai lầm.

Hoặc chấp Như Lai sau khi chết rồi thì cũng có cũng chẳng có, chỉ điều này là thật, các điều khác là sai lầm.

Hoặc chấp Như Lai chết rồi thì chẳng phải có cũng chẳng phải không có, chỉ có điều này là thật, các điều khác là sai lầm. Cứ như thế..., còn gọi điều này là đúng thật sự nói về trói buộc thân, nghĩa là “Chấp điều này là đúng thật”, chưa được đoạn trừ, chưa được biết khắp, đối với mọi loài hữu tình v.v..., như trước đã nói rõ. Nên gọi là trói buộc

thân.

Bài kệ tụng (Ốt-đà-nam) thứ tư nói:

*Bốn: bốn pháp có mười,
Là đại chủng, thật, trụ,
Ái không nên hỏi đến,
Thí, nhiếp, sinh tự thể.*

Gồm có: Bốn thứ đại, bốn cách ăn, bốn thứ thức trụ, bốn thứ ái, bốn thứ chẳng nên làm mà làm, bốn thứ ký vấn, bốn thứ thí, bốn thứ nhiếp sự, bốn cách sinh, bốn cách được tự thể.

Bốn thứ đại: Tức là đất, nước, lửa, gió. Bốn thứ này đã nói trong pháp uẩn, về phần sáu giới trước đây rồi.

Bốn cách ăn:

1. Đoàn thực hoặc thô hay tế.
2. Xúc thực.
3. Ý thực.
4. Thức thực.

- Thế nào là đoàn thực hoặc thô hay tế?

Đáp: Vì phần ăn chính là điều kiện để giúp nuôi sống các cơ quan (căn) và thân thể (tứ đại) thêm lớn, lại thấm nhuần tươi nhuận, giúp đầy đủ vui vẻ khắp trong cơ thể và bảo vệ, chuyển đổi, lưu thông, giữ gìn nơi nào cần thiết, đó gọi là đoàn thực.

Vì sao lại nói việc ăn thô tế? Đó là căn cứ vào thức ăn cần thiết để nuôi sống các loài hữu tình, các thứ đó hoặc lớn nhỏ, sẽ lần lượt trình bày.

Việc ăn thô tế là gì? Như loài thú Đãng-kỳ-la thì ăn thô, loài thú Ni-dân-kỳ-la thì ăn tế. Nhưng loài Ni-dân-kỳ-la lại ăn thô, loài thú Nê-di là ăn tế. Loài Nê-di lại ăn thô, loài cá Quy-tùy là ăn tế. Loài cá Quy-tùy thì ăn thô, loài trứng sinh trong nước là ăn tế. Cũng như voi, ngựa, trâu thì ăn thô, loài dê, nai, heo thì ăn tế. Loài dê, nai, heo ăn thô, loài dã can (chồn) chó thì ăn tế. Rồi loài dã can, chó lại ăn thô, còn loài nhạn, khổng tước (công) là ăn tế. Và loài nhạn, khổng tước lại ăn thô, còn các loài trùn sống trên đất lại ăn tế. Còn như các loài ăn các thứ cây cối, cành lá, hạt v.v... thì ăn thô, so với loài ăn cơm, cháo là tế. Loài ăn cháo lại ăn thô hơn, loài ăn dầu, sữa thì ăn tế.

Lại như các loài hữu tình dùng miệng, mỏ, lưỡi để lấy thức ăn mà nhai gặm, nhấm, nuốt đó là thức ăn to, thô. Nhưng đối với các loài hữu tình còn nằm trong thai, trong trứng chỉ hút lấy các chất nước bổ dưỡng từ cuống rốn vào để nuôi thân thể thì đó là thức ăn nhỏ tế.

Lại còn có các loài hữu tình ăn rồi lại có tiểu tiện và phóng uế thì đó là ăn thô. Trái lại các loài ăn rồi mà không có phóng uế thì là ăn tế. Như có loài ăn mùi vị thơm tồ đà, tuy có ăn nhưng không có phóng uế. Như thế mà kể ra nên có thức ăn thô tế.

- Thế nào là xúc thực?

Đáp: Như có loài lấy sự tiết rỉ ra và đụng chạm làm điều kiện để nuôi lớn các cơ quan và thân thể, lại cũng làm thối nhuần cơ thể cho đến giữ gìn v.v..., thì đó gọi là xúc thực.

Việc xúc thực này như thế nào? Như các loài ngan, ngỗng, nhạn, khổng tước, anh vũ (vạc), yểng, sáo, nhông, yến, ly hoàng, mạng, mạng v.v... Khi đã đẻ trứng thì luôn luôn ấp ủ che chở, luôn giữ cho ấm áp khiến sinh ra sự đụng chạm vui vẻ. Nếu các trứng được sinh ra mà không được luôn luôn ấp ủ che chở giữ ấm khiến có sự đụng chạm vui vẻ thì trứng ấy sẽ bị ung thối. Còn như ấp ủ che chở giữ ấm luôn thì trứng sẽ phát triển nở con... Các loài như thế gọi là xúc thực (ăn bằng sự ấp ủ đụng chạm).

- Thế nào là ăn bằng ý nghĩ?

Đáp: Như có loài do sự nảy ra ý tưởng, sự nghĩ nhớ làm điều kiện (duyên) để nuôi lớn các cơ quan và thân thể càng phát triển. Lại cũng có thể thối nhuần tươi nhuận khắp nơi, cho đến giữ gìn duy trì sự sống thì đây là ăn bằng ý nghĩ.

Việc ăn bằng ý nghĩ này như thế nào? Như các loài cá Quy-tùy, loài Thất-thủ-ma-la-bộ-lư-ca v.v... (các loài rùa, ba ba, vích) lên bờ đào cát để trứng và lấp cát lại rồi bò xuống nước. Nếu các trứng này luôn nhớ mẹ không bao giờ quên thì sẽ không bị ung thối. Còn như không nghĩ nhớ đến mẹ thì đều bị thối rữa. Các loài đó thì gọi là ăn bằng ý nghĩ.

- Thế nào là ăn bằng thức?

Đáp: Nếu như có loài do sự tiết lộ ý thức làm điều kiện để nuôi lớn các cơ quan và phát triển thân thể. Và cũng lại tự thối nhuần khắp nơi..., cho đến giữ gìn duy trì sự sống..., thì gọi là ăn bằng thức.

Việc ăn bằng thức như thế nào? Như trong kinh Phả Lạc Lư Na Ký, Đức Thế Tôn có dạy: Nầy thầy Phả Lạc Lư Na! Nên biết việc ăn bằng thức có thể khiến khởi sinh có đời sau. Các loài như thế gọi là ăn bằng thức.

Bốn thứ thức trụ: Đó là sắc thức trụ, thọ thức trụ, tưởng thức trụ và hành thức trụ.

Thế nào là sắc thức trụ?

Đáp: Như các sắc hữu lậu tùy thuận theo các thứ mà chấp trước. Đối với các sắc đó, trong các đời hoặc quá khứ, hiện tại hay vị lai mà tâm ý thức khởi lên các thứ ham muốn về tham, sân hay si, hoặc tùy theo mỗi mỗi tâm sở đều có tùy phiền não tham dự vào, thì đó gọi là sắc thức trụ.

Các thứ thọ, tưởng, hành thức trụ cũng đều giống như thế mà suy ra.

Bốn thứ ái: Tức là có bốn thứ:

1. Có Bí-sô hoặc Bí-sô ni v.v..., nhân ham thích y phục, nên lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ thì trụ, đáng cầm giữ thì cầm giữ.

2. Có Bí-sô hoặc Bí-sô ni v.v..., nhân ham thích ăn uống, nên lúc đáng sinh thì sinh, đáng trụ thì trụ, đáng cầm giữ thì cầm giữ.

3. Có Bí-sô hay Bí-sô ni v.v..., nhân ham thích ngoại cụ, nên lúc đáng sinh liền sinh, lúc đáng trụ thì trụ, đáng cầm giữ thì cầm giữ.

4. Có Bí-sô hay Bí-sô ni v.v..., nhân ham thích việc có và không, nên lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ và đáng cầm giữ liền cầm giữ.

- Thế nào là có Bí-sô, Bí-sô ni v.v..., nhân ham thích y phục mà lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ và đáng cầm giữ liền cầm giữ...?

Đáp: Y phục nói ở đây, đó chính là các lông thú dệt thành, hoặc do phiến na, hay cỏ gai, hay sợi gai dệt thành, hoặc là Kiện-cổ-la, hoặc sợi tơ tằm, sợi bông vải hay dạ nỉ tạo thành, hoặc do Kiêu-châm-bà, hay Đột-lũ-la, hoặc A-giá-lạn-đà may thành. Còn y phục tiếng gọi chung các thứ để che thân như áo choàng, áo khoác, áo mặc ngoài, mặc trong, áo lá và quần đơn, quần kép, quần ngắn quần dài, khố khậu để che chắn... Đối với các thứ y phục như thế mà tham lam ham thích cất chứa giữ gìn, chấp chặt mền yêu mê mẩn... Thế nên nói Bí-sô, Bí-sô ni nhân ham thích y phục nên lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ và đáng cầm giữ liền cầm giữ.

- Thế nào là Bí-sô và Bí-sô ni nhân ham thích ăn uống, nên lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ và lúc đáng cầm giữ liền cầm giữ?

Đáp: Ăn uống nói ở đây, tức là năm thứ đáng ăn và năm thứ để dùng bữa. Năm thứ đáng ăn đó là củ, rễ, thân, cây, đọt, lá, rau, hoa và quả hạt... Còn năm thứ dùng bữa là cơm, cháo, bún khô, cá thịt và canh thịt... Với các thức ăn như thế mà tham lam ham muốn rồi chứa cất giữ gìn, chấp chặt, ưa thích mê mẩn... Thế nên nói Bí-sô hay Bí-sô ni nhân ham thích ăn uống nên lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ thì trụ và đáng

cầm giữ thì cầm giữ.

- Thế nào là Bí-sô và Bí-sô ni nhân ham thích ngọa cụ mà lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ, đáng cầm giữ thì cầm giữ?

Đáp: Ngọa cụ nói ở đây có nghĩa là: Nhà cửa, phòng xá, đèn đài, lầu gác, hành lang rộng dài, mái hiên, công viên, hang hốc, mái tranh vách đất hoặc sảnh đường lộng lẫy, hoặc am thất lợp cỏ lá hay hang hốc bằng đất đá.

Ngọa cụ còn có nghĩa là giường chõng, nệm thảm, tấm lụa trải giường, mền đơn mền kép, bằng len dạ nỉ nhung lụa gấm, hoặc vải thô vải gai, gối nằm, gối ôm, và các thứ ghế đẩu sạp gụ v.v... Các thứ như thế mà ham thích rồi chứa cất giữ gìn mê đắm yêu thích mê mẩn. Thế nên gọi Bí-sô, Bí-sô ni nhân ham thích ngọa cụ mà lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ, đáng cầm giữ liền cầm giữ.

- Thế nào là Bí-sô, Bí-sô ni nhân ham mê có và không có mà lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ và đáng cầm giữ thì cầm giữ?

Đáp: Cái có ở đây tức là năm thứ uẩn, tức là chấp chặt vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Còn không có tức là năm thủ uẩn trong tương lai sẽ đoạn diệt. Như có một số người nghĩ: Ta mong ở kiếp sau sẽ sinh ra có đủ năm uẩn. Lại có một số người khác lại nghĩ tôi mong rằng sau khi chết thì năm uẩn của tôi sẽ diệt mất. Như thế đối với có và không có mà tham lam ham muốn rồi cất giấu giữ gìn đắm trước yêu thích mê mẩn. Thế nên gọi Bí-sô, Bí-sô ni nhân ham thích có và không có mà lúc đáng sinh liền sinh, đáng trụ liền trụ, đáng cầm giữ thì cầm giữ vậy.

Bốn thứ chẳng đáng làm mà cứ làm:

1. Tham dục chẳng đáng làm mà cứ làm.
2. Sân giận chẳng đáng làm mà cứ làm.
3. Ngu si chẳng đáng làm mà cứ làm.
4. Sợ hãi chẳng đáng làm mà cứ làm.

- Thế nào là tham dục chẳng đáng làm mà cứ làm?

Đáp: Như một loại người là thân giáo sư, hoặc Quý phạm sư (thầy luật sư) hoặc ngang hàng với thân giáo sư hoặc luật sư, và họ cùng nhau giao tế chơi thân như bạn bè... Trong khi đó ở trong Tăng chúng có sự tranh cãi, kẻ ấy nghĩ: Nếu ta cùng các sư trưởng nói trên mà giao du làm bạn thì bị rơi vào phi pháp. Còn nếu không cùng làm bạn với các thầy thì lại mang tiếng là bất nghĩa. Dầu nghĩ như thế, song vẫn bị tham dục sai khiến thúc đẩy cho nên vẫn khởi lên các hành động và lời nói (thân ngữ) ác. Thế nên nói vì tham dục chẳng đáng làm mà vẫn cứ làm.

- Thế nào là sân giận chẳng đáng làm mà cứ làm?

Đáp: Như có một số người có kẻ oán thù ghen ghét, ở trong chúng ta có sự tranh cãi. Người ấy nghĩ: Nếu ta giúp đỡ kẻ oán thù ghen ghét ta thì lòng chẳng thích, nhưng nếu không giúp đỡ thì trái đạo lý. Tuy là nghĩ thế, nhưng vì bị sân giận sai khiến thúc đẩy che lấp lý trí nên vẫn khởi lên hành động và lời nói xấu ác. Đó gọi là vì sân giận chẳng đáng làm mà vẫn cứ làm.

- Thế nào là ngu si chẳng đáng làm mà cứ làm?

Đáp: Như có một loại người có bả tánh ngu độn hoặc là thân giáo sư hay thầy mô phạm (luật sư), hoặc ngang hàng (giống như) thân giáo sư hay thầy mô phạm, hoặc cùng họ giao tế thân thiết như bạn bè. Khi đó ở trong chúng Tăng có sự tranh cãi và người ấy nghĩ: Ta nay chẳng biết thế nào phải trái tốt xấu, vậy cần phải cùng làm bạn nhờ sự giúp đỡ của các thân giáo sư v.v... Nhưng vì kẻ ấy bị ngu si che lấp lý trí, sai khiến thúc đẩy, nên vẫn khởi lên các hành động và lời nói xấu ác. Đó gọi là vì ngu si chẳng đáng làm mà cứ làm.

- Thế nào là sợ hãi chẳng đáng làm mà cứ làm?

Đáp: Như có một số người là bạn bè của vua chúa, bạn bè của các đại thần quan chức lớn hoặc bè bạn với đám giặc cướp. Khi ở trong chúng Tăng có việc tranh cãi thì người ấy tự nghĩ: Nếu ta nay không chịu giúp đỡ kẻ có thế lực thì vì lý do ấy ta có thể bị mất tất cả danh lợi, bị mất y bát, và có thể mất cả mạng. Vì thế nhất định là ta cần phải giúp đỡ hòa theo với những kẻ có thế lực. Ấy là do người này bị sợ hãi che lấp lý trí, nó sai khiến thúc đẩy, nên vẫn khởi lên các hành động và lời nói xấu ác. Đó gọi là vì sợ hãi chẳng đáng làm mà cứ làm. Như Đức Thế Tôn có nói kệ:

*Kẻ có tham sân si,
Và sợ nên trái pháp,
Lo sợ mất danh lợi,
Như đêm có chút trăng.*

Bốn cách thưa hỏi ghi nhớ:

1. Nên một mực thưa hỏi ghi nhớ.
2. Nên phân biệt thưa hỏi ghi nhớ.
3. Nên vấn nạn thưa hỏi ghi nhớ.
4. Nên buông xả sự thưa hỏi ghi nhớ.

- Thế nào là nên một mực thưa hỏi ghi nhớ?

Đáp: Như có kẻ thưa hỏi: Đức Thế Tôn có phải là Như Lai, A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trưởng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc

Già Phạm chẳng?

Pháp của Phật nói thật là tốt lành khéo léo. Hiện đời này có sự thanh lương, hướng dẫn hợp thời thì những kẻ trí gần gũi quan sát sẽ được tâm chứng chẳng? Các đạo hạnh nhiệm mầu đầy đủ của các đệ tử Phật, có phải là các hạnh ngay thẳng chánh trực, là hạnh đúng chân lý, là hạnh pháp tùy pháp, là hạnh hòa kính, là hạnh tùy pháp chẳng? Khổ, tập, diệt, đạo có phải là Thánh đế chẳng?

Tất cả hành đều là vô thường chẳng? Tất cả hành đều là vô ngã chẳng? Niết-bàn có phải là tịch diệt chẳng? Như thế mà một mực thưa hỏi ghi nhớ vô số các pháp môn như Thế Tôn có phải là Như Lai A-la-hán chẳng? Rộng nói cho đến Niết-bàn có phải là tịch tĩnh vắng lặng chẳng v.v...? Thế nên gọi là cứ một mực thưa hỏi ghi nhớ.

Vì sao lại bảo rằng cứ một mực thưa hỏi ghi nhớ? Vì với cách thưa hỏi như thế mà một mực ghi nhớ thì có thể có được (dẫn đến) các nghĩa lý lợi ích, dẫn đến các pháp thiện, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến sự thông tuệ (trí tuệ hiểu biết sáng suốt), có thể giác ngộ và chứng được Niết-bàn. Nên gọi đó là cách một mực thưa hỏi ghi nhớ.

- Thế nào là nên phân biệt mà thưa hỏi ghi nhớ?

Đáp: Nếu có người hỏi: Thế nào gọi là pháp? Khi có lời hỏi này thì nên phân biệt mà ghi nhớ. Vì pháp có nhiều thứ, hoặc thời quá khứ, hiện tại hay vị lai, hoặc tốt lành, hoặc xấu ác, hoặc vô ký, hoặc liên hệ với cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, hoặc học, vô học, phi học phi vô học, hoặc thấy pháp đoạn (sự đoạn diệt), hoặc tu pháp đoạn, hoặc chẳng phải pháp đoạn. Các pháp như thế v.v... có vô lượng pháp môn, nên cần phân biệt mà ghi nhớ. Thế nên gọi là nên phân biệt mà thưa hỏi ghi nhớ.

Vì sao nên phân biệt thưa hỏi mà ghi nhớ? Vì với cách thưa hỏi mà phân biệt ghi nhớ thì có thể dẫn đến các nghĩa lý lợi ích, có thể dẫn đến các pháp thiện, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến trí tuệ hiểu biết sáng suốt (thông tuệ), có thể giác ngộ và chứng được Niết-bàn. Nên gọi đó là nên phân biệt mà thưa hỏi ghi nhớ.

- Thế nào nên cất vấn thưa hỏi mà ghi nhớ?

Đáp: Như có người hỏi: Vì tôi mà nói pháp, vậy xin cho phép tôi được gạn hỏi (cật vấn) để ghi nhớ. Pháp có nhiều thứ vậy nay ông nói pháp nào? Là pháp quá khứ, hiện tại hay vị lai? Là pháp thiện, hay pháp xấu ác hay vô ký (chẳng thiện chẳng ác), là có liên hệ đến các cõi Dục, cõi Sắc, hay Vô sắc, là có học, vô học hay phi học phi vô học, là có thấy pháp đoạn diệt, tu pháp đoạn diệt, hay chẳng phải pháp đoạn

diệt. Cứ các pháp như thế có vô lượng pháp môn, nên gạn hỏi lại mà ghi nhớ. Đó gọi là nên gạn hỏi lại để ghi nhớ.

Vì sao phải gạn hỏi lại mà ghi nhớ? Vì với cách gạn hỏi cật vấn lại để ghi nhớ thì có thể dẫn đến các nghĩa lý lợi ích, có thể dẫn đến các pháp tốt lành, có thể dẫn đến phạm hạnh, có thể dẫn đến trí tuệ hiểu biết sáng suốt (thông tuệ), có thể được giác ngộ và chứng được Niết-bàn. Cho nên nói là nên gạn hỏi lại mà ghi nhớ.

- Thế nào là buông bỏ sự thưa hỏi và ghi nhớ?

Đáp: Như có người hỏi: Thế gian có thường còn hoài chăng, hay vô thường hay chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường chăng? Thế gian có giới hạn hay không giới hạn? Hay cũng có giới hạn mà cũng không giới hạn chăng? Hay chẳng phải có giới hạn mà cũng chẳng phải không giới hạn chăng? Mạng sống có phải là thân, hay là khác thân? Như Lai chết rồi vẫn còn có, hay chẳng phải có? Hay là cũng có mà cũng chẳng phải có? Hay là chẳng phải có cũng chẳng phải chẳng có...? Đối với các thứ như thế chẳng đúng lý mà hỏi thì nên buông bỏ đừng ghi nhớ chi cả. Nghĩa là nên nhớ điều này: Phật nói sự thưa hỏi này là không nên ghi nhớ. Vì thường hay vô thường thì đều chẳng đúng chân lý. Thế nên nói buông bỏ khỏi ghi nhớ.

Vì sao sự thưa hỏi này nên buông bỏ khỏi ghi nhớ? Vì buông bỏ lối hỏi ấy mới có thể dẫn đến các nghĩa lý lợi ích, có thể dẫn đến các pháp tốt lành, có thể dẫn đến Phạm hạnh, có thể phát sinh ra trí tuệ sáng suốt (thông tuệ), nó chứng được giác ngộ và Niết-bàn. Thế nên nói cái hỏi này thì nên buông bỏ không cần nhớ. Đức Thế Tôn có nói kệ:

*Cứ một mực hỏi nhớ,
Nên phân biệt hỏi nhớ,
Nên gạn hỏi ghi nhớ,
Nên buông xả ghi nhớ.
Với bốn cách hỏi đó,
Biết cách mà ghi nhớ,
Sẽ hiểu nghĩa, pháp thiện,
Và phạm hạnh cao khiết.
Cao sâu đều hàng phục,
Biết cả nghĩa, phi nghĩa,
Buông cả nghĩa, phi nghĩa,
Xét rõ là bậc trí.*

Có bốn thứ bố thí:

1. Có việc bố thí, người cho thanh tịnh, kẻ nhận không thanh tịnh.

2. Có việc bố thí, người nhận thanh tịnh, kẻ cho không thanh tịnh.
3. Có việc bố thí, người cho và kẻ nhận đều thanh tịnh.
4. Có việc bố thí, người cho kẻ nhận đều không thanh tịnh.

- Thế nào là có việc bố thí mà người cho thanh tịnh, kẻ nhận không thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói các thầy Bí-sô nên biết! Như có người làm việc bố thí, giới hạnh thanh tịnh, tuân hành các điều răn cấm đầy đủ. Sống có quan sát suy tư và đạt được kết quả thấy biết, nếu y vào sự thấy biết đúng đắn đó mà nói như thế..., thì nhất định đó là có bố thí và đạt được quả dị thực. Trái lại người nhận của và pháp bố thí lại không tuân hành giới luật, sống không đúng phạm hạnh thanh tịnh. Như thế quyết định là việc bố thí đó sẽ không thu đạt được quả dị thực. Thế nên nói có việc bố thí mà người cho thì thanh tịnh còn kẻ nhận thì không thanh tịnh.

Vì sao trong việc bố thí này thì người cho là thanh tịnh, kẻ nhận lại không thanh tịnh? Các giáo pháp chi phần và các của cải tiền bạc nuôi sống khi đem bố thí cần phải được hợp pháp. Trong khi các chi phần và của cải bố thí của người bố thí thì đã tu tập thành tựu. Còn các thứ chi phần giáo pháp của của cải của người nhận đáng lẽ phải được tu tập đầy đủ thì lại không được thành tựu. Do đó mà trong việc bố thí này thì người cho là thanh tịnh, mà kẻ nhận lại không thanh tịnh.

- Thế nào là có việc bố thí mà người nhận được thanh tịnh, còn người bố thí lại không thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn đã nói các thầy Bí-sô nên biết! Nếu có người làm việc bố thí nhưng không tuân hành các giới luật, phạm hạnh không được thanh tịnh, không nương vào sự quan sát thấy biết nên không có kết quả thấy biết. Nếu y vào việc thấy biết như thế mà nói, thì nhất định đó là không có việc bố thí và không đạt được quả dị thực. Trong khi người nhận lại tuân hành luật pháp, sống theo phạm hạnh thanh tịnh. Có nương vào sự quan sát thấy biết và có kết quả thấy biết. Nếu y vào việc thấy biết đó mà nói thì nhất định đó là có bố thí và đạt được quả dị thực. Thế nên gọi là người nhận thì thanh tịnh còn người cho lại không thanh tịnh.

Vì sao trong việc bố thí này người nhận thì thanh tịnh mà người cho lại không thanh tịnh? Vì các giáo pháp (chi phần) và của cải đem bố thí cần phải được tu tập đúng pháp. Các chi phần của của cải của người cho chẳng phải tu tập được thành tựu, còn các chi phần và của cải của người nhận thì có tu tập được thành tựu. Thế nên việc bố thí này thì

người nhận thanh tịnh còn người cho không thanh tịnh vậy.

- Thế nào là có việc bố thí mà cả kẻ thí và người nhận đều được thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói các thầy Bí-sô nên biết! Nếu có kẻ bố thí đều tuân giữ giới luật, sống đời phạm hạnh thanh tịnh. Có nương vào sự quan sát thấy biết và đạt được kết quả của sự thấy biết đó. Nếu y vào sự thấy biết đó mà nói thì nhất định đó là có bố thí và có đạt được quả vị Phật. Còn người nhận của bố thí cũng tuân giữ giới luật, sống đời phạm hạnh thanh tịnh. Có nương vào sự quan sát thấy biết và đạt được kết quả của sự thấy biết đó. Nếu y vào việc thấy biết đó mà nói thì nhất định đó là có bố thí và có đạt được quả dị thực. Thế nên nói việc bố thí này cả người cho và kẻ nhận đều được thanh tịnh.

Vì sao việc bố thí này cả người cho và kẻ nhận đều được thanh tịnh? Các thứ giáo pháp chi phần và các cửa cái của người cho đều được tu tập rèn luyện và các chi phần của cái ấy đều được thành tựu. Còn các chi phần và cửa cái của người nhận cũng có tu tập rèn luyện và cũng được thành tựu. Thế nên nói trong việc bố thí này cả người cho và kẻ nhận đều được thanh tịnh.

- Thế nào là có việc bố thí mà người cho và kẻ nhận đều không được thanh tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói các thầy Bí-sô nên biết! Nếu có người bố thí mà không tuân giữ giới luật, không sống đời phạm hạnh thanh tịnh. Không nương vào sự quan sát thấy biết và không đạt được kết quả của sự thấy biết đó. Y vào sự thấy biết đó mà nói thì quyết định là không có sự bố thí và không đạt được quả dị thực. Còn người nhận của bố thí cũng chẳng tuân giữ luật pháp, chẳng sống đời phạm hạnh thanh tịnh, không nương vào sự quan sát thấy biết và không đạt được kết quả của sự thấy biết đó. Y vào sự thấy biết đó mà nói thì quyết định đó là có bố thí và có đạt được quả dị thực. Thế nên nói có việc bố thí mà cả người cho lẫn người nhận đều không thanh tịnh.

Vì sao việc bố thí này cả người cho và người nhận đều không thanh tịnh? Vì các chi phần giáo pháp và cửa cái của người cho cần phải được tu tập rèn luyện, nhưng các chi phần và cửa cái ấy chẳng được thành tựu cũng như các chi phần và cửa cái của người nhận cũng không được tu tập rèn luyện thành tựu. Thế nên nói trong việc bố thí này cả người cho và người nhận đều không được thanh tịnh vậy.

Như Đức Thế Tôn có nói kệ:

(Kẻ) cho dư giới, nhận thiếu (giới),

Thanh tịnh mà chứng pháp,
Tín nghiệp quả dị thực,
Chỉ kẻ thí: thanh tịnh.
(Kẻ) cho thiếu giới, nhận đủ (giới),
Chẳng tịnh, thành phi pháp,
Chê nghiệp quả dị thực,
Chỉ kẻ nhận là tịnh.
Kẻ cho, nhận đều thiếu (giới),
Chẳng tịnh đều phi pháp,
Chê nghiệp quả dị thực,
Ta nói quả không lớn.
(Kẻ) cho, nhận đều đủ giới,
Thanh tịnh mà chứng pháp,
Tín nghiệp quả dị thực,
Ta nói có quả lớn.
Tín nghiệp quả dị thực,
Tôn trọng việc bố thí,
Cha mẹ và con cái,
Bậc trí đều ngợi khen.
Thân, ngữ, ý không chấp,
Tu hạnh diệu Sa-môn,
Chẳng mong mình giàu sang,
Vẫn rộng thí kẻ khác.
Các cõi đều là dục,
Thí xong cũng là dục,
Ta nói thí như thế,
Tột bậc của tài thí.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 9

Phẩm 5: BỐN PHÁP, Phần 4

Bốn thứ nhiếp sự:

1. Bố thí nhiếp sự.
2. Ái ngữ nhiếp sự.
3. Lợi hành nhiếp sự.
4. Đồng sự nhiếp sự.

- Thế nào là bố thí nhiếp sự?

Đáp: Bố thí nói ở đây, nghĩa là người thí chủ bố thí cúng dường cho các Sa-môn, Bà-la-môn, những kẻ nghèo khổ, người tu hành khổ hạnh, kẻ ăn xin v.v... các thứ ăn uống, thuốc thang, y phục, tràng hoa cài tóc, các chất thơm để thoa xức, nhà cửa phòng ốc, ngọ cụ đèn đuốc cùng các thứ cần dùng. Đó là bố thí.

Lại như Đức Thế Tôn nói với Trưởng giả Thủ: “Này Trưởng giả! Nên biết trong các thứ bố thí thì pháp thí là tối thượng”. Đó là bố thí.

Còn nhiếp sự, là do việc bố thí này mà thân cận gần gũi thân nhiếp khiến cho mọi người cùng thân thiết yêu mến nghe lời nhau. Như thế là bố thí cho các loài hữu tình thì có thể gần gũi thân nhiếp khiến mọi người cùng thân thiết mến yêu phục tùng nhau. Thế nên gọi là bố thí nhiếp sự.

- Thế nào là ái ngữ nhiếp sự?

Đáp: Ái ngữ nói ở đây có nghĩa là lời nói vui vẻ, thú vị hấp dẫn, mặt mày tươi tắn dễ nhìn, lời nói êm ái không buồn phiền hờn giận, luôn luôn mỉm cười trước khi cất tiếng. Trước hết nên nói lời vui vẻ an vui vỗ về, nói lời êm ái dễ mến hấp dẫn quyến rũ mọi người. Thí dụ nói: Quý vị mới đến đây việc đời có dễ chịu chăng? Có luôn được an lạc chăng? Các việc ăn uống y phục ngọ cụ, tiền của và các thứ vật dụng khác có khó khăn lắm chăng? Các việc như thế nên dùng lời thăm hỏi an ủi đem an ổn vui vẻ đến cho mọi người nên gọi là lời dẫn dụ (thiện

lai ngữ). Những điều vừa nói ở đây hoặc nói ở trước thì gọi chung là ái ngữ cả.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói với ông Trưởng giả Thủ: “Nên biết trong các lời nói thì ái ngữ là quý báu cao cả nhất đó”, nghĩa là khuyên bảo hướng dẫn các Thiện nam tín nữ cùng bà con quyến thuộc hãy lắng tai chú ý nghe pháp, luôn luôn diễn giảng pháp mầu, lúc nào cũng tìm cách khuyên răn dạy bảo, luôn luôn phải có một định hướng, một lý tưởng để thực hiện hoàn thành (quyết trạch). Đó gọi là ái ngữ.

Còn nhiếp sự, tức là do ái ngữ đối với tất cả mà có thể gần gũi thân nhiếp khiến mọi người đều thân thiết tuân phục mến yêu nhau. Như thế mà dùng cách ái ngữ đối với tất cả chúng hữu tình để thực hiện sử dụng các mục đích trên. Thế nên gọi là ái ngữ nhiếp sự.

- Thế nào là lợi hành nhiếp sự?

Đáp: Lợi hành nói ở đây nghĩa là khi có người lâm phải trọng bệnh hoặc chẳng may gặp phải những tai ách khốn đốn khổ sở không ai cứu giúp..., thì liền khởi lòng từ bi mà đến nơi thăm viếng, dùng hành động và lời nói với mọi phương cách khéo léo mà nuôi nấng phụng dưỡng săn sóc chăm nom, hay tìm phương cách cứu giúp để cho thoát khỏi. Ấy gọi là lợi hành.

Lại như Đức Thế Tôn nói với ông Trưởng giả Thủ: “Này Trưởng giả! Ông nên biết lợi hành là một phương cách quý báu cao cả nhất. Vì đối với kẻ chẳng có lòng tin, chẳng biết tin, hiểu điều phải trái thì nên khuyên dụ hướng dẫn thân phục, xây dựng lòng tin cho họ được đầy đủ vẹn toàn. Nếu gặp kẻ phá giới thì với lợi hành sẽ khuyên bảo khuyến dụ xây dựng cho họ có giới hạnh đầy đủ. Còn gặp kẻ keo kiệt tham lam thì cũng tìm cách khuyến dụ xây dựng cho lòng bố thí rộng lớn. Khi gặp kẻ đần độn ngu si có trí tuệ xấu tệ thì cũng tìm cách khuyến dụ xây dựng cho họ một trí tuệ sáng suốt tròn đầy... Các việc như thế đều gọi là lợi hành”.

Nhiếp sự là sao? Nghĩa là do sự lợi hành này đối với mọi người mà có thể gần gũi thân nhiếp khiến ai cũng tuân phục mến yêu nhau. Như thế mà dùng lợi hành đối với mọi người để đạt các kết quả trên và khiến mọi người đều thương yêu tuân phục. Thế nên gọi là lợi hành nhiếp sự.

- Thế nào là đồng sự nhiếp sự?

Đáp: Đồng sự nói ở đây nghĩa là rất chán ghét sự giết hại. Tìm mọi cách khéo léo giúp đỡ bạn bè để họ cùng chừa bỏ sự giết hại. Lại cũng rất chán ghét sự trộm cướp, và khéo léo giúp đỡ bạn bè để họ cùng

tránh bỏ việc trộm cướp. Đối với dâm dục tà hạnh cũng rất là chán ghét, nên tìm cách giúp bạn bè cùng tránh bỏ. Đến như việc nói dối cũng rất ghét, việc uống các thứ rượu cũng rất ghét, nên tìm cách khéo léo giúp bạn bè cùng từ bỏ. Các việc như thế v.v... đều gọi là đồng sự.

Lại như Đức Thế Tôn nói với ông Trưởng giả Thủ: “Này Trưởng giả! Ông nên biết đồng sự là phương cách quý báu cao cả nhất, nghĩa là các quả A-la-hán, Bất hoàn, Nhất lai và Dự lưu đều cùng làm việc đồng sự này cả nên gọi là đồng sự”.

Còn nhiếp sự là sao? Nghĩa là do đồng sự này đối với mọi người mà có thể gần gũi thân nhiếp khiến ai cũng tuân phục mến yêu nhau. Như thế mà dùng đồng sự, đối với mọi người để đạt kết quả trên và khiến mọi người cùng thương yêu tuân phục. Thế nên gọi là đồng sự nhiếp sự, như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành cùng đồng sự,
Như đúng chỗ nên nói,
Gồm thân cả thế gian.
Bốn nhiếp sự như thế,
Nếu thế gian không có,
Thì con đối cha mẹ,
Cũng chẳng có hiếu đũng.
Vì có các nhiếp sự,
Mà có pháp tùy chuyển,
Nên kẻ được đại thế,
Thấy có ích nên nói.*

Bốn loài (bốn cách sinh): Đó là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh.

1. Thế nào là noãn sinh? (Sinh từ trứng)

Đáp: Nghĩa là trước hết ở trong trứng, vỏ trứng bao bọc sau đó mới phá vỡ trứng mà chui ra. Đây là như các loài nào? Đó là như các loài vịt, ngỗng, chim chóc, chim sẻ, nhồng sáo, anh vũ (vẹt, két) chim yến, ly hoàng, mạng mạng v.v... Các thứ chim, và một loài rồng (bò sát thần lẩn), khủng long có cánh, cùng một loài người, và có nhiều sinh vật cũng đẻ trứng..., tức là đầu tiên thì ở trong trứng, vỏ trứng ràng rịt bao bọc, sau đó mới phá vỡ trứng mà chui ra, đều gọi là noãn sinh (sinh từ trứng).

2. Thế nào là thai sinh?

Đáp: Nếu các loài sinh vật sinh bằng thai, thì đầu tiên ở trong bào

thai nằm trong tử cung, sau đó mới phá bọc nước mà chui ra. Đây là như loại nào? Đó là như các loài voi ngựa, lạc đà, lừa, dê, nai, trâu nước, heo v.v.. và một loài rồng, một loài có cánh, một loài quỷ, một loài người và cũng có nhiều sinh vật khác sinh bằng thai. Tức là đầu tiên ở trong bào thai, nằm trong tử cung, sau đó mới phá bọc nước mà chui ra... thì đều gọi là thai sinh.

3. Thế nào là thấp sinh (sinh nơi ẩm thấp, ướt át)?

Đáp: Như các loài sinh vật xoay vần ở nơi ẩm áp, xoay vần nơi thắm đượm, xoay vần tụ hợp, hoặc tập hợp ở chỗ phân dơ, hay nơi nước đọng, hoặc hầm xí cầu uest, hay chỗ thịt cá sinh thối, hoặc cơm cháo đổ ngoài đất hay các bụi rậm cỏ rác, hoặc nương chốn rừng rậm, hay cỏ ướt, hoặc nương vào các đồng lá trong hang hố, hay ao đầm, vũng hồ hay sông suối, biển cả hoặc nơi đất ẩm ướt..., mà sinh ra. Đây là như các loại nào? Đó là như các loại: Dế mèn, bươm ngải, ruồi muỗi, mối ve, các trùng trong cây gai v.v..., và có một loài rồng, một loài có cánh, một loài người và các loài sinh vật khác thường bu quanh (xoay vần) chỗ ẩm áp, rộng kể cho đến nương vào biển cả hoặc nơi đất ẩm ướt..., mà sinh ra, đều gọi là thấp sinh.

4. Thế nào là hóa sinh?

Đáp: Như có các loài sinh vật có các bộ phận (chi phần) đều đầy đủ, các cơ quan (căn) không thiếu sót, nhưng không có chỗ dựa, nương vào ánh sáng mà sinh ra. Đây là như loài nào? Đó là tất cả các loài Trời, các loài ở địa ngục, các loài trung hữu thân, và có một phần rồng, một phần có cánh, một phần quỷ, một phần người. Lại có các loài sinh vật khác, các bộ phận đầy đủ, các cơ quan không thiếu sót, không có chỗ nào dựa, nương vào ánh sáng mà sinh ra, thì đều gọi là hóa sinh.

Có bốn thứ được tự thể (mạng sống):

1. Có được tự thể, chỉ tự mình hại mình, không do người khác hại.
2. Có được tự thể chỉ do người khác hại, chẳng phải mình tự hại;
3. Có được tự thể, mà mình và người đều hại.
4. Có được tự thể mình và người khác đều không thể hại.

- Thế nào là có được tự thể, chỉ tự mình hại mình chứ không do người khác hại?

Đáp: Nếu như có các loài hữu tình chính mình có thể lực mạnh có thể tự hủy mạng sống mình mà kẻ khác dù có thể lực mạnh vẫn không giết được họ. Đây là thế nào? Như có cõi Dục có nhiều kẻ do ham vui chơi mà quên nghĩ nhớ đến các trời. Hoặc khi đi dạo chơi vì quá vui thú, trải qua thời gian quá lâu nên thân thể mệt mỏi và ý niệm quên mất. Do

nguyên cố này mà phải chết. Hoặc có cỡi Dục với người ôm lòng giận dữ các trời. Hoặc trong khi giận dữ lại vô cùng bức tức buồn khổ, trừng mắt nhìn nhau mãi rất lâu, do đó mà đành bỏ mạng. Lại có các loài hữu tình khác nữa tự mình có thể giết chết lấy mình chứ không có quyền lực nào có thể giết chết được họ. Thế nên nói là có được tự thể chỉ tự hại mình, chứ không do kẻ khác hại.

- Thế nào là có được tự thể chỉ do người khác hại mà mình không tự hại?

Đáp: Nếu có các loài hữu tình tự mình không có thể lực mạnh để tự hủy, nhưng kẻ khác có thể lực mạnh sẽ làm hại mạng sống mình. Việc này ra sao? Như loài sinh vật đang ở trong trứng hay nằm trong bào thai (còn là bào thai) của mẹ, hoặc là Yết-thích-lam, Át-bộ-đàm, Bế-thi, Kiện-nam, hoặc Bát-la-xa-khư..., các căn chưa đầy đủ, hoặc chưa hoàn hảo (thục). Hoặc có các loài hữu tình khác tự mình không có sức lực tự hại mạng mình, nhưng kẻ khác có thể lực mạnh làm hại mạng sống mình..., thì gọi là có được tự thể chỉ do người khác hại mà mình không tự hại.

- Thế nào là có được tự thể mà mình và người đều hại?

Đáp: Như có các loài hữu tình có thể lực mạnh có thể tự hủy mà cũng có thể giết chết kẻ khác được. Đây là loài nào? Tức là các loài như voi, ngựa, lạc đà, trâu, bò, lừa, dê, nai, trâu nước v.v... Lại có các loài hữu tình khác tự mình có thể tự giết hại mạng mình mà cũng giết hại được kẻ khác được. Đó gọi là có tự thể mà mình và người đều hại được.

- Thế nào là có tự thể mà cả mình và người đều không thể hại được?

Đáp: Như có các loài hữu tình tự mình không có thể lực mạnh để tự hủy mà cũng không thể giết hại người khác được. Đó là những loài nào? Đây là các trời cõi Sắc và Vô sắc, các loài hữu tình đang trụ vào định vô tưởng, định diệt tận và tứ định, hay các loài hữu tình đang trụ vào đời sống (hữu) sau cùng, Phật khiến Phật thọ ký (ký) cho các vua Chuyển luân Thánh vương và mẹ Luân vương đang mang thai. Hoặc thân sau cùng của Bồ-tát và mẹ của Bồ-tát khi đang mang thai Ngài. Con ông Trưởng giả Căng-kỳ-la-ốt-đát-la-bà-la-ni-tư, con ông Trưởng giả thành Vương-xá là Da-xá đồng mạng, Long vương Ai-la-phạt-noa, Long vương Thiện trụ, Mã vương Ba-la-hô, Diễn Ma vương v.v... và tất cả những địa ngục. Lại các loài hữu tình khác tự mình không thể giết hại mình hoặc giết hại người khác được. Đó gọi là có được tự thể mà

mình và người đều không hại được.

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ năm:

*Năm: Bốn pháp có tám,
Là lưu, lợi, thứ, khổ,
Bốn ác, diêu, ngữ, hạnh,
Bốn phi và bốn Thánh ngôn.*

Gồm có: Bốn thứ hạnh thuận lưu Bồ-đặc-già-la, bốn thứ hạnh tự lợi Bồ-đặc-già-la, bốn thứ từ tối đến nơi tối Bồ-đặc-già-la, bốn thứ tự khổ Bồ-đặc-già-la, bốn thứ hạnh Ác ngữ, bốn thứ hạnh Diêu ngữ, bốn phi Thánh ngôn, bốn Thánh ngôn.

Bốn thứ hạnh thuận lưu Bồ-đặc-già-la:

1. Hạnh thuận lưu Bồ-đặc-già-la.
2. Hạnh nghịch lưu Bồ-đặc-già-la.
3. Tự trụ Bồ-đặc-già-la.
4. Đáo bỉ ngạn Bồ-đặc-già-la.

- Thế nào là hạnh thuận lưu Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la quen sống theo các thói dục, gây tạo các nghiệp xấu ác chẳng thiện. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la hạnh thuận lưu.

Vì sao gọi là hạnh thuận lưu Bồ-đặc-già-la? Ái dục là dòng thác sinh tử, loại Bồ-đặc-già-la này thuận theo dòng đó mà đi. Chúng mạnh dạn đi vào chốn ấy vì đó là lối mòn chúng thường qua lại, là nơi in dấu chân quen thuộc của chúng. Cho nên gọi là hạnh thuận lưu Bồ-đặc-già-la (Bồ-đặc-già-la xuôi dòng).

- Thế nào hạnh nghịch lưu Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la thấy rõ tính chất hung tợn dữ dằn của tham sân si, luôn luôn ghê tởm sợ hãi tai họa của tham sân si nên thường sinh lòng lo lắng buồn khổ. Do chúng luôn luôn chán sợ lo lắng cho nên bao giờ cũng ân cần siêng năng tu tập cho mãi đến hơi thở cuối cùng, lúc nào cũng thuần nhất vẹn toàn, luôn sống đời phạm hạnh trong trắng. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la ngược dòng (hạnh nghịch lưu).

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la ngược dòng? Ái dục là dòng thác sinh tử. Loại Bồ-đặc-già-la này đã dứt trừ được ái dục, cho nên chỉ tùy thuận mà đi vào chốn ấy. Nơi ấy cũng là con đường mà họ thường qua lại và nơi in dấu chân quen thuộc. Cho nên gọi đó là Bồ-đặc-già-la ngược dòng.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la tự trụ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la thường ở nơi A-lan-nhã hoặc trú nơi cội cây, hay ở những nơi yên tĩnh vắng vẻ, thường rèn luyện tu tập, làm vô số các hạnh, luôn tư duy suy tìm chân chánh, nên chứng được định tâm yên vắng tịch tĩnh. Do định tâm này mà đoạn trừ được năm phần dưới của kiết sử (phần thô) và sẽ được hóa sinh, tức là ở ngay trong cõi sinh tử mà chứng được Niết-bàn. Chẳng còn phải sinh lại trong cõi Dục này nữa. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la tự trụ.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la tự trụ? Loại Bồ-đặc-già-la này ở trong cõi hóa sinh mà chứng được Niết-bàn, chẳng còn sinh trở lại cõi Dục này nữa. Cho nên gọi là Bồ-đặc-già-la tự trụ.

- Thế nào gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la thường ở nơi A lan nhã hoặc trú bên gốc cây, hay ở những chốn yên tĩnh vắng vẻ, thường rèn luyện tu tập, làm vô số các hạnh. Luôn tư duy suy tìm chân chánh, nên chứng được định tâm yên vắng tịch tĩnh. Chính do định tâm này mà dứt sạch tất cả lậu hoặc, chứng được vô lậu. Tâm trí đã giải thoát. Ở trong hiện đời mà chứng được trí tuệ sáng suốt. Nhận biết đầy đủ các môn, thấu suốt tất cả các pháp một cách đúng đắn chân thật. “Đời sống của ta đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc đã làm xong, không thọ thân sau”. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn.

Vì sao gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn? Có thân sinh tử nên gọi là bờ này. Khi các ái dục đã dứt, lìa bỏ tất cả nhiễm trước phiền não, chứng được Niết-bàn tịch diệt miên viễn..., gọi đó là bờ kia. Loại Bồ-đặc-già-la này đã dứt ái, lìa nhiễm, yên lặng vĩnh viễn. Thế nên bờ Niết-bàn kia đã tới được, đã lên được, đã sờ chạm được rồi. Do đó gọi là Bồ-đặc-già-la đáo bỉ ngạn (giác ngộ). Như Đức Thế Tôn có nói kệ:

*Chưa diệt lìa ái dục,
Chết chìm trong ái dục,
Ta bảo là thuận dòng,
Luôn luôn chịu sinh tử.
Nếu trụ vào chánh niệm,
Chẳng nhiễm thói ái dục,
Lo lắng lìa xa dục,
Ta bảo là ngược dòng.
Đoạn dứt năm phiền não,
Luôn đoạn trừ năm pháp,*

*Tâm được định cao cả,
Ta bảo là tự trụ.
Khấp các pháp hơn kém,
Giải thoát, không còn chi,
Kẻ trí đã giải thoát,
Ta bảo đến bờ kia.*

Bốn thứ Bồ-đặc-già-la tư lợi:

1. Bồ-đặc-già-la có hạnh tự lợi, không có hạnh lợi tha.
2. Bồ-đặc-già-la có hạnh lợi tha, không có hạnh tự lợi.
3. Bồ-đặc-già-la có cả hạnh tự lợi và lợi tha.
4. Bồ-đặc-già-la không có hạnh tự lợi và hạnh lợi tha.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la có hạnh tự lợi, không có hạnh lợi tha?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la có khả năng và tính chất hiểu biết nhanh chóng, thẩm định đúng đắn chắc thật tất cả các pháp thiện. Do hiểu biết thấu đáo cặn kẽ các nghĩa lý của các giáo pháp, nên siêng gắng tu tập rèn luyện đầy đủ các hạnh thiện như hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp v.v..., nhưng vì cách nói năng diễn giảng chưa khéo léo hấp dẫn, trình bày lời văn nghĩa lý chưa được sáng sủa toàn vẹn. Người này chưa thành tựu được lời nói của bậc thượng thủ là lời nói hoa mỹ, lời nói rõ ràng, không tối nghĩa tối ý, lời nói dễ hiểu; người này có lời nói không có căn cứ, không chính xác, lời nói không dứt khoát, nói lòng vòng... Ngay cả khi muốn chỉ rõ nghĩa lý cho người khác hiểu thì cũng không thể trình bày, hướng dẫn chỉ dạy được, không thể khuyến khích, an ủi ủy dụ, hay ngợi khen kẻ khác bằng những lời, những cách an ủi khuyến khích ngợi khen khéo léo đúng chỗ đúng lúc, đúng ý. Chỉ biết tu tập các pháp thiện mà thôi chứ không thể diễn giảng thuyết pháp cho bốn chúng, mọi người được. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la có hạnh tự lợi, không có hạnh lợi tha.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la có hạnh lợi tha, không có hạnh tự lợi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một loại Bồ-đặc-già-la đối với các pháp thiện thì không có khả năng hiểu biết nhanh chóng, thẩm định sáng suốt được. Đối với các pháp, người này cũng không biết được nghĩa lý cũng chẳng hiểu rõ các pháp. Lại chẳng chịu cố gắng rèn luyện tu tập các hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp... Trái lại phần nói năng lời lẽ thì hết sức khéo léo, nghĩa lý đầy đủ. Người này cũng thành tựu được lời nói của hàng thượng thủ lãnh đạo với lời hoa mỹ, lời tuyệt diệu, lời rõ ràng dễ hiểu

đễ nhớ, lời nói không cần lợi dưỡng, lời nói không lòng vòng. Ngay như khi muốn đem nghĩa lý chỉ dẫn cho mọi người hiểu biết thì đều có thể trình bày, hướng dẫn, khích lệ, an ủi và ngợi khen khéo léo. Đối với việc tu trì các pháp thiện thì có thể diễn giảng thuyết pháp cho bốn chúng nghe hiểu. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la làm lợi cho người, không làm lợi cho mình.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la làm lợi mình, lợi người?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một hạng Bồ-đặc-già-la có khả năng thấu hiểu nhanh chóng và thẩm định đúng đắn các pháp thiện. Người này thấu suốt nghĩa lý và rành rẽ các pháp. Lại luôn cố gắng tu tập rèn luyện đủ các hạnh như hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp và nói năng lời lẽ rất khéo léo hấp dẫn, nghĩa lý đầy đủ... Người này cũng thành tựu được lời nói của hàng thượng thủ lãnh đạo, với lời nói hoa mỹ tuyệt diệu, lời rõ ràng dễ hiểu dễ nhớ, lời nói không cần lợi dưỡng, lời nói không lòng vòng... Ngay như khi muốn đem nghĩa lý chỉ dẫn cho mọi người hiểu biết thì đều có thể trình bày, hướng dẫn, khích lệ, an ủi hoặc ngợi khen rất khéo léo. Đối với việc tu trì các pháp thiện thì cũng có thể diễn giảng thuyết pháp cho bốn chúng cùng nghe hiểu. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la làm lợi mình, lợi người.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la cả hạnh tự lợi và lợi tha đều không có?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một hạng Bồ-đặc-già-la không hiểu biết nhanh chóng cũng không thẩm định đúng đắn các pháp thiện. Do không biết pháp, nghĩa pháp nên không thể siêng năng tu tập rèn luyện các hạnh như hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp và nói năng lời lẽ không được khéo léo, trình bày nghĩa lý cũng thiếu sót không trọn vẹn, cũng không thành tựu được lời nói của hàng thượng thủ, lời nói hoa mỹ, tuyệt diệu. Và cách trình bày vẫn không rõ ràng, dễ hiểu dễ nhớ. Cho đến việc muốn chỉ bày cho người khác chút đỉnh nghĩa lý thì cũng không thể nào trình bày hướng dẫn khuyến khích an ủi hay khen ngợi được. Đối với các pháp thiện để tu trì cũng không thể nào trình bày thuyết giáo cho ai điều chi. Đó là Bồ-đặc-già-la mà cả hạnh tự lợi và lợi tha đều không có.

Có bốn loại Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ tối: Ấy là:

1. Loại Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ tối.
2. Loại Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ sáng.
3. Loại Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đến chỗ tối.
4. Loại Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đến chỗ sáng.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ tối?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một hạng Bồ-đặc-già-la chẳng may sinh vào gia đình bần tiện nghèo hèn gọi là nhà chiêm đà la hay nhà Bồ-yết-bà, hoặc trong các gia đình thợ thuyền, gia đình kỹ nhạc, hoặc thuộc một chủng loại khác mà hết sức bần cùng, khốn khổ, hạ tiện. Luôn luôn cơm ăn áo mặc đều thiếu thốn, tâm thần lại xấu xí, hèn mọn nên ai cũng khinh khi nhòm lỏm. Do đó mọi người gán cho cái tên là tối đen. Người này từ chỗ xấu xa đen tối đó mà tạo ra các hành động việc làm lời nói và ý nghĩ đều xấu hết. Vì tạo các nghiệp ác đó nên khi chết rồi thì bị đọa vào các đường dữ, sinh vào chốn địa ngục. Nên biết hạng Bồ-đặc-già-la như thế giống như người từ chốn tối tăm này lại đến chỗ tối tăm khác, từ hầm xí dơ bẩn thối tha này lại rơi vào hầm tiêu hôi hám khác, từ dòng thác lũ cuồng bạo này lại lặn hụp vào dòng thác lũ kinh hồn khác. Mới vừa thoát khỏi chốn lao tù này lại chui ngay vào ngục thất kiên cố khác. Khác nào lấy chất máu mủ thối tha này để rửa chất máu mủ hôi tanh kia. Từ thân bần tiện khốn cùng này mà tạo ra các tội ác, các nghiệp chẳng thiện thì cũng giống như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ tối.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ sáng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một hạng Bồ-đặc-già-la sinh vào chốn bần tiện gọi là Chiêm-đà-la, rộng nói cho đến gọi là tối đen. Những người ấy từ chỗ tối tăm đó mà tạo ra các nghiệp hạnh tốt đẹp về thân, ngữ, ý. Do nhân duyên tốt đẹp đó, sau khi chết được sinh lên các cõi thiện như được sinh lên các cung trời. Nên biết loài Bồ-đặc-già-la như thế giống như người từ đất lên ngồi trên ghế, từ ghế lên ngồi trên tòa, từ tòa lên ngồi trên kiệu, trên xe, từ xe lên ngồi trên ngựa, từ ngựa lên ngồi trên voi, từ voi lên ngựa trên điện. Từ thân bần cùng hạ tiện mà tạo ra các hạnh nghiệp tốt đẹp thì cũng như thế. Đó gọi là Bồ-đặc-già-la từ chỗ tối đến chỗ sáng.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đến chỗ tối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một số hạng Bồ-đặc-già-la sinh vào nhà giàu sang gọi là gia đình dòng dõi Sát-đế-lợi, hoặc dòng dõi Bà-la-môn, hoặc dòng dõi Trưởng giả, hoặc các dòng dõi cư sĩ lớn, hoặc một trong những dòng dõi lớn khác. Trong gia đình có đủ các thứ ngọc báu, y phục thức ăn đồ uống, đầy tớ kẻ hầu, voi ngựa, trâu dê, kho tàng, tiền của, thóc lúa cùng tất cả vật dụng cần thiết khác đều đầy đủ. Người trong nhà thì hình tướng đẹp đẽ đoan chính, nói năng oai vệ ai cũng kính mến gọi là sáng. Nhưng kẻ này

từ chỗ sáng rõ đó, tạo ra các hạnh xấu xa độc ác của thân, ngữ, ý. Do các nghiệp này, mà khi chết bị đọa vào các đường dữ, bị nhốt vào địa ngục. Nên biết loại Bồ-đặc-già-la này giống như người từ đền thờ bước xuống ngòi voi rồi xuống ngòi ngựa, rồi ngồi kiệu xe, rồi ngồi xuống tòa, ngồi ghế và xuống đất mà nằm! Từ thân giàu sang mà tạo ra các hạnh ác cũng giống như thế. Đó là loại Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đến chỗ tối.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng đến chỗ sáng?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một số Bồ-đặc-già-la sinh vào nơi giàu sang tức là như gia đình dòng dõi Sát-đế-lợi, rộng kể cho đến gọi là sáng. Người này từ chỗ sáng mà tạo ra các hạnh nghiệp tốt đẹp của thân, ngữ, ý và chính vì các hạnh thiện đó mà được sinh vào các chốn tốt đẹp như ở các cõi trời chẳng hạn. Vậy nên biết loại Bồ-đặc-già-la như thế giống như người từ ghế này sang ngòi ghế khác, từ ngựa sang ngựa, từ voi sang voi, từ điện này đi đến đền kia. Tức là từ thân giàu sang rồi phát sinh các hạnh thiện tốt đẹp thì cũng như thế. Đó là Bồ-đặc-già-la từ chỗ sáng này đến nơi sáng khác.

Như Đức Thế Tôn nói kệ:

1. Có những kẻ nghèo hèn,
Không lòng tin, giận dữ,
Tham lam ưa làm ác,
Ưa vọng tưởng tà kiến.
Thấy Sa-môn, Phạm chí,
Kẻ đủ giới đa văn,
Không kính còn chê mắng,
Nói ta chẳng cúng thí.
Chê thí nhận vật thí,
Họ tùy nghiệp sinh tử,
Đọa đường ác địa ngục,
Là từ tối sang tối.
2. Có những kẻ bản tiện,
Có lòng tin không giận,
Biết hổ thẹn, chánh kiến,
Ưa thí, lìa tham lam.
Thấy Sa-môn, Phạm chí,
Kẻ đủ giới đa văn,
Vui mừng mà đón tiếp,

- Cung kính và cúng dường.
Khen thí nhận vật thí,
Họ tùy nghiệp sinh tử,
Sinh cõi là thiên cung,
Là từ tối sang sáng.*
3. *Có những kẻ giàu sang,
Không tin lại giận dữ,
Tham lam ưa làm ác,
Mê vọng tưởng tà kiến.
Thấy Sa-môn Phạm chí,
Kẻ đủ giới đa văn,
Chẳng kính còn chê cười,
Nói ta không cúng thí.
Chê thí nhận vật thí,
Họ tùy nghiệp sinh tử,
Đọa đường ác địa ngục,
Là từ sáng sang tối.*
4. *Có những kẻ sang giàu,
Có lòng tin, không giận,
Biết hổ thẹn, chánh kiến,
Ưu thí, lìa tham lam.
Thấy Sa-môn Phạm chí,
Kẻ đủ giới đa văn,
Vui mừng đến đón tiếp,
Cung kính và cúng dường.
Khen thí nhận vật thí,
Họ tùy nghiệp sinh tử,
Sinh cõi thiện cung trời,
Là từ sáng đến sáng.*

Bốn loại Bồ-đặc-già-la tự làm khổ: Gồm có:

1. Loại Bồ-đặc-già-la tự làm mình khổ nhưng không làm khổ kẻ khác.
2. Loại Bồ-đặc-già-la làm kẻ khác khổ nhưng không làm mình khổ.
3. Loại Bồ-đặc-già-la tự làm mình và kẻ khác đều khổ.
4. Loại Bồ-đặc-già-la không làm khổ mình và người khác.
- Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la (chúng sinh) tự làm khổ mình nhưng không làm người khác khổ?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Ở đời có một số chúng sinh sống cuộc sống theo cách tu hành khổ hạnh. Như sống trần truồng không mặc quần áo, không ở trong nhà cửa, dùng tay bốc ăn vốc uống chẳng cần đồ đựng. Khi ăn thì ngồi chung trong đồng gươm đao gậy gộc, nồi chảo, bồn chậu. Không phải chớ nhưng cứ ngồi xổm trước cửa mà chờ chực xin ăn, chẳng kể ruồi bu kiến đậu, bất kể dơ bẩn, vụn nát, ràng rịt cột chặt hay che đậy..., có người trao cho thức ăn thì cũng chẳng thèm nói đến đây đi, đi hay đứng lại. Hạng người này chỉ nhận thức ăn từ người không mang thai, không phải mới sinh đẻ, không phải đàn bà cho con bú. Không tạo ra cũng không làm hư hỏng vật gì cả. Không ăn thịt, không ăn cá hay thịt phơi khô, cũng không uống rượu hay các thứ nước uống. Hoặc không ăn uống chi cả, hoặc ăn một lần, hai lần, ba lần, bốn, năm, sáu, bảy lần..., hoặc chỉ xin ăn một nhà, hai nhà, ba nhà, hoặc bốn, năm, sáu, bảy nhà; hoặc chỉ ăn một nắm, hai nắm, ba nắm, hoặc bốn, năm, sáu, bảy nắm mà thôi. Hoặc ăn cách một ngày, cách hai ngày, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày; hoặc cách nửa tháng hay một tháng ăn một lần. Hoặc chỉ ăn rau cỏ hoặc ăn phân bò, ăn trái cây hoa cỏ, hay ăn vỏ trấu lúa lép, hay ăn gạo tẻ hoặc lúa mạch (bột mì) hay đậu lổ, hoặc ăn các thứ rễ cây hay các loại củ nơi đồng trống, hoặc ăn các thứ quả rơi lá rụng... Còn như việc mặc thì chỉ mặc sô gai, vải thưa xấu hay cỏ tranh, cỏ bồ, hoặc mặc thứ lụa lộc, hay áo vải thô bằng lông, hoặc len dạ dệt bằng bông, hay mặc da thú, hay lông chim hoặc dùng các sợi tre trúc đan nhau, hoặc dùng cỏ cây mà mặc.

Về tóc tai thì có người để tóc dài, hoặc cuộn tóc bông lên trên đầu, hoặc búi lại thành những búi nhỏ hoặc lớn. Có người thì để râu mà cạo tóc, có người lại cạo râu mà để tóc, hoặc râu tóc cùng để, hoặc cùng cạo sạch cả. Có người không cạo mà nhổ, hoặc chỉ nhổ tóc hoặc râu, hoặc râu tóc đều nhổ cả.

Có người thì luôn đưa hai tay lên trời, có kẻ cứ mãi kiễng một chân mà đứng. Có kẻ chỉ thích đứng hoài, kẻ khác thì nằm mãi trên giường. Người lại ngồi xoạc đùi ra mà tu khổ hạnh, có người nằm trên gai, hoặc nằm trên tro bụi, hoặc nằm trên mấy khúc cây ngắn (chày) hoặc trên mấy tấm ván, hoặc lấy phân bò bôi trên đất rồi nằm lên, hoặc có người thích thờ lửa, có khi mỗi ngày cúng thờ đến ba lần. Có người thích nằm trên nước (bơi giữa trên nước), mỗi ngày bơi đến ba lần. Có kẻ co một chân nhảy cò cò mà đi, bữa sau đổi chân khác. Có vô số sự cố gắng chịu khổ như thế, chính mình tự hành hạ mình làm khổ lấy mình. Đó là loại chúng sinh tự làm khổ mình, nhưng không làm khổ người khác.

Tại sao loại chúng sinh đó lại tự làm khổ mình mà không làm khổ người khác? Vì họ tự làm khổ để tự sinh sống. Nên gọi tên như thế.

- Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la (chúng sinh) làm khổ người khác mà chẳng tự làm khổ mình?

Đáp: Như những kẻ giết mổ heo, dê, gà, vịt..., hoặc bắt chim bắt cá hoặc săn thú, hoặc làm giặc, hoặc là kẻ cầm đầu (lái) thái thịt làm nem, chả hoặc làm nghề yếm mạch hay tên tù coi ngục, hoặc nấu thịt chó, hoặc đặt bẫy lưới. Đó là loại chúng sinh làm khổ kẻ khác nhưng chẳng làm khổ mình.

Vì sao loại chúng sinh đó gọi là loại chúng sinh làm khổ người khác mà chẳng làm khổ mình? Do họ làm khổ kẻ khác là để sinh sống cho nên gọi tên như thế.

- Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la tự làm khổ mình mà cũng làm khổ người khác?

Đáp: Như có vị vua chủ tế lễ, khi muốn cúng tế dâng lễ thì trước hết trong nội thành phải xây dựng trang trí cái đàn tràng để cúng tế rồi dùng các thứ dầu và sữa, kem thoa khắp thân thể, xoa tóc để lộ đỉnh đầu, mình mặc lớp da nai đen, tay cầm sừng nai chà khắp thân thể. Hoặc khi cúng thờ lửa, hoặc khi tế lễ trời thì ở trên đàn tràng mà nhìn đối tự đày đọa thân mình. Rồi lấy chất vàng hòa với sữa trâu mẹ và nghé con, tạo nên một chất sữa đặc biệt dùng để cúng tế thần lửa và tế trời. Sau vị chủ tế thì đến vua, hoàng hậu, các vị đại thần tế tướng, rồi kế đó là các bà con thân thích ở trong đàn tràng cúng tế cùng giết hại các loài trâu chửa, trâu nước, trâu cái (trâu mẹ) trâu nghé và các thứ gà, vịt, heo, dê, các loài thú..., và mắng chửi trách cứ hình phạt khủng bố bà con thân thích các kẻ hầu cận (tả hữu) khiến họ phải khóc lóc buồn rầu lo lắng sầu than. Đó gọi là loại chúng sinh tự làm khổ mình và làm khổ cả người khác.

Vì sao loại chúng sinh đó lại tự làm khổ mình và làm khổ người khác? Họ làm như thế vì để sinh sống. Thế nên gọi là kẻ tự làm khổ mình và làm khổ người khác.

- Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la không làm khổ mình và cũng chẳng làm khổ ai?

Đáp: Đây chính là chư Như Lai, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm xuất hiện ra đời nói chánh pháp giảng dạy chỉ bày các điều thiện đủ mọi trình độ từ thấp, trung bình đến cao. Văn chương nghĩa lý rất tuyệt, nhất quán đầy đủ vẹn toàn, phạm

hạnh thanh tịnh trong trắng. Toàn thể thiện nam tín nữ khi nghe các pháp đó thì khởi lòng tin tưởng thanh tịnh sâu xa. Khi đã tin tưởng thanh tịnh rồi thì suy tư tìm hiểu thấy rằng nếu ở nhà thì vô số sự việc vô nghĩa cấu uế nó bức bách trói buộc giam nhốt như chốn lao tù, còn khi xuất gia thì như dạo chơi thăm thú chốn đồng hoang bát ngát hay giữa khoảng không mênh mông, vì đã lìa xa mọi điều nói năng tạp nhạp... Kể nào còn ham mê bận bịu gia đình nhà cửa thì không thể nào suốt đời hết mình siêng năng tu tập rèn luyện một cách tinh thuần trọn vẹn đức phạm hạnh thanh tịnh trắng trong. Vì thế từ nay ta cần phải tin tưởng chánh pháp cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa. Lìa bỏ đời sống bận bịu gia đình, lên đường gia nhập vào cuộc du hành khắp chốn... Sau khi tính suy cặn kẽ thì bao nhiêu tài sản địa vị bà con thân thuộc dù nhiều hay ít, lớn bé đều từ bỏ xa lìa. Rồi do tâm chánh tín mà cạo bỏ râu tóc khoác áo cà sa, xa lìa cuộc sống gia đình bận bịu, gia nhập vào đoàn du tăng khát sĩ. Khi đã xuất gia thì thọ trì tuân giữ giới hạnh thanh tịnh, siêng năng giữ gìn các luật lệ thích hợp (biệt giải). Các pháp tắc tuân hành đều toàn vẹn đầy đủ, thế nên dù một lỗi lầm bé nhỏ cũng hết sức kiên dè lo lắng giữ gìn. Ở nơi nào có diễn giảng dạy học đều tìm tới xin thọ giáo hết lòng. Không bao giờ sát sinh hại vật, xa hẳn các thứ binh khí dao gậy, có lòng từ bi tràn trề, luôn xấu hổ xét lỗi mình. Đối với các sinh vật từ loài trứng kiến hạ đẳng bé xíu cũng hết lòng thương xót, chẳng hề gây tổn hại, vì đã quyết dứt hẳn sự giết hại. Cũng không hề trộm cướp, trái lại còn ưa thích làm việc bố thí. Đối với các vật được cúng dường bố thí trong sạch thì lượng sức mình mà thọ dụng. Đối với các vật dụng đang có không hề mê đắm nhiễm trước. Luôn luôn giữ gìn tự thể mình lúc nào cũng thanh tịnh không lỗi lầm tội lỗi, vì đã quyết dứt hẳn sự trộm cướp. Bỏ hẳn việc dâm dục tà hạnh, luôn tu tập rèn luyện phạm hạnh và các hạnh cao xa, các hạnh nhiệm mầu, để tâm trí luôn được thanh khiết trong sạch, mà xa hẳn mùi dơ của dâm dục, vì đã quyết lìa hẳn lối sống trái phạm hạnh. Từ bỏ không bao giờ nói dối, chỉ thích nói lời thành thực, những lời đúng đắn chắc thật, lời đáng tin, lời đáng tuân hành thừa nhận, những lời lẽ không bao giờ gây hiểu lầm tranh cãi, vì quyết dứt hẳn lời dối trá. Và không bao giờ nói lời ly gián và phá hoại kẻ khác. Chẳng chọc bị thọc thọc bị gạo, chẳng đem lời hai bên nói xấu nhau mà nói cho nhau nghe. Trái lại thường tìm cách kết hợp lại những kẻ đã chia lìa. Những kẻ nào đã thuận thảo mến thương nhau thì càng giúp cho thêm gắn bó bền chặt. Luôn luôn thích nói lời kết hợp mà chẳng khi nào nói lời phân cách hai bên, vì đã quyết lìa bỏ nói lời ly

gián. Lại bỏ hẳn nói những lời dữ dằn thô tục. Không bao giờ nói lời thô tục dữ dằn, cũng không gây sự khổ sở khiến người khác hờn ghét nhau. Do đó cũng khiến nhiều người không mến, không thích, không mừng, không vui... làm chướng ngại sự tu tập thiền định, quyết định phải dứt bỏ hẳn những lời nói độc ác dữ dằn thô tục đó. Trái lại chỉ nói những lời lẽ ôn tồn êm ái dịu dàng vừa tai ứng ý và vui vẻ, hoa mỹ khéo léo nhưng thanh tịnh vẹn toàn. Lời nói rõ ràng dễ hiểu khiến mọi người thích nghe, không cần lợi dưỡng, không nói lòng vòng khiến mọi người đều ham thích vui mừng. Với lời nói khéo léo hoa mỹ cuốn hút hấp dẫn có một sức đặc biệt thúc đẩy mọi người hăng hái tu tập các thiền định, ấy là do đã quyết dứt bỏ lời nói dữ dằn thô tục, lại thêm không bao giờ nói lời cấu uế tạp nhạp. Khi nói thì đúng lúc đúng nơi, còn trình bày giáo pháp với nghĩa lý cao siêu, chân thật, tịch tĩnh..., một cách lớp lang thứ tự, có nguyên cơ sự kiện đầy đủ, đúng lý hợp lẽ, không lẫn lộn tạp nhạp, không lỗi lầm cấu uế. Do đó mà dẫn đến các nghĩa lý rất ích lợi cần thiết. Đó là quyết ý dứt hẳn lời nói cấu uế tạp nhạp. Ngoài ra còn không tham dự vào các việc buôn bán, tráo đấu, sửa cân, ăn gian, cân, đong, đo đếm..., cũng không nuôi súc vật như voi, ngựa, trâu, lừa, gà, heo, chó..., cả đến những kẻ hầu hạ giúp việc, đầy tớ trai gái lớn bé mà kết làm bạn bè thân thuộc. Cũng không nhận chứa cất lúa thóc, đậu nếp v.v..., cho đến vàng bạc châu báu cũng chẳng cất giữ. Không ăn sai buổi (sau giờ Ngọ) hoặc ăn một thứ duy nhất. Không đứng chỗ đứng lúc thì không bao giờ bước chân đến. Cả khi nói năng hay im lặng đều không gây sự hiểu lầm nghi kỵ bàn luận khen chê dị nghị. Mặc thì chỉ thích vải gai thưa xấu cốt để che thân, còn ăn thì chỉ dùng vừa đủ cho qua cơn đói khát. Phàm khi đi hay ngồi nghỉ thì y bát vẫn ở bên mình, như loài chim kia đôi cánh vẫn dính sát vào thân dù bay hay đậu. Chính các việc như vừa kể mà người này đã thành tựu được uẩn giới luôn luôn kín đáo giữ gìn căn môn, và an trụ vào chính niệm. Do sức chính niệm này mà hàng phục làm chủ được tâm mình. Cho nên dù mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi thơm thối, lưỡi nếm vị, thân đụng chạm, ý biết các pháp... Nhưng chẳng hề chấp tướng, không mê đắm vào các thứ đẹp đẽ vừa ý. Trong những trường hợp như thế luôn vững vàng tuân hành giới pháp chặt chẽ, ngăn chặn triệt để không để cho tâm tự do phát triển các sự sâu tham muốn hay các lỗi xấu xa chẳng thiện khác... Người này đã đạt được phần giới hạnh sâu kín nên luôn luôn ngậm giữ gìn các căn môn. Dầu rằng có đủ mọi việc nói năng đi đứng tới lui co duỗi cúi đầu ngẩng mặt, đắp y mang bát..., nhưng bao giờ cũng trụ vào chánh niệm, chánh

tri; do người này đã thành tựu được giới hạnh sâu kín thanh tịnh, lúc nào cũng ngấm kín giữ gìn căn môn kiểm soát ý thức, luôn luôn trụ vào chánh niệm chánh tri, cho nên dù ở chỗ nào trong thành ấp thôn xóm, từ sáng tinh sương khi đắp y ôm bát là đã giữ gìn phòng hộ các căn, ý thức luôn an trụ trong chánh niệm, luôn giữ gìn oai nghi cử chỉ động tác, luôn luôn tìm học tu hành và khát thực... Mỗi khi khát thực trở về, ăn xong thì rửa bát, rửa tay chân sạch sẽ, xong rồi thì mang tọa cụ đến nơi A-lan-nhã hoặc nơi núi non, đồng trống vắng vẻ, tránh xa các loài ác thú hay mọi người đông đảo, chỉ chọn những nơi vắng vẻ yên tĩnh, những nơi chỉ có đám phi nhân trú ngụ, rồi đến bên gốc cây to mà trải tọa cụ ngồi kiết già, lưng thật ngay thẳng. Bây giờ dẹp hết mọi điều nghĩ ngợi, dẹp hết các duyên tạp loạn rồi chuyên chú vào một điểm ở trước mặt như đầu chót mũi chẳng hạn. Tâm chuyên chú liả bỏ các lỗi lầm tham lam, sân giận, hôn mê ngủ gục hoặc thân mãi cử động nhúc nhích, tâm nghĩ xằng bậy lung tung hoặc nghi ngờ do dự... Các thứ tùy phiền não đó nó phá hoại dữ dội các pháp thiện, nó khiến cho sức trí tuệ suy yếu, kém sáng suốt không thể chứng được Niết-bàn mà phải lặn hụp hoài trong biển sinh tử. Vì lý do đó ta phải cố gắng liả bỏ tham dục và mọi ác pháp chẳng thiện cho đến nhập định từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Người này do tâm thiền định, yên tĩnh tuyệt vời cao cả như thế, nên các lỗi lầm cấu uế đều sạch hết, trở nên thuần khiết trắng trong, không còn sót tí nào tùy phiền não. Luôn ôm ái dụ dàng trụ vào vô động, tâm trí hướng về sự diệt hết các lậu hoặc để được trí tuệ sáng suốt. Cho nên thấy biết đúng như thật, đây là Khổ thánh đế, đây là Tập thánh đế, đây là Diệt thánh đế và đây là Đạo dẫn đến diệt thánh đế. Vì thấy như thế, biết rõ như thế nên tâm được giải thoát khỏi các dục lậu, các hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát được các thứ đó rồi thì sẽ biết đúng như thật rằng đời sống của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không có thân sau. Thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la (chúng sinh) không làm khổ mình cũng chẳng làm khổ ai.

Vì sao loại chúng sinh này gọi là không tự làm khổ mình cũng chẳng làm ai khổ? Loại này làm như thế là để nuôi sống mạng mình, thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la không tự làm khổ mình cũng chẳng làm khổ ai.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 10

Phẩm 5: **BỐN PHÁP**, Phần 5

Bốn hạnh ác về lời nói:

1. Nói dối.
2. Nói ly gián.
3. Nói lời dữ thô tục.
4. Nói lời bần thủ.

- Thế nào là hạnh xấu nói dối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: “Các thầy Bí-sô nên biết! Hoặc ở trước chỗ cần lời nói thành thật, hoặc ở giữa đại chúng, ở trước nhà vua, ở trước quan tòa, ở tại nhà bạn bè..., muốn nhờ mình làm chứng về sự thực, nên có lời nói: “Này chàng trai hiền lành, gắng mà nhớ kỹ, nếu biết thì nói, không biết thì đừng nói, nếu thấy sao thì nói vậy, không thấy thì đừng nói”.

Khi được hỏi điều ấy thì người này, lại có chuyện không biết nhưng cứ nói là biết, hoặc biết nhưng nói không biết. Không thấy vẫn nói là thấy, hoặc thấy nhưng bảo là không thấy. Người này nói như thế là vì chính mình, vì người khác hoặc vì tiền của quyền lợi, cho nên dù biết đúng biết rõ những mà vẫn nói dối.

Ở đây nói về việc nói dối đó, có nghĩa là không bao giờ lìa bỏ việc nói dối, không tìm cách đoạn trừ, không hề biết chán ghét ghê tởm, luôn luôn sống trong sự nói dối, lấy làm hãnh diện vì hoàn thành xuất sắc tài nghệ nói dối. Đó gọi là có nói dối.

Hoặc ở trước chỗ cần nói thành thực, nghĩa là như ở chốn thôn quê, ở chỗ thành ấp hay nơi kinh đô các đại quốc cần lời nói thành thực để thẩm tra thì hoặc là gặp mặt rồi nói nhau, hoặc là hòa hợp (đồng ý xác định như thế) hoặc việc xảy ra trước mắt. Đó gọi là ở trước chỗ cần lời nói thành thật.

Hoặc ở giữa đại chúng như trước số đông hàng Sát-đế-lợi, hàng

Bà-la-môn, hàng Trưởng giả, hoặc hàng Sa-môn..., gọi đó là đại chúng. Cũng gặp gỡ mà hỏi hay xác định, hoặc xảy ra trước mắt như trước...

Hoặc ở trước nhà vua. Có nghĩa là có các quốc vương, các đại thần quan lớn ngồi bao quanh cũng gặp gỡ, hòa hợp, chuyện xảy ra trước mắt...

Hoặc ở tại tòa án, quan tòa (quan cầm luật) nghĩa là ở giữa chỗ tụ họp đông đảo bàn thảo nghị luận của các nhà cầm luật hoặc cùng gặp gỡ, hòa hợp hay việc xảy ra trước mắt...

Hoặc tại nhà bạn bè, nghĩa là có đông đảo bạn bè tụ họp để bàn luận, cùng gặp gỡ hòa hợp hoặc việc xảy ra trước mắt...

Vì muốn nhờ mình làm chứng về sự thật nên có lời hỏi ấy, nghĩa là mời thỉnh khuyến khích người ấy nên nói rất thành thật chắc chắn. Vì muốn quyết đoán sự phải trái đúng sai nên mọi người đều cùng xét hỏi: “Này chàng trai hiền lành ngay thẳng, hãy nên nhớ thật kỹ, biết sao nói vậy, không biết thì đừng nói bậy, thấy sao nói vậy, không thấy chớ nói càn”. Nghĩa là bảo nên nhớ kỹ theo đúng cảnh vật mà nói thật để làm bằng chứng rõ ràng sáng tỏ, do đó khuyên nên nói thật đối với các việc đã thấy nghe hiểu biết thế nào thì nên trình bày đầy đủ. Còn các việc nào chẳng thấy nghe hiểu biết thì xin chớ trình bày xác định nhầm lẫn. Cho nên bảo rằng: Này chàng trai trẻ hiền lành gắng nhớ thật kỹ, biết sao nói vậy, không biết chớ nói càn, thấy sao bảo vậy, không thấy đừng nói bậy. Nhưng người kia khi nghe hỏi lời ấy thì không biết vẫn nói là biết, hoặc biết nói là không biết. Không thấy mà vẫn bảo là thấy, hoặc thấy nhưng lại nói không thấy.

Trong này nói về chẳng biết mà nói là biết, nghĩa là các điều mà nhĩ thức nhận được, nhĩ thức hiểu biết được thì nói là sự nghe biết, thật ra nhĩ thức của người ấy chưa nghe chưa biết, mà lại che giấu ý tưởng đó, sự nhận hiểu thấy biết đó, sự thành thật ngay thẳng đó..., mà nói là tôi đã có nghe, thì đây gọi là chẳng biết mà nói biết. Còn biết mà nói chẳng biết, nghĩa là nhĩ thức của người đó đã nhận được, hiểu biết được, nhưng lại che giấu ý tưởng đó, sự nhận hiểu thấy biết đó, sự thành thật ngay thẳng đó, mà bảo rằng tôi chẳng nghe chi cả. Đó đều gọi là biết mà nói chẳng biết.

Còn chẳng thấy mà nói thấy nghĩa là những thứ nhận được và hiểu biết của nhĩ thức mà che giấu ý tưởng đó, sự nhận hiểu thấy biết đó, sự thật đó, rồi nói tôi chẳng thấy. Như thế gọi là thấy mà nói không thấy. Người ấy hoặc với chính mình, hoặc vì người khác, hoặc vì tiền của quyền lợi, nên dù biết đúng biết rõ nhưng lại cứ nói dối.

Trong này nói về việc người do vì mình mà nói dối nghĩa là: Như có một người vừa trộm cướp và bị bắt giải lên vua. Vua đích thân tra hỏi này giả kia! Chính nhà người trộm cướp vật này phải không? Người ấy thâm nghĩ nếu cứ thừa thật thì lỡ vua giận dữ phạt tội nặng thêm như đánh đập cùm trói hoặc đuổi ra khỏi nước, hoặc tịch thu tất cả tài sản, hoặc giết chết luôn thì sao? Do đó ta phải tự giấu, giấu tất cả, chôn chặt, chối phăng tất cả và nhất định là phải nói dối mới mong thoát được tai họa, hình phạt. Nghĩ thế rồi, liền tâu cùng vua: “Thật tình tôi không hề trộm cắp vật đó, mong bệ hạ sáng suốt thấu soi, tôi thật không phải kẻ trộm”. Đó là nói dối vì chính mình.

Hoặc vì người khác mà nói dối: Như có một người bạn của mình là kẻ trộm cắp (giặc cướp) bị bắt giải lên vua. Vua đích thân tra hỏi nhưng không tìm ra sự thật. Muốn có chứng cứ đầy đủ rõ ràng nên sai người gọi đến hỏi: Bạn nhà người có phải là tên giặc cướp chăng? Người này nghĩ thâm rằng: Nếu ta nói thật thì nhà vua sẽ nổi giận, sẽ khiến bạn ta gặp phải hình phạt nặng nề, hoặc bị đánh đập bắt giữ, trói cột, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc bị tịch thu sản nghiệp, có khi còn bị giết chết là khác. Nay ta hãy vì bạn ta mà giấu giếm chôn chặt, chối phăng tất cả..., cần phải nói dối mới mong thoát được hình phạt. Nghĩ rồi liền tâu vua: Mong bệ hạ sáng suốt chiếu soi, bạn tôi không phải là tên giặc cướp, anh ấy không lấy của cải tiền bạc này. Như vậy là nói dối vì người khác.

Hoặc vì tiền của quyền lợi mà nói dối, như có một người lòng đầy tham dục, tự nghĩ: Ta phải bày đặt ra những mảnh khóc nói dối gạt để làm phương cách vơ vét mà hưởng thọ, biết bao nhiêu thứ hấp dẫn của sắc, thanh, hương, vị, xúc nào là y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc men và vô số tiền của vật dụng khác... Nghĩ rồi liền ra sức tìm kiếm. Lý do đó mà cố tình nói dối. Đó là vì tiền của quyền lợi mà nói dối.

Biết rõ, biết đúng mà nói dối, là xét đoán quyết định xong thì cứ nói hoài nói mãi, cách nói đó là chỉ rõ nói dối. Đó là biết đúng mà nói dối chẳng lia bỏ nói dối, nghĩa là đối với tâm ác độc, tâm chẳng thiện khi khởi lên các việc làm ác chẳng thiện sẽ bị sự nói dối chi phối điều khiển, thế mà chẳng chịu lia bỏ tiêu trừ, chẳng ghê tởm chán ghét, chẳng chịu ngồi nghĩ dừng làm. Cứ như thế mà nói, nói ngậm nga bình luận, tiếng nói, sự bày tỏ bằng lời nói (ngữ lộ), nghiệp của lời nói, biểu thị của lời nói v.v..., đó là hạnh xấu ác của lời nói.

- Thế nào cái xấu của lời nói ly gián?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: “Các thầy Bì-sô nên biết! Kẻ nói

lời ly gián, tức là đem lời nói của người này đến nói với người kia, đem lời nói của người kia đến nói với người này để phá hoại cả hai bên. Nếu hai bên đang thuận thảo hòa hợp nhau thì khiến họ chửi nhau, xa lìa nhau. Khi đã trái lìa nhau thì khiến họ phải vĩnh viễn cách biệt nhau. Nhiều kẻ ham thích sự ly gián, nói lời ly gián, chẳng bao giờ bỏ dứt lời ly gián”.

Trên đây là nói kẻ nói lời ly gián, nghĩa là chẳng lìa bỏ, chẳng chịu tìm cách tiêu diệt lời ly gián, chẳng chán ghét kinh tởm lời ly gián, luôn sống trong sự ly gián và hoàn thành tuyệt hảo nghệ thuật ly gián. Đó gọi là kẻ nói lời ly gián.

Nghe lời người này đến nói với người kia là để phá hoại người này, nghĩa là nghe lời nói nào của người này có ý phá hoại, có ý không chắc (nói chơi), có ý vô tình không dè dặt, có ý không vui v.v..., liền đem nói với người kia. Khi nghe được những lời đó rồi thì đâm ra nghịch thù phản nhau. Đó là nghe lời người này đến nói với người kia là để phá hoại người này.

Còn nghe lời người kia đến nói với người này là để phá hoại người kia, nghĩa là nghe người kia nói có những lời nào có ý hợp với sự phá hoại, hợp với sự không chắc, không e dè giữ ý tứ, có ý không vui liền đem nói với người này, khiến người này nghe rồi thì đâm ra nghịch thù phản nhau. Đó là nghe lời người kia đến nói với người này là để hại người kia.

Nếu hai bên đang thuận thảo hòa hợp nhau thì khiến họ trái xa nhau, nghĩa là hai bên đang hòa thuận vui vẻ, mến thích không tranh cãi nhau thì cứ tới lui cả hai bên rồi tìm đủ mọi cách phá hại khiến họ trái nghịch thù ghét nhau vậy.

Khi đã trái nghịch nhau rồi thì khiến họ lìa nhau vĩnh viễn, nghĩa là khi hai bên đã trái nghịch nhau thì cứ tới lui cả hai bên rồi bảo nhau rằng: Mấy ông nghịch nhau, xa nhau mà càng tốt đấy! Vì sao như vậy? Vì các ông càng ngày càng chê bai chống báng nhau thì khi nói ra còn ai tin được nữa, rồi ngăn cản việc học hành nghe pháp, hao tổn mất mát trí tuệ... Cho nên thà là xa nhau luôn đi càng tốt. Thế là hai bên trái nghịch xa lìa nhau vĩnh viễn.

Ưa thích sự ly gián, nghĩa là khi thấy hai bên đã trái nghịch xa nhau rồi lại càng thích thú khoái chí, cho nên không bao giờ chán ghét, không bao giờ lìa bỏ sự ly gián cả.

Nói lời ly gián, nghĩa là luôn luôn giảng giải, trình bày, chỉ bảo, đề cao lời nói ly gián.

Chẳng lia bỏ lời ly gián, nghĩa là tâm ác độc, tâm chẳng thiện, luôn quái ác, khi khởi lên các hạnh nghiệp độc ác chẳng thiện thì nó thấu gồm cả lời nói ly gián. Thế mà chẳng bao giờ lia bỏ đoạn trừ chán ghét ghê tởm và ngưng nghỉ lời nói ly gián. Cứ thế mà nói năng, ngâm nga, bình luận phát âm (ngữ âm) bày tỏ lời nói, hoạt động nói năng (ngữ nghiệp) biểu thị của lời nói... Đó là hạnh xấu của lời ly gián.

- Thế nào là cái xấu của lời dữ, thô tục?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: “Các thầy Bí-sô nên biết! Có người nói lời dữ thô tục là khi người này phát biểu nói năng thì sẽ gây bao nhiêu buồn rầu ray rứt thối mắc, khiến người khác phải đắng cay đau khổ giận hờn. Với những lời nói ấy không ai có thể yêu mến thích thú vui vẻ mừng rỡ được mà khiến tâm hồn phải quay cuồng điên loạn, làm chướng ngại sự tu trì giải thoát. Luôn luôn nói lời hung dữ cộc cằn thô tục chẳng hề chữa bỏ”.

Trong này nói về lời nói dữ thô tục đó, có nghĩa là không hề lia bỏ lời nói dữ dẫn thô tục, không tìm cách diệt trừ, không hề chán ghét ghê tởm, luôn luôn sống trong lời nói dữ thô bạo và hoàn thành cách thức sử dụng lời lẽ dữ thô bạo. Nên gọi đó là nói lời dữ thô tục.

Khi người này phát ngôn thì gây bao nhiêu buồn khổ, nghĩa là những lời nói ra rất hung dữ thô tục. Còn gây ray rứt thối mắc cưỡng ép nghĩa là lời nói ra chẳng linh hoạt dịu dàng êm ái cũng không thuận hợp cùng ai.

Khiến người khác phải đắng cay, nghĩa là lời nói ra khiến kẻ nghe không có lợi ích vui vẻ chi.

Khiến người khác phải giận hờn, nghĩa là lời nói ra trước hết khiến mình phải giận hờn sâu não lo âu mà cũng khiến người khác tức giận.

Không ai (chúng sinh) có thể yêu mến thích thú vui vẻ mừng rỡ. Nghĩa là lời nói ra khiến nhiều người đều không yêu mến thích thú vui vẻ mừng rỡ.

Khiến tâm hồn luôn quay cuồng bán loạn, làm chướng ngại sự tu trì giải thoát, nghĩa là những lời nói ra khiến tâm hồn xáo động bán loạn buồn lo đen tối không được an ổn yên tĩnh, nên gọi là làm chướng ngại sự tu trì giải thoát.

Luôn nói lời dữ dẫn thô bạo, nghĩa là thường xuyên diễn giải trình bày, chỉ bảo đề cao lời nói dữ dẫn thô bạo.

Chẳng lia bỏ lời hung ác cộc cằn, nghĩa là tâm ác độc, tâm chẳng thiện, khi khởi lên các hạnh nghiệp (hành động) độc ác chẳng thiện thì nó gồm cả lời nói hung ác cộc cằn. Thế mà chẳng chịu lia bỏ, đoạn trừ,

chán ghét ghê tởm và ngưng nghỉ lời nói ác độc thô bạo. Cứ thế mà nói năng, ngâm nga, bình luận, phát âm bày tỏ lời nói, sinh hoạt nói năng (ngữ nghiệp) và biểu thị lời nói. Đó là cái xấu của lời nói ác độc thô bạo lỗi lầm.

- Thế nào là cái xấu của lời nói cấu ứ lộn xộn?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: “Các thầy Bí-sô nên biết! Việc nói lời cấu ứ tạp nhạp, tức là nói không đúng lúc, không đúng sự thực chân chánh. Lời nói vô bổ không có giáo pháp, không nghĩa lý, lời nói không tịch tĩnh. Nói không có thí dụ, không giải thích đầy đủ, không tương ứng, không cùng loại gần nhau, lộn xộn lung tung không có phép tắc giáo pháp thứ tự dẫn đến sự vô nghĩa trái lý. Luôn luôn nói lời cấu ứ lỗi lầm lộn xộn, chẳng hề lia bỏ”.

Trong này nói về lời nói cấu ứ lầm lỗi lộn xộn, có nghĩa là không chịu lia bỏ lời cấu ứ lầm lỗi lộn xộn, không tìm cách đoạn trừ, không hề chán ghét ghê tởm, luôn sống trong cảnh nói lời cấu ứ lầm lẫn lộn xộn, thành tựu một cách tuyệt hảo nghệ thuật nói lời cấu ứ lầm lẫn lộn xộn... Nên gọi đó là lời nói cấu ứ lầm lẫn lộn xộn.

Nói không đúng lúc (phi thời), nghĩa là lời nói trái thời chẳng phải lúc, không đúng tiết mục, phân đoạn của nó.

Lời nói không thực, là lời nói ra không thành thực, không đúng sự thực.

Lời nói không chân chánh, là lời nói ra hư vọng, luôn đổi khác.

Lời nói vô bổ không có giáo pháp, vô nghĩa lý, là lời nói ra được trình bày tuyên nói, chỉ bày mở rộng giảng giải toàn là những việc không đúng giáo pháp chân chánh. Lời nói này cũng là vô nghĩa lý, không bổ ích..., dù được trình bày mở rộng tuyên nói đầy đủ...

Lời nói không vắng lặng, là những điều nói ra không hề dùng trí tuệ để suy xét kỹ càng trước rồi căn cứ vào đó mà nói.

Lời nói không thanh tịnh, là nói nhiều nói mãi, hết ra lệnh chỉ bảo việc này đến bàn luận huyền thuyên việc khác, lộn xộn tạp nhạp vô ích.

Những điều nói ra đều không có thí dụ, không giải thích kỹ lưỡng rõ ràng, đầy đủ.

Lời nói ra không tương ứng, là nghĩa chẳng ứng hợp với văn, không tương ứng với nghĩa.

Lời nói không gần nhau, là lời nói trước sau không liên tục, ý nghĩa khác nhau hoặc trái nhau.

Lời nói lộn xộn lung tung, là lời nói bất nhất, khi thì nói thế này,

lúc thì nói thế khác không nhất định. Nếu lời nói thuần nhất không thay đổi thì không gọi là lời lộn xộn lung tung.

Lời nói vô bổ không có giáo pháp, là lời nói vượt ra ngoài các pháp Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma.

Lời nói dẫn đến việc vô nghĩa, là lời nói dẫn đến vô số những việc không có lợi ích, không cần thiết.

Nói lời lầm lỗi cấu ứ lộn xộn, tức là nói nhiều lần, giảng giải chỉ bày toàn là những lời lẽ lộn xộn lầm lỗi cấu ứ.

Không lia bỏ lời nói tạp ứ (lầm lỗi cấu ứ lộn xộn): Nghĩa là khi tâm độc ác chẳng tốt lành khởi lên, thì bao nhiêu hạnh xấu ác chẳng thiện gồm cả lời nói cấu ứ lầm lỗi lộn xộn, nhưng chẳng chịu xa lìa từ bỏ, chẳng tìm cách diệt trừ, không chán chê ghê tởm hay dừng lại dừng nói nữa... Cứ như thế mà nói năng ngâm nga bình luận phát ra tiếng ra lời, phô bày biểu thị, hoạt động nói năng (ngữ nghiệp). Nên gọi là cái xấu của lời cấu ứ lộn xộn.

Bốn thứ lời nói tốt đẹp: Tức là không nói dối, không nói lời ly gián, không nói lời dữ dằn thô bạo và không nói lời lỗi lầm lộn xộn cấu ứ.

1. Thế nào là hạnh tốt lành khi lia bỏ lời nói dối?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: “Các thầy Bí-sô nên biết! Cần (có việc) phải đoạn trừ và lia bỏ hẳn sự nói dối. Phải nói đúng thật (đế ngữ), phải nói những lời nói vui vẻ, thành thực đáng tin cậy, có bảo đảm và không gây sự hiểu lầm tranh cãi trên cuộc đời này. Như thế là không nói dối”.

Trong này nói về đoạn trừ và lia bỏ nói dối. Có nghĩa là đoạn dứt sự nói dối, lia bỏ hẳn, chán ghét ghê tởm an trụ trong chỗ không nói dối, không bao giờ cố ý thành tựu việc nói dối. Đó gọi là đoạn trừ lia bỏ sự nói dối.

Nói lời đúng thực (đế ngữ), tức là lời nói đúng thực không phải là chẳng đúng thực, chân chánh thành thực và đều chân chánh thành thực. Chẳng hư vọng, dời đổi khác lạ thì gọi là lời nói đúng thực.

Lời nói vui vẻ thành thực, đáng tin cậy, có bảo đảm, không gây hiểu lầm tranh cãi ở thế gian này. Có nghĩa là do nói lời đúng thực mà hoặc là chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn hoặc các hàng trời, người, chúng sinh khác đều tin cậy, hoàn toàn sống trong cảnh thuận hòa không hề tranh cãi. Những lời như thế, tức là luôn luôn tuyên bố nói năng, diễn giảng chỉ dẫn trình bày không hề dối trá.

Lìa bỏ sự nói dối, nghĩa là đối với các thiện tâm và tâm điều hòa

êm ái dịu dàng khi khởi lên thì gồm nhiếp cả sự lìa bỏ sự nói dối, không còn phải lo đến việc lìa bỏ, đoạn trừ, chán ghét, ghê tởm hay chẳng dừng nghĩ sự nói dối. Cứ như thế mà nói năng, ngâm nga bình luận, phát âm, phát biểu, trình bày và hoạt động về ngữ nghiệp..., thế nên gọi là không nói dối (lìa bỏ sự nói dối).

2. Thế nào là hạnh tốt lành không nói lời ly gián?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: “Các thầy Bì-sô nên biết! Có việc đoạn trừ và lìa bỏ hẳn sự nói lời ly gián, là vì không muốn phá hại ai. Nên chẳng nghe lời người này mà đến nói với người kia, hay nghe lời người kia mà đến nói với người này. Trái lại nếu ai đã trái nghịch nhau thì đến tìm cách giúp cho hai bên được hòa hợp. Còn ai đã hòa thuận hảo hợp rồi thì càng khiến cho thêm bền chắc. Khi nói những lời vui vẻ mến thích thương yêu hòa thuận nhau thì đó là lìa bỏ sự nói lời ly gián”.

Trong này nói về việc đoạn trừ, lìa bỏ nói lời ly gián..., nghĩa là phải diệt trừ, lìa bỏ, chán ghét ghê tởm, không sống trong môi trường của sự ly gián, cũng như không bao giờ tạo thành cách thức ly gián. Thế nên gọi là đoạn trừ, lìa bỏ sự nói ly gián.

Chẳng muốn phá hoại ai, nghĩa là chỉ muốn có sự hòa hợp, nên chẳng nghe lời người này rồi đến nói với người kia.

Vì không muốn phá hại người này, nghĩa là nghe người này nói những điều gì hợp với ý phá hại hoặc lời không chắc chắn hợp ý, không e dè giữ ý tứ, có ý không vui..., thì chẳng nên nói với người kia, đừng để cho người ấy nghe rồi liền nhân đó mà nghịch thù phản nhau. Đó là chẳng nghe lời người này mà đem nói với người kia. Vì không phá hại người này nên chẳng nghe lời người kia đem nói với người này.

Vì không phá hại người kia, có nghĩa là khi nghe lời người kia nói có những ý gì hợp với sự phá hại, hợp với sự không chắc, hợp với sự không e dè đặt ý tứ, hợp với sự không vui..., rồi tránh không đem nói cho người này. Chớ nên để người này nghe rồi liền nhân đó mà nghịch thù phản nhau. Đó gọi là không nghe lời người kia mà đem nói với người này.

Vì để phá trừ việc khiến hai bên thù nghịch không hòa thuận cùng nhau, là qua lại hai bên đang thù nghịch nhau và tìm mọi phương cách giúp họ hiểu biết thông cảm cùng nhau để đi đến sự hòa hợp thuận thảo, thương yêu vui vẻ với nhau. Khi ai đã vui vẻ hòa thuận nhau rồi thì khiến họ càng thêm khăng khít bền chặt mãi, nghĩa là qua lại hai bên liên hệ với nhau khiến họ vui vẻ yêu mến không tranh cãi nhau. Thí như

bảo: Quý hóa vô cùng, nếu quý vị đã thuận hòa vui vẻ hiểu nhau không còn tranh cãi... Vì sao? Nếu các vị luôn thấy được và khen ngợi sự đẹp đẽ sở trường của nhau thì sự nói năng thuyết giảng sẽ càng đầy đủ hoàn hảo, lòng tin tưởng của mọi người càng thêm thanh tịnh, và sự trì giới đa văn (học), hạnh bố thí (buông xả) và trí tuệ sẽ phát triển tốt, do đó không có gì để trái nhau, tranh cãi nhau thế là quá hay! Cả hai bên nghe xong thì cùng trở nên hòa hợp thuận thảo vui vẻ không còn tranh cãi nhau nữa. Thế nên nói đã hòa thuận khiến thêm bền chặt.

Mến yêu vui vẻ hòa hợp nhau, là hai bên hòa thuận vui vẻ không tranh cãi lại càng thêm thương mến khăng khít vui vẻ hơn, không hề chán, không hề rời nhau.

Nói những lời như thế, là trong mọi lúc nói năng diễn giảng chỉ bày đều không hề đưng đến lời ly gián. Lìa bỏ hẳn lời ly gián nghĩa là tâm lúc nào cũng điều hòa thuận hợp dịu dàng nhu hòa. Các hạnh thiện dịu dàng nhu hòa đều lìa bỏ lời nói ly gián, cho nên không cần phải để ý đến việc lìa bỏ, đoạn trừ, chán ghét ghê tởm và phải dừng nghỉ dừng nói lời ly gián. Cứ như thế mà nói năng ca ngâm bình luận, phát âm, lên tiếng biểu lộ, chỉ bày và hoạt động về ngữ nghiệp. Cho nên gọi là hạnh tốt lành của lời nói không ly gián.

3. Thế nào là hạnh tốt lành của sự không nói hung bạo thô ác?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: “Các thầy Bí-sô nên biết! Có người đoạn trừ, lìa bỏ hẳn lời nói hung bạo thô ác, là khi người ấy lên tiếng, phát ngôn thì không có lỗi lầm mà lại vui tai mát lòng với tất cả các điều cao siêu hay ho và đẹp đẽ rõ ràng sáng sủa, dễ hiểu, thích nghe, dễ nhớ, đáng quý chuộng, không vướng mắc và tất cả ai cũng yêu mến, hân hoan, mừng rỡ..., cho nên tâm không bị loạn động, rất thuận lợi cho việc tu trì..., hãy nên nói những lời lìa bỏ sự thô bạo hung ác như thế”.

Trong này khi nói: Có người đoạn trừ, lìa bỏ hẳn lời nói thô bạo hung ác, thì có nghĩa là phải lìa bỏ hẳn đoạn trừ, chán ghét ghê tởm, không sống trong môi trường và hoàn thành tuyệt diệu nghệ thuật về lời nói hung bạo dữ dằn.

Người đó khi lên tiếng thì không lỗi lầm, là những lời nói ra không khúc mắc cong queo dơ bẩn, xấu xa, cũng không ngang tàng cương ngạnh, nên gọi là không lầm lỗi.

Vui tai, tức là những lời nói ra khiến người nghe được nhiều lợi ích an lạc.

Mát lòng, tức là những lời nói ra khiến tâm trí được thoát khỏi tất cả mọi trói buộc che lấp của tùy phiền não và trụ vào an ổn, yên tịnh.

Cao siêu, tức là lời nói như thành quách cung điện. Người ở trong cung thành (chốn kinh đô) nói ra thì có giá trị cao quý hơn, đặc biệt hơn lời nói của những người trong các thành ấp khác. Lìa bỏ lời nói hung bạo dữ dằn cũng thế. Nghĩa là nó cao quý giá trị đặc biệt hơn các lời nói khác.

Lời nói hay đẹp, tức là lời nói không sơ sài, thưa thớt hoặc quá chằng chịt rắc rối, không quá sâu kín cũng không lắm lộ liễu.

Lời nói rõ ràng sáng sủa, là lời nói không quá hấp tấp vội vàng, cũng không ậm à dai nhách.

Lời nói dễ hiểu, tức là lời nói giản dị dễ hiểu dễ nhớ.

Lời nói thích nghe, tức là lời nói ôn tồn dịu dàng, lưu loát hấp dẫn lôi cuốn điều hòa hợp lý.

Lời nói đáng chuộng, tức là lời nói đáng quý chuộng cúng dường.

Lời nói không có ý định, tức là lời nói ra không mang cầu danh lợi.

Tất cả ai cũng mến thích mừng vui, là khi nói ra thì khiến đông đảo người nghe đều mừng vui mến thích.

Lời nói khiến tâm trí không xao động, là lời nói ra khiến tâm luôn được yên tịnh, không xao động lăng xăng cũng không buồn lo phiền giận (trước).

Lời nói thuận lời cho việc tu trì, là khi lời nói ra thì người nghe xong tâm trí luôn được yên tịnh không còn bị xao động lăng xăng, cũng không buồn lo phiền giận.

Cứ như thế mà nói năng, tức là trong mọi lúc nói năng, diễn giảng hướng dẫn chỉ bày đều không bao giờ dùng lời dữ dằn thô bạo.

Lìa bỏ lời dữ dằn thô bạo, nghĩa là khi khởi các tâm thiện, tâm ôn tồn hiền dịu thì bao gồm cả cách nói năng không có lời dữ dằn thô bạo, lại khéo léo dịu dàng. Vì đã lìa bỏ lời thô bạo dữ dằn nên chẳng cần phải để ý đến việc phải lìa bỏ đoạn trừ chán ghét ghê tởm và chấm dứt..., lời nói thô bạo dữ dằn. Cứ như thế mà nói năng, ngâm nga bình luận phát âm lên tiếng, biểu lộ trình bày và các hoạt động về ngữ nghiệp... Thế nên gọi đó là hạnh tốt lành của không nói lời dữ dằn thô bạo.

4. Thế nào là hạnh tốt lành không nói lời lỗi lầm cấu ố lộn xộn?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: “Các thầy Bì-sô nên biết! Có người lìa bỏ, đoạn trừ lời nói lỗi lầm, cấu ố lộn xộn. Nghĩa là khi người đó nói là nói thành thật chân chánh, lời nói có giáo pháp có nghĩa lý, có vắng lặng có yên đẹp, có thí dụ có giải thích, có ứng hợp tương ứng và gần gũi giống nhau, không lẫn lộn, xao động mà có phép tắc dẫn đến nghĩa

lý tốt lành. Đó là lia bỏ lời nói lỗi lầm, cấu uế lộn xộn”.

Trong này nói về có người lia bỏ, đoạn trừ lời nói lỗi lầm, cấu uế lộn xộn, có nghĩa là phải lia bỏ đoạn trừ, chán ghét ghê tởm và không có ý thành tựu tuyệt diệu nghệ thuật nói lời lỗi lầm, cấu uế lộn xộn.

Người ấy nói đúng lúc, nghĩa là nói đúng lúc, không trái thời mà đúng thời tiết có phần đoạn nhiều ít nhanh chậm...

Nói lời thành thật, tức là lời nói ra đúng sự thật lia bỏ lời không thật. Lời nói chân chánh, thành thật tức là không hư vọng trống rỗng, không biến dời khác lạ.

Lời nói có giáo pháp (đúng pháp), là lời nói ra khi trình bày, diễn giảng chỉ bảo mở rộng..., toàn là đúng theo chánh pháp.

Lời nói có nghĩa lý, tức là lời nói ra khi diễn giảng trình bày chỉ bảo, mở rộng..., thuần là những điều có nghĩa lý bổ ích.

Lời vắng lặng (tịch) là lời nói ra nhắc nhở những người trí trước hết phải suy nghĩ cặn kẽ rồi mới nói chớ không hờ hững nói càn.

Lời nói yên đẹp, là lời nói vắng tắt hàm xúc, không nói huyền thuyên, chỉ bảo bày vẽ lộn xộn nhiều chuyện.

Lời nói có thí dụ có giải thích, tức là có so sánh thí dụ, và có giải thích những chỗ khó hiểu hay dễ làm.

Lời nói có tương ứng, là lời nói ra có nghĩa hợp với văn, tương ứng với nghĩa.

Lời nói gần nhau, tức là lời nói tiếp nối liên tục, nhất quán có ý nghĩa không khác nhau.

Lời nói không lẫn lộn, nghĩa là lời nói ra toàn thuần nhất, cố định không lẫn lộn. Nếu những lời nói ra bất nhất, khi thế này khi thế khác không cố định thuần nhất thì gọi là lời nói rối loạn.

Lời nói có giáo pháp (đúng pháp) nghĩa là lời nói không vượt ra ngoài các pháp Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da và A-tỳ-đạt-ma...

Lời nói có nghĩa lý, tức là lời nói dẫn đến những việc có ý nghĩa lợi ích cần thiết.

Cứ như thế mà nói, nghĩa là trong mọi lúc nói năng diễn giảng, hướng dẫn chỉ bày đều không bao giờ dùng lời lỗi lầm cấu uế lộn xộn.

Khi đã xa lìa loại lời nói đó rồi thì tâm thiện, tâm ôn tồn dịu dàng khởi lên, tất sẽ khéo léo thực hành sự dịu dàng ôn tồn êm ái và lia hẳn lời nói lỗi lầm cấu uế lộn xộn. Cho nên không cần phải lia bỏ, không phải đoạn trừ, không phải chán ghét ghê tởm, không phải chấm dứt..., không nói lời lỗi lầm cấu uế lộn xộn. Cứ như thế mà nói năng ngâm nga bình luận phát âm lên tiếng biểu lộ, chỉ thị và hoạt động về ngữ

nghiệp... Thế nên gọi là hạnh tốt lành không nói lời lầm lỗi cấu uế lộn xộn.

Bốn lời không phải Thánh nói:

1. Chẳng thấy mà nói thấy
2. Chẳng nghe mà nói nghe
3. Chẳng hiểu mà nói hiểu
4. Chẳng biết mà nói biết.

- Thế nào là không phải lời Thánh nói: Chẳng thấy mà nói thấy?

Đáp: Khi nhãn thức có thấu nhận có hiểu biết việc gì đó thì gọi là “Có thấy”. Nhưng có khi đang thật có nhãn thức đó mà lại không thấu nhận được gì, chưa hiểu biết được gì, rồi lại che giấu ý nghĩ đó cùng những cái nhận đó, cái thấy đó, sự thực đó..., mà nói: “Tôi đã thấy”. Đó gọi là không thấy mà nói thấy, thì chẳng phải là lời Thánh nói. Nhưng nếu khi đã có thật thấy rồi mà khởi ý nghĩ là chẳng có thấy và che giấu ý tưởng đó, cái nhận đó, cái thấy đó, sự thật đó mà nói “Tôi đã thấy”. Thì ở trường hợp này tuy gọi là chẳng phải lời Thánh nói, nhưng không gọi là chẳng thấy mà nói thấy, vì thật sự người đó đã có thấy rồi.

- Thế nào là không phải lời Thánh nói: Không nghe mà nói nghe?

Đáp: Khi nhĩ thức có thấu nhận có hiểu biết việc gì đó thì gọi là có nghe. Nhưng có khi đang thật có nhĩ thức đó mà lại không thấu nhận không hiểu biết được gì, rồi lại che giấu cái ý nghĩ đó và những cái nhận thức đó, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói tôi đã nghe. Đó gọi là chẳng phải lời Thánh nói. Không nghe mà nói là nghe. Nhưng nếu khi đã có thật nghe rồi mà khởi ý nghĩ là chẳng có nghe và che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức đó cái thấy biết về sự việc đó. Như thế tuy gọi là không phải Thánh nói, nhưng lại không gọi là không nghe mà nói là nghe, vì thật sự người đó đã có nghe rồi.

- Thế nào là không phải lời Thánh nói: Chẳng hiểu mà nói hiểu?

Đáp: Khi ba thức có thấu nhận có hiểu biết thì gọi là có biết. Nhưng có khi đang thật có ba thức mà lại không thấu nhận không hiểu biết được gì, rồi lại che giấu cái ý nghĩ đó và cái nhận thức đó, cái thấy biết đó, sự thật đó. Như thế gọi là chẳng phải Thánh nói, không hiểu mà nói là hiểu, rồi che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức đó, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói là ta đã biết. Như thế tuy gọi là không phải là Thánh nói, nhưng cũng chẳng gọi là chẳng biết mà nói biết, vì người đó thật ra đã biết rồi.

- Thế nào là không phải lời Thánh nói: Không biết mà nói là

biết?

Đáp: Khi ý thức có thấu nhận, có hiểu biết thì nói là có biết. Nhưng có khi đang thật có ý thức đó mà lại không thấu nhận không hiểu biết chi cả, rồi lại che giấu cái ý nghĩ đó, cái nhận thức đó, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói: “Tôi đã biết”. Như thế chẳng phải lời Thánh nói: Không biết mà nói là biết. Còn khi thật có biết rồi, nhưng lại khởi cái tưởng chẳng biết, rồi che giấu cái ý tưởng đó, cái nhận thức đó, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói tôi đã biết. Như thế tuy gọi không phải là Thánh nói, nhưng cũng chẳng gọi là không biết mà nói là biết, vì thật ra người ấy đã biết rồi.

Bốn lời Thánh nói: Không thấy nói là không thấy, không nghe nói là không nghe, không hiểu nói là không hiểu, không biết nói là không biết.

1. Thế nào là không thấy nói là không thấy, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi nhãn thức có thấu nhận có hiểu biết thì gọi là “Có thấy”. Nhưng có khi có nhãn thức đó mà lại chẳng thấu nhận hiểu biết chi. Người này chẳng giấu giếm ý tưởng đó, cái nhận thức đó, cái thấy biết đó, sự thật đó... mà nói là “Tôi không thấy”, thì đó là không thấy nói là không thấy, là lời Thánh nói. Nhưng khi đã thật có thấy rồi, và lại khởi cái tưởng chẳng thấy, thì người này cũng không giấu giếm ý nghĩ đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói tôi chẳng thấy. Như thế tuy gọi là lời Thánh nói, mà cũng không gọi là không thấy mà nói không thấy, vì người đó đã thật có thấy rồi.

2. Thế nào là chẳng nghe nói là chẳng nghe, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi nhĩ thức có thấu nhận và hiểu biết thì nói là có nghe. Nhưng có khi thật có nhĩ thức nhưng chẳng thấu nhận hiểu biết chi. Người ấy chẳng che giấu ý tưởng này, cái nhận thức này, cái thấy này, sự thật này mà nói “Tôi chẳng nghe”, như thế là không nghe thì nói không nghe, là lời Thánh nói. Nhưng có khi đã thật có nghe nhưng lại khởi ý tưởng (nghĩ) mình chẳng nghe thấy chi. Người này cũng chẳng hề che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói là tôi chẳng thấy nghe chi. Như thế tuy gọi là lời Thánh nói, nhưng không gọi là chẳng nghe mà nói chẳng nghe, vì thật ra anh ta đã có nghe thấy rồi.

3. Thế nào là chẳng hiểu nói là chẳng hiểu, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi ba thức thấu nhận hiểu biết thì gọi là có hiểu. Nhưng có khi đầy đủ cả ba thức mà chẳng thấu nhận hiểu biết chi. Người này cũng chẳng che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó

mà nói “Tôi chẳng hiểu gì cả”. Như thế gọi là chẳng hiểu nói là chẳng hiểu, là lời Thánh nói. Nhưng có khi lại thật có biết rồi lại nghĩ không biết, nhưng người này không hề giấu giếm ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói tôi chẳng hiểu biết chi cả. Như thế tuy nói là lời Thánh nói, nhưng không gọi là chẳng hiểu mà nói là chẳng hiểu, vì thật ra anh ấy đã thật có hiểu rồi.

4. Thế nào là chẳng biết nói là chẳng biết, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi ý thức có thấu nhận và hiểu biết thì nói là “có biết”. Nhưng có khi dù có ý thức nhưng lại không có thấu nhận hiểu biết chi. Người này cũng chẳng che giấu, ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thực đó mà nói: “Tôi không hiểu biết chi cả”. Như thế thì nói chẳng biết nói là chẳng biết, là lời Thánh nói. Nhưng có khi lại thật có biết rồi, nhưng lại nghĩ không biết. Và người này cũng chẳng che giấu cái ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thực đó, và nói: “Tôi chẳng thấy biết chi cả”. Như thế thì tuy nói là lời Thánh nói, nhưng không gọi là chẳng biết nói chẳng biết, vì người này thật ra đã có biết rồi.

Lại có bốn thứ chẳng phải lời Thánh nói: Đó là thấy nói không thấy. Nghe nói không nghe. Hiểu nói không hiểu. Biết nói không biết.

1. Thế nào là chẳng phải lời Thánh nói: Thấy nói không thấy?

Đáp: Khi nhãn thức có thấu nhận hiểu biết thì nói là “Có thấy”. Nhưng có khi có nhãn thức thật sự thấu nhận hiểu biết nhưng lại che giấu ý tưởng này, cái nhãn này, cái thấy biết này, sự thật này mà nói: “Tôi chẳng thấy”. Như thế gọi là chẳng phải lời Thánh nói, thấy nói chẳng thấy. Nhưng lại có khi thật chẳng thấy mà lại nghĩ là có thấy. Người này không che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói là “Tôi chẳng thấy chi cả”. Như thế, tuy nói chẳng phải lời Thánh nói, nhưng chẳng gọi là thấy mà nói không thấy, vì thật ra anh ta chẳng thấy chi cả.

2. Thế nào là nghe nói không nghe, chẳng phải lời Thánh nói?

Đáp: Khi nhĩ thức có thấu nhận và hiểu biết thì gọi là có nghe. Nhưng có khi thật có nhĩ thức có thấu nhận hiểu biết, mà lại che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó, và nói là “Tôi chẳng nghe thấy chi cả”. Như thế thì gọi là nghe mà nói là không nghe, mà lại nghĩ là không nghe. Người này không che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thực đó và nói là “Tôi chẳng nghe thấy chi cả”. Như thế, tuy gọi chẳng phải lời Thánh nói, nhưng cũng chẳng nói là nghe mà nói chẳng nghe, vì thật sự người đó chẳng có nghe.

3. Thế nào là hiểu mà nói không hiểu, chẳng phải lời Thánh nói?

Đáp: Khi ba thức có thâm nhận và hiểu biết thì gọi là “Có hiểu”. Nhưng có khi thật có ba thức và lại đã có thâm nhận và hiểu biết, nhưng lại che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói “Tôi chẳng hiểu chi cả”. Như thế thì gọi là hiểu mà nói không hiểu, không phải là lời Thánh nói. Nhưng có khi thật chẳng hiểu chi mà lại tưởng là đã hiểu. Người này che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói: “Tôi chẳng hiểu chi cả”. Như thế, dù gọi là không phải lời Thánh nói, nhưng không thể gọi đó là hiểu mà nói là chẳng hiểu, vì thật ra anh ta chẳng hiểu chi cả.

4. Thế nào là biết mà nói chẳng biết, không phải lời Thánh nói?

Đáp: Khi ý thức có thâm nhận và hiểu biết thì nói là: “Có biết”. Nhưng có khi là thật có ý thức có thâm nhận và hiểu biết mà lại che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói: “Tôi chẳng biết chi cả”. Như thế là biết mà nói chẳng biết là không phải lời Thánh nói. Nhưng có khi thật chẳng biết chi mà lại có ý tưởng đã biết. Người này lại che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói: “Tôi chẳng biết chi cả”. Như thế tuy nói là chẳng phải lời Thánh nói, nhưng cũng không gọi là biết mà nói chẳng biết, vì người này thật sự chẳng biết chi cả.

Lại có bốn lời Thánh nói: Đó là thấy thì nói thấy, nghe thì nói nghe, hiểu thì nói hiểu và biết thì nói biết.

1. Thế nào là thấy thì nói thấy, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi nhãn thức có thâm nhận, có hiểu biết thì gọi là “Có thấy”. Nhưng có khi nhãn thức có thâm nhận và hiểu biết. Người này chẳng che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó..., mà nói: “Tôi đã có thấy”. Như thế là thấy thì nói là thấy, là lời Thánh nói. Nhưng có khi thật chẳng thấy mà lại có ý tưởng là đã thấy. Người này không che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó và nói là “Tôi đã thấy rồi”. Như thế, tuy nói là lời Thánh nói, nhưng không gọi là thấy thì nói thấy, vì anh ta thật ra chẳng thấy chi cả.

2. Thế nào là nghe thì nói nghe, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi nhĩ thức có thâm nhận và hiểu biết thì nói là “Có nghe”. Nhưng có khi nhĩ thức thật có thâm nhận và hiểu biết. Người này cũng chẳng che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó, và nói là “Tôi đã nghe rồi”. Như thế gọi là nghe thì nói nghe, là lời Thánh nói. Nhưng có khi thật chẳng có nghe chi mà tưởng là đã nghe. Người này cũng không che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy

biết đó, sự thật đó, và nói là “Tôi có nghe rồi”. Như thế tuy nói là lời Thánh nói, nhưng không thể gọi là nghe thì nói nghe. Vì người này thật ra chẳng nghe thấy chi cả.

3. Thế nào là hiểu thì nói hiểu, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi ba thức có thâm nhận và hiểu biết thì gọi là có hiểu. Nhưng có khi thật có ba thức thật có thâm nhận có hiểu biết và người ấy chẳng giấu giếm ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó mà nói: “Tôi đã hiểu”. Như thế thì gọi là hiểu thì nói hiểu, là lời Thánh nói. Nhưng có khi thật chẳng hiểu chi, mà tưởng là đã hiểu. Song người này cũng chẳng che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó, mà nói: “Tôi đã hiểu rồi”. Như thế thì tuy gọi là lời Thánh nói, nhưng không thể gọi là hiểu thì nói là hiểu, vì thật ra người này chẳng hiểu biết chi cả.

4. Thế nào là biết thì nói biết, là lời Thánh nói?

Đáp: Khi ý thức có thâm nhận và có hiểu biết thì gọi là có biết. Nhưng có khi ý thức thật có thâm nhận có hiểu biết, mà người này cũng chẳng che giấu ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó, mà nói là: “Tôi đã hiểu”. Như thế thì gọi là biết thì nói biết, là lời Thánh nói. Nhưng có khi thật chẳng biết chi, mà tưởng là biết. Song người này chẳng giấu giếm ý tưởng đó, cái nhận thức, cái thấy biết đó, sự thật đó, mà nói: “Tôi đã biết”. Như thế thì tuy gọi là lời Thánh nói, song chẳng thể bảo là biết thì nói biết, vì anh này thật ra chẳng hiểu biết chi cả.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 11

Phẩm 6: NĂM PHÁP, Phần 1

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo với đại chúng: Toàn thể các thầy nên biết, Đức Phật hiểu biết rõ ràng căn kẽ năm pháp. Khi đã thấu suốt rồi Ngài vì các hàng đệ tử mà dạy bảo chỉ bày, nay chúng ta cần phải hòa hợp mà kết tập lại, để sau khi Phật diệt độ rồi thì không có sự tranh cãi nhau. Do đó cũng nên tùy thuận cùng tuân giữ Phạm hạnh và các giới luật để có lợi ích lâu dài cho vô số chúng hữu tình. Hãy thương xót hàng trời, người ở thế gian này mà khiến họ hưởng nhận được nhiều lợi ích an lạc thù thắng.

Năm pháp là gì? Ở đây có hai bài tụng (Ốt-đà-nam) sẽ nói rõ.

Bài tụng (Ốt-đà-nam) thứ nhất nói:

*Một: Năm pháp có mười,
Là uẩn, thủ, diệu, dục,
Xan, thú, cái, tài, phước,
Năm kết phần trên dưới.*

Gồm có: Năm thứ uẩn, năm thứ thủ uẩn, năm thứ diệu dục, năm thứ keo kiệt, năm thứ thú (cõi - đường), năm thứ màn che, năm thứ tâm gieo trồng, năm thứ tâm trói buộc, năm thứ kết thuận phần dưới và năm thứ kết thuận phần trên.

Năm uẩn: Gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

1. Thế nào là sắc uẩn?

Đáp: Tức là các thứ sắc..., ở quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hay ngoài, thô hay tế, kém hay hơn, xa hay gần..., tất cả những thứ như thế tóm tắt gọi chung một khối là Sắc uẩn.

2. Thế nào là thọ uẩn?

Đáp: Tức là tất cả các thứ thọ nhận của các thời quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong hay ngoài, thô hay tế, kém hay hơn, xa hay gần..., tất cả những thứ như thế, tóm tắt gọi chung một khối là Thọ uẩn.

3. Thế nào là tướng uẩn?

Đáp: Tức là tất cả các thứ ý nghĩ (tướng), ở các thời quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc trong hay ngoài, thô hay tế, kém hay hơn, xa hay gần..., tất cả những thứ như thế tóm tắt gọi chung một khối là Tướng uẩn.

4. Thế nào là hành uẩn?

Đáp: Tức là tất cả các thứ hành, ở các thời quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc trong hay ngoài, thô hay tế, kém hay hơn, xa hay gần..., tất cả những thứ như thế tóm tắt gọi chung một khối là Hành uẩn.

5. Thế nào là thức uẩn?

Đáp: Tức là tất cả các thứ thức, ở các thời quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc trong hay ngoài, thô hay tế, kém hay hơn, xa hay gần..., tất cả những thứ như thế tóm tắt gọi chung một khối là Thức uẩn.

Trong này nói hết thủy sắc. Hết thủy các thứ sắc là gì? Hết thủy các thứ sắc đó là bốn đại: Đất, nước, lửa, gió và tất cả các thứ do chúng tạo ra. Đó là tất cả các thứ sắc.

Lại tất cả các thứ sắc còn có mười lĩnh vực của sắc, và sắc gồm thân do lĩnh vực của pháp. Vì thế gọi là tất cả các thứ sắc.

Về các thời quá khứ, vị lai và hiện tại.

Thế nào là sắc thời quá khứ? Nếu những sắc nào đã có (khởi) hay đã có cùng khởi, đã sinh hay sinh tất cả, đã chuyển đổi hay đang chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã tạ từ qua đi, đã biến mất hay chia lìa biến đổi, có tự tánh đã qua, giống loại quá khứ, tùy thuộc đời quá khứ... Đó gọi là sắc thời quá khứ.

Thế nào là sắc thời vị lai? Như các loại sắc chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa sinh tất cả, chưa chuyển đổi, chưa đang chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện. Thuộc tự tánh vị lai, giống loại vị lai, tùy thuộc đời vị lai... Đó gọi là sắc thời vị lai.

Thế nào là sắc thời hiện tại? Như các loại sắc đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã sinh tất cả, đã chuyển đổi, đang chuyển đổi, đang tụ tập, đang xuất hiện, trụ vào chỗ, hiện đang ra đi. Hiện đang diệt mất, hiện đang biến đổi và hòa hợp ngay trong hiện tiền, bản tánh hiện tại, giống loại hiện tại, thuộc đời hiện tại... Đó gọi là sắc thời hiện tại.

Hoặc trong hay ngoài. Thế nào là sắc trong? Nếu sắc ở chỗ nối tiếp liên tục đã được mà chẳng mất, thì đó gọi là sắc trong (nội sắc).

Sắc ngoài là thế nào? Nếu ở chỗ nối tiếp liên tục hoặc xưa vốn chưa được hoặc đã được nhưng lại mất đi, hoặc là nối tiếp nhau hoặc thuộc loại không có tinh thần tình cảm thì đó gọi là sắc ngoài (vô cơ).

Sắc hoặc thô hay tế là bày ra (thi thiết), về sắc thô, sắc tế là thế

nào? Tức là quán đãi (đối) đặt ra sắc thô và tế. Nó như thế nào? Nếu như quán đãi sắc không thấy mà có đối hay sắc có thấy, có đối, thì gọi đó là thô (to). Còn nếu quán đãi sắc có thấy có đối hay sắc không thấy mà có đối, thì đó là tế.

Hoặc quán đãi sắc không thấy không có đối, hay sắc không thấy mà có đối, thì gọi là thô. Còn nếu quán đãi sắc không thấy mà có đối hay sắc không thấy không có đối, thì gọi là tế.

Nếu quán đãi sắc của cõi Sắc thì sắc của cõi Dục là thô. Còn quán đãi sắc của cõi Dục, thì sắc của cõi Sắc là tế. Nếu quán đãi cái sắc không bị ràng buộc hệ lụy, thì sắc cõi Sắc là thô. Còn như quán đãi sắc cõi Sắc thì sắc không bị ràng buộc hệ lụy là tế. Như thế mà lập ra, có sắc thô và sắc tế. Nên gọi là sắc thô và tế.

Sắc hoặc kém hay hơn. Lập ra sắc kém sắc hơn như thế nào? Là quán đãi mà lập ra sắc kém và sắc hơn.

Nó như thế nào? Nếu quán đãi sắc bị ngăn che hay vô ký thì sắc bất thiện là kém. Còn nếu quán đãi sắc chẳng thiện thì sắc bị ngăn che và sắc vô ký là hơn. Nếu quán đãi sắc không bị ngăn che không vô ký thì sắc có bị ngăn che và vô ký là kém. Còn quán đãi sắc có bị ngăn che và vô ký, thì sắc không bị ngăn che, không vô ký là hơn.

Nếu quán đãi sắc thiện hữu lậu, thì sắc không bị ngăn che và không vô ký là kém, còn như quán đãi sắc không bị ngăn che, không vô ký thì sắc thiện hữu lậu là hơn. Nếu quán đãi sắc thiện vô lậu, thì sắc thiện hữu lậu là kém. Còn quán đãi sắc thiện hữu lậu, thì sắc thiện vô lậu là hơn.

Nếu quán đãi sắc ở cõi Sắc, thì sắc ở cõi Dục là kém, còn quán đãi sắc cõi Dục, thì sắc cõi Sắc là hơn. Nếu quán đãi sắc chẳng bị ràng buộc, thì sắc ở cõi Sắc là kém, còn nếu quán đãi sắc ở cõi Sắc thì sắc không bị ràng buộc là hơn... Như thế mà thành lập (thi thiết) ra có sắc kém sắc hơn, cho nên gọi là sắc có kém hoặc hơn.

Sắc hoặc gần và xa. Thế nào là sắc xa? Đó là sắc ở quá khứ và vị lai.

Thế nào là sắc gần? Đó là sắc ở hiện tại.

Lại, thế nào là sắc xa? Nếu sắc ở thời quá khứ vẫn còn hoài (không liên tục mất mãi) và sắc ở thời vị lai không khởi lên ở trước mắt, thì đó là sắc xa.

Thế nào là sắc gần? Nếu sắc ở thời quá khứ mất luôn rồi, và sắc ở thời vị lai khởi lên trước mắt, thì đó là sắc gần.

Tất cả như thế tóm tắt gọi chung thành một khối. Tất cả tóm tắt

làm một khối là sao? Nghĩa là suy luận tìm xét, lượng định quan sát thấy nó tụ hợp lại thành một khối.

Vì sao gọi là sắc uẩn? Sắc uẩn này chỉ bày rõ ràng sắc, uẩn, thân và sự tích tụ chứa nhóm. Nên gọi là sắc uẩn.

Tất cả các thứ thọ.

Tất cả các thứ thọ là gì? Hết thấy các thứ thọ thì gồm có sáu thọ của thân.

Sáu thứ thọ nào? Đó là khi mắt có chạm xúc (với cảnh sắc) thì sinh ra thọ. Và các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý... Khi chạm xúc thì sinh ra thọ nhận. Đó là sáu thứ (tất cả) thọ.

Các thọ ở thời quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thọ ở thời quá khứ? Nếu các thọ đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển đổi và đã đang còn chuyển đổi, đã tụ hợp và đã xuất hiện, đã tạ từ ra đi, đã qua rồi, đã mất hết rồi, đã rã lìa biến đổi khác rồi, các thọ ấy có tính chất quá khứ, thuộc giống loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó gọi là Thọ quá khứ.

Thế nào là thọ ở thời vị lai? Nếu các thọ chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa chuyển đổi tất cả, chưa hề tụ tập, chưa hề xuất hiện. Nó có tính chất vị lai (chưa xảy ra), thuộc giống loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó là thọ thời vị lai.

Thế nào là thọ ở thời hiện tại? Nếu các thọ đã đang khởi, đang cùng khởi, đã đang sinh, đang cùng sinh, đã đang chuyển đổi, đang chuyển đổi trong hiện tại, đang tụ tập nhóm họp và đang xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ ra đi, đang diệt mất từ từ, đang lìa rã và biến đổi cái hòa hợp trước mắt. Các thọ này có tính chất hiện tại, thuộc giống loại hiện tại và thuộc đời hiện tại. Đó gọi là thọ của đời hiện tại.

Hoặc các thọ trong hay ngoài.

Thế nào là thọ ở trong? Nếu các thọ ở đây cứ mãi nối tiếp nhau đã có được mà không mất đi, thì gọi là thọ ở trong.

Thế nào là thọ ở ngoài? Nếu các thọ nối tiếp nhau hoặc từ xưa chưa có, hoặc đã có nhưng lại bị mất đi rồi, hoặc có các nối tiếp khác, thì gọi là thọ ở ngoài.

Hoặc các thọ thô hay tế.

Các thọ thô hay tế được thành lập như thế nào? Nếu khi quán đãi các thọ không có tâm mà chỉ có tứ thì các thọ có tâm có tứ được coi là thô. Còn khi quán đãi các thọ có tâm và tứ thì thọ không tâm, chỉ có tứ là tế. Nếu quán đãi thọ không tâm, chỉ có tứ thì thọ không tâm không tứ là tế. Nếu khi quán đãi thọ cõi Sắc thì thọ cõi Dục là thô, còn nếu quán

đãi thọ cội Dục thì thọ cội Sắc là tế. Nếu khi quán đãi thọ cội Vô sắc thì thọ cội Sắc là thô. Còn khi quán đãi thọ cội Sắc thì thọ cội Vô sắc là tế. Nếu khi quán đãi thọ chẳng bị ràng buộc (hệ), thì thọ cội Vô sắc là thô, còn khi quán đãi thọ cội Vô sắc thì thọ không bị ràng buộc là tế. Cứ như thế mà thành lập bày ra các thọ thô và tế.

Hoặc các thọ kém hay hơn.

Các thọ kém và hơn được thành lập như thế nào? Nên quán đãi để thành lập bày ra (thi thiết) các thọ kém và hơn. Nó như thế nào? Nếu khi quán đãi các thọ bị ngăn che và vô ký thì thọ chẳng thiện là kém. Còn nếu quán đãi thọ bất thiện thì thọ bị che lấp và vô ký là hơn. Nếu khi quán đãi thọ không bị che và vô ký, thì thọ bị che và vô ký là kém. Còn quán đãi thọ bị che và vô ký, thì thọ không bị che và vô ký là hơn. Nếu khi quán đãi thọ thiện hữu lậu thì thọ không bị che và vô ký là kém. Còn khi quán đãi thọ không bị che và vô ký thì thọ thiện hữu lậu là hơn. Nếu khi quán đãi thọ thiện vô lậu, thì thọ thiện hữu lậu là kém. Còn khi quán đãi thọ thiện hữu lậu, thì thọ thiện vô lậu là hơn. Nếu quán đãi thọ cội Sắc thì thọ cội Dục là kém, còn khi quán đãi thọ cội Dục thì thọ cội Sắc là hơn. Nếu khi quán đãi thọ cội Vô sắc, thì thọ cội Sắc là kém. Còn khi quán đãi thọ cội Sắc thì thọ cội Vô sắc là hơn. Nếu khi quán đãi thọ không bị ràng buộc, thì thọ cội Vô sắc là kém. Còn khi quán đãi thọ cội Vô sắc thì thọ không bị ràng buộc là hơn. Cứ như thế mà thành lập bày ra các thọ hơn kém.

Hoặc các thọ xa và gần.

Thế nào là các thọ xa? Là các thọ ở thời quá khứ và vị lai.

Thế nào là các thọ gần? Là các thọ ở thời hiện tại.

Lại nữa, thế nào là các thọ xa? Nếu các thọ thời quá khứ không liên tục diệt hẳn (tức vẫn còn) và các thọ thời vị lai chưa khởi lên trong hiện tại, thì đó là các thọ xa.

Thế nào là các thọ gần? Nếu các thọ ở thời quá khứ đã diệt hẳn, còn các thọ ở đời vị lai đang hiện khởi trước mắt thì gọi đó là các thọ gần.

Cứ như thế tất cả tóm tắt thành một tên là khối tụ tập.

Thế nào là tất cả tóm tắt thành một khối? Do suy lường, tìm xét, lường định, thẩm xét, quan sát thì thấy nó tụ họp lại thành một khối.

Vì sao gọi là thọ uẩn? Ở đây, thọ uẩn này chỉ bày thọ, uẩn, thân và sự tích tụ chứa nhóm. Nên gọi là thọ uẩn.

Tất cả các thứ tướng.

Tất cả các thứ tướng là gì? Hết thấy các thứ tướng thì gồm có sáu

tưởng của thân.

Sáu thứ tưởng nào? Tức là khi mắt tiếp xúc (với sắc cảnh) thì sinh ra tưởng. Các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi chạm xúc thì sinh ra tưởng. Đó là các thứ tưởng.

Các tưởng ở thời quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là tưởng ở thời quá khứ? Nếu các tưởng đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển đổi và đang chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ ra đi, qua đi, tiêu mất, lìa rã và biến đời. Các tưởng tính chất quá khứ, thuộc giống loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó là tưởng quá khứ.

Thế nào là tưởng vị lai? Nếu các tưởng chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện rõ chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện. Có tính chất vị lai, thuộc giống loại vị lai, thuộc đời vị lai. Đó là tưởng vị lai.

Thế nào là tưởng hiện tại? Nếu các tưởng đã đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, hiện đang chuyển đổi, đang tụ tập và đang xuất hiện. Đang từ tạ ra đi, đang tiêu mất dần, đang rã lìa, biến đời với sự hòa hợp trước mắt. Nó thuộc tính chất hiện tại, giống loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó là tưởng hiện tại.

Các tưởng trong và ngoài.

Thế nào là tưởng trong? Nếu các tưởng nối tiếp nhau đã được mà chẳng mất thì gọi là tưởng trong.

Thế nào là tưởng ngoài? Nếu các tưởng đang nối tiếp, hoặc từ xưa chưa có được, hoặc được rồi mà lại mất, hoặc có các nối tiếp khác thì gọi là tưởng ngoài.

Các tưởng hoặc thô hay tế.

Các tưởng thô và tế được thành lập đặt ra như thế nào? Do quán đãi mà lập ra các tưởng thô và tế.

Như thế là sao? Nếu khi quán đãi tưởng không tầm, chỉ có tứ thì cái tưởng có tầm có tứ là thô. Còn khi quán đãi cái tưởng có tầm có tứ, thì cái tưởng không tầm chỉ có tứ là tế. Nếu quán đãi cái tưởng không tầm không tứ, thì cái tưởng không tầm chỉ có tứ là thô. Còn khi quán đãi cái tưởng không tầm chỉ có tứ thì cái tưởng không tầm không tứ là tế.

Nếu khi quán đãi tưởng cõi Sắc, thì tưởng cõi Dục là thô. Còn khi quán đãi tưởng cõi Dục, thì tưởng cõi Sắc là tế.

Nếu khi quán đãi tưởng cõi Vô sắc thì tưởng cõi Sắc là thô. Còn khi quán đãi tưởng cõi Sắc thì tưởng cõi Vô sắc là tế.

Nếu khi quán đãi tưởng không bị ràng buộc, thì tưởng cõi Vô sắc

là thô. Còn khi quán đái tướng cõi Vô sắc, thì tướng không bị ràng buộc là tế. Cứ như thế mà thành lập bày ra các tướng thô và tế.

Các tướng kém hoặc hơn. Các tướng kém hay hơn được thành lập ra sao? Quán đái để thành lập các tướng kém và hơn. Đây là sao? Nếu khi quán đái tướng bị ngăn che và vô ký thì tướng chẳng thiện là kém. Còn nếu quán đái tướng chẳng thiện, thì tướng bị ngăn che và vô ký là hơn.

Nếu khi quán đái tướng không bị ngăn che và vô ký, thì tướng có bị ngăn che và vô ký là kém. Còn nếu quán đái tướng bị ngăn che và vô ký, thì tướng không bị ngăn che và vô ký là hơn.

Nếu khi quán đái tướng thiện hữu lậu thì tướng không bị ngăn che và vô ký là kém. Còn khi quán đái tướng không bị ngăn che và vô ký, thì tướng thiện hữu lậu là hơn.

Nếu khi quán đái tướng thiện vô lậu thì tướng thiện hữu lậu là kém. Còn khi quán đái tướng thiện hữu lậu, thì tướng thiện vô lậu là hơn.

Nếu quán đái tướng cõi Sắc thì tướng cõi Dục là kém. Còn khi quán đái tướng cõi Dục thì tướng cõi Sắc là hơn.

Nếu khi quán đái tướng cõi Vô sắc, thì tướng cõi Sắc là kém. Còn nếu quán đái tướng cõi Sắc thì tướng cõi Vô sắc là hơn.

Nếu khi quán đái tướng không bị ràng buộc thì tướng cõi Vô sắc là kém. Còn nếu quán đái tướng cõi Vô sắc thì tướng không bị ràng buộc là hơn.

Cứ như thế mà thành lập đặt ra các tướng thô và tế.

Các tướng xa hoặc gần.

Thế nào là tướng xa? Các tướng ở thời quá khứ và vị lai là xa.

Thế nào là tướng gần? Các tướng ở thời hiện tại là gần.

Lại nữa, thế nào là tướng xa? Nếu các tướng quá khứ không liên tục diệt hẳn (tức vẫn còn) và các tướng thời vị lai chưa khởi lên trong hiện tại, thì đó là tướng xa.

Thế nào là tướng gần? Nếu các thọ ở thời quá khứ đã diệt hẳn, còn các tướng thời vị lai đang hiện khởi trước mắt thì gọi đó là tướng gần.

Cứ thế tất cả tóm tắt thành một tên là khối.

Thế nào là tất cả tóm tắt thành một khối? Do suy lường, tìm xét, lường định, quan sát thì thấy nó tụ họp thành một khối.

Vì sao gọi là Tướng uẩn? Tướng uẩn ở đây là làm sáng tỏ tướng, uẩn, thân và sự tích tụ chứa nhóm. Nên gọi là Tướng uẩn.

Tất cả các thứ hành.

Tất cả các thứ hành là gì? Hết thấy các thứ hành thì gồm có sáu hành của thân(I).

Sáu thứ hành nào? Tức là khi mắt tiếp xúc (với sắc cảnh) thì sinh ra hành. Các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc thì cũng sinh ra các thứ hành. Đó là tất cả các thứ hành.

Các hành ở thời quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là hành ở thời quá khứ? Nếu các hành đã khởi, đã cùng khởi, đã sinh, đã cùng sinh, đã chuyển đổi và đang chuyển đổi, đã tụ tập, đã xuất hiện, đã từ tạ ra đi, đã qua đi, tiêu mất, lìa rã và biến đời. Nó có tính chất quá khứ, thuộc giống loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Đó là hành quá khứ.

Thế nào là hành thời vị lai? Nếu các hành chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi và chưa hiện rõ chuyển đổi, chưa tụ tập, chưa xuất hiện. Có tính chất vị lai, thuộc giống vị lai, thuộc đời vị lai. Đó là hành ở thời vị lai.

Thế nào là hành ở thời hiện tại? Nếu các hành đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, hiện đang chuyển đổi. Đang tụ tập và xuất hiện, đang từ tạ ra đi, đang tiêu mất dần. Đang rã lìa biến đời với sự hòa hợp hiện tại trước mắt. Nó thuộc tính chất hiện tại, giống loại hiện tại, thuộc đời hiện tại. Đó là hành hiện tại.

Hoặc các hành trong và ngoài.

Thế nào là hành ở trong? Nếu các hành ở đây nối tiếp mãi đã có được mà chẳng mất đi thì gọi là hành ở trong.

Thế nào là hành ở ngoài? Nếu các hành nối tiếp nhau hoặc từ xưa chưa có, hoặc đã có nhưng đã mất, hoặc có các nối tiếp khác, hoặc không phải loại hữu tình thì gọi là hành ở ngoài.

Hoặc các hành thô và tế.

Các tướng thô hay tế được thành lập đặt ra như thế nào? Quán đái mà đặt ra các hành thô và tế.

Nó như thế nào? Nếu khi quán đái cái hành không tầm mà chỉ có tứ, thì cái hành có tứ có tầm gọi là thô. Còn nếu quán đái cái hành có tầm có tứ thì cái hành không tầm chỉ có tứ là tế.

Nếu khi quán đái cái hành không tầm không tứ, thì cái hành không tầm chỉ có tứ là thô. Còn nếu quán đái cái hành không tầm chỉ có tứ thì cái hành không tầm không tứ là tế.

Nếu quán đái cái hành của cõi Sắc, thì cái hành của cõi Dục là thô. Còn nếu quán đái cái hành cõi Dục thì cái hành của cõi Sắc là tế.

Nếu quán đái cái hành của cõi Vô sắc, thì cái hành của cõi Sắc là

thô. Còn khi quán đái cái hành của cõi Sắc thì cái hành của cõi Vô sắc là tế.

Nếu khi quán đái cái hành không bị ràng buộc, thì cái hành cõi Vô sắc là thô. Còn khi quán đái cái hành cõi Vô sắc thì cái hành không bị ràng buộc là tế. Cứ như thế mà thành lập đặt ra các hành thô và tế.

Hoặc các hành kém hoặc hơn.

Các hành hơn và kém được thành lập đặt ra như thế nào? Nên quán đái mà đặt ra cái hành hơn và kém.

Nó như thế nào? Nếu khi quán đái cái hành bị ngăn che và vô ký thì cái hành chẳng thiện là kém. Còn khi quán đái cái hành chẳng thiện thì cái hành bị ngăn che vô ký là hơn.

Nếu khi quán đái cái hành không bị ngăn che vô ký thì cái hành bị ngăn che vô ký là kém. Còn khi quán đái cái hành bị ngăn che vô ký thì cái hành không bị ngăn che vô ký là hơn.

Nếu khi quán đái cái hành thiện hữu lậu thì cái hành không bị ngăn che vô ký là kém. Còn khi quán đái cái hành không bị ngăn che vô ký thì cái hành thiện hữu lậu là hơn.

Nếu khi quán đái cái hành thiện vô lậu thì cái hành thiện hữu lậu là kém. Còn khi quán đái cái hành thiện hữu lậu thì cái hành thiện vô lậu là hơn.

Nếu khi quán đái cái hành cõi Sắc, thì cái hành cõi Dục là kém. Còn nếu quán đái cái hành của cõi Dục thì cái hành của cõi Sắc là hơn.

Nếu quán đái cái hành cõi Vô sắc thì cái hành của cõi Sắc là kém. Còn khi quán đái cái hành cõi Sắc, thì cái hành của cõi Vô sắc là hơn.

Nếu khi quán đái cái hành chẳng bị ràng buộc thì cái hành cõi Vô sắc là kém. Còn khi quán đái cái hành cõi Vô sắc, thì cái hành chẳng bị ràng buộc là hơn.

Cứ như thế mà bày ra các thứ hành hơn hoặc kém.

Hoặc các hành xa và gần:

Thế nào là hành xa? Hành thời quá khứ và vị lai.

Thế nào là hành gần? Là hành thời hiện tại.

Lại, thế nào là các hành xa? Hành quá khứ tiếp nối mãi chẳng dứt, hoặc hành vị lai chưa khởi lên trong hiện tại. Đó là hành xa.

Thế nào là hành gần? Nếu các hành quá khứ liên tục đã dứt mất hoặc các hành vị lai hiện khởi lên trong hiện tại thì gọi là hành gần.

Tất cả như thế tóm tắt thành một khối.

Thế nào là tất cả tóm tắt thành một khối? Do suy lường tìm xét

lượng định quan sát thì thấy nó tụ họp lại thành một khối.

Vì sao nói là Hành uẩn? Hành uẩn là ở đây làm sáng tỏ hành, uẩn, thân và sự tích tụ chứa nhóm. Nên gọi là Hành uẩn.

Tất cả các thứ thức.

Tất cả các thứ thức là gì? Hết thấy các thứ thức thì gồm có sáu thức nơi thân.

Sáu thức nào? Tức là khi mắt có tiếp xúc (với sắc cảnh) thì sinh ra các thức. Các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc cũng sinh ra các thức. Như thế là tất cả các thứ thức.

Hoặc các thức ở thời quá khứ, vị lai, hiện tại.

Thế nào là thức ở thời quá khứ? Nếu các thức đã khởi, cùng khởi, đã sinh cùng sinh, đã chuyển đổi và hiện đang chuyển đổi. Đã tu tập, đã xuất hiện, đã từ tạ ra đi, đã qua đi, đã tiêu mất, đã rã lìa biến đời. Nó có tính chất quá khứ, thuộc giống loại quá khứ, thuộc đời quá khứ. Nên gọi là thức thời quá khứ.

Thế nào là thức thời vị lai? Nếu các thức chưa khởi, chưa cùng khởi, chưa sinh, chưa cùng sinh, chưa chuyển đổi, chưa hiện rõ chuyển đổi trước mắt. Chưa tụ tập và chưa xuất hiện. Nó có tính chất của vị lai, giống loại vị lai, thuộc đời vị lai. Nên gọi là thức thời vị lai.

Thế nào là thức thời hiện tại? Nếu các thức đang khởi, đang cùng khởi, đang sinh, đang cùng sinh, đang chuyển đổi, hiện đang chuyển đổi trước mắt. Đang tụ tập và xuất hiện, đang trụ, đang từ tạ ra đi, đang diệt mất từ từ, đang lìa rã và biến đổi cái hòa hợp trước mắt. Các thức này có tánh hiện tại, giống loại hiện tại và thuộc đời hiện tại. Đó là thức của thời hiện tại.

Hoặc các thức trong và ngoài.

Thế nào là thức trong? Nếu các thức cứ mãi nối tiếp nhau, đã có được mà không mất đi thì gọi là thức ở trong.

Thế nào là thức ở ngoài? Nếu các thức nối tiếp nhau, hoặc từ xưa chưa có, hoặc đã có nhưng đã mất đi, hoặc có các thứ nối tiếp khác, thì gọi là thức ở ngoài.

Hoặc các thức thô và tế.

Các thức thô hay tế được thành lập đặt ra như thế nào? Nên quán đãi mà đặt ra các thức thô và tế.

Nó như thế nào? Nếu khi quán đãi cái thức không có tâm mà chỉ có tứ, thì cái thức có tâm có tứ là thô. Còn khi quán đãi cái thức có tâm có tứ, thì cái thức không tâm chỉ có tứ là tế.

Nếu khi quán đãi cái thức không tâm không tứ thì cái thức không

tâm chỉ có tứ là thô. Còn nếu quán đãi cái thức không tâm chỉ có tứ, thì cái thức không tâm không tứ là tế.

Nếu khi quán đãi cái thức cõi Sắc thì cái thức cõi Dục là thô. Còn khi quán đãi cái thức cõi Dục thì cái thức cõi Sắc là tế.

Nếu khi quán đãi cái thức cõi Vô sắc thì cái thức cõi Sắc là thô. Còn khi quán đãi cái thức cõi Sắc, thì cái thức cõi Vô sắc là tế.

Nếu khi quán đãi cái thức không bị ràng buộc thì cái thức cõi Vô sắc là thô. Còn khi quán đãi cái thức cõi Vô sắc thì cái thức không bị ràng buộc là tế.

Cứ như thế mà bày ra các thức thô và tế.

Hoặc các thức kém và hơn được thành lập đặt ra như thế nào? Nên quán đãi để thành lập các thức hơn và kém. Nó như thế nào? Nếu khi quán đãi cái thức bị ngăn che và vô ký thì cái thức chẳng thiện là kém. Còn khi quán đãi cái thức chẳng thiện thì cái thức bị ngăn che và vô ký là hơn.

Nếu khi quán đãi cái thức không bị ngăn che vô ký thì cái thức bị ngăn che vô ký là kém. Còn khi quán đãi cái thức bị ngăn che vô ký, thì cái thức không bị ngăn che vô ký là hơn.

Nếu khi quán đãi cái thức thiện hữu lậu, thì cái thức không bị ngăn che vô ký là kém. Còn nếu quán đãi cái thức không bị ngăn che vô ký thì cái thức thiện hữu lậu là hơn.

Nếu khi quán đãi cái thức thiện vô lậu thì cái thức thiện hữu lậu là kém. Còn khi quán đãi cái thức thiện hữu lậu thì cái thức thiện vô lậu là hơn.

Nếu khi quán đãi cái thức cõi Sắc, thì cái thức cõi Dục là kém. Còn nếu quán đãi cái thức cõi Dục thì cái thức cõi Sắc là hơn.

Nếu quán đãi cái thức cõi Vô sắc, thì cái thức cõi Sắc là kém. Còn khi quán đãi cái thức cõi Sắc, thì cái thức cõi Vô sắc là hơn.

Nếu quán đãi cái thức không bị ràng buộc thì cái thức cõi Vô sắc là kém. Còn khi quán đãi cái thức cõi Vô sắc thì cái thức không bị ràng buộc là hơn.

Cứ như thế mà thành lập bày ra các thức hơn và kém.

Hoặc các thức xa và gần.

Thế nào là thức xa? Là các thức thời quá khứ và thời vị lai.

Thế nào là thức gần? Là các thức ở thời hiện tại.

Lại, thế nào là các thức xa? Nếu các thức thời quá khứ không tiếp nối mãi chẳng dứt, hoặc thức vị lai chưa khởi lên trong hiện tại. Đó là thức xa.

Thế nào là thức gân? Nếu các thức quá khứ tiếp nối đã đứt mất, hoặc các thức vị lai hiện khởi lên trong hiện tại, thì gọi là thức gân.

Tất cả như thế tóm tắt thành một khối.

Thế nào là tất cả tóm tắt thành một khối? Do xét tìm, suy lường, lượng định quan sát thì thấy nó tụ họp lại thành một khối.

Vì sao nói là Thức uẩn? Với Thức uẩn ở đây, nó làm sáng tỏ về thức, uẩn, thân và sự tích tụ chứa nhóm. Nên gọi là Thức uẩn.

Có năm thứ chấp uẩn: Đó là chấp sắc uẩn, chấp thọ uẩn, chấp tướng uẩn, chấp hành uẩn và chấp thức uẩn.

1. Thế nào là chấp sắc uẩn?

Đáp: Nếu như có các thứ sắc hữu lậu rồi theo đó mà chấp chặt suốt các thời quá khứ, vị lai hay hiện tại để sinh ra các thứ hoặc tham, sân hay si, hay tất cả các tâm sở khác của tùy phiền não..., thì đó gọi là chấp sắc uẩn.

2. Thế nào là chấp thọ uẩn?

Đáp: Nếu khi có các thứ thọ hữu lậu rồi theo đó mà chấp chặt suốt các thời quá khứ, vị lai, hiện tại để sinh ra các thứ hoặc tham, sân hay si hoặc tất cả các thứ tâm sở khác của tùy phiền não..., thì đó là chấp thọ uẩn.

3. Thế nào là chấp tướng uẩn?

Đáp: Nếu khi có các thứ tướng hữu lậu, rồi theo đó mà chấp chặt suốt các thời quá khứ, vị lai, hiện tại để phải sinh ra các thứ hoặc tham, sân hay si, hay tất cả các tâm sở khác của tùy phiền não..., thì đó là chấp tướng uẩn.

4. Thế nào là chấp hành uẩn?

Đáp: Nếu khi có các hành hữu lậu, rồi theo đó mà chấp chặt suốt các thời quá khứ, vị lai, hiện tại để sinh ra các thứ hoặc tham, sân hay si, hoặc tất cả các thứ tâm sở khác của tùy phiền não..., thì đó là chấp hành uẩn.

5. Thế nào là chấp thức uẩn?

Đáp: Nếu khi có các thức hữu lậu, rồi theo đó mà chấp chặt suốt cả các thời quá khứ, vị lai, hiện tại để sinh ra các thứ hoặc tham, sân hay si hoặc tất cả các tâm sở khác của tùy phiền não..., thì đó là chấp thức uẩn.

Năm thứ diệu dục (ham muốn sâu xa): Tức là:

1. Khi mắt nhận biết được các sắc thì sinh ra mọi thứ yêu mến, vui mừng, thích chí. Chính cái sắc đáng yêu mến đó sẽ dẫn đến các việc ham muốn đeo đuổi, đam mê chấp trước. Đó là diệu dục của mắt nhận

biết sắc.

2. Khi tai nhận thức hiểu được các loại tiếng vang thì sinh ra mọi thứ yêu mến, vui mừng, thích chí. Chính cái tiếng đáng yêu mến đó nó dẫn đến các việc ham muốn đeo đuổi (tùy thuận) đam mê, chấp trước. Đó là diệu dụng của tai nhận biết tiếng.

3. Khi mũi nhận thức biết được các thứ mùi thơm thối thì sinh ra các thứ yêu mến, vui mừng, thích chí. Chính cái mùi hương đáng yêu mến đó nó dẫn đến các việc ham muốn đeo đuổi, ham mê, chấp trước. Đó là diệu dụng của mũi nhận biết mùi hương.

4. Khi lưỡi nhận thức biết được các vị mặn ngọt..., thì sinh ra các thứ yêu mến, vui mừng, thích chí. Chính cái vị đáng yêu mến đó nó dẫn đến các việc ham muốn, đeo đuổi, ham mê, chấp trước. Đó là diệu dụng của lưỡi nhận biết vị.

5. Khi thân nhận biết được sự đụng chạm thì sinh ra các thứ yêu mến, vui mừng, thích chí. Chính sự đụng chạm đáng yêu mến đó nó dẫn đến các việc ham muốn đeo đuổi, đam mê, chấp trước. Đó là diệu dụng của thân nhận biết sự đụng chạm.

Thế nào là diệu dụng khi mắt nhận biết sắc?

Đáp: Nếu các sắc ở cõi Dục mà mắt tiếp xúc rồi thì sinh lòng yêu mến để làm điều kiện, thì đó gọi là diệu dụng khi mắt nhận biết sắc.

Thế nào là diệu dụng khi tai nhận biết tiếng?

Đáp: Nếu các thứ tiếng ở cõi Dục mà tai tiếp xúc được rồi sinh lòng yêu mến để làm điều kiện, thì đó gọi là diệu dụng khi tai nhận biết tiếng.

Thế nào là diệu dụng khi mũi nhận biết mùi hương?

Đáp: Nếu các thứ mùi hương ở cõi Dục mà mũi tiếp xúc rồi sinh lòng yêu mến để làm điều kiện, thì đó gọi là diệu dụng khi mũi nhận biết mùi.

Thế nào là diệu dụng khi lưỡi nhận biết vị?

Đáp: Nếu các thứ vị ở cõi Dục mà lưỡi tiếp xúc rồi sinh ra lòng yêu mến để làm điều kiện, thì đó gọi là diệu dụng khi lưỡi nhận biết vị.

Thế nào là diệu dụng khi thân nhận biết sự đụng chạm?

Đáp: Nếu có các thứ đụng chạm ở cõi Dục mà thân tiếp xúc rồi sinh lòng yêu mến để làm điều kiện, thì đó gọi là diệu dụng khi thân nhận biết sự đụng chạm.

Có năm thứ xan tham (tham lam keo kiệt): Gồm có:

1. Xan tham chỗ ở.
2. Xan tham nhà cửa.

3. Xan tham sắc đẹp và tiếng khen.

4. Xan tham lợi dưỡng.

5. Xan tham pháp.

- Thế nào là là xan tham chỗ ở?

Đáp: Như ngay chỗ ở thì sinh lòng ham muốn luyến tiếc. Thí dụ như có người nghĩ: Ước mong sao chỗ ở này thuộc về của ta chớ không là ai khác. Ở chỗ này ta sẽ đi kinh hành và bày biện sắp đặt. Ta sẽ ở mãi nơi đây mà thọ hưởng các thứ vật dụng và bao nhiêu cái khác nữa. Người ấy sinh lòng mến thích bám riết vào chỗ ấy, nên ngăn cản cấm ngặt các người khác thọ hưởng. Không hề giúp đỡ chia chác nhường chỗ hay ban phát cho ai cả, cũng không xa lìa từ bỏ hay buông xả tất cả. Đó gọi là xan tham chỗ ở.

- Thế nào là xan tham nhà cửa?

Đáp: Như nhà cửa của thí chủ mà sinh lòng ham muốn luyến tiếc. Thí dụ như có người nghĩ: Mong sao các nhà cửa của thí chủ đây thuộc về ta chớ không ai khác. Ở nhà này chỉ riêng ta ra vào, tới lui, đi về thân thích tự tại. Ta sẽ ở đây mãi để thọ hưởng các thứ vật dụng và bao nhiêu thứ khác nữa.

Người ấy sinh lòng mến thích bám riết vào cái nhà của thí chủ đó, nên ngăn cản cấm ngặt các người khác thọ hưởng. Không hề giúp đỡ chia chác nhường chỗ hay ban phát cho ai cả, cũng không xa lìa từ bỏ hay buông xả tất cả. Đó gọi là xan tham nhà cửa.

- Thế nào là xan tham sắc đẹp và tiếng khen?

Đáp: Như đối với sắc đẹp và lời khen ngợi thì sinh lòng ham muốn luyến tiếc. Thí dụ như có người nghĩ: Ước mong sao chỉ riêng ta có sắc đẹp tuyệt trần, ai cũng thích nhìn ngắm sắc đẹp và thân hình tướng mạo oai hùng của ta. Ta sẽ là một tuyệt thế giai nhân, một người hùng khôi ngô tuấn tú sẽ không có một nhan sắc dung mạo nào sánh kịp được ta. Ngoài ra, ta ước mong sao chỉ riêng ta có tiếng tăm lừng lẫy với bao nhiêu lời khen tiếng tốt tuyệt vời và khắp cả mười phương, toàn cõi thế gian này đều cùng khen ngợi tôn sùng không một ai sánh kịp. Chỉ riêng có mình ta am tường việc hưởng thụ, ăn uống cũng như cách biến chế về các thức ăn hiếm có đặc biệt nổi tiếng nhất và tùy lúc mà ăn uống bồi dưỡng để dung nhan tươi đẹp, da dẻ mịn màng. Tất cả ai cũng mến thích và không ai sánh kịp. Và chỉ riêng ta mới biết sử dụng thời trang như y phục, nón mũ, giày dép và các vật dụng, các cách trang sức, trang điểm để khiến sắc đẹp càng cực kỳ lộng lẫy yêu kiều không một ai có thể sánh được... Người đó có tâm ham thích luyến tiếc sắc đẹp và tiếng

khen như thế, nên luôn tìm cách ngăn cản kẻ khác, không hề giúp đỡ, nhường chia hay ban phát cho ai cả, cũng không xa lìa từ bỏ hay buông xả tất cả. Đó gọi là xan tham sắc đẹp và tiếng khen.

- Thế nào là xan tham lợi dưỡng?

Đáp: Như đối với lợi dưỡng thì sinh lòng ham muốn luyến tiếc, như có người nghĩ: Ước ao sao chỉ riêng ta là có đủ tất cả mọi thứ lợi dưỡng trên cõi đời này, còn những người khác thì không thể được. Chỉ riêng mình tôi là có được những lợi dưỡng khác thường, lạ lùng hơn những người khác, chỉ biết có riêng mình là kẻ có phước đức và trí tuệ to lớn đầy đủ nhất, tùy thời mà đáng được dâng cúng các thứ y phục ăn uống ngọ cụ, thuốc men và bao thứ tiền của sản vật khác, tất cả mọi người trên thế gian này không ai sánh bằng ta được. Người này có lòng ham muốn đắm mê lợi dưỡng như thế nên luôn tìm cách ngăn cản kẻ khác, không san sẻ chia nhường, không bố thí ban phát ân tuệ gì. Không bao giờ biết xa lìa từ bỏ hay buông xả tất cả. Đó gọi là xan tham lợi dưỡng.

- Thế nào là xan tham pháp?

Đáp: Như đối với giáo pháp thì sinh lòng ham muốn luyến tiếc. Như có người nghĩ: Mong sao cho riêng mình ta là có thể diễn nói chánh pháp, còn ai khác thì không thể làm được. Chỉ có mình ta mới bảo được nhiều người khác nghe lời tụng niệm kinh điển, mà không ai bảo được. Chỉ có riêng mình ta là hỏi đáp hùng biện, quyết đoán nhanh chóng, còn thì chẳng ai làm được. Chỉ riêng mỗi mình ta là thọ trì được các pháp Tố-đát-lãm và Tỳ-nại-da hay A-tỳ-đạt-ma, còn thì không ai làm được. Mong sao chỉ riêng mình ta mới có thể phân biệt và giải thích rõ ràng khéo léo các nghĩa lý của giáo pháp. Và chính riêng ta là người biện luận tài giỏi nhất cũng như soạn thảo được những luận phẩm tuyệt vời nổi tiếng nhất. Còn thì tất cả không ai có thể làm được các việc ấy. Người đó đối với giáo pháp có lòng ham muốn bám chắc như thế, cho nên thường ngăn cản gây chướng ngại cho bao nhiêu người khác, mà không bao giờ giúp đỡ, chia sẻ ban phát ân tuệ cho ai cả, cũng chẳng biết xa lìa từ bỏ hay buông xả tất cả. Thế nên gọi là xan tham pháp.

Có năm đường (cõi):

1. Cõi địa ngục.
2. Cõi bàng sinh.
3. Cõi ngạ quỷ.
4. Cõi người.
5. Cõi trời;

- Thế nào là cõi địa ngục?

Đáp: Các cõi địa ngục đều có một thứ tính chất, chủng loại giống nhau (chúng đồng phạm) về nường nhờ, sự việc và nơi chốn. Những ai sống trong địa ngục rồi thì các thứ sắc thọ tưởng hành thức đều là loài không bị che lấp vô ký. Đó gọi là cõi địa ngục. Lại còn đây là do thân, ngữ và ý tạo ác nhiều nhất, xấu ác nhất. Nếu do rèn luyện, sửa đổi và làm nhiều việc ác thì sẽ đến chốn địa ngục, sinh vào địa ngục và kết thành đời sống địa ngục, nên gọi là cõi địa ngục. Vả lại cõi địa ngục thì có nhiều tên gọi, nhiều cách nói khác hơn, nhiều hơn... đều do ý tưởng, tưởng tượng nêu bày ra mà nói. Thế nên gọi là cõi địa ngục.

- Thế nào là cõi bàng sinh?

Đáp: Các cõi bàng sinh đều có chung một thứ tính chất, chủng loại giống nhau về nường nhờ, sự việc và nơi chốn. Những kẻ ở trong cõi bàng sinh thì các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là loài không bị che lấp vô ký. Đó gọi là cõi bàng sinh. Lại còn đây là do ngu si đần độn tạo ra các hạnh xấu về thân ngữ ý nên dẫn đến chốn bàng sinh, sinh vào cõi bàng sinh và kết thành kiếp sống bàng sinh. Nên gọi là cõi bàng sinh. Vả lại cõi bàng sinh thì có nhiều tên gọi, nhiều cách nói khác hơn, nhiều hơn..., đều do ý tưởng, tưởng tượng nêu bày ra mà nói. Thế nên gọi là cõi bàng sinh.

- Thế nào là cõi ngạ quỷ?

Đáp: Các cõi quỷ đều có chung một thứ tính chất, chủng loại giống nhau về nường nhờ, sự việc và nơi chốn. Những kẻ sống ở cõi quỷ rồi thì sắc thọ tưởng hành thức đều là loại không bị che lấp vô ký. Đó gọi là cõi quỷ. Lại còn đây là do keo kiệt biển lận mà tạo ra các hạnh ác về thân ngữ ý, hoặc do rèn tập, sửa đổi hay làm nhiều việc ác thì sẽ dẫn đến cõi quỷ, sinh vào cõi quỷ. Vả lại cõi quỷ thì có nhiều tên gọi, nhiều cách nói khác nhau, nhiều hơn..., đều do ý tưởng, tưởng tượng đặt ra mà nói. Nên gọi là cõi quỷ.

- Thế nào là cõi người?

Đáp: Các cõi người đều có chung một tính chất, chủng loại giống nhau về nường nhờ, sự việc và nơi chốn. Những kẻ sống trong cõi người rồi thì các thứ sắc thọ tưởng hành thức đều là loại không bị che lấp vô ký. Đó gọi là cõi người. Lại còn đây là do sự tạo tác các hạnh thiện thấp kém nhất của thân ngữ ý, lại do rèn luyện, tu tập và làm được nhiều việc thiện nên dẫn đến cõi người, sinh vào cõi người và kết thành kiếp sống của loài người. Nên gọi là cõi người

- Thế nào là cõi trời?

Đáp: Các cõi trời đều có một tính chất, chủng loại giống nhau về nương nhờ, sự việc và nơi chốn. Những kẻ sống trong cõi trời rồi thì các thứ sắc thọ tưởng hành thức đều là loại không bị che lấp vô ký. Đó gọi là cõi trời. Lại còn đây là do sự tạo tác các hạnh thiện cao đẹp của thân ngữ ý. Lại còn do rèn luyện, tu tập và làm nhiều việc thiện khác nên dẫn đến cõi trời, sinh vào cõi trời và kết thành kiếp sống của loài trời. Nên gọi là cõi trời. Vả lại cõi trời thì có nhiều tên gọi, nhiều cách nói khác hơn, đều do ý tưởng, tưởng tượng đặt ra mà nói. Nên gọi là cõi trời.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 12

Phẩm 6: NĂM PHÁP, Phần 2

Có năm thứ màn che (Năm cái): Đó là màn che tham dục, màn che giận dữ, màn che hôn trầm mê ngủ, màn che trao cử hối hận, màn che nghi ngờ.

1. Thế nào là màn che tham dục?

Đáp: Tham dục: Tức là đối với các cảnh dục luôn luôn tham mê ham đắm và chụp giựt, giấu cất, giữ gìn, chấp chặt, yêu thích, say đắm, đam mê, mê đắm khắp cả, tự trời buộc tâm, trông mong, tìm cầu, mê mẩn, chiêu tập các khổ, là loại tham lam, sự sinh ra tham... Đó gọi là tham dục.

Màn che tham dục là do sự tham dục này mà nó ngăn che tâm, đè nén giấu kín tâm, bao trùm ràng buộc tâm ta. Nên gọi là màn che tham dục.

2. Thế nào là màn che giận dữ?

Đáp: Giận dữ là sao? Lòng luôn muốn gây tổn hại cho mọi loài. Lúc nào cũng ôm ấp sự tàn hại chỉ chực gây ra sự khổ não ưu phiền. Đã giận dữ thì sẽ giận dữ và hiện đang lúc nào cũng giận dữ. Thích gây tai họa rất thích gây tai họa, vì ý nghĩ luôn luôn giận dữ, cho nên đối với mọi loài đều luôn đi ngược lại để cố tình gây thảm họa. Một khi đã gây tai họa rồi thì sẽ gây tai họa nữa và lúc nào cũng đang gây tai họa. Đó là giận dữ.

Màn che của giận dữ là sao? Chính do cái tâm giận hờn này nó ngăn che tâm mình, nó đè nén chôn kín cái tâm, nó bao trùm kín mít, ràng buộc chặt chẽ tâm ta, cho nên gọi là màn che của giận dữ.

3. Thế nào là màn che hôn trầm mê ngủ?

Hôn trầm là sao? Nghĩa là thân có tự tánh nặng nề, tâm cũng có tự tánh nặng nề. Cả thân và tâm đều chẳng điều hòa dịu dàng. Thân hôn trầm và tâm cũng hôn trầm (mê mờ), mịt mờ rối rắm buồn lo. Đó gọi

là hôn trầm.

Mê ngủ (ngủ nghỉ): Là tâm ô nhiễm lỗi lầm có sự mê ngủ mộng mị, không có tâm tháo vác làm việc mà lại có tánh mê mờ yếu ớt. Nên gọi là mê ngủ.

Thế nào là màn che của hôn trầm mê ngủ? Do thứ hôn trầm mê ngủ này nó ngăn che tâm trí, nó đè nặng chôn sâu tâm ta, nó che lấp bao trùm kín mít và ràng buộc chặt chẽ tâm ta. Nên gọi là màn che của hôn trầm mê ngủ.

4. Thế nào là màn che trạo cử hối hận?

Trạo cử (luôn động đậy): Tức là các thứ khiến tâm không được yên tịnh vắng lặng, tâm luôn lay động, bồn chồn, xôn xao, lảng xảng. Nên gọi là trạo cử.

Hối hận (ố tác): Trong tâm ô nhiễm lỗi lầm, khiến lòng luôn ăn năn hối cải việc làm ác, tính chất làm ác, nên gọi là ố tác (hối hận).

Thế nào là màn che trạo cử hối hận? Vì do sự trạo cử hối hận này nó ngăn che tâm ta, nó đè nén chôn chặt cái tâm, nó bao trùm kín mít và ràng buộc chặt chẽ cái tâm, nên gọi là màn che trạo cử hối hận.

5. Thế nào là màn che của nghi ngờ?

Nghi ngờ là sao? Tức là đối với Phật Pháp Tăng và Khổ, Tập, Diệt, Đạo sinh lòng nghi ngờ thành hai phần, hai ngã khác nhau (nửa tin, nửa ngờ). Vì trừ trừ do dự, vì mũi tên độc do dự, nên chẳng thích làm, chẳng quyết định suy lường (quyết đoán), chẳng ngộ nhập được. Đã không luôn luôn tiến lên, sẽ không luôn luôn tiến bước thì hiện đại cũng không thể một mực tiến lên mà không hề do dự. Đó gọi là nghi ngờ.

Thế nào là màn che nghi ngờ? Do sự nghi ngờ này nó ngăn che tâm ta, nó đè nén chôn chặt tâm mình, nó bao trùm kín mít, nó trói buộc chặt chẽ tâm ta. Thế nên gọi là màn che của nghi ngờ.

Có năm thứ tâm mới gieo trồng (tài): Các thầy nên biết năm thứ ấy là:

1. Như một số người đối với các bậc Đại sư hãy còn nghi ngờ do dự, chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh. Nếu đối với bậc Đại sư mà hãy còn nghi ngờ do dự chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, không tin tưởng thanh tịnh thì gọi là hạng thứ nhất, tức là đối với bậc Đại sư tâm mới gieo trồng, chưa đoạn diệt, chưa được biết khắp (Giác ngộ).

2. Như một số người đối với chánh pháp hãy còn nghi ngờ do dự, chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh.

Nếu đối với chánh pháp hãy còn nghi ngờ do dự, chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh thì gọi là hạng thứ hai, tức là đối với chánh pháp tâm mới gieo trồng, chưa đoạn dứt, chưa được biết khắp.

3. Như một số người đối với các sự học tập, môn học mình học hãy còn nghi ngờ do dự, chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh. Đó là hạng thứ ba, là đối với chỗ học của mình tâm mới gieo trồng, chưa đoạn diệt, chưa được biết khắp.

4. Như một số người đối với các giáo pháp, giới luật hãy còn nghi ngờ do dự, chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh. Nếu như thế, thì đó là hạng thứ tư, tức là đối với giáo pháp giới luật (giáo giới) tâm vừa mới gieo trồng, chưa đoạn diệt, chưa được biết khắp.

5. Như một số người đối với các bậc Bí-sô Thượng tòa trí tuệ sáng suốt, đã tu hành phạm hạnh và thể nhập pháp Phật từ lâu xa, cả đến các bậc Đại sư, các vị Đại trí... mà những bạn đồng tu phạm hạnh đều cùng nhau khen ngợi tán dương, giúp đỡ hộ trì và kính mến. Nhưng số người này lại đối với các bậc phạm hạnh đại trí nêu trên mà giận dữ chửi bới, xúc phạm làm nhục gây các sự náo hại, nên chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh. Nếu làm các việc như thế thì đó là hạng thứ năm, tức là đối với các bậc trí tuệ phạm hạnh thì tâm vừa mới gieo trồng chứ chưa đoạn diệt, chưa biết khắp.

- Nếu đối với bậc Đại sư, hãy còn nghi ngờ do dự chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng, thì gọi là hạng thứ nhất, vì đối với các bậc Đại sư chỉ là tâm mới gieo trồng, chưa đoạn diệt, chưa biết khắp đó.

Thế nào là bậc Đại sư?

Đáp: Đại sư là chỉ cho chư Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là đối với bậc Đại sư hãy còn nghi ngờ do dự? Nghĩa là đối với chư Như Lai, bậc Chánh đẳng giác mà sinh ra các thứ nghi ngờ do dự.

Thế nào là chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tịnh tín? Nếu đối với các bậc Đại sư mà sinh ra các thứ nghi ngờ do dự, thì người này chưa thể nào thực hiện sự đoạn diệt cũng như các thứ tùy thuận như tâm tùy thuận, ý muốn tùy thuận, lòng tin tùy thuận, sự hiểu biết quý báu rõ ràng tùy thuận và kể cả các hiểu biết đã qua và sắp tới. Thế nên gọi là chưa ngộ nhập, chưa thật hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là hạng thứ nhất? Dần dần thuận theo thứ tự, liên tục đếm mãi lên thì nó là hạng thứ nhất.

Thế nào là đối với bậc Đại sư thì tâm vừa mới gieo trồng? Đối với Như Lai Chánh Đẳng Giác, sinh ra các thứ nghi ngờ do dự, thì đối với tâm của người ấy tự tạo ra sự gieo trồng. Ví như người nông dân tuy có ruộng đất tốt mà chẳng chịu khai khẩn cày cấy để cho đất chai cứng khô cằn, ngay như các giống cỏ dại còn chẳng mọc được hưởng là các mầm lúa quý. Cho nên đối với các bậc Đại sư mà hãy còn nghi ngờ do dự chưa tin chắc thì cũng như thế. Vì nó che lấp cái tâm mình khiến tâm trí trở thành chai cứng cằn cỗi không thể trồng trọt được. Với cái tâm như thế còn không thực hiện được các việc sai trái lầm lạc, hưởng là chánh pháp đúng đắn. Thế nên gọi là đối với bậc Đại sư là tâm mới gieo trồng.

Thế nào là chưa đoạn diệt, chưa biết khắp? Vì cái tâm để gieo trồng của người ấy chưa được hạng phục chế ngự làm chủ được, nên cái hại hãy còn dài.

- Nếu đối với chánh pháp hãy còn nghi ngờ, do dự, chưa ngộ nhập, chưa hiểu rõ, chưa tịnh tín, thì gọi là hạng thứ hai. Tức là đối với chánh pháp tâm mới gieo trồng, chưa đoạn diệt, chưa biết khắp.

Thế nào là chánh pháp?

Đáp: Chánh pháp là ái dục đã dứt, lìa bỏ, tịch diệt, Niết-bàn rớt ráo.

Thế nào là đối với chánh pháp hãy còn nghi ngờ do dự? Nếu như đối với sự ái dục đã dứt, lìa bỏ, tịch diệt, Niết-bàn rớt ráo mà sinh ra các thứ nghi ngờ do dự, thì đó là đối với chánh pháp hãy còn nghi ngờ do dự.

Thế nào là chưa ngộ nhập, chưa hiểu rõ, chưa tịnh tín? Nếu đối với chánh pháp mà sinh ra các thứ nghi ngờ do dự thì người này dứt bỏ hết và không thể khởi lên được các thứ tùy thuận về tâm, về ý muốn, về lòng tin, về sự hiểu biết rõ ràng quý báu, kể cả các hiểu biết đã qua và sắp tới. Thế nên gọi là chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng và chưa tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là hạng thứ hai? Tức là dần dần theo thứ tự liên tục tính mãi lên, thì nó là hạng thứ hai.

Thế nào là đối với chánh pháp thì tâm vừa mới gieo trồng? Tức là đối với sự ái dục, lìa bỏ, tịch diệt, Niết-bàn rớt ráo... mà sinh ra các thứ nghi ngờ do dự, thì ở tâm của người ấy tạo ra sự gieo trồng. Cũng như kẻ nông dân dù có đất tốt, nhưng không chịu cày bừa trồng trọt, để cho đất

chai cứng khô cằn, ngay như các giống cỏ dại còn không mọc nổi hướng là các mầm lúa quý? Cho nên đối với chánh pháp mà còn nghi ngờ do dự thì cũng như thế. Vì nó che lấp tâm mình, khiến tâm trí trở thành chai cứng cằn cỗi không thể gieo trồng được. Với tâm như thế còn không thực hiện được các điều sai trái lỗi lầm, hướng là chánh pháp đúng đắn. Thế nên gọi là đối với chánh pháp tâm mới gieo trồng.

Thế nào là chưa đoạn dứt, chưa biết khắp? Vì cái tâm để gieo trồng của người ấy chưa được hạng phục chế ngự được, nên cái hại còn hoài. Thế nên gọi là chưa đoạn diệt, chưa biết khắp.

- Nếu đối với sự học tập (kiến thức) của mình mà hãy còn nghi ngờ do dự, chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh thì gọi là hạng thứ ba. Tức là đối với sự học tập của mình thì tâm mới gieo trồng, chưa đoạn diệt, chưa biết khắp.

Thế nào là sự học tập, các kiến thức?

Đáp: Như chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, hiểu đúng, thấy đúng và bày ra các môn học tập. Như nói: Ta học như thế với các môn học được đó, đối với chánh lý của các pháp thiện thì không thể chứng được. Còn ta học như thế này, với các môn học về sự việc này..., thì mới chứng được các pháp thiện đúng chánh lý.

Thế nào là đối với sự học tập còn nghi ngờ do dự? Đối với chư Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác, bày ra các cách học, môn học mà nghi ngờ do dự.

Thế nào là chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh? Đối với các sự, các môn học tập mà nghi ngờ do dự thì người này dứt bỏ và không thể nào khởi lên được các thứ tùy thuận về tâm, về ý muốn, về lòng tin, về sự hiểu biết rõ ràng quý báu, kể cả các hiểu biết đã qua và sắp tới.

Thế nào là hạng thứ ba? Là theo thứ tự dần dần liên tục tính mãi lên, thì nó ở hạng thứ ba.

Thế nào là đối với sự học tập thì tâm vừa mới gieo trồng? Tức là đối với sự học tập môn học mà chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác do đã hiểu đúng, thấy đúng và bày ra mà lại nghi ngờ do dự, không tin, thì ở tâm của người ấy sẽ tự tạo ra nơi để gieo trồng. Cũng như người nông dân dù có đất ruộng tốt, nhưng chẳng chịu cày bừa, trồng trọt, để cho đất chai cứng cằn cỗi. Ngay như các thứ cỏ dại còn chẳng mọc được, hướng là các mầm lúa quý. Cho nên đối với các sự học tập mà còn nghi ngờ do dự chưa tin chắc thì nó cũng như thế. Vì nó che lấp tâm mình, khiến tâm trí trở nên chai cứng cằn cỗi không trồng trọt chi được cả. Với

tâm như thế, các việc sai trái lầm lạc, còn không thực hiện được hướng là chánh pháp đúng đắn. Thế nên gọi là đối với sự học tập chỉ là tâm mới gieo trồng. Vì cái tâm để gieo trồng của người ấy chưa được hạng phục chế ngự, nên cái hại vẫn còn lâu dài.

- Nếu đối với giáo pháp giới luật mà còn nghi ngờ do dự, thì chưa thể ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh thì đó là hạng thứ tư. Tức là đối với giáo pháp và giới luật chỉ có tâm vừa mới gieo trồng chứ chưa được đoạn diệt và chưa biết khắp.

Thế nào là giáo giới?

Đáp: Tức là chư Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác, hiểu đúng thấy đúng cứ mỗi nửa tháng nói ra kinh giới biệt giải thoát. Đó gọi là giáo pháp giáo luật. Như nói ta đã giữ giới cấm như thế, giữ các giới cấm này nên đối với chánh lý của pháp thiện không thể chứng được. Nhưng khi ta giữ giới cấm, với các giới cấm này thì đạt được chánh lý của các pháp thiện.

Thế nào là đối với giáo giới còn nghi ngờ do dự? Chư Phật Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác, cứ mỗi nửa tháng nói nhắc lại các kinh giới biệt giải thoát, nhưng đối với các giáo giới thì lại nghi ngờ do dự. Đó là đối với giáo giới hãy còn nghi ngờ do dự.

Thế nào là chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh? Nếu đối với các điều giới cấm mà còn nghi ngờ do dự, thì người này dứt bỏ hẳn nên không thể nào khởi lên các thứ tùy thuận như về tâm (tâm tùy thuận), về ý muốn, về lòng tin, về sự hiểu biết rõ ràng quý báu, kể cả các hiểu biết đã qua và sắp tới. Thế nên gọi là chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào là hạng thứ tư? Cứ thuận theo thứ tự dần dần liên tục tính mãi lên thì nó là hạng thứ tư.

Thế nào là đối với giáo giới (các giới luật) thì tâm vừa mới gieo trồng? Đối với các kinh giới biệt giải thoát mà chư Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác đã thấy đúng, biết đúng, và mỗi nửa tháng nói ra, thì lại mãi nghi ngờ do dự, thì ở tâm của người đó tự tạo ra sự gieo trồng. Ví như có kẻ nông dân, dù có đất ruộng tốt, nhưng không chịu cày cấy, trồng trọt mà để cho đất đai chai cứng khô cằn thì ngay như các loài cỏ dại cũng chẳng mọc được, hướng chi là các mầm lúa quý? Cho nên đối với các giới luật mà còn nghi ngờ do dự chưa tin chắc thì cũng như thế. Vì nó che lấp tâm mình, khiến tâm trí bị chai cứng cằn cỗi không thể trồng trọt được gì. Với cái tâm như thế, các việc sai trái lầm lạc, còn không thực hiện được hướng chi là chánh pháp đúng đắn? Thế nên gọi là đối

với giáo giới (giới luật) chỉ là tâm vừa mới gieo trồng.

Thế nào gọi là chưa đoạn diệt, chưa biết khắp? Vì cái tâm để gieo trồng của người ấy chưa được hạng phục chế ngự, nên cái hại hãy còn lâu dài.

- Nếu đối với các vị Bí-sô Thượng tòa trí tuệ sáng suốt đã từ lâu xa tu hành các phạm hạnh và thể nhập pháp Phật..., cho đến các bậc Đại sư, các bậc đại trí mà những bạn đồng tu phạm hạnh đều khen ngợi, khen ngợi giúp đỡ hộ niệm và kính mến... Nhưng số người đó lại đối với các bậc phạm hạnh, đại trí đó mà giận dữ chửi bới, xúc phạm làm nhục, gây ra các sự náo hại, nên chưa ngộ nhập, chưa hiểu biết rõ ràng, chưa tin tưởng thanh tịnh, thì gọi là hạng thứ năm. Vì đối với các bậc phạm hạnh đại trí chỉ là tâm vừa mới gieo trồng chứ chưa đoạn diệt, chưa được biết khắp.

Thế nào là Đại sư?

Đáp: Tức là chư Phật Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác.

Thế nào là người có trí đồng tu phạm hạnh? Đó là chư vị Tôn giả Xá Lợi Tử, Đại Thái Thúc Thị, Đại Doanh Cấu Thị, Đại Âm Quang, Đại Cháp Tàng, Đại Kiếp Phỉ Na, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Chuẩn Đà, Đại Thiện Kiến, Đại Lộ, Đại Danh, Vô Diệt Dục Lạc, Kim Tỳ La v.v... và các bậc Thánh hiền đệ tử của Phật, đó gọi là các bậc có trí đồng tu phạm hạnh.

Nếu là Đại sư và các bậc đại trí đồng tu phạm hạnh cùng khen ngợi, giúp đỡ hộ trì, kính mến, thì đó gọi là các Bí-sô Thượng tòa trí tuệ sáng suốt đã từng tu phạm hạnh và thể nhập pháp Phật lâu xa. Tức là các Bí-sô này gọi là bậc có trí tu phạm hạnh.

Vì sao đối với các bậc có trí tu phạm hạnh như thế mà lại giận dữ chửi mắng, xúc phạm, làm nhục, gây náo hại? Đối với người đó, ở chỗ các bậc có trí tu phạm hạnh mà khởi lên giận dữ, nói ra những lời lẽ không tùy thuận. Vì những lời lẽ không tùy thuận (hòa thuận vui vẻ) sẽ biểu thị sự chê bai xúc phạm làm nhục dữ dần. Thế nên gọi là ở chỗ bậc có trí tu phạm hạnh mà giận dữ chửi mắng, xúc phạm làm nhục gây mọi sự náo hại.

Thế nào là chẳng ngộ nhập, không hiểu biết rõ ràng, không tin tưởng thanh tịnh? Nếu ở chỗ (đối với) các bậc có trí tu phạm hạnh mà giận dữ, chửi mắng, xúc phạm, làm nhục, hỗn ẩu gây náo hại..., thì người này lại dứt hẳn, không thể nào khởi lên được các thứ tùy thuận như về tâm, về ý muốn, về lòng tin, về sự hiểu biết rõ ràng quý báu. Kể cả các hiểu biết đã qua và các hiểu biết sắp tới. Thế nên gọi là không

ngộ nhập, không hiểu biết và không có tin tưởng thanh tịnh.

Thế nào gọi là hạng thứ năm? Tức là thuận theo thứ tự dần dần liên tục đếm mãi lên thì nó ở hạng thứ năm.

Thế nào là ở chỗ các bậc có trí tu phạm hạnh chỉ là tâm mới gieo trồng? Nếu ở chỗ bậc có trí tu phạm hạnh mà khởi lên giận dữ chửi mắng xúc phạm làm nhục và gây các sự buồn khổ, thì tâm người ấy là nơi gieo trồng. Ví như người nông dân dù có đất ruộng tốt nhưng chẳng chịu cày bừa gieo trồng khiến đất trở nên chai cứng khô cằn, thì ngay như các cỏ dại còn chẳng mọc được hưởng chi là những mầm lúa quý? Cho nên ở chỗ bậc có trí tu phạm hạnh mà lại giận dữ chửi mắng, xúc phạm, làm nhục và gây các sự buồn khổ thì cũng như thế. Vì nó che lấp tâm mình khiến tâm trí trở thành chai cứng cằn cỗi không thể trồng trọt được. Với cái tâm như thế còn không thực hiện được các điều sai trái lỗi lầm, huống là các chánh pháp đúng đắn. Thế nên gọi là ở chỗ bậc có trí tu phạm hạnh chỉ mới gieo trồng.

Thế nào là chưa đoạn diệt, chưa biết khắp? Vì cái tâm để gieo trồng của người ấy chưa được hạng phục chế ngự được, nên cái hại còn dài lâu. Nên gọi là chưa đoạn diệt, chưa biết khắp.

Có năm thứ ràng buộc tâm: Các thầy nên biết năm thứ ấy là:

1. Như một số người, thân mình chưa lìa bỏ được các thứ tham lam, dâm dục, sự thân thiết, sự yêu thương, sự thèm khát... Với cái thân như thế mà càng hừng hẫy làm thêm mãi không bao giờ yên tĩnh vắng lặng nên không thể chứng được các nghĩa lý cao xa. Do đó tâm trí không được ngộ nhập, không có niềm tin trong sạch, không an trụ, không hiểu biết thông suốt... Nếu bị như thế thì là hạng thứ nhất, tức là thân chưa lìa bỏ được tham v.v... nên tâm bị ràng buộc, không thể điều phục làm chủ được, do đó nó tác hại lâu dài.

2. Lại nữa, các thầy nên biết, một số người đối với các cảnh dục chưa lìa bỏ được các thứ tham lam, dâm dục, sự thân thiết, sự yêu thương, sự thèm khát. Do người này chưa lìa bỏ được các thứ như thế mà lại càng hừng hẫy làm thêm mãi, không bao giờ được vắng lặng yên tĩnh nên không chứng được các nghĩa lý cao xa. Do đó tâm trí không được ngộ nhập không có lòng tin trong sạch, không an trụ yên ổn, không hiểu biết thấu suốt... Nếu bị như thế thì thuộc hạng thứ hai, tức là đối với dục chưa lìa bỏ được tham v.v... nên tâm bị ràng buộc, không thể hạng phục làm chủ được, nên bị khổ hại lâu dài.

3. Lại nữa, các thầy nên biết, một số người có cả tại gia và xuất gia ở cùng nhau, vui buồn sướng khổ cùng hưởng, mừng giận cùng chia,

tất cả mọi việc cùng chung làm, cuối cùng trở nên khăng khít không thể lìa xa nhau. Do vì họ thích tại gia xuất gia cùng sống chung lẫn lộn như thế, mà càng hững hầy làm thêm mãi, nên không bao giờ được yên tĩnh vắng lặng để có thể chứng được nghĩa lý cao xa. Do đó mà tâm trí chẳng thể ngộ nhập, không có lòng tin trong sạch, không được an trụ trong yên ổn, không hiểu biết thấu suốt... Nếu là như thế thì thuộc hạng thứ ba, tức là thích ở lẫn lộn với nhau, nên tâm bị ràng buộc, không thể hạng phục làm chủ được, nên bị khổ hại lâu dài.

4. Lại nữa, các thầy nên biết, một số người đối với các thứ luận thuyết chân chánh của chư Phật Thánh nhân, để diệt trừ các lầm lỗi, để hướng tâm mình vào đó mà lìa bỏ các niềm vui trần tục thấp kém. Như các luận thuyết về giới luật, về thiền định, về trí tuệ, về giải thoát, về giải thoát tri kiến. Hoặc các luận thuyết về thiếu dục (ít ham muốn), về tri túc (biết vừa đủ tri túc), về luật hao mòn, về sự tỉnh giác (tỉnh sự), các luận thuyết về đoạn dứt hoàn toàn, về lìa các ô nhiễm, về tịch diệt, về sự phát khởi các duyên tùy thuận và duyên tự tánh... Khi được diễn giảng các luận thuyết đó, thì số người ấy không hề trân trọng cung kính mà nghe, không lắng tai nghe, không chú tâm nghe lời dạy bảo, chẳng tuân hành pháp tùy pháp, vượt bỏ lời răn dạy của bậc Đại sư. Ở những nơi giảng dạy, những pháp môn thì không thích học tập. Do khi giảng nói các luận thuyết như thế nhưng người này chẳng cung kính lắng nghe, mà càng hững hầy làm thói như thế mãi, nên không bao giờ được yên tĩnh vắng lặng để có thể chứng được các nghĩa lý cao quý. Do đó mà tâm trí chẳng thể ngộ nhập, không có niềm tin trong sạch, không được an trụ trong yên ổn, không hiểu biết thấu suốt... Nếu là như thế thì thuộc hạng thứ tư, tức là đối với các luận thuyết chân chánh, tâm luôn bị ràng buộc, không thể hạng phục làm chủ được, nên bị khổ hại lâu dài.

5. Lại nữa, các thầy nên biết, có một số người mới chứng được chút ít, tuy sau đó có một thời gian làm các việc cao quý tốt đẹp, nhưng nửa chừng thì bỏ dỡ. Do người ấy chứng được chút ít mà càng hững hầy làm thêm mãi, không bao giờ được yên tĩnh vắng lặng để có thể chứng được các nghĩa lý cao xa. Do đó mà tâm trí không thể ngộ nhập, không có niềm tin trong sạch, không được an trụ trong yên ổn, không hiểu biết thấu suốt... Nếu là như thế thì thuộc hạng thứ năm, tức là sau một ít thời gian làm các việc tốt đẹp cao quý, nên tâm bị ràng buộc, không thể hạng phục, làm chủ được nên bị khổ hại lâu dài.

Ở đây nói về thân chưa lìa bỏ được các thứ tham lam, dâm dục thân thiết, yêu thương, thèm khát..., có nghĩa là chỉ rõ sự quá thương

yêu thân mình khiến tâm bị ràng buộc không được vượt thoát.

Nên nói thân chưa lìa bỏ các thứ tham, dâm v.v... mà càng hằng hái làm thêm mãi khiến không bao giờ được yên tĩnh vắng lặng để chứng được nghĩa lý cao quý.

Thế nào là càng hừng hầy thêm? Có nghĩa là càng thương yêu bản thân hơn, nhiều hơn nữa mà bỏ hẳn việc chuyên cần tinh tấn, mạnh mẽ khích lệ nên chẳng chế phục, điều khiển được tâm mình một cách liên tục, nên gọi là hừng hầy, người trong cảnh đó không có vui vẻ gì, nên gọi là hừng hầy.

Thế nào là cứ mãi làm thêm? Nghĩa là càng yêu mến bản thân, thì càng phải đoạn diệt, càng phải rèn luyện, tu tập làm rất nhiều việc, nên gọi là cứ mãi làm thêm (gia hạnh). Trong hoàn cảnh đó người ấy chẳng hề vui vẻ ưa thích, nên nói cứ làm thêm mãi.

Thế nào là dứt hẳn? Tức là càng yêu mến bản thân nên càng lìa hẳn tám thứ đạo Thánh (Tám chánh đạo), nên gọi là dứt hẳn. Người trong cảnh đó chẳng hề vui thích gì, do đó mà nói là dứt hẳn.

Thế nào là yên tĩnh vắng lặng? Tức là nếu càng thương mến bản thân thì xa lìa mãi việc ở chốn yên tĩnh vắng vẻ, nên nói là vắng vẻ yên tĩnh. Vì người trong cảnh đó không ưa thích gì, do đó nói là yên tĩnh vắng lặng.

Thế nào là chứng được nghĩa lý cao xa? Tức là nếu càng yêu mến bản thân thì vĩnh viễn xa lìa việc chứng được ái dục hết sạch, xuất ly, tịch diệt và Niết-bàn. Đó gọi là chứng được nghĩa lý cao xa. Vì người trong cảnh đó không ưa thích gì, do đó nói là chứng được các nghĩa lý cao xa.

Tâm chẳng ngộ nhập, không lòng tin trong sạch, chẳng được an trụ trong yên ổn, không hiểu biết thấu suốt, nghĩa là càng yêu mến bản thân thì người ấy cắt đứt vĩnh viễn, chẳng bao giờ phát khởi các sự tùy thuận như về tâm, về ý muốn, về lòng tin, về hiểu biết thấu suốt, kể cả các hiểu biết đã qua và sắp tới.

Hàng thứ nhất, tức là theo thứ tự dần dần cứ liên tục đếm mãi lên thì nó ở hạng thứ nhất.

Đối với thân chưa lìa bỏ tham v.v... nên tâm bị ràng buộc, nghĩa là nếu đối với thân càng thêm mến yêu sâu xa, thì tâm của người đó càng bị trói chặt, trói buộc rất chặt chẽ, như bị một người trẻ rất mạnh mẽ, lấy dây rất chắc, trói buộc thật chặt, rất chặt rồi chế thêm nước vào dây cho thật dẻo thật chắc. Đó gọi là bị trói buộc rất chặt chẽ. Như vậy, nếu càng yêu mến bản thân thì tâm sẽ bị trói buộc rất chặt chẽ như thế.

Nói về sự chưa được hạng phục, làm chủ nên bị khổ hại lâu dài, nghĩa là chưa đoạn diệt, chưa biết khắp.

Còn đối với dục mà chưa lìa bỏ các tham v.v... thì tâm bị ràng buộc trói chặt, nói rộng ra cũng như thế.

Việc ưa sống lẫn lộn giữa người tại gia và xuất gia, nghĩa là kẻ xuất gia tại gia cùng sống lẫn lộn chung nhau với tất cả nghĩa tình thì vui buồn cùng hưởng, khổ sướng cùng chia, nghĩa là có việc vui thì cùng vui, có việc khổ thì cùng chịu khổ, có việc vui mừng thì cùng vui mừng, có việc lo âu sầu khổ thì cùng sầu khổ lo âu. Có những công việc thì cùng làm, cùng thực hiện. Cuối cùng trở nên khăng khít nhau chẳng rời, nghĩa là đối với mọi sự việc cùng thực hiện thì thân tâm cùng giúp đỡ nhau không hề biếng trễ. Các việc khác thì như trước đã nói.

Đối với các luận thuyết chân chánh.

Thế nào là luận thuyết? Nghĩa là căn cứ vào việc xuất ly, (vượt thoát) xa lìa từ bỏ để sinh ra các pháp thiện mà lên tiếng bàn luận, nói năng đề xướng, bình phẩm nghị luận để làm sáng tỏ, hay trách cứ khen chê, biện thuyết tuyên bố... Tất cả thuộc về ngữ nghiệp. Đó gọi là luận thuyết chân chánh.

Nói là Thánh, thì có hai thứ gọi là Thánh, tức là các pháp thiện gọi là Thánh, mà vô lậu cũng gọi là Thánh, Thánh nói ở đây là chỉ cho các pháp thiện, chứ không phải vô lậu.

Trừ bỏ các thiếu sót, là với các luận thuyết chân chánh này, suốt ngày đêm suy tư áp dụng thì có thể đưa đến cuộc sống thiếu dục hỷ tức, tức là sống đời giản đơn, dễ đủ dễ sống. Do luôn luôn biết giảm trừ bớt, mà được nhiều công đức, biết lượng định, sống trong sạch. Cho nên gọi là trừ bớt lỗi lầm.

Hay hướng tâm về chỗ lìa bỏ sự ngăn che bao kín để có được an lạc, với nghĩa trong này khi nói về cái tâm thì có nghĩa là với các luận thuyết chân chánh này sẽ khiến tâm đoạn trừ được sự ngăn che bao kín để được trong sạch an lạc. Do đó mà nói hướng tâm về chỗ lìa bỏ sự ngăn che để được an lạc.

Luận thuyết về giới luật, tức là với luận thuyết chân chánh này sẽ chỉ bày đúng đắn về tai họa của sự phá giới và công đức của sự trì giới.

Luận thuyết về thiên định, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng đắn về các tai họa của sự phân tán loạn động và công đức của chánh định.

Luận thuyết về trí tuệ, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày

đúng dẫn về các tai họa của tuệ ác và công đức của chánh trí tuệ tuyệt diệu.

Luận thuyết về giải thoát, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về tai họa của tà giải thoát và công đức của chánh giải thoát.

Luận thuyết về giải thoát tri kiến, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về tai họa của trí tuệ bất chánh và công đức của trí tuệ chân chánh.

Luận thuyết về thiếu dục (ít ham muốn), tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về tai họa của nhiều ham muốn và công đức của thiếu dục.

Luận thuyết về hỷ túc (tri túc biết vừa đủ), tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về tai họa của sự chẳng biết vừa đủ và công đức của sự biết đủ.

Luận thuyết về sự giảm bớt, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn tai họa của sự thêm nhiều sinh tử và công đức của sự giảm bớt sinh tử.

Luận thuyết về sự ít việc, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về tai họa của đa đoan công chuyện và công đức của ít việc.

Luận thuyết về vĩnh đoạn, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về tai họa của kiết sử và công đức của sự vĩnh đoạn kiết sử

Luận thuyết về lìa bỏ sự mê đắm, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về các tai họa của sự tham đắm và công đức của sự lìa bỏ sự mê đắm.

Luận thuyết về tịch diệt, tức là luận thuyết chân chánh này chỉ bày đúng dẫn về các tai họa của sự có thân xác này và công đức của sự không có thân xác.

Luận thuyết về tùy thuận của duyên tánh và duyên khởi, tức là luận thuyết chân chánh này tuyên nói, bày ra, lập nên và chỉ bày rõ ràng rằng do các duyên họp lại khởi lên mà sinh ra các pháp và sự khéo léo nhẫn nhục chịu đựng.

Trong khi diễn nói các luận thuyết ấy thì người này chẳng trân trọng cung kính cúng dường chú ý lắng tai nghe. Chẳng chú tâm học tập, không thi hành pháp tùy pháp mà vượt bỏ lời răn dạy của bậc Đại sư.

Các nơi có giảng dạy không ham thích đến xin học hỏi, nghĩa là bị trói chặt vì sai lầm, trói chặt các luận thuyết chân chánh nên không cung kính lắng tai nghe.

Liên càng hững hầy, nghĩa là do bị trói chặt vì sai lầm, nó trói chặt cả các luận thuyết chân chánh nên chẳng cần phải cung kính lắng tai nghe. Do đó đoạn dứt sự tinh tấn siêng năng mạnh mẽ, nên không thể khích lệ điều phục làm chủ tâm mình liên tục hoài hoài, đó gọi là hững hầy hững hầy. Người trong cảnh đó không hề vui thích. Do đó mà nói càng hững hầy.

Càng hững hầy thêm lên mãi, nghĩa là do bị trói chặt vì sai lầm, trói chặt các luận thuyết chân chánh, không chịu cung kính lắng tai nghe v.v..., nên liền đoạn dứt các sự rèn luyện tu tập hoặc làm nhiều việc nên gọi là càng hững hầy làm thêm. Người trong cảnh đó không hề vui thích, do đó mà nói càng hững hầy làm thêm mãi.

Còn việc đoạn dứt vĩnh viễn là vì bị trói chặt vì sai lầm, nó trói chặt các luận thuyết chân chánh, nên chẳng cần kính lắng tai nghe v.v..., liền đoạn dứt cả tám chánh đạo, đó gọi là đoạn dứt. Người trong cảnh đó không hề vui thích, do đó mà nói là đoạn dứt (dứt bỏ hẳn).

Về sự yên lặng vắng vẻ, tức là người này đối với các luận thuyết chân chánh, bị trói chặt trong sai lầm nên không cung kính lắng tai nghe, nên xa lìa việc sống nơi vắng vẻ yên lặng. Đó gọi là yên lặng vắng vẻ. Người trong cảnh đó không hề vui thích, do đó mà nói là yên lặng vắng vẻ.

Liên chứng được nghĩa lý cao xa là do các luận thuyết chân chánh bị trói chặt trong sai lầm nên chẳng chịu cung kính lắng tai nghe, nên bị cắt đứt việc chứng được sự dứt hẳn ái dục, sự xuất ly, sự tịch diệt và Niết-bàn. Đó gọi là sự chứng được nghĩa lý cao xa. Người trong cảnh đó không hề vui thích. Do đó nên nói là chứng được nghĩa lý cao sâu (thâm diệu).

Tâm chẳng ngộ nhập, không có lòng tin thanh tịnh, không được an trụ trong yên ổn, không hiểu biết thấu suốt là do bị trói chặt trong sai lầm đối với các luận thuyết chân chánh, nên chẳng cần kính lắng tai nghe v.v..., do đó liền bị đoạn dứt mãi mãi việc khởi lên các thứ tùy thuận như về tâm, về lòng tin, về ý muốn về tâm hiểu rõ, kể cả các hiểu biết đã qua và sắp tới. Thế nên nói tâm chẳng ngộ nhập v.v... Đó là hạng thứ tư. Và tâm bị trói buộc như đã nói trước đây.

Chỉ chứng được chút ít dù sau này có làm các việc tốt đẹp cao quý, nhưng lại bỏ dở nửa chừng.

Thế nào là chứng được chút ít? Tức là như có một số người giữ được một số giới cấm liền mừng cho là đủ, hoặc cho đến chỉ chứng được một phần rất ít về trí thông sinh tử, liền cho là đủ. Như thế đều gọi là

chứng được chút ít.

Tuy về sau có làm các việc tốt đẹp cao quý, tức là người này chưa dứt hết phiền não, cũng chưa chứng được cách đoạn diệt phiền não. Do đó nên nói: Tuy sau này có làm các việc quý đẹp.

Nhưng bỏ dở nửa chừng, là bỏ việc tu thiện, phước bỏ sự chuyên cần tinh tấn. Do đó mà nói là bỏ dở nửa chừng.

Liên bị hững hầy (thieu đốt) nghĩa là đối với cõi này chưa làm được các việc khó nhọc, chưa cắt đứt được kiết sử, thì bị cắt đứt việc siêng năng chuyên cần, cố gắng mạnh mẽ hết sức, nên chẳng điều phục làm chủ được tâm một cách liên tục hoàn hảo. Đó gọi là hững hầy. Và người trong cảnh đó cũng không hề vui thích, do đó mà cũng gọi là hững hầy.

Còn cứ làm thêm mãi, do đó mà dứt hẳn sự yên tĩnh vắng lặng để chứng được nghĩa lý cao quý, đều giống như trước đã nói.

Gọi đó là hạng thứ năm, tức là theo thứ tự dần dần liên tục đếm mãi lên thì nó ở hạng thứ năm.

Sau này đã làm các việc tốt mà tâm bị trói buộc, là ở cõi này chưa làm được các việc khó nhọc lắm, chưa đoạn dứt hết phiền não kiết sử, nên tâm bị trói chặt, vô cùng chặt, như bị một người trai trẻ mạnh khỏe lấy dây thật chặt đem nhúng nước rồi trói gô lại thật chặt. Đó gọi là bị trói chặt, vô cùng chặt.

Về sau đó làm các việc quý đẹp, là ở cõi này chưa làm được các việc khó nhọc, chưa đoạn dứt hết các kiết sử, nên bị tâm trói chặt, thật chặt.

Chưa hạng phục làm chủ được, nên còn bị khổ hại dài lâu. Nghĩa là chưa đoạn hết, chưa biết khắp.

Năm thứ kết thuận phần dưới:

1. Tham dục kết phần.
2. Giận dữ kết phần.
3. Thấy có thân (Hữu thân kiến) kết phần.
4. Giới cấm thủ kết phần.
5. Nghi ngờ kết phần.

- Tham dục kết thuận phần dưới:

Tham dục là sao? Tức là đối với dục cảnh có những cái tham nào thì đều ham muốn cả, rộng nói cho đến loại tham lam, thứ sinh tham lam, đó gọi là tham dục.

Kết thuận phần dưới, thì phần dưới là cõi Dục, còn phần trên là cõi Sắc. Do tham dục chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, cho nên liền đến cõi

Dục, sinh vào cõi Dục và kết thành đời sống cõi Dục. Nên gọi là tham dục kết thuận phần dưới.

- Giận dữ kết thuận phần dưới:

Giận dữ là sao? Tức là luôn có ý muốn làm tổn hại các loài hữu tình. Rộng nói cho đến hiện tại đang gây họa, nên gọi là giận dữ kết thuận phần dưới. Rộng nói như trước.

- Chấp thân kết thuận phần dưới:

Chấp thân là sao? Đối với năm thứ chấp uẩn thì theo đó mà chấp thấy có ta và cái của ta (ngã sở). Và từ đó mà khởi lên các sự thấy có nhận chịu, ham muốn và trí tuệ nhìn thấy... Đó gọi là chấp có thân kết thuận phần dưới và các việc rộng nói như trước.

- Giới cấm thủ kết thuận phần dưới:

Giới cấm thủ (chấp các giới cấm) là sao? Như có một số người chấp chặt các điều răn cấm, cho rằng do giữ các giới cấm này thì có thể được thanh tịnh, giải thoát và xuất ly (vượt thoát), hoặc vượt ra ngoài các khổ vui và chứng được quả vị (chỗ) vượt ra ngoài các khổ vui... Một số người khác thì lại bảo giữ các giới cấm này được thanh tịnh vượt khổ vui; số khác nữa thì chấp những giới cấm khác..., mới chứng được như thế v.v..., đó gọi là giới cấm thủ kết thuận phần dưới. Cũng rộng nói như trước.

- Nghi ngờ kết thuận phần dưới:

Nghi ngờ là sao? Tức là đối với Phật, Pháp, Tăng và Tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà nghi ngờ chẳng tin tưởng... Rộng nói cho đến không hiện có một cõi nào... Đó là nghi ngờ kết thuận phần dưới.

Phần dưới là cõi Dục. Phần trên là cõi Sắc và Vô sắc. Do vì có cái nghi ngờ này mà chưa đoạn dứt, chưa biết khắp. Cho nên liền đến cõi Dục, sinh vào cõi Dục và kết thành đời sống cõi Dục. Cho nên gọi là nghi ngờ kết thuận phần dưới.

Có năm thứ kết thuận phần trên:

1. Tham sắc.
2. Tham vô sắc.
3. Trạo cử (luôn động đậy không yên).
4. Kiêu mạn.
5. Vô minh.

- Tham sắc kết thuận phần trên:

Tham sắc là sao? Ở trong cõi Sắc mà tu pháp đoạn diệt, để diệt trừ tất cả các thứ ham muốn, tham lam và mọi sự giữ gìn, cất giấu, đam mê, tham ái... Đó gọi là tham sắc.

Còn kết thuận phần trên: Phần dưới là cõi Dục, phần trên là cõi Sắc và Vô sắc. Chính do cái tham sắc này mà chưa đoạn diệt và chưa biết khắp. Cho nên liền đến cõi Sắc, sinh vào cõi Sắc và kết thành kiếp sống ở cõi Sắc, nên gọi là tham sắc kết thuận phần trên.

- Tham vô sắc kết thuận phần trên:

Tham vô sắc là sao? Ở trong cõi Vô sắc mà tu pháp đoạn diệt, để diệt trừ tất cả thứ ham muốn, tham lam và mọi sự giữ gìn, cất giấu, đam mê, tham ái. Đó gọi là tham vô sắc.

Còn kết thuận phần trên, thì phần dưới là cõi Dục, phần trên là cõi Sắc và Vô sắc. Do tham vô sắc này mà chưa đoạn diệt và chưa biết khắp, cho nên liền đến cõi Vô sắc, sinh vào cõi Vô sắc và kết thành kiếp sống ở cõi Vô sắc. Nên gọi là tham vô sắc kết thuận phần trên.

- Trạo cử kết thuận phần trên:

Trạo cử là sao? Ở trong cõi Sắc và Vô sắc mà tu pháp đoạn diệt, để đoạn dứt tất cả thứ không yên tịnh vắng lặng, dứt thật sạch các thứ rất nhỏ nhặt gây mất yên tĩnh vắng lặng, diệt cả những cái sinh ra trạo cử, có tự tánh sinh ra trạo cử, tức là tâm luôn xao động nóng nảy, bị khuấy rối. Đó là trạo cử.

Kết thuận phần trên, thì phần dưới là cõi Dục, còn phần trên là cõi Sắc và Vô sắc. Do trạo cử này mà chưa đoạn diệt và chưa biết khắp, cho nên liền đến cõi Sắc và Vô sắc, sinh vào cõi Sắc và Vô sắc, kết thành kiếp sống ở cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nên gọi là trạo cử kết thuận phần trên.

- Kiêu mạn kết thuận phần trên:

Kiêu mạn là sao? Ở cõi Sắc và Vô sắc thường tu pháp đoạn diệt, để diệt hết tánh hỗn láo, miệt thị cậy mình, tánh tự cao tự đại, khinh thường miệt thị kẻ khác. Đó là kiêu mạn. Còn kết thuận phần trên, như trước đã nói rõ.

- Vô minh kết thuận phần trên:

Vô minh là sao? Ở cõi Sắc và Vô sắc thường tu pháp đoạn diệt để diệt trừ các thứ ngu si, không có trí, đần độn, tối tăm... Đó là vô minh.

Kết thuận phần trên, thì phần dưới là cõi Dục, còn phần trên là cõi Sắc và Vô sắc. Do vô minh này chưa được đoạn diệt, chưa biết khắp, cho nên liền đến cõi Sắc và Vô sắc, sinh vào cõi Sắc và Vô sắc và kết thành kiếp sống ở cõi Sắc và Vô sắc. Nên gọi là vô minh kết thuận phần trên.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 13

Phẩm 6: NĂM PHÁP, Phần 3

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ hai (sau) nói:

*Sau, năm pháp mười bốn
Là chẳng nhẫn và nhẫn
Giảm bớt và đầy đủ
Bày lời, không chỗ được (năng)
Chi thắng, giải thoát tướng
Giải thoát xứ, căn, lực
Bất hoàn và Tịnh cư
Xuất ly cõi có năm.*

Gồm có: Năm lỗi chẳng chịu được, năm công đức chịu được, năm thứ giảm bớt, năm thứ đầy đủ, năm thứ bày lời, năm lĩnh vực không kham nổi, năm thắng chi, năm cách thành thực tướng giải thoát, năm thứ giải thoát, năm căn năm lực, năm thứ Bất hoàn, năm cõi trời Tịnh cư, năm cõi xuất ly.

Năm lỗi lầm chẳng chịu được:

1. Bạo ác.
2. Buồn lo hối tiếc.
3. Chúng sinh không mến ưa.
4. Tiếng xấu đồn xa khắp mười phương.
5. Chết rồi bị đọa vào đường ác địa ngục.

- Thế nào là bạo ác?

Đáp: Tức là có những chúng sinh (Bổ-đặc-già-la) chẳng chịu được và các nhân duyên (sự việc) chẳng chịu nổi (chẳng chấp nhận được) luôn luôn cất chứa dao gậy sẵn sàng làm hại kẻ khác.

- Thế nào là buồn lo hối tiếc?

Đáp: Tức là có những chúng sinh và các việc không thể chấp nhận được, vì nó luôn gây các nghiệp dữ về thân ngữ ý. Khi đã làm các việc

ác đó rồi thì lo buồn hối tiếc, thân tâm luôn nóng nảy bứt rứt khổ sầu.

- Thế nào là chúng sinh chẳng mến thích?

Đáp: Tức là các chúng sinh và các sự việc chẳng thể chấp nhận được đó hề mắng chửi thì nó chửi mắng lại, ai giận hờn, đánh đập, tàn hại hoặc đùa chơi thì nó lập tức giận hờn, đánh đập, giết hại, hoặc đùa chơi lại ngay... Do cái tật ăn miếng trả miếng đó mà chúng sinh không mến thích.

- Thế nào là tiếng xấu đồn xa khắp mười phương?

Đáp: Có những chúng sinh và các sự việc chẳng thể chấp nhận được lúc nào cũng đấu tranh đánh cãi nhau. Họ thích cùng nói chuyện tranh cãi khinh khi coi thường, chọc ghẹo, đùa vui, chê bai, miệt thị nhau. Do cái tật (duyên) ưa tranh cãi đấu tranh đó mà tiếng xấu lan xa khắp mười phương.

- Thế nào là khi chết rồi thì phải đọa vào đường ác địa ngục?

Đáp: Các chúng sinh và các nhân duyên khó thể chấp nhận được luôn luôn gây rất nhiều các hạnh nghiệp xấu ác về thân, ngữ, ý, khi gây quá nhiều hạnh nghiệp xấu đó rồi thì khi chết phải bị đọa vào đường dữ địa ngục chịu khổ vô cùng, nên nói chết rồi sẽ phải bị đọa vào đường ác địa ngục.

Năm công đức chịu đựng được (chấp nhận được):

1. Không bạo ác.
2. Không lo buồn hối tiếc.
3. Chúng sinh mến thích.
4. Tiếng lành lan khắp mười phương.
5. Chết rồi được sinh lên cõi trời.

- Thế nào là không bạo ác?

Đáp: Có những chúng sinh do giỏi chịu đựng nên không hề cất chứa dao gậy, cũng chẳng gây hại cho ai.

- Thế nào là không lo buồn hối tiếc?

Đáp: Có những chúng sinh giỏi chịu đựng, do giỏi chịu đựng gây tạo các nghiệp thiện tốt đẹp về thân-ngữ-ý. Khi đã tạo các nghiệp thiện rồi thì đâu có lo rầu hối tiếc, trái lại thân tâm mát mẻ thoải mái.

- Thế nào là chúng sinh mến thích?

Đáp: Có những chúng sinh giỏi chịu đựng, do giỏi chịu đựng nên khi họ bị mắng chửi, thì không hề chửi lại, bị giận hờn, bị đánh đập, bị tàn hại, bị chọc ghẹo, đùa phá, thì không hề giận hờn đánh đập, tàn hại, chọc ghẹo, đùa phá lại. Do đó mà được ai nấy mến thích. Vì không ăn miếng trả miếng đó nên ai cũng mến thích.

- Thế nào là tiếng lành lan khắp mười phương?

Đáp: Có những chúng sinh giỏi chịu đựng, do giỏi chịu đựng nên không bao giờ tranh đấu cãi cọ nhau, họ không nói chuyện để tranh cãi, coi nhẹ, chọc ghẹo, chê bai, khinh rẻ, miệt thị. Do đó mà tiếng lành lan xa khắp mười phương.

- Thế nào là khi chết rồi sẽ được sinh lên cõi trời?

Đáp: Có những chúng sinh giỏi chịu đựng, do giỏi chịu đựng nên họ luôn gây tạo nhiều hạnh thiện, tốt đẹp về thân-ngữ-ý, khi đã gây tạo nhiều hạnh thiện đó rồi thì khi chết sẽ được sinh lên cõi trời, hưởng vô số phúc thiện vui vẻ.

Năm thứ tổn giảm:

1. Bà con bị tổn giảm.
2. Tiền của bị hao hụt.
3. Sức khỏe bị giảm bớt.
4. Giới hạnh bị giảm bớt.
5. Sự thấy biết bị giảm bớt.

- Thế nào là bà con bị tổn giảm?

Đáp: Tức là như có bà con thân quyến bị các tai nạn như gặp phải vua quan, giặc cướp, hay lửa, nước trôi mà chết đi. Hoặc có ít bà con thì cũng gọi là bà con bị hao hụt.

Vì sao gọi là bà con bị hao hụt? Vì với việc như thế thì khiến không ai ưa thích vui vẻ hay chịu đựng được. Nếu không có ai cứu giúp mà phải xa lìa mất mát nên chẳng vừa ý. Nên gọi là bà con bị hao hụt.

- Thế nào là tiền của bị giảm sút?

Đáp: Nếu tiền của giàu sang thành linh gặp phải các tai nạn như bị vua quan, giặc cướp, hay bị lửa cháy nước trôi, kẻ oán thù khiến mất hết. Hoặc như không có nhiều tiền của thì cũng gọi là tiền của bị giảm sút hao hụt.

Vì sao lại bảo là tiền của bị giảm sút? Vì chính các việc như thế thì chắc chắn rằng không ai ưa thích vui vẻ và vừa ý được cả. Các việc khác như trước đã nói.

- Thế nào là sức khỏe (không bệnh) bị giảm bớt?

Đáp: Như việc thân thường gặp bệnh hoạn luôn, như bệnh đau đầu v.v... như trước đã nói rõ. Lại trong mình thường có bệnh cũng nói là sức khỏe bị hao hụt giảm bớt.

Vì sao nói sức khỏe bị giảm sút? Vì chính các việc đó không ai ưa thích..., như trước đã nói.

- Thế nào là giới hạnh bị giảm sút?

Đáp: Như giết hại, trộm cướp, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói ly gián, nói hung dữ, nói lời lồi lằm lộn xộn..., và gồm cả các thứ không thuận lợi cho giới hạnh, như có những giới dẫn đến việc trái lý (phi lý) hoặc các giới làm chướng ngại cho thiền định, tất cả như thế gọi là làm giới hạnh bị giảm sút.

Vì sao lại bảo giới hạnh bị giảm sút? Vì chính các việc đó không ai ưa thích, vui vẻ, chấp nhận được cả. Nếu không ai giúp đỡ cứu hộ cho thì bị kém cõi mất mát nên không ai vừa ý. Vì các việc như thế chắc chắn không phải kết quả đáng yêu mến, đáng vui mừng, thích chí thỏa lòng. Với các sự việc (pháp) như thế hẳn không phải là các quả dị thực đáng mến thích vui mừng, đáng thích chí thỏa lòng. Thế nên gọi là giới hạnh bị giảm sút.

- Thế nào là sự thấy biết bị giảm sút?

Đáp: Có những cái thấy như không có bố thí tặng biếu, không có cúng tế, cũng không có vui vẻ mến yêu, cho đến như đã rộng nói đầy đủ từ trước rồi. Lại có những cái thấy chẳng thiện, chẳng thuận lợi như có những cái thấy dẫn đến sự phi lý (cái đạo lý hoặc có những cái thấy làm chướng ngại thiền định. Tất cả như thế đều gọi là tự thấy biết tổn giảm hao hụt).

Vì sao lại bảo tự thấy biết bị hao hụt? Vì các việc như thế thì chẳng đáng mến thích vui vẻ chi cho đến quả dị thực chẳng vui lòng. Thế nên gọi là sự thấy biết giảm sút hao hụt.

Có năm thứ đầy đủ:

1. Bà con đầy đủ.
2. Tiền của đầy đủ.
3. Sức khỏe đầy đủ.
4. Giới hạnh đầy đủ.
5. Thấy biết đầy đủ.

- Thế nào là bà con đầy đủ?

Đáp: Tức là trong thân tộc bà con không có ai bị tai nạn phải chết chóc mất mát vì các vua quan, giặc cướp, hay lửa cháy nước trôi. Còn như người có bà con đồng đảng thì cũng nói là bà con đầy đủ.

Vì sao lại bảo là bà con đầy đủ? Vì các việc như thế thì ai cũng mến ưa vui thích. Nếu gặp tai nạn thì có người cứu giúp, không bị chết chóc giảm mất nên luôn được vừa ý thỏa lòng.

- Thế nào là tiền của được đầy đủ?

Đáp: Tức là tiền của không bị mất mát hao tổn vì gặp các tai nạn vì vua quan giặc cướp và kẻ thù hoặc bị nước trôi lửa cháy..., kẻ có

nhiều tiền của thì cũng gọi là tiền của đầy đủ.

Vì sao lại bảo là của tiền được đầy đủ? Vì khi được các việc này thì ai cũng mến ưa vui thích vừa ý cả. Các việc khác như trước đã nói rồi.

- Thế nào là sức khỏe đầy đủ?

Đáp: Nếu trong thân không bị các bệnh như đau đầu nhức mắt đã nói đầy đủ như trước đây. Kể nào ít bệnh hoạn thì cũng gọi là sức khỏe đầy đủ.

Vì sao nói là sức khỏe đầy đủ? Vì các việc như thế ai cũng mến ưa vui thích, đã nói rõ ở trước.

- Thế nào là giới hạnh đầy đủ?

Đáp: Tức là không bao giờ giết hại, trộm cướp, tà dâm, không nói dối, nói ly gián, nói hung dữ, nói lầm lỗi lộn xộn. Lại còn đầy đủ các điều thuận lợi cho giới hạnh (thiện giới) như các giới cấm đúng lý, các giới cấm không làm trở ngại cho thiền định. Tất cả như thế gọi là giới hạnh đầy đủ.

Vì sao nói là giới hạnh đầy đủ? Vì các sự việc như thế thì ai cũng mến ưa vui thích. Có người giúp đỡ hộ trợ khiến không mất giảm nên rất vừa ý. Vì việc đó có các kết quả đáng mến ưa vui thích, thỏa ý vừa lòng. Vì các việc đó có được các quả dị thực đáng mến ưa thích, thỏa ý vừa lòng. Thế nên gọi là giới hạnh đầy đủ.

- Thế nào là sự thấy biết đầy đủ?

Đáp: Có những sự thấy biết có bố thí ban tặng, có cúng tế, có mến thích... cho đến đã nói rõ ở trước. Lại có nhiều sự thuận lợi cho sự thấy biết như có các sự thấy biết đúng lý, có các sự thấy biết không làm trở ngại cho việc thiền định. Tất cả như thế gọi là sự thấy biết đầy đủ.

Vì sao nói sự thấy biết đầy đủ? Vì các việc đó rất đáng mến ưa vui thích..., cho đến có các quả dị thực vừa ý thỏa lòng. Thế nên nói là sự thấy biết đầy đủ.

Có năm cách tỏ bày lời nói:

1. Nói đúng lúc và chẳng đúng lúc (phi thời).
2. Nói lời đúng thực và không đúng thực.
3. Nói lời có nghĩa lý bổ ích và không có nghĩa lý.
4. Nói lời êm ái dịu dàng hoặc lời hung ác.
5. Nói lời hiền từ hoặc giận dữ.

- Thế nào là nói lời đúng lúc và không đúng lúc?

Hỏi: Nói lời chẳng đúng lúc là sao?

Đáp: Cách này có hai thứ là trong và ngoài.

Thế nào là nói chẳng đúng lúc bên trong? Tức là khi có Bí-sô muốn kể tội của người khác mà trong lòng lại bị ảnh hưởng điều khiển do các thứ hoặc là tham, sân hay si hoặc đang gặp khổ dữ hay lâm trọng bệnh, hoặc không thể chuyện trò bàn bạc với người khác được..., thì đó gọi là nói không đúng lúc thuộc về trong.

Thế nào là nói chẳng đúng lúc bên ngoài? Tức là như có thầy Bí-sô kể tội người khác mà kẻ muốn kể tội này lại đang bị ảnh hưởng điều khiển do các thứ hoặc tham, sân hay si hoặc đang gặp khổ dữ, hay bị đau nặng hoặc không thể nói năng luận bàn với người khác được, hoặc chưa nhận được đầy đủ sự sống trong hiện tại của một Bồ-đặc-già-la thì gọi là chẳng đúng lúc bên ngoài.

Trong đây có nói chẳng đúng lúc bên trong và ngoài nhưng gọi chung làm một là nói không đúng lúc.

Hỏi: Thế nào là nói đúng lúc?

Đáp: Cách này cũng có hai thứ trong và ngoài.

Nói đúng lúc bên trong là sao? Như các thầy Bí-sô kể tội người khác mà vị này không bị ảnh hưởng của các thứ hoặc tham, sân hay si cũng không bị đau nặng và có khả năng luận bàn trò chuyện với người khác..., thì gọi là nói đúng lúc thuộc trong.

Nói đúng lúc bên ngoài là sao? Như có thầy Bí-sô kể tội người khác, nhưng người muốn kể tội lại không bị ảnh hưởng ràng buộc do các thứ hoặc tham, sân hay si hay bị khổ dữ, cũng không lâm trọng bệnh và lại có khả năng nói chuyện luận bàn với người khác, cũng như đã thọ nhận đầy đủ sự sống hiện tại của một Bồ-đặc-già-la (chúng sinh). Thì đó là nói đúng lúc thuộc ngoài.

Trong đây có nói đúng lúc bên trong và ngoài, nhưng tóm tắt gọi chung làm một là nói đúng lúc thôi. Thế nên gọi là nói đúng lúc và không đúng lúc.

- Thế nào là nói lời đúng thực và chẳng đúng thực?

Hỏi: Nói lời chẳng đúng thực là sao?

Đáp: Như có thầy Bí-sô kể tội người khác, nhưng lại không thấy, không nghe, không nghi ngờ chi về việc người kia phạm giới, phạm sự thấy biết, phạm các quy điều pháp tắc hay đời sống trong sạch. Thì đó gọi là nói không đúng thực.

Hỏi: Nói lời đúng thực là sao?

Đáp: Như có vị Bí-sô kể tội người khác mà thật có thấy nghe và nghi ngờ về các tội đã phạm giới, phạm sự thấy biết và các quy điều phép tắc cũng như đời sống trong sạch. Vậy đó là nói lời đúng thực.

- Thế nào là nói lời có nghĩa lý bổ ích và không nghĩa lý?

Hỏi: Nói lời không có nghĩa lý bổ ích là sao?

Đáp: Như có thầy Bí-sô kể tội các người khác đã phạm giới, thấy phạm, phạm các quy tắc và đời sống thanh tịnh..., song, thầy Bí-sô phạm các tội đó đã phát lồ, trình bày, thú tội, bày tỏ xin sám hối với các bậc Thượng thủ rồi và không còn có điều gì đáng nói nữa cả. Thì lời nó kể tội đó coi như không nghĩa lý bổ ích.

Hỏi: Còn lời nói có nghĩa lý bổ ích là sao?

Đáp: Ấy là như vị Bí-sô kể tội thầy Bí-sô khác phạm giới và sự thấy biết, phạm các quy tắc và đời sống thanh tịnh..., mà người này chưa hề phát lồ trình bày kê khai bày tỏ xin sám hối với ai cả, hoặc còn có những điều chưa nói hết. Thì đó là lời nói có nghĩa lý bổ ích.

- Thế nào là lời nói dịu dàng êm ái và lời nói dữ dằn hung ác?

Hỏi: Lời nói dữ dằn hung ác là sao?

Đáp: Như có thầy Bí-sô này có ác ý giận hờn hung dữ với thầy kia nên nói như vậy: Ông đã thấy biết mình đã phạm tội như thế, rõ ràng ông là một Sa-môn xấu xa, một Sa-môn ngu độn không biết xấu hổ, là một Sa-môn ngoan cố khó dạy. Ông phải mau kê khai đầy đủ các tội lỗi ra đi, chớ có giấu giếm... Đó là lời nói hung dữ.

Hỏi: Lời nói dịu dàng êm ái là sao?

Đáp: Như có thầy Bí-sô đến chỗ thầy Bí-sô khác mà nói: Thầy đã phạm phải các lỗi lầm như thế, vậy nên trình bày phát lồ sám hối chớ nên che giấu. Nếu trình bày xong tất sẽ được an lạc, còn chưa trình bày sẽ không được an lạc. Đó là lời nói êm ái dịu dàng.

- Thế nào là lời nói hiền từ thương mến hoặc giận dữ?

Hỏi: Lời nói giận dữ là sao?

Đáp: Như có thầy Bí-sô đến chỗ thầy Bí-sô khác với lòng đầy giận hờn độc hại mà kể tội thầy đó đã phạm giới, phạm kiến, phạm các quy điều phép tắc vi phạm đời sống thanh tịnh..., đó là những lời nói giận hờn.

Hỏi: Còn lời nói hiền từ thương mến là sao?

Đáp: Như có thầy Bí-sô đến chỗ thầy Bí-sô khác với tất cả tấm lòng thương mến tràn đầy khi đến nơi chỉ bày các lỗi lầm đã phạm giới, vi phạm sự thấy biết, phạm các quy điều phép tắc và đời sống thanh tịnh v.v... Đó là lời hiền từ thương mến.

Có năm việc không kham chịu được: Là năm điều gì?

Như Bậc Bí-sô A-la-hán các lậu hoặc đã dứt hết nên:

1. Không thể chịu được việc nghĩ đến sự giết hại mạng sống.

2. Không thể chịu được khi nghĩ đến việc trộm cướp.
3. Không thể chịu được nghĩ đến các việc dâm dục tà hạnh.
4. Không thể chịu được khi biết đúng mà lại nói dối.
5. Không thể chịu được việc chứa nhóm và thọ hưởng các thứ dục lạc.

Vị Bí-sô A-la-hán đã dứt hết các lậu hoặc nên không thể chịu được khi nghĩ đến việc giết hại mạng sống, tức là vì lý do đó nên vị này nghĩ đến việc phải chấm dứt sinh mạng Bí-sô A-la-hán (tự sát) và do đó mà các lậu cũng chấm dứt. Đối với vị đó vĩnh đoạn đã biết khắp. Cũng giống như việc đào bới cắt đứt rễ cái và bẻ ngọn cây đa la, khiến cho đời sau không còn cách sinh lại nữa.

Vị Bí-sô A-la-hán đã dứt hết các lậu hoặc nên không chịu được còn nghĩ đến việc trộm cướp hay sống trái phạm hạnh quen thói dâm dục cũng như việc biết đúng mà lại nói dối... thì cũng như thế.

Vị Bí-sô A-la-hán đã dứt hết các lậu nên không chịu được các việc chứa nhóm và hưởng thụ các thứ dục lạc nghĩa là do nhân duyên chứa nhóm và hưởng thụ dục lạc ấy mà Bí-sô A-la-hán dứt hết các lậu và đã được vĩnh đoạn, đã được biết khắp, giống như việc đào bới cắt đứt rễ cái và bẻ ngọn cây đa la khiến không còn sinh lại kiếp sau nữa.

Có năm sự sống đáng quý: Đó là năm điều gì?

1. Quý thầy nên biết, các hàng đệ tử Phật thường ở chỗ Như Lai mà tu tập gieo trồng tịnh tín và an trụ vào sinh căn, thì chẳng bị các Sa-môn, Bà-la-môn, các Thiên vương, Ma vương và Phạm thiên hoặc các cõi thế gian khác đúng pháp rủ rê cướp đoạt. Đó là sự sống quý thứ nhất.

2. Lại nữa quý vị, các hàng đệ tử chư Phật, luôn có tánh ngay thẳng không hề dua nịnh dối lừa. Ở chỗ bậc Đại sư và các kẻ trí đồng tu phạm hạnh thì đúng như thật trình bày rõ ràng. Đây là sự sống thứ hai.

3. Lại nữa quý thầy, các hàng đệ tử chư Phật thường ít tật không bệnh hoạn, bụng dạ chắc chắn, không nóng quá hay lạnh quá. Thời tiết khí hậu luôn điều hòa không có các sự khổ não buồn lo, do đó mà ăn uống dễ tiêu hóa. Đó là sự sống quý thứ ba.

4. Lại nữa quý thầy, các hàng đệ tử chư Phật luôn luôn sống trong siêng năng cần mẫn, hăng hái mạnh mẽ bền bỉ, đối với các pháp thiện không bao giờ trái phép tắc. Giả sử như chỉ còn da bọc xương còn máu thịt đều khô tóp hết thì vẫn một dạ mong cầu được chứng pháp thiện quý báu thù thắng mà luôn cố gắng hết mình, siêng năng chuyên cần hăng hái mạnh dạn bền bỉ không bao lìa bỏ việc tu tập pháp thiện. Nếu

chưa chứng được thì lại càng nỗ lực siêng đến cùng, quyết không bỏ dở nữa chừng. Đó là sự sống quý thứ tư.

5. Lại nữa quý thầy, các hàng đệ tử Phật, luôn sống an trụ thành tựu thế gian có trí tuệ sinh Thánh tuệ, xuất tuệ và trí tuệ thông đạt thấu suốt tất cả. Trí tuệ được tạo nên cũng như cả cái chánh tuệ diệt hết các khổ. Đó là sự sống quý thứ năm.

- Ở chỗ Như Lai luôn tu tập gieo trồng tịnh tín là:

Thế nào là Như Lai? Vì là bậc Giác ngộ cao tột nhất (Chánh Đẳng Giác) nên gọi là Như Lai.

Tịnh tín là sao? Như là các sự tin tưởng rằng nếu nương vào sự xuất ly và lìa bỏ thì sẽ sinh ra các pháp thiện. Như tự tánh của các thứ niềm tin, sự tùy thuận, sự ân khả. Và tính chất đã mến thích, sẽ mến thích và đang mến thích. Cũng như tự tánh của tâm thanh tịnh, nên gọi là tịnh tín. Tức là do sự tịnh tín này mà ở chỗ Như Lai đã từng tu tập gieo trồng, sẽ tu tập gieo trồng và hiện đang tu tập gieo trồng. Do đó nên nói ở chỗ Như Lai thường tu tập gieo trồng niềm tin thanh tịnh (tịnh tín).

Căn sinh là thế nào? Nghĩa là tịnh tín này có hai thứ căn: một là trí vô lậu, hai là căn thiện vô lậu nên gọi là căn sinh.

Nói về an trụ tức là do hành tướng của căn sinh như thế thì liền do đó mà có hành tướng an trụ như thế. Và nếu do có hành tướng an trụ như thế thì liền có ngay hành tướng của căn sinh như thế. Nên gọi là an trụ.

Không thể dụ dỗ tước đoạt được: Tức là vì đã thành tựu tịnh tín như thế, nên tất cả thế gian này hoặc trời, ma, Phạm thiên, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn hoặc các loại chúng sinh, trời người đều không thể dẫn đi (dụ dỗ)? Và chiếm đoạt được. Không thể dụ dỗ chiếm đoạt, không thể lật đổ, không thể khuynh đảo lật đổ tất cả, và dù rất cố gắng cùng cực cũng chẳng thể lật đổ khuynh đảo được tí nào, không thể lay động, lay động tất cả, lay động cùng cực, không thể động đây, động đây tất cả, động đây cùng cực. Thế nên nói là chẳng thể dụ dỗ chiếm đoạt được.

Đó gọi là thứ nhất, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó là hàng thứ nhất.

Nói là sự sống đều rất quý: Tức là do lòng tin thanh tịnh thêm nhiều nên tất cả thiện nam tín nữ sau này dần dần trở nên cao quý tốt đẹp, nên gọi là sự sống quý báu.

- Nói không dua nịnh. Dua nịnh là sao? Nghĩa là tất cả lòng dạ có tự tánh hiểm ác, gian trá, quanh co khúc mắc, tạp loạn, không ngay thẳng, rõ ràng, không điều hợp với tánh thiện..., điều gọi là siểm nịnh.

Nếu không siểm nịnh như thế thì gọi là không dua nịnh.

Nói không lừa dối. Lừa dối là sao? Nghĩa là lường cân sửa dấu, tráo thư trả lời. Đối với mọi người thì giả hình đổi dạng giả bộ tài tình, giả bộ lão luyện đúng kỹ thuật nghề nghiệp, giỡn chơi chọc ghẹo, mê hoặc quyến rũ... Tất cả đều gọi là lừa dối. Nếu không có các điều vừa nói thì gọi là không dối lừa.

Tánh thuần ngay thẳng, nghĩa là luôn quý trọng sự sáng sửa rõ ràng, không siểm nịnh, không lừa dối, nên nói là tánh thuần ngay thẳng.

Ở chỗ bậc Đại sư và các người trí tu phạm hạnh thì đúng như thật tự hiện bày đó.

Đại sư là sao? Đại sư là chỉ cho các Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác.

Kẻ trí đồng tu phạm hạnh là sao? Tức là chỉ cho các Tôn giả Xá Lợi Tử, Đại Thái Thức Thị, Đại Quãng Cấu thị, Đại Ca Diếp Ba, Đại Chấp Tăng, Đại Kiếp Phỉ Na, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Chuẩn Đà, Đại Thiện Kiến, Đại Lộ, Đại Danh, Vô Diệt Dục Lạc, Kim Tỳ La v.v...

Đều có người trí đồng tu phạm hạnh: Nếu quý vị nào nhiều tham sân si có trái phạm lỗi lầm thì nên ở chỗ bậc Đại sư và các kẻ trí đồng tu Phạm hạnh mà đúng như thật trình bày đầy đủ rõ ràng, khai ra phát lộ sám hối, không chút che giấu. Do đó nên nói ở chỗ Đại sư và các người trí đồng tu Phạm hạnh đúng như thật mà trình bày rõ ràng.

Là điều thứ hai: Tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ hai.

Nói là sự sống quý: Là vì không có dua nịnh lừa dối thêm nhiều, nên các thiện nam hoặc tín nữ sau này dần dần trở nên cao quý. Nên nói là sự sống quý báu.

- Nói là ít bệnh, nhiều bệnh là sao? Tức là như đau đầu v.v... rộng nói thêm đầy đủ. Và các thứ bệnh hoạn bức bách ép ngặt hành hạ khổ sở khác hay tạo ra các thứ chạm xúc chẳng an ổn, còn trong thân thì có nhiều bệnh tật. Như vậy nếu thân không có các bệnh tật thì gọi là ít bệnh.

Nói là không bệnh hoạn, là nói thêm về ít tật bệnh (nhấn mạnh thêm) như để chỉ việc bụng dạ không lạnh quá hay nóng quá và thời tiết điều hòa không có các sự khổ não buồn lo. Do đó mà ăn uống dễ tiêu hóa, là người ấy đã thành tựu được việc không lạnh quá hay nóng quá. Luôn thành tựu bình thường, (bình đẳng) hai tạng sống chín.

Nếu khi có cái tạng lạnh quá, thì các thức ăn uống chậm chạp khó tiêu, khiến thân thể nặng nề, không thể chịu đựng và làm việc tốt được,

không thể siêng năng chuyên cần tu tập các hạnh đoạn diệt cao quý.

Nếu khi có cái tạng quá nóng, thì các thức ăn uống mau (chín) tiêu hóa quá nhanh, khiến thân thể ốm gầy suy yếu, không thể chịu đựng làm việc được, không thể siêng năng chuyên cần tu tập pháp đoạn diệt cao quý. Do người đó thành tựu được hai tạng sống chín không lạnh quá nóng quá và thời tiết (giờ giấc) điều độ điều hòa không có các sự khổ não buồn lo, nên khi ăn uống thì dễ tiêu hóa, khiến thân thể khỏe mạnh mập mạp, làm được nhiều việc và có thể siêng năng gắng sức chuyên cần tu tập hạnh đoạn diệt cao quý.

Đó gọi là hàng thứ ba: Tức là thuận theo thứ tự mà liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ ba.

Gọi là sự sống cao quý, là do sự ít tật bệnh này càng nhiều thêm thì các thiện nam tín nữ sau này càng trở nên cao quý. Do đó mà gọi là sự sống cao quý.

- Luôn trụ trong chuyên cần siêng năng.

Tinh tấn là sao? Nếu đối với pháp xuất ly và lìa bỏ để sinh ra các pháp thiện mà cố gắng siêng năng, chuyên cần hăng hái, mạnh mẽ bền bỉ, lòng luôn tiến bước không gì ngăn cản được thì gọi là tinh tấn. Do đã thành tựu được sự tinh tấn như thế nên người đó có thể tu tập rèn luyện được các hạnh cao quý tốt đẹp. Luôn siêng năng tiến bước đến khi chứng nhập được, nên gọi là chuyên cần siêng năng.

Nói luôn trụ trong chuyên cần, là người này đã siêng năng gắng sức đầy đủ đạt thượng phẩm.

Có chuyên cần, là hiểu bày rõ ràng sự siêng năng chắc chắn bền bỉ.

Có hăng hái mạnh mẽ bền bỉ, là do đã thành tựu được sức tinh tấn siêng năng đó rồi, nên quyết mạnh giữ chắc sự kiên trì bền bỉ, giữ chắc các lợi ích lớn, giữ chắc các thứ cần giữ chặt. Đó là khéo léo không lầm lỗi tùy theo mỗi sự chấp chặt có ích mà luôn giữ mãi chẳng rời. Cũng như khi đã dựng được nước nhà rồi thì khéo cai trị giữ gìn. Nên gọi là có sức hăng hái mạnh mẽ bền bỉ.

Đối với các pháp thiện không bao giờ buông bỏ các quy tắc là luôn siêng năng bền bỉ chuyên cần tu tập các pháp thiện không gián đoạn.

Vì mong cầu được chứng pháp thiện quý báu thù thắng, nếu chưa chứng được thì càng siêng năng hăng hái nỗ lực hết mình quyết không bỏ dỡ nửa chừng. Nghĩa là nếu chưa chứng được quả A-la-hán thì luôn siêng năng hăng hái cố gắng hết mức chứ không biếng lười bỏ dỡ. Do đó nên nói là vì mong cầu được chứng pháp thiện. Nếu chưa chứng được

thì càng chuyên cần siêng năng cố gắng hăng hái quyết không bỏ dở nửa chừng.

Là hàng thứ tư: Tức là thuận theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ tư.

- Nói là sự sống cao quý. Do sự tinh tấn chuyên cần thêm nhiều, nên các thiện nam, tín nữ sau này sẽ trở nên cao quý. Nên gọi là sự sống cao quý.

An trụ trong trí tuệ đầy đủ. Tuệ là gì? Tức là nương vào sự xuất ly, lìa bỏ để sinh ra các pháp thiện, mà đối với các pháp tướng thì phân biệt tuyển chọn, tuyển chọn kỹ hết mức. Rộng nói cho đến Tỳ-bát-xá-na. Thì gọi là tuệ.

Nói an trụ, là do đã thành tựu được tuệ như thế, cho nên đối với các pháp tướng có thể thực hiện được các hạnh cao quý để tiến đến sự chứng quả, giác ngộ. Do đó mà nói là an trụ trong cụ tuệ (trí tuệ đầy đủ).

Thành tựu được trí tuệ sinh diệt của thế gian, thế gian thì tức là năm uẩn, đó là Sắc, thọ, tưởng, hành, thức các uẩn đó luôn bị chấp chặt. Vì người đó đã thành tựu được cái tuệ như thế nên biết đúng như thực về sự sinh ra và biến đổi hư mất của năm uẩn chấp ấy. Do đó nên nói thành tựu được cái tuệ có sinh diệt của thế gian.

Nói về Thánh tuệ thì có hai loại Thánh: một là thiện nên gọi là Thánh, hai là vô lậu cũng gọi là Thánh. Tuệ đầy đủ này gồm cả hai thứ Thánh đó nên gọi là Thánh tuệ.

Nói về xuất tuệ, là người đó đã thành tựu được tuệ như thế nên có thể vượt thoát ra khỏi cõi Dục và có thể xuất ly cả cõi Sắc và cõi Vô sắc nữa. Nên nói là xuất tuệ.

Tuệ khéo thông đạt thấu suốt, là người đó đã thành tựu được tuệ như thế, nên đối với các đế khổ-tập-diệt-đạo đều thấu suốt rõ ràng các tướng của khổ tập diệt đạo, khéo léo, giỏi thấu suốt và phân biệt được tất cả mọi thấu suốt thông đạt cho nên gọi là tuệ khéo thông đạt thấu suốt.

Tuệ được tạo nên (sở tác), nghĩa là người nay do học mãi các đạo hạnh không gián đoạn nên được trí tuệ tuyệt diệu, nên trong đây gọi đó là tuệ do người ấy tạo nên.

Chánh tuệ diệt hết các khổ. Chánh là gì? Tức là chỉ cho các nhân, các pháp môn, các lý thú, các hành tướng..., nên gọi là chánh.

Tuệ diệt hết các khổ, thì năm uẩn chấp gọi là khổ. Trí tuệ này khiến năm uẩn ấy dứt hết, cùng hết, hết khắp tất cả, tới được sự vĩnh

tận. Nên gọi là tuệ dứt hết các khổ.

Đó là hàng thứ năm, tức là theo thứ tự đếm dần lên liên tục thì nó là hàng thứ năm.

Nói là sự sống cao quý, tức là trí tuệ đầy đủ (cụ tuệ) này càng thêm nhiều, nên các thiện nam, tín nữ dần dần sau này sẽ trở nên cao quý, nên gọi là sự sống cao quý.

Có năm thứ tướng thành thực giải thoát:

1. Tướng vô thường.
2. Tướng khổ vô thường.
3. Tướng khổ vô ngã.
4. Tướng chán ghét ăn uống.
5. Tướng về chết.

- Thế nào là tướng vô thường?

Đáp: Tất cả các hành đều vô thường. Đối với các hành vô thường từ chỗ vô thường đó mà đúng lý suy tư tìm xét các tướng hiện đang xảy ra trước mắt, các tướng đã qua, các tướng sắp tới, và các tướng hiện tại, nên gọi là tướng vô thường.

- Thế nào là tướng khổ vô thường?

Đáp: Tất cả các hành đều vô thường, do vì vô thường nên có khổ. Do có hành khổ cho nên có các tướng khổ. Nay đúng lý mà suy tư tìm xét các tướng hiện đang xảy ra trước mắt, mà tướng về các tướng đã qua, chưa tới và đang trong hiện tại, nên gọi là tướng khổ vô thường.

- Thế nào là tướng khổ vô ngã?

Đáp: Tất cả các hành đều vô thường. Vì vô thường cho nên khổ, vì khổ nên vô ngã. Đối với vô ngã của các hành vô ngã mà đúng lý suy tư tìm xét các tướng đang xảy ra trước mắt, mà tướng về các tướng đã qua, các tướng chưa đến và các tướng trong hiện tại, nên gọi là tướng khổ vô ngã.

- Thế nào là tướng chán ghét sự ăn uống?

Đáp: Tất cả các thầy Bí-sô đều cần phải ăn uống, vậy nên từ các thức ăn đó mà khởi lên các ý niệm chán ghét, các ý niệm ghê tởm chê bỏ hãy lấy cái tướng bất tịnh mà tướng xét về các thức ăn.

Việc đó như thế nào? Như đối với cơm và cháo như thì nên liên tưởng đến sự sinh chướng của thầy chết. Còn đối với cháo, canh thịt, thì nên liên tưởng tới phân lỏng của người. Các thứ sữa, tô lạc còn tươi thì liên tưởng tới ốc nã. Còn các thứ sữa, dầu mỡ, đường, mật đã chín thì liên tưởng tới mỡ sa, mỡ nước. Các thứ gạo khô (bún gạo) thì liên tưởng tới xương nát vụn, còn bánh thì liên tưởng tới da người, muối thì tưởng

là răng bị nát vụn. Còn các thứ củ rễ cộng đọt của rau tươi, cành lá thì nên liên tưởng tới tóc mọc trên đầu lâu, sọ người. Các thứ nước uống được thì nghĩ tới máu mủ... đó là đối với phần ăn uống mà khởi lên các ý tưởng ghê tởm, chán ghét, do dùng cái quán bất tịnh mà nhìn xét thức ăn. Cứ luôn nghĩ tưởng như thế ở trước mắt, hay đã sắp tới và trong hiện tại... đó gọi là tưởng chán ghét sự ăn uống.

- Thế nào là tưởng về sự chết?

Đáp: Đối với thân thể mạng sống đang rất đẹp đẽ mà khởi ý tưởng suy xét đến sự vô thường với các tưởng như thế ở trước mắt, trong quá khứ, ở tương lai và trong hiện tại.

Đó là năm thứ tưởng thành thực giải thoát.

Vì sao lại gọi năm thứ đó là tưởng thành thực giải thoát? Giải thoát có ba thứ: Là tâm giải thoát, Trí tuệ giải thoát và vô vi giải thoát. Do năm thứ tưởng giải thoát hữu vi này, nếu ai chưa có thì nên khiến chúng sinh ra. Nếu đã có rồi thì nên khiến nó càng thêm bền chắc to rộng hơn. Do đó mà nhanh chóng chứng được vô vi giải thoát. Do nhân duyên (lý do) này nên gọi là tưởng thành thực giải thoát.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 14

Phẩm 6: NĂM PHÁP, Phần 4

Có năm lĩnh vực giải thoát:

1. Quý vị nên biết! Nếu các Bí-sô hay các Bí-sô ni được hoặc bậc Đại sư nói các pháp yếu, hoặc một vị có trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng như bậc Đại sư nói các pháp yếu, hoặc vì có trí đồng tu phạm hạnh nói các pháp yếu. Các pháp yếu như thế người ấy đều hiểu biết đúng đắn. Do hiểu biết đúng đắn hoặc pháp hoặc nghĩa nên liền sinh vui, vì vui nên sinh mừng. Tâm mừng vui nên thân nhẹ nhàng khoan khoái, thân nhẹ nhàng khoan khoái nên nhận được niềm hoan lạc. Do có hoan lạc nên tâm yên định, tâm yên định nên thấy biết như thật, thấy biết như thật nên sinh chán ghét, vì chán ghét mới lìa bỏ, vì lìa bỏ nên được giải thoát. Đó là lĩnh vực giải thoát thứ nhất. Thế nên các vị Bí-sô, Bí-sô ni nên an trụ vào lĩnh vực đó. Nếu ai niệm chưa trụ thì nên trụ vào chánh niệm, tâm chưa định thì nên trụ vào chánh định, lậu chưa dứt thì nên dứt trừ các lậu, chưa chứng được Niết-bàn an ổn vô thượng thì hãy nhanh chóng chứng ngộ.

2. Lại nữa quý vị, nếu các Bí-sô, Bí-sô ni, dù không có bậc Đại sư hay một vị có trí đồng tu phạm hạnh đáng quý trọng để nói các pháp yếu. Nhưng chính mình thường lớn tiếng đọc tụng các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe. Do vì đã lớn tiếng đọc tụng như thế nên hiểu biết đúng đắn về pháp hoặc nghĩa của các pháp yếu ấy. Do đó mà sinh vui, vì vui nên mừng, vì tâm mừng nên thân nhẹ nhàng khoan khoái, vì thân nhẹ nhàng khoan khoái nên nhận được niềm hoan lạc. Do có hoan lạc nên tâm yên định, tâm yên định nên thấy biết như thật, thấy biết như thật nên sinh chán ghét, vì chán ghét nên lìa bỏ, vì lìa bỏ nên được giải thoát. Đây là lĩnh vực giải thoát thứ hai. Thế nên các vị Bí-sô, Bí-sô ni hãy nên an trụ vào lĩnh vực đó. Nếu ai niệm chưa trụ thì nên trụ vào chánh niệm, tâm chưa định thì nên trụ vào chánh định, lậu chưa dứt thì

nên dứt trừ các lậu, chưa chứng được Niết-bàn an ổn vô thượng thì hãy nhanh chóng chứng ngộ.

3. Lại nữa quý vị, nếu có các Bí-sô, Bí-sô ni không có bậc Đại sư hay một vị có trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng đến nói pháp yếu, cũng không lớn tiếng đọc tụng các pháp yếu đã từng được nghe mà chỉ thường vì người khác mà diễn giảng chỉ bày các điều, các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe. Do vì diễn giảng chỉ bày cho người khác các pháp yếu nên đã hiểu biết đúng đắn về pháp hoặc nghĩa của chúng. Do đó mà sinh vui, vì vui nên mừng, vì tâm mừng nên thấy nhẹ nhàng khoan khoái, vì thân nhẹ nhàng khoan khoái nên nhận được niềm hoan lạc. Do có hoan lạc nên tâm yên định, tâm yên định nên thấy biết như thật, thấy biết như thật nên sinh chán ghét. Vì chán ghét nên lìa bỏ, vì lìa bỏ nên được giải thoát. Đó gọi là lĩnh vực giải thoát thứ ba. Thế nên quý vị Bí-sô, Bí-sô ni hãy nên an trụ vào lĩnh vực đó. Ai mà niệm chưa trụ thì nên trụ vào chánh niệm, tâm chưa định thì nên trụ vào chánh định, lậu chưa dứt thì nên diệt trừ các lậu, chưa chứng được Niết-bàn an ổn vô thượng thì hãy nhanh chóng chứng ngộ.

4. Lại nữa quý vị, nếu các Bí-sô, Bí-sô ni, tuy không có Đại sư hoặc một bậc trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng khác đến nói pháp yếu cũng không lớn tiếng đọc tụng hay vì người khác mà diễn giảng rộng nói chỉ bày các pháp yếu, mà chỉ riêng ở nơi vắng vẻ một mình tự suy nghĩ xét lường quan sát các điều pháp yếu rất ráo đã từng được nghe qua. Do chỉ riêng mình suy nghĩ xét lường quan sát các pháp yếu rất ráo nên đã hiểu biết đúng đắn về pháp và nghĩa của các pháp yếu ấy. Do đó mà sinh vui, vì vui nên mừng, vì tâm mừng nên thân nhẹ nhàng khoan khoái, thân nhẹ nhàng khoan khoái rồi nên nhận được niềm hoan lạc. Do có hoan lạc nên tâm yên định, tâm yên định nên thấy biết như thật, thấy biết như thật nên sinh chán ghét. Vì chán ghét nên mới lìa bỏ, vì lìa bỏ nên được giải thoát. Đó gọi là lĩnh vực giải thoát thứ tư. Thế nên quý vị Bí-sô, Bí-sô ni hãy nên trụ vào lĩnh vực đó. Ai có niệm chưa trụ thì nên trụ vào chánh niệm, tâm chưa định thì nên trụ vào chánh định, lậu chưa dứt thì nên dứt trừ các lậu, chưa chứng được Niết-bàn an ổn vô thượng thì hãy nhanh chóng chứng ngộ.

5. Lại nữa quý vị, nếu các Bí-sô, Bí-sô ni tuy không có Đại sư hay bậc trí đồng tu phạm hạnh khác đáng tôn trọng đến nói các pháp yếu, cũng không lớn tiếng đọc tụng các pháp yếu hay vì giảng nói chỉ bày các pháp yếu, cũng không ở chỗ vắng vẻ chỉ một mình suy tư xét lường quan sát các pháp yếu rất ráo đã từng nghe được, nhưng có bao nhiêu

nghĩa lý sâu xa thì khéo léo giữ gìn tuân hành vào một tướng nhất định. Và với cái tướng đó mà luôn luôn khéo léo suy tư tìm hiểu rồi hiểu biết rõ ràng và thông suốt thấu đáo. Do đó mà hiểu đúng đắn về pháp hoặc nghĩa của các pháp yếu rất ráo đó. Do đó mà sinh vui, vì vui nên mừng. Vì tâm mừng nên thân nhẹ nhàng khoan khoái, thân nhẹ nhàng khoan khoái nên nhận được niềm hoan lạc. Vì có hoan lạc nên tâm yên định, tâm yên định nên thấy biết như thật, thấy biết như thật nên sinh chán ghét, vì chán ghét nên mới lìa bỏ, vì lìa bỏ nên được giải thoát. Đó là lĩnh vực giải thoát thứ năm. Thế nên quý vị Bí-sô, Bí-sô ni hãy nên trụ vào lĩnh vực đó. Ai có niệm chưa trụ thì nên trụ vào chánh niệm, tâm chưa định thì nên trụ vào chánh định, lậu chưa dứt thì hãy dứt trừ các lậu, chưa chứng được Niết-bàn an ổn tốt bậc thì hãy nhanh chóng chứng ngộ.

Ở trong đây khi nói bậc Đại sư hay bậc trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng đến nói pháp yếu.

Đại sư ấy là ai? Đại sư đó chính là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Bậc trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng đó là ai? Đó là các Tôn giả: Kiều Trần Na, Mã Thắng, Hiền Thắng, Vụ Khí, Đại Danh, Na Xá, Viên Mãn, Vô Cấu, Diệu Tý, Ngưu Chủ, Xá Lợi Tử, Đại Thái Thực Thị, Đại Ca Diếp Ba, Đại Kiếp Phỉ Na, Đại Quán Cấu Thị, Đại Ca Đa Diễn Na, Đại Chấp Tàng, Đại Thiện Kiến, Đại Lộ, Tùy Thuận Vô Diệt Dục Lạc, Kim Tỳ La v.v... đều gọi là bậc trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng.

Pháp là gì? Là danh từ, câu nói, câu văn thì gọi là pháp. Tức là trước đây bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng đã dùng các thứ danh từ, câu nói, câu văn để nói giảng cho mọi người trình bày, lập nên các luận thuyết, giải bày phân biệt, chỉ dẫn rõ ràng. Do đó mà nói là pháp yếu. Như các pháp yếu do các Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh đáng tôn trọng nói ra như thế, như thế..., thì người ấy hiểu biết đúng đắn về pháp hoặc nghĩa.

Hiểu biết đúng đắn về pháp là sao? Với danh từ, câu nói, câu văn thì gọi là pháp. Người ấy đối với các pháp đó mà hiểu tất cả, hiểu gần, hiểu rõ ràng, thấu suốt sự sai khác về phẩm chất và chủng loại của nó. Vì đã chứng được trí không hai và không lui sụt, nên có thể hiểu biết đúng đắn về pháp.

Hiểu biết đúng đắn về nghĩa là sao? Được danh từ, câu nói, câu văn chỉ bày nói về nó, nói khắp tất cả để trình bày, chỉ rõ, biểu thị thì

gọi là nghĩa. Đối với nghĩa này, người đó hiểu biết tất cả, hiểu gần, hiểu rõ ràng, thấu suốt được chỗ sai khác về phẩm chất và chủng loại của nó. Vì đã chứng được trí không hai và không lui sụt, nên có thể hiểu biết đúng đắn về nghĩa.

Do hiểu biết đúng đắn về pháp hoặc nghĩa nên sinh ra vui, tức là đầu tiên thì sinh ra mừng gọi là vui. Với niềm vui này người đó khởi tất cả, sinh tất cả, đang chuyển đổi, tu tập và xuất hiện. Do đó mà nói sinh ra vui.

Vì vui nên sinh ra mừng, nghĩa là vui hết mực thì gọi là mừng. Đối với mừng này, người ấy khởi tất cả, sinh tất cả, đang chuyển đổi tu tập và xuất hiện. Do đó mà nói vui sinh ra mừng. Tâm mừng nên thân nhẹ nhàng khoan khoái, người ấy từ vui sinh ra tâm mừng, nên trong pháp hiện đời thì thân nặng nên có tính chất bị đoạn diệt: Tâm nặng cũng bị đoạn diệt. Thân chịu đựng làm việc được, tâm cũng chịu đựng làm việc được. Nếu thân tinh tế linh hoạt thì tâm cũng thế, thân nhẹ nhàng khoan khoái thì tâm cũng vậy. Thân lìa sự che lấp, tâm cũng thế, thân biếng lười tâm cũng thế, thân không mỗi một bề trở tâm cũng thế. Do đó mà nói tâm vui mừng thì thân cũng khoan khoái nhẹ nhàng.

Thân khoan khoái nhẹ nhàng nên nhận được niềm hoan lạc. Nghĩa là thân đã chịu đựng được, làm được thì thân cũng chịu đựng làm việc được... Rộng nói cho đến thân không mỗi một tâm cũng thế, thân có niềm vui thì tâm cũng vui mừng tuyệt diệu. Do đó nên nói thân nhẹ nhàng khoan khoái nên nhận được hoan lạc.

Vì có hoan lạc nên tâm yên định, nghĩa là vì có hoan lạc nên xa lìa được mọi cực nhọc mệt mỏi. Vì không cực nhọc mệt mỏi nên pháp hạnh bình đẳng, cho nên tâm trụ được an trụ vào tất cả, trụ gần nhất và một hướng tiến đến được Tam-ma-địa. Do đó nên nói có hoan lạc thì tâm yên định.

Tâm định nên thấy biết đúng như thật, nghĩa là người ấy khi có tâm đã trụ vào chỗ không có hai, không có chuyển đổi. Bấy giờ thì đối với khổ thì thấy biết như thật đó là khổ. Đối với các thứ tập, diệt, đạo cũng thấy biết như thật đó là tập, diệt, đạo. Do đó nên nói tâm định nên thấy biết đúng như thật.

Vì thấy biết như thật nên sinh chán ghét, là khi người ấy đối với khổ biết như thật đó là khổ, đối với tập, diệt, đạo cũng thấy biết như thật đó là tập, diệt, đạo, thì lúc đó đối với năm uẩn liền sinh chán ghét nghịch ý. Do đó mà nói thấy biết như thật nên sinh chán ghét.

Vì chán ghét nên lìa bỏ, là khi người đó đối với năm uẩn sinh ý

chán ghét trái nghịch thì bấy giờ đối với ba gốc tội ác là tham, sân, si có thể làm cho mỏng bớt, nhẹ bớt đi. Giống như người đem các áo màu xanh, vàng nhúng nước rồi phơi dưới ánh mặt trời chói chang thì các màu sắc ấy sẽ phai nhanh. Như thế vì đã chán ghét năm uẩn mà làm giảm nhẹ bớt ba gốc độc tham, sân, si, nên nói là vì chán nên lìa bỏ.

Vì lìa bỏ nên được giải thoát, là khi người ấy đã giảm nhẹ đi ba gốc độc thì tâm người ấy đối với tham, sân, si sẽ được giải thoát.

Đó là hàng thứ nhất, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ nhất.

Lĩnh vực giải thoát. Vì sao ở đây gọi là lĩnh vực giải thoát? Trong đây có bảy thứ gọi là lĩnh vực giải thoát đó là:

1. Hiểu biết đúng đắn về pháp.
2. Hiểu biết đúng đắn về nghĩa.
3. Vui.
4. Mừng.
5. Nhẹ nhàng khoan khoái.
6. An lạc.
7. Định.

Thế nên các Bí-sô, Bí-sô ni v.v..., ấy là khuyên nên học đạo lý không gián đoạn. Đối với nghĩa trong đây nói các Bí-sô, Bí-sô ni nên an trụ vào lĩnh vực đó. Nghĩa là nên trụ vào lĩnh vực đó, cùng trụ, trụ gần. Nên nói là an trụ vào lĩnh vực đó.

Ai có niệm chưa trụ thì nên trụ vào chánh niệm, tức nên trụ vào tứ niệm trụ (tứ niệm xứ).

Tâm chưa định thì nên trụ vào chánh định, tức nên trụ vào bốn thứ thiền định.

Lậu chưa dứt thì nên dứt trừ các lậu.

Các lậu là gì? Có ba thứ lậu, đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người này, đối ba thứ lậu đó dứt hết, cùng dứt, dứt khắp, hiện đang dứt, sẽ dứt và dứt trừ nhanh chóng. Do đó mà nói lậu chưa dứt thì nên dứt trừ các lậu.

Chưa chứng được Niết-bàn an ổn tốt bậc thì hãy nhanh chóng chứng ngộ, nghĩa là các ái dục đã dứt hết, lìa bỏ, tịch diệt và Niết-bàn, nên nói là Niết-bàn an ổn tốt bậc, người ấy nhanh chóng ở trong đó mà được tùy thuận với Niết-bàn, tiếp xúc với Niết-bàn và chứng được Niết-bàn. Do đó mà nói chưa chứng Niết-bàn an ổn tốt bậc thì nên nhanh chóng chứng ngộ.

Giỏi lớn tiếng đọc tụng các pháp yếu rốt ráo đã từng được nghe

theo, nghĩa là dùng âm thanh to lớn mà đọc tụng các pháp yếu như đã nghe trước đây.

Mà hay vì người khác mà rộng nói diễn giảng chỉ bày các pháp yếu rất ráo, đã từng nghe, nghĩa là người ấy giỏi vì người khác mà nói, trình bày lập nên các luận thuyết, tỏ bày phân biệt, giảng giải rõ ràng các pháp yếu như đã nghe trước đây.

Giỏi ở riêng chỗ vắng vẻ yên tịnh một mình suy xét, tính lường, quan sát theo các pháp yếu rất ráo đã từng được nghe.

Có bao nhiêu nghĩa lý sâu xa, tức là riêng một mình ở chỗ vắng vẻ yên tịnh mà suy nghĩ tìm xét khắp các phương diện, chọn lựa kỹ càng, quan sát tinh tế như các nghĩa lý sâu xa của các pháp yếu rất ráo mà đã từng được nghe trước đây.

Lại khéo tuân hành giữ gìn một tướng nhất định, đối với tướng nhất định ấy người đó khéo suy tư tìm hiểu, lại khéo hiểu biết rõ ràng và thông suốt thấu đáo, nghĩa là khéo giữ gìn nhất định và các định tướng. Đối với tướng nhất định ấy, người này hay khéo suy tư tìm hiểu, lại hiểu biết rõ ràng và thông suốt thấu đáo rành rẽ việc nhập trụ xuất tướng. Còn các điều khác thì như trước đã nói.

- Có năm căn:

1. Tín căn.
2. Tinh tấn căn.
3. Niệm căn.
4. Định căn.
5. Tuệ căn. Đây là tướng của năm căn, như trước đã nói

nhiều.

- Có năm lực:

1. Tín lực.
2. Tinh tấn lực.
3. Niệm lực.
4. Định lực.
5. Tuệ lực.

- Tín lực là sao?

Đáp: Ở chỗ Như Lai luôn tu tập gieo trồng các thứ tịnh tín sinh căn và an trụ. Chẳng bị các Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm thiên hay các cõi thế gian khác dẫn dụ chiếm đoạt. Đó gọi là tín lực.

- Tinh tấn lực là sao?

Đáp: Đối với mình khi sinh ra các điều bất thiện thì phải cố gắng diệt trừ cho dứt hẳn. Do đó mà cần phải siêng năng cố gắng luôn luôn,

cho đến đã rộng nói về bốn thứ chánh đoạn. Đó là sức tinh tấn (tinh tấn lực).

- Niệm lực là sao?

Đáp: Đối với nội thân mà trụ, mà luôn theo dõi quan sát cho đến rộng nói về bốn thứ niệm trụ (tứ niệm xứ). Nên gọi là niệm lực.

- Định lực là sao?

Đáp: Lìa bỏ các ác dục và pháp chẳng thiện, cho đến rộng nói về bốn thứ tinh lự (tứ thiền). Đó gọi là định lực.

- Tuệ lực là sao?

Đáp: Tức là hiểu biết đúng như thật rằng đây là khổ thánh đế, đây là khổ tập thánh đế, đây là khổ diệt thánh đế, đây là đường đi đến chỗ hết khổ thánh đế. Đó là tuệ lực.

Vì sao lại gọi là lực (sức)?

Đáp: Nhân vì sức như thế, nương vào các sức như thế, trụ vào các sức như thế..., thì tất cả mọi sự trói buộc chặt chẽ của tùy miên và tùy phiền não đều có khả năng cắt đứt có thể cắt đứt, đập nát, chế phục, phá hoại nó đi..., cho nên gọi là sức.

Có năm thứ chẳng trở lại (Bất hoàn):

1. Trung bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la.
2. Sinh bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la.
3. Hữu hành bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la.
4. Không hành bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la.
5. Thượng lưu bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la.

- Thế nào là Trung bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Có những chúng sinh (Bồ-đặc-già-la) ở trong hiện đời đã đoạn dứt năm kết thuận phần dưới, mà chưa đoạn dứt được năm kết thuận phần trên, cho nên còn tạo tác thêm nhiều mà khởi lên các nghiệp của dị thực và các nghiệp sinh dị thực. Do đó sau khi chết, người này có khởi ý ở trong cõi trời thuộc Sắc giới xong liền được các đạo lực vô lậu như thế, rồi tiến đến việc đoạn trừ thật hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn. Thế nên gọi là Trung bát Niết-bàn chúng sinh.

Hỏi: Vì sao lại gọi là Trung bát Niết-bàn chúng sinh?

Đáp: Do vì loại chúng sinh này có các trình độ rất mạnh mẽ, còn các kiết sử thì yếu ớt mỏng nhẹ, đã vượt thoát khỏi cõi Dục, nhưng chưa đến được cõi Sắc. Ở trong khoảng giữa đó (cõi Dục và cõi Sắc) mà được các đạo lực vô lậu như thế, rồi tiến đến việc đoạn trừ thật hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn, nên gọi là Trung Bát Niết-bàn chúng sinh.

- Thế nào gọi là Sinh bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Có các chúng sinh, ở trong hiện pháp, đối với năm kết thuận phần dưới thì đã đoạn dứt và biết khắp, còn năm kết thuận phần trên thì chưa đoạn dứt và biết khắp. Cho nên còn tạo tác thêm nhiều mà khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó sau khi chết vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới nên được sinh vào cõi trời thuộc Sắc giới, sau khi ở đó chẳng bao lâu thì chứng được đạo lực vô lậu như thế, rồi tiến đến việc đoạn trừ thật hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn, nên gọi là Sinh bát Niết-bàn chúng sinh.

Hỏi: Vì sao gọi là Sinh bát Niết-bàn chúng sinh?

Đáp: Do vì loại chúng sinh này vừa mới sinh chưa được bao lâu thì liền có được các đạo lực vô lậu như thế, rồi tiến đến việc đoạn trừ thật hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn. Nên gọi là Sinh bát Niết-bàn chúng sinh. Lại có chỗ nói loại chúng sinh đó vừa mới sinh chưa được bao lâu liền có được các đạo lực vô lậu như thế, rồi tiến đến việc đoạn trừ thật hết các kiết sử còn sót, sau đó phải sống hết kiếp rồi mới nhập vào cõi Niết-bàn vô dư, nên gọi là Sinh Bát Niết-bàn chúng sinh.

- Thế nào là Hữu hành bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Có những chúng sinh ở hiện pháp đối với năm kết thuận phần dưới thì đã đoạn dứt và đã biết khắp, còn năm kết thuận phần trên thì chưa đoạn và chưa biết khắp. Cho nên còn tạo tác thêm nhiều mà khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó sau khi chết vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới nên được sinh vào cõi trời thuộc Sắc giới. Sau đó nương vào đạo hữu hành và nhờ sức siêng năng chuyên cần và khởi ý có siêng gắng, luôn tu tập chẳng nghỉ ngơi đạo gia hạnh, rồi tiến đến việc diệt trừ hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn. Thế nên gọi là Hữu hành bát Niết-bàn chúng sinh.

Hỏi: Vì sao gọi là Hữu hành bát Niết-bàn chúng sinh?

Đáp: Do vì loại chúng sinh này y vào đạo hữu hành nhờ phần hành và cần tác ý (sức siêng năng chuyên cần mà khởi ý có siêng gắng) tu tập mãi không thôi cái đạo gia hạnh rồi tiến đến việc dứt trừ hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn. Nên gọi là Hữu hành bát Niết-bàn chúng sinh. Lại có chỗ nói loại chúng sinh này nương vào định duyên hữu vi mà tiến đến việc dứt trừ thật hết các kiết sử còn sót mà chứng nhập Niết-bàn. Nên gọi là Hữu hành bát Niết-bàn chúng sinh.

- Thế nào là Không hành bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Có các chúng sinh ở trong hiện pháp, đối với năm kết thuận

phần dưới thì đã đoạn dứt và đã biết khắp, còn năm kết thuận phần trên thì chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, cho nên còn tạo tác thêm nhiều mà khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Do đó sau khi chết rồi, vì có khởi ý ở cõi Sắc nên được sinh lên cõi trời thuộc Sắc giới. Sau đó nương vào đạo vô hành, nhờ hạnh vô cần, và tác ý vô cần, tu tập mãi không thôi, nghĩ Đạo gia hạnh, rồi tiến đến việc diệt trừ hết các kiết sử khác mà chứng nhập Niết-bàn. Nên gọi là Không hành bát Niết-bàn chúng sinh. Lại có chỗ nói: Do vì loại chúng sinh này dựa vào định, duyên nơi vô vi mà tiến đến việc diệt trừ hết các kiết sử khác rồi mới vào cõi Niết-bàn vô dư. Cho nên gọi là Không hành bát Niết-bàn chúng sinh.

- Thế nào gọi là Thượng lưu bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Có các chúng sinh ở hiện pháp, đối với năm kết thuận phần dưới thì đã đoạn dứt và đã biết khắp, còn năm kết thuận phần trên thì chưa đoạn dứt và chưa biết khắp. Cho đến hiện vào tu xen tạp cả loại tĩn lự (Thiền) thứ tư của thế tục. Đến khi sắp chết thì hạ xuống ba bậc thiên, chỉ trụ vào sơ thiên mà chết. Do đó mà tạo tác thêm lớn khởi lên các nghiệp của dị thực và sinh dị thực, cho nên khi chết đi thì khởi ý vào cõi trời Sắc, và được sinh vào cõi Sắc Phạm Chúng thiên. Sau khi sinh rồi thì hiện nhập vào đệ nhị thiên của thế tục. Đến khi chết thì tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết khởi ý vào cõi trời thuộc Sắc giới nên được vãng sinh lên cõi Sắc Quang Âm thiên. Sau khi sinh ở đó rồi hiện nhập vào đệ tam thiên của thế tục. Khi chết vì tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết vì khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới nên được vãng sinh vào cõi Sắc Biến Tịnh thiên. Sau khi sinh rồi thì hiện nhập vào đệ tứ thiên của thế tục. Khi chết vì tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới nên được vãng sinh vào cõi Sắc cõi trời Vô Phiền. Sau khi sinh rồi hiện nhập vào Trung phẩm tạp tu đệ tứ thiên của thế tục. Khi chết vì tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết rồi vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới nên được vãng sinh vào cõi Sắc cõi trời Vô Nhiệt. Sau khi sinh rồi thì hiện nhập vào Thượng phẩm tạp tu đệ tứ thiên của thế tục. Khi chết vì tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết rồi vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới cõi trời Thiện Hiện. Sau khi sinh rồi thì hiện nhập vào Thượng Thắng phẩm tạp tu đệ tứ thiên của thế tục. Khi chết vì

tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết rồi vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới, nên được vãng sinh vào cõi Sắc nơi cõi trời Thiện Kiến. Sau khi sinh rồi thì hiện nhập vào Thượng thượng phẩm tối cực viên mãn tạp tu đệ tứ thiên của thế tục. Khi chết vì tạo tác thêm nhiều nên khởi lên các nghiệp của dị thực và nghiệp sinh dị thực. Sau khi chết rồi vì có khởi ý ở cõi trời thuộc Sắc giới, nên được vãng sinh vào cõi trời Sắc cứu cánh. Sau khi sinh rồi thì mới được các đạo lực vô lậu như thế, rồi tiến đến việc diệt trừ thật hết các kiết sử khác còn sót xong mới chứng nhập vào cõi Vô dư y bát Niết-bàn. Thế nên gọi là Thượng lưu bát Niết-bàn Bồ-đặc-già-la.

Hỏi: Vì sao gọi là Thượng lưu chúng sinh?

Đáp: Có hai thứ lưu (dòng). Đó là nghiệp sinh tử và phiền não. Người này đối với hai thứ đó đều chưa đoạn dứt, chưa biết khắp. Do nhân duyên đó mà phải đi trên con đường ấy, trôi lăn lặn hụp trong dòng thác của sinh tử và phiền não ấy. Cho nên gọi là Thượng lưu chúng sinh.

Lại có nơi nói: Do vì loại chúng sinh bất hoàn (chẳng trở lại) này dần dần tiến bộ mãi lên sau này chứng được thiên định nên có thể lãnh thọ (hiểu được chứng được) được các pháp cao quý vĩnh viễn không còn lui sụt nữa. Cho nên gọi là Thượng lưu (bậc trên).

Lại còn, thượng lưu tóm tắt có hai thứ, đó là:

1. Hành cõi Sắc.
2. Hành cõi Vô sắc.

Hành cõi Sắc, tức là xem cõi trời Sắc cứu cánh là chỗ cao tột nhất.

Hành cõi Vô sắc, tức là xem cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ là chỗ cao tột nhất.

Có năm cõi trời Tịnh Cư:

1. Cõi trời Vô Phiền.
2. Cõi trời Vô Nhiệt.
3. Cõi trời Thiện Hiện.
4. Cõi trời Thiện Kiến.
5. Cõi trời Sắc Cứu Cánh.

- Thế nào là cõi trời Vô Phiền?

Đáp: Nghĩa là ở trên cõi trời Vô Phiền thì mọi người cùng xem nhau như một, là bạn bè thân thiết cùng chung số phần sống với nhau, tức cùng nương nhờ sự việc các nơi ở đều giống nhau. Lại nếu sinh vào cõi trời Vô Phiền thì hết thảy sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều vô phú vô

ký. Nên gọi là cõi trời Vô Phiền.

Lại còn vì là cõi trời Vô Phiền nên đối với khổ thì thấy là khổ, với tập thì thấy là tập, với diệt thì thấy là diệt, với đạo thì thấy là đạo. Nên gọi là cõi trời Vô Phiền.

Lại nữa vì là cõi trời Vô Phiền nên thân và tâm không hề bị buồn phiền nhiễu loạn. Vì thân tâm không bị phiền nhiễu nên nhận được sự yên vắng tịch tĩnh, khắp nơi đều trong sạch và các thọ nhận đều vô lậu vi diệu, nên gọi là cõi trời Vô Phiền. Lại còn ở cõi ấy thì tất cả đều giống nhau người này người kia chỉ khác nhau về tên gọi và các ý nghĩ nên đặt ra mà nói năng..., và gọi là cõi trời Vô phiền.

- Thế nào là cõi trời Vô Nhiệt?

Đáp: Nghĩa là ở trên cõi trời Vô nhiệt thì mọi người như một là bạn bè thân thích cùng chung số phần sống như nhau, cùng nương nhờ sự việc, nơi ở... đều giống nhau. Lại nếu sinh vào cõi đó thì hết thấy sắc thọ tưởng hành thức đều vô phú vô ký nên gọi là cõi trời Vô Nhiệt.

Lại còn vì là cõi trời Vô Nhiệt nên đối với khổ thì thấy là khổ, đối với tập, diệt, đạo..., cũng thấy rõ là tập, diệt, đạo. Lại còn sinh lên cõi ấy thì thân và tâm không hề bị nóng nảy buồn rầu (nhiệt não) do thân tâm không bị buồn rầu nóng nảy nên lãnh thọ được sự yên vắng tịch tĩnh, khắp nơi đều trong sạch và các thọ nhận đều vô lậu vi diệu nên gọi là cõi trời Vô Nhiệt.

Lại còn ở cõi này thì mọi người đều giống nhau chỉ khác nhau về tên gọi và ý nghĩ..., nên đặt ra mà nói năng..., và gọi là cõi trời Vô nhiệt.

- Thế nào là cõi trời Thiện Hiện?

Đáp: Nghĩa là ở cõi trời Thiện Hiện thì mọi người đều như một, là bạn bè thân thích cùng chung số phần sống như nhau, cùng nương nhờ sự việc nơi ở đều giống nhau. Lại nếu sinh vào cõi trời Thiện Hiện thì hết thấy sắc thọ tưởng hành thức đều vô phú vô ký. Lại nữa, vì là cõi trời Thiện Hiện nên đối với khổ thì thấy là khổ, với tập diệt đạo cũng thấy rõ là tập diệt đạo. Lại nữa, vì là cõi trời Thiện Hiện nên người ở đó có hình sắc rất đẹp đẽ tuyệt diệu, thanh tịnh uy nghiêm mọi người đều thích nhìn ngắm, đẹp đẽ hơn cả hai cõi trời Vô Phiền, Vô Nhiệt nhiều, nên gọi là Thiện Hiện. Lại còn ở cõi này thì mọi người đều giống nhau. Chỉ khác nhau về tên gọi và ý nghĩ... Nên đặt ra mà nói năng và gọi là cõi trời Thiện Hiện.

- Thế nào là cõi trời Thiện Kiến?

Đáp: Nghĩa là ở cõi trời Thiện kiến thì mọi người đều như một, là

bạn bè thân thích cùng chung số phần sống như nhau cùng nương nhờ sự việc nơi ở đều giống nhau. Lại nếu sinh vào cõi đó thì hết thảy sắc thọ tướng hành thức đều vô phú vô ký. Lại còn, vì là cõi trời Thiện kiến nên đối với khổ thì thấy là khổ, với tập diệt đạo cũng thấy rõ là tập diệt đạo. Lại nữa vì là Thiện kiến nên người ở cõi đó hình sắc chuyển đổi (trở nên) đẹp đẽ tuyệt diệu, rất thanh tịnh oai nghiêm, mọi người đều rất thích nhìn ngắm, ở đây còn hơn cả ba cõi Vô Phiền, Vô nhiệt và Thiện hiện nhiều, nên gọi là Thiện kiến. Lại còn ở cõi này thì mọi người đều giống nhau, chỉ khác nhau về tên gọi và các ý nghĩ..., nên đặt ra và nói năng và gọi là cõi trời Thiện Kiến.

- Thế nào là cõi trời Sắc Cứu Cánh?

Đáp: Nghĩa là ở cõi trời Sắc Cứu Cánh thì mọi người đều như một, là bạn bè thân thích cùng chung số phần sống như nhau cùng nương nhờ sự việc nơi ở đều giống nhau. Lại nếu sinh vào cõi đó thì các thứ sắc thọ tướng hành thức đều vô phú vô ký. Lại còn vì là cõi trời Sắc Cứu Cánh nên đối với Khổ thì thấy là Khổ, thấy Tập Diệt Đạo cũng thấy rõ là Tập Diệt Đạo. Lại nữa vì là cõi Sắc Cứu Cánh thiện nên có được tự thể là đối với cái sắc đẹp đẽ thì thuộc vào hàng cao quý bậc nhất nên gọi là Sắc Cứu Cánh. Cõi này cũng gọi là Ngại Cứu Cánh thiên. Ngại nghĩa là có ngại vì có thân nhưng đây là chỗ có thân ngại rất ráo tốt đẹp nhất, nên gọi là Ngại Cứu Cánh thiên. Lại còn, ở cõi này thì mọi người đều giống nhau chỉ khác về tên gọi và các ý nghĩ nên đặt ra và nói năng và gọi là cõi trời Sắc Cứu Cánh hoặc là cõi trời Ngại cứu cánh. Đó là cõi Sắc Cứu Cánh thiên hoặc Ngại Cứu Cánh thiên.

Có năm lĩnh vực xuất ly: Những gì là năm?

1. Quý thầy nên biết! Có các hàng đệ tử Phật đa văn có sự thấy biết rất tinh tế nhạy bén. Như khi nghĩ về các dục thì tâm đối với các dục không đi sâu vào, không thích thú tin ưa, không sống trong đó, không hay biết chi cả mà co lại, lại không dám đuổi theo nó, từ chối buông bỏ tất cả, ghê tởm khinh bỉ, chế ngự các sai trái. Cũng giống các sợi gân hay lông chim co rút lại khi bị đốt cháy vậy. Những hàng đệ tử Phật đa văn có sự thấy biết nhanh nhạy tinh tường nên đối với các dục thì tâm không chạy theo nó. Nhưng khi nghĩ đến sự xuất ly vượt thoát ra ba cõi thì lòng tin tưởng vui vẻ thâm nhập ngay vào, an trụ trong đó, có hiểu biết rõ, không hề co lại mà thoải mái ung dung, lòng không chán ghét mà tháo vác lạnh lợi tâm luôn an lạc dễ dàng thuận lợi cho việc tu tập. Đối với các điều kiện của dục khởi lên các lậu hoặc gây nên bao tổn hại đau buồn thì họ đều giải thoát cả. Từ chỗ xa lìa dục mà

giải thoát mọi trói buộc thì không còn tiếp nhận các thọ nhận của các nhân duyên của chúng nữa. Như thế gọi là Dục xuất ly. Đối với giận dữ không còn giận dữ nữa với tàn hại cũng không tàn hại nữa, đối các sắc là không sắc. Phải nên biết như thế.

2. Quý thầy nên biết! Có các hàng đệ tử Phật đa văn (học rộng) có sự thấy biết rất nhạy bén tinh tường như khi nghĩ về sự hiện hữu của thân, thì đối với thân tâm không hề vui vẻ tin tưởng hưởng ứng thâm nhập vào, không sống trong đó, không hề hay biết chi cả, mà co lại chẳng dám đuổi theo nó, từ chối, buông bỏ tất cả, ghê lởm, khinh bỉ, chế ngự các sai trái. Co rút lại giống như các sợi gân hay lông chim khi bị đốt cháy. Các đệ tử của Phật đa văn, có sự thấy biết tinh tường đối với ý nghĩ về sự có thân thì không ham chạy theo nó. Nhưng khi nghĩ về chấm dứt sự có thân để được Niết-bàn thì lòng tin tưởng vui vẻ thâm nhập và an trụ vào ngay, có hiểu biết rõ không còn co lại mà thư thái ung dung, lòng không còn chán ghét mà tháo vác lạnh lợi. Tâm luôn an lạc, dễ dàng thuận lợi cho việc tu tập. Khi các duyên của việc có thân khởi lên các lậu, gây bao tổn hại đau buồn thì đều được giải thoát cả. Kể từ khi khởi lên sự xa lìa các trói buộc để được giải thoát thì không còn tiếp nhận các thọ nhận của các nhân duyên của chúng nữa. Như thế gọi là sự xuất ly của có thân.

- Ở đây nói về sự hiện hữu thì chỉ cho người có tên họ đó, giống loại đó có ăn uống, có nhận biết khổ vui, có đời sống, có sống chết... thì gọi là các hữu.

- Đa văn, nghĩa được nghe nhiều chánh pháp, tức là Khế kinh gồm nhiều loại như Ưng tụng, Ký biệt, Kệ tụng, Tự nói, Nhân duyên, Thí dụ, Bổn sự, Bổn sinh, Phương quảng, Pháp hiêm có (vị tăng hữu), Nghị luận v.v... nghe các pháp đó nên gọi là đa văn.

- Đệ tử các Thánh. Thánh đây chính là chư Phật, đệ tử Phật thì gọi là đệ tử Thánh. Những ai đã quy y Phật, Pháp, Tăng, tất cả đều được gọi là đệ tử của Thánh.

- Hàng đệ tử Phật có sự thấy biết tinh tường nhạy bén. Thế nào là tinh tường nhạy bén? Đó là tròn đủ vào hàng thượng phẩm.

Thế nào là sự thấy biết (kiến)? Đó là nương vào pháp thiện được phát sinh do xuất ly (giải thoát) xa lìa từ bỏ. Đối với sự tuyển chọn càng tuyển chọn kỹ càng..., rộng nói cho đến Tỳ-bát-xá-na... Nên gọi là sự thấy biết.

- Như khi nghĩ đến các dục. Các dục là sao? Dục cũng gọi là các dục, cũng gọi là các dục, năm cảnh dục lạc hơn hết cũng gọi là các dục.

Nghĩa đây nói là về năm cảnh dục lạc hơn hết gọi là các dục. Do đó nên nói khi nghĩ đến các dục, lòng không vui thích tin tưởng thâm nhập vào đó mà là an trụ hiểu biết, nghĩa là đối với các cảnh dục lạc hơn hết đó, các đệ tử Phật khi coi sự khen ngợi tán dương cùng mọi tác ý tra, suy xét, thì không khởi tâm tùy thuận đeo đuổi nó và cũng chẳng tin tưởng, ước muốn theo nó hay chú ý hiểu biết đã hiểu biết và sẽ hiểu biết rõ. Do đó nên nói là đối với các dục thì tâm vui vẻ tin tưởng thâm nhập an trụ và hiểu biết, mà co lại chẳng duỗi theo nó, là đối với các dục lạc hơn hết đó, các đệ tử Phật coi sự khen ngợi tác ý suy tư tìm xét thì đều từ chối buông bỏ tất cả chúng, lại chán ghét khinh bỉ ghê tởm, quyết điều phục đi ngược, nên nói là trụ vào chỗ buông bỏ chán ghét chê bai ghê tởm và quyết điều phục, đi ngược, như xuất ly.

- Xuất ly là sao? Xuất ly cũng gọi là xuất ly cõi xuất ly cũng gọi là xuất ly, căn thiện cõi Sắc, cũng gọi là xuất ly. Sơ thiên cũng gọi là xuất ly. Nay ở đây ý nói về sơ thiên gọi là xuất ly. Do đó nên nói khi nghĩ đến xuất ly, thì đối sự xuất ly tâm liền thâm nhập sâu xa.

- Vui vẻ, tin tưởng an trụ và có hiểu biết, là các đệ tử Phật đối sự xuất ly này vì hiểu biết rõ khi cùng tác ý suy tư tìm xét thì liền sinh tâm tùy thuận đeo đuổi và tin tưởng ước muốn theo nó, hay chú ý hiểu biết, đã hiểu biết và sẽ hiểu biết rõ. Do đây cho nên nói đối với sự xuất ly thì tâm vui vẻ, tin tưởng thâm nhập sâu vào và an trụ ở đó.

- Có hiểu biết, đã không co lại mà thư thái ung dung, nghĩa là các đệ tử Phật đối với sự xuất ly, coi sự khen ngợi khi cùng khởi ý tìm xét suy tư, thì đều khởi tâm vui vẻ an trụ và hưởng về thâm nhập vào, nên nói là chẳng co lại mà thư thái ung dung.

- Tâm chẳng chán ghét mà tháo vác lanh lợi, là các đệ tử Phật đối với sự xuất ly này mà khen ngợi cùng làm và khi khởi ý suy xét tìm hiểu thì không phải như đối với dục, tâm không thích trụ vào đó mà lại chán ghét, khinh bỉ ghê tởm, và quyết điều phục đi ngược. Do đó nên nói tâm chẳng chán ghét mà tháo vác lanh lợi.

- Tâm luôn an lạc, là các đệ tử Phật ngay lúc ấy tâm họ rất an lạc, không cực nhọc hao tổn nên không mỏi mệt. Do đó nên nói tâm rất an lạc.

- Dễ dàng tu tập, là các đệ tử Phật ngay lúc ấy luôn luôn tu tập, luôn luôn tác ý tương ứng với sự tu tập nên gọi là dễ dàng tu tập.

- Khéo giỏi tu tập, là các đệ tử Phật ngay lúc đó vì có đủ các thứ nhân, pháp môn, chánh lý và đạo hạnh mà ân cần tôn trọng tu tập, kiên trì bền bỉ tu tập, cung kính tu tập, tác ý tu tập. Nên gọi là giỏi tu tập.

- Đối với các điều kiện nổi dậy lậu, gây bao tổn hại thì đều được giải thoát là từ khi khởi lên việc lìa bỏ sự ràng buộc mà được giải thoát, thì các đệ tử Phật, do nhân duyên nầy nên tâm luôn được giải thoát. Kể từ khi lìa bỏ các ràng buộc nên được giải thoát. Do đó nên nói đối với các dục, làm điều kiện khởi lên các lậu, gây bao tổn hại, đều được giải thoát khỏi chúng.

- Chẳng tiếp nhận các nhận biết của các nhân duyên ấy, là đối với các lậu nếu chưa đoạn dứt chưa biết khắp thì sẽ nhận lấy các khổ não. Còn như đã đoạn dứt đã biết khắp rồi thì chẳng còn nhận các thọ khổ nữa. Do đó nên nói chẳng tiếp nhận các thọ của nhân duyên ấy nữa. Như thế gọi là đối với dục đã xuất ly.

Nay ở trong đây cái gì được gọi là xuất ly? Đoạn dứt hẳn các dục cũng gọi là xuất ly, vượt qua các cõi Dục cũng gọi là xuất ly, lìa bỏ cõi trần tục cũng gọi là xuất ly, căn thiện cõi Sắc cũng gọi là xuất ly, Sơ thiên cũng gọi là xuất ly. Nay ở đây ý nói Sơ thiên gọi là xuất ly.

- Đối với giận dữ không giận dữ.

Giận dữ là sao? Giận dữ cũng gọi là giận dữ, cảnh giới giận dữ cũng gọi là giận dữ. Trong đây ý nói là lĩnh vực giận dữ gọi là giận dữ.

Không giận dữ là sao? Không giận dữ cũng gọi là không giận dữ, lĩnh vực không giận dữ cũng gọi là không giận dữ, định từ tâm cũng gọi là không giận dữ. Nay nghĩa trong đây ý nói tâm từ ổn định gọi là không giận dữ.

- Đối với tàn hại không tàn hại.

Tàn hại là sao? Hại cũng gọi là hại, lĩnh vực tàn hại cũng gọi là tàn hại. Nay nghĩa trong đây ý nói lĩnh vực tàn hại gọi là tàn hại.

Không tàn hại là sao? Không tàn hại cũng gọi là không tàn hại, lĩnh vực không tàn hại cũng gọi là không tàn hại, tâm bi ổn định cũng gọi là không tàn hại. Nay nghĩa trong đây ý nói tâm bi ổn định là không tàn hại.

- Đối với sắc là không sắc.

Sắc là sao? Sắc cũng gọi là sắc, lĩnh vực sắc, cũng gọi là sắc, tứ thiên cũng gọi là sắc. Nay nghĩa trong đây ý nói Tứ thiên là sắc.

Không sắc là sao? Không sắc cũng gọi là không sắc, bốn thứ không sắc cũng gọi là không sắc. Nay nghĩa trong đây ý nói bốn thứ không sắc gọi là không sắc.

- Có các đệ tử Phật đa văn có sự thấy biết rất tinh tường nhạy bén, thì như trước đã nói rồi.

- Như nghĩ về có thân, thì có thân cũng gọi là có thân, năm thủ uẩn cũng gọi là có thân. Nay nghĩa trong đây ý nói năm thủ uẩn gọi là có thân.

- Liên đối với sự có thân, tâm chẳng hưởng nhập vào v.v... như trước đã nói về dục.

- Nếu nghĩ về việc chấm dứt có thân, thì có thân diệt mất cũng gọi là diệt, trạch diệt, cũng gọi là diệt. Nay nghĩa trong đây ý nói Trạch diệt gọi là diệt chẳng phải gì khác.

Chú thích:

Theo chú thích ở cuối trang thì quyển này (14) cả bốn bản Tống - Nguyên - Minh - Cung vua..., đều không có.

Ở trên lại ghi: Quyển này bản đời Tống ở trang (bức) thứ 8, hàng thứ 89 nói là: Có khởi ý sinh về cõi trời thuộc Sắc giới đó (phần dưới liền nói) khi chết rồi, ở cõi trời thuộc Sắc giới ấy... (cho đến trang thứ 9 cả 5 hàng) Bồ-đặc-già-la. Lại nữa, (ở dưới có nói) đã vãng sinh vào cõi Sắc... (cho đến trang thứ 11, hàng thứ 7) nghiệp thân sinh dị thực (ở dưới có nói). Sau đó có lời nói ấy v.v...

Ba tiết đoạn như thế, văn nghĩa đứt gợn không liên hệ gì nhau. Nay kiểm tra hai bản, thì thấy bản đời Tống lầm đem Sinh dị thực nghiệp thân xuống dưới phần: Hoại mạng chung Bỉ Sắc giới thiên cho đến Bồ-đặc-già-la Phục v.v...

Có đoạn văn trên 34 hàng viết: Bỉ Sắc giới thiên trung hữu khởi “ở dưới” Kiếp tương trung hữu khởi “phần dưới” dĩ vãng sinh Sắc giới “rồi mới” Sinh dị thực nghiệp thân v.v... và đoạn văn lùi 34 hàng mà ghi Bồ-đặc-già-la, Phục “ở dưới Chí linh như thị”. Nay y vào hai bản tiến thoái mà sửa cho đúng.

Ở trang thứ 12 nguyên cả 6 hàng: Thiện hiện Thiên trung Sở hữu vô (chi la). Bốn trong cung (quốc) và bên đời Tống đều nói là “Thoát Phúc vô ký” cho đến “Tiện chẳng chư dục tâm” v.v... gồm có đoạn văn 35 hàng. Nay y theo riêng một bản là đủ (hết chú thích).



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 15

Phẩm 7: SÁU PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Quý thầy nên biết! Đức Phật đối với pháp sáu điều, chính Ngài hiểu biết rất rõ ràng thông suốt mọi lẽ, sau đó mới đem ra chỉ bày giảng dạy cho các đệ tử. Nay chúng ta nên hòa hợp mà kiết tập ôn lại, để sau khi Phật diệt độ thì không có sự tranh cãi nhau. Và chúng ta cần nên tu phạm hạnh và tuân hành luật pháp để làm lợi ích lâu dài cho vô lượng chúng hữu tình. Nên thương xót hàng trời người ở thế gian, khiến họ thâm nhận được nhiều lợi ích an lạc cao quý.

Sáu pháp là gì? Trong đây có hai bài kệ tụng:

Bài kệ (Ốt-đà-nam) thứ nhất nói:

Một: Sáu pháp có mười

Là nội, ngoạ, thức, xúc

Và thọ, tưởng, tư, ái

Thoái, chẳng thoái đều sáu.

Gồm có: Sáu lĩnh vực bên trong, sáu lĩnh vực bên ngoài, sáu thức của thân, sáu xúc chạm của thân, sáu căn thọ của thân, sáu tưởng của thân, sáu tư của thân, sáu ái của thân, sáu pháp thuận thoái, sáu pháp không thuận thoái.

Sáu lĩnh vực bên trong:

1. Lĩnh vực bên trong của mắt.
2. Lĩnh vực bên trong của tai.
3. Lĩnh vực bên trong của mũi.
4. Lĩnh vực bên trong của lưỡi.
5. Lĩnh vực bên trong của thân.
6. Lĩnh vực bên trong của ý.

Hỏi: Thế nào là lĩnh vực bên trong của mắt?

Đáp: Như mắt đối với các sắc đã thấy, đang thấy và sẽ thấy, hoặc

các thứ giống như nó thì gọi là lĩnh vực bên trong của mắt.

Về các thứ lĩnh vực bên trong của tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng tùy chỗ mà trình bày thật rõ ràng.

Sáu lĩnh vực bên ngoài:

1. Lĩnh vực sắc bên ngoài.
2. Lĩnh vực tiếng bên ngoài.
3. Lĩnh vực hương bên ngoài.
4. Lĩnh vực vị bên ngoài.
5. Lĩnh vực xúc chạm bên ngoài.
6. Lĩnh vực pháp bên ngoài.

Hỏi: Thế nào là lĩnh vực sắc bên ngoài?

Đáp: Nghĩa là sắc nào đã bị mất hoặc nhìn thấy, hiện đang nhìn thấy hay sẽ nhìn thấy hoặc những thứ giống như thế thì gọi là lĩnh vực bên ngoài của sắc.

Về các thứ lĩnh vực ở ngoài của tiếng, hương, vị, xúc chạm, pháp thì nên tùy chỗ mà rộng nói.

Sáu thức của thân:

1. Nhãn thức của thân.
2. Nhĩ thức của thân.
3. Tỷ thức của thân.
4. Thiệt thức của thân.
5. Thân thức của thân.
6. Ý thức của thân.

Hỏi: Thế nào là nhãn thức của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Trong đó mắt là tăng thượng (vai trò chính) còn sắc là đối tượng. Đối với sắc thì mắt nhận biết rõ các thứ về tánh liễu biệt, tánh rất liễu biệt và phân biệt rõ ràng về các tính chất của các sắc. Đó gọi là nhãn thức của thân.

Còn các thứ thức của thân như: nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên tùy nơi mà trình bày kỹ.

Sáu xúc của thân:

1. Nhãn xúc của thân.
2. Nhĩ xúc của thân.
3. Tỷ xúc của thân.
4. Thiệt xúc của thân.
5. Thân xúc của thân.
6. Ý xúc của thân.

Hỏi: Thế nào là nhãn xúc của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Ba cái đó hòa hợp nhau lại mà gọi là xúc (tiếp xúc). Ở đây mắt là chủ thể nhận biết, sắc là đối tượng được nhận biết). Khi mắt nhận biết các sắc thì đối tượng phải có những tiếp xúc cùng tiếp xúc, tính chất của tiếp xúc..., đã tiếp xúc và đang tiếp xúc. Đó gọi là mắt là cái để thân tiếp xúc.

Còn về các thứ để thân tiếp xúc như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì tùy chỗ trình bày kỹ.

Sáu thứ nhận biết (thọ) của thân:

1. Mắt tiếp xúc khiến thân nhận biết.
2. Tai tiếp xúc khiến thân nhận biết.
3. Mũi tiếp xúc khiến thân nhận biết.
4. Lưỡi tiếp xúc khiến thân nhận biết.
5. Thân tiếp xúc khiến thân nhận biết.
6. Ý tiếp xúc khiến thân nhận biết.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc khiến thân nhận biết?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc. Xúc là điều kiện nên có nhận biết (thọ). Trong đây mắt là tăng thượng (quan trọng nhất, chủ động), các sắc là đối tượng, sự tiếp xúc của mắt làm nhân sự tiếp xúc của mắt hoạt động (khởi) giống loại của mắt tiếp xúc sinh ra của nhãn xúc. Khi sự tiếp xúc của mắt hoạt động mà có sự tương ứng với ý nghĩ, có ý thức (tác ý) thì khi mắt nhận biết các sắc sẽ có được các thọ (sự cảm xúc nhận biết) các thọ ở hiện tại, ở quá khứ và ở vị lai. Thế nên gọi mắt tiếp xúc khiến thân nhận biết.

Đối với các thứ tiếp xúc khiến thân nhận biết về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu thứ tướng của thân:

1. Mắt tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
2. Tai tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
3. Mũi tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
4. Lưỡi tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
5. Thân tiếp xúc sinh ra tướng của thân.
6. Ý tiếp xúc sinh ra tướng của thân.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc sinh ra tướng của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc. Xúc làm điều kiện nên có tướng. Ở đây mắt là tăng thượng sắc là đối tượng. Sự tiếp xúc của mắt làm nhân, sự tiếp xúc của mắt hoạt động, các giống loại của nhãn xúc, sự sinh ra của nhãn

xúc. Khi nhãn xúc hoạt động thì có tác ý (có ý thức, ý nghĩ) tương ứng, nên khi mắt nhận biết các sắc thì có các tướng hoạt động. Các tướng trong hiện tại, các tướng đã qua và các tướng sắp tới. Thế nên gọi là mắt tiếp xúc sinh ra các tướng của thân.

Đối với các thứ tiếp xúc sinh ra các tướng của thân và tai, mũi, lưỡi thân ý thì tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu thứ tư (tư duy) của thân:

1. Mắt tiếp xúc sinh ra tư của thân.
2. Tai tiếp xúc sinh ra tư của thân.
3. Mũi tiếp xúc sinh ra tư của thân.
4. Lưỡi tiếp xúc sinh ra tư của thân.
5. Thân tiếp xúc sinh ra tư của thân.
6. Ý tiếp xúc sinh ra tư của thân.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc sinh ra tư của thân?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc. Xúc làm điều kiện nên có tướng. Trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng. Sự tiếp xúc của mắt làm nhân, sự tiếp xúc của mắt hoạt động (khởi). Các giống loại của nhãn thức, sự sinh ra của nhãn thức. Khi nhãn xúc hoạt động thì có tác ý (ý nghĩ, có ý thức) tương ứng, nên khi mắt nhận biết các sắc thì có các tư hoạt động. Các tư trong hiện tại, các tư đã qua và các tư sắp tới mà tạo ra các nghiệp của tâm ý. Thế nên gọi là mắt tiếp xúc thì sinh ra các tư của thân.

Còn các thứ tiếp xúc sinh ra các tư của thân về nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì nên tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu thứ mền yêu của thân:

1. Mắt tiếp xúc khiến thân mền yêu.
2. Tai tiếp xúc khiến thân mền yêu.
3. Mũi tiếp xúc khiến thân mền yêu.
4. Lưỡi tiếp xúc khiến thân mền yêu.
5. Thân tiếp xúc khiến thân mền yêu.
6. Ý tiếp xúc khiến thân mền yêu.

Hỏi: Thế nào là mắt tiếp xúc khiến thân mền yêu?

Đáp: Mắt và các sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ hòa hợp lại gọi là xúc (tiếp xúc). Xúc làm điều kiện khiến có nhận biết (thọ), thọ làm điều kiện nên khiến có mền yêu. Trong đây mắt là tăng thượng, các sắc là đối tượng. Đối với các sắc mắt nhận biết, nên sinh ra các tham lam ham thích, rồi bám lấy giữ gìn, cất giấu, đam mê, yêu mền. Đó là mắt tiếp xúc khiến thân yêu thích.

Còn các thứ tiếp xúc khiến thân yêu thích của tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì nên tùy chỗ mà trình bày kỹ.

Sáu pháp thuận theo lui sụt:

1. Chẳng cung kính chư Phật.
2. Chẳng cung kính chánh pháp.
3. Chẳng cung kính chư tăng.
4. Chẳng cung kính việc học hỏi.
5. Đầy đủ lời nói ác.
6. Chơi với bạn dữ.

Hỏi: Thế nào là chẳng cung kính chư Phật? Thế nào là bản chất không cung kính Phật?

Đáp: Có tính chất không cung kính chư Phật Thế Tôn, không cung kính tánh bình đẳng, không thích hợp với tánh tự tại, không thỏa hợp cùng tánh bình đẳng tự tại. Đó gọi là tánh không cung kính chư Phật.

Đối với chánh pháp, đối với Tăng và với sự học hỏi thì cũng như thế.

Đầy đủ lời nói ác. Thế nào là tính chất lời nói ác? Như trước đây đã nói về lời nói ác (ác ngữ).

Chơi với bạn ác. Thế nào là tính chất bạn ác? Như trước đây đã nói về bạn ác.

Sáu pháp thuận không lui sụt:

1. Sống cung kính chư Phật.
2. Sống cung kính chánh pháp.
3. Sống cung kính chư Tăng.
4. Sống cung kính sự học hỏi.
5. Đầy đủ lời nói thiện.
6. Chơi với bạn lành.

Hỏi: Sống cung kính chư Phật. Thế nào là có tánh cung kính chư Phật?

Đáp: Là có tính chất cung kính chư Phật Thế Tôn, tánh có cung kính, có thích hợp với tánh tự tại, có lo sợ sự theo đuổi, đối tánh tự tại. Đó gọi là có tánh cung kính chư Phật.

Đối với chánh pháp, đối với Tăng, đối với sự học hỏi cũng như thế.

Hỏi: Đầy đủ lời nói thiện. Thế nào là tính chất lời nói thiện?

Đáp: Lời nói thiện như trước đây đã nói đầy đủ.

Hỏi: Chơi với bạn lành. Tính chất bạn lành là sao?

Đáp: Bạn lành chính là Phật và đệ tử của Ngài hay rộng nói cho

đến các việc làm có tính cách lia bỏ sự ngu si, hay hạnh điều phục chế ngự ngu si. Đó là tính chất của bạn lành. Đối với các bạn lành như thế mà gần gũi rèn tập, thân thiết giao du, cung kính thờ phụng hầu hạ..., thì đó gọi là chơi với (gặp gỡ) bạn lành.

Bài tụng (Ốt-đà-nam) thứ hai nói:

Sau sáu pháp: mười bốn

Là hỷ ưu xả hằng

Giới xuất căn hỷ thông

Minh niệm thượng quán loại.

Gồm có: Sáu hành vui gần, sáu hành lo gần, sáu hành buông xả gần, sáu thứ luôn an trụ, sáu giới, sáu cõi xuất ly, sáu pháp tránh căn, sáu pháp đáng mừng, sáu thông, sáu phần tưởng thuận sáng, sáu tùy niệm, sáu pháp vô thượng, sáu quán đãi, sáu loại sinh.

Sáu hành vui gần:

1. Mắt thấy sắc thuận vui hành sắc gần.
2. Tai nghe tiếng thuận vui hành tiếng gần.
3. Mũi ngửi mùi thuận vui hành mùi gần.
4. Lưỡi nếm vị thuận vui hành vị gần.
5. Thân biết chạm thuận vui hành xúc gần.
6. Ý hiểu pháp thuận vui hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận vui hành sắc gần, nghĩa là khi mắt thấy sắc rồi thì đối với sắc cứ một mực đáng yêu thích, vui mừng, vừa ý thỏa lòng nhưng với sắc đó cứ mãi vui mừng khởi ý nghĩ suy hoài. Nếu cứ vui vẻ nghĩ tới lui như thế thì sinh ra hỷ thọ (cảm xúc vui). Thế nên gọi là mắt thấy sắc thuận vui hành sắc gần.

Đối với các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý vui hạnh gần cũng như thế.

Sáu hành lo gần:

1. Mắt thấy sắc thuận lo hành sắc gần.
2. Tai nghe tiếng thuận lo hành tiếng gần.
3. Mũi ngửi mùi thuận lo hành mùi gần.
4. Lưỡi nếm vị thuận lo hành vị gần.
5. Thân biết chạm thuận lo hành xúc gần.
6. Ý hiểu pháp thuận lo hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận lo hành sắc gần, nghĩa là khi mắt đã thấy sắc rồi thì đối với sắc cứ một mực chẳng đáng yêu thích, vui mừng, vừa ý thỏa lòng. Và vì đối với sắc đó cứ mãi lo buồn khởi ý suy nghĩ hoài. Nếu cứ lo buồn nghĩ tới lui như thế thì sẽ sinh ra ưu thọ (cảm xúc buồn lo). Thế nên nói mắt thấy sắc thuận lo hành sắc gần. Đối với các thứ tai,

mũi, lưỡi, thân, ý lo hành gần cũng như thế.

Sáu hành buông xả gần:

1. Mắt thấy sắc thuận buông xả hành sắc gần.
2. Tai nghe tiếng thuận buông xả hành tiếng gần.
3. Mũi ngửi mùi thuận buông xả hành mùi gần.
4. Lưỡi nếm vị thuận buông xả hành vị gần.
5. Thân biết chạm thuận buông xả hành xúc chạm gần.
6. Ý hiểu pháp thuận buông xả hành pháp gần.

Mắt thấy sắc thuận buông xả hành sắc gần, là khi mắt thấy sắc rồi thì đối với sắc đó không có việc đáng hay chẳng đáng mến yêu, vui mừng, vừa ý thỏa lòng chi cả. Vì đối với sắc ấy nó thuận với sự buông xả chẳng để ý suy tư nhớ nghĩ chi nên sinh ra xả thọ (cảm xúc trơ, không vui buồn). Thế nên nói mắt thấy sắc thuận buông xả hành sắc gần.

Đối với các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý buông xả hành gần cũng như thế.

Sáu thứ luôn an trụ:

1. Mắt thấy sắc chẳng vui, chẳng buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.
2. Tai nghe tiếng không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả.
3. Mũi ngửi mùi không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả.
4. Lưỡi nếm vị không vui không buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.
5. Thân biết xúc chạm, không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả.
6. Ý hiểu pháp không vui không buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.

Mắt thấy sắc mà không vui không buồn đủ niệm chánh tri luôn an trụ vào buông xả, là mắt thấy sắc đối với việc đáng yêu thích vui mừng hài lòng thỏa ý thì không yêu thích vui mừng hài lòng thỏa ý, hoặc là nương nhờ, hoặc tất cả đều không gián đoạn, hoặc là duyên vào đó, ở vào đó (đối tượng duyên, sở xứ) hoặc là sắc tăng thượng mà thuận với sự buông xả khởi ý suy nghĩ. Nếu đối với loại sắc đó mà luôn khởi ý nghĩ mãi tới sự buông xả thì sinh ra diệu xả, tức sự buông xả tuyệt diệu nhiệm mầu. Thế nên nói mắt thấy mà không vui không buồn, đủ niệm chánh tri, luôn an trụ vào buông xả.

Đối với các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý mà luôn an trụ thì cũng như

thế.

Trong đây nói về buông xả là sao? Nói buông xả tức là chỉ cho tâm có tánh bình đẳng tâm có tánh chánh trực ngay thẳng, tâm không khinh sợ mà nhanh nhẹn tháo vác.

Lại có chỗ nói: Sáu thức tương ứng cùng duyên nơi các cảnh của sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp mà có xả thọ (cảm xúc buông xả) thì gọi là buông xả. Nay nghĩa trong đây là ý nói đến xả của tâm bình đẳng, tâm ngay thẳng, tâm không kinh sợ mà lại nhanh nhẹn tháo vác, lại luôn xả thì gọi là xả.

Có sáu lĩnh vực (Giới):

1. Lĩnh vực của đất.
2. Lĩnh vực của nước.
3. Lĩnh vực của lửa.
4. Lĩnh vực của gió.
5. Lĩnh vực của hư không.

6. Lĩnh vực của thức. Nên lĩnh vực của phân biệt các lĩnh vực này đúng pháp uẩn luận.

Có sáu lĩnh vực xuất ly:

1. Như có một thầy bảo: Đối với định tâm từ, dù tôi đã luyện tập tu hành và cố gắng làm đủ mọi cách, nhưng tâm tôi hễ còn bị giận dữ trói chặt. Hãy nên bảo vị ấy: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm từ mà rèn luyện tu hành và làm đủ mọi cách với vô niệm mà tâm người ấy cũng còn bị giận dữ trói chặt thì không thể nào có chuyện đó được! Vì ai đã có định tâm từ thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát ra ngoài tất cả mọi sự trói buộc của giận dữ.

Xuất ly ở đây là sao? Khi đoạn dứt sự trói cột của giận dữ cũng gọi là xuất ly, khi vượt thoát được sự trói buộc của giận dữ cũng gọi là xuất ly, những người có định tâm từ cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói chữ xuất ly của những kẻ có định tâm từ.

2. Như có thầy bảo: Đối định tâm bi, dù tôi đã luyện tập tu hành và cố gắng làm đủ mọi cách, nhưng tâm tôi vẫn còn bị sự tàn hại trói chặt. Hãy nên bảo vị ấy đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm bi mà rèn luyện tu hành và làm đủ mọi cách với vô niệm nhưng tâm người ấy cũng còn bị tàn hại trói chặt thì đều đó không thể nào có! Vì nếu ai đã có định tâm bi thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát khỏi tất cả mọi sự trói buộc của tàn hại.

Xuất ly ở đây có nghĩa thế nào? Dứt hẳn sự ràng buộc của tàn hại cũng gọi là xuất ly, vượt thoát sự ràng buộc của tàn hại cũng gọi là xuất

ly, các người có định tâm bị cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói những kẻ có định tâm bị gọi là xuất ly.

3. Như có thầy bảo: Đối với định tâm hỷ tôi đã rèn luyện tu tập và làm đủ mọi cách nhưng tâm tôi vẫn còn bị sự không vui (chẳng an lạc) trói chặt. Hãy nên bảo với thầy đó: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm hỷ mà đã rèn luyện tu tập và cố gắng làm đủ mọi cách với vô niệm nhưng tâm người ấy vẫn còn bị không an lạc trói chặt thì điều đó không thể nào có được. Vì nếu đã có định tâm hỷ thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát tất cả mọi sự trói chặt của sự không vui (an lạc).

Trong đây xuất ly là nghĩa thế nào? Đoạn dứt chẳng vui cũng gọi là xuất ly, vượt thoát khỏi sự không vui cũng gọi là xuất ly. Các người có định tâm hỷ cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói người có định tâm hỷ gọi là xuất ly.

4. Có thầy lại bảo: Đối với định tâm xả, dù tôi đã rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách nhưng tâm tôi vẫn còn bị dục, tham và sân trói chặt. Hãy nên bảo với thầy đó: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với định tâm xả mà rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách, với vô niệm, nhưng tâm người ấy vẫn còn bị dục tham và sân trói chặt, thì điều đó không thể nào xảy ra được. Vì nếu ai đã có định tâm xả thì nhất quyết là phải xuất ly vượt khỏi tất cả mọi trói buộc của dục tham và sân giận.

Chữ xuất ly ở đây có nghĩa thế nào? Đoạn dứt hẳn dục tham và sân cũng gọi là xuất ly, vượt thoát mọi dục tham và sân cũng gọi là xuất ly. Các định tâm xả thì cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý muốn nói cái xuất ly có định tâm xả.

5. Có thầy lại bảo: Đối với tâm định vô tướng, dù tôi đã rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách, nhưng tâm tôi vẫn còn bị trói chặt của thức tùy tướng. Hãy nên bảo với vị đó: Đừng nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đối với tâm định vô tướng đã rèn luyện tu tập và đã làm đủ mọi cách, với vô niệm nhưng tâm người ấy vẫn còn bị thức tùy tướng ràng buộc chặt thì điều này không thể nào xảy ra được. Vì nếu ai đã định tâm vô tướng thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát tất cả thức tùy tướng.

Chữ xuất ly ở đây có nghĩa như thế nào? Dứt hết thức tùy tướng cũng gọi là xuất ly, vượt khỏi thức tùy tướng cũng gọi là xuất ly, có được định tâm vô tướng cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý muốn nói cái xuất ly khi có được định tâm vô tướng.

6. Lại có thầy bảo: Dù tôi đã lìa bỏ ngã mạn, không còn nhìn thấy ngã và ngã sở, nhưng tâm tôi vẫn còn bị tên độc của nghi ngờ do dự trói chặt và làm tổn hại. Xin nói với vị đó: Đừng nên nói như thế! Vì sao? Vì nếu vị nào đã lìa bỏ hết ngã mạn, không còn thấy ngã và ngã sở với vô niệm nhưng tâm người ấy vẫn còn bị tên độc của nghi ngờ do dự trói chặt và làm tổn hại thì điều đó không thể nào xảy ra được. Vì nếu ai đã lìa bỏ ngã mạn, không còn nhìn thấy ngã và ngã sở thì nhất quyết là phải xuất ly vượt thoát các tên độc của nghi ngờ do dự.

Chữ xuất ly ở đây có nghĩa như thế nào? Dứt hẳn ngã mạn cũng gọi là xuất ly, vượt thoát khỏi ngã mạn cũng gọi là xuất ly. Nay nghĩa trong đây ý nói về xuất ly khi đã vượt thoát khỏi ngã mạn.

Có sáu thứ gốc tranh cãi:

1. Có một số người hay giận dữ. Vì nếu có giận dữ thì đối với bậc Đại sư không thể nào cung kính, cúng dường tôn trọng, ngợi khen được. Do vậy mà không hiểu được chánh pháp. Nếu không thấy được chánh pháp thì còn đoái hoài gì đến đời sống của Sa-môn? Nếu không đoái hoài đến đời sống của Sa-môn thì liền khởi lên sự đam mê nhiễm, mãi đùa giỡn tranh cãi. Do bám dựa vào lối sống đó nên làm cho nhiều chúng sinh không được nghĩa lý lợi ích mà phải chịu nhiều khổ não, vô lượng hàng trời, người cũng không hưởng được lợi ích mà phải chịu nhiều sự khổ não. Nếu quý thầy thấy rõ được các cội gốc tranh cãi hoặc ở trong hay ở ngoài có chỗ nào chưa đoạn trừ, thì hãy nên hòa hợp tu tập mà siêng năng chuyên cần tìm đủ mọi phương cách mà đoạn trừ, không nên chơi bời phóng dật nữa. Quý thầy cần nên đoạn thật hết sạch các cội gốc tranh cãi, đừng để sót tí nào như trước đây hãy còn thanh tịnh chưa khởi gốc tranh cãi. Quý thầy đã thấy rõ hoặc trong hoặc ngoài, các gốc tranh cãi đã được đoạn trừ thật hết rồi thì nên phát khởi lên chánh niệm và chánh tri. Và với tâm hăng hái mạnh mẽ luôn siêng năng chuyên cần gìn giữ khiến cho mãi đến đời sau nó vĩnh viễn không bao giờ hiện ra nữa, thì đó là chánh đoạn, đoạn diệt khéo léo tài tình các gốc tranh cãi như thế.

2. Đây là có giận hờn. Còn như nếu có che giấu buồn phiền, nếu có ganh ty keo kiệt, nếu có dối trá dua nịnh, nếu có tà kiến đảo kiến (thấy biết sai lầm) thì cũng rộng nói như thế.

Lại có một số người chấp chặt vào quan điểm chấp thật cứng chắc bền bỉ không thể nào khuyên dạy không bỏ được. Nếu ngoan cố như thế thì đối với bậc Đại sư không thể nào cung kính cúng dường tôn trọng ngợi khen được. Do vậy không thể thấy được chánh pháp. Nếu chẳng

thấy được chánh pháp thì đâu có đoái hoài chi tới đời sống của bậc Sa-môn. Nếu không đoái hoài đến đời sống của bậc Sa-môn thì liền khởi đam mê nhiễm trước, mãi lo chơi bời và tranh cãi. Vì chỉ sống trong đam mê nhiễm trước, tranh cãi nên khiến bao nhiêu chúng sinh không được nghĩa lý lợi ích mà phải chịu nhiều khổ não, vô số hàng trời người cũng không hưởng nhờ nghĩa lý lợi ích mà phải chịu bao nhiêu khổ não. Nếu quý thầy đã thấy rõ gốc tranh cãi đó hoặc trong hoặc ngoài có chỗ nào chưa đoạn trừ hết thì hãy nên hòa hợp tụ tập lại mà siêng năng chuyên cần cố tìm mọi phương cách để đoạn diệt cho thật hết sạch, không nên chơi bời phóng dật nữa. Quý thầy cũng nên cố gắng diệt thật hết gốc tranh cãi đừng để sót tí nào, như trước đây hãy còn thanh tịnh chưa khởi gốc tranh cãi. Quý thầy khi đã thấy rõ hoặc trong hay ngoài các gốc tranh cãi đều đã được đoạn diệt thật hết rồi thì hãy phát khởi chánh niệm và chánh tri. Và với lòng hăng hái mạnh mẽ, luôn siêng năng chuyên cần gìn giữ, khiến cho tận mãi ở đời sau nó vĩnh viễn không còn sinh lại nữa. Thì đó là chánh đoạn, đoạn diệt khéo léo tài tình các gốc tranh cãi như thế.

3. Đây là nói về người có giận hờn, còn như nếu có che giấu, buồn rầu, nếu có ganh tỵ keo kiệt, nếu có lừa dối dua nịnh, nếu có thấy biết điên đảo sai lầm, thì tất cả đều như trước vừa nói.

4. Có tà kiến đảo kiến (có thấy biết điên đảo sai lầm).

Thế nào là tà kiến? Nếu có thấy biết mà chẳng chịu bố thí ban tặng, không cúng lễ, không mến thích..., rộng nói cho đến đời ta đến đây đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng còn phải kiếp sau nữa, không biết lý đó thì gọi đó là tà kiến.

5. Còn đảo kiến là sao? Tức là có tà kiến và sự thấy biết lầm lẫn nghịch lý ngược đời.

6. Chấp giữ sự thấy biết của mình, chấp giữ thật cứng chắc bền bỉ, rất khó khuyên dạy buông bỏ được.

Thế nào là chấp chặt quan điểm mình? Chấp ngã và thế gian này thường còn mãi, chỉ có điều đó là đúng thực, các điều khác là ngu dốt, sai lầm, hư vọng. Rộng nói cho đến việc chấp: Như Lai sau khi chết trời không phải có mà cũng không phải không có, chỉ có điều này là đúng thực, các ý kiến khác đều ngu dốt, sai lầm, hư vọng. Đó gọi là chấp chặt quan điểm mình.

Thế nào là chấp giữ thật cứng chắc bền bỉ? Tức là do chấp chặt quan điểm mình thế nên khởi lên chấp chặt cứng chắc bền bỉ.

Thế nào là khó buông bỏ khuyên dạy? Do khởi lên sự mến thích,

mến thích luôn luôn, mến thích tất cả, hiện đang mãi mãi mến thích quan điểm mình. Thế nên rất khó khuyên dạy sự chán ghét, lia bỏ và giải thoát.

Có sáu pháp đáng mừng:

1. Như có vị Bí-sô, ở chỗ bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh mà phát khởi tu thân nghiệp từ bi, đó là pháp đáng mừng thứ nhất. Do pháp này cho nên hay phát sinh ra sự đáng mến yêu, đáng tôn trọng, đáng vừa ý, và dẫn đến mọi sự mến thích tôn trọng vừa ý thỏa lòng nên thân giữ được sự vui mừng hoan lạc một mực không hề trái nghịch tranh cãi nhau.

2. Lại có vị Bí-sô ở chỗ bậc Đại sư và các bậc có trí đồng tu phạm hạnh mà phát khởi sự tu ngữ nghiệp từ bi. Đó là pháp đáng mừng thứ hai. Do pháp này cho nên hay phát sinh ra sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

3. Lại có vị Bí-sô ở chỗ bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh mà khởi tu ý nghiệp từ bi tức là pháp đáng mừng thứ ba. Do pháp này cho nên hay phát sinh ra sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

4. Lại có vị Bí-sô do nhờ pháp mà thân nhận một số lợi dưỡng hợp pháp, ít nhất như các thức ăn uống nhận được trong bát khi khát thực. Với số lợi dưỡng này thì cùng với các bậc trí đồng tu phạm hạnh chia nhau mà thọ hưởng chung, chứ không hề giấu riêng. Đó gọi là pháp đáng mừng thứ tư. Do pháp này cho nên phát sinh ra sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

5. Lại có vị Bí-sô có bao nhiêu giới hạnh không hề thiếu sót, không lẫn lộn. Đáng được ứng cúng (cúng dường) là bậc thiện không chấp trước, bậc thiện rất ráo, đáng được các người trí khen ngợi không hề chê bai hủy báng. Với các giới hạnh như thế cùng với các bậc trí đồng tu phạm hạnh, cùng nhau thọ trì tuân giữ không hề giấu giếm. Đó là pháp đáng mừng thứ năm. Do pháp này cho nên phát sinh ra các sự đáng yêu mến. Rộng nói cho đến một mực không hề tranh cãi.

6. Lại có vị Bí-sô có những nhận thức, sự thấy biết là sự xuất ly của Thánh nhân (Phật) có thể khéo thông đạt thấu suốt tất cả, nếu thật hiện được cách đó thì chính thức dứt hết các khổ. Với sự thấy biết như thế cùng với các bậc trí đồng tu phạm hạnh, cùng nhau tu tập không che giấu. Đó là pháp đáng mừng thứ sáu. Do pháp này cho nên phát sinh ra các sự đáng yêu mến, đáng tôn trọng, đáng thích ý. Có thể dẫn đến mọi sự yêu thích, tôn trọng vừa ý thỏa lòng nên thân nhận được sự vui mừng

hoan không hề trái nghịch tranh cãi.

Đối với bậc Đại sư. Thế nào là Đại sư? Đại sư là chỉ cho tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Các bậc trí đồng tu phạm hạnh. Thế nào là các bậc trí đồng tu phạm hạnh? Các bậc trí đồng tu phạm hạnh là chỉ cho các Tôn giả Giải Kiều Trần Na cho đến rộng kể các vị khác nữa...

Khởi tu thân nghiệp về từ bi. Thân nghiệp từ bi là sao? Tức là những hoạt động phần chấn, thương xót mọi loài của thân nghiệp. Trong đây ý nói thân nghiệp từ bi ở chỗ các bậc Đại sư là những kẻ trí đồng tu phạm hạnh thì nó hòa hợp trong cuộc sống hiện tại. Do đó nên nói là ở chỗ bậc Đại sư và các bậc trí đồng tu phạm hạnh mà khởi tu thân nghiệp từ bi. Đó là pháp đáng mừng thứ nhất. Nghĩa là với pháp đó thì nên tùy thuận theo đuổi và đáng mến thích cung kính cúng dường nuôi lớn thân thể đẹp đẽ trang nghiêm với mọi thứ vật dụng cần thiết. Thế nên gọi là pháp đáng mừng.

Có thể (hay) phát sinh sự đáng yêu mến, tức là do pháp này mà có thể phát sinh sự đáng yêu mến.

Cũng do pháp này mà có thể phát sinh các sự đáng tôn trọng, đáng vừa ý.

Có thể dẫn đến mọi sự đáng yêu tôn trọng thích ý thỏa lòng nên thân giữ được sự mừng vui hoan lạc một mực không hề trái nghịch tranh cãi. Nghĩa là chính do pháp này dẫn đến sự mến yêu tôn trọng, vừa ý vui lòng để nhận được sự mừng vui hoan lạc không hề trái nghịch tranh cãi, nghĩa là hòa hợp thuận thảo nhau.

Nói là một mực (nhất thú), là một cảnh, một cõi, một môi trường hoàn cảnh hiện tại (vị).

Cũng như thân nghiệp từ bi, các ngữ nghiệp và ý nghiệp từ bi cũng y như thế.

Nhờ chánh pháp mà nhận được các lợi dưỡng hợp pháp là sao? Nếu các lợi dưỡng nào chẳng do lừa dối mà được, chẳng do dối trá lừa đảo, chẳng do giả bộ hiện tượng đang hoàng, chẳng do kích thích mà có được, cũng chẳng phải do vị lợi dưỡng cố ý mong cầu lợi dưỡng mà được và cả ngay trong lúc thọ dụng lại không có tạo ra những lỗi lầm tội lỗi nào thì đó gọi là nhờ chánh pháp mà nhận được các lợi dưỡng.

Ít nhất là các thức ăn uống nhận được trong bát, nghĩa là các thức ăn uống dưới đáy bát còn chia nhau thọ dụng hướng là tiền bạc và các vật dụng khác...

Tất cả các thứ lợi dưỡng này đều cùng các bậc trí đồng tu phạm

hạnh. Cùng chung thọ dụng không giấu giếm dùng riêng, tức là các lợi dưỡng do chánh pháp mà thân nhận được một cách hợp lý thì gọi là “các thứ lợi dưỡng này”. Nếu các Bí-sô, Bí-sô ni cùng các người chánh thức có tu học siêng năng chuyên cần, dù là nam nữ cư sĩ thì đều gọi là các người có trí đồng tu phạm hạnh. Nhờ chánh pháp mà được các lợi dưỡng hợp pháp thì nên cùng với các người trí đồng tu phạm hạnh mà chung nhau thọ dụng, chẳng nên giấu giếm để dùng riêng.

Nên gọi là pháp đáng mừng thứ tư, như đã được nói rõ ở trước.

Có bao nhiêu giới hạnh là sao? Tức là có thân nghiệp, ngữ nghiệp vô lậu và đời sống thanh tịnh, tất cả đều gọi là có giới hạnh không thiếu sót, không lẫn lộn xen tạp, nghĩa là các giới hạnh này luôn luôn được tuân hành vâng giữ và chuyển đổi, cùng bình đẳng thi hành và chuyển đổi, cho nên gọi là không thiếu sót lẫn xen tạp bản.

Đáng cúng dường (ứng cúng), nghĩa là các hữu tình nào còn tham sân si thì nói là cấp dưỡng, còn những ai đã lìa bỏ được tham sân si, thì gọi là ứng cúng, đáng được nhận thọ mỗi thứ cấp dưỡng như y phục, thức ăn uống, ngọa cụ giường nằm, thuốc men thường đem đến dâng cúng dường.

Không chấp trước, là các đệ tử Phật đối với giới hạnh không khởi lên sự chấp trước.

Thiện rất ráo, là đối với các giới hạnh này khéo léo cẩn thận kỹ lưỡng giữ gìn đến cùng cực rất ráo.

Khéo nhận được, là đối với các giới hạnh này mà ân cần tôn trọng cung kính, giữ gìn cẩn thận thì đủ, nhận được các bậc trí khen ngợi không chê bai hủy báng.

Nghĩa là chư Phật và các đệ tử Phật thì gọi là bậc Trí, các bậc trí này đều cùng ngợi khen, không hề quở trách.

Với các giới hạnh như thế thì cùng các bậc trí đồng tu Phạm hạnh chung nhau tuân giữ thọ trì không hề che giấu.

Giới hạnh như thế là sao? Nghĩa là các giới bình đẳng, giới bình đẳng chính là tám Thánh đạo, trong đó chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thì gọi là giới bình đẳng, cùng các bậc trí đồng tu Phạm hạnh, tức là các Tôn giả Giải Kiều Trần Na v.v...

Cùng tuân giữ thọ trì, không hề che giấu, là cùng các bạn đồng tu Phạm hạnh, cùng chung một mục đích đường lối, cùng một nghĩa lý lợi ích, nó đều giống nhau cả.

Gọi là pháp đáng mừng thứ năm. Như trước đã nói rồi.

Có bao nhiêu nhận thức, sự thấy biết là sao? Nếu y vào sự xuất ly,

mà lìa bỏ sự sinh ra các pháp thiện thì đối với các pháp tướng, các pháp tuyến chọn càng tuyến chọn kỹ lưỡng cùng cực, cho đến rộng nói...

Là sự xuất ly của Thánh nhân (Phật v.v...) thì như trước đã rộng nói.

Với sự thấy biết đó mà cùng với bậc trí đồng tu Phạm hạnh cùng chung tu học không hề che giấu.

Thế nào là sự thấy biết như thế? Nghĩa là sự thấy biết về bình đẳng, tức là sự thấy biết và tám Thánh đạo vậy. Còn các điều khác thì như trước đã nói. Đó là sáu pháp đáng mừng.

Có sáu pháp thần thông:

1. Thần cảnh trí chứng thông.
2. Thiên nhĩ trí chứng thông.
3. Tha tâm trí chứng thông.
4. Túc trụ trí chứng thông.
5. Tử sinh trí chứng thông.
6. Lậu tận trí chứng thông.

- Thế nào là Thần cảnh trí chứng thông?

Đáp: Là lãnh thọ hiểu biết và thị hiện biến hóa ra mọi thứ thần thông biến hóa..., cho đến rộng nói.

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Nghĩa là đối với các thứ thần thông biến hóa đó thì có trí biết rất tuyệt diệu.

- Thế nào là Thiên nhĩ trí chứng thông?

Đáp: Do tai của các trời nghe được các thứ tiếng, như tiếng nói của loài người, loài không phải người, tiếng xa, tiếng gần v.v...

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Tức là có trí tuyệt vời đối với các thứ tiếng của tai trời.

- Thế nào là tha tâm thông trí chứng?

Đáp: Nghĩa là đối với tâm có tầm tứ của chúng hữu tình Bồ-đặc-già-la thì đều biết đúng như thật. Như có tâm tham thì biết đúng là tâm tham, tâm đã lìa bỏ tham thì biết đúng là tâm đã lìa bỏ tham. Cũng như thế tâm có sân giận hay lìa bỏ sân giận, tâm có si hay lìa bỏ si, tâm tóm lược, tâm phân tán, tâm đưa xuống, tâm hướng lên, tâm luôn xao động hay không xao động, tâm lặng yên hay không lặng yên, tâm không định hay định, tâm tu hay không tu, tâm giải thoát hay không giải thoát..., đều biết đúng như thật.

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Nghĩa là đối với sự biết rõ lòng người thì có trí biết tuyệt diệu.

- Thế nào là Túc trụ trí chứng thông?

Đáp: Nghĩa là có thể nhớ lại được các việc, các kiếp sống đời trước của vô lượng đời quá khứ, hoặc một kiếp hoặc nhiều kiếp..., cho đến như đã rộng nói.

Chữ thông ở đây có nghĩa thế nào? Đối với các việc ở đời trước thì có trí biết thật tuyệt diệu.

- Thế nào sinh tử trí chứng thông?

Đáp: Như trước đây đã nói rồi.

- Thế nào lậu tận trí chứng thông?

Đáp: Cũng như trước đây đã rất rõ ràng rộng rãi rồi.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 16

Phẩm 7: SÁU PHÁP, Phần 2

Có sáu thứ tướng thuận phần minh:

1. Tướng vô thường.
2. Tướng vô thường khổ.
3. Tướng khổ vô ngã.
4. Tướng chán ăn.
5. Tướng tất cả thế gian không thể vui.
6. Tướng về chết.

Năm tướng trong đây thì đã nói rõ trong tướng thành thực giải thoát trước đây rồi (nay không nói lại).

Hỏi: Thế nào là tướng tất cả thế gian chẳng thể vui?

Đáp: Thế gian tức là năm thủ uẩn, tức sắc uẩn v.v... đến thức thủ uẩn. Như có các vị Bí-sô đối với năm thứ thủ uẩn này mà luôn khởi ý nghĩ tìm hiểu xét lường thì thấy đáng sợ hãi, thấy chẳng đáng yêu mến, cũng chẳng đáng vui mừng chi. Khi suy nghĩ đến năm uẩn thì luôn thấy các tướng như thế ngay ở trước mắt trong hiện tại, đã qua hay sắp tới... Thế nên gọi là tướng tất cả thế gian không thể vui.

Hỏi: Vì sao lại nói tướng thuận phần sáng?

Đáp: Minh, có ba thứ minh:

1. Vô học túc trụ trí chứng minh.
2. Vô học sinh tử trí chứng minh.
3. Vô học lậu tận trí chứng minh.

Do sáu tướng trước đó, nếu ai thấy ba minh này chưa sinh thì hãy khiến chúng phát sinh, nếu đã sinh rồi thì nên khiến chúng càng lớn rộng hơn. Nên nói là tướng thuận phần minh.

Có sáu thứ tùy niệm:

1. Tùy niệm Phật.
2. Tùy niệm Pháp.

3. Tùy niệm Tăng.
4. Tùy niệm giới.
5. Tùy niệm xả.
6. Tùy niệm thiên.

- Thế nào là tùy niệm Phật?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Các thầy Bí-sô nên biết! Các hàng đệ tử Phật ở chỗ Thế Tôn do tướng như thế này mà theo đó nghĩ nhớ đến chư Phật như: Đức Thế Tôn đây chính là Như Lai A-la-hán, rộng nói cho đến là Phật, Bạc-già-phạm. Nếu các hàng đệ tử Phật từ tướng như thế, tùy theo đó nghĩ nhớ đến chư Phật bằng thấy biết làm căn bản, tương ứng với chánh trí. Các niệm như niệm tùy theo, niệm riêng biệt, niệm nhớ nghĩ. Tính chất của ý niệm, tính chất của tùy niệm (sự nghĩ nhớ theo) tính chất của sự nghĩ nhớ riêng rẽ (biệt niệm), tính chất sự chẳng quên, tánh chẳng quên các giáo pháp, tâm sáng suốt, tánh ghi nhớ rõ ràng..., đó là tùy niệm Phật.

- Thế nào là tùy niệm pháp?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Có các hàng đệ tử Đức Phật do tướng như thế mà tùy theo nghĩ nhớ đến chánh pháp tức là chánh pháp do Phật đã khéo léo trình bày diễn giảng cho đến bậc trí đã được nội chứng... Nếu các hàng đệ tử Phật do tướng như thế mà tùy theo đó mà nghĩ nhớ đến chánh pháp. Do thấy biết làm căn bản, cùng với chứng trí tương ứng nhau... Rộng nói như trước. Đó là tùy niệm pháp.

- Thế nào là tùy niệm Tăng?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Có các hàng đệ tử Phật do tướng như thế mà tùy theo nghĩ nhớ đến chư Tăng, đó là những hàng đệ tử Phật đầy đủ các hạnh diệu. Rộng nói cho đến là phước điền vô thượng ở thế gian đáng được cúng dường. Nếu các hàng đệ tử Phật theo tướng như thế mà nghĩ nhớ đến chư Tăng. Do thấy biết làm căn bản cùng chứng trí tương ứng nhau... Rộng nói như trước. Đó là tùy niệm Tăng.

- Thế nào là tùy niệm giới?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Các hàng đệ tử Phật do tướng như thế mà tùy theo đó nghĩ nhớ đến giới hạnh của mình, như là giới hạnh này thanh tịnh không hề thiếu sót... Rộng nói cho đến các bậc trí luôn khen ngợi không hề quở trách chê bai. Nếu các hàng đệ tử Phật do tướng như thế mà theo đó nghĩ nhớ đến các giới hạnh của mình. Do thấy biết làm căn bản, cùng với chứng trí tương ứng nhau.

Rộng nói như trước, đó là tùy niệm giới.

- Thế nào là tùy niệm xả?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý vị Bì-sô nên biết! Các hàng đệ tử Phật do tướng như thế mà tùy theo đó nghĩ nhớ đến sự buông xả của mình. Như bảo: Tôi hiện nay không còn mê đắm của cải tiền bạc nữa. Đối với tật xấu tham lam keo kiệt buộc chặt mọi người thì tôi đã lia bỏ được nó, tâm tôi không còn đam mê vướng víu nữa. Hãy dang rộng tay mà bố thí ban tặng tất cả những tiền bạc của cải có được cho mọi người. Buông bỏ tài sản tiền của không một chút tiếc nuối đoái hoài. Phân chia tiền của ban tặng khắp nơi lòng không thiên lệch phe phái... Nếu các hàng đệ tử Phật nên với cái tướng như thế mà theo đó nghĩ tới sự buông xả của mình. Do thấy biết làm căn bản cùng với chứng trí tương ứng nhau. Rộng nói như trước. Đó là tùy niệm xả.

- Thế nào là tùy niệm các cõi trời?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý vị Bì-sô nên biết! Các hàng đệ tử Phật do tướng như thế mà tùy theo đó nghĩ nhớ đến các cõi trời. Như có chúng trời Tứ Đại vương, có trời Ba Mười Ba... Trong đó có các cõi như cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đổ-sử-đa, cõi trời Lạc-biến-hóa, cõi trời Tha-hóa-tự-tại. Nếu người nào đã thành tựu được tín giới không điên đảo và nghe học được trí tuệ buông xả (xả tuệ) thì sau khi chết đã được sinh lên cõi trời đó. Tôi cũng thành tựu được tín giới không điên đảo, đã nghe học được khéo léo xả tuệ, vì sao tôi chẳng được sinh lên cõi trời đó? Nếu các đệ tử Phật do tướng như thế theo đó mà nghĩ nhớ đến các cõi trời. Do thấy biết làm căn bản, cùng với chứng trí tương ứng nhau. Các niệm liên tục, niệm riêng biệt, niệm nghĩ nhớ, tánh niệm, tánh tùy niệm, tánh nghĩ riêng biệt, tánh không lãng quên, tánh không lãng quên chánh pháp, tánh tâm sáng suốt ghi nhớ lâu... Đó là tùy niệm thiên hay các cõi trời.

Có sáu pháp vô thượng:

1. Thấy vô thượng.
2. Nghe vô thượng.
3. Lợi vô thượng.
4. Học vô thượng.
5. Hành vô thượng.
6. Niệm vô thượng.

- Thế nào là thấy vô thượng?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý vị Bì-sô nên biết! Như có một số Bồ-đặc-già-la đến ngắm xem các vòng báu, voi báu, ngựa báu, ngọc

châu báu, nữ báu, chủ kho tàng, quan báu, vua chúa, binh lính, quan hầu quý báu... Hoặc lại đến viếng thăm nhìn ngắm hoặc Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến và hạnh tà kiến..., thì ta bảo số Bồ-đặc-già-la đó tuy là có thấy chứ không phải chẳng thấy. Nhưng đó là cái thấy thấp hèn có bản tánh của hàng phàm phu dị sinh chứ không phải của bậc Thánh hiền, còn như những kẻ có tu hành, có gieo trồng sự tín, ái thanh tịnh và đến thăm viếng nhìn xem Như Lai và các đệ tử Phật, ta nói số người đó có cái thấy vô thượng, vì có thể tự gây được lợi ích cho mình và giúp mình được an lạc. Cũng khiến cho tự thân mình được yên ổn, vượt ra khỏi các tai nạn sâu khổ, diệt tan hết các sự đau buồn và nhanh chóng chứng được các pháp yếu đúng lý. Đó gọi là thấy vô thượng.

- Thế nào là nghe vô thượng?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Như có một số Bồ-đặc-già-la đến nghe các thứ tiếng của voi, tiếng ngựa, tiếng xe chạy, tiếng bước chân đi, tiếng thổi tù và, tiếng trống lớn bé, tiếng kêu gọi, tiếng ca hát, tiếng đàn hát âm nhạc. Hoặc đến nghe Sa-môn, hoặc Bà-la-môn phát khởi tà kiến và hạnh tà kiến, nói các pháp tà, thì ta bảo rằng số Bồ-đặc-già-la đó tuy là có nghe chứ chẳng phải không nghe. Nhưng đó là cái nghe thấp hèn có tự tánh của phàm phu dị sinh chứ không phải là của Thánh hiền. Còn như những người có tu hành, biết gieo trồng sự tín, ái thanh tịnh đến thăm viếng nghe Như Lai và các đệ tử Phật diễn nói chánh pháp. Ta bảo số người đó có cái nghe vô thượng, vì có thể tự gây được lợi ích cho mình... Rộng nói cho đến nhanh chóng chứng được các pháp yếu đúng lý. Đó gọi là nghe vô thượng.

- Thế nào là lợi vô thượng?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Như có một số Bồ-đặc-già-la, hoặc có được vợ con hoặc có nhiều ngọc quý, tiền bạc hay lúa thóc, hoặc nhiều bạn bè thân hữu. Hoặc đối với Sa-môn hay Bà-la-môn có phát khởi tà kiến và hạnh tà kiến và số người đó lại tin yêu sâu xa, thì ta bảo rằng số Bồ-đặc-già-la đó tuy gọi là được lợi nhưng không phải là được lợi, mà đó là lợi thấp hèn của phàm phu dị sinh, chứ không phải là lợi của bậc Thánh hiền. Còn như những người có tu hành, biết gieo trồng sự tín ái thanh tịnh lại hay đến chỗ Như Lai và các đệ tử Phật mà sinh lòng tin tưởng ái mộ sâu xa, thì ta bảo rằng số người đó được cái lợi vô thượng vì có thể gây được ích lợi cho mình. Rộng nói cho đến nhanh chóng chứng được các pháp yếu đúng lý. Đó gọi là lợi vô thượng.

- Thế nào là học vô thượng?

Đáp: Đức Thế Tôn có nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Như có một số Bồ-đặc-già-la, hoặc học cỡi voi, cỡi ngựa, hoặc học bắn cung, phóng tên, hoặc học cầm câu móc, hoặc cầm dây, cầm thẻ bài hoặc học lên xe hay xuống xe, hoặc học phóng chạy hay nhảy xa, nhảy cao, hoặc học viết sách, số học, tính toán, toán số v.v... Hoặc học với Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến và tà hạnh lấy đó đem ra dạy học..., thì ta bảo rằng số Bồ-đặc-già-la đó tuy có chỗ học chứ không phải không học, nhưng đó là cái học có tự tánh thấp hèn của phàm phu dị sinh chứ không phải cái học của các bậc Thánh hiền. Còn như những kẻ có tu hành, gieo trồng sự tín ái thanh tịnh, thường hay học các môn học của Như Lai và các đệ tử Phật đã học. Ta bảo rằng số người đó có cái học vô thượng, vì có thể tự gây được ích lợi cho mình. Rộng nói cho đến nhanh chóng chứng được các pháp yếu đúng lý. Đó là học vô thượng.

- Thế nào là hành vô thượng?

Đáp: Đức Thế Tôn có nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Như một số Bồ-đặc-già-la, hoặc làm việc điều phục huấn luyện voi, ngựa, hoặc làm việc luyện người, luyện trâu, hoặc làm các việc thờ lửa, hoặc thờ mặt trăng, thờ mặt trời, thờ thuốc, thờ ngọc châu, thờ tinh tú, thờ cung điện v.v... các việc hoặc làm Sa-môn, Bà-la-môn có tà kiến và hạnh tà kiến và đến xin thọ học làm việc đó... Ta bảo rằng số Bồ-đặc-già-la đó tuy là có việc chứ chẳng phải không làm. Nhưng đó là việc làm có tự tánh thấp hèn của dị sinh phàm phu chứ không phải của bậc Thánh hiền. Còn như có những người có tu hành, gieo trồng sự tín ái thanh tịnh, thường hay làm những việc làm của Như Lai và các đệ tử Phật đã làm. Ta bảo rằng số người này có sự làm việc (hành) vô thượng, vì có thể tự gây được lợi ích cho mình. Rộng nói cho đến nhanh chóng chứng được các pháp yếu đúng lý. Đó là hành vô thượng.

- Thế nào là niệm vô thượng?

Đáp: Đức Thế Tôn có nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Như có một số Bồ-đặc-già-la hoặc nhớ nghĩ vợ con hay tiền của lúa thóc, hoặc nghĩ nhớ bạn bè, hoặc nghĩ nhớ Sa-môn hay Bà-la-môn là những kẻ có tà kiến và hạnh tà kiến (làm việc tà kiến) và phép tà của họ. Ta bảo rằng số Bồ-đặc-già-la đó tuy có nhớ nghĩ chứ chẳng phải không nhớ nghĩ. Nhưng đó là sự nhớ nghĩ có tự tánh thấp hèn của phàm phu dị sinh chứ không phải của bậc Thánh hiền. Còn như những kẻ có tu hành, gieo trồng sự tín ái thanh tịnh, thường hay nghĩ nhớ đến Như Lai và các vị đệ tử Phật. Ta bảo số người này có sự nghĩ nhớ (niệm) vô thượng, vì có thể tự gây được sự lợi ích cho mình, có thể tự giúp mình được an lạc, cũng

có thể khiến tự thân mình luôn được an ổn mà sống. Và vượt thoát khỏi tai nạn của sầu lo, diệt trừ dứt hết các lo buồn khổ não. Nhanh chóng chứng được các pháp yếu đúng lý. Đó là niệm vô thượng.

Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu được là tương ưng
An ổn thấy vô thượng
Nghe, lợi, học, làm, nhớ
Tất đến được không sầu.*

Có sáu pháp quán đái (Quán đối):

1. Quán đái sắc.
2. Quán đái thanh.
3. Quán đái hương.
4. Quán đái vị.
5. Quán đái xúc.
6. Quán đái pháp.

Hỏi: Thế nào là quán đái sắc?

Đáp: Nếu thứ sắc hữu lậu có chấp trước, với các sắc này ở các thời, hoặc quá khứ, vị lai hoặc hiện tại, hoặc có dục, hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, hoặc tùy mỗi mỗi tâm sở và tùy phiền não mà đúng lúc sinh ra... Thì đó gọi là quán đái sắc.

Các thứ: thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là quán đái?

Đáp: Nếu như pháp hữu lậu có chấp trước, thì đối với các pháp đó hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai hay ở hiện tại, hoặc có dục, hoặc tham, hoặc sân hay si, hoặc tùy mỗi mỗi tâm sở hay tùy phiền não mà đúng lúc sinh ra, thì đó gọi là quán đái.

Có sáu loại sinh:

1. Có loại Bồ-đặc-già-la đời đen sinh pháp đen.
2. Có loại Bồ-đặc-già-la đời đen sinh pháp trắng.
3. Có loại Bồ-đặc-già-la đời đen sinh pháp Niết-bàn không đen không trắng.
4. Có loại Bồ-đặc-già-la đời trắng sinh pháp trắng.
5. Có loại Bồ-đặc-già-la đời trắng sinh pháp đen.
6. Có loại Bồ-đặc-già-la đời trắng sinh pháp Niết-bàn không đen không trắng.

- Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la đời đen sinh pháp đen?

Đáp: Như có một số người sinh vào một số nhà nghèo hèn bần tiện gọi là chiêm đà la... Rộng nói cho đến như nhà nghèo thiếu ăn thiếu

mặc. Người này sinh vào nhà đó, hình dung xấu xí, không ai thích nhìn, mọi người cùng khinh ghét. Phần lớn đều làm mướn cho kẻ khác, bất cứ việc gì. Cho nên gọi là đen, và từ loại đen như thế, họ lại tạo ra các nghiệp xấu ác về thân, ngữ, ý. Đến khi chết rồi thì bị đọa vào các đường dữ nên phải sinh vào chốn địa ngục để chịu bao đau khổ cùng cực. Nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la đời đen sinh pháp đen.

2. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la đời đen sinh pháp trắng?

Đáp: Như có một số người sinh vào nhà nghèo hèn bần tiện, gọi là nhà Chiên-trà-la, rộng nói là nhà nghèo thiếu ăn, thiếu mặc. Người này sinh vào chốn ấy, hình dung xấu xí, không ai thích nhìn lại hay quở trách chê trách. Phần lớn đều phải làm mướn cho kẻ khác, bất cứ việc gì, nên gọi là đen. Nhưng người này lại biết tạo ra các hạnh nghiệp tốt lành về thân, ngữ, ý. Do nhân duyên ba nghiệp thiện đó nên sau khi chết rồi được sinh vào cõi thiện, ở trong các cõi trời mà hưởng bao điều vui thú tuyệt diệu. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la đời đen mà sinh pháp trắng.

3. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la đời đen mà sinh ra pháp Niết-bàn không đen, không trắng?

Đáp: Như có một số người sinh vào nhà nghèo hèn bần khổ, gọi là nhà Chiên-trà-la. Rộng nói như là nhà thiếu ăn, thiếu mặc. Người này sinh vào chốn ấy hình dung xấu xí, không ai thích nhìn lại còn quở trách chửi mắng. Phần lớn đều phải làm mướn cho kẻ khác bất cứ việc gì, nên gọi là đen. Với cuộc đời đen đúa buồn thảm như thế, người này nghe biết Đức Như Lai vì mọi chúng sinh giảng dạy các chứng pháp như thật Tỳ-nại-da liền đến nghe pháp. Sau khi nghe rồi sinh lòng tintướng thanh tịnh. Với tâm tịnh tín đó, người ấy suy nghĩ thấy rằng ở nhà biết bao sự ràng buộc bức bách, khác nào chốn lao tù với biết bao phiền toái lo toan khổ não. Còn thoát khỏi gia đình thì khác nào phóng mình vào chốn hư không mênh mông bát ngát, tự do thoải mái và tất cả các nhân pháp thiện sẽ nảy sinh lớn mạnh. Lại nghĩ cứ mãi bận bịu gia đình thì chẳng còn rảnh rang mà tu ít pháp thiện ở đời, huống hồ là đem hết cả cuộc đời mình siêng năng chuyên cần tu học thuần nhất vẹn toàn một cuộc sống phạm hạnh trong trắng. Vậy thì, ta cần nên cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp phục với lòng chánh tín mạnh mẽ đưa thân vào cuộc sống không nhà, siêng năng tu tập phạm hạnh. Sau khi nghĩ kỹ, anh ta liền quyết ý xa bỏ hết sự sản, tiền bạc và người thân, cạo bỏ râu tóc, mình mặc pháp y, lòng tin vững chắc, sống kiếp thên thang không bận bịu gia đình xin thọ trì giới pháp ngày đêm siêng năng chuyên cần giữ gìn giới hạnh giải thoát đặc biệt. Tất cả các quy điều phép tắc tuân hành

nghiêm ngặt. Dù một lỗi nhỏ cũng hết sức áy náy lo âu. Luôn đến tìm học ở mọi nơi không hề trái phạm. Tuân giữ các giới hạnh sâu kín siêng năng tu giới luật..., dần dần chứng được Tứ thiên. Do vì tâm định nên các lậu dứt hết. Nên chứng được tuệ tâm giải thoát vô lậu. Rộng nói cho đến không còn phải nhận thân đời sau nữa. Thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la đời đen mà sinh pháp Niết-bàn không đen không trắng.

4. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la đời trắng sinh pháp trắng?

Đáp: Như có một số người sinh vào nhà giàu sang như các loại giai cấp lớn của các hàng Sát-đế-ly, Bà-la-môn hay các dòng dõi lớn như Trưởng giả, cư sĩ, hoặc sinh vào một gia đình giàu có sang trọng nào khác, nhiều tiền lắm của, kho tàng đầy ắp. Người này sinh vào chốn ấy, hình dạng đẹp đẽ, uy nghi ai cũng thích nhìn, mọi người đều kính trọng khen tốt. Nên gọi là trắng. Với cuộc đời sáng tươi trắng trẻo như thế, anh ta lại gây tạo các hạnh nghiệp tốt lành về thân, ngữ, ý. Do nhân duyên ba nghiệp thiện đó, nên sau khi chết thì được sinh vào các đường thiện, ở trong các cõi trời mà hưởng mọi phước báu vui thú tuyệt diệu. Thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la đời trắng sinh pháp trắng.

5. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la đời trắng sinh pháp đen?

Đáp: Như có một số người sinh vào nhà giàu sang quyền quý như các giai cấp lớn của các hàng Sát-đế-ly, Bà-la-môn hay các dòng dõi cao sang của Trưởng giả, cư sĩ hoặc một loại gia thế giàu có sang trọng nào khác, lắm tiền nhiều của, kho lẫm đầy ắp. Người đó sinh vào chốn ấy hình dung đẹp đẽ uy nghi ai cũng thích ngắm nhìn, khen ngợi là tốt. Cho nên gọi là trắng. Với cuộc đời sáng tươi trắng trẻo như thế, anh ta lại gây tạo ra các hạnh nghiệp xấu ác về thân, ngữ, ý. Do nhân duyên ba nghiệp xấu ác này nên sau khi chết rồi phải đọa vào các đường dữ, ở trong địa ngục chịu bao nhiêu khổ não cực hình. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la đời trắng mà sinh pháp đen.

6. Thế nào là loại Bồ-đặc-già-la đời trắng mà sinh pháp Niết-bàn không đen không trắng?

Đáp: Như có một số người được sinh vào nhà giàu sang quyền quý như các giai cấp lớn của các hàng Sát-đế-ly, Bà-la-môn hoặc các dòng dõi lớn, như trưởng giả, cư sĩ hay một loại gia thế giàu có sang trọng nào khác, lắm tiền nhiều của kho tàng đầy ắp..., nên gọi là trắng. Với cuộc đời sáng tươi trắng trẻo như thế, người này nghe đồn có Đức Như Lai diễn giảng đúng như thật các chứng pháp Tỳ-nại-da, liền đến nghe pháp. Khi đã nghe xong liền được tín tâm thanh tịnh. Người này đã thành tựu được lòng tin tưởng thanh tịnh rồi thì tự nghĩ ở nhà sẽ gặp

biết bao sự ràng buộc bức bách khác nào chốn lao tù với bao nhiêu lo toan phiền toái khổ não. Còn thoát khỏi gia đình thì khác chi phóng mình giữa chốn hư không mệnh mông tự tại và các nhân của pháp thiện sẽ nảy sinh và lớn mạnh. Lại nghĩ cứ mãi bận bịu vướng víu gia đình thì chẳng còn rảnh rang mà tu chút ít pháp thiện ở đời, hưởng hồ là dành cả cuộc đời mình để siêng năng chuyên cần tu học thuần nhất một cuộc sống phạm hạnh trong trắng. Vậy thì ta cần nên cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y. Với lòng chánh tín mạnh mẽ, ta sống một cuộc sống không nhà, siêng gắng tu tập phạm hạnh. Sau khi nghĩ kỹ anh ta liền quyết ý từ bỏ tất cả tài sản tiền bạc, người thân thích, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, lòng tin vững chắc, sống kiếp thanh thang không bận bịu gia đình. Xin thọ trì giới pháp, ngày đêm siêng năng chuyên cần giữ gìn giới hạnh về giải thoát đặc biệt. Tất cả quy điều phép tắc tuân giữ nghiêm ngặt dù một lỗi nhỏ cũng hết sức áy náy âu lo, luôn đến tìm học ở mọi nơi không hề trái phạm. Luôn giữ gìn các giới hạnh sâu kín siêng tu giới luật, đến khi đầy đủ các niệm chánh tri thấy biết đúng thực diệt hết sự ngăn che, chứng được Tứ thiên. Do đó dần dần đến khi các lậu dứt hẳn, chứng được tâm giải thoát, và tuệ giải thoát. Ngay trong hiện đời được chứng các thông tuệ hiểu đầy đủ: Đời sống ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận thân đời sau nữa. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la đời trắng mà sinh pháp Niết-bàn không đen không trắng.

Phẩm 8: BẢY PHÁP, Phần 1

Bảy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Quý thầy nên biết! Có bảy pháp Đức Phật hiểu biết rất đầy đủ rõ ràng, thấu suốt mọi lẽ rồi đem ra giảng dạy chỉ bày cho hàng đệ tử của Ngài. Nay chúng ta cần nên hòa hợp kết tập ôn lại, để sau khi Đức Phật diệt độ thì không có sự tranh cãi. Chúng ta cũng nên cùng nhau tu phạm hạnh tuân giữ giới luật để tạo lợi ích lâu dài cho vô lượng chúng hữu tình. Hãy xót thương hàng trời, người trong cõi thế gian, khiến họ hưởng nhận được nhiều lợi ích an lạc cao quý. Bảy pháp là gì? Bài kệ (Ốt-đà-nam) nói:

*Các chi - cụ - tài - lực
 Diệu, phi diệu hai thứ
 Thức trụ và tùy miên
 Sự không tranh gồm bảy.*

Gồm có: Bảy thứ giác chi, bảy loại Bồ-đặc-già-la, bảy thứ định cụ,

bảy thứ tài, bảy thứ lực, bảy không phải pháp diệu, bảy pháp diệu, bảy pháp không diệu thứ hai, bảy pháp diệu thứ hai, bảy thứ thức trụ, bảy thứ tùy miên, bảy sự không lầm lỗi, bảy pháp ngăn tranh cãi.

Có bảy giác chi:

1. Niệm giác chi.
2. Trạch pháp giác chi.
3. Tinh tấn giác chi.
4. Hỷ giác chi.
5. Khinh an giác chi.
6. Định giác chi.
7. Xả giác chi.

- Thế nào là niệm giác chi?

Đáp: Các đệ tử Phật đối với khổ suy nghĩ xét tìm hiểu về khổ, đối với tập suy nghĩ xét tìm về tập, đối với diệt suy nghĩ xét tìm về diệt, đối với đạo suy nghĩ xét tìm về đạo vô lậu. Luôn tác ý tương ứng với các niệm tùy niệm..., rộng nói cho đến tâm sáng suốt ghi nhớ rõ ràng. Đó gọi là niệm giác chi.

- Thế nào là trạch pháp giác chi?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật, đối với khổ suy nghĩ tìm hiểu về khổ, đối với tập suy nghĩ tìm hiểu về tập. Đối với diệt suy nghĩ tìm hiểu về diệt. Đối với đạo suy nghĩ tìm hiểu về đạo vô lậu. Luôn tác ý tương ứng với sự tuyển chọn các pháp. Rộng nói cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là trạch pháp giác chi.

- Thế nào là tinh tấn giác chi?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ suy nghĩ tìm hiểu về khổ, đối với tập suy nghĩ tìm hiểu về tập. Đối với diệt suy nghĩ tìm hiểu về diệt, đối với đạo suy nghĩ tìm hiểu về đạo vô lậu. Luôn tác ý tương ứng với sự siêng năng chuyên cần. Rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng hết sức không lơ lửng. Đó gọi là tinh tấn giác chi.

- Thế nào là hỷ giác chi?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ suy nghĩ tìm hiểu về khổ, đối với tập suy nghĩ tìm hiểu về tập, đối với diệt suy nghĩ tìm hiểu về diệt, đối với đạo suy nghĩ tìm hiểu về đạo vô lậu. Tác ý tương ứng tâm vui rất vui tự tánh của vui, các loại vui mừng khoái chí, thích ý, thỏa lòng, mừng rỡ, cảm xúc vui mừng, vui thích, khoan khoái, thoải mái, khoái làm việc, mừng vui khoái trá v.v... Đó gọi là hỷ giác chi.

- Thế nào là khinh an giác chi?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật, đối với khổ suy nghĩ tìm hiểu về

khổ, đối với tập suy nghĩ tìm hiểu về tập, đối với diệt suy nghĩ tìm hiểu về diệt, đối với đạo suy nghĩ tìm hiểu về đạo vô lậu. Luôn tác ý tương ứng với sự khinh an của thân và của tâm, tính chất của khinh an, các loại khinh an. Đó gọi là khinh an giác chi.

- Thế nào là định giác chi?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ suy nghĩ tìm hiểu về khổ, đối với tập suy nghĩ tìm hiểu về tập, đối với diệt suy nghĩ tìm hiểu về diệt, đối với đạo suy nghĩ tìm hiểu về đạo vô lậu. Luôn tác ý tương ứng với chỗ trụ của tâm. Rộng nói cho đến tâm chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là định giác chi.

- Thế nào là xả giác chi?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ suy tư tìm hiểu về khổ, đối với tập suy tư tìm hiểu về tập, đối với diệt suy tư tìm hiểu về diệt, đối với đạo suy tư tìm hiểu về đạo vô lậu. Luôn tác ý tương ứng với sự bình đẳng, tâm ngay tánh thẳng, tâm không tìm biết tánh luôn trụ trong yên lặng tịch tĩnh. Đó gọi là xả giác chi.

Có bảy loại Bồ-đặc-già-la:

1. Bồ-đặc-già-la tùy tín hành.
2. Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành.
3. Bồ-đặc-già-la tín thắng giải.
4. Bồ-đặc-già-la kiến chí.
5. Bồ-đặc-già-la thân chứng.
6. Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát.
7. Bồ-đặc-già-la câu phần giải thoát.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy tín hành?

Đáp: Loại Bồ-đặc-già-la (chúng sinh) tùy tín hành này, trước đây khi còn ở quả vị phàm phu thì có rất nhiều về các tánh: tinh tướng, yêu mến, trong sạch thanh tịnh, hiểu biết và từ mẫn thương xót, nhưng lại có rất ít về suy tư so lường, quan sát, chọn lựa, suy tìm... Người này do có nhiều về tin tưởng kính mến thanh tịnh, hiểu biết và từ mẫn nên được gặp Như Lai và hàng đệ tử Phật giảng nói chánh pháp, dạy bảo truyền trao, khuyên răn... đem vô lượng pháp môn mà phân biệt chỉ bày. Khổ thì đúng là khổ, tập đúng là tập, diệt đúng là diệt, đạo đúng thực là đạo. Người này nghĩ: quý báu thay những lời giảng nói chắc thật nhất định không hư vọng hư vọng. Khổ tập diệt đạo đúng thực là khổ tập diệt đạo. Ta nay ân cần siêng năng quan sát về các hành là vô thượng, hành hữu lậu là khổ (hành khổ hữu lậu), tất cả các pháp đều là không và vô ngã. Nghĩ như thế rồi liền ân cần siêng năng quan sát các pháp vừa nói.

Nên sau này chính mình tu tập liền được pháp bậc nhất trên đời (thế đệ nhất). Từ đó luôn không gián đoạn sinh được trí nhãn khổ pháp, tương ứng Thánh đạo mà quan sát các hoạt động ở cõi Dục này là vô thường, khổ, không, vô ngã... tùy theo mỗi thứ thấy rõ trước mặt. Cho đến khi dù chưa khởi ý nghĩ về đạo, thì trí đã hiện ra trước mặt. Như thế, khi đó gọi là tùy tín hành (do lòng tin mà tu hành). Nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la tùy tín hành.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành?

Đáp: Loại Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành này, trước đây khi còn ở ở quả vị phàm phu thì bấp tểnh có nhiều sự suy tư, suy lường quan sát, chọn lựa, xét tìm nhưng lại rất ít lòng tin sự ái mộ, ít thanh tịnh, hiểu biết và từ mẫn. Do vì có nhiều suy tư so lường, quan sát, chọn lựa, xét tìm nên được gặp Như Lai và hàng đệ tử Phật diễn giảng chánh pháp, dạy bảo truyền trao, khuyên răn dùng vô lượng pháp môn mà phân biệt chỉ bày rằng: Khổ đúng thực là khổ, tập đúng thực là tập, diệt đúng thực là diệt, đạo đúng thực là đạo. Người này nghĩ: Thật là quý hóa, những điều nói ra đó chắc chắn đúng thực nhất định không hư vọng hư vọng ấy là khổ tập diệt đạo đúng thực là khổ tập diệt đạo. Ta nay ân cần siêng năng quan sát về các hành là vô thường, hành hữu lậu là khổ, tất cả các pháp đều là không và vô ngã. Nghĩ như thế rồi, liền ân cần siêng năng quan sát các pháp vừa nói. Nên về sau này chính mình tu tập liền được pháp bậc nhất trên đời. Từ đó luôn luôn không gián đoạn sinh được trí nhãn khổ pháp rồi tương ứng với Thánh đạo mà quan sát các hạnh sống ở cõi Dục này là vô thường, khổ, không, vô ngã..., tùy theo mỗi thứ hiện trước mặt. Cho đến khi dù chưa khởi ý nghĩ về đạo, thì trí đã hiện ra trước mặt. Khi đó gọi là tùy pháp hành. Đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la tín thắng giải?

Đáp: Tức là loại Bồ-đặc-già-la tùy tín hành đã được đạo loại trí, cho nên buông xả cả tính chất của tùy tín hành mà nhập vào số loại của tín thắng giải. Thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la tín thắng giải.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la kiến chí?

Đáp: Tức là loại Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành đã được đạo loại trí, cho nên buông xả cả tính chất của tùy pháp hành mà nhập vào số loại của kiến chí. Thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la kiến chí.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la thân chứng?

Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la nào dù đối với tám giải thoát, thân đã chứng được cụ túc trụ nhưng chưa dùng trí tuệ để dứt hẳn các lậu, thế

nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la thân chứng.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la tuệ giải thoát?

Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la nào dù đối với tám giải thoát, thân chưa chứng được cụ túc trụ, nhưng đã dùng trí tuệ mà diệt dứt hẳn các lậu, thế nên gọi là loại Bồ-đặc-già-la Tuệ giải thoát.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát?

Đáp: Nếu Bồ-đặc-già-la nào đối với tám giải thoát dù thân đã chứng được cụ túc trụ rồi còn dùng để diệt thật dứt hết các lậu thì đó gọi là loại Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát (mọi phần đều giải thoát).

Vì sao lại nói câu phân giải thoát Bồ-đặc-già-la? Có hai thứ chương phần:

1. Là chương phần phiền não.

2. Là chương phần giải thoát, nên gọi là câu phân (đủ cả hai phần).

Cả hai phần ấy loại Bồ-đặc-già-la này tâm đều được giải thoát, giải thoát cùng cực, giải thoát vĩnh viễn. Thế nên gọi là Bồ-đặc-già-la câu phân giải thoát.

Có bảy thứ định cụ:

1. Chánh kiến.
2. Chánh tư duy.
3. Chánh ngữ.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh cần.
7. Chánh niệm.

Đó là bảy thứ, tức là bảy chi Thánh đạo. Nên biết tướng ấy mỗi mỗi đều được nói riêng, nên gọi là định cụ (định đầy đủ).

Hỏi: Vì sao gọi là định cụ?

Đáp: Định cụ chính là chánh định, do bảy chi Thánh đạo vây quanh giúp đỡ trợ lực khiến nó càng thêm đầy đủ mạnh mẽ, vận chuyển rất tự tại và vẹn toàn rốt ráo nhất, nên gọi là định cụ.

Có bảy thứ tài (tiền của):

1. Tín tài.
2. Giới tài.
3. Tàm tài.
4. Quý tài.
5. Văn tài.
6. Xả tài.
7. Tuệ tài.

- Thế nào là tín tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật ở chỗ Như Lai tu hành gieo trồng tịnh tín, sinh căn an trụ nơi không thể bị các Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay cõi thế gian khác dẫn dụ cướp đoạt. Nên gọi là tín tài (của cải của đức tin).

- Thế nào là giới tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Các đệ tử Phật lìa bỏ giết hại, lìa bỏ trộm cướp, lìa bỏ dâm dục tà hạnh, lìa bỏ nói dối, lìa bỏ uống rượu. Thế nên gọi là giới tài.

- Thế nào là tâm tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Người có đầy đủ sự biết xấu hổ thì thường xấu hổ đối với các pháp chẳng thiện xấu ác. Vì có những tạp nhiễm khiến có thể chiêu cảm đến thân đời sau mà chịu quả dị thực vô cùng khổ sở, lại hay dẫn đến các sự sinh, già, chết ở đời sau, vậy nên sinh tâm xấu hổ xấu xa. Đó gọi là tâm tài.

- Thế nào là quý tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Những người sống biết thẹn thùng thì luôn luôn xấu hổ đối với các pháp xấu ác chẳng thiện. Vì có những tạp nhiễm khiến có thể chiêu cảm thân đời sau, mà chịu quả dị thực vô cùng khổ sở, lại có khả năng dẫn đến các sự sinh già chết ở đời sau. Vậy hãy nên sinh lòng thẹn thùng xa xa. Đó gọi là quý tài.

- Thế nào là văn tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật đa văn thường hay nghe học nhiều và ghi nhớ thật kỹ các điều đã nghe. Nghĩa là các pháp yếu vô thượng mà Phật đã giảng nói trình bày các pháp thiện thấp, trung bình, cao cấp với văn nghĩa rất tuyệt vời khéo léo hấp dẫn mà lại thuần nhất toàn vẹn, phạm hạnh trong trắng. Người này đối với các pháp yếu vô thượng đó đã nghe học đầy đủ, nhớ đủ lời văn và nghĩa lý, hiểu biết thông suốt tinh tường, tâm không tán loạn nên sự thấy hiểu biết càng thấu đáo. Đó gọi là văn tài.

- Thế nào là xả tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý vị Bí-sô nên biết! Có đệ tử Phật bị tật tham lam keo kiệt trời chặt. Vậy mà ở giữa đại chúng vị đó đã lìa bỏ được tật xấu đó. Tuy ở tại nhà nhưng tâm không hề mê đắm vướng víu, lại hay thi ân bố đức ban tặng, dang tay bố thí, luôn ưa thích việc buông xả và cúng tế. Ban ơn bố thí đầy đủ và bố thí phân chia bình đẳng không thiên vị. Đó gọi là xả tài.

- Thế nào là tuệ tài?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý vị Bì-sô nên biết! Có đệ tử Phật hay biết đúng như thật đây là khổ thánh đế, đây là chỗ tập hợp các khổ thánh đế, đây là diệt khổ thánh đế đây là con đường dẫn đến sự diệt khổ thánh đế. Đó là tuệ tài.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Chàng trai hay cô gái
Đủ, tin, giới, tà, quý
Văn, xả, tuệ tài đó
Nên biết thật giàu sang.
Ta bảo Đại sĩ ấy
Chẳng sống phí một đời
Thường ở cõi trời, người
Hưởng giàu sang an lạc.*

Có bảy thứ lực:

1. Tín lực.
2. Tinh tấn lực.
3. Tàm lực.
4. Quý lực.
5. Niệm lực.
6. Định lực.
7. Tuệ lực.

- Thế nào là tín lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý thầy Bì-sô nên biết! Có hàng đệ tử Phật ở chỗ Đức Như Lai tu hành gieo trồng tinh tấn (đức tin thanh tịnh)..., cho đến rộng nói: Đó là tín lực (sức mạnh của đức tin).

- Thế nào là tinh tấn lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Vì muốn đoạn trừ tất cả các sự xấu ác chẳng thiện đã sinh ra cho nên khởi lên ý muốn mạnh mẽ quyết tâm. Cho đến kể cả bốn thứ Chánh thắng. Đó gọi là tinh tấn lực (sức mạnh của siêng gắng).

- Thế nào là tàm lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Những người nào đầy đủ đức biết hổ thẹn thì luôn xấu hổ với các pháp xấu ác, chẳng thiện, cho đến rộng nói. Đó gọi là tàm lực (sức mạnh của xấu hổ).

- Thế nào là quý lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Những người nào trụ (sống) vào đức biết tủi thẹn thì luôn xấu hổ với các pháp xấu ác chẳng thiện, cho đến rộng nói đó gọi là quý lực (sức mạnh của đức tủi thẹn).

- Thế nào là niệm lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Ngay ở trong nội thân mà luôn theo dõi để ý quan sát xem xét. Rộng nói cho đến bốn thứ niệm trụ (Tứ niệm xứ) đó gọi là niệm lực (sức mạnh của ý niệm quan sát).

- Thế nào là định lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Hãy lìa sự ham muốn mọi pháp xấu ác chẳng thiện. Tâm luôn có tâm có từ tức có suy nghĩ tìm xét lìa bỏ sự sinh ra mừng vui, luôn trụ vào sơ thiền trọn vẹn đầy đủ. Rộng nói cho đến trụ vào bậc tứ thiền trọn vẹn đó là định lực.

- Thế nào là tuệ lực?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Quý thầy Bí-sô nên biết! Có hàng đệ tử Phật hay biết đúng như thật đây là khổ thánh đế v.v... cho đến rộng nói. Đó gọi là tuệ lực.

Đến đây Như Lai nói kệ:

*Nếu có các Bí-sô
Đủ tín-cần-tàm-quý
Và lực-niệm-định-tuê
Mau dứt được các khổ.*



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TỨC

QUYỂN 17

Phẩm 8: BẢY PHÁP, Phần 2

Có bảy pháp không tốt (phi diệu):

1. Bất tín.
2. Không hổ.
3. Không thẹn.
4. Biếng lười.
5. Mất chánh niệm.
6. Không định.
7. Ác tuệ (tuệ xấu).

- Thế nào là bất tín (không tin)?

Đáp: Gồm các loại chẳng tin, tính chất của bất tín, tánh chẳng tin ở trước mắt, không tùy thuận, không ấn định quyết chắc, đã không vui nhãn, sẽ không vui nhãn, hiện không vui nhãn, lòng luôn không thanh tịnh. Đó gọi là bất tín.

- Thế nào là vô tâm? (Không biết xấu hổ)

Đáp: Tức là các thứ chẳng biết xấu hổ, cho đến rộng nói. Đó gọi là vô tâm.

- Thế nào là vô quý? (Không biết tủi thẹn)

Đáp: Các thứ chẳng biết tủi thẹn, xấu hổ, mắc cỡ..., cho đến rộng nói. Đó là vô quý.

- Thế nào là biếng lười?

Đáp: Tức là tính chất của các thứ dưới mức tinh tấn, tinh tấn kém, ngán tinh tấn, sợ tinh tấn..., rộng nói cho đến sự biếng lười, tự tánh biếng lười tâm không hăng hái mạnh mẽ cố gắng siêng năng chuyên cần. Đó gọi là biếng lười.

- Thế nào là thất niệm? (Mất chánh niệm)

Đáp: Tức là tính chất của các thứ không nghĩ ngợi, chú ý, nghĩ nhớ các việc gì cả hoặc nghĩ ngợi lang mang, mất chánh niệm, niệm ở ngoài

tâm. Đó là thất niệm.

- Thế nào là bất định?

Đáp: Tức là tâm tán loạn. Tính chất của tâm tán loạn là sao? Tức là các tính chất phân tán của tâm như tâm loạn động rối rắm, tâm luôn xao động hồi hộp, bị quấy nhiễu, tâm lăng xăng lang thang, chạy nhảy, không chuyên chú vào một cảnh, không đứng yên. Đó là tánh tán loạn của tâm.

- Thế nào là ác tuệ?

Đáp: Tức là tuyển chọn những điều không đúng lý chấp chặt cho là đúng, còn những việc đúng lý thì bảo là sai. Thế nên gọi là ác tuệ (tuệ xấu).

Đó là bảy pháp không tốt.

Do nguyên nhân nào mà nói bảy pháp này là không tốt? Không tốt (diệu) tức là không phải hạng người tốt lành. Các pháp này gọi là không tốt, nghĩa là với các pháp này thì chỉ có những kẻ không tốt đang hoang mển thích chuộng lấy mà thôi. Vì kẻ ấy hiện có nên gọi là bảy thứ không tốt.

Có bảy thứ pháp tốt:

1. Tín.
2. Tàm.
3. Quý.
4. Tinh tấn.
5. Niệm.
6. Định.
7. Tuệ.

- Thế nào là tín?

Đáp: Các thứ đức tin, tính chất của đức tin, sự tin tưởng trước mắt, sự tùy thuận, sự ấn định quyết chấp (lời hứa có uy tín) đã vui chịu đựng (nhẫn) sẽ vui chịu đựng, hiện đang vui chịu đựng. Tâm luôn thanh tịnh. Đó gọi là tín.

- Thế nào là tàm? (xấu hổ với người)

Đáp: Là các thứ mắc cỡ, xấu hổ, tính chất về sự xấu hổ, cho đến rộng nói. Đó là tàm (hổ).

- Thế nào là quý?

Đáp: Các thứ tử thẹn, tánh của tử thẹn, cho đến nói rộng. Đó là quý (tự thẹn với mình).

- Thế nào là tinh tấn?

Đáp: Tức các thứ bậc dưới của siêng năng tinh tấn, tính chất sự

tinh tấn cho đến rộng nói. Đó là tinh tấn (cố sức siêng gắng).

- Thế nào là niệm?

Đáp: Là các thứ niệm, tùy niệm. Rộng nói cho đến tâm sáng suốt tánh ghi nhớ. Đó là niệm.

- Thế nào là định?

Đáp: Là các thứ tâm trụ. Rộng nói cho đến tính chất tâm chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là định.

- Thế nào là tuệ?

Đáp: Tức là tuyển chọn hiểu biết các điều nào đúng lý thì cho là đúng lý, điều nào không đúng lý thì bảo là sai. Đó gọi là tuệ.

Đó là bảy pháp tốt. Do nguyên nhân nào nói là bảy pháp này tốt? Tốt là chỉ cho hạng người tốt đàng hoàng. Ở đây nói các pháp ấy tốt, có nghĩa là chỉ có những kẻ đàng hoàng tốt mới mến thích chuộng lấy các pháp đó mà thôi. Nay các kẻ ấy hiện có, nên gọi đó là bảy pháp tốt.

Lại có bảy pháp không tốt:

1. Chẳng biết pháp.
2. Không biết nghĩa.
3. Không biết thời gian.
4. Không biết độ lượng.
5. Không biết chính mình.
6. Không biết về các nhóm người.
7. Không biết Bồ-đặc-già-la nào hơn kém.

- Thế nào là không biết pháp?

Đáp: Nghĩa là không biết giáo pháp của Như Lai gọi là Khế kinh, gồm các thứ như: Văn đọc tụng, lời thọ ký, kệ tụng, tụng nói, nhân duyên, thí dụ, bốn sự, bốn sinh, phương quảng, pháp hiếm có, nghị luận... Đó gọi là không biết pháp.

- Thế nào là không biết nghĩa?

Đáp: Tức là chẳng hiểu biết được điều ấy, những lời nói có nghĩa lý ấy, nghĩa là với lời nói như thế, như thế, thì có nghĩa lý như thế, như thế. Đó gọi là chẳng biết nghĩa.

- Thế nào là không biết thời gian?

Đáp: Nghĩa là không biết đúng lúc hay không đúng lúc, là như lúc này thì nên tu pháp ngăn trừ thôi dứt. Lúc này thì nên tu pháp khởi sự hành động, lúc kia thì nên tu hạnh buông xả v.v... Đó gọi là không biết thời gian.

- Thế nào là không biết độ lượng?

Đáp: Nghĩa là không hiểu biết các thứ phân lượng như các thức ăn

uống hay cách ăn uống, như việc đi đứng nằm ngồi, như việc thức ngủ, nói năng im lặng, hoặc cách giải trừ phiền muộn v.v..., phải có chừng mực. Thế nên gọi là không biết độ lượng.

- Thế nào là không tự biết mình?

Đáp: Là không tự biết mình đạo đức nhiều ít như các thứ: Đức tin, giới hạnh, việc nghe học, việc buông xả, trí tuệ hoặc giáo pháp, các quả chứng, các ý niệm dòng dõi tài năng, năng khiếu của mình v.v..., gọi là không tự biết về mình.

- Thế nào là không biết về các nhóm người?

Đáp: Là chẳng hiểu biết về các nhóm người ai hơn ai kém, như thế nào về các chúng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, cư sĩ hay Sa-môn hoặc ngoại đạo... ở trong các nhóm người ấy thì ta phải làm như thế nào như phải đứng ngồi ra sao, nói năng im lặng thế nào v.v... Đó gọi là không biết về các nhóm người.

- Thế nào là không biết về Bồ-đặc-già-la nào hơn kém?

Đáp: Nghĩa là không biết các Bồ-đặc-già-la đức hạnh của ai hơn hay kém. Tức là các Bồ-đặc-già-la như thế như thế thì đức hạnh như thế như thế là kém hay hơn. Đó gọi là không biết rõ Bồ-đặc-già-la hơn kém.

Đó là bảy pháp không tốt. Do nguyên nhân nào nói bảy pháp đó chẳng tốt lành? Chẳng tốt là chỉ cho người không tốt, không đàng hoàng. Các pháp này sở dĩ gọi là không tốt vì chỉ có hạng người ấy mới ưa chuộng lấy mà thôi. Cho nên đây là bảy pháp không tốt.

Lại có bảy pháp tốt:

1. Biết pháp.
2. Hiểu nghĩa.
3. Biết lúc.
4. Biết độ lượng.
5. Biết mình.
6. Biết các nhóm người.
7. Biết Bồ-đặc-già-la hơn kém.

- Biết pháp, nghĩa là hiểu biết đúng về giáo pháp của Như Lai. Đó là Khế kinh gồm có các thứ: Ứng tụng, Thọ ký, Văn xuôi, Văn vần, (các kệ tụng), Tự nói, Nhân duyên, Thí dụ, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Pháp hiếm có, Nghị luận... Đó gọi là biết pháp.

- Hiểu nghĩa, là hiểu biết đúng dẫn điều đó, lời văn có nghĩa lý đó. Tức là những lời như thế thì có ý nghĩa như thế. Đó gọi là hiểu nghĩa.

- Biết lúc, là biết đúng lúc và chẳng đúng lúc. Tức là lúc này thì

nên tu pháp chỉ tướng, lúc kia thì nên tu pháp cử tướng, và lúc nọ nên tu pháp xả tướng v.v... như thế gọi là biết lúc biết thời.

- Biết độ lượng, là hiểu biết đúng đắn có thứ phân lượng, tức như các thức ăn uống hay cách ăn uống thường thức, hoặc khi đi đứng nằm ngồi, khi thức ngủ, nói năng im lặng, hoặc khi giải lao, giải buồn v.v... mỗi thứ đều có mức hạn định..., đều biết rõ cả.

- Tự biết mình, là hiểu biết đúng đắn về đức độ của mình nhiều, hay ít. Tức là những thứ mình đã có. Như về đức tin, uy tín, giới hạnh, nghe học, sự buông xả, hoặc trí tuệ, giáo pháp, các quả chứng, các ý niệm, hoặc về dòng dõi, năng khiếu, tài năng v.v..., thì gọi biết mình.

- Biết các nhóm người, là biết rõ các nhóm người nào là hơn hay kém, như các nhóm người thuộc các dòng Sát đế lỵ, Bà-la-môn, Trưởng giả, cư sĩ, đây là Sa-môn, đây là ngoại đạo..., thì ta phải xử sự như thế nào, phải đứng ngồi ra sao, khi nào nên nói và nên yên lặng. Đó gọi là biết các nhóm người.

- Biết hạn Bồ-đặc-già-la nào hơn hay kém, là biết rõ hạng Bồ-đặc-già-la này có đức hạnh hơn hay kém. Tức là khối Bồ-đặc-già-la như thế thì có đức hạnh như thế là kém hay hơn... Đó gọi là biết Bồ-đặc-già-la hơn hay kém.

Đó là bảy pháp tốt. Vì sao lại gọi bảy pháp này là tốt? Tốt đây là chỉ cho bậc Thiện sĩ, kẻ đàng hoàng. Các pháp đó gọi là tốt vì chỉ có những kẻ tốt đàng hoàng đó mới ưa chuộng lấy mà thôi. Cho đến gọi các pháp này là tốt.

Có bảy thức trụ:

1. Như có loài hữu tình có sắc, có các thứ thân và các thứ tướng như loài người và một phần cõi trời. Đó là trụ thức thứ nhất.

2. Lại có loài hữu tình có sắc, có các thứ thân, nhưng chỉ có một thứ tướng như cõi trời Phạm chúng, khởi lập từ kiếp xưa, gọi là trụ thức thứ hai.

3. Lại có loài hữu tình có sắc, có một thứ thân nhưng có nhiều thứ tướng như cõi trời Quang Âm thì gọi là cõi trời thứ ba.

4. Lại có loài hữu tình có sắc, có một thứ thân và một thứ tướng như cõi trời Biến tịnh, thì gọi là trụ thức thứ tư.

5. Lại có loài hữu tình không có sắc, vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt hết các đối tượng chẳng còn suy nghĩ các thứ tướng và nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ. Như cõi trời Không vô biên xứ. Gọi đó là trụ thức thứ năm.

- Lại có loài hữu tình không có sắc, vượt ngoài tất cả vào Không

vô biên xứ mà nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ. Như cõi trời Thức vô biên xứ. Gọi đó là trụ thức thứ sáu.

- Lại có loài hữu tình không có sắc, vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ mà nhập vào vô sở hữu trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ. Như cõi trời Vô sở hữu xứ. Gọi đó là trụ thức thứ bảy.

Chữ có sắc ở đây, nghĩa là loài hữu tình ấy có sắc, hiện bày ra thân có sắc, có đủ cả xứ có sắc, giới có sắc và uẩn có sắc, nên gọi là có sắc.

Loài hữu tình: Tức là theo nghĩa chắc thật cao tột. Vì các loài hữu tình không nhận được, không thể được, không có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, xứ, giới mà giả lập ra có loài hữu tình. Rồi có các tướng tướng ra đặt ra nói là có chuyển đổi mà gọi là loài hữu tình theo ý người. Rồi có sinh mạng như đồng (trẻ con) có sinh ra, có nuôi dưỡng thành trưởng phu Bồ-đặc-già-la, nên gọi là loài hữu tình.

Có các thứ thân, nghĩa là loài hữu tình đó có nhiều thứ sắc thân hiện bày rõ ràng, đủ các thứ tướng, đủ các thứ hình chứ không phải có một sắc, một tướng, một hình. Cho nên gọi là các thứ thân.

Có các thứ tướng, là loài hữu tình ấy có các tướng vui, tướng khổ, hay tướng không vui không khổ. Cho nên gọi là các thứ tướng.

Như người và một phần cõi trời, là chỉ chung về loài người và cõi trời thuộc Dục giới.

Gọi đó là thứ nhất, tức là theo thứ tự liên tục đếm tới thì nó ở hàng thứ nhất.

Trụ là gì? Tức là với sự phiền lụy đó có đủ cả sắc, thọ, tướng, hành, thức nên gọi chung là thức trụ.

Có sắc, là loài hữu tình có sắc đó mới bày ra cái thân có sắc, có các thứ xứ có sắc, giới có sắc và uẩn có sắc. Nên gọi là có sắc.

Hữu tình, tức là theo nghĩa chắc thật cao quý. Dầu loài hữu tình thật ra không nhận được, không thể được, không có, không hiện hữu, nhưng dựa vào các uẩn, giới, xứ mà giả lập ra loài hữu tình. Rồi với các tướng tướng ra, đặt ra nói là có chuyển đổi mà gọi là loài hữu tình theo ý người. Rồi có sinh mạng như đồng, có sinh, có dưỡng trở thành trưởng phu Bồ-đặc-già-la. Nên gọi là hữu tình.

Có các thứ thân, là loài hữu tình đó có nhiều thứ sắc thân hiện bày rõ ràng, đủ các thứ hình tướng chứ không phải chỉ có một sắc, một tướng một hình. Nên gọi là các thứ thân.

Có một thứ tướng, là các loài hữu tình ấy có thời gian và thân phận sống (có mạng sống trong một thời gian nhất định). Nên khi thế giới

này kiếp sống sắp hoại thì phần nhiều đều vãng sinh lên cõi trời Quang âm cùng chung sự với nhau. Ở đó có đầy đủ tâm ý và sắc thân, các căn không thiếu sót, các chi phần bộ phận đều trọn vẹn đầy đủ, hình tướng rõ ràng thanh tịnh mừng vui mà ăn uống, mạng sống dài lâu có thời gian phân số. Ở thế gian đó khi kiếp xưa lúc mới thành lập, ở phía dưới không trung có một số cung điện trống rỗng, bỗng nhiên mọc lên. Khi đó có một người (hữu tình) do thọ mạng đã hết, nghiệp đã dứt, phước đã tàn, là người đầu tiên cùng chung sống ở cõi trời Quang âm chết đi và sinh xuống ở tại cung điện trống không cõi Phạm thế, chỉ riêng một mình không có ai khác theo hầu nhưng có tuổi thọ rất dài. Người này sống ở đó trong thời gian rất lâu, lâu lắm. Rồi bỗng nhiên lại sinh ra lòng ái dục và buồn rĩ rượi, nên nghĩ: Phải chi có nhiều hữu tình khác cùng chung số phần đến sống cùng làm bạn với ta! Khi người này đang ước ao như thế thì có một số hữu tình khác do tuổi thọ đã tàn, nghiệp đã dứt, phước đã hết cũng ở cõi trời Quang âm đó chết đi và sinh vào cung điện ở cõi Phạm thế để cùng làm bạn với hữu tình trước đó. Người sinh trước ở cõi ấy nghĩ: Từ xưa khi ta sinh lên đây chỉ có một mình không có ai cả tuổi thọ rất cao, và ở đây rất lâu bỗng nhiên sinh ái dục và buồn rĩ rượi, nên nghĩ làm thế nào để có các chúng hữu tình khác cũng giống như ta sinh vào chốn này để cùng ta làm bạn. Khi ta ước ao như thế thì có các hữu tình khác liền sinh vào đây đáp ứng ý ta và cùng ta làm bạn. Vậy thì số hữu tình chính ta hóa ra. Như thế thì đối với những kẻ ấy và các thế gian khác ta là kẻ tự có tự tại, ta là kẻ làm ra, hóa ra, sinh ra. Thật ra đáng tôn lên làm Tổ phụ. Ngay lúc đó nhóm hữu tình kia cũng nghĩ: Bọn ta đã từng thấy ông ấy sống, một mình ở đây với số tuổi rất cao, và sống ở đây rất lâu, lâu lắm. Rồi bỗng nhiên phát sinh lòng ái dục và nảy ra một nỗi buồn lớn và bảo ước ao có các hữu tình khác cùng giống như ta sinh lên đây cùng làm bạn với ta. Khi ông ấy mong ước điều đó thì bọn ta liền sinh lên đó cùng chung số phần để cùng làm bạn thiết với ông ấy. Vậy thì bọn ta chính do ông ấy hóa ra. Đối với loài hữu tình và các vật trên cõi này, thì khi ông ấy là kẻ tự tại, là kẻ đã hóa ra, làm ra, sinh ra, thật ông ấy đáng tôn lên làm Tổ phụ..., cho nên gọi là có một thứ tướng.

Như cõi trời Phạm chúng, là ở đây là để gọi chung những người sinh lên ở cung trời Phạm chúng.

Có nhiều thứ thân nhưng chỉ có một thứ tướng đã khởi trụ từ kiếp xa xưa, là khi kiếp xưa sinh ra thì gọi là bậc thứ hai, tức theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ hai.

Hỏi: Vì sao gọi là thức trụ?

Đáp: Tức là với thân phiền lụy này có đủ các thứ uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nên gọi chung là thức trụ.

Có sắc, nghĩa là đối với loài hữu tình có sắc ấy bày lập ra cái thân có sắc, có các thứ xứ có sắc, giới có sắc uẩn có sắc. Nên gọi là có sắc.

Hữu tình, đó là nghĩa chắc thật cao quý. Dù các loài hữu tình không nhận được, không thể được, không có, không hiện hữu, nhưng y vào các uẩn, giới, xứ mà giả lập ra loài hữu tình. Rồi với các tướng tướng ra mà đặt nói là có chuyển đổi mà gọi là hữu tình theo ý người. Rồi có sinh ra mạng nhu đồng, có sinh ra có nuôi dưỡng để thành những trượng phu Bồ-đặc-già-la. Cho nên gọi là hữu tình.

Có một thứ thân, là loài hữu tình ấy có một sắc thân rõ ràng có một phần tướng. Không có các thứ sắc, không có nhiều thứ tướng, nhiều thứ hình. Nên gọi là một thứ thân.

Có nhiều thứ tướng nghĩa là loài hữu tình ấy có tướng vui và tướng chẳng khổ chẳng vui. Nên gọi là nhiều thứ tướng.

Như cõi trời Quang âm, tức chỉ chung cho các trời ở cõi Quang âm. Đó gọi là hàng thứ ba. Tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ ba.

Thức trụ là gì? Tức là với cái thân phiền lụy này có đủ các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên gọi chung là thức trụ.

Có sắc, nghĩa là loài hữu tình có sắc ấy bày lập ra thân có sắc và các thứ xứ có sắc, giới có sắc, uẩn có sắc, cho nên gọi là có sắc.

Hữu tình, là thuộc nghĩa chắc thật và cao tốt, dù các loài hữu tình chẳng thể thấu nhận được, chẳng thể được, không có, không hiện hữu, nhưng y vào các uẩn, giới, xứ mà giả lập ra loài hữu tình. Rồi với các tướng tướng ra mà đặt ra nói là có chuyển đổi mà gọi là hữu tình theo ý người. Rồi có sinh ra mạng nhu đồng, có sinh ra, có nuôi dưỡng để thành Bồ-đặc-già-la, nên gọi là hữu tình.

Có một thứ thân, là các loài hữu tình ấy có một sắc thân rõ ràng, có một hình, một tướng. Không có nhiều thứ sắc, không có nhiều thứ tướng, nhiều thứ hình. Nên gọi là một thứ thân.

Có một thứ tướng, là có loài hữu tình chỉ có tướng vui mà thôi, cho nên gọi là một thứ tướng.

Như cõi trời Biến tịnh, tức là sự chỉ chung cho các trời ở cõi Biến tịnh, đó là hàng thứ tư. Tức theo thứ tự liên tục dần đếm lên thì nó ở hàng thứ tư.

Thế nào là thức trụ? Tức là với cái thân phiền lụy này có đủ các

uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nên gọi là thức trụ.

Không có sắc, là loài hữu tình ấy không có sắc mà lập ra thân không sắc, không có các thứ xứ có sắc, giới có sắc, uẩn có sắc. Cho nên gọi là không có sắc.

Hữu tình, tức là theo nghĩa chắc thật cao tốt, dù các loài hữu tình chẳng thể thâm nhận được, không thể được, không có, không hiện hữu, nhưng y vào các uẩn, giới xứ mà giả lập ra loài hữu tình. Rồi với các tướng tưởng đặt ra nói là có chuyển đổi mà gọi là loài hữu tình theo ý người. Rồi có sinh ra mạng nhu đồng, có sinh ra, có nuôi dưỡng để trở thành các Bồ-đặc-già-la. Nên gọi là hữu tình.

Vượt tất cả các sắc tướng, là vượt tất cả nhãn thức, thân tướng ứng với tướng.

Diệt hết sự có đối tượng, là diệt cả bốn thức của thân tướng ứng với tướng.

Chẳng suy nghĩ các thứ tướng, là không có năm thức của thân, dẫn đến tương ứng với ý thức duyên nơi sắc v.v... Các thứ gây chướng ngại cho định tướng (tướng về định), nhập vào vô biên không, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ.

Như là cõi trời Không vô biên xứ, là chỉ chung về cõi trời không vô biên. Đó gọi là hàng thứ năm. Tức là theo thứ tự liên tục đếm dần mãi thì nó ở hàng thứ năm.

Hỏi: Trụ thức là gì?

Đáp: Tức là với cái thân phiền lụy này, có đủ cả các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nên gọi chung là thức trụ.

Không có sắc, là loài hữu tình ấy không sắc ấy lập ra thân không có sắc, không có xứ có sắc, không có giới có sắc, không có uẩn có sắc, cho nên gọi là không có sắc.

Hữu tình, tức là theo nghĩa chắc thật cao tốt, dù các loài hữu tình không thâm nhận được, không thể được, không có, không hiện hữu, nhưng y vào các uẩn-giới-xứ mà giả lập ra loài hữu tình. Và với các tướng tưởng đặt ra nói là có chuyển đổi mà gọi là loài hữu tình theo ý người. Rồi có sinh ra mạng nhu đồng, có sinh ra, có nuôi dưỡng để trở thành Bồ-đặc-già-la. Nên gọi là hữu tình.

Vượt tất cả Không vô biên xứ mà nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, như cõi trời Thức vô biên xứ, nghĩa là chỉ chung cõi trời Thức vô biên xứ.

Đó là hàng thứ sáu, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần mãi lên thì nó vào hàng thứ sáu.

Hỏi: Thức trụ là gì?

Đáp: Tức là với thân phiến lụy này có đủ cả các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Gọi chung là thức trụ.

Không có sắc, là loài hữu tình không có sắc ấy, đặt lập ra, thân không có sắc, không có các thứ xứ có sắc, giới có sắc, uẩn có sắc, cho nên gọi là không có sắc.

Hữu tình, tức là theo nghĩa chắc thật cao tột. Vì dù các loài hữu tình không thể thấu nhận được, chẳng thể được, không có, không hiện hữu, như y vào các uẩn, xứ giới mà giả lập ra loài hữu tình. Với các tướng tướng đặt ra nói là có chuyển đổi mà gọi là loài hữu tình theo ý người. Rồi có sinh ra mạng nhu đồng, có sinh ra, có nuôi dưỡng để trở thành Bồ-đặc-già-la. Nên gọi là hữu tình.

Vượt tất cả Thức vô biên xứ mà nhập vào vô sở hữu trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, như cõi trời Vô sở hữu xứ. Nghĩa là chỉ bày chung cho cõi trời Vô sở hữu xứ.

Đó là hàng thứ bảy, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó là hàng thứ bảy.

Hỏi: Thức trụ là gì?

Đáp: Tức là với cái thân phiến lụy này có đủ cả các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi chung là thức trụ.

Có bảy thứ tùy miên:

1. Tham dục tùy miên.
2. Sân giận tùy miên.
3. Có tham tùy miên.
4. Mạn tùy miên.
5. Vô minh tùy miên.
6. Kiến tùy miên.
7. Nghi tùy miên.

- Tham dục tùy miên là sao?

Đáp: Nếu đối với các dục mà tham lam ham hố, cho đến rộng nói. Nên gọi là tham dục tùy miên.

- Thế nào là sân giận tùy miên?

Đáp: Nếu đối với các loài hữu tình muốn gây các tổn hại. Cho đến rộng nói, thì gọi là sân giận tùy miên.

- Thế nào là có tham tùy miên?

Đáp: Đối với có sắc hay không sắc mà tham lam. Cho đến rộng nói, thì gọi là có tham tùy miên.

- Thế nào là mạn tùy miên?

Đáp: Bị các thứ kiêu mạn hỗn láo bao vây cột chặt. Cho đến rộng nói thì gọi là mạn tùy miên.

- Thế nào là vô minh tùy miên?

Đáp: Khấp trong ba cõi đều không có trí, thì gọi là vô minh tùy miên.

- Thế nào là kiến tùy miên?

Đáp: Có năm thứ chấp thì gọi là kiến tùy miên.

- Thế nào là nghi ngờ tùy miên?

Đáp: Đối với các chân lý, các điều chắc thật mà còn do dự nghi ngờ thì gọi là nghi tùy miên.

Có bảy sự không lầm lỗi:

1. Quý vị nên biết: Có hàng đệ tử Phật ở chỗ Như Lai tu tập gieo trồng các thứ tịnh tín, sinh căn, an trụ nên không bị các Sa-môn hay Bà-la-môn hoặc Thiên ma phạm hay một cõi thế gian khác dẫn dụ cướp đoạt, đó gọi là sự không lầm lỗi thứ nhất.

2. Lại quý vị nên biết: Có hàng đệ tử của Phật luôn an trụ sống trong giới hạnh thanh tịnh, chuyên cần siêng năng gìn giữ cẩn thận các giới luật Biệt giải thoát, các quy tắc điều lệ, trong mọi hoạt động việc làm đều tuân hành đầy đủ. Đối với các lỗi rất nhỏ nhưng áy náy lo sợ rất lớn... Thường tìm học đủ các môn học (ở những nơi có dạy) và luôn tuân giữ đúng đắn không hề hủy phạm. Đó là sự không lầm lỗi thứ hai.

3. Lại quý vị nên biết: Có hàng đệ tử Phật luôn gần gũi kết bạn với các bạn lành, cùng khéo léo sử sự khi giao tế chơi thân. Đó là sự không lầm lỗi thứ ba.

4. Và quý vị nên biết: Có hàng đệ tử Phật thường thích ở những nơi vắng vẻ yên tịnh đầy đủ cả hai thứ lìa bỏ tức là các sự lìa bỏ của thân của tâm. Đó gọi là sự không lầm lỗi thứ tư.

5. Lại quý vị nên biết: Có hàng đệ tử Phật luôn sống an trụ trong sự siêng năng chuyên cần. Luôn có sức hăng hái cố gắng rất mạnh mẽ bền bỉ kiên trì. Đối với các pháp thiện không bao giờ buông bỏ các nguyên tắc bất buộc. Đó gọi là sự không lầm lỗi thứ năm.

6. Lại nữa quý vị nên biết: Có hàng đệ tử Phật luôn an trụ trong cụ niệm, thành tựu tuyệt diệu các thưởng dựa vào các chi niệm. Những việc làm đã lâu, những lời nói đã xưa đều nhớ rất kỹ. Đó là sự không lầm lỗi thứ sáu.

7. Và quý thầy nên biết: Có hàng đệ tử Phật luôn an trụ sống trong cụ tuệ (tuệ toàn vẹn đầy đủ), thành tựu tốt các thứ tuệ, như tuệ có sinh mất thế gian, thánh tuệ, xuất tuệ, tuệ khéo thông đạt, tuệ bỉ sở

tác (do nó tạo ra) và tuệ chánh tận khổ... Đó gọi là điều không lầm lỗi thứ bảy.

Ở chỗ Như Lai mà tu hành gieo trồng tịnh tín. Như Lai là gì? Như Lai là bậc Chánh Đẳng Giác (Đấng giác ngộ hoàn toàn).

Tịnh tín là gì? Tức là dựa vào các pháp thiện, các loại đức tin, tính chất của đức tin do xuất ly và xa lìa sinh ra. Rộng nói cho đến tính chất thanh tịnh tâm, nên gọi là tịnh tín. Với cái tịnh tín đó ở chỗ Như Lai mà đã đang hay sẽ ra sức tu hành và gieo trồng.

Thuộc hàng thứ nhất, tức là theo thứ tự và liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ nhất.

Sự không lỗi lầm, nghĩa là chỉ rõ cái tình trạng đã được thanh tịnh, đã đoạn dứt vĩnh viễn các lầm lỗi...

Luôn sống an trụ trong tịnh giới (giới hạnh thanh tịnh)

Hỏi: Thế nào là tịnh giới?

Đáp: Tức là các nghiệp đã làm nghĩa là giữ thân nghiệp, ngữ nghiệp đúng phép tắc giới luật và có đời sống thanh tịnh, nên gọi là tịnh giới.

An trụ, nghĩa là thành tựu được tịnh giới, luôn tu hành các hạnh cao quý, thẳng tiến đến chỗ chứng ngộ. Đó gọi là an trụ.

Chuyên cần siêng năng giữ gìn các giới luật biệt giải thoát.

Hỏi: Thế nào là biệt giải thoát?

Đáp: Nghĩa là các Như Lai bậc chánh đẳng giác rộng nói cho đến Phật, Bạt già phạm đã tự mình thấy biết, vì các vị Bí-sô cứ mỗi nửa tháng thường tuyên nói các Khế kinh điều luật biệt giải thoát.

Hỏi: Do nguyên nhân nào mà nói là biệt giải thoát?

Đáp: Tức là các pháp thiện cao quý nhất thường lấy đây, (giới luật) làm cửa vào, các giới luật là pháp môn đứng đầu cao quý nhất, nó cũng là điều kiện đầu tiên, cần phải làm riêng, ở riêng do đó nên đặt tên là biệt giải thoát.

Siêng năng giữ gìn giới luật này, nghĩa là đối với các pháp biệt giải thoát mà luôn tuân hành là theo như thế xoay chuyển theo.

Các quy tắc điều lệ của các hoạt động đều tuân giữ đầy đủ. Nghĩa là toàn chúng Bí-sô có năm việc trái với quy điều luật lệ, và năm chỗ không nên đi đến.

Năm việc trái với quy tắc điều lệ là:

1. Tội hơn người khác.
2. Tội khác đại chúng.
3. Tội bị đọa, bị nấu đốt.

4. Tội đầu riêng.

5. Tội làm ác.

Năm chỗ không nên đi đến:

1. Cung vua.

2. Nhà làm ác.

3. Nhà gái dâm (thanh lâu).

4. Nhà có âm nhạc.

5. Quán rượu.

Hàng đệ tử Phật đối với năm việc chẳng nên làm, năm nơi không nên đến mà luôn xa lìa từ bỏ không bao giờ làm. Còn đối với các quy điều chân chánh các việc đúng đáng vâng giữ đáng làm thì luôn tuân hành thành tựu đầy đủ.

Đối với các lỗi nhỏ nhưng lo sợ áy náy lớn, là đối với cái tội rất nhỏ khi khởi lên thì vô cùng lo âu áy náy sợ sệt.

Thường tìm học các môn học không hề chê bai sai phạm, là các đệ tử Phật thì không nên bảo: Với môn học nào thì ta cần siêng năng tu học, còn với môn học kia thì ta không cần phải siêng năng tu học... mà các đệ tử Phật nên thường nghĩ: Tất cả chư Phật Như Lai ứng chánh đẳng giác, rộng kể cho đến Phật, Bạc-già-phạm và những bậc thấy biết đầy đủ đúng đắn cho nên tất cả những điều đặt ra dựng nên, tất cả các môn học, ta đều phải học và luôn luôn không bao giờ chê bai, sai phạm.

Đó là hàng thứ hai, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó là hàng thứ hai.

Sự (điều) không lầm lỗi, là chỉ rõ sự được thanh tịnh, và dứt hết các lỗi lầm.

Gần gũi với bạn lành. Thế nào là bạn lành? Bạn lành là chỉ cho tất cả các Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác và các đệ tử Phật, cũng chỉ cho các Bồ-đặc-già-la có đầy đủ giới và đức. Đối với các bạn lành đó mà gần gũi, gần gũi mãi, liên tục thường xuyên cùng cực và tùy thuận thờ phụng hầu hạ cúng dường cung kính. Thế nên nói là gần gũi thân cận bạn lành.

Thế nào gọi là khéo kết bạn thân? Tức là các thứ giết hại, trộm cướp, dâm dục tà hạnh, nói dối hoặc uống các thứ rượu..., đều luôn xa lìa, dứt trừ từ bỏ, chán sợ, ghê tởm và dứt trừ thật hết hẳn nên gọi là thiện. Và cùng với những người thiện đó mà kết làm bạn thân, tùy thuận hưởng đến chỗ thân tâm không còn thấy có hại. Thế nên nói khéo kết làm bạn.

Thế nào là khéo sử sự giao tế? Đối với các bậc đầy đủ đức tin, uy tín, giới hạnh, đa văn học nhiều, đầy đủ buông xả, trí tuệ và tùy theo cùng xoay sở, chuyển dời, lệ thuộc, phụ trợ, tùy thuận không trái nghịch. Lại còn như đối với pháp thiện, đầy đủ pháp, từ bỏ, xa lìa và tùy theo cùng xoay chuyển, lệ thuộc, tùy thuận không trái nghịch. Và lại đối với đầy đủ pháp thiện xuất ly v.v..., xa lìa mà dù một niềm vui, một sự ham muốn, một vui mừng một yêu mến..., thì đều cùng vui, muốn, mừng, yêu..., cho nên gọi là khéo giao tế xử sự.

Đó là hàng thứ ba, tức là theo thứ tự liên tục đếm mãi lên thì nó ở hàng thứ ba.

Không có sự lầm lỗi, tức là chỉ việc đã đoạn dứt và được thanh tịnh.

Thế nào gọi là thích ở nơi thanh vắng? Các chỗ nào không có nhà cửa thì gọi là chỗ thanh vắng. Nếu ở nơi đó mà luôn vui vẻ mến thích, chẳng sầu lo tâm không nản sợ, thì gọi là thích ở chỗ thanh vắng.

Đủ hai thứ xa lìa tức là thân và tâm đều lìa bỏ, nghĩa là ở nơi thanh vắng mà thường siêng năng tu học, trong nội tâm luôn vắng lặng ngừng nghỉ thôi dứt, nhưng lại không lìa tính lự, thiền định và thành tựu sự quan sát tuyệt diệu. Ở chỗ thanh vắng không có nhà cửa đông đúc mà siêng tu các nghĩa lý của mình.

Giỏi siêng năng tu học, nội tâm luôn yên lặng, thôi, dứt, nghĩa là ở nơi đó luôn chuyên cần siêng gắng, tu học bốn thứ thiền định của thế gian.

Chẳng lìa bỏ tính lự thiền định, là ở trong thế gian với bốn thứ thiền định luôn luôn siêng năng suy tư không thấp kém hay gián đoạn bỏ phế, nên nói là chẳng có khó khăn việc tính lự thiền định.

Thành tựu sự quan sát tuyệt diệu, là đối với bốn thứ thiền định ở thế gian luôn tương ứng với trí tuệ tuyệt diệu thành tựu đầy đủ.

Luôn ở nơi vắng vẻ không nhà cửa, là ở nơi vắng vẻ không nhà cửa đông đúc, do sức chọn lựa tốt mà luôn vui vẻ mến thích không hề sầu lo buồn chán, lại hay thêm lớn các pháp thiện cho thân và tâm. Nên nói là thích ở nơi vắng không nhà cửa.

Siêng tu các nghĩa lý của mình, nghĩa là gốc ái dục đã trừ, lìa bỏ, diệt độ và Niết-bàn gọi là nghĩa cao tột nhất, đó cũng là nghĩa lý của mình, đối với nghĩa đó siêng năng tu học, mong cầu nhanh chóng được chứng các quả vị, nên nói là siêng tu tự nghĩa.

Đó là hàng thứ tư, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ tư.

Sự không lầm lỗi, tức là chỉ rõ sự thanh tịnh trong sạch càng nhiều của lời nói, trụ vào sự siêng năng chuyên cần.

Thế nào là tinh tấn? Đối với pháp thiện sinh ra từ xuất ly, xa lìa, siêng năng mạnh mẽ cố gắng nỗ lực luôn, khuyến khích tâm gắng sức mãi không gì ngăn cản được thì gọi là tinh tấn. Do người ấy thành tựu được sự tinh tấn như thế, nên đối với sự tu tập, thường hay làm được các hạnh cao quý, thẳng tiến đến chỗ chứng ngộ.

Trụ vào thế mạnh, là người ấy siêng năng ở mức cao vẹn toàn nên gọi là có thế lực.

Có chuyên cần, tức là chỉ rõ sự siêng năng chắc chắn bền bỉ, nên gọi là có chuyên cần.

Có hăng hái mạnh mẽ, là do đã thành tựu được sức tinh tấn đó cho nên mạnh mẽ quyết chắc, bền bỉ kiên trì và lanh lợi dũng cảm mà chấp chặt mà giữ lấy. Các điều giữ lấy chấp chặt đó đều là pháp thiện không xấu xa tội lỗi, nên tùy theo hình tướng đó chấp lấy, giữ gìn mãi không buông bỏ, như chiếm được nước khác thì phải khéo léo giữ gìn.

Đối với các pháp thiện luôn luôn không bỏ các nguyên tắc bất buộc, là đối với các pháp thiện không buông bỏ sự chuyên cần luôn hăng hái siêng năng không gián đoạn.

Đó là hàng thứ năm, tức là theo thứ tự liên tục đếm mãi lên thì nó ở hàng thứ năm.

Sự không lỗi lầm, là chỉ bày rõ sự thanh tịnh.

An trụ vào cụ niệm. Thế nào là niệm? Nếu dựa vào pháp thiện sinh ra do xuất ly, xa lìa mà các niệm theo đó nhớ nghĩ mãi, cho đến rộng nói thì gọi đó là niệm.

Thành tựu tuyệt diệu các việc dựa vào (thường ủy) chi niệm, nghĩa là tám chi Thánh đạo thì gọi là thường ủy Niệm đây là một trong tám chi đó, tức là chi chánh niệm.

Việc làm và lời nói lâu xa đều nhớ kỹ, là do niệm này mà các việc đã làm qua thì không hề quên mất mà ghi nhớ rõ ràng.

Đó là hàng thứ sáu, tức là theo thứ tự liên tục đếm mãi lên thì nó ở hàng thứ sáu.

Sự không lỗi lầm, là chỉ bày cho việc lời nói ngày càng thanh tịnh.

An trụ vào cụ tuệ. Thế nào gọi là tuệ? Nếu dựa vào pháp thiện sinh ra do xuất ly, từ bỏ và đối với các pháp tướng lại giỏi chọn lựa, tuyển chọn cùng cực... Rộng nói cho đến Tỷ-bát-xá-na nên gọi đó là tuệ.

Nói an trụ, là do đã thành tựu được tuệ đó rồi, nên đối với các pháp tướng thường hay làm được các hạnh cao quý, thẳng tiến đến chỗ chứng ngộ.

Thành tựu được tuệ xuất một ở thế gian.

Thế gian nghĩa là năm uẩn. Năm uẩn đó là: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do vì đã thành tựu được tuệ như thế nên có thể biết đúng thực năm thủ uẩn này sinh ra và biến đổi, tan mất đi. Do đó nên nói là cái tuệ xuất một ở thế gian.

Thánh tuệ, có hai thứ: Một là tốt lành nên gọi là thánh và hai là vô lậu cũng gọi là thánh. Thứ tuệ này có đủ hai thứ thánh đó, nên gọi là thánh tuệ.

Xuất tuệ, là do đã thành tựu được tuệ như thế, nên có thể xuất ly, vượt thoát ra khỏi cõi Dục và cả cõi Sắc, cõi Vô sắc nữa, nên gọi là xuất tuệ.

Tuệ khéo thông suốt, là do thành tựu được tuệ ấy rồi cho nên đối với các đế khổ-tập-diệt-đạo và do các tướng khổ tập diệt đạo mà giỏi thấu suốt hiểu biết rõ ràng một cách khéo léo, giỏi giang, riêng biệt từng thứ, nên gọi là tuệ khéo thông suốt.

Tuệ tự gây nên (do nó làm ra), là do người ấy học đạo không gián đoạn cho nên có được tuệ cao quý đó. Ở đây gọi đó là tuệ do nó làm ra.

Tuệ chánh tận khổ (tuệ diệt hết khổ). Thế nào là chánh? Đó là nhân, là cửa vào đạo, là lý thú (lý được hưởng tới), là hành tướng của đạo. Thế nên gọi là chánh.

Tận khổ tuệ (tuệ diệt khổ). Năm thứ uẩn gọi là khổ. Vì tuệ này có thể diệt hết năm thủ uẩn, diệt hết, hết tất cả, hết trọn vẹn và chứng được sự diệt hết vĩnh viễn, cho nên gọi là tuệ diệt hết khổ.

Đó là hàng thứ bảy, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ bảy.

Sự không lỗi lầm, là chỉ bày lời nói càng thanh tịnh. Trong đây Thế Tôn nói kệ:

*Đủ tín, giới, bạn lành
Ở chỗ vắng siêng năng
Thành tựu niêm, biết đúng
Là bảy sự không lỗi.*

Có bảy pháp ngăn việc tranh cãi:

1. Hiện tiền Tỳ-nại-da.
2. Nhớ nghĩ Tỳ-nại-da.

3. Bất si Tỳ-nại-da.
4. Cầu tự tánh Tỳ-nại-da.
5. Nhận giữ lời của nhiều người Tỳ-nại-da.
6. Nhận giữ lời mình nói Tỳ-nại-da.
7. Như cỏ che mặt đất Tỳ-nại-da.

Đó là bảy pháp ngăn sự tranh cãi.

Hỏi: Vì sao lại gọi là bảy pháp ngăn sự tranh cãi?

Đáp: Tranh cãi nghĩa là có kia có đây, có người có ta nên có tranh cãi, tranh giành nghịch thù nhau... Do bảy pháp này một khi hiện ra thì có thể khiến việc tranh cãi đó ngưng lại, dứt đi. Do đó mà gọi là pháp ngăn tranh cãi.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DỊ MÔN TÚC

QUYỂN 18

Phẩm 9: TÁM PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo đại chúng: Quý vị nên biết! Với tám pháp Đức Phật đã chính mình hiểu biết thấu suốt kỹ càng, rồi đem giảng dạy chỉ bày cho hàng đệ tử của Ngài. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập ôn lại, để sau khi Đức Phật đã diệt độ thì không có sự tranh cãi với nhau. Và chúng ta nên tu phạm hạnh, tuân giữ pháp luật để đem lại lợi ích lâu dài cho vô số chúng sinh. Hãy nên thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thấu nhận được nhiều nghĩa lý lợi ích và sự an lạc quý báu đặc biệt.

Tám pháp là gì? Bài kệ (Ốt-đà-nam) nói:

Các chi đạo và thí

Biếng lười, tinh tấn, phước

Chúng, thế pháp, giải thoát

Thắng xứ, đều có tám.

Gồm có: Tám chi đạo, tám loại Bồ-đặc-già-la, tám thứ bố thí, tám thứ biếng lười, tám thứ tinh tấn, tám thứ sinh ra phước, tám thứ chúng, tám thế pháp, tám thứ giải thoát, tám thứ thắng xứ.

Có tám chi Thánh đạo:

1. Chánh kiến.
2. Chánh tư duy.
3. Chánh ngữ.
4. Chánh nghiệp.
5. Chánh mạng.
6. Chánh cần.
7. Chánh niệm.
8. Chánh định.

Đây là tám chi Thánh đạo như trước đã nói nhiều.

Có tám loại Bồ-đặc-già-la:

1. Chứng quả hương Dự lưu.
2. Chứng quả Dự lưu.
3. Chứng quả hương Nhất lai.
4. Chứng quả Nhất lai.
5. Chứng quả hương Bất hoàn.
6. Chứng quả Bất hoàn.
7. Chứng quả hương A-la-hán.
8. Chứng quả A-la-hán.

Đó là tám loại Bồ-đặc-già-la, hãy đúng pháp mà luận nói sâu xa về các tướng của nó.

Có tám thứ bố thí:

1. Bố thí khi có người đến xin.
2. Bố thí vì sợ hãi.
3. Bố thí vì mong báo đền.
4. Bố thí mong thí lại.
5. Bố thí vì thói quen từ trước.
6. Bố thí vì cầu danh.
7. Bố thí vì muốn sinh lên trời.

8. Bố thí vì tâm trang nghiêm, vì tâm giúp đỡ, vì hỗ trợ cho Du-già, vì muốn được trí tuệ sáng, vì nghĩa cao tột Bồ-đề, Niết-bàn, cho nên thí.

- Thế nào là bố thí khi có người đến xin?

Đáp: Như có một số người ưa bố thí cho những người hàng xóm, thí cho những người gần gũi thân thích, thí cho những kẻ đang đến xin. Họ nghĩ: Khi có người hiện đang tới xin mà sao lại không bố thí? Đó gọi là bố thí cho người đến xin.

- Thế nào là bố thí vì sợ hãi?

Đáp: Như có một số người vì sợ hãi mà bố thí, vì sợ hãi bị trói buộc (bị vua bắt giam) nên phải bố thí, ban ân. Họ tự nghĩ: Nếu không bố thí thì sẽ không được các việc như thế, sẽ bị hao tổn như thế... Đó là bố thí vì sợ hãi.

- Thế nào là bố thí để trả ơn?

Đáp: Như có một số người nghĩ: Người ấy đã từng bố thí cho ta như thế, các vật như thế... Nay ta cũng nên bố thí tặng biếu lại người ấy những vật như thế. Đâu lại chẳng đền đáp ân nghĩa chẳng? Đó là bố thí vì đền ơn.

- Thế nào là bố thí mong thí lại?

Đáp: Như có một số người nghĩ: Ta nay bố thí cho người đó như

thế, các vật như thế, thì người đó cũng sẽ bố thí biếu tặng lại cho ta như thế, các vật như thế. Mong ước người khác đền trả lại mà bố thí, thì gọi là bố thí mong thí lại.

- Thế nào là bố thí vì tục xưa?

Đáp: Như có một số người nghĩ: Ông cha ta thường hay bố thí, nhà ta suốt đời luôn bố thí không hề gián đoạn. Ta nay sinh vào gia đình có tín có thí. Nhà ta xưa nay thường ưa bố thí nếu nay ta không bố thí sẽ làm mất danh dự của dòng họ. Vì giữ gìn truyền thống của dòng họ mà bố thí vì tục lệ xưa.

- Thế nào là bố thí cầu danh?

Đáp: Như có một số người vì muốn có tiếng tốt danh thơm được khen ngợi thán phục xa gần khắp nơi nên bố thí. Đó là bố thí cầu danh.

- Thế nào bố thí mong được sinh lên trời?

Đáp: Như có một số người vì muốn có được quả dị thực tốt đẹp được sinh lên cõi trời mà bố thí. Nghĩa là khi chết rồi, ta sẽ được sinh lên các cõi trời. Do đó nay mà bố thí thì sẽ được hưởng phước vui tuyệt vời ở chốn thiên cung. Thế nên gọi là bố thí để cầu sinh lên trời.

- Thế nào là bố thí vì để trang nghiêm cho tâm, để giúp đỡ tâm, vì hỗ trợ cho Du-già, vì để được trí tuệ sáng, vì nghĩa lý cao thượng Bồ-đề, Niết-bàn?

Đáp: Là như có một số người nghĩ tâm hồn ta từ lâu đã dính bấn do các thứ tham sân si, tâm đã bị tạp nhiễm dơ nhớp thì tình cũng bị tạp nhiễm. Còn nếu tâm thanh tịnh thì tình cũng sẽ trong sạch thanh tịnh. Còn như khi làm việc bố thí thì sẽ phát sinh niềm vui, vì vui nên tâm mừng, vì tâm mừng nên thân nhẹ nhàng khoan khoái, thân khoan khoái nên có hoan lạc, vì hoan lạc nên tâm định, tâm định nên thấy biết như thực, thấy biết như thực nên sinh chán sợ, chán sợ nên lìa bỏ, lìa bỏ nên được giải thoát, giải thoát nên chứng Niết-bàn. Như thế việc bố thí dần dần càng làm thêm lớn các pháp cao quý tuyệt diệu, và dần dần sẽ chứng được Bồ-đề, Niết-bàn có nghĩa lý vi diệu nhất.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Với các tướng đầy đủ
Nên lìa bỏ xan tham
Thí chất trực đúng lúc
Nhận được quả báo lớn.
Bậc trí tâm tịnh thiện
Thí thật đáng kính mến*

Do vì tâm thanh tịnh
 Nên chứng được niềm vui.
 Liền từ tâm vui này
 Phát sinh ra hỷ quý
 Do tâm hỷ quý ấy
 Mà thân được nhẹ nhàng.
 Từ thân nhẹ nhàng này
 Bậc trí tâm được vui
 Do tâm nhận được vui
 Nên tâm định một cảnh.
 Có định quý như thế
 Nên tâm sạch không cấu
 Điều thuận có kham năng
 Nên thấy biết như thật.
 Do thấy biết như thật
 Liền chán ghét họa thân
 Đã chán họa của thân
 Kẻ trí giải lìa bỏ.
 Vì đã giải lìa bỏ
 Giải thoát tham sân si
 Kẻ trí tự nên biết
 Phạm hạnh lập, đời hết.
 Lợi ích lớn như thế
 Nên biết do bố thí
 Nếu tu tốt duyên này
 Chứng được vui mãi mãi.

Có tám thứ lười biếng:

1. Quý vị nên biết: Như có một số người sống gần các thành ấp hoặc thôn xóm, buổi sáng đắp y mang bát vào thành ấp lần lượt đi khất thực. Khi đi khất thực người ấy nghĩ: Mong sao được nhiều thức ăn ngon quý. Nếu không được toại lòng thì nghĩ: Nay ta ăn quá ít, thân thể gây yếu, không thể tiến tu các thắng hạnh cao quý phải tu. Vậy ta hãy nằm yên đây vì mình sắp chết rồi! Nghĩ thế rồi liền không thèm chuyên cần siêng gắng nữa. Những điều mong được thì chưa được, những khổ mong đến vẫn chưa đi đến đâu, những quả mong chứng cũng chẳng chứng được gì. Đó là sự biếng lười thứ nhất.

2. Quý vị nên biết: Như có một số người sống gần các thành ấp hay thôn xóm, buổi sáng đắp y mang bát vào thành ấp lần lượt đi khất

thực. Khi đi khát thực người ấy nghĩ: Mong sao được nhiều thức ăn ngon quý. Nếu được như ý thì liền nghĩ: Nay ta ăn quá nhiều, thân thể phì nộn, béo mập nặng nề khó thể tiến tu các thắng hạnh cao quý phải tu. Vậy hãy nằm yên đây vì mình sắp chết rồi! Nghĩ thế rồi liền không chịu siêng năng cố gắng nữa. Nên những gì mong được đều chưa được, những chỗ mong đến đều chẳng đến đâu. Những quả mong chứng đều chẳng chứng được gì. Đó là sự biếng lười thứ hai.

3. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người suốt ngày đảm nhiệm trông nom, nên nghĩ: Suốt ngày ta bận bao nhiêu công việc, thân thể rất mỏi mệt, nay đêm đến thì không thể tiến tu được thắng hạnh cao quý phải tu. Vậy nay ta cứ nằm yên đây vì mình sắp chết rồi! Nghĩ thế rồi liền không chịu cố gắng siêng năng nữa, nên những gì mong được đều chưa được, những chỗ mong đến đều chưa đến được những quả mong chứng đều chẳng chứng được gì. Đó là sự lười biếng thứ ba.

4. Lại nữa, quý thầy nên biết: Như có một số người tính ngày mai sẽ nhận làm các việc, liền nghĩ: Ngày mai ta đã phải làm các việc rồi, vậy không thể tiến tu được các thắng hạnh cao quý phải tu. Vậy nay ta cứ nằm yên đây bồi bổ sức khỏe thân thể. Nghĩ thế rồi liền không còn cố gắng siêng năng nữa. Nên những gì mong được đều chưa được, những chỗ mong đến đều chưa đến được. Những quả mong chứng đều chẳng chứng được chi. Đó là sự lười biếng thứ tư.

5. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người, ban ngày phải đi trên đường nghĩ: Suốt ngày ta phải đi đường xa, thân thể nhọc mệt. Nay đêm đến thì không thể tiến tu các thắng hạnh phải tu. Vậy ta hãy nằm yên đây để nghỉ cho khỏe. Khi nghĩ thế rồi liền không còn cố gắng siêng năng nữa, nên những gì mong được đều chưa được, những chỗ mong đến đều chưa đến được, những quả mong chứng đều chẳng chứng được gì. Đó là sự lười biếng thứ năm.

6. Lại nữa, quý thầy nên biết: Như có một số người, có hạn đến ngày mai là phải lên đường, liền nghĩ: Đến ngày mai là ta phải lên đường rồi, thì không thể tiến tu được các thắng hạnh cao quý phải tu. Vậy ta hãy nằm yên đây mà bồi bổ sức khỏe cho thân thể. Nghĩ thế rồi không còn, siêng năng cố gắng nữa. Nên những gì mong được đều chưa được, những chỗ mong đến đều chưa đến đâu cả, những quả mong chứng đều chẳng chứng được gì. Đó là sự lười biếng thứ sáu.

7. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người đang lúc bị bệnh búa vẩy trói cột, nên nghĩ: Ta nay đang bị bệnh hoạn hành hạ thân thể gây yếu suy nhược, không thể đảm nhận việc tiến tu các thắng hạnh cao

quý phải tu. Vậy ta hãy nằm yên đây mà nghỉ cho khỏe. Khi nghĩ thế rồi liền không còn siêng năng cố gắng nữa. Những gì mong được, đều chưa được gì, những chỗ mong tới đều chẳng đến được đâu, những quả mong chúng đều chẳng chứng được chi. Đó là sự lười biếng thứ bảy.

8. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người bị bệnh hoạn bủa vây hành hạ và mới thiện chưa được bao lâu, nên nghĩ: Ta bị bệnh khổ hành hạ tuy mới thiện chưa được bao lâu, thân thể hãy còn gây yếu, chẳng thể nào đảm nhận việc tiến tu các thắng hạnh cao quý phải tu. Vậy ta cứ nằm yên đây mà nghỉ ngơi cho khỏe. Khi nghĩ thế rồi liền không chịu cố gắng siêng năng nữa, nên những điều mong được đều chưa được chi, những chỗ mong tới đều chẳng tới đâu cả, những quả mong chúng đều chẳng chứng được chi. Đó là sự lười biếng thứ tám.

Đó là tám thứ lười biếng.

Hỏi: Vì sao tám thứ này gọi là lười biếng?

Đáp: Biếng lười tức là làm biếng trễ nải. Do vì tám thứ này chưa sinh thì đã sinh ra, đã sinh ra rồi thì lại càng phát triển rộng lớn mãi, nên gọi đó là biếng lười.

Có tám việc siêng năng:

1. Quý vị nên biết: Như có một số người sống gần thành ấp hoặc thôn xóm. Buổi sáng đắp y mang bát vào thành ấp đi khắp nơi khát thực. Khi đi khát thực người ấy nghĩ: Mong sao được nhiều thức ăn ngon quý. Nếu chẳng toại lòng thì lại nghĩ: Nay ta ăn tuy ít nên thân thể nhẹ nhàng, do đó có thể kham được việc tiến tu các hạnh cao quý. Nghĩ thế rồi liền càng hăng hái siêng năng, mong được những điều chưa được, mong tới những chỗ chưa tới, mong chứng những quả chưa chứng. Đó gọi là sự siêng năng thứ nhất.

2. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người sống gần chốn thành ấp hoặc thôn xóm. Buổi sáng đắp y mang bát vào thành đi khắp nơi khát thực. Khi đi khát thực người ấy nghĩ: Mong sao có được nhiều thức ăn ngon quý. Nếu như đúng như ý nguyện thì người ấy nghĩ: Ta nay đã ăn uống được nhiều thân thể càng khỏe mạnh, có thể kham được việc tiến tu các hạnh cao quý. Nghĩ thế rồi liền hăng hái cố gắng siêng năng mong được những điều chưa được, mong tới được những chỗ chưa tới, mong chứng được những quả chưa chứng. Đó gọi là sự siêng năng thứ hai.

3. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người ban ngày làm nhiều việc, nên nghĩ: Trong suốt ngày ta đã phải làm khá nhiều việc, không có thời gian tu học giáo pháp của các bậc Đại sư, nay đêm đã về,

ta phải cố gắng hết sức để bồi bổ lại thời gian đã mất trước đây. Khi nghĩ thế rồi liền thì càng hăng hái siêng năng, cầu mong được những điều chưa được, mong đến những chỗ chưa đến, mong chứng được những quả chưa chứng. Đó gọi là sự siêng năng thứ ba.

4. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người có hẹn đến ngày mai sẽ làm các việc, liền nghĩ: Đến ngày mai này là ta sẽ phải làm việc rồi đâu còn rảnh rang để tu học các giáo pháp của bậc Đại sư. Nay khi đêm về ta phải hết sức cố gắng chuyên cần để bổ túc lại thời gian sắp mất đây. Nghĩ thế rồi nên càng hăng hái siêng năng cầu mong đến được những điều chưa được, mong đến được những chỗ chưa đến, mong chứng được những quả chưa chứng. Đó gọi là sự siêng năng thứ tư.

5. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người suốt ngày phải đi đường, nên nghĩ: Ta suốt ngày đã phải đi đường xa, không rảnh rang để tu học các thánh giáo của các bậc Đại sư. Nay đêm đã về, ta hãy hết sức cố gắng chuyên cần để bổ túc lại thời gian đã mất trước đây. Nghĩ thế rồi nên càng hăng hái siêng năng mong cầu được các điều chưa được, mong đến được những nơi chưa đến và mong chứng được các quả chưa chứng. Đó là sự siêng năng thứ năm.

6. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người hẹn đến ngày mai sẽ phải lên đường, liền nghĩ: Đến ngày mai là ta đã phải lên đường rồi, đâu có rảnh rang mà tu học được các thánh giáo của các bậc Đại sư. Vậy nay ở trong đêm ta cần phải cố gắng hết sức để bổ túc lại những thời gian sắp mất đây. Nghĩ như thế rồi nên càng hăng hái siêng năng để mong cầu được những điều chưa được, mong đến được những chỗ chưa đến được và mong chứng được các quả chưa chứng. Đó là sự siêng năng thứ sáu.

7. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người đang lúc bị các bệnh vây hãm hành hạ, liền nghĩ ta đã bị các bệnh khổ bao vây hành hạ. Nếu bệnh càng nặng mà phải chết đi thì đối với các giáo pháp dạy bảo của các bậc Đại sư ta chẳng có được chút gì. Nghĩ như thế rồi nên càng hăng hái cố gắng hết sức siêng năng mà mong được những điều chưa được, mong đến những chỗ chưa đến được và mong chứng được các quả chưa chứng. Đó là sự siêng năng thứ bảy.

8. Lại nữa, quý vị nên biết: Như có một số người bị bệnh chưa lành được bao lâu, liền nghĩ: Ta bị bệnh và vừa khỏi bệnh không được bao lâu, nếu như bệnh ấy tái phát trở lại, rủi ro phải chết đi thì các điều dạy bảo của bậc Đại sư ta chẳng được chút gì cả. Nghĩ như thế rồi nên càng hết sức siêng năng hăng hái, mong được những điều chưa được, mong

đến được những chỗ chưa đến, mong chứng được các quả chưa chứng. Đó là sự siêng năng thứ tám.

Như thế là tám điều siêng năng.

Hỏi: Vì sao lại gọi đây là tám điều siêng năng?

Đáp: Siêng năng là cố gắng hết sức mình làm việc. Do tám việc này chưa sinh mà sinh ra. Khi đã sinh ra rồi thì càng phát triển lớn mạnh. Do đó nên gọi là sự siêng năng.

Có tám việc sinh phước đức:

1. Quý thầy nên biết: Như có một số người cúng thí cho các vị Sa-môn hoặc Bà-la-môn những kẻ nghèo khổ, tu khổ hạnh, bậc đại hạnh, kẻ ăn xin cùng khổ các thứ y phục, thức ăn uống, các loại hương hoa nhà cửa, phòng ốc, ngọ cụ, giường nằm, đèn đuốc và các thứ cần dùng... Lại thấy có những người giàu sang thì liền nghĩ do sự bố thí này mà có được các căn thiện. Ước mong sao đời sau tôi được là loại người giàu sang. Do đó người ấy cố tâm tu tập làm được nhiều việc tốt, lúc đầu còn ham vui chơi giỡn nên có phần kém sút tụt nhụt. Nhưng về sau thì càng vui vẻ mong cầu sự thanh vắng cao quý. Nhân đó mà khi chết rồi, người ấy được trở lại làm người và sinh vào chốn giàu sang. Tuy đã được giàu sang tự tại an lạc, nhưng người ấy luôn giữ giới hạnh vẹn toàn đầy đủ, tâm nguyện luôn được thanh tịnh, ấy là do thân đời trước giới hạnh thanh tịnh. Thế nên gọi là điều sinh phước đức thứ nhất.

Như điều mong ước được sinh làm người giàu có sang trọng, do đó cũng như mong ước được sinh làm các trời Tứ Thiên vương hay cõi trời Ba Mười Ba (Trời Đao-lợi), như trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm Chúng, nên biết cũng như thế. Riêng cõi trời Phạm chúng thì có sai khác nên nói là phải liả bỏ dục.

Trong đây nói từ thứ nhất đến thứ tám, là theo thứ tự cứ liên tục đếm dần mãi lên thì nói ở hàng thứ nhất cho đến hàng thứ tám.

Hỏi: Vì sao lại nói đây gọi là sự sinh ra phước?

Đáp: Vì các sự thuộc về quả phước thì đều do chỗ này sinh ra nên gọi là việc sinh ra phước.

Có tám thứ chúng:

1. Chúng Sát-đế-lợi.
2. Chúng Bà-la-môn.
3. Chúng Trưởng giả.
4. Chúng Sa-môn.
5. Chúng trời Tứ Thiên vương.
6. Chúng trời Ba Mười Ba.

7. Chúng Thiên ma.

8. Chúng Phạm thiên.

- Thế nào là chúng Sát-đế-lợi?

Đáp: Hiển bày rõ ràng các sắc, các uẩn và các bộ của nó, thì gọi chúng là Sát-đế-lợi. Cho đến cả chúng Phạm thiên thì cũng như thế.

Có tám pháp ở đời:

1. Được.

2. Không được.

3. Hủy (chê bai).

4. Dự (khen).

5. Xưng (ca tụng).

6. Cơ (chê, làm nhục).

7. Khổ.

8. Lạc (vui).

- Thế nào là được?

Đáp: Nếu đối với các thứ đáng ưa thích mến yêu như sắc, thanh, hương, vị, xúc và các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, các vật dụng cần thiết, mà có các thứ đó, riêng có được, đã có, sắp có v.v... thì gọi là được.

- Thế nào là không được?

Đáp: Nếu đối với các thứ đáng ưa thích mến yêu như sắc, thanh, hương, vị, xúc và các thứ y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, các vật dụng cần thiết khác mà chẳng có được, chẳng có riêng, đã không có, cũng không sắp có, thì gọi là không được.

- Thế nào là hủy (chê bai)?

Đáp: Có các thứ ẩn kín giấu giếm không hiện ra trước, không khen ngợi đề cao, cũng không ca tụng mà lại bảo: Các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v..., của người ấy đều thiếu sót, nên gọi là hủy (chê bai).

- Thế nào là dự (khen)?

Đáp: Có các thứ giấu kín không hiện bày ra trước mọi người mà được ngợi khen, đề cao, nói tốt cũng lại được ca tụng: các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v..., của người ấy đều đầy đủ rất đáng khen thì gọi là dự (khen).

- Thế nào là xưng (ca tụng)?

Đáp: Có các thứ không ẩn kín mà hiện bày rõ ràng trước mọi người, nhưng không quả trách chê bai chửi mắng làm nhục mà lại ngợi khen tán dương nói tốt và ca tụng: Các thứ tín, giới, văn, xả, tuệ v.v... của Ngài thật là toàn vẹn, rất đáng khâm phục. Đó gọi là xưng.

- Thế nào là cơ (chê, làm nhục)?

Đáp: Có các thứ không ẩn kín giấu che mà hiện bày ra trước mọi người, và lại chê trách quở mắng nhục mạ, không khen ngợi chẳng ca tụng chi cả, mà bảo: Các thứ tulin, giới, văn, xả, tuệ v.v..., của nhà người đều thiếu sót, thật đáng chê. Đó gọi là cơ (chê).

- Thế nào là gọi là khổ?

Đáp: Có cảm xúc (thọ) đau khổ khi giao tế tiếp xúc đụng chạm mà khiến thân và tâm có những cảm xúc đau khổ bất bình..., thì gọi là khổ.

- Thế nào là gọi là vui?

Đáp: Có cảm xúc vui khi giao tế, tiếp xúc mà khiến thân và tâm có những cảm xúc vui vẻ và bình đẳng..., thì gọi đó là vui.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Được, không được, chê, khen
Và khen, chê, vui, khổ
Vô thường, ý ham muốn
Pháp biến hoại khó giữ.
Người trí biết như thực
Hiện thấy sinh tử núp
Với sự yêu, không yêu
Tâm chẳng hề mừng giận.
Dù có gặp thuận, nghịch
Mà giải buông và dứt
Đối tất cả giải thoát
Đến tận cùng bờ kia.*

Có tám thứ giải thoát:

1. Nếu có sắc quán các sắc, là loại giải thoát thứ nhất.
2. Bên trong không sắc tưởng quán các sắc ngoài, là loại giải thoát thứ hai.
3. Tịnh giải thoát thân chứng trụ đầy đủ là giải thoát thứ ba.
4. Vượt lên tất cả sắc tưởng, diệt trừ đối tượng, không suy nghĩ các thứ tưởng, nhập vào không vô biên và trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, đó là loại giải thoát thứ tư.
5. Vượt lên tất cả Không vô biên xứ, mà nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, là loại giải thoát thứ năm.
6. Vượt lên trên tất cả Thức vô biên xứ, nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, là loại giải thoát thứ sáu.
7. Vượt lên trên tất cả Vô sở hữu xứ, nhập vào phi tưởng trụ đầy

đủ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, là loại giải thoát thứ bảy.

8. Vượt lên trên tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập vào tướng thọ diệt, thân chứng trụ đầy đủ là loại giải thoát thứ tám.

Nếu có quán các sắc là đối với mỗi thứ sắc tướng riêng biệt mà chưa lìa bỏ, chưa riêng lìa bỏ, chưa điều phục, chưa riêng điều phục, chưa diệt mất, chưa phá hoại... Do đó chưa như thế và nhờ sức hiểu biết cao (thắng giải) nhìn thấy các thứ sắc ở ngoài hoặc từ sự tái met của thân ma, hoặc máu mủ nhầy nhụa, thây đó hoặc rã, hoặc lìa tan, hoặc bị mổ ăn, hoặc đổi màu đỏ, hoặc xương xóc hay xương vụn. Đó gọi là có sắc quán các sắc.

Thứ nhất, nghĩa là trong các định theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ nhất.

Giải thoát là trong định này, hết thấy các thứ thân, sắc, thọ, tướng, hành, thức thiện. Đó gọi là giải thoát.

Bên trong không có sắc tướng, quán sắc bên ngoài là: bên trong, các sắc đó có khác nhau, và xa lìa, đã riêng lìa xa, đã điều phục, đã riêng điều phục, đã diệt, đã riêng diệt hư. Do sắc tướng bên trong đã lìa xa, đã riêng lìa xa, đã điều phục, đã riêng điều phục, đã diệt, đã riêng diệt hư, do sức hiểu biết cao mà quán các sắc bên ngoài từ bầm xanh ứ đến tan nồng nặc, hoặc rã, hoặc tan ra, hoặc bị quạ mổ ăn, hoặc đổi màu đỏ, hoặc thành xương, xương vụn. Đó gọi là bên trong không có sắc tướng quán các sắc bên ngoài.

Thứ hai là trong các định, theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ hai.

Giải thoát là ở trong định này, hết thấy các thứ thiện sắc thọ tướng hành thức thiện gọi là giải thoát.

Tịnh giải thoát thân chứng trụ đầy đủ.

Hỏi: Gia hạnh tịnh giải thoát này là gì, kẻ tu hạnh quan sát do phương tiện nào mà nhập vào định tịnh giải thoát?

Đáp: Người mới tu các nghiệp, khi mới tu quán thì nắm chắc lấy tướng của cây xanh, như đọt non, cành xanh, lá xanh, hoa xanh, quả xanh, hoặc lấy màu áo xanh khác. Khi có cái màu xanh ấy rồi, do sức hiểu biết cao mà suy tưởng nghĩ nhớ mãi, quan sát, xác lập tin hiểu sắc đó là màu xanh của vật gì. Vì do nghĩ nhớ tìm biết nó là màu xanh của vật gì nên tâm liền tán loạn xao động, luôn bay nhảy chạy theo các tướng mà không thể trụ dính vào một chỗ nhất định. Do vì suy nghĩ sắc này là xanh chớ không phải màu khác, nên tâm luôn loạn động bay nhảy khắp các tướng, không thể chuyên chú vào một cảnh, nên chưa

thể trụ tâm nhập vào Tịnh giải thoát được. Và vì muốn nhiếp giữ tâm loạn động luôn bay nhảy, cho nên đối với một màu xanh đỏ mà chú tâm nghĩ, nhớ suy nghĩ mãi, bảo màu xanh đỏ chẳng phải cái không xanh. Cứ mãi siêng năng chuyên cần suy nghĩ mãi cái tướng xanh đỏ, đến khi khiến tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mà nhập vào định tịnh giải thoát. Mãi siêng tu tập gia hạnh có thật nhiều lần xong rồi lại khiến tu định phương tiện này, là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà nhiều phen tu tập rèn luyện làm việc thật nhiều. Khi đã rất nhiều lần tu tập rèn luyện gia hạnh dẫn đến sinh đạo rồi thì tâm liền an trụ trụ vào các trụ, trụ gần. Và luôn liên tục cốt tâm chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh, suy nghĩ mãi các sắc đó nhất định là màu xanh. Do tâm đã an trụ, trụ vào các trụ, trụ gần..., và liên tục cốt tâm chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh, suy nghĩ mãi tướng xanh ấy một cách không hai, không đổi..., thì mới chứng nhập được vào định Tịnh giải thoát.

Còn muốn dùng màu vàng trắng đỏ..., thì cũng quán nó như màu xanh đã nói.

Hàng thứ ba, nghĩa là các định trong đây, theo thứ tự đếm dần lên thì nó ở hàng thứ ba.

Giải thoát nghĩa là trong định này thì có các sắc thọ tướng hành thức thiện, đó gọi là giải thoát.

Hỏi: Vượt tất cả các sắc tướng là sắc tướng gì?

Đáp: Tức là nhãn thức của thân tương ứng với các tướng cùng tính chất của tướng, tính chất đang tướng, tính chất đã tướng hay sắp tướng đến... đó gọi là sắc tướng. Lại có chỗ nói năm thức của thân tương ứng với các tướng, cùng tướng. Cho đến rộng nói thì gọi là sắc tướng. Nay nghĩa trong đây là nhãn thức của thân tương ứng với các tướng, cho đến rộng nói, nên gọi là sắc tướng. Khi nhập vào định này thì đối với sắc tướng đều có thể vượt lên sự siêu việt bình đẳng và siêu việt cùng cực, cho nên nói là vượt lên tất cả các sắc tướng diệt.

Hỏi: Có đối tướng đối tướng là gì?

Đáp: bốn thức của thân tương ứng với các tướng cùng tướng, cùng tướng. Cho đến rộng nói thì gọi là có đối tướng. Lại có chỗ nói năm thức của thân tương ứng với các tướng, cho đến rộng nói thì gọi là có đối tướng. Còn ở chỗ bảo là sự giận tương ứng với các tướng, cùng các tướng, cho đến rộng nói thì gọi là có đối tướng. Nay nghĩa trong đây là bốn thức của thân tương ứng với các tướng, cùng các tướng, cho đến rộng nói thì gọi là có đối tướng. Khi nhập vào định này, thì có đối tướng đó đã đoạn dứt, đã biết khắp, đã lìa bỏ, đã riêng lìa bỏ, đã điều phục,

đã riêng điều phục, đã diệt mất, đã phá hoại. Thế nên nói là diệt hết sự có đối tượng.

Đáp: Không nghĩ bàn các thứ tướng. Các thứ tướng là gì?

Đáp: Vì có sự che lấp, trói cột mà có biết bao sự nhiễm ô tội lỗi. Và sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng..., với bao nhiêu thứ tướng, cũng như có bao nhiêu tướng chẳng thiện, hoặc có các thứ tướng trái lý dẫn đến việc làm chướng ngại cho định. Như thế gọi là tất cả các thứ tướng. Khi nhập định này thì đối với các thứ tướng đó không dẫn phát, không cùng dẫn phát, không tùy dẫn phát. Không suy nghĩ, không đã, sẽ là hiện đang suy nghĩ. Do đó nên nói chẳng suy nghĩ các thứ tướng.

Nhập không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ.

Hỏi: Giải thoát gia hạnh của Không vô biên xứ này là sao? Người tu hạnh quan sát do phương tiện nào mà nhập vào định giải thoát của Không vô biên xứ?

Đáp: Người mới tu nghiệp thì khi mới tu quán thì trước nhất phải suy tư đệ tứ thiền là chướng thô khổ (khổ to), sau đó mới suy tư về Không vô biên xứ là sự lìa bỏ tĩn tuyệt diệu. Vì người ấy làm như thế nên tâm liền tán loạn xao động, luôn bay nhảy theo các tướng, không thể cột dính tâm chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh mà tư duy về Không vô biên xứ. Vì tâm luôn bay nhảy nên chưa thể trụ vào định giải thoát của Không vô biên xứ được. Và vì muốn nhiếp giữ cái tâm luôn loạn động bay nhảy, nên phải chuyên chú cột niệm mà suy tư về tướng của Không vô biên xứ. Phải siêng năng chuyên cần mạnh mẽ suy nghĩ mãi mãi tướng đó cho đến khi khiến được tâm liền tục trụ lâu vào một chỗ. Do gia hạnh mà nhập được vào định giải thoát của Không vô biên xứ. Mãi siêng năng tu tập gia hạnh đó thật nhiều xong rồi, mới tiến tu định phương tiện này, là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà nhiều phen tu tập rèn luyện và làm rất nhiều việc. Khi đã rất nhiều lần tu tập rèn luyện gia hạnh dẫn đến sinh đạo rồi thì tâm liền an trụ, trụ và các trụ, trụ gần. Và luôn liền tục cột tâm chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh, suy nghĩ mãi về Không vô biên xứ như thế một cách không hai, không đổi, thì liền có thể chứng nhập vào định giải thoát của Không vô biên xứ.

Hàng thứ tư, nghĩa là trong các định đây, cứ theo thứ tự liền tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ tư.

Giải thoát, là trong định này, có bao nhiêu sắc, thọ, tướng, hành, thức thiện thì đều gọi là giải thoát.

Hỏi: Vượt tất cả Không vô biên xứ. Thế nào là vượt tất cả Không vô biên xứ?

Đáp: Khi sắp muốn nhập vào Thức vô biên xứ thì đối với tất cả tướng Không vô biên xứ đều có thể vượt lên, có thể siêu việt, siêu việt bình đẳng, siêu việt tột cùng. Thế nên nói là vượt tất cả Không vô biên xứ.

Nhập thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ.

Hỏi: Gia hạnh giải thoát của Thức vô biên xứ này như thế nào? Người tu hành quan sát do phương tiện nào mà nhập vào định giải thoát của Thức vô biên xứ?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi mới tu quán thì trước hết phải tư duy suy nghĩ về Không vô biên xứ là cái chướng thô khổ, sau đó mới tư duy suy nghĩ về Thức vô biên xứ là..., sự lia bỏ cái yên tĩnh tuyệt diệu. Vì người đó đã tư duy suy nghĩ như thế nên tâm liền tán loạn xao động, luôn bay nhảy theo các tướng, không thể cột niệm nghĩ nhớ chuyên chú vào một cảnh mà liên tục tư duy suy nghĩ về Thức vô biên xứ. Vì như thế nên tâm người ấy chưa thể trụ vào định giải thoát của Thức vô biên xứ được. Vì để nhiếp giữ cái tâm luôn loạn động bay nhảy này, nên phải cột niệm chuyên chú suy nghĩ về tướng của Thức vô biên xứ. Phải suy nghĩ tướng này một cách siêng năng mạnh mẽ, cho đến khi nào khiến được tâm liền tục an trụ lâu dài. Do gia hạnh đó nên mới nhập được vào định giải thoát của Thức vô biên xứ. Cứ mãi siêng năng rèn luyện tu tập rất nhiều lần gia hạnh đó, xong rồi lại tiến tu cái định phương tiện này, là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà phải nhiều phen rèn luyện tu tập và làm nhiều việc. Khi đã tu tập rèn luyện nhiều lần gia hạnh dẫn đến sinh đạo thì tâm liền an trụ, trụ vào tất cả trụ, trụ gần. Và luôn liên tục cột tâm chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh, suy nghĩ mãi về Thức vô biên xứ một cách không hai, không đổi thì liền có thể chứng nhập vào định giải thoát của Thức vô biên xứ.

Hàng thứ năm, là trong các định này, theo thứ tự liên tục đếm dần mãi lên thì nó ở hàng thứ năm.

Giải thoát, là trong các định này có các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện thì đều gọi là giải thoát.

Hỏi: Vượt tất cả Thức vô biên xứ. Thế nào là vượt tất cả Thức vô biên xứ?

Đáp: Khi sắp muốn nhập vào Vô sở hữu xứ, thì đối với tất cả tướng Thức vô biên xứ đều có thể siêu vượt cả, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tột cùng. Thế nên gọi là siêu vượt tất cả Thức vô biên xứ.

Hỏi: Nhập vô sở hữu, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ. Gia hạnh của Vô sở hữu xứ này nó như thế nào? Xét hạnh quan sát do phương tiện nào mà nhập vào định giải thoát của Vô sở hữu xứ?

Đáp: Kể mới tu nghiệp, khi mới tu quán thì trước hết phải suy nghĩ tư duy về Thức vô biên xứ là cái chướng khổ thô. Sau đó mới suy nghĩ tư duy về Vô sở hữu xứ là sự lìa bỏ sự yên tĩnh tuyệt diệu. Vì người ấy đã tư duy suy nghĩ như thế nên tâm liền tán loạn xao động, luôn bay nhảy theo các tướng không thể cột niệm nghĩ nhớ chuyên chú vào một cảnh mà liên tục tư duy suy nghĩ về Vô sở hữu xứ. Vì như thế nên tâm người ấy chưa thể trụ vào định giải thoát của Vô sở hữu xứ được. Vì muốn nhiếp giữ cái tâm luôn loạn động bay nhảy này nên phải cột niệm chuyên chú suy nghĩ mãi về tướng của Vô sở hữu xứ. Phải suy nghĩ tướng này một cách siêng năng mạnh mẽ cho đến khi nào khiến được tâm liên tục an trụ lâu dài. Do gia hạnh đó nên mới nhập được vào định giải thoát của Vô sở hữu xứ. Cứ mãi siêng năng rèn luyện tu tập thật nhiều lần gia hạnh đó xong rồi lại tiến tu định phương tiện này. Nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo thì phải rất nhiều phen rèn luyện tu tập và làm nhiều việc. Khi đã rèn luyện tu tập nhiều lần gia hạnh dẫn đến sinh đạo, thì tâm liền an trụ, trụ vào tất cả trụ, trụ gần. Và luôn liên tục cột tâm chuyên chú vào một cảnh, suy nghĩ mãi về Vô sở hữu xứ một cách không hai, không đổi thì liền có thể chứng nhập vào định giải thoát của Vô sở hữu xứ.

Hàng thứ sáu, là trong các định này, theo thứ tự liên tục đếm mãi lên thì nó ở hàng thứ sáu.

Giải thoát, là trong định này có các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện thì đều gọi là giải thoát.

Hỏi: Vượt tất cả Vô sở hữu xứ. Thế nào là vượt tất cả Vô sở hữu xứ?

Đáp: Khi sắp muốn nhập vào phi tưởng phi phi tưởng xứ thì đối với tất cả Vô sở hữu xứ đều có thể siêu vượt, siêu vượt bình đẳng, siêu vượt tột cùng. Thế nên gọi là siêu vượt tất cả Vô sở hữu xứ.

Nhập phi tưởng trụ đầy đủ vào phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Gia hạnh của phi tưởng phi phi tưởng xứ này như thế nào? Người tu hạnh quan sát do phương tiện nào mà nhập vào định giải thoát của phi tưởng phi phi tưởng xứ?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi mới tu quán thì trước hết cần phải suy tư về Vô sở hữu xứ là cái chướng khổ thô. Sau đó phải suy tư về phi tưởng phi tưởng xứ là sự lìa bỏ cái yên tĩnh tuyệt vời. Vì người đó đã tư

duy suy nghĩ như thế, nên tâm liền tán loạn xao động, luôn bay nhảy theo các tướng không thể cột niệam chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh, mà liên tục tư duy suy nghĩ mãi về phi tướng phi phi tướng xứ. Vì như thế nên tâm người ấy chưa thể trụ vào định giải thoát của phi tướng phi phi tướng xứ được. Vì muốn nhiếp giữ cái tâm loạn động luôn bay nhảy này, nên phải luôn cột niệam chuyên chú suy nghĩ mãi về tướng của phi tướng phi phi tướng xứ. Phải suy nghĩ về tướng này một cách siêng năng mạnh mẽ cho đến khi nào khiến được tâm liên tục an trụ lâu dài. Do gia hạnh đó nên mới nhập được vào định giải thoát của phi tướng phi phi tướng xứ. Cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Xong rồi lại tiến tu cái định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo thì phải nhiều lần rèn luyện tu tập gia hạnh dẫn đến sinh đạo thì tâm liền an trụ, trụ vào tất cả trụ, trụ gần. Và luôn liên tục cột tâm chuyên chú nghĩ nhớ vào một cảnh, suy nghĩ mãi về phi tướng phi phi tướng xứ một cách không hai, không đổi, thì liền có thể chứng nhập vào định giải thoát của phi tướng phi phi tướng xứ...

Hàng thứ bảy, nghĩa là các định trong đây, theo thứ tự cứ liên tục mãi lên thì nó ở hàng thứ bảy.

Giải thoát, nghĩa là trong các định này có các thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện thì đều gọi là giải thoát.

Hỏi: Vượt tất cả phi tướng phi phi tướng xứ. Thế nào là vượt tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ?

Đáp: Vì khi muốn nhập vào Tướng thọ diệt giải thoát thì đối với tất cả các tướng phi tướng phi phi tướng xứ đều phải vượt lên, vượt lên một cách bình đẳng siêu vượt tột cùng. Thế nên gọi là vượt tất cả phi tướng phi phi tướng xứ.

Nhập vào tướng thọ diệt, thân chứng trụ đầy đủ.

Hỏi: Gia hạnh của tướng thọ diệt giải thoát này như thế nào? Người tu hạnh quan sát do phương tiện nào mà nhập vào định giải thoát của tướng thọ diệt?

Đáp: Người mới tu nghiệp khi mới tu quán thì đối với tất cả hạnh không mong ước tạo tác, cũng không còn muốn suy tư nghĩ ngợi hiểu biết gì cả, mà khi nhập vào định thì chỉ nghĩ: Làm thế nào mà khiến các thọ tướng nào chưa sinh thì tạm thời đừng sinh, các thọ tướng nào đã sinh ra rồi thì tạm thời dứt mất. Vì người ấy có ước muốn như thế nên tùy theo ước nguyện mà có lúc có thể khiến được các thọ tướng chưa sinh tạm thời không sinh, những thọ tướng nào đã sinh thì tạm thời dứt mất. Sánh ngang với tên gọi là nhập định giải thoát tướng thọ diệt.

Hàng thứ tám, nghĩa là trong các định, theo thứ tự mà liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ tám.

Giải thoát, nghĩa là trong định này có các thứ giải thoát, giải thoát khác lạ, rất khác lạ. Đã, đang và sắp giải thoát và lại nếu lấy các pháp tướng vi tế làm nhân thì tướng vi tế là hạnh bậc vô gián. Do các tướng có nghĩa là không hòa hợp chứ không phải thuộc nghĩa không thành tựu, nên gọi là giải thoát.

Trong đây nói về định giải thoát của tướng thọ diệt, thì thế nào là tướng thọ diệt? Thế nào là tướng thọ diệt giải thoát? Thế nào là tướng thọ diệt giải thoát định? Mà nói là định giải thoát của tướng thọ diệt?

Đáp: Tướng thọ diệt, nghĩa là tướng và thọ diệt mất, hoàn toàn vắng vẻ yên lặng, nên gọi là tướng thọ diệt.

Tướng thọ diệt giải thoát, nghĩa là tướng thọ diệt các thứ giải thoát, giải thoát khác lạ, giải thoát rất khác lạ, đã đang và sẽ giải thoát, nên gọi là tướng thọ diệt giải thoát.

Tướng thọ diệt giải thoát định, nghĩa là tướng thọ diệt và tướng thọ diệt giải thoát không ẩn nấp sâu kín trái nhau, mà hiện ra rõ ràng tự tại, chính thân mình được chứng đắc. Đó gọi là tướng thọ diệt giải thoát định.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 19

Phẩm 9: TÁM PHÁP, Phần 2

Có tám lĩnh vực cao vượt (Bát thắng xứ):

1. Bên trong có sắc tướng, quán chút sắc ở ngoài. Các thứ sắc ấy hoặc đẹp hay xấu, đều thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế thì gọi là lĩnh vực cao vượt thứ nhất.

2. Bên trong có sắc tướng, quán nhiều sắc ở ngoài. Các thứ sắc ấy hoặc đẹp hay xấu, đều thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế thì gọi là lĩnh vực cao vượt thứ hai.

3. Bên trong không có sắc tướng, quán chút sắc ở ngoài. Các thứ sắc ấy hoặc đẹp hay xấu, đều thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế thì gọi là lĩnh vực cao vượt thứ ba.

4. Bên trong không có sắc tướng, quán nhiều sắc ở ngoài. Các thứ sắc ấy hoặc đẹp hay xấu, đều thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế, thì gọi là lĩnh vực cao vượt thứ tư.

5. Bên trong không có sắc tướng, quán các sắc ở ngoài có màu xanh hiện ra rõ ràng với ánh sáng xanh, cũng như loại hoa ô mô ca hoặc như chất ba la phỉ tư để nhuộm xanh quần áo. Nếu với màu xanh hiện ra rõ ràng với ánh sáng xanh thì là bên trong không có sắc tướng quán các sắc ở ngoài, cùng với màu xanh hiện ra rõ ràng với ánh sáng xanh cũng thế với các sắc đó đều thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế, thì là lĩnh vực cao vượt thứ năm.

6. Bên trong không có sắc tướng, quán các sắc bên ngoài nếu có màu vàng hiện ra rõ ràng với ánh sáng vàng, giống như hoa yết ni ca hoặc như chất Bà la phỉ tư nhuộm vàng quần áo. Nếu với màu vàng hiện ra rõ ràng với ánh sáng vàng thì là bên trong không có sắc tướng mà quán các sắc ở ngoài, cũng có màu vàng hiện ra rõ ràng với ánh sáng vàng như thế... Đối với các sắc đó mà thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế, thì gọi là lĩnh vực cao vượt thứ sáu.

7. Bên trong không có sắc tướng, quán các sắc bên ngoài, nếu có màu đỏ hiện ra rõ ràng với ánh sáng đỏ giống như hoa bàn đậu thì phược ca, hoặc như chất bà la phỉ tư nhuộm đỏ quần áo. Nếu có màu đỏ hiện ra rõ ràng với ánh sáng đỏ, thì là bên trong không có sắc tướng mà quán các sắc ở ngoài cũng có màu đỏ hiện ra rõ ràng với ánh sáng đỏ như thế. Đối với các sắc đó mà thấy biết cao tuyệt. Nếu có tướng như thế, thì đó là lĩnh vực cao vượt thứ bảy.

8. Bên trong không có sắc tướng, quán các sắc bên ngoài, nếu có màu trắng hiện ra rõ ràng với ánh sáng trắng giống như màu ô sa tư tinh hoặc như chất bà la phỉ tư làm áo quần rất trắng tươi. Nếu có màu trắng hiện ra rõ ràng với ánh sáng trắng, thì là bên trong không có sắc tướng mà nhìn xem các sắc ở ngoài cũng có màu trắng hiện ra rõ ràng với ánh sáng trắng như thế. Đối với các sắc đó mà thấy biết rõ ràng. Nếu có tướng như thế, thì đó là lĩnh vực cao vượt thứ tám.

Bên trong có sắc tướng, là người ấy đối với mỗi thứ sắc tướng riêng biệt bên trong mà chưa lia bỏ, chưa riêng, lia bỏ, chưa điều phục, chưa riêng điều phục, chưa diệt mất, chưa phá hỏng, thì do vì chưa các việc như thế nên gọi là bên trong các sắc tướng.

Quán chút ít sắc bên ngoài. Nghĩa là cái lượng sắc được nhìn thì khá ít, bé nhỏ không nhiều nên gọi là ít.

Hoặc đẹp, là sắc được xem bóng ngời, rực rỡ lóng lánh đủ màu xanh, vàng, đỏ trắng, nên gọi là đẹp.

Hoặc xấu, là các sắc đã xem chưa bóng láng rực rỡ đủ màu xanh, vàng đỏ, trắng, nên gọi hoặc xấu.

Đối với các sắc đỏ thấy biết cao tuyệt, là các sắc mà người ấy nhìn thấy thì hãy còn ẩn núp tham dục, hoặc đã đoạn dứt tham dục hay đã vượt thoát khỏi tham dục, và đối với người ấy khi đã được thấy biết sáng tỏ, thì tức là đã hành phục và được tự tại, không còn sự sợ hãi nào cả. Cũng như một người sang trọng hay con cháu người ấy do đã thấy biết kỹ lưỡng nên đã thâm nhận các tiểu đồng theo hầu, vì đã thu phục được tự tại, không còn chút e dè sợ hãi chi cả. Các Du Già sư (nhà biện luận) cũng như thế. Đối với các sắc, được nhìn thấy thì tham dục đã bị khuất phục, đã bị đoạn trừ, đã được vượt thoát, đối với người ấy đã được thấy biết kỹ lưỡng, đã được thu phục, được tự tại không còn e dè sợ hãi.

Có tướng như thế, tức là tướng như thực đang có trước mặt.

Hàng thứ nhất, là trong các định, theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ nhất.

Lĩnh vực cao vượt, là trong định này, có bao nhiêu sắc thọ, tướng,

hành thức tốt lành, đều gọi là lĩnh vực cao vượt.

Bên trong không có sắc tướng quán nhiều sắc ở ngoài v.v... Nghĩa là số lượng sắc nhìn thấy rất rộng lớn, không có giới hạn, nên gọi là nhiều, khác với trước đây đã nói là ít.

Bên trong không có sắc tướng, là nó đối với mỗi sắc tướng riêng biệt ở trong thì đã lìa bỏ, đã riêng lìa bỏ, đã điều phục, đã riêng điều phục, đã diệt mất, đã phá hoại. Do người ấy đối với các sắc tướng đã làm như thế nên gọi là “Bên trong không có sắc tướng”. Quán nhiều ít các sắc ở ngoài thì như trước đã nói.

Bên trong không có sắc tướng quán các sắc ở ngoài hoặc màu xanh, là chỉ chung có bao nhiêu màu xanh, các thứ xanh nhóm xanh... cho nên nói là xanh.

Màu xanh rõ ràng, là màu xanh này không có hình tướng nên gọi là thanh hiển (xanh rõ ràng).

Màu xanh hiện ra, là màu xanh này là đối tượng làm việc của nhãn thức, cũng là đối tượng làm việc của ý thức, nên gọi là màu xanh hiện ra.

Ánh sáng xanh, là màu này có thể hiện ra, phát ra các thứ ánh sáng, nên gọi là ánh sáng xanh.

Các thứ khác thì như trước đã nói, như nói về màu xanh, các màu vàng, đỏ v.v..., cũng y như thế.

Phẩm 10: CHÍN PHÁP

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Quý thầy nên biết! Với chín pháp, Đức Phật đã chính mình hiểu biết thấu suốt kỹ càng, rồi đem giảng dạy chỉ bày cho hàng đệ tử của Ngài. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập ôn lại, để sau này Đức Phật đã diệt độ thì không có sự tranh cãi với nhau. Và chúng ta nên tu phạm hạnh, tuân giữ luật pháp để đem lại lợi ích lâu dài cho vô số chúng sinh. Hãy nên thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thấu nhận được nhiều nghĩa lý lợi ích và sự an lạc đặc biệt.

Chín pháp là gì? Ở đây tóm tắt có hai thứ chín pháp. Đó là chín kết và chín chỗ ở của hữu tình.

Có chín kết:

1. Kết ái.
2. Kết giận dữ.

3. Kết kiêu mạn.
4. Kết vô minh.
5. Kết chấp.
6. Kết bám chặt.
7. Kết nghi ngờ.
8. Kết ganh tỵ.
9. Kết keo kiệt.

- Thế nào là kết ái? Tham lam ham muốn trong ba cõi thì gọi là kết ái.

- Thế nào là kết giận dữ? Muốn gây tổn hại cho các loài hữu tình, trong lòng luôn ôm ấp sự tàn hại để gây bao sầu não cho mọi người. Đã, sắp và đang giận dữ. Thích gây tai họa và rất thích gây tai họa. Lòng lúc nào cũng toàn giận dữ. Đối với mọi người luôn làm trái nghịch lại, để cố tình gây tai họa. Đã từng, hiện đang và sẵn sàng gây bao tai họa. Nên gọi là kết giận dữ.

- Thế nào là kết kiêu mạn?

Đáp: Kiêu mạn có bảy thứ:

1. Mạn.
2. Quá mạn.
3. Mạn quá mạn.
4. Ngã mạn.
5. Tăng thượng mạn.
6. Ty mạn.
7. Tà mạn.

Bảy thứ mạn này hợp lại gọi chung là kiêu mạn.

- Thế nào là kết vô minh?

Đáp: Ở trong ba cõi ngu si không trí tuệ sáng suốt thì gọi là kết vô minh.

- Thế nào là kết chấp?

Đáp: Có ba thứ kết chấp:

1. Chấp Tát-ca-da (thân kiến).
2. Chấp lệch về một bên.
3. Chấp sai lầm (tà kiến).

Ba thứ đó gọi chung là kết chấp.

- Thế nào là kết bám chặt (chấp lấy)?

Đáp: Có hai thứ bám chặt: Đó là sự thấy biết bám chặt và các điều răn cấm bám chặt (giới cấm thủ). Cả hai thứ đó gọi chung là kết bám chặt.

- Thế nào là kết nghi ngờ?

Đáp: Đối với các điều đúng chắc thật thì lại ngờ vực hoang mang do dự, lừng khừng, nên gọi là kết nghi ngờ.

- Thế nào là kết ganh tỵ? (Ganh ghét)

Đáp: Không cam tâm an phận nên gọi là kết ganh tỵ.

Có chín chỗ ở của hữu tình:

1. Loại hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân và nhiều thứ tướng như người và một phần trời, đó là chỗ ở thứ nhất của loài hữu tình.

2. Loài hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân và một thứ tướng như cõi trời Phạm chúng mới được thành lập ở kiếp. Đó là chỗ ở thứ hai của loài hữu tình.

3. Loài hữu tình có sắc, có một thứ thân và nhiều thứ tướng như cõi trời Quang âm. Đó là chỗ ở thứ ba của loài hữu tình.

4. Loài hữu tình có sắc, có một thứ thân và một thứ tướng. Như cõi trời Biến tịnh. Đó là chỗ ở thứ tư của loài hữu tình.

5. Loài hữu tình có sắc, không có tướng, không có tướng riêng biệt. Như cõi trời Vô tướng hữu tình. Đó là chỗ ở thứ năm của loài hữu tình.

6. Loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả các sắc tướng, diệt hết “có đối tướng”, không tư duy siêng năng các thứ tướng, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, như cõi trời Không vô biên xứ. Đó là chỗ ở thứ sáu của loài hữu tình.

7. Loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả Không vô biên xứ, nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, như cõi trời Thức vô biên xứ. Đó là chỗ ở thứ bảy của loài hữu tình.

8. Loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả Thức vô biên xứ. Nhập vào vô sở hữu, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, như cõi trời Vô sở hữu xứ. Đó là chỗ ở thứ tám của loài hữu tình.

9. Loài hữu tình không có sắc, vượt ra ngoài tất cả Vô sở hữu xứ. Nhập vào Phi tướng, trụ đầy đủ vào Phi phi tướng xứ, như cõi trời Phi tướng phi phi tướng. Đó là chỗ ở thứ chín của loài hữu tình.

Có sắc, nghĩa là loài hữu tình có sắc đó, bày lập ra cái thân có sắc và các thứ có sắc về xứ, giới uẩn nên gọi là có sắc.

Loài hữu tình, tức là theo nghĩa chắc thật cao quý, thì các loại hữu tình dù không thể thụ nhận được, không thể được, không có, không hiện hữu. Nhưng dựa vào các uẩn xứ giới mà giả lập ra. Các tướng đều tướng bày ra mà nói, thay đổi. Tức là loài hữu tình có ý, sinh ra trẻ hài nhi có nuôi dưỡng lớn lên thành hạng người Bồ-đặc-già-la, nên gọi là

hữu tình.

Có nhiều thứ thân, là loài hữu tình đó có nhiều thứ sắc rõ ràng, còn thân có nhiều hình, nhiều tướng không phải chỉ có một thứ sắc, một thứ hình, một thứ tướng, nên gọi là nhiều thứ thân.

Nhiều thứ tướng, là loài hữu tình đó có tướng vui, tướng khổ và tướng không vui không khổ, nên gọi là nhiều thứ tướng.

Như loài người và một phần hàng Trời, tức là chỉ chung cho loài người và loài trời cõi Dục, nên gọi là như loài người và một phần loài trời.

Đó là hàng thứ nhất, tức là theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ nhất.

Chỗ ở của loài hữu tình, là các chỗ của các loài hữu tình ở trụ sống nương nhờ, nên thích sống, thích được sinh vào đó, tức là chỉ chung trong đó có bao nhiêu thứ sắc thọ tướng hành thức hữu lậu nên gọi là chỗ ở của loài hữu tình.

Còn loài hữu tình có sắc, có nhiều thứ thân, thì có nghĩa như đã nói trước rồi.

Có một thứ tướng, là các loài hữu tình đều có thời hạn và phần số. Đối với kiếp thế giới này khi sắp hoại (sắp bị tiêu diệt) thì có nhiều người vãng sinh lên cõi trời Quang âm cùng có số phận như nhau. Nơi đó có đầy đủ thức và tạo nên sắc thân, các căn không thiếu sót, các bộ phận đều đầy đủ có hình tướng rõ ràng trong sạch, tuổi thọ sống rất lâu nhưng có thời gian có số phần kiếp sống. Còn với kiếp thế giới này khi mới thành lập, thì ở khoảng không gian phía dưới có nhiều cung điện trống rỗng không người ở, bỗng hiện ra. Có một hữu tình (chúng sinh) đã hết tuổi thọ, hết nghiệp và hết phước, từ cõi đó chết đi và được sinh vào cõi Phạm chúng ở trong các cung điện trống vắng đó. Riêng sống một mình ở đó, không có bạn bè nhưng tuổi thọ rất cao. Loài hữu tình ấy sống ở đó trong một thời gian rất lâu bỗng nhiên phát sinh ái dục và lòng buồn rĩ rượi nên nghĩ: Phải chi có số hữu tình khác cùng chung số phần sinh lên đây cùng sống làm bạn với ta nhỉ? Khi người đó ước ao như thế thì có các hữu tình khác do vì đã hết tuổi thọ, hết nghiệp, hết phước..., nên ở cõi đó chết đi và sinh vào cung điện cõi Phạm chúng đó mà sống làm bạn bè với người đầu tiên đó. Bấy giờ người sinh vào cõi ấy đầu tiên nghĩ: Dám hữu tình mới lên sau đây vậy là do ta hóa ra. Đối với loại hữu tình này và các thế gian khác thì ta luôn được tự do, chính ta làm ra, hóa ra, sinh tạo ra chúng. Vậy thì ta đáng là tổ phụ cõi này. Ngay lúc ấy, đám hữu tình kia cũng nghĩ: Chúng ta là do ông ấy hóa ra.

Đối với các loài hữu tình và mọi vật trên thế gian này thì ông ta tự tại, tự do. Chính ông ta làm ra, hóa ra, sinh ra..., thật đáng tôn ông ấy lên làm tổ phụ. Cho nên gọi là một ý tưởng.

Như cõi trời Phạm chúng, tức là nghĩa ở đây gọi chung các loài trời sinh ở cõi Phạm chúng có nhiều thứ thân mà chỉ có một thứ tướng.

Từ kiếp xưa khi mới thành lập, là hàng thứ hai v.v..., thì nghĩa như trước đã trình bày rồi.

Loài hữu tình có sắc, thì cũng như trước nói rồi.

Có một thứ thân, nghĩa là loài hữu tình ấy chỉ có một thứ sắc rõ ràng, còn thân thì chỉ có một hình, một tướng, không có nhiều thứ sắc, nhiều hình tướng, cho nên gọi là một thứ thân.

Có nhiều thứ tướng, nghĩa là loài hữu tình đó có tướng vui và tướng không vui không khổ, nên gọi là có nhiều thứ tướng. Các điều khác như trước đã nói.

Loài hữu tình có sắc, chỉ có một thứ thân, như trước cũng đã nói rồi.

Có một thứ tướng, nghĩa là loài hữu tình đó chỉ có một thứ tướng vui, nên gọi là một thứ tướng. Các điều khác giống như trước nói.

Loài hữu tình có sắc..., như trước đã nói rồi.

Nói không có tướng là chỉ chung loài không có tướng.

Không có tướng riêng, tức là không có tướng riêng biệt rõ ràng. Trong đây lấy tướng làm trên hết mà chỉ rõ không có tất cả tâm và tâm sở.

Như cõi trời vô tướng hữu tình, nghĩa là riêng chỉ rõ về cõi trời không có tướng và có tướng, là hàng thứ năm, thì như trước đã nói.

Không có sắc, nghĩa là loài hữu tình không có sắc đó bày lập ra cái thân không sắc, không có các thứ xứ có sắc, giới có sắc và uẩn có sắc, nên gọi là không có sắc.

Hữu tình, thì như trước đã nói rồi.

Vượt tất cả sắc tướng v.v..., thì như trong tám giải thoát trước đây đã nói kỹ rồi. Song ở đây chỉ có các thứ sắc, thọ, tướng, hành, thức... duyên nơi hữu lậu, là chỗ ở của loài hữu tình.

Phẩm 11: MƯỜI PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo đại chúng: Quý thầy nên biết! Với mười pháp Đức Phật đã chính mình tự hiểu biết đầy đủ thấu suốt kỹ càng rồi đem giảng dạy chỉ bày cho hàng đệ tử của Ngài. Nay chúng ta nên hòa hợp kết tập ôn lại để sau khi Đức Phật đã diệt độ thì không có sự tranh cãi với nhau. Và chúng ta nên tu phạm hạnh, tuân giữ luật pháp để đem lại lợi ích lâu dài cho vô số chúng sinh. Hãy nên thương xót hàng trời, người ở thế gian, khiến họ thâm nhận được nhiều nghĩa lý lợi ích và sự an lạc quý báu đặc biệt.

Mười pháp là gì? Trong đây tóm tắt có hai thứ, tức là mười thứ biến xứ và mười pháp vô học.

Có mười thứ biến xứ:

1. Quý thầy nên biết: Đất trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ nhất.

2. Lại nữa, quý vị nên biết, nước trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ hai.

3. Lại nữa, quý vị nên biết, lửa trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ ba.

4. Lại nữa, quý vị nên biết, gió trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ 4.

5. Lại nữa, quý vị nên biết, màu xanh trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ năm.

6. Lại nữa, quý vị nên biết, màu vàng trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ sáu.

7. Lại nữa, quý vị nên biết, màu đỏ trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ bảy.

8. Lại nữa, quý vị nên biết, màu trắng trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ tám.

9. Lại nữa, quý vị nên biết, khoảng không trùm khắp tướng như

thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ chín.

10. Lại nữa, quý vị nên biết, thức trùm khắp tướng như thế trên dưới, các phía đều không hai, không có bến bờ giới hạn, nên gọi đó là biến xứ thứ mười.

Gọi đó là biến xứ thứ mười.

1. Gia hạnh của định địa biến xứ như thế nào? Người mới tu quán phải do phương tiện nào mà có thể chứng nhập vào định địa biến xứ?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi mới tu quán thì nên đối với đất đai này, ở khắp nơi chốn, hoặc có cao thấp, gai góc, lùm bụi, hoặc hiểm trở, nhơ bẩn..., ở các chỗ như thế đều không thể suy nghĩ. Ở những nơi đất đai rộng lớn như thế mà yên nhiên thấy biết rõ ràng như vật để trong bàn tay, có đầy đủ các khu vườn..., các khoảng rừng sạch đẹp, những nơi rất thích ý mến yêu, rồi theo đó bám dính vào một tướng nhất định, nhờ sức hiểu biết đặc biệt và cột niệm hướng cái ý tưởng vào một chỗ mà suy nghĩ, quan sát xác lập tin hiểu về cái tướng của đất là cái gì... Do nó suy tư quan sát như thế nên tâm liền xao động bay nhảy theo các tướng, không thể chuyên chú cột niệm vào một cảnh mà tư duy siêng năng đây là đất chứ không phải cái gì khác..., mà tâm liền loạn động. Do làm các việc như thế nên chưa thể chứng nhập vào định địa biến xứ. Và vì muốn kìm giữ tâm loạn động đó nên căn cứ vào một tướng của đất mà cột niệm chuyên tâm suy nghĩ mãi. Bảo đó là đất chứ không phải là nước v.v... Luôn siêng năng mạnh mẽ kiên trì suy nghĩ mãi tướng đó, đến khi nào khiến được tâm luôn luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh như thế nên mới có thể nhập vào địa định (định về đất). Rồi cứ siêng năng tu tập mãi gia hạnh đó sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn luôn rèn luyện tu tập làm các việc thật nhiều lần. Và luôn luôn cứ rèn tập rất nhiều lần như thế mãi thì tâm sẽ được an trụ và đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cái cảnh này: nhất định đó là tướng của đất.

Do tâm an trụ đều trụ, trụ gần, cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ, về cảnh này nhất định đó là tướng đất, không hai không đổi, nên có thể nhập vào định về đất, nhưng vẫn chưa thể nhập vào định địa biến xứ.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định địa biến xứ thì gia hạnh của định địa biến xứ như thế nào. Người tu hạnh quan sát do phương tiện nào mới chứng được vào định địa biến xứ?

Đáp: Tức là y vào sự nhập định về đất như trước nói mà khiến tâm luôn tùy thuận điều phục hướng lên dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi một mực được định rồi thì lại nghĩ tưởng về đất này, dần dần lớn rộng lan khắp đông, tây, nam, bắc khắp nơi đều là tất cả, nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng. Không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp nơi đều là đất. Vì tâm người ấy bị loạn động như vừa nói nên chưa thể chứng nhập vào định địa biến xứ.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động bay nhảy này, nên đối với cái tướng đất trùm khắp, mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi sự trùm đó là đất chứ không phải là bao trùm của nước v.v..., luôn siêng năng mạnh mẽ suy nghĩ mãi tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập vào định địa biến xứ. Rồi mãi siêng năng rèn luyện tu tập rất nhiều lần cái hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn cứ rèn tập tu hành nhiều lần gia hạnh đó thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cái cảnh này! Khắp nơi đều biến thành đất. Do tâm an trụ đều trụ, trụ gần, liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cái cảnh đất bao trùm khắp nơi ấy không hai không đối. Từ đây mới nhập được vào định địa biến xứ.

Nói trên dưới, là các phương trên dưới.

Nói các phía, tức là Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

Nói không hai, là không có xen tạp ở giữa.

Không bờ bến giới hạn, là bờ bến khó lường.

Đó là thứ nhất, tức trong các định này theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ nhất.

Nói là biến xứ trùm khắp là, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc thọ tưởng hành thức tốt lành thì gọi là biến xứ.

2. Gia hạnh của định thủy biến xứ như thế nào? Người mới tu quán phải do phương tiện nào mà có thể chứng nhập vào định thủy biến xứ.

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi mới tu quán thì ở cõi thế giới này hoặc duyên nơi các tướng của nước chảy, hoặc nước trong giếng, hay nước trong ao, trong bờ đá, trong hồ hoặc chấp lấy (bám vào) cái tướng, nước khắc-già, tướng nước Lam-mẫu-na, hay Thiết-lạp-bà, hoặc A-hiện-la-phiệt chỉ hoặc tướng nước sông Mô-ê (mạc ê) cho đến các tướng nước ở các biển lớn đông tây nam bắc hoặc bốn biển lớn, hoặc

dòng nước lớn..., trong các thứ đó tùy theo duyên nơi một tướng rồi do sức hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hướng cái tướng vào đó mà quan sát, xác lập, tìm hiểu đó là tướng nước gì? Nên tâm liền xao động bay nhảy các khắp tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh này là nước chứ không phải là thứ khác, mà tâm liền loạn động. Do vì các việc như thế nên chưa thể chứng nhập và định thủy biến xứ được. Vì muốn kìm giữ tâm loạn động bay nhảy này, nên đối với một tướng nước mà cột niệm suy nghĩ, nghĩa là đây là nước chứ không phải là đất. Cứ mãi tư duy suy nghĩ một cách siêng năng mạnh mẽ về tướng đó cho đến khi nào khiến được tâm liền tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập vào định về nước. Rồi mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều gia hạnh đó. Xong rồi lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn rèn luyện tu tập làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Và cứ luôn rèn luyện tu tập gia hạnh đó thì tâm sẽ an trụ đều trụ trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh đó, nhất định là tướng của nước. Do tâm an trụ đều trụ trụ gần, liên tục cột niệm vào một cảnh tư duy suy nghĩ mãi cảnh nhất định là nước, không hai không đổi thì có thể nhập vào định về nước. Nhưng chưa thể nhập vào định thủy biến xứ.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định thủy biến xứ thì gia hạnh của định thủy biến xứ như thế nào? Người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập vào định thủy biến xứ?

Đáp: Tức là y vào sự nhập thủy định như trước đã nói mà khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục hướng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng về nước này, dần dần rộng lớn lan khắp đông tây nam bắc, khắp nơi đều nước cả. Nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng, không thể cứ một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ mãi cảnh đó biến khắp nơi đều là nước. Tâm người ấy bị loạn động v.v..., như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định thủy biến xứ.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động bay nhảy này nên đối với tướng thủy trùm khắp mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi bao trùm đó là nước chứ không phải là đất v.v..., luôn siêng năng mạnh mẽ siêng năng mãi tướng đó cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập vào định thủy biến xứ. Rồi mãi siêng năng rèn luyện tu tập rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Và luôn cứ rèn

tập tu hành rất nhiều lần hạnh đó, thì tâm sẽ an trụ đều trụ trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh khắp nơi đều biến thành nước. Do tâm an trụ đều trụ trụ gần, liên tục cột niệm vào một cảnh tư duy suy nghĩ mãi cảnh nước trùm khắp nơi không hai không đối. Từ đây mới nhập được vào định thủy biến xứ.

Nói trên dưới, là các phương trên dưới.

Nói các phía, tức Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

Nói không hai, là không có xen tạp ở giữa.

Không bờ bến giới hạn, là khó lường bờ bến.

Đó là thứ hai, tức trong các định này theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ hai.

Nói biến xứ, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức tốt lành thì gọi là biến xứ.

3. Gia hạnh của định hỏa biến xứ như thế nào? Người mới tu quán phải do cái phương tiện nào mà có thể chứng được định hỏa biến xứ.

Đáp: Người mới tu nghiệp khi mới tu quán thì ở cõi thế giới này thì duyên nơi tướng lửa của vầng thái dương trong sạch, hoặc tướng lửa của thứ ánh sáng đẹp vui tuyệt diệu, hoặc lửa của ánh sáng ngọc thêm, hoặc lửa của cung điện tinh tú, hoặc ánh lửa dữ tợn của đồng lửa to, hoặc ánh lửa cháy cả thôn xóm, hoặc ánh lửa rực cháy cả thành ấp lớn, hoặc ánh lửa rực cháy cả đồng cỏ lớn, hoặc ánh lửa cháy gỗ to của mười xe tải lớn, hoặc ánh lửa cháy gỗ lớn trên hai mươi xe to, hoặc ánh lửa rực rỡ khi cháy gỗ to của ba mươi xe tải lớn, hoặc của bốn mươi xe to, hoặc của năm mươi xe, hoặc một trăm xe, hoặc một ngàn xe, hoặc một trăm ngàn xe, hoặc vô lượng trăm xe. Người đó thấy tướng của các ánh lửa như thế đầu tiên cháy bùng lên, càng bùng lên dữ dội, rồi lan cháy khắp nơi và sau đó thì chỉ toàn lóe sáng. Trong các thứ lửa ấy hãy chọn lấy một thứ tướng lửa gì, rồi dùng sức hiểu biết tốt mà cột niệm vào một chỗ mà suy nghĩ, hướng cái tướng vào đó mà quan sát, xác lập, tìm hiểu đó là cái tướng lửa gì? Nên tâm liền xao động bay nhảy theo khắp các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh này là lửa chứ không phải là thứ gì khác, mà tâm liền loạn động. Do vì các việc như thế nên chưa thể chứng nhập vào định hỏa biến xứ được.

Vì muốn tìm giữ tâm loạn động ấy, nên đối với một tướng lửa mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là lửa chứ không phải là nước v.v... Cứ luôn siêng năng mạnh mẽ tư duy suy nghĩ mãi về cái tướng đó..., cho đến khi nào khiến được tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mới có thể nhập vào định về lửa. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập

rèn luyện thật nhiều gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn luôn rèn luyện tu tập làm các việc thật nhiều lần. Và cứ rèn tập tu hành nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ đều trụ trụ gần..., và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh này: nhất định đó là tướng của lửa. Do tâm an trụ đều trụ trụ gần, cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi cảnh nhất định đó là tướng của lửa không hai không đối, nên có thể nhập vào định vì lửa, nhưng vẫn chưa thể nhập vào định hỏa biến xứ.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định hỏa biến xứ thì gia hạnh của định hỏa biến xứ như thế nào? Người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập vào định thủy biến xứ?

Đáp: Tức là y vào sự nhập vào định về lửa như đã nói ở trước mà khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục hưởng lên dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng về lửa này, dần dần lớn rộng, lan khắp đông tây nam bắc, khắp nơi đều là lửa cả. Nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng, không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là lửa. Vì tâm người ấy bị loạn động v.v... Như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định hỏa biến xứ.

Vì muốn tìm giữ tâm loạn động bay nhảy ấy, nên đối với tướng lửa trùm khắp mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi trùm khắp đó là lửa chứ không phải là cái trùm khắp của nước v.v... Luôn siêng năng mạnh mẽ suy nghĩ mãi tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập vào định hỏa biến xứ được. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo luôn luôn rèn luyện tu tập làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn cứ rèn luyện tu tập nhiều lần gia hạnh đó, thì tâm sẽ an trụ, đều trụ trụ gần... Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh suy tư mãi cảnh này; khắp nơi đều toàn là lửa. Do tâm an trụ đều trụ trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cảnh lửa trùm khắp nơi ấy không hai không đối khác. Từ đây mới nhập được vào định hỏa biến xứ.

Nói trên dưới, là các phương trên dưới.

Nói các phía, tức Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

Nói không hai, tức là không có xen tạp ở giữa.

Không bờ bến giới hạn, là bờ bến khó lường.

Đó là thứ ba, tức là trong các định này theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ ba.

Nói biến xứ, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức tốt lành thì gọi là biến xứ.

4. Gia hạnh của định phong biến xứ như thế nào? Người mới tu quán phải do cái phương tiện nào mà có thể chứng nhập vào định phong biến xứ.

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở cõi thế giới này hoặc duyên nơi vào tướng gió có từ phương đông, hoặc tướng gió có từ phương nam, hay từ phương tây, hay từ phương bắc. Hoặc chấp lấy tướng gió có bụi rậm hay không bụi rậm hoặc tướng gió Phệ-thấp-ma, hay Phệ-lam-bà, hoặc tướng gió nhẹ hiu hiu, hoặc tướng gió to mạnh, hoặc tướng gió vô lượng, hoặc tướng một vầng gió cả..., đối với các thứ như thế mà chọn lấy, duyên nơi một tướng gió đó, rồi dùng sức hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hướng cái tướng vào đó mà quan sát, xác lập, tìm hiểu đó là cái tướng gió gì? Do đó tâm liền xao động bay nhảy theo khắp các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh này là gió, chứ không phải thứ gì khác, mà tâm liền loạn động. Do vì các việc như thế, nên chưa thể chứng được, nhập vào định phong biến xứ được.

Vì muốn gìn giữ tâm loạn động ấy, nên phải đối với một tướng gió mà luôn cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là gió chứ không phải là lửa v.v..., cứ luôn mạnh mẽ siêng năng tư duy suy nghĩ mãi về tướng đó..., cho đến khi nào khiến được tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập vào định vô gió. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này. Nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn rèn luyện tu tập làm các việc thật nhiều lần. Và cứ rèn tập tu hành nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh này: Nhất định đó là tướng của gió. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh luôn tư duy suy nghĩ mãi cảnh nhất định đó là tướng của gió không hai không đổi nên có thể nhập vào định về gió, nhưng vẫn chưa thể nhập vào định hỏa biến xứ.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định phong biến xứ thì gia hạnh của định phong biến xứ nó như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập được vào định không biến xứ?

Đáp: Tức là y vào sự nhập vào định về gió như đã nói ở trước, mà khiến tâm luôn tùy thuận điều phục hướng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng về thứ gió đó dần dần lớn mãi, lan khắp cả đông tây nam bắc, khắp nơi đều có gió cả. Tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là gió. Vì tâm người ấy bị loạn động v.v... Như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định phong biến xứ.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động bay nhảy, nên đối với tướng gió khắp nơi mà luôn cột niệm, suy nghĩ mãi trùm khắp đó là gió chứ không phải là cái trùm khắp của lửa v.v..., luôn siêng năng mạnh mẽ suy nghĩ mãi tướng đó cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập vào định phong biến xứ được. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập, làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn cứ rèn luyện tu tập nhiều lần gia hạnh đó thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh này: Khắp nơi đều toàn là gió. Do tâm an trụ đều trụ trụ gần, cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cảnh gió khởi lên khắp nơi ấy không hai không đối khác. Từ đây mới nhập được vào định phong biến xứ.

Nói trên dưới, tức là các phương trên dưới.

Nói các phía, tức là Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

Nói không hai, tức là không có xen tạp ở giữa.

Không bờ bến giới hạn, là bờ bến khó lường.

Đó là thứ tư, tức trong các định này theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ tư.

Nói là biến xứ, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc thọ tưởng hành thức tốt lành thì đều gọi là biến xứ.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC

QUYỂN 20

Phẩm 11: MUỖI PHÁP, Phần 2

5. Gia hạnh của định biến xứ màu xanh như thế nào? Người tu hạnh quan sát phải do cái phương tiện nào mà có thể chứng nhập định màu xanh biến xứ?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở cõi thế giới này hoặc bám vào màu xanh của cây, hoặc màu xanh của lá, của hoa, của quả, hoặc màu xanh của áo, hoặc màu xanh của các thứ trang phục, hoặc màu xanh của mây, của nước, hoặc chấp lấy màu xanh của tất cả các vật nào khác..., người ấy đối với các thứ như thế mà chọn chấp giữ lấy một thứ tướng đó, rồi dùng sức hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hướng cái tướng vào đó mà quan sát, xác lập, tìm hiểu đó là màu xanh gì? Cho nên tâm y liền xao động bay nhảy theo các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh đó là màu xanh chứ không phải cái gì khác, mà tâm liền loạn động v.v... Do vì các việc như thế, nên chưa thể chứng nhập được, nhập vào định biến xứ màu xanh.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động ấy, nên phải đối với một tướng màu xanh mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là màu xanh chứ không phải là màu vàng v.v..., cứ luôn mạnh mẽ siêng năng tư duy suy nghĩ mãi về cái tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mà có thể nhập được vào định về màu xanh. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, mà luôn rèn luyện tu hành làm các việc thật nhiều lần. Và cứ rèn luyện tu tập nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh này: nhất định đó là tướng của màu xanh. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi về cảnh nhất định đó là tướng của màu xanh không hai không

đổi khác, nên có thể nhập vào định về màu xanh, mà chưa thể nhập vào định biến xứ màu xanh.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định biến xứ màu xanh, thì gia hạnh của định biến xứ màu xanh nó như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập được vào định biến xứ màu xanh?

Đáp: Tức là y vào việc nhập định về màu xanh như trước đã nói, mà khiến tâm luôn tùy thuận điều phục hướng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi, thì lại nghĩ tưởng về màu xanh này dần dần lớn rộng, lan khắp đông tây nam bắc, khắp nơi đều là màu xanh cả. Nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng mà không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là màu xanh. Vì tâm người ấy bị loạn động v.v... Như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định biến xứ màu xanh.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động bay nhảy ấy, nên đối với tướng biến xứ màu xanh kia mà luôn cột niệm, suy nghĩ mãi bao trùm, đó là màu xanh chứ không phải là màu vàng v.v... Luôn mạnh mẽ siêng năng suy nghĩ mãi cái tướng đó cho đến khi nào khiến được cái tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập được vào định biến xứ màu xanh được. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập, làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn cứ rèn luyện tu tập nhiều lần gia hạnh đó, thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh này: Khắp nơi đều toàn là màu xanh. Do tâm an trụ đều trụ trụ gần, mà cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cảnh màu xanh trùm khắp nơi luôn không hai không đổi khác. Từ đây thì mới nhập được vào định trùm khắp màu xanh.

- Nói trên dưới, tức là các phương trên dưới.
- Nói các phía, tức Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.
- Nói không hai, tức là không có xen tạp ở giữa.
- Không bờ bến giới hạn, là bờ bến khó lường.
- Đó là thứ năm, tức trong các định này theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ năm.
- Nói là biến xứ, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức tốt lành thì đều gọi là biến xứ.

6. Gia hạnh của định biến xứ màu vàng như thế nào? Người mới tu quán phải do cái phương tiện nào mới có thể chứng nhập vào định biến

xứ màu vàng?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở thế giới này hoặc duyên nơi màu vàng của cây, hoặc màu vàng của lá, của hoa, của quả, hoặc màu vàng của áo, màu đỏ của các thứ trang phục, màu vàng của mây, của nước, hoặc chấp lấy màu vàng của tất cả các vật nào khác... Người ấy đối với các thứ như thế mà chọn duyên nơi một tướng đó, rồi dùng sức hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hướng tưởng vào đó mà quan sát, xác lập tìm hiểu đó là màu xanh gì? Cho nên tâm liền bị xáo động bay nhảy theo các tướng, không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy nghĩ cảnh đó là màu vàng chứ không phải cái gì khác, mà tâm liền loạn động v.v... Do các việc như thế, nên chưa thể chứng nhập được vào định màu vàng trùm khắp.

Vì muốn gìn giữ tâm loạn động ấy, nên phải đối với một tướng màu vàng mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là màu vàng chứ không phải là màu xanh v.v... Cứ luôn mạnh mẽ siêng năng tư duy suy nghĩ mãi về tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm liền tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mới có thể nhập được vào định về màu vàng. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, mà luôn rèn luyện tu hành làm các việc thật nhiều lần. Và cứ rèn luyện tu tập nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cái cảnh này: nhất định đó là tướng của màu xanh. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi về cảnh nhất định đó là tướng của màu vàng không hai không đối khác, nên có thể nhập vào định về màu vàng, mà chưa thể nhập vào định trùm khắp màu vàng.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định biến xứ màu vàng, thì gia hạnh của định biến xứ màu vàng nó như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập được vào định biến xứ màu vàng?

Đáp: Tức là y vào việc nhập định về màu vàng như trước vừa nói, mà khiến tâm luôn tùy thuận điều phục hướng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi, thì lại nghĩ tưởng về màu vàng này dần dần lớn rộng, lan ra khắp cả đông tây nam bắc, khắp nơi đều là màu vàng cả. Nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng và không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là màu vàng. Vì tâm người ấy bị loạn

động v.v..., như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định màu vàng trùm khắp.

Vì muốn kìm giữ tâm luôn loạn động bay nhảy ấy, nên đối với cái tướng màu vàng trùm khắp kia mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi cái trùm khắp đó là màu vàng chứ không phải là màu xanh v.v... Luôn mạnh mẽ siêng năng suy nghĩ mãi tướng đó cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập được vào định biến xứ màu vàng được. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập, làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn rèn luyện tu tập rất nhiều lần gia hạnh đó, thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gần, và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh này là khắp nơi đều toàn là màu vàng. Do tâm an trụ, đều trụ trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cảnh màu vàng trùm khắp nơi luôn không hai, không đối khác. Từ đây thì mới nhập được vào định màu vàng trùm khắp.

- Nói trên dưới, tức là các phương trên dưới.

- Nói các phía, tức là Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

- Nói không hai, tức là không có xen tạp ở giữa.

- Không bờ bến giới hạn, là khó lường bờ bến.

- Đó là thứ sáu, tức trong các định này theo thứ tự liên tục đếm dần lên thì nó ở hàng thứ sáu.

- Nói là biến xứ, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức tốt lành thì đều gọi là biến xứ.

7. Gia hạnh của định biến xứ màu đỏ như thế nào? Người mới tu quán phải do cái phương tiện nào mới có thể chứng nhập vào định biến xứ màu đỏ?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở thế giới này hoặc duyên nơi màu đỏ của cây, hoặc màu đỏ của lá, của hoa, của quả, hoặc chấp lấy màu đỏ của áo, màu đỏ của các thứ trang phục, hoặc màu đỏ của mây, của nước, hoặc chấp lấy màu đỏ của tất cả các vật nào khác. Người ấy đối với các thứ như thế mà chọn lựa chấp giữ lấy một tướng đó, rồi dùng sức hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hướng tưởng vào đó mà quan sát, xác lập tìm hiểu đó là màu đỏ gì? Cho nên tâm liền bị xáo động bay nhảy theo các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh đó là màu đỏ chứ không phải cái gì khác, mà tâm liền loạn động v.v... Do các việc như thế nên chưa thể chứng nhập

được vào định màu đỏ trùm khắp.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động ấy, nên phải đối với một tướng màu đỏ mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là màu đỏ chứ không phải là màu vàng v.v... Cứ luôn siêng năng mạnh mẽ tư duy suy nghĩ mãi về tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mới có thể nhập được vào định về màu đỏ. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, mà luôn rèn luyện tu hành làm các việc thật nhiều lần. Và cứ rèn luyện tu tập nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gấn. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cái cảnh này: nhất định đó là tướng của màu đỏ. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gấn và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi về cảnh nhất định đó là tướng của màu đỏ không hai không đối khác, nên có thể nhập vào cái định về màu đỏ, mà chưa thể nhập vào cái định màu đỏ trùm khắp.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định biến xứ màu đỏ thì gia hạnh của định biến xứ màu đỏ nó như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập được vào định biến xứ màu đỏ?

Đáp: Tức là y vào việc nhập định về màu đỏ như trước vừa nói, mà khiến tâm luôn tùy thuận điều phục, hướng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng về màu đỏ này dần dần lớn rộng, lan khắp đông tây nam bắc, khắp nơi đều là màu đỏ cả. Nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng mà không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là màu đỏ. Vì tâm người ấy bị loạn động v.v..., như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định biến xứ màu đỏ.

Vì muốn kìm giữ tâm luôn loạn động bay nhảy ấy, nên đối với tướng màu đỏ kia trùm khắp mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi trùm khắp đó là màu đỏ chứ không phải là màu vàng v.v... Luôn mạnh mẽ siêng năng suy nghĩ mãi tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể chứng nhập được vào định biến xứ màu đỏ được. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập, làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn cứ rèn luyện tu tập nhiều lần gia hạnh đó, thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gấn. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh mà suy tư mãi cảnh này. Khắp nơi đều toàn là màu

đỏ. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cảnh màu đỏ biến khắp nơi luôn không hai, không đối khác. Từ đây thì mới nhập được vào cái định màu đỏ trùm khắp.

- Nói trên dưới, tức là các phương tiện trên dưới.

- Nói các phía, tức là Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

- Nói không hai, tức là không có xen tạp ở giữa.

- Không bờ bến giới hạn, tức là khó lường bờ bến.

- Đó là thứ bảy, tức là trong các định này lần lượt theo thứ tự đếm mãi lên thì nó ở hàng thứ bảy.

- Nói là biến xứ, là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức tốt lành thì đều gọi là biến xứ.

8. Gia hạnh của định biến xứ màu trắng như thế nào? Người mới tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập được định biến xứ màu trắng?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở thế giới này hoặc duyên nơi màu trắng của cây, hoặc màu trắng của lá, của hoa, của quả, hoặc màu trắng của áo, màu trắng của các thứ trang phục, hoặc màu trắng của mây, của nước, hoặc màu trắng của tất cả các vật nào khác. Người ấy, đối với các thứ như thế mà chọn lựa duyên nơi một tướng đó, rồi dùng sức hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hướng tưởng vào đó mà quan sát, xác lập tìm hiểu đó là màu trắng gì? Cho nên tâm liền bị xáo động bay nhảy theo các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh đó là màu trắng chứ không phải cái gì khác, mà tâm liền loạn động v.v... Do các việc như thế nên chưa thể chứng nhập được vào định màu trắng trùm khắp.

Vì muốn kìm giữ tâm loạn động ấy, nên phải đối với một tướng màu đỏ trắng mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là màu trắng chứ không phải là màu đỏ v.v... Cứ luôn siêng năng mạnh mẽ tư duy suy nghĩ mãi về tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mới có thể nhập được vào định về màu trắng. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn rèn tập tu hành, làm các việc thật nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh này. Nhất định đó là tướng của màu trắng. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi về cảnh nhất định đó, là tướng của màu trắng, không hai không đối khác, nên có thể nhập vào

định về màu trắng, mà chưa thể nhập được vào cái định màu trắng trùm khắp.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định biến xứ màu trắng thì gia hạnh của định biến xứ màu trắng đó nó như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới có thể chứng nhập được vào định biến xứ màu trắng?

Đáp: Tức là y vào việc nhập định về màu đỏ như trước vừa nói, mà khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục hương lên dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng về màu trắng đó dần dần lớn rộng lan khắp đông tây nam bắc, khắp nơi đều là màu trắng cả, nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng mà không thể cột niệm chuyên chú vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là màu trắng. Vì tâm người ấy bị loạn động v.v... Như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào cái định màu trắng trùm khắp.

Vì muốn kìm giữ tâm luôn loạn động bay nhảy ấy, nên đối với tướng màu trắng trùm khắp kia mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi trùm khắp đó là màu trắng chứ không phải là màu đỏ v.v... Luôn mạnh mẽ siêng năng suy nghĩ mãi tướng đó, cho đến khi nào khiến được cái tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể chứng nhập được vào định biến xứ màu trắng. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rất nhiều lần rèn luyện tu tập và làm các việc như thế mãi. Đã luôn tu tập rèn luyện nhiều lần gia hạnh đó thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh mà suy tư mãi cảnh này: khắp nơi đều toàn là màu trắng. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào cảnh tư duy suy nghĩ mãi cảnh màu trắng trùm khắp nơi luôn không hai, không đối khác. Từ đây thì mới nhập được vào cái định màu trắng trùm khắp.

- Nói trên dưới, tức là các phương trên dưới.
- Nói các phía, tức là Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.
- Nói không hai, tức là không có xen tạp ở giữa.
- Không bến bờ giới hạn, tức là khó lường bờ bến.
- Đó là thứ tám, tức là trong các định này, lần lượt theo thứ tự liên tục đếm mãi lên đó là thứ tám.
- Nói là biến xứ, tức là trong các định này, có bao nhiêu thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức thiện thì đều gọi là biến xứ.

9. Gia hạnh của biến xứ về không gian như thế nào? Người tu hạnh

quan sát phải do phương tiện nào mới có thể chứng nhập được vào định biến xứ về không gian?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở cõi thế giới này thì hãy duyên nơi nhà cửa ở trên không trung, hoặc đất ở trên không, hoặc cây cối, hoặc ngọn núi rất to hay núi non thường, hoặc dòng sông, hoặc các hang động..., đều ở trên không trung mà chọn lựa duyên nơi một tướng đó. Rồi nhờ sự hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hưởng tướng vào đó mà quan sát, xác lập tìm hiểu đó là cái gì ở trên không trung. Do đó tâm liền bị xáo động bay nhảy theo các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh đó là không gian chứ không phải cái gì khác, mà tâm liền loạn động v.v..., do các việc như thế nên chưa thể chứng nhập được vào định không gian trùm khắp. Vì muốn kìm giữ tâm loạn động bay nhảy ấy, nên phải đối với một tướng ở không trung mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là không gian chứ không phải là thức v.v... Cứ luôn mạnh mẽ siêng năng suy nghĩ mãi về tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm liền tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mới có thể nhập được vào định về không. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn rèn luyện tu hành, làm các việc thật nhiều lần. Và cứ luôn rèn luyện tu tập rất nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh này: nhất định đó là tướng không gian. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi cảnh nhất định đó là tướng của không gian luôn không hai không đối khác, nên chưa thể nhập được vào định không gian trùm khắp.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định biến xứ về không gian thì gia hạnh của định biến xứ về không gian đó nó như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới chứng nhập được định về không gian?

Đáp: Tức là y vào việc nhập vào định về trùm khắp? Không gian như trước vừa nói, mà khiến tâm luôn tùy thuận, điều phục hưởng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng về không gian này dần dần nó lớn rộng biến khắp đông tây nam bắc, nơi nào cũng là khoảng không cả, nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng, và không thể chuyên chú cột niệm vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi về cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là khoảng không. Vì tâm của người ấy bị loạn động v.v..., như vừa nói, nên chưa

thể chứng nhập vào định về không gian trùm khắp.

Vì muốn tìm giữ tâm luôn loạn động bay nhảy ấy, cho nên đối với tướng bao trùm của không gian mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi về sự bao trùm đó là không gian chứ không phải là cái bao trùm về thức v.v..., luôn mạnh mẽ suy nghĩ mãi tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập được vào định biến xứ về không gian. Rồi cứ mãi siêng năng rèn luyện tu tập rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập làm các việc rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn rèn luyện tu tập rất nhiều lần gia hạnh đó, thì tâm sẽ an trụ, đều trụ, trụ gần, và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi cảnh này, là khắp nơi đều toàn là khoảng không. Do tâm trụ, trụ đều, trụ trụ gần và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào cảnh, suy tư mãi cảnh này là khắp nơi đều toàn là khoảng không. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, tư duy suy nghĩ mãi cảnh không gian trùm khắp nơi luôn không hai không đối khác. Từ đây thì mới nhập được vào định không gian trùm khắp.

- Nói trên dưới, tức là các phương trên dưới.

- Nói các phía, tức Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.

- Nói không hai, tức không có xen tạp ở giữa.

- Đó là thứ chín, tức là trong định vô biên xứ này có bao nhiêu thứ sắc thọ tưởng hành thức tốt lành thì đều gọi là biến xứ.

10. Gia hạnh của định biến xứ về thức như thế nào? Người mới tu quán phải do phương tiện nào mới có thể chứng nhập vào định biến xứ về thức?

Đáp: Người mới tu nghiệp, khi bắt đầu tu quán thì ở ngay trong thân hoặc duyên nơi tướng nhãn thức thanh tịnh, hoặc tướng nhĩ thức thanh tịnh, ý thức đều thanh tịnh. Đối với các thức đó tùy ý chọn lựa duyên nơi một tướng. Rồi nhờ sự hiểu biết tốt mà cột niệm suy nghĩ, hưởng cái tướng vào đó mà quan sát, xác lập tìm hiểu đó là cái thức gì, cho nên tâm liền bị xáo động bay nhảy theo các tướng, không thể một mực cột niệm vào một cảnh, suy nghĩ cảnh đó là thức chứ không phải là cái gì khác, mà tâm liền loạn động v.v... Do các việc như thế nên chưa thể chứng nhập vào định biến trùm khắp.

Vì muốn tìm giữ tâm luôn loạn động bay nhảy ấy nên phải đối với một tướng của một thức mà cột niệm suy nghĩ, bảo rằng đây là thức chứ không phải là không gian v.v... Cứ luôn mạnh mẽ siêng năng suy nghĩ

mãi về tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm liên tục trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh này mới có thể nhập được vào định về thức. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện thật nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo mà luôn rèn luyện tu hành, làm các việc thật nhiều lần, và cứ luôn rèn luyện tu tập thật nhiều lần như thế mãi, thì tâm sẽ được an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh này: nhất định đó là tướng của thức. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm vào một cảnh, luôn tư duy suy nghĩ mãi cảnh nhất định đó là tướng của thức, luôn không hai không đối khác, nên chưa thể nhập vào định thức trùm khắp.

Hỏi: Nếu đây chưa thể nhập vào định biến xứ về thức, thì gia hạnh của định biến xứ về thức là như thế nào? Còn người tu hạnh quan sát phải do phương tiện nào mới có thể chứng nhập vào định biến xứ về thức được?

Đáp: Tức là y vào việc nhập vào định về thức như trước vừa nói, mà khiến tâm luôn tùy thuận điều phục hướng lên, dần dần sẽ được nhu hòa. Và khi cứ một mực đã được định rồi thì lại nghĩ tưởng tới thức này dần dần nó sẽ lớn rộng trùm khắp đông tây nam bắc, nơi nào cũng đều có thức cả, nên tâm liền loạn động bay nhảy theo các tướng và không thể chuyên chú cột niệm vào một cảnh, luôn suy nghĩ mãi về cảnh đó, biến khắp mọi nơi đều là thức. Vì tâm của người ấy bị loạn động v.v... như vừa nói, nên chưa thể chứng nhập vào định về thức trùm khắp.

Vì muốn kìm giữ tâm luôn loạn động bay nhảy ấy cho nên đối với tướng trùm khắp của thức mà luôn cột niệm suy nghĩ mãi về bao trùm đó là thức chứ không phải là cái bao trùm về không gian v.v... Cứ luôn mạnh mẽ suy nghĩ mãi tướng đó, cho đến khi nào khiến được tâm luôn an trụ vào một chỗ thật lâu. Do gia hạnh đó mới có thể nhập được vào định biến xứ về thức. Rồi cứ mãi siêng năng tu tập rèn luyện rất nhiều lần gia hạnh đó. Sau lại tiến tu định phương tiện này, nghĩa là đối với gia hạnh dẫn đến sinh đạo, luôn rèn luyện tu tập, làm các việc khác rất nhiều lần như thế mãi. Đã luôn rèn luyện tu tập rất nhiều lần gia hạnh đó, thì tâm an trụ, đều trụ, trụ gần. Và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh này trùm khắp nơi đều toàn là thức. Do tâm an trụ, đều trụ, trụ gần và cứ liên tục cột niệm chuyên chú vào một cảnh, suy tư mãi về cảnh trùm khắp này đều toàn là thức, luôn không hai không đối khác. Từ đây thì mới có thể chứng nhập vào định thức trùm khắp.

- Nói trên dưới, tức là các phương trên dưới.
- Nói các phía, tức là Đông Tây Nam Bắc v.v..., các hướng.
- Nói không hai, tức là xen tạp ở giữa (không gián đoạn lộn xộn).
- Không bến bờ giới hạn, tức là khó lường bờ bến.
- Đó là thứ mười, tức là trong các định này, theo thứ tự liên tục đến dẫn lên thì là thứ mười.
- Nói biến xứ, tức là trong định này, có bao nhiêu thứ sắc thọ tướng hành thức tốt lành thì đều gọi là biến xứ.

Có mười pháp vô học:

1. Chánh kiến vô học.
2. Chánh tư duy vô học.
3. Chánh ngữ vô học.
4. Chánh nghiệp vô học.
5. Chánh mạng vô học.
6. Chánh cần vô học.
7. Chánh niệm vô học.
8. Chánh định vô học.
9. Chánh giải thoát vô học.
10. Chánh trí vô học.

- Thế nào là chánh kiến vô học?

Đáp: Tức là tận trí và vô sinh trí, cái trí mà tất cả mọi thứ đều không cần thấu giữ học hỏi nữa. Đó gọi là chánh kiến vô học.

- Thế nào là chánh tư duy vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo thì luôn tư duy suy nghĩ về khổ, tập, diệt, đạo. Với vô học (không còn phải học hỏi nữa) luôn tác tương ứng khi có suy nghĩ. Suy nghĩ cùng cả (đẳng). Suy nghĩ gần, luôn tìm cầu tất cả, tìm cầu gần, luôn suy kiếm tìm hiểu tất cả mọi thứ, suy tìm gần để khiến tâm đối với các pháp thô và động mà đổi thành (trở nên) tinh tế yên tĩnh. Nên gọi đó là chánh tư duy vô học.

- Thế nào là chánh ngữ vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ-tập-diệt-đạo thì tư duy suy nghĩ về khổ, về tập, về diệt, về đạo. Với vô học luôn tác tương ứng khi tuyển chọn cho nên luôn diệt trừ bốn thứ lời nói ác trong đời sống sai quấy (tà mệnh). Có được khả năng diệt trừ các ngữ nghiệp xấu ác. Vô học mà lìa bỏ lìa bỏ giải (thắng), lìa bỏ gần, lìa bỏ cùng cực. Có được các giới hạnh thanh tịnh (tịch tĩnh) không tạo tác, không làm ra. Buông bỏ tất cả, không ngăn ngừa, gìn giữ, không làm không phạm. Tất cả mọi quy ước, phép tắc về thuyền bè, cầu cống, đê điều, bờ đập,

tường vách, hào rãnh..., đều có tự tánh không vi phạm, không vượt qua, và có ngữ nghiệp không biểu lộ (không nói năng chê khen). Đó gọi là chánh ngữ vô học.

- Thế nào là chánh nghiệp vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo thì tư duy suy nghĩ về khổ, về tập, về diệt, về đạo về đạo kỹ càng. Với vô học luôn tác tương ứng với sức tuyển chọn tốt, cho nên luôn diệt trừ ba thứ nghiệp của thân trong đời sống tà quấy, có khả năng diệt trừ hết các hạnh nghiệp xấu của thân. Với vô học mà từ bỏ, từ bỏ giải, từ bỏ gần, từ bỏ cùng cực. Có được giới hạnh tịch tĩnh yên vắng (thanh tịnh) không làm không gây tạo. Buông bỏ tất cả, không ngăn ngừa, gìn giữ, không làm không phạm. Tất cả mọi quy ước, phép tắc về thuyền bè cầu cống đê điều bờ đập, tường vách hào rãnh..., đều có tự tánh không vi phạm, không vượt qua, và có thân nghiệp không biểu lộ. Đó gọi là chánh nghiệp vô học.

- Thế nào là chánh mạng vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo thì tư duy suy nghĩ về khổ, về tập, về diệt, về đạo. Với vô học luôn tác ý tương ứng với sức tuyển chọn tốt cho nên có khả năng diệt trừ các hạnh ác ngữ và thân nghiệp trong đời sống tà quấy. Với vô học mà từ bỏ, từ bỏ giải, từ bỏ gần, từ bỏ cùng cực. Có giới hạnh tịch tĩnh yên vắng thanh tịnh, không làm, không gây tạo. Buông bỏ tất cả, không ngăn ngừa gìn giữ, không làm không phạm. Tất cả mọi quy ước, phép tắc về thuyền bè, cầu kỳ đê điều, bờ đập, tường vách, hào rãnh..., có tự tánh không vi phạm, không vượt qua, và có ngữ nghiệp không biểu lộ. Đó gọi là chánh mạng vô học.

- Thế nào là chánh cần vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo thì luôn tư duy suy nghĩ về khổ, về tập, về diệt, về đạo. Với vô học mà tác ý tương ứng với các sự chuyên cần siêng gắng mạnh mẽ cố gắng nỗ lực tột cùng, với lòng cố sức không ngừng khó ngăn cản. Đó là chánh cần vô học.

- Thế nào là chánh niệm vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo luôn tư duy suy nghĩ kỹ lưỡng về khổ, về tập, về diệt, về đạo. Với vô học luôn tác ý tương ứng khi có nghĩ nhớ. Nhớ tùy theo, nhớ chuyên biệt, nhớ rõ, không quên mất, không sót lộn, có tính chất không quên không lỗi, với chánh pháp, tâm trí sáng ghi nhớ tốt. Đó gọi là chánh

niệm vô học.

- Thế nào là chánh định vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo luôn tư duy suy nghĩ kỹ lưỡng về khổ, về tập, về diệt, về đạo. Với vô học luôn tác ý tương ứng với tâm ý. Tâm luôn trụ đều trụ trụ gần an trụ nơi không hề phân tán loạn động có tính chất luôn ngăn ngừa giữ gìn cho tâm chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là chánh định vô học.

- Thế nào là chánh giải thoát vô học?

Đáp: Các hàng đệ tử của Phật đối với khổ tập diệt đạo luôn tư duy suy nghĩ kỹ lưỡng về khổ, về tập, về diệt, về đạo. Với vô học luôn tác ý tương ứng khi có tâm trí thắng giải đã thắng giải và sẽ thắng giải. Đó gọi là chánh giải thoát vô học.

- Thế nào là chánh trí vô học?

Đáp: Với trí tâm và vô sinh trí thì gọi là chánh trí vô học.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử bảo toàn thể chúng Bí-sô: Quý vị nên biết, đối với một pháp cho đến mười pháp, Đức Phật đã hiểu biết thấu suốt rất rõ ràng đầy đủ, rồi đem diễn giảng chỉ bày cho hàng đệ tử. Đại chúng đều đã cùng ta hòa hợp thân cận gần gũi với Đức Thế Tôn đã kết tập xong. Toàn thể chúng Bí-sô đều nên thọ trì tuân hành và diễn giảng các pháp này cho người khác biết để được truyền bá rộng rãi, và sau khi Đức Phật đã diệt độ thì không có sự tranh cãi nhau. Chúng ta nên tuân giữ giới luật, tu phạm hạnh để đem lại sự lợi lạc lâu dài cho vô số hữu tình. Hãy thương xót hàng trời, người ở thế gian khiến họ nhận được nhiều nghĩa lý lợi ích và an lạc thật cao quý.

Phẩm 12: KHEN - KHUYÊN

Khi đó, Đức Thế Tôn biết rõ Tôn giả Xá-lợi-tử đã diễn giảng giáo pháp cho chúng Bí-sô vừa xong, nên Ngài hân hoan đứng dậy sửa ngay ngắn lại pháp y rồi ngồi kiết già đoan nghiêm ngỏ lời khen ngợi Tôn giả Xá-lợi-tử: Quý hóa thay! Nay thầy đã từ trên đài cao đẹp đẽ này cùng toàn chúng Bí-sô đã hóa hợp kết tập những điều diễn nói Như Lai tập trung thành một pháp môn thêm mới. Vậy từ nay thầy hãy cùng đại chúng thường nên diễn nói các pháp môn như thế, vì các pháp môn ấy có thể giúp hàng trời, người luôn được thấu hiểu nghĩa lý lợi ích, chứng ngộ và được an lạc. Đức Thế Tôn lại khuyên bảo toàn chúng Bí-sô: Toàn thể quý thầy đều nên đọc tụng thọ trì pháp môn tập dị (tập hợp

các lời dạy khác nhau) mà thầy Xá-lợi-tử vừa diễn nói xong, vì pháp môn như thế sẽ dẫn đến điều thiện lớn, nghĩa lý lớn, giáo pháp lớn, về phạm hạnh tinh trắng, chính nhờ đó mà chứng được trí tuệ sáng suốt cao tột của Niết-bàn Bồ-đề. Những vị xuất gia tịnh tín và các Thiện nam hãy nên thọ trì đọc tụng các pháp môn như thế, thì không bao lâu nhất định quý vị sẽ hoàn thành xong tất cả mọi phận việc sự nghiệp cao quý.

Khi nghe xong lời khuyên bảo của Đức Bạc-già-phạm, toàn thể chúng Bí-sô đều hết sức vui mừng, cùng đánh lễ dưới chân Phật và tin tưởng, thọ trì, tuân hành.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 89

LUẬN A TỶ ĐẠT MA
PHÁP UẨN TÚC

SỐ 1537
(Quyển 1 → 12)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1537

LUẬN A TỖ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

Tác giả: Tôn giả Đại Mục Kiền Liên.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.

QUYỂN 1

Phẩm 1: HỌC XỨ

*Cúi lạy Phật, Pháp, Tăng,
Báu chân tịnh vô giá,
Nay gồm các pháp uẩn,
Lợi ích khắp quần sinh.
A-tỳ-đạt-ma như biển cả,
Núi cao, đất rộng, trời mênh mông,
Gồm chứa vô biên giáo pháp Phật,
Nay con gắng tóm tắt chỉ bày.*

Kệ (Ốt-dà-nam) nói:

*Môn học quả tịnh nổi dòng Thánh,
Thiền niệm chắc thật, đủ, cao quý,
Vô lượng định giác chi vô sắc,
Tạp căn, xứ, uẩn, giới duyên khởi.*

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo với chúng Bísô: Có nhiều người phạm năm thứ tội oán sau đây, nên không được trong sạch yên lành. Ở đời hiện tại họ bị các bậc Hiền Thánh chê trách, gọi là kẻ phạm giới tự gây hại mình. Vì gây tội ác nên bị chê bai ghét

bỏ, bị nhiều tai họa, không có phước đức. Khi chết rồi thì bị đọa vào đường ác, sinh trong địa ngục.

Năm thứ tội ác đó là gì?

1. Lỗi thứ nhất là giết hại. Do điều kiện giết hại nên sinh ra tội lỗi, oán thù, sợ hãi và cứ quen thói không từ bỏ việc giết hại.

2. Lỗi thứ hai là không cho mà lấy. Do điều kiện trộm lấy cướp giựt này nên sinh ra tội lỗi, oán thù, sợ sệt và quen thói không từ bỏ trộm cướp.

3. Lỗi thứ ba là dâm dục tà hạnh. Do điều kiện dâm dục tà hạnh nên sinh ra tội lỗi, oán thù, sợ sệt và quen thói không từ bỏ việc dâm dục tà hạnh.

4. Lỗi thứ tư là nói dối. Do điều kiện nói dối nên sinh ra tội lỗi, oán thù, sợ sệt và quen thói không từ bỏ việc nói dối.

5. Lỗi thứ năm là uống rượu chơi bời. Do điều kiện uống rượu lêu lổng nên sinh ra tội lỗi, oán thù, sợ sệt và quen thói không từ bỏ việc uống rượu phóng dật.

Những ai gây ra năm tội lỗi nói trên thì luôn bị oán thù sợ hãi mà không được yên lành trong sạch. Ở đời hiện tại bị các bậc Hiền Thánh chê trách, gọi là kẻ phạm giới tự làm hại mình. Vì gây tội đó nên bị chê bai ghét bỏ, bị nhiều tai họa, không có phước đức. Khi chết rồi sẽ bị đọa vào các đường dữ sinh trong địa ngục.

Lại có những người luôn được yên lành không phạm năm tội lỗi. Ở đời hiện tại họ được các bậc Hiền Thánh cùng sống chung, khen ngợi, khâm phục, gọi là người giữ giới hạnh tự bảo vệ mình. Do không gây tội ác, nên không bị ai chê bai ghét bỏ, lại được nhiều phước đức. Khi chết rồi sẽ được sinh lên các cõi thiện, ở chốn thiên cung. Đó là năm điều gì?

1. Điều thứ nhất là từ bỏ giết hại. Do điều kiện lìa bỏ giết hại, nên không có lỗi lầm, oán thù, sợ hãi và giới lìa bỏ việc giết hại.

2. Điều thứ hai là từ bỏ việc không cho mà lấy. Do điều kiện từ bỏ trộm cướp nên không có tội lỗi, oán thù sợ hãi và giới lìa bỏ trộm cắp.

3. Điều thứ ba là lìa dục tà hạnh. Do điều kiện lìa bỏ tà hạnh nên diệt tội, hết thù oán và giới lìa tà hạnh.

4. Điều thứ tư là lìa bỏ nói dối. Do điều kiện không nói dối, nên không có tội lỗi, oán thù sợ hãi và giới lìa bỏ sự nói dối.

5. Điều thứ năm là từ bỏ việc uống rượu, phóng dật. Do điều kiện không uống rượu chơi bời lêu lổng nên không có tội lỗi oán thù sợ hãi, lại giới từ bỏ chơi bời, uống rượu.

Có những người luôn yên lành không phạm năm điều lỗi đó nên họ ở đời này được các bậc Hiền Thánh cùng sống chung khen ngợi, khâm phục, gọi là người giữ giới hạnh tự bảo vệ mình. Do không gây tội ác nên không bị ai chê bai ghét bỏ, lại được nhiều phước đức. Khi chết rồi sẽ được sinh lên các cõi thiện, ở chốn thiên cung.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa vừa nói trên nên nói kệ tụng:

*Những hành giết, trộm, dâm,
Nói dối, mê uống rượu,
Bị năm lỗi trói chặt,
Hiền Thánh đều chê trách.
Phạm giới tự hại mình,
Gây tội, không được phước,
Chết đọa vào đường dữ,
Bị nhốt trong địa ngục.
Lìa bỏ giết, trộm, dâm,
Nói dối, mê uống rượu,
Vượt thoát năm điều lỗi,
Hiền Thánh đều khen phục.
Giữ giới tự phòng thân,
Không tội, nên được phước,
Chết rồi sinh cõi thiện,
Sống ở chốn thiên cung.*

Như việc gì mà gọi là Ô-ba-sách-ca?

Đáp: Nghĩa là những nam cư sĩ (áo trắng ở tại gia) có thân trai hoàn hảo, đến quy y Phật Pháp Tăng, phát tâm ân cần trong sạch, nói lời thành thật chắc chắn tự bảo: Con là Ô-ba-sách-ca (cư sĩ nam) nguyện-mong đáng tôn kính thương xót nghĩ nhớ giúp đỡ hộ trì cho. Điều gọi là Ô-ba-sách-ca.

Hỏi: Nhưng ở đây vì sao lại gọi là học được một phần?

Đáp: Nghĩa là có loại Ô-ba-sách-ca trước đây đã nói, đến quy y Phật Pháp Tăng, bày tỏ thành thật: Chỉ lìa bỏ được việc giết hại mà chưa thể từ bỏ được bốn thứ kia. Như thế gọi là người mới học được một phần.

Hỏi: Lại nữa, thế nào gọi là học được ít phần?

Đáp: Nghĩa là có loại Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, đến quy y Phật Pháp Tăng, bày tỏ thành thật: Chỉ có thể lìa bỏ được giết hại và trộm cướp mà chưa bỏ được ba điều kia. Như thế gọi là học được ít

phần.

Hỏi: Lại nữa, thế nào gọi là học được toàn phần?

Đáp: Nghĩa là như loại Ô-ba-sách-ca trước vừa mới nói, đến quy y Phật Pháp Tăng, nói lời thành thật có thể lia đủ cả năm lỗi. Như thế gọi là học được toàn phần.

Hỏi: Có việc thành tựu năm pháp Ô-ba-sách-ca nhưng chỉ lợi mình chứ không có lợi người khác. Năm điều đó là thế nào?

Đáp: Nghĩa là có Ô-ba-sách-ca như vừa nói ở trước, tự mình đã lia bỏ được sự giết hại cho đến lia bỏ uống rượu phóng dật. Nhưng không khuyên bảo được người khác lia bỏ giết hại cho đến không uống rượu, chơi bời. Như thế gọi là thành tựu năm pháp Ô-ba-sách-ca chỉ có lợi mình mà không có lợi cho người khác.

Hỏi: Có sự thành tựu mười pháp Ô-ba-sách-ca có thể lợi mình, lợi người, nhưng không lợi ích rộng khắp. Mười điều đó như thế nào?

Đáp: Nghĩa là có Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, đã tự từ bỏ được năm điều lỗi từ giết hại cho đến uống rượu, lại còn khuyên bảo được người khác cũng bỏ cả năm điều từ giết hại đến uống rượu. Nhưng khi thấy có những người khác từ bỏ giết hại v.v..., mà lại không chịu vui mừng khen ngợi tỏ vẻ thán phục. Như thế gọi là thành tựu mười pháp Ô-ba-sách-ca có thể lợi mình, lợi người, nhưng không ích lợi rộng khắp.

Hỏi: Có sự thành tựu mười lăm pháp Ô-ba-sách-ca có thể lợi mình, lợi người và lợi ích rộng khắp. Mười lăm điều đó là gì?

Đáp: Nghĩa là như có Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, đã tự mình lia bỏ giết hại cho đến việc uống rượu, cũng khuyên được người khác lia bỏ giết hại và đến cả việc uống rượu, khi thấy người khác làm được các điều đó thì vui mừng ngợi khen. Đó là mười lăm pháp Ô-ba-sách-ca có lợi mình, lợi người và ích lợi rộng khắp.

Hỏi: Có sự thành tựu tám pháp Ô-ba-sách-ca nhưng chỉ lợi mình mà không lợi người khác. Tám pháp ấy như thế nào?

Đáp: Nghĩa là có Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, tự mình được đầy đủ tịnh tín nhưng không khuyên được người khác cũng đủ tịnh tín. Tự mình có đủ tịnh giới mà không khuyên được người khác có đủ tịnh giới. Tự mình có đủ bố thí, buông xả mà không khuyên được người khác có đủ bố thí buông xả. Tự mình có đủ siêng năng mà không khuyên được người khác có đủ siêng năng. Tự mình thường đến chùa tháp, Già lam lễ bái, thân cận các vị Bì-sô có đức hạnh cao quý, mà không khuyên được người khác làm như thế. Tự mình luôn biết chí thành lắng nghe chánh pháp, nhưng lại không khuyên được người khác làm như

thế. Tự mình khi nghe pháp rồi trì giữ nhớ mãi không quên, mà không thể khuyên người khác trì giữ nhớ mãi không quên. Tự mình trì giữ pháp rồi lại suy tư tìm hiểu tuyển chọn nghĩa lý, mà không khuyên được người khác làm được như thế. Tự mình suy nghĩ tuyển chọn pháp rồi lại được chứng pháp nghĩa, luôn siêng năng tu pháp hạnh tùy pháp, trở nên hòa kính làm hạnh tùy pháp, nhưng lại không thể khuyên bảo người khác làm các việc như thế. Đó gọi là thành tựu tám pháp Ô-ba-sách-ca nhưng chỉ lợi mình mà không có lợi cho người khác.

Hỏi: Có việc thành tựu mười sáu pháp Ô-ba-sách-ca có thể lợi mình, lợi người mà không ích lợi rộng khắp. Mười sáu pháp đó như thế nào?

Đáp: Nghĩa là có Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, tự mình có đủ tịnh tín, cũng hay khuyên người khác có đủ tịnh tín... Rộng nói cho đến cả chính mình cũng như khuyên được người khác siêng năng tu pháp hạnh tùy pháp, trở nên hòa kính làm hạnh tùy pháp... Nhưng chẳng thấy có người khác có đủ tịnh tín v.v..., mà vui mừng khen ngợi. Đó gọi là thành tựu mười sáu pháp Ô-ba-sách-ca lợi mình, lợi người nhưng không lợi ích rộng khắp.

Hỏi: Có việc thành tựu hai mươi bốn pháp Ô-ba-sách-ca hay được lợi mình, lợi người và ích lợi rộng khắp. Hai mươi bốn pháp ấy như thế nào?

Đáp: Nghĩa là có Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, tự mình có đủ tịnh tín, cũng khuyên được người khác có đủ tịnh tín. Rộng nói cho đến tự mình và cũng khuyên được người khác siêng năng tu pháp hạnh tùy pháp, trở thành hòa kính làm hạnh tùy pháp. Và lại có thể thấy được người khác làm như thế thì vui mừng khen ngợi tán phục... Đó là hai mươi bốn pháp Ô-ba-sách-ca lợi mình, lợi người và có ích lợi rộng khắp.

Hỏi: Có việc tạo thành mười pháp, khi chết rồi thì đọa vào đường dữ, sinh trong địa ngục. Mười pháp đó là gì?

Đáp: Gồm có:

1. Giết hại.
2. Trộm cướp.
3. Dâm dục tà hạnh.
4. Nói dối.
5. Nói lời ly gián.
6. Nói lời hung dữ.
7. Nói lời lộn xộn cấu uế.

8. Tham dục.

9. Giận dữ.

10. Tà kiến.

Nếu ai gây tạo mười điều lỗi đó thì khi chết rồi phải bị đọa vào các đường dữ, sinh trong địa ngục.

Hỏi: Có việc thành tựu mười pháp khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi thiện, sống ở cung trời. Mười pháp đó là gì?

Đáp: Gồm có:

1. Không giết hại.

2. Không trộm cắp.

3. Không dâm dục tà hạnh.

4. Không nói dối.

5. Không nói lời ly gián.

6. Không nói lời hung dữ.

7. Không nói lời lộn xộn cấu ố.

8. Không tham dục.

9. Không giận dữ.

10. Chánh kiến. Nếu ai thành tựu được mười pháp đó thì khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi thiện, sống ở thiên cung.

Hỏi: Có việc tạo thành hai mươi pháp, khi chết rồi phải bị đọa vào các đường dữ, sinh trong địa ngục. Hai mươi pháp đó là gì?

Đáp: Nghĩa là tự mình sát sinh giết hại lại còn khuyên rủ người khác giết hại. Rộng nói cho đến tự mình khởi sinh tà kiến và khuyên rủ người khác khởi sinh tà kiến. Khi chết rồi phải bị đọa vào các đường dữ, ở trong địa ngục.

Hỏi: Có việc tạo thành hai mươi pháp khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi thiện, sống ở thiên cung. Hai mươi pháp đó là gì?

Đáp: Nghĩa là tự mình không giết hại, khuyên bảo được người khác không giết hại. Rộng nói cho đến tự mình khởi chính kiến và khuyên bảo được người khác khởi chính kiến. Nếu ai thành tựu được hai mươi pháp này thì khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi thiện, sống ở thiên cung.

Hỏi: Có việc tạo thành ba mươi pháp, khi chết rồi phải bị đọa vào các đường dữ, sinh trong địa ngục. Ba mươi pháp đó là gì?

Đáp: Nghĩa là tự chính mình không từ bỏ giết hại, lại khuyên rủ người khác giết hại và thấy người khác giết hại thì vui mừng khen ngợi tán phục. Rộng nói cho đến tự mình khởi tà kiến, khuyên rủ người khác khởi tà kiến cũng như thấy người khác khởi tà kiến thì khen ngợi

thán phục. Nếu ai làm ba mươi việc xấu đó thì khi chết rồi sẽ phải bị đọa vào các đường dữ, sinh trong địa ngục.

Hỏi: Có việc tạo thành ba mươi pháp, khi mạng chung sẽ được sinh lên các cõi thiện, ở chốn thiên cung. Ba mươi pháp đó là gì?

Đáp: Nghĩa là tự mình không giết hại, lại khuyên được người khác không giết hại và thấy người khác từ bỏ giết hại thì vui mừng khen phục. Rộng nói cho đến tự mình khởi chánh kiến, khuyên được người khác khởi chánh kiến cũng như thấy người khác khởi chánh kiến thì vui mừng khen ngợi thán phục. Nếu ai làm được ba mươi điều đó thì khi mạng chung sẽ được sinh lên các cõi thiện, ở chốn thiên cung.

Hỏi: Có việc tạo thành bốn mươi pháp, khi chết rồi sẽ phải bị đọa vào các đường dữ, sinh vào địa ngục. Bốn mươi pháp đó là gì?

Đáp: Nghĩa là tự mình giết hại, khuyên rủ người khác giết hại, thấy người khác giết hại mà vui mừng ủy dụ và lại tán dương khen ngợi đề cao việc giết hại... Rộng nói cho đến tự mình khởi tà kiến, khuyên rủ người khởi tà kiến, thấy việc khởi tà kiến thì vui mừng ủy dụ và tán dương ca tụng đề cao việc khởi tà kiến. Nếu ai gây tạo bốn mươi việc lỗi đó thì khi chết rồi sẽ phải bị đọa vào các đường dữ, ở trong địa ngục.

Hỏi: Có việc thành tựu bốn mươi pháp, khi mạng chung sẽ được sinh lên các cõi thiện, ở chốn thiên cung. Bốn mươi pháp ấy là gì?

Đáp: Tức là chính mình không giết hại, khuyên người khác không giết hại, thấy việc không giết hại thì vui mừng khen ngợi và tán dương ca tụng đề cao việc không nên giết hại... Rộng nói cho đến việc tự mình khởi chánh kiến, khuyên được người khởi chánh kiến, thấy việc khởi chánh kiến thì vui mừng khen phục và lại tán dương ca tụng đề cao việc khởi chánh kiến. Nếu ai thành tựu được bốn mươi pháp ấy thì khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi thiện, sinh trong các cõi trời.

Các Ô-ba-sách-ca có năm học xứ. Năm điều gì?

1. Cho đến lúc chết, luôn xa lìa viết giết hại.
2. Cho đến lúc chết, luôn từ bỏ trộm cướp.
3. Cho đến lúc chết, luôn từ bỏ dục tà hạnh.
4. Cho đến lúc chết, luôn từ bỏ nói dối.
5. Cho đến lúc chết, luôn từ bỏ uống rượu, phóng dật.

Đó là năm điều.

1. Học xứ thứ nhất: Nay ở trong phần thứ nhất vì sao lại gọi là hay sát sinh giết hại? Như Thế Tôn có nói kẻ hay giết hại, đối với các loài hữu tình, chúng sinh thuộc loại đặc biệt mà không biết xấu hổ, không hề thương xót. Dưới cho đến loài Quán-đà-tỷ, Tất-lạc-ca cũng không khởi

bị giết hại, nên gọi là kẻ hay giết hại.

Với những điều kiện gì thì gọi là có giết hại? Tức là đối với việc giết hại không hề ngán sợ tai họa, nhờm tởm chùn tay, không bao giờ muốn từ bỏ, thích sống trong đó, hoàn thành cách thức giết hại. Đó gọi là kẻ có (ưa) giết hại.

Bạo ác là sao? Tức là gom chứa đủ các thứ cung tên dao gậy..., tất cả các khí cụ giết hại.

Bàn tay máu là sao? Nghĩa là những kẻ giết mổ dê, gà, heo, bắt chim, bắt cá, thợ săn, trộm cướp, kẻ đầu sỏ, kẻ làm nem chả, kẻ yếm long mạch, chúa ngục, nấu thịt chó, kẻ giăng lưới đặt bẫy v.v..., đó gọi là bàn tay máu.

Vì sao các thứ đó lại gọi là bàn tay máu? Nghĩa là những người kẻ trên dù có tắm rửa nhiều lần, thoa xức dầu thơm, mặc quần áo sạch đẹp, đầu đội mũ, cài hoa trên tóc và đeo đủ đồ trang sức quý giá nhưng vẫn gọi là bàn tay máu. Vì sao? Vì hạng này đối với các việc tàn bạo độc ác không hề chán tởm, không muốn từ bỏ, khiến các loài hữu tình đang lớn lên sinh ra, có bao nhiêu máu tích tụ từ lâu đều phải chảy ra, nên gọi là bàn tay máu.

Những điều gì mà gọi là đăm mê giết hại? Nghĩa là đối với chúng sinh chỉ làm hại chứ không giết chết, hoặc làm hại rồi giết luôn.

Có hại mà không giết, là dùng mọi thứ cung tên dao gậy, đủ các đồ dùng để giết hại, đem bức ngặt gây đau khổ cho chúng sinh, nhưng không giết chết.

Làm hại rồi giết chết, là dùng mọi thứ cung tên dao gậy, đủ các thứ đồ giết hại, đem hành hạ đau đớn rồi sau đó giết chết. Tất cả như thế gọi là ham thích mê đắm việc giết hại.

Những gì mà gọi là đối với các loài hữu tình, chúng sinh đặc biệt mà không hề biết xấu hổ thương xót? Vả lại, luận xét về loại chúng sinh đặc biệt thì có nhiều thứ khác nhau. Nếu là kẻ phạm phụ dị sinh thì gọi là chúng sinh, còn hàng đệ tử của Phật thì gọi là loại cao quý. Lại có loài hữu tình có tham sân si thì gọi là chúng sinh, còn những loài hữu tình nào đã từ bỏ tham sân si thì gọi là loại cao quý. Lại có hữu tình có ái có chấp thì gọi là chúng sinh, còn các hữu tình lìa ái lìa chấp thì gọi là loại cao quý. Lại có hữu tình có thuận không trái với lỗi lầm thì gọi là chúng sinh, còn hữu tình nào không thuận có trái với lỗi lầm thì gọi là cao quý. Lại có hữu tình không thông minh trí tuệ mà có vô minh thì gọi là chúng sinh, còn hữu tình nào có trí sáng suốt thì gọi là hàng cao quý. Lại có loài hữu tình chưa từ bỏ tham dục thì gọi là chúng sinh, loài

hữu tình nào đã từ bỏ tham dục thì gọi là hàng cao quý. Loài hữu tình nào chưa lìa tham dục và không phải là đệ tử Phật thì gọi là chúng sinh, còn ai lìa bỏ tham dục và là đệ tử Phật thì gọi là hàng cao quý.

Nay nghĩa ở đây thì nếu là những phàm phu dị sinh thì gọi là chúng sinh, còn đệ tử của Đức Thế Tôn thì gọi là hàng cao quý. Nguyên do vì sao? Là vì “cao quý” có nghĩa là Niết-bàn, người đó có thể nhận được sự thành tựu là độc chứng (tự chứng), nên gọi là hàng cao quý. Như có tụng:

*Khấp tùy thuận thế gian,
Vòng quanh các thôn ấp,
Muốn tìm kẻ hơn ta,
Không chứng, không nương nhờ.*

Với nghĩa trong này, nếu các loài phàm phu dị sinh thì gọi là chúng sinh, còn những đệ tử của Thế Tôn thì gọi là hàng cao quý. Đối với hàng cao quý thì các loài hữu tình chúng sinh phải nên xấu hổ và thương xót. Nhưng trong đó lại không hề biết xấu hổ thẹn thùng, không thương xót tiếc nhớ..., nên nói các loài hữu tình chúng sinh không hề biết xấu hổ thương xót đối với hàng cao quý.

Thế nào là dưới cho đến loài Quán-đà-tỷ, Tất-lạc-ca đều không tránh khỏi bị giết? Nói Quán-đà-tỷ, nghĩa là loài muỗi và ve v.v..., các loài côn trùng bé nhỏ. Còn Tất-lạc-ca là loài kiến con. Dưới đến hàng chúng sinh rất bé nhỏ đều khởi lòng ác độc muốn giết hại. Thế nên gọi là người hay giết hại.

Ở trong này sinh là sao, sát là gì? Giết hại và những gì thì gọi là từ bỏ sự giết hại mà nói là cho đến chết cũng luôn từ bỏ giết hại, là bài học thứ nhất của Ô-ba-sách-ca?

Sở dĩ nói là sinh, là các chúng sinh có tướng chúng sinh, hoặc loài hữu tình có tướng hữu tình, hoặc có mạng sống có tướng mạng sống, hoặc các thứ được nuôi dưỡng có tướng nuôi dưỡng, hoặc Bồ-đặc-già-la có tướng Bồ-đặc-già-la... Thì gọi đó là sinh (sự sống).

Nói sát sinh nghĩa là đối với chúng sinh thì khởi tướng chúng sinh, đối với hữu tình thì khởi tướng hữu tình, đối với các mạng sống thì khởi tướng mạng sống, đối với các thứ được nuôi dưỡng thì khởi tướng nuôi dưỡng, đối với Bồ-đặc-già-la thì khởi tướng Bồ-đặc-già-la. Lại khởi lên các thứ tâm ác độc, tâm bất thiện, tâm gây tổn hại, tâm giết chết ngay hiện tiền. Y vào các nghiệp như thế, gia hạnh như thế, suy nghĩ như thế, sự siêng năng như thế, sự mạnh mẽ như thế để giết hại chúng sinh, cho nên có ý nghĩ đoạn dứt mạng sống. Do các việc như thế nên gọi là sát

sinh.

Tức là các Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, đối với sự giết hại sát sinh này, giỏi khéo léo suy nghĩ tuyển chọn, chán ghét lia bỏ, ngăn cấm, thôi dứt, nghỉ ngơi, gìn giữ, không làm, không gây tạo, không vi phạm, buông bỏ, ngăn lấp, không chống cự, không trái nghịch, không trái, không vượt bỏ. Đó gọi là lia bỏ giết hại. Thế nên cho đến chết cũng luôn lia bỏ giết hại, là bài học thứ nhất của Ô-ba-sách-ca.

2. Học xứ thứ hai: Vì sao lại gọi là chẳng cho mà lấy? Như Đức Thế Tôn có nói: Có việc trộm cướp (chẳng cho mà lấy) ấy là, hoặc ở trong thành ấp, hoặc ở nơi A-luyện-nhã, mà có tâm cướp giựt trộm lấy các thứ vật chẳng cho và không hề muốn từ bỏ việc trộm cướp. Đó gọi là chẳng cho mà lấy.

Như thế nào là chẳng cho mà lấy? Nghĩa là đối với việc chẳng cho mà lấy thì không hề chán sợ hậu quả tai hại, cũng không muốn lia bỏ, mà luôn muốn sống trong đó, muốn hoàn thành giỏi các kỹ thuật trộm cướp. Đó gọi là chẳng cho mà lấy.

Thế nào là trong thành ấp? Nghĩa là ở chung quanh có tường rào bao kín.

Thế nào là A-luyện-nhã? Nghĩa là chung quanh không có thành quách tường rào bao kín.

Chẳng cho là sao? Nghĩa là người khác giữ gìn chẳng buông bỏ cho, không ban tặng hiến biểu, không bố thí, phát cho.

Những gì gọi là vật? Tức là mọi thứ của cải tiền bạc, các thứ vật dụng trong cuộc sống hằng ngày mà người khác giữ gìn, cố ý lấy hay vô ý lấy, thì đều gọi là vật không cho mà lấy.

Thế nào là có tâm trộm cướp mà lấy, không có ý từ bỏ trộm cướp? Tức là như đã nói, những vật không cho mà vẫn lấy. Ôm lòng giặc cướp mà lấy, không hề có ý từ bỏ hay không muốn lấy. Như thế là vật không cho mà lấy, với tâm trộm cướp mà lấy chứ không hề có ý từ bỏ, chẳng muốn lấy.

Chẳng cho mà lấy, ở trong này, thế nào là chẳng cho, thế nào là chẳng cho mà lấy? Thế nào là từ bỏ việc chẳng cho mà lấy, mà nói là cho đến lúc chết luôn từ bỏ việc trộm cướp (chẳng cho mà lấy)? Đó là bài học thứ hai của Ô-ba-sách-ca?

Nói chẳng cho, nghĩa là người khác cố ý hay không cố ý giữ gìn, tất cả những của cải tiền bạc sinh sống hằng ngày, không hề buông bỏ, không hề ban tặng bố thí phát cho, thì gọi là chẳng cho.

Chẳng cho mà lấy, là đối với tiền của vật dụng của người khác

đáng giữ và có ý giữ gìn chẳng cho. Nhưng mình lại khởi tâm ác độc, tâm chẳng thiện, tâm trộm cướp chiếm đoạt, tâm muốn giữ lấy ngay lập tức. Y vào các nghiệp như thế, gia hạnh như thế, siêng năng như thế, sự siêng năng dữ dần mạnh mẽ như thế, với cửa ngõ đường lối như thế..., đối với tiền bạc sản vật của người khác đang giữ mà mê đắm ham muốn, chiếm đoạt, cướp giựt đem nó đi chỗ khác. Do các việc như thế nên gọi là chẳng cho mà lấy.

Còn những Ô-ba-sách-ca như trước nói thì đối với việc trộm cướp (chẳng cho mà lấy) lại khéo suy nghĩ, chọn lựa, chán sợ, ghê tởm, từ bỏ, cấm ngăn, gìn giữ kiểm chế, không làm, không muốn làm, không nghịch, không trái không vượt bỏ lời dạy bảo tốt. Đó gọi là từ bỏ việc chẳng cho mà lấy. Cho nên nói: Cho đến lúc chết luôn từ bỏ việc chẳng cho mà lấy (trộm cướp). Đây là bài học thứ hai của Ô-ba-sách-ca.

3. Học xứ thứ ba: Vì sao gọi là dục tà hạnh? Như Đức Thế Tôn nói: Người có tánh dục tà hạnh, nghĩa là đối với con cái và vợ của người khác, họ được giữ gìn chăm nom bởi cha mẹ, anh em, chị em, cô cậu, bà con dòng họ che chở, có ngăn cản trách phạt, hoặc cấm đoán trừng phạt đủ chuyện..., việc nhỏ bé như trao cành hoa, cái trâm hay bím tóc để làm tin v.v..., từ các loại như thế khởi lên các phiền não về dâm dục mà rủ rê dụ dỗ và cưỡng bức người ấy cùng làm việc bất chính, cũng không có ý từ bỏ việc tà hạnh đó, nên gọi là dâm dục tà hạnh.

Những gì gọi là có dâm dục tà hạnh? Nghĩa là đối với việc tình dục tà hạnh không hề ngăn sợ hậu quả tai hại, không hề có ý xa lìa từ bỏ, mà luôn sống trong đó và hoàn thành giỏi kỹ thuật về dục tà hạnh. Như thế gọi là người có dục tà hạnh.

Con gái của người khác, có bảy loại vợ:

1. Vợ trao nước.
2. Vợ tiền hàng hóa.
3. Vợ do lính cướp.
4. Vợ do tình yêu.
5. Vợ do sự ăn mặc.
6. Vợ cùng sống.
7. Vợ qua đường.

- Vợ trao nước, là cha mẹ của cô gái trao nước cho người con trai, lấy cô gái về làm vợ, về làm chủ gia đình.

- Vợ tiền và hàng hóa, nghĩa là đàn ông dùng ít hay nhiều tiền bạc của cải đem đổi lấy cô gái về làm vợ.

- Vợ do lính cướp, là có nhiều đàn ông nhân đem quân đánh phá

nước khác rồi cướp lấy các cô gái đem về làm vợ mình. Hoặc là vua quan, nhân đánh phá nước khác cướp lấy những vật mình ưa thích, còn thì bỏ lại và những người đàn ông ấy dùng sức mạnh bắt các cô gái đem về làm vợ v.v...

- Vợ do tình yêu, là có những cô gái đối với chàng trai tin yêu mến thích, nguyện về làm vợ.

- Vợ do ăn mặc, là có những cô gái đối với nhà chàng trai vì việc ăn mặc mà xin đến làm vợ.

- Vợ tự nguyện, là có những cô gái đến nhà chàng trai, gọi chàng trai ra bảo: “Này hỡi chàng ơi, thiếp xin đem tấm thân này giao trọn cho chàng. Chàng và thiếp có gì thì đều chung là một, nương nhau cùng sống cho đến đầu bạc răng long, và con cháu đông vậy, khi chết rồi sẽ có người nối nghiệp, cúng kiến khói nhang...”.

- Vợ qua đường (thoáng chốc), là có những cô gái mến thích chàng trai mà tạm thời làm vợ.

Trong việc chăm nom giữ gìn, do bà mẹ có cô gái mà cha chẳng may bị điên cuồng hoặc lòng đang bị rối rắm lo âu sâu khổ, hoặc đã đi xuất gia, hoặc đã đi xa hay lẩn trốn, hoặc đã chết thì người mẹ một mình ở lại nuôi nấng chăm nom con. Thường bảo con: “Khi muốn làm gì phải cho mẹ biết trước rồi sau hãy làm”. Đó gọi là do mẹ chăm nom giữ gìn.

Con do cha chăm nom gìn giữ, là cô gái này có mẹ điên cuồng hoặc tâm trí rối loạn, rộng nói cho đến chết đi. Thì người cha một mình phải nuôi nấng chăm sóc con cái..., cũng nói những lời chân thành như thế..., đó là do cha chăm nom che chở.

Do anh em chăm nom, là có cô gái mà cha mẹ hoặc điên cuồng rối trí, cho đến hoặc đã chết cả, thì anh em bảo bọc lẫn nhau, chăm nom che chở. Riêng dặn dò: Khi muốn làm gì, em phải cho anh chị biết trước rồi sau mới làm. Đó là do anh em gìn giữ.

Do chị em chăm nom, là có những cô gái mà cha mẹ hoặc điên cuồng, hoặc đều chết cả rồi, chị em đùm bọc chăm sóc nhau, cũng khuyên bảo dặn dò như trước.

Do cô cậu chăm sóc chở che, là có cô gái mà chồng đã điên cuồng rối trí hay đã chết, nên đến nương nhờ ở nhà của cô hay cậu. Cô cậu cũng khuyên con chớ quá lo buồn, hãy nên an tâm vui sống, tất cả mọi thứ ăn mặc ta chu cấp đầy đủ, ta xem con không khác gì con ruột ta. Cô cậu cấp dưỡng đầy đủ, chăm nom che chở và cũng dặn dò: Có muốn làm gì hãy cho cô cậu biết trước rồi sau hãy làm.

Do bà con chăm sóc, là có cô gái trừ mẹ và chồng ra thì những người khác dòng họ thân tộc đều gọi là bà con. Mà cô gái này được những người bà con ấy chăm sóc che chở, nên gọi là do bà con đùm bọc chăm nom.

Do dòng họ chăm nom săn sóc, là cô gái này trừ cha anh v.v..., thì những người khác cùng dòng họ đều gọi là bà con trong họ hàng. Cô gái này lại được bà con trong họ hàng trông nom. Nên gọi là do bà con họ hàng trong dòng họ trông nom chăm sóc.

Nói có hình phạt, là có cô gái không còn bà con quyến thuộc, lại cũng không phải là dân nữ (gái bán hoa), nếu có việc cưỡng bức nhục nhã, bị chủ biết được hoặc giết đi, hay cùm trói giam nhốt, hoặc bị đuổi đi hay cướp đoạt tiền bạc của cải..., thì gọi là có hình phạt.

Nói có ngăn trở, là có cô gái thân ở chỗ hèn hạ thấp kém, tuy không có bà con nhưng lại có người chủ ngăn cản, nên gọi là có ngăn trở. Nếu có sự cưỡng bức làm nhục ở chỗ nương nhờ thì liền bị thêm nhiều hình phạt, nên gọi là có ngăn cấm hình phạt đủ điều.

Lại như trên vừa nói, tất cả các cô gái tùy theo chỗ nương nhờ ở đâu đều bị ngăn trở và trách phạt. Là nguyên cơ vì sao? Là vì những người nữ do luật pháp có quy định ràng buộc ngăn cấm, nếu ai làm việc phi lễ, trái thuần phong mỹ tục thì liền bị giết chết hay cùm trói giam cầm, hoặc tước đoạt tiền bạc của cải, hoặc bị đuổi xô làm nhục... Tất cả đều gọi là có ngăn cản hình phạt đủ điều.

Vì sao nói từ việc nhỏ bé như trao cành hoa bím tóc để làm tin? Nghĩa là có cô gái đã nhận được của chàng trai cành hoa hoặc lọn tóc, hoặc các chuỗi ngọc, hoặc hương thoa, hương bột hoặc một vật gì khác để làm tin.

Vì sao gọi là các loại như thế v.v...? Nghĩa là các chàng trai, các Bán trách ca, những người tu phạm hạnh.

Vì sao gọi là người tu phạm hạnh? Tức là các Bí-sô Ni, những người tín nữ siêng học chánh pháp, và những Ô-ba-sách-ca (cư sĩ nữ), những người nữ xuất gia, ngoại đạo, dưới cho đến những người nữ tại gia tu khổ hạnh. Nghĩa là có chàng trai tự ý muốn trả tự do cho vợ mình nên bảo: “Này bạn hiền, từ nay cô được tự do tự tại mà tu các phạm hạnh”. Cô này liền nghe lời mà thọ trì giáo pháp và tu khổ hạnh không hề lười trễ.

Thế nào là khởi phiền não dục tình, rộng nói cho đến không từ bỏ các hạnh tà dục? Nghĩa là khởi lòng dục ở cõi Dục ngay hiện tại. Đối với các việc bất chánh không nên làm mà mời gọi dụ dỗ, cưỡng ép bắt

người ta cùng làm việc tà dục mà chẳng nhằm chán, từ bỏ.

Thế nên gọi là dâm dục tà hạnh, thì ở trong đó dâm dục là sao, dục tà hạnh là sao, từ bỏ dục tà hạnh là sao mà nói là cho đến lúc chết, luôn luôn từ bỏ dâm dục tà hạnh. Đây là học xứ thứ ba của Ô-ba-sách-ca?

Nói là dục, tức là ham thích dục tình về cảnh tình dục, hoặc việc thực hành tình dục.

Dục tà hạnh là như trên vừa nói, những việc bất chánh không nên làm mà tạm thời làm việc giao hoan. Ngay như cả vợ của mình mà không phải phần, không hợp lễ, không đúng nơi đúng lúc cũng đều gọi là dục tà hạnh.

Còn những Ô-ba-sách-ca như trước vừa nói, đối với dục tà hạnh lại hay khéo léo suy nghĩ, chọn lựa nhằm chán và từ bỏ hoặc ngăn cấm, giữ gìn, kiểm chế, không làm, không gây tạo, không vi phạm, luôn buông bỏ, ngăn lấp, không chống không nghịch, không đi ngược lại hoặc vượt bỏ các điều răn cấm. Như thế gọi là từ bỏ dục tà hạnh. Cho nên nói là cho đến lúc chết luôn từ bỏ dục tà hạnh, là bài học thứ ba của Ô-ba-sách-ca.

4. Học xứ thứ tư: Vì sao gọi là không nói dối? Như Đức Thế Tôn có nói: Có việc nói dối, hoặc khi đối với người công bằng chánh trực, hoặc đối với đại chúng (nhóm đông người), hoặc đối với nhà vua, hoặc đối với kẻ nắm giữ pháp luật công lý (quan tòa), hoặc đối với bà con dòng họ..., khi có việc tra xét, tìm hiểu cùng hỏi: Này chàng trai kia, anh biết gì thì nói nấy, không biết thì đừng nói bậy, thấy sao thì nói vậy, không thấy chớ nói càn. Khi người ấy được hỏi xong thì không biết mà nói biết, chuyện biết thì bảo không biết, chuyện thấy nói chẳng thấy, chuyện chẳng thấy thì bảo là thấy. Người ấy nói thế là vì mình, vì người khác hoặc vì danh lợi, nên đem việc thấy biết thực sự mà nói dối, cũng không có ý từ bỏ việc nói dối. Đó gọi là lời dối trá.

Thế nào là có nói dối trá? Nghĩa là đối với việc nói dối không sợ hậu quả tai hại, không hề có ý từ bỏ, luôn muốn sống trong đó và hoàn thành giỏi kỹ thuật nói dối. Đó gọi là nói dối.

Thế nào là đối với việc công bằng chánh trực? Công bằng chánh trực có ba loại:

1. Công bằng chánh trực ở nông thôn.
2. Công bằng chánh trực ở thành thị.
3. Công bằng chánh trực quốc gia. Các vị công bằng chánh trực đó cùng tụ họp nhau lại và đồng thời cùng hỏi kiểm điểm tìm hiểu.

Thế nào là đối với đại chúng (nhóm đông người)? Đại chúng có

bốn loại:

1. Sát-đế-lợi.
2. Bà-la-môn.
3. Cư sĩ.

4. Sa-môn. Các nhóm đại chúng ấy cùng nhau tụ họp đồng thời tra hỏi tìm hiểu.

Thế nào là đối với nhà vua? Nghĩa là các bậc vua chúa, các quan tể tướng phụ chính khác, các bộ vụ công lý. Các bậc ấy hoặc cũng có khi hội họp cùng tra hỏi.

Thế nào là đối với nhà nắm giữ công lý pháp luật? Nghĩa là người này rành luật pháp và cứng rắn ngay thẳng trong việc xét đoán. Hạng người này tụ họp lại trước mặt cùng lúc kiểm tra xét hỏi.

Thế nào là đối với bà con thân tộc? Nghĩa là đối với bà con thân tộc hội họp đông đủ rồi cùng lúc kiểm tra xét hỏi.

Thế nào là cùng lúc kiểm tra xét hỏi? Nghĩa là hoặc muốn có chứng cứ, hoặc xét hỏi chính người đó, họp chúng đông đủ cùng lương định việc phải trái, và cùng kiểm tra xét hỏi: “Này anh kia, nay đối trước mọi người phải nên trình bày đầy đủ thành thật các việc đang nghi ngờ, đối với các việc đó, nếu không thấy không nghe thì chớ bày vẽ đặt điều nói năng bậy bạ...”. Như thế gọi là cùng kiểm tra xét hỏi.

Sao gọi là không biết nói biết? Nghĩa là do nhĩ thức đã từng hiểu biết rõ ràng, nên gọi là đã nghe. Nay nhĩ thức của người ấy chẳng hiểu biết gì rồi giấu giếm các ý tưởng như thế, khi thấy thích thú nên nói: “Tôi đã nghe”. Đó gọi là không biết nói biết.

Sao gọi là biết mà nói không biết? Nghĩa là nhĩ thức của người đó nghe biết điều này, gọi là đã nghe biết. Người này có nhĩ thức nên biết rõ ràng, nhưng khi che giấu ý tưởng đó thì lấy làm thích thú nên nói: “Tôi không nghe biết”. Như thế là biết mà nói không biết.

Sao gọi là không thấy mà nói thấy? Nghĩa là nhãn thức từng hiểu biết rõ ràng gọi là đã thấy. Nhãn thức người này không biết rõ ràng. Nhưng anh ta thấy thích thú khi che giấu ý tưởng đó nên nói: “Tôi đã thấy”. Đó gọi là không thấy mà nói thấy.

Sao gọi là thấy mà nói không thấy? Nghĩa là nhãn thức có nhận có biết thì gọi là đã thấy. Người này có nhãn thức thấy biết rõ ràng, nhưng anh ta lấy làm thích thú khi che giấu sự thật nên bảo rằng: “Tôi không thấy”. Đó là thấy mà nói không thấy.

Sao gọi là người ấy vì mình? Nghĩa là có một người chính mình đi trộm cướp, bị vua bắt lên hỏi: Có phải nhà người là giặc cướp chẳng?

Người này khi nghe hỏi tự nghĩ thâm: Nếu ta nói thật thì bị nhà vua giết hại hoặc giam cầm cùm kẹp, hoặc bị đuổi đi (đi đày) hay bị chiếm đoạt gia sản tiền bạc. Vậy nay ta phải cố tình giấu giếm sự thật, cho nên biết đúng nhưng phải nói dối. Nghĩ xong liền tâu cùng vua: Quả thật tôi không hề làm việc chẳng cho mà lấy bao giờ. Đó là vì mình mà nói dối.

Sao gọi là vì người khác? Nghĩa là có một người biết bạn bè mình đi trộm cướp. Vua kêu lên bắt làm chứng hỏi: Nhà người có biết tên này đi trộm cướp? Người ấy nghe hỏi liền nghĩ thâm: Nếu trả lời thật thì bạn ta sẽ bị nhà vua giết hại, hoặc giam cầm cùm kẹp, hoặc bị đuổi đi hay chiếm lấy gia sản tiền bạc. Vậy nay ta phải che giấu việc ấy, cho nên dù biết đúng mà vẫn phải nói dối. Nghĩ thế nên tâu cùng vua: Tôi biết rõ bạn tôi nhất định không hề làm việc chẳng cho mà lấy. Đó là vì người khác mà nói dối.

Sao gọi là hoặc vì danh lợi? Là như có một số người có nhiều ham muốn, nhiều suy nghĩ, nhiều ước ao mong cầu bèn nghĩ: “Ta nay cần phải bày đặt ra những việc như thế để tìm cách hay lừa dối thiên hạ, tất sẽ gom được nhiều thứ vừa ý về sắc thanh hương vị xúc v.v...” Nghĩ xong liền dùng mọi phương cách mà tìm kiếm lợi lộc, cho nên biết đúng mà vẫn nói dối. Đó là vì danh lợi mà nói dối.

Ở trong này, sao là đối trá, sao là nói dối trá, sao là từ bỏ lời nói dối trá mà nói là cho đến lúc chết luôn từ bỏ nói lời dối trá, là học xứ thứ tư của Ô-ba-sách-ca?

Đối trá là sự việc không thật, các ý tưởng và tên gọi dối trá..., không thật nên gọi là dối trá.

Nói lời dối trá. Do tham sân si mà đem sự việc trái nghịch với ý nghĩ của mình nói cho người khác hiểu lầm. Gọi đó là lời dối trá.

Còn những Ô-ba-sách-ca như ở trước nói, đối với việc nói lời dối trá thì khéo suy nghĩ chọn lựa, nhằm chán ghê tởm, từ bỏ, ngăn cấm, kiềm chế gìn giữ, không làm không gây tạo, không vi phạm, buông bỏ việc che giấu. Không chống lại, không trái ngược, không vượt bỏ các điều răn cấm. Đó gọi là từ bỏ nói lời dối trá. Cho nên nói là cho đến lúc chết luôn từ bỏ việc nói lời dối trá, là học xứ thứ tư của Ô-ba-sách-ca.

5. Học xứ thứ năm: Các thứ rượu là gì? Uống các thứ rượu là sao? Chỗ chơi bời là sao? Sao gọi là lìa bỏ việc uống rượu ở nơi chơi bời, mà nói là cho đến lúc chết luôn từ bỏ việc chơi bời uống rượu, là học xứ thứ năm của Ô-ba-sách-ca?

Nói các thứ rượu, tức là rượu Tốt-la, rượu Mê-lê da và rượu Mạt-

đà. Rượu Tốt-la là dùng gạo, mì v.v..., đúng cách mà chưng nấu hòa thành chất men rượu mầm lúa (khúc nghiệt = rượu nếp) bỏ vào ngâm các thứ cây thuốc, ủ lại tạo thành một thứ rượu có màu sắc hương vị đặc biệt, uống vào sẽ say bí tỷ, gọi đó là rượu Tốt-la.

Còn rượu Mê-lê-da thì gồm nước cất của các thứ rễ củ (căn hành) cộng, lá, hoa, quả..., không cần phải ủ men mà tạo thành một thứ rượu có màu sắc hương vị đặc biệt, uống vào cũng say.

Còn rượu Mạt-đà thì chính là rượu nho, rượu vang.

Các thứ rượu Tốt-la, rượu Mê-lê-da khi uống vào khiến say sưa, cũng gọi chung là rượu Mạt-đà.

Uống các thứ, nghĩa là uống, nhấm nháp, mút, húp, tu..., các thứ rượu nói trên.

Uống các thứ rượu là chỗ chơi bởi phóng túng, tức là uống các thứ rượu nói trên thì khiến tâm sinh ra kiêu mạn, say sưa điên loạn, không còn biết tôn ti trật tự, các lỗi lầm nặng nề, vô số ác nghiệp đều do say sưa khởi lên, sự chơi bởi phóng túng cũng nương ở, nên gọi là chỗ của sự chơi bởi phóng dật.

Còn những Ô-ba-sách-ca thì đối với việc uống rượu chơi bởi, khéo léo suy nghĩ chọn lựa, nhằm chán, ghê tởm từ bỏ lìa xa, tự cấm ngăn, giữ gìn kiềm chế, không làm, không gây tạo, không vi phạm, lìa bỏ ngăn lấp, không trái ngược, không vượt bỏ các điều răn cấm. Đó gọi là từ bỏ uống rượu chơi bởi. Cho nên nói là cho đến lúc chết cũng luôn từ bỏ việc uống rượu chơi bởi, là học xứ thứ năm của Ô-ba-sách-ca.

Như thế là năm thứ. Học là gì, xứ là gì, học xứ là gì? Nói học là năm chỗ, cái nào chưa đầy đủ thì làm cho đầy đủ, luôn luôn siêng năng cần mẫn, bền bỉ kiên trì, ngay thẳng thành thật mà tu tập gia hạnh..., cho nên gọi là học.

Nói là chỗ, tức là từ bỏ giết hại v.v..., xứ là nơi tựa vào, nên nói là chỗ và việc từ bỏ giết hại v.v..., cũng gọi là học, cũng gọi là chỗ. Cho nên gọi là chỗ học, có nghĩa là lĩnh vực phải học.

Tất cả Ô-ba-sách-ca đều quy y Phật Pháp Tăng chăng? Trừ các kẻ thế tục, hết thấy Ô-ba-sách-ca đều quy y các ngôi báu Phật Pháp Tăng. Nhưng cũng có những người quy y các ngôi báu Phật Pháp Tăng mà không phải là Ô-ba-sách-ca. Vì đó gọi là Bí-sô, Bí-sô Ni và những vị siêng năng học tập chánh pháp nam và nữ, Ô-ba-tư-ca v.v...

Tất cả Ô-ba-sách-ca đều là đệ tử của Đức Thế Tôn chăng? Nên có bốn trường hợp sau đây:

1. Có Ô-ba-sách-ca không phải là đệ tử của Đức Thế Tôn. Nghĩa

là các Ô-ba-sách-ca chưa được thấy Đế (các chân lý tứ đế), đối với quả vị lai chưa được nhìn thấy trong hiện tại.

2. Có những đệ tử của Thế Tôn nhưng không phải là Ô-ba-sách-ca. Đó là những Bí-sô, Bí-sô ni, các vị nam và nữ siêng học chánh pháp, và Ô-ba-tư-ca v.v..., đã được thấy Đế, và đối với quả vị lai đã được nhìn thấy rõ trong hiện tại.

3. Có Ô-ba-sách-ca cũng là đệ tử của Đức Thế Tôn. Tức là những Ô-ba-sách-ca đã được thấy Đế (các chân lý tứ đế), đối với quả vị lai đã được nhìn thấy rõ trong hiện tại.

4. Có những người không phải là Ô-ba-sách-ca cũng không phải là đệ tử của Đức Thế Tôn. Tức là những vị Bí-sô, Bí-sô Ni, những vị siêng học chánh pháp nam và nữ, những Ô-ba-tư-ca..., chưa được thấy Đế và đối với quả vị lai chưa được nhìn thấy rõ trong hiện tại. Cùng những dị sinh phàm phu khác chưa được thấy Đế.

Tất cả thuộc về Tăng bảo đều được Tăng hòa kính chăng? Nên có bốn trường hợp sau:

1. Có loại thuộc vào Tăng bảo nhưng không được Tăng hòa kính, tức là những vị siêng học chánh pháp nam và nữ, những Ô-ba-sách-ca v.v..., đã được thấy Đế và đối với quả vị lai đã được nhìn thấy rõ trong hiện tại.

2. Có loại được Tăng hòa kính nhưng không phải thuộc vào Tăng bảo, tức là những Bí-sô, Bí-sô Ni chưa được thấy Đế và đối với quả vị lai chưa được nhìn thấy rõ trong hiện tại.

3. Có loại thuộc vào Tăng bảo cũng được Tăng hòa kính, tức là những Bí-sô, Bí-sô Ni đã được thấy Đế và đối với quả vị lai đã được nhìn thấy rõ trong hiện tại.

4. Có loại chẳng phải thuộc vào Tăng bảo cũng chẳng được Tăng hòa kính, tức là những vị siêng học chánh pháp nam và nữ, những Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca chưa được thấy Đế và đối với quả vị lai chưa được nhìn thấy rõ trong hiện tại. Và các phàm phu dị sinh khác chưa được thấy Đế.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 2

Phẩm 2: CHI DỰ LƯU

Lúc đó, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo với toàn chúng Bí-sô: Có bốn pháp nếu ai siêng năng tu tập thì gọi là người làm được nhiều việc. Đó là bốn pháp nào? Tức là:

1. Luôn gần gũi bậc Thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Đúng lý mà khởi ý.
4. Phải tùy pháp hành.

Toàn thể các thầy Bí-sô nên học tập như thế này: Chúng ta cần phải gần gũi cúng dường bậc Thiện sĩ, một lòng cung kính lắng nghe chánh pháp, đúng như lý mà quan sát nghĩa lý nhiệm mầu sâu xa, luôn siêng năng tinh tấn tu hành hạnh pháp tùy pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa vừa nói nên đọc kệ:

*Quý thay! Gặp Thiện sĩ,
Giới dứt nghi, thêm tuệ,
Khiến kẻ ngu thành trí,
Gần gũi bậc trí tuệ.
Nên gần bậc Thiện sĩ,
Khi thân cận bậc ấy,
Thì nghi dứt, tuệ tăng,
Khiến kẻ ngu thành trí.*

Thế nào là Thiện sĩ? Thiện sĩ chính là Phật và các đệ tử của Ngài, và lại có những Bồ-đặc-già-la đầy đủ giới hạnh và đạo đức, đã lìa bỏ tỳ vết nhơ bẩn, thành tựu sự điều phục các pháp thiện. Là người có thể tiếp nối ngôi vị của bốn sư, thành tựu các đức cao quý. Là người luôn biết xấu hổ hối lỗi ăn năn, khéo léo giữ gìn ham học hỏi, đầy đủ kiến

thức hiểu biết. Ưu suy tư lựa chọn, thích tính kể suy lường, có tính chất ham thích quan sát tìm hiểu, thông minh lanh lợi hiểu biết đầy đủ. Tuệ dứt nghĩ truy cầu, có được các loại trí tuệ từ bỏ tham sân si. Sống điều thuận trong cõi điều thuận, sống vắng lặng trong cõi vắng lặng, sống giải thoát trong cảnh giải thoát, diệt độ với diệt độ, diệu giác với diệu giác, Niết-bàn với Niết-bàn. Ham thích điều thuận với các Đế, lia bỏ kiêu mạn và chơi bời phóng túng, ham thích nhẫn nhục, nhu hòa hiền từ và thật thà ngay thẳng để thấy được đạo Như như.

Luôn chuyên chú tự điều phục chính mình, chuyên chú giúp mình luôn yên tĩnh vắng lặng tịch tĩnh, chuyên chú tự mình luôn sống trong Niết-bàn tịch diệt, cũng vừa phân thân để dạo chơi qua khắp đất nước, kinh đô thành thị và các thôn xóm.

Việc mong cầu ăn mặc v.v..., luôn có được đầy đủ, thật thà ngay thẳng, điều hòa thích hợp đầy đủ, thì thật thà ngay thẳng và điều thuận vẹn toàn, nhẫn nhục nhu hòa hiền từ đầy đủ, thì nhẫn nhục và hiền hòa vẹn toàn. Cúng dường cung kính đầy đủ, thì cúng dường và cung kính vẹn toàn, chánh hạnh giữ căn môn đầy đủ, thì chánh hạnh và giữ căn hạnh vẹn toàn; phép tắc việc làm đầy đủ, thì phép tắc và việc làm vẹn toàn.

Về tín giới (thi la) và văn xả - tuệ tự mình có đầy đủ tịnh tín, cũng siêng năng khuyên giúp tất cả hữu tình cũng có đầy đủ tịnh tín như mình.

Tự mình có đầy đủ giới hạnh văn xả - tuệ - tịnh tín, cũng siêng năng khuyên giúp tất cả hữu tình cũng có đầy đủ giới hạnh và văn xả tuệ như mình.

Đó gọi là bậc Thiện sĩ. Vì sao gọi là Thiện sĩ? Nói về Thiện sĩ là phải lia bỏ các pháp bất thiện mà thành tựu được các pháp thiện, phải đầy đủ và thành tựu được bốn thứ niệm trụ (tứ niệm xứ), bốn thứ chánh tín (tứ chánh cần), bốn thứ thần túc, năm căn, năm lực, bảy thứ giác chi, tám chi Thánh đạo (tám chánh đạo). Nên gọi là bậc Thiện sĩ.

Đối với bậc Thiện sĩ như vừa kể thì luôn gần gũi hầu hạ thờ phụng, cung kính cúng dường, đó gọi là hay gần gũi bậc Thiện sĩ.

Lắng nghe chánh pháp là sao? Nghĩa là luôn gần gũi cúng dường các bậc Thiện sĩ, những điều gì chưa chính thức hiển bày rõ ràng thì khiến cho chính thức được khai ngộ. Dùng trí tuệ xét hiểu thấu suốt các văn nghĩa thật nhiệm mầu sâu kín, dùng đủ mọi phương cách, phương tiện tuyên nói diễn giảng trình bày xác định chỉ rõ. Dùng vô lượng pháp môn mà chính thức chỉ bày khổ tập diệt đạo chính thức là khổ, là tập,

là diệt, là đạo.

Thế nào là dùng vô lượng pháp môn mà chính thức chỉ bày khổ chính là khổ? Nghĩa là chính thức chỉ rõ rằng: Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, ghét nhau mà gặp nhau hoài là khổ, thương nhau mà phải xa nhau là khổ, cầu mong mà không được là khổ. Tóm tắt mà nói thì tất cả năm uẩn đều là khổ, nên có tụng:

*Các uẩn khởi là khổ,
Sinh và xuất cũng khổ,
Sinh rồi già rồi khổ,
Bệnh và chết đều khổ.
Có phiền não là khổ,
Sinh rồi trụ cũng khổ,
Không mãn hối hận khổ,
Không khuất phục chết, khổ.
Người không trí là khổ,
Tăng yết tra tư: khổ,
Kẻ ngu sinh tử khổ,
Trôi dạt nhiều kiếp: khổ.*

Đây là dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ bày khổ chính là khổ.

Thế nào là dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ bày, tập chính là tập (chứa nhóm)? Nghĩa là chính thức chỉ rõ rằng: Sau ái lại có ái, vui mừng thích thú làm ái dục, ai ai cũng ham thích ái dục. Vì từ xưa đến nay thì ái là gốc của các khổ, là đầu mối của các đường dữ. Ái hay gây tạo ra các duyên, sự chứa nhóm đều đầy khởi, hay khởi lên việc chứa nhóm tích tụ, trong pháp hiện khởi, các khổ làm hư hoại thân thể và các khổ sau này lại từ đây mà sinh ra. Như tụng nói:

*Do ái, bỏ thầy thuốc,
Gốc ung nhọt dây quấn,
Chưa điều phục tất cả,
Luôn chiêu cảm các khổ.
Như cây chưa bứng gốc,
Chặt rồi lại sinh ra,
Chưa bứng ái, tùy miên,
Luôn chiêu cảm các khổ.
Như tên độc trong mình,
Mãi tổn hại sức khỏe,
Chúng sinh còn trong ái,*

Luôn tổn hại căn thiện.

Đó là dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ rõ rằng tập chính là tập.

Thế nào là dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ bày diệt chính là diệt? Nghĩa là chính thức chỉ rõ ràng như trước vừa nói: Sau ái còn có ái, vui mừng thích thú làm các ái dục, ai ai cũng ham thích ái dục... Các thứ như thế thì phải diệt trừ cho hết đừng để sót tý nào, hãy buông bỏ, ói mưa ra, lìa bỏ hết, diệt hết các nhiễm trước, phải yên lặng, tịch tĩnh vĩnh viễn thì gọi đó là nhà cửa là chỗ nương thân. Cũng gọi đó là các thứ tên như: Là bến đỗ (bến bãi đậu ghe tàu), là nơi cứu hộ, nơi nương nhờ, chỗ trở về, chỗ đến, cũng gọi là nơi không bệnh hoạn, không loạn động, không mất, không bị thiêu đốt, không nóng nảy, cũng gọi là nơi an ổn, nơi không có sợ hãi, là việc thánh thiện, là sự tốt lành, là Niết-bàn... Nên có tụng:

*Quả Sa-môn rốt ráo,
Khen ngợi sự điều phục,
Diệt dứt sạch ngã mạn,
Mãi chứng dấu cam lồ.
Trở về ở nhà xưa,
Phật khen cung điện đẹp,
Dứt hẳn sự sợ hãi,
Luôn an ổn bờ kia.
Ở chỗ không còn khổ,
Vĩnh viễn thoát hầm sâu,
Thắng nghĩa nên ứng cúng,
Sống trí tuệ Thánh mừng.
Không còn già bệnh chết,
Không sầu lo khổ não,
Nhỏ khó thấy bến bờ,
Diệt để không đồng loại.*

Đó là dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ bày rõ rằng diệt đích thực là diệt.

Thế nào là vô lượng pháp môn chính thức chỉ rõ ràng đạo chính là đạo? Nghĩa là chính thức chỉ rõ ràng: Con đường này, việc làm này, đạo này từ xa xưa đến nay, đối với các khổ não thì nó có thể cắt đứt diệt trừ, nó làm cho ói mưa hết ra, diệt hết, lìa hết các ô nhiễm. Nó diệt hết tất cả, giúp mình được yên tịnh lặng lẽ trống vắng, dứt mất tất cả một cách vĩnh viễn. Con đường đó là gì? Đó là tám chi Thánh đạo: Thấy

đúng, suy nghĩ đúng, nói đúng, làm đúng, sống đúng, siêng năng cố gắng đúng, nghĩ nhớ đúng, trí tuệ đúng. Nên có tụng:

*Một cõi thật hùng vĩ,
Như chim giữa trời xanh,
Đem thiên định Mâu-ni,
Diễn nói nhiều khắp chúng.
Thương xót nói một cõi,
Thấy đạo đời sống dứt,
Xưa nay dòng thác cuốn,
Đạo này khéo vượt qua.
Giới điều tịnh rớt ráo,
Dứt được dòng sinh tử,
Thấu suốt khắp các cõi,
Giới mở sáng mắt đạo.
Như sông Hằng chảy xiết,
Thoát nhanh ra biển khơi,
Chỉ bày đạo tuệ lớn,
Nhanh chóng chứng Niết-bàn.
Thương xót khắp chúng sinh,
Độ người chưa nghe pháp,
Dạy bảo chúng trời người,
Kính cẩn thoát biển hữu.*

Đó là dùng vô lượng pháp môn chính thức chỉ rõ rằng đạo chính là đạo.

Nếu đối với các chánh pháp vừa được nói đó mà ham thích lắng nghe, thọ trì rớt ráo, ham hiểu rõ, quan sát chiêm nghiệm, tìm tòi suy nghĩ, suy xét nghiên cứu, ham thấu suốt, giao tiếp, ham quả chứng, ham được chứng quả..., vì nghe pháp nên mạnh dạn đạp lên mọi trở ngại gian khổ, tai ương hoạn nạn của con đường tất đầy hiểm trở, vượt biên giới chỉ rõ chốn đạo chơi trên con đường lớn thênh thang bằng phẳng yên bình không chút hiểm nguy. Vì có thọ trì nên thường dùng nhĩ căn đối với lời diễn giảng chánh pháp mà phát sinh nhĩ thức cao quý. Như thế gọi là lắng nghe chánh pháp.

Thế nào gọi là đúng lý mà khởi ý (tác ý)? Nghĩa là được nghe bậc Thiện sĩ diễn giảng chánh pháp rồi thì trong lòng vô cùng hoan mừng rõ: Ôi kỳ diệu thay! Đức Thế Tôn sao khéo diễn nói chánh pháp nhiệm mầu sâu xa như thế! Khổ mà Đức Phật nói chính là khổ, khổ thật! Tập mà Đức Phật nói chính là sự chứa nhóm các khổ. Diệt mà Đức

Phật nói đó đúng thật là sự tĩnh lặng hằng cửu, và đạo mà Đức Phật chỉ bày thật sự là những giáo pháp nhiệm mầu quá! Vì lòng người ấy hân hoan mừng vui như thế nên dẫn đến việc nhiếp phục kiềm chế làm chủ được tâm tình, tùy theo các việc cần nhiếp phục điều nhiếp, rồi khởi lên ý niệm tìm hiểu suy xét quan sát đúng đắn các lời văn nghĩa lý thật sâu xa tuyệt diệu kia. Như thế gọi là đúng lý mà tác ý (khởi phát ý niệm).

Thế nào là pháp tùy pháp hành? Nghĩa là người này cứ luôn luôn xoay vần đúng lý tác ý, khởi ý niệm tìm hiểu suy xét quan sát đúng đắn các văn nghĩa sâu xa tuyệt diệu rồi thì liền có được sự xuất ly, xa lìa do năm pháp thiện cao quý sinh ra, năm pháp ấy là: Tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Người ấy đối với năm pháp thiện quý báu sẽ dẫn đến sự xa lìa và xuất ly mà tu tập kiên trì bền bỉ, không hề gián đoạn, luôn luôn cố gắng gia hạnh tăng cao độ. Như thế gọi là pháp tùy pháp hành. Luôn siêng năng tu hành pháp tùy pháp hành thì liền được chứng nhập vào chánh tánh ly sinh.

Sở dĩ được chánh tánh ly sinh là do siêng tu pháp tùy pháp hành, sở dĩ hay được tất cả pháp tùy pháp hành là do đúng lý quan sát các nghĩa lý nhiệm mầu thâm diệu, sở dĩ hay quan sát các nghĩa lý thâm diệu là do thường hay cung kính lắng nghe chánh pháp, sở dĩ hay lắng nghe chánh pháp là do hay gần gũi cúng dường các bậc Thiện sĩ. Nếu ai hay gần gũi cung kính cúng dường bậc Thiện sĩ thì liền được nghe giảng nói chánh pháp, khi nghe chánh pháp thì liền khéo đúng lý tìm hiểu quan sát các nghĩa lý sâu xa mầu nhiệm, khi đã đi đúng lý quan sát các nghĩa lý sâu xa mầu nhiệm thì thường hay tiến tu các pháp tùy pháp hành, khi đã siêng năng tu hành các pháp tùy pháp hành thì liền được vào thẳng chứng tánh ly sinh. Giống như trên đỉnh núi cao khi mưa rơi tầm tã thì đầu tiên là các khe, lạch đầy nước. Khi các khe, lạch đầy nước rồi thì đến các suối nhỏ mới đầy, khi các suối nhỏ đầy nước rồi thì mới đến các suối lớn đầy nước, sau đó mới đến các sông bé đầy nước, rồi mới đến các sông to đầy nước, rồi mới đến biển cả dần dần tràn đầy... Biển cả Thánh đạo cũng như thế. Trước hết cần phải gần gũi cúng dường các bậc Thiện sĩ, rồi mới được nghe chánh pháp, nghe chánh pháp rồi thì mới đúng lý mà quan sát các nghĩa lý thâm diệu mầu, có quan sát đúng lý các nghĩa lý thâm diệu rồi, thì mới có thể tiến tu các pháp tùy pháp hành. Khi đã siêng năng tu hành pháp tùy pháp hành được đầy đủ viên mãn rồi, thì mới nhập được vào chánh tánh ly sinh. Khi đã nhập vào chánh tánh ly sinh, thì liền được gọi là đã sinh trưởng tám chi Thánh đạo, tức là chánh kiến v.v..., như trước đã nói.

Như thế bốn thứ này gọi là Chi Dự lưu.

Do bốn thứ này mà đối với dòng Thánh đạo có thể thấu nhận được, có thể đến được tùy mọi lúc, có làm xong việc, có thể đầy đủ, có tiếp xúc, có thể chứng và có thể vì được chứng đắc cho nên gọi là Chi Dự lưu.

Lại bốn thứ này đối với dòng Thánh đạo có thể tùy thuận, có thể tăng trưởng thêm lớn, có thể trang sức tốt đẹp, trang hoàng đầy đủ mà sống, có thể là chỗ thường an lạc trợ giúp tư lương, cho nên gọi là Chi Dự lưu.

Lại bốn chi này do lời thêm lời, do các tướng cùng với tướng nêu bày ra mà nói là Chi Dự lưu. Cho nên gọi là Chi Dự lưu.

Phẩm 3: CHỨNG TỊNH, Phần 1

Lúc đó, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bì-sô: Nếu có các loài hữu tình đối với lời dạy bảo của các thầy mà phát sinh lòng tin tưởng lắng nghe thọ nhận, lại có thể vâng lời làm theo, thì các thầy nên thương xót dùng tất cả mọi phương cách và phương tiện khuyến bảo khuyến khích, khiến cho họ được trụ vào bốn thứ chứng tịnh. Bốn thứ đó là:

1. Phật chứng tịnh.
2. Pháp chánh tịnh.
3. Tăng chứng tịnh.
4. Thánh sở ái giới (Giới được bậc Thánh yêu thích).

Vì sao như thế? Vì có các giới đất, nước, lửa, gió, gọi đó là bốn thứ đại, có thể nhận cho sửa đổi dễ dàng. Nhưng một khi đã thành tựu được bốn thứ chánh tịnh kia rồi thì các hàng đệ tử Phật tất không thể cải đổi dễ dàng được. Do đa văn học nhiều mà các hàng đệ tử của Phật thành tựu được bốn thứ chứng tịnh đó rồi, nếu lại còn bị đọa vào địa ngục, bàng sinh và cõi quỷ..., thì không thể nào có điều này được. Do vậy, nếu ai nghe lời dạy bảo của các thầy mà lắng nghe tin tưởng, nhận lãnh và tuân hành, thì các thầy hãy nên thương xót dùng đủ mọi phương tiện mà khuyến khích, giúp đỡ cho họ được trụ vào bốn pháp chứng tịnh đó.

1. Thế nào là Phật chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói đây là các đệ tử của Thánh, do tướng

như thế mà tùy niệm nhớ nghĩ đến chư Phật. Bảo rằng Đức Thế Tôn đây là bậc Như Lai A La Hán Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Trượng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc Già Phạm.

Nói: “Đây, ở đây”: Nghĩa là cõi Dục này, hoặc thế giới này, châu Thiệm Bộ này. Lại có nơi nói: Đây, tức là thân này, do các sự giữ gìn giữa nhau và các thân xác (trì đẳng trì khu đẳng khu) tụ họp lại mà có được cái tự thế. Lại có chỗ nói: Đây là chỗ sinh này (cuộc đời này, đời sống này). Phật và các đệ tử, các vị tiên Mâu-ni, các bậc trí tuệ sáng suốt, các bậc giỏi điều phục, các bậc giỏi điều thuận. Lại có chỗ nói: Đây, nghĩa là các giáo pháp này đem truyền trao dạy bảo, khuyên răn diễn giảng khéo léo..., cho nên gọi là “Đây”.

Nói đệ tử Thánh: Chính là chỉ cho Phật Pháp Tăng. Quy y Phật Pháp Tăng rồi nên gọi là đệ tử của Thánh.

Do cái tướng như thế mà tùy niệm nhớ nghĩ đến Phật, là do tướng này, pháp môn này, lý này ở chỗ chư Phật mà khởi ý niệm tùy niệm, chuyên chú nhớ nghĩ không quên mất, không để sót, không mất pháp tánh, tâm sáng suốt, tánh nhớ rõ ràng, cho nên nói là do tướng như thế mà tùy niệm nhớ nghĩ đến Phật.

Nói “Nghĩa là, tức là bảo”: Tức là tướng như thế, hình trạng như thế, chủng loại như thế. Nên nói là “tức là”.

Nói “đây”: Nghĩa là giới như thế, pháp như thế, tuệ như thế, thân thông như thế, giải thoát như thế, trụ nhiều (đa trụ) như thế. Nên gọi là “đây, này”.

Nói “Thế Tôn”: Sau này sẽ giải thích.

Nói “Như Lai”: Như Đức Thế Tôn có nói: Từ đêm Bồ-tát chứng quả Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng..., cho đến đêm Phật nhập cõi Niết-bàn vô dư y, trong khoảng thời gian đó, nếu có những điều được nói ra, tuyên dương, trình bày, diễn giảng v.v..., thì tất cả đều là Như cả, nghĩa là không có hư vọng, không biến dời đổi khác, chắc thật đúng lý, không điên đảo lầm lẫn, tất cả đều dùng chánh tuệ như thật thấy biết rồi mới nói, mới diễn giảng, nên gọi là Như Lai.

A-la-hán, tóm tắt có hai thứ tính chất A-la-hán, là tánh hữu vi và tánh vô vi.

Thế nào là tánh hữu vi A-la-hán? Nghĩa là cái được về quả và cái được về được, các thứ căn và lực vô học, giới (thi la) vô học, căn thiện vô học, mười pháp vô học và những chủng loại của các pháp vô học v.v..., đó gọi là tánh hữu vi A-la-hán.

Thế nào là tánh vô vi A-la-hán? Nghĩa là tham - sân - si, tất cả các phiền não thấy đoạn dứt, vượt lên trên tất cả các cõi, đoạn dứt hết nói năng, ba thứ lửa cũng yên tĩnh vĩnh viễn, tiêu khát hết hẳn, kiêu ngạo phóng túng cũng lìa xa, hang động nhà cửa đều phá sạch, vượt khỏi bốn dòng thác lũ. Rốt ráo tột bậc nên lìa bỏ, diệt độ và Niết-bàn. Thế nên gọi là tánh vô vi A-la-hán. Như Lai đã thành tựu đầy đủ vẹn toàn các điều đã nói về hữu vi và vô vi A-la-hán như thế, cho nên gọi là A-la-hán.

Lại còn tham sân si và các phiền não khác đều phải đoạn trừ, đối với điều đó Như Lai đã đoạn dứt, đã biết khắp từ lâu. Giống như cây đa la đã bị bới tung gốc rễ và bẻ ngọn không còn sót chút gì. Và ngay cả ở đời sau sẽ vĩnh viễn không còn sinh lại nữa. Nên gọi là A-la-hán.

Vả lại, ba nghiệp ác của thân ngữ ý đều phải trừ dứt, thì đối với việc đó Như Lai đã đoạn dứt, biết khắp và cho đến rộng nói. Nên gọi là A-la-hán.

Lại chư Phật từ quá khứ đều đã lìa xa mọi điều xấu ác bất thiện. Nếu có những tạp nhiễm và các quả khổ dị thực thì sau này sẽ bị thiêu đốt tới bờ. Do đó trong đời vị lai sẽ vĩnh viễn không còn sinh lại nữa. Nay Đức Phật cũng như thế, nên gọi là A-la-hán.

Lại Đức Phật Thế Tôn đã thành tựu được các công đức thật tốt lành cao quý, là bậc xứng đáng thọ hưởng các thứ quý hiếm đẹp đẽ nhất về y phục, ăn uống, ngọa cụ, thuốc men và mọi thứ vật dụng cúng dường khác, cho nên gọi là A-la-hán. Như có tụng:

*Ở đời đáng thọ dụng,
Các vật thật quý hiếm,
Như Lai xứng đáng nhận,
Nên gọi là A-la-hán.*

Bậc Chánh Đẳng Giác, như Đức Thế Tôn nói: Có tất cả các pháp có tính chất đúng đắn thì tất cả Như Lai đều thấy biết hiểu rõ, thấu suốt rõ ràng đúng nhất, nên gọi là Chánh Đẳng Giác. Còn các thứ pháp, đó là bốn niệm trụ, bốn chánh đẳng, bốn thứ thần thông, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, tất cả Như Lai đều thấy biết, hiểu rõ, thấu suốt rõ ràng đúng nhất, nên gọi là Chánh Đẳng Giác. Lại đối với tất cả các thứ khổ tập diệt đạo đều có thể hiểu biết ngay đời này, có thể chứng được các đạo quả như quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn và quả A-la-hán. Lại có thể chứng được trí thông suốt túc trụ từ niệm (hiểu biết các đời quá khứ), chứng được trí thông suốt tử sinh, chứng được trí thông suốt lậu tận, chứng được đạo thông suốt hay diệt

hết tham sân si, kiêu mạn, lỗi lầm (cấu đạo)... Tất cả Như Lai đều thấu biết, hiểu rõ một cách đúng đắn rõ ràng nhất, rất thành thật, kiên trì, ân cần trân trọng mà khởi ý niệm (tác ý). Do nhân duyên đó, pháp môn đó, nghĩa lý đó, và tướng hiểu biết đúng đắn rõ ràng nhất đó, nên gọi là Chánh Đẳng Giác.

Minh Hạnh viên mãn. Thế nào là Minh? Nghĩa là có ba thứ Minh vô học:

1. Là Minh vô học tác chứng tức trụ tùy niệm.
2. Là Minh vô học tác chứng tử sinh.
3. Là Minh vô học tác chứng lậu tận.

Đó gọi là Minh.

Thế nào là Hạnh? Nghĩa là Phật có các thứ vô học về thân luật nghi, về ngữ luật nghi, và đời sống thanh tịnh. Đó gọi là Hạnh.

Lại còn, Phật có các oai nghi cử chỉ rất cao đẹp, tối lui nhìn ngó, co duỗi, cúi ngẩng, khi mặc Tăng-già-lê, khi đắp y mang bát..., tất cả đều tề chỉnh, ngay ngắn, nghiêm trang. Đó gọi là Hạnh. Hạnh này cùng với Minh trước, nên gọi chung là Minh Hạnh. Như Lai đã thành tựu đầy đủ vẹn toàn Minh Hạnh như thế, luôn luôn sống một cách trong trắng, một cách vi diệu tuyệt vời, một cách không lầm lỗi. Thế nên gọi là Minh Hạnh vẹn toàn.

Nói Thiện Thệ, là Đức Phật đã thành tựu được chốn cực lạc an ổn không khó khăn, dẫn thẳng đến Pháp tuyệt diệu nhiệm mầu, nên gọi là Thiện Thệ.

Lại tham sân si và các thứ phiền não khác sinh ra các thứ ngăn trở, làm khó khăn cho việc tiến đến với chánh pháp thì đối với điều đó Như Lai đã dứt hết, đã biết khắp. Như cây đa la đã bị đào tung gốc rễ và bẻ ngọn nên không thể sinh lại ở đời sau nữa, cho nên gọi là Thiện Thệ.

Lại như chư Phật Thế Tôn thời quá khứ đều nương nhờ pháp như thật, nhờ đạo không hư vọng mà vượt thoát ra khỏi thế gian, có đầy đủ công đức cao quý vi diệu. Một lần đến với Niết-bàn là đến mãi, một khi rời khỏi cõi thế gian là không bao giờ trở lại. Nay Phật cũng thế, nên gọi là Thiện Thệ.

Thế gian giải là năm uẩn chấp gọi là thế gian. Như Lai đối với năm uẩn đã thấy biết hiểu rõ, thấu suốt rõ ràng đúng nhất, nên gọi là Thế gian giải. Lại năm đường thì gọi là thế gian. Như Lai đối với điều đó đã thấy biết, hiểu rõ ràng đúng nhất, nên gọi là Thế gian giải.

Lại nói sáu cõi cũng gọi là thế gian. Đối với điều này Như Lai đã hiểu biết thấu suốt rõ ràng đúng nhất nên gọi là Thế gian giải.

Lại ba cõi gồm thân một chỗ, cũng gọi là thế gian. Từ đó mà sinh, từ đó mà khởi lên, từ đó mà ra. Đối với các việc ấy, Như Lai đã thấy biết, hiểu thấu suốt rất rõ ràng đúng nhất, nên gọi là Thế gian giải.

Vô thượng trọng phu, như Đức Thế Tôn nói: Có các loài hữu tình hoặc không có chân, hoặc hai chân, bốn chân, nhiều chân, có sắc hoặc không sắc, có tướng hoặc không tướng, không phải tướng, không phải không tướng... Trong số đó thì Như Lai được tôn xưng là bậc cao nhất, đáng tôn trọng quý kính nhất, cao tốt bậc nhất không ai trên được (vô thượng). Do đó gọi là Vô thượng trọng phu.

Điều ngự sĩ, nghĩa là Phật Thế Tôn tóm tắt đã dùng ba cách điều phục chế ngự khéo léo nhất để chế phục các loài hữu tình đã được hóa độ.

1. Là đối với một loại người phải dùng toàn thô dữ.
2. Là đối với loại khác thì có cả mềm dẻo, thô dữ.
3. Là đối với một loại người chỉ dùng toàn mềm dẻo, dịu dàng.

Thế nào là Như Lai đối với một loại người chỉ dùng toàn mềm dẻo dịu dàng? Nghĩa là Đức Như Lai vì người ấy mà nói diệu hạnh (hạnh tốt đẹp) của thân này, hạnh tốt đẹp của thân này sẽ chiêu cảm quả dị thực, đây là hạnh tốt của lời nói. Hạnh tốt của lời nói thì nó sẽ chiêu cảm quả dị thực, đây là hạnh tốt của ý. Hạnh tốt của ý này thì nó sẽ chiêu cảm quả dị thực, đây là trời, là người, là đường thiện, là cõi vui là Niết-bàn... Đó là chỉ dùng cách mềm dẻo dịu dàng.

Thế nào là Như Lai đối với một loại người phải dùng toàn dữ dằn? Nghĩa là Đức Như Lai nói với họ: Đây là hạnh ác của thân, hạnh ác của thân này sẽ chiêu cảm quả xấu dị thực. Đây là hạnh ác của lời nói, hạnh xấu của lời nói này sẽ chiêu cảm quả xấu dị thực. Đây là hạnh xấu của ý nghĩ, hạnh xấu của ý này sẽ chiêu cảm quả xấu dị thực. Đây là địa ngục, là bàng sinh, là cõi quỷ, đây là hiểm nạn, là đường dữ, là đọa lạc. Đó là chỉ dùng toàn dữ dằn.

Thế nào là Như Lai đối với một loại người dùng cả mềm dẻo dịu dàng và dữ dằn? Nghĩa là có nhiều lúc thì nói đây là hạnh tốt của thân, của lời nói, của ý nghĩ. Hạnh tốt của thân, của lời nói, của ý nghĩ sẽ chiêu cảm quả dị thực. Hoặc có nhiều lúc lại nói đây là hạnh xấu của thân, của lời nói, của ý nghĩ. Hạnh xấu của thân, của lời nói, của ý nghĩ sẽ chiêu cảm quả dị thực. Có lúc thì nói trời người, đường thiện, cõi vui là Niết-bàn. Hoặc có khi lại nói về địa ngục, bàng sinh, cõi quỷ, các hiểm nạn, đường dữ, đọa lạc... Đó là vừa mềm dẻo vừa dữ dằn.

Đức Như Lai đối với mọi người dùng ba thứ điều ngự khéo léo đó

mà điều phục như thế, ngăn cấm khiến cho được tịch tĩnh tĩnh lặng như thế không còn gì cả. Dứt bỏ hẳn tham sân si và các thứ phiền não khác không còn sót tí nào. Khiến họ dứt hẳn, yên tĩnh hẳn bằng những cách điều ngự thật cao quý, khéo léo hiệu quả, cao tốt nhất. Khiến họ được mát mẻ tuyệt diệu, dứt hẳn cong queo dơ bẩn, khéo léo diệt trừ hết các thứ kiêu ngạo hỗn láo, giấu giếm, dua nịnh, tội lỗi, nên gọi Như Lai là Điều Ngự Sĩ.

Thiên nhân sư, như Đức Thế Tôn bảo thầy A-nan-đà: Ta không những chỉ là Thầy của các vị Bí-sô, Bí-sô Ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-sách-ca... Mà đối với các vị Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... và các chúng trời, người..., thì ta là thầy, là bậc thầy cao quý, là tùy sư, là bậc mô phạm, là bậc mô phạm giỏi, cao quý, là bậc tùy mô phạm (Tùy: biết ứng phó thích nghi), vì họ mà hướng dẫn đi dốt. Thế nên gọi Như Lai là Thiên nhân sư.

Phật là Đức Như Lai có trí kiến vô học, trí tuệ sáng suốt hiểu biết đầy đủ, rõ ràng đúng đắn như thật tất cả các pháp. Các trí tuệ đó luôn phát khởi đầy đủ và thành tựu, nên gọi là Phật.

Như có một vị Đại Bà-la-môn đến chỗ Phật, dùng một bài kệ để khen ngợi và hỏi Phật:

*Lễ Đạo sư trên đời,
Bậc Giác ngộ tối thượng,
Duyên gì có mẹ cha,
Tôn kính gọi Phật-đà?*

Thương xót vị Bà-la-môn ấy, Đức Thế Tôn cũng dùng bài kệ bảo vị ấy:

*Bà-la-môn nên biết,
Ta như khứ, lai Phật,
Thành tựu tướng bậc giác,
Nên ta tên Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết,
Ta quán hành ba cõi,
Đều có pháp sinh diệt,
Nên ta tên Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết,
Ta rõ việc phải đoạn,
Việc tu chứng đã xong,
Nên ta tên Phật-đà.
Bà-la-môn nên biết,*

*Ta đối tất cả cảnh,
 Đủ mọi trí hiểu biết,
 Nên ta tên Phật-dà.
 Bà-la-môn nên biết,
 Ta từ vô lượng kiếp,
 Tu các hạnh thuần tịnh,
 Trải vô lượng sinh tử,
 Nay với thân rớt sau,
 Là tên độc phiền não,
 Chứng được vô thượng giác,
 Nên Ta tên Phật-dà.*

Bạc-già-phạm, có pháp thiện thì gọi là Bạc-già-phạm. Thành tựu được các pháp thiện vô thượng hoặc tu tập các pháp thiện thì gọi là Bạc-già-phạm. Đã tu tập các pháp thiện vô thượng, chư Phật Thế Tôn lại tu tập đầy đủ giới của thân và trí tuệ của tâm, thành tựu Đại ngã không có hạn lượng, thành tựu vô lượng pháp nên gọi là Bạc-già-phạm.

Lại nữa, Phật Thế Tôn có đầy đủ oai đức lớn, có thể đi hoặc đến, hoặc thành hoặc hoại, có thể tự tại di chuyển, dời đổi, nên gọi là Bạc-già-phạm. Lại Phật Thế Tôn phá tan vĩnh viễn tất cả tham sân si v.v..., các pháp bất thiện xấu ác. Vĩnh viễn phá tan tất cả tạp nhiễm của kiếp sau, và quả dị thực bị khổ thiêu đốt. Vĩnh viễn phá tan tất cả già-bệnh-chết ở đời sau, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Như có kệ:

*Phá hẳn tham sân si,
 Các pháp ác, chẳng thiện,
 Đủ pháp vô lậu quý,
 Nên gọi Bạc-già-phạm.*

Lại Đức Phật Thế Tôn đối với các pháp chưa được nghe nhưng có thể tự hiểu biết thông suốt, vì có được trí giác tối thượng cao tột nhất, thành tựu các trí hiện pháp, trí không chướng ngại. Biết rõ các việc sắp tới, tu tập quả Phạm hạnh vì toàn thể các đệ tử mà phân biệt diễn giải giảng nói. Thiết lập Đại Pháp hội, thí mọi giáo pháp cho tất cả loài hữu tình, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Như có kệ:

*Như Lai lập pháp hội,
 Khấp thương kẻ bơ vơ,
 Nên làm thầy trời người,
 Kính cần thoát biển khổ.*

Lại Đức Phật Thế Tôn vì các hàng đệ tử mà tùy nghi nói pháp đều khiến cho họ được vui mừng cung kính tin nhận, đúng theo lời dạy bảo chánh pháp mà tu hành, danh thơm tiếng tốt của Ngài lan khắp bốn phương trời, ai cũng nghe biết, ai cũng khen ngợi kính lễ. Đó gọi là Bạc-già-phạm. Nếu các hàng đệ tử của Phật do các tướng như thế mà tùy niệm nghĩ nhớ đến chư Phật. Do sự thấy biết làm căn bản, chứng trí tương ứng với các niềm tin và tính chất của sự tin tưởng, tính chất tin tưởng ở hiện tại, tùy thuận ấn khả (chấp thuận), hoàn toàn kính mến ái mộ với tự tánh của kính mến ái mộ thực sự. Do đó lòng luôn lắng yên và thanh tịnh, nên gọi đó là Phật chứng tịnh. Đối với những điều như thế, nếu ai giỏi khuyên bảo khích lệ mọi người có được, an lập được đầy đủ, thì phải biết đó gọi là dùng mọi phương tiện khuyên bảo khích lệ mọi người có được, an lập được đầy đủ, thì phải biết đó gọi là dùng mọi phương tiện khuyên bảo khuyến khích và giúp đỡ an lập, khiến mọi người đều được trụ vào Phật chứng tịnh.

2. Thế nào là gọi là Pháp chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các hàng đệ tử Phật, do tướng như thế mà tùy niệm nghĩ nhớ đến chánh pháp, là đối với các chánh pháp của Phật đã khéo léo diễn nói, nếu ai được nghe thấy thì sẽ không còn nóng nảy bứt rứt khổ sở nữa. Đúng lúc, hướng dẫn điều dắt quan sát gần gũi khiến cho những người có trí sẽ được nội chứng.

Nói về “đây, này” tức là chỉ cho cõi Dục này, thế giới này hay châu Thiệm-bộ này. Lại có chỗ nói “đây” là sự duy trì giữ gìn giữa các thân xác của thân này và nhóm họp tụ tập lại mà có được cái tự thể. Lại có chỗ nói “đây” là nơi sinh ra, nơi sống của Phật và các đệ tử của Ngài, của các vị Tiên Mâu-ni, các bậc Bác học thông tuệ, các bậc giỏi điều phục, các bậc giỏi điều thuận. Lại có chỗ nói “đây” là các giáo pháp được dạy bảo trao truyền khuyên răn khéo léo diễn giảng chỉ bày, thế nên nói là đây.

Các hàng đệ tử của Thánh (Phật). Thánh tức là Phật, Pháp, Tăng. Ai đã quy y với Phật, Pháp, Tăng thì gọi là đệ tử Thánh.

Do tướng đó mà tùy niệm nghĩ nhớ chánh pháp, là nhờ vào tướng này, pháp môn này, nghĩa lý này mà đối với các chánh pháp khởi ý niệm tùy niệm nghĩ nhớ, chuyên chú nghĩ nhớ, không quên mất, không để sót, có tính chất không quên chánh pháp, tâm trí sáng suốt, tánh nhớ rõ ràng đầy đủ. Đó gọi là do tướng này mà tùy niệm nghĩ nhớ chánh pháp.

Nói khéo nói, khéo diễn giảng, là những điều Đức Phật nói về khổ thì đích thực là khổ, về tập, diệt, đạo thì đích thực là tập, diệt, đạo,

nên gọi là khéo nói. Nếu Đức Phật Thế Tôn đối với các thứ không phải khổ mà nói là khổ, không phải tập, diệt, đạo mà nói là tập, diệt, đạo thì không phải là khéo nói. Vì Đức Phật Thế Tôn đối với khổ thì nói là khổ, với tập, diệt, đạo thì nói là tập, là diệt, là đạo, thì đó là khéo nói.

Nói hiện tại được nghe thấy (hiện kiến), là ngay khi tu tập những điều Đức Thế Tôn nói về khổ, tập, diệt, đạo, và ngay lúc đang quan sát đạo lý ở trong hiện pháp thì liền nhập vào khổ, tập, diệt, đạo mà quan sát, nên gọi là hiện thấy (hiện kiến). Còn như ngay khi tu tập các điều Thế Tôn nói về khổ tập diệt đạo, và khi quan sát đạo lý nhưng không phải ở trong hiện pháp mà nhập vào khổ tập diệt đạo và quan sát chánh pháp của Thế Tôn thì có thể chẳng phải là hiện thấy. Vì chính lúc tu tập các pháp khổ tập diệt đạo mà Thế Tôn đã nói thì lúc quan sát đạo lý phải ở trong hiện pháp, rồi nhập vào khổ tập diệt đạo mà ngay lúc ấy quán sát, cho nên chánh pháp của Phật gọi là hiện thấy.

Lại chính lúc tu tập các điều Thế Tôn nói thì giới đoạn được là do thấy khổ, thấy tập, thấy diệt, thấy đạo mà đoạn và do tu đạo mà đoạn tùy niệm, thì ở trong hiện pháp đoạn là do thấy khổ, thấy tập, thấy diệt, thấy đạo mà đoạn và do tu mà đoạn trừ tất cả tùy miên, cho nên gọi là hiện thấy.

Nếu chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giới đoạn được là do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn và lúc dựa vào tu mà đoạn tùy miên, nhưng không phải ở trong hiện pháp, đoạn là do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn và do tu mà đoạn trừ tùy miên, thì chánh pháp của Thế Tôn chẳng phải là hiện thấy.

Chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giới đoạn do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và lúc do tu mà đoạn tùy miên, nhưng ở trong hiện pháp là do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và do tu mà đoạn trừ tất cả tùy miên. Cho nên chánh pháp của Phật gọi là hiện thấy.

Lại chính lúc tu tập lời của Thế Tôn nói mà giới chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và lúc do tu mà đoạn tùy miên, ở trong hiện pháp liền chứng được các cái thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và do tu mà đoạn các tùy miên, nên gọi là hiện thấy.

Nếu chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói mà giới chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và lúc do tu mà đoạn tùy miên nhưng không ở trong hiện pháp, chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và do tu mà đoạn trừ các tùy miên, thì chánh pháp của Thế Tôn chẳng phải là hiện thấy. Vì chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói mà giới chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và lúc do tu mà đoạn tùy miên, liền

chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và do tu sự mà đoạn các tùy miên, cho nên chánh pháp của Phật gọi là hiện thấy (hiện kiến).

Nói không nóng nảy bức rứt, nghĩa là tám chi Thánh đạo gọi là không nóng. Vì sao? Vì nóng là phiền não, mà trong tám chi Thánh đạo thì tất cả phiền não không thể nào có được, không thể nào gần được, không có, không thể nào có được, cho nên chánh pháp của Phật gọi là không nóng.

Nói đúng lúc, tức là tám chi Thánh đạo này gọi là đúng lúc. Vì sao? Vì chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói về khổ tập diệt đạo và lúc đang quan sát đạo lý, liền nhập vào khổ-tập-diệt-đạo mà hiện rõ quan sát, cho nên gọi là đúng lúc.

Nếu chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói về khổ-tập-diệt-đạo và hiện rõ quan sát đạo lý, sau đó mới nhập vào khổ-tập-diệt-đạo mà hiện rõ quan sát thì chánh pháp của Thế Tôn chẳng phải là đúng lúc. Vì chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói về khổ-tập-diệt-đạo và lúc hiện rõ quan sát đạo lý, thì phải nhập vào khổ-tập-diệt-đạo mà hiện rõ quan sát, cho nên chánh pháp của Phật gọi là đúng lúc.

Lại chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giải đoạn trừ thấy khổ-tập-diệt-đạo, và lúc do tu mà đoạn trừ tùy miên, thì liền đoạn trừ do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và do tu mà đoạn tất cả tùy miên, nên gọi là đúng lúc.

Nếu chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói mà giải đoạn trừ do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn trừ và do tu để đoạn trừ tùy miên. Sau đó mới đoạn trừ do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn và do tu đoạn trừ tất cả tùy miên, thì chánh pháp của Thế Tôn chẳng phải là đúng lúc. Vì chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giải đoạn trừ do thấy về khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn tùy miên, cho nên chánh pháp của Phật gọi là đúng lúc.

Lại chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giải chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo mà đoạn, và do tu mà đoạn tùy miên diệt đạo tức thì chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn và do tu để đoạn diệt hết các tùy miên, cho nên gọi là đúng lúc.

Nếu chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giải chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn và do tu để đoạn trừ tùy miên. Sau đó mới chứng do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn trừ và do tu đoạn trừ các tùy miên diệt, thì chánh pháp của Thế Tôn chẳng phải là đúng lúc. Vì chính lúc tu tập lời Thế Tôn nói thì giải chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn trừ và do lúc tu mà đoạn trừ tùy miên diệt đạo, liền chứng được do thấy khổ-tập-diệt-đạo, mà đoạn trừ và do tu mà diệt hết, đoạn trừ

các tùy miên, cho nên chánh pháp của Phật gọi là đúng lúc.

Nói dẫn đường, tức là tám chi Thánh đạo gọi là dẫn đạo. Vì sao? Là vì nếu ai tu tập và tu tập mãi về tám chi Thánh đạo thì đối với khổ tập-diệt-đạo mà hiện rõ quan sát thì nó có thể hướng dẫn, đi dắt, có thể tùy theo, đeo đuổi theo mãi, cho nên chánh pháp của Phật gọi là dẫn đạo đi dắt.

Nói quán gần, thì tám chi Thánh đạo gọi là quán gần. Vì sao? Là vì nếu tu tập và tu tập càng nhiều về tám chi Thánh đạo thì có thể đối với khổ-tập-diệt-đạo mà thấy biết đúng như thật về khổ-tập-diệt-đạo, cho nên chánh pháp của Phật gọi là quán gần.

Người trí được nội chứng, Phật và đệ tử Phật được gọi là bậc trí, người trí. Đối với khổ-tập-diệt-đạo mà Thế Tôn đã nói thì người trí tự trong tâm trí sẽ thấy biết hiểu rõ, thấu suốt rõ ràng đúng đắn là khổ-tập-diệt-đạo, cho nên chánh pháp của Phật gọi là người trí được nội chứng (sự nội chứng của người trí).

Nếu các đệ tử Phật do tướng như thế mà theo đó nhớ nghĩ chánh pháp. Thấy làm căn bản, chứng trí tương ứng với các niềm tin, với tính chất của sự tin tưởng, tin tưởng ngay hiện tiền, tùy thuận, chấp nhận, ái mộ và tính chất của sự ái mộ. Tâm trí được chứng đắc và tâm sẽ luôn được thanh tịnh. Đó gọi là pháp chứng tịnh. Nếu ai có thể đối với pháp này khuyên bảo khuyến khích và an lập, thì phải biết đó gọi là dùng mọi phương tiện để khuyên bảo khuyến khích và lập nên khiến mọi người được trụ vào pháp chứng tịnh đó.

3. Thế nào gọi là Tăng chứng tịnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn có nói: Các đệ tử của Thánh do tướng như thế mà theo đó nhớ nghĩ về Tăng, tức là đệ tử Phật, có đầy đủ diệu hạnh, thành thực ngay thẳng, làm việc đúng lý, thực hành các hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp. Đối với các vị Tăng này thì có vị là Dự lưu hướng, có vị được quả Dự lưu; có vị là Nhất lai hướng, có vị được quả Nhất lai; có vị được Bất hoàn hướng, có vị được quả Bất hoàn; có vị được A-la-hán hướng, có vị được quả A-la-hán. Như thế gọi chung là bốn hướng bốn quả Bồ-đặc-già-la. Chúng đệ tử Phật có giới hạnh đầy đủ, trí tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ..., là bậc đáng được thỉnh mời, đáng quy phục, đáng cung kính. Đó là vô thượng phước điền mà tất cả thế gian nên cúng dường.

Nói là “đây”, nghĩa là cõi Dục này, thế giới này, châu Thiệm Bộ này. Lại có chỗ nói “đây”, nghĩa là thân này, có sự giữ gìn các phần của thân xác, tụ họp lại mà có tự Thể. Lại nói “đây” tức là chỗ sinh ra

này, cuộc đời này có Phật và các đệ tử, có các tiên nhân Mâu-ni, các bậc thông tuệ sáng suốt, các người giỏi điều phục, giỏi điều thuận. Lại có chỗ nói “đây” là giáo pháp này được dạy dỗ, truyền trao, khuyên răn giảng giải, thuyết pháp. Đó gọi là đây, là này.

Nói đệ tử của Thánh, thì Phật Pháp Tăng gọi là Thánh, đã quy y Phật Pháp Tăng nên gọi là đệ tử Thánh. Do tướng như thế mà theo đó nhớ nghĩ đến chư Tăng, là do tướng này, pháp môn này, nghĩa lý này, ở chỗ chư Tăng mà khởi ý niệm theo đó mà nghĩ nhớ, chuyên chú nhớ nghĩ mãi không quên mất, không để sót, không quên mất pháp tánh, tâm trí sáng suốt ký ức tốt nhớ thật dai. Đó gọi là do tướng như thế mà tùy theo nhớ đến Tăng.

Nói là diệu hạnh (hạnh nghiệp thiện), nghĩa là Thế Tôn nói có bốn thứ hạnh:

1. Khổ trì thông.
2. Khổ tức thông.
3. Hạnh lạc trì thông.
4. Hạnh lạc tức thông.

Các đệ tử Phật ở trong các hạnh đó nên gọi là diệu hạnh.

Lại Thế Tôn nói có bốn thứ hạnh:

1. Hạnh không an ổn.
2. Hạnh được an ổn.
3. Hạnh điều phục.
4. Hạnh tịch tĩnh.

Các chúng đệ tử Phật chỉ có ba hạnh sau, nên gọi là diệu hạnh (hạnh nghiệp tốt lành).

Thực thà ngay thẳng, tám chi Thánh đạo này gọi là thực thà ngay thẳng. Vì sao? Vì tám chi Thánh đạo không hề cong vẹo viển vông, không xa xôi mơ hồ mà là ngay thẳng chánh trực, hiện thực bằng phẳng, đi ngay vào cuộc sống hiện tại. Các chúng đệ tử của Phật có các hạnh đó nên gọi là hạnh thực thà ngay thẳng.

Hạnh đúng lý (làm đúng lý), tám chi Thánh đạo gọi là hạnh đúng lý. Các chúng đệ tử Phật ở trong hạnh đó nên gọi là hạnh đúng lý.

Lại Đức Thế Tôn nói có bốn niệm trụ (tứ niệm xứ), bốn thứ chánh thẳng (bốn chánh cần), bốn thứ thần thông, năm căn, năm lực, bảy giác chi, và chánh định cùng các thứ tư lương đầy đủ nên gọi là đúng lý. Như Đức Thế Tôn nói: Chỉ có một con đường này, đạo lý này có khả năng giúp tất cả các loài hữu tình đều được thanh tịnh, vượt thoát mọi ưu sầu, diệt hết các khổ não và chứng được pháp đúng lý. Đó là các thứ chánh

định, các thứ tư lương đầy đủ và bảy chi Thánh đạo..., của Phật, thì gọi là chánh định và tư lương đầy đủ của Phật.

Thế nào là bảy pháp? Tức đầu tiên là chánh kiến..., cho đến chánh niệm. Nhờ vào chánh định của Phật và với bảy chi Thánh đạo này để hướng dẫn dắt dìu việc tu hành, điều trị các lỗi lầm nên mới được thành tựu đầy đủ, cho nên gọi là chánh định tư lương đầy đủ của Phật. Các đệ tử Phật thực hành các việc như thế nên gọi là hạnh đúng lý.

Pháp tùy pháp hành thì Niết-bàn gọi là pháp, còn tám chi Thánh đạo thì gọi là tùy pháp. Các đệ tử Phật làm các việc đó, có các hạnh đó, nên gọi là pháp tùy pháp hành. Lại còn biệt giải thoát thì gọi là pháp, còn biệt giải thoát luật nghi (giới luật) thì gọi là tùy pháp. Chúng đệ tử Phật ở trong các hạnh đó, làm các việc đó, nên gọi là pháp tùy pháp hành.

Lại thân luật nghi (thân giữ luật). Giữ luận nghi và có đời sống thanh tịnh thì gọi là pháp, còn thọ trì tuân giữ các pháp ấy thì gọi là tùy pháp. Các chúng đệ tử Phật ở trong các hạnh đó, làm các việc đó thì gọi là pháp tùy pháp hành.

Hạnh hòa kính là các chúng đệ tử Phật có cùng một thứ giới luật, cùng các môn học, cùng một lời diễn nói, cùng một thứ biệt giải thoát thì cùng giữ giới, cùng học, cùng nói, cùng được biệt giải thoát. Điều Tỳ-kheo một trăm tuổi học, thầy Tỳ-kheo mới cũng phải học. Điều Tỳ-kheo mới học, thầy Tỳ-kheo một trăm tuổi cũng phải học. Pháp mà Tỳ-kheo một trăm tuổi học, thầy Tỳ-kheo mới cũng học như vậy. Pháp mà Tỳ-kheo mới phải học, thầy Tỳ-kheo một trăm tuổi cũng học như vậy.

Các chúng đệ tử Phật hay ở trong hạnh đó, có cùng một tính chất về một thứ giới, một môn học, một lời nói, một biệt giải thoát và có chung các tính chất cùng giữ giới, cùng học, cùng giảng nói, cùng biệt giải thoát..., cho nên gọi là hạnh hòa kính.

Lại các chúng đệ tử Phật thường giúp đỡ, cung kính quý trọng nhau, nhường nhịn nhau. Đối với bậc Trưởng túc, lúc nào cũng trân trọng đứng dậy đón tiếp, khoanh tay, chấp tay mà an ủi thăm hỏi, lễ bái, luôn luôn biểu hiện sự hòa thuận kính nhường. Các đệ tử Phật luôn luôn làm như thế nên gọi là hạnh hòa kính.

Hạnh tùy pháp là tám chi Thánh đạo thì gọi là tùy pháp. Các hàng đệ tử Phật luôn luôn đối với tám pháp đó mà tuân giữ hành trì, tùy thuận, luôn ở trong đó mà dạo chơi ngắm xem đi lại..., nên gọi là hạnh tùy pháp.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TÚC

QUYỂN 3

Phẩm 3: CHỨNG TỊNH, Phần 2

Tăng ở đây chính là các chúng đệ tử Phật. Ở đây sẽ chỉ bày rõ ràng về sự tụ họp, sự sâu kín (uẩn), các bộ phận, và các nghĩa tóm tắt (yếu lược).

Dự lưu hương, tức là đã được đạo không gián đoạn và có thể chứng quả Dự lưu. Người này ở thế gian, đối với các tham dục và giận dữ trong cõi Dục, trước đây chưa thể đoạn dứt được nhiều phần trong các thứ vừa kể, đối với bốn pháp Thánh đế trước đây cũng chưa hiện rõ quán, thì nay đã hiện rõ quán nên gọi là Dự lưu hương.

Quả Dự lưu, là ở trong hiện pháp đối với ba kết đã đoạn dứt và biết khắp, nhưng còn thân kiến và còn nghi ngờ về giới cấm thủ. Người này đang làm việc đoạn trừ các thứ đó, nên chưa thể tiến đến việc cầu mong chứng được quả Nhất lai, nên gọi là quả Dự lưu.

Nhất lai hương, tức là đã được đạo không gián đoạn, có thể chứng được quả Nhất lai, là trong sự liên tục không gián đoạn để chứng quả Nhất lai, thì người này đối với các thứ tham dục giận dữ ở cõi Dục, do con đường ở thế gian hoặc trước đây đã đoạn dứt được nhiều phần các thứ, và trước đây chưa hiện rõ quán bốn pháp bốn Thánh đế thì nay đã tu tập hiện rõ quán, hoặc đã trụ vào quả Dự lưu rồi nên có thể tiến đến việc cầu chứng được quả Nhất lai, nên gọi là Nhất lai hương.

Quả Nhất lai là ở trong hiện pháp đối với ba thứ kết đã đoạn dứt và biết khắp, đã đoạn trừ được rất nhiều phần các thứ tham dục, giận dữ. Vì người này đang làm việc đoạn trừ, chưa thể tiến cầu chứng quả Bất hoàn, nên gọi là quả Nhất lai.

Bất hoàn hương, tức là đã được đạo không gián đoạn, có thể chứng được quả Bất hoàn. Nghĩa là trong đạo liên tục không gián đoạn để chứng được quả Bất hoàn, thì người này đối với các thứ tham dục giận dữ ở cõi Dục, do con đường ở cõi thế gian, mà trước đây đã dứt

hắn, nhưng đối với bốn Thánh đế trước đây chưa hiện rõ quán thì nay đang tu hiện rõ quán, hoặc đã trụ vào quả Nhất lai rồi, nên có thể tiến đến cầu được chứng quả Bất hoàn, nên gọi là Bất hoàn hưởng.

Quả Bất hoàn, là ở trong hiện pháp đối với năm thứ kiết thuận phần dưới đã đoạn dứt thì biết khắp. Nhưng còn thân kiến còn nghi ngờ về giới cấm thủ và tham dục giận dữ, thì người này đang làm việc đoạn trừ các thứ đó, nên chưa thể tiến cầu chứng được quả vị A-la-hán. Nên gọi là quả Bất hoàn.

A-la-hán hưởng, tức là đã được đạo không gián đoạn, có thể chứng được quả A-la-hán, là trong sự liên tục không gián đoạn này để chứng được quả A-la-hán cao quý nhất. Hoặc người này đã trụ vào quả Bất hoàn rồi nên có thể tiến cầu để chứng quả A-la-hán, nên gọi là A-la-hán hưởng.

Quả A-la-hán, là ở trong hiện pháp (hiện đời) các tham-sân-si v.v..., tất cả các phiền não đều đã đoạn trừ hết, nên gọi là quả A-la-hán.

Nói bốn đôi Bồ-đặc-già-la là Dự lưu hưởng, quả Dự lưu là đôi thứ nhất. Nhất lai hưởng và quả Nhất lai là đôi thứ hai. Bất hoàn hưởng và quả Bất hoàn là đôi thứ ba. A-la-hán hưởng và quả A-la-hán là đôi thứ tư.

Nói tám thứ riêng lẻ Bồ-đặc-già-la, là làm sáng tỏ, tách biệt rõ ràng các cấp bậc như Dự lưu hưởng, các Bồ-đặc-già-la, tám chúng đệ tử Phật mỗi thứ riêng biệt khác nhau, tức là chỉ bày rõ ràng các thứ công đức cao quý tốt đẹp của chúng đệ tử Phật.

Giới hạnh đầy đủ, là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các giới học và vô học.

Định cụ túc (đầy đủ) là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các định học và vô học.

Tuệ đầy đủ là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các trí tuệ học và vô học.

Giải thoát đầy đủ là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các giải thoát học và vô học.

Giải thoát tri kiến đầy đủ là các vị Tăng học và vô học đều thành tựu đầy đủ các giải thoát tri kiến học và vô học.

Nói đáng mời thỉnh là kính tặng, dâng biếu, đáng cung kính cúng dường, đáng thờ kính cúng tế. Cho nên gọi là đáng mời thỉnh.

Nói đáng quy phục nghĩa là đã kính dâng biếu tặng và khéo léo kính dâng biếu tặng cung kính cúng dường, kính lễ hiến cúng khéo léo,

dù công lao ít nhưng thâm nhận được nhiều kết quả lợi ích lớn lao. Cho nên gọi là đáng quy phục.

Đáng cung kính là đối với họ dù quen biết hay không quen biết thì đều nên đứng lên trân trọng đón tiếp, khom mình chấp tay cúi đầu, rạp mình đánh lễ dưới chân các vị Thánh Tăng mà khen ngợi thăm hỏi: Sự đi đứng hành đạo của các vị có được an lạc chăng? Đó gọi là cung kính.

Nói là vô thượng, như Đức Thế Tôn bảo chúng Bí-sô: Tất cả mọi bộ phận chủng loại trong đại chúng đều hòa hợp. Các chúng đệ tử Phật là cao quý bậc nhất, rất đáng tôn quý kính trọng hơn cả, là tột bậc tối thượng không ai trên được nữa, nên gọi là vô thượng.

Nói phước điền (ruộng phước), như Đức Thế Tôn bảo với A-nan-đà: Ta chưa hề thấy có các chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v..., cùng hàng trời, người đáng được thọ nhận các sự ban ân bố thí, đã làm rồi khéo léo làm thêm, đã cúng dường rồi thì càng khéo giỏi cúng dường thêm, đã cúng kiến tế tự rồi thì càng khéo giỏi cúng kiến tế tự nhiều hơn..., như hàng Tăng chúng của Ta. Nay A-nan nên biết: Nếu đối với các Tăng chúng của Ta mà đã ban tặng cúng thí cúng dường hiến cúng tế tự và lại càng khéo giỏi ban tặng cúng thí, cúng dường, hiến cúng tế tự..., thì công lao tuy ít nhưng lợi ích quả báu thâm nhận được hết sức lớn. Lại như vị Thiên đế lên tận đỉnh núi Linh Thứu dùng kệ vi diệu khen ngợi hỏi han:

*Lễ bậc biện thuyết giỏi,
Pháp giúp đến bờ kia,
Vượt hết oán sợ hãi,
Đại Kiều-đáp-ma tôn.
Có vô lượng chúng sinh,
Ham phước tu bố thí,
Thường phát chí tín thành,
Tu các phước hữu y.
Mong Phật rũ lòng thương,
Nói phước điền cao quý,
Để vô lượng chúng sinh,
Thí ít được phước nhiều.*

Vì thương xót tất cả chúng sinh nên Đức Thế Tôn cũng dùng kệ đặc biệt bảo với Thiên đế:

*Nếu vô lượng chúng sinh,
Ham phước tu bố thí,*

*Luôn phát tâm thành tín,
Mà tu phước hữu y.
Nay Ta vì các vị,
Chỉ ruộng phước quý báu,
Khiến vô lượng chúng sinh,
Thí ít, được báu lớn.
Nếu tu bốn hướng Thánh,
Và trụ bốn quả Thánh,
Là Tăng đáng cúng dường,
Giới, định, tuệ quý, đủ.
Ruộng Tăng cao quý này,
Công đức rất rộng lớn,
Hay thấm nhuần vô lượng,
Như nước bốn biển cả.
Đệ tử quý của Phật,
Đã sinh pháp sáng suốt,
Kham nhận cúng dường quý,
Và thọ cúng kính hơn.
Chỉ thí ít vị Tăng,
Tức thí tất cả Tăng,
Nên được quả báu lớn,
Các bậc trí khen ngợi.
Trong các loại ruộng phước,
Ruộng Tăng quý hơn cả,
Chư Phật đều ngợi khen,
Thí được phước cao tột.
Đối chúng đệ tử Phật,
Thí ít mà phước lớn,
Nên những kẻ sáng suốt,
Nên cúng dường chúng Tăng.
Thánh chúng trì pháp diệu,
Đủ Minh Hạnh Đẳng trí,
Nên đối với Tăng bảo,
Bố thí thù thắng nhất.
Dùng ba thứ tịnh tâm,
Cúng dường Tăng ăn mặc,
Tất được báo vi diệu,
Là Thiện sĩ trời người.*

*Sống trong định phát sinh,
Lìa tên độc, bụi nhơ,
Thoát khỏi các đường dữ,
Hưởng vui cõi trời người.
Mình gom tiền, vật báu,
Chính tay mình bố thí,
Vì lợi mình và người,
Tất được quả báo lớn.
Có những kẻ sáng suốt,
Tâm tịnh tín bố thí,
Sẽ sinh vào cõi An lạc,
Hưởng vui quý thông minh.*

Do nói như thế nên gọi là ruộng phước.

Đáng được đời ứng cúng là các đệ tử Thánh hay làm sạch, làm thanh tịnh thế gian, nên đáng cúng dường mọi thứ. Đã làm việc cúng thí thì ba nghiệp thân, miệng, ý được thanh tịnh. Cho nên gọi là đáng được đời ứng cúng.

Nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế mà theo đó nghĩ nhớ đến các chúng Tăng (Tăng già). Do thấy làm căn bản, có chứng trí tương ứng với các niềm tin và có tính chất tin tưởng, tính chất tin tưởng hiện tiền, luôn biết tùy thuận chấp nhận, luôn có lòng ái mộ, đầy đủ tính chất ái mộ. Tâm trí luôn lắng yên, tâm trí luôn thanh tịnh. Đó gọi là Tăng chứng tịnh.

Nếu ai luôn luôn đối với các điều đó mà khuyên bảo khích lệ, an lập tạo nên..., thì nên biết đó gọi là Tăng chứng tịnh.

Nếu ai luôn luôn đối với các điều đó mà khuyên bảo khích lệ, an lập tạo nên..., thì nên biết đó gọi là dùng mọi phương tiện mà khuyên bảo khích lệ an lập khiến cho mọi người được trụ vào Tăng chứng Tịnh.

Thế nào là Thánh quý trọng giới luật? Nghĩa là thân luật nghi, ngữ luật nghi và có đời sống thanh tịnh đều vô lậu, thì gọi là Thánh quý mến giới luật.

Vì sao nói là Thánh quý trọng giới luật? Là chư Phật và các đệ tử Phật thì gọi là Thánh? Vì người đó tuân hành giới luật, ham thích, ái mộ, vui mừng, thuận theo không hề trái nghịch, nên gọi là Thánh quý mến giới hạnh.

Nếu có thể với điều đó mà dùng lời khuyên bảo khích lệ lập nên, thì phải biết đó gọi là dùng đủ các phương tiện để khuyên bảo khuyến

khích an lập, khiến mọi người đều trụ vào chỗ Thánh quý mến giới luật, giới hạnh.

Phẩm 4: QUẢ SA MÔN

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ trong vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn quả Sa-môn, đó là quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán.

1. Thế nào là quả Dự lưu? Quả Dự lưu tóm tắt có hai thứ: Hữu vi và vô vi.

Quả Dự lưu hữu vi, là chứng được quả đó và chứng được cái được đó, do các thứ căn -lực hữu học, thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học và những chủng loại của tất cả pháp hữu học. Đó gọi là Dự lưu hữu vi.

Quả Dự lưu vô vi, là ở đây thì ba thứ kết đã được đoạn dứt và các chủng loại của tất cả kết pháp đã đoạn dứt, tức là đã đoạn dứt được 88 thứ tùy miên và những chủng loại của tất cả các kết pháp đã đoạn dứt. Đó gọi là quả Dự lưu vô vi.

2. Thế nào là quả Nhất lai? Quả Nhất lai tóm tắt có hai thứ: Tức là hữu vi và vô vi.

Quả Nhất lai hữu vi, tức là được quả và được những điều do các thứ căn -lực hữu học, thi la (giới luật) hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học và những chủng loại của tất cả các pháp hữu học. Đó gọi là Nhất lai hữu vi.

Quả Nhất lai vô vi, nghĩa ở trong này là đã đoạn dứt được ba thứ kết và những chủng loại của các kết pháp đã đoạn dứt, tức là tám mươi tám thứ tùy miên đã đoạn dứt cùng những chủng loại của các kết pháp đã đoạn cũng như phần lớn các tham sân si đã đoạn và các chủng loại kết pháp phần lớn đã đoạn dứt. Đó gọi là quả Nhất lai vô vi.

3. Thế nào là quả Bất hoàn? Quả Bất hoàn tóm tắt có hai thứ: Tức là hữu vi và vô vi.

Quả Bất hoàn hữu vi, tức là được quả và được những điều do các thứ căn -lực hữu học, thi la hữu học, pháp thiện hữu học, tám pháp hữu học, và những chủng loại của các pháp hữu học. Đó là quả Bất hoàn hữu vi.

Quả Bất hoàn vô vi, nghĩa ở đây thì năm kiết thuận phần dưới đã

bị đoạn dứt, và những chủng loại của các kết pháp đã vĩnh đoạn, tức là vĩnh đoạn chín mươi hai pháp tùy miên, cùng những chủng loại của các kết pháp đã vĩnh đoạn. Đó gọi là quả Bất hoàn vô vi.

4. Thế nào là quả A-la-hán? Quả A-la-hán tóm tắt cũng có hai thứ là vô vi và hữu vi.

Quả A-la-hán hữu vi, tức là được quả và được những điều do các thứ căn và lực vô học, thi la vô học, pháp thiện vô học, pháp thiện vô học, mười. pháp vô học, và những chủng loại của các pháp vô học. Đó là quả A-la-hán hữu vi.

Quả A-la-hán vô vi, nghĩa ở đây thì tham-sân-si, tất cả các phiền não đều đã vĩnh đoạn, thoát khỏi tất cả cõi, đoạn dứt tất cả đường, ba thứ lửa vắng lặng, vượt hẳn bốn dòng lũ cuồng bạo, các thứ kiêu ngạo, sống phóng túng đều lìa xa, sự tiêu khát (thèm muốn khao khát như lửa) cũng tiêu hết, các hang hầm nhà cửa đều bị phá sạch, rốt ráo vô thượng, tịch tĩnh yên lặng tột đỉnh, sự dứt trừ ái nhiễm cũng cao tột, lìa bỏ, diệt độ và Niết-bàn. Thế nên gọi là A-la-hán.

Phẩm 5: THÔNG HẠNH

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bì-sô: Có bốn thứ Thông hạnh. Bốn thứ đó là gì? Đó là:

1. Khổ trì thông hạnh.
2. Khổ tốc thông hạnh.
3. Lạc trì thông hạnh.
4. Lạc tốc thông hạnh.

- Thế nào là khổ trì thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, có nhiều vị Bì-sô thủ chấp năm uẩn nên đã gây ra bao nhiêu sự nhục nhã, gây hại, chê bai. Do nhân tố đó mà thủ chấp năm uẩn càng bức bách ép ngặt trói chặt giống như bị mang một cái ách hết sức nặng nề. Mãi cho đến lúc chết thì cái ách ấy vẫn đeo đẳng mãi không thôi. Vậy phải đối với thủ chấp năm uẩn đó, hãy nên chán sợ thật sâu xa, phải luôn chê trách chống cự kịch liệt..., thì sẽ sinh chán sợ, chê bai, chống cự trái nghịch lại với năm uẩn.

Ở đây gọi là khổ, là do điều này mà có sự mê mờ đần độn yếu kém đối với năm căn tín y. Vì có năm căn mê mờ đần độn yếu kém, nên đã làm chậm lại việc chứng đắc quả lậu tận vô thượng.

Nói là trì (chậm chạp) tức là không nhanh chóng mau lẹ dễ dàng, không nhanh chóng được chứng đắc.

Nói vô thượng, như Thế Tôn đã nói, đối với các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, rất đáng tôn đáng quý, cao tốt bậc nhất. Đối với pháp vô thượng, có thể được, theo đó mà được, hay tiếp được tất cả những cái cần tiếp xúc và có khả năng chứng được bằng chính mình, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu tức là ba thứ lậu: Dục, hữu và vô minh. Đối với ba lậu đó đã có thể đoạn dứt, thật hết, đều hết, hết khắp, hết vĩnh viễn, diệt hết một cách toàn vẹn, nên nói là lậu tận.

Nói thông hạnh, tức là hạnh này vượt thoát một cách mạnh mẽ nhanh chóng, siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ, đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thì tu hạnh chứng lấy. Đối với tham sân si kiêu mạn, cấu bẩn lỗi lầm v.v..., thì tu hạnh vĩnh đoạn tất cả. Do rất cung kính an trụ, ân cần, trân trọng suy nghĩ, khắp nhiếp các thứ tâm sở xong rồi, do nhân tố đó, môn đó, lý đó, tướng đó mà tu hạnh thông đạt. Thế nên gọi là khổ trì thông hạnh. Lại làm hạnh đó, thì đối với nghĩa mong cầu, do tu tập càng tu tập nhiều hơn, nên hay được tùy theo mà được, tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giải chứng được bằng chính mình. Đó gọi là khổ trì thông hạnh. Lại hạnh như thế, do lời thêm lời, do tưởng đều tưởng, đặt ra mà nói là khổ trì thông hạnh. Thế nên nói là khổ trì thông hạnh.

- Thế nào là khổ tức thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Có các Bí-sô do thủ chấp năm uẩn đã gây bao nhiêu nhục nhã, gây hại, chê bai. Do nhân tố đó mà năm uẩn càng bức bách, ép ngặt, trói chặt giống như phải mang một cái ách hết sức nặng nề. Cho đến lúc chết, cái ách ấy vẫn đeo đẳng mãi không thôi. Vậy đối với năm uẩn đó, hãy nên chán sợ thật sâu xa, phải luôn chê trách chống cự kịch liệt..., thì sẽ sinh chán sợ chê bai, chống cự trái nghịch lại với năm uẩn. Ở đây gọi là khổ, là do điều này liền có sự sáng suốt lạnh lợi, mạnh mẽ đầy tràn về năm căn như tín v.v... Với năm căn sáng suốt lạnh lợi mạnh mẽ đầy đủ, cho nên khiến nhanh chóng chứng được lậu tận vô thượng.

Đây nói là mau (tốc). Tức là nhanh chóng mau lẹ dễ dàng có thể chứng đắc.

Nói vô thượng, như Thế Tôn có nói: Đối với các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, rất đáng tôn quý, cao tốt bậc nhất. Đối với pháp vô thượng có thể được, theo đó mà được (tùy

đắc), giỏi tiếp xúc với tất cả tiếp xúc, giỏi chứng được cái chính mình chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu tức là ba thứ lậu: Dục, hữu, vô minh. Đối với ba lậu đó đã có thể đoạn dứt, thật hết, đều hết, khắp hết, hết vĩnh viễn, diệt hết một cách toàn vẹn, nên nói là lậu tận.

Nói thông hạnh, tức là hạnh này là vượt thoát một cách mạnh mẽ mau lẹ, siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ, đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán thì tu hạnh tác chứng. Đối với tham sân si, kiêu mạn, cấu bẩn lỗi lầm v.v..., thì tu hạnh đoạn dứt tất cả. Do rất cung kính an trụ, ân cần trân trọng suy nghĩ, khắp nhiếp các thứ tâm sở xong rồi, do nhân tố đó, môn đó, ý đó, tướng đó, mà tu hạnh thông đạt. Thế nên gọi là khổ tức thông hạnh. Lại cái hạnh như thế, thì đối với ý nghĩa mong cầu do tu tập, càng tu tập nhiều hơn, nên hay được tùy theo mà được, tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng. Thế nên gọi là khổ tức thông hạnh. Lại hạnh như thế, do lời thêm lời, do tướng đều tướng, đặt ra mà nói là khổ tức thông hạnh. Thế nên nói là khổ tức thông hạnh.

- Thế nào gọi là lạc trì thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói: Có nhiều vị Bí-sô đã lìa dục và các pháp xấu ác chẳng thiện, có tâm có tứ, ly sinh hỷ lạc. Bấy giờ an trụ đầy đủ vào bậc sơ thiên, tâm tứ đều dứt, bên trong tâm luôn một cõi an tịnh, định sinh hỷ lạc. Rồi an trụ đầy đủ vào nhị thiên, lìa mừng vui mà trụ vào buông xả, chánh niệm chánh tri, thân nhận được sự hoan lạc của Phật đã nói, niệm buông xả đầy đủ, trụ vào an lạc. Rồi an trụ đầy đủ vào bậc tam thiên, bấy giờ đã đoạn dứt khổ và vui, các sự mừng vui trước đây đều tiêu mất không còn khổ hay vui, niệm buông xả được thanh tịnh. Và an trụ đầy đủ vào tứ thiên. Bấy giờ người đó không còn nghĩ đến việc hại mình, hại người hay mình người đều bị tổn hại, mà nghĩ về việc làm lợi cho mình, lợi người, lợi cho tất cả mọi người trong nhiều đời, luôn đem lại niềm vui vẻ an lạc cho tất cả mọi người, luôn thương xót tất cả cõi thế gian mà làm những việc có ý nghĩa lợi ích an lạc cho hàng trời, người và không tổn hại cho tất cả.

Trong này gọi là lạc (vui), nghĩa là do điều này đã khởi lên, đã có sự mê muội dần dần, yếu kém về các tín, tấn, niệm, định, tuệ năm căn. Với năm căn mê muội dần dần yếu kém như thế, nên hay làm trì trệ chậm lại việc chứng được các lậu tận vô thượng.

Trì (chậm) nói ở đây, tức là không nhanh chóng mau lẹ dễ dàng, không nhanh chóng chứng đắc đạo quả.

Nói vô thượng, như Thế Tôn nói: Đối với các pháp hữu vi và vô vi thì Ta nói sự lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, rất đáng tôn quý, cao cả tột bậc. Đối với pháp vô thượng đều có thể được, tùy được, đều tiếp xúc với mọi tiếp xúc, có thể chứng được tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu là ba lậu: Dục hữu, vô minh. Đối với ba thứ lậu đó thì đã đoạn dứt hết, thật hết, đều hết, khắp hết, hết vĩnh viễn, diệt hết một cách vẹn toàn. Nên gọi là lậu tận.

Nói thông hạnh, là với hạnh này thì vượt thoát mạnh mẽ siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các quả vị Bất hoàn, A-la-hán mà tu hành tác chứng. Đối với các thần thông tác chứng trí cảnh (trí biến hóa thần thông) và trí chứng thiên nhĩ thông, trí thần thông hiểu biết tâm ý khác nhau của mọi người (tha tâm thông), trí thông suốt nghĩ nhớ rõ ràng các đời kiếp quá khứ của mình và của mọi người, trí rõ biết thấu suốt mọi lẽ tử sinh, trí đã dứt trừ hết các lậu..., mà tu hành tác chứng. Đối với tham sân si kiêu mạn, cấu bẩn v.v..., đều tu hạnh đoạn dứt. Do rất mực cung kính, an trụ, ân cần trân trọng tư duy nên khắp nhiếp, làm chủ được mọi tâm sở. Do nhân tố đó, pháp môn đó, lý nghĩa đó, cái tướng đó mà tu hạnh thông đạt, nên gọi là Lạc trì thông hạnh. Lại với hạnh như thế, đối với ý nghĩa mong cầu do tu tập, tu tập càng nhiều hơn nên hay được, giỏi tùy được, giỏi tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng. Do đó mà gọi là Lạc trì thông hạnh. Lại với hạnh như thế, do lời thêm lời, do tưởng đều tưởng, nên đặt ra mà nói là Lạc trì thông hạnh. Thế nên gọi là Lạc trì thông hạnh.

- Thế nào là Lạc tốc thông hạnh?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói có nhiều vị Bí-sô đã lìa dục và các pháp xấu ác chẳng thiện, rộng nói cho đến đã nhập vào tứ thiên mà an trụ đầy đủ ở đấy. Bấy giờ người này không còn nghĩ đến việc làm tổn hại mình, hại người hay cả mình - người đều bị hại, mà luôn nghĩ đến việc làm lợi mình, lợi người, làm lợi cho tất cả mọi người trong nhiều đời, luôn đem lại niềm vui vẻ an lạc cho tất cả. Luôn thương xót cõi thế gian mà tạo các việc có nghĩa lý, ích lợi an lạc cho hàng trời, người và không tổn hại cho tất cả.

Lạc (vui) nói trong này, là từ đó mà khởi lên, sinh ra sự sáng suốt, lạnh lợi mạnh mẽ đầy đủ về năm căn như tín v.v... Với năm căn sáng suốt lạnh lợi mạnh mẽ đầy đủ đó, nên giúp nhanh chóng chứng được lậu tận vô thượng.

Nói nhanh chóng (tốc), nghĩa là nhanh chóng mau lẹ dễ dàng giúp

cho chứng đắc mau lẹ.

Nói vô thượng, như Đức Thế Tôn nói: Đối với các pháp hữu vi và vô vi, Ta nói việc lìa nhiễm là cần thiết bậc nhất, đáng tôn quý nhất, cao tột nhất. Đối với pháp vô thượng thì hay được, tùy được, giỏi tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng, nên gọi là chứng đắc.

Nói lậu tận, lậu tức là ba thứ lậu: Dục, hữu, vô minh. Đối với ba thứ lậu đó đều đã đoạn dứt hết, thật hết, đều hết, khắp hết, hết vĩnh viễn, đoạn trừ thật vẹn toàn.

Nói thông hạnh, nghĩa là với hạnh này, thì vượt thoát mạnh mẽ, siêng năng cần mẫn, ham muốn cao độ đối với bốn Thánh đế mà tu hạnh hiện rõ quán. Đối với các trí thần thông biến hóa mọi cảnh vật, trí thiên nhĩ thông (tai thần), trí hiểu biết sự sai khác của tâm mọi người (tha tâm thông), trí nhớ biết đầy đủ rõ ràng các đời quá khứ của mình và mọi người, trí thấu suốt mọi lẽ tử sinh, trí diệt trừ hết các lậu..., thì tu hành tác chứng. Đối với tham sân si, kiêu mạn, các cấu bần v.v..., thì tu hạnh đoạn trừ dứt hết. Vì rất mực cung kính, an trụ, ân cần trân trọng suy tư nên khắp nhiếp, làm chủ được mọi tâm sở. Do nhân tố đó, pháp môn đó, lý đó, tướng đó mà tu hạnh thông đạt, nên gọi là Lạc tốc thông hạnh. Lại với hạnh như thế, đối với ý nghĩa mong cầu, do tu tập và tu tập càng nhiều hơn nên hay được, giỏi tùy được, giỏi tiếp xúc với mọi tiếp xúc, giỏi chứng được tác chứng, nên gọi đó là lạc tốc thông hạnh. Lại với hạnh như thế, do lời thêm lời, tướng đều tướng nên đặt ra mà nói là lạc tốc thông hạnh. Thế nên gọi là Lạc tốc thông hạnh.

Ở đây, nếu đối với khổ trì thông hạnh mà tu tập càng nhiều hơn lên, thì có thể khiến khổ tốc thông hạnh nhanh chóng được viên mãn. Nếu đối với lạc trì thông hạnh, mà tu tập và càng tu tập nhiều hơn lên, thì có thể khiến cho lạc tốc thông hạnh mau được viên mãn. Lại nếu đối với khổ trì thông hạnh kia mà tu tập và càng tu tập nhiều hơn lên thì có thể khiến cho lạc trì thông hạnh mau được viên mãn. Và nếu đối với, khổ tốc thông hạnh mà tu tập, tu tập càng nhiều mãi, thì có thể khiến cho lạc tốc thông hạnh mau chóng được viên mãn.

Phẩm 6: THÁNH CHỨNG

Một thời, Đức Bạc-già-phạm ngụ nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với các Bí-sô: Có bốn Thánh chủng

(dòng giống Phật) này thật là quý báu, chính là dòng dõi thật đáng mến thích, vì ở hiện tại không hề có tạp bản cũng như chưa từng có và sẽ chẳng bao giờ tạp bản, tất cả Sa-môn hoặc Bà-la-môn, chúng Thiên Ma Phạm hoặc cõi thế gian khác không thể dùng pháp nào, cách gì mà chê bai nhạo báng được.

Những gì là bốn? Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta khi được người cúng dường y phục thì liền sinh hỷ túc (tri túc mừng cho là đủ), ca tụng khen ngợi tán thán hỷ túc, không bao giờ vì việc mong tìm y phục mà để cho thế gian chê cười. Nếu tìm có thì không hề buồn phiền than trách, dẫn đến việc ngóng cổ kiếm tìm, vượt ngục tức tối buồn phiền. Nếu khi tìm có rồi thì đúng pháp mà thọ dụng, không hề ham thích mê mẩn đời, rồi tích chứa giấu giếm... Đến khi thọ dụng thì luôn nghĩ đến các lỗi lầm sai trái của mình và quyết lòng tính chuyện xuất ly giải thoát. Người này vì khi được y phục mà hỷ túc nên không bao giờ lên mặt khinh chê miệt thị kẻ khác, mà luôn luôn siêng năng tự khuyến răn khích lệ, luôn buộc niệm vào chánh tri. Đó gọi là an trụ vào Thánh chủng cổ xưa. Người đệ tử như thế khi được thức ăn uống liền sinh hỷ túc, rộng nói như trước đã kể. Người đệ tử như thế, khi được ngọa cụ giường nằm liền sinh hỷ túc, rộng nói như trước... Người đệ tử như thế, ái và lạc đã đoạn dứt, siêng năng chuyên cần tìm học phương cách đoạn trừ ái lạc ham muốn, và rất ưa thích việc tu tập siêng năng chuyên cần học hỏi về việc tu tập ái lạc. Vì như thế nên người đó đã tu tập đoạn trừ được ái lạc ham thích không bao giờ miệt thị khinh khi kẻ khác. Trái lại luôn siêng năng tự khích lệ mình thường buộc niệm vào chánh tri. Đó gọi là an trụ vào dòng dõi Hiền Thánh tự ngàn xưa. Đó là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Ta, luôn thành tựu được bốn thứ Thánh chủng như thế, nên khắp Đông Tây Nam Bắc này, những chỗ nào không ai thêm ở, nhưng người này lại có thể ở được, vì vui hay không vui, thích hay không thích, người ấy đều có thể chịu đựng được. Bây giờ, Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa trước đây nên nói kệ:

*Dũng không ưa ở đó,
Người ấy ưa ở đó,
Không vui ưa cái ưa,
Người đó chịu đựng được.
Đã buông bỏ tham dục,
Không vật nào ngăn ngại,
Vàng ròng Nam Thiệm-bộ,
Thì ai khen chê được.*

Có bốn thứ Thánh chủng là cao quý.

Nói bốn thứ Thánh chủng đó là gì? Đó là tất cả Phật và các hàng đệ tử cùng chung một thi thiết là tối thắng.

Là dòng dõi, thì tất cả chư Phật cùng các hàng đệ tử đã từ xa xưa không phải là cùng dòng họ ở chung một nhà.

Thật đáng mến thích, thì bốn Thánh chủng này là tất cả chư Phật cùng các hàng đệ tử, từ xa xưa đến nay suốt cả ngày đêm, trong mọi thời gian đều mến thích chánh pháp.

Hiện không tạp nhiễm, là bốn Thánh chủng này trong hiện tại không làm những điều xấu ác, bất thiện, hoặc gần gũi những nơi sinh lây ô nhiễm của tội ác, không có tính chất lộn xộn, nhiễm bẩn, mà lại hay xa lìa chúng.

Chưa từng có tạp nhiễm là bốn Thánh chủng này, ở quá khứ không làm các điều xấu ác chẳng thiện hoặc gần gũi nơi sinh lây của tội ác, không có tự tánh lộn xộn nhiễm bẩn, mà lại hay xa lìa từ bỏ chúng.

Sẽ không bao giờ có tạp nhiễm, tức là bốn Thánh chủng này ở đời vị lai sẽ không hề làm các điều xấu ác, các pháp chẳng thiện, hoặc gần gũi nơi sinh lây của tội ác, không có tự tánh (tánh) lộn xộn, nhiễm bẩn, mà lại giới xa lìa từ bỏ chúng.

Cho nên các hàng Sa-môn v.v..., không thể dùng pháp nào, cách gì mà chê bai nhục mạ họ được, thì bốn Thánh chủng này không phải là tất cả chư Phật và hàng đệ tử, hoặc là các bậc Hiền Thánh cao quý, các bậc Thiện sĩ..., có thể chê bai hủy báng được. Nghĩa là các thánh chủng đó đối với những kẻ hạ tiện thấp kém và pháp chẳng thiện, mà tin theo làm theo là tự hại mình, hại người, hoặc mình và người đều tổn hại, lại hay tiêu diệt trí tuệ, hay ngăn trở các loại đó, làm chướng ngại Niết-bàn. Nếu hạng đó làm các pháp này (điều đó) thì không sinh trí tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không thể chứng được Niết-bàn.

Những Thánh chủng này không phải là pháp để hạng kia chế nhục mạ hủy báng.

Khi tùy lúc có được y phục liền sinh hỷ tức, nghĩa là tùy lúc có được thứ y phục phấn tảo hay có được thứ y phục do thí chủ cúng dường, dù xấu hay đẹp đều sinh lòng hỷ tức, cầu được dùng để che thân, ngăn nóng lạnh mà thôi. Khen ngợi tánh hỷ tức nghĩa là luôn khen ngợi rằng đối với việc có được y phục mà biết hỷ tức, đó là từ hỷ tức này sẽ dẫn đến suốt đời (trường đạ) thiếu dục hỷ tức, tánh giản dị để sống dễ đủ. Luôn giảm trừ các việc ác, thêm lớn các nghiệp thiện, nên nhanh chóng được viên mãn, có nhiều phước đức. Đối với các vật thường dùng luôn

biết chừng mực độ lượng, nên luôn khiến mình và người, thân tâm đều được nghiêm tịnh.

Thường luôn khen ngợi, tức là không nói nhiều, nói hoài, chỉ khi nào thấy việc đáng nói thì tùy trường hợp, tùy duyên mà nói, khiến người khác phải khâm phục, tôn trọng sự hỷ tức này vậy.

Không vì cầu tìm y phục mà khiến thế gian dè bĩu khinh khi, nghĩa là người đệ tử Phật không phải là loại người vì mong cầu y phục mà đến nhà thí chủ giả dạng oai nghi, bày lời nói năng biện luận, mạo tượng miệt mài đầu khổ chỉ là để dụ lợi, khiến cho người đời lăm lăm dè bĩu khinh khi. Các hàng đệ tử Phật không thể giống với hạng này nên không bị người khác bàn tán chê cười.

Nếu cầu không được thì cũng không áo nã buồn than, là đệ tử Phật khi mong cầu ăn mặc gặp lúc không được như ý thì cũng không hề áo nã buồn than hoặc ngóng cổ trông mong, vỗ ngực tức tối buồn phiền, có nghĩa là lòng nóng nảy bứt rứt, đều nóng, nóng khắp, trong lòng giận hờn uất ức như kinh hoàng bỏng cháy, sầu lo hối hận, như tên độc bắn trúng tim, không biết phải xử sự ra sao, chỉ biết luôn luôn buồn phiền oán trách khẩn cầu tha thiết, gọi chung là áo. Than, nghĩa là tâm buồn rầu nóng nảy bực bội như thế rồi thì nghĩ: Ta không có y phục biết phải dùng phương cách nào mà tự cứu đây? Nhân đó mà phát ra vô số lời lẽ nói về ý nghĩ của mình, gọi chung là than thở.

Ngóng cổ mong tìm là buồn phiền than thở xong rồi, liền ngóng cổ mong sao thí chủ để ý đến (hoặc đổi ý cho thêm thứ tốt).

Vuốt ngực buồn phiền, là đợi mãi mà chẳng có được, hết đường hy vọng nên đành vuốt ngực buồn phiền. Các đệ tử của Phật thì không bao giờ làm các việc như thế. Nếu cầu được rồi thì đúng pháp mà thọ dụng, lòng không hề đắm trước ham thích mê mẩn, rồi giấu giếm tàng trữ chứa nhóm.

Nói là đắm mê đắm trước, đều là chỉ rõ tánh tham ái, dù trước hay sau, có nặng hay nhẹ, cũng phân biệt rõ ràng các ngôi thứ phân lượng.

Đến khi thọ dụng thì chỉ nghĩ đến các lỗi lầm tai họa, chỉ một lòng nghĩ đến chuyện xuất ly giải thoát, là các đệ tử Phật khi thọ dụng các thứ y phục có được, thì thường thấy những tai họa lỗi lầm. Nghĩa là những thứ y phục này luôn vô thường biến động. Khi mong tìm thì tổn biết bao công khó mệt nhọc, rồi thọ dụng không đúng pháp thì sinh nhiều tật bệnh, là các pháp mất mát hư hoại, là các sự thêm nhiều giảm bớt. Vì tạm được rồi lại mất đi, nhanh chóng không ngừng nghỉ. Xưa là không mà nay lại có, đã có rồi lại hoàn không, chẳng thể bảo đảm tin

cậy được. Lại khi thọ dụng thì chỉ nghĩ biết một việc là xuất ly. Luôn thành tựu việc tiến đến trí tuệ xuất ly giải thoát. Vì muốn chứng nhập Niết-bàn mà thọ dụng y phục này. Lại khi thọ dụng thì trước hết phải điều phục chế ngự tham dục, kế đến phải đoạn trừ tham dục, sau hết là thoát khỏi tham dục. Do nhân duyên này mà tâm lìa nhiễm và được giải thoát.

Người này do khi được y phục mà biết hỷ túc, không làm cao lên mặt khinh chê miệt thị người khác, là người đệ tử Phật này tuy đối với việc được y phục luôn biết hỷ túc nhưng không bao giờ lên mặt khi người, không giống như một kẻ ỷ mình có được hỷ túc mà kiêu ngạo phách lối khoe: Chỉ có ta biết thiếu dục hỷ túc như thế, chỉ có ta là không đòi hỏi biết tri túc, không lảm chuyện lảm điều, là kẻ ít sự việc, ít tạo tác, ít ham thích mê đắm nhất, chỉ có ta biết sống giản dị, dễ sống dễ đủ, luôn biết giảm thiểu các điều ác, thêm nhiều các nghiệp thiện. Nên mau được viên mãn trọn vẹn, có nhiều phước đức. Đối với các vật thường dùng luôn biết chừng mực độ lượng. Hay khéo vì người khác mà ca tụng ngợi khen pháp hỷ túc. Không như một số người do biết sống hỷ túc mà khinh thị người khác rằng: Mấy ông Bí-sô khác..., có ông nào biết sống thiếu dục hỷ túc đâu! Có ai mà ít đòi hỏi, ít việc ít điều đâu... rộng nói cho đến có ai biết vì người khác mà khen ngợi ca tụng pháp hỷ túc đâu!

Các hàng đệ tử Phật đều không bao giờ làm các việc đó, mà luôn luôn tự sách tấn, tự răn mình luôn buộc niệm vào chánh tri. Nghĩa là người đệ tử Phật đối với việc tùy nghi có được y phục thì biết hỷ túc, đúng như pháp mà thọ dụng, không hề đắm mê nhiễm trước, hay ngấm nghĩ các lỗi lầm tai họa, luôn chánh tri lo việc giải thoát xuất ly. Không bao giờ khinh miệt người khác, lại thường siêng năng tự khuyến khích răn mình, luôn chánh niệm chánh tri.

Nói tự khuyến khích răn mình, tức là chỉ cho sự tinh tấn siêng năng, chuyên cần cố gắng.

Chánh tri, tức là chánh kiến, thấy biết đúng đắn.

Hệ niệm, tức là chỉ về chánh niệm.

Ở đây tóm lược chỉ rõ ba chi đạo của bảy giác chi nên gọi là an trụ.

Thánh chủng cổ tích (giống thánh ngàn xưa). Câu Thánh chủng cổ tích trước là chỉ cho các đệ tử Phật đã thành tựu điều phục được các nghiệp thiện, tâm ý an vui như trước đã nói. Còn Thánh chủng cổ tích sau là nói rõ rằng từ xưa đến nay tất cả các bậc Hiền Thánh đều nương

theo dòng Thánh như thế mà tu tập, tu tập thật nhiều thì mới đến được chỗ rốt ráo.

An trụ nói trong này, là nói về các đệ tử Phật đối với việc tùy lúc có được y phục mà biết hỷ túc, lại càng cố gắng tạo thêm nhiều điều thiện hữu lậu và đạo vô lậu, các thứ an trụ đều trụ, trụ khắp, trụ gần...

Người đệ tử như thế tùy nghi được ăn uống liền biết hỷ túc. Nghĩa là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật khi đi khát thực được các thức ăn uống, hoặc được mời thỉnh cúng dường mà được ăn uống, dù ngon hay dở cũng đều nên biết hỷ túc, chỉ là để nuôi thân cho qua cơn đói khát.

Rộng nói như trước, nghĩa là khen ngợi ca tụng, hỷ túc v.v... Rộng nói như trước đã nói về việc có được y phục mà biết hỷ túc.

Các vị đệ tử như thế, khi được ngọa cụ liền biết hỷ túc, là hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật khi nhận được tọa cụ để trải bên gốc cây, hoặc để trải trong phòng xá lâu đài, dù tốt hay xấu đều nên sinh lòng biết hỷ túc. Đây là vật giúp thân khi quá mệt mỏi mà ngồi nằm nghỉ ngơi.

Rộng nói như trước, tức là khen ngợi pháp hỷ túc v.v..., cũng rộng nói như trước đã nói khi được y phục mà sinh lòng hỷ túc...

Các vị đệ tử như thế đoạn dứt ái dục v.v..., nghĩa là các hàng đệ tử Hiền Thánh đa văn của Phật thường lo đoạn ái và tu ái. Luôn ham thích việc tu tập đoạn trừ, siêng năng chuyên cần tìm học các phương cách đoạn và tu ái lạc.

Thế nào là đoạn ái và tu ái? Nghĩa là nếu chưa đoạn trừ hết các pháp chướng thiện, chưa tu tập các pháp thiện, nên không ham thích, không vô cùng ham thích các việc tu tập và đoạn trừ, do đó mà có việc ngóng cổ ráo dát trông chờ tìm kiếm. Còn như ai đã đoạn các nghiệp ác chướng thiện, tu tập các pháp thiện, thì người này ham thích, rất ham thích các việc tu và đoạn, thành thử không có việc ngóng cổ trông chờ.

Thế nào là ham thích (nhạo) việc tu tập đoạn trừ? Nghĩa là rất ham thích việc đoạn trừ và tu tập, càng cố gắng thêm nhiều để siêng năng chuyên cần học tập. Do người này đã đoạn trừ và tu tập các ái lạc như thế, nhưng không bao giờ ỷ mình mà khinh người khác, nghĩa là người đệ tử Phật tuy đã đoạn trừ và tu tập các ái lạc, tuy đã siêng năng chuyên cần học hỏi, nhưng không bao giờ giống như một loại người chính vì sự ham thích và đoạn trừ này mà ỷ mình khoe rằng: Ta đã được thiếu dục hỷ túc, ít ham muốn đòi hỏi biết tri túc, không lăm việc lăm điều, rất ít bày đặt gây tạo hoặc đam mê đắm trước, dễ sống dễ đủ luôn giảm

bớt các điều ác, thêm lớn các việc thiện, ham thích ưa chuộng sự tu tập đoạn trừ, luôn siêng năng chuyên cần học tập việc đoạn trừ và tu tập các sự ham muốn ưa thích (ái lạc), chẳng phải như một loại người do sự ham thích việc tu và đoạn ái lạc đó mà dấy lên khinh chê người khác rằng: Các ông Bí-sô khác đều không hề biết thiếu dục hỷ tức là gì, hãy còn lắm sự nhiều việc..., rộng nói cho đến là biết ham thích việc tu tập và đoạn trừ, luôn cố gắng siêng năng chuyên cần học hỏi các việc đoạn trừ, tu tập các ham thích ái lạc. Các hàng đệ tử Phật đều không bao giờ làm các việc như thế, mà luôn tự khuyến khích mình, biết đúng nghĩ đúng, đó gọi là an trụ trong dòng Thánh chủng ngàn xưa, cũng rộng giải thích như trước về những sự khác nhau.

An trụ nói trong này là chỉ rõ cho các đệ tử Phật đối với việc đoạn trừ và tu tập các ái lạc, cố gắng tăng thêm nhiều các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, các thứ an trụ đều trụ, trụ khắp, trụ gần.

Phẩm 7: CHÁNH THẮNG, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm, trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn thứ Chánh thắng (bốn điều cao quý) đó là:

1. Các điều ác, chẳng thiện đã sinh ra, hãy đoạn trừ đi! Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng chuyên cần, luôn cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

2. Các điều ác, chẳng thiện chưa sinh ra, hãy khiến nó đừng sinh. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng, luôn cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

3. Các điều thiện chưa sinh, phải khiến chúng sinh ra. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng, luôn cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

4. Các điều thiện đã sinh rồi, nên kiên trì làm mãi không quên buông bỏ. Luôn tu tập đầy đủ, nuôi dưỡng cho nó tăng thêm mãi lên, đến được trí tuệ tác chứng rộng lớn mới thôi. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng cố gắng giữ gìn, kiểm chế tâm mình.

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa trên nên đọc kệ:

*Khi mới tu Chánh thắng,
Đã thắng được sinh tử,
Nếu tu đến bờ kia,*

*Thì dẹp tan quân ma.
Nhiều đức, lìa trần cấu,
Không bị duyên ác ngăn,
Đến Niết-bàn bờ kia,
Chúng cực lạc vô cực.*

1. Các điều ác chẳng thiện đã sinh rồi thì hãy đoạn trừ. Nên khởi lòng ham thích khởi dậy tánh siêng năng, luôn cố gắng giữ gìn, sách tấn khuyến nhắc tâm mình.

Hỏi: Thế nào là các điều ác chẳng thiện đã sinh rồi?

Đáp: Nghĩa là trong đời quá khứ và hiện tại có năm thứ màn che kín, đó là:

1. Tham dục.
2. Giận dữ.
3. Hôn trầm tùy miên.
4. Trạo cử ố tác.
5. Nghi ngờ.

Thế nào là các điều ác đã sinh hãy diệt trừ là pháp chánh thắng? Nghĩa là có thầy Bì-sô vì muốn diệt trừ màn tham dục đã sinh, nên đứng lý mà suy nghĩ: Cái màn che tham dục đó thật là quá tai ác lỗi lầm, đó là pháp chẳng thiện, chỉ có kẻ hạ tiện thấp hèn mới tin tưởng làm theo, còn Phật và đệ tử của Ngài, các bậc Thiện sĩ thì đều chán chê ghê tởm. Vì nó làm hại mình, hại người, hoặc mình và người đều hại. Nó tiêu diệt trí tuệ, làm trở ngại Bồ đề, ngăn chướng Niết-bàn. Nếu ai làm các điều đó thì không sinh được trí tuệ sáng suốt, không tiến đến Bồ-đề, không chứng Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi liền khởi dậy tánh siêng năng thế lực vô cùng mạnh mẽ, sức hăng hái khó ngăn, lòng cố gắng mãi không ngừng. Với con đường đó, đạo lý đó gọi là pháp Chánh thắng đoạn dứt các tham dục đã sinh. Người này với đạo lý đó mà tu tập, tu tập càng nhiều mãi lên thì đoạn trừ được các màn che tham dục đã sinh.

Khởi lòng ham thích, là để đoạn trừ màn tham dục đã sinh, liền khởi và sinh các thứ cần sinh khởi, tụ tập và xuất hiện các ý thích vui vẻ cầu mong tiến tới. Người này với các ý ham thích đó liền đoạn trừ được màn tham dục đã sinh.

Khởi dậy tánh siêng năng, là để đoạn trừ tham dục đã sinh nên khởi dậy tánh siêng năng, rộng nói cho đến lòng cố gắng không ngừng. Người này, do đó mà đoạn trừ được tham dục đã sinh.

Sách tấn khuyến khích tâm mình, là để đoạn trừ các tham dục đã sinh mà luôn siêng năng chuyên cần tu tập, lòng cùng làm với các thứ

vui mừng, khích lệ khuyến nhắc, với buông xả và định, nhưng không hề có mặt của sự hèn kém mê mờ. Người đó do tâm tu tập như thế, cho nên liền đoạn trừ được tham dục đã sinh.

Giữ gìn kiểm chế tâm là để cắt đứt màn tham dục đã sinh mà giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo, tức là từ Chánh kiến đến Chánh định. Người này do cách đó (đạo) mà giữ lòng tu tập, tu tập nhiều hơn, liền đoạn trừ được màn tham dục đã sinh.

Lại có vị Bí-sô vì đoạn trừ màn tham dục đã sinh, nên đứng lý mà suy nghĩ: Xuất gia có công đức, sự xuất gia đó thật là pháp thiện, đó là điều rất đáng quý trọng tôn kính, nên tin hiểu thọ trì tuân làm, Đức Phật và các đệ tử, các bậc Thiện sĩ đều cùng vui mừng khen ngợi. Vì nó không làm hại mình, hại người, không hại cả mình và người mà khiến thêm lớn trí tuệ, không ngăn trí tuệ, không chướng ngại Niết-bàn thường sinh trí tuệ sáng suốt, hay dẫn đến Bồ-đề, hay chứng Niết-bàn... Suy nghĩ như thế rồi, liền khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng siêng năng không ngừng. Con đường đó, đạo lý này gọi là pháp Chánh thắng đoạn dứt được các tham dục đã sinh. Do con đường này, người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều mãi, nên đoạn trừ được màn tham dục đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến việc khích lệ tâm, giữ gìn kiểm chế tâm..., đều như trước đã nói...

Lại có vị Bí-sô vì muốn cắt đứt màn tham dục đã sinh, nên đứng lý mà suy nghĩ: Màn tham dục ấy giống như bệnh ung nhọt, như khổ nạn của tên độc, luôn luôn là vô thượng, khổ, không, vô ngã, luôn chuyển động không ngừng, mệt mỏi rã rời, ốm yếu. Nó là pháp mất mát hư hoại, nhanh chóng không dừng, hư hao mục rã không thường còn, không thể bảo đảm tin tưởng được, nó là pháp luôn biến đổi hư hoại... Suy nghĩ như thế, nên khởi dậy tánh siêng năng..., Rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường đó, đạo lý đó gọi là pháp Chánh thắng đoạn trừ dứt hẳn màn tham dục đã sinh. Người đó với con đường ấy đã tu tập, càng tu tập nhiều mãi lên, liền đoạn dứt được màn tham dục đã sinh. Và khởi lòng ham thích..., cho đến khích lệ tâm, gìn giữ tâm, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô, vì muốn đoạn trừ màn tham dục đã sinh, nên đứng lý mà suy nghĩ rằng: Diệt là tịch tĩnh vắng lặng, còn đạo thì đưa đến việc xuất ly giải thoát. Suy nghĩ như thế nên khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng luôn siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng diệt trừ hẳn màn tham dục đã sinh... Người ấy đối với con đường đó đã tu tập và tu tập nhiều hơn, nên

liền đoạn trừ được tham dục đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ tâm, kìm giữ tâm, đều như trước đã nói. Còn bốn thứ màn che kia (sân giận hôn trầm trạo cử v.v...) thì giống như tham dục đã nói. Chỉ có sự sai khác là thay vì nói tham dục thì nói là giận hờn, hôn trầm v.v...

Lại có vị Bí-sô vì muốn đoạn trừ tất cả các điều ác, chẳng thiện đã sinh, đúng lý mà suy nghĩ: Các điều ác chẳng thiện đó thật là tai quái tội lỗi. Nó là pháp chẳng thiện. Chỉ có kẻ hèn hạ thấp kém mới tin tưởng làm theo..., rộng nói cho đến không chứng Niết-bàn... Suy nghĩ như thế nên khởi dậy tánh siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện. Đối với con đường đó người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều mãi lên, cho nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại của những điều ác chẳng thiện đã sinh.

Khởi lòng ham thích là để đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh, nên khởi đều khởi..., rộng nói cho đến mong cầu tiến lên... Người này đã sinh khởi các ham thích nên đoạn trừ được điều ác chẳng thiện đã sinh.

Khởi dậy tánh siêng năng, là vì muốn đoạn trừ tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh mà khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng nghỉ. Người này do đó liền đoạn trừ được hết các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh.

Khích lệ tâm là vì đoạn trừ tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, mà siêng năng chuyên cần tu tập, tâm cùng làm với mừng vui..., rộng nói cho đến tận cùng làm với định..., người ấy do tu tập cái tâm như thế, nên đoạn trừ được tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh.

Kìm giữ tâm là để đoạn trừ tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, mà giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Đối với đạo lý này, người ấy giữ tâm tu tập, càng tu tập nhiều mãi lên, nên đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh.

Lại có vị Bí-sô muốn đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Xuất gia có công đức, xuất gia như thế là pháp thiện chân thật, là điều quý báu cao cả. Vậy nên tin hiểu và thọ trì tuân hành..., rộng nói cho đến giới chứng được Niết-bàn... Suy nghĩ thế rồi liền khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến tâm siêng năng mãi không ngừng. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng, đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã

sinh. Do con đường này, mà người ấy tu tập và càng tu tập nhiều mãi lên, nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Và việc khởi lòng ham thích cho đến khích lệ tâm, kìm giữ tâm, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô vì muốn đoạn trừ tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên đứng lý mà suy nghĩ: Các điều ác bất thiện kia giống như bệnh ung nhọt độc, rộng nói cho đến nó là pháp biến đời hư hoại. Siêng năng như thế, nên khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường đó gọi là pháp Chánh thẳng đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Với con đường này, người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều hơn mãi, nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ kìm giữ tâm mình, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô vì muốn đoạn trừ tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên đứng như lý mà suy nghĩ: Diệt là tịch tĩnh yên lặng, còn đạo thì có thể giúp ta xuất ly giải thoát. Suy nghĩ như thế rồi liền khởi dậy tánh siêng năng..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Con đường này, gọi là pháp Chánh thẳng đoạn trừ hết tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Đối với con đường này, người ấy đã tu tập, càng tu tập nhiều mãi lên, nên liền đoạn trừ được tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện đã sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ, kìm giữ tâm, đều như trước đã nói.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 4

Phẩm 7: CHÁNH THẮNG, Phần 2

2. Các điều ác bất thiện chưa sinh hãy khiến chúng đừng sinh. Nên khởi lòng ham thích, khơi dậy sự siêng năng cần mẫn, khích lệ và gìn giữ tâm mình.

Hỏi: Thế nào là các điều ác bất thiện chưa sinh?

Đáp: Tức là năm màn che ở đời vị lai Thế nào các điều ác bất thiện chưa sinh thì hãy khiến chúng đừng sinh là Chánh thắng?

Nghĩa là có vị Bí-sô vì muốn ngăn ngừa các màn che tham dục chưa sinh, nhất quyết khiến chúng đừng sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Màn che tham dục vô cùng tai hại quá ác, đó là pháp chẳng thiện. Chỉ có kẻ hèn kém mới tin tưởng làm theo. Còn Phật và các đệ tử của Ngài, các bậc hiền quý Thiện sĩ đều cùng chán chê ghê tởm. Vì nó làm hại mình, hại người, hại cả mình và người. Nó tiêu diệt trí tuệ, nó ngăn trở bồ đề và chướng ngại tịch diệt. Nếu ai làm các điều đó thì không sinh trí tuệ, không dẫn đến Bồ-đề, không chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ thế rồi, liền phát sinh siêng năng chuyên cần với thế rất mạnh mẽ, hăng hái khó ngăn, lòng cố gắng không hề ngừng nghỉ. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng, ngăn không cho sinh các tham dục chưa sinh. Đối với con đường này, người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều hơn, cho nên ngăn ngừa các tham dục chưa sinh không cho sinh.

Khởi lòng ham thích, là vì muốn ngăn ngừa các tham dục chưa sinh đừng sinh, liền khởi sinh tất cả mọi thứ rồi tu tập xuất hiện, vui mừng ham thích mong cầu tiến tới. Do khởi lòng ham thích đó, nên người ấy ngăn ngừa được các tham dục chưa sinh không cho sinh.

Phát sinh siêng năng chuyên cần, là vì muốn ngăn ngừa không cho sinh ra các tham dục chưa sinh, mà phát sinh siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng siêng năng mãi không ngừng nghỉ. Do đó nên ngăn ngừa không cho sinh ra các tham dục chưa sinh.

Khích lệ tâm, là vì muốn ngăn ngừa không cho sinh các tham dục chưa sinh, nên luôn siêng năng chuyên cần tu tập khiến tâm luôn đi đôi với mừng vui, siêng năng mà không đi với thấp kém mê mờ, trái lại đi với buồn xả và thiên định. Do tâm người ấy tu tập như thế, nên ngăn ngừa khiến cho không sinh các tham dục chưa sinh.

Kìm giữ tâm, là vì muốn ngăn ngừa không cho sinh ra các tham dục chưa sinh, nên giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Do con đường này mà người ấy giữ tâm tu tập, tu tập càng nhiều mãi lên, nên khiến cho các tham dục chưa sinh không sinh.

Lại có vị Bí-sô vì muốn khiến các tham dục chưa sinh đừng sinh, nên đứng như lý mà suy nghĩ: Xuất gia thì có phước đức, như thế xuất gia là pháp thiện chân thật, là điều đáng tôn quý. Vậy nên tin hiểu thọ trì..., rộng nói cho đến giới chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi liền phát lòng siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng ngăn ngừa không cho sinh các tham dục chưa sinh. Với con đường đó, người ấy đã tu tập và càng tu tập nhiều hơn mãi, nên khiến cho không sinh các tham dục chưa sinh, nên khởi lòng ham thích..., cho đến khích lệ tâm, kìm giữ tâm, đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô, vì muốn khiến các tham dục chưa sinh đừng sinh, nên đứng như lý mà suy nghĩ: Các tham dục ấy giống như bệnh ung nhọt độc..., rộng nói cho đến đó là pháp biến đổi hư hoại. Suy nghĩ như thế rồi liền phát sinh siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này, đạo lý này là pháp Chánh thắng khiến các tham dục chưa sinh đừng sinh. Với đạo lý đó, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn, nên liền khiến cho các tham dục chưa sinh đừng sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ tâm, kìm giữ tâm, giống như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô vì muốn khiến các tham dục chưa sinh đừng sinh, nên đứng như lý mà suy nghĩ: Diệt là tịch tĩnh vắng lặng, Đạo thì đưa ta đến xuất ly giải thoát... Suy nghĩ như thế rồi liền phát sinh chuyên cần siêng năng..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này là pháp Chánh thắng khiến các tham dục chưa sinh đừng sinh. Với con đường đó, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, nên khiến cho các tham dục chưa sinh không sinh. Và khởi lòng ham thích cho đến khích lệ tâm, kìm giữ tâm, đều giống như trước đã nói.

Cũng như màn che tham dục, bốn thứ kia (hôn trầm sân giận v.v...)

cũng vậy, chỉ có khác là dùng tên nó như sân giận, hôn trầm v.v...

Lại có vị Bí-sô, vì muốn các chủng loại ác, chẳng thiện chưa sinh thì vĩnh viễn đừng sinh, cho nên đứng lý mà suy nghĩ: Các điều ác bất thiện, chỉ có kẻ hèn kém mới tin tưởng làm theo..., rộng nói cho đến không chứng được Niết-bàn... Suy nghĩ như thế rồi, liền phát sinh siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không ngừng. Con đường đó là pháp Chánh thắng khiến không sinh các loài xấu ác chẳng thiện chưa sinh. Với con đường này, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn, nên khiến không sinh tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện chưa sinh.

Khởi lòng ham thích, là vì muốn khiến đừng sinh tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh, liền khởi sinh các thứ..., rộng nói cho đến mong cầu tiến lên. Do người ấy khởi các ham thích đó, nên khiến cho không sinh tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện chưa sinh ra.

Phát sinh lòng siêng năng chuyên cần, là vì muốn khiến cho tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện chưa sinh thì đừng sinh, nên phát sinh sự chuyên cần siêng năng..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không thôi nghỉ. Do đó người ấy liền khiến cho tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện chưa sinh thì vĩnh viễn không sinh.

Khích lệ tâm, là vì muốn khiến cho đừng sinh ra các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh ra, nên siêng năng chuyên cần tu tập, các tâm cùng đi với vui mừng..., rộng nói cho đến tâm đi với thiền định. Do tu tập được cái tâm như thế, nên người ấy khiến cho tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh đừng sinh ra.

Kìm giữ tâm, vì muốn khiến cho đừng sinh tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện chưa sinh, nên giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Đối với đạo lý này, người ấy đã giữ tâm tu tập và càng tu tập nhiều hơn mãi, cho nên đã khiến tất cả chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh thì vĩnh viễn không sinh ra.

Lại có vị Bí-sô vì muốn khiến tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh thì vĩnh viễn đừng sinh ra, nên đứng như lý mà suy nghĩ: Xuất gia có công đức, sự xuất gia đó là pháp thiện chân thật, là điều đáng tôn quý. Vậy ta nên tin tưởng thọ trì làm theo..., rộng nói cho đến có thể chứng được Niết-bàn... Suy nghĩ thế rồi liền phát sinh siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng khiến cho không sinh các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh ra. Với con đường đó, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, cho nên khiến được tất cả các chủng

loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh thì vĩnh viễn không sinh ra. Việc khởi các ham thích... cho đến khích lệ giữ tâm..., đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô, vì muốn khiến cho dừng sinh tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh, nên đúng như lý suy nghĩ: Các điều xấu ác chẳng thiện này giống như bệnh ung nhọt độc..., rộng nói cho đến nó là pháp biến đổi hư hoại... Suy nghĩ thế rồi liền phát sinh chuyên cần siêng năng..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi chẳng ngơi nghỉ. Con đường này là pháp Chánh thắng không để cho sinh ra tất cả các điều xấu ác chẳng thiện chưa sinh. Với con đường này, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, nên khiến cho các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh vĩnh viễn không sinh. Việc khởi lòng ham thích..., cho đến khích lệ tâm, giữ gìn tâm, đều giống như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô vì muốn khiến vĩnh viễn dừng sinh tất cả các chủng loại xấu ác bất thiện chưa sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Diệt là tịch tĩnh yên lặng, Đạo thì đưa ta đến xuất ly giải thoát. Suy nghĩ như thế rồi liền phát sinh chuyên cần siêng năng..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không ngơi nghỉ. Con đường này, gọi là pháp Chánh thắng khiến không sinh tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh. Với con đường này, người đó đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, cho nên liền khiến tất cả các chủng loại xấu ác chẳng thiện chưa sinh thì vĩnh viễn dừng sinh. Việc khởi sự ham thích cho đến khích lệ tâm, giữ tâm..., đều giống như trước đã nói.

3. Các điều thiện chưa sinh thì khiến chúng sinh ra, nên khởi lòng ham thích phát sinh siêng năng chuyên cần khích lệ và giữ gìn tâm mình.

Thế nào là pháp thiện chưa sinh? Nghĩa là ở đời vị lai có bốn thứ thiện định ở ba cõi Vô sắc và một thứ pháp thiện sinh ra do sự xuất gia và xa lìa.

Thế nào là pháp Chánh thắng sinh ra các pháp thiện chưa sinh?

Nghĩa là có vị Bí-sô vì muốn sinh ra bậc Sơ thiên chưa sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Khi Sơ thiên sinh ra thì sẽ biết được tướng mạo của các hạnh. Suy nghĩ thế rồi liền phát sinh siêng năng cần mẫn, thể lực mạnh mẽ vô cùng, hăng hái rất khó ngăn cản, lòng cố gắng không hề thôi. Con đường đó gọi là pháp Chánh thắng khiến sinh ra định Sơ thiên chưa sinh. Do con đường này, người đó đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, nên khiến Sơ thiên chưa sinh được sinh ra.

Khởi lòng ham thích, là vì muốn Sơ thiên chưa được sinh ra, nên khởi các thứ phát sinh bậc thượng đẳng tu tập và xuất hiện, ham thích

vui mừng cầu mong tiến tới. Người ấy do sinh khởi các ham thích nên liền khiến sinh ra Sơ thiền chưa sinh.

Phát sinh siêng năng chuyên cần là vì muốn sinh ra Sơ thiền chưa sinh, nên phát sinh siêng năng ân cần..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không ngừng. Do đó người ấy liền khiến sinh ra được Sơ thiền chưa sinh.

Khích lệ tâm, là vì sinh ra được Sơ thiền chưa sinh, nên siêng năng chuyên cần tu tập cái tâm đi cùng với vui mừng, với sự siêng năng khích lệ, với xả, với định nhưng không đi cùng với thấp kém và mê mờ. Do người ấy tu tập tâm như thế nên liền khiến sinh ra Sơ thiền chưa sinh.

Giữ gìn tâm, là vì muốn sinh ra Sơ thiền chưa sinh, nên giữ gìn tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Với đạo lý đó, người đó giữ tâm tu tập lại càng tu tập nhiều hơn nên liền khiến sinh được Sơ thiền chưa sinh.

Cũng như Sơ thiền, bậc Nhị thiền cũng như vậy. Chỉ có khác là nói cái tên của Nhị thiền vào đó mà thôi.

Lại có vị Bí-sô vì muốn khiến sinh ra bậc Tam thiền chưa sinh, nên đúng lý mà suy nghĩ: Nếu bậc Tam thiền sinh ra thì sẽ biết được tướng trạng của các hạnh. Nghĩ thế rồi liền phát sinh ân cần siêng năng..., rộng nói cho đến lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng khiến sinh ra Tam thiền chưa sinh. Với con đường đó, người ấy đã tu tập, càng tu tập nhiều hơn lên, nên liền khiến sinh ra Tam thiền chưa sinh.

Khởi lòng ham thích, là vì muốn sinh ra Tam thiền chưa sinh, nên liền khởi lên tất cả mọi thứ (khởi đẳng khởi)..., rộng nói cho đến mong cầu tiến lên. Do người ấy đã khởi lên các sự ham thích, nên liền sinh ra Tam thiền chưa sinh.

Phát sinh sự chuyên cần siêng năng, là vì muốn sinh ra Tam thiền chưa sinh, nên phát sinh sự cố gắng siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng siêng năng cố gắng mãi không bao giờ thôi nghỉ. Và do đó mà liền sinh ra Tam thiền chưa sinh.

Khích lệ tâm, là vì muốn Tam thiền chưa sinh được sinh, nên chuyên cần siêng năng tu tập tâm cùng đi với vui mừng..., rộng nói cho đến tâm đi cùng thiền định. Do người ấy tu tập được tâm như thế, nên liền khiến sinh ra được Tam thiền chưa sinh.

Gìn giữ tâm là vì muốn Tam thiền chưa sinh được sinh ra, nên cố gắng giữ lòng tu tập tám chi Thánh đạo. Do đạo lý này, mà người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi, nên liền khiến sinh được Tam thiền chưa sinh.

Cũng như Tam thiên, cho đến Vô sở hữu xứ..., rộng nói cũng vậy, chỉ có khác là nói tên đó vào mà thôi.

Lại có vị Bí-sô vì muốn có một loại pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và biết xa lìa, chưa sinh sẽ được sinh ra, nên đúng lý mà suy nghĩ: Nếu pháp thiện ấy sinh ra thì đó là tướng trạng của các hạnh. Suy nghĩ thế rồi liền phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến có lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này, gọi là pháp Chánh thắng khiến sinh ra một loại pháp thiện đặc biệt, do sự xuất gia và biết lìa bỏ tạo nên vốn chưa sinh. Do con đường đó, đạo lý đó, mà người ấy tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi, nên liền khiến sinh ra được một loại pháp thiện đặc biệt do sự xuất gia và biết lìa bỏ tạo nên vốn chưa sinh.

Khởi lên các ham thích, là vì muốn sinh ra một chủng loại pháp thiện đặc biệt do xuất gia và biết xa lìa tạo nên vốn chưa sinh, nên liền khởi lên tất cả..., rộng nói cho đến mong cầu được tiến tới. Do sinh khởi các ham thích đó, nên liền khiến sinh ra được một chủng loại pháp thiện đặc biệt tạo ra do xuất gia và biết xa lìa vốn chưa sinh.

Phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần là vì muốn khiến sinh ra một loại pháp thiện đặc biệt tạo nên do sự xuất gia và biết xa lìa vốn chưa sinh, mà phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng chuyên cần... Rộng nói cho đến có lòng cố gắng mãi không thôi. Do đó người ấy liền sinh ra được một thứ pháp thiện đặc biệt tạo nên do sự xuất gia và biết xa lìa vốn chưa sinh.

Khích lệ tâm, nghĩa là vì muốn sinh ra được thứ pháp thiện đặc biệt như đã nói trên, mà luôn siêng năng chuyên cần tu tập cái tâm đi chung với vui mừng... Rộng nói cho đến đi chung với Thiền định. Do người ấy tu tập được tâm như thế, nên liền khiến sinh ra được thứ pháp thiện đặc biệt chưa sinh như trên đã nói.

Gìn giữ tâm, là vì muốn sinh ra được loại pháp thiện đặc biệt như vừa nói trên, mà luôn giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Do đạo đó mà giữ gìn tâm tu tập và càng tu tập thật nhiều, thì sẽ khiến sinh ra được thứ pháp thiện đặc biệt như trên đã nói.

4. Các pháp đã sinh ra rồi nên kiên trì tu hoài làm mãi không quên không bỏ. Luôn tu tập đầy đủ, luôn nuôi dưỡng cho nó tăng thêm mãi lên, và đến được trí tuệ, tác chứng rộng lớn mới thôi. Đó là pháp Chánh thắng. Nghĩa là có vị Bí-sô vì muốn khiến cho Sơ thiên đã sinh luôn bền bỉ trụ mãi cho đến khi được tác chứng, cho nên đã đúng lý mà suy nghĩ: Có thể khiến cho pháp đã sinh luôn kiên trì trụ mãi cho đến được trí tác

chứng, đó là tướng trạng của các hạnh. Suy nghĩ như thế rồi liền phát khởi hết sức siêng năng chuyên cần, thế lực rất mạnh mẽ, sức hăng hái mãnh liệt khó ngăn cản, và lòng cố gắng mãi không thôi. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng khiến Sơ thiền đã sinh rồi sẽ bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng. Với con đường này, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn, thì khiến cho Sơ thiền đã sinh sẽ kiên trì trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng.

Khởi lòng ham thích, là vì muốn Sơ thiền đã sinh sẽ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng, nên đã sinh khởi đủ mọi thứ, rồi tu tập và xuất hiện ham thích mừng vui, cầu mong tiến tới. Do người ấy đã sinh khởi các ham thích đó, nên liền khiến cho Sơ thiền đã sinh kiên trì trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng.

Phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần, là vì muốn Sơ Thiền đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng, mà phát sinh mạnh mẽ sức siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng mãi không thôi. Do đó mà người ấy khiến Sơ thiền đã sinh được bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng.

Khích lệ tâm, nghĩa là vì muốn Sơ thiền đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng, mà siêng năng chuyên cần tu tập các tâm luôn đi chung với các sự mừng vui cố gắng siêng năng, nhưng không đi với sự thấp kém mê mờ, mà lại luôn đi chung với buông xả và thiền định. Do tu tập được cái tâm như thế mà người này liền khiến cho Sơ thiền đã sinh ra luôn bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng được trí tác chứng.

Gìn giữ tâm là vì khiến Sơ thiền đã sinh ra luôn bền bỉ trụ mãi đến khi chứng, trí tác chứng nên luôn gìn giữ tâm để tu tập tám chi Thánh đạo. Với đạo lý đó người này giữ gìn tâm tu tập, lại càng tu tập nhiều hơn, nên liền khiến cho Sơ thiền đã sinh rồi bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng.

Cũng như Sơ thiền, bậc Nhị thiền cũng vậy, có khác là chỉ đổi tên cho hợp mà thôi.

Lại có vị Bí-sô vì khiến Tam thiền sinh rồi bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng, nên đứng lý mà suy nghĩ: Hãy khiến Tam thiền đã sinh rồi bền bỉ trụ mãi cho đến lúc chứng trí tác chứng, đó là tướng trạng của các hạnh. Suy nghĩ thế rồi liền phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần. Rộng nói cho đến có lòng luôn cố gắng mãi không thôi. Con đường này gọi là pháp Chánh thắng khiến cho được Tam thiền đã sinh ra sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến chứng trí tác chứng. Với con đường

này, người đó đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn, nên liền khiến cho Tam thiên đã sinh ra luôn bền bỉ trụ mãi cho đến chứng trí tác chứng.

Khởi lòng ham thích, là vì khiến Tam thiên đã sinh luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng, nên liền phát khởi đủ các thứ cần khởi..., rộng nói cho đến mong cầu tiến tới. Do người đó đã khởi lên các thứ ham thích, nên liền khiến cho Tam thiên đã sinh sẽ luôn trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần, là vì khiến cho Tam thiên đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng nên phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng mãi không thôi. Do đó người này liền khiến cho Tam thiên luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Khích lệ tâm, là vì muốn Tam thiên đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng, mà siêng năng chuyên cần tu tập cái tâm luôn đi chung với các thứ vui mừng... Rộng nói cho đến tâm đi chung với thiên định. Người này do tu tập được tâm như thế nên liền khiến cho Tam thiên đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến lúc có trí tác chứng.

Gìn giữ tâm, nghĩa là vì muốn Tam thiên đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng nên luôn gìn giữ tâm mà tu tám chi Thánh đạo. Với đạo lý này người ấy giữ gìn tâm tu tập, lại càng tu tập nhiều hơn, nên liền khiến cho Tam thiên sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho tới trí tác chứng.

Cũng như Tam thiên, cho đến Vô sở hữu xứ..., rộng nói cũng vậy, có khác là đổi tên cho đúng.

Lại có vị Bí-sô vì muốn cho pháp thiện đặc biệt được tạo ra do sự xuất gia và biết xa lìa đã sinh rồi sẽ luôn bền bỉ trụ mãi, chẳng quên chẳng bỏ, tu hành đầy đủ càng bồi bổ tăng thêm nhiều cho đến trí tác chứng rộng lớn... Nên đúng lý suy nghĩ: Thường khiến pháp thiện đặc biệt tạo ra do sự xuất gia và lìa bỏ đã sinh, sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng, đó là tướng trạng của các hạnh. Suy nghĩ thế rồi liền phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần... Rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng không ngừng. Con đường này, gọi là pháp Chánh thắng luôn khiến cho pháp thiện đặc biệt được tạo ra do sự xuất gia và biết lìa bỏ đã sinh rồi, sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng. Với con đường này, người đó đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi, nên liền khiến cho pháp thiện đặc biệt đã sinh rồi (vừa nói trên), luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Khởi các ham thích, là vì muốn khiến pháp thiện đặc biệt (như đã

nói) đã sinh sẽ luôn trụ mãi đến khi có trí tác chứng nên đã khởi lên các thứ..., rộng nói cho đến mong cầu tiến tới. Người này do đã sinh khởi các thứ ham thích đó, nên liền khiến cho pháp thiện đặc biệt (vừa nói trên) luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Phát sinh siêng năng chuyên cần, là vì muốn khiến cho pháp thiện đặc biệt (như đã nói trên) đã sinh sẽ luôn trụ mãi đến khi có trí tác chứng, nên phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần..., rộng nói cho đến lòng luôn cố gắng mãi không thôi. Do đó người này liền khiến cho pháp thiện đặc biệt (như trên đã nói) đã sinh luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Khích lệ tâm, là vì muốn khiến cho pháp thiện đặc biệt (đã nói) đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng, mà siêng năng chuyên cần tu tập cái tâm luôn đi chung với vui mừng... Rộng nói cho đến tâm đi chung với thiền định. Do người này tu tập được cái tâm như thế, cho nên khiến cho pháp thiện đặc biệt (đã nói) đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Giữ gìn tâm, là vì muốn khiến cho pháp thiện đặc biệt (nói trên) đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng, mà giữ tâm tu tập tám chi Thánh đạo. Với đạo lý này, người đó trì tâm tu tập lại càng tu tập nhiều hơn, nên khiến cho pháp thiện đặc biệt (đã nói trên) đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến trí tác chứng.

Hỏi: Vì sao bốn thứ này lại gọi là Chánh thắng?

Đáp: Do bốn pháp này không điên đảo sai lầm nên gọi là Chánh. Và nó có sức làm tăng mạnh hơn, nhiều hơn, cao hơn về việc đoạn ác tu thiện (đoạn trừ tất cả ác, tu tập mọi pháp thiện) nên gọi là Thắng.

Lại còn, bốn pháp này là bình đẳng chứ không phải bất bình đẳng, đúng thực chắc chắn, đúng với chánh lý, không hề điên đảo sai lầm cho nên gọi là Chánh. Và tăng thêm, cao hơn, quý báu nhiệm mầu cao quý, đầy đủ công năng to lớn nên gọi là Thắng.

Lại nữa, bốn pháp Chánh thắng này là giả lập trên danh tướng mà nói. Nghĩa là Chánh Thắng Quá Khắc Già Sa Phậ và các đệ tử đều cùng đặt ra cái tên như thế.

Lại còn, bốn pháp Chánh thắng này là vì muốn đoạn dứt tất cả các pháp xấu ác chẳng thiện đã sinh. Phát khởi lòng ham thích, phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần, luôn khích lệ tâm, gìn giữ tâm vì muốn khiến cho các điều xấu ác chẳng thiện chưa sinh thì vĩnh viễn đừng sinh. Lại khởi lòng ham thích, phát sinh hết sức siêng năng chuyên cần, luôn khích lệ tâm, giữ gìn tâm quyết khiến cho các pháp thiện chưa sinh thì

đều sinh ra. Rồi lại khởi lòng ham thích, phát ý siêng năng chuyên cần, luôn khích lệ tâm, gìn giữ tâm quyết khiến cho các pháp thiện đã sinh ra rồi thì luôn bền bỉ trụ mãi không quên, luôn tu tập đầy đủ và bồi bổ mãi cho thêm cao lớn cái trí tác chứng. Cứ mãi sinh khởi các ý ham thích, luôn luôn siêng năng chuyên cần, lúc nào cũng khích lệ tâm, gìn giữ tâm, luôn được đầy đủ như thế mãi, nên gọi là Chánh thắng. Cũng gọi là Chánh đoạn, tức là đoạn dứt sự biếng lười.

Phẩm 8: THÂN TỨC, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn thứ thân tức, tức là:

1. Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thân tức.
2. Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thân tức.
3. Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thân tức.
4. Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thân tức.

- Về Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thân tức, thì dục là sao, thắng hạnh là sao mà gọi là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thân tức?

Dục nói ở đây, là y vào các pháp thiện do xuất gia và biết xa lìa tạo nên, mà khởi lên lòng ham thích vui mừng, mong cầu tiến tới..., đó là Dục.

Tam-ma-địa, nghĩa là với sự ham muốn tăng cao, khởi lên cao độ, nhưng tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, chẳng phân tán, loạn động, ngăn cấm, kìm giữ tâm có tính chất chuyên chú vào một cảnh, thì gọi là Tam-ma-địa.

Thắng là lòng ham thích khởi lên cao độ về tám chi Thánh đạo, nên gọi là Thắng.

Thắng hạnh là có vị Bí-sô y vào lòng ham thích đó ở quá khứ đã được Tam-ma-địa. Khi vị ấy đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi thì khiến cho các điều dữ bất thiện đã sinh phải đoạn dứt. Rồi lại khởi lòng ham muốn siêng năng chuyên cần, khích lệ tâm, gìn giữ tâm quyết khiến cho các điều dữ chẳng thiện chưa sinh vĩnh viễn đừng sinh. Rồi lại khởi lòng ham thích, luôn siêng năng chuyên cần, khích lệ tâm, gìn giữ tâm quyết khiến cho pháp thiện chưa sinh thì phải sinh ra. Và

lại khởi lòng ham muốn, siêng năng chuyên cần khích lệ tâm, giữ gìn tâm quyết khiến cho các pháp thiện đã sinh rồi thì sẽ luôn bền bỉ trụ mãi không quên. Tu tập đầy đủ, luôn bồi dưỡng cho trí tác chứng được lớn thêm to rộng mãi, nên khởi lòng ham thích luôn siêng năng chuyên cần, khích lệ tâm, giữ gìn tâm... Người ấy đã có dục như thế, hoặc cần, tín, khinh an, niệm, chánh tri, tư, xả..., thì gọi là Thắng hạnh. Và cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Giống như Dục y vào quá khứ vừa nói, thì các thứ y vào vị lai, hiện tại, thiện, chẳng thiện, vô ký, thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, không phải học cũng không phải vô học, đã đoạn kiến, tu đã đoạn, không phải đã đoạn dục (dục đã đoạn)..., rộng nói cũng như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với các pháp thiện thì trụ vào chỗ không ham thích. Người đó nghĩ: Ta nay không thể nào đối với các pháp thiện mà không ham thích được. Và đúng theo lý thì ta phải an trụ vào các pháp thiện mà thôi. Người này do sức ham thích tăng cao, cho nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Người này khi đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, thì vì muốn khiến đoạn dứt các điều dữ chẳng thiện đã sinh, nên khởi lòng ham thích..., rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh rồi thì sẽ bền bỉ trụ mãi..., cho đến việc giữ gìn tâm... Người này có các thứ hoặc dục hay cần tín..., cho đến xả, thì gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô vừa khởi lên sự ham muốn xấu. Người này nghĩ: Ta nay không thể nào sinh khởi lên ham muốn xấu, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ hết các ham muốn dữ xấu, mà tu tập các ham muốn tốt lành. Người này do sức ham muốn cao độ, cho nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, nên muốn khiến cho đoạn dứt các điều dữ bất thiện đã sinh, liền khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ luôn được trụ mãi, cho đến gìn giữ tâm. Người này có dục hoặc các thứ cần tín..., cho đến xả. Đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lòng tham-sân-si cùng đi với ham muốn xấu. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi lên tham sân si cùng đi với ham

muốn xấu dữ. Đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ tham sân si cùng đi với ham muốn xấu, phải tu tập không có tham sân si cùng đi với ham muốn tốt lành. Người đó do sức ham thích cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Người này khi đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, liền muốn khiến cho các điều dữ chẳng thiện đã sinh phải tiêu diệt hết, nên khởi ham thích, rộng nói cho đến vì muốn khiến cho pháp thiện đã sinh sẽ luôn trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc các thứ cần - tín... cho đến hoặc xả, đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này và Dục Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lòng lìa bỏ tham sân si cùng đi với ham muốn xấu dữ. Người này nghĩ: Ta nay không thể không lìa bỏ tham sân si và ham muốn xấu dữ, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ việc chẳng lìa bỏ tham sân si và ham muốn xấu dữ, mà phải tu tập việc lìa bỏ tham-sân-si và ham muốn tốt lành. Người này do sức ham muốn cao độ này, cho nên chứng được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Khi người này đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, nên vì muốn khiến cho phải đoạn dứt các điều dữ chẳng thiện đã sinh, mà khởi lòng ham thích..., rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh luôn bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc các thứ như cần - tín..., cho đến xả. Đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa như trước đã nói, thì gọi chung là Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô đối với các pháp thiện an trụ vào sự ham thích (ham thích các pháp thiện). Người này nghĩ: Ta ham thích các pháp thiện thật là đúng lý. Người ấy do sức ham muốn cao độ mà được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, vì muốn khiến cho đoạn dứt các điều dữ chẳng thiện đã sinh, liền khởi lòng ham thích, rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục và các thứ như cần - tín..., cho đến xả, đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên ham muốn tốt lành. Người này nghĩ: Ta đã sinh khởi ham muốn tốt lành như thế thật là đúng lý. Người này do sức ham muốn cao độ nên đã được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, liền muốn khiến cho đoạn dứt các điều xấu ác chẳng thiện đã sinh, nên khởi lòng ham

thích..., rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ luôn trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc các thứ cần-tín..., cho đến xả. Đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên không tham, không sân, không si cùng đi tới ham muốn tốt lành. Người này nghĩ: Ta nay khởi lên không tham, không sân, không si cùng đi tới ham muốn tốt lành, thật là đúng lý. Do đó người này, có sức ham muốn cao độ nên đã được Tam-ma-địa. Đó gọi là Dục Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi liền muốn khiến cho oạn dứt các điều dữ chẳng thiện đã sinh, nên khởi lòng ham thích..., rộng nói cho đến là muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc các thứ như cần- tín... cho đến xả. Đó là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi sự lìa bỏ tham sân si và ham muốn tốt lành. Người này nghĩ: Nay ta sinh khởi sự lìa bỏ tham sân và ham muốn tốt lành thật là đúng lý. Người này do sức ham thích cao độ nên có được Tam-ma-địa. Đó là Dục Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Dục Tam-ma-địa rồi, liền muốn khiến cho đoạn dứt tất cả các điều dữ chẳng thiện đã sinh, nên khởi lòng ham thích..., rộng nói cho đến, vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục và các thứ hoặc cần - tín..., cho đến xả. Đó là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Dục Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Tất cả Dục Tam-ma-địa đều từ Dục mà khởi lên, là chỗ tụ tập của các dục, là chủng loại của dục, là chỗ sinh ra dục cho nên gọi là Dục Tam-ma-địa Thắng hạnh thần túc.

- Về Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc, thì Cần là sao? Thắng là sao? Thắng hạnh là sao? Sao gọi là Cần Tam-ma-địa thắng hạnh thành tựu thần túc?

Cần, nghĩa là y vào các pháp thiện tạo ra do xuất gia và biết lìa bỏ mà khởi lên sự ân cần siêng năng, có thế lực (sức) rất mạnh mẽ, hăng hái tột độ khó ngăn cản và có lòng cố gắng mãi không thôi, đó gọi là Cần.

Tam-ma-địa, nghĩa là siêng năng cao độ khởi lên những tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, không phân tán, không loạn động, gìn giữ ngăn

cấm, đều giữ gìn, có tính chất và tâm chuyên chú một cảnh. Đó gọi là Tam-ma-địa.

Thắng, nghĩa là siêng năng cao độ khởi lên tám chi Thánh đạo, đó là Thắng.

Thắng hạnh, nghĩa là có vị Bí-sô y vào Cần trong quá khứ mà được Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi liền muốn khiến cho đoạn dứt hẳn tất cả các điều dữ chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lên sự ham thích..., rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc các thứ cần-tín... cho đến xả. Đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa như đây đã nói, thì gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Như dựa vào Cần (sự siêng năng) thời quá khứ, thì y vào vị lai, hiện tại, thiện, bất thiện, vô ký, thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, học, vô học, không phải học cũng không phải là vô học, kiến đã đoạn, tu đã đoạn. Rộng nói cũng như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với các pháp thiện lại có sự siêng năng quá yếu ớt kém cỏi. Người này nghĩ: Ta nay chẳng nên siêng năng quá kém cỏi đối với các pháp thiện, đúng lý thì ta không nên quá biếng lười như thế. Người này do sức siêng năng cao độ cho nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi thì liền đối với các điều ác chẳng thiện đã sinh thì khiến chúng đoạn trừ, nên khởi lên sự ham thích, rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ luôn bền bỉ mãi cho đến giữ gìn tâm... Người này có Dục hoặc các thứ như cần tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên sự siêng năng nặng nề xấu ác. Người này nghĩ: Ta không nên khởi lên sự siêng năng nặng về xấu ác, mà đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ cái siêng năng xấu ác này và tu tập siêng năng về sự tốt đẹp. Do người này có sức siêng năng cao độ, nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người này do đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi nên đối với các điều dữ chẳng thiện đã sinh quyết lòng đoạn dứt... Khởi lòng ham thích như thế, rộng nói cho đến đối với các pháp thiện đã sinh thì khiến chúng luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc các thứ cần - tín... cho đến xả, đó gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng

hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi (khởi lòng) tham sân si cùng đi chung với siêng năng xấu ác. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi lên tham sân si cùng đi chung với siêng năng xấu ác, đúng theo lý thì ta phải nên đoạn trừ tham sân si cùng đi với siêng năng xấu ác mà tu tập về không tham, không sân, không si cùng đi với siêng năng tốt lành. Người này do sức siêng năng cao độ nên được Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tam-ma-địa rồi liền quyết đoạn dứt các điều dữ chẳng thiện đã sinh và khởi lòng ham thích..., rộng nói cho đến quyết ý khiến cho các pháp thiện đã sinh thì luôn bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục và các thứ tín..., cho đến xả, thì gọi đó là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi việc không lìa bỏ tham sân si và siêng năng. Người này nghĩ: Ta nay không thể không từ bỏ tham sân si và sự siêng năng xấu ác, đúng lý ta phải đoạn trừ sự không từ bỏ tham sân si và siêng năng xấu ác mà lo tu tập sự lìa bỏ tham sân si và siêng năng tốt lành. Người này do sức siêng năng cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người này thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi thì liền muốn đoạn trừ mọi điều dữ chẳng thiện đã sinh mà khởi lòng ham thích. Rộng nói cho đến quyết ý muốn các pháp thiện đã sinh thì luôn bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục và các thứ cần- tín..., cho đến xả, thì gọi đó là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu Thần túc.

Lại có vị Bí-sô đối với các pháp thiện nhưng không có sự siêng năng kém cõi tức là luôn luôn cố gắng tối đa. Người này nghĩ: Ta đối với các pháp thiện không hề siêng năng yếu kém, như thế thật rất đúng lý. Người này do sức siêng năng cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi liền quyết ý muốn đoạn trừ sạch sẽ các điều dữ chẳng thiện đã sinh, nên khởi sự ham thích, rộng nói cho đến việc muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh rồi thì luôn bền bỉ trụ mãi, cho đến việc giữ gìn tâm... Vì người này có dục hoặc các thứ khác như cần - tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh Thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên sự siêng năng tốt lành, người này nghĩ: Ta nay khởi lên sự siêng năng tốt lành là rất đúng lý. Người này do có

sức siêng năng cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi thì liền quyết ý muốn đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh, cho đến muốn khiến các pháp thiện đã sinh ra rồi thì bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục và các thứ như cần - tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa như trước đã nói thì gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên không tham, không sân, không si cùng đi với sự siêng năng tốt lành. Người này nghĩ: Ta nay đã sinh khởi sự không tham, không sân, không si cùng đi với siêng năng tốt lành thật rất đúng lý. Do đó người này, có sức siêng năng cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người đó đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi thì liền quyết ý muốn đoạn trừ tất cả điều ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích. Rộng nói cho đến muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh rồi thì bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc các thứ khác như cần - tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi từ bỏ tham sân si và lại siêng năng tốt lành. Người này nghĩ: Ta nay đã sinh khởi lên sự từ bỏ tham sân si và lại siêng năng tốt lành, thật rất đúng lý. Người này do có sức siêng năng cao độ, nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Cần Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Cần Tam-ma-địa rồi liền quyết ý đoạn dứt tất cả các điều dữ chẳng thiện đã sinh, nên khởi lòng ham thích..., rộng nói cho đến, vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc các thứ khác như cần-tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Cần Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Tất cả các thứ Cần Tam-ma-địa đều từ siêng năng cần mẫn mà khởi lên. Đó là nơi tụ tập của Cần, là chủng loại của Cần, là chỗ sinh ra Cần. Cho nên gọi là Cần Tam-ma-địa Thắng hạnh thần túc.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 5

Phẩm 8: THẦN TỨC, Phần 2

3. Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần tức, thì Tâm là sao, Tam-ma-địa là sao, Thắng là sao, Thắng hạnh là sao...? Sao gọi là Tâm Tam-ma-địa thắng hạnh thành tựu thần tức?

Tâm, nghĩa là y vào pháp thiện tạo nên sự xuất gia và biết lia bỏ mà khởi tâm ý thức, đó gọi là Cần.

Tam-ma-địa, nghĩa là do tâm cao độ mà khởi lên các tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, tâm không phân tán, không loạn động, ngăn giữ, kiểm chế, có tính chất của tâm chuyên chú một cảnh, thì gọi là Tam-ma-địa.

Thắng, nghĩa là khởi tâm cao độ đối với tám chi Thánh đạo, đó là Thắng.

Thắng hạnh, nghĩa là có vị Bí-sô dựa vào tâm quá khứ đã được Tam-ma-địa thì gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền muốn đoạn trừ tất cả các điều dữ chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích, rộng nói cho đến quyết ý muốn các pháp thiện đã sinh rồi sẽ bền bỉ trụ mãi, cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần hoặc tín..., cho đến hoặc xả, cho nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chúng là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần tức.

Như y vào tâm của quá khứ, mà dựa vào hiện tại hay vị lai, thiện hay bất thiện-vô ký, có liên hệ đến các cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc, việc học, vô học hay phi học phi vô học, việc đã đoạn kiến, đoạn tu và không phải đoạn tâm... Rộng nói cũng như thế.

Lại có Bí-sô đối với các pháp thiện mà lại có tâm quá thấp kém yếu ớt. Người này nghĩ: Ta nay không nên có tâm quá thấp kém yếu ớt đối với các pháp thiện, đúng lý ra đối với các pháp thiện thì ta không nên có tâm quá thấp kém yếu ớt. Do người này có tâm lực tăng cao nên

được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền quyết ý muốn đoạn trừ tất cả các pháp ác chẳng thiện đã sinh, nên khởi lên lòng ham thích..., rộng nói cho đến việc muốn khiến các pháp thiện đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi cho đến giữ gìn tâm. Người này có dục hoặc cần hoặc tín..., cho đến hoặc xả..., cho nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói ở trước, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên tâm ác. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi lên tâm ác, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ tâm dữ chẳng tốt lành. Người này do có tâm lực cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền quyết ý muốn đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh nên khởi lòng ham thích, rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh rồi sẽ luôn bền bỉ trụ mãi cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần hoặc tín..., cho đến hoặc xả..., cho nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên tham sân si cùng đi chung với tâm dữ. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi sinh tham sân si cùng đi chung với tâm dữ, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ tham sân si cùng đi với tâm dữ mà phải tu tập không tham, không sân, không si và tâm tốt lành. Người này do tâm lực cao độ nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền muốn đoạn trừ tất cả các pháp ác chẳng thiện đã sinh, nên phát khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến muốn khiến các pháp thiện đã sinh rồi sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi việc chẳng từ bỏ tham - sân - si và tâm dữ. Người này nghĩ: Nay ta không thể nào chẳng từ bỏ tham - sân - si và tâm dữ, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ việc chẳng từ bỏ tham - sân - si và tâm dữ mà lo tu tập việc lìa bỏ tham - sân - si và tâm tốt lành. Do người này có tâm lực tăng cao nên được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền vì muốn đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh, nên khởi lên lòng ham thích. Rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh

rồi sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc các thứ như cần- tín... cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu Thần túc.

Lại có vị Bí-sô, đối với các pháp thiện sinh tâm không hề yếu ớt kém cỏi, tức là rất mạnh mẽ. Người này nghĩ: Đối với các pháp thiện ta có tâm rất mạnh mẽ, như thế thật rất đúng lý. Người này do đó có tâm lực cao độ nên có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi vì quyết ý muốn trừ bỏ tất cả điều ác chẳng thiện đã sinh, nên khởi sự ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến tất cả các pháp thiện đã sinh rồi thì sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc các thứ như cần- tín... cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh Thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên tâm thiện. Người này nghĩ: Nay ta khởi lên tâm thiện, thật rất đúng lý. Người này do đó, có tâm lực tăng lên cao độ nên có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền muốn đoạn trừ tất cả các điều dữ chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến quyết ý muốn cho các pháp thiện đã sinh sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến gìn giữ tâm. Người này vì có dục hoặc các thứ như cần- tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi không tham, không sân, không si cùng đi với tâm thiện. Người này nghĩ: Nay ta sinh khởi không tham, không sân, không si cùng đi với tâm thiện, thật rất đúng lý. Người này do đó có tâm lực tăng cao độ nên có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người đó đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi liền muốn đoạn dứt tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì quyết ý muốn các pháp thiện đã sinh rồi thì sẽ bền bỉ trụ mãi... cho đến giữ gìn tâm... Người này vì có Dục hoặc các thứ khác như cần, tín... cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là cái Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói trước đây, thì gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên việc từ bỏ tham sân si và lại có tâm thiện. Người này nghĩ: Ta nay khởi lên tâm thiện và lìa bỏ tham sân si

thì thật là rất đúng lý. Do người này có tâm lực tăng lên cao độ nên có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Tâm Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Tâm Tam-ma-địa rồi thì quyết ý muốn đoạn dứt tất cả các pháp ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh rồi sẽ bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc các thứ như cần - tín..., cho đến xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tâm Tam-ma-địa đã nói từ trước, gọi chung là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Tất cả Tâm Tam-ma-địa đều từ tâm mà khởi lên, đó là chỗ tụ tập của tâm, là chủng loại của tâm, là chỗ sinh ra tâm. Cho nên gọi là Tâm Tam-ma-địa Thắng hạnh thần túc.

4. Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc thì quán là sao? Tam-ma-địa là sao? Thắng là sao? Thắng hại là sao? Sao gọi là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc?

Quán, nghĩa là y vào pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và biết từ bỏ xa lìa mà khởi lên. Đối với pháp tuyển chọn (tuyển chọn cái đúng nhất) thì rất tuyển chọn, tuyển chọn rất ráo cùng cực, hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần, thông suốt mọi lẽ ẩn kín, xét biết sáng suốt, trí sáng suốt biết rõ tất cả Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Quán.

Tam-ma-địa, nghĩa là khởi quán tăng lên cao độ, các tâm trụ đều trụ vào, trụ gần, an trụ, không phân tán, không loạn động, luôn yên nghĩ, là tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh, thì gọi là Tam-ma-địa.

Thắng, quán cao độ khởi lên đối với tám chi Thánh đạo, đó gọi là Thắng.

Thắng hạnh, nghĩa là có vị Bí-sô y vào quán thời quá khứ đã được Tam-ma-địa, đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền quyết đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến, vì ham muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh rồi thì sẽ bền bỉ, trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần hoặc tín..., cho đến hoặc xả, cho nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Cũng như y vào quán thời quá khứ, mà y vào thời vị lai hoặc hiện tại, thiện hoặc bất thiện hay vô ký, các thứ liên hệ đến các cõi Dục, cõi Sắc, Vô sắc, có học hoặc vô học, hoặc phi học phi vô học, kiến đã đoạn,

tu đã đoạn, chẳng phải đoạn quán... Rộng nói cũng như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với các pháp thiện không chịu quán xét. Người này nghĩ: Ta nay không thể không quán xét các pháp thiện, đúng theo lý thì đối với các pháp thiện ta phải an trụ vào sự quán xét kỹ lưỡng. Do đó người này có sức quan sát cao độ nên có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền quyết đoạn trừ tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh rồi thì luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô khởi lên quán tưởng xấu ác. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi lên quán tưởng xấu ác, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ cái quán tưởng xấu ác mà tu tập cái quán xét tốt lành. Do sức quán cao độ này mà người đó có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền muốn đoạn trừ tất cả các điều xấu ác chẳng thiện, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến các pháp thiện đã sinh rồi sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín... cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi lên quán tưởng xấu ác cùng đi với tham - si. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi lên quán tưởng xấu ác cùng đi với tham - sân - si, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ tham - sân - si cùng đi với quán tưởng xấu ác mà tu tập việc không tham - sân - si cùng đi với quán tưởng tốt lành. Do sức quán cao độ này mà người đó có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền muốn quyết đoạn trừ hết tất cả các điều ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh rồi sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi ý niệm không từ bỏ tham - sân - si và quán tưởng xấu. Người này nghĩ: Ta nay không nên khởi lên ý niệm

không lìa tham - sân - si và quán tưởng xấu, đúng theo lý thì ta phải đoạn trừ việc không lìa bỏ tham - sân - si và quán tưởng xấu mà tu tập việc lìa bỏ tham - sân - si và quán tưởng tốt lành. Do sức quán cao độ này mà người đó có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền quyết vì đoạn trừ hết tất cả các điều xấu ác chẳng thiện đã sinh nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến muốn các pháp thiện đã sinh thì sẽ bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín... cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô đối với các pháp thiện luôn an trụ trong quán xét. Người này nghĩ: Ta đã luôn quán xét kỹ lưỡng các pháp thiện, thật là rất đúng lý. Do sức quán cao độ đó mà người ấy có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền vì quyết đoạn trừ hết tất cả các pháp ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh thì sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Quán Tam ma địa đã nói trước đây gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi quán tưởng thiện. Người này nghĩ: Ta nay khởi lên sự quán tưởng thiện như thế thật là rất đúng lý. Do sức quán cao độ đó nên người ấy có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi thì quyết ý đoạn trừ hết các pháp ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh thì sẽ luôn bền bỉ trụ mãi... cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi việc không tham, không sân, không si cùng đi với sự quán tưởng thiện. Người này nghĩ: Ta nay đã khởi lên việc không tham, không sân, không si cùng đi với sự quán tưởng thiện thì thật là đúng lý. Người này do sức quán cao độ ấy mà có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền quyết ý đoạn trừ hết các pháp xấu ác chẳng

thiện đã sinh, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh thì sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Lại có vị Bí-sô sinh khởi ý niệm từ bỏ tham - sân - si và nỗ lực quán tưởng thiện. Người này nghĩ: Ta nay đã sinh khởi ý niệm từ bỏ tham - sân - si cùng đi với sự quán tưởng thiện, thật rất đúng lý. Do sức quán cao độ này nên người ấy có được Tam-ma-địa. Đó gọi là Quán Tam-ma-địa. Người này đã thành tựu được Quán Tam-ma-địa rồi liền quyết ý đoạn trừ hết tất cả các điều xấu ác chẳng thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích... Rộng nói cho đến vì muốn khiến cho các pháp thiện đã sinh rồi thì sẽ luôn bền bỉ trụ mãi..., cho đến giữ gìn tâm. Người này vì có dục hoặc cần, hoặc tín..., cho đến hoặc xả, nên gọi là Thắng hạnh. Tức là Thắng hạnh này cùng với Quán Tam-ma-địa đã nói trước đây, gọi chung là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Tất cả các Quán Tam-ma-địa đều từ quán này mà khởi lên đó là nơi tụ tập của quán, là giống nòi của quán, là nơi sinh ra quán..., cho nên gọi là Quán Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu thần túc.

Vì sao bốn thứ trên đây gọi là thần túc? Nghĩa là có thần thông biến hóa. Đã có, sẽ có và đang có tánh thần thông biến hóa. Đó là việc có thể biến một thành nhiều, hoặc nhiều thành một, hoặc ẩn hoặc hiện. Chính cái trí ta thấy rõ được các sự biến hóa này. Thí dụ như thân có thể chui qua trót lọt không chút trở ngại nào với các thứ rất dày và cứng như tường gạch vách đá v.v..., hoặc bay vút lên hư không, hoặc chui sâu vào đất đen, hoặc hiện ra rồi biến mất một cách tự tại vô ngại. Có khi ở trong nước, hoặc chui vào những chất cứng như đất đá, hay ở giữa khoảng không. Có khi làm nước chảy ngược lại hoặc đổi dòng. Lúc thì chui vào đất ngồi kiết già, có lúc vút lên hư không bay lượn như chim rồi trở về mà không chút trở ngại gì. Ngay cả mặt trời mặt trăng to lớn thần diệu uy nghiêm rực rỡ như thế, mà đưa tay sờ nắm như thứ đồ chơi cũng chẳng khó khăn gì. Cho đến cả cõi trời Phạm thế cũng tự do dờ dỗi, thật là diệu dụng khó lường... Tất cả điều đó gọi là thần túc, nghĩa là do các sự biến hóa đó mà cố gắng siêng năng tinh chuyên luyện tập không gián đoạn, cho đến lúc thành tựu được chủ đích hiệu quả, thì có thể biến hóa được hoặc nương vào phép thần biến đó..., nên gọi là túc.

Lại còn bốn thứ định đặc biệt này cũng gọi là thần, cũng gọi là

túc. Vì có diệu dụng thật khó lường, nó làm chỗ nương cho bao nhiêu công đức cao quý.

Vả lại, bốn thứ thần túc đó chính là giả lập, nó tùy theo danh ngôn từ tưởng mà nói năng, gọi là thần túc.

Phật cùng đệ tử nhiều hơn cát sông Hằng đều cùng đặt ra tên gọi như thế. Vả lại bốn thứ thần túc này, tức là Dục, Cầu, Tâm, Quán đã nói trước đây, là bốn thứ Tam-ma-địa Thắng hạnh thành tựu nên gọi chung là thần túc.

Phẩm 9: NIỆM TRỤ, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Ta sẽ nói tóm tắt cho các thầy biết về cách tu hành bốn pháp niệm trụ (thân, thọ, tâm, pháp). Nghĩa là như có vị Bí-sô đối với bên trong thân mình mà theo dõi quan sát tìm hiểu với đủ các thứ siêng năng, biết đúng, nghĩ nhớ đúng (chánh cần, chánh tri, chánh niệm) và dẹp bỏ dứt hẳn sự tham lam lo sầu ở đời. Và đối với bên ngoài thân xác, thì người này cũng theo dõi quan sát tìm hiểu với đủ cả chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ tham sầu ở đời. Rồi người này theo dõi quan sát tìm hiểu cả trong lẫn ngoài của thân xác cũng đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và lia bỏ các tham lam lo sầu ở đời.

Đối với trong và ngoài của ba thứ Thọ - Pháp - Tâm, rộng nói ra cũng thế. Và trong hiện tại các việc tu tập bốn pháp niệm trụ ấy ra sao thì ở quá khứ hay vị lai cũng nên biết đều là như thế.

1. Thế nào là trụ theo dõi quan sát tìm hiểu bên trong của thân mình với đầy đủ các thứ siêng năng đúng, biết đúng, nhớ nghĩ đúng và dẹp bỏ mọi tham lam lo sầu ở đời?

Bên trong thân, tức là chính cái thân thể của mình trong lúc nó đang hiện sống, đang liên tục hoạt động, nay đã có mà chưa mất.

Đối với bên trong thân mình mà theo dõi quan sát tìm hiểu... Nghĩa là có vị Bí-sô đối với trong thân mình, từ đầu đến chân, tùy theo từng nơi, từng cơ quan bộ phận mà quan sát suy tư tìm xét tất cả các thứ đều là nhớ nhớ, không có cái gì sạch cả. Như trong thân thì gồm có: Tóc, lông, răng, móng, cấu ghét, da thịt, gân, mạch máu, xương tủy, xương đùi (dài), thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, mỡ lỏng, óc

não, màng nhầy, máu mủ, mỡ bụng, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, hai tạng sống và chín, phân nước tiểu. Trong khi suy nghĩ các thứ như bản như thế..., thì đối với pháp sẽ ra sức nhận biết tuyển chọn kỹ lưỡng, tuyển chọn cùng cực, hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần. Thông hiểu sáng suốt, thẩm xét tinh tường, thông minh sáng suốt, Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát trong thân, cũng gọi là Thân niệm trụ. Để thành tựu sự quan sát này thì luôn quan sát trong hiện tại, hoặc khắp mọi lúc, mọi nơi đều thực hiện các quan sát này và phải biết tùy trường hợp hoàn cảnh mà thích nghi quan sát, nên gọi là Trụ.

Người quan sát này lại giỏi phát khởi tánh siêng năng cần mẫn với sức mạnh mẽ, hăng hái tốt độ khó ai ngăn cản, cố gắng mãi không thôi. Và trong sự siêng năng này lại thêm lanh lợi nhanh nhẹn tháo vác..., nên gọi là chánh cần đầy đủ.

Người quan sát này giỏi sáng suốt tuyển chọn các pháp cho đến Tỳ-bát-xá-na, lại thường khởi các trí tuệ sáng suốt đặc biệt và càng ngày càng trở nên sáng suốt cao độ, tốt bậc, vẹn toàn cùng cực! Đó gọi là chánh tri đầy đủ.

Người quan sát này đầy đủ các niệm nghĩ nhớ, nghĩ nhớ theo, nghĩ nhớ chuyên biệt, nghĩ nhớ các việc đã qua, không hề quên mất, lầm lẫn, sai sót..., có tính chất không quên mất, và tâm sáng suốt ghi nhớ lâu, nên gọi là chánh niệm đầy đủ.

Tham, nghĩa là đối với các cảnh dục có mọi thứ tham, cùng tham, rồi cầm nắm, cất giữ, chấp chặt, yêu mến, mê đắm, đắm say ham thích tốt độ. Luôn mong cầu ràng buộc nội tâm, đắm mê tụ tập bao nhiêu khổ, các chủng loại tham, sự sinh ra tham..., gọi chung là tham lam.

Khi tiếp xúc nhận được các cảm giác lo buồn, khởi lên buồn lo, các cảm giác không tự nhiên bình thường mà bị lo buồn ảnh hưởng. Gọi chung là lo sầu.

Người quan sát này khi tu pháp quán tưởng này, nên đối với hai thứ tham và ái của cuộc đời mà giỏi đoạn trừ, biết khắp, xa lìa và xa lìa cùng cực, điều phục và điều phục cùng cực, diệt trừ cho hết sạch, nên gọi là dẹp bỏ mọi tham lam lo sầu ở đời.

Lại có vị Bí-sô đối với thân mình mà suy tư quan sát thấy rõ các lĩnh vực khác nhau. Nghĩa là trong thân xác này chỉ gồm các thứ như đất, nước, lửa, gió, không và thức. Khi suy tư về tướng của các lĩnh vực như thế, mà khởi lên sự tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là theo dõi quan sát nội thân, cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ vào đây đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ mọi thứ sầu lo ở

đời..., đều như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô đối với thân mình (nội thân) mà suy tư quan sát thấy có nhiều thứ hoạn nạn lầm lỗi. Nghĩa là trong thân này đủ các thứ bệnh, là ung nhọt ghẻ lở, là vết thương đau của tên độc. Nó là vô thường, khổ, không, phi ngã (vô ngã), nó luôn chuyển động không ngừng, mệt mỏi rã rời, gầy yếu... Nó là pháp mất mát hư hoại vô cùng nhanh chóng không hề dừng, nó luôn hư hao rã rục không thường còn, không thể bảo đảm tin tưởng được, nó là pháp luôn dời đổi hư hoại... Khi suy tư các hoạn nạn của thân như thế, thì đối với pháp nên khởi lên sự tuyển chọn chấp nhận..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là theo dõi quan sát nội thân, cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ với chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ mọi thứ sâu lo ở thế gian, cũng như trước đã nói.

Thế nào là trụ theo dõi quan sát tìm hiểu bên ngoài thân, với đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ mọi tham lam lo sâu ở đời?

Ngoài thân, tức là thân mình đang tiếp nối sống trong hiện tại, cái chưa được mà đã mất và hết thủy thân tướng của loài hữu tình khác, mình ở bên ngoài mà theo dõi quan sát tìm hiểu. Nghĩa là có thầy Bí-sô đối với nội thân của người khác, từ đầu đến chân tùy theo mọi chỗ mà suy tư quan sát tìm hiểu các thứ đầy như bản không sạch. Nghĩa là trong thân này chỉ có các thứ tóc, lông, răng, móng... Rộng nói cho đến đi tiêu đi tiểu..., khi suy tư nghĩ đến các vật nhớp nhớp như thế, thì khởi lên sự tuyển chọn kỹ lưỡng cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát ngoài thân. Cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ với các chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các thứ tham lam lo sâu ở đời, cũng như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô, đối với nội thân người khác mà tư duy quan sát tìm hiểu các lĩnh vực khác nhau. Nghĩa là trong thân ta chỉ có các thứ là đất, nước, lửa, gió, không và thức. Khi tư duy quán xét tướng trạng của các lĩnh vực như thế thì khởi lên sự tuyển chọn các pháp..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát ngoại thân, cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sâu ở thế gian, như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô, đối với nội thân người khác mà suy tư quan sát tìm hiểu về các hoạn nạn lầm lỗi... Nghĩa là cái thân kia nó như các thứ bệnh, các ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến là pháp biến dời hư nát... Khi suy tư quan sát về các hoạn nạn của thân thì khởi lên sự tuyển chọn các pháp kỹ lưỡng cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát ngoại

thân (thân người khác). Cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, cũng như trước đã nói.

Thế nào là đối với trong và ngoài thân mà theo dõi quan sát tìm hiểu với đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ mọi tham lam lo sầu ở đời?

Bên trong thân (nội thân), tức là thân của mình hiện đang còn sống đang tiếp nối hoạt động.

Bên ngoài thân (ngoại thân), cũng là thân của mình đang hiện sống, tiếp nối hoạt động hay chưa có mà đã mất, và hết thấy thân tướng của các loài hữu tình khác, hợp chung hai thứ mà gọi là trong và ngoài thân.

Đối với trong và ngoài thân mà theo dõi quan sát tìm xét, thì như có vị Bí-sô hợp cả thân mình và thân người khác thành một nhóm như nhau rồi từ đầu đến chân, tùy theo từng cơ quan bộ phận mà suy tư quan sát tìm xét thấy rõ các thứ đều là như bản. Nghĩa là cái thân này chỉ có các thứ tóc lông răng móng... Rộng nói cho đến đi tiêu đi tiểu, khi suy tư tìm hiểu các tướng như bản như thế thì đối với các pháp mà tuyển chọn nhận thức kỹ càng, cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm xét trong và ngoài thân. Cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ vào các chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các thứ tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô hợp cả thân của mình và của người khác thành một nhóm rồi suy tư quan sát tìm xét các lĩnh vực sai khác. Nghĩa là cái thân này chỉ gồm có các thứ như đất, nước, lửa, gió, không và thức. Khi suy nghĩ của các lĩnh vực như thế thì liền khởi các pháp tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đây là sự theo dõi quan sát tìm xét trong và ngoài thân, cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, cũng như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô hợp cả thân mình và của người khác thành một nhóm rồi suy tư quán xét các thứ hoạn nạn lỗi lầm. Nghĩa là cái thân này như các thứ bệnh, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là pháp biến đời hư nát. Khi suy tư tìm hiểu các thứ hoạn nạn của thân như thế, thì liền khởi tuyển chọn... Rộng nói cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là sự theo dõi quan sát tìm xét trong và ngoài thân, cũng gọi là Thân niệm trụ, trụ đầy đủ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ tham lam lo sầu ở đời, như đã nói trước đây.

2. Thế nào là đối với thọ bên trong mà trụ vào việc theo dõi quan sát tìm xét, với đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam sầu lo ở đời?

Thọ bên trong là sự thọ nhận cảm xúc của mình hiện đang tiếp nối hoạt động hay đã có mà không mất.

Đối với thọ bên trong này mà theo dõi quan sát tìm xét. Ví như có vị Bì-sô đối với thọ này theo dõi quan sát tìm xét các tướng quả thọ (cảm xúc đó). Như khi nhận được xúc vui, thì biết đúng là ta đang có cảm xúc vui. Khi có cảm xúc khổ thì biết đúng là ta đang có cảm xúc khổ. Khi có cảm xúc không vui không khổ thì biết đúng là ta đang có cảm xúc không vui, không khổ. Khi có cảm xúc vui thì ta biết đúng là thân đang có cảm xúc vui, khi khổ thì biết là khổ, khi không khổ không vui thì biết là không khổ không vui. Khi tâm có cảm xúc vui thì ta biết đúng là tâm đang có cảm xúc vui, khi khổ thì biết là khổ, khi không khổ không vui thì biết là không khổ không vui.

Khi nhận được cảm xúc có vị vui thì ta biết đúng là cảm xúc có vị vui, khi cảm xúc có vị khổ thì ta biết đúng là cảm xúc có vị khổ, khi không vui không khổ thì biết là không khổ không vui...

Khi nhận được cảm xúc không có vị vui thì ta biết đúng là cảm xúc không có vị vui, khi cảm xúc không có vị khổ thì biết đúng là cảm xúc không có vị khổ, khi không khổ không vui thì biết là không khổ không vui.

Khi nhận được đam mê dựa vào cảm xúc vui thì ta biết đúng là được đam mê dựa vào cảm xúc vui. Khi khổ thì biết là khổ. Khi không khổ không vui thì biết là không khổ không vui.

Khi nhận được cảm xúc vui về xuất ly thì ta biết đúng là cảm xúc vui về xuất ly, có cảm xúc khổ về xuất ly thì biết là cảm xúc khổ về xuất ly, khi không khổ không vui thì biết là không khổ không vui.

Khi suy tư tìm xét các tướng của cảm xúc thì khởi lên đối với pháp, cách thức tuyển chọn, cho đến Tỷ-bát-xá-na. Đó là sự theo dõi quan sát tìm hiểu các cảm xúc bên trong, cũng gọi là Thọ niệm trụ. Khi thành tựu việc quan sát này thì hiện đang làm, tùy theo mà làm..., cho đến hiểu rõ việc làm..., nên gọi là Trụ.

Người quan sát này, hay khởi lên sự siêng năng chuyên cần..., cho đến còn rất lanh lợi nhanh nhẹn tháo vác..., nên gọi là đầy đủ chánh cần.

Người quan sát này, hay khởi lên đối với pháp tuyển chọn..., cho đến vẹn toàn, vẹn toàn cùng cực, nên gọi là đầy đủ chánh tri.

Người quan sát này nhớ nghĩ đầy đủ, nghĩ nhớ theo..., cho đến có tính chất của tâm sáng suốt ghi nhớ lâu, nên gọi là đầy đủ chánh niệm.

Đối với các cảnh dục là các thứ tham đều tham..., cho đến chủng loại tham, chỗ sinh ra tham. Gọi chung là tham lam.

Sự tiếp xúc có cảm giác lo sâu, khởi lên sự lo buồn, có cảm giác không bình thường tự nhiên mà bị lo buồn ảnh hưởng..., gọi chung là sâu.

Người quan sát này khi tu pháp quán tưởng này nên đối với hai thứ tham và ái của cuộc đời mà giới đoạn trừ biết khắp..., cho đến diệt trừ cho thật hết sạch, nên gọi là dẹp bỏ các tham lam lo sâu ở đời.

Lại có vị Bí-sô, đối với các cảm xúc bên trong mà suy tư quan sát tìm xét thì thấy có nhiều hoạn nạn lỗi lầm, nghĩa là các cảm xúc này hoàn toàn như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là pháp biến đời hư nát. Khi suy tư về các tai họa của cảm xúc như thế, thì khởi lên các cách tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là theo dõi quan sát tìm hiểu về cảm xúc. Cũng gọi là Thọ niệm trụ, trụ đầy đủ vào các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ tham lam lo sâu ở đời, đều như nói trước đây.

Thế nào là đối với thọ bên ngoài? Là theo dõi quan sát tìm hiểu đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sâu ở đời?

Thọ bên ngoài, là cảm xúc của mình hiện đang hoạt động hay chưa được mà đã mất, và cảm xúc của hết thấy các hữu tình khác (của người khác).

Đối với bên ngoài mà theo dõi quan sát tìm xét. Nghĩa là như có vị Bí-sô đối với cảm xúc bên ngoài của người khác mà suy tư quan sát tìm xét các tướng. Khi có (nhận được) cảm xúc vui thì biết đúng là cảm xúc vui, khi có cảm xúc khổ thì biết đúng là cảm xúc khổ. Khi có cảm xúc không khổ không vui thì biết đúng là cảm xúc không khổ không vui... Rộng nói cho đến khi có cảm xúc vui về xuất ly thì biết đúng là về xuất ly, khổ thì biết đúng là khổ, không khổ không vui thì biết đúng là không khổ không vui. Khi suy tư tìm hiểu các tướng của các cảm xúc bên ngoài như thế, thì khởi lên cách tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là sự theo dõi quan sát tìm hiểu các cảm xúc bên ngoài. Cũng gọi là Thọ niệm trụ, trụ đầy đủ đối với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sâu ở đời, cũng như đã nói.

Lại có vị Bí-sô theo dõi quan sát tìm xét các cảm xúc bên ngoài thấy nó có nhiều tai nạn lỗi lầm. Nghĩa là các cảm xúc đó như các thứ

bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là pháp biến đời hư nát. Khi suy tư về các tai họa của các cảm xúc thì khởi lên các cách tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là theo dõi quan sát tìm hiểu cảm giác bên ngoài, cũng gọi là Thọ niệm trụ, trụ đầy đủ vào các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các thứ tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Thế nào là đối với các cảm xúc bên trong và bên ngoài mà theo dõi quan sát tìm hiểu với đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ tham lam lo sầu ở đời?

Cảm xúc bên trong, tức là cảm xúc của mình đang còn tiếp nối hoạt động, hay đã có mà chưa mất.

Cảm xúc bên ngoài, tức là cảm xúc của mình đang còn tiếp nối hoạt động, hay chưa có mà đã mất, và cảm xúc của các loài hữu tình khác (của người khác). Hợp hai thứ lại nói là cảm xúc bên trong và bên ngoài.

Đối với cảm xúc bên trong và bên ngoài mà theo dõi quan sát tìm xét. Nghĩa là như có vị Bí-sô hợp cả cảm xúc của mình và của người khác làm thành một nhóm rồi suy tư quan sát tìm xét tướng trạng của các cảm xúc của mình và người khác. Khi có cảm xúc vui thì biết đúng là có cảm xúc vui, khi có cảm xúc khổ thì biết đúng là có cảm xúc khổ. Khi có cảm xúc không khổ không vui thì biết đúng là có cảm xúc không khổ không vui... Rộng nói cho đến khi có cảm xúc vui về xuất ly thì biết đúng là có cảm xúc vui về xuất ly, cảm xúc khổ thì biết đúng là cảm xúc khổ, cảm xúc không khổ không vui thì biết đúng là không khổ không vui về xuất ly.

Khi suy tư tìm hiểu về tướng của các thứ cảm xúc như thế thì có những cách tuyển chọn rất kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát các cảm xúc bên trong và bên ngoài. Cũng gọi là Thọ niệm trụ, trụ đầy đủ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô hợp cả các cảm xúc của mình và của người khác làm thành một nhóm rồi tư duy quan sát tìm xét các tai họa lầm lỗi của các cảm xúc, nghĩa là các cảm xúc này như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là pháp đời đổi hư nát. Khi suy nghĩ về tai họa của các cảm xúc thì liền có những cách tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là sự theo dõi quan sát tìm xét các cảm giác bên trong và bên ngoài, cũng gọi là Thọ niệm trụ, trụ đầy đủ vào các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các thứ tham lam lo sầu

ở đời, như trước đã nói rõ.

3. Thế nào là đối với nội tâm mà theo dõi quan sát tìm hiểu và trụ đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và từ bỏ các tham lam lo sầu ở đời?

Nội tâm là tâm của mình đang tiếp nối hoạt động, hay đã được mà không mất.

Đối với nội tâm này mà theo dõi quan sát tìm hiểu, tức là như có vị Bí-sô đối với nội tâm mà theo dõi suy tư quan sát xét tìm về các tướng của nội tâm. Nếu như ở trong tâm có tham thì biết đúng là tâm có tham. Nếu ở trong tâm lìa bỏ tham thì biết đúng là nội tâm lìa bỏ tham. Nếu trong nội tâm có giận hờn thì biết đúng như thật là ở nội tâm lìa bỏ giận hờn. Nếu ở nội tâm có si và lìa bỏ si thì cũng như thế.

Và nếu ở nội tâm có tụ tập thì biết là có tụ tập, có phân tán thì biết là có phân tán, có chìm đắm (trầm) thì biết là có chìm đắm, có khuyến khích thì biết là có khuyến khích, có tiểu tâm thì biết là tiểu tâm, có lòng rộng mở thì biết là có lòng rộng mở, có lay động thì biết là có lay động, không lay động thì biết là không lay động, chẳng sạch thì biết là chẳng sạch, sạch thì biết là sạch, không định thì biết là không định, định biết là định, không tu biết là không tu, tu biết là tu, không giải thoát biết là không giải thoát, giải thoát biết là giải thoát... Khi suy tư quan sát tìm biết các tướng của nội tâm như thế, thì liền có những cách tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm hiểu nội tâm. Cũng gọi là Tâm niệm trụ, để thành tựu pháp quán tưởng này thì hiện đang làm và làm theo thế mãi..., cho đến hiểu rõ việc làm nên nói là trụ.

Người quan sát này thường phát khởi siêng năng chuyên cần..., cho đến có lanh lợi, nhanh chóng tháo vác, nên gọi là chánh cần đầy đủ.

Người quan sát này thường có những cách tuyển chọn cho đến toàn vẹn, toàn vẹn cùng cực, nên gọi là chánh tri đầy đủ.

Người quan sát này nghĩ nhớ đầy đủ, nghĩ nhớ theo..., cho đến có tính chất của tâm sáng suốt, ghi nhớ lâu, nên gọi là chánh niệm đầy đủ.

Đối với các cảnh dục thì các tham nào cũng đều tham cả..., cho đến chủng loại của tham, thứ gì sinh ra tham đều gọi chung là tham lam.

Những tiếp xúc có cảm giác lo buồn thì khởi lên sự buồn lo, có cảm xúc không tự nhiên bình thường bị ảnh hưởng của lo sầu..., gọi

chung là rầu lo.

Người quan sát này khi tu pháp quán tưởng đó thì đối với hai thứ tham và ái của cuộc đời, lại giỏi đoạn dứt và biết khắp..., cho đến phải diệt trừ hết sạch. Thế nên gọi là dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời.

Lại có vị Bí-sô ở trong các tâm mà suy nghĩ quan sát xét thấy có nhiều tai họa lỗi lầm. Nghĩa là tâm này như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là phép biến đời hư nát. Khi suy nghĩ về các tai họa của tâm như thế thì liền có những cách tuyển chọn... cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là sự theo dõi quan sát tìm hiểu nội tâm. Cũng gọi là Tâm niệm trụ, trụ đầy đủ vào các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đây đã nói.

Thế nào là đối với bên ngoài tâm mà quan sát tìm hiểu với sự đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và từ bỏ các tham lam lo sầu ở đời.

Bên ngoài của tâm, tức là tâm của mình đang tiếp nối hoạt động, hoặc chưa được mà đã mất, và hết thấy tâm của những loài hữu tình (của người khác).

Đối với bên ngoài tâm mà theo dõi quan sát tìm hiểu, thì như có vị Bí-sô đối với người khác mà theo dõi quan sát suy tư tìm xét các tướng của tâm bên ngoài. Nếu tâm bên ngoài (hay tâm của người khác) có tham thì biết đúng là tâm bên ngoài đó có tham... Rộng nói cho đến nếu tâm bên ngoài giải thoát thì biết đúng là tâm bên ngoài đó giải thoát.

Khi suy nghĩ tìm xét các tướng của tâm bên ngoài như thế, thì liền khởi lên những cách tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm hiểu tâm bên ngoài, cũng gọi là Tâm niệm trụ, trụ đầy đủ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, cũng như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô đối với bên ngoài của tâm (tâm người khác) mà quan sát suy tư tìm xét về các tai họa lỗi lầm. Nghĩa là tâm này như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là phép biến đời hư nát. Khi suy tư tìm xét các tai họa của tâm như thế, thì liền có những cách tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm hiểu tâm bên ngoài nội tâm. Cũng gọi là Tâm niệm trụ, trụ đầy đủ các thứ, chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, cũng như đã nói trước.

Thế nào là cả bên ngoài và bên trong tâm mà theo dõi quan sát tìm hiểu với đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và từ bỏ

các tham lam lo sầu ở đời?

Tâm bên trong, tức là tâm của mình, nó hiện đang còn tiếp nối hoạt động, hay đã được mà không mất.

Tâm bên ngoài, tức là tâm của mình hiện đang tiếp nối hoạt động mà chưa được thì đã mất, và các tâm của loài hữu tình khác, của người khác, hợp hai thứ đó lại, gọi chung là tâm bên ngoài và bên trong.

Đối với tâm bên ngoài và bên trong mà theo dõi quan sát tìm xét thì như có vị Bí-sô hợp cả tâm của mình và của người khác làm thành một nhóm rồi theo dõi suy tư quan sát tìm xét các tướng của tâm mình và của người khác. Nếu như tâm có tham thì biết đúng là tâm có tham... Rộng nói cho đến tâm giải thoát thì biết có giải thoát. Khi suy tư tìm xét các tướng của tâm, thì liền có những cách tuyển chọn kỹ lưỡng... cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm xét tâm bên trong và bên ngoài, cũng gọi là Tâm niệm trụ, trụ đầy đủ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Lại có vị Bí-sô hợp cả tâm mình và tâm người khác làm thành một nhóm rồi tư duy quan sát tìm xét thấy có nhiều tai họa lỗi lầm. Nghĩa là cái tâm đó như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là phép biến đời hư nát. Khi suy xét tâm là tai họa lỗi lầm như thế, thì liền có những cách tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm hiểu tâm bên trong và bên ngoài. Cũng gọi là Tâm niệm trụ, trụ đầy đủ vào các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TÚC

QUYỂN 6

Phẩm 9: NIỆM TRỤ, Phần 2

4. Thế nào là đối với nội pháp (pháp bên trong) theo dõi quan sát tìm hiểu với đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và từ bỏ các tham lam lo sầu ở đời?

Pháp bên trong, là các tướng uẩn, là hành uẩn của mình hiện đang nổi tiếp hoạt động, hoặc đã có mà không mất.

Đối với pháp bên trong này mà theo dõi quan sát tìm hiểu, như có vị Bí-sô đối với năm pháp uẩn mà theo dõi quan sát tìm xét các tướng của pháp bên trong ấy. Nếu như bên trong đã có màn che tham dục thì biết đúng là có màn che tham dục. Nếu bên trong không có màn che tham dục thì biết đúng là không có màn che tham dục. Lại biết đúng như thật màn che tham dục trong ta, chưa sinh thì sinh, đã sinh thì tìm cách đoạn trừ cho hết, đã đoạn trừ rồi thì đừng để sau này nó lại sinh nữa.

Khi suy nghĩ về các pháp bên trong của ta thì liền khởi lên những cách tuyển chọn kỹ lưỡng cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm xét các pháp bên trong. Cũng gọi là Pháp niệm trụ. Để thành tựu pháp quán tưởng này thì phải hiện đang mãi làm, làm theo... cho đến hiểu rõ việc làm, nên nói là trụ.

Người quan sát này, thường hay phát sinh lòng siêng năng chuyên cần..., cho đến đối với việc này mà lanh lợi nhanh chóng tháo vác, nên gọi là đầy đủ chánh cần.

Người quan sát này thường khởi lên những cách tuyển chọn kỹ lưỡng, cho đến toàn vẹn, toàn vẹn cùng cực, nên gọi là đầy đủ chánh trí.

Người quan sát này nghĩ nhớ đầy đủ, nghĩ mãi theo và có tính chất của trí sáng suốt ghi nhớ lâu, nên gọi là đầy đủ chánh niệm.

Đối với các cảnh dục thì có những cái tham nào đều tham cả...,

cho đến chủng loại tham lam, thứ sinh ra tham lam, gọi chung là tham lam.

Khi tiếp xúc có cảm xúc lo buồn khởi lên tâm lo sầu, có những cảm xúc không bình thường tự nhiên mà bị ảnh hưởng của lo sầu nên gọi chung là lo sầu.

Người quan sát này khi tu các quán tưởng đó, thì đối với hai pháp tham và ái ở đời phải đoạn dứt và biết khắp..., cho đến phải trừ diệt cho thật hết. Thế nên nói là dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời.

Như nói về màn che tham dục bên trong thế nào, thì đối với các thứ như các màn che về giận hờn, hôn trầm, tùy miên, trạo cử, ăn năn, nghi ngờ..., cũng y như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với sáu hiện tượng nối kết mà theo dõi quan sát tìm hiểu các tướng của các hiện tượng bên trong. Như đối với nhân kết (kết về mắt) bên trong thì ta biết đúng là có nhân kết bên trong. Nếu không có nhân kết thì biết đúng là ta không có nhân kết. Lại biết đúng là nhân kết bên trong đó chưa sinh thì nó sinh, đã sinh rồi thì đoạn trừ đi, đoạn trừ rồi thì đừng để nó sinh ra lại ở sau này. Khi suy nghiệm về các pháp bên trong như thế, liền khởi lên những cái tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát các pháp bên trong. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, đều như trước đây đã nói.

Như nói về nhân kết bên trong như thế nào, thì các thứ kết bên trong về tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng y như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với pháp bên trong bảy giác chi mà theo dõi quan sát tìm hiểu các tướng của pháp đó. Như đối với việc có niệm giác chi bên trong, thì biết đúng là bên trong có niệm giác chi. Còn như không có niệm giác chi thì cũng biết đúng là bên trong không có niệm giác chi.

Lại biết đúng là bên trong có niệm giác chi chưa sinh và đang sinh ra, hoặc đã sinh và đang được vững trụ nơi không quên, lại càng tu bồi lớn rộng mãi trí tác chứng. Khi suy nghĩ tìm hiểu về các pháp bên trong như thế, liền sinh khởi những cách tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm hiểu các pháp bên trong. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, vì nó trụ đầy đủ vào các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Giống như nói về niệm giác chi, thì sáu giác chi bên trong kia cũng y như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với pháp bên trong về tướng uẩn, hành uẩn đã nói đó mà theo dõi suy tìm quán xét thì thấy có nhiều tai họa. Nghĩa là các uẩn đó như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói nó là pháp biến đời hư nát, khi suy nghĩ về các tai họa của pháp đó như thế, thì liền khởi lên những cách tuyển chọn kỹ lưỡng... cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát tìm hiểu các pháp bên trong. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với pháp bên ngoài mà trụ diệt theo dõi quan sát tìm hiểu đầy đủ các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và từ bỏ các tham lam lo sầu ở đời?

Pháp bên ngoài, nghĩa là tướng uẩn và hành uẩn của mình hiện đang là lúc nối tiếp hoạt động, hay chưa được thì đã mất, và các tướng uẩn hành uẩn của loài hữu tình khác, của người khác.

Đối với pháp bên ngoài này mà theo dõi quan sát tìm hiểu. Nghĩa là như có vị Bí-sô đối với năm pháp uẩn của người khác mà theo dõi suy tìm quán sát các tướng của pháp bên ngoài đó. Như người khác có tham dục thì biết đúng là người khác có tham dục. Người khác không có tham dục thì biết đúng là không có tham dục.

Lại biết đúng là tham dục của người khác chưa sinh thì sinh, đang sinh ra hoặc đã sinh, đang đoạn trừ hoặc đã trừ rồi, thì không cho sau này sinh lại nữa

Khi suy tìm quán sát về người khác như thế, thì khởi lên những cách tuyển chọn kỹ lưỡng cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát các pháp bên trong (của người khác). Cũng gọi là pháp niệm trụ, trụ đầy đủ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp trừ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói. Cũng giống như nói về màn che tham dục, bốn màn che kia cũng giống y như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với sáu pháp của người khác mà theo dõi quan sát tìm xét các tướng của pháp bên ngoài. Như đối với việc có nhãn kết bên ngoài thì biết đúng là có nhãn kết bên ngoài, nếu không có thì biết đúng là không có. Lại biết đúng rằng nhãn kết bên ngoài đó chưa sinh và đang sinh, đã sinh rồi đoạn trừ, đã đoạn trừ rồi thì không để cho sau này sinh lại nữa. Khi suy nghĩ tìm xét về các pháp bên ngoài như thế, thì liền có những cách tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát các pháp bên ngoài. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Giống như nói về nhãn kết bên ngoài, khi nói về năm kết kia cũng y như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với pháp bảy giác chi của người khác mà theo dõi quan sát tìm xét tìm các tướng của pháp bên ngoài. Như đối với việc có niệm giác chi bên ngoài thì biết đúng là có niệm giác chi bên ngoài (của người khác), nếu không có thì biết đúng là không có. Lại biết đúng là niệm giác chi bên ngoài đó chưa sinh, đang sinh ra hoặc đã sinh mà vững vàng đang trụ. Rộng nói cho đến trí tác chứng. Khi suy tư tìm xét pháp bên ngoài như thế, thì liền có cách tuyển chọn kỹ lưỡng... cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi quan sát pháp bên ngoài. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như đã nói trước đây. Giống như nói về niệm giác chi bên ngoài (của người khác), khi nói về sáu giác chi kia cũng y như thế.

Lại có vị Bí-sô đối với các tướng uẩn - hành uẩn bên ngoài đã nói mà theo dõi xét tìm quan sát các thứ tai họa lỗi lầm. Nghĩa là pháp đó như các thứ bệnh, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói nó là pháp biến đời hư nát, khi xét tìm suy nghĩ về tai họa của pháp đó như thế, thì liền có những cách tuyển chọn kỹ lưỡng..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là sự theo dõi quan sát pháp bên ngoài. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ với các thứ, chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, đều như trước đã nói.

Thế nào là đối với pháp bên trong và bên ngoài mà theo dõi quan sát tìm xét các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm đầy đủ và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời?

Pháp bên trong, nghĩa là tướng uẩn, hành uẩn của mình hiện đang tiếp nối hoạt động đã có nhưng không mất.

Pháp bên ngoài, nghĩa là tướng uẩn - hành uẩn của mình hiện đang nối tiếp hoạt động, nhưng chưa được thì đã mất, và các tướng uẩn-hành uẩn của người khác (loài hữu tình khác). Họp cả hai thứ lại gọi chung là pháp bên trong và bên ngoài.

Đối với pháp bên trong và bên ngoài mà theo dõi quan sát tìm hiểu, là có vị Bí-sô hợp cả tướng uẩn - hành uẩn của người khác làm thành một nhóm rồi theo dõi tìm hiểu và quan sát các tướng về pháp của mình và của người khác, tức là năm uẩn bên ngoài bên trong đã nói, sáu kết, bảy giác chi v.v... và các thứ đây - kia, mình - người, có - không, chưa sinh, đang sinh, sinh rồi, đang đoạn trừ, đoạn trừ rồi, không để cho sinh lại các tướng... Khi suy nghĩ xét hiểu các pháp bên trong và bên

ngoài như thế, thì liền có những cách tuyển chọn kỹ lưỡng... cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi các pháp bên trong và bên ngoài. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm đầy đủ và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đây đã nói.

Lại có vị Bí-sô, hợp cả tướng uẩn- hành uẩn ở trước của mình và người khác lại thành một nhóm mà theo dõi suy nghĩ quan sát các thứ tai họa lỗi lầm. Nghĩa là pháp này như các thứ bệnh hoạn, các thứ ung nhọt ghẻ lở... Rộng nói cho đến nó là pháp đời đời hư nát... Khi suy tư tìm xét các tai họa lỗi lầm về pháp ấy, thì liền có những cách tuyển chọn kỹ lưỡng... cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó là theo dõi các pháp bên trong và bên ngoài. Cũng gọi là Pháp niệm trụ, trụ với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm đầy đủ và dẹp bỏ các tham lam lo sầu ở đời, như trước đã nói.

Phẩm 10: THÁNH ĐẾ

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú ở khu rừng Thí Lộc, thuộc thành Bà-la-ni-tư, chỗ luận thuyết của các vị Tiên nhân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Đây là khổ Thánh đế (sự thật về khổ của Phật nói), nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ có được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ. Đây là khổ tập Thánh đế, nếu ai đối với pháp chưa từng nghe mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ có khả năng phát sinh mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ. Đây là khổ diệt Thánh đế, nếu ai đối với pháp chưa từng nghe mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ có khả năng phát sinh mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ.

1. Lại nữa các vị Bí-sô, với khổ Thánh đế này nên dùng thông tuệ mà nhìn biết tận tường (biết khắp). Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm hiểu thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ.

2. Với khổ tập Thánh đế này nên dùng thông tuệ mà đoạn dứt. Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ.

3. Với khổ diệt Thánh đế này nên dùng thông tuệ mà chứng đạt. Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì

nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ.

4. Với con đường đưa đến sự diệt hết khổ của Phật nói này, nên dùng thông tuệ mà tu tập. Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ.

Lại nữa các vị Bí-sô, với khổ Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ mà biết khắp (biết tận tường). Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ.

Với khổ tập Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ mà chứng đạt. Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ.

Với khổ diệt Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ mà chứng đạt. Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ.

Với thú khổ diệt Thánh đế này, Ta đã dùng thông tuệ mà chứng đạt. Nếu ai đối với pháp chưa từng nghe này mà đúng lý suy tư tìm xét thì nhất định sẽ phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ.

Các thầy Bí-sô nên biết! Đối với bốn Thánh đế đó, nếu Ta chưa ba lần chuyển thành mười hai hình thức, nghĩa là chưa phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ, thì đối với cõi thế gian của hàng trời, người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chưa thể nào được xuất ly giải thoát, cũng như chưa thể trừ hết các điên đảo lầm lẫn và tâm trí trụ nhiều vào một nơi..., cũng như chưa thể đúng như thật tuyên bố rằng: Ta đã chứng được Bồ-đề Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng (bậc giác ngộ tối thượng). Vì đối với bốn Thánh đế đó Ta đã ba lần chuyển thành mười hai hình thức của tướng, nghĩa là Ta đã phát sinh được mắt sáng trí tuệ biết rõ mọi lẽ liền xuất ly giải thoát ngay ở cõi thế gian của hàng trời, người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... và đã dứt hết điên đảo lầm lẫn, tâm trụ nhiều vào một nơi, cũng như dám tuyên bố đúng như thật: Ta đã chứng được Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác...

Khi Đức Phật giảng nói pháp này, các thầy như Kiều-trần-na cùng tám vạn chư Thiên lìa bỏ được trần cấu và phát sinh mắt pháp tịnh, khi nhìn các pháp. Bấy giờ, Đức Phật hỏi các thầy Kiều-trần-na: Với các pháp Ta vừa nói các thầy có hiểu rõ không? Các thầy Kiều-trần-na thưa: Nay chúng con đã hiểu rất rõ.... Vị thứ hai, thứ ba cũng như thế. Vì thầy Kiều-trần-na là người đầu tiên hiểu biết pháp đó, nên người đời cùng tôn xưng các vị ấy là A-nhã-đa. Khi đó các vị Địa thần (thần đất),

Lạc-xoa nghe được những lời ấy thì hết sức vui mừng, hớn hở lớn tiếng khen: Hôm nay Đức Phật ở chỗ các vị Tiên nhân luận thuyết Bà-la-ni từ trong khu rừng Thí Lộc (Lộc uyển), đã thương xót tất cả chúng sinh trong cõi thế gian này, muốn giúp cho tất cả mọi người đều nhận được những sự lợi ích và an lạc, cho nên đã ba lần chuyển pháp luân, mở lời diễn giảng giáo pháp với đầy đủ cả mười hai hình thức, khắp cõi thế gian toàn thể các vị Sa-môn, Bà-la-môn các vị Trời - Ma - Phạm đều không thể đảm đương, không đủ khả năng trong việc chuyển pháp luân vô thượng, diễn giảng giáo pháp nhiệm mầu, các vị như Kiều-trần-na v.v... đã thấy rõ được Thánh đế. Từ nay các chúng trời sẽ thêm đông đảo còn bọn A-tố-lạc sẽ giảm đi. Do sự truyền bá giáo lý rộng rãi này mà toàn thể trời, người đều thấm nhuần được rất nhiều lợi ích an lạc vô cùng cao quý đặc biệt...

Các thần Lạc-xoa (Dược-xoa) đang bay trên không trung khi nghe những lời reo vui như thế thì hết sức vui mừng đến truyền báo ngay cho các trời Tứ Đại Vương. Các vị này nghe rồi cũng vui mừng đều cao tiếng thông báo khắp nơi. Trong thoáng chốc lời thông báo vang rộng cả cung trời Phạm thiên. Bấy giờ, vị vua trời Đại Phạm nghe lời thông báo ấy nên hết sức vui mừng khen: Mừng Đức Phật đã chuyển pháp luân vô thượng, đã bắt đầu diễn giảng giáo pháp nhiệm mầu, sẽ đem lại vô số lợi lạc cho toàn thể quần sinh. Trong này nói về việc chuyển pháp luân nên gọi là Kinh Chuyển Pháp Luân. Khi đó năm vị Bí-sô Kiều-trần-na cùng tám vạn Thiên chúng nghe kinh rồi hết sức vui mừng tin nhận tuân hành đầy đủ.

1. Thế nào là Khổ Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là gồm có các khổ về sinh, già, bệnh, chết, oán thù mà gặp gỡ nhau hoài là khổ, thương yêu mà phải xa nhau là khổ, cầu mong không toại nguyện là khổ và nói chung tất cả năm uẩn đều là khổ.

Thế nào là sinh khổ? Sinh, nghĩa là các chủng loại hữu tình, chúng tụ họp nhau lại, có các đời sống và sinh sản thêm các đời sống, có các uẩn, và có đủ các thứ giới - xứ - uẩn thì sinh mạng, đời sống sẽ được tạo nên và xuất hiện. Gọi chung đó là sinh, đời sống.

Vì sao lại nói sinh là khổ? Khổ là loài hữu tình đang sinh sống thì sẽ nhận lãnh và giữ lấy (chịu đựng) các thứ khổ của thân hoặc của tâm, hay của thân và tâm. Hoặc là nhận lãnh giữ lấy, chịu đựng các thứ nóng nảy bứt rứt khổ buồn cho riêng của thân, hoặc riêng của tâm, hoặc cả thân và tâm. Cho đến các việc nặng nề hơn như chịu đựng các sự thiêu đốt của thân, hoặc của tâm, hoặc của cả thân và tâm... cho nên nơi là

khổ. Lại nữa, khi sống (sinh) thì phải chịu hai thứ khổ khổ và hành khổ, nên gọi là sinh khổ.

Thế nào lại nói là già khổ? Già nghĩa là lúc đã già yếu thì tóc rụng, tóc bạc phơ, da dòn mặt nhăn, mình khom, lưng còng, hơi thở gấp gấp khò khè, phải nường gậy mà lần bước, cả mình mẩy nổi tàn nhang hoặc bạch biến loang lổ. Tinh thần suy nhược, mù mờ ngu độn chậm chạp. Các cơ quan bộ phận đều rã rời hư nát, các hành cũng suy thoái bại hoại, mục nát suy yếu... Gọi chung là già.

Vì sao già là khổ? Khi loài hữu tình đã già thì sẽ nhận lãnh giữ lấy và chịu đựng các khổ của thân... Rộng nói cho đến nhận lấy và chịu đựng sự thiêu đốt của cả thân và tâm. Lại còn khi già thì phải chịu ba thứ khổ là khổ khổ, hành khổ, và hoại khổ. Cho nên gọi là già khổ.

Thế nào là bệnh khổ? Bệnh, nghĩa là đau đầu, đau mắt, tai, mũi, lưỡi, bệnh mặt mày, hôi miệng, bệnh răng cổ, bệnh hàm họng, phong điên, trúng gió, ho hen, hơi thở nghẹn tức hay ợ ngáp, bệnh phong cùi, ghẻ lở, bệnh trĩ, kiết lỵ, trúng gió, bệnh nóng hoặc lạnh, bệnh sốt rét, động kinh ói mửa, ghẻ lở nhọt độc, bệnh phù thũng, bệnh ghẻ lở, lác, bệnh ung bướu, bệnh ngưng trệ rò rỉ, bệnh kết hờn, kết hạch, bệnh nóng nảy, bứt rứt v.v... và các thứ bệnh khác sinh ra từ thân và tâm, thân tâm bị bệnh hoại khổ sở..., gọi chung là bệnh.

Vì sao lại gọi bệnh là khổ? Loài hữu tình khi bệnh thì nhận lãnh, giữ lấy, chịu đựng các thứ đau khổ của thân... Rộng nói cho đến nhận giữ chịu đựng các thứ thiêu đốt cả thân và tâm. Lại nữa, khi bệnh thì phải chịu hai thứ khổ là khổ khổ và hành khổ, nên nói là bệnh khổ.

Thế nào chết là khổ? Chết nghĩa là các loài hữu tình đang tụ họp cùng sống với nhau thì biến đổi, chia lìa, cuộc sống, sức nóng và thức bị tiêu mất, thân mình không còn cử động nhúc nhích, các uẩn đều bị phá hư. Chết non, tàn đời, ra đi, thở hơi cuối cùng... đều gọi là chết.

Vì sao nói chết là khổ? Các loài hữu tình khi chết thì phải nhận giữ chịu đựng biết bao nhiêu khổ sở cho thân thể... Rộng nói cho đến nhận giữ chịu đựng các thứ thiêu đốt của thân và tâm, cho nên nói chết là khổ. Lại còn khi chết thì phải chịu ba thứ khổ là khổ khổ, hành khổ, và hoại khổ. Cho nên gọi chết là khổ.

Thế nào là oán ghét gặp nhau là khổ? Oán ghét gặp nhau, nghĩa là các loài hữu tình (mọi người) không yêu thương mến thích nhau, không hợp ý vừa lòng nhau..., mà phải cùng làm, cùng ở chung một chỗ, không thể nào khác được, không thể phân tán lìa xa nhau được mà phải hòa hợp tụ tập gặp gỡ nhau mãi..., nên gọi chung là oán ghét mà phải gặp

nhau là khổ.

Vì sao lại nói oán ghét gặp nhau là khổ? Nói oán ghét gặp nhau khổ, nghĩa là các loài hữu tình (người nào) oán ghét mà gặp nhau hoài thì phải nhận giữ chịu đựng bao nhiêu cái khổ não của thân... Rộng nói cho đến phải chịu đựng bao nhiêu các thứ thiêu đốt cả thân và tâm, nên nói đó là khổ. Lại còn khi oán ghét mà gặp nhau thì phải chịu hai thứ khổ là khổ khổ, hành khổ. Cho nên nói oán ghét mà gặp nhau hoài là Khổ.

Thế nào là thương nhau mà lìa nhau là khổ? Thương nhau mà phải lìa nhau, nghĩa là các loài hữu tình yêu thương mến thích nhau, thích ý vừa lòng nhau nhưng cả hai không cùng ở chung một chỗ, cùng làm bạn bè thân thiết với nhau, mà đành phải cách biệt, riêng rẽ, phân tán lìa xa nhau, và không thể cùng hòa hợp tụ tập gặp gỡ nhau được..., gọi chung là thương nhau mà lìa nhau là khổ.

Vì sao lại nói thương nhau mà phải lìa nhau là khổ? Nghĩa là các loài hữu tình khi thương mến nhau mà phải xa lìa nhau thì phải nhận chịu mọi sự đau khổ của thân thể... Rộng nói cho đến nhận lãnh giữ lấy, chịu đựng bao nhiêu đau khổ như bị thiêu đốt cả thân và tâm, nên nói đó là khổ. Lại còn khi thương nhau mà mãi xa lìa nhau thì phải chịu ba thứ khổ là khổ khổ, hành khổ, và hoại khổ. Cho nên nói thương nhau mà phải xa lìa nhau là khổ.

Thế nào là mong cầu không được là khổ? Cầu không được, nghĩa là mong cầu về các thứ rất thích ý vừa lòng về sắc-thanh-hương-vị-xúc, hay y phục ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, các đồ dùng cần thiết cho đời sống hằng ngày nhưng lại không có được, không gặp gỡ, không thấy, không thành tựu, không hoàn hảo thuận hợp (hòa hợp)... Gọi là chung là mong cầu mà không được.

Vì sao nói mong cầu không được là khổ? Nghĩa là các loài hữu tình khi mong cầu mà không được thì phải lãnh nhận giữ lấy, chịu đựng tất cả mọi thứ đau khổ của thân thể... Rộng nói cho đến phải nhận lãnh giữ lấy chịu đựng tất cả mọi thứ đau khổ như bị thiêu đốt cả thân và tâm, cho nên nói đó là khổ. Lại còn khi mong cầu chẳng được thì phải chịu hai thứ khổ là khổ khổ và hành khổ. Cho nên nói mong cầu không được là khổ.

Thế nào là nói vấn gọn tất cả năm uẩn đều khổ? Năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn và các thọ, tưởng, hành, thức, thủ uẩn..., gọi chung là năm thủ uẩn.

Vì lý do nào mà nói tất cả năm thủ uẩn là khổ? Nghĩa là vì các uẩn

này đều không thường (vô thường) mà luôn chuyển dời, nó luôn mệt mỏi rồi, suy yếu, nó là pháp luôn mất mát, hư hoại rất nhanh chóng không bao giờ. Nó luôn hư hao mục nát, biến rồi không phải còn mãi, không thể bảo đảm tin cậy được, nó là pháp dời đổi hư nát, có lúc tăng thêm có khi giảm bớt, mới sinh ra đó thì bỗng nhiên mất đi. Xưa không có mà nay có, khi có rồi lại trở về không... Vì lẽ đó nên nói tóm tắt một lời là tất cả năm thủ uẩn là khổ. Như nói các uẩn đều có tính chất là khổ vì nó không an ổn, vì nó trái ngược lại với Thánh tâm. Các khổ như thế gọi là khổ đế, nghĩa là đó đúng là vô thường, là vô thường nên gọi là khổ. Nó đúng là khổ; dù Phật có ra đời hay không ra đời. Cái pháp khổ đó là pháp luôn làm cho pháp giới tồn tại. Tất cả các Như Lai đều đã rõ biết thấu suốt tường tận nên đều diễn nói trình bày, đưa ra thành quan điểm phân biệt chỉ bày, khiến nó càng sáng tỏ rõ ràng: Đây là vô thường, đây là khổ. Đây là tính chất vô thường thì đó là tính chất của khổ. Đó là điều chân thật, đúng đắn nhất, không hề hư vọng, không hề điên đảo lầm lạc, đổi khác..., nên gọi là Khổ đế.

Gọi là Thánh - Phật và đệ tử Phật. Đây là Thánh đế, nghĩa là các vị Thánh ấy đối với các điều đó (khổ, tập v.v... này) đều hiểu biết thấy rõ, thấy rõ nó là chân thật đúng đắn, chắc chắn là Đế. Do đó mà gọi là Thánh đế.

Lại còn khổ Thánh đế là cái giả lập trên danh tướng ngôn thuyết, trên trí tưởng nói năng có đối đãi. Gọi là Thánh đế, vì chư Phật và các hàng đệ tử đều đưa ra cái tên gọi như thế.

2. Thế nào là khổ tập Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là có bao nhiêu thứ ái dục, mến yêu. Sau đó thì liền có sự mừng vui ham thích đi đôi với các ái dục đó (sự yêu thích đó). Như thế mà nói vấn đề là khổ tập Thánh đế... Nếu nói rõ ràng hơn là từ cái ái thứ hai, thứ ba thì lại có thêm các điều tham ái thứ tư, thứ năm, thứ sáu..., kể cả mọi pháp chẳng thiện hay mọi pháp thiện hữu lậu và tất cả mọi thứ trói buộc chặt chẽ của tùy miên, tùy phiền não v.v... tất cả đều gọi chung là khổ tập Thánh đế.

Vì sao lại nói là khi có hết thấy các ái rồi sau đó lại vui mừng ham thích luôn đi đôi với các ái dục đó, và mọi người ai ai cũng ham thích ái dục, thì đều gọi là khổ tập Thánh đế? Nghĩa là bốn thứ ái dục này chính là cái nguyên nhân căn bản, là con đường phát khởi của khổ quá khứ - hiện tại - vị lai. Rộng nói cho đến thân chết rồi thì chính do nhân khổ đó thúc đẩy quả khổ mà sinh khởi. Cho nên nói đây gọi là khổ tập Thánh đế.

Vì sao lại có cái ái thứ hai, thứ ba, rồi sau lại có cái ái thứ tư, thứ năm, thứ sáu và tất cả các pháp chẳng thiện, tất cả các pháp thiện hữu lậu, tất cả mọi sự trói buộc chặt chẽ của tùy miên và tùy phiền não..., thì đều gọi là khổ tập Thánh đế?

Nghĩa là chính các pháp này là nhân căn bản, con đường phát khởi của khổ suốt trong quá khứ - hiện tại - vị lai. Rộng nói cho đến khi thân này chết đi thì chính do pháp đó làm nhân nên có khổ quả sinh ra. Như thế các ái dục v.v... đều gọi là Tập đế.

Gọi là Tập đế thì các ái này là đúng như thật và các ái này gọi là Tập thì đúng như thật nó là Tập, là sự tụ họp chứa nhóm, dù Phật có ra đời hay không thì chúng vẫn là ái, là tập. Chúng làm cho pháp giới tồn tại, tất cả Phật Như Lai đều tự nhiên thấu suốt, đều hiểu biết đúng đắn mà tuyên nói, trình bày, đặt thành vấn đề, mà phân biệt chỉ bày làm nó được rõ ràng sáng tỏ. Nghĩa là đây là ái, đây là tập, đây là tính chất của các ái và đây là tính chất của tập. Đó là điều chân thật đúng đắn nhất, không hề hư vọng, không hề điên đảo, lầm lẫn, đối khác, nên gọi là Tập đế.

Lại còn khổ tập Thánh đế là cái giả lập trên danh tướng ngôn thuyết, trên trí tưởng nói năng đối đãi, gọi là Thánh đế, quá khứ hằng sa Phật và hàng đệ tử đều đặt ra tên gọi như thế.

3. Thế nào là khổ diệt Thánh đế?

Đáp: Nghĩa là có các ái rồi sau đó thì vui mừng ham thích các ái và cùng đi (sống chung) với ái dục, ai ai cũng ham thích ái... Với các việc như thế thì đoạn trừ dứt hẳn không sót chút gì, là buông bỏ, biến đổi mà mưa ra thật hết, lìa bỏ hết, tiêu diệt hết các nhiễm trước, là tịch tĩnh vắng lặng cùng cực, là không còn gì cả... Như thế nói vấn tất là khổ diệt Thánh đế (sự diệt hết các khổ). Nếu như rộng nói thì cái ái thứ hai, thứ ba sau đó sẽ có cái thứ tư, thứ năm, thứ sáu và tất cả các pháp chẳng thiện, tất cả các pháp thiện hữu lậu, tất cả mọi sự ràng buộc của tùy miên và tùy phiền não... Tất cả những thứ đó buông xả, biến đổi nôn mưa ra thật hết, lìa bỏ hết, tiêu diệt hết các nhiễm trước, là tịch tĩnh vắng lặng cùng cực, là không còn gì cả..., các thứ đó đều gọi là khổ diệt Thánh đế.

Vì sao là các thứ ái rồi sau đó thì vui mừng ham thích các ái, cùng sống chung với các ái, và ai ai cũng ham thích các ái..., mà đoạn dứt không còn gì, là buông bỏ biến đổi, nôn mưa ra cho thật hết, lìa bỏ hết, tiêu diệt hết các trước nhiễm, là tịch tĩnh vắng lặng cùng cực, là không còn gì cả..., thì đều gọi là khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là bốn thứ ái này

nếu chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, chưa tiêu diệt, chưa nôn mưa ra thật hết thì sau này, nhiều đời sau, các quả khổ sẽ nối tiếp nhau mà khởi lên hiện rõ ra. Còn như đã đoạn trừ dứt, đã biết khắp, đã tiêu diệt, đã mưa ra hết rồi thì sau này, nhiều đời sau này các quả khổ sẽ không còn sinh ra được nữa, cho nên sự đoạn dứt này là khổ diệt Thánh đế.

Vì sao mà từ cái ái thứ hai, thứ ba, rồi sau đó sẽ có cái thứ tư, thứ năm, thứ sáu và tất cả các pháp chẳng thiện, tất cả pháp thiện hữu lậu, tất cả các thứ trói buộc chặt chẽ của tùy miên và tùy phiền não..., nếu dứt trừ hết không còn sót chút gì, lia bỏ hết, buông bỏ hết, biến đổi mưa ra thật hết, tiêu diệt hết các nhiễm trước, là tịch tĩnh vắng lặng cùng cực, là không còn gì cả..., thì đều gọi là khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là các pháp này, nếu chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, chưa tiêu diệt hết, chưa ói mưa ra hết, thì sau này, nhiều đời sau này các quả khổ sẽ nối tiếp nhau mà sinh ra và khởi lên. Còn khi đã đoạn dứt, đã biết khắp, đã tiêu diệt hết, đã ói mưa ra hết thì các quả khổ sau này sẽ không thể nào sinh lại được. Cho nên sự đoạn dứt này gọi là khổ diệt Thánh đế. Tức là khổ diệt Thánh đế này cũng gọi là nhà cửa, cũng gọi là bến bãi, cũng gọi là nơi cứu độ, cũng gọi là chốn nương thân (trở về nơi nương nhờ). Cũng gọi là chỗ cần đến, cũng gọi là chỗ vô ưu, không lo sầu, cũng gọi là không bệnh hoạn, cũng gọi là bất tử không còn chết chóc, cũng gọi là không bị thiêu đốt, cũng gọi là không bứt rứt nóng nảy, cũng gọi là nơi an ổn, nơi mát mẻ, nơi vắng lặng tịch tĩnh, cũng gọi là việc thiện, là điềm tốt, cũng gọi là cõi an lạc, bất động và cũng gọi đó là cõi Niết-bàn. Như nói Niết-bàn là sự diệt khổ chân thực, là quả vị rốt ráo của Sa-môn.

Các sự đoạn diệt như thế thì gọi là Diệt đế, thì tên Niết-bàn này là đúng như thật, Niết-bàn đó ở đây gọi là diệt thì đúng là diệt, dù Đức Phật có ra đời hay không thì nó vẫn là diệt, là Niết-bàn từ lâu, pháp này làm cho pháp giới tồn tại, tất cả Phật Như Lai đều tự nhiên thấu suốt, đều hiểu biết đúng đắn mà tuyên nói trình bày, đặt thành vấn đề, và phân biệt chỉ bày khiến nó càng rõ ràng sáng tỏ. Nghĩa là đây là Niết-bàn, đây là diệt, đây là tính chất Niết-bàn, đây là tính chất của diệt. Đó là điều chân thật, đúng đắn nhất, chẳng hề hư vọng, chẳng hề điên đảo lầm lẫn sai khác, nên gọi là Diệt đế.

Gọi là Thánh đế, Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử của Phật. Đây là Thánh đế, nghĩa là các vị Thánh ấy đều thấy biết hiểu rõ các điều đó. Biết rõ nó là chân thật, đúng đắn, chắc chắn đó là Đế. Do đó gọi là Thánh đế.

Lại còn khổ diệt Thánh đế là cái giả lập trên danh tướng ngôn thuyết, trên trí tưởng nói năng đối đãi, gọi là Thánh đế. Quá khứ Hằng sa Phật và hàng đệ tử đều cùng đặt ra tên gọi như thế.

4. Thế nào là đạo đưa đến diệt khổ Thánh đế?

Đáp: Gọi là đạo hoặc là Thánh hạnh (hạnh của Phật), thì ở quá khứ - hiện tại - vị lai đối các khổ đều có thể luôn đoạn dứt, luôn buông xả, luôn biến đổi, nhả ra hết, luôn lìa nhiễm, luôn diệt trừ, luôn vắng lặng, luôn biến mất không còn gì..., phải chăng đó gọi là tám chi Thánh đạo? Nó gồm có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định.

Thế nào là Chánh kiến? Nghĩa là hàng đệ tử Phật đối với khổ-tập-diệt-đạo mà suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu và có bao nhiêu cách tuyển chọn thì nên tuyển chọn kỹ lưỡng, cùng cực hiểu rõ, hiểu tất cả, hiểu gần. Thấu hiểu mọi lẽ cơ mật kín đáo, xét biết thấu đáo sáng suốt, hiểu biết rõ ràng tinh tường và Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Chánh kiến.

Thế nào là Chánh tư duy? Nghĩa là hàng đệ tử Phật đối với khổ-tập-diệt-đạo mà suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu và có bao nhiêu sự tìm xét thì đều suy tư tìm xét kỹ, tìm cầu tất cả, xét tìm tất cả... khiến cho tâm đối với các pháp còn thô động phải thay đổi thành tinh tế. Đó gọi là Chánh tư duy.

Thế nào là Chánh ngữ? Nghĩa là hàng đệ tử Phật luôn suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu và có sức suy tư chọn lựa mà từ bỏ đời sống sai trái với bốn loại lời nói xấu ác. Đối với những lời thô ác còn lại phải thực hành cho được vô lậu, xa lìa, từ bỏ được, từ bỏ tiếp cận, từ bỏ tận cùng. Sống đời sống giới hạnh tịch tĩnh vắng lặng, không làm không gây tạo, buông bỏ tất cả, luôn tự giữ mình, như thuyền bè cầu bến, bờ đê, tường rào, hào rãnh, đối với những gì ngăn chướng đều không vượt rào, có tự tánh không vượt bỏ khuôn phép. Đó là Chánh ngữ.

Thế nào là Chánh nghiệp? Nghĩa là hàng đệ tử Phật luôn suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu và có sức suy xét chọn lựa kỹ mà từ bỏ đời sống tà đạo với ba hạnh xấu của thân. Còn đối với các hạnh ác khác của thân thì được vô lậu, biết từ bỏ... cho đến không biểu hiện ra thân nghiệp. Đó là Chánh nghiệp.

Thế nào là Chánh mạng? Nghĩa là hàng đệ tử Phật luôn suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu và có sức suy xét chọn lựa kỹ mà từ bỏ đời sống tà đạo với ba hạnh ác của thân

và bốn hạnh ác của miệng đều được vô lậu, biết từ bỏ..., cho đến không biểu hiện ra thân nghiệp và ngữ nghiệp. Đó là Chánh mạng.

Thế nào là Chánh cần (chánh tinh tấn)? Nghĩa là hàng đệ tử Phật luôn suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu, với hết thấy sự siêng năng chuyên cần, với sức lực rất mạnh mẽ, hăng hái tột độ rất khó can ngăn, lòng cố gắng mãi không. Đó là Chánh cần.

Thế nào là Chánh niệm? Nghĩa là hàng đệ tử Phật luôn suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu, hết thấy niệm nghĩ nhớ theo, nghĩ nhớ, chuyên chú riêng lẻ, ghi nhớ không quên mất, không mất pháp tánh, có tính chất của tâm sáng suốt, ghi nhớ lâu. Đó là Chánh niệm.

Thế nào là Chánh định? Nghĩa là hàng đệ tử Phật luôn suy tư tìm xét về khổ-tập-diệt-đạo, luôn luôn tác ý tương ứng với vô lậu hết thấy trụ vào tâm, không phân tán, không loạn động, luôn nhiếp giữ ngăn trừ tất cả. Có tự tánh của tâm chuyên chú vào một cảnh. Đó là Chánh định.

Như thế với tám chi Thánh đạo vừa nói cùng với các hạnh vô lậu khác..., thì gọi là đạo dẫn đến chỗ diệt khổ.

Như nói Thánh hạnh là chân thật, là đạo rốt ráo lìa các khổ đạt đến Niết-bàn.

Vì có Thánh hạnh như thế, nên gọi là Đạo đế. Nghĩa là với các Thánh hạnh chân thật này, thì Thánh đạo đó gọi là Đạo. Đó là đạo chân thật, dù Phật có ra đời hay không thì nó vẫn là đạo pháp như thế. Pháp đó làm cho pháp giới tồn tại, tất cả Phật Như Lai đều tự nhiên thấu suốt, hiểu biết đúng đắn mà tuyên nói trình bày, đặt thành vấn đề, phân biệt chỉ bày, khiến nó càng rõ ràng sáng tỏ. Nghĩa là đây là Thánh hạnh, đây là tính chất của đạo. Đó là điều chân thật, đúng đắn nhất, không hề hư vọng, không hề điên đảo lầm lẫn sai khác, nên gọi là Đạo đế.

Gọi là Thánh đế, Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử Phật. Đây là Thánh đế, nghĩa là các vị Thánh đó đều thấy biết hiểu rõ các điều này. Biết rõ nó là chân thật, đúng đắn, chắc chắn là Đế. Do đó gọi là Thánh đế.

Lại còn đạo đưa đến chỗ diệt khổ Thánh đế là điều giả lập trên danh tướng ngôn thuyết, trên trí tưởng nói năng đối đãi, gọi là Thánh đế. Vì Hằng sa Phật quá khứ và hàng đệ tử đều đặt thành tên gọi như thế.

Phẩm 11: TĨNH LỰ (THIỆN), Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn Thiên đạo khiến các loài hữu tình, ai chưa tịnh thì được tịnh, ai đã tịnh rồi sẽ được trắng đẹp, bốn pháp ấy là:

1. Có một loài đã lia bỏ dục xấu ác, các pháp chẳng thiện, có tâm và tứ, ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ các bậc sơ tĩnh lực. Đó gọi là Thiên đạo thứ nhất.

2. Có một loài tâm và tứ đều vắng lặng, bên trong có tính chất của tâm đều tịnh và hướng về một cõi, không tâm không tứ, định sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ và đệ nhị tĩnh lực, đó gọi là Thiên đạo thứ hai.

3. Có một loài lia bỏ mừng vui, trụ vào buông xả, chánh niệm chánh tri, khi thân có cảm giác vui, Phật bảo nên buông xả, trụ đầy đủ vào đệ tam tĩnh lực, đó gọi là Thiên đạo thứ ba.

4. Có một loài đoạn dứt vui và khổ, các sự mừng vui lo lắng trước đây đều biến mất hết, không còn khổ hay vui nữa, luôn luôn có niệm buông xả và thanh tịnh, trụ đầy đủ vào đệ tứ tĩnh lực, đó gọi là Thiên đạo thứ tư.

Bốn thứ Thiên đạo đều khiến cho các loài hữu tình, nếu ai chưa tịnh thì được thanh tịnh, ai đã thanh tịnh rồi thì được trong trắng.

Lìa dục xấu ác, các pháp chẳng thiện.

Thế nào là dục? Tức là tham cũng gọi là dục, cõi Dục cũng gọi là dục; năm thứ dục lạc thù thắng cũng gọi là dục. Nay nghĩa ở đây là ý muốn nói đến năm cảnh dục lạc thù thắng gọi là dục đó. Nguyên do vì sao? Là vì năm thứ dục lạc thù thắng đó ai cũng mến yêu, ham thích, say mê. Phải nói đó là thứ ai cũng ham muốn, yêu thích tham lam, tìm kiếm mong cầu, mê mẩn, ràng buộc, trông mong lệ thuộc..., nên trong này gọi là dục. Song, năm thứ dục lạc thù thắng này không phải là cái Thể thật của dục, cái Thể thật của dục chính là duyên nơi tham, như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Dục lạc đời không đâu thật dục,
Dục thật do người phân biệt tham,
Diệu cảnh vốn xưa trụ thế gian,
Người trí đã diệt trừ dục đó.*

Tụng này ý nói: Các thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc đáng ưa thích mê mết kia không phải là cái Thể thật của dục mà cái Thể chân thật

của dục là do duyên, tiếp xúc với nó rồi sinh ra phân biệt mà tham trước đam mê. Cảnh dục vẫn như xưa, nhưng chỉ có người trí ở trong cảnh đó mới lia bỏ ham muốn mê đắm thôi.

Như có một lúc, Tôn giả Xá-lợi-tử đang diễn giảng bài kệ ấy cho mọi người, thì có ngoại đạo tà mạng sống gần đó đến dùng kệ sau đây vấn nạn Xá-lợi-tử:

*Nếu diệu cảnh đời không thật dục,
Thật dục do người phân biệt tham,
Bí-sô đáng gọi người thọ dục (tham dục),
Khởi phân biệt xấu và suy tìm...*

Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-tử đáp lời kẻ ngoại đạo kia: Nếu khởi lên việc suy tìm xấu thì thật sự đáng gọi là thọ dục (có tham lam). Nhưng các thầy Bí-sô thì không có việc khởi lên các suy tìm phân biệt không tốt lành đối với các diệu cảnh trên đời. Vậy ông đừng nên lấy điều đó mà gạn hỏi ta. Rồi dùng kệ trả lời ngoại đạo:

*Nếu diệu cảnh đời là thật dục,
Nói dục, người nào phân biệt tham,
Thầy ông đáng gọi người thọ dục,
Vì luôn ham nhìn sắc vừa lòng.*

Bấy giờ ngoại đạo kia đành ngậm miệng chẳng biết đối đáp làm sao, vì thật sự thầy của ông ta ưa nhìn các thứ sắc mà ông ấy rất ham thích. Do đó biết dục là do tham chứ không phải do cảnh hay đồ đạc...

Ngay lúc đó, một cô gái gánh nước đi ngang qua, nghe bài kệ ấy, cũng liền đọc lên bài tụng:

*Dục, ta biết gốc mảy,
Mây do phân biệt sinh,
Nếu ta không phân biệt,
Thì mây từ đâu có?*

Lại có một người thuộc dòng Ất-sát-la nghe bài kệ ấy, cũng đọc lên bài tụng:

*Mâu-ni an ổn ngủ,
Gặp ác chẳng sầu lo,
Tâm luôn vui tĩnh lự,
Chẳng dạo chơi các dục.*

Bài tụng này ý nói các diệu cảnh đáng mến thích kia đều không phải là thật dục. Đối với diệu cảnh kia mà khởi lên sự phân biệt tham ái mến yêu thì đó mới là thật dục. Thế nên trong này nêu ra bốn trường hợp:

1. Có một loại Bỏ-đặc-già-la đối với các dục cảnh thì thân lìa mà tâm không lìa.

Nghĩa là như có một người đã cạo bỏ râu tóc mặc áo cà sa, phát sinh chánh tín xuất gia, đích thân tham cứu cùng các pháp lữ, nhưng lòng lúc nào cũng luyến tiếc ham mê các dục, luôn luôn phát khởi mãnh liệt lòng tham ái. Cho nên người ấy, tuy thân đã xuất gia nhưng tâm hồn thì chưa hề xuất gia. Đó gọi là đối với dục thì thân lìa mà tâm không lìa.

2. Có một loại Bỏ-đặc-già-la đối với các cảnh dục thì tâm lìa mà thân không lìa.

Nghĩa là như có một người tuy có vợ con và thọ hưởng nhiều thứ quý báu đẹp đẽ về ruộng vườn, nhà cửa, ngọ cụ giường nằm, dầu thơm, tóc mượt, chuỗi ngọc, y phục, ăn uống, thọ nhận các thứ vàng bạc châu báu, sai khiến các đầy tớ giúp việc, cũng có lúc khởi lên các nghiệp đánh mắng... Nhưng đối với các dục thì lại không đam mê đắm trước, cũng không luôn luôn khởi lên lòng tham ái mãnh liệt, cho nên thân người này ở tại gia nhưng tâm (hồn) anh ta đã xuất gia. Nên gọi đó là đối với dục thì tâm đã lìa nhưng thân không lìa.

3. Có một loại Bỏ-đặc-già-la đối với cảnh dục thì thân và tâm đều lìa.

Nghĩa là như có một người đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục cà sa, phát lòng chánh tín, nên đi xuất gia, đích thân thường tham cứu cùng các pháp lữ. Đối với các dục cảnh thì không còn đoái hoài thương tiếc. Không bao giờ phát sinh lòng tham ái mãnh liệt. Mỗi khi sơ ý mất chánh niệm trong chốc lát thì lòng hết sức hối hận xấu hổ. Cho nên thân người ấy đã xuất gia mà cả tâm hồn cũng xuất gia. Nên gọi đó là đối với dục thì thân và tâm đều xa lìa.

4. Có một loại Bỏ-đặc-già-la đối với các dục cảnh thì cả thân và tâm đều không lìa.

Nghĩa là như có một người nuôi nấng vợ con, hưởng thọ nhiều thứ quý báu tốt đẹp, như ruộng vườn nhà cửa, giường chõng, dầu thơm, tóc mượt, chuỗi ngọc, y phục, ăn uống... Nhận lãnh chứa nhóm nhiều loại vàng bạc châu báu, sai khiến kẻ tôi tớ làm việc. Nhiều lúc khởi lên các việc đánh đập chửi bới. Còn đối với các dục thì say đắm mê mẩn, luôn luôn phát sinh lòng tham ái mãnh liệt. Cho nên cả hai thứ thân và tâm người đó đều không xuất gia. Đó gọi là đối với dục thì cả thân và tâm đều không xa lìa.

Thế nào là lìa bỏ dục? Nghĩa là đối với dục thì xa lìa, xa lìa cùng cực, trống không, chẳng có gì cả. Nên gọi là lìa dục.

Thế nào gọi là các pháp dữ chẳng thiện? Đó là năm thứ màn che: Tham dục, giận dữ, hôn trầm ham ngủ, lay động hối hận, và nghi ngờ.

Thế nào là màn che tham dục? Nghĩa là các thứ dục, các thứ tham đều tham lam ham muốn, rồi giữ gìn chấp chặt, mền thích mê mẩn, mong cầu trói buộc nội tâm, mê say tụ tập gây tạo các khổ, là chủng loại tham sinh ra các tham thì gọi chung là tham dục. Các thứ tham dục đó nó bao trùm, che chắn, ngăn trở, buộc ràng, ẩn lấp, án ngữ, đậy kín, bịt chặt cái tâm của mình, nên gọi đó là cái màn che. Màn tức là tham dục, nên gọi là màn che tham dục.

Thế nào là màn che giận dữ? Nghĩa là đối với loài hữu tình muốn gây tổn hại, luôn ôm lòng tàn hại, muốn gây ra các rắc rối khổ não. Đã, đang và sẽ mãi mãi giận dữ. Ưa thích tạo ra các tai họa, rất thích gây ra tai họa một cách cùng cực. Lòng luôn hờn giận. Đối với loài hữu tình thường đi trái lẽ, thường gây ra mọi tai họa. Đã, đang và sẽ mãi mãi gây ra các tai họa. Nên gọi chung là giận dữ. Sự giận dữ như thế, nó che đậy bao trùm cái tâm..., cho đến nó đậy kín bịt chặt cái tâm, nên gọi là màn che, tức là sự giận hờn, nên gọi là màn che giận dữ.

Thế nào là màn che hôn trầm mê ngủ? Nghĩa là tính chất nặng nề của thân, của tâm. Tính chất thân không làm nổi việc gì, tâm không làm được việc gì..., tính chất hôn trầm, mờ mịt của thân hoặc của tâm, gọi chung là hôn trầm. Phẩm chất của tâm bị ô nhiễm, nhiều ngủ, chiêm bao, không thể trông nom canh chừng làm việc được, có tánh mù mờ sơ xuất..., thì gọi chung là mê ngủ. Các thứ hôn trầm mê ngủ vừa nói đó, nó che đậy bao trùm cái tâm... cho đến che chắn bao kín cái tâm, cho nên gọi là màn che. Cái màn che tức là sự hôn trầm mê ngủ, cho nên gọi là màn che hôn trầm mê ngủ.

Thế nào là màn che lay động hối hận? Nghĩa là tâm không yên tĩnh vắng lặng mà luôn quấy động, quấy động tất cả, có tính chất luôn quấy động không yên tĩnh, nên gọi chung là trạo cử (lao chao) bị quấy động. Phẩm chất của tâm bị nhiễm ô, là hết thấy tâm luyến tiếc, buồn tức sâu não, tâm hối hận ăn năn, có tự tánh ăn năn, gọi chung là ăn năn. Hết thấy các thứ tâm lý quấy động lao chao ăn năn che kín tâm..., cho đến che chắn bao kín cái tâm, gọi là màn che. Cái màn tức là sự luôn quấy động ăn năn, cho nên gọi là màn che quấy động ăn năn.

Thế nào là màn che nghi ngờ? Nghĩa là đối với Phật Pháp Tăng và bốn đế Khổ-Tập-Diệt-Đạo khởi lên sự nghi ngờ lừng chừng đôi ngã, dụ dự, khù khờ, bị tên độc của nghi ngờ nên không quyết định, không quyết đoán. Đã, đang và sẽ mãi mãi lừng chừng chứ không có một

hướng dứt khoát, nên gọi chung là nghi ngờ. Với tự tánh nghi ngờ không quyết đoán đó luôn che đậy bao trùm cái tâm..., cho đến che chắn trùm kín cái tâm, cho nên gọi là màn che. Cái màn đó là sự nghi ngờ, ngờ vực, nên gọi là màn che nghi ngờ.

Thế nào là lìa bỏ các pháp xấu ác chẳng thiện? Nghĩa là đối với tất cả các pháp xấu ác, bất thiện đều xa lìa, xa lìa cùng cực, trống không chẳng còn gì cả. Nên gọi là lìa bỏ các pháp xấu ác bất thiện.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 7

Phẩm 11: TĨNH LỰ, Phần 2

Có tâm có tứ:

Thế nào là tâm? Nghĩa là người lìa bỏ dục và các pháp xấu ác bất thiện, thì tâm luôn tìm cầu khắp nơi, tìm cầu gần. Tâm luôn sáng tỏ hiểu rõ mọi lẽ, rất sáng tỏ hiểu rõ mọi lẽ, hiện đang hiểu rõ mọi lẽ rất sáng suốt. Luôn tìm xét, suy lường hướng dẫn hoạch định, suy tư phân biệt... gọi chung là tâm.

Thế nào là tứ? Nghĩa là người lìa bỏ dục và các pháp xấu ác bất thiện, thì tâm luôn rình xét, theo dõi khắp nơi, tùy theo việc làm, tùy theo sự biến chuyển, tùy đẳng cấp, tùy sự lệ thuộc..., gọi chung là tứ.

Sự khác nhau giữa tâm và tứ như thế nào? Có tính chất khiến tâm thô thiển hời hợt thì gọi là tâm, còn tứ là khiến tâm tinh tế nhỏ nhặt. Việc đó ra sao? Như khi đánh chuông thì tiếng kêu lớn phát lên rồi các tiếng kêu nhỏ vang vang ngân dài ra. Tiếng kêu lớn dụ cho tâm, tiếng ngân vang nhỏ dụ cho tứ. Các việc như rung chuông gõ bát, thổi ốc (tù và) đánh trống, phóng tên, trời gầm..., có hai thứ tiếng lớn nhỏ cũng dụ như thế. Như bầy chim bay liệng trên hư không, vỗ cánh rướn mình thì mới bay theo ý được. Vỗ cánh là dụ cho tâm, còn rướn mình là dụ cho tứ. Đó là hai tướng trạng khác nhau của tâm và tứ.

Thế nào là có tâm có tứ? Nghĩa là người lìa dục và các pháp ác bất thiện thì tương ứng với phẩm cấp bậc có đầy đủ cả tâm tứ.

Ly sinh Hỷ lạc là gì? Ly là lìa, bỏ dục cũng gọi là lìa, lìa các pháp ác bất thiện cũng gọi là lìa, xuất gia cũng gọi là lìa, căn thiện cõi Sắc cũng gọi là lìa, bậc sơ tĩnh lự cũng gọi là lìa. Nay nghĩa trong này ý nói về sơ tĩnh lự gọi là lìa.

Sao là mừng (Hỷ)? Nghĩa là lìa dục và các pháp ác chẳng thiện thì tâm luôn vui, rất vui trong hiện tiền, trước mắt rất vui, tính chất chủng loại của sự vui mừng, hân hoan, mừng rỡ, vui vẻ, có tính chất chịu làm

việc (làm được việc), có tính chất mừng rỡ hơn hờ muống nháy nhót, tính chất hoan hỷ, mừng vui... gọi chung là mừng (Hỷ).

Sao là vui (lạc)? Nghĩa là người lìa dục và các pháp ác chẳng thiện thì đã đoạn dứt những tính chất nặng nề của thân hoặc của tâm, đoạn dứt tính chất của thân hoặc tâm không thể làm việc được, không chịu làm, mà lại có được tính chất của thân hoặc tâm luôn linh hoạt nhanh nhẹn, hay mềm mỏng dịu dàng, tính chất của thân hoặc tâm nhẹ nhàng thoải mái, tính chất không bức rứt nóng nảy, không bị thiêu đốt buồn rầu, mà có tính chất của thân hoặc tâm luôn điều hòa êm ái dịu dàng thoải mái thích thú..., gọi chung là vui.

Thế nào là ly sinh Hỷ lạc? Nghĩa là các thứ vui mừng ở trước đã nói đó mà lìa bỏ cái nhân, lìa bỏ sự nương cậy vào vui mừng, lập ra sự lìa bỏ, do sức lìa bỏ mà sinh ra tất cả các thứ đi sâu vào đó và xuất hiện. Cho nên nói là lìa bỏ dục sinh ra vui mừng.

Sơ, nghĩa là tĩnh lực này theo thứ tự thì đứng đầu. Lại còn, thứ tự tĩnh lực này ở trong thứ tự của chín thứ định, thì nó đứng trước nhất.

Tĩnh lực, nghĩa là ở trong định này có tầm tứ vui mừng, có tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh. Gồm chung cả năm chi này thì gọi là bậc sơ tĩnh lực (sơ thiền). Như có tụng nói:

*Tâm theo đuổi tham dục,
Hoặc theo đuổi giận dữ,
Mà theo tu tĩnh lực,
Chư Phật không ngợi khen.
Lìa dục che đậy tâm,
Không biết tu tĩnh lực,
Thân tướng dù yên tịnh,
Chư Phật cũng không khen.
Động, ăn năn, che tâm,
Các căn không vắng lặng,
Tuy siêng tu tĩnh lực,
Chư Phật không ngợi khen.
Trong Tam bảo bốn-đế,
Tâm lại luôn ngờ vực,
Tuy siêng tu tĩnh lực,
Chư Phật không ngợi khen.
Xa lìa dục và ác,
Tâm tứ đều đúng lý,
Thân nhẹ nhàng yên tịnh,*

*Nhận ly sinh Hỷ lạc.
 Thân như tắm gội sạch,
 Khắp mình đều trơn bóng,
 Không mạnh cũng không yếu,
 Nước ái không làm chìm.
 Tâm tứ cả năm chi.
 Hiền Thánh Tiên đã chứng.
 Gọi chung là tĩnh lực.
 Chư Phật đều ngợi khen.*

Ở trong định này, gọi là sơ tĩnh lực thì các tâm-ý-thức đều có tâm suy tư tìm xét tất cả, hiện đang đã và sẽ mãi mãi tìm xét suy tư mà tạo ra ý nghiệp của tâm. Gọi là sơ tĩnh lực đều có nghiệp của ý. Các tâm đều hiểu rõ, đã và sẽ hiểu rõ, gọi là sơ tĩnh lực đều có hiểu rõ (thắng giải).

Ở trong định này hoặc thọ, hoặc tưởng, hoặc, dục hoặc tác ý, hoặc niệm, hoặc định, hoặc tuệ v.v... các thứ tên như vậy thì sơ tĩnh lực đều có các pháp đó. Nên các pháp đó cũng được gọi là sơ tĩnh lực.

Tên “sơ tĩnh lực” này là dựa vào nghĩa nào mà lập ra?

Nghĩa là có khả năng làm vắng lặng tất cả các pháp ác chẳng thiện và các tạp nhiễm khác mà sau này (đời sau) phải bị thiêu đốt do các quả khổ dị thực, như các pháp hữu lậu sinh già chết v.v..., nên gọi là tĩnh lực.

Lại còn, khi tất cả các pháp ác chẳng thiện, các tạp nhiễm khác mà sau này phải chịu thiêu đốt do quả khổ dị thực, như các thứ sinh già chết v.v..., các pháp hữu lậu đã được yên tĩnh vắng lặng rồi thì thứ tĩnh lực này đều sinh khởi tất cả các thứ, cùng đi sâu vào nó và xuất hiện ra, cho nên gọi là tĩnh lực

Lại thêm, khi các thứ pháp ác chẳng thiện, và các tạp nhiễm khác mà sau này sẽ bị thiêu đốt do quả khổ dị thực, như các thứ sinh già chết..., các pháp hữu lậu đã được yên tĩnh vắng lặng rồi thì thứ tĩnh lực này sẽ rực rỡ chiếu khắp, nên gọi là tĩnh lực.

Đầy đủ, nghĩa là y vào các pháp thiện tạo nên do xuất gia và xa lìa, mà siêng năng tinh cần tu tập không gián đoạn thì sẽ được toàn vẹn viên mãn, cho nên gọi là đầy đủ.

Trụ là thành tựu thứ tĩnh lực này, thì thực hành trong hiện tại, thực hành theo mãi, khắp làm, khắp làm theo, nếu chuyển động thay đổi đều hiểu rõ cách làm. Cho nên gọi là trụ.

Tâm và tứ đều vắng lặng yên tĩnh, tâm và tứ như trước đã nói, ở đệ nhị tĩnh lực này thì cả hai thứ đó (Tâm tứ) đều yên tĩnh vắng lặng, khắp

yên tĩnh vắng lặng, tĩnh lặng gần, trống không, không có gì cả..., cho nên gọi là tầm và tứ đều tĩnh lặng.

Các thứ bên trong đều thanh tịnh. Thế nào là các thứ bên trong đều thanh tịnh? Nghĩa là tầm và tứ đều yên vắng, cho nên các thứ tin tưởng, tính chất tin tưởng, tính chất tin tưởng trước mắt, và các thứ tùy thuận, chấp nhận, mến mộ, tính chất mến mộ, tâm luôn vắng yên nên tâm tịnh..., gọi chung là các thứ bên trong đều thanh tịnh.

Tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh, một đời.

Thế nào là tâm chuyên chú vào một cảnh? Nghĩa là tầm và tứ đều vắng lặng, tâm không bị phân tán, không bị loạn động, không trôi chảy mà an trụ vào một cảnh. Nên gọi là tâm chuyên chú vào một cảnh.

Không tầm, không tứ là ở đệ nhị tĩnh lực này thì tầm và tứ đều không thể được, không hiện hành, chẳng có, chẳng hề có. Cho nên gọi là không có tầm tứ.

Định sinh ra vui mừng.

Thế nào là định? Nghĩa là tầm và tứ đều vắng lặng, tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, không phân tán, không loạn động, luôn giữ ngăn cấm (nhiếp chỉ), tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, nên gọi là định.

Thế nào là mừng (Hỷ)? Nghĩa là khi tầm và tứ đều vắng lặng thì tâm sẽ vui, rất vui... Rộng nói cho đến hoan Hỷ vui mừng, tính chất của hoan Hỷ vui mừng, gọi chung là mừng.

Thế nào là vui (lạc)? Nghĩa là khi tầm và tứ đều vắng lặng, đã đoạn trừ được tính chất nặng nề của thân, của tâm... Rộng nói cho đến tính chất của thân và tâm được điều hòa nhu nhuyễn, nên gọi chung là vui.

Thế nào là định vui mừng? Nghĩa là sự vui mừng đã nói trước đó do nhân của định, dựa vào định, được định lập nên, do sức của định mà được sinh khởi tất cả và đi sâu vào, xuất hiện ra..., cho nên đây gọi là định sinh vui mừng.

Bậc thứ hai là thứ tĩnh lực này, theo số thứ tự thì nó ở hàng thứ hai. Lại còn, thứ tĩnh lực này, trong thứ tự của chín thứ định, thì nó ở hàng thứ hai.

Tĩnh lực là ở trong định này, thì các vui mừng bên trong đều vắng lặng, tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, chung cả bốn chi này gọi là đệ nhị tĩnh lực (nhị thiền). Như có tụng:

Tầm tứ đều vắng lặng,

Như mưa sạch bụi bặm,

Trong yên, tâm một cảnh,

*Được diệu lạc Bồ-đề.
Không tâm tứ, có Hỷ,
Vui trong tịnh và định,
Là đệ nhị tĩnh lực,
Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, các tâm - ý - thức gọi là đệ nhị tĩnh lực, tâm đều có các thứ tư duy đều suy tư tìm xét..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm, gọi là đệ nhị tĩnh lực đều có nghiệp. Các tâm hiểu rõ, đã và sẽ hiểu mãi, gọi là đệ nhị tĩnh lực đều có thắng giải hiểu rõ.

Ở trong định này, hoặc thọ hoặc tưởng..., cho đến hoặc tuệ v.v..., gọi là đệ nhị tĩnh lực đều có các pháp đó. Nên các pháp đó cũng được gọi là đệ nhị tĩnh lực. Tên Tĩnh lực ở đây là nghĩa mà nó căn cứ vào, sự đầy đủ, an trụ..., đều giống như trước đã nói (ở bậc sơ tĩnh lực).

Lìa mừng - Mừng là sao? Đó là tâm vui, rất vui... cho đến hoan hỷ vui vẻ, tính chất của hoan hỷ vui vẻ, gọi chung là mừng. Tâm đối với cái mừng là lìa nhiễm này mà được giải thoát, nên gọi là lìa mừng (lìa dục vui mừng).

Trụ vào buông xả mà chánh niệm chánh tri.

Xả là sao? Là khi lìa bỏ mừng vui thì có các tính chất như tâm bình đẳng, tâm ngay thẳng, tâm không cảnh giác, luôn trụ vào vắng lặng... gọi chung là Xả.

Thế nào là chánh niệm? Nghĩa là khi lìa vui mừng thì các niệm sẽ tùy niệm..., cho đến tính chất của tâm sáng suốt, ghi nhớ lâu..., gọi chung là chánh niệm.

Thế nào là chánh tri? Nghĩa là khi lìa vui mừng, thì khởi sinh những cách tuyển chọn kỹ lưỡng cho đến Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là chánh tri.

Thân nhận được vui. Thân tức là ý thân, do ý ở trong thân có cảm (thọ) vui, cho nên thân tứ đại cũng được an vui thỏa thích. Do đó nên gọi là thân được cảm xúc vui.

Vui nói ở đây, tức là khi lìa sự vui mừng, thì đã đoạn hết các tính chất nặng nề của thân, của tâm..., cho đến tính chất điều hòa nhu nhuyễn của thân, của tâm, nên gọi chung là vui.

Cảm xúc (thọ) vui này không phải là thứ vui khinh an, nên bậc Thánh dạy là phải xả bỏ. Thánh là chư Phật và hàng đệ tử của Phật.

Nói, nghĩa là tuyên nói, diễn giảng, phân biệt chỉ bày.

Siêng tu định, tức là nên buông xả cái vui này không nên mê đắm thích thú, chỉ nên trụ vào sự buông xả mà chánh niệm chánh tri.

Bậc thứ ba là thứ tĩnh lự này theo thứ tự thì nó ở hàng thứ ba. Lại còn theo thứ tự của chín loại định này thì nó ở hàng thứ ba.

Tĩnh lự là trong định này thì thực hành sự buông xả, chánh niệm chánh tri, và thân có cảm xúc vui, tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh. Gọi chung cả năm chi này là đệ tam tĩnh lự. Như có tụng:

*Lìa Hỷ việc tối cao,
Xả, niệm, tri, lạc, định,
Tên đệ tam tĩnh lự,
Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, với các tâm - ý - thức đều có các thứ tư duy xét tìm đều tìm xét..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm. Gọi là đệ tam tĩnh lự thì đều có ý nghiệp, các tâm đều hiểu rõ, đã và sẽ hiểu rõ mãi, gọi là đệ tam tĩnh lự đều có thắng giải (hiểu rõ).

Ở trong định này, hoặc thọ hoặc tưởng..., cho đến hoặc tuệ v.v..., gọi là đệ tam tĩnh lự, đều có các pháp này. Nên các pháp này cũng được gọi là đệ tam tĩnh lự.

Tên tĩnh lự này và nghĩa mà nó căn cứ vào là đầy đủ, trụ... cũng như trước đã nói.

Đoạn hết sự vui. Thế nào là vui? Nghĩa là thuận theo sự tiếp xúc với vui thì khiến cho thân vui, tâm vui và cảm xúc bình đẳng (bình thường) do thọ nhiếp giữ (điều khiển), gọi chung là vui. Lại còn, khi tu đệ tam tĩnh lự thì thuận theo sự tiếp xúc có cảm giác vui (lạc thọ) nên khởi tâm vui, có cảm xúc bình thường (bình đẳng) do thọ nhiếp giữ. Đó là vui.

Đoạn dứt sự khổ. Thế nào là khổ? Nghĩa là thuận theo sự tiếp xúc với khổ nên (khởi lên) khiến cho thân khổ, có cảm xúc không bình thường do thọ nhiếp giữ điều khiển, đó gọi là khổ.

Cái khổ và vui đó bấy giờ đều được đoạn trừ và biết khắp, xa lìa và rất xa lìa, điều phục và rất điều phục, trừ diệt biến mất. Đó gọi là đoạn dứt khổ vui.

Các vui buồn trước đây đều mất hết.

Vui là sao? Nghĩa là thuận theo sự tiếp xúc với vui nên khiến cho tâm vui, có cảm xúc bình thường do thọ nhiếp giữ điều khiển, đó gọi là vui.

Buồn lo là sao? Nghĩa là thuận theo sự tiếp xúc với buồn lo nên khiến cho tâm lo buồn, có cảm xúc không bình thường do thọ nhiếp giữ điều khiển. Đó là lo sầu.

Cái lo buồn này và cái vui trước đó, bấy giờ cùng được đoạn dứt

và biết khắp..., cho đến được trừ diệt biến mất. Thế nên nói là các vui buồn trước đây đều biến mất. Lại còn khi nhập vào sơ tính lự thì lo buồn đã được đoạn dứt và biết khắp. Khi nhập vào đệ nhị tính lự thì khổ đã được đoạn dứt và biết khắp. Khi nhập vào đệ tam tính lự thì mừng được đoạn dứt và biết khắp. Khi nhập vào đệ tứ tính lự thì vui hoặc khổ hoặc mừng hoặc lo đều đã được đoạn dứt và biết khắp, xa lìa lại càng xa lìa, điều phục lại càng điều phục, trừ diệt biến mất hết. Thế nên nói là đoạn dứt khổ vui.

Các vui buồn trước đây biến mất không còn khổ vui, là chỉ rõ rằng không có hai cảm xúc khổ và vui, chỉ có cái thứ ba là không khổ không vui.

Có cảm xúc (thọ) buông xả và niệm thanh tịnh.

Xả là sao? Nghĩa là người ấy bấy giờ có tính chất của tâm bình thường, tâm ngay thẳng, tâm không cảnh giác mà trụ vào sự lặng vắng, gọi chung là Xả.

Niệm là sao? Nghĩa là người ấy bấy giờ có các niệm tùy niệm... rộng nói cho đến có tính chất của tâm sáng suốt ghi nhớ lâu, gọi chung là Niệm. Bấy giờ, hoặc xả hoặc niệm thì người ấy đều được thanh tịnh. Cả vui khổ mừng lo và hai thứ Tâm và Tứ đều dứt, đều xa lìa, cho nên nói là thanh tịnh.

Bậc thứ tư, nghĩa là loại tính lự này, theo thứ tự thì nó ở hàng thứ tư. Lại còn theo thứ tự của chín loại định này thì nó ở hàng thứ tư.

Tính lự, nghĩa là ở trong tịnh này, không còn khổ và vui, nhận được niệm buông xả, có tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh, nên chung cả bốn chi này gọi là đệ tứ tính lự. Như có tụng:

*Vui khổ đều đã diệt,
Tâm bền trụ bất động,
Được thiên nhãn thanh tịnh,
Thấy rộng rãi các sắc.
Chẳng cảm thọ khổ vui,
Niệm xả tịnh và định,
Tên đệ tứ tính lự,
Chư Phật đều khen ngợi.*

Ở trong định này, các tâm - ý - thức gọi là đệ tứ tính lự thì tâm đều có các thứ tư duy tìm xét, đều tìm xét..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm. Gọi là đệ tứ tính lự thì đều có ý nghiệp, các tâm đều được hiểu rõ, đã và sẽ hiểu rõ mãi. Gọi là đệ tứ tính lự thì đều có hiểu biết rõ ràng, (thắng giải).

Ở trong định này hoặc thọ hoặc tướng cho đến hoặc tuệ..., gọi là đệ tứ tinh lự đều có các pháp đó, nên các pháp đó cũng được gọi là đệ tứ tinh lự.

Cái tên tinh lự này, thì nghĩa mà nó dựa vào, là sự đầy đủ và trụ..., đều giống y như trước đã nói.

Phẩm 12: VÔ LƯỢNG

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn thứ vô lượng, bốn loại đó là:

1. Có một loại Từ cùng đi với tâm, không có oán cừu thù địch, xa lìa các não hại, rộng lớn vô lượng. Nếu ai khéo tu tập thì tư tưởng đối với một phương đều hiểu rõ và biết khắp, đầy đủ mà trụ. Còn đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hay bên cạnh, tất cả thế gian cũng đều như thế cả, gọi đó là số một.

2. Có một loại Bi cùng đi với tâm, không có oán cừu thù địch, xa lìa các não hại, rộng lớn vô lượng. Nếu ai khéo tu tập thì tư tưởng đối với một phương đều hiểu rõ và biết khắp, đầy đủ mà trụ. Còn đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hay bên cạnh, tất cả thế gian cũng đều như thế cả, gọi đó là số hai.

3. Có một loại Hỷ cùng đi với tâm, không có oán cừu thù địch, xa lìa các não hại, rộng lớn vô lượng. Nếu ai khéo tu tập thì tư tưởng đối với một phương đều hiểu rõ và biết khắp, đầy đủ mà trụ. Còn đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hay bên cạnh, tất cả thế gian cũng đều như thế cả, gọi đó là số ba.

4. Có một loại Xả cùng đi với tâm, không có oán cừu thù địch, xa lìa các não hại, rộng lớn vô lượng. Nếu ai khéo tu tập thì tư tưởng đối với một phương đều hiểu rõ và biết khắp, đầy đủ mà trụ. Còn đối với các phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, trên dưới hay bên cạnh, tất cả thế gian cũng đều như thế cả, gọi đó là số bốn.

Thế nào là Từ?

Đáp: Nghĩa là có một người suy nghĩ mong sao tất cả các loài hữu tình đều có được cái vui tốt đẹp. Người này liền xuất gia và dựa vào pháp xa lìa. Do sức mạnh của sự suy nghĩ tuyển chọn đó, nên trong lòng người ấy phát sinh định thiện ở cõi Sắc và các thứ tự tánh của Từ tánh

gọi là sự thương xót, tính chất của sự thương xót, gọi là sự nghĩ nhớ thương lo, tính chất của sự nghĩ nhớ thương lo..., gọi chung là Từ.

Lại còn có thọ tướng hành thức, khởi sinh cùng với hai thứ thân nghiệp ngữ nghiệp, và bất tướng hành, tương ứng với Từ, thì cũng gọi là Từ.

Thế nào là gia hạnh của định tâm Từ? Tu gia hạnh nào để nhập vào được định tâm Từ?

Nghĩa là như có một người khởi tâm như vậy: Mong sao các loài hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp. Dù có tâm như thế nhưng lại không hiểu biết rõ ràng (thắng giải), khi mong các loài hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp như thế... Người ấy tuy có tâm tốt lành tịnh diệu, tùy thuận vào sự trau dồi tốt đẹp và thêm nhiều sự ứng cúng trang hoàng, luôn luôn ủy thác giúp đỡ bạn bè và các tư lương tài vật..., nhưng chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, cũng chưa thể gọi là nhập vào định tâm Từ.

Lại có một số người phát ra lời nói: Mong sao các loài hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp. Tuy có lời nói đó nhưng không hiểu rõ, mong các loài hữu tình có được các niềm vui tốt đẹp như thế như thế. Lời nói của người ấy tuy là tốt lành tịnh diệu..., cho đến tư lương tài vật, nhưng chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, cũng chưa thể gọi là đã nhập vào định tâm Từ.

Lại có người phát khởi tâm Từ như vậy: Mong các loài hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp. Tuy có tâm và lời nói như thế nhưng không hiểu rõ(thắng giải), mong các loài hữu tình đều được niềm vui tốt đẹp như thế như thế, Tâm và lời nói của người ấy tuy đều tốt lành tịnh diệu..., cho đến tư lương tài vật, nhưng chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, cũng chưa thể gọi là đã nhập vào định tâm Từ.

Lại có một người phát khởi tâm như thế, phát ra lời nói như thế và có hiểu rõ: Mong các loài hữu tình đều được niềm vui tốt đẹp như thế.... Với tâm nguyện lời nói và hiểu rõ tuy đều là tốt lành tịnh diệu..., cho đến tư lương tài vật, nhưng vẫn chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, cũng chưa thể gọi là đã nhập vào định tâm Từ.

Việc đó như thế nào? Như có một người bị đói khổ rét lạnh bức ngặt, nay được ấm áp nên sinh vui, liền lấy tướng vui đó mà khởi tâm như thế, nói lời như thế: Mong các loài hữu tình đều được niềm vui tốt đẹp như thế... Mặc dù tâm lời nói và sự hiểu biết rõ ràng đều là tốt lành tịnh diệu, cho đến tư lương, nhưng cũng chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, và vẫn chưa thể gọi là đã nhập vào định tâm Từ.

Lại như có một người bị cơn đói lã hành hạ ép ngặt, khi được ăn no nên sinh vui, liền lấy sự vui đó mà khởi tâm và phát ra lời nói: Mong sao tất cả hữu tình đều được niềm vui tốt đẹp như thế... Dù tâm - lời nói và sự hiểu biết rõ ràng của người đó đều tốt lành tịnh diệu..., cho đến tư lương tài vật, nhưng chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, hay gọi là đã nhập vào định tâm Từ được.

Lại có một người bị cái khổ của cơn khát hành hạ bức ngặt, nên khi được uống đủ thì sinh vui, liền từ niềm vui đó mà khởi tâm, phát ra lời: Mong sao tất cả loài hữu tình đều được niềm vui tốt đẹp như thế v.v.... Dù tâm - lời nói và sự hiểu biết của người đó đều tốt lành tịnh diệu..., cho đến tư lương, nhưng vẫn chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ, hay gọi là đã nhập vào định tâm Từ được.

Lại như có một người thân thể dơ bẩn, mình mẩy rã rời mệt mỏi thiếu thốn mọi thứ, bè bạn lánh xa... Khi gặp được dịp tắm gội kỹ lưỡng, bạn bè sum họp... nên sinh vui, liền từ niềm vui đó mà khởi tâm phát ra lời mong sao tất cả hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp, tuy tâm - lời nói và sự hiểu biết của người ấy đều tốt lành tịnh diệu... cho đến tư lương, nhưng vẫn chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ.

Lại như có một người, gặp mùa hè trời quá oi bức, ánh lửa mặt trời nóng như thiêu đốt, nên nóng và khát đến độ mê man, thân tâm vô cùng bức bối bức rứt..., bỗng gặp được ao nước mát lạnh, liền nhảy ùm xuống tắm và uống thỏa thích nên sinh vui mừng. Liền từ niềm vui này mà khởi tâm, phát ra lời nói: Mong sao tất cả hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp như thế v.v.... Dù tâm - lời nói và sự hiểu biết của người ấy đều tốt lành tịnh diệu, cho đến tư lương, nhưng vẫn chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ hay gọi là đã nhập vào định tâm Từ được.

Như vậy khi hưởng thụ đủ mọi thứ vui ở cõi Dục và nhập vào đệ nhị tĩnh lực hưởng thụ được các niềm vui tốt đẹp, liền lấy tướng vui đó mà khởi tâm, phát lời: Mong tất cả hữu tình đều có được niềm vui tốt đẹp như thế v.v.... Dù tâm - lời nói và sự hiểu biết của người ấy đều tốt lành tịnh diệu... cho đến tư lương, nhưng cũng vẫn chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ được. Nếu như có điều này sinh ra thì cũng chỉ là gần như được hiện nhập mà thôi.

Chỉ khi nhập vào đệ tam tĩnh lực, do tướng vui đó mà khởi tâm - phát lời như thế, mong tất cả loài hữu tình đều có được niềm vui tốt lành như thế v.v... Do tâm - lời nói và sự hiểu biết của người này đều tốt lành tịnh diệu... cho đến tư lương. Bấy giờ mới có thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ và cũng bảo rằng đã nhập vào định tâm Từ.

Lại trong định này, các tâm - ý - thức, gọi là tâm Từ đều có trong mọi nghĩ tưởng ở hiện tại, quá khứ hay cả ở tương lai. Nếu khi tạo tác ý nghiệp của tâm thì cũng gọi là ý nghiệp của lòng Từ. Các tâm đã hiểu rõ, đang và sẽ mãi hiểu rõ, thì gọi là sự hiểu rõ (thắng giải) có lòng Từ.

Lại trong định này, các pháp như thọ - tưởng - dục - tác ý - niệm - định hay tuệ v.v..., thì gọi là các pháp có lòng Từ. Và với các pháp như thế cũng gọi là gia hạnh của định tâm Từ, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Từ.

Lại còn, định tâm Từ có hai thứ: Một là định tâm Từ nhỏ hẹp, hai là định tâm Từ rộng lớn vô lượng.

1. Thế nào là gia hạnh của định tâm Từ nhỏ hẹp? Phải tu gia hạnh nào để được nhập vào định tâm Từ nhỏ hẹp đó?

Đáp: Nghĩa là như có một người, chỉ đối với các hữu tình đáng mến yêu, thích ý vui lòng như cha mẹ, anh em, chị em, và một số bà con thân thuộc khác..., thì đối với một số hữu tình nhỏ hẹp đó, cũng dùng tâm có lòng Từ nhỏ hẹp bị giới hạn mà luôn trụ, trụ gần, an trụ, luôn điều phục chế ngự, và được vắng lặng cùng cực, một mực giữ gìn ý nguyện mong cho những người ấy (hữu tình) đều có được niềm vui tốt lành. Nhưng trong lúc ấy, nếu người đó có tâm tán loạn, dong ruổi bay nhảy khắp các cảnh, không chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm để trụ vào một duyên mà chú nguyện ước mong cho một số ít người được vui, thì trong trường hợp này không thể nói đó là gia hạnh của định tâm Từ nhỏ hẹp được. Chỉ khi nào người đó gìn giữ kiểm soát tâm mình, không để nó phân tán loạn động bay nhảy dong ruổi khắp nơi, mà phải khiến tâm chuyên chú một cảnh, niệm thì trụ vào một duyên rồi suy nghĩ đến tướng hữu tình có giới hạn nhỏ hẹp đó mà mong nguyện cho họ được vui. Với suy nghĩ đó mà phát sinh siêng năng chuyên cần với thế lực rất mạnh mẽ, hăng hái nỗ lực cao khó mà ngăn cản, lòng luôn cố gắng mãi không lúc nào dừng, thì đó mới gọi là gia hạnh của định tâm Từ nhỏ hẹp, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Từ nhỏ hẹp.

Người đó, với đạo lý này, đường lối này, cách thức này mà tu tập, càng tu tập nhiều lên mãi liền khiến cho các tâm trụ đều trụ, trụ gần, trụ vào một cảnh, luôn luôn giữ gìn chuyên nhất mãi như thế không lùi, mà mong ước cho số lượng nhỏ hẹp đó được vui. Bất giờ mới gọi là đã được nhập vào định tâm Từ nhỏ hẹp.

Lại trong định này, các tâm - ý - thức gọi là tâm luôn có lòng Từ nhỏ hẹp. Các nghĩ tưởng đều nghĩ..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm,

thì cũng gọi là ý nghiệp đều có tâm Từ nhỏ hẹp. Có các tâm hiểu rõ và sẽ hiểu rõ mãi, thì cũng gọi là sự hiểu rõ có tâm Từ nhỏ hẹp.

Lại trong định này, có các pháp như thọ hoặc tưởng..., cho đến hoặc tuệ v.v... thì cũng gọi là các pháp có tâm Từ nhỏ hẹp. Với các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Từ nhỏ hẹp, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Từ nhỏ hẹp.

2. Thế nào là gia hạnh của định tâm Từ vô lượng? Phải tu gia hạnh nào để được nhập vào định tâm Từ vô lượng?

Đáp: Nghĩa là đối với định tâm Từ nhỏ hẹp mà luôn luôn tu tập, khiến cho tâm luôn tùy thuận, điều phục và vắng lặng. Lại luôn luôn chế ngự, rèn luyện khiến nó thành thực ngay thẳng nhu nhuyễn và đủ khả năng làm việc, dựa theo cái định cao quý này, rồi sau đó mới dần dần khiến tâm được hiểu biết rõ ràng biến khắp nơi mà đối với vô lượng hữu tình ở phương Đông đều mong ước cho họ được vui. Nếu trong lúc đó, người này có tâm phân tán loạn động luôn bay nhảy theo các cảnh khác, không thể hưởng về một cõi, không thể giữ niệm khiến trụ vào một duyên..., mà lại mong ước cho vô lượng loài hữu tình đó đều được vui, thì khi đó chưa thể gọi là gia hạnh của định tâm Từ vô lượng được. Còn như, khi đó người ấy lại nhiếp giữ kiểm soát tâm mình, khiến nó không tán loạn, không bay nhảy theo các cảnh khác mà một mực khiến cho niệm trụ vào một duyên, rồi suy nghĩ đến tướng của vô lượng hữu tình đó mà mong ước cho họ đều được vui. Với suy nghĩ như thế mà phát sinh chuyên cần siêng năng với thể lực mạnh mẽ... cho đến lòng luôn cố gắng mãi không thôi..., bấy giờ mới gọi đó là gia hạnh của định tâm Từ vô lượng, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Từ vô lượng.

Với đường lối cách thức đó, người này đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi, thì khiến cho được các tâm trụ đều, trụ gần, yên trụ và cứ giữ mãi như thế, một mực không lùi bước mà ước nguyện cho vô lượng hữu tình ấy đều được vui. Đến đây thì mới gọi là đã nhập vào định tâm Từ vô lượng.

Lại trong định này các tâm - ý - thức thì gọi là tâm luôn có Từ vô lượng. Các suy nghĩ đều suy nghĩ..., cho đến tạo ra ý nghĩ của tâm, thì gọi là ý nghiệp có tâm Từ vô lượng. Các tâm đã thắng giải hiểu biết rõ ràng mãi, thì cũng gọi là sự hiểu biết rõ ràng (thắng giải) có Từ vô lượng.

Lại trong định này, có các pháp như thọ và tưởng..., cho đến tuệ, thì gọi là các pháp đều có Từ vô lượng. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Từ vô lượng, cũng gọi là nhập định tâm

Từ vô lượng.

Thế nào là Bi?

Đáp: Nghĩa là có người có ý nghĩ: Ước mong sao cho tất cả mọi người (hữu tình) đều được lìa hết khổ.... Người này hoặc y vào việc xuất gia hoặc y vào pháp xa lìa, rồi do sức suy tư tuyển chọn đó mà trong lòng phát sinh ra các định thiện ở cõi Sắc, các thứ Bi, tính chất của Bi, của lòng thương như lòng trắc ẩn thương xót, tính chất xót thương, hoặc đau khổ, tính chất của khổ đau (thấy người khác khổ đau chịu không được) gọi chung là Bi là lòng thương xót.

Lại còn các thứ thọ - tưởng - hành - thức khởi lên hai thứ nghiệp của thân và ngữ (lời nói và hành động) không tương ứng với hành mà tương ứng với lòng Bi, cũng gọi là Bi.

Vả lại định tâm Bi có hai thứ: 1. Là nhỏ hẹp; 2. Là vô lượng.

1. Thế nào là gia hạnh của định tâm Bi nhỏ hẹp, phải tu Bi gia hạnh nào để nhập vào định tâm Bi nhỏ hẹp? Như có một người đối với một số hữu tình đáng mến yêu ưa thích vừa ý thỏa lòng như cha mẹ, anh em, chị em và một số người khác như bà con thân thuộc hay bạn bè... Với số ít (nhỏ hẹp) hữu tình đó, người này khiến tâm có Bi nhỏ hẹp đó, đều trụ, trụ gần, an trụ và luôn được điều phục, được vắng lặng, vắng lặng cùng cực, và cứ một mực giữ mãi như thế mà mong ước cho số hữu tình ít ỏi nhỏ hẹp đó đều được lìa khổ. Nếu lúc đó, tâm người ấy phân tán loạn động dong ruổi, bay nhảy theo các cảnh khác, không thể chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm trụ vào một duyên mà mong ước cho số ít hữu tình đó được lìa khổ, như thế thì chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Bi nhỏ hẹp được, còn như lúc đó người ấy gìn giữ kiểm soát được tâm mình khiến nó không bị tán loạn, dong ruổi bay nhảy mọi nơi mà chuyên chú vào một cảnh, niệm trụ vào một duyên rồi nghĩ tưởng đến một số ít người đó mà ước nguyện cho họ đều được lìa khổ. Với suy nghĩ như thế mà phát sinh siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng không thôi. Đó gọi là gia hạnh của định tâm Bi nhỏ hẹp, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Bi nhỏ hẹp. Người ấy với đường lối cách thức này để tu tập, lại càng tu tập nhiều hơn mãi, thì khiến cho tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ và cứ một mực giữ mãi chuyên nhất, không lui sụt, mà ước ao mong cầu cho ít ỏi hữu tình kia đều được lìa khổ. Đến mức này thì gọi là đã nhập vào định tâm Bi.

Lại trong định này các tâm - ý - thức thì gọi là tâm đều có Bi nhỏ hẹp. Các suy nghĩ đến nghĩ tưởng..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm, thì

gọi là ý nghiệp đều có tâm Bi nhỏ hẹp. Các sự hiểu biết rõ ràng (thắng giải) đã và sẽ thắng giải mãi, thì gọi là thắng giải đều có tâm Bi.

Lại trong định này, có các pháp như thọ và tưởng... cho đến tuệ, thì gọi là các pháp đều có tâm Bi nhỏ hẹp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Bi nhỏ hẹp, cũng gọi là đã nhập định tâm Bi nhỏ hẹp.

2. Thế nào là gia hạnh của định tâm Bi vô lượng, phải tu gia hạnh nào để nhập vào định tâm Bi vô lượng? Nghĩa là đối với định tâm Bi nhỏ hẹp đó, người ấy luôn luôn tu tập, khiến cho tâm được tùy thuận, được điều phục và được vắng lặng. Lại càng phải luôn luôn điều phục rèn luyện kỹ, khiến nó được thành thực ngay thẳng nhu nhuyễn diệu hiền có khả năng làm việc và cùng với cái định cao quý sau này làm chỗ nương nhờ. Sau đó mới dần dần khiến cho tâm hiểu biết rõ ràng (thắng giải) khắp nơi. Rồi đối với vô lượng loài hữu tình ở phương Đông v.v... mà mong ước cho họ được lìa khổ. Nếu trong lúc ấy, người này có tâm bị phân tán loạn động, luôn dong ruổi bay nhảy theo mọi cảnh, không thể hướng về một cõi, không thể giữ niệm khiến nó trụ vào một duyên..., mà mong ước cho vô lượng hữu tình đó đều được lìa khổ thì lúc này chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Bi vô lượng được, cũng không thể nói là đã nhập vào định tâm Bi vô lượng. Còn như khi đó người ấy lại giữ gìn kiểm soát tâm mình, khiến nó không tán loạn, không dong ruổi bay nhảy theo mọi cảnh khác, mà luôn một mực khiến niệm trụ vào một duyên, rồi nghĩ tưởng đến ý tưởng của vô lượng loài hữu tình đó mà mong ước cho họ đều được lìa khổ. Với suy nghĩ như thế mà phát sinh siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng không ngừng nghỉ, lúc đó mới gọi là gia hạnh của định tâm Bi vô lượng, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Bi vô lượng.

Với đường lối cách thức đó, người này đã tu tập nhiều hơn mãi, thì khiến cho các tâm trụ đều trụ, an trụ và cứ giữ mãi một mực như thế, không lùi bước mà ước nguyện cho số lượng hữu tình ấy đều được lìa khổ. Đến đây thì mới gọi là đã nhập vào định tâm Bi vô lượng.

Lại trong định này, các tâm-ý-thức thì gọi là tâm đều có Bi vô lượng. Các suy nghĩ đều suy nghĩ..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm, thì gọi là ý nghiệp có tâm Bi vô lượng. Các tâm đã thắng giải hiểu biết rõ ràng và đã hiểu biết rõ ràng mãi, thì cũng gọi là sự hiểu biết rõ ràng (thắng giải) có Bi vô lượng.

Lại trong định này, có các pháp như thọ hay tưởng... cho đến tuệ, thì gọi là các pháp đều có Bi vô lượng. Các pháp như thế cũng được gọi

là gia hạnh của định tâm Bi vô lượng, cũng gọi là nhập vào định tâm Bi vô lượng.

Thế nào là Hỷ?

Đáp: Nghĩa là có một người có ý nghĩ: Các loài hữu tình hưởng được nhiều lợi ích thật đáng mừng. Người này liền y vào sự xuất gia, hoặc sự xuất ly xa lìa và do sức suy nghĩ tuyển chọn nên trong lòng liền phát sinh loại định tốt lành thuộc cõi Sắc, tâm vui mừng, rất vui mừng có tính chất rất vui mừng trong hiện tại, các chủng loại rất vui mừng, có tính chất thích ý vừa lòng vui vẻ, các chủng loại vui tươi vì sự hòa hợp không xa lìa, sự mừng vui khoái trá, có tính chất vững chắc, vui mừng hớn hở muốn nhảy nhót, có tính chất vui mừng hớn hở, muốn nhảy múa, hoan Hỷ vui tươi, có tính chất vui tươi hoan Hỷ..., gọi chung là Hỷ.

Lại còn, các thứ thọ - tưởng - hành - thức khởi lên hai nghiệp của thân và ngữ (lời nói và hành động) không tương ứng với hành mà tương ứng với Hỷ, cũng gọi là Hỷ.

Lại nữa, định tâm Hỷ có hai thứ: 1. Là nhỏ hẹp; 2. Là vô lượng.

1. Thế nào là gia hạnh của định tâm Hỷ nhỏ hẹp, phải tu gia hạnh nào để được nhập vào định tâm Hỷ nhỏ hẹp?

Đáp: Nghĩa là có một người đối với các loài hữu tình đáng mến yêu ưa thích, thỏa ý vừa lòng như cha mẹ, anh em, chị em, và một số khác như bà con thân thuộc bè bạn, người này đối với số ít (nhỏ hẹp) hữu tình đó mà khiến cho tâm trụ, đều có Hỷ nhỏ hẹp, đều trụ, trụ gần, an trụ, được điều phục, được vắng lặng, vắng lặng cùng cực, cứ một mực mà giữ gìn mãi, rồi vui mừng với những hữu tình kia khi họ lìa khổ được vui. Trong khi đó người này nếu có tâm bị tán loạn, luôn dong ruổi hay nhảy khắp nơi không chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm trụ vào một duyên mà mừng vui cho nhóm nhỏ hữu tình đó được lợi ích. Như vậy thì chưa thể gọi là gia hạnh của định tâm Hỷ nhỏ hẹp, cũng không thể nói là đã nhập vào định tâm Hỷ nhỏ hẹp. Còn nếu người đó, lúc ấy biết nhiếp giữ kiểm soát tâm, khiến nó không tán loạn, bay nhảy dong ruổi theo mọi cảnh, mà khiến nó chuyên chú vào một cảnh, niệm trụ vào một duyên, rồi người khác nghĩ đến tướng của nhóm nhỏ hữu tình và rất vui mừng khi nhóm nhỏ hữu tình đó được vui vẻ, với suy nghĩ đó mà phát sinh sự chuyên cần siêng năng mạnh mẽ..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là gia hạnh của định tâm Hỷ nhỏ hẹp, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Hỷ.

Người này với đường lối cách thức đó, đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi lên, thì khiến cho tâm trụ đều trụ, an trụ và cứ một mực

giữ gìn mãi như thế một cách chuyên nhất không lùi, mà hân hoan vui mừng khi số nhỏ hữu tình này có lợi ích. Ở mức này thì gọi là đã nhập vào định tâm Hỷ nhỏ hẹp.

Lại ở trong định này có các tâm ý thứ thì gọi là tâm có Hỷ nhỏ hẹp. Có các suy nghĩ đều suy nghĩ..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm thì gọi là ý nghiệp có Hỷ nhỏ hẹp, các tâm đã thắng giải, hiểu biết, rõ ràng đã và sẽ hiểu biết rõ ràng thì gọi là sự thắng giải, hiểu biết rõ ràng có Hỷ nhỏ hẹp.

Lại trong định này, có các pháp như thọ hoặc tưởng... cho đến tuệ v.v..., thì gọi là các pháp có Hỷ nhỏ hẹp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Hỷ nhỏ hẹp, cũng gọi là nhập vào định tâm Hỷ nhỏ hẹp.

2. Thế nào là gia hạnh của định tâm Hỷ vô lượng, phải tu gia hạnh nào để được nhập vào định tâm Hỷ vô lượng?

Đáp: Nghĩa là người này phải đối với định tâm Hỷ nhỏ hẹp mà luôn luôn tu tập, khiến cho tâm được tùy thuận, được điều phục và được vắng lặng. Lại càng phải luôn luôn điều phục, rèn luyện tâm ấy mãi, khiến nó trở nên thành thục ngay thẳng, nhu nhuyễn dịu dàng và có khả năng làm việc (chịu đựng được), để cùng với định tốt lành sau này mà làm chỗ nương nhờ. Sau đó dần dần khiến tâm được thắng giải, tràn đầy. Rồi đối với vô lượng loài hữu tình ở phương Đông mà vui mừng cầu mong, và thấy họ có nhiều ích lợi, thấy họ có nhiều vui mừng. Nhưng ngay lúc đó, nếu tâm người đó bị tán loạn, luôn dong ruổi theo đuổi các cảnh khác chứ không thể chú tâm vào một cảnh, không giữ được niệm trụ khiến nó trụ vào một duyên..., mà lại hân hoan vui vẻ với lợi ích của vô lượng hữu tình, thì bấy giờ chưa thể gọi đó là gia hạnh của định tâm Hỷ, cũng không thể nói là đã nhập vào định tâm Hỷ; còn như ngay khi ấy, người đó biết nhiếp giữ kiểm soát tâm tình khiến nó cứ chuyên chú vào một cảnh, trụ niệm vào một duyên, rồi nghĩ đến tướng của vô lượng loài hữu tình mà hân hoan vui mừng với lợi ích của vô lượng loài hữu tình đó đã có được. Với suy nghĩ như thế mà phát sinh mạnh mẽ siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng không ngưng nghỉ... Đó mới gọi là gia hạnh của định tâm Hỷ vô lượng, cũng nói là đã được nhập vào định tâm Hỷ vô lượng.

Với đường lối cách thức đó, người này đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi lên, thì khiến cho tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ và cứ một mực giữ gìn tâm mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt..., mà hân hoan vui vẻ với lợi ích của vô lượng loài hữu tình đã thu nhận

được. Bấy giờ mới được gọi là đã nhập vào định tâm Hỷ vô lượng

Lại ở trong định này, các thứ tâm-ý-thức thì đều gọi là tâm có Hỷ vô lượng..., cho đến gây tạo ra các nghiệp của tâm thì gọi là ý nghiệp có Hỷ vô lượng, các tâm đã thắng giải, hiểu biết rõ ràng đã và sẽ hiểu biết rõ ràng mãi, thì gọi là sự thắng giải có Hỷ vô lượng.

Lại trong định này, có các pháp như thọ hay tưởng... cho đến tuệ v.v..., thì gọi là các pháp có Hỷ vô lượng. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Hỷ vô lượng, cũng có thể nói là đã nhập vào định tâm Hỷ vô lượng.

Thế nào là Xả?

Đáp: Nghĩa là có một người suy nghĩ: Nên đối với tất cả hữu tình mà buông xả, không phân biệt. Người này liền xuất gia và y vào pháp xa lìa, rồi do sự suy nghĩ tuyển chọn (quyết định) ấy mà trong lòng sinh ra định thiện ở cõi Sắc với các tính chất của tâm luôn ở trạng thái bình thường, không phân biệt (bình đẳng tánh), tâm luôn ngay thẳng, tâm không cảnh giới và luôn được vắng lặng..., gọi chung là Xả

Lại còn, các thứ thọ - tưởng - hành - thức khởi lên hai nghiệp của thân và ngữ (lời nói và hành động) Không tương ứng với hành mà tương ứng với Xả, cũng gọi là Xả.

Thế nào là gia hạnh của định tâm Xả, phải tu gia hạnh nào để chứng nhập vào định tâm Xả?

Đáp: Nghĩa là như có một người tuy thấy có một số hữu tình rất đáng mến yêu ưa thích, vừa ý thỏa lòng mà không dấy lên phân biệt: Đây là mẹ ta, đây là cha mình..., cho đến đây là đám bạn bè thân thích nhất của ta v.v..., mà chỉ dấy lên sự hiểu rõ một cách bình thường rằng đó là loài hữu tình. Giống như vị đạo sĩ vô cầu khi vào một khu rừng nọ thấy đủ các loại cây như cây Sa la, cây Đa la, cây Dạ-man, cây Mã tương, cây Ô-dàm-bạt-la hoặc cây Nặc-cù-đà v.v..., nhưng không hề phát sinh sự phân biệt rằng đây là cây Sa la còn cây này là Đa la..., cho đến đây là cây Nặc-cù-đà..., mà có sự hiểu biết đây là những cây rừng; người tu tập hạnh Xả, thì đối với loài hữu tình không nên có ý phân biệt cũng phải như thế. Đó gọi là gia hạnh của định tâm Xả.

Lại còn, định tâm Xả có hai thứ: Một là nhỏ hẹp, hai là vô lượng.

1. Thế nào là gia hạnh của định tâm Xả nhỏ hẹp, phải tu gia hạnh nào để được nhập vào định tâm Xả?

Đáp: Nghĩa là có một người đối với một số hữu tình đáng mến yêu ưa thích, vừa ý thỏa lòng như cha mẹ, anh em, chị em, và một số bà con bè bạn thân thích... Người này đối với những hữu tình đó mà

khuyến cho tâm có Xả nhỏ hẹp đều trụ, trụ gần, an trụ, được điều phục, được vắng lặng và vắng lặng tốt cùng, cứ một mực giữ như thế, rồi đối với các loài hữu tình mà luôn giữ tánh buông xả không phân biệt gì. Nếu lúc đó người này có tâm bị tán loạn, bay nhảy dong ruổi theo một cảnh, không thể chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm trụ vào một duyên, nghĩ đến cái tướng của số, ít hữu tình và đối với hữu tình đó mà luôn buông xả không phân biệt gì cả, với suy nghĩ đó mà phát sinh mạnh mẽ sức siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là gia hạnh của định tâm Xả nhỏ hẹp, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Xả nhỏ hẹp.

Với đường lối cách thức đó, người này đã tu tập, lại càng tu tập nhiều hơn mãi, thì khiến cho tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, cứ một mực giữ gìn mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt, mà đối với các loài hữu tình luôn buông xả không phân biệt. Bấy giờ mới gọi là được nhập vào định tâm Xả nhỏ hẹp.

Lại ở trong định này, có các thứ tâm - ý - thức thì gọi là tâm có Xả nhỏ hẹp. Các thứ suy nghĩ đều nghĩ tưởng..., cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm thì gọi là ý nghiệp có Xả nhỏ hẹp. Các tâm đã thắng giải, hiểu biết rõ ràng- đã và sẽ hiểu biết rõ ràng mãi, thì gọi là sự thắng giải có Xả nhỏ hẹp. Có các pháp như thọ hay tưởng... cho đến tuệ v.v... thì cũng có thể gọi là các pháp có Xả nhỏ hẹp. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Xả nhỏ hẹp và cũng gọi là đã được nhập vào định tâm Xả.

2. Thế nào là gia hạnh của định tâm Xả vô lượng, phải tu gia hạnh nào để được nhập vào định tâm Xả vô lượng?

Đáp: Nghĩa là người này phải đối với định tâm Xả nhỏ hẹp mà luôn luôn tu tập khiến cho tâm được tùy thuận, điều phục và vắng lặng. Luôn luôn điều phục và rèn luyện khiến cho cái tâm được thành thực ngay thẳng, nhu nhuyễn dịu hiền và lại càng phải luôn luôn điều phục, rèn luyện tâm ấy mãi, khiến nó trở nên thành thực ngay thẳng, nhu nhuyễn dịu dàng và có khả năng làm việc, để cùng với cái định tốt lành sau này làm nên chỗ nương nhờ. Rồi sau đó dần dần mới khiến cho tâm được thắng giải, hiểu biết rõ ràng khắp nơi. Rồi đối với vô lượng loài hữu tình ở phương Đông mà luôn buông xả, không phân biệt gì. Nếu ngay lúc đó mà người ấy có tâm tán loạn, bay nhảy dong ruổi theo mọi cảnh khác, không thể chuyên chú vào một cảnh, không giữ niệm trụ vào một duyên..., mà đối với các loài hữu tình trụ vào buông xả không phân biệt gì, thì ở trường hợp này chưa thể gọi đó là gia hạnh của định

tâm Xả vô lượng, cũng chưa có thể nói là đã nhập vào định tâm Xả; còn như ngay khi ấy, người đó biết thấu nhiếp giữ gìn kiểm chế kiểm soát được tâm tình, không để nó tán loạn dong ruổi bay nhảy theo mọi cảnh khác, chuyên chú vào một cảnh hay trụ niệm vào một duyên..., mà suy tư nghĩ đến tướng của vô lượng loài hữu tình, và đối với loài hữu tình đó mà luôn luôn buông xả không phân biệt gì cả. Với suy nghĩ như thế mà phát sinh mạnh mẽ ra sức siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó mới gọi là gia hạnh của định tâm Xả vô lượng, mới nói là đã được nhập vào định tâm Xả vô lượng.

Với đường lối cách thức đó người này đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn mãi lên, thì khiến cho tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ và cứ một mực giữ gìn mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt..., mà đối với các loài hữu tình lại luôn buông xả, không phân biệt gì cả. Khi đó thì gọi là đã nhập vào định tâm Xả vô lượng.

Lại trong định này, có các tâm-ý-thức, thì gọi là tâm có Xả vô lượng. Các thứ suy tư đều nghĩ tưởng, cho đến tạo ra các ý nghiệp của tâm thì gọi là ý nghiệp có Xả vô lượng. Các tâm đã thắng giải, hiểu biết rõ ràng, đã và sẽ hiểu biết rõ ràng mãi, thì gọi là thắng giải có Xả vô lượng.

Lại trong định này có các pháp như thọ hoặc tưởng... cho đến tuệ v.v..., thì gọi là các pháp có Xả vô lượng. Các pháp như thế cũng được gọi là gia hạnh của định tâm Xả vô lượng, cũng gọi là đã nhập vào định tâm Xả vô lượng.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TÚC

QUYỂN 8

Phẩm 13: VÔ SẮC

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn cõi Vô sắc, bốn loại ấy là:

1. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài các sắc tướng, diệt hết các đối tượng, không còn tư duy suy nghĩ đến các thứ tướng mà nhập vào chỗ không bến bờ (không vô biên) và trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, đó là thứ nhất.

2. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài tất cả cõi không vô biên mà nhập vào thức vô biên và trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, đó là thứ hai.

3. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài tất cả cõi thức vô biên mà nhập vào vô sở hữu và trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, đó là thứ ba.

4. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài tất cả cõi vô sở hữu mà nhập vào chỗ trụ đầy đủ của Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là thứ tư.

Vượt ra ngoài các sắc tướng.

Thế nào là sắc tướng? Nghĩa là nhãn thức đi đôi với các tướng, đều tướng đến các việc ở trước mắt, hiểu rõ và chấp lấy các hình tướng - các sắc đã tướng và sẽ tướng..., gọi chung là sắc tướng. Có tác dụng nên nói cùng năm thức tướng ứng với các tướng đều tướng..., cho đến đã tướng và sẽ tướng..., thì gọi chung là sắc tướng. Nay nghĩa trong này chỉ nói nhãn thức tướng ứng với các tướng, cho đến đã tướng và sẽ tướng, gọi chung là sắc tướng.

Với các tướng như thế, ngay lúc đó đều vượt và siêu vượt lên tất cả, nên gọi là vượt ra ngoài các sắc tướng, diệt tướng hữu đối.

Có đối tượng là sao? Nghĩa là tai v.v... cả bốn thức sau cùng tương ứng với các tướng đều tướng, cho đến đã tướng và sẽ tướng thì gọi chung là đối tượng. Nay nghĩa trong này thì tai v.v... cả bốn thức sau,

cùng tương ứng với các tướng đều tướng, cho đến đã tướng và sẽ tướng, thì gọi chung là có đối tướng. Có đối tướng như thế, mà ngay lúc đó đã đoạn dứt và biết khắp, xa lìa đến xa lìa cùng cực, điều phục đến điều phục cùng cực, trừ diệt hết, biến mất tiêu, không còn suy nghĩ đến các thứ tướng, nên gọi là diệt hết các đối tướng.

Thế nào là các thứ tướng? Nghĩa là có sự che trùm và ràng buộc. Tức là có các tướng nhiễm ô về sắc - thanh - hương - vị - xúc, là hết thấy tướng bất thiện, là hết thấy tướng không đúng lý gây ra tướng, đó là hết thấy tướng làm chướng ngại cho định..., gọi chung là các thứ tướng.

Tướng ấy khi nó không còn phát khởi lên nữa, không còn nghĩ nhớ, không còn suy nghĩ, không còn đã suy nghĩ hay sẽ suy nghĩ gì cả..., nên gọi là không còn suy nghĩ đến các thứ tướng; nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Không vô biên xứ, phải tu gia hạnh nào để nhập được định Không vô biên xứ?

Nghĩa là đối với định này, thì người mới tu nghiệp, trước hết cần phải suy tư tĩnh虑 thứ tư là chướng khổ thô thiển, sau đó mới suy tư Không vô biên xứ là sự xa lìa tịnh diệu (yên tịnh tuyệt diệu). Ngay bấy giờ, nếu tâm người ấy còn bị tán loạn, bay nhảy khắp các cảnh, không thể chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm khiến nó trụ vào một duyên để tu tập định Không vô biên xứ. Ở mức này thì chưa thể gọi là gia hạnh của Không vô biên xứ, cũng chưa thể gọi là đã nhập được định Không vô biên xứ. Còn như trong lúc đó, người này biết kìm giữ tâm mình khiến nó không tán loạn bay nhảy khắp các cảnh, mà lại luôn chuyên chú vào một cảnh, trụ niệm vào một duyên để luôn luôn tư duy tu tập hướng vào định Không vô biên xứ. Với suy nghĩ tư duy như thế mà phát sinh sự siêng năng chuyên cần, xu thế rất mạnh mẽ, hăng hái tột độ khó ngăn cản, lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Bấy giờ mới gọi đó là gia hạnh của định Không vô biên xứ, cũng gọi là đã được nhập vào định Không vô biên xứ.

Với đường lối cách thức đó, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, liền khiến cho các tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, cứ một mực giữ mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt. Đến đây mới gọi là đã nhập vào định Không vô biên xứ.

Lại trong định này có các thứ tâm - ý - thức thì gọi là tâm có định Không vô biên xứ. Các suy nghĩ đều nghĩ, cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm, thì gọi là ý nghiệp có định Không vô biên xứ. Các tâm đã thắng giải, hiểu biết rõ ràng, đã và sẽ hiểu biết rõ ràng mãi, thì cũng gọi là

thắng giải có định Không vô biên xứ.

Lại trong định này thì hoặc thọ hoặc tưởng cho đến hoặc tuệ v.v..., thì gọi là các pháp có định Không vô biên xứ. Các pháp như thế cũng gọi là định Không vô biên xứ.

Vượt tất cả Không vô biên xứ. Nghĩa là lúc đó, người này đối với tướng Không vô biên xứ đều siêu việt tất cả, cho nên gọi là vượt lên (siêu việt) tất cả các thứ Không vô biên xứ.

Nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Thức vô biên xứ, phải tu gia hạnh nào để nhập được định Thức vô biên xứ? Nghĩa là ở định này thì người mới tu nghiệp, trước hết cần phải suy tư về Không vô biên xứ, coi là chướng khổ thô thiển. Kế đến thì suy tư về Thức vô biên xứ coi là sự xa lìa tịnh diệu, các phần khác cũng rộng nói như Không vô biên xứ.

Vượt tất cả Thức vô biên xứ. Nghĩa là bấy giờ người ấy đối với các tướng của Thức vô biên xứ mà siêu việt và siêu việt tất cả, cho nên gọi là vượt tất cả Thức vô biên xứ.

Nhập vào vô sở hữu và trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Vô sở hữu xứ, phải tu gia hạnh nào mới nhập được định Vô sở hữu xứ?

Nghĩa là đối với định này, người mới vào tu, thì trước hết phải suy tư về Thức vô biên xứ là chướng khổ thô thiển, kế đó phải suy tư về Vô sở hữu xứ là sự xa lìa tịnh diệu. Các phần khác thì cũng rộng nói như Không vô biên xứ vậy.

Vượt tất cả Vô sở hữu xứ. Nghĩa là bấy giờ người đó đối với các tướng của Vô sở hữu xứ mà (vượt lên) vượt lên tất cả, cho nên gọi là vượt lên tất cả Vô sở hữu xứ.

Nhập vào và trụ đầy đủ vào Phi tướng phi phi tướng xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Phi tướng phi phi tướng xứ, phải tu gia hạnh nào để nhập được định Phi tướng phi phi tướng xứ?

Nghĩa là đối với định này, người mới tu nghiệp thì trước hết cần phải suy tư về Vô sở hữu xứ là sự chướng khổ thô thiển, kế đó mới tư duy về Phi tướng phi phi tướng xứ là sự xa lìa tịnh diệu. Các phần khác thì cũng rộng nói như Không vô biên xứ.

Phẩm 14: TU ĐỊNH

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn cách tu định. Những gì là bốn cách? Ấy là:

1. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để có thể chứng được sự an trụ trong pháp vui hiện đời (hiện pháp lạc trụ).

2. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được Trí kiến thù thắng.

3. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được tuệ phân biệt tốt nhất.

4. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được sự diệt hết các lậu.

1. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập, hoặc làm đủ mọi cách để chứng được Hiện pháp lạc trụ?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô ly sinh hỷ lạc đối với thân mình. Nó thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần, đầy đủ khắp nơi đầy đủ, vui thích khắp nơi đều vui thích. Do đạt được ly sinh hỷ lạc thì ngay trong thân người ấy, không một phần nhỏ nào mà không đầy đủ vẹn toàn, đó gọi là tu định.

2. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được Trí kiến thù thắng?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô đối với tướng quang minh mà khéo léo giữ gìn, suy tư, tu tập, thấu suốt; không hề có chút khác biệt nào, trong suốt ngày đêm, dù trước hay sau, dù trên hay dưới, luôn tìm cách khai mở tâm trí, li xa các màn che trùm; luôn tu tâm chiếu sáng mọi nơi, diệt trừ tâm mê tối và tu vô lượng pháp định. Đó gọi là tu định.

3. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được cái tuệ phân biệt tốt nhất?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô khéo biết các thọ về sinh, các thọ về trụ và các thọ về sự diệt mất. Đối với các trụ niệm này không chỗ nào, khi nào là không trụ niệm, và khéo léo biết rõ các tướng, các tâm..., đối với sự khéo biết thì luôn luôn trụ niệm. Đó gọi là tu định.

4. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được sự diệt hết các lậu?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô đối với năm uẩn, luôn luôn theo dõi quan sát, thấy chúng luôn ở trong sinh diệt. Nghĩa là đây là sắc, đây là sự tập hợp của sắc, đây là sắc bị tiêu diệt; đây là thọ - tưởng - hành -

thức, đây là sự tập hợp của thọ - tưởng - hành - thức, đây là sự diệt mất của thọ - tưởng - hành - thức. Đó gọi là tu định, tu tập thế nào và làm mọi cách để chứng thực diệt hết các lậu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa đã nói trên nên đọc bài tụng:

*Đoạn dục tưởng lo sâu,
Lìa hôn trầm ăn năn,
Được niêm xả thanh tịnh,
Pháp tâm tử trước mặt.
Hiện pháp lạc là đầu,
Kế và thắng tri kiến, tuệ,
Phá các lậu vô minh,
Sau chứng quả giải thoát.*

Tức là đối với thân mình thì thân cũng gọi là danh thân, căn cũng gọi là danh thân, nơi tụ họp tạo nên của bốn đại cũng gọi là danh thân. Nay nghĩa trong này là nói về danh thân do bốn đại tụ tập tạo ra.

Ly sinh hỷ lạc là ở bậc sơ Tĩnh lự thì có được các cảm xúc (thọ) vui vẻ. Cái cảm xúc đó (thọ đó) nó gồm cả thân khinh an thoải mái và tâm nhẹ nhàng khoan khoái thì gọi là vui mừng, vui tươi. Do lìa bỏ các dục và các điều dữ bất thiện mà khởi lên và sinh ra tất cả rồi tụ họp lại mà xuất hiện ra. Cho nên gọi là ly sinh hỷ lạc. Nó thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần là một nghĩa, đầy đủ khắp nơi đều đầy đủ là một nghĩa, vui thích khắp nơi đều vui thích là một nghĩa. Do bậc thấp, bậc trung, bậc cao mà cách nuôi lớn có sai khác, giống như một người nông dân, lúc đầu dùng ít nước tưới lên các ruộng trên gò, khi các ruộng lúa trên gò được thấm đầy nước rồi, kế đó mới dùng nước hơn khá mà tưới, đến khi các ruộng gò đầy đủ nước thì sau đó dùng nhiều nước mà tưới. Bấy giờ các ruộng gò đều vui thích khắp nơi đều vui thích. Các thầy Bí-sô cũng thế, đầu tiên thì dùng phần ly sinh hỷ lạc thấp nhất để nuôi lớn cái thân do các đại tụ họp tạo nên, bấy giờ thân mình được thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần, kế đến mới dùng pháp ly sinh hỷ lạc bậc trung mà nuôi dưỡng thân do các đại tụ họp tạo nên, khi đó thì thân mình đã khá đầy đủ khắp nơi đều đầy đủ. Về sau mới dùng pháp ở bậc cao mà nuôi lớn cái thân do các đại tụ họp tạo nên. Bấy giờ thân mình được vui thích khắp nơi đều vui thích với ly sinh hỷ lạc, trong thân mình không có một phần nhỏ nào mà không được đầy đủ, nghĩa là từ đầu đến chân với ly sinh hỷ lạc làm việc nuôi dưỡng không chỗ nào không đầy đủ cả. Đó gọi là tu định.

Thế nào là định? Nghĩa là đối với thân mình đã có ly sinh hỷ lạc thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần, đầy đủ khắp nơi đều đầy đủ, vui thích khắp nơi đều vui thích. Cho nên tâm trụ đều trụ... trụ gần, an trụ, không hề tán loạn, luôn nhiếp giữ ngăn ngừa, có tính chất của tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, gọi chung là định.

Thế nào là tu? Nghĩa là đối với định này hoặc tu tập, luôn luôn làm việc, không hề buông bỏ các gia hạnh, gọi chung là tu.

Hoặc tu tập, hoặc làm đủ mọi cách, tức là làm sáng tỏ định này có thể làm cho được tự tại và có thể khiến chứng được hiện pháp lạc trú, nghĩa là đối với định này nếu tu tập, hoặc làm đủ mọi cách, ở trong hiện pháp mà chứng được lạc trú, rất đáng mến ưa thích thú, vừa ý vui lòng, mà không hề trông mong, không suy nghĩ mẩn mộ, luôn vắng lặng an ổn cho nên gọi là lạc trú. Đối với các lạc trú này mà có được thành tựu, luôn gần gũi tiếp xúc với quả chứng, cho nên gọi là chứng đắc.

Lại nữa, sơ tĩnh lự thâm nhiếp cả ly sinh hỷ lạc cùng đi chung với nhau, có tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh, nên gọi là định, tức là đối với định này, mà tu tập làm mọi cách và luôn làm việc, không buông bỏ các gia hạnh, gọi là tu.

Hoặc tu tập, hoặc làm đủ mọi cách, tức là làm sáng tỏ sự tự tại đó hay khiến cho chứng được hiện pháp lạc trú. Nghĩa như trước đã nói.

Đối với tướng quang minh mà khéo léo thâm giữ

Thế nào là gia hạnh của định quang minh, phải tu gia hạnh nào để nhập được định quang minh?

Nghĩa là đối với định này, người mới tu nghiệp, trước hết nên khéo léo theo dõi nhìn mãi hình ảnh vầng trăng sáng sạch hay vầng mặt trời sáng chói, hoặc chất thuốc Mạt ni, hoặc hình ảnh sáng rực của Thiên cung, hay các ngôi sao rực sáng, hay ánh sáng đèn đuốc, hoặc theo dõi ánh sáng của thành ấp và sông núi bị thiêu cháy, hoặc ánh sáng cháy của mười gánh củi, hoặc hai mươi gánh, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm, một ngàn, một trăm ngàn hoặc vô lượng trăm gánh, vô lượng ngàn, vô lượng trăm ngàn gánh. Ánh lửa sáng phát cháy rừng rực của củi này, càng rực sáng trong suốt sáng lò... Ta chọn lấy một tướng sáng đó rồi luôn theo dõi lắng lòng suy xét hiểu rõ, quan sát thấu suốt và bền bỉ mà phân biệt tìm hiểu. Nhưng trong khi đó nếu người ấy tâm còn bị tán loạn, bay nhảy dong ruổi theo các cảnh khác, không thể chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm khiến nó trụ vào một duyên... mà tư duy đến các tướng sáng đã chọn. Đến đây thì chưa thể gọi là gia hạnh của định quang minh được, cũng chưa thể nói là đã nhập định quang

minh. Còn như trong lúc đó mà người này lại kìm giữ được tâm mình, khiến cho tâm không tán loạn bay nhảy khắp mọi nơi, mà có thể chuyên chú vào một cảnh, trụ niệm vào một duyên. Khi tư duy các hình tướng ánh sáng như thế mà phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng, thì đó mới gọi là gia hạnh của định quang minh, cũng gọi là đã nhập được định quang minh.

Với đường lối cách thức này, người đó đã tu tập, lại càng tu tập nhiều hơn mãi, liền khiến cho các tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, và cứ một mực giữ mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt..., mà suy nghĩ về các hình tướng ánh sáng như thế. Đến đây thì mới gọi là nhập vào định quang minh, nhưng vẫn chưa thể gọi là tướng của định quang minh.

Thế nào là tướng của định quang minh? Nghĩa là phải nương theo các định quang minh trước đây mà suy nghĩ về các hình tướng của ánh sáng như trước, các tướng đều tướng, hiểu rõ và giữ lấy các hình tướng về ánh sáng đó, đã và sẽ nghĩ tướng mãi như thế, thì gọi là tướng của định quang minh.

Cái tướng về định quang minh này, sở dĩ gọi là tướng quang minh, là vì đối với tướng quang minh mà khéo léo thấu giữ, nghĩa là đối với các tướng này mà thấu giữ tuân hành một cách cung kính, ân cần, tôn trọng, suy tư tìm xét kỹ lưỡng về những cái nhân, pháp môn, nghĩa lý và phương tiện hành tướng của nó..., cho nên gọi là khéo léo thấu giữ.

Khéo léo suy tư, nghĩa là đã luôn luôn khởi lên tướng về quang minh rồi thì luôn luôn suy tư nghĩ tướng về tướng của quang minh, của hình tướng các thứ ánh sáng đã chọn đó.

Khéo tu tập, nghĩa là đối với các tướng đó mà luôn luôn tu tập, rèn luyện làm đủ mọi cách, nên gọi là khéo tu tập.

Khéo thấu suốt, nghĩa là đều xét thấy hiểu rõ tướng đó luôn quan sát tìm hiểu tinh tướng, nên gọi là khéo thấu suốt.

Hoặc ngày hay đêm đều không sai khác, nghĩa là như đối với lúc ban ngày đã tìm xét kỹ lưỡng, tư duy, quan sát thấu hiểu rõ ràng, luôn phân biệt tìm hiểu một cách bền bỉ kiên trì về các hình tướng của ánh sáng như trước đã nói... như thế nào, thì đến phần đêm cũng quan sát tìm hiểu các tướng đúng y như thế.

Hoặc trước hay sau không hề sai khác, là đối với trước mặt hay sau lưng, đối với thời gian trước hay sau khi quan sát, tìm xét hiểu rõ các hình tướng ánh sáng ấy thế nào, thì trước mặt sau lưng hay lúc trước lúc sau đều y như thế cả.

Hoặc dưới hay trên không hề có sự sai biệt, nghĩa là như ở phương dưới tìm hiểu tư duy quán sát rõ ràng và luôn phân biệt tướng tận, như những tướng ánh sáng trước đây, đối với phương trên cũng như vậy; như đối với phương trên thế nào thì đối với phương dưới cũng như thế. Vì vậy nói là hoặc dưới hay trên không hề có sự sai biệt.

Kể cả phương tiện quán sát tìm hiểu đối với phương trên thế nào thì đối với phương dưới cũng y như thế không hề sai khác.

Khai mở tâm trí là phát khởi ra ánh sáng, chiếu sáng rực rỡ, tươi mát sạch sẽ... có tâm cùng thực hành.

Lìa bỏ màn che là xa lìa các thứ hôn trầm mê ngủ ràng rịt che lấp cái tâm.

Dùng ánh sáng mà tu tập chiếu sáng cái tâm, nghĩa là luôn tu tập rèn luyện ánh sáng rực rỡ và tươi mát sạch sẽ khiến tâm có ảnh hưởng lớn.

Từ bỏ cái tâm mờ tối, nghĩa là trong tâm này không khởi lên các tướng tối tăm mờ mịt, mà chỉ khởi lên các tướng sáng suốt, như ánh sáng của đèn đuốc xua tan bóng tối.

Tu vô lượng định, là tu vô lượng định có tướng quang minh sáng suốt. Đó gọi là tu định.

Định là sao? Nghĩa là đối với sự sáng suốt (ánh sáng) mà xét tìm tư duy quán sát tìm hiểu và hiểu biết rõ ràng, luôn bền bỉ phân biệt tìm hiểu mà khởi lên các tâm trụ đều trụ..., cho đến có tính chất của tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, thì gọi chung là định.

Tu là sao? Nghĩa là đối với định này nếu luôn tu tập, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh..., thì gọi chung là tu.

Hoặc tu tập làm đủ mọi cách, tức là chỉ rõ ràng có thể giúp ta được tự tại và có thể khiến ta chứng được tri kiến thù thắng tuyệt vời.

Thế nào là tri kiến thù thắng vi diệu? Nghĩa là đối với định này mà luôn tu tập rèn luyện, làm đủ mọi cách, luôn thực hành thì sẽ đạt đến ngôi vị toàn vẹn viên mãn nhất. Và từ ánh mắt cũ sẽ phát sinh thiên nhãn thanh tịnh do các đại ở cõi Sắc tạo nên. Rồi nương vào thiên nhãn này mà sinh ra nhãn thức thanh tịnh, lại y vào nhãn thức thanh tịnh này mà quán xét được tất cả các sắc trên dưới trước sau, trái phải..., đúng như các sắc tạo nên do các đại của cõi Sắc. Cũng nhờ thiên nhãn bên cạnh ánh mắt cũ như thế v.v... mà sinh ra nhãn thức thanh tịnh, rồi y vào nhãn thức này mà lãnh thọ (nhìn thấy) và quán sát các thức ấy. Đó gọi là tri kiến thù thắng tuyệt diệu. Cũng có người nói ấy là do ý thức thanh tịnh nên nhìn thấy hiểu biết thấu suốt. Tức là do ánh mắt thị này biến

thành thiên nhãn là mắt thần, nên gọi là thắng tri kiến (cái thấy biết tuyệt diệu). Nay nghĩa trong này như trước đã nói, là nhãn thức tương ứng với thắng tuệ (trí tuệ tuyệt diệu) nên gọi là trí, cũng gọi là kiến, nghĩa là thức của thiên nhãn tương ứng với thắng tuệ mà lãnh thọ, nhìn thấy và quan sát mọi thứ sắc ấy. Tri kiến thù thắng tuyệt diệu ở đây, là người ấy đối với định này nếu luôn tu tập rèn luyện, làm đủ mọi cách thì có thể chứng được tri kiến thù thắng, được thành tựu gần gũi tiếp xúc với sự chứng được tri kiến thù thắng. Cho nên gọi là chứng đắc.

Lại còn tâm cùng đi với tướng quang minh mà chuyên chú vào một cảnh thì gọi là định. Tức là đối với định này mà luôn tu tập rèn luyện, làm nhiều cá và luôn thực hành, không hề buông bỏ các gia hạnh thì gọi là tu. Nếu luôn tu tập rèn luyện, làm đủ mọi cách, là làm sáng tỏ sự tự tại của định ấy, thì có thể khiến chứng được tri kiến thù thắng, nghĩa như trước đã nói.

Khéo biết rõ thọ sinh, thọ trụ, thọ diệt, biến mất cả, là quan sát tìm xét hiểu biết về các thọ sinh (các thọ về sinh), thọ trụ, và thọ diệt mà trừ hết các thứ đó.

Luôn trụ niệm, không chỗ nào không trụ niệm, là khi quan sát tìm thấy thọ sinh, thì đầy đủ chánh niệm chánh tri. Quan sát tìm các thọ trụ, thọ diệt cũng đầy đủ chánh niệm chánh tri.

Khéo tướng, khéo biết về tâm, tức là xét biết quan sát về các tướng tâm sinh là sao, tướng tâm trụ là sao và tướng tâm diệt là thế nào mà diệt trừ chúng cho hết.

Các trụ niệm đều trụ niệm, là khi quan sát tìm các tâm của tướng về sinh thì đầy đủ chánh niệm chánh tri và khi tìm hiểu quán xét các tâm của tướng về trụ về diệt mất thì cũng đầy đủ chánh niệm chánh tri như thế, đó gọi là tu định.

Thế nào là định? Là bấy giờ người ấy nghĩ: Nay ta nên đối với các pháp cần phải chánh tư duy, không khởi lên các pháp chẳng thiện, mà khởi lên các pháp thiện, không khởi lên các pháp vô ký, mà khởi lên các pháp hữu ký (cần ghi nhớ), khiến cho các pháp bất thiện chẳng dừng lâu, mà các pháp thiện thì còn mãi, khiến cho các pháp vô ký chớ dừng lâu, mà các pháp hữu ký thì còn mãi.

Ngay khi đó, người ấy cũng quan sát tâm, cũng quan sát các pháp tâm sở. Khi quan sát các pháp tâm và tâm sở thì khởi lên các tâm trụ đều trụ, cho đến tâm chuyên chú vào một cảnh..., thì gọi chung là định.

Thế nào là tu? Nghĩa là đối với định này, mà luôn tu tập rèn luyện, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh..., gọi chung là tu.

Nếu thường tu tập làm đủ mọi cách, tức là chỉ rõ định này hay đạt được tự tại.

Có thể khiến cho chứng được tuệ phân biệt tốt nhất, là luôn tu tập rèn luyện định này và làm đủ mọi cách thì có thể khiến cho tất cả các tuệ bất thiện, các tuệ không đúng lý và có bao nhiêu thứ tuệ làm chướng ngại cho định..., đều bị phá sạch, buông xả không khởi lên các tuệ trái nhau..., rồi cứ thế mà thêm lớn và bền bỉ giữ mãi, trụ mãi như thế. Do đây mà nói luôn khiến cho chứng được tuệ phân biệt tốt nhất. Tức là đối với tuệ này mà được thành tựu tiếp cận với quả chứng, nên gọi là chứng được.

Lại còn, khi quan sát xét tìm các tâm của thọ tưởng thì đều có tâm chuyên chú vào một cảnh, nên gọi là định. Tức là luôn tu tập rèn luyện định này, thực hành không buông bỏ các gia hạnh, nên nói là tu, và luôn tu tập rèn luyện mọi cách để làm sáng tỏ sự tự tại của nó, khiến cho chứng được tuệ phân biệt tốt nhất, nghĩa như trước đã nói.

Đối với năm uẩn luôn quan sát thấy nó luôn trụ trong sinh diệt v.v..., nghĩa là biết đúng như thật các thứ sắc sinh ra và biến đổi tiêu diệt, cũng biết đúng như thật các thọ- tưởng- hành- thức sinh ra, và biến đổi tiêu mất. Đó gọi là tu định.

Định là sao? Là luôn luôn theo dõi quan sát sự sinh diệt của năm uẩn này, rồi khởi lên các tâm trụ đều trụ cho đến tâm luôn chuyên chú vào một cảnh gọi chung là định.

Thế nào là tu? Là luôn tu hành rèn luyện định này, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh..., thì gọi chung là tu.

Nếu mãi tu tập rèn luyện đủ mọi cách, là làm sáng tỏ rằng định này giữ được tự tại, khiến cho chứng được sự dứt sạch các lậu.

Lậu tức là ba thứ lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người ấy luôn tu tập rèn luyện định này, là làm đủ mọi cách có thể khiến cho ba lậu đều dứt sạch, khắp nơi đều dứt sạch, dứt sạch rốt ráo, nên gọi là dứt sạch các lậu. Do sự dứt sạch này mà có được thành tựu, tiếp cận với quả chứng, cho nên gọi là chứng đắc.

Lại còn, ở bậc tinh lự thứ tư, (đệ tứ thiền) thâm nhiếp xả niệm thanh tịnh cùng có mặt, để tiến đến quả A-la-hán là đạo vô gián, thâm nhiếp tâm vào một cảnh, gọi là định. Tức là đối với định này, mà luôn rèn luyện tu tập, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh, thì gọi chung là tu. Còn nếu luôn tu tập rèn luyện làm đủ mọi cách, là chỉ rõ nó luôn tự tại, khiến cho chứng được sự dứt hết các lậu. Các nghĩa đều như trước đã nói.

Phẩm 15: GIÁC CHI, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, có vị Bí-sô đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi sang một bên bạch Phật: Đức Thế Tôn thường nói đến giác chi. Vậy giác chi nói ở đây có nghĩa như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo: Giác chi này nói rõ là có bảy giác chi. Bảy thứ ấy là:

1. Niệm giác chi.
2. Trạch pháp giác chi.
3. Tinh tấn giác chi.
4. Hỷ giác chi.
5. Khinh an giác chi.
6. Định giác chi.
7. Xả giác chi.

Các giác chi như thế dần theo thứ tự mà khởi và cũng dần theo thứ tự mà chứng được, cần phải tu tập rèn luyện để khiến cho nó được viên mãn.

Khi đó, vị Bí-sô lại bạch Phật: Thế nào là các giác chi này dần theo thứ tự mà khởi, dần theo thứ tự mà chứng được và tu hành khiến cho viên mãn?

Đức Phật bảo thầy Bí-sô: Nếu đối với thân mình mà luôn theo dõi quan sát tìm xét thân mình, luôn an trụ trong chánh niệm, xa lìa ngu si, thì khi đó liền khởi lên Niệm giác chi. Khi được Niệm giác chi rồi thì cố gắng tu tập rèn luyện khiến cho được đầy đủ viên mãn. Người ấy do niệm này mà đối với các pháp cần tuyển chọn, nên tuyển chọn cùng cực, khắp nơi tìm xét suy nghĩ, khắp nơi tìm hiểu (tâm tứ), luôn luôn xét đoán tìm hiểu kỹ lưỡng..., khi đó liền khởi lên (sinh ra) Trạch pháp giác chi. Được Trạch pháp giác chi rồi thì cố gắng tu tập khiến được đầy đủ trọn vẹn. Người này do Trạch pháp mà phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng chuyên cần, tâm không hề hèn kém lui sụt. Bấy giờ liền khởi lên Tinh tấn giác chi. Được Tinh tấn giác chi rồi liền cố gắng tu tập khiến được đầy đủ toàn vẹn. Do sức tinh tấn siêng năng này mà phát sinh niềm vui tốt nhất, xa lìa các ái dục ham muốn. Bấy giờ liền khởi lên Hỷ giác chi. Khi được Hỷ giác chi thì nên cố gắng tu tập khiến nó được đầy đủ vẹn toàn. Người ấy do hỷ của niềm hoan lạc này nên thân và tâm đều được khinh an (nhẹ nhàng khoan khoái) xa lìa được các

nặng nề thô trước. Bấy giờ liền khởi lên Khinh an giác chi. Khi được Khinh an giác chi thì nên cố gắng tu tập khiến nó được đầy đủ vẹn toàn. Do Khinh an đó nên người ấy liền có cảm xúc khoái lạc với niềm hoan lạc. Do có hoan lạc nên tâm định. Bấy giờ liền khởi lên Định giác chi. Khi được Định giác chi thì nên cố gắng tu tập để nó được toàn vẹn. Do tâm đã định nên người ấy diệt trừ hết các tham lam lo sầu và trụ vào sự buông xả cao độ. Bấy giờ liền khởi lên Xả giác chi. Khi được Xả giác chi thì nên cố gắng tu tập khiến nó được vẹn toàn. Rồi đối với các thứ thọ- tâm- pháp mà theo dõi quan sát tìm hiểu..., rộng nói cũng như thế. Đó là các giác chi, như thế mà thứ tự dần sinh khởi, thứ tự dần đạt được và cố gắng tu tập khiến chứng được đầy đủ vẹn toàn.

1. Thế nào là Niệm giác chi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, nếu các hàng đệ tử của Thánh luôn theo dõi quan sát nội thân với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm đầy đủ và trừ bỏ các tham lam sâu lo ở đời, rồi đối với ngoại thân và cả nội-ngoại thân cũng theo dõi quan sát với đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ tham sâu y như thế. Rồi đối với trong và ngoài của ba thứ thọ- tâm- pháp..., rộng nói cũng y như vậy. Khi tu tập bốn niệm trụ thân- thọ- tâm- pháp như thế thì hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, các niệm tùy niệm (nghĩ nhớ theo đuổi) chuyên niệm (nghĩ chuyên vào một việc) và nghĩ nhớ, không quên không lỗi, không trái không sót, không mất pháp tánh, tâm luôn sáng suốt, ghi nhớ lâu bền, đều gọi chung là niệm. Cũng gọi là niệm căn, cũng gọi là niệm lực, niệm giác chi, hay chánh niệm. Đó là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo vô lậu xuất thế không có chấp trước và chuyển biến mãi của Phật của Thánh, nên nó chánh thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới. Những người tu học nên đối với các hành, thấy được mà luôn suy tư tìm xét quan sát khiến cho đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành thì phải nhìn thấy thật rõ, thật thấu suốt các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn thì cũng thấy thật tinh tường thấu suốt các công đức. Như bậc A-la-hán với tâm giải thoát thì luôn luôn tư duy quan sát khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, các niệm tùy niệm (nhớ nghĩ theo đó mãi)..., cho đến tâm sáng suốt ghi nhớ lâu bền. Đó gọi là Niệm giác chi.

2. Thế nào là Trạch pháp giác chi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, nếu hàng đệ tử của Thánh biết đúng như thật các pháp thiện hay pháp bất thiện, có tội hay không có tội, đáng tu hay không đáng tu, pháp nào thấp kém, pháp nào thắng diệu

(cao siêu mâu nhiệm), pháp nào đen hay trắng, pháp nào có đối địch, pháp nào duyên sinh...

Hay biết đúng như thật pháp nào thiện hay bất thiện.

Thế nào là pháp thiện? Nghĩa là nghiệp thiện của thân và ngữ, pháp thiện của tâm và tâm sở, tâm không tương ứng với thiện và sự trạch diệt (sự chọn lựa về tịch diệt), thì gọi là pháp thiện.

Thế nào là pháp bất thiện? Nghĩa là nghiệp bất thiện của thân và miệng (hành động và lời nói bất thiện), pháp bất thiện của tâm và tâm sở, tâm không tương ứng với chẳng thiện, đó là pháp bất thiện.

Người này đối với pháp thiện và bất thiện nói trên mà dùng chánh tuệ như thật để chọn lựa tốt cùng, dùng tầm khắp nơi suy tư, dùng tứ khắp nơi tìm xét, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng. Đó gọi là biết đúng như thật về các pháp thiện và bất thiện.

Hay biết đúng như thật về các pháp có tội và không tội.

Pháp có tội là sao? Tức là ba hạnh ác, ba căn chẳng thiện, mười nghiệp đạo bất thiện. Đó là ba pháp có tội.

Pháp không tội là sao? Tức là ba diệu hạnh, ba căn thiện, mười nghiệp đạo thiện. Đó là pháp không tội.

Người này đối với pháp có tội và không tội như thế, mà dùng chánh tuệ như thật để chọn lựa, chọn lựa tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng. Đó gọi là hay biết đúng như thật các pháp có tội và không tội.

Giữ biết đúng như thật pháp nào đáng tu và không đáng tu.

Thế nào là pháp đáng tu? Đó là ba diệu hạnh, ba căn thiện, mười nghiệp đạo thiện. Việc gần gũi các bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp tác ý đúng lý, cung kính lắng nghe, kín đáo giữ gìn căn môn, ăn uống biết độ lượng chừng mực, đầu hôm cuối đêm luôn tỉnh thức để suy tư, siêng tu các pháp thiện..., đó gọi là pháp đáng tu, cần phải tu.

Lại còn các pháp: Tứ niệm trụ (thân thọ tâm pháp), bốn chánh thấy, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, bốn chánh hạnh, bốn pháp tích, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na..., cũng gọi là các pháp cần phải tu.

Thế nào là pháp không nên tu? Đó là ba hạnh ác, ba căn bất thiện, mười nghiệp đạo bất thiện, gần gũi giao du với người chẳng thiện, lắng nghe pháp bất chánh, tà pháp, không tác ý đúng lý, làm các hạnh phi pháp, không cung kính lắng nghe, không cung kính học hỏi, không giữ gìn căn môn, ăn uống không biết độ lượng chừng mực, đầu hôm cuối đêm quen thói ngủ li bì, không siêng tu pháp thiện..., đó gọi là pháp

không nên tu.

Người này đối với pháp nên tu và pháp không nên tu, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tâm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu kỹ càng mọi lẽ. Đó gọi là biết đúng như thật pháp nào nên tu và không nên tu.

Giỏi biết đúng như thật pháp nào là thấp kém hay thắng diệu (cao quý tuyệt diệu).

Thế nào là pháp thấp kém? Đó là các pháp bất thiện, bị che trùm vô ký, đó là pháp thấp kém.

Thế nào là pháp thắng diệu? Nghĩa là các pháp thiện và không bị che lấp vô ký, đó là pháp thắng diệu.

Người này đối với pháp thấp kém và thắng diệu như thế, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tâm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng. Đó là giỏi biết đúng như thật pháp nào thấp kém hay thắng diệu.

Giỏi biết đúng như thật pháp đen hay trắng, pháp bất thiện gọi là đen, pháp thiện gọi là trắng, pháp có tội thì gọi là đen, pháp không tội thì gọi là trắng, pháp không đáng tu thì gọi là đen, pháp nên tu thì gọi là trắng, pháp thấp kém thì gọi là đen, pháp thắng diệu thì gọi là trắng...

Người này đối với pháp trắng -đen như thế, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tâm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng thấu suốt. Đó gọi là khéo biết đúng như thật các pháp đen- trắng.

Giỏi biết đúng như thật về các pháp đối địch nhau.

Thế nào là pháp có đối nghịch? Nghĩa là tham và không tham đối nghịch nhau, sân giận và không sân giận, si mê và không si mê..., gọi là pháp có đối nghịch.

Người này đối với pháp có đối nghịch như thế dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tâm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng thấu suốt. Đó gọi là giỏi biết đúng như thật về các pháp có đối nghịch.

Giỏi biết đúng như thật về các pháp duyên sinh, nghĩa là pháp duyên khởi và pháp duyên đã sinh, thì gọi chung là pháp duyên sinh. Người này đối với pháp duyên sinh như thế, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tâm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng thấu suốt. Đó gọi là giỏi biết đúng như thật về pháp duyên sinh.

Người này biết đúng như thật về pháp thiện- chẳng thiện, rộng nói cho đến khi pháp duyên sinh, cả thấy có vô lậu tác ý tương ưng mà đối với pháp tuyển chọn, tuyển chọn tốt bậc, hiểu rõ, hiểu rõ tất cả, hiểu rõ gần, thấu suốt các điều sâu kín, thẩm xét sáng suốt tinh tường, tuệ hành sáng rõ, Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là tuệ, cũng gọi là tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp, giác chi, chánh kiến. Đó gọi là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là đạo vô lậu xuất thế không có chấp trước của Phật, nên nó chính thức diệt hết các khổ tận cùng biên giới gây khổ. Những người tu học, thấy có các hành nào thì suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng, khiến đạt được đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành phải thấy sâu xa cái tai họa lầm lỗi của chúng. Còn đối với Niết-bàn thì cũng thấy sâu xa thấu suốt các công đức. Nếu bậc A-la-hán đối với tâm giải thoát mà suy xét tìm hiểu quan sát thấu suốt khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý tương ưng với vô lậu, đối với pháp mà tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Trạch pháp giác chi.

3. Thế nào là Tinh tấn giác chi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, nếu các hàng đệ tử Thánh:

Vì muốn đoạn dứt các pháp ác bất thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Vì muốn ngừa các pháp ác bất thiện chưa sinh thì đừng sinh, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Vì muốn các pháp thiện chưa sinh phải sinh ra, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Vì muốn các pháp thiện đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi không quên mất, luôn tu bồi đầy đủ khiến càng rộng lớn mãi trí tác chứng, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Người này khi tu tập bốn chánh thắng như thế, hết thấy tác ý tương ưng với vô lậu, với các sự siêng năng cần mẫn, thế lực mạnh mẽ, hăng hái tốt độ khó ngăn cản, lòng luôn cố gắng mãi không ngừng, đều gọi chung là tinh tấn. Cũng gọi là cần tinh tấn, lực tinh tấn, Tinh tấn giác chi hay chánh cần. Đó là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là vô lậu xuất thế, không có chấp trước của Phật. Nên nó chính thức diệt hết các khổ tận cùng biên giới gây khổ. Những người tu học, thấy có các hạnh nào thì suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng, khiến đạt được đến

chỗ rốt ráo. Đối với các hành phải thấy sâu xa cái tai họa lầm lỗi của chúng. Còn đối với Niết-bàn thì cũng thấy sâu xa thấu suốt, các công đức. Nếu bậc A-la-hán đối với tâm giải thoát mà suy xét tìm hiểu quan sát thấu suốt khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, với các sự siêng năng cần mẫn..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là Tinh tấn giác chi.

4. Thế nào là Hỷ giác chi?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói, Đại danh nên biết, nếu các hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến chư Phật, bảo đây là Đức Thế Tôn, là bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trượng phu, Điều ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật - Bạc-già-phạm. Các vị đệ tử của Thánh đây khi dùng tướng như thế mà nghĩ đến Phật, thì tham sẽ không ràng buộc tâm, sân không ràng buộc tâm, si không ràng buộc tâm. Đối với Như Lai nên tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ Như Lai nên có thể phát sinh niềm vui. Vì có vui nên sinh mừng, vì mừng nên thân được an, thân an nên có hoan lạc vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm đã định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng, khác nhau mà luôn trụ vào chỗ bình đẳng. Đối với các loài hữu tình có não hại thì trụ vào chỗ không bị não hại, được dự vào dòng pháp, ở bên chư Phật mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ đến chánh pháp, là chánh pháp của Phật, khéo nói các điều hiện thấy, không nóng nảy bứt rứt, đúng thời hướng dẫn chỉ đạo, quan sát đến gần, người trí được nội chứng. Người đệ tử Thánh đó, khi do tướng mà nhớ nghĩ đến pháp, thì tham sân si sẽ không ràng buộc tâm, ở chỗ chánh pháp, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, ở chỗ chánh pháp giỏi phát sinh niềm vui, vì có vui nên sinh mừng, vì mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm đã định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng, mà được trụ vào chỗ bình đẳng. Đối với các loài hữu tình có não hại thì trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp. Ở chỗ chánh pháp tu tập tùy niệm... cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến Tăng già (chư Tăng). Nghĩa là các đệ tử Phật, đầy đủ diệu hạnh, hạnh ngay thẳng thành thật, hạnh đúng lý, hạnh pháp tùy

pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp... Lại các vị đệ tử Phật có Dự lưu hướng, quả Dự lưu; có Nhất lai hướng, quả Nhất lai; có Bất hoàn hướng, quả Bất hoàn; có A-la-hán hướng, quả A-la-hán. Như thế gọi chung là có bốn đời- tám lễ Bồ đắc già la Tăng già như thế có đầy đủ giới hạnh, đầy đủ định lực, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, đáng được mời thỉnh, đáng khuất phục (quy phục), là ruộng phước vô thượng đáng cung kính, đáng được thế gian cúng dường. Các đệ tử Thánh khi có tướng như thế mà nghĩ đến Tăng già thì sẽ không bị tham sân si ràng buộc tâm. Ở chỗ Tăng già, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực, vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ Tăng già sẽ khởi sinh các niềm vui. Vì vui nên sinh ra mừng, tâm mừng nên thân an, thân an nên có hoan lạc, có hoan lạc nên tâm định, tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ Tăng già mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nhớ nghĩ đến giới hạnh của mình. Nghĩa là giới hạnh thanh tịnh của mình không hề thiếu sót, không lẫn lộn dơ bẩn, xứng đáng thọ lãnh phẩm vật cúng dường mà không chút tối tăm, khéo léo rốt ráo, khéo léo thọ trì tuân giữ. Bạc trí luôn khen ngợi không hề chê bai. Hàng đệ tử Thánh đó khi nhớ tướng như thế mà nghĩ nhớ đến giới hạnh của mình thì sẽ không bị tham sân si ràng buộc tâm. Ở chỗ giới hạnh của mình, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực, vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ giới hạnh của mình nên khởi sinh niềm vui. Vì vui nên sinh ra mừng, vì tâm mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc, vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì luôn trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ giới hạnh của mình mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến hạnh bố thí của mình. Nghĩa là: Ta nay đây khéo có được các lợi ích tốt đẹp, tuy đang ở giữa số chúng sinh bị trôi buột ràng rịt của vô lượng sự tham lam keo kiệt dơ bẩn lầm lỗi, nhưng tâm luôn xa lìa được các tật xấu tham lam keo kiệt mà giỏi làm việc ban ân bố thí. Tuy đang ở tại gia nhưng không hề đam mê tham lam tất cả tiền tài báu vật mà buông tay bố thí, thường lo cúng kiến lớn, cúng dường

các bậc phước điền, ban thí đầy đủ, vui thích phân chia bình đẳng..., các vị đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến hạnh bố thí của mình, khi đó thì tham sân si sẽ không ràng buộc tâm. Ở chỗ hạnh bố thí của mình, thì tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Do tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ hạnh bố thí của mình nên khởi sinh niềm vui. Vì vui nên sinh ra mừng, vì tâm mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc, vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì luôn trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ hạnh bố thí của mình mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến chư Thiên, là có các chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại... Các trời như thế vì đã thành tựu về tín- giới- văn- xả- tuệ, nên khi ở cõi này chết rồi sẽ được sinh lên các cõi trời ấy mà hưởng được bao nhiêu khoái lạc vui sướng. Nay ta đây cũng có các thứ tín - giới - văn - xả - tuệ, thì cũng sẽ được sinh lên các cõi đó và sẽ cùng với các chúng trời (chư Thiên) cùng hưởng các thứ hoan lạc vui sướng. Hàng đệ tử Thánh ấy, khi do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến các trời, thì sẽ không bị tham sân si ràng buộc tâm. Ở chỗ chư Thiên, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Vì chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ chư Thiên nên sinh khởi được niềm vui. Do vui nên sinh ra mừng, tâm mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc, vì có hoan lạc nên tâm định. Vì tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì luôn trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ của chư Thiên mà tu tập tùy niệm..., cho đến chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Khi người ấy tu sáu pháp tùy niệm như thế, khi tác ý tương ứng với vô lậu thì tâm vui, rất vui và đang rất vui. Tính chất của vui, chủng loại của vui, thích ý vui lòng. Tính chất và chủng loại của vui mừng, niềm vui hòa hợp mãi không chia lìa. Hân hoan vui vẻ, có tánh kham nhiệm (đảm nhận công việc) mừng vui hớn hở, tính chất của mừng vui hớn hở (muốn nhảy múa), vui tươi và tính chất của vui tươi hoan hỷ..., gọi chung là Hỷ. Cũng gọi là Hỷ giác chi. Đó là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là đạo vô lậu xuất thế, không có chấp trước của Phật. Nên có thể chánh thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới gây

khổ. Những người tu học khi thấy có những hành nào, thì nên cố gắng suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành thì nên thấy sâu xa biết được các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn vĩnh viễn thì cũng sâu xa thấu suốt thấy được các công đức. Nếu bậc A-la-hán như tâm được giải thoát thì nên suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý đều tương ứng với vô lậu, thì tâm vui và rất vui..., cho đến vui vẻ, tính chất của vui vẻ hoan hỷ. Đó gọi là Hỷ giác chi.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 9

Phẩm 15: GIÁC CHI, Phần 2

5. Thế nào là Khinh an giác chi?

Đáp: Đức Thế Tôn nói: Khánh Hỷ nên biết! Khi nhập vào sơ tĩnh lự thì nói năng đều yên dứt. Do đây làm điều kiện nên các pháp khác cũng đều yên dứt. Đây gọi là tướng thuận Khinh an thứ nhất.

Khi nhập vào đệ nhị tĩnh lự thì tâm và tứ đều yên dứt. Do đây làm điều kiện nên các pháp khác cũng đều yên dứt. Đây là tướng thuận Khinh an thứ hai.

Khi nhập vào đệ tam tĩnh lự thì các mừng vui lặng dứt. Do đây làm điều kiện nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây gọi là tướng thuận Khinh an thứ ba.

Khi nhập vào đệ tứ tĩnh lự thì các hơi thở vào ra đều lặng dứt. Do đây làm điều kiện nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây là tướng thuận Khinh an thứ tư.

Khi nhập vào định diệt tướng thọ thì tướng và thọ đều lặng dứt. Do đây làm điều kiện nên các pháp khác cũng đều lặng dứt. Đây là tướng thuận Khinh an thứ năm.

Khánh Hỷ nên biết, lại có phần Khinh an thượng diệu thứ sáu là cao vượt tối thượng, là trên hết, là vô thượng (không còn gì trên được nữa). Sự Khinh an như thế là rất cao quý, rất tuyệt diệu nhiệm mầu. Không còn sự Khinh an nào khác có thể hơn được.

Việc này như thế nào? Nghĩa là tâm từ nơi tham mà lại lìa nhiễm và được giải thoát, và từ nơi sân si mà lìa nhiễm và được giải thoát. Đây là tướng thuận Khinh an thứ sáu. Khi tư duy tìm xét về tướng này thì có tác ý tương ứng với vô lậu, nên thân được Khinh an và tâm cũng được Khinh an, tính chất của Khinh an, chủng loại của Khinh an..., gọi chung là Khinh an, cũng gọi là Khinh an giáo chỉ. Đây là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là đạo vô lậu xuất thế, không có chấp

trước của Phật. Nên có thể chánh thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới gây ra khổ. Những người tu học, khi thấy có hành nào thì nên suy nghĩ quan sát tìm hiểu kỹ lưỡng khiến nó đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành hãy nhìn thấy sâu xa các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn vĩnh viễn thì cũng thấy sâu xa các công đức. Nếu A-la-hán như đối với tâm giải thoát, thì sẽ suy tư quan sát thấu suốt khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý đều tương ứng với vô lậu, thân và tâm đều được Khinh an, tính chất chủng loại của Khinh an... Đó là Khinh an giác chi.

6. Thế nào là Định giác chi?

Đáp: Đức Thế Tôn nói: Các thầy Bí-sô nên biết, Ta nói dựa vào bậc sơ tĩnh lự (sơ thiền) có thể diệt hết các lậu. Ta nói như vậy: Nếu dựa vào đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự, và Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ..., có thể diệt hết các lậu. Các thầy Bí-sô nên biết! Ta dựa vào đâu mà nói là nếu y vào sơ tĩnh lự thì các lậu đều dứt hết? Nghĩa là có vị Bí-sô trước đây do tướng trạng của các hành như thế mà lia dục và các pháp ác bất thiện, có tâm và tứ suy xét tìm hiểu cùng ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào sơ tĩnh lự. Nhưng người này không chịu suy nghĩ tìm xét tướng trạng của các hành như thế mà lại chỉ suy nghĩ về các thứ sắc - thọ - tưởng - hành - thức mà họ có hướng đến. Nghĩa là các pháp này như là các thứ bệnh, các thứ ung nhọt ghê lở, như tên độc gây khổ hại, nó là vô thường - khổ - không - vô ngã. Do vậy kẻ ấy đối với pháp này phải nên quyết tâm chán chê nhớm tởm, sợ hãi, ngăn trừ. Sau đó mới giữ gìn kiểm chế tâm mình, đặt nó vào chỗ cam lộ, rồi suy nghĩ coi đó thật là vắng lặng nhiệm mầu, phải buông bỏ hết tất cả, chỉ lo diệt hết ái, lia nhiễm, an trụ Niết-bàn, tịch diệt vĩnh viễn. Giống như việc ông thầy dạy bắn cung cho một đám học trò. Trước hết thì phải học bắn gần, bắn những tâm vòng tròn, rồi đến những hình người bằng bùn, bằng cỏ bện lại v.v..., sau đó thì mới bắn xa. Và sau này thì những vật to lớn cứng chắc thế nào cũng sẽ bị bắn tan hoại hết. Các thầy Bí-sô cũng vậy, trước hết phải từ các tướng mạo hình trạng của các hành như thế mà lia dục và các pháp dữ, bất thiện rồi có tâm có tứ mà suy xét, ly sinh hỷ lạc và trụ đầy đủ vào sơ tĩnh lự. Nhưng người này không chịu suy nghĩ quan sát các tướng trạng các hành như thế, lại chỉ lo suy nghĩ về sắc-thọ-tưởng-hành-thức mà họ có rồi hướng đến. Tức là hãy gọi các pháp này như bệnh, như ung thư ghê lở, như tên độc gây khổ hại, nó luôn là vô thường - khổ - không - vô ngã. Do vậy đối với các pháp đó phải quyết lòng chán chê ghê tởm, sợ sệt và ngăn trừ. Sau đó rồi mới thâm giữ tâm,

kiềm chế đặt nó vào cõi cam lồ, và suy tưởng cảnh giới đó thật là vắng lặng yên tĩnh nhiệm mầu, buông bỏ tất cả, chỉ lo việc dứt ái, lìa nhiễm và Niết-bàn tịch diệt vĩnh viễn. Người đó chỉ thấy như thế, biết như thế thì sẽ từ dục lậu mà tâm được giải thoát, cũng sẽ từ hữu lậu, vô minh lậu mà tâm được giải thoát. Đời sống tu đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ nhận thân sau nữa. Ta dựa vào các việc như thế mà nói: Dựa vào sơ tĩnh lực thì khả năng dứt hết các tĩnh lực. Như việc nói dựa vào sơ tĩnh lực dứt hết các lậu, thì Ta nói dựa vào các bậc thứ hai, ba, tư tĩnh lực và Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ... Các lậu cũng dứt hết tùy theo mỗi chỗ cũng sẽ như thế.

Nghĩa là đệ nhị Tĩnh lực nên nói như thế này: Lại có vị Bí-sô, trước hết đã do các tướng trạng các hành như thế, tâm tứ đều vắng lặng, bên trong đều yên tĩnh, tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, không tâm không tứ định sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào đệ nhị tĩnh lực. Nhưng người này không chịu suy nghĩ về các hình trạng các hành như thế..., cho đến rộng nói về Vô sở hữu xứ mà nói thế này: Lại có Bí-sô, trước hết do các tướng trạng của các hành như thế mà vượt lên tất cả Thức vô biên xứ, nhưng người này chẳng chịu suy nghĩ về các tướng trạng của các hành như thế, chỉ lo suy nghĩ về sắc - thọ - tưởng - hành - thức mà họ có được để hưởng đến, cho đến rộng nói... Các thầy Bí-sô nên biết: Cho đến với tướng định cũng có thể làm được những việc đáng làm như thế.

Lại có Phi tướng phi phi tướng xứ và định diệt tận, Ta nói với thầy Bí-sô tu các định như thế, phải nên nhiều lần xuất nhập ra vào khi tu định ấy và lúc nhập định bậc thứ bảy, hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, các tâm trụ đều trụ, cho đến tâm chuyên chú vào một cảnh..., gọi chung là định, cũng gọi là định căn, định lực, định giác chi, hay chánh định. Đây là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển..., đều là đạo vô lậu xuất thế, không chấp trước..., của Phật. Nên nó có khả năng chính thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới gây ra khổ. Những người tu học nếu thấy các hạnh nào thì nên cố gắng suy tư quan sát tìm xét kỹ lưỡng khiến nó đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hạnh thì phải thấy thật sâu xa về các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn vĩnh viễn thì cũng phải thấy thấu suốt các công đức. Như bậc A-la-hán đối với tâm giải thoát mà suy tư quan sát kỹ lưỡng khiến cho nó đạt đến chỗ rốt ráo, hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu thì các tâm trụ đều trụ..., cho đến tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh. Đó gọi là Định giác chi.

7. Thế nào là Xả giác chi?

Đáp: Là có vị Bí-sô suy nghĩ tư duy về đoạn giới, ly giới, diệt giới... Do đây mà phát khởi các tính chất về tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, luôn được vắng lặng. Người này nghĩ: Ta nay nên đối với các pháp thuận theo tham, thuận theo sân, thuận theo si mà lìa bỏ tham sân si. Do đây mà phát khởi tâm có tính chất bình đẳng, chánh trực, không cảnh giác, mà luôn vắng lặng. Người này nghĩ: Ta nay đối với các pháp tham - sân - si thì tâm phải không thấu giữ, bị nhiễm. Do đây mà phát khởi tính chất của tâm bình đẳng, tính chất của tâm chánh trực, tính chất của tâm không cảnh giác, mà luôn vắng lặng. Người này suy nghĩ tìm xét kỹ lưỡng về sáu pháp thuận xả, hết thấy tác ý tương ưng với các tính chất của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không cảnh giác, mà luôn vắng lặng..., gọi chung là Xả. Cũng gọi là Xả giác chi. Đây là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là đạo vô lậu xuất thế, không có chấp trước của Phật. Nên nó có khả năng chính thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới gây ra khổ. Những người có tu học khi thấy có các gia hạnh nào thì nên tư duy quan sát kỹ lưỡng khiến nó đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hạnh thì phải sâu xa thấy được các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn vĩnh viễn thì cũng nhìn thấu suốt các công đức. Nếu có bậc A-la-hán, như đối với tâm giải thoát mà suy tư quan sát kỹ lưỡng khiến cho nó đạt đến chỗ rốt ráo. Nếu có hết thấy tác ý tương ưng với vô lậu thì sẽ có các tính chất của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm luôn vắng lặng không lo cảnh giác. Đó gọi là Xả giác chi.

Phẩm 16: TẬP SỰ

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Các thầy nếu có thể đoạn dứt một pháp nào, thì Ta bảo đảm chắc chắn nhất định rằng các thầy sẽ được pháp Bất hoàn. Nghĩa là nếu như tham mà đã được trừ sạch rồi, thì Ta có thể bảo đảm nhất định rằng người đó sẽ không trở lại nữa (bất hoàn).

Cũng như thế, các thứ sân, giận, si mê, giận hờn, che giấu, buồn rầu, ganh ty, keo kiệt, dối trá, nịnh nọt, không biết xấu hổ với người (tâm), không tự thẹn với mình (quý), mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, ty mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật, kiêu ngạo, giận tức,

làm cao, dối, quỷ quyệt, giả trá, hiện tướng gây cảm kích, chỉ vì lợi, mong cầu lợi, ham muốn xấu (ác dục), dục to (nhiều dục), ca tụng dục (hiến dục), không biết tri túc (hỷ túc), không cung kính, nói lời dữ, thích bực dữ xấu, không nhẫn nhịn, đắm mê, khắp đắm mê, nhiễm, tham, phi pháp..., tham trước, tham dữ, tham hữu, thân kiến, có kiến chấp, không kiến chấp, tham dục, giận dữ, hôn trầm, mê ngủ, trạo cử, ăn năn, nghi ngờ, rối rắm không vui, lười biếng, ăn không có điều độ, tâm tánh mê muội, mờ mịt, thấp kém, không tác ý các thứ tướng, nặng nề, hung hăng, ham ăn uống, tính chất chẳng hòa hợp dịu dàng, tánh không điều hòa nhu nhuyễn, không thuận hợp với đồng loại, có tầm về dục, tầm về giận, tầm về hại, tầm về thân thuộc hàng xóm, tầm về đất nước, tầm về chẳng chết, các tầm về: lãng nhục, miệt thị, khinh khi người khác, nhờ cậy bà con, sầu than buồn khổ lo sầu, quấy nhiễu gây đau khổ. Đối với một pháp trong số đó mà đoạn dứt hẳn thì Ta bảo đảm người ấy nhất định sẽ không còn trở lại nữa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa vừa nói, liền đọc tụng:

*Tham cột chặt hữu tình,
Luôn qua lại đường dữ,
Người trí đoạn dứt hết,
Không trở lại cõi này.*

Còn các thứ sân và si..., như thế cho đến ưu não (lo sầu khổ não) thì mỗi thứ đều có bài tụng giống như bài tụng về tham ở trên, nên biết thế.

Thế nào là tham? Nghĩa là đối với các cảnh dục, các thứ tham đều tham, cầm nắm, chứa cất, giữ gìn, chấp chặt, mền yêu, ưa thích, mê đắm, đắm mê ham muốn, khắp nơi đều đắm mê ham muốn, mong cầu, trói buộc trong lòng, say mê, chiêu tập các khổ của chủng loại tham, thứ sinh ra tham..., gọi chung là tham.

Thế nào là sân giận? Nghĩa là đối với các loài hữu tình luôn muốn làm tổn hại, trong lòng chứa chất sự tàn độc, muốn gây khổ đau buồn rầu cho mọi người. Đang, đã và sẽ mãi mãi giận dữ. Thích gây tai họa tội độ, lòng luôn giận hờn. Đối với các loài hữu tình luôn gây chuyện ngược ngạo để gây các tội ác tai họa. Đã, đang và sẽ gây tội ác tai họa mãi mãi..., gọi chung là sân giận.

Thế nào là si mê? Là ở phía trước không biết, phía sau cũng không biết, cả trước lẫn sau đều không biết; trong - ngoài và cả trong ngoài đều không biết, không biết nghiệp, không biết dị thực, không biết nghiệp của dị thực, không biết nghiệp làm thiện, nghiệp làm dữ, nghiệp làm

thiện và dữ cũng không biết. Đối với nhân cũng không biết, không biết các pháp do nhân sinh ra, không biết nhân sinh ra pháp, không biết Phật - Pháp và Tăng, không biết khổ - tập - diệt - đạo, không biết pháp thiện hay bất thiện, có tội hay không tội, nên tu hay không nên tu, pháp thấp kém hay thắng diệu, pháp trắng hay đen, không biết cả pháp có đối nghịch, pháp nào là duyên sinh; đối với sáu xúc xứ như thật cũng không biết. Không thấy, không biết như thế, không tu phép hiện quán, luôn tối mù ngu si, không sáng suốt, mịt mờ, chặn đực ngăn che pháp sinh mù, pháp sinh không có mắt, pháp sinh không có trí, pháp sinh tuệ kém, ngăn ngại các phẩm chất tốt lành, khiến không chứng Niết-bàn, có lậu vô minh, bực lưu vô minh, ách nặng vô minh, gốc rễ độc vô minh lá độc- hoa độc vô minh thân-cành-quả độc vô minh si mê đều si mê và rất si mê, bướng đều bướng và rất bướng, chủng loại si, thứ sinh ra si mê, gọi chung là si.

Thế nào là giận (phẫn)? Giận có hai loại:

1. Là thuộc về yêu thương mà giận.
2. Là thuộc về không yêu thương mà giận.

Thế nào là thuộc về yêu thương mà giận? Nghĩa là như có người đối với cha mẹ - anh em - chị em - vợ con trai gái và bà con, bạn bè thân thích... sinh lòng giận hờn nói rằng: Vì sao không cho ta vật đó mà đưa cho ta thứ này? Tại sao không để ta làm việc đó mà bảo ta làm việc này? Do đó mà sinh ra các thứ giận hờn, đều giận, giận khắp, giận cùng cực, đã - đang và sẽ giận mãi. Nóng rục và rất nóng rục, khói lửa và rất khói lửa, lóe sáng và rất sáng lóe, hung ác thô bạo, tâm luôn nổi giận, lộ vẻ hung tợn, lời nói thô bạo. Đó là chuyện yêu thích mà giận.

Thế nào là thuộc về không yêu thương mà giận? Nghĩa là như có một người nghĩ: Nay người ấy đối với ta muốn làm việc vô nghĩa, không lợi ích, không an lạc, không thấm nhuần, không an ổn, mà người ấy đã - đang và sẽ làm nhiều điều vô nghĩa đối với ta. Trong khi có nhiều người đối với ta muốn làm nhiều điều vô nghĩa... cho đến không an ổn. Nhưng đối với người ấy thì họ lại làm các việc có nghĩa, có lợi ích, an lạc, thấm nhuần và an ổn, mà lại đối với người ấy đã - đang và sẽ làm các điều có nghĩa cho đến sự an ổn, nhưng đối với ta thì họ lại làm các điều vô nghĩa... cho đến việc không an ổn. Do đó mà phát sinh các sự giận dữ, đều giận dữ cho đến hung tợn, nói lời thô bạo. Đó gọi là thuộc về không yêu thương mà giận. Thuộc về yêu thương hay không yêu thương, gọi chung là giận.

Thế nào là hận? Là có một người nghĩ: Người ấy đã làm các việc

vô nghĩa đối với ta..., rộng nói như trước, thì ta cũng phải làm như vậy đối với họ. Giận này từ sân sinh ra, thường ôm lòng giận dữ, kết thành các hận thu, khắp nơi cùng cực, tạo ra các nghiệp khó tránh, bị các nghiệp trói buộc chằng chịt, khởi tạo ra các nghiệp rất kiên cố, gây tạo các sự oán hận thù hận, tính chất của lòng oán hận..., gọi chung là hận.

Thế nào là che giấu? (Phú) Là như có một người phá giới, phạm các điều thấy biết, phá cuộc sống trong sạch, vi phạm các quy định, không giữ trọn vẹn rốt ráo các giới cấm, không giữ được trong sạch thanh tịnh, không thể vẹn toàn. Người này đã tự biết mình phạm pháp đã lâu và tự nghĩ: Nếu ta thú nhận trước kẻ khác, trình bày các điều phạm pháp làm vậy, tất sẽ bị chế giễu, tất sẽ bị châm chọc nhõm tởm, hoặc bị chê bai làm nhục và kể tội, kết tội... rồi không còn được ai tôn kính quý mến cúng dường nữa..., ta thà chịu đọa vào ba đường dữ chứ không thể khai bày các tội phạm của ta được. Vì sợ bêu riếu chê xấu, lại sợ mất sự cung kính cúng dường, nên người này che giấu đều che giấu, che giấu khắp, đều giấu giếm, giấu giếm khắp, giữ gìn giấu kín mọi sai phạm của mình. Đã- đang và sẽ che giấu mãi mãi..., gọi chung là phú.

Thế nào là nã? Nghĩa là có một người ở trong hàng Tăng chúng, nhân việc đúng pháp và không đúng pháp mà sinh tranh cãi nhau. Các vị Bì-sô vì muốn có sự hòa thuận yên ổn nên ra sức can ngăn khuyên bảo. Nhưng người này ngoan cố không nghe. Đây là loại bản chất chẳng chịu nghe lời khuyên can, chẳng nghe lời răn dạy, tánh quá cố chấp, tánh giữ chặt ý mình, tánh khuyh tả, đi ngược lại, tánh không hữu khuyh, không theo lẽ thường, tánh khó khuyh từ bỏ, tánh ứng đối vụng về, tánh bướng bỉnh của loài sư tử, tánh của loài sâu độc, tánh hung bạo dữ dằn..., gọi chung là nã.

Thế nào là ganh tị? Nghĩa là có một người thấy người khác được cung kính cúng dường tôn trọng, khen ngợi quý mến, đủ cả năm trần đáng ưa thích, y phục, ăn uống, ngọa cụ thuốc trị bệnh và các vật dụng khác đều đủ. Người này nghĩ: Ông ấy đã được cung kính cúng dường... đủ mọi việc, còn ta thì chẳng có. Do đó mà sinh ra lo sâu, rất lo sâu, khổ quá khổ, quá ganh tị..., gọi chung là ganh tị.

Thế nào là keo kiệt về tiền của? Nghĩa là đối với năm trần đáng ưa thích, y phục, ăn uống, ngọa cụ thuốc men và các vật dụng khác thì ngăn trở cấm đoán không cho người khác có được, được dùng. Còn bao nhiêu những vật đáng ưa như tiền bạc của mình đang có, thì không ban

tặng bố thí cho ai cả, không khắp thí, không tùy theo khắp thí, không buông xả, khắp buông xả, không tùy khắp buông xả, có tính chất của lòng luôn luyến tiếc. Đó là keo kiệt tiền của.

Thế nào là keo kiệt về pháp? Nghĩa là khi có các pháp như Tố-đát-lãm, Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma, hoặc có các vị Thân giáo sư, Quý phạm sư (thầy giới luật) đến dạy dỗ truyền giáo, khuyên dạy, chỉ bày các giáo lý bí yếu..., thì ngăn cản cấm đoán không cho người khác được nghe học tu hành. Còn nếu mình có được các pháp như trên thì cũng không rao truyền dạy bảo cho ai, không cho, không cho khắp, không tùy cho khắp, không buông xả, không buông xả khắp, không tùy khắp buông xả, có tính chất của lòng luôn luyến tiếc. Do đó gọi là keo kiệt về pháp. Đây là keo kiệt về tiền của và giáo pháp, gọi chung là keo kiệt.

Thế nào là dối lừa? Nghĩa là giả đấu, tráo thẳng, sửa cân, bót thước, nói lời quý quyết dối trá, bày trò phỉnh gạt dối lừa dụ dỗ..., khiến người khác tin là thật là đúng. Các trò lừa dối khắp, dối lừa một cách cùng cực..., gọi chung là lừa dối.

Thế nào là dua nịnh? Nghĩa là tâm có tánh giấu giếm, quanh co, tráo trở, tâm trầm trệ (sâu hiểm), tâm không rõ ràng, tâm không ngay thẳng, tâm không chịu đựng, gọi chung là dua nịnh.

Thế nào là không xấu hổ (tủi)? Nghĩa là không biết hổ thẹn, không bị hổ thẹn, không thẹn riêng, không mắc cỡ, không mắc cỡ riêng, không quý kính, tánh không kính trọng ai, không tự tại, tánh không tự tại. Đối với mọi thứ đều tự tại không hề sợ sệt sửa đổi làm theo, gọi chung là không thẹn.

Thế nào là không tự thẹn? Nghĩa là không tự xấu hổ với chính mình, không bị và không có điều tự thẹn, không tự thẹn riêng, không mắc cỡ, không mắc cỡ riêng. Đối với các tội lỗi không hề lo lắng sợ sệt, không thấy sự đáng sợ sệt, gọi chung là tự thẹn.

Thế nào là mạn? Nghĩa là thấp kém mà cho rằng mình hơn, hoặc đối người cao thì bảo mình ngang hàng. Do đó mà khởi lên lòng kiêu mạn. Đã - đang và sẽ kiêu mạn mãi, tâm luôn ý thế cậy mình, tâm luôn tự ngạo cố bảo thủ mình, gọi chung là mạn.

Thế nào là quá mạn? Nghĩa là mình bằng người khác thì bảo là mình hơn, hoặc đối với kẻ hơn mình thì bảo là mình ngang họ. Do đó mà khởi sự kiêu căng khinh lờn mọi người..., cho đến luôn tự ngạo cố bảo thủ, gọi chung là quá mạn.

Thế nào là mạn quá mạn? Nghĩa là đối với kẻ hơn mình thì bảo rằng mình hơn họ. Do đó mà khởi lên kiêu mạn..., cho đến tự ngạo cố

bảo thủ mình, gọi chung là mạn quá mạn.

Thế nào là ngã mạn? Nghĩa là đối với năm uẩn mà theo đó nhìn thấy có ngã và ngã sở (có ta và những cái thuộc ta). Do đó mà khởi lên lòng kiêu mạn..., cho đến tự ngoan cố bảo thủ mình, gọi chung là ngã mạn.

Thế nào là tăng thượng mạn? Nghĩa là chưa được thì bảo là đã được, chưa nhận được thì bảo là đã nhận được, chưa tiếp xúc đặng tới thì bảo là đã tiếp xúc đặng tới, chưa chứng thì bảo là đã chứng. Do đó mà khởi lên kiêu mạn..., cho đến tự ngoan cố bảo thủ mình, gọi chung là tăng thượng mạn.

Thế nào là ty mạn? Nghĩa là đối với kẻ hơn nhiều thì tự thấy mình quá thiếu kém. Do đó mà khởi lên lòng kiêu mạn..., cho đến lòng luôn tự ngoan cố bảo thủ mình, gọi chung là ty mạn.

Thế nào là tà mạn? Nghĩa là mình không có phước đức mà bảo là có phước đức. Do đó mà khởi lên sự khinh khi kiêu mạn..., cho đến lòng ngoan cố tự bảo thủ mình, gọi chung là tà mạn.

Thế nào là kiêu mạn? Nghĩa là có một người suy nghĩ: Dòng dõi của ta từ gia tộc, sức khỏe, sắc đẹp, sự nghiệp nghề nghiệp khéo léo, hoặc có tiền bạc, quả vị, hay giới định tuệ v.v..., mỗi thứ đều tuyệt vời tốt lành tốt bậc. Do đó mà khởi lên kiêu ngạo, say mê càng say mê, mê mẩn càng mê mẩn, lòng luôn hống hách, tâm tự buông lung luôn tự bảo thủ mình sinh khởi đủ mọi thứ, kiêu kỳ cao ngạo, tự tôn hách dịch, tính chất của lòng tự cao khinh người, gọi chung là kiêu mạn.

Thế nào là phóng dật? Nghĩa là đối với các cách đoạn trừ pháp bất thiện và chứa nhóm các pháp thiện... thì không chịu tu tập rèn luyện, không luôn thực hành thực nghiệm, buông bỏ không tu tập các pháp hạnh..., gọi chung là phóng dật.

Thế nào là kiêu ngạo? Nghĩa là có một người, kẻ đáng cúng dường thì chẳng cúng dường, đáng cung kính mà không cung kính, đáng tôn trọng mà không tôn trọng, đáng khen ngợi mà không khen ngợi, đáng thăm hỏi mà không thăm hỏi, đáng lễ bái mà không lễ bái, đáng đón tiếp mà không đón tiếp, đáng mời ngồi nhường dường mà không mời ngồi, nhường dường... Do đó mà thân phát sinh không chịu nhún nhường khuất phục, không đều nhún nhường khuất phục, không rất nhún nhường khuất phục. Thân xác xược ngạo nghễ, gọi chung là kiêu ngạo.

Thế nào là nổi giận? (Phấn phát) Nghĩa là tính chất của thân bị giam cầm hãm hại, tâm bị giam nhốt hãm hại, tính chất của thân và tâm nổi giận bùng bùng, đã - đang và sẽ nổi giận bùng bùng uất ức, gọi

chung là phẩn phát, bưng bưng uất tức.

Thế nào là hư giả lừa dối? Nghĩa là có người quá tham lam vì muốn được cúng dường, vì các thứ đồ dùng, vì muốn được cung kính, được ngợi khen nên nhổ bỏ râu tóc, nằm trần truồng trên tro than, bước đi từng bước gằm đầu ngó xuống, hoặc hét to tiếng làm oai trình diễn tài nghệ của mình, hoặc làm các việc khổ hạnh v.v..., đều gọi chung là hư giả lừa dối.

Thế nào là lừa dối quỷ quyết? Nghĩa là có người quá tham lam vì muốn được cúng dường tôn trọng v.v... như trước đã nói bèn đến nhà người khác mà bảo rằng: Ông nay là người rõ có phước được các bậc Hiền Thánh đến nhà, là các vị đọc tụng thọ trì biết bao kinh điển pháp luật, khéo léo giảng nói pháp bí yếu truyền ký, (truyền giao) pháp diệu nhân, đã từng sáng tác các bộ luận, hạng người chỉ thích ở chốn A-nhã-luyện, chỉ mặc có ba y, thích đi lễ khắp nơi, ưa mặc áo phẩn tảo xấu xí, thích tu hạnh khát thực, ngày chỉ ăn một lần, ăn chỉ một bát, ngồi ăn một mình, hạng thích ở bên gốc cây hoặc ở đất trống, hay trên các gò mả. Thích ngồi mãi chẳng nằm hoặc tùy nơi mà ngồi tạm. Đã được quán bất tịnh, được pháp quán hơi thở, đã chứng được bốn tĩnh lự, đã được bốn pháp vô lượng, bốn pháp vô sắc, đã chứng được bốn Thánh quả, đã được sáu thông tuệ, đã chứng được tám giải thoát... Chỉ có các bậc Hiền Thánh đó mới đến nhà của ông và đáng được ông cúng dường cung kính tôn trọng tán dương ngợi khen. Họ là chỗ nương dựa của ông, nhưng đức hạnh của tôi đây so với hạng người đó không hề thua kém chút nào. Nay tôi đến nhà ông chắc chắn chẳng mong được giống như họ, ông hãy nên cúng dường tôn trọng... Đó gọi là nguy trá (quỷ quyết dối lừa).

Lại còn có kẻ lừa dối nữa, là cũng vì được cúng dường tôn trọng v.v... như trước nói, liền đến nhà người khác mà bảo: Ông nên nghĩ tôi đáng bậc cha mẹ của ông, còn tôi thì xem ông không khác gì con trai con gái thân thiết của tôi. Vậy từ nay trở đi ta nên kết làm thân quyến ruột thịt, vui buồn vinh nhục đều cùng có nhau. Trước khi hiện đến cõi thế gian này, ai cũng trôi nổi nhưng tôi là Sa-môn thích tử. Từ nay trở đi đều nên xưng tụng coi tôi như là bậc Sa-môn của gia đình ông. Tất cả mọi thứ tôi cần như các vật dụng hàng ngày trong đời sống, y phục thuốc men v.v..., ông đều nên cúng dường đầy đủ. Nếu ông không làm được, tất nhiên tôi đành cáo biệt để đến nhà vị thí chủ kính tín khác, chẳng lẽ ông không thấy nhục sao?... Các việc làm như thế đều không thật, chỉ là phương cách đặt điều nói ra như thế, gọi chung là lừa dối.

Thế nào là hiện tướng (làm ra vẻ)? Nghĩa là có vẻ quá tham lam vì muốn được tôn trọng cúng dường như đã nói..., nên đến nhà người khác mà nói: Này ông bà hiền sĩ, tất cả y này, bát này, các ngọa cụ nằm ngồi đây, các quần áo đẹp đẽ này mà tôi có được thì thật là cần thiết lắm, các vị nên luôn luôn ủng hộ giúp đỡ, đây là phước đức của quý vị. Nếu quý hiền sĩ bỏ mặc thì còn biết ai sẽ ra tay ban ơn giúp đỡ cho đây? Do cách làm này mà nhận được nhiều lợi nhuận, nên gọi là hiện tướng (làm ra vẻ).

Thế nào gọi là nói kích thích tha thiết? Nghĩa là có kẻ lắm tham lam cũng vì muốn được cúng dường quý trọng như trên v.v..., nên đến nhà người khác nói lời như vậy: Cha mẹ của các người có đầy đủ tịnh tín, giới hạnh đa văn, xả và tuệ, nhờ nghiệp thiện đó mà các vị ấy đã được sinh lên cõi trời và được giải thoát. Nhưng nay nếu các người không còn giữ tịnh tín giới hạnh đa văn - tuệ và xả..., đã không làm các nghiệp thiện, sau này đến lúc lâm chung sẽ bị đọa vào các đường dữ, chừng ấy biết làm sao đây? Cứ như thế mà than vãn khen chê chỉ cốt cầu lợi, nên gọi chung là kích ma.

Thế nào là dùng lợi cầu lợi? Nghĩa là có một người trước đây từ nhà một người khác mà xin được y bát, cùng với người này coi thân như một phần sinh mạng của chính mình. Người này lại mang y bát đến nhà một người khác mà trình bày rằng: Ở nhà ông bà ấy đã cho tôi vật này. Chính ông bà thí chủ này đã bao lâu nay luôn luôn cung cấp cho tôi y bát và mọi thứ vật dụng v.v..., vậy nay ông bà cũng nên như ông bà thí chủ kia mà làm nơi nương dựa cho tôi. Đây là dựa vào phước tiện trước mà nhận được lợi sau. Như thế gọi chung là dùng lợi mà cầu lợi.

Thế nào là ác dục (ham muốn xấu)? Nghĩa là có một người thật tình không hề đọc tụng thọ trì kinh luật hay các pháp đối trị..., rộng nói cho đến thật sự chẳng chứng được tám giải thoát, nhưng lại muốn người khác tưởng mình là thật có đọc tụng thọ trì kinh luật và các pháp đối trị..., nhân đó sẽ được cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi mà làm chỗ nương cậy. Lại tự mình thật sự không có các pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và sự xuất ly, nhưng lại vì người khác mà tuyên nói chỉ bày chứng tỏ rằng mình đã được chứng. Các loại như thế thì gọi chung là ác dục.

Thế nào gọi là ham muốn to (đại dục)? Nghĩa là có người quá tham lam, vì muốn có được của cải tiền bạc rộng lớn..., nên khởi lên lòng ham muốn đã và sẽ ham muốn mãi. Gọi chung là ham muốn to.

Thế nào là làm sáng tỏ dục? Nghĩa là có một người thật tình có

đọc tụng thọ trì kinh luật và pháp đối trị... Rộng nói cho đến được niệm trì tức (giữ hơi thở) và được các quả Dự lưu và Nhất lai. Nhưng chỉ vì không có tiếng tăm, mọi người không biết đến, nên có ý muốn người khác biết được mình có đức này, nhân đó sẽ có được các sự cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi mà có chỗ cậy nhờ... Và người này chính mình có các pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và lìa bỏ, nên vì người khác tuyên nói chỉ bày rõ ràng mình đã được chứng, các loại như thế gọi là hiển dục (trình bày ý muốn).

Thế nào gọi là không hỷ tức? (không vui biết đủ) Nghĩa là có một người đối với các sắc - thanh - hương - vị - xúc và những thứ vật dụng khác mà mình đã có được, chẳng sinh lòng biết hỷ tức, biết vừa đủ. Cứ mãi ham muốn mong cầu có được nhiều nữa, nên gọi chung là không biết hỷ tức.

Thế nào gọi là chẳng cung kính? Nghĩa là có một người, như có vị thân giáo sư hay cùng loại thân giáo sư, vị quý phạm sư hay cùng một loại quý phạm và một loại người khác đáng tôn quý tin tưởng đến làm bè bạn đúng pháp mà bảo người ấy rằng: Kể từ nay trở đi, anh đừng nên có thói xấu thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp, chớ nên làm việc không nên làm, đừng gần gũi giao du với bạn bè xấu, chớ có tạo nghiệp đọa vào ba đường dữ. Họ khuyên răn dạy bảo như thế đúng pháp hợp thời. Đối với việc tu tập đạo pháp tùy thuận dùi mài, thêm lớn vẻ trang nghiêm, luôn an ủi khuyến dụ, giúp đỡ tư lương tài vật. Nhưng người này lại không vui mừng mến thích. Đối với lời thầy nói, thì luôn trái nghịch làm ngược lại, không hề nghe theo lẽ phải, lại chê bai bài bác chẳng chịu sửa chữa trừ bỏ. Các việc như thế gọi là không cung kính.

Thế nào là nói lời hung dữ? Nghĩa là có một người, như có vị thân giáo sư hay cùng loại như thế, hoặc quý phạm sư (thầy giới luật) hoặc cùng loại như thế, hay là có một hạng người đáng tôn trọng đến làm bè bạn và dùng pháp nói: Từ nay trở đi, anh đừng nên có thói xấu thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp, chớ làm những chuyện không nên làm, chớ giao du gần gũi bạn xấu, chớ tạo các nghiệp ác mà phải đọa vào ba đường dữ. Cứ như thế đúng pháp hợp thời mà khuyên răn dạy bảo. Đối với việc tu tập đạo pháp tùy thuận dùi mài, thêm lớn vẻ trang nghiêm, luôn an ủi khuyến dụ, giúp đỡ tư lương tài vật. Nhưng người ấy không vui mừng ưa thích. Đối với lời dạy bảo của bậc thầy thì luôn trái lời làm ngược lại, không hề nghe theo lẽ phải, còn chê bai bài bác chẳng chịu sửa chữa lầm lỗi. Trái lại dùng lời mắng chửi các vị đáng bậc thầy đó. Các việc như thế gọi là nói lời hung ác.

Thế nào là thích bạn dữ? Nghĩa là có một người ưa thích gần gũi đám bạn xấu, dữ. Nói là bạn xấu, nghĩa là các đám người mổ giết dê gà heo bắn chim bắt cá, săn thú trộm cướp, cầm đầu bọn dữ, làm nem chả, làm cai ngục giữ tù, nấu thịt chó, và đặt bẫy giăng lưới... Đó gọi là bạn xấu dữ. Lại có một loại người phá hủy giới cấm (thi la), quen thói làm ác. Trong lòng ôm chứa mọi điều hư xấu, tệ hại, bên ngoài hiện vẻ kiên trinh, trong trắng. Loài sên dơ bẩn tiếng kêu the thé, làm hạnh trâu chó. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, thật không phải phạm hạnh mà tự bảo là phạm hạnh..., thì cũng gọi là bạn xấu. Các loại bạn xấu như thế, thường gần gũi phục dịch, phụng thờ tùy thuận mến thương ưa thích, nên gọi là ưa thích bạn xấu, bạn dữ.

Thế nào là không chịu nổi? Nghĩa là có một loại người không thể chịu đựng được các thứ đụng chạm tiếp xúc với lạnh nóng, đói khát, gió mưa, rấn rít, ruồi muỗi..., và bao nhiêu khổ sở khác. Lại có một loại người đối với sự hung dữ bạo ác của người khác mà gây ra cho thân mình cái tâm tàn bạo hung ác dữ dần có thể giết chết, hoặc gây bao khổ sở đốn đau, hoặc lời nói thô tục dữ dần..., thì không thể chịu đựng nổi. Như vậy các việc vừa nói ở đây và ở trước, gọi chung là không thể chịu đựng được (không thể chịu nổi).

Thế nào là đam mê ham thích khắp nơi ham thích? Tức là bậc dưới của sự ràng buộc do tham-sân-si thì gọi là ham mê, còn ở bậc trung của sự ràng buộc do tham-sân-si thì gọi là khắp nơi đam mê ham thích. Lại có chỗ nói ở bậc trung của sự ràng buộc do tham-sân-si thì gọi là ham mê, còn ở bậc cao của sự ràng buộc do tham-sân-si thì gọi là khắp nơi đam mê ham thích.

Thế nào là tham nhiễm? Nghĩa là đối với các dục, các thứ tham lam đều tham..., cho đến chủng loại của tham, thứ sinh ra tham..., gọi chung là tham nhiễm.

Thế nào là tham phi pháp? Nghĩa là đối với mẹ, vợ, hầu thiếp, chị em gái và các bà con phụ nữ khác..., thì khởi lên các tham nhiễm ham thích tất cả, bám lấy giấu cất giữ gìn, đắm mê, yêu thương v.v..., thì gọi chung là tham phi pháp (trái pháp).

Thế nào là say mê tham? Nghĩa là đối với của cải tiền bạc và các thứ thuộc về mình thì đều ham thích tất cả, luôn muốn bám lấy nhóm chứa, cất giấu, giữ gìn, ham thích, đắm mê, giữ chặt... thì gọi là tham ác. Lại còn tham ác là có thói quen hoặc mưu toan đối với mạng sống của loài khác, người khác mà ham thích các thứ da, sừng v.v..., hoặc ăn thịt, uống máu..., cả hai thứ vừa nói đều gọi là tham ác (tham dữ).

Thế nào là thân kiến? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn này mà khởi lên cái tưởng về ta và những cái thuộc về ta (ngã, ngã sở). Do đây mà sinh ra cái thứ ham thích mê đắm quý chuộng cái thân, nên gọi là thân kiến (thấy có thân).

Thế nào là có chấp? Nghĩa là đối với ngã và cõi thế gian này mà khởi sinh cái tưởng cho là nó còn mãi. Do đây mà sinh ra nhìn thấy ham thích mê đắm quý chuộng. Đó gọi là có kiến (chấp).

Thế nào là không có chấp? Nghĩa là đối với ngã và cõi thế gian này, sinh khởi ý tưởng rằng nó không còn hoài. Do đây mà sinh ra nhìn thấy chịu đựng ham thích, nên gọi là chấp không có.

Thế nào là tham dục? Nghĩa là đối với các cảnh dục khởi sinh lòng ham thích mừng vui, cầu mong đến tới, có được..., thì gọi là tham dục. Có chỗ nói là: Đối với các cảnh dục thì có các điều tham cả..., cho đến các loại tham, thứ sinh ra tham..., gọi chung là tham dục.

Thế nào là sân giận? Nghĩa là đối với các loài hữu tình luôn muốn gây tổn hại đau khổ. Trong lòng luôn chứa sự tàn độc dữ dằn..., cho đến hiện tại đang gây ra tai họa, gọi chung là giận hờn.

Thế nào là hôn trầm? Nghĩa là tính chất nặng nề của thân, của tâm..., cho đến mịt mờ rối rắm, mê muội..., gọi chung là hôn trầm.

Thế nào là mê ngủ? Nghĩa là ngủ mê không hề đảm trách coi sóc công việc, tính chất của tâm luôn mê mờ sơ suất, nên gọi là mê ngủ.

Thế nào là trạo cử (khuấy động)? Nghĩa là tâm không vắng lặng yên tĩnh, luôn khuấy động và đều khuấy động tất cả, tính chất của tâm khuấy động, gọi chung là trạo cử (luôn khuấy động).

Thế nào là ăn năn? Tức là tâm biến dời cảm tức bực dọc, tâm hối tiếc việc làm ác của mình, tính chất của ăn năn, gọi chung là ăn năn.

Thế nào là nghi ngờ? Nghĩa là tâm ngờ vực đối với Phật Pháp Tăng và khổ - tập - diệt - đạo, lừng chừng đôi ngã, lưỡng lự..., cho đến chẳng dứt khoát một lối, nên gọi chung là ngờ vực (nghi ngờ).

Thế nào là rối rắm mê muội? Nghĩa là tính chất nặng nề của thân và tâm, tính chất của thân và tâm không đảm trách công việc được, tính chất rối rắm mê muội của thân và tâm. Đã - đang và sẽ mê muội rối rắm mãi, nên gọi chung là rối rắm mê muội.

Thế nào là không vui? Nghĩa là như có một người được các vị thân giáo sư tốt hoặc cùng loại, các thầy quý phạm tốt hoặc cùng loại, hoặc một vị khác giống như thế đáng quý trọng, đáng tin cậy đến làm bạn rồi khuyên bảo truyền dạy nhắc nhở việc giữ niệm tư duy..., cho đến phòng xá ngoại cụ. Nhưng tâm người này không vui mừng mến mộ yêu thích

mà lại buồn bã lo lắng thảm thiết..., gọi chung là không vui.

Thế nào là nằm dài ra ngáy ợ ngáp? Nghĩa là hạ thấp mình xuống, tức là nằm dài ra tay chân duỗi ra..., thì gọi là nằm dài ra, môi há hốc mà ngủ ngáy ợ ngáp.

Thế nào là ăn uống không điều độ? Nghĩa là không ăn uống hoặc ăn uống quá sức, quá độ lượng, hoặc ăn uống tạp nhạp ai mà sinh ra khó chịu, gọi chung là ăn uống không điều độ.

Thế nào là tâm có tính chất mê mờ yếu kém? Tức là tâm mê mờ tối yếu kém, co quắp teo tóp lại, gọi chung là tâm mê mờ yếu kém.

Thế nào là các thứ tưởng? Nghĩa là có sự che lấp buộc trói, có các thứ nhiễm ô tội lỗi và các thứ nhiễm ô về sắc - thanh - hương - vị - xúc, các tướng bất thiện, các tướng phi lý, các tướng làm chướng ngại định..., gọi chung là các thứ tưởng.

Thế nào là không tác ý? Nghĩa là đối với pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và xa lìa thì không hề phát sinh, không nhớ nghĩ, không suy tư mãi mãi, tâm không hề tỉnh giác, gọi chung là không tác ý.

Thế nào là thô trọng? Nghĩa là tính chất nặng nề của thân và tâm, tính chất của thân và tâm không đảm trách được công việc, tính chất căng cứng cứng đầu của thân và tâm, tính chất của thân và tâm không điều hòa, không dịu dàng hiền lành..., gọi chung là thô trọng.

Thế nào là xúc phạm thô tháo? Lại có một loại người khi trao thức ăn cho người thì ai xin chín cho sống, ai xin sống cho chín, xin to cho nhỏ, xin bé cho to, cho không bình đẳng, không đúng pháp, đối với việc đáng biết thì không biết, với người đáng cho thì không cho. Bất cứ việc gì luôn làm trái ngược lời nói, nên gọi là xúc phạm đường đột.

Còn có một loại người khi các thân giáo sư hay người cùng loại, có quý phạm sư hay người cùng loại, có một hạng người nào đó đáng tôn trọng tin tưởng đến cùng làm bạn và bảo rằng: Nay thầy ơi, đối với sự việc và các nghiệp đó thì nên làm như thế này, thế này theo các thứ lớp của nó.... Người ấy tự nghĩ: Việc gì nghiệp nào mà khiến ta phải làm theo thứ tự như thế? Rồi trong đó luôn làm nghịch lại lời nói. Đó gọi là xúc phạm đường đột.

Lại có một loại người hoặc tự mình đến xin tạ lỗi, hoặc người khác dạy nên tạ lỗi, hoặc tự mình có việc thưa mời hay người khác bảo nên thưa mời, thì các việc đó thường làm trái ngược lời nói. Đó gọi là xúc phạm đường đột. Như thế, nếu có khi phải cắt sửa quần áo hay gây dựng sự nghiệp..., thì cũng luôn làm trái ngược lời nói... Gọi chung là

xúc phạm đường đột.

Thế nào là gọi là kẻ ham ăn? Nghĩa là có một loại người khi phân chia tiền của (tài lợi) thì bỏ một lấy một, tánh tham không nhất định. Đó gọi là xan. Trước và sau buổi ăn thường đến chỗ ăn uống để tìm ăn những thứ họ thích, ngon dở không nhất định, nên gọi là xan. Phần này và phần trước đã nói, gọi chung là xan xan (ham ăn).

Thế nào là tánh không hòa nhã mềm dịu? Nghĩa là tâm cứng cõi, ương ngạnh, ngang bướng, tâm không sáng sủa, tâm không thấm nhuần linh hoạt, tâm không nhu nhuyễn dịu dàng, tâm không chịu đựng được (kham nhẫn), gọi chung là tánh không hòa nhã mềm dịu.

Thế nào là tánh không điều nhu? Nghĩa là thân cương cứng cõi, thân ương ngạnh, ngang bướng, thân không sáng sủa, thân không tươi nhuận linh hoạt, thân không mềm mỏng, thân không chịu làm việc gọi chung là tánh không điều nhu.

Thế nào là không thuận hợp với đồng loại? Nghĩa là có một loại người đối với thân giáo sư hay người cùng loại, vị quý phạm sư hay người cùng loại hoặc có người đáng quý trọng tin tưởng đến làm bạn, thì người này không chịu tùy thuận. Đó gọi là không thuận hợp với đồng loại.

Thế nào là dục tâm? Nghĩa là tham dục tương ứng với các tâm cầu của tâm, tâm cầu khắp nơi tâm cầu gần, tâm rõ ràng, rất rõ ràng, hiện tiền rõ ràng suy tìm xét đoán, suy nghĩ phân biệt..., gọi chung là dục tâm.

Thế nào là nhuế tâm? Nghĩa là giận hờn tương ứng với các tâm cầu của tâm, khắp nơi tâm cầu..., cho đến suy nghĩ phân biệt, gọi chung là nhuế tâm.

Thế nào là hại tâm? Nghĩa là hại tương ứng với các tâm cầu của tâm, khắp nơi tâm cầu..., cho đến suy nghĩ phân biệt, gọi chung là hại tâm.

Thế nào là kết thân lý tâm? Nghĩa đối với xóm làng thân thiết, muốn khiến cho an vui, được gặp bạn tốt không có nào hại khổ sở buồn rầu, thành tựu được tất cả pháp không gây nào hại, sầu khổ cho ai. Vua quan đều thương mến quý trọng, người cả nước đều tôn kính mến mộ, lúa đậu ngô khoai trúng mùa, mưa gió đúng lúc. Do các duyên đó mà khởi tâm tâm cầu, tâm cầu khắp nơi cho đến suy nghĩ phân biệt, gọi chung là thân lý tâm.

Thế nào là quốc độ tâm (Đất nước - Tổ quốc)? Nghĩa là đối với mọi người trong đất nước thân yêu, muốn cho họ đều được an vui...,

rộng nói cho đến mưa gió thuận hòa. Do các duyên này mà khởi tâm tầm cầu..., cho đến suy nghĩ phân biệt, gọi chung là quốc độ tầm.

Thế nào là không chết tầm? Nghĩa là có một loại người nghĩ: Đối với giáo pháp của Phật nói về các thứ thiền định cao quý, ta chưa hề tu tập. Vậy trước hết ta nên đọc tụng thọ trì các kinh điển giới luật, pháp đối trị, rồi vì tất cả loài hữu tình mà tuyên nói pháp yếu, các câu chuyện (truyện ký), sáng tác các bài luận thuyết, chú thích giải nghĩa các kinh (sớ). Thường ở chốn A-luyện-nhã, chỉ đắp ba y... Rộng nói tùy có chỗ mà ngồi. Làm các việc đó xong rồi, sau đó mới tu tập thiền định.

Lại có một loại người suy nghĩ: Đối với giáo pháp Đức Phật nói về các thứ thiền định cao quý ta chưa hề tu tập. Vậy trước hết ta cần nên đi thăm viếng núi sông đất nước, vườn tược rừng rậm, ao chum, núi cao, hang động, gò nổng đồi nương trồng trái..., lễ bái khắp hết thấy, dạo thăm các chốn tông lâm chùa chiền... Đợi xong các việc đó rồi, thì mới tu tập thiền định.

Lại có một số người suy nghĩ: Đối với giáo pháp của Phật nói về các thứ thiền định cao quý ta chưa hề tu tập. Vậy hãy đợi qua bảy năm, sáu năm, năm, bốn, ba, hai, một năm hoặc bảy tháng cho đến một tháng, hoặc qua bảy ngày cho đến một ngày, hoặc qua ngày này, qua đêm kia, qua thời giờ đã..., rồi sau đó sẽ tu tập thiền định. Người suy nghĩ như thế đâu biết rằng các sự nguy hiểm và vô thường đang chờ chờ bên mạng sống của mình, nên khởi tâm tầm cầu, khắp nơi tầm cầu, cho đến duy tư phân biệt, gọi chung là bất tử tầm.

Thế nào là tầm miệt thị khi dễ người? Nghĩa là có một loại người suy nghĩ: Dòng dõi của ta, kể về gia tộc, sắc đẹp, sức khỏe, nghề nghiệp đều khéo léo tinh xảo, gia sản sự nghiệp hoặc tiền của địa vị và giới định tuệ v.v..., tùy theo mỗi thứ thấy đều hơn hẳn mọi người... so với chốn khác, cậy vào các sự việc đó mà sinh lòng khinh miệt coi rẻ tất cả. Do đó mà khởi tâm tầm cầu, khắp nơi tầm cầu, cho đến suy nghĩ phân biệt, gọi chung là tầm khinh dễ người.

Thế nào là tầm nhờ cậy dòng họ? Nghĩa là có một loại người đối với nhiều người không phải bà con nhưng cậy nhờ làm bà con thân thuộc, nên muốn cho tất cả đều được an vui, kết giao làm bạn bè tốt không có nào hại. Cũng thành tựu tất cả các pháp không có nào hại sầu lo. Được vua quan thương mến quý trọng, được người khắp nước ái mộ kính yêu. Lúa thóc đều trúng mùa, mưa hòa gió thuận. Do duyên này mà khởi tâm tầm cầu, khắp nơi tầm cầu..., cho đến suy tư phân biệt. Gọi chung là tầm nhờ cậy dòng họ.

Thế nào là sầu buồn? Nghĩa là có một loại người nhân việc cha mẹ, anh em, chị em, thầy tổ, bạn bè... chẳng may qua đời, hoặc bà con xa lìa mất cả, hoặc tiền của địa vị tất cả đều bị tiêu tán, khiến cho người này trong lòng hết sức bức bối dữ dần cay đắng khó chịu muốn chết đi được. Trong lúc đó tâm người này rất nóng nảy khó chịu, bên trong nóng, khắp nơi nóng nảy bứt rứt..., liền sinh ra sầu buồn. Đã và sẽ buồn mãi, như tim bị trúng tên độc sầu buồn. Gọi chung là sầu buồn.

Thế nào là than thở? Nghĩa là có một loại người bởi vì cha mẹ, anh em, chị em, thầy tổ, bè bạn... chẳng may qua đời..., khiến cho họ đến nỗi khó chịu muốn chết đi được. Bây giờ người ấy lòng nóng bứt rứt..., cho đến như tim bị trúng tên độc sầu buồn. Do duyên cơ đó mà cất lời đôn đau than thở: Cha ta mẹ ta... Rộng nói cho đến tất cả tiền tài địa vị của ta vì sao chỉ trong một sớm mà bỗng đến nỗi này chẳng? Trong các lời than thương oán trách đó cùng mọi thứ ngữ nghệp (nghệp vì lời nói), thì gọi chung là than thở.

Thế nào là khổ? Nghĩa là các cảm xúc (thọ) năm thức tương ứng với chuyện bất bình, gọi chung là khổ.

Thế nào là lo? Nghĩa là các cảm xúc (thọ) của ý thức khi tương ứng với chuyện bất bình, gọi chung là lo.

Thế nào là rối rắm buồn rầu? Nghĩa là lòng luôn rối rắm buồn rầu. Đã và sẽ rối rắm buồn rầu mãi. Tính chất của buồn rầu rối rắm. Chủng loại của rối rắm buồn rầu, gọi chung là buồn rầu rối rắm.

Từ tham-sân-si... cho đến rối rắm buồn rầu (nhiều nã), đều gọi là tạp sự. Đối với những tạp sự này, nếu ai cố công đoạn dứt một thứ thì nhất định sẽ có thể không trở lại cõi thế gian này nữa. Vì khi đoạn một thứ, thì các thứ khác sẽ theo đó mà dứt. Cho nên Phật bảo đảm người đó nhất định sẽ đạt được việc không còn trở lại nữa.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 10

Phẩm 17: CĂN

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Khi đó, có một vị Phạm chí là Sinh Văn đến chỗ Phật chấp tay cung kính bạch Phật: Con có đôi điều muốn hỏi Ngài Gotama cao quý, xin Ngài cho phép.

Đức Thế Tôn bảo vị Phạm chí: Thấy cứ tự do hỏi, tôi sẽ giải đáp đầy đủ.

Vị Phạm chí hỏi: Căn có bao nhiêu thứ?

Đức Thế Tôn bảo: Căn có hai mươi hai thứ:

1. Nhãn căn.
2. Nhĩ căn.
3. Tỷ căn.
4. Thiệt căn.
5. Thân căn.
6. Ý căn.
7. Nữ căn.
8. Nam căn.
9. Mạng căn.
10. Lạc căn.
11. Khổ căn.
12. Hỷ căn.
13. Ưu căn.
14. Xả căn.
15. Tín căn.
16. Tinh tấn căn.
17. Niệm căn.
18. Định căn.

19. Tuệ căn.
20. Vị tri đương tri căn.
21. Dĩ tri căn.
22. Cụ tri căn.

Hai mươi hai loại căn này bao gồm tất cả các căn khác. Bấy giờ, Phạm chí nghe Đức Phật đã nói đầy đủ nên rất đổi vui mừng, cung kính chào Đức Phật và ra về.

1. Thế nào là Nhãn căn?

Đáp: Là mắt đối với Sắc đã-đang và sẽ thấy sắc với đồng phần của nó, đó là nhãn căn.

Lại nhãn là cái chính phát sinh nhãn thức, đối với sắc nó đã-đang-sẽ nhận rõ và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là nhãn căn. Lại mắt đối với sắc đã-đang-sẽ bị trở ngại và đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là nhãn căn. Lại mắt đã-đang-sẽ biến đổi đối với sắc và đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là nhãn căn. Hết thấy mắt là quá khứ hiện tại vị lai là vậy, gọi là nhãn căn, cũng gọi là những gì đã hiểu đã biết, đã thông suốt, đã biết khắp, đã đoạn, đã hiểu, đã thấy, đã được, đã tỉnh biết, đã hiện rõ và cùng hiện rõ, đã hiểu biết và cùng hiểu biết, đã quán và cùng quán, đã suy xét, đã quyết định lựa chọn, đã tiếp xúc cùng tiếp xúc, đã chứng cùng chứng. Việc này là sao? Là sắc tạo ra do bốn đại hoặc địa ngục hoặc bàng sinh, hoặc cõi quỷ, trời người, trung hữu mà tu tập tạo nên. Hết thấy tên gọi, khác lời thêm lời, tướng cùng với tướng, đặt ra nói năng, gọi là mắt, là lĩnh vực của mắt, là giới hạn của mắt, gọi là nhãn căn, là thấy, là con đường, là dẫn đường, là trắng, là tịnh, là kho tàng, là cửa, là ruộng, là sự, là sông, là ao biển, là nhọt, là cửa nhọt, là bờ bến này. Nhãn căn là vậy, là lĩnh vực thâm nhiếp bên trong.

2. Thế nào là Nhĩ căn?

Đáp: Là tai đối với Thanh đã-đang-sẽ nghe tiếng, đối với đối tượng của nó, đó gọi là nhĩ căn.

Lại tai là chỗ phát sinh nhĩ thức, nó đã-đang-sẽ nhận rõ tiếng và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là nhĩ căn. Lại tai đã-đang-sẽ bị trở ngại đối với tiếng và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là nhĩ căn. Lại tai đã-đang-sẽ biến đổi đối với tiếng và đối tượng của nó, đó gọi là nhĩ căn. Như vậy hết thấy các tai vốn có trong quá khứ hiện tại vị lai, gọi là nhĩ căn cũng gọi là những gì đã biết... cho đến những gì đã chứng. Việc này là sao? Là tịnh sắc tạo ra do bốn đại, hoặc địa ngục, cho đến tu tạo nên, hết thấy tên gọi, khác lời thêm lời, tướng

cùng với tướng, đặt ra nói năng, đó gọi là tai, là lĩnh vực của tai, gọi là nhĩ căn (căn của tai), gọi là nghe, gọi là con đường cho đến gọi là bờ bến này. Như vậy, nhĩ căn là lĩnh vực thâm nhiếp bên trong.

3. Thế nào là Tỷ căn?

Đáp: Là mũi đối với Hương đã- đang - sẽ ngửi mùi và đối với đối tượng của nó cũng vậy, gọi là tỷ căn.

Lại tỷ căn là chỗ chính phát ra tỷ thức, nó đã - đang - sẽ nhận rõ mùi và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là tỷ căn. Lại mũi đã- đang - sẽ bị trở ngại đối với mùi và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là tỷ căn. Lại mũi đã - đang - sẽ biến đổi đối với mùi và đối tượng của nó, đó gọi là tỷ căn. Như vậy hết thấy mũi trong quá khứ hiện tại vị lai đều gọi là tỷ căn, cũng gọi là những gì đã biết cho đến những gì đã chứng. Việc này ra sao? Là tịnh sắc tạo ra do bốn đại, hoặc địa ngục, cho đến hoặc trung hữu, không phải là tu tạo nên. Hết thấy tên gọi, khác lời thêm tiếng, tướng cùng với tướng, đặt ra nói năng đều gọi là mũi, là lĩnh vực của mũi, là giới hạn của mũi, là tỷ căn, là ngửi, là con đường, cho đến gọi là bờ bến này. Như vậy, tỷ căn là lĩnh vực thâm nhiếp bên trong.

4. Thế nào là Thiệt căn?

Đáp: Là lưỡi đối với Vị đã - đang - sẽ nếm vị và đối với đối tượng của nó cũng vậy, gọi là thiệt căn.

Lại lưỡi là chỗ chính phát sinh thiệt thức. Nó đã- đang - sẽ nhận rõ mùi vị và đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là thiệt căn. Lại lưỡi đã- đang - sẽ bị trở ngại đối với vị và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là thiệt căn. Lại lưỡi đã- đang - sẽ biến đổi đối với vị và đối tượng của nó, cũng vậy đó gọi là thiệt căn. Như vậy hết thấy lưỡi trong quá khứ hiện tại vị lai, đều gọi là thiệt căn, cũng gọi là những gì đã biết cho đến những gì đã chứng. Việc này ra sao? Là tịnh sắc tạo ra do bốn đại, hoặc địa ngục, cho đến trung hữu chứ không phải là tu mà nên, hết thấy tên gọi, khác lời thêm tiếng, tướng cùng với tướng, đặt ra nói năng, đều gọi là lưỡi, là lĩnh vực của lưỡi là giới hạn của lưỡi, là thiệt căn, là nếm vị, là con đường, cho đến gọi là bờ bến này. Như vậy, thiệt căn là lĩnh vực thâm nhiếp bên trong.

5. Thế nào là Thân căn?

Đáp: Là thân đối với Xúc đã-đang-sẽ xúc chạm đối với cảm giác và đối với đối tượng của nó, đó gọi là thân căn. Lại thân là chỗ chính phát sinh thân thức, nó đã-đang-sẽ nhận rõ tiếp xúc và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là thân căn. Lại thân đã-đang-sẽ bị trở ngại đối

với tiếp xúc và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là thân căn. Lại thân đã-đang-sẽ biến đổi đối với tiếp xúc và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là thân căn. Như vậy, hết thấy thân trong quá khứ hiện tại vị lai, đều gọi là thân căn, cũng gọi là những gì đã biết cho đến những gì đã chứng. Việc này ra sao? Là tịnh sắc tạo ra do bốn đại, hoặc địa ngục cho đến trung hữu, không phải là tu mà nên, hết thấy tên gọi, khác lời thêm tiếng, tưởng cùng với tưởng, đặt ra nói năng, đều gọi là thân, là lĩnh vực của thân, là giới hạn của thân, là thân căn, là cảm giác, là con đường, cho đến gọi là bờ bến này. Như vậy, thân căn là lĩnh vực thân nhiếp bên trong.

6. Thế nào là Nữ căn?

Đáp: Là nữ - nữ thể - nữ tánh, là thể mạnh của nữ, tác dụng của nữ. Việc này ra sao? Là phần dưới rún, vùng trên đầu gối, hết thấy phần thịt của thân, gân mạch máu chảy tụ hội về đây. Nếu ở chỗ này, giao hội với nam căn thì phát sinh cảm giác thích thú như nhau, đó gọi là nữ căn.

7. Thế nào là Nam căn?

Đáp: Là nam-nam thể- nam tánh, là thể mạnh của nam, tác dụng của nam. Việc này ra sao? Là hết thấy phần thịt của thân từ dưới rún, vùng trên bắp đùi, gân mạch máu chảy tụ hội về đây. Nếu ở chỗ này, giao hội với nữ căn thì phát sinh cảm giác thích thú như nhau, đó gọi là nam căn.

8. Thế nào là Mạng căn?

Đáp: Là trong mọi hữu tình, với mọi sự tụ họp của nó không biến - không đổi - không hư - không mất, không tới không lui mà có đời sống, có tồn tại, sống được che chở, tùy lúc che chở, biến đổi, tùy lúc biến đổi, đó là mạng sống, là đời sống, là mạng căn.

9. Thế nào là Ý căn?

Đáp: Là ý đối với Pháp đã-đang-sẽ biết về pháp, đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là ý căn. Lại ý là chỗ chính phát sinh ý thức, nó đã-đang-sẽ nhận biết pháp và đối tượng của nó cũng vậy. Đó gọi là ý căn. Lại ý căn đã-đang-sẽ bị trở ngại đối với pháp và đối với đối tượng của nó cũng vậy, đó gọi là ý căn. Lại ý đã-đang-sẽ biến đổi đối với pháp và đối tượng của nó, cũng vậy đó gọi là ý căn. Như vậy, hết thấy ý trong quá khứ - hiện tại - vị lai, đều gọi là ý căn cũng gọi đó là sự hiểu biết... cho đến là chứng tất cả. Việc này ra sao? Nghĩa là các tâm - ý - thức, hoặc là địa ngục... cho đến trung hữu, hoặc do tu tập mà thành, hết thấy tên gọi, khác tiếng thêm lời, các tưởng cùng tưởng, đặt

ra nói năng, gọi là ý, là lĩnh vực của ý, là giới hạn của ý, là ý căn. Gọi là sự hiểu biết, là con đường..., cho đến gọi là bờ bến này. Ý căn như thế là lĩnh vực thâm nhiếp bên trong.

10. Thế nào là Lạc căn?

Đáp: Nghĩa là gặp các việc thuận lòng vui vẻ, khiến cho thân vui, tâm vui với cảm xúc (thọ) như nhau mà nhận giữ lấy, đó gọi là lạc căn. Lại còn khi tu đệ tam tĩnh lự thì có được hoan lạc khiến tâm vui với cảm xúc (thọ) như nhau mà nhận giữ lấy, đó gọi là lạc căn.

11. Thế nào gọi là Khổ căn?

Đáp: Nghĩa là gặp các việc thuận theo khổ khiến cho thân đau khổ, với cảm xúc không bình thường mà nhận giữ lấy, đó gọi là khổ căn.

12. Thế nào là Hỷ căn?

Đáp: Nghĩa là gặp các việc thuận với vui khiến cho tâm vui, với cảm xúc như nhau mà nhận giữ lấy, gọi là hỷ căn. Lại còn khi tu tĩnh lự thứ nhất-thứ nhì thì có niềm vui khiến tâm vui mừng với xúc cảm như nhau mà nhận giữ lấy, đó gọi là hỷ căn.

13. Thế nào gọi là Ưu căn?

Đáp: Nghĩa là gặp các việc thuận theo lo lắng khiến cho tâm lo sâu với cảm xúc không bình thường mà nhận giữ lấy, đó gọi là ưu căn.

14. Thế nào là Xả căn?

Đáp: Nghĩa là gặp các việc thuận với buông xả khiến cho thân và tâm đều buông xả, có cảm xúc không như nhau cũng không phải không như nhau mà nhận giữ lấy, đó là xả căn. Lại còn khi tu chưa đến được định hoặc ở khoảng giữa của đệ tứ tĩnh lự và định vô sắc thì có được sự không khổ không vui, khiến tâm buông xả, với cảm xúc (thọ) không như nhau cũng không phải không như nhau, mà nhận giữ lấy, đó gọi là xả căn.

15. Thế nào gọi là Tín căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện tạo nên do xuất gia và xa lìa, mà khởi lên các sự tin tưởng, tính chất của niềm tin, tính chất tin tưởng hiện tiền, tùy thuận chấp nhận ái mộ, tính chất của ái mộ, lòng luôn lắng đọng trong sạch yên tịnh, đó gọi là tín căn. Lại còn tín có học và tín vô học và tất cả các thứ tín phi học phi vô học, đều gọi là tín căn.

16. Thế nào gọi là Tinh tấn căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và xa lìa mà khởi lên các sự siêng năng chuyên cần, thấy rất mạnh mẽ, hăng hái tột độ khó ngăn cản được, lòng luôn cố gắng mãi không ngừng, đó

gọi là tinh tấn căn. Lại còn có học tinh tấn và vô học tinh tấn, cùng tất cả các thứ tinh tấn phi học phi vô học, đều gọi là tinh tấn căn.

17. Thế nào gọi là Niệm căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và xa lìa, mà khởi lên các niệm tùy niệm, chuyên niệm, nghĩ nhớ (ghi nhớ) mãi không quên mất, không thiếu sót, không mất pháp tánh, tâm luôn sáng suốt ghi nhớ lâu dài, đó gọi là niệm căn. Lại có niệm học và niệm vô học cùng tất cả các thứ niệm phi học phi vô học, đều gọi là niệm căn.

18. Thế nào gọi là Định căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện tạo nên do xuất gia và xa lìa, mà khởi lên các tâm đều trụ, trụ gần, an trụ, không phân tán, không loạn động, nhiếp giữ, luôn giữ gìn tất cả, tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh, đó gọi là định căn. Lại có định học và định vô học cùng tất cả các thứ định phi học phi vô học, đều gọi là định căn.

19. Thế nào gọi là Tuệ căn?

Đáp: Nghĩa là nương vào pháp thiện tạo nên do sự xuất gia và xa lìa, mà khởi lên các cách tuyển chọn đối với các pháp, tuyển chọn kỹ lưỡng cùng cực và rất cùng cực, hiểu rõ, đều hiểu rõ tất cả, hiểu rõ gần, thấu suốt tất cả, xét đoán thông minh, tuệ hành sáng suốt, Tỳ-bát-xá-na, đó gọi là tuệ căn. Lại còn tuệ học và tuệ vô học cùng tất cả các thứ tuệ phi học phi vô học, đều gọi là tuệ căn.

20. Thế nào là Vị tri đương tri căn?

Đáp: Nghĩa là người nào đã nhập vào hàng chánh tánh ly sinh thì sẽ phát sinh tuệ có học và tuệ căn, cùng các hạnh tùy tín, tùy pháp. Đối với bốn Thánh đế chưa hiện quán, thì nên hiện quán, do đó các căn sẽ chuyển đổi. Đó gọi là căn chưa biết thì nên biết.

21. Thế nào là Dĩ tri căn?

Đáp: Nghĩa là người đã thấy đế phát sinh tuệ có học và tuệ căn cùng đến thắng giải (tín hiểu tốt nhất), có sự thấy biết và thân chứng. Đối với bốn Thánh đế đã hiện quán, mà đã hiện quán tức là đã đoạn trừ các phiền não, cho nên các căn chuyển đổi. Đó gọi là căn đã biết.

22. Thế nào là Cụ tri căn?

Đáp: Nghĩa là bậc A-la-hán đã có tuệ vô học và tuệ căn, cùng tuệ giải thoát, đều giải thoát. Đối với bốn Thánh đế đã hiện quán, mà hiện quán tức là đã được hiện pháp lạc trụ (trụ vào pháp vui hiện đời), nên các căn chuyển đổi. Đó gọi là (căn biết đủ) cụ tri căn.

Phẩm 18: XỨ

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, có vị Phạm chí tên là Sinh Văn đến chỗ Phật chấp tay cung kính, dùng lời dịu dàng thăm hỏi Đức Thế Tôn. Phật cũng dịu dàng lịch sự thăm hỏi lại vị ấy. Sau khi thăm hỏi xong, vị Phạm chí ngồi sang một bên chấp tay cung kính bạch Phật: Con có đôi điều muốn hỏi Ngài Gotama cao quý, xin Ngài chỉ dạy tóm tắt.

Liên đó, Đức Thế Tôn bảo vị Phạm chí ấy: Thầy cứ mặc tình mà hỏi, tôi sẽ giải đáp đầy đủ.

Vị Phạm chí hỏi: Tất cả pháp, tại sao gọi là tất cả pháp?

Đức Thế Tôn bảo: Tất cả pháp tức là mười hai xứ. Ấy là:

1. Nhãn xứ.
2. Sắc xứ.
3. Nhĩ xứ.
4. Thanh xứ.
5. Tỷ xứ.
6. Hương xứ.
7. Thiệt xứ.
8. Vị xứ.
9. Thân xứ.
10. Xúc xứ.
11. Ý xứ.
12. Pháp xứ.

Đó là mười hai xứ. Lại có chỗ nói, các thứ này không phải là tất cả. Nói tất cả thì lại có pháp riêng biệt. Cái đó chỉ là nói chứ không phải là sự thật (cái có thật). Nếu có hỏi lại thì cũng chẳng hiểu biết gì cả. Và nếu sau này cứ mãi suy tư tìm xét thì chính mình lại càng mê muội mịt mờ. Vì tất cả pháp không phải là tình cảnh đó. Bấy giờ vị Phạm chí nghe lời Phật nói, hết sức vui mừng liền cung kính chào từ biệt ra về.

1. Thế nào là nhãn xứ (lĩnh vực của mắt)?

Đáp: Nghĩa là như nhãn căn (đã nói ở trước), nên phải nói rõ cái tướng của nó.

2. Thế nào là sắc xứ?

Đáp: Nghĩa là sắc được mắt đã - đang - sẽ thấy cùng đối tượng của nó, đó là sắc, lĩnh vực của sắc. Lại từ sắc là chỗ chính phát sinh ra nhãn thức, nó đã - đang - sẽ nhận rõ cùng đối tượng của nó, đó là sắc xứ. Lại

đối với mắt thì sắc đã - đang - sẽ biến đổi cùng đối tượng của nó, đó là sắc xứ. Như thế hết thấy sắc quá khứ - hiện tại - vị lai thì đều gọi là sắc xứ, cũng gọi nó là sự hiểu biết... cho đến gọi là chứng tất cả. Vậy là thế nào? Nghĩa là bốn đại tạo ra các thứ màu xanh- vàng- đỏ- trắng - mây - khói - bụi - sương - dài - ngắn - vuông - tròn - cao - thấp, bóng thẳng hay xiên, ánh sáng hay bóng tối, một khi bày rõ các sắc tướng thì gồm có sắc màu trộn lẫn nhau như đỏ tía, xanh ngọc bích, xanh lục, màu đen mốc màu cháo lòng và hết thấy thứ khác mà mắt thấy được, nhãn thức hiểu biết được và có được tên gọi, khác lời thêm tiếng, các tướng đều tướng, đặt ra nói năng, gọi là sắc, là giới hạn của sắc, là lĩnh vực của sắc, là bờ bên kia... Như vậy lĩnh vực của sắc là sự thâm nhiếp bên ngoài.

3. Thế nào là nhĩ xứ?

Đáp: Nghĩa là như nhĩ căn, nên phải nói rõ cái tướng của nó.

4. Thế nào là thanh xứ?

Đáp: Nghĩa là tiếng đã- đang được tai nghe thấy và có cùng đối tượng của nó, đó là lĩnh vực của tiếng. Lại từ tiếng mà tai chính là nơi phát sinh nhĩ thức, nó đã-đang- sẽ nhận rõ cùng đối tượng của nó, đó gọi là lĩnh vực của tiếng.

Lại đối với tai, tiếng đã-đang-sẽ gây trở ngại cùng đối tượng của nó, đó là lĩnh vực của tiếng. Lại đối với tai, tiếng đã-đang-sẽ biến đổi cùng đối tượng của nó, đó gọi là lĩnh vực của tiếng. Như thế qua ba thời quá khứ-hiện tại-vị lai, hết thấy tiếng có được đều gọi là thanh xứ, cũng gọi nó là sự hiểu biết... cho đến gọi là chứng tất cả. Vậy là thế nào? Nghĩa là bốn đại tạo ra các thứ tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng bước chân, tiếng thổi ốc, tiếng chuông rung, tiếng trống lớn bé, tiếng ca ngâm tiếng vịnh tán. Và bốn đại còn giúp đỡ cho sự va chạm, tiếp xúc tạo thành các tiếng nói năng trong suốt ngày đêm. Và hết thấy thứ tiếng mà tai nghe được, nhĩ thức nhận thức hiểu biết được, đã có tên gọi, khác tiếng thêm lời, các tướng đều tướng, đặt ra nói năng, gọi là tiếng, là giới hạn của tiếng, là lĩnh vực của tiếng, là bờ bên kia. Như vậy lĩnh vực của thanh là sự thâm nhiếp bên ngoài.

5. Thế nào là tỷ xứ?

Đáp: Nghĩa là như tỷ căn, nên phải nói rõ về tướng của nó.

6. Thế nào là hương xứ?

Đáp: Nghĩa là hương đã, đang sẽ được mũi ngửi thấy với đối tượng đó. Đó chính là hương xứ. Lại từ hương, mũi chính là chỗ chính phát sinh ra tỷ thức. Nó đã, đang sẽ nhận rõ nhận biết các mùi hương và đối

tượng của nó. Đó là hương xứ. Lại đối với mũi, hương đã-đang-sẽ gây trở ngại cùng đối tượng của nó, đó gọi là hương xứ. Lại đối với mũi, hương đã-đang-sẽ biến đổi cùng đối tượng của nó, đó là hương xứ. Như thế các thứ hương có được qua ba thời quá khứ-hiện tại-vị lai, đều gọi là hương xứ, cũng gọi nó là sự hiểu biết... cho đến gọi là chứng tất cả. Vậy là thế nào? Nghĩa là bốn đại tạo ra các thứ mùi hương của rễ, của thân cây, cành cây, lá hoa quả... hay mùi thơm, mùi thối, mùi bình thường và hết thấy mùi hương khác do mũi người được, tỷ thức nhận thức hiểu biết được, đã có tên gọi, khác tiếng thêm lời, các tướng đều tướng, đặt ra nói năng, gọi là hương, là giới hạn của hương, là lĩnh vực của hương, là bờ bên kia... Như vậy lĩnh vực của hương là sự thâm nhiếp bên ngoài.

7. Thế nào là thiệt xứ?

Đáp: Nghĩa là cũng như thiệt căn, cần phải nói rõ cái tướng của nó.

8. Thế nào là vị xứ?

Đáp: Nghĩa là vị được lưỡi đã - đang - sẽ nếm biết cùng đối tượng của nó, đó là vị xứ. Lại từ vị mà lưỡi là chỗ chính phát sinh ra thiệt thức, nó đã- đang - sẽ nhận rõ cùng đối tượng của nó, đó là vị xứ. Lại đối với lưỡi, vị đã-đang-sẽ gây trở ngại cùng đối tượng của nó, đó là vị xứ. Lại đối với lưỡi, vị đã-đang-sẽ biến đổi cùng đối tượng của nó, đó gọi là vị xứ. Như thế các vị đã có trong ba thời quá khứ-hiện tại-vị lai, đều gọi là vị xứ, cũng gọi nó là sự hiểu biết... cho đến gọi là chứng tất cả. Vậy là thế nào? Nghĩa là bốn đại tạo ra các thứ vị của rễ cây, thân cây, nhánh cây, lá- hoa - quả, vị của thức ăn, thức uống và các thứ rượu, vị đắng, vị chát- ngọt- cay- mặn- lạt, vị thích ý, vị trái ý, vị không ghét không ưa (vị bình thường). Và các thứ vị khác mà lưỡi đã nếm, thiệt thức đã nhận thức hiểu biết, nên có tên gọi, khác tiếng thêm lời, các tướng đều tướng, đặt ra nói năng gọi là vị, là vị giới, là vị xứ, là bờ bên kia. Như vậy lĩnh vực của vị là sự thâm nhiếp bên ngoài.

9. Thế nào là thân xứ?

Đáp: Nghĩa là như thân căn, nên phải nói rõ về tướng của nó.

10. Thế nào là xúc xứ?

Đáp: Nghĩa là thân đã - đang - sẽ chạm xúc cùng đối tượng của nó, đó là xúc xứ. Lại từ xúc là nơi chính phát sinh ra thân thức, nó đã- đang - sẽ nhận rõ cùng đối tượng của nó, đó là xúc xứ. Lại đối với thân, xúc đã-đang-sẽ gây trở ngại cùng đối tượng của nó, đó là xúc xứ. Lại xúc đã- đang - sẽ gây biến đổi cho thân cùng đối tượng của nó, đó là xúc xứ. Như thế các xúc có được từ ba thời quá khứ-hiện tại-vị lai, đều gọi

là xúc xứ, cũng gọi nó là sự hiểu biết... cho đến gọi là chứng tất cả. Vậy là thế nào? Nghĩa là bốn đại và bốn đại tạo ra các tính chất trơn- rít - nhẹ - nặng - lạnh - ấm, đói khát và hết thấy các thứ khác mà thân căn cảm giác được và thân thức hiểu biết được, nên có tên gọi, khác tiếng thêm lời, các tướng đều tướng, đặt ra nói năng, gọi là xúc, là giới của xúc, là xứ của xúc, là bờ bên kia. Như vậy lĩnh vực của xúc là sự thấu nhiếp bên ngoài.

11. Thế nào là ý xứ?

Đáp: Là như ý căn, cần phải nói rõ về tướng của nó.

12. Thế nào là pháp xứ?

Đáp: Nghĩa là pháp được ý đã - đang - sẽ nhận biết cùng đối tượng của nó, đó là pháp xứ. Lại từ pháp mà ý chính là chỗ sinh ra ý thức, nó đã- đang- sẽ nhận rõ, đó là pháp xứ. Lại đối với ý mà pháp đã-đang-sẽ gây trở ngại, đó là pháp xứ. Lại pháp đã - đang - sẽ biến đổi đối với ý, đó gọi là lĩnh vực của pháp. Như thế các pháp có cả ba thời quá khứ- hiện tại- vị lai, đều gọi là pháp xứ, cũng gọi nó là sự hiểu biết... cho đến gọi là chứng tất cả. Vậy là thế nào? Nghĩa là các thứ thọ - tưởng - tư, xúc - tác ý - dục - thắng giải - tín - tinh tấn - niệm - định- tuệ - tầm tư - phóng dật (buông lung), không buông lung, căn thiện - căn bất thiện - căn vô ký, tất cả các sự trói buộc của tùy miên, của tùy phiền não..., và các thứ có được mà trí hiện đang quan sát đạt được định vô tướng, được định diệt tận, sự vô tướng và mạng căn, trụ vào chúng đồng phân, có được sự, được xứ, được sinh - già - trụ - vô thường - danh thân - cú thân - văn thân - hư không - trạch diệt - không phải trạch diệt, và các thứ khác mà ý căn đã biết và ý thức đã hiểu ro, tên gọi, khác tiếng thêm lời, các tướng đều tướng, đặt ra nói năng, gọi là pháp, là xứ của pháp, là bờ bên kia. Như vậy lĩnh vực của pháp là sự thấu nhiếp bên ngoài.

Phẩm 19: UẨN

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có năm thứ uẩn, đó là: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

1. Thế nào là sắc uẩn?

Đáp: Nghĩa là có các thứ sắc, tất cả đều là bốn thứ đại và tất cả do bốn đại tạo nên, đó là sắc uẩn.

2. Thế nào là thọ uẩn?

Đáp: Nghĩa là các thọ cùng thọ, tính chất của thọ (cảm xúc), thọ thâm nhiếp, đó là thọ uẩn.

Lại có hai thứ thọ, gọi là thọ uẩn, nghĩa là thân thọ (thọ của thân) và tâm thọ (thọ của tâm).

Thế nào là thân thọ? Nghĩa là năm thức của thân tương ứng các với thọ... cho đến các thọ thâm nhiếp, đó gọi là thân thọ.

Thế nào là tâm thọ? Nghĩa là ý thức tương ứng với các thọ... cho đến thọ thâm nhiếp hết, đó gọi là tâm thọ (Thọ của tâm).

Lại có hai thứ thọ, gọi là thọ uẩn, là sự thọ nhận thú vị thích thú và thọ nhận không thú vị thích thú.

Thế nào là thọ có thú vị thích thú? Nghĩa là hữu lậu tác ý tương ứng với các thọ... cho đến những gì thọ thâm nhiếp, đó gọi là thọ có thích thú.

Thế nào là thọ không thú vị thích thú? Nghĩa là vô lậu tác ý tương ứng với các thọ... cho đến những gì thọ thâm nhiếp, đó gọi là thọ không thích thú.

Có thuyết lại nói: Cõi Dục tác ý tương ứng với thọ thì gọi là thọ có thú vị thích thú. Còn cõi Sắc và cõi Vô sắc tác ý tương ứng với thọ thì gọi là thọ không có thú vị thích thú.

Nay nghĩa trong này là nói hữu lậu tác ý tương ứng với thọ thì gọi là thọ có thú vị thích thú. Còn vô lậu tác ý tương ứng với thọ thì gọi là thọ không có thú vị thích thú.

Cũng như nói về thọ có thú vị, thọ không thú vị, thì các thứ rơi vào thọ, không rơi vào thọ, thọ nương vào đam mê, thọ nương vào xuất ly, thọ thuận kết, thọ không thuận kết, thọ thuận chấp lấy, thọ không thuận chấp lấy, thọ thuận theo bị ràng buộc, thọ không thuận bị ràng buộc, thọ của thế gian, thọ xuất thế gian... cũng như thế.

Lại có ba thứ thọ gọi là thọ uẩn, tức là thọ vui, thọ khổ, thọ không vui không khổ.

Thế nào là thọ vui? Là gặp việc thuận vui khiến thân và tâm đều vui, thọ nhận như nhau mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ vui. Lại khi tu các loại sơ - đệ nhị - đệ tam tĩnh lự, thì sẽ có được niềm hoan lạc khiến tâm vui, thọ nhận như nhau mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ vui.

Thế nào là thọ khổ? Là gặp các việc thuận khổ khiến thân và tâm đều khổ, có thọ không như nhau mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ khổ.

Thế nào là thọ không khổ không vui? Tức là gặp các việc thuận theo không khổ không vui nên khiến thân và tâm đều buông xả, có thọ

không như nhau, cũng không phải không như nhau mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ không khổ không vui. Và lại lúc tu chưa đạt đến định, trong pháp vắng lặng của thiền thứ tư và định vô sắc, thuận theo không khổ không vui mà tiếp xúc sanh tâm buông xả chẳng bình đẳng - chẳng không bình đẳng thọ nhận, thuộc về thọ nhận, đây gọi là thọ không khổ không vui.

Lại có bốn thứ thọ gọi là thọ uẩn. Tức là thọ cõi Dục, thọ cõi Sắc, thọ cõi Vô sắc và thọ không ràng buộc.

Thế nào là thọ cõi Dục? Là cõi Dục tác ý tương ứng với các thọ..., cho đến cái gì mà thọ nhận giữ lấy. Đó là thọ cõi Dục.

Thế nào là thọ cõi Sắc? Là cõi Sắc tác ý tương ứng với các thọ... cho đến cái gì mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ cõi Sắc.

Thế nào là thọ cõi Vô sắc? Là cõi Vô sắc tác ý tương ứng với các thọ..., cho đến cái gì mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ cõi Vô sắc.

Thế nào là thọ không bị ràng buộc? Nghĩa là vô lậu tác ý tương ứng với các thọ..., cho đến cái gì mà thọ nhận giữ lấy, đó là thọ không bị ràng buộc.

Lại có năm thứ thọ gọi là thọ uẩn. Tức là thọ vui, thọ khổ, thọ mừng, thọ lo và thọ buông xả, đó là năm thọ. Rộng nói như các thứ căn (căn phẩm)

Lại có sáu thứ thọ gọi là thọ uẩn. Là mắt tiếp xúc sinh ra các thọ, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc cũng sinh ra các thọ.

Thế nào là mắt tiếp xúc sinh ra các thọ? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại sinh ra sự tiếp xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Trong này mắt là chính, sắc là đối tượng, còn sự tiếp xúc của mắt là nhân. Do mắt tiếp xúc mà khởi lên tất cả, đó là chủng loại nhãn xúc, là cái sinh ra nhãn xúc. Với nhãn xúc (sự tiếp xúc của mắt) mà sinh ra tác ý tương ứng với nhãn thức, phân biệt nhận thức các sắc mà có các thọ..., cho đến những gì mà thọ giữ lấy, đó gọi là mắt tiếp xúc sinh ra các thọ.

Như vậy các thứ tai, mũi, lưỡi, thân, ý khi tiếp xúc cũng sinh ra các thọ, rộng nói cũng như thế, đó gọi là thọ uẩn.

Cũng như nói về thọ uẩn, thì tưởng uẩn và thức uẩn, các việc rộng nói cũng như thế.

3. Thế nào là hành uẩn? Hành uẩn có hai thứ:

- Là hành uẩn tâm tương ứng.
- Là hành uẩn tâm không tương ứng.

Thế nào là tâm tương ứng với hành uẩn? Nghĩa là tư duy tiếp xúc

với tác ý, rộng nói cho đến có các trí kiến hiện quan sát các pháp. Lại có các chủng loại pháp khác cùng với tâm tương ứng nhau, đó gọi là hành uẩn tâm tương ứng.

Thế nào là tâm không tương ứng hành uẩn? Nghĩa là đã chứng được định vô tưởng..., rộng nói cho đến văn thân. Lại có các chủng loại pháp khác không tương ứng với tâm, đó gọi là tâm không tương ứng hành uẩn. Như thế cả tâm tương ứng hành uẩn và tâm không tương ứng hành uẩn gọi chung là hành uẩn.

Phẩm 20: NHIỀU CẢNH GIỚI, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, thầy A-nan-đà ngồi riêng một mình trong tịnh thất suy nghĩ: Những kẻ gây ra các việc sợ hãi và các tai họa, các việc rối rắm, khuấy động lo sầu..., đều là đám phàm phu chứ không phải là bậc trí. Nghĩ thế rồi đến khoảng xế chiều, từ tịnh thất thầy ra đến chỗ Phật, lạy dưới chân Phật xong ngồi sang một bên, rồi đem các điều suy nghĩ ra trình bày đầy đủ với Phật. Nghe xong Phật liền xác nhận đúng như vậy: Những kẻ gây ra các sự sợ hãi và các tai họa, các sự rối rắm lo sầu..., đều là những đám phàm phu, không phải là các bậc trí. Giống như đặt lửa trong nhà cỏ khô thì lâu dài đình quán cũng bị cháy lây. Kẻ ngu cũng vậy, vì không có trí nên gây ra bao sự sợ hãi, tai họa và các việc rối rắm lo sầu. Này thầy Khánh Hỷ nên biết! Từ quá khứ, hiện tại hay vị lai thì các sự sợ hãi, các tai họa, các rối rắm lo sầu..., đều do kẻ phàm phu gây tạo chứ không phải là các bậc trí, các bậc trí không bao giờ làm các việc đó. Thầy Khánh hỷ nên biết! Kẻ phàm phu thì có sợ hãi, bậc trí không có sợ hãi, kẻ phàm phu có tai họa, bậc trí không có tai họa, kẻ phàm phu có các việc rối rắm lo sầu, bậc trí không có rối rắm lo sầu. Vì thế thầy Khánh Hỷ nên biết! Kẻ phàm phu và bậc trí, phải biết xa lánh các pháp của kẻ phàm phu mà tuân hành các pháp của bậc trí.

Thầy A-nan-đà thưa: Như thế nào thì nói là hạng phàm ngu?

Đức Phật nói: Nếu đối với các thứ giới - xứ - uẩn, các thứ duyên khởi và các pháp xứ phi xứ mà không khéo léo hiểu biết, thì đó là phàm phu.

Thầy A-nan-đà thưa: Ngang mức nào thì nói đó là bậc trí?

Đức Phật dạy: Nếu như có người nào đối với giới - xứ - uẩn và

đối với duyên khởi, xứ phi xứ pháp, có thể khéo léo nhận thức, thì đó là người trí. A nan đà thưa: Sao nói là người trí đối với giới khéo léo nhận thức được? Đức Phật dạy: Người trí đối với 18 giới, thấy biết đúng như thật, là khéo léo nhận thức về giới. Nghĩa là thấy biết đúng như thật các thứ lĩnh vực thuộc về mắt - sắc - nhãn - thức - tai tiếng - nhĩ thức - mũi - hương - tỷ thức - lưỡi vị thiệt thức - thân xúc - thân thức, ý - pháp và ý thức.

Lại đối với sáu lĩnh vực mà thấy biết đúng như thật, thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, nghĩa là thấy biết đúng như thật các lĩnh vực đất, nước, lửa, gió, không và thức.

Lại đối với sáu lĩnh vực mà thấy biết đúng như thật, thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, nghĩa là thấy biết đúng như thật các lĩnh vực tham dục, giận hờn, hại và không dục, không giận và không hại.

Lại thấy biết đúng như thật về sáu lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là thấy biết đúng như thật về lĩnh vực: vui, khổ, mừng, lo, xả, vô minh.

Lại thấy biết đúng như thật về bốn lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là: thọ, tưởng, hành, thức.

Lại thấy biết đúng như thật về ba lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là: cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Lại thấy biết đúng như thật về lĩnh vực ba sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về, đó là lĩnh vực: quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại thấy biết đúng như thật về ba lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là: thấp kém, trung bình và tuyệt diệu.

Lại thấy biết đúng như thật về ba lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là: thiện, bất thiện, vô ký.

Lại thấy biết đúng như thật về ba lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là: học, vô học, phi học phi vô học.

Lại thấy biết đúng như thật về hai lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là hữu lậu, vô lậu.

Lại thấy biết đúng như thật về hai lĩnh vực sau đây thì gọi là khéo léo nhận thức về lĩnh vực, đó là hữu vi, vô vi.

Đó gọi là bậc trí khéo léo nhận thức về các lĩnh vực.

Thầy A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí khéo léo nhận thức về các phạm vi?

Đức Phật dạy: Người trí thấy biết đúng như thật mười hai phạm vi, thì gọi là khéo léo nhận thức về các phạm vi, nghĩa là thấy biết đúng như thật về phạm vi của mắt - sắc - tai - tiếng - mũi - hương - lưỡi - vị -

thân - xúc - ý - thức, thì gọi đó là người trí khéo léo nhận thức về các phạm vi (xứ).

Thầy A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí khéo léo nhận thức về các uẩn?

Đức Phật dạy: Người trí thấy biết đúng như thật về năm uẩn, thì gọi là khéo léo nhận thức về uẩn nghĩa là thấy biết đúng như thật về sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, thì gọi đó là người trí khéo léo nhận thức về các uẩn.

Thầy A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí khéo léo nhận thức về các duyên khởi?

Đức Phật dạy: Người trí thấy biết đúng như thật về mười hai chi duyên khởi thuận và nghịch, thì gọi là khéo léo nhận thức về duyên khởi, là thấy biết đúng như thật dựa vào cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh, nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ (nhập), lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, rồi phát sinh sầu than lo khổ rồi biết khổ não. Như vậy ở đây toàn là chiêu tập gây nên các uẩn khổ to lớn. Và cũng thấy biết đúng như thật về rằng nếu dựa vào cái này không thì cái kia không, cái này diệt thì cái kia diệt nghĩa là Vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục xứ diệt, lục xứ diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sinh diệt, sinh diệt nên già chết sầu than lo khổ rồi buồn khổ não cũng diệt. Như thế là diệt hết tất cả các thứ khổ to lớn, nên gọi là bậc trí khéo léo nhận thức về pháp duyên sinh.

Thầy A-nan-đà thưa: Thế nào là bậc trí khéo léo nhận thức về pháp xứ phi xứ?

Đức Phật dạy: Người trí thấy biết đúng như thật về pháp xứ phi xứ, thì gọi là khéo léo nhận thức về pháp có lý và không có lý, là biết đúng như thật:

Không có lý và không chấp nhận các hành nghiệp dữ về thân ngữ ý mà chiêu cảm được quả dị thực rất đáng mến yêu, ưa thích, mừng vui, vừa ý.

Có lý phải chấp nhận là hành nghiệp dữ của thân ngữ ý sẽ bị quả dị thực không mến yêu, ưa thích, mừng vui, vừa ý.

Không có lý và không chấp nhận được là các hạnh tốt lành tuyệt diệu về thân ngữ ý mà phải bị quả dị thực không mến yêu, ưa thích,

mừng vui, vừa ý.

Phải lý và chấp nhận được là các hạnh tốt lành tuyệt diệu về thân ngữ ý sẽ chiêu cảm được quả dị thực rất đáng mến yêu, ưa thích, mừng vui, vừa ý.

Đã không có lý và không chấp nhận được là các hạnh xấu dữ của thân ngữ ý, do nhân duyên đó, nên khi chết rồi sẽ được sinh lên các cõi thiện, nhưng có lý và chấp nhận được là các hạnh xấu dữ của thân ngữ ý, do nhân duyên đó, sau khi chết bị đọa vào các đường dữ.

Đã không có lý và không chấp nhận được là các hạnh tốt lành của thân ngữ ý do nhân duyên đó, nên khi chết rồi sẽ phải đọa vào các đường dữ, nhưng có lý và chấp nhận được là các hạnh tốt lành của thân ngữ ý khi lâm chung sẽ được sinh vào các cõi thiện. Đó là khéo léo nhận thức về có lý và không có lý.

Lại còn thấy biết đúng như thật về là không có lý, không chấp nhận không có trước sau, có hai vị Chuyển luân Thánh vương sống trong một thế giới, và biết đúng như thật về nhưng có lý và chấp nhận được là không có trước sau, chỉ có một vị Chuyển luân Thánh vương sống trong một thế giới.

Lại thấy biết đúng như thật không có lý và không chấp nhận không có trước sau, có hai Đức Như Lai sống trong một thế giới, nhưng có lý và chấp nhận được là không có trước sau, chỉ có một Đức Như Lai sống trong một thế giới. Đó là khéo léo nhận thức về có lý và không có lý.

Lại thấy biết đúng như thật về là không có lý và không chấp nhận được rằng có người nữ làm Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Ma vương, Phạm vương và chứng Độc giác Bồ-đề hoặc chứng Bồ-đề vô thượng chánh đẳng, nhưng có lý và chấp nhận rằng có người nam làm Chuyển luân Thánh vương, Đế thích, Ma vương, Phạm vương và chứng được Độc giác Bồ-đề hoặc chứng Bồ-đề vô thượng chánh đẳng. Đó là khéo léo nhận thức về có lý và không có lý.

Lại thấy biết đúng như thật về rằng không có lý và không chấp nhận bậc đầy đủ Thánh kiến mà nghĩ đến chuyện giết cha hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm dữ làm Phật chảy máu, nhưng có lý và chấp nhận rằng chính các kẻ dị sinh phàm ngu mới gây năm tội đọa vào ngục vô gián (ngũ nghịch tội) mà thôi.

Thấy biết đúng như thật về rằng không có lý và không chấp nhận được là bậc có đủ Thánh kiến mà nghĩ đến việc giết hại mạng sống chúng sinh, nhưng có lý và chấp nhận được rằng chỉ có bọn dị sinh phàm ngu mới nghĩ đến việc giết hại chúng sinh; không có lý và không chấp

nhận được rằng các bậc có đủ Thánh kiến lại nghĩ đến việc vượt bỏ chỗ học (giáo pháp), nhưng có lý và chấp nhận được rằng chỉ có bọn dị sinh phạm ngu thì mới nghĩ đến việc vượt bỏ các môn học. Không có lý, không chấp nhận rằng là bậc có đủ thánh kiến mà lại bỏ chỗ học, môn học cao quý để tìm học chỗ thấp kém, hoặc tìm ngoại đạo tôn làm thầy, hoặc cầu ngoại đạo làm ruộng phước, hoặc chiêm ngưỡng tôn kính nhìn ngấm mặt mày dung nhan bọn Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo, hoặc coi các thứ bói toán, đoán điềm tốt lành cho là thanh tịnh, hoặc nhận lấy cái có (hữu) thứ tám..., nhưng có lý và chấp nhận được rằng các loại dị sinh phạm phu thì làm các việc như thế. Đó gọi là khéo léo nhận thức về có lý và không có lý.

Lại thấy biết đúng như thật về là không có lý và không chấp nhận được rằng: Chưa đoạn dứt năm màn che, vì nó khiến tâm ô nhiễm, khiến tuệ lực suy kém làm chướng ngại đạo phẩm, trái với Niết-bàn, mà bầy tâm có thể an trụ vào tứ niệm xứ trụ; nhưng lại có lý và chấp nhận được rằng ai đã đoạn dứt năm màn che thì tâm khéo an trụ vào tứ niệm xứ. Không có lý và không chấp được là ai chưa đoạn dứt năm màn che kín... Rộng nói cho đến trái với Niết-bàn, tâm chưa khéo an trụ vào tứ niệm mà lại giỏi tu tập bảy giác chi. Nhưng có lý và chấp nhận được là ai đã đoạn dứt năm màn che kín, tâm đã khéo trụ vào tứ niệm xứ thì liền giỏi tu tập bảy giác chi. Không có lý và không chấp nhận được là ai chưa đoạn dứt năm màn che kín... Rộng nói cho đến trái với Niết-bàn, tâm chưa khéo an trụ vào tứ niệm xứ và chưa tu tập bảy giác chi, nhưng lại chứng được Thanh văn, Độc giác, Bồ-đề vô thượng. Nhưng lại có lý và chấp nhận được rằng ai đã đoạn dứt năm màn che..., tâm đã khéo trụ vào tứ niệm xứ, lại giỏi tu tập bảy giác chi thì chứng được Thanh văn, Độc giác, Bồ-đề vô thượng. Đó là người trí nhận thức khéo léo về có lý và không có lý.

Thầy A-nan-đà thưa: Vậy nay nên gọi tên pháp môn này là gì, phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo: Đây thầy Khánh Hỷ, pháp môn này tên là Tứ chuyển, cũng gọi là Đại pháp cảnh (gương pháp to lớn), cũng gọi là Cam lồ cổ (trống cam lồ), cũng gọi là nhiều lĩnh vực. Hãy nên như thế mà tuân hành phụng trì.

Khi đó thầy A-nan-đà hết sức vui mừng kính cẩn tin nhận.

Thế nào là Nhãn giới? Nghĩa là như Nhãn căn.

Thế nào là Sắc giới? Tức là như Sắc xứ.

Thế nào là Nhãn thức giới? Là mắt và sắc làm duyên mà sinh ra

nhãn thức. Ở đây mắt là vai trò chính, sắc là đối tượng. Mắt hiểu biết về sắc, là các thứ hiểu rõ, hiểu rõ khác biệt, hiểu riêng từng thứ, hiểu rõ các sắc. Đó gọi là phạm vi hoạt động của nhãn thức. Còn năm mươi ba giới khác, tùy theo sự cần thiết của nó, rộng nói cũng như thế.

Thế nào là lĩnh vực của đất? Lĩnh vực của đất có hai thứ là trong và ngoài.

Thế nào là lĩnh vực đất bên trong? Là trong thân này có các thứ có tính chất cứng rắn khác nhau, các loại cứng rắn có thể bám lấy, có thọ nhận. Vậy là thế nào? Đó là các thứ tóc, lông, răng móng... cho đến phân dơ nhớp. Lại có những thứ có tính chất cứng rắn khác ở trong thân, các loại cứng rắn có thể bám lấy, có thọ nhận. Đó là lĩnh vực đất bên trong.

Thế nào là lĩnh vực đất bên ngoài? Nghĩa là ở bên ngoài thân này có những thứ gồm có tính chất và chủng loại cứng rắn không bám lấy, không có thọ nhận. Vậy là thế nào? Nghĩa là như các thứ đất bằng, núi non, đá, đá vụn, ngói, trai, hàu, ốc sên, đồng, sắt, thiếc, chì, mạt ni, trân châu, lưu ly, sò, ốc, san hô, ngọc bích, vàng bạc, kho đá, kho chày đá, pha chỉ ca, châu đỏ, đá thạch tuyền, đất cát, cỏ cây, nhánh là, hoa quả. Hoặc các thứ đất do xoáy nước tụ lại. Lại ở bên ngoài thân này có các chủng loại có tính chất cứng rắn không bám lấy, không thọ nhận. Đó là lĩnh vực đất bên ngoài. Cả trong lẫn ngoài đều gọi chung là lĩnh vực của đất.

Thế nào là lĩnh vực nước? Lĩnh vực của nước có hai thứ là trong và ngoài.

Thế nào là lĩnh vực nước bên trong? Nghĩa là ở trong thân này có các thứ khác nhau, có tánh ẩm ướt, chủng loại ẩm ướt có thể bám lấy, có thọ nhận. Đó là những gì? Nghĩa là có các thứ như nước mắt mồ hôi... cho đến lúc tiểu. Lại có các thứ khác ở bên trong có riêng tính chất chủng loại về ẩm ướt có thể bám lấy, có thọ nhận. Đó gọi là lĩnh vực nước bên trong.

Thế nào là lĩnh vực nước bên ngoài? Nghĩa là ở ngoài thân này có các chất bên ngoài có tính chất chủng loại ẩm ướt, không thể bám lấy và có thọ nhận. Đó là những gì? Nghĩa là rễ, thân, nhánh, lá, hoa quả v.v..., các thứ nước, nhựa cây, sương, rượu, sữa, váng cao sữa, dầu, mật, đường, ao, đầm, vũng, hồ, sông, sông Khắc già, sông Lam-mẫu-na, sông Tát-lạt-du, sông Át-thị-la-phiệt-đế, sông Mạc-tứ, biển Đông, biển Tây, biển Nam, biển Bắc, nước trong bốn biển lớn. Lại có nước nường vào vãng gió mà tụ. Lại có các thứ khác ở bên ngoài thân có tính

chất chủng loại ẩm ướt không thể bám lấy, không thọ nhận. Đó gọi là lĩnh vực nước bên ngoài. Cả hai thứ trong và ngoài đều gọi chung là lĩnh vực nước.

Thế nào là lĩnh vực lửa? Lĩnh vực của lửa cũng có trong và ngoài.

Thế nào là lĩnh vực lửa bên trong? Nghĩa là ở trong thân này có các thứ có tính chất ấm, chủng loại ấm, có thể bám lấy, có thọ nhận. Đó là những gì? Nghĩa là trong thân này có các thứ nóng đều nóng, nóng khắp. Do hơi ấm này mà các việc ăn uống dễ dàng tiêu hóa. Nếu hơi nóng này thêm nhiều thì khiến cho thân nóng bức như bị đốt cháy. Lại có những thứ khác ở trong thân có riêng tính chất và chủng loại ấm nóng có bám lấy và có thọ nhận. Đó gọi là lĩnh vực lửa bên trong.

Thế nào là lĩnh vực lửa bên ngoài? Nghĩa là ở ngoài thân này có các thứ ở ngoài gồm có tính chất chủng loại ấm, nóng không thể bám lấy, không thọ nhận. Đó là những gì? Nghĩa là đất ẩm, lửa mặt trời, thuốc mặt-ni, cung điện, các vì sao sáng. Ánh sáng của đống lửa to, của đèn, của các đám cháy làng, cháy thành, cháy sông, cháy các đồng cỏ..., với sức cháy hừng hực tỏa sáng của củi khô được tính bằng: mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm, một ngàn hay vô lượng gánh củi. Hoặc sức ấm áp tại những nơi như núi, đầm, sông, ao, hang động, phòng nhà, cung điện, lâu đài hoặc sức ấm nóng của cỏ cây, rễ, thân, nhánh, lá, hoa, quả v.v... Và lại có các loại khác có tánh nóng mà không bám lấy, không thọ nhận. Đó gọi là lĩnh vực lửa ở bên ngoài, đều gọi chung là lĩnh vực lửa.

Thế nào là lĩnh vực gió? Lĩnh vực của gió cũng có hai loại trong và ngoài.

Thế nào là lĩnh vực gió bên trong? Nghĩa là ở trong thân này, hết thủy chủng loại có tính chất chuyển động nhúc nhích, cựa quậy có bám lấy có thọ nhận được. Đây là thế nào? Nghĩa là ở trong thân này có hơi gió đi lên, hơi gió đi lên (sự chuyển động đi xuống), hoặc đi ngang sang hai bên, các sự chuyển động ở hông, ngực, lưng, bụng, tim, rún. Các gió Ốt-bát-la (hơi Ốt-bát-la), tất bát la, hơi đao kiếm kim đâm (sự đau nhức), hơi gió kết chặt, ràng buộc, kéo trì xuống, gặng lên, mạnh mẽ, hoặc tùy theo từng chi tiết bộ phận và hơi thổi ra vào. Lại còn có các thứ khác ở trong thân mà có tính chất, chủng loại về chuyển động, cựa quậy, nhúc nhích..., bám lấy có thọ nhận. Đó gọi là lĩnh vực gió bên trong.

Thế nào là lĩnh vực gió bên ngoài? Nghĩa là ở ngoài thân này có

những thứ bên ngoài gồm có tính chất chủng loại về chuyển động, động đậy, không cầm giữ được. Đó là những gì? Ấy là có gió Đông, Tây, Nam, Bắc, gió có bụi và không có bụi bặm, gió xoáy, gió dữ (cuồng phong bão táp), gió hú Phệ-lam-bà, gió hiu hiu, gió to, gió vô lượng, gió xoáy từng luồng (luân), gió thổi giữa hư không... Lại có những thứ khác có tính chất chủng loại về chuyển động nhúc nhích, không bám lấy, không thọ nhận được. Đó gọi là lĩnh vực gió bên ngoài... Cả trong và ngoài đều gọi là lĩnh vực gió.

Thế nào là lĩnh vực hư không? Lĩnh vực của hư không cũng có hai thứ trong và ngoài.

Thế nào là lĩnh vực hư không bên trong? Nghĩa là trong thân này có những thứ (cái) mang tính chất chủng loại trống không, bám lấy và có thọ nhận được. Đó là những cái gì? Nghĩa là trong thân thể này có những khoảng trống tùy chỗ trong da thịt, máu huyết, xương tủy... hoặc hố mắt, lỗ tai, khe mũi, lỗ mũi, cửa miệng, họng, yết hầu, trong tim (tâm nhĩ thất), các khoảng trống trong ruột, trong bụng v.v..., do đó mà tích trữ được thức ăn đồ uống và thải ra ngoài. Lại có những thứ khác trong thân có tính chất, chủng loại và khoảng trống..., thì gọi là lĩnh vực hư không bên trong.

Thế nào là lĩnh vực hư không bên ngoài? Nghĩa là ngoài thân này có các thứ có tính chất chủng loại về khoảng trống, không bám lấy, không thọ nhận. Đó là những cái gì? Nghĩa là khoảng trống không ở ngoài, tuyệt xa, gần với ha già sắc. Đó là lĩnh vực hư không bên ngoài. Cả hai thứ trong và ngoài gọi chung là lĩnh vực hư không.

Thế nào là lĩnh vực thức? Nghĩa là năm thức của thân và các ý thức hữu lậu. Đó gọi là lĩnh vực của thức.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 11

Phẩm 20: NHIỀU CẢNH GIỚI, Phần 2

1. Thế nào là lĩnh vực tham dục?

Đáp: Nghĩa là đối với cảnh dục có các tham đều tham..., cho đến các chủng loại của tham và thứ sinh ra tham. Gọi chung là lĩnh vực tham dục.

Lại còn tham dục cùng tham dục tương ứng với thọ-tưởng-hành-thức mà cùng khởi lên các nghiệp về miệng và thân, dù không tương ứng với hành mà cũng gọi chung là lĩnh vực tham dục.

2. Thế nào là lĩnh vực giận dữ?

Đáp: Nghĩa là đối với các loại hữu tình luôn muốn gây tổn hại, cho đến gây tai họa trong hiện tại. Gọi chung là lĩnh vực giận dữ.

Lại còn giận dữ cùng giận dữ tương ứng với thọ-tưởng-hành-thức mà cùng khởi lên các nghiệp về miệng và thân, dù không tương ứng với hành mà cũng gọi chung là lĩnh vực giận dữ.

3. Thế nào là lĩnh vực giết hại?

Đáp: Nghĩa là dùng tay, hòn ném, dao gậy v.v..., mà đi theo đồ vật đó để đánh đập, ném chặt loài hữu tình. Có các thứ tổn hại đều làm tất cả, rồi thêm giận dữ khởi lên gây tạo bao nhiêu khổ não. Gọi chung là lĩnh vực giết hại.

Lại còn các thứ hại cùng hại tương ứng với thọ-tưởng-hành-thức mà cùng khởi lên các nghiệp về miệng và thân, dù không đi đôi mà cũng gọi chung là lĩnh vực giết hại.

4. Thế nào là lĩnh vực không tham dục?

Đáp: Nghĩa là đối với cảnh dục thì luôn suy nghĩ về các tai hại của nó. Sự tham dục như thế là pháp bất thiện, chỉ có kẻ thấp hèn mới tin tưởng làm theo, còn Phật và hàng đệ tử, các bậc thiện sĩ hiền quý đều chán ngán chê trách, vì nó làm hại mình, hại người khác, hại cả mình và người khác. Nó tiêu diệt trí tuệ hoặc ngăn ngại loại đó (loại thuộc

về trí tuệ), nó làm chướng ngại Niết-bàn. Ai làm theo nó (tham dục) thì không phát sinh trí tuệ sáng suốt, không tiến đến Bồ-đề, không chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ như thế liền phát sinh ân cần siêng năng mạnh mẽ..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không tham dục.

Lại còn để đoạn dứt các tham dục này nên đối với sự không tham dục, luôn suy nghĩ đến các công đức. Sự tham dục như thế là pháp thiện chỉ có các bậc đáng tôn quý nhất mới tin hiểu làm theo. Phật và các đệ tử, những bậc thiện sĩ hiền quý đều vui mừng khen ngợi, vì nó không làm hại mình và người hoặc cả mình và người. Nó làm thêm lớn trí tuệ và không ngăn trở các loại trí tuệ, không chướng ngại Niết-bàn. Ai thọ trì thực hành pháp này thì có khả năng sinh ra trí tuệ sáng suốt giỏi tiến đến Bồ-đề và chứng quả Niết-bàn. Suy nghĩ như thế liền phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng cố gắng mãi không ngừng. Đó là lĩnh vực (giới) không tham dục.

Lại còn suy nghĩ sự tham dục như các thứ bệnh ung nhọt ghê lở, như sự khổ hại của tên độc. Nó là vô thường-khổ-không-vô ngã, luôn thay đổi chuyển động, mệt mỏi, rã rời, yếu kém. Nó là pháp mất mát hư nát, nhanh chóng không ngừng, luôn suy kém mục nát không thường còn, không thể bảo đảm, không thể tin cậy. Nó là pháp dời đổi hư nát. Suy nghĩ như thế rồi liền phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng. Đó là lĩnh vực không tham dục.

Lại còn, vì muốn đoạn dứt lĩnh vực tham dục nên suy nghĩ để dập tắt tham dục thì chính là diệt, là lìa và suy nghĩ về đạo ấy, là đạo lý là xuất ly. Suy nghĩ như thế rồi liền phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng cố gắng mãi không ngừng. Đó là lĩnh vực không tham dục. Lại còn nếu suy nghĩ về cái định tâm xả và đạo; thì tâm xả cùng tương ứng với định vô tướng, định diệt tận và trạch diệt. Suy nghĩ như thế rồi liền phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không tham dục.

Lại còn, không tham dục và không tham dục tương ứng với thọ-tướng-hành-thức mà cùng khởi lên các nghiệp về miệng và thân, dù không đi đôi mà cũng gọi chung là lĩnh vực không tham dục.

5. Thế nào là lĩnh vực không giận dữ?

Đáp: Nghĩa là đối với lĩnh vực giận dữ mà suy nghĩ về các tai hại của nó, sự giận dữ như thế là pháp bất thiện..., cho đến không chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực

không giận dữ.

Lại còn vì muốn đoạn dứt lĩnh vực giận dữ nên đối với lĩnh vực không giận dữ mà luôn suy nghĩ về các công đức, sự không giận dữ như thế chính là pháp thiện..., cho đến có khả năng chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không giận dữ.

Lại nữa, suy nghĩ về lĩnh vực giận dữ thì thấy nó như các thứ ung nhọt ghẻ lở..., cho đến nó là pháp biến đời hư nát. Suy nghĩ rồi liền phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không giận dữ.

Lại thêm, vì muốn đoạn dứt lĩnh vực giận dữ này mà suy nghĩ về sự dập tắt, đó chính là diệt, là lia bỏ. Suy nghĩ đạo ấy là đạo xuất ly. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không giận dữ.

Vả lại, nếu suy nghĩ về định tâm từ và đạo cùng định tâm từ tương ứng. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng... cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không giận dữ.

Lại còn, lĩnh vực không giận dữ và không giận dữ tương ứng với thọ-tưởng-hành-thức mà cùng khởi lên các nghiệp về miệng và thân, dù không đi đôi mà cũng gọi chung là lĩnh vực không giận dữ.

6. Thế nào là lĩnh vực không hại?

Đáp: Nghĩa là đối với lĩnh vực hại mà suy nghĩ về các tai hại của nó, lĩnh vực hại như thế là pháp bất thiện..., cho đến không chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không hại.

Lại còn, vì muốn đoạn dứt lĩnh vực hại, nên đối với lĩnh vực không hại mà suy nghĩ về các công đức; (giới) lĩnh vực không hại như thế chính là pháp thiện..., cho đến chứng được Niết-bàn. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không hại.

Lại còn suy nghĩ về lĩnh vực hại thì thấy nó như các thứ bệnh, các thứ ung nhọt ghẻ lở..., cho đến chính là pháp biến đời hư nát. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng. Đó gọi là lĩnh vực không hại.

Lại nữa, vì muốn đoạn dứt lĩnh vực hại này, nên suy nghĩ về sự

dập tắt ấy là diệt, là lìa bỏ, và suy nghĩ đạo ấy là đạo xuất ly. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không hại.

Lại thêm, nếu suy nghĩ về định tâm bi và đạo cùng định tâm bi tương ứng nhau. Suy nghĩ như thế rồi phát sinh mạnh mẽ sự ân cần siêng năng..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là lĩnh vực không hại.

Lại còn không hại và không hại tương ứng với thọ-tưởng-hành-thức mà cùng khởi lên các nghiệp về miệng và thân, dù không đi đôi mà cũng gọi chung là lĩnh vực không hại.

1. Thế nào là lĩnh vực vui?

Đáp: Nghĩa là gặp việc thuận vui, nên khiến thân vui tâm vui, có thọ nhận như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực vui.

Lại còn khi tu đệ tam tĩnh lực thì gặp niềm hoan lạc khiến tâm vui và thọ nhận như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực vui.

2. Thế nào là lĩnh vực khổ?

Đáp: Nghĩa là gặp việc thuận khổ, nên khiến thân khổ, có thọ không như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực khổ.

3. Thế nào là lĩnh vực mừng (hỷ)?

Đáp: Nghĩa là gặp việc thuận mừng, khiến tâm mừng, có thọ nhận như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực mừng.

Thế nào là lĩnh vực lo?

Đáp: Nghĩa là khi gặp thuận lo, nên khiến tâm lo sầu, có thọ nhận không như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực lo.

Thế nào là lĩnh vực xả (buông xả)?

Đáp: Nghĩa là khi gặp thuận buông xả, thì khiến thân và tâm buông xả, có thọ nhận không phải như nhau, cũng không phải không như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực xả.

Lại còn, khi tu chưa đạt đến định, ở khoảng giữa của đệ tứ tĩnh lực và định vô sắc, gặp thuận không khổ không vui, khiến tâm buông xả, có thọ không phải như nhau cũng không phải không như nhau, thọ nhận thấu nhiếp tất cả. Đó gọi là lĩnh vực xả.

Thế nào là lĩnh vực vô minh?

Đáp: Nghĩa là ba cõi đều ngu si không hiểu biết. Đó gọi là lĩnh vực vô minh.

Thế nào là lĩnh vực thọ?

Đáp: Nghĩa là sáu thọ (cảm xúc) của thân. Tức là khi mắt tiếp xúc

(với sắc) sinh ra thọ..., cho đến khi ý tiếp xúc (với pháp) thì sinh ra thọ. Đó gọi là lĩnh vực thọ nhận.

Thế nào là lĩnh vực tưởng?

Đáp: Nghĩa là sáu tướng của thân. Tức là khi mắt tiếp xúc thì sinh ra tưởng, cho đến khi ý tiếp xúc thì sinh ra tưởng. Đó gọi là lĩnh vực cảm tưởng.

Thế nào là lĩnh vực hành?

Đáp: Nghĩa là sáu tư của thân. Tức là khi mắt tiếp xúc thì sinh ra tư, cho đến khi ý tiếp xúc thì sinh ra tư. Đó gọi là lĩnh vực hành.

Thế nào là lĩnh vực thức?

Đáp: Nghĩa là sáu thức của thân. Tức là nhãn thức... cho đến ý thức, thì gọi là lĩnh vực thức.

Thế nào là cõi Dục?

Đáp: Nghĩa là có các pháp rồi tham dục theo đó mà tăng lên. Đó gọi là cõi Dục. Lại còn sự ràng buộc của cõi Dục, có mười tám giới, mười hai xứ và năm uẩn. Đó gọi là cõi Dục. Lại nữa, dưới từ địa ngục, trên đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, trong các cõi đó đều có sắc-thọ-tưởng-hành-thức. Đó gọi là cõi Dục.

Thế nào là cõi Sắc?

Đáp: Nghĩa là có các pháp rồi theo đó mà tham sắc tăng lên. Đó gọi là cõi Sắc. Lại còn sự ràng buộc của cõi Sắc, có mười bốn giới, mười hai xứ và năm uẩn. Đó là cõi Sắc. Lại nữa, dưới từ cõi trời Phạm chúng, trên đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong các cõi đó đều có sắc-thọ-tưởng-hành-thức. Đó là cõi Sắc.

Thế nào là cõi Vô sắc?

Đáp: Nghĩa là có các pháp, rồi tham vô sắc tùy theo đó mà tăng lên. Đó gọi là cõi Vô sắc. Lại còn sự ràng buộc ở cõi Vô sắc, có ba giới (cõi), hai xứ và bốn uẩn. Đó là cõi Vô sắc.

Lại còn như ở cõi Dục và cõi Sắc, khi các định được thành lập thì không loạn động lẫn lộn nhau, còn ở cõi Vô sắc thì không có việc như thế. Song phải nương vào định mà sinh, vì hơn kém khác nhau nên lập ra có trên dưới. Dưới từ Không vô biên xứ, trên lên tới Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong các cõi đó đều có thọ-tưởng-hành-thức, nên gọi là cõi Vô sắc.

Thế nào là cõi Sắc?

Đáp: Nghĩa là cõi Dục và cõi Sắc, gọi chung là cõi Sắc.

Thế nào là cõi Vô sắc?

Đáp: Nghĩa là bốn cõi Vô sắc. Đó gọi là cõi Vô sắc.

Thế nào là diệt giới?

Đáp: Nghĩa là trạch diệt, phi trạch diệt, thì gọi là diệt giới. Lại còn các pháp có sắc, gọi chung là Sắc giới.

Trừ trạch diệt và phi trạch diệt ra, còn lại các pháp vô sắc thì gọi là Vô sắc giới.

Trạch diệt và phi trạch diệt thì gọi là diệt giới.

Thế nào là lĩnh vực quá khứ?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn ở thời quá khứ, gọi là lĩnh vực quá khứ.

Thế nào là lĩnh vực vị lai?

Đáp: Là thời vị lai của thân năm uẩn, thì gọi là lĩnh vực vị lai.

Thế nào là lĩnh vực hiện tại?

Đáp: Nghĩa là thời hiện tại của thân năm uẩn, thì gọi là lĩnh vực hiện tại.

Thế nào là lĩnh vực thua kém?

Đáp: Nghĩa là pháp bất thiện có che lấp và vô ký.

Thế nào là lĩnh vực trung bình?

Đáp: Nghĩa là pháp thiện hữu lậu, và không bị che lấp vô ký.

Thế nào là lĩnh vực tuyệt diệu?

Đáp: Nghĩa là pháp thiện vô lậu, đó gọi là lĩnh vực tuyệt diệu.

Thế nào là lĩnh vực thiện?

Đáp: Nghĩa là nghiệp thiện của thân và ngữ, pháp của tâm và tâm sở không đi đôi (bất tương ứng hành) và được trạch diệt, nên gọi là lĩnh vực thiện.

Thế nào là lĩnh vực bất thiện?

Đáp: Nghĩa là nghiệp bất thiện thân và ngữ, pháp của tâm và tâm sở, không tương ứng hành, thì gọi là lĩnh vực bất thiện.

Thế nào là lĩnh vực vô ký?

Đáp: Nghĩa là sắc vô ký - pháp của tâm và tâm sở, không tương ứng với hành và hư không chẳng phải trạch diệt. Đó gọi là lĩnh vực vô ký

Thế nào là lĩnh vực học?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn có học, gọi là lĩnh vực học.

Thế nào là lĩnh vực vô học?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn không học, thì gọi là lĩnh vực vô học.

Thế nào là lĩnh vực phi học phi vô học?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn hữu lậu và hư không, trạch diệt và phi trạch diệt. Đó gọi là lĩnh vực phi học phi vô học.

Thế nào là lĩnh vực hữu lậu?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn hữu lậu, thì gọi là lĩnh vực hữu lậu.

Thế nào là lĩnh vực vô lậu?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn vô lậu và hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, thì gọi lĩnh vực vô lậu.

Thế nào là lĩnh vực hữu vi?

Đáp: Nghĩa là năm uẩn, thì gọi là lĩnh vực hữu vi.

Thế nào là lĩnh vực vô vi?

Đáp: Nghĩa là hư không và hai thứ diệt (trạch diệt, phi trạch diệt), thì gọi là lĩnh vực vô vi.

Có bài tụng (Ốt-đà-nam):

*Cõi có sáu mươi hai,
Mười tám cõi là trước,
Ba, sáu, mười bốn thứ,
Sáu, ba hai cái sau.*

Phẩm 21: DUYÊN KHỞI, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Ta sẽ trình bày cho các thầy về duyên khởi và duyên đã sinh pháp. Các thầy nên lắng nghe và cố gắng chú ý theo dõi suy nghĩ.

Thế nào là duyên khởi?

Đáp: Nghĩa là dựa vào cái này nên cái kia có, cái này sinh ra nên cái kia sinh ra. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ, lục xứ (sáu xứ) duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, phát sinh ra buồn lo than thở sầu muộn... Như thế liên chiêu tập toàn là các khổ uẩn to lớn. Các thầy Bí-sô nên biết, sinh mà duyên lão tử thì dù Phật có ra đời hay không đi nữa thì các pháp duyên khởi như thế, vẫn mãi mãi có khắp pháp giới. Tất cả các Như Lai tự nhiên thấu suốt, đều hiểu biết mà tuyên nó, đặt vấn đề, lập thuyết, phân biệt chỉ bày khiến cho nó thật sáng tỏ, nghĩa là sinh duyên lão tử như thế cho đến vô minh duyên hành, nên biết cũng như thế.

Trong này có cả các thứ pháp tánh, pháp định, pháp lý, pháp thú (tính chất của pháp, quy định nguyên lý, đường hướng của pháp) là chân là thật, là đúng là như, không hư không dối, không lệch không khác. Đó

gọi là duyên khởi.

Thế nào là duyên đã sinh pháp?

Đáp: Nghĩa là vô minh-hành-thức-danh sắc-lục xứ-xúc-thọ-ái-hữu-thủ-sinh-lão tử..., đó là duyên đã sinh pháp. Quý thầy Bí-sô nên biết lão tử (già chết) là vô thường, là hữu vi, là có tạo tác làm ra, là duyên đã sinh, là pháp dứt hết, mất hết, là pháp lìa, pháp diệt... và sinh-thủ- hữu- ái- thọ- xúc- lục xứ- danh sắc- thức- hành- vô minh..., cũng y như thế.

Các thầy Bí-sô nên biết, các đệ tử Hiền Thánh đa văn (học giỏi) của Ta, nếu đối với pháp duyên khởi và duyên đã sinh pháp này luôn luôn dùng chánh tuệ để khéo léo thấy biết, hiểu đúng như thật, phải khéo léo suy tư tìm hiểu, thấu rõ một cách tinh tường kỹ lưỡng, không nhìn về phía trước mà đặt câu hỏi ngu ngơ lằm lạp rằng: Không rõ là ở đời quá khứ ta đã từng có mặt hay không có, và đã có những gì, vì sao mà có? Cũng không nhìn về phía sau mà cất lời hỏi ngu lằm lạp rằng: Không rõ đời sau ta sẽ có hay không có? Cũng không nhìn vào bên trong mà hỏi khờ khạo rằng: Trong này cái gì là ta, ta thuộc về đâu ta đang là ai đây? Còn các loài hữu tình đang có ở đây thì từ đâu đến đây, ở đây chết rồi sẽ đi về đâu...? Vì người đó thấy rõ như thế, biết rõ như thế, đối với hết thấy thế gian này mà phân biệt đều thấy rõ đường lối, nói là ta đã luận bàn hợp lý về sự xấu tốt kiết hung, về sự trau giồi gìn giữ..., và chấp là ta có, có khổ, có chướng ngại, có tai họa, có nóng nảy bứt rứt (phiền khổ). Liền đó, người ấy đều đoạn dứt và biết khắp, như đào bứng gốc rễ, bẻ ngọn chặt cành cây đa la không để cho nó còn chút sức lực nào, vĩnh viễn không sinh lại được sau này. Vì sao như thế? Nghĩa là các hàng đệ tử Hiền Thánh hiểu học (đa văn) của Ta, đối với pháp duyên khởi và duyên đã sinh (pháp duyên sinh) ấy mà luôn luôn đúng như thật khéo léo thấy, khéo léo biết, khéo léo hiểu rõ. Hãy khéo léo suy nghĩ xét tìm, khéo léo thấu suốt tinh tường. Bấy giờ đại chúng Bí-sô đều rất vui mừng kính cẩn tin nhận.

Trong này nói về duyên khởi và duyên đã sinh pháp thì Thể của nó tuy là một, nhưng nghĩa thì có khác. Nghĩa là hoặc có duyên khởi mà không phải là duyên đã sinh pháp, hoặc là duyên đã sinh pháp mà không phải là duyên khởi, hoặc là duyên khởi mà cũng có duyên đã sinh pháp, hoặc là không phải duyên khởi mà cũng không phải là duyên đã sinh pháp hoặc là duyên khởi mà không phải là duyên đã sinh pháp, mọi thứ đều không có. Hoặc là duyên đã sinh pháp mà không phải duyên khởi, là vô minh- hành- thức- danh sắc- lục xứ- xúc- thọ- ái- thủ-

hữu- sinh- lão tử.

Hoặc có duyên khởi mà cũng là duyên đã sinh pháp, là sinh thì nhất định phải sinh ra lão tử. Như thế thì cái sinh đó nhất định luôn luôn làm duyên, thì đó là tính chất của duyên khởi, và tính chất của duyên đã sinh pháp. Còn các thứ hữu- thủ- ái- thọ- xúc- lục xứ- danh sắc- thức- hành- vô minh thì nên biết cũng thế.

Không phải duyên khởi cũng không phải là duyên đã sinh pháp, là trừ cái tướng ở trước. Sinh lại duyên với lão tử, là cái sinh này dù sinh khác diệt khác (có sự sinh diệt riêng cũng nói) nhưng theo lý duyên khởi thì nó luôn luôn nhất định không hề thay đổi. Nếu ở quá khứ thì sinh không duyên với lão tử, nên sinh ở vị lai cũng không duyên với lão tử. Nếu ở vị lai sinh không duyên với lão tử, thì sinh quá khứ cũng không hề duyên với lão tử.

Nếu quá khứ sinh không duyên với lão tử, thì sinh ở hiện tại cũng không thể duyên với lão tử được. Nếu trong hiện tại sinh không duyên với lão tử, thì sinh ở quá khứ cũng không hề duyên với lão tử. Nếu như ở vị lai sinh không duyên với lão tử, thì sinh hiện tại này cũng không duyên với lão tử. Nếu trong hiện tại sinh không duyên với lão tử, thì ở vị lai sinh cũng không thể duyên với lão tử được.

Nếu như Phật ra đời, mà sinh đã không duyên với lão tử, thì dù Phật không ra đời đi nữa, sinh ấy vẫn không duyên với lão tử. Còn như khi Phật không ra đời, mà sinh đã không duyên với lão tử, thì Phật dù có ra đời mà cái sinh ấy vẫn không duyên với lão tử.

Nếu lý duyên khởi có điên đảo trái ngược, thì phải có chứ không nhất định. Do đó cần nên phá bỏ, vì lý lẽ rất hỗn tạp lộn xộn. Nếu ở đây không đặt ra vấn đề duyên khởi thì Phật cũng không nói việc sinh duyên lão tử. Nhưng Phật đã nói sinh duyên với lão tử, thì lý duyên sinh đó là có thật, là nhất định. Suốt ba thời quá khứ - vị lai - hiện tại, dù có Phật hay không, mà lý duyên khởi duyên sinh ấy chưa từng thay đổi, pháp tánh của nó vẫn mãi mãi là như thế, không ẩn không mất, không nghiêng không động, lý đó rất trong sáng rõ ràng, chư Phật vị trước vị sau đều in dấu chân mình trên một lối mòn duy nhất, vì lý đó là chân là thật, là chắc là đúng, không giả không dối, không nghiêng lệch không đổi khác. Do đó mà Phật nói sinh duyên với lão tử. Như thế, các thứ hữu - thủ - ái - thọ - xúc - lục xứ - danh sắc - thức - hành và vô minh, có duyên hành cũng như vậy.

Lại nữa, vô minh duyên hành, thì vô minh là sao? Nghĩa là ở phía trước không biết, phía sau mịt mù và cả trước sau cũng đều mịt

mù. Trong cũng không biết, ngoài cũng không hay, cả trong ngoài đều không hiểu rõ. Đối với nghiệp đều không biết, mà quả dị thực đều mịt mờ, không biết cả nghiệp làm thiện hay làm ác, hoặc làm thiện và ác. Không biết nhân, không biết nhân sinh ra pháp, không biết Phật Pháp Tăng, không biết khổ - tập - diệt - đạo, không biết pháp thiện và bất thiện, pháp có tội - pháp không tội, pháp nên tu - pháp không nên tu, pháp thấp kém, pháp cao diệu, pháp trắng đen, cũng không biết pháp có đối nghịch, pháp duyên sinh cũng không biết, sáu chỗ xúc như thật cũng không biết... Cứ như thế tất cả đều không biết, không thấy, không phải hiện quán, luôn đen tối ngu si, mịt mờ tăm tối, chụp lưới, trói buộc, ngu đần, cặn đục, ngăn che, sinh ra mù, sinh ra không sáng, không trí, sinh ra trí kém cõi, chướng ngại các thiện phẩm, khiến không chứng Niết-bàn. Có lậu vô minh, dòng chảy cuồng bạo vô minh, ách nặng vô minh, rễ độc vô minh, thân độc vô minh, cành độc vô minh, lá độc vô minh, hoa độc vô minh, quả độc vô minh. Các si mê đều si mê, si mê cùng cực, ngược ngạo dữ dằn rất tàn ác ngang bướng..., các loại si mê, thứ sinh ra si mê..., gọi chung là vô minh.

1. Thế nào là vô minh duyên hành?

Đáp: Nghĩa là Đức Thế Tôn nói các thầy Bí-sô nên biết! Vô minh làm nhân, vô minh làm duyên, cho nên tham sân si khởi lên, đấy là tánh của tham sân si. Đó gọi là vô minh duyên hành.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói, các thầy Bí-sô nên biết! Vô minh là kẻ cầm cờ lệnh dẫn đầu đi trước, do đó mà vô số tội ác lỗi lầm nổi dậy kéo quân theo..., đó là những thói không biết xấu hổ mắc cỡ..., do không biết xấu hổ nên khởi lên các tà kiến. Do tà kiến mà khởi lên suy nghĩ tư duy tà vạy, do suy nghĩ mà khởi lên nghiệp tà, do nghiệp tà mà khởi lên đời sống tà (mạn), do đời sống tà mà khởi lên siêng năng tà, do siêng năng tà mà khởi lên nghĩ nhớ tà, do nghĩ nhớ tà mà khởi lên tà định. Chính các thứ tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạn, tà niệm, tà định v.v..., đấy gọi là vô minh duyên hành.

Lại còn, như Đức Thế Tôn nói, các thầy Bí-sô nên biết! Khi khởi lên vô số tội ác chẳng thiện, tất cả đều do vô minh làm gốc, do vô minh làm nơi tụ tập. Đó là giống nòi của vô minh, từ vô minh sinh ra, khi bị rơi vào chốn vô minh rồi thì không còn biết đúng như thật đâu là pháp thiện hay bất thiện, pháp nào có tội hay không tội, pháp nào nên tu hay không nên tu, pháp nào thấp kém hay cao quý, pháp nào trắng hay đen, đâu là pháp có đối nghịch, đâu là pháp duyên sinh... Vì không thể biết đúng như thật các pháp như thế, nên khởi lên tà kiến, tà tư duy... cho

đến tà niệm tà định. Đó gọi là vô minh duyên hành.

Lại còn trong kinh Ung Dụ, Đức Phật có nói: “Do vô minh làm duyên mà tạo ra các phước hành, phi phước và bất động hành”.

Thế nào là phước hành? Nghĩa là các thân nghiệp và ngữ nghiệp có pháp thiện hữu lậu, các pháp của tâm và tâm sở không tương ứng hành (không đi đôi nhau). Với các hành như thế thì suốt đêm ngày sẽ có được quả dị thực rất đáng mến yêu, ưa thích, mừng vui. Quả đó gọi là phước, cũng gọi là quả phước. Do nghiệp phước đó với quả dị thực như thế, nên gọi là phước hành.

Thế nào là phi phước hành (hành không phước)? Nghĩa là các thân nghiệp và ngữ nghiệp bất thiện, các pháp của tâm và tâm sở không tương ứng hành. Các hành như thế suốt đêm ngày sẽ chiêu tập (mời gọi) các quả dị thực, không đáng mến yêu, ưa thích, vui mừng. Với quả đó gọi là phi phước, cũng gọi là quả không phước. Với nghiệp phi phước đó và quả dị thực như thế, nên gọi là phi phước hành.

Thế nào là bất động hành? Nghĩa là bốn thứ định ở cõi Vô sắc (định bốn cõi Vô sắc), các pháp thiện hữu lậu, đó gọi là bất động hành.

Thế nào là vô minh làm duyên tạo ra các hành phi phước? Nghĩa là có một loại người tâm bị tham sân si trói chặt, cho nên tạo ra ba hạnh ác của thân ngữ ý. Ba thứ hạnh ác này gọi là hành phi phước (hành không phước). Vì lý do đó nên khi chết rồi phải bị đọa vào địa ngục. Ở đó lại tạo ra các hành phi phước nữa... thế nên gọi vô minh làm điều kiện tạo ra các hành phi phước.

Cũng giống như nói về địa ngục, các nẻo bàng sinh, cõi quỷ cũng như thế, nên biết.

Thế nào là vô minh làm điều kiện tạo ra các phước hành? Nghĩa là có một loại người, đối với những niềm vui sướng ở cõi người mà chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao ta được sinh vào sống ở cõi người, cùng loài người hưởng thụ khoái lạc. Do sự cầu mong đó, họ tạo ra các hạnh tốt về thân ngữ ý. Ba hạnh tốt lành ấy (diệu hạnh) gọi là phước thiện. Vì lý do này nên khi lâm chung họ liền được sinh vào cõi người cùng loài người hưởng thụ các khoái lạc. Ở trong loài người lại tạo ra các phước hạnh khác nữa, thế nên gọi là vô minh làm điều kiện tạo ra các phước thiện.

Có người không chú tâm mong cầu niềm vui cõi người, ấy chỉ vì vô minh đã che lấp các hành động của tâm, nhưng cũng tạo ra ba hạnh tốt lành của thân ngữ ý. Ba diệu hạnh này gọi là phước hạnh. Do nhân duyên đó mà khi lâm chung thì được sinh vào cõi người. Ở đây, người

này lại tạo ra các phước hạnh v.v..., đó gọi là do vô minh làm điều kiện tạo ra các phước hạnh.

Như nói về cõi người, các cõi trời Tứ đại vương chúng, cõi trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại..., nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người đối với cõi trời Phạm chúng mà chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao ta được sinh lên cõi trời Phạm chúng và sống như họ. Do việc mong cầu đó mà siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa các ác dục bất thiện, có tâm có tứ, được ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào sơ tinh lự. Ở trong định này, các thân và ngữ nghiệp đều hợp với giới luật, sống cuộc sống thanh tịnh, đó là phước hạnh. Do nhân duyên này nên khi chết rồi được sinh vào cõi trời Phạm chúng. Ở cõi này, người đó lại tạo ra các phước thiện khác nữa, nên gọi là do vô minh làm điều kiện tạo ra các phước hạnh.

Có người không chú tâm mong cầu sinh lên cõi đó, nhưng do vô minh che lấp, nên tâm khởi động. Người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa các ác dục và các pháp bất thiện, có tâm và tứ, được ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào sơ tinh lự. Ở trong định này, các thân và ngữ nghiệp đều hợp với luật nghi, sống đời thanh tịnh, đó là phước hạnh. Do nhân duyên này nên khi chết rồi được sinh vào cõi trời Phạm chúng và sống như họ. Ở cõi này, người đó lại tạo ra các phước hạnh khác nữa, nên gọi là do vô minh làm điều kiện tạo ra các phước hạnh.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời khác như trời Phạm trụ, trời Đại phạm, trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Cực quang tịnh, trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phước sinh, trời Quảng quả..., tùy từng chỗ rộng nói cũng như thế.

Lại có một loại người chú tâm mong cầu đến cõi trời Vô tưởng. Người này nghĩ: Ước mong sao ta được sinh lên cõi trời vô tưởng và sống như họ. Nhân sự mong ước đó mà siêng năng tu tập các gia hạnh và suy nghĩ các tướng là chướng khổ thô (khổ to), còn vô tưởng là sự lìa bỏ, yên tĩnh tuyệt diệu. Do suy nghĩ như thế nên có thể diệt hết các tướng và trụ vào vô tưởng thì gọi là định vô tưởng. Khi nhập định này, thì thân và ngữ đều hợp với giới luật, sống đời thanh tịnh, nên gọi là phước hạnh. Do nhân duyên này nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Vô tưởng và cùng sống như họ. Ở cõi đó, người này lại tạo thêm một ít phước hạnh. Đó gọi là do vô minh làm điều kiện mà tạo ra các phước thiện.

Có người không chú tâm mong cầu được sinh lên cõi đó, chỉ vì vô minh che lấp, nên tâm khởi động. Người ấy siêng năng tu tập các gia hạnh, suy nghĩ các tướng là chướng khổ to, còn không tướng là sự lia bỏ yên tĩnh tuyệt diệu. Do suy nghĩ đó nên có thể diệt hết các tướng mà an trụ vào vô tướng. Khi người này đã diệt hết các tướng mà trụ vào vô tướng thì gọi là định vô tướng. Khi nhập định này thì thân và ngữ đều hợp với giới luật, sống đời thanh tịnh, gọi là phước thiện. Do nhân duyên này nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Vô tướng và cùng sống như họ. Ở cõi này, người đó có thể tạo thêm chút ít phước hành. Đó gọi là do vô minh làm duyên mà tạo ra các phước thiện.

Thế nào là do vô minh làm điều kiện tạo ra các bất động hành? Nghĩa là có một loại người đối với cõi trời Không vô biên xứ mà chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao ta sẽ được sinh lên cõi trời Không vô biên xứ cùng sống như họ. Nhân sự mong ước đó mà siêng năng tu tập các gia hạnh, vượt hết các sắc tướng, diệt hết các tướng có đối, không tư duy suy nghĩ đến các thứ tướng nữa, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ. Ở trong định này, các suy tư (tư) đều suy tư trong hiện tại, suy tư tất cả, đã và sẽ suy tư mãi, tính chất và chủng loại của suy tư, tạo các nghiệp tâm ý, gọi là bất động hành. Do nhân duyên này nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Không vô biên xứ cùng sống như họ. Ở cõi này, người đó lại có thể tạo ra các bất động hành, nên gọi là vô minh làm điều kiện mà tạo ra các bất động hành.

Có một loại người không chú tâm mong cầu được sinh vào cõi ấy, nhưng do vô minh che lấp, nên khởi động tâm. Người này siêng năng tu tập các gia hạnh, vượt lên các sắc tướng, diệt hết các tướng có đối (đối tướng), không tư duy suy nghĩ đến các thứ tướng nữa, nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ. Ở trong định này, các suy tư đều suy tư trong hiện tại, suy tư tất cả, đã và sẽ suy tư mãi, tính chất và chủng loại của suy tư, tạo các nghiệp tâm ý, gọi là bất động hành. Do nhân duyên đó mà khi chết rồi liền được sinh vào cõi trời Không vô biên xứ cùng sống như họ. Ở cõi này, người đó lại có thể tạo ra các bất động hành, nên gọi là do vô minh làm điều kiện mà tạo ra các bất động hành.

Như nói về Không vô biên xứ, các cõi Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ..., nên biết cũng giống như thế.

Như thế các hành đều lấy vô minh làm điều kiện, đều nương vào vô minh, lấy vô minh làm chỗ lập nên, cho nên tất cả khởi cùng khởi,

tất cả sinh cùng sinh, tụ tập rồi xuất hiện ra, cho nên gọi là vô minh duyên hành.

2. Thế nào là hành duyên thức?

Đáp: Nghĩa là có một loại người, đủ cả tham-sân-si cùng sinh ra các suy tư làm điều kiện (mỗi khi suy nghĩ việc gì đều có mặt của tham-sân-si), cho nên khởi lên các tham-sân-si và sinh ra các thức. Đó gọi là hành duyên thức.

Lại có một loại người không tham-sân-si cùng sinh ra các tư duy suy nghĩ làm điều kiện mà khởi lên không tham - không sân - không si và sinh ra các thức. Gọi là hành duyên thức.

Lại còn mắt và sắc làm điều kiện sinh ra nhãn thức, trong này mắt là hành hữu vi bên trong, còn sắc là duyên ở ngoài để sinh ra nhãn thức. Đó gọi là hành duyên thức... Cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, trong đó ý là hành hữu vi ở trong, còn pháp là duyên bên ngoài để sinh ra ý thức. Đó gọi là hành duyên thức.

Lại thêm trong kinh Ung Dụ, Đức Phật có nói: “Tạo các hạnh phước, phi phước và bất động rồi, thì sẽ có các thức tùy phước, phi phước và bất động”.

Thế nào là tạo các hạnh phi phước rồi, thì sẽ có các thức tùy theo phi phước? Nghĩa là có một loại người tâm bị tham-sân-si trói chặt, nên tạo ra ba thứ hạnh ác của thân - ngữ - ý. Ba hạnh ác này gọi là hành phi phước. Do nhân duyên này, nên khi chết rồi phải bị đọa vào địa ngục. Ở đó, người này lại khởi lên các thức, đó gọi là tạo hạnh phi phước rồi thì sẽ có các thức tùy theo phi phước.

Như nói về địa ngục, các cõi quỷ và bàng sinh nên biết cũng như thế.

Thế nào là tạo các hạnh phước xong rồi, thì sẽ có các thức tùy phước? Nghĩa là có một loại người đối với các sự vui ở cõi người mà chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao tôi được sinh lên sống ở cõi người và cùng loài người hưởng các khoái lạc. Nhân sự ước mong đó mà người này tạo ra các hạnh tốt lành về thân-ngữ-ý. Ba hạnh tốt lành này gọi là phước hạnh. Do nhân duyên này, nên khi chết rồi người này sẽ được sinh vào cõi người, ở đó người này lại khởi lên các thức, đó gọi là tạo các phước hạnh rồi thì sẽ có các thức tùy theo phước.

Có một loại người không chú tâm cầu mong các sự vui ở cõi người, nhưng do vô minh che lấp nên khởi động tâm. Người này tạo ra ba nghiệp tốt lành của thân- ngữ- ý, ba hạnh tốt lành này gọi là phước hạnh. Do nhân duyên này mà sau khi chết rồi liền được sinh vào cõi

người. Ở đây người này khởi lên các thức, đó gọi là tạo các phước hạnh rồi thì sẽ có các thức tùy theo phước.

Như nói về người, các cõi khác như cõi trời Tứ Đại Vương chúng... cho đến trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng như thế.

Lại có một loại người đối với cõi trời Phạm chúng mà chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao tôi được sinh lên cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ. Nhân ước mong đó mà người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa bỏ ác dục, các pháp bất thiện, có tầm và tứ, được ly sinh hỷ lạc, trụ đầy đủ vào bậc sơ Tĩnh lực. Ở trong định này thân và ngữ đều hợp với giới luật, sống đời thanh tịnh, gọi là phước hạnh. Do nhân duyên này, khi chết rồi liền được sinh vào cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ, ở cõi đó người này khởi lên các thức, đó gọi là tạo phước hạnh rồi thì sẽ có các thức tùy theo phước.

Có kẻ không hề chú tâm mong cầu được sinh lên cõi đó, nhưng do vô minh che lấp nên khởi động tâm. Người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa bỏ ác dục, các pháp bất thiện... cho đến đời sống thanh tịnh, gọi là phước hạnh. Do nhân duyên này, khi chết rồi liền được sinh vào cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ, ở cõi đó người này khởi lên các thức, đó gọi là tạo phước hạnh rồi thì sẽ có các thức tùy theo phước.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời khác như Phạm phụ... cho đến trời Vô tưởng, nên biết cũng giống như thế.

Thế nào là tạo các hạnh bất động rồi thì sẽ có các thức tùy theo bất động? Nghĩa là có một loại người đối với cõi trời Không vô biên xứ mà chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao tôi sẽ được sinh lên cõi trời Không vô biên xứ cùng sống với họ. Nhân ước mong này, người ấy siêng năng tu tập các gia hạnh, vượt ngoài các sắc tướng, diệt hết các đối tượng, không còn suy tưởng đến các thứ tướng nữa, nhập vào Không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ. Ở trong định này các tư duy đều suy tư, hiện tiền đều suy tư nghĩ xét, đã và sẽ suy tư nghĩ xét, là tính chất chủng loại của các suy tư, tạo ra các nghiệp tâm ý, gọi là hạnh bất động. Do nhân duyên này, nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Không vô biên xứ cùng sống như họ, ở cõi đó người này lại khởi lên các thức, đó gọi là tạo các hạnh bất động rồi thì sẽ có các thức tùy theo bất động.

Có kẻ không hề chú tâm mong cầu được sinh lên cõi đó, nhưng vô minh che lấp mà khởi động tâm. Người này siêng năng tu tập các gia hạnh, vượt lên các sắc tướng..., cho đến tạo các nghiệp tâm ý, gọi là hạnh bất động. Do nhân duyên này nên khi chết rồi liền được sinh lên

cõi Không vô biên xứ cùng sống như họ. Ở cõi đó người này khởi lên các thức, đó gọi là tạo các hạnh bất động xong rồi thì sẽ có các thức tùy theo bất động.

Như nói về cõi trời Không vô biên xứ, các cõi khác cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nên biết cũng giống như thế.

Như thế các thức do hành làm duyên, nương vào hành, do hành mà lập nên, cho nên các khởi đều khởi, các sinh đều sinh, tụ tập lại rồi xuất hiện ra, nên gọi là hành duyên thức.

3. Thế nào là thức duyên danh sắc?

Đáp: Nghĩa là có một loại người có tham-sân-si cùng sinh ra thức làm điều kiện, khởi lên tham-sân-si cùng sinh ra thân nghiệp và ngữ nghiệp, gọi là sắc. Nó liền sinh ra thọ-tưởng- hành- thức, gọi là danh. Đó gọi là thức duyên danh sắc.

Lại còn có một loại người không tham, không sân, không si đều sinh ra thức làm điều kiện, khởi lên không tham, không sân, không si cùng sinh ra thân nghiệp và ngữ nghiệp, gọi đó là sắc. Nó liền sinh ra thọ-tưởng- hành- thức, gọi là danh. Đó gọi là thức duyên danh sắc.

Lại theo lời dạy trong kinh Na Địa Ca, Đức Phật có nói: “Như thầy Na Địa Ca, có người bạn thân vừa chết thầy liền sinh ra các nỗi ưu sầu buồn than khổ não. Nỗi buồn khổ này cũng sinh ra thức làm duyên, nên khởi lên sự sầu thương mà sinh ra thân nghiệp và ngữ nghiệp, gọi đó là sắc. Nó liền sinh ra thọ- tưởng- hành- thức, gọi đó là danh. Đó gọi là thức duyên danh sắc”.

Lại nghe lời răn dạy trong kinh Phả Lạc Lũ Na, Phật có nói: “Này Phả Lạc Lũ Na, vì thức làm thức ăn nên mới có đời sau. Thức này là sao? Nghĩa là do Kiện đạt phược sau cùng mà tâm- ý- thức thêm lớn và trụ vững chắc vào đó, chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, chưa diệt hết, chưa biến đổi, nôn mửa ra hết. Các thức này không gián đoạn, từ trong bào thai mẹ cùng hòa hợp với tự thể Yết-thích-lam. Tự thể hòa hợp Yết-thích-lam này gọi là sắc. Nó liền sinh ra thọ - tưởng - hành - thức, gọi là danh. Đó gọi là thức duyên danh sắc”.

Lại theo lời răn dạy trong kinh Sa Để, Đức Phật có nói: “Ba sự hòa hợp nhập vào bào thai mẹ, đó là ba sự gì? Tức là lúc cha mẹ hòa hợp cùng khởi nhiễm tâm, bà mẹ khi đó rất sướng khoái và Kiện-đạt-phược hiện ra ngay lúc đó, là ba sự hòa hợp mà nhập vào bào thai mẹ. Trong đó Kiện-đạt-phược là tâm ý sau cùng sẽ lớn mạnh dần và trụ vững chắc, chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, chưa diệt hết, chưa biến đổi mửa ra hết. Thức này không gián đoạn nhập vào bào thai mẹ. Việc nhập thai (thác

thai) này gọi là sắc, vì nó liền sinh ra thọ-tưởng- hành- thức, gọi là danh. Đó gọi là thức duyên danh sắc”.

Lại trong kinh Đại Nhân Duyên có nói: “Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Danh sắc có duyên hay không?

Đức Phật bảo: Có duyên, cái duyên đó là thức.

Phật bảo thầy Khánh Hỷ: Nếu thức không nhập vào bào thai mẹ thì danh sắc có thành được Yết-thích-lam không?

Thầy A-nan-đà đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Hỏi: Nếu thức không nhập vào bào thai mẹ thì danh sắc có được sinh ra ở cõi này không?

Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Hỏi: Nếu ngay lúc đầu thức bị hư hoại thì sau đó danh sắc có được tăng trưởng lớn lên không?

Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Hỏi: Nếu thức hoàn toàn không được thiết lập (không có) thì có danh sắc không?

Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn.

Hỏi: Nay thầy Khánh Hỷ, thế nên tất cả danh sắc đều lấy thức làm điều kiện. Đó gọi là thức duyên danh sắc. Như thế danh sắc lấy thức làm điều kiện, lấy thức làm nơi nương dựa, lấy thức làm nơi lập nên (do thức mà có). Cho nên tất cả khởi thì cùng khởi, tất cả sinh thì cùng sinh, tụ tập rồi xuất hiện ra, cho nên gọi là thức duyên danh sắc”.

Thế nào là danh sắc duyên thức? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên mà sinh ra nhãn thức, trong đó mắt và sắc thì gọi là sắc, nó liền sinh ra thọ- tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Ở trong đó mà tác ý v.v..., cùng giúp đỡ nhau để sinh ra nhãn thức, đó gọi là thức duyên danh sắc...; cho đến ý và pháp làm điều kiện để sinh ra ý thức, trong đó, các ý thức hiểu rõ các sắc, gọi đó là sắc, nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Ở trong đó mà tác ý v.v..., giúp nhau sinh ra ý thức, đó gọi là danh sắc duyên thức.

Lại nghe lời răn dạy trong kinh Phả Lặc Lũ Na, Đức Phật có nói: Phả Lặc Lũ Na, thức làm thức ăn nên mới có đời sau. Thức này ra sao? Nghĩa là Kiện-đạt-phước... Rộng nói cho đến cùng hòa hợp với tự thể Yết-thích-lam. Tự thể hòa hợp Yết-thích-lam này gọi là sắc. Nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi là danh. Bấy giờ nếu tác ý phi lý thì sinh ra danh sắc làm duyên và cùng khởi lên sinh ra thức, đó gọi là danh sắc duyên thức”.

Lại còn, theo lời khuyên dạy trong kinh Sa Để, Đức Phật có nói ba

sự hòa hợp nhập vào bào thai mẹ... Rộng nói cho đến thức này không gián đoạn, nhập vào bào thai mẹ. Sự nhập thai này gọi là sắc, nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Nếu bấy giờ tác ý phi lý thì sinh ra danh sắc làm duyên và cùng khởi lên sinh ra thức. Đó gọi là danh sắc duyên thức.

Lại có một loại người tâm bị tham-sân-si trói chặt nên tạo ra ba hạnh ác về thân-ngữ-ý. Trong đó hạnh ác của thân và ngữ là sắc, còn các hạnh của ý thì gọi là danh. Do danh sắc của hạnh ác này làm duyên, nên khi chết rồi phải bị đọa vào địa ngục. Ở đó lại khởi lên các thức, đó gọi là danh sắc duyên thức.

Như nói về địa ngục, các cõi bàng sinh, cõi quỷ nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người, đối với các sự vui ở cõi người mà luôn chú tâm mong cầu. Do mong ước đó mà người này tạo ra các hạnh tốt lành về thân-ngữ-ý chiêu cảm đến cõi người. Trong đó hạnh tốt lành của thân ngữ thì gọi là sắc, còn hạnh tốt lành của ý thì gọi là danh. Do danh sắc có hạnh tốt lành này làm duyên, nên khi chết rồi liền được sinh vào cõi người. Ở đó khởi lên các thức, đó gọi là danh sắc duyên thức.

Có người không hề chú tâm mong cầu sự vui ở cõi người, nhưng vô minh che lấp, nên khởi động tâm, người ấy tạo ra ba thứ hạnh tốt lành về thân-ngữ-ý. Trong đó hạnh tốt lành của thân và ngữ thì gọi là sắc, còn hạnh tốt lành của ý thì gọi là danh. Do cái danh sắc có hạnh tốt lành này làm duyên, nên khi chết rồi liền được sinh vào cõi người. Ở cõi đó lại khởi lên các thức, đó gọi là danh sắc duyên thức.

Như nói về cõi người, các cõi trời Tứ Đại Vương chúng... cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng giống như vậy.

Lại có một loại người đối với cõi trời Phạm chúng mà luôn chú tâm mong cầu. Do mong ước đó mà người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa bỏ ác dục và các pháp bất thiện..., cho đến trụ đầy đủ vào bậc sơ tinh lự. Ở trong định này thì thân và ngữ đều hợp với luật nghi phép tắc, sống đời sống thanh tịnh, gọi đó là sắc, nó liền sinh ra thọ, tưởng, hành thức, gọi đó là danh. Do đây làm điều kiện nên khi chết rồi liền được sinh vào cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ. Ở cõi đó liền khởi lên các thức, đó gọi là danh sắc duyên thức.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, cõi trời Phạm phụ... cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ tùy theo trường hợp của nó, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, trong kinh Đại Nhân Duyên “Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức

Phật: Các thức là có duyên hay không? Đức Phật bảo: Có duyên, cái đó gọi là danh sắc. Đức Phật bảo: Nay thầy Khánh Hỷ, nếu không có danh sắc thì các thức có chuyển đổi hay không? Thầy A-nan-đà đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Nếu không có danh sắc làm chỗ nương nhờ, đời sau vào khi có thọ nhận sinh lão tử thì thức có được sinh ra chăng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Nếu các danh sắc đều không có chỗ thành lập (đặt ra) thì có các thức chăng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Nay thầy Khánh Hỷ, các thức đều lấy danh sắc làm điều kiện, đó gọi là danh sắc duyên thức. Như vậy thì các thức do danh sắc làm duyên, danh sắc làm chỗ nương nhờ, danh sắc làm chỗ lập nên (do danh sắc mà có). Cho nên tất cả khởi đều khởi, tất cả sinh đều sinh, và tụ tập lại rồi xuất hiện ra. Cho nên gọi là danh sắc duyên thức”.

4. Thế nào là danh sắc duyên lục xứ?

Đáp: Nghĩa là có loại người bị rét lạnh ép ngặt, người này mong cầu được ấm áp. Khi đã được ấm áp đầy đủ thì đứng lên trong thân ấm ấm cùng với đại chủng. Trong đó nếu ấm, ấm cùng đại chủng thì gọi là sắc, rồi nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Do danh sắc này mà các căn mắt - tai - mũi - lưỡi - thân và ý đều được thêm lớn, đó gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Nếu bị nóng bức ép ngặt mà mong cầu được mát lạnh thì nên biết cũng như thế.

Lại có một hạng người bị đói ngặt mong được ăn, ăn no xong liền đứng dậy, trong thân ông ta cùng ăn có đại chủng. Trong ấy nếu ăn, ăn cùng đại chủng thì gọi là sắc, tức là ông ta đã sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, đó gọi là danh. Do danh sắc này, sáu căn tăng trưởng, đó gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Lại có hạng người bị khát ngặt, mong được uống, uống no rồi liền đứng dậy, trong thân ông ta cùng uống đại chủng. Trong đó nếu uống, uống cùng đại chủng, gọi là sắc, tức là anh ta đã sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, đó là danh. Do danh sắc này, sáu căn tăng trưởng, gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Lại có hạng người, quá mỗi mệt mong được dừng nghỉ, đặt mình nằm ngủ thỏa ý, rồi đứng dậy cùng đại chủng. Trong đó nếu xoa bóp, nếu cùng đại chủng, thì gọi là sắc, tức là đã sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, đó là danh. Do danh sắc này sáu căn tăng trưởng, gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Lại có hạng người, lúc nóng gắt quá bị khát và nóng muốn nhảy tằm dưới ao mát, uống tằm thỏa ý, đi lên trong đó cùng đại chủng.

Trong đó nước mát nếu cùng đại chủng thì gọi là sắc, tức là anh ta đã sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, đó là danh. Do danh này sắc này, mà sáu căn tăng trưởng, gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Lại theo lời răn dạy của kinh Phả Lạc Lũ Na, Phật có nói: “Này Phả Lạc Lũ Na, vì thức làm thức ăn nên mới có đời sau. Thức này ra sao? Nghĩa là do Kiện-đạt-phước sau cùng mà tâm - ý - thức thêm lớn và trụ vững chắc vào đó, chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, chưa diệt hết, chưa biến đổi nôm mửa ra hết. Cái thức này không gián đoạn, từ trong bào thai mẹ cùng hòa hợp với tự thể Yết-thích-lam. Tự thể hòa hợp Yết-thích-lam này gọi là sắc. Nó liền sinh ra thọ, tưởng, hành, thức gọi là danh. Lúc bấy giờ tác ý không hợp lý cùng sanh ra danh sắc làm duyên, vào trong bào thai mẹ, sáu căn sanh khởi. Đó gọi là danh sắc duyên lục xứ”.

Lại theo lời răn dạy trong kinh Sa Đế, Đức Phật có nói ba sự hòa hợp nhập vào bào thai mẹ. Đó là ba sự gì? Tức là: Lúc cha mẹ hòa hợp cùng khởi nhiễm tâm, bà mẹ khi đó rất sướng khoái và Kiện-đạt-phước hiện ra ngay lúc đó, đó là ba việc hòa hợp mà nhập vào bào thai mẹ. Trong đó Kiện-đạt-phước là tâm- ý- thức sau cùng sẽ lớn mạnh dần và trụ vững chắc, chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, chưa diệt hết, chưa biến đổi mửa ra hết. Thức này không gián đoạn nhập vào bào thai mẹ. Sự nhập thai (thác thai) này gọi là sắc và nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Lúc ấy tác ý không hợp lý cùng sanh ra danh sắc làm duyên, từ trong bào thai mẹ, sáu căn sanh khởi. Đó gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Lại có một loại người tâm bị tham-sân-si trói chặt nên tạo ra ba hạnh ác về thân-ngữ-ý. Trong đó hạnh ác của thân và ngữ là sắc, còn hạnh ác của ý thì gọi là danh. Do danh sắc của hạnh ác này làm duyên, nên khi chết rồi phải bị đọa vào địa ngục, sáu căn sanh khởi, đó gọi là danh sắc duyên lục xứ.

Như nói về địa ngục, các cõi bàng sinh, cõi quỷ nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người đối với các sự vui ở cõi người mà luôn chú tâm mong cầu. Do mong ước đó mà người này tạo ra các hạnh tốt lành về thân-ngữ-ý chiêu cảm đến cõi người. Trong đó hạnh tốt lành của thân và ngữ thì gọi là sắc, còn hạnh tốt lành của ý thì gọi là danh. Do danh sắc có hạnh tốt lành này làm duyên, nên khi chết rồi liền được sinh vào cõi người, sáu căn sanh khởi, đó gọi là danh sắc duyên lục xứ. Như nói về cõi người, các cõi trời Tứ đại vương, cho đến cõi trời Tha

hóa tự tại, nên biết cũng như vậy.

Lại có một loại người đối với cõi trời Phạm chúng mà luôn chú tâm mong cầu. Do mong ước đó mà người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa bỏ ác dục và các pháp bất thiện..., cho đến trụ đầy đủ vào bậc sơ tinh lự. Ở trong định này thì thân và ngữ đều hợp với luật nghi phép tắc, sống đời sống thanh tịnh, gọi đó là sắc. Nó liền sinh ra thọ, tưởng, hành, thức gọi đó là danh. Do đây làm điều kiện nên khi chết rồi liền được sinh vào cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ, ở đó sáu căn sanh khởi, thì gọi là danh sắc duyên với lục xứ.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, cõi trời Phạm phụ... cho đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ, tùy theo trường hợp của nó, nên biết cũng giống như thế. Đó gọi là danh sắc duyên lục xứ. Như vậy lục xứ lấy danh sắc làm duyên, lấy danh sắc làm chỗ nương nhờ, lấy danh sắc làm nơi lập nên. Cho nên tất cả khởi đều khởi, tất cả sinh đều sinh, cùng tụ tập rồi xuất hiện ra. Cho nên gọi là danh sắc duyên lục xứ.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC

QUYỂN 12

Phẩm 21: DUYÊN KHỞI, Phần 2

Hỏi: Thế nào là danh sắc duyên xúc?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ đó hòa hợp thì sinh ra xúc. Trong đó, mắt và sắc thì gọi là sắc, nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Như thế danh sắc làm duyên sinh ra xúc của mắt. Thế nên gọi là danh sắc làm duyên cho xúc..., cho đến ý và pháp làm duyên để sinh ra ý thức, ba thứ hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Trong đó, các ý thức nhận biết các sắc, gọi đó là sắc, nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Như thế, danh sắc làm duyên sinh ra xúc của ý. Đó gọi là danh sắc duyên xúc.

Lại nữa, theo lời khuyên dạy trong kinh Phả Lạc Lũ Na, Đức Phật có nói: Nay Phả Lạc Lũ Na, thức là thức ăn nên nó sinh ra ở đời sau. Thức này là sao?

Nghĩa là Kiện-đạt-phược... Rộng nói cho đến hòa hợp cùng tự thể Yết-thích-lam. Cái tự thể Yết-thích-lam hòa hợp này gọi là sắc. Nó liền sinh ra thọ - tưởng - hành - thức gọi là danh. Bấy giờ nếu phi lý mà tác ý thì đều sinh ra danh sắc làm duyên. Ở trong bào thai mẹ các xúc được sinh ra. Đó gọi là danh sắc duyên xúc

Lại nữa, theo lời khuyên dạy trong kinh Sa Để, Đức Phật có nói: Ba sự hòa hợp nhập vào bào thai mẹ... Rộng nói cho đến cái thức không gián đoạn này nhập vào bào thai mẹ. Sự nhập thai này gọi là sắc. Nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Bấy giờ nếu tác ý phi lý thì cùng sinh ra danh sắc làm duyên. Từ trong bào thai mẹ, các xúc được sinh ra, gọi là danh sắc duyên lục xúc.

Lại có một loại người, do tham-sân-si trói chặt tâm, nên tạo ra ba thứ hạnh ác của thân-ngữ-ý. Trong đó hạnh ác của thân nghiệp và ngữ nghiệp thì gọi là sắc, còn hạnh ác của ý nghiệp thì gọi là danh. Do danh sắc có hạnh ác này làm duyên, nên sau khi chết rồi sẽ bị đọa vào địa

ngục, ở đó các xúc được sinh ra, gọi là danh sắc duyên xúc.

Như nói về địa ngục, các cõi quỷ và bàng sinh, nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người luôn chú tâm mong cầu sự vui ở cõi người. Do sự ước ao đó, người này tạo ra các hạnh tốt lành về thân - ngữ - ý chiêu cảm với cõi người. Trong đó hạnh tốt lành của thân và ngữ nghiệp thì gọi là sắc, còn hạnh tốt lành của ý thì gọi là danh. Do danh sắc có hạnh tốt lành làm duyên, nên sau khi chết liền được sinh vào cõi người. Ở đó các xúc được sinh ra, gọi là danh sắc duyên xúc.

Như nói về cõi người, các cõi trời Tứ Đại Vương chúng... cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người luôn chú tâm mong cầu cõi trời Phạm chúng. Do có mong cầu đó, người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa bỏ các dục, các pháp bất thiện... cho đến trụ đầy đủ vào bậc sơ tinh lự. Ở trong định này thân và ngữ đều hợp với luật nghi phép tắc, sống đời thanh tịnh, gọi đó là sắc. Nó liền sinh ra thọ-tưởng-hành-thức, gọi đó là danh. Do đây làm duyên nên khi chết rồi thì được sinh vào cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ. Ở đó các xúc được sinh ra, gọi là danh sắc duyên xúc.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời Phạm phụ... cho đến cõi Phi tướng phi phi tướng xứ tùy theo trường hợp của nó, nên biết cũng giống như thế.

Lại nữa, trong kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ có hỏi Phật: Các xúc là có duyên hay không? Đức Phật đáp: Có duyên, đó gọi là danh sắc... Rộng nói cho đến nếu dựa vào cái tướng này mà lập ra danh thân, thì nếu cái tướng đó không được đặt ra, thêm lời nói thì có xúc không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Nếu y chỉ (nương nhờ) vào tướng đó mà lập ra sắc thân, tướng đó nếu không thể lập ra được thì có đối xúc chăng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Thế nên, này thầy Khánh Hỷ, các xúc đều lấy danh sắc làm duyên, gọi là danh sắc duyên xúc. Như thế, các xúc đều lấy danh sắc làm duyên, lấy danh sắc làm nơi nương nhờ, lấy danh sắc làm nơi lập nên, cho nên tất cả khởi thì đều khởi, tất cả sinh thì đều sinh, rồi tụ tập lại mà xuất hiện ra. Cho nên gọi là danh sắc duyên xúc.

Hỏi: Thế nào là lục xứ duyên xúc?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nhau nên sinh ra xúc..., cho đến ý và pháp làm duyên để sinh ra ý thức, ba thứ hòa hợp nhau nên sinh ra xúc. Đó gọi là lục xứ duyên

xúc.

Lại còn, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nhau nên sinh ra xúc. Trong đó, mắt là nội duyên (duyên bên trong), sắc là duyên ở ngoài, cùng sinh ra nhãn xúc (xúc của mắt)..., cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ hòa hợp nhau nên sinh ra xúc. Trong đó, ý là duyên bên trong, pháp là duyên bên ngoài, cùng sinh ra xúc của ý. Đó gọi là lục xứ duyên xúc.

Lại còn mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp nhau nên sinh ra xúc. Trong đó nhãn xúc (xúc của mắt) là do nhãn, sắc và nhãn thức cùng làm duyên..., cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Trong đó ý xúc (xúc của ý) là do ý pháp và ý thức cùng làm duyên. Đó gọi là lục xứ duyên xúc.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Trong đó thì nhãn, sắc và nhãn thức đều không phải là xúc, chỉ khi nào ba thứ đó hòa hợp lại thì xúc mới được sinh ra..., cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Trong đó ý pháp và ý thức đều không phải là xúc, chỉ khi nào ba thứ đó hòa hợp lại thì xúc mới được sinh ra. Đó gọi là lục xứ duyên xúc.

Như thế, các xúc lấy lục xứ làm duyên, lấy lục xứ làm chỗ nương nhờ, lấy lục xứ làm chỗ để lập nên (do lục xứ sinh ra). Cho nên tất cả khởi thì đều khởi, tất cả sinh thì đều sinh, rồi tụ tập lại và xuất hiện ra, cho nên gọi là lục xứ duyên xúc.

Hỏi: Thế nào là xúc duyên thọ?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra thọ..., cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, ba thứ đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc và xúc làm duyên nên sinh ra thọ.. Đó gọi là xúc duyên thọ.

Lại nữa, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ đó hòa hợp lại sinh ra xúc, hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ - không vui. Nếu xúc mà thuận với thọ vui làm duyên thì sinh ra thọ vui. Nếu xúc mà thuận với thọ khổ làm duyên thì sinh ra thọ khổ. Nếu xúc mà thuận với thọ không khổ không vui làm duyên thì sinh ra thọ không khổ không vui..., cho đến ý và pháp làm duyên mà sinh ra ý thức ba thứ đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ- không vui. Nếu xúc mà thuận với thọ vui làm duyên thì sinh ra thọ vui. Nếu xúc mà thuận với thọ khổ làm duyên thì sinh ra thọ khổ. Nếu

xúc mà thuận với thọ không khổ- không vui làm duyên thì sinh ra thọ không khổ- không vui. Đó gọi là xúc duyên thọ.

Lại còn như trong kinh nói: Tôn giả Khánh Hỷ bảo với Trưởng giả Cù-sử-la: Nhân giới, sắc giới và nhãn thức giới, mỗi thứ có tự thể riêng biệt. Khi thuận với thọ vui thì hai cái (mắt, sắc) làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba cái (mắt-sắc-nhãn-thức) hòa hợp lại nên sinh ra xúc, thì gọi là xúc thuận thọ vui. Các xúc thuận với thọ vui này làm duyên mà sinh ra thọ cái vui. Khi thuận với thọ khổ thì hai cái cùng làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba cái đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc, thì gọi đó là xúc thuận thọ khổ. Cái xúc thuận với thọ khổ này làm duyên mà sinh ra thọ cái khổ. Khi thuận với thọ không khổ không vui thì hai cái (mắt và sắc) cùng làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba cái (mắt, sắc, nhãn thức) đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc, thì gọi đó là xúc thuận với thọ không khổ không vui. Cái xúc thuận với thọ không khổ không vui này làm duyên mà sinh ra thọ cái không khổ không vui.

Còn ba giới của năm thứ kia (nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) thì rộng nói cũng như vậy. Nên gọi là xúc duyên thọ.

Lại còn trong kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ hỏi Đức Phật: Các thọ là có duyên hay không? Đức Phật đáp: Có duyên. Đó gọi là xúc. Rộng nói cho đến: Nếu không có nhãn xúc hay là có nhãn xúc làm duyên, thì có sinh ra các thọ bên trong về vui, về khổ, về không vui không khổ chẳng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Cho đến: Nếu không có ý xúc hay là có ý xúc làm duyên, thì có sinh ra các thọ bên trong về vui, về khổ, về không vui- không khổ chẳng? (Các thọ vui khổ... có sinh ra chẳng?) Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Nếu hoàn toàn không có xúc để quan niệm được thì có các thứ thọ hay không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Nay thầy Khánh Hỷ, các thọ đều lấy xúc làm duyên. Đó gọi là xúc duyên thọ. Như thế, các thọ đều lấy xúc làm duyên, lấy xúc làm chỗ nương dựa, lấy xúc làm chỗ lập nên (do xúc mà có). Cho nên tất cả khởi thì đều khởi, tất cả sinh thì đều sinh, rồi tụ tập lại mà xuất hiện ra, cho nên gọi là xúc duyên thọ.

Hỏi: Thế nào là thọ duyên ái?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba cái đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra thọ và thọ làm duyên nên sinh ra ái, cho đến ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, cả ba cái đó hòa hợp lại nên sinh ra xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra thọ và thọ làm duyên nên sinh ra ái. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, mắt có nhiều sự hấp dẫn thích thú thọ làm duyên nên nó

luôn luôn theo đuổi bám chặt (trụ) vào mắt đó. Do luôn bám chặt đeo đuổi theo mắt đó, nên khởi lên các tham muốn, yêu mến cầm nắm, cất giấu giữ gìn, chấp chặt, mến yêu, nhiệm trước... cho đến vì ý có nhiều cái hấp dẫn thích thú thọ làm duyên nên luôn luôn theo đuổi bám chặt cái ý đó. Do luôn luôn bám chặt đeo đuổi ý đó, nên khởi lên các tham muốn, mến yêu cầu nắm, cất giấu, giữ gìn, chấp chặt, mến thích nhiệm trước... Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại còn trong kinh Thủ Uẩn, Đức Phật có nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Đối với các sắc hấp dẫn thú vị thì ta luôn suy nghĩ tìm xét thấy có những cái thuộc về sắc mà đã khởi lên sự thích thú khoái trá..., thì Ta dùng chánh tuệ để tìm xét thấy biết: Vì nó lấy cái sắc hấp dẫn thú vị mà thọ làm duyên, nên luôn luôn đeo đuổi bám chặt sắc đó. Do luôn đeo đuổi bám chặt sắc đó, nên khởi lên các ý tham lam ham muốn, cầm nắm, cất giấu, giữ gìn, chấp chặt, mến thương, yêu thích, nhiệm trước... Cho đến đối với các thức thú vị hấp dẫn, Ta cũng đã suy tư tìm xét các thứ thuộc về thức mà hoặc đã thích thú khoái trá hoặc đang thích thú khoái trá. Ta dùng chánh tuệ suy xét tìm hiểu, biết vì nó lấy cái thức hấp dẫn thú vị mà thọ làm duyên, nên luôn luôn theo đuổi bám chặt, khởi lên các tham lam ham muốn, cầm nắm cất giấu, giữ gìn chấp chặt, mến thương yêu thích nhiệm trước. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại còn, trong kinh Thủ Uẩn, Đức Thế Tôn lại nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Nếu trong các sắc đều không có gì hấp dẫn thú vị, thì các loài hữu tình đều cần phải mê đắm sắc. Do các sắc đều không phải là không có gì hấp dẫn thú vị cho nên các loài hữu tình mới bị sắc nhuộm. Vì nó lấy cái sắc hấp dẫn thú vị mà thọ làm duyên, nên luôn đeo đuổi bám chặt lấy nó, do đó mà khởi lên tham lam ham muốn, nắm cầm, cất giấu giữ gìn, chấp chặt mến thương, yêu mến, nhiệm trước. Cho đến nếu các thức đều không có chi là hấp dẫn thú vị thì loài hữu tình có mê chấp thức làm gì? Chỉ vì các thức cũng chẳng phải là không hấp dẫn thú vị, nên loài hữu tình mới đắm đuối say mê. Do nó lấy thức hấp dẫn mà thọ làm duyên, rồi đeo đuổi bám riết mãi thì làm sao mà chẳng khởi lên tham lam ham thích cất giấu giữ gìn mến yêu mê thích nhiệm trước? Thế nên gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa trong kinh Lục Xứ, Đức Phật có nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Đối với sự hấp dẫn của mắt ta đã từng suy tư tìm hiểu các thức thuộc về mắt hoặc đã hay đang thích thú khoái trá, thì Ta dùng chánh tuệ mà tìm hiểu xét đoán, thấy vì nó lấy mắt hấp dẫn thú vị mà thọ làm duyên, nên luôn luôn theo đuổi bám chặt lấy nó, do đó mà đối với mắt

liền khởi lên tham lam ham muốn cầm nắm cất giấu giữ gìn chấp chặt mền yêu đắm trước. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa trong kinh Lục Xứ, Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Nếu trong các mắt đều không có gì là hấp dẫn thú vị thì các loài hữu tình đâu có đối với mắt mà khởi lên nhiễm trước. Do trong các mắt không phải là không hấp dẫn thú vị nên các loài hữu tình mới phải khởi nhiễm đối với mắt. Là vì nó lấy các mắt hấp dẫn thú vị mà thọ làm duyên, rồi theo đuổi bám chặt mãi, do đó mà đối với mắt lại khởi lên sự tham lam, ham muốn, cầm nắm cất giấu giữ chặt mền yêu nhiễm trước..., cho đến nếu trong các ý đều không hấp dẫn thú vị, thì các loài hữu tình không khởi nhiễm (mê say) với ý. Chẳng qua là vì ý không phải hoàn toàn không hấp dẫn thú vị cho nên loài hữu tình mới đối với ý mà thích thú khoái trá, vì nó lấy các ý hấp dẫn thú vị ấy thọ làm duyên, nên luôn luôn đeo đuổi bám chặt lấy ý, do đó mà khởi lên lòng tham lam ham muốn nắm cầm cất giấu giữ gìn chấp chặt mền yêu nhiễm trước. Thế nên gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa trong kinh Lục xứ, Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Đối với các sắc hấp dẫn thú vị, Ta đã từng suy tư tìm xét các thứ thuộc về sắc hoặc đã và đang say mê khoái trá. Ta liền dùng chánh tuệ mà tìm hiểu xét đoán, thấy rõ vì lấy các sắc hấp dẫn thú vị thọ làm duyên, cho nên theo đuổi bám chặt mãi các sắc. Do đó mà khởi lên các tham lam ham muốn, cầm giữ cất giấu chấp chặt mê say nhiễm trước..., cho đến các pháp hấp dẫn thú vị, Ta đã từng suy xét tìm hiểu các thứ thuộc về pháp hoặc đã và đang thích thú khoái trá. Ta liền dùng chánh tuệ mà tìm hiểu xét đoán, thấy rõ vì nó lấy cái pháp hấp dẫn thú vị thọ làm duyên, cho nên luôn đeo đuổi bám chặt các pháp. Do luôn đeo đuổi bám chặt nên khởi lên tham lam ham muốn cầm giữ cất giấu chấp chặt, mền yêu nhiễm trước. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa trong kinh Lục Xứ, Đức Thế Tôn có nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Nếu trong các sắc này mà không có gì hấp dẫn thú vị, thì loài hữu tình không cần phải đối với các sắc đó mà khởi nhiễm. Nhưng chỉ vì các sắc ấy không phải hoàn toàn là những thứ không thú vị hấp dẫn gì, cho nên các loài hữu tình đều đắm mê sắc ấy. Và nó lấy các sắc thú vị hấp dẫn thọ làm duyên, nên luôn luôn đeo đuổi bám chặt các sắc ấy. Do đó mà khởi lên các tham lam ham muốn, cầm giữ cất giấu, chấp chặt, mền yêu nhiễm trước..., cho đến nếu trong các pháp đều không thú vị hấp dẫn gì, thì các loài chúng sinh không hề đắm mê các sắc. Nhưng vì các sắc ấy không phải hoàn toàn là không hấp dẫn thú vị, nên các loài

hữu tình đã đắm say nhiễm trước. Vì nó lấy các pháp hấp dẫn thú vị thọ làm duyên, nên luôn đeo đuổi bám chặt lấy các sắc, do đó mà khởi lên các tham lam ham muốn cầm giữ, giấu cất, chấp chặt, mền yêu nhiễm trước. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại nữa, Phật nói với Đại Danh Ly Chiếm Tỳ: Thầy Đại Danh nên biết! Nếu các sắc cứ một mực chỉ có khổ không có vui, không thuộc về vui, không có dính líu gì đến vui mừng đáng yêu thích..., thì loài hữu tình chỉ mong tìm vui vẻ, đâu có khởi lên lòng ham muốn đắm mê các sắc và bị phiền não trói buộc chặt chẽ? Cũng vì loài hữu tình lấy cái sắc hấp dẫn thú vị đó mà thọ làm duyên, nên luôn đeo đuổi duyên nơi sắc đó. Vì luôn bám chặt nên khởi lên các tham lam ham muốn, cầm giữ, cất giấu, chấp chặt, mền yêu mê đắm..., cho đến nếu các thức cứ một mực toàn là khổ chứ không có vui, không thuộc về vui, không dính líu gì đến vui mừng đáng yêu thích, thì các loài hữu tình (mọi người) chỉ mong tìm vui vẻ đâu có khởi lên lòng ham muốn đắm mê các thức và bị phiền não trói chặt. Do nó lấy các thức thú vị hấp dẫn thọ làm duyên, nên luôn luôn đeo đuổi bám chặt với sắc, vì cứ mãi đeo đuổi bám chặt nên khởi lên các tham lam ham muốn cầm giữ, cất giấu, chấp chặt, mền yêu mê đắm. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại còn, trong kinh Mãn Nguyệt, Đức Phật có nói: Các thầy Bì-sô nên biết! Do sắc làm duyên, nên dấy khởi sinh ra vui mừng ham thích, đó gọi là sắc thú vị hấp dẫn. Vì do sắc thú vị ấy làm duyên, nên cứ mãi đeo đuổi bám chặt lấy nó. Do đeo đuổi bám chặt mãi nên khởi lên các tham lam ham muốn cầm giữ, cất giấu, chấp chặt, mền yêu mê đắm..., cho đến do các thức làm duyên nên dấy khởi sinh ra vui mừng ham thích, đó gọi là thức thú vị hấp dẫn. Vì lấy thức thú vị ấy làm duyên nên mãi đeo đuổi bám chặt lấy nó. Do đeo đuổi bám chặt mãi nên khởi lên các tham lam ham muốn cầm giữ, cất giấu, chấp chặt, mền yêu mê đắm..., cho đến do các thức làm duyên nên khởi lên ham thích vui mừng, đó gọi là thức thú vị hấp dẫn. Đó gọi là thọ duyên ái.

Lại còn trong kinh Đại Nhân Duyên, Đức Phật bảo Khánh Hỷ: Do ái (yêu thích) làm duyên cho nên mong cầu tìm kiếm, do mong cầu làm duyên mà nó có được, do có được làm duyên nên say đắm chấp chặt, do say đắm chấp chặt làm duyên nên tham lam ham muốn, do tham lam ham muốn làm duyên nên keo kiệt bủn xỉn, do keo kiệt làm duyên nên nhận lấy, do nhận lấy làm duyên nên ôm chặt giữ gìn. Nhân vì ôm chặt giữ gìn mà quơ đao múa gậy, cãi cọ đâm chém giành giật, đua nịnh, dối trá phỉnh gạt, sinh ra vô số tội ác bất thiện. Phật bảo Khánh

Hỷ: Quơ đao múa gậy đánh đấm, tranh cãi, giành giật, dua nịnh dối trá lừa dối, tạo ra vô số tội ác bất thiện đều là do giữ gìn ôm chặt, do nó mà có các việc xấu ác đó. Nếu giữ gìn ôm chặt không có thì các tội ác ấy có không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Thế nên các việc quơ đao, múa gậy v.v... là do giữ gìn ôm chặt làm đầu mối, giữ chặt làm nhân, giữ chặt làm chỗ chứa nhóm tập hợp, giữ chặt làm duyên mà sinh ra có được. Như vậy thì giữ chặt là nhân của sự nhận lấy. Do nhận lấy làm duyên mà có giữ chặt. Nếu không có nhận lấy thì giữ chặt có không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Thế nên nhận lấy và giữ chặt là đầu mối. Nhận lấy làm nhân, nhận lấy làm nơi chiêu tập chứa nhóm, nhận lấy làm duyên mà sinh ra có được. Rộng nói cho đến các sự mong cầu tìm kiếm như thế là đều do ái (yêu thích) làm nhân. Do ái làm duyên mà có mong cầu. Nếu cái ái không có thì có mong cầu hay không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Thế nên các sự mong cầu, ái là đầu mối, ái là nhân, ái, là chỗ tụ tập chứa nhóm của nó, ái là duyên của nó nên cái có được liền khởi sinh. Thầy Khánh Hỷ nên biết! Ái có hai thứ là ái dục và ái hữu (ái dục và yêu thích). Cả hai thứ này đều nương vào thọ mà có. Nếu thọ không có thì cả hai thứ ái đó cũng không. Thế nên nói thọ duyên ái.

Như thế thì cái ái là do thọ làm duyên, do thọ làm chỗ nương nhờ, do thọ làm nơi lập nên, cho nên tất cả khởi thì đều khởi, tất cả sinh thì đều sinh, rồi tụ họp lại mà xuất hiện ra. Cho nên nói là thọ duyên ái.

Hỏi: Thế nào là ái duyên thủ?

Đáp: Nghĩa là khi mới sinh thì gọi là ái. Nhưng khi ái càng mạnh mẽ cao độ hơn thì đổi tên gọi là thủ.

Việc này như thế nào? Nghĩa là như có một người đối với các cảnh dục chú tâm theo dõi nhìn xét, rồi khởi lên sự ràng buộc của tham dục ham muốn, và từ các ràng buộc này lại khởi lên, mạnh mẽ dữ dội hơn, tràn trề đầy dẫy hơn. Sự ràng buộc trước gọi là ái, sự ràng buộc xảy ra sau gọi là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Lại còn, như có một loại người đối với các cảnh dục hoặc không có cảnh dục mà chú tâm nhìn ngắm, rồi khởi lên sự ràng buộc của tham sắc hoặc không bị sự ràng buộc của tham sắc. Người này từ ràng buộc này lại khởi lên sự ràng buộc khác, càng phát triển cao hơn, mạnh mẽ càng mạnh mẽ, dữ dội hơn, càng tràn trề đầy dẫy hơn. Sự sinh khởi cái ràng buộc trước gọi là ái, cái ràng buộc sau thì gọi là thủ. Thế nên nói là ái duyên thủ.

Lại trong kinh Hiểm Khanh, Đức Phật có nói: Nay các thầy Bí-sô!

Ta sẽ nói cho các thầy biết về các pháp chính yếu đã chọn lọc kỹ về các uẩn, đó là bốn niệm trụ, bốn chánh thắng, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo. Nếu khi giảng nói các pháp yếu được tuyển chọn kỹ về các uẩn mà có số người quá đỗi ngu si, không chịu mạnh mẽ tin tưởng mến thích cung kính lời Ta nói, thì người này sẽ khó (chậm chạp) mà chứng được quả, dứt hết các lậu vô thượng. Nhưng lại có một số người thông minh sáng suốt, tin tưởng mạnh mẽ, mến thích quý trọng đối với pháp Ta nói, thì người này sẽ nhanh chóng chứng được quả vô thượng diệt hết các lậu.

Lại còn có một số người đối với lời Ta nói về các sắc uẩn mà theo đó quan sát về ngã. Người này giỏi quan sát về hành thì hành lấy gì làm duyên, lấy gì làm chỗ tập hợp chứa nhóm?

Nó là chủng loại nào, từ đâu mà sinh ra?

Đó là do vô minh và xúc mà sinh ra các thọ để làm duyên sinh ra các cái ái. Cái hành sinh ra đây thì lấy vô minh làm duyên, dùng nó làm nơi tụ tập, nó là chủng loại từ đó sinh ra. Còn ái này sinh ra thì lấy cái gì làm duyên, dùng cái gì làm nơi tụ họp, nó thuộc chủng loại nào, từ đâu sinh ra?

Nghĩa là do vô minh và xúc mà sinh ra các thọ. Từ đây sinh ra ái thì lấy thọ làm duyên, dùng thọ làm nơi chứa nhóm quy tụ, nó là chủng loại của thọ, từ thọ mà sinh. Còn thọ sinh ra này thì lấy gì làm duyên, dùng cái gì làm chỗ tụ tập, nó thuộc chủng loại nào, từ đâu sinh ra? Nghĩa là vô minh và xúc sinh ra thọ này, thọ sinh ra ở đây lấy xúc làm duyên, dùng xúc làm nơi tụ tập, nó thuộc chủng loại xúc, từ xúc sinh ra.

Còn xúc này lấy gì làm duyên, dùng cái gì làm nơi tụ họp, nó thuộc chủng loại nào, từ đâu sinh ra?

Nghĩa là lục xứ. Xúc sinh ra đây, lấy lục xứ làm duyên, dùng lục xứ làm nơi tụ tập, thuộc chủng loại lục xứ, do lục xứ mà sinh ra. Nhưng lục xứ đó là vô thường hữu vi, là có tạo tác, nó từ nhiều duyên sinh ra. Như thế khi quan sát về xúc- thọ- ái thì chúng cũng là vô thường hữu vi, là có tạo tác và do nhiều duyên sinh ra. Cứ theo đó mà quan sát thì sắc là ngã. Đó là có thân kiến (thấy có thân) nên ngay đó liền khởi lên sự ràng buộc. Nó từ sự ràng buộc này lại khởi sinh ra các ràng buộc khác, càng phát triển cao hơn, mạnh mẽ dữ dội hơn, đầy đầy tràn lan hơn. Và sự ràng buộc trước thì gọi là ái, cái ràng buộc sau thì đổi tên là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Có người đối với sắc chẳng tùy theo uẩn về ngã mà tùy theo quán

tất cả. Có loại ngã có các sắc mà không cần tùy theo quán; có loại ngã có các sắc cần tùy theo quán. Có loại sắc là ngã sở mà không cần tùy theo quán; có loại sắc là ngã sở mà cần tùy theo quán, có loại ngã ở trong sắc mà cần tùy theo quán, có loại thọ- tưởng- hành- thức là ngã mà không cần tùy theo quán, lại có thọ tưởng hành thức là ngã mà cần tùy theo quán. Có loại ngã có thọ - tưởng - hành - thức mà cần tùy theo quán. Có loại thọ - tưởng - hành - thức là ngã mà không cần tùy theo quán, lại có loại thọ - tưởng - hành - thức là ngã sở mà cần tùy theo quán. Có loại ngã ở trong thọ - tưởng - hành - thức mà không cần tùy theo quán, lại có loại ngã ở trong thọ - tưởng - hành - thức mà khởi nghi ngờ. Có loại chẳng khởi nghi ngờ mà khởi thấy có và thấy không có. Có loại chẳng khởi lên thấy có - thấy không có mà lại không lìa bỏ ngã mạn, cho nên do tùy theo quán ngã và ngã sở mà khởi lên ngã mạn. Cái hành ngã mạn này lấy gì làm duyên, dùng cái gì làm nơi tụ tập, là chủng loại nào, do đâu sinh ra? Ấy là do vô minh và xúc sinh ra, hành thì lấy nó làm duyên sinh ra ái. Cái hành sinh ra đây thì lấy nó làm duyên, dùng nó làm nơi tụ họp, thuộc chủng loại của nó, từ nó mà sinh ra. Rộng nói cho đến như lục xứ là vô thường hữu vi, là có tạo tác do nhiều duyên sinh ra.

Như thế thì xúc - thọ - ái và hành ngã mạn, cũng là vô thường hữu vi, là có tạo tác, do nhiều duyên sinh ra. Như thế ngã mạn là có thân kiến (thấy có thân), mà khởi lên sự ràng buộc của ngã mạn. Từ ràng buộc này lại khởi lên ràng buộc khác, càng lúc càng phát triển cao hơn, càng mạnh mẽ dữ dội hơn, càng đầy đặn tràn lan hơn. Ràng buộc trước thì gọi là ái, cái ràng buộc sau thì đổi tên gọi là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Lại thêm, có người chấp: Thế gian này là thường còn, hoặc không thường còn, hoặc cũng thường còn mà cũng không thường còn, hoặc là không phải thường còn cũng không phải là không thường còn (về thời gian).

Có thuyết chấp thế gian này là có giới hạn (bờ cõi), hoặc không giới hạn, hoặc cũng có giới hạn mà cũng không giới hạn, hoặc không phải có giới hạn cũng không phải là không giới hạn (về không gian).

Có thuyết chấp mạng sống chính là thân, hoặc cho rằng mạng sống khác với thân xác này.

Có thuyết cho rằng Như Lai sau khi chết rồi thì vẫn còn (có), hoặc không còn, hoặc cũng có mà cũng không có (còn cũng không còn), hoặc không phải có cũng không phải là không có.

Các sự chấp ở trên đều là cái thấy, cái nhận thức phiến diện, thiên lệch không đúng như thật. Do đó, ngay khi ấy liền khởi sinh các sự ràng buộc chấp chặt khác càng lúc càng tăng cao, phát triển mãi càng mạnh mẽ, lại càng mạnh mẽ dữ dội hơn, đã đầy ắp lại càng đầy đầy lan rộng mãi. Ràng buộc ở trước thì gọi là ái, ràng buộc sau thì đổi tên gọi là thủ. Thế nên nói là ái duyên thủ.

Lại có thuyết chấp Thế Tôn không phải là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác..., cho đến không phải là Thiên Nhân Sư. Chấp rằng chánh pháp của Phật không phải là khéo nói hiện thấy..., cho đến không phải là người trí đạt được nội chứng. Chấp rằng các hàng đệ tử của Phật không đầy đủ các điều hạnh..., cho đến không phải là hạnh tùy pháp.

Hoặc chấp không có khổ - tập - diệt - đạo, hoặc chấp không có tất cả các hành vô thường, không có tất cả các pháp vô ngã, không có Niết-bàn tịch tĩnh.

Tất cả các nhận thức chấp chặt như trên đều là tà kiến. Do đó mà ngay khi ấy liền sinh khởi các sự ràng buộc. Rồi từ các ràng buộc chấp chặt này lại sinh ra các ràng buộc chấp chặt khác, càng lúc càng tăng cao phát triển mãi. Càng mạnh mẽ lại càng dữ dội mạnh mẽ hơn, đã đầy ắp lại càng đầy đầy lan rộng mãi. Cái ràng buộc trước gọi là ái, những ràng buộc sau thì đổi tên gọi là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Lại còn có các thuyết chấp thế gian này là thường có mãi, và chỉ có đây là đúng như thật, còn các thuyết khác đều là sai lầm ngu mê cả. Hoặc chấp là không thường còn (vô thường)..., cho đến chấp: Như Lai sau khi chết rồi thì không phải có, không phải không có. Chỉ có đây là đúng như thật, các thuyết khác đều là sai lầm ngu mê cả.

Các nhận thức, chấp chặt ở trên đều là kiến thủ. Do đó ngay khi ấy liền khởi lên các sự ràng buộc. Rồi từ các ràng buộc này sinh khởi các ràng buộc khác, càng lúc càng tăng cao, phát triển mãi, càng mạnh mẽ lại càng dữ dội mạnh mẽ hơn, đã đầy ắp rồi lại càng đầy đầy lan rộng mãi. Cái ràng buộc trước gọi là ái, và ràng buộc sau thì đổi tên gọi là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Lại còn có khởi lên giới thủ hoặc khởi lên cấm thủ hay giới cấm thủ. Nghĩa là các điều răn này (giới), các điều cấm này (cấm), các điều răn cấm này (giới cấm) đều giúp ta được thanh tịnh, được giải thoát, được xuất ly, được vượt lên khổ vui và đạt đến chỗ vượt hết chỗ vui..., các chấp đó đều là giới cấm thủ. Do đó, ngay khi ấy liền khởi sinh các sự ràng buộc. Rồi từ các ràng buộc này lại sinh khởi các ràng buộc khác, càng lúc càng tăng cao, phát triển mãi, càng mạnh mẽ dữ dội hơn,

đã đầy ấp rồi lại càng đầy dẫy lan rộng mãi. Ràng buộc trước gọi là ái, và các ràng buộc sau thì đổi tên gọi là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Lại còn có kẻ đối với Đức Thế Tôn mà khởi lên sự ngờ vực, do dự rằng không biết đó có phải là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không..., cho đến có phải là thầy của trời người, hay không phải là thầy của trời người?

Và đối với chánh pháp của Phật thì nảy sinh ngờ vực lừng chừng rằng đây là pháp khéo nói hiện thấy hay không phải là pháp khéo nói hiện kiến? Cho đến... có phải là bậc trí nội chứng hay không phải là bậc trí nội chứng (nội chứng của bậc trí)?

Và đối với hàng đệ tử Phật mà nảy sinh nghi ngờ lừng chừng rằng không rõ là có đầy đủ diệu hạnh hay không phải bậc đầy đủ diệu hạnh (hạnh tốt lành)... cho đến... có phải là hạnh tùy pháp hay không phải là hạnh tùy pháp?

Đối với bốn Thánh đế cũng nảy sinh ngờ vực không biết đó là khổ... cho đến đó là đạo hay không phải là đạo?

Đối với ba pháp ấn cũng nảy sinh ngờ vực rằng không biết là tất cả hành đều vô thường hay không vô thường, tất cả pháp đều là vô ngã hay không vô ngã và Niết-bàn là tịch tĩnh hay Niết-bàn là không tịch tĩnh?

Các thứ trên đều là hoài nghi, ngờ vực, do đó mà khởi sinh các sự ràng buộc, rồi từ ràng buộc này lại sinh khởi các ràng buộc khác, càng lúc càng tăng cao, phát triển mãi, càng mạnh lại dữ dội hơn, đã đầy ấp lại đầy dẫy lan rộng mãi. Ràng buộc trước thì gọi là ái, còn các ràng buộc sau thì gọi là thủ. Đó gọi là ái duyên thủ.

Lại còn tất cả tứ thủ đều lấy ái làm duyên, dùng ái làm nơi tu tập, nó thuộc chủng loại ái và do ái sinh ra. Bốn thủ là gì? Đó là:

1. Dục thủ.
2. Kiến thủ.
3. Giới cấm thủ.
4. Ngã ngữ thủ.

- Thế nào là dục thủ?

Đáp: Nghĩa là ở cõi Dục, trừ các thứ kiến khác thì toàn là sự ràng buộc của tùy miên và tùy phiền não, gọi đó là dục thủ.

- Thế nào là kiến thủ?

Đáp: Nghĩa là gồm các thứ thân kiến, biên chấp kiến, tà kiến và kiến thủ. Bốn kiến đó thì gọi đó là kiến thủ.

- Thế nào là giới cấm thủ?

Đáp: Nghĩa là có một loại người tuân giữ các điều răn, các điều cấm, các điều răn cấm và cho rằng giữ các điều đó thì được thanh tịnh, được giải thoát, được xuất ly, được vượt các khổ vui, được đến chỗ vượt hết khổ vui. Đó gọi đó là giới cấm thủ.

- Thế nào là ngã ngữ thủ?

Đáp: Nghĩa là ở cõi Sắc và Vô sắc, trừ các kiến khác ra toàn là các trói buộc của tùy miên và tùy phiền não. Đó gọi là ngã ngữ thủ.

Lại trong kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ có hỏi Đức Phật: Các thủ là có duyên hay không? Đức Phật nói: Có duyên, cái duyên đó gọi là ái. Rộng nói cho đến: Nếu toàn bộ không có ái được thành lập thì có các thủ hay không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Như thế đấy, thầy Khánh Hỷ, các thủ đều lấy ái làm duyên cho nó. Đó gọi là ái duyên thủ. Như vậy, các thủ đều lấy ái làm duyên, lấy ái làm chỗ tụ tập, lấy ái làm chỗ lập nên. Cho nên tất cả khởi thì đều khởi, tất cả sinh thì đều sinh, rồi tụ tập và xuất hiện ra. Cho nên gọi là ái duyên thủ.

Hỏi: Thế nào là thủ duyên hữu?

Đáp: Nghĩa là do thủ làm duyên rồi đặt ra có nhiều thứ hữu (có). Nghĩa là hoặc Phật nói năm uẩn trong ba cõi là hữu, hoặc nói hay chiêu cảm nghiệp ở đời sau thì cũng gọi là hữu, hoặc nói sinh phần của năm uẩn cũng gọi là hữu.

Thế nào là năm uẩn trong ba cõi gọi là hữu? Nói về ba hữu thì gồm Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu.

Thế nào là nói hay chiêu cảm nghiệp đời sau gọi là hữu? Như Đức Thế Tôn bảo thầy A-nan-đà: Nếu nghiệp có khả năng chiêu cảm được đời sau thì gọi là hữu.

Thế nào gọi là sinh phần của năm uẩn thì gọi là hữu?

Như Đức Thế Tôn bảo thầy Phả Lạc Lũ Na: Do thức làm thức ăn, cho nên nảy sinh ra đời sau.

Lại như trong kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ có hỏi Đức Phật: Các hữu là có duyên hay không? Đức Phật bảo: Có duyên, duyên đó gọi là thủ. Rộng nói cho đến: Nếu toàn bộ không có thủ được lập ra thì có các hữu không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Như thế đó, thầy Khánh Hỷ, các hữu đều lấy thủ làm duyên cho mình. Nên gọi là thủ duyên hữu. Như vậy, các hữu đều lấy thủ làm duyên, lấy thủ làm nơi tụ tập, lấy thủ làm chỗ lập nên. Cho nên tất cả khởi thì đều khởi, tất cả sinh thì đều sinh, rồi tụ tập và xuất hiện ra. Cho

nên gọi là thủ duyên hữu.

Hỏi: Thế nào là hữu duyên sinh?

Đáp: Nghĩa là có một người do tham sân si trói chặt tâm, nên đã tạo ra hạnh ác của thân ngữ ý. Ba thứ hạnh ác này gọi là nghiệp hữu. Do nhân duyên này mà khi chết rồi liền bị đọa vào địa ngục. Ở đó các sinh thì đều sinh ra, cùng nhập vào và xuất hiện ra uẩn. Khi có được giới - xứ và các uẩn thì mạng căn được sinh ra và gọi là sinh. Cái sinh này nó duyên với hữu nên nảy sinh ra. Đó gọi là hữu duyên sinh.

Như nói về địa ngục, các cõi bàng sinh, cõi quỷ nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người đối với các lạc thú ở cõi người luôn chú tâm mong cầu. Người ấy nghĩ: Ta ước ao mong sao được sinh vào và sống ở cõi người, cùng loài người đồng hưởng thụ các khoái lạc. Nhân sự mong cầu ấy, người đó tạo ra ba hạnh tốt lành về thân ngữ ý hay cảm được làm người. Ba hạnh tốt lành (điều hạnh) đó gọi là nghiệp hữu. Do nhân duyên đó mà khi chết rồi liền được sinh vào cõi người, và sống ở đấy, rồi các sinh đều sinh ra..., cho đến mạng căn được khởi lên, nói là sinh. Cái sinh này duyên với hữu cho nên có khởi lên. Đó gọi là hữu duyên sinh.

Như nói về cõi người, các cõi trời Tứ Thiên Vương chúng... cho đến cõi trời Tha-hóa-tự-tại, nên biết cũng giống như thế.

Lại có một loại người đối với cõi trời Phạm chúng luôn chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao ta được sinh lên cõi trời Phạm chúng cùng sống với họ. Do có ước ao đó, người này siêng năng tu tập các gia hạnh, lìa bỏ ác dục và các pháp bất thiện, có đủ tâm và từ, lìa sự sinh ra vui mừng, trụ đầy đủ vào bậc sơ tính lực. Ở trong định này các thân nghiệp và ngữ nghiệp đều hợp với luật nghi phép tắc, sống đời thanh tịnh, nên nói là nghiệp hữu. Do nhân duyên này nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Phạm chúng cùng sống như họ. Ở cõi đó các đời sống đều được sinh ra, đó là sinh. Cái sinh này duyên với hữu, cho nên sinh khởi lên. Đó gọi là hữu duyên sinh.

Như nói về cõi trời Phạm chúng, các cõi trời Phạm phụ... cho đến cõi trời Quảng quả, nên biết cũng giống như vậy.

Lại có một loại người đối với cõi trời vô tướng luôn chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao ta được sinh lên cõi trời Vô tướng cùng sống với họ. Nhân ước mong đó, người này siêng năng tu tập các gia hạnh, tư duy suy nghĩ các tướng là cái chướng khổ to, suy nghĩ về vô tướng là sự xa lìa tịnh diệu, do suy nghĩ đó nên đã diệt hết các tướng

và an trụ vào vô tướng. Người này đã diệt hết các tướng, khi trụ vào vô tướng thì gọi là định vô tướng. Khi nhập định này thì các thân nghiệp và ngũ nghiệp hợp với luật nghi phép tắc, sống đời thanh tịnh, nói là nghiệp hữu. Do nhân duyên này nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Vô tướng cùng sống như họ. Ở cõi đó các sinh đều sinh..., cho đến mạng căn khởi lên, gọi là sinh. Cái sinh này duyên với hữu, nên nó khởi lên. Đó gọi là hữu duyên sinh.

Lại có một loại người đối với cõi trời Không vô biên xứ luôn chú tâm mong cầu. Người này nghĩ: Ước mong sao ta được sinh lên cõi Không vô biên xứ cùng sống với họ. Do ước mong này, nên người đó siêng năng tu tập các gia hạnh, vượt lên các sắc tướng, diệt hết đối tượng, không còn suy nghĩ đến các thứ tướng nữa nên nhập vào Không vô biên và trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ. Ở trong định này thì các tướng đều tướng, hiện đang tướng, đã và sẽ tướng, tính chất và chủng loại của tướng, tạo ra các nghiệp tâm ý, gọi đó là nghiệp hữu. Do nguyên nhân này nên khi chết rồi liền được sinh lên cõi trời Không vô biên xứ cùng sống như họ. Ở đó các sinh đều sinh, cho đến mạng căn được sinh khởi, nói là sinh. Cái sinh này vì duyên với hữu, nên nó khởi lên. Đó gọi là hữu duyên sinh.

Như nói về cõi trời Không vô biên xứ cho đến cõi Phi tướng phi tướng xứ, tùy theo trường hợp nên biết nó cũng giống như thế.

Lại trong kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ có hỏi Đức Phật: Các sinh là có duyên hay không? Phật nói: Có duyên, cái duyên đó gọi là hữu. Rộng nói cho đến: Nếu không có nghiệp hữu thì các loài cá, chim, rắn, rít, loài Na già, Dược-xoa bộ đa, loài ăn tướng mùi hương của hàng trời, người, các loài không chân, hai chân, nhiều chân hoặc các loài khác. Bao nhiêu loài hữu tình đang tập hợp chung sống thì các sinh đều sinh, tất cả có được không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Hỏi: Nếu hoàn toàn không có hữu thì sinh có được chăng? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Như thế đấy, thầy Khánh Hỷ, các sinh đều lấy hữu làm duyên. Thế nên gọi là hữu duyên sinh. Như thế, các sinh lấy hữu làm duyên, lấy hữu làm nơi nương dựa, lấy hữu làm nơi lập nên. Cho nên các khởi đều khởi, các sinh đều sinh, cùng tụ tập lại rồi xuất hiện ra. Thế nên gọi là hữu duyên sinh.

Hỏi: Thế nào là sinh duyên lão tử?

Đáp: Nghĩa là vô số loài hữu tình cùng tập hợp chung sống với nhau, các sinh đều sinh, cùng tiến vào và xuất hiện các uẩn, khi có đủ giới- xứ và các uẩn thì mạng căn được khởi sinh, gọi là sinh.

Khi tóc đã bạc phơ và rụng hết, da dùn, mặt nhăn, thân còm, lưng gập, hơi thở khò khè gấp rút nường vào gậy chống mà lần từng bước, thân thể tay chân loang lỗ nốt ruồi, thân thể suy kém, lẩm cẩm đần độn. Các bộ phận già cỗi hư nát, các hành do đó cũng bại liệt, mục nát và biến hoại suy kém..., các thứ ấy gọi là già.

Các loài hữu tình đang đông đúc tụ họp chung sống, bỗng đời đổi và hư nát biến mất, từ giả biệt ly mạng sống (tuổi thọ), sức ấm và hiểu biết không còn nữa, thân xác bất động, các uẩn tan mất cả, chết chóc đã đến rồi vĩnh viễn ra đi..., đó là tử. Vì duyên sinh cho nên khởi lên, đó gọi là sinh duyên lão tử.

Lại như trong kinh Đại Nhân Duyên, Tôn giả Khánh Hỷ thưa hỏi Đức Phật: Lão tử là có duyên hay không? Đức Phật bảo: có duyên, cái duyên đó gọi là sinh. Rộng nói cho đến: Nếu không có sinh, thì các loài cá, chim, rắn, rít, loài Na già, Dược-xoa bộ đa, loài ăn chỉ hưởng (ăn) mùi hương của hàng trời, người, các loài không chân, hai chân, hay nhiều chân, hoặc các loài khác. Vô số loài hữu tình đang tụ tập chung sống, có sự già chết mà có được hay không? Đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn. Như thế đấy, thầy Khánh Hỷ, già chết đều lấy sinh làm duyên. Thế nên gọi là sinh duyên lão tử. Như vậy thì lão tử lấy sinh làm duyên, lấy sinh làm nơi nương dựa, lấy sinh làm nơi lập nên. Thế nên các khởi đều khởi, tất cả sinh đều sinh, cùng tụ tập và xuất hiện ra. Thế nên gọi là sinh duyên lão tử.

Hỏi: Thế nào là phát sinh sầu than lo âu khổ não, buồn rầu?

Đáp: Nghĩa là có một loại người nếu bởi vì có cha mẹ, anh em, chị em, thầy tổ, bạn bè chẳng may qua đời, hoặc bởi vì bà con quyến thuộc phải tan tác chia lìa mất cả, hoặc vì tất cả của tiền và địa vị đều suy sụp tan nát, nên khiến cho họ hết sức đau đớn khổ sở, tâm can tan nát, muốn chết đi được. Bấy giờ người ấy lòng dạ bứt rứt, nóng nảy, thân thể nóng bừng, tâm sinh ra sầu lo, đau khổ, đã và sẽ khổ mãi. Như bị tên độc nằm giữa tim, nên nói là sầu.

Lại có một số người bởi vì có cha mẹ, anh em, chị em, thầy tổ, bè bạn qua đời, nên bản thân hết sức đau đớn khổ sở, tâm can tan nát, muốn chết đi được. Bấy giờ người ấy lòng dạ bứt rứt, nóng nảy, thân thể nóng bừng, phát sinh sầu lo, đau khổ, đã và sẽ khổ mãi. Như bị tên độc trúng tim, vì cố đó mà phát ra lời than thở đau thương: Khổ quá đi thôi! Cha ta, mẹ ta... Rộng nói cho đến... của tiền địa vị của ta chỉ trong một sớm một chiều mà sao bỗng đến nỗi này. Trong đó, các lời than thở oán trách, các thứ ngữ nghiệp đều gọi là than. Cả năm thức tương ứng

với cái thọ không bình thường thì gọi là khổ. Ý thức tương ứng với thọ không bình thường thì gọi là sầu. Tâm hồn rối rắm buồn khổ, sầu não, đã và sẽ sầu não mãi, tính chất của rối rắm, tức là đối với vị trí của lão tử mà phát sinh tất cả mọi thứ sầu than khổ sở, lo rầu, rối rắm buồn đau.

Hỏi: Thế nào là chiêu tập toàn các khổ uẩn to lớn?

Đáp: Nghĩa là từ trong vị trí của lão tử tích tụ chứa nhóm một loại tai ương họa hoạn, ngang trái lo lớn về sự tập hợp toàn là khổ đau lo rầu...

Lại còn, do Vô minh khổ uẩn làm duyên mà sinh ra Hành khổ uẩn, do Hành khổ uẩn làm duyên mà sinh ra Thức khổ uẩn, do Thức khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Sắc khổ uẩn, do Sắc khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Lục xứ khổ uẩn, do Lục xứ khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Xúc khổ uẩn, do Xúc khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Thọ khổ uẩn, do Thọ khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Ái khổ uẩn, do Ái khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Thủ khổ uẩn, do Thủ khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Sinh khổ uẩn, do Sinh khổ uẩn làm duyên mà nảy sinh Lão tử khổ uẩn. Do Lão tử nên sinh ra tất cả mọi thứ sầu than khổ sở lo rầu buồn đau khổ uẩn. Cho nên nói tất cả là cũng như thế mà chiêu tập toàn bộ các khổ uẩn to lớn.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 89

LUẬN THI THIẾT

SỐ 1538
(Quyển 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1538

LUẬN THI THIẾT

Hán dịch: Đồi Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN 1

- *Phần thứ nhất: Nhân thi thiết thế gian trong Đối Pháp Đại Luận.*

- *Phần thứ hai: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.*

Trong luận có hỏi: Do nhân duyên gì mà Chuyển luân Thánh vương có được người Nữ báu, nhan sắc xinh đẹp hơn hẳn mọi người, như các vị thiên thần- tiên nữ, ai cũng thích nhìn như thế? (Nữ báu, Ngọc nữ báu là một trong bảy báu của Chuyển luân Thánh vương)

Đáp: Người Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương ấy do kiếp trước có tu nhân tích phước rất nhiều, như cô ấy thường bố thí cho mọi người các vật trong sạch đẹp tươi, những vật để trang hoàng đẹp đẽ trong sạch, cùng những thứ khác như thức ăn uống, y phục, hương thoa, hương bột, giường màn, phòng nhà, đèn đuốc v.v... Do các việc như thế nên Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương có thân hình đẹp đẽ, nhan sắc xinh đẹp giống như Thiên nữ, ai nhìn cũng vui thích.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương có nước da trung bình không đen quá trắng quá, thân thể đều đặn dong dỏng không quá cao hay thấp, không quá mập hay gầy v.v...?

Đáp: Vì Nữ báu ấy kiếp trước tu nhân tích đức làm phước rất nhiều, lại thường hay bố thí, như dùng đủ cả các thứ thuộc sắc hương vị và các thứ ăn uống v.v..., tự tay ân cần mang đến biếu tặng không hề hách

dịch. Do nhân bố thí như thế nên Nữ báu ấy có làn da hồng hào không trắng hay đen, dáng vẻ thanh tao không quá cao thấp hay mập ốm.

Hỏi: Do nhân duyên gì mà Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương khi gặp mùa rét lạnh thì lại được ấm áp rất thích ý sướng vui?

Đáp: Vì ở kiếp trước, Nữ báu ấy đã tu nhân tích đức làm phước rất nhiều, như gặp mùa Đông rét lạnh cắt da lại gặp cuồng phong bão tố, cảnh vật tiêu điều rét lạnh tội độ, mọi người đều lo sợ. Trong khi ấy, Nữ báu này không gây rắc rối mà luôn quý mến cha mẹ, thầy, bạn lành cùng các vị Sa-môn và các Bà-la-môn khác. Nữ báu ấy đem cung cấp cho các vị đó một cách rộng rãi các vật dụng ấm áp như y phục, giường nằm, mùng mền, ngọa cụ, hương thoa, hương bột, phòng nhà, lò sưởi, củi lửa cùng các vật dụng cần dùng để sưởi ấm khác. Do đó mà Nữ báu ấy bây giờ gặp khi trời lạnh thì được ấm áp vui vẻ vừa ý.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Luân vương ấy khi gặp thời tiết nóng bức lại được mát mẻ như ý?

Đáp: Là do kiếp trước Nữ báu ấy đã tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều, như khi gặp mùa nóng bức, ánh sáng mặt trời thiêu đốt cháy da, ruồi muỗi bu đầy, mọi người đều hết sức khổ sở. Khi ấy, Nữ báu đối với cha mẹ, thầy và bạn lành đáng tôn quý cùng các bậc Sa-môn, Bà-la-môn khác mà luôn luôn tôn kính yêu mến không bao giờ dám gây phiền hà ác hại. Nữ báu ấy mau chóng dùng các thứ mát mẻ để cung phụng như y phục ngọa cụ, hương thoa, hương bột, giường nằm, phòng nhà, bàn ghế đồ gác chân, vòng xuyên quý báu, chất thơm đa-ma-la và đa-la-để làm ra các thứ, cùng mọi vật dụng khác đem ra bố thí. Do đó mà Nữ báu của Luân vương gặp mùa nóng bức thì được mát mẻ, vừa ý, vui vẻ.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Luân vương có các lỗ chân lông khắp thân mình đều có mùi thơm chiên-đàn trầm hương, trong miệng thường bay ra mùi hương của hoa Ưu-bát-la?

Đáp: Là do kiếp trước Nữ báu ấy đã tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều, như đối với cha mẹ, thầy và bạn lành đáng tôn quý cùng các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác thì luôn luôn tôn kính mến yêu không bao giờ dám gây phiền hà ác hại. Cô thường dùng các thứ nước thơm như trầm hương, hương xông hay nước Uất-kim-đa-ma-la v.v... và các thứ dầu thơm đặc biệt nhất mà đem biếu tặng bố thí khắp nơi. Do đó mà các lỗ chân lông khắp châu thân đều thơm mùi trầm hương, miệng thơm mùi hương của hoa Ưu-bát-la.

Hỏi: Vì đâu Nữ báu của Chuyển luân Thánh vương đứng hầu bên

Chuyển luân Thánh vương, thì khi đứng, lúc ngồi đều không mất quy cách nghi lễ, và với việc làm nào cũng đều thi hành đúng pháp, luôn siêng năng không hề lười trễ và lúc nào cũng nói năng dịu dàng dễ mến như thế?

Đáp: Chuyển luân Thánh vương trong một thời gian lâu dài, tùy theo mọi tác dụng mà các nghiệp thiện càng thêm mạnh mẽ, luôn nuôi dưỡng đến thành thực để có được quả báo cao quý đẹp đẽ trong hiện tại. Do đó mà chiêu cảm được ở Nữ báu lời nói dịu dàng thuần ý.

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Luân vương luôn khiến Chuyển luân Thánh vương được đẹp ý vui lòng mà tâm không có chút nào bị vướng bận ô nhiễm, mà thân và ngữ lại luôn được điều phục dịu dàng hòa nhã?

Đáp: Chuyển luân Thánh vương luôn luôn đầy đủ oai đức to lớn. Vua đối với mọi loài chúng sinh đều không bao giờ có tâm phân biệt sai khác, vượt hơn cả sự biểu hiện ý muốn của mọi người (ngoài sức tưởng tượng của mọi người). Do đó chiêu cảm được ở Nữ báu sự vừa lòng mà không hề đả nhiễm.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Luân vương luôn biết trước ý vua lúc nào muốn đi, khi nào muốn đứng hoặc ngồi, mà tiến đến trước vua thưa: Vui thay Thánh vương! Phụ vương muốn ra đi đây chăng? Hoặc muốn đứng muốn ngồi đây chăng? Và tất cả sẽ được phục tùng tùy trường hợp?

Đáp: Vì từ nhiều kiếp trước Nữ báu đó đã tu nhân tích đức làm phước rất nhiều. Nghĩa là ở trong cõi Dục, Nữ báu ấy đã đầy đủ tâm Từ nhìn thấy rõ các chúng sinh muốn ý nghĩ gì, lợi ích gì và muốn có được an lạc hay muốn việc không lợi ích, không an lạc..., thì đều dùng tâm Từ bi cùng mắt Từ bi mà nhìn xét. Do nhân duyên đó mà Nữ báu của Luân vương đều biết trước cha mình muốn đứng đi dừng nghỉ...

Hỏi: Do đâu Nữ báu của Luân vương vượt hơn mọi cô gái bình thường ở thế gian, cô như vầng trăng sáng át cả ánh sáng các vì sao?

Đáp: Vì Nữ báu ấy từ nhiều kiếp trước đã tu nhân tích đức, làm nhiều việc phước lớn lao, như tự mình không giết hại, lại khuyên bảo được người khác giữ giới không sát sinh, tự mình không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, lại hay khuyên bảo người khác mỗi mỗi đều tu tập gìn giữ. Do đó mà Nữ báu của Luân vương vượt hơn các người nữ khác, cô như ánh trăng sáng lấn át các ánh sáng.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Luân vương không bú sữa khi sinh?

Đáp: Vì tất cả các người nữ cùng có chung một thứ khổ, tức là có cái khổ mang thai, sinh ra cho bú sữa. Còn Nữ báu kia do thời gian lâu xa ít bệnh khổ não, thường làm các nghiệp thiện và nuôi lớn đến thành

thục nên ở hiện tiền các quả báo cao quý tốt đẹp được chóng thành tựu. Vì lý do đó mà Nữ báu của Luân vương không bú sữa khi sinh.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Luân vương lại qua đời trước vua?

Đáp: Vì Nữ báu đó đã tu tập các nghiệp thiện trong suốt thời gian lâu không hề gián đoạn, nên các sự tốt lành đặc biệt ở hiện tiền thì quả báo chóng thành. Do nhân duyên đó mà Nữ báu của Luân vương qua đời trước vua.

Hỏi: Vì sao Nữ báu của Luân vương ở trong hàng nữ nhân, chỉ có riêng mình được sinh lên thiên cung?

Đáp: Vì Nữ báu ấy vốn tánh hiền lành mà lại tu tập đầy đủ mười nghiệp thiện. Do nhân duyên đó nên Nữ báu của Luân vương ở trong hàng nữ nhân, chỉ riêng mình được sinh lên thiên cung.

Hỏi: Vì đâu mà Chuyển luân Thánh vương có được quan chủ kho báu?

Đáp: Vì kiếp trước Chuyển luân Thánh vương đã tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều, như gặp lúc thời tiết quá lạnh, quá nóng, thì khi đó đối với các bậc cha mẹ, thầy, các bạn lành, và các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác nhà vua luôn luôn tôn kính quý yêu, không bao giờ dám làm các điều phiến hà ác hại. Lại tùy thời mà dùng các thứ thuốc men quý hiếm hiệu nghiệm nhất cùng các thức ăn uống ngon bổ ưa thích nhất, khoái khẩu nhất và mọi thứ vật dụng cần thiết khác đem đến cung phụng cúng dường đầy đủ. Khi các vị này thọ dụng rồi thì thân thể đều được lành lặn sạch sẽ, áo quần đầy đủ, suốt cả ngày đêm sung sướng vui vẻ. Do nhân duyên đó, nên Chuyển luân Thánh vương có được quan chủ kho báu. Quan chủ kho báu này rất giàu có tự tại, bà con quyến thuộc đông đúc, kho tàng châu báu của tiền thóc lúa đầy ắp, thọ dụng càng nhiều của càng đầy lên, ấy là do quả báo của các nghiệp thiện đời trước sinh ra. Người này lại có cả thiên nhãn thấy rõ các kho báu còn chôn giấu hoặc có chủ hay chưa có chủ, hoặc nằm dưới nước hay ở trong đất, hoặc gần hay xa... Vị này cùng đến chỗ Chuyển luân Thánh vương cho đến cung cấp đầy đủ mọi thứ, luôn siêng năng không hề lười trễ mệt mỏi, kính cẩn tâu cùng vua: Thiên tử có cần dùng tiền bạc của báu gì, thần xin đem dâng lên Thánh vương đầy đủ. Sau đó ít lâu Chuyển luân Thánh vương muốn thử lòng quan chủ kho báu, liền ra lệnh đem thuyền vượt sông ra đi, bèn triệu tập quan ấy đến bảo: Hãy đem tất cả tiền của châu báu dâng nạp cho ta, ta đang có việc cần dùng đến. Khi ấy, quan chủ kho báu tâu vua: Xin nhà vua cho thuyền cập bến, chúng tôi sẽ dâng lên vua các thứ cần thiết. Nếu thuyền không cập bến, việc

dâng nạp tất khó thành. Bấy giờ, nhà vua liền cho thuyền cập bến. Vị chủ kho tàng đến trước vua, quỳ gối phải sát đất, cung kính vái chào, sau khi làm lễ rửa chân (lễ kiết tịnh) xong thì hai tay dâng lên vua bốn cái bình báu đẹp đẽ bằng vàng ròng đựng đầy ắp ngọc báu để hiến tặng và tâu: Xin Thánh vương hãy vui lòng nhận các báu vật này. Rồi đọc bài tụng:

*Mát mẻ mưa rơi từ trời cao,
Bao khổ nắng hè đều tan mau,
Xin dâng lên vua nhiều báu vật,
Bao người cùng khổ đều tặng trao,
Những kẻ nhận rồi đều vui tươi,
Người cho kẻ xin đều tươi cười,
Do đây nghiệp thiện mau báo ứng,
Lắm của nhiều tiền giàu hơn người,
Lại có sức thần cùng thiên nhân,
Được làm Chuyển luân vương oai phong.*

Hỏi: Vì đâu quan chủ kho báu được giàu sang, có nhiều kho báu rộng lớn, càng sử dụng lại càng tăng nhiều?

Đáp: Do kiếp trước quan chủ kho báu thường tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều... như là hay cúng dường bố thí cho tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn và mọi người cùng khổ, các kẻ vãng lai và những kẻ xin ăn. Trao cho họ đủ các thứ thức ăn, y phục, hoa đẹp, dầu thơm, giường nằm, phòng nhà, đèn đuốc v.v..., do nhân duyên đó mà ngày nay làm chủ các kho tàng lại giàu có lớn, có rất nhiều kho báu rộng lớn, càng sử dụng thì tiền của báu vật càng tăng...

Hỏi: Vì đâu quan chủ kho tàng có được bảo lành tốt đẹp và có thiên nhân thấy rõ các kho tàng còn chôn giấu, hoặc có chủ hay chưa có chủ, hoặc dưới nước hay ở trên đất, hoặc gần hay xa?

Đáp: Do kiếp trước quan chủ kho tàng thường tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều. Đối với cha mẹ, bạn lành, bậc thầy, và các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác đều hết sức tôn kính mến yêu không bao giờ dám gây phiền lòng hay ác hại. Và đối với thế gian thì thường vì tất cả mọi người mọi nơi hễ gặp phải sự tối tăm mù mịt, thì đem ánh sáng lại đó, như trao tặng cho họ đèn đuốc và các thứ để đốt đèn, để tạo những vật phát ra ánh sáng phá tan bóng tối..., do nhân duyên đó nên quan chủ kho tàng có được quả báo tốt đẹp, lại có thiên nhân thấy được các kho tàng nằm kín trong nước hay trong đất. Lại có tụng:

Ăn uống y phục cùng hoa đẹp,

*Kiếp trước thường cho với tâm tịnh,
Mở cửa bố thí tự tay dâng,
Lại dùng đèn sáng xua bóng tối,
Được làm quan chủ kho tàng báu,
Đứng hầu bên cạnh vua Chuyển luân,
Nhiều tiền báu vật giàu bậc nhất,
Lại có mắt thần thấy kho sâu.*

Hỏi: Vì đâu Chuyển luân Thánh vương có được quan chủ binh báu?

Đáp: Do kiếp trước Chuyển luân Thánh vương tu nhân tích đức làm phước rất nhiều, như đối với cha mẹ, bạn lành và thầy đáng tôn quý cùng các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác thì luôn luôn tôn kính mến yêu không bao giờ dám làm phiền hà hoặc ác hại. Lại đối với các nơi tối tăm thường đem ánh sáng đến, như cho họ đèn đuốc hoặc các vật tạo ra ánh sáng để xua tan bóng tối. Do đó Chuyển luân Thánh vương được làm chủ quan cầm binh. Còn quan chủ binh là người thông minh sáng suốt, khéo quan sát, khéo giảng dạy, đầy đủ trí tuệ, cùng đến chỗ vua, thấy ở đời có những việc gì có nghĩa lý và lợi ích đúng chánh pháp thì khen ngợi và phụ trách giúp đỡ nhà vua. Còn các việc khác trên đời, đối với người khác thấy có nghĩa lý và lợi ích đúng chánh pháp thì cũng đều khen ngợi và phụ trách giúp đỡ cả. Còn đối với việc quan quân binh lính thì đều biết ý vua, muốn còn thì để còn, muốn dẹp liền dẹp bỏ, không để vua phải nhọc sức lo nghĩ. Cũng không lợi dụng nhờ cậy bốn binh chủng, không khiến họ phải mệt nhọc biếng lười, mà tất cả toàn quân đều tự nhiên quy phục nghe theo.

Lại có tụng:

*Thấy chỗ tối tăm ở thế gian,
Khắp nơi chiếu rọi ngời đèn sáng,
Thí đèn cùng các vật quang minh,
Đều giúp nơi nơi bùng sáng khắp.
Lại đối cha mẹ và bạn lành,
Sa-môn, Bà-la-môn tu hành,
Đem đèn thấp sáng nơi cùng nơi,
Phá tan bóng tối sáng huy hoàng.
Do nghiệp thiện này cho an vui,
Làm các thiện khác đời thêm tươi,
Luân vương nhờ nhân thiện tốt đó,
Được người trí lớn chủ việc quân.*

Hỏi: Vì đâu quan chủ binh được thông minh sáng suốt, khéo thí dụ, khéo quan sát, đầy đủ trí tuệ?

Đáp: Do ở đời trước gây tạo các nhân phước đức, cho đến các đời sống rất xa xôi trước đây đã diệt hết. Trong khi được làm người thì thường đối với các bậc Sa-môn, Bà-la-môn thông minh sáng suốt có đầy đủ trí tuệ khéo tìm xét quan sát... Người này thường đến gần gũi cung kính học hỏi: Những gì là pháp thiện, những gì là pháp bất thiện, những pháp nào có tội hay không có tội, những việc nào đáng làm để được các sự tốt lành hơn hết và được lìa xa các nghiệp tội ác...? Tùy những điều được nghe mà y theo pháp tu tập thực hành, luôn luôn khéo léo quan sát, khéo suy tư tìm hiểu về hoặc là sự việc hoặc là nguyên nhân, luôn siêng năng mong cầu tìm học để có nhiều lợi ích, làm các việc giúp đỡ cứu vớt, tạo nhân cứu độ. Với tất cả ý chí mạnh mẽ, bức thiết mà làm các việc cứu độ giúp đỡ mọi người. Do nhân duyên đó mà được thông minh sáng suốt đầy đủ trí tuệ.

Lại có tụng:

*Kiếp xưa gần gũi các bậc trí,
Siêng cầu tìm xét các nhân thiện,
Phát tâm lợi ích cao quý nhất,
Đối tất cả chỗ không biếng lười.
Quan chủ binh báu do sức này,
Nay được thông minh trí tuệ ấy,
Nhanh chóng phát tâm luôn tinh tấn,
Nay là chủ binh báu Luân vương.*

- Phần thứ ba: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.**

Tụng nêu chung:

*Chuyển luân Thánh vương có đầy đủ,
Hào quang voi ngựa và ngọc báu,
Nữ báu, chủ kho và chủ binh,
Sống lâu không bệnh, hình dạng đẹp,
Vừa ý, tự tại lại đông con,
Như Uẩn thứ ba đã rộng nói.*

Như trong Luận nói:

Chuyển luân Thánh vương tức là giống với Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác.

Lại có tụng:

*Như luận nói về vua Chuyển luân,
Giống bậc Đại Pháp Vương vô thượng,
Ở đây khắp nơi cảnh giới này,
Làm lợi lành, chuyển Đại pháp luân.
Do địa vị Chuyển luân Thánh vương,
Hãy nên xem như Phật Như Lai,
Cùng khởi lòng bi thương cõi thế,
Khắp lợi tất cả: Vãng lạng lớn.*

Nói Chuyển luân Thánh vương có xe báu, nên biết việc đó đồng với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, xuất hiện ở cõi thế gian này, giảng dạy về tám pháp chánh đạo. Vì Phật nói tám chánh đạo khéo diệt trừ tất cả phiền não ở thế gian và không có chướng ngại gì đối với các pháp.

Lại có tụng:

*Vua Chuyển luân vương có xe báu,
Khắp nơi đại địa đều quy hàng,
Như Phật diễn bày tám chánh đạo
Đẹp cả quân ma, những buộc ràng.*

Nói về Chuyển luân Thánh vương có voi báu, nên biết tức là giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác trình bày về bốn pháp thần túc. Vì Phật giảng nói bốn pháp thần túc khéo phá trừ tất cả phiền não ở thế gian và không chướng ngại gì đối với các pháp.

Lại có tụng:

*Luân vương có loài bạch long - tượng,
Bay trên không trung luôn tự tại,
Cũng thế, Như Lai có thần túc,
Cù-đàm tên gọi biến hóa tài.*

Nói về Chuyển luân Thánh vương có ngựa báu, nên biết giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác trình bày về bốn pháp chánh đạo. Vì Đức Phật giảng nói bốn pháp chánh đạo khéo diệt trừ tất cả phiền não ở thế gian và không chướng ngại gì đối với các pháp.

Lại có tụng:

*Thân vua ánh xanh đẹp, ngựa báu,
Dạy ngựa mau thuần nhanh như gió,
Như bốn pháp chánh đạo của Phật,
Mau chóng quả Tịch tĩnh vô vi.
Tướng ngựa đẹp để đỉnh đầu đen,*

*Ngựa báu ấy được vua luôn cỡi,
Bốn pháp chánh đoạn cũng như vậy,
Cù-đàm tên gọi luôn tự tại.*

Nói về Chuyển luân Thánh vương có nhiều ngọc báu, nên biết giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ thiên nhãn. Vì Phật Như Lai có đầy đủ thiên nhãn, nên các chúng sinh có những ham thích ưa muốn nào, thì Phật nhờ có thiên nhãn đều thấy biết cả.

Lại có tụng:

*Ngọc báu lưu ly của Luân vương,
Khắp chiếu thế gian sáng muôn phần,
Thiên nhãn Như Lai cũng thế ấy,
Khắp nơi thấy biết chẳng ngại ngần.*

Như nói về Chuyển luân Thánh vương có Nữ báu, nên biết cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác có pháp hỷ giác chi.

Lại có tụng:

*Vua Chuyển luân có diệu Nữ báu,
Mọi người ưa thấy đều vui ý,
Pháp hỷ giác chi cũng thế thôi,
Cù-đàm tên gọi luôn thích chí.*

Như nói về Chuyển luân Thánh vương có quan chủ kho báu, nên biết cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác có bốn chủng tộc luôn thân cận. Đó là các hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đa, Ở chỗ Phật Thế Tôn luôn cung kính, thường đem dâng lên Đức Thế Tôn các thứ như ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc trị bệnh v.v...

Lại có tụng:

*Như vua Chuyển luân đại Thánh vương,
Của tiền vô kể giàu sang nhất,
Cù-đàm Thánh chủ tên lừng lẫy,
Bốn tộc họ cung kính cúng dường.*

Như nói về Chuyển luân Thánh vương có được quan chủ binh báu, nên biết cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác có đầy đủ trí tuệ cao quý. Vì Đức Phật có đại tuệ khéo phá tan tất cả phiền não của thế gian, giải trừ tất cả sự ràng buộc của quân ma, không còn chướng ngại đối với các pháp.

Lại có tụng:

*Quan chủ binh khéo léo tìm xét,
Lại hay quyết chọn các nghĩa lợi,
Như Lai đạt trí cũng như thế,
Trừ hết trói buộc của quân ma.*

Như nói về Chuyển luân Thánh vương có thọ mạng sống lâu trên cõi thế, nên biết cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác sống lâu trên thế gian, tùy theo các chúng sinh có những ước ao mong muốn gì thì đều được trọn vẹn. Nếu sống trọn một kiếp hoặc hơn một kiếp thì gọi là thọ mạng. Chuyển luân Thánh vương dùng chánh pháp cảm hóa đời sống trụ được một kiếp, cũng lại như vậy.

Như nói về Chuyển luân Thánh vương ít bệnh hoạn, sầu não, nên biết cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác không có các tổn hại buồn rầu, các bệnh khổ cũng không sinh ra.

Lại có tụng:

*Chuyển luân Thánh vương ít bệnh khổ,
Chánh pháp cao quý độ thế gian,
Thế Tôn Đại sư tên gọi đủ,
Không bệnh không buồn, luôn an lạc.*

Như nói về việc Chuyển luân Thánh vương có thân tướng đẹp đẽ đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại trượng phu, tất cả mọi người đều khao khát chiêm ngưỡng, nên biết cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đủ ba mươi hai tướng thanh tịnh viên mãn, tất cả chúng sinh đều kính cẩn chiêm ngưỡng không thấy chán.

Lại có tụng:

*Luân vương dùng chánh pháp trị đời,
Tướng tốt đoan nghiêm, chúng thích nhìn,
Thế Tôn tướng tốt cũng như thế,
Công đức cao quý đều tròn đầy.*

Như nói về Chuyển luân Thánh vương, khi mọi người nhìn thấy mặt thì lòng rất vui thích, cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, tất cả chúng sinh đều rất ưa thích chiêm ngưỡng ngắm nhìn, khi nhìn thấy thì lòng rất vui mừng thích thú.

Lại có tụng:

*Luân vương chánh pháp độ thế gian,
Ai thấy thì lòng mãi vui thích,
Như Lai Đại sư bậc tôn quý,
Chúng sinh thấy được càng hân hoan.*

Như nói về Chuyển luân Thánh vương có ngàn người con, tướng mạo hình dung đẹp đẽ, lại dũng cảm không hề biết sợ, khéo léo hàng phục các đám quân khác, nên biết việc đó cũng giống với Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác khéo léo hóa độ tất cả chúng sinh tu hành đều được chứng quả, dũng cảm không hề sợ sệt, có sức mạnh diệt trừ phiền não tiến đến đạo chân thật.

Lại có tụng:

*Luân vương có cả ngàn người con,
Mạnh mẽ vô úy tướng đoan nghiêm,
Đầy đủ năng lực dẹp quân khác,
Chánh pháp chân thật đem độ đời.
Như Lai Đại sư độ chúng sinh,
Đều khiến tu hành chứng quả vị,
Bốn hướng bốn quả: bậc vô úy,
Đây gọi đó là Bát Nhân địa.*



LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 2

- *Phần thứ tư: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận* (Phần 1)

Tụng nêu chung:

*Hai điềm lành xuất hiện,
Bảo vệ thai không nhiễm,
Hoàn toàn tâm không dục,
Vui sướng và không ngồi.
Da nai để thừa tiếp,
Bảy bước nhìn bốn phương,
Lời lẽ và hai rỗng,
Cùng A-nan việc qua.
Hoa trời và nhạc trời,
Giường nằm bỏ cao sang,
Nhận cỏ thấy pháp y,
Tâm bi, hiện phép thần.*

Hỏi: Vì sao, thuở đầu tiên lúc Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng trần nhập vào thai mẹ thì tất cả đại địa đều rung chuyển chấn động?

Đáp: Đó là do oai lực của các loài rồng. Vì khi các Long vương nghe tin bậc Bồ-tát đại oai đức, từ cung trời Đâu-suất mạng chung giáng trần vào thai mẹ, thì các Long vương lòng rất hoan hỷ vui thích, từ dưới nước phóng vọt lên không trung bay lượn mấy vòng rồi lại lặn xuống nước. Do muốn chiêm ngưỡng hình tướng của Bồ-tát nên các Long vương mới từ dưới nước bay vọt lên khiến nước chấn động dữ dội. Vì nước chấn động nên cả mặt đất đều rung chuyển. Hơn nữa vì Bồ-tát nhất quyết sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đã siêng năng ân cần giảng giải cho chúng sinh các pháp thiện xuất ly cần yếu, cho nên trên thì trống rền vang trong gió, giữa thì nước rung chuyển và dưới thì mặt đất chấn động. Đây là Bồ-tát hóa hiện các điềm lành.

Hỏi: Vì sao lúc ban đầu, Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thân nhập vào thai mẹ thì có ánh sáng rực rỡ chiếu soi khắp thế gian, nơi nào tối tăm mờ mịt đều được chiếu sáng, cả mặt trời mặt trăng, ánh sáng đều bị che khuất không còn hiện ra. Ngay lúc ấy, tất cả chúng sinh thấy ánh sáng chiếu soi rồi, cùng nhau bảo: Lạ lùng quá, này Nhân giả! Chắc là có một bậc Đại sĩ kỳ lạ sinh ra ở thế gian này chăng?

Đáp: Vì bậc Đại sĩ Bồ-tát có oai đức to lớn, lúc ban đầu từ cung trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thân vào thai mẹ thì có chúng trời ở cõi Dục và cõi Sắc, nghe thấy Bồ-tát đại oai đức từ cung trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, thì các chúng trời đều rất hoan hỷ mừng rỡ, phóng mình lên không trung bay lượn mấy vòng rồi bay lặn vào nước, là vì ham thích nhìn thấy thánh tướng của Bồ-tát, nên các chư Thiên ấy đang lúc trở về thì có luồng ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới, những nơi nào tối tăm mờ mịt đều được chiếu sáng, cả ánh sáng của mặt trời mặt trăng đều bị che khuất không còn hiện ra. Khi đó tất cả chúng sinh thấy ánh sáng rực rỡ rồi cùng nhìn nhau bảo rằng: Lạ lùng quá các vị! Chắc là một bậc Đại sĩ mới lạ sinh ra ở cõi này chăng? Vả lại Bồ-tát nhất định phải thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, rồi mới phóng ra ánh sáng trí tuệ rộng lớn chiếu khắp thế gian. Đây là Bồ-tát ứng hiện trước diêm lành.

Hỏi: Vì sao lúc ban đầu Bồ-tát ở cõi trời Đâu-suất mạng chung, khi giáng thân vào thai mẹ, thì có bốn vị Thiên tử từ bốn phương bay đến kín đáo hộ vệ cho mẹ của Bồ-tát?

Đáp: Vì chư Thiên cõi trời Ba Mươi Ba đã có thời gian rất lâu dài an ủi, bảo vệ pháp thiện, đều cùng bảo nhau: Lớn lao thay! Cõi thế gian tối tăm không có ánh sáng, không có chỗ trở về nương dựa. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác sẽ xuất hiện ở thế gian, tất cả là vì hóa độ chúng sinh. Các vị Thiên tử đó vì lợi ích chung mà thệ nguyện làm các việc cao quý tốt đẹp, nên các vị ấy bay đến và ngậm bảo hộ cho mẹ của Bồ-tát.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ở trong thai mẹ nhưng lại không bị nhiễm các nhơ bẩn của bào thai, không bị các nhơ bẩn của máu thịt, của tạp uế, cho đến các thứ dơ nhớp không sạch làm nhớp bẩn?

Đáp: Ấy là vì nhiều kiếp trước, Bồ-tát đã tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều. Như đối với cha mẹ, các bạn lành, thầy đáng tôn quý, các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác, luôn luôn tôn kính, không hề dám gây phiền hà hay ác hại. Tức là dùng các thứ trong sạch để cung phụng bố

thí, như đem các thứ ngọ cụ, y phục, ăn uống, hương thoa, hương bột và các thứ hoa quý tóc đẹp, giường nằm, phòng nhà, đèn đuốc..., các thứ đó đều sạch sẽ mà bố thí cúng dường rộng khắp, cũng như dùng các pháp thanh tịnh mà chiếu soi hóa độ tất cả chúng sinh. Do nghiệp thiện làm nhân đồng phần, cho nên ở trong thai mẹ mà không bị nhiễm các nhơ bẩn.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát ở trong thai mẹ lại có thân tướng đầy đủ, và mẹ cũng lại thấy thanh tịnh vẹn toàn?

Đáp: Do nhiều kiếp trước, Bồ-tát đã tu nhân tích đức làm phước rất nhiều... Như đối với cha mẹ và các bạn lành, các bậc thầy đáng tôn quý và các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác luôn luôn tôn kính không hề dám gây phiền hà hay ác hại. Bồ-tát thường lấy tất cả phòng nhà, y phục, thức ăn uống và những vật dụng thường dùng..., đều vẹn toàn không hư hao khiếm khuyết và nội tâm thanh tịnh mà đem cúng dường bố thí. Do nghiệp thiện và nhân đồng phần đó, nên ở trong thai mẹ mà thân tướng được vẹn toàn.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi ở trong thai mẹ, mà mẹ của Bồ-tát đối với kẻ nam tử không hề khởi ý về dục nhiễm hòa hợp?

Đáp: Do nhiều kiếp trước Bồ-tát đã tu nhân tích đức làm phước rất nhiều, nghĩa là tự mình hay giữ gìn phạm hạnh thanh tịnh, không làm hạnh phi pháp, xa lánh các mùi hương xấu, vượt ngoài các pháp ô nhiễm của các người nữ. Tự mình đã chuyên cần giữ gìn các phạm hạnh rồi, lại khuyên bảo được người khác đúng như lý mà tu tập gìn giữ. Do các nghiệp thiện làm nhân đồng phần đó, mà mẹ của Bồ-tát không có ý nhiễm dục.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi ở trong thai mẹ, mà mẹ của Bồ-tát lại cẩn thận giữ gìn năm giới cấm, nghĩa là cho đến suốt đời không giết hại, không trộm cắp, không tà dục, không nói dối và không uống rượu. Do không uống rượu nên lìa bỏ được sự phóng dật?

Đáp: Do nhiều kiếp trước Bồ-tát đã từng tu nhân tích đức làm phước rất nhiều... Nghĩa là tự mình đã đoạn dứt sự giết hại, lìa bỏ nghiệp sát sinh, lại còn khuyên bảo được người khác cũng đoạn dứt lìa bỏ. Tự mình không trộm cắp, không tà dục, không nói dối và không uống rượu, lại khuyên bảo được người khác cũng đoạn dứt và lìa bỏ như thế. Do nghiệp thiện là nhân đồng phần đó, mà mẹ của Bồ-tát giữ gìn giới hạnh được thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi ở trong thai mẹ mà mẹ của Bồ-tát thân không mệt mỏi, tâm ý luôn được vui vẻ?

Đáp: Do Bồ-tát Đại sĩ đầy đủ oai đức to lớn, có ánh sáng tốt lành nên khiến mẹ của Bồ-tát có các đại (bốn đại) rất bền chắc, nên không bị tổn hại. Do nguyên nhân đó mà mẹ của Bồ-tát luôn luôn không hề mệt mỏi, mà lại vui vẻ sung sướng.

Hỏi: Vì sao khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ thì đại địa chấn động dữ dội?

Đáp: Vì Bồ-tát Đại sĩ có oai đức đầy đủ và to lớn, như trước đã rộng nói.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa ra khỏi thai mẹ thì có ánh sáng to lớn chiếu khắp thế giới?

Đáp: Như trước đã nói rộng.

Hỏi: Nhân đâu Bồ-tát ra khỏi thai mẹ mà mẹ của Bồ-tát thì không ngồi, không nằm mà lại đứng một cách an nhiên tự tại, và có dòng họ tôn quý Sát-đế-lợi đồng thời cũng được sinh ra?

Đáp: Vì mẹ của Bồ-tát ít có bệnh hoạn, ít có buồn khổ, thường làm các nghiệp thiện và có được quả báo tốt đẹp hơn hết, hiện tiền được thành tựu nhanh chóng, cho nên mẹ của Bồ-tát không cần ngồi hay nằm và lìa xa các khổ thọ.

Hỏi: Do đâu khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ thì có bốn Thiên tử từ bốn phương tụ lại, đem áo da nai đẹp để đỡ lấy Bồ-tát?

Đáp: Do nhiều đời kiếp Bồ-tát ít bệnh, ít nã, làm mọi việc thiện nên được quả cao đẹp, hiện tiền thành tựu ngay. Do vậy chư Thiên đến đỡ lấy Bồ-tát, nên Ngài khỏi rơi xuống đất, khỏi mọi khổ thọ.

Hỏi: Do đâu Bồ-tát khi vừa mới sinh ra liền có thể bước đi bảy bước?

Đáp: Vì Bồ-tát Đại sĩ trong suốt thời gian dài đã chánh niệm xuất ly, gần gũi tu tập, thường rộng làm việc bố thí, lại khéo ghi nhớ nói năng. Vì vậy, Bồ-tát đã quyết định phải thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác rồi, sẽ giảng dạy cho chúng sinh bảy pháp giác chi.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi vừa mới sinh đã quan sát bốn phương?

Đáp: Do Bồ-tát có một thời gian lâu dài đã cùng Tỳ-bát-xá-na luôn chánh niệm gần gũi tu tập, rộng tu hạnh bố thí, lại khéo ghi nhớ nói năng. Vì vậy Bồ-tát đã quyết định là khi thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, thì quan sát tìm hiểu pháp bốn Thánh đế, đem ra giảng dạy chỉ bày cho tất cả chúng sinh. Đây là Bồ-tát hóa hiện trước điềm lành.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi vừa mới sinh ra liền nói: Nay thân này của ta là kiếp sau cùng, là đời sống cuối cùng?

Đáp: Vì Bồ-tát khi còn ở trong thai mẹ thường sinh lòng lo lắng xót thương (bi tâm), luôn nghĩ đến việc cứu độ chúng sinh, nên khi ra khỏi bào thai liền nói: Nay thân này của ta là kiếp sau cùng, là đời sống cuối cùng. Vả lại Bồ-tát quyết định là khi thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh giác rồi, sẽ thuyết giảng giáo pháp để hóa độ tất cả chúng sinh. Đây là Bồ-tát hóa hiện trước điềm lành.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lúc mới sinh ra, thì ở giữa không trung, từ trên trời phun xuống hai làn nước lạnh và ấm để tắm rửa thân tướng không hề nhớ bản của Bồ-tát?

Đáp: Đó là oai lực của thiên long. Do các thiên long (rồng trên trời) đối với Bồ-tát có lòng tin tưởng thanh tịnh sâu xa, nên biểu hiện ra việc đó.

Hỏi: Vì sao khi Bồ-tát sinh ra thì ở trước Thánh mẫu (mẹ của Bồ-tát) có một vòi nước lớn phun lên để mẹ của Bồ-tát tùy ý sử dụng?

Đáp: Đó là do oai lực của Long vương. Vì các rồng ấy đối với mẹ của Bồ-tát có niềm tin sâu sắc và thanh tịnh, nên hóa hiện ra việc đó.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi vừa sinh ra thì ở giữa không trung tự nhiên có âm nhạc của trời tấu lên?

Đáp: Đó là oai lực của chư Thiên, vì các vị trời đó đối với Bồ-tát rất tin tưởng sâu xa và thanh tịnh. Vả lại Bồ-tát quyết định khi đã thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, thì khắp mười phương sẽ nghe tiếng. Đó là Bồ-tát hiện trước điềm lành.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi vừa mới sinh ra thì tự nhiên trên trời lại mưa xuống vô số hoa quý như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nạp-ma, hoa Bôn-noa-lợi-già, hoa Câu-mẫu-na, hoa Mạn-đà-la v.v... Lại mưa xuống các thứ tuyệt diệu như nước trầm hương, huân lục, chiêm-đàn, hương bột... và trên không trung lại tung xuống các thứ y phục tuyệt đẹp?

Đáp: Đó là oai lực của chư Thiên, vì các chúng trời ấy đối với Bồ-tát rất tin tưởng sâu xa, thanh tịnh. Vả lại Bồ-tát quyết định khi đã thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, thì có đầy đủ phước lực rất to lớn. Tất cả các thứ y phục, ăn uống, giường nằm, thuốc men và các thứ vật dụng khác đều luôn đầy đủ. Đó là Bồ-tát hiện trước điềm lành.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát khi sinh ra mới được bảy ngày thì mẹ của Bồ-tát liền lâm chung?

Đáp: Ấy là do oai đức to lớn của Đại sĩ Bồ-tát. Vì khi giáng thân nhập thai mẹ thì Thiên chúng ở cõi trời Ba Mươi Ba vô cùng tôn quý Bồ-tát, nên lấy oai quang cao quý nhất ở cõi trời trao cho mẹ của Bồ-

tát, để khi Bồ-tát sinh ra khỏi thai mẹ rồi, thì Thánh mẫu không còn oai quang của trời nữa, chỉ cần có đủ sắc tướng nơi oai quang ở cõi người, các thức ăn uống ngon lành quý hiếm sẽ tùy nghi sử dụng thọ hưởng. Cho nên mẹ của Bồ-tát lâm chung sớm.

Theo như kinh nói: Bồ-tát luôn biết rõ các việc nhập vào thai, ở trong thai và khi ra khỏi bào thai mẹ.

Hỏi: Thế nào là Bồ-tát luôn biết rõ các việc nhập thai, ở trong thai và khi ra khỏi thai mẹ.

Đáp: Thuở xưa, khi Bồ-tát còn ở trong pháp của Đức Như Lai Ca-diếp, bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, trước hết Bồ-tát chỉ vì muốn chứng quả vị Bồ-đề mà siêng tu phạm hạnh, luôn giữ gìn chánh niệm đầy đủ, luôn gần gũi tu tập và rộng tu thật nhiều hạnh bố thí, phát nguyện lớn: Khi nào Ta chứng được quả vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, ở thế gian này, hết thấy chúng sinh còn si mê ngu tối không có ai cứu giúp, không biết chỗ nương về thì Ta quyết vì họ mà giáo hóa cứu độ.

Do nhân duyên đó, mà khi ở trong pháp của Đức Như Lai Ca-diếp, Ta trước hết vì quả Bồ-đề mà siêng tu phạm hạnh, xong rồi nên được sinh lên cõi trời Đâu-suất-đà. Khi sinh lên cõi đó thì Ta lại nghĩ: Khi nào Ta đã chứng quả vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác rồi, thì sẽ luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gần gũi tu tập, rộng làm nhiều hạnh bố thí.

Do nguyên nhân đó, nên khi được sinh lên cõi trời Đâu-suất chưa bao lâu thì Ta có được ba việc ở cõi trời: Đó là thọ mạng lâu dài ở cõi trời, sắc tướng đẹp đẽ ở cõi trời và tên gọi cao quý ở cõi trời. Khi Bồ-tát suy nghĩ như thế thì tất cả Thiên chúng ở cõi Đâu-suất-đà đều biết rõ Bồ-tát nhất định chứng thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó, tất cả đều sinh lòng cung kính tôn trọng cúng dường, luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gần gũi tu tập, rộng tu hạnh bố thí, cho đến khi Bồ-tát sống đủ số tuổi ở cõi trời ấy, luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gần gũi tu tập, rộng tu hạnh bố thí, Bồ-tát liền được hiểu biết mọi việc nhập vào thai mẹ. Và lại nghĩ: Nếu khi Ta đã chứng được quả vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, thì vẫn luôn giữ chánh niệm đầy đủ, gần gũi tu tập, rộng tu hạnh bố thí, và Bồ-tát liền được hiểu biết mọi việc ra khỏi thai mẹ. Việc ở trong thai mẹ thì cũng như thế.

Như kinh đã nói: “Phật bảo Tôn giả A-nan: Ta nhớ lại kiếp xưa khi đang tu học với Đức Như Lai Ca-diếp Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, thì việc trước hết là Ta chỉ vì muốn chứng quả vị Bồ-đề nên siêng năng tu

tập phạm hạnh, luôn giữ gìn chánh niệm, găn gũ tu tập, rộng tu hạnh bố thí và phát lời thề nguyện lớn: Nguyện khi tôi chứng được quả vị Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, thì ở thế gian này, hết thấy chúng sinh chưa ai cứu độ, không biết chỗ nương về, tôi sẽ quyết lòng hóa độ cho họ. Do nhân duyên đó nên Ta ở trong pháp của Như Lai Ca-diếp, trước hết là vì quả vị Bồ-đề mà tu tập đầy đủ phạm hạnh, liền được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Khi sinh lên cõi đó rồi..., cho đến việc đạt được ba phước báo ở cõi trời ấy và liền nghĩ: Khi Ta chứng quả Chánh giác rồi thì vẫn luôn giữ gìn chánh niệm đầy đủ, găn gũ tu tập, rộng tu hạnh bố thí. Do nguyên nhân đó, nên khi Ta suy nghĩ như thế thì các chúng Thiên tử ở cõi trời ấy đều biết được Bồ-tát sẽ chứng thành Chánh giác, nên đều hết sức cung kính tôn trọng cúng dường, luôn giữ chánh niệm, găn gũ tu tập hạnh bố thí. Do nhân duyên ấy, cho đến việc Bồ-tát sống hết thọ mạng ở cõi trời đó vẫn luôn tu tập bố thí, nên Bồ-tát liền được biết việc từ cung trời Đâu-suất mạng chung rồi sẽ nhập vào thai mẹ. Lại nghĩ: Khi Ta đã chứng quả Chánh giác rồi thì vẫn luôn giữ gìn chánh niệm đầy đủ, tu tập hạnh bố thí”, vì thế Bồ-tát biết được việc ở trong thai mẹ. Bồ-tát lại nghĩ: “Khi Ta chứng quả Chánh giác rồi thì vẫn luôn giữ gìn chánh niệm đầy đủ, tu tập hạnh bố thí. Nên liền biết được việc ra khỏi thai mẹ.

Lại nữa, này A-nan! Vì Ta vẫn luôn giữ gìn chánh niệm đầy đủ, tu tập hạnh bố thí, cho nên chưa được bao lâu thì ra khỏi thai mẹ và liền bước đi bảy bước.

Này A-nan nên biết! Các việc như thế, tất cả đều do Ta nhớ lại kiếp xưa, với ý nghĩ: Nếu khi đã chứng được quả vị Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, thì sẽ giảng dạy rộng rãi cho tất cả chúng sinh về bảy pháp giác chi. Đây là Bồ-tát hóa hiện điềm lành trước vậy.



LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 3

- *Phần thứ tư: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận* (Phần 2)

“Lại nữa, này A-nan! Khi Ta ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu thì liền nhìn khắp bốn phương và nghĩ: Ta sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ diễn nói bốn Thánh pháp cho tất cả chúng sinh. Việc nhìn bốn phương, đó là Bồ-tát muốn báo hiệu trước điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi vừa sinh ra khỏi thai chưa bao lâu, thì Ta liền nói: Thân này của Ta là đời sống cuối cùng. Và nghĩ: Ta sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ bày cho tất cả chúng sinh cách dứt hết biên vực sinh tử. Đây là Bồ-tát muốn báo trước điềm lành đó.

Lại nữa, này A-nan! Khi Ta vừa ra khỏi thai mẹ chưa bao lâu, thì trên không trung tự nhiên có hoa trời mưa xuống như các thứ hoa Ưu-bát-la, hoa Cù-mẫu-đà, hoa Bát-nạp-na, hoa Bôn-noa-lợi-già. Và lại mưa xuống các thứ nước trầm hương quý, nước huân lục, hương bột, chiên-đàn, cùng tung rải hoa trời... Ta nghĩ: Sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có đầy đủ trí tuệ lớn, đầy đủ phước đức lớn, các thứ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men và các thứ vật dụng khác tất cả đều đầy đủ. Đây là Bồ-tát hiện trước điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi Ta vừa ra khỏi thai chưa bao lâu, thì trên không trung tự nhiên có tiếng nhạc trời réo rắc trình tấu. Ta liền nghĩ: Sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác tiếng đồn vang khắp mười phương.

Lại nữa, này A-nan! Khi xưa lúc còn ở trong cung vua, Ta đã cùng các người trong cung ngồi chung ghế, nằm chung giường. Khi đó Ta nghĩ: Từ nay trở đi Ta sẽ không còn nằm ngồi trên các ghế này nữa. Nay Ta ngồi trên ghế này thì đây là lần ngồi cuối cùng. Khi nghĩ thế rồi Ta liền đứng dậy đi về phía cửa cung với ý chí mong muốn được ra khỏi nơi ấy. Bấy giờ có các Thiên thần ngậm mở cửa cung. Khi ra khỏi cửa cung rồi Ta phải lần lượt đi qua lớp lớp các cấm cung và mỗi cửa cung

đều có Thiên thần mở giúp. Khi đó Ta có ý nghĩ: Ta sẽ thành Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, mở các cửa cam lộ cho tất cả chúng sinh. Đây là Bồ-tát hóa hiện báo trước điềm lành.

Lại nữa, này A-nan! Khi ấy Ta cỡi con ngựa chúa Kasaca ra khỏi hoàng thành đến một nước khác, Ta liền xuống ngựa và nghĩ: Đây là lần sau cùng cỡi vương mã”. Bấy giờ tất cả đồ trang sức quý giá và chú ngựa chúa kia Ta đều giao lại cho người hầu giữ ngựa. Khi ấy Ta nghĩ: Đây là lần cuối cùng Ta đeo đồ trang sức ở thế gian và liền bỏ xuống hết. Này A-nan nên biết! Khi ấy Ta rút cây kiếm báu xinh đẹp cắt ngang búi tóc trên đỉnh đầu. Cắt xong Ta lại nghĩ: Đây là lần sau cùng Ta cắt đứt búi tóc đẹp này và nó không bao giờ mọc lại nữa.

Ta liền thấy một người mặc áo cà sa, dáng vẻ hiền lành, thấy vậy Ta rất thích ý, liền đến trước người ấy bảo: Nay Ta cho ông chiếc áo Ca-thi-ca quý đẹp này, ông hãy đổi lại cho Ta chiếc pháp y cà sa đó. Rồi lại nghĩ: Đây là lần sau cùng Ta bỏ chiếc hoàng bào, chẳng bao giờ mặc đồ thế tục nữa.

Lại nữa, này A-nan! Sau đó Ta đến chỗ ông Trưởng giả Kiết Tường, nhận bó cỏ kiết tường, rồi đến bên cội cây Bồ-đề trái cỏ và nghiêm mình chánh niệm, ngồi kiết già. Ta lại nghĩ: Nếu Ta chưa chứng được quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì thế rằng không bao giờ từ bỏ tòa cỏ này mà đứng dậy. Ta lại nghĩ: Ta nay chắc chắn có được lợi ích tốt lành (lợi thiện). Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đang ở trong chốn vô minh, bám chắc lấy vô minh, sống trong trứng vô minh, mắt tuệ bị che chắn bao phủ. Ta cần phải phá bỏ cái vỏ trứng vô minh đó, khiến tất cả chúng sinh đều được tốt đẹp kiết tường an lạc.

Lại nữa, này A-nan! Khi thành Phật chưa được bao lâu, Ta nhìn thấy sự sinh ra cũng như sự già đi của chúng sinh trong cõi thế gian này. Có kẻ thì căn tánh thông minh lanh lợi, có kẻ căn tánh trung bình, có kẻ căn tánh thấp kém ngu độn. Đối với kẻ có căn tánh thấp kém đó, thì tùy theo hành tướng của họ mà tìm cách điều phục chế ngự. Cho đến như những kẻ không chịu nghe giảng chánh pháp, các thứ đều thiếu sót, đối với những chúng sinh như thế, khi Ta nhìn thấy và biết rõ rồi, sẽ diễn giảng dạy dỗ chánh pháp để hóa độ họ với tất cả tấm lòng lo lắng thương xót một cách bao la rộng lớn.

Lại nữa, này A-nan! Ta lại nghĩ: “Ta nay nhất định là có được lợi thiện, vì Ta sinh ra từ cõi thế gian đầy tạp nhiễm ô uế tội lỗi này, nhưng tâm ý của Ta trong tất cả mọi việc làm, đều không hề bị nhuộm dính uế tạp đó”.

- Phần thứ năm: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.**

Tụng nêu chung:

*Như con, dòng thấp kém, dòng nghèo,
Nạn giặc - kiếp sơ - đến mười tuổi,
Ngưu hóa, Thắng thân, Câu lô châu,
Vô ngã và cõi Dục, cõi Sắc,
Phật từ định khởi nhập Niết-bàn,
Cuối cùng đại y không bị cháy.*

Hỏi: Vì sao Bồ-tát là bậc tối thượng, tối thắng đối với tất cả chúng sinh, có người không phát tâm đại Bồ-đề mà có thể chánh tín xuất gia chẳng?

Đáp: Bồ-tát luôn nhìn xem tất cả chúng sinh đều như con một, luôn siêng năng tu tập nghiệp thiện, nuôi dưỡng chúng trở nên thuần thực, có được các quả báo tốt đẹp, nhanh chóng thành tựu ngay trong hiện tại. Pháp là như vậy. Các chúng Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, chưa có ai chẳng phát tâm đại Bồ-đề mà chánh tín xuất gia được cả. Như điều đã nói tức là không nên mê say dục lạc.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh vào dòng dõi hạ tiện thấp kém?

Đáp: Dòng dõi thấp kém thì quen thói lười biếng khinh nhờn. Trong khi Bồ-tát luôn luôn liả bỏ sự lười nhác khinh mạn, mà gần gũi tu tập các pháp thiện và làm việc bố thí. Thế nên Bồ-tát quyết định phải sinh vào dòng dõi cao quý. Nếu Bồ-tát sinh ra từ dòng dõi thấp kém thì sẽ bị chống báng chê bai.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh từ dòng dõi nghèo hèn?

Đáp: Dòng dõi nghèo hèn thì thường quen thói tham lam keo kiệt hối tiếc. Trong khi Bồ-tát luôn luôn xa liả tật xấu tham lam keo kiệt luyến tiếc mà gần gũi tu tập, rộng làm hạnh bố thí, không hề luyến tiếc keo kiệt. Thế nên Bồ-tát nhất quyết phải sinh trong dòng dõi giàu sang. Tức là Bồ-tát có đủ các thứ sắc-thanh-hương-vị-xúc mà không phải trải qua gian khổ. Mình và người đều bình đẳng khi thọ dụng. Lại nếu Bồ-tát sinh từ nhà nghèo thì sẽ bị khinh khi.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh vào chốn biên giới hẻo lánh và chốn nhiều giặc cướp què mùa xấu xí?

Đáp: Nơi biên giới xa xôi hẻo lánh thì đối với các kiến thức hiểu biết và giới hạnh đều rất khó khăn khổ nhọc, không tương đồng với hạnh Bồ-tát. Trong khi Bồ-tát luôn siêng năng tu tập các pháp thiện, nuôi lớn thành thực trong hiện tại, các quả báo tốt lành cao đẹp sẽ nhanh chóng

hoàn thành. Thế nên Bồ-tát quyết định phải sinh vào chốn kinh thành trung tâm của đất nước. Ở đó giả sử có nhiều chúng sinh lợi căn thanh tịnh may gặp được Bồ-tát đại oai đức, song những người này cũng không thể phát khởi được các pháp thiện vô lậu thù thắng nhất được, đó là những pháp Bồ-đề đáo bỉ ngạn, Vô thượng Chánh đẳng, Bồ-đề Duyên giác, Bồ-đề Thanh văn, cùng các thiện căn thù thắng vi diệu.

Hỏi: Tại sao Bồ-tát không sinh vào thời kiếp sơ, ở thời tuổi thọ con người mới đầu là tám vạn năm.

Đáp: Người ở thời kiếp sơ thì căn tánh mềm yếu, việc làm của họ nhiều ngu si đần độn, thuộc loại chất phác thật thà nên không đồng tính chất với Bồ-tát. Bồ-tát Đại sĩ có oai đức to lớn, đã có một thời gian lâu dài siêng năng tu tập các pháp thiện và nuôi lớn thành thực. Giả như có chúng sinh căn tánh lạnh lợi thanh tịnh gặp được Bồ-tát đại oai đức, song cũng không thể phát khởi các pháp thiện vô lậu được.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lại không sinh vào lúc loài người có tuổi thọ tối đa là mười tuổi?

Đáp: Vì loài người khi tuổi thọ tối đa còn mười tuổi thì có rất nhiều tội ác, rất nhiều phiền não, nên không giống tính chất của Bồ-tát. Thế nên Bồ-tát có oai đức lớn, không sinh vào loài người có tuổi thọ mười tuổi.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lại không sinh vào châu Tây Cù-đà-ni?

Đáp: Người thuộc châu Tây Cù-đà-ni có căn tánh và phẩm chất mềm yếu, việc làm nhiều ngu si đần độn, thuộc loại chất phác thật thà không giống tính chất của Bồ-tát. Trong khi Bồ-tát đại oai đức thì luôn siêng năng tu tập các pháp thiện, nuôi dưỡng pháp thiện thêm lớn và thành thực. Ngay trong hiện tại các quả báo tốt lành cao quý nhanh chóng hoàn thành. Thế nên quyết định ở trung tâm cõi nước lớn. Giả sử có chúng sinh căn tánh lạnh lợi thanh tịnh gặp được Bồ-tát đại oai đức, song cũng không thể phát khởi được các pháp thiện vô lậu, như là các pháp Bồ-đề đáo bỉ ngạn, Bồ-đề Duyên giác, Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, Bồ-đề Thanh văn, và thiện căn vô lậu thù thắng khác.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không sinh vào châu Đông Thắng thân?

Đáp: Cũng như ở châu Tây Cù-đà-ni, các việc cũng đã nói rộng.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không hóa sinh vào châu Bắc Câu-lô?

Đáp: Vì người ở châu Bắc Câu-lô có căn tánh và phẩm chất mềm yếu, việc làm nhiều ngu si đần độn, thuộc loại chất phác thật thà, thường đeo đuổi các công việc gian khổ, không giống tính chất của Bồ-tát. Bồ-tát Đại sĩ có oai đức to lớn trong suốt thời gian dài luôn siêng năng tu tập

các pháp thiện, nuôi dưỡng chúng được thành thực. Trong hiện tiền các quả báo tốt lành cao quý nhanh chóng kết thành. Thế nên Bồ-tát nhất quyết sinh tại trung tâm của một cõi nước lớn. Giả sử có chúng sinh lợi căn thông minh, thanh tịnh gặp được Bồ-tát đại oai đức, song cũng không thể đối với tất cả xứ sở mà phát khởi các thiện căn vô lậu thù thắng nhất.

Mà con người ở châu Bắc Câu-lô thì lại không chấp ngã sở.

Ở đây hỏi: Vì sao người châu Bắc Câu-lô lại không chấp ngã sở?

Đáp: Vì có số đông chúng sinh đối với nhiều cảnh giới rộng lớn, mà số cảnh giới nhận được đều rất thích ý, bình đẳng không khác nhau, nên không có ngã sở.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lại không sinh vào các cõi trời thuộc Dục giới?

Đáp: Vì ở cõi trời thuộc Dục giới, các Thiên chúng ở đấy mê đắm cảnh giới, ưa thích phóng dật, không giống tính chất của Bồ-tát. Tuy có thể tu tập giữ gìn một phần nhỏ phạm hạnh nhưng không thể rộng vì bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà diễn giảng rộng rãi về phạm hạnh, khiến các hàng trời, người đều đạt được nhiều lợi ích tốt đẹp. Do nhân duyên đó nên Bồ-tát không sinh vào các cõi trời thuộc Dục giới.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát lại không sinh vào các cõi trời thuộc Sắc giới?

Đáp: Ở các cõi trời thuộc Sắc giới, tuy chư Thiên có thể tu trì một phần phạm hạnh nhưng cũng không thể rộng rãi vì bốn chúng, tất cả đều diễn giảng riêng về các phạm hạnh khiến cho hàng trời, người được lợi ích tốt đẹp. Vả lại, Bồ-tát không thể ở tại các cõi trời thuộc Sắc giới mà chứng nhập Niết-bàn.

Ở đây hỏi: Vì sao nơi các cõi trời thuộc Sắc giới không nhập được Niết-bàn?

Đáp: Nghĩa là tướng vô sắc chính là thọ xứ, cho nên chỉ cần tác ý là đã chính thức nhập Niết-bàn.

Hỏi: Như các việc vừa nói thì đó là tâm bất thiện mà nhập, hay là tâm vô ký mà nhập?

Đáp: Nên biết ở đây nói là tâm vô ký mà nhập.

Hỏi: Vì sao chư Phật Thế Tôn ra đời giáo hóa chúng sinh, mà các chúng Thanh văn hiền sĩ lại nhập Niết-bàn trước, còn Phật thì nhập sau?

Đáp: Vì các chúng Thanh văn suốt thời gian lâu dài không gián đoạn siêng năng tu tập các pháp thiện, nuôi lớn chúng thành thực, nên

ngay trong hiện tiền, các quả báo tốt lành liền nhanh chóng thành tựu. Nếu như thấy Phật Thế Tôn nhập Niết-bàn trước, thì các chúng Thanh văn kia dù có bao nhiêu quả báo tốt đẹp cũng không thể hoàn thành trọn vẹn được. Vả lại, pháp là như vậy, như cát sông Hằng, chư Phật Thế Tôn có bao nhiêu, thì chúng Thanh văn hiền sĩ đều nhập Niết-bàn trước, còn chư Phật nhập sau. Như đã nói về việc nhập Niết-bàn, đó là chư Phật Thế Tôn đối với địa Bất động của đệ tứ thiên thì đã chứng nhập trong hiện tại rồi.

Ở đây cần hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn lại nhập Niết-bàn hay chỉ là khởi ý?

Đáp: Nếu có chỗ khởi thì sẽ không có chỗ nhập.

Hỏi: Vì sao Đức Như Lai Thế Tôn khi đã nhập Niết-bàn rồi, Thánh thể đã được hỏa thiêu mà đại y của Ngài vẫn còn nguyên vẹn như cũ, hoặc trong hay ngoài đều không hư hao chút nào?

Đáp: Đó là do oai lực của chư Thiên, nghĩa là vì chư Thiên đối với Phật Thế Tôn hết lòng tịnh tín, tin tưởng chí thành. Vả lại có hai thứ cấm không cho thiêu đốt, đó là nội thân và ngoại tài. Nên biết đây là do thần lực của Phật mà được thế.

- *Phần thứ sáu: Nhân thi thiết trong Đới Pháp Đại Luận (Phần 1)*

Tụng nêu chung:

*Hai duyên - Hai chúng kia xuất hiện,
Thanh văn và ba ngàn đại thiên,
Đại từ đại bi hai thứ tâm,
Chẳng nghĩ bàn, cùng pháp tùy thuận,
Việc làm khác nhau ở trong chúng,
Như voi chúa và việc địa ngục.*

Hỏi: Vì sao Phật và Luân vương đều có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, mà một vị gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, còn vị kia thì gọi là Chuyển luân Thánh vương?

Đáp: Chuyển luân Thánh vương là do kiếp trước đã tu nhân tích đức làm phước rất nhiều, và trong suốt thời gian dài thường nghĩ: Ta nên rộng tu hạnh bố thí, gieo trồng các phước thiện cao quý, nuôi lớn tất cả chúng sinh, luôn giữ gìn giới hạnh được thanh tịnh. Cả thế gian ngu tối mê mờ không nơi nương nhờ, không ai cứu độ, Ta sẽ cứu độ tất cả.

Còn Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác là tùy theo các việc

làm, tất cả các pháp thiện, bố thí khắp cho tất cả chúng sinh ở thế gian, phát nguyện rộng lớn, và đúng như lời nguyện mà thực hiện. Bỏ nhà ra đi xuất gia, được chứng quả Chánh giác. Do nhân duyên đó mà cả Chuyển luân Thánh vương và Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đều có đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu.

Hỏi: Vì sao Phật và bậc Duyên giác tuy cùng ở một thời nhưng lại không gặp nhau?

Đáp: Các chúng Duyên giác đã trong một thời gian lâu dài tu pháp Duyên giác, quả báo tốt lành cao quý đã hoàn thành nhanh chóng ngay trong hiện tại, không còn điều gì phải ước nguyện mong cầu, còn đối với pháp tối thượng (Đại thừa) thì không chịu thực hiện tu hành. Lại cũng không ưa thích gần gũi cung kính chiêm ngưỡng Đức Như Lai. Do nhân duyên đó mà Phật và Duyên giác không xuất hiện cùng một thời.

Hỏi: Vì sao trong một lúc không xuất hiện hai vị Chuyển luân Thánh vương?

Đáp: Chuyển luân Thánh vương do kiếp trước tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều. Tức là trong suốt thời gian dài luôn siêng tu các pháp thiện. Cùng có một chiếc lọng vi diệu trùm khắp tất cả. Một vị Chuyển luân Thánh vương xuất hiện thì xem tất cả chúng sinh, có cảm tưởng như là một đứa con duy nhất. Một vị Luân vương xuất hiện thì cùng một cảnh giới, ai cũng tôn trọng cúng dường, tùy theo chỗ mà làm tất cả các nghiệp thiện, các ước nguyện và quả báo tốt đẹp đều hoàn thành nhanh chóng trong hiện tiền. Do nhân duyên đó mà hai vị Chuyển luân Thánh vương không thể đồng thời xuất hiện.

Hỏi: Vì sao hai Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác không cùng thời xuất hiện?

Đáp: Bồ-tát ở nhiều kiếp trước đã tu nhân tích đức, làm phước rất nhiều. Nghĩa là trong suốt thời gian dài chỉ có một thầy dạy duy nhất, chỉ có một loại tu tập duy nhất mà hành các pháp thiện, tùy theo chỗ thực hiện làm việc nhưng cùng một giải thoát, chỉ có một bậc đáng tôn quý duy nhất, chỉ có một bậc đại trí duy nhất tạo các nghiệp thiện, luôn nuôi lớn chúng cho đến thành thực. Trong cùng một lúc, không có hai quả báo cùng hiện tiền khởi lên. Vậy nghĩa là sao? Vì hai cái khó mà cùng lúc xảy ra. Vì lý do đó mà trong một thời, không có hai Đức Phật Như Lai cùng ra đời.

Hỏi: Vì sao người phụ nữ không thể làm Chuyển luân Thánh vương, không thể thành Đế Thích hay Phạm vương, Ma vương, cũng không thể chứng được quả Bồ-đề Duyên giác hay chứng được quả Vô

thượng Chánh đẳng Bồ-đề?

Đáp: Vì người phụ nữ có sức thiện yếu kém, còn người nam thì sự tạo dựng các căn lực ham thích ưa muốn mạnh mẽ, do họ có tâm ưa thích làm thiện rất mạnh mẽ, trái lại người nữ thì không có thể lực mạnh, nên việc tạo nhân tốt cho nghiệp thiện đều là do người nam làm cả. Vả lại, người nữ thì không có lợi căn thông minh bằng và chỉ có người nam mới đủ sức có thể hoàn thành. Vả lại, sức lực tốt đẹp của người nam ngày càng phát triển mạnh hơn nên hay thu nhập được các căn nghiệp lợi ích cao quý. Do nguyên nhân đó mà người nữ không thể làm Chuyển luân Thánh vương, cũng không thể thành tựu được Đế Thích, Phạm vương, Ma vương, cũng không thể chứng được quả Bồ-đề Duyên giác và cả quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao chư Phật Thế Tôn được đầy đủ trí vô biên, đầy đủ tuệ vô biên và đầy đủ biện tài vô biên?

Đáp: Vì Bồ-tát suốt thời gian dài đối với ba thứ tuệ đó luôn gần gũi tu tập, rộng làm các hạnh bố thí. Nghĩa là đối với ba tuệ Văn- Tư- Tu đã thành tựu lại càng siêng năng cố gắng mạnh mẽ bồi đắp. Do nhân duyên đó mà chư Phật Thế Tôn có đầy đủ vô biên trí tuệ, vô biên biện tài.

Hỏi: Vì sao chư Phật Thế Tôn có thể phát ra tiếng nói nhiệm mầu thanh tịnh khiến cho khắp tam thiên đại thiên thế giới đều nghe thấy và đều thấu hiểu?

Đáp: Vì chư Phật Thế Tôn thành đạo chưa được bao lâu thì lại trụ vào cõi Phạm thanh tịnh, nên khiến cho tất cả những ai thường gần gũi nghe được thì liền giải thoát.

Tụng nói:

*An trụ chánh giác của chư Phật,
Phát sinh tinh tấn cầu xuất ly,
Phá tan sinh tử sức đại quân,
Khác nào voi mạnh phá nhà cỏ.
Nay chánh pháp luật thanh tịnh này,
Tâm không buông lung, làm điều thiện,
Liên đoạn dứt được vòng sinh tử,
Hết tất cả khổ đến ngọn nguồn.*

Với lời kệ như thế, tất cả chúng sinh khắp mọi thế giới đều được nghe thấy, thấu hiểu rõ ràng. Đây chính là tiếng nói mầu nhiệm thanh tịnh của Như Lai, vang vọng khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe thấy.

LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 4

- Phần thứ sáu: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận (Phần 2)

Trong luận có hỏi: Do sự kiện nào mà biết được Đức Thế Tôn Chánh giác đối với tất cả chúng sinh có lòng Đại Bi thương xót vượt hơn tất cả?

Đáp: Đức Thế Tôn vì thấy tất cả chúng sinh ở thế gian đều bị bệnh nhiễm phiền não, bị phiền não bức bách ép ngặt, bị mọi loại phiền não gây tổn hại, không thể cứu thoát, không chỗ quay về, không nơi hưởng đến... Do sự kiện đó mà Đức Thế Tôn sau khi thành Chánh giác chưa được bao lâu, liền vì các chúng sinh mà giáo hóa cứu độ. Thế nên nói là lòng Đại Bi vượt hơn tất cả.

Hỏi: Vì sao khi Bồ-tát nhập định tâm Từ thì thân của Bồ-tát, lửa không thể đốt cháy được, nước không thể nhận chìm được, dao gậy không thể thương tổn được, các độc hại không thể hại được. Và lại không ở trong khoảng ấy mà nhập diệt được?

Đáp: Vì định không nào hại thì không có định để nhập, không có cả sự không nào hại nên sự tiếp xúc với nào hại cũng không (không thấy có nào hại), và không có tâm đồng phần với cõi diệt. Do nguyên nhân đó cho nên Bồ-tát khi nhập định tâm Từ thì các thứ nước, lửa, dao, gậy, chất độc không thể hại được. Lại cũng không ở trong khoảng ấy mà diệt.

Hỏi: Vì sao khi nhập vào định vô tưởng và định diệt tận thì các thứ nước, lửa, đao, gậy, chất độc không thể hại được, lại cũng không ở trong khoảng ấy mà diệt?

Đáp: Đó là định không nào hại, thì không có định để nhập, cũng không có sự tiếp xúc với sự không nào hại, và không có tâm hướng về nơi cõi diệt. Do nguyên nhân đó nên có được các việc như thế.

Hỏi: Vì sao khi Bồ-tát còn nằm trong thai mẹ mà mẹ của Bồ-tát không bị nước, lửa, đao, gậy, chất độc gây nào hại, cũng không ở trong

khoảng ấy mà diệt?

Đáp: Đó là do oai lực to lớn của Bồ-tát. Vì với sức lực tốt lành cao quý đó nên khiến mẹ của Bồ-tát không bị các thứ ấy nã hại.

Hỏi: Vì sao thân của Bồ-tát không bị nước, lửa, dao, gậy, chất độc làm hại được, cũng không ở trong khoảng ấy mà diệt?

Đáp: Vì so với tất cả chúng sinh thì Bồ-tát là tối thắng, so với những bậc cùng loại (Bồ-tát khác) cũng lại tối thắng.

Hỏi: Vì sao thân của Diệm-ma vương cũng không bị nước, lửa, dao, gậy làm hại, cũng không ở trong khoảng ấy mà diệt?

Đáp: Vì Diệm-ma vương đối với các loại chúng sinh thuộc cõi Diệm-ma luôn được hơn trội, do đó mà có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao thân của các voi chúa Ái-la-phước-noa và Thiện trụ không bị nước, lửa, dao, gậy v.v... làm hại được, cũng không ở trong khoảng ấy mà diệt?

Đáp: Các voi đó thuộc loài bàng sinh (thú vật), so với các giống thú khác thì nó vượt trội hơn cả. Do đó mà có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao các loài chúng sinh hoặc đọa trong địa ngục phải chịu khổ sở vô cùng, nhưng lại không ở trong khoảng ấy mà diệt?

Đáp: Đó là nghiệp báo thiêu đốt, vì sự chịu khổ của nghiệp báo chưa hết, do đó mà có các việc như thế.

Phần thứ bảy: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.

Lại nữa, có một thời Phật ngụ tại nước Xá-vệ, Ngài bảo với các chúng Bí-sô: Các thầy Bí-sô nên biết! Có ba pháp gọi là nhơ bẩn bên trong, là cái chứa giấu bên trong và oán thù bên trong. Ba pháp đó là tham, sân, si.

Này các thầy Bí-sô! Vì sao lại gọi tham, sân, si là sự nhơ bẩn bên trong, là cái chứa giấu ở trong và oán thù bên trong? Nghĩa là như có người cùng bạn xấu làm các việc như chiếm đoạt xâm phạm vật của người khác để thọ dụng, tạo mọi tội ác khác..., cho đến giết hại... Ấy là lòng tham ái của người đó tăng mạnh nên đem cả thân khẩu ý ra làm đủ các việc ác. Khi gây tội ác xong, do đó phải chịu đọa vào đường ác địa ngục. Đối với sân và si cũng như vậy.

Này các thầy Bí-sô! Thế nên ba pháp tham, sân, si gọi là sự nhơ bẩn bên trong, là cái chứa giấu ở trong và oán thù bên trong. Đức Thế Tôn Thiện Thệ nói như thế đã xong, nhằm tóm tắt nên nói kệ:

Không biết rõ ràng pháp tham ái,
 Với pháp tham ái chẳng xét lường,
 Tham ái với người đó làm một,
 Người đó rơi vào chốn tối tăm.
 Người tham nhiễm sống đời vô ích,
 Do tâm tham nhiễm sinh mê đắm,
 Khi khởi tham nhiễm tâm lo sợ,
 Phải biết kẻ ấy chẳng hiểu gì.
 Nếu giỏi đoạn trừ các tham ái,
 Người ấy không còn dính bụi ái,
 Khi tham ái chẳng thể chuyển lay,
 Khác nào hoa sen không dính nước.

**

Không biết rõ ràng pháp giận dữ,
 Với pháp giận dữ chẳng xét lường,
 Giận hờn với kẻ ấy làm một,
 Kẻ ấy rơi vào chốn tối tăm.
 Người hay giận sống đời vô ích,
 Do tâm giận dữ sinh lỗi lầm,
 Trong khi giận dữ tâm lo sợ,
 Phải biết kẻ ấy chẳng hiểu gì.
 Nếu giỏi đoạn trừ tận giận dữ,
 Liền đối cảnh giận mà không giận,
 Khi ấy giận dữ sẽ rơi mất,
 Khác nào trái chín tự rụng rơi.

**

Không biết rõ ràng pháp si mê,
 Với pháp si mê chẳng xét lường,
 Si mê với kẻ nọ làm một,
 Kẻ nọ liền rơi chốn tối tăm.
 Người si mê sống đời vô ích,
 Do lòng si mê nên lầm lạc,
 Khi có si mê tâm lo sợ,
 Phải biết kẻ nọ chẳng hiểu gì.
 Nếu giỏi đoạn trừ thói si mê,
 Chẳng bị cảnh mê làm ngu muội,
 Khi si mê ấy bị phá rồi,
 Khác nào mặt trời xua bóng tối.

**

*Nếu biết rõ ràng ba pháp đó,
Nhất định không đọa vào đường dữ,
Tâm như cắt đứt cây Đa la,
Chặt trợn rồi không còn sống lại.
Thế nên ba pháp tham, sân, si,
Phải nên cắt đứt chẳng còn gì,
Người tu khi phát sinh tuệ lớn,
Khổ kia đứt hết chẳng còn chi.*

**

Hỏi: Do đâu mà có người tham lam tốt độ?

Đáp: Nếu như có người luôn gần gũi rèn tập căn bất thiện tham, còn đối với căn thiện không tham lại không gần gũi tu tập rèn luyện. Đối với các tướng ham muốn (dục), nhân ham muốn, tầm (xét tìm) ham muốn thì luôn gần gũi rèn tập. Còn đối với các tướng xuất ly, nhân xuất ly và tầm xuất ly vượt thoát thì không chịu tu tập rèn luyện. Đối với các vật thọ dụng đẹp đẽ ở thế gian thì do tâm tham đắm mà siêng năng thực hiện. Còn đối với các vật thọ dụng không trang nghiêm đẹp đẽ ở thế gian thì không siêng năng tu tập thực hiện. Đối với các pháp thiện cao quý là việc đáng làm mà không làm, lại không tư duy tìm hiểu, không chịu tu hạnh Tam-ma-địa, không khéo giữ gìn các căn nghiêm ngặt kỹ càng. Ăn uống vô độ không biết lượng định, đầu hôm cuối đêm thức trắng để làm các việc ác. Không hề tu tập Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Đối với các điều tác ý trái lý thì lại luôn tu tập thực hiện. Những người như thế gọi là kẻ tham ái tốt độ. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ trở thành những kẻ luôn ca xướng múa hát đờn địch đùa vui và những người nữ..., giả sử như được sinh lên thiên cung thì cũng sinh vào các cõi trời thuộc Dục giới, là do nhân đó mà có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà có những người giận hờn tốt độ?

Đáp: Nếu như có người đối với căn bất thiện giận dữ mà luôn gần gũi rèn tập, còn đối với căn thiện không giận dữ lại không gần gũi tu tập rèn luyện. Và đối với các tướng giận dữ, nhân giận dữ, tầm giận dữ thì luôn gần gũi rèn tập tạo tác. Còn đối với các tướng không giận dữ, nhân không giận dữ và tầm không giận dữ thì không chịu tu tập rèn luyện. Việc không đáng giận hờn mà cứ nổi tam bành lên thì luôn gần gũi tập luyện tánh xấu đó, còn đối với tâm Từ Tam-ma-địa thì chẳng chịu tu hành rèn tập. Đối với việc chết chóc tàn hại thì siêng năng luyện tập, còn việc không giết hại thì chẳng hề làm, không tu tập gì cả. Đối

với các căn môn sâu kín thì không hề giữ gìn bảo hộ. Ăn uống vô độ không biết định lượng, đầu hôm cuối đêm luôn thức trắng để gây tội ác. Chẳng hề tu tập chút nào về Xa-ma-tha hay Tỳ-bát-xá-na. Đối với các điều tác ý đúng lý thì không bao giờ để ý tu tập rèn luyện. Những người như thế tức là những kẻ giận hờn tội độ. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ trở thành các loài ong, mọt, loài ba mắt, trùng trăm chân, là do nguyên nhân này mà có việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà có người si mê tội độ?

Đáp: Nếu như có người đối với căn bất thiện si mê mà luôn gần gũi rèn tập, còn đối với căn thiện không si mê lại không gần gũi tu tập rèn luyện. Đối với các tướng tàn hại, nhân tàn hại, tầm tàn hại, thì luôn gần gũi rèn luyện tạo tác. Còn đối với các tướng không hại, nhân không hại, tầm không hại thì không chịu tu tập rèn luyện. Đối với các kiến chấp thì thường rèn tập, đến như các điều quái lạ, các điềm bất tướng v.v... cũng thường rèn luyện. Do các nhân tố đó mà trong nội tâm không thể nào suy xét tìm hiểu về pháp duyên sinh, cũng như không thể lắng tâm xét tìm quan sát các hành sinh diệt vô thường của năm uẩn. Gọi pháp này là sắc tạo thành, là sắc tụ tập, là sắc đã diệt mất. Cũng như thọ-tướng-hành-thức đã tạo thành, là thức đã tụ tập và từ thức mà diệt mất. Người này đối với các căn môn ẩn kín không thể giữ gìn bảo hộ được. Ăn uống thì vô độ không biết định lượng, đầu hôm cuối đêm thức trắng mà tạo tội ác, không hề biết đến việc tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đối với các điều tác ý không đúng lý thì lại thường rèn luyện tạo tác. Những người như thế đúng là si mê tội độ. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ trở thành các loài voi ngựa, lạc đà, lừa, dê, nai, bò, heo v.v..., là do nhân duyên đó, nên sự việc nó như thế.

Hỏi: Do đâu gọi là người không tham lam tội bậc?

Đáp: Nghĩa là nếu có người nào đối với căn thiện không tham mà thường gần gũi tu tập, không bao giờ tu tập các căn bất thiện như tham. Đối với các tướng xuất ly, nhân xuất ly, tầm xuất ly thì luôn tu tập rèn luyện, mà không bao giờ siêng năng rèn luyện các tướng tham dục, nhân tham dục và tầm tham dục. Đối với các thứ thọ dụng không đẹp đẽ của thế gian thì siêng năng rèn luyện tu hành, trái lại không bao giờ rèn luyện các thứ thọ dụng đẹp đẽ. Đối với các pháp thiện luôn suy tư tìm hiểu, siêng năng tu tập pháp Tam-ma-địa, mà chẳng hề rèn luyện các pháp bất thiện. Lúc nào cũng giữ gìn các căn môn ẩn kín. Ăn uống thì biết định lượng, đầu hôm cuối đêm không ngủ nghỉ mà siêng năng tu tập các hạnh thiện, tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đối với các tác

ý đúng lý thì siêng năng tu tập, không bao giờ rèn luyện tu tập các tác ý không đúng lý. Những người như thế là kẻ không tham lam tội bậc. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ trở thành những Tiên nhân, những vị xuất gia, những bậc Trưởng giả v.v..., hoặc là những người được sinh lên cõi trời thuộc Sắc giới? Là do nhân đó mà có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu gọi là kẻ không giận dữ tội bậc?

Đáp: Nghĩa là như có những người đối với căn thiện không giận dữ thì luôn gần gũi tu tập, trái lại không hề rèn luyện tu tập căn bất thiện giận dữ. Đối với các tướng không giận dữ, nhân không giận dữ và tâm không giận dữ thì luôn gần gũi rèn luyện tu tập, không bao giờ rèn luyện tu tập các tướng, các nhân, các tâm giận dữ. Và còn tu tập hạnh Tam-ma-địa, tâm Từ. Đối với chỗ không phải mà khởi lên giận dữ thì chẳng bao giờ làm. Trái lại siêng năng tu pháp bất hại, không hề gần gũi rèn tập các pháp gây tổn hại. Luôn luôn giữ gìn bảo hộ các căn môn ẩn kín Ăn uống luôn biết độ lượng. Đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, luôn siêng năng tu tập rèn luyện các pháp thiện. Luôn tu hạnh Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Đối với các tác ý đúng lý thì luôn siêng năng tu tập, không bao giờ rèn luyện các tác ý không đúng lý. Những người như thế chính là kẻ không giận dữ tội bậc. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ trở thành những Tiên nhân, những vị xuất gia, những bậc Trưởng giả v.v..., hoặc là những người được sinh lên cõi trời thuộc Sắc giới? Là do nhân đó mà có sự việc như thế?

Hỏi: Do đâu mà gọi là kẻ không si mê tội bậc?

Đáp: Nghĩa là như có những người đối với căn thiện không si mê thì luôn gần gũi tu tập, trái lại không bao giờ tu tập rèn luyện căn bất thiện si mê ngu tối. Đối với các tướng, các nhân, các tâm không nào hại thì luôn gần gũi tu tập và tạo tác. Còn đối với các kiến chấp, các điều quái lạ, các điềm bất tường thì không bao giờ tu tập làm theo. Vì duyên đó mà trong nội tâm luôn suy tư tìm xét về pháp môn duyên sinh, cũng như lắng tâm quan sát các hành sinh diệt vô thường của năm uẩn. Gọi pháp này là sắc tạo thành, là sắc đã tụ tập, từ sắc đã diệt mất. Như thế là do thọ - tưởng - hành - thức mà thành, là thức đã tụ tập và từ thức mà diệt mất. Người này luôn giữ gìn bảo hộ các căn môn ẩn kín. Ăn uống luôn có độ lượng. Đầu hôm cuối đêm thường không ngủ nghỉ mà siêng năng tu tập các pháp thiện, luôn tu tập pháp Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Đối với các tác ý đúng lý thì luôn siêng năng tu tập. Những người như thế chính là kẻ không si mê tội bậc. Người đó chết rồi phải nói sao

đây? Họ sẽ trở thành các vị Tiên nhân, những người xuất gia, những bậc Trưởng giả, hoặc là những người được sinh lên các cõi trời Sắc và Vô sắc giới, là do các nhân này nên có các việc như thế.

- *Phần thứ tám: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận (Phần 1)*

Tụng nêu chung:

*Đời trước, khí nơ và chắc nạng,
Khí nơ gió thổi phải tan nhanh,
Đầy ắp - thở ra cùng hít vào,
Ngày đêm - cá rùa ở trên đất.*

Như Phật đã giảng nói: Phật bảo với các thầy Bí-sô: Các thầy Bí-sô không thể biết rõ đời trước đều do hai pháp hữu và ái. Đối với đời trước nếu không có hữu và ái thì đời sau không thể nẩy sinh. Nếu người có thể biết rõ các pháp như thế, thì tự suy nghĩ về các pháp đời sau. Có ái làm duyên thì chẳng biết rõ hữu là có tiếp nối hay không tiếp nối?

Có người đáp: Nó không nối tiếp. Vì sao như thế? Nghĩa là do không biết rõ. Vì vô minh nên các loại chúng sinh bèn nghĩ: Không rõ ở đời quá khứ ta đã có hay là không có. Nếu ở đời quá khứ mà có ta, tức là thường. Còn nếu ở đời quá khứ không có ta, tức là đoạn. Và còn các hành có nhân hay không có nhân? Nếu các hành đó trước đây có nhân rồi, cũng là các hành đó nhưng trước thì không có nhân. Thế nên nếu hiểu biết rõ đời trước, thì các hành xưa nay vốn không có nhân.

Hỏi: Vì sao kẻ chưa lìa bỏ dục thì khi chết rồi (đã thú diệt), lúc dùng lửa thiêu thân thì có khí nơ, mùi hôi bay lên phủ lấp khắp nơi. Còn người đã lìa bỏ dục, khi đã chết rồi, dùng lửa đốt thân thì lại không có khí nơ, mùi hôi lan tỏa khắp nơi?

Đáp: Kẻ chưa lìa bỏ dục, thì trong thân xác hãy còn tinh huyết không sạch chảy ra. Vì chảy ra nên khi lửa đốt cháy thân xác thì gió thổi mang khí nơ phủ lấp khắp nơi, khiến cho chư Thiên đại oai lực không dám hăng hái mạnh dạn đến cúng dường. Vì sao như thế? Ấy là vì khí nơ chưa tan. Còn người đã lìa bỏ dục tình rồi, khi đã chết, thân xác không còn tinh huyết không sạch chảy nữa. Vì không chảy ra nên khi dùng lửa đốt cháy thân xác thì không có khí nơ. Thế nên chư Thiên đại oai lực đều mạnh dạn ân cần đến thiết lễ cúng dường. Vì sao như thế? Ấy là vì không có khí nơ.

Hỏi: Vì sao người chưa lìa bỏ ái dục thì khi chết rồi, thân thể lại

cứng ngắc, nặng nề, không mềm mại. Còn kẻ đã lìa đục thì khi chết rồi thân thể sẽ điều hòa mềm mại, không bị cứng ngắc, nặng nề?

Đáp: Vì người chưa lìa đục thì gió trên không thổi âm âm mà nhập vào trong thân xác, thế nên cứng ngắc nặng nề, không mềm mại nhẹ nhàng. Còn người đã lìa bỏ đục rồi, khi đã chết thì ngăn giữ gió ở bên ngoài, nên thân được điều hòa mềm mại, không bị cứng ngắc nặng nề. Do nguyên nhân đó mà có việc như thế.



LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 5

- Phần thứ tám: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận** (Phần 2)

Hỏi: Vì sao người chưa lìa ái dục, khi chết gió bên trên thổi âm âm nhập vào trong thân, còn người đã lìa ái dục, khi chết không có gió bên trên thổi âm âm nhập vào thân?

Đáp: Người chưa lìa ái dục, khi chết thì tâm khởi sinh theo mê đắm bên ngoài, chạy nhanh, gió thổi khiến mắt mở ra, tâm trí biến khắp, gió ấy thổi mãi không ngừng. Thế nên nói gió bên trên thổi âm âm vào thân người ấy. Còn người lìa bỏ ái dục rồi, khi chết không sinh khởi tâm mê đắm bên ngoài, chạy nhanh, nên không có gió thổi, mắt cũng không mở nhắm, tâm cũng không biến khắp, nên gió ấy liền ngừng. Thế nên không có gió bên trên thổi âm âm nhập vào thân người ấy. Do nhân duyên đó nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi mạng người còn sống thì thân thể nhẹ nhàng lại mềm mại, nhưng khi thân mạng đã chết rồi thì thân thể cứng ngắc nặng nề lại không mềm mại?

Đáp: Khi thân xác chết thì các phần vị nằm bên ngoài, hai giới lửa và gió đều đã mất, thế nên thân thể nặng nề, cứng ngắc không mềm mại. Còn khi đang sống thì các phần vị ở khoảng giữa (trung tâm), hai giới lửa và nước còn chưa mất, thế nên thân thể nhẹ nhàng lại mềm mại. Vì nguyên do đó nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà khi người còn sống đang ở trên cõi đời thì ăn uống tiêu hóa, nhưng khi đã chết rồi thì đồ họ ăn uống không tiêu hóa?

Đáp: Khi người đang sống trên đời, thì các phần vị ở giữa trung tâm, các giới lửa - nước - gió đều chưa mất, do giới nước lưu động thấm nhuần, giới lửa thì nung nóng, giới gió thì vận động thúc đẩy, cho nên thức ăn đưa vào đều được tiêu hóa. Khi người ấy chết, thì phần vị đi ra bên ngoài, các giới lửa- nước- gió đều mất, nên thức ăn đưa vào thì nước không thấm nhuần, lửa không nung nóng, gió không vận động,

nên không thể tiêu hóa được những đồ họ ăn. Do nguyên nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi người ta còn sống ở trên đời này, thì thân không có khí nơ, nhưng khi đã chết rồi thì khí nơ đầy ắp?

Đáp: Khi người còn đang sống trên đời thì các phần vị ở bên trong, hai giới lửa và gió không mất, đuổi theo giới nước mà được đầy tràn, thế nên thân ấy không có các thứ khí nơ. Khi đã chết rồi thì phần vị ở bên ngoài, hai giới lửa và gió đều mất, không theo giới nước nữa mà vẫn đầy tràn, thế nên thân ấy liền có khí nơ. Do nhân đó mà có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu khi người đang còn sống ở trên đời thở ra hít vào trao đổi cho nhau, nhưng khi chết rồi thì việc đó không còn như thế nữa?

Đáp: Khi người ta còn sống thì phải suy nghĩ để hiểu biết, cho nên phải nường vào tư tưởng, phải hít vào thở ra thay nhau, đến khi chết rồi không còn suy nghĩ nữa, thế nên có sự việc như thế.

Hỏi: Do đâu loài chim cú mèo thì đêm thấy mà ngày không thấy?

Đáp: Con người trong mắt của loài chim cú có dạng màu đỏ, đêm về không bị ngăn che, chỉ bị ngăn che lúc ban ngày, vì thế ban đêm thì thấy mà ban ngày không thấy.

Hỏi: Do đâu người ta thấy được ban ngày còn ban đêm lại không thấy?

Đáp: Vì con người trong mắt của người hình dạng màu đen, ban ngày không bị ngăn che, chỉ bị ngăn che vào ban đêm. Thế nên ban ngày thì thấy mà ban đêm không thấy.

Hỏi: Do đâu mà loài chó, ngựa, đêm thấy và ngày cũng thấy?

Đáp: Con người trong mắt của loài chó và ngựa có màu vàng nên đêm ngày đều không ngại, thế nên đều thấy cả ngày lẫn đêm.

Hỏi: Vì sao cá thấy được trong nước mà lên cạn thì không thấy được?

Đáp: Vì con người trong mắt của loài cá bị ghèn và nước mắt che lấp nên ở trong nước thì không bị trở ngại, khi lên bờ mới bị ngăn che, cho nên ở trong nước thì thấy, lên trên bờ thì không thấy.

Hỏi: Do đâu mà hai mắt của con người ở trong nước thì bị trở ngại mà lên bờ thì không?

Đáp: Vì con người trong mắt của con người do bọt nước tạo nên, do đó trên cạn thì không bị trở ngại, chỉ trở ngại khi ở trong nước.

Hỏi: Do đâu mà loài rùa, tôm, cua, ếch, nhái, đỉa nước... trong

nước hay trên cạn đều thấy?

Đáp: Vì con người trong mắt của các loài nói trên do xương tạo nên, nên ở trong nước hay ở trên cạn đều không trở ngại, do đó đều thấy.

- Phần thứ chín: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.**

Tụng nói chung:

*Ngủ nghỉ - bạo ác và trạo cử,
Lắm lời nhiều lời và ngu độn,
Niệm tuệ mà phiền não lại tăng,
Không được lợi hay với thiên định.*

Hỏi: Vì sao ở thế gian lại có người ngủ nhiều?

Đáp: Nghĩa là có người thường gần gũi với kẻ ngủ nhiều, ham ngủ. Những người này đối với phương pháp sáng suốt thì lại không thích gần gũi rèn tập. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ thành loài trần, rần, rông v.v..., là do nhân đó mà có sự việc như thế.

Hỏi: Vì sao lại có người ít ngủ nghỉ?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các pháp quang minh mà nghĩ tưởng sáng suốt, lại luôn gần gũi luyện tập, còn đối với các pháp hôn trầm ham ngủ thì không thích gần gũi luyện tập. Người đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ thành các bậc Tiên nhân, những vị xuất gia, các vị Trưởng giả..., hoặc là những người được sinh lên các cõi trời thuộc Sắc giới và Vô sắc giới. Do nhân đó mà có việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người bạo ác?

Đáp: Như có người luôn quen thói sử dụng các binh khí, dao gậy... và đối xử tàn bạo với mọi người, nhưng lại không ưa thích gần gũi giao tế với người không thích bạo ác, không ưa sử dụng vũ khí, dao gậy. Kẻ đó chết rồi phải nói sao đây? Họ sẽ làm đồ tể giết mổ trâu, dê, kẻ làm nem chả, kẻ săn bắt, lưới câu, kẻ huấn luyện voi ngựa, kẻ chuyên lo việc gông cùm trói buộc kẻ khác, những kẻ chẳng coi luật pháp ra gì..., là do các nhân đó mà có việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người không bạo ác?

Đáp: Nghĩa là như có người thường quen tánh không ưa sử dụng các loại binh khí, dao gậy và không đối xử tàn ác với mọi người, trái lại những việc tàn ác dữ dằn thì không thích gần gũi tập luyện. Người này chết rồi sẽ nói sao đây? Họ sẽ thành các bậc Tiên nhân, các vị xuất gia

và các Trưởng giả, hoặc là những người được sinh ở cõi trời Sắc và Vô sắc, là do nhân đó mà có việc như thế.

Hỏi: Do đâu có người bị trạo cử (lay động không yên)?

Đáp: Như có người thường có thói quen luôn bị quấy động mãi không yên (trạo cử) mà không thích gằn gũ rèn tập các thứ yên lặng, thôi dứt. Người đó chết rồi sẽ nói sao đây? Họ sẽ thành những kẻ ưa ca múa vui đùa, cười giỡn, hoặc sinh lên các cõi trời ở Dục giới, là do nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao có người không bị trạo cử?

Đáp: Nghĩa là có người thường ưa gằn gũ luyện tập các sự việc vắng lặng, yên tĩnh, ngưng dứt... mà không thích gằn gũ sự náo động không yên... Người đó chết rồi sẽ nói sao đây? Họ sẽ thành các bậc Tiên nhân, những vị xuất gia, và các vị Trưởng giả, hoặc là những người được sinh ở cõi trời Sắc và Vô sắc, là do các nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao ở đời lại có kẻ lảm lời nhiều tiếng?

Đáp: Nghĩa là như có người thường gằn gũ giao tế rèn tập với kẻ ba hoa nói nhiều, mà không chịu gằn gũ luyện tập với người điềm đạm, ít nói. Người này chết rồi sẽ nói sao đây? Họ sẽ thành loài hay kêu hót như anh vũ, vẹt két, cò vạc, le le đậu trên cây, trong lồng lưới, hay các loài chim đang bay mà hay kêu hót như yến, nhạn, là do nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao lại có người không lảm tiếng nhiều lời?

Đáp: Nghĩa là như có người thường có các thói quen hay gằn gũ với người điềm đạm ít nói, mà không ưa thích gằn gũ rèn luyện với kẻ ba hoa nói nhiều. Người đó chết rồi sẽ nói sao đây? Họ sẽ thành các bậc Tiên nhân, các vị xuất gia, Trưởng giả... và những người được sinh ở các cõi trời Sắc và Vô sắc, là do các nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao lại có kẻ ngu tối, đần độn?

Đáp: Nghĩa là như có người không thể nào gằn gũ rèn tập với kẻ đa văn hiểu học, không ưa thích việc dùng các thứ tiếng ở các địa phương khác mà diễn giảng giải thích nghĩa lý. Do các nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà có người không ám độn?

Đáp: Nghĩa là như có người thường gằn gũ rèn luyện với những bậc đa văn, học giỏi mà không ưa gằn gũ giao tế với kẻ ít học ít nghe, lại thường dùng các thứ tiếng của nhiều địa phương khác mà giải thích các nghĩa lý. Người này chết rồi sẽ làm những người diễn giảng thuyết

pháp khéo léo nhất trong hàng Bà-la-môn hoặc trong hàng Sa-môn...
Do các nhân đó nên có việc như thế.

Lại nữa, nên biết những kẻ ít nói có hai loại: Đó là kẻ thấp hèn và bậc tôn quý.

Thế nào là kẻ thấp hèn ít nói? Nghĩa là như có người dù là nghèo hèn nhưng vì có trí nên luôn nương nhờ vào cha mẹ, sư trưởng có danh tiếng cao quý và các người trí thức khác, cho nên gọi là kẻ thấp hèn ít nói.

Thế nào là bậc tôn quý ít nói? Nghĩa là như người có bản tánh cao quý và lại có trí, thường hay nương nhờ vào cha mẹ, sư trưởng có danh tiếng cao sang và những bậc trí thức khác, cho nên gọi là người tôn quý ít nói.

Hỏi: Thế nào là người có hạnh mà không có tuệ?

Đáp: Nghĩa là như có người luôn luôn tìm học chánh pháp không hề nhàm chán. Nhưng đối với các nghĩa lý (lý thú) đường lối của pháp thì lại không chịu suy nghĩ tìm hiểu. Do các nhân đó mà có việc như thế.

Hỏi: Thế nào là người có tuệ mà không có hạnh?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với nghĩa lý sâu xa của các pháp thì thường suy xét tìm hiểu kỹ lưỡng, nhưng đối với chánh pháp thì không tìm học nhiều, chỉ nghe học chút ít đã cho là đủ. Do các nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu ở đời có người không có tuệ mà cũng không có hạnh?

Đáp: Nghĩa là như có người không thường cầu học chánh pháp mà đối với nghĩa lý đường lối của các pháp cũng không hề tìm hiểu. Do các nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu ở đời có người có hạnh và tuệ đều đầy đủ?

Đáp: Nghĩa là như có người thường cầu học chánh pháp lại luôn luôn tìm hiểu quán xét nghĩa lý của các pháp. Do các nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà có thể giữ gìn được chánh pháp?

Đáp: Nghĩa là như có người thường xuyên nương dựa vào hành tướng của các pháp, đối với mười hai xứ của pháp mà khéo lãnh thọ, nhận biết giữ gìn. Do các nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao ở đời có người luôn lãng quên?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các pháp bất thiện thì luôn chứa nhóm tích tụ mà xoay chuyển, rèn tập gần gũi, luôn làm các hạnh xấu ác. Người này khi chết rồi thì bị đọa vào các đường dữ ở trong địa

ngục. Khi ở địa ngục đã hết kiếp rồi thì giả như mong muốn được làm người mà chung sống, và khi được làm người rồi thì có tuổi thọ rất ngắn ngủi và chết yếu. Khi ở cõi người chết đi rồi, nếu được sinh làm người thì có trí nhớ rất kém, thường không nhớ nhiều, nhớ lâu, mà luôn quên mất. Do các nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao ở đời có người ghi nhớ lâu?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các pháp thiện luôn tích tụ chứa nhóm và hay chuyển đổi, luôn gần gũi tu tập, rộng làm các hạnh thiện. Người này khi chết rồi thì được sinh vào các cõi thiện, ở trên cung trời. Khi đời sống ở cõi trời đã hết, nếu muốn sinh vào cõi người để chung sống thì liền được làm người và tuổi thọ rất lâu dài. Khi ở cõi người chết rồi, thì được sinh trở lại làm người và có trí nhớ rất tốt, nhớ lâu, nhớ nhiều. Do các nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao ở đời có người bị phiền não quá sâu dày?

Đáp: Nghĩa là như có người nghĩ tưởng đến dục sân hại của họ, rồi do dục sân hại đi tìm sân hại dục mà gần gũi rèn luyện tu tạo..., ở trong chỗ phiền não sâu dày mà phó mặc cho nó xoay chuyển. Do nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao ở đời có người không bị phiền não quá sâu dày?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với nghĩ tưởng xuất ly không sân, không hại, và các nhân xuất ly không sân không hại, các tầm xuất ly không sân không hại..., luôn luôn gần gũi tu tập rèn luyện. Đối với các phiền não sâu dày không để nó xoay chuyển... do các nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà ở đời có người không thành tựu nhanh chóng được hai pháp thiện thiền định và nhẫn nhục?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với các nghĩa nhất định về hành tướng của các pháp mà không khéo léo lãnh thọ tuân hành. Do các nhân đó nên không thể nhanh chóng thành tựu hai pháp thiện thiền định và nhẫn nhục.

Hỏi: Nhân đâu mà có người thành tựu nhanh chóng hai pháp thiện thiền định và nhẫn nhục?

Đáp: Nghĩa là như có người đối với nghĩa quyết định về hành tướng của các pháp mà hay khéo léo lãnh thọ tuân hành. Do các nhân đó mà thành tựu nhanh chóng hai pháp thiện thiền định và nhẫn nhục.

- Phần thứ mười: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận (Phần 1)

Tụng nêu chung:

*Núi Tu-di - đất bằng nơi chốn,
Núi nọ có nhiều cây cỏ mọc,
Nhiều cây và rất nhiều cành lá,
Hoa quả được mùa và tốt tươi.*

Hỏi: Vì sao trong tất cả núi non, thì núi chúa Tu-di lại to lớn, đẹp đẽ hơn hết?

Đáp: Khi thế giới mới thành lập thì núi Tu-di ấy có địa giới tốt hơn hết, chỗ ở đường đi tốt hơn, đẹp đẽ hơn hết, chu vi rộng hơn hết, mọi chốn hợp lại mà tạo nên núi này. Do nhân duyên này nên núi chúa Tu-di cao đẹp to lớn hơn hết.

Hỏi: Vì sao ở địa giới phương Bắc có nhiều cây cỏ nhất?

Đáp: Khi thế giới mới thành thì gió thổi vào mặt phía Bắc, nên địa giới ở đó tốt hơn hết, chỗ ở đường đi tốt hơn hết, đẹp đẽ đặc biệt hơn hết, gồm chung tất cả các nơi chốn. Thế nên ở phương Bắc có nhiều cỏ cây.

Hỏi: Vì sao ở trên mặt đất mà có chỗ thì đất cao, có nơi đất lại thấp?

Đáp: Ở trên mặt đất có một địa phương đất đai cao vọt, lại ít mưa, nếu nước rơi thấm xuống thì nó sẽ sụt xuống ở dưới thấp, nên đất ở đó thấp. Lại ở mặt đất này có một địa phương, dưới mặt đất đó có nhiều báu vật như sắt, đồng trắng, sập trắng (chì, thiếc) sập đen và vàng bạc v.v..., cùng các thứ cứng rắn khác nằm sâu trong đất. Tuy có trời mưa xối nước xuống nhưng chỉ phá phần dưới, nên đất ở đó cao lên. Vì các nhân ấy mà trên mặt đất có những chỗ đất cao hoặc thấp.

Hỏi: Vì sao trong số núi non có loại núi cao, có loại núi thấp?

Đáp: Nghĩa là khi thế giới này mới thành lập thì có gió thổi rất mạnh làm tung đất cát rồi gom lại thành đống cao lên. Nếu gió thổi nhẹ thì gom tụ ít đất, nên thành đống nhỏ, đó là các núi thấp. Và lại các nơi có núi cao vọt, gặp ít mưa và nước chảy xuống phá hủy các nơi thấp, cho nên núi ở đó thấp. Lại có những núi ở trong đó có nhiều báu vật như sắt, đồng trắng, sập trắng, sập đen, vàng bạc và các thứ cứng rắn khác nằm sâu trong đất, dưới núi. Tuy trời mưa xối nước xuống, nhưng đất ở đó không bị phá hủy nên núi đó cao. Do các nguyên nhân đó, nên các chỗ trên mặt đất có núi cao, núi thấp.



LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 6

- *Phần thứ mười: Nhân Thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận (Phần 2)*

Hỏi: Vì sao có loại núi nhiều cỏ cây, có loại núi ít cỏ cây?

Đáp: Nghĩa là một loại núi ở phía dưới có long cung nên có nhiều cỏ cây rậm rạp, còn loại núi kia phía dưới không có long cung nên cỏ cây thưa thớt, ít ỏi. Lại còn có loại núi đất đai cao vót nên cỏ cây rậm rạp. Còn có loại núi có chứa nhiều báu vật như vàng, bạc, đồng, sắt, đất đỏ, đất trắng, nằm ẩn sâu dưới núi cho nên cây cối thưa thớt ít ỏi. Lại có loại núi ở phía dưới có địa ngục, cho nên ít cỏ cây. Còn có loại núi ở phía dưới không có địa ngục, cho nên có nhiều cây cối. Do nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao lại có loại cây hình dạng to lớn, còn có loại thì không to?

Đáp: Nghĩa là có địa phương thì địa giới ấm áp, thủy giới đầy đủ, hỏa giới điều hòa, phong giới bình ổn yên tĩnh cho nên cây rất to. Còn có nơi (địa phương) thì có địa giới không ấm áp, nước không tăng vọt phun lên, lửa không điều hòa, và gió không bình ổn yên tĩnh, cho nên cây cối không to được. Do các nhân đó nên có sự việc như thế.

Hỏi: Vì sao có loại cây thì lá rất lớn, còn loại cây thì lá rất nhỏ?

Đáp: Nghĩa là có loại cây ở vùng đất đai ấm áp, nước nổi phun mạnh, chất nóng (lửa) điều hòa, sức gió bình ổn nên lá cây to. Còn loại cây kia vì đất đai không ấm áp, nước không phun mạnh, lửa không điều hòa (ánh nắng), gió không bình ổn, cho nên lá cây không to. Do nhân duyên đó mà có việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà có loại cây thì hoa của nó rất tươi tốt, còn một loại thì không có hoa?

Đáp: Có một loại cây đẹp đẽ cao vót, cho nên có bông hoa tươi tốt. Còn loại cây kia hình dạng không đẹp đẽ xinh tươi, lại không cao lớn cho nên nó không có hoa. Do các duyên đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Vì sao có loại cây thì có quả hạt, lại có loại không có quả hạt?

Đáp: Nghĩa là có loại cây vị giới (mùi vị) tăng mạnh đầy đủ, nên nó liền có quả hạt. Còn loại cây kia vì bản chất mùi vị không tăng mạnh, nên nó không có quả. Do nhân đó nên có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loài cây lại có hoa rất thơm, còn có loại thì không có hương thơm?

Đáp: Có loài hoa vốn có hình dáng tuyệt đẹp không bị lửa, sức nóng phá hỏng, cho nên nó có mùi thơm tuyệt diệu. Còn có loài hoa vốn hình dáng không đẹp, lại bị sức nóng phá hỏng, cho nên không thơm. Do nhân duyên đó mà có các việc như thế.

Hỏi: Do đâu có loại quả đầy đủ mùi vị ngon lành, còn có loại thì không có?

Đáp: Có loại quả mùi vị của nó bị sức nóng làm hỏng, nên quả không có mùi vị; có loại quả không bị sức nóng của lửa phá hỏng, nên quả có mùi vị. Do nhân đó nên có việc như thế.

Còn các thứ bông hoa, quả, hạt, màu sắc, hương thơm, mùi vị, hoặc có hoặc không cũng thế.

- Phần thứ mười một: Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.

Tụng nêu chung:

*Phật Thế Tôn và chúng Thanh văn,
Hóa nhân - ăn uống - bốn thứ đại,
Ẩn mật - có khói - lửa cháy sáng,
Rốt sau - như không - không biểu hiện.*

Hỏi: Vì sao Đức Phật Thế Tôn lại có tài biến hóa rất giỏi. Người giả do Phật biến hóa có hình dáng đẹp đẽ, ai cũng thích nhìn, có đầy đủ tướng của bậc đại nhân, thân tướng oai nghiêm. Nếu khi Phật nói năng thì hóa nhân liền nín lặng, nếu hóa nhân nói thì Phật liền nín lặng. Hàng đệ tử Thanh văn của Phật cũng có thể biến hóa được. Người giả được hóa ra hình dạng cũng đẹp đẽ, cạo đầu, đắp y, có hình tướng Sa-môn. Vì sao khi người biến hóa nói năng thì hình nhân giả kia cũng nói, khi người biến hóa im lặng thì hình nhân kia cũng nín lặng?

Đáp: Vì chư Phật Thế Tôn luôn luôn trụ trong Tam-ma-địa, tâm luôn tự tại, khi ra khi vào đều nhanh chóng không, luôn luôn trong mọi lúc đều không buông bỏ đối tượng. Trái lại hàng Thanh văn thì không

như thế, vì không giống như Đức Thế Tôn, đầy đủ nhất thiết trí, tâm trí luôn được tự tại vì đã “Đến bờ giác”. Do nhân duyên đó, nên hóa nhân do Phật hóa ra có hình dáng đoan nghiêm, khi nói thì có thể yên lặng, khi yên lặng thì có thể nói. Còn hóa nhân do Thanh văn hóa ra hình dáng cũng đoan nghiêm, đẹp đẽ, cạo đầu đắp y, nhưng hình nhân đó khi Thanh văn nói thì nó nói, khi yên lặng thì nó cũng yên lặng, không thể tự tại được.

Có kẻ nghi ngờ hỏi: Nếu hình nhân do Phật hóa ra cũng giống như của Thanh văn, hình nhân của Thanh văn hóa ra cũng giống như của Phật, thì có thể nói là có đủ bốn đại hay không có?

Đáp: Có đủ bốn đại.

Hỏi: Hình nhân hóa ra đó thì nói được là do sắc tạo ra hay không phải sắc tạo?

Đáp: Nói là do sắc tạo ra.

Hỏi: Hình nhân hóa ra đó có suy nghĩ hay không?

Đáp: Có hai loại khởi lên: Một là do duyên giữ gìn. Hai là do tưởng tạo thành. Nếu do duyên trì mà khởi lên thì có suy nghĩ. Nếu do tưởng tạo thành mà khởi lên thì không có suy nghĩ.

Hỏi: Hình nhân được hóa ra đó làm sao có tâm tự tại?

Đáp: Ở đây có hai thứ khởi lên: Một là do duyên giữ gìn, hai là do tưởng mà thành. Nếu do duyên giữ gìn mà khởi lên thì hình nhân đó có tâm tự tại. Nếu do tưởng tạo thành khởi lên thì hình nhân đó tâm không tự tại.

Hỏi: Hình nhân hóa ra đó thì phần vị trung gian nói là có đủ bốn đại hay không?

Đáp: Nói có đủ bốn đại.

Hỏi: Phần vị trung gian có thể nói là do sắc tạo ra hay không?

Đáp: Nói là do sắc tạo ra.

Hỏi: Phần vị trung gian đó có suy nghĩ hay không?

Đáp: Có suy nghĩ.

Hỏi: Phần vị trung gian làm thế nào mà tâm được tự tại?

Đáp: Ấy là tùy theo tâm người biến hóa có tự tại hay không.

Hỏi: Hóa nhân đó khi ăn uống vào bụng thì làm sao tiêu hóa được?

Đáp: Có hai thứ khởi sinh: Một là do duyên duy trì, hai là do tưởng tạo thành. Nếu do duyên duy trì mà khởi lên thì ăn uống có tiêu hóa. Còn nếu do tưởng tạo thành thì ăn uống không tiêu hóa.

Hỏi: Hóa nhân ấy khi nào thì ẩn mất?

Đáp: Có hai thứ khởi lên: Một là do duyên duy trì, hai là do tướng tạo nên. Nếu do tướng tạo ra mà khởi lên thì nó liền ẩn mất. Nếu do duyên duy trì khởi lên thì hoặc biến mất, hoặc không biến mất.

Hỏi: Đến khi nào thì biến mất?

Đáp: Tùy theo người biến hóa, hoặc trời, hoặc người, hoặc A-tu-la, hoặc tướng thiện, tướng ác. Nếu người hóa ra biến mất thì hóa nhân cũng biến mất.

Hỏi: Vì sao lại không biến mất?

Đáp: Trong khoảng sau cùng, dù có xa xôi cách trở cho đến khi trở về trụ vào tự tướng, thì đây là không biến mất.

Hỏi: vì sao khi Thánh nhân hóa ra lửa thì có khói hay không?

Đáp: Do người biến hóa tâm luôn được tự tại nên tùy vật người ấy hóa ra liền có khói. Do nhân đó mà có việc như thế.

Hỏi: Vì sao khi hóa lửa, lửa có cháy sáng hay không?

Đáp: Do người biến hóa có tâm luôn tự tại nên tùy theo vật hóa ra, lửa sẽ cháy sáng lên. Do các nhân đó, nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao khi hóa ra lửa thì chỉ đốt cháy thân mình và trang phục của mình, chứ không đốt cháy người khác và vật khác?

Đáp: Tùy người biến hóa, vì tâm của người nầy tự tại và theo ý mong ước, chỉ đốt cháy thân mình và trang phục của mình. Do nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao khi Thánh nhân hóa lửa nóng đốt cháy thân mình thì chỉ nhìn thấy trống không, ngoài ra không có một hình ảnh nào, và các vật khác đều không biểu hiện?

Đáp: Khi Thánh nhân hóa ra lửa, thì mọi phần vị địa phương, các việc đi đứng ngồi nằm v.v..., tất cả đều dùng để biến thành lửa, hỗn độn thành một vùng lửa lớn và khắp nơi toàn lửa nóng. Nhưng chỉ nhìn thấy trống không, ngoài ra không thấy một hình ảnh nào, và các thứ khác đều không biểu hiện ra. Do nguyên nhân đó nên có các việc như thế.

- Phần thứ mười hai: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.**

Tụng nêu chung:

*Biển lớn thứ lớp và rộng sâu,
Chúng sinh ở biển, cùng vị mặn,
Không chứa thân chết, báu vật nhiều,
Chúng sinh thân lớn, mưa rót nước.*

Như kinh nói: “Các biển lớn ban đầu thì nhỏ, rồi dần dần mới rộng lớn sâu hơn, chứ không phải tự nó sâu rộng nguy hiểm ngay từ xa xưa”. Nay xin hỏi việc đó vì sao như thế?

Đáp: Không phải biển khơi lần lượt từ nhỏ hẹp rồi sâu rộng dần ra, cũng không phải từ xa xưa đã sâu rộng hiểm nguy rồi, mà tùy theo mỗi đại châu có các phần vị như thế. Cũng như các giống lúa gạo, lúa mì tụ họp lần lượt theo phần vị của nó. Do các nhân này mà có việc như thế.

Theo như kinh nói: “Biển khơi sâu rộng bao la thật khó biết được đến tận đáy sâu”. Nay xin hỏi: Các việc đó như thế nào?

Đáp: Không phải là biển khơi sâu rộng khó biết ngọn nguồn của đáy biển, mà chỉ vì nước của biển quá nhiều khi dâng lên, lúc rút xuống. Nếu dùng một thứ đồ vật, hay gấp trăm, gấp ngàn, hoặc gấp trăm ngàn lần để mức nước biển lên để tính đếm, thì cũng không thể nào biết được biển rộng bao nhiêu. Do các nhân đó nên có việc như thế.

Như kinh có nói: “Nước triều ở biển cả dâng lên trút xuống (lớn rộng) luôn đúng giờ giấc”. Nay xin hỏi: Việc đó như thế nào?

Đáp: Về thời gian, giờ giấc thì có hai loại: Một loại là sáng - tối; và một loại cách thời gian lâu.

Thời gian sáng - tối là sao? Nghĩa là ở trong biển lớn, số chúng sinh sống ở đó rất đông. Có những loài nhỏ bé yếu ớt đói khát, thường ít được ăn uống no đủ, nên lúc nào cũng tìm kiếm, mong tìm và hẹn nhau cùng một lúc vượt thoát lên cạn để tìm thức ăn. Do đó mà có nước ròng, nước lớn, sáng tối hai lần một ngày.

Thời gian cách lâu là sao? Nghĩa là trong biển cả có nhiều chúng sinh sống ở đấy. Như có loài người sống cạnh biển, cứ đến các ngày mùng tám, mười bốn, ngày rằm..., cùng các vị thần khác mà phân định ngày, tháng. Trong các ngày đó thì từ dưới thuyền cùng lên bờ. Có người đem lòng hương về tổ tông mà họ thờ mặt trăng, người thờ mặt trời, thờ đồng tử nhà trời, hoặc có kẻ tôn thờ kính Phật, như các vị Ưu-bà-tắc tuân theo pháp không ăn trong ngày trai giới, bày việc cúng tế cầu mong sự vui vẻ tốt lành... Do các chúng sinh sống ở biển vì tìm kiếm thức ăn nên từ biển kéo lên bờ. Nên gọi đó là thời gian lớn (cách lâu lâu).

Theo như kinh nói: “Nước trong biển cả có cùng một vị mặn”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Có những loài chúng sinh sống ở biển cả. Ở trong biển, chúng được sinh ra, lớn lên rồi già chết cũng ở trong đó. Còn những chúng sinh nào chưa chết thì thân thể hôi hám hoặc thấy ra những chất dơ bẩn cũng ở trong biển. Thế nên nước biển có vị mặn. Lại ở trong biển còn chứa

những chất, những thân xác đã tan rã của những loài sống trên bờ, trên núi cao trôi xuống, nên cũng tạo ra vị mặn. Lại ở các đại châu, dân cư sống ở gần biển cũng đem các thứ cây cối, cành lá và bao nhiêu thứ rác rưởi dơ bẩn, quăng ném xuống biển, nên cũng tạo thành vị mặn. Do nguyên nhân đó nên có các việc như thế.

Như kinh đã nói: “Trong biển cả có đầy ắp báu vật”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Khi thế giới này mới thành thì ở giữa biển lớn, chỗ đất đai cao nhất, đường xá cao nhất, chu vi rộng lớn nhất, các nơi gom tụ lại tạo thành núi chúa Tu-di nằm ở giữa, bao vây chung quanh thì có bảy ngọn núi vàng. Ở trong biển cả đó có cung điện của các Long vương đại oai lực. Vì thế mà trong biển có rất nhiều ngọc ngà báu vật. Do nguyên nhân đó nên có việc như vậy.

Lại trong kinh có nói: “Trong biển cả có loài chúng sinh thân rất to lớn sống trong đó”. Nay xin hỏi vì sao có việc như thế?

Đáp: Loài chúng sinh có thân to lớn đó, kiếp xưa vốn là người, nhưng làm nhiều điều phi pháp tội ác, chứa nhóm nhiều thức ăn uống và các vật dụng của các con cháu, bà con đầy tớ..., mà chỉ nuôi riêng thân mình, không chịu bố thí cho ai cả. Do những tội nghiệp đó, nên đến thân sau cùng, khi chết rồi thì bị đọa vào đường dữ sống trong địa ngục. Khi đời sống trong địa ngục đã hết rồi, nhưng vì các nghiệp khác tạo ra trong kiếp trước chưa hết, lại sinh làm loài thú có thân rất to lớn sống trong biển cả. Do thân quá to lớn nên các loài sống trong biển đều bu vào mà rĩa rói, ăn nuốt, cũng vì quá to lớn nên trên đất liền của đại châu này không thể dung chứa được. Ấy là do nghiệp báo bất thiện tạo ra ở nhiều kiếp trước, nên phải ở trong biển mà chịu các điều rất khổ như thế. Do nguyên nhân đó nên có việc như thế.

Cũng theo kinh nói: “Trong biển cả không chứa thây chết”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Trong biển cả có những long cung lớn được giữ gìn rất sạch sẽ. Nếu có thây chết trong cung điện của vị Long vương thứ nhất thì chờ đến đêm mang thây chết bỏ vào cung của vị Long vương thứ hai..., cứ lần lượt như thế đến vị Long vương thứ tư, rồi thây chết sẽ được đưa lên bờ. Do nguyên nhân đó nên có việc như thế.

Theo như kinh nói: “Ở giữa biển lớn, có cây Diêm phù to lớn, cành lá sum suê tươi tốt, nhựa cây chảy mạnh phun lên không trung rồi tỏa ra tưới xuống biển đo, nhưng nước trong biển lại không đầy thêm hay vơi đi”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Ở trong biển cả đó, số chúng sinh sống trong ấy cùng nhau thọ dụng ăn dùng, các chất còn dư thì sẽ được gió nóng thổi tan đi. Thế nên nước trong biển đó không đầy thêm hay vơi bớt xuống.

Cũng theo kinh nói: “Trong biển lớn đó, chúng sinh sống trong đó có muôn hình muôn sắc và vô số tiếng kêu hú khác nhau, chứ không phải chỉ có một tướng và một thứ tiếng kêu giống nhau”. Nay xin hỏi nó ra sao?

Đáp: Vì các loại chúng sinh đó kiếp xưa đều là người, nhưng vì đã tạo ra vô số các nghiệp bất thiện, tức là các hạnh xấu ác của thân, ngữ, ý. Cho đến thân sau cùng khi chết rồi thì bị đọa vào đường dữ ở trong địa ngục. Khi đời sống ở địa ngục hết rồi, do các nghiệp khác chưa hết, nên lại phải đọa làm loài thú sống trong biển cả và có rất nhiều hình dạng, nhiều màu sắc, nhiều tiếng kêu hú khác nhau, chứ không phải chỉ có một thứ hình dạng, màu sắc, tiếng kêu... Do các nhân đó nên có các việc như thế.



LUẬN THI THIẾT

QUYỂN 7

- Phần thứ mười ba: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.**

Như kinh có nói: “Do một tánh tạo thành nhưng có nhiều chủng loại khác nhau”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Như có vị Bí-sô tu định của thế gian thì trước hết là được lìa dục, kể đến không còn gian khổ, lại không tản mát, do đó người ấy đã phát khởi sinh trưởng và chứa nhóm. Về sau lại sinh khởi (nảy sinh ra) việc biến hóa (thần thông). Người này cũng phát khởi sinh trưởng và chứa nhóm. Và khi đã biết biến hóa rành rẽ thuần thực rồi thì tùy ý muốn mà hóa ra hình người, hoặc các hình voi, ngựa, bò, các loài chim bay, hình xe cộ, cây cối, tường vách, hoặc các việc hiện ra biến mất, ra vào đi lại... một cách tự tại. Do nhân đó mà có các việc như thế.

Như kinh có nói: “Có nhiều chủng loại nhưng quy về làm một tánh”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Như có vị Bí-sô tùy theo các hình chất, sự tướng mà hoặc hóa ra hình người, hình voi, ngựa, trâu, bò, chim chóc, xe cộ, cây cối, tường vách, các việc hiện đến, biến đi, hoặc ra vào... tùy theo các việc biến hóa, việc làm rất nhẹ nhàng nhanh chóng. Các thứ hình tướng sự việc do người đó dụng công biến hóa ra, khi đã hóa ra rồi thì sau đó biến mất không hiện ra nữa. Do các duyên đó nên có các việc như thế.

Theo như kinh nói: “Trong các thứ biến hóa đó như hiện đến, biến đi... đều tùy người ấy thấy biết, mỗi mỗi đều khác nhau”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Như có người muốn biến hóa việc hiện đến. Trước hết người ấy tự nghĩ: Làm thế nào khiến cho tất cả mọi người không thể thấy, và biết được ta? Nghĩ rồi liền nhập định bay lên nhảy xuyên qua tường tùy ý muốn mà hiện ra, đó là “Tướng hiện đến” mà mọi người đều không thấy được.

Thế nào là “Tướng biến đi” mà người không biết được? Nghĩa là:

Như có người muốn biến đi, trước đó người ấy nghĩ: Làm thế nào khiến người ta không thấy và biết mình đi? Nghĩ rồi liền nhập vào định, bay xuyên qua tường, tùy ý mà biến đi. Do đó gọi là tướng đi không ai thấy. Nghĩa là ở trong định mà biến hóa tướng đến thì tức là tướng đi, còn khi biến hóa tướng đi thì chính là tướng đến, nên thấy biết như thế. Tùy theo chỗ hiện ra, mỗi mỗi đều có khác, mỗi mỗi đều hiểu biết. Người trí nên tùy việc mà ứng phó. Nhờ cái tánh minh tuệ sáng suốt, ở trong chỗ không tướng mà khởi lên có tướng, trí lợi rộng lớn, mở mang thông suốt biến khắp. Do các nhân đó nên có sự việc như thế.

Theo như kinh nói: “Vượt xuyên qua tường vách hay xuyên qua núi đá thân không hề bị trở ngại vướng víu tùy ý mà đi như giữa khoảng không”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Như có thầy Bí-sô khi nhập vào định, ở trong định đó bay xuyên qua tường vách núi đá, thân không hề vướng víu, tùy ý mà đi như giữa khoảng không. Người ấy xuyên qua tất cả núi đá tường vách cũng như giữa khoảng trống không, đều không trở ngại.

Theo như kinh nói: “Có người có thể vào đất như đi trong nước, hoặc vào nước như đi trên đất”. Nay xin hỏi, việc đó như thế nào?

Đáp: Như có thầy Bí-sô khi nhập định vào nước, thì từ đất mà lên xuống, hiện ra núp vào không có trở ngại gì cả. Như khi đi trong nước thì lên xuống cũng như vậy, không làm ngăn dòng nước chảy, tùy ý mà đi qua. Người này ở trong đất như ở trong nước, đi trong nước như đi trong đất. Do các nhân đó nên có các việc như thế.

Theo như kinh nói: “Có người có thể ở giữa không trung mà ngồi kiết già trên các mây, tức là ngồi mà đi, giống như chim bay, đi trong khoảng không gian rất tự do”. Nay xin hỏi việc đó ra sao?

Đáp: Như vị Bí-sô tu định thế gian, trước là lìa được dục, kế đến là hết khổ, lại không trôi chảy tan mất. Do đó người ấy phát khởi sinh trưởng và chứa nhóm. Về sau thì nảy sinh ra việc thần thông biến hóa. Tùy theo ở địa phương, có thể ở giữa không trung hoặc ngồi hoặc đi. Hoặc ở giữa không trung mà biến hóa ra đồng lửa lớn bùng cháy sáng rực, hoặc biến ra khói mù, hoặc cái lọng bằng khói, hóa ra luồng gió ở giữa không trung có tiếng đánh trống thổi kèn, hoặc ở trong luồng gió cỡi voi mà đi. Hoặc hóa ra các thứ xe cộ, hoặc người, ngựa hay tường vách, rào chắn, hoặc hóa ra cây cối, chim chóc..., các thứ hóa ra đó mọi người đều thấy và đều kinh sợ cho là quái dị. Mỗi mỗi đều biết, ấy là do sức thần thông có các hình dạng như thế. Đây là do khéo tu các trí lực thần túc. Do các nhân này mà có các việc như thế.

Theo như kinh nói: “Hoặc có người có thể ở giữa không trung đưa tay sờ chạm vào mặt trời, mặt trăng”. Nay xin hỏi, việc đó như thế nào?

Đáp: Như có vị Bí-sô khi nhập ở trong định, từ ánh mặt trời hiện ra, hoặc từ ánh mặt trăng hiện ra. Rồi cũng từ trong định mà khởi phép thần thông đưa tay lên tận không trung sờ chạm vào mặt trời mặt trăng. Đó là sức thần thông của định, nên tùy ý vô ngại.

Theo như kinh nói: “Có người có thể tùy ý, tự do qua lại cõi trời Phạm thiên”. Nay xin hỏi việc đó như thế nào?

Đáp: Như vị Bí-sô tu định thế gian, trước là được lia đục, kế đến là hết khổ, lại không tản mất. Do đó người ấy phát khởi, sinh trưởng và chứa nhóm. Về sau lại có việc biến hóa thần thông. Thân và tâm hòa vào nhau làm một. Tâm tức là thân, thân tức là tâm, thân tâm tương tức, các vận dụng đều hòa vào nhau. Giống như ở thế gian, các chất sữa và mật, nước và dầu trộn lẫn vào nhau thành một chất. Bí-sô khi nhập định (ở trong định) cũng lại như thế, thân và tâm hòa vào nhau, nhẹ nhàng khoan khoái, tâm tưởng tự tại, thoải mái, tùy ý mà qua lại các cõi trời Phạm thiên, bay vượt cao thấp đều không chướng ngại; cũng như người thợ chuyên đan sọt làm giỏ mặc tình đan xỏ, vận dụng tùy ý không hề trở ngại.

Lại như thầy Bí-sô đi khát thực, khi được các thức ăn để trong bát thì tùy ý xới trộn không hề chướng ngại. Thầy Bí-sô ở trong định cũng như thế, thân tâm mềm mại dịu dàng, có các tướng nhẹ nhàng, khoan khoái lên xuống qua lại, mặc tình vận dụng đều không chướng ngại. Cho đến ở các cung điện trên cõi trời Phạm thiên chỉ cần dấy tâm (nghĩ tới) thì liền đến nơi. Sắc lực thêm đầy, thế lực vận dụng mạnh mẽ, ở cõi Phạm thiên qua lại tự tại.

Theo như kinh nói: “Có một lúc nọ, Đức Phật gọi Tôn giả A-nan bảo: Thầy có biết chăng? Ta đã dùng cái thân do ý tạo thành, lại nhờ sức thần thông mà tùy ý thường qua lại các cung điện ở cõi Phạm thiên.

Tôn giả A-nan bạch cùng Phật: Đúng như thế, con biết rõ Đức Thế Tôn đã dùng thân thô trước nặng nề do bốn đại tạo nên mà tùy ý thường qua lại các cung điện cõi Phạm thiên.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Ta biết rõ sắc thân thô trước nặng nề do bốn đại hòa hợp với chất yết-la-lam bất tịnh của cha mẹ cùng các duyên mà tạo thành, dù phải nhờ vào các thứ ăn uống, y phục, tắm gội, nuôi nấng làm đủ mọi việc..., nhưng rốt cuộc thì vẫn bị hao mòn, vì nó là pháp bị hủy hoại, nhưng với sắc thân đó mà có thể qua lại các cung

điện cõi trời Phạm thiên.

Thầy A-nan bạch cùng Phật: Bạch Đức Thiện Thệ! Ngài có khả năng qua lại. Như chất sắt và đồ cày bừa ở thế gian, như khi đang ở trong lò đúc, lò rèn, lửa cháy hừng hực rất nóng, nếu khi chưa lấy ra khỏi lửa thì các dụng cụ bằng sắt ấy đều khá nhẹ và rất mềm, rất dễ uốn nắn kéo dài ra hay đập ngắn lại. Nhưng khi gặp lạnh hoặc đã nguội thì các vật bằng sắt đó khá nặng và cứng rắn nên rất khó uốn nắn rèn đập.

Này thầy A-nan! Như Lai cũng như thế. Nếu khi thân và tâm hòa lẫn vào nhau, sinh ra các tướng khinh an nhẹ nhàng, lại thêm nhẹ nhàng, điều hòa an vui và tùy ý mà thường qua lại các cung điện ở cõi Phạm thiên. Và lại cần nên biết: Nếu tâm không nối tiếp tương tục, thì tâm không nương dựa vào đâu cả, tâm không hệ thuộc vào chỗ nào hết. Vì tâm không nương dựa, không hệ thuộc cho nên rất tự tại”.

Hỏi: Do đâu mà hình nhân (hóa nhân) được hóa ra, lại có thể ở trên không trung đi lại tùy ý?

Đáp: Ấy là do người biến hóa luôn được tự tại nên hóa nhân cũng thế. Vì nhờ sức biến hóa nên ở trên không cũng như ở trên mặt đất. Do nhân đó mà đi đứng được ở trên không.

Hỏi: Do đâu mà hóa nhân có thể đứng được giữa không trung?

Đáp: Do người biến hóa được tự tại nên hóa nhân cũng như thế. Vì nhờ sức biến hóa cho nên ở trên không cũng như ở trên mặt đất. Do nhân đó mà đứng được ở trên không.

Hỏi: Do đâu mà hóa nhân ngồi được ở trên không?

Đáp: Do người biến hóa được tự tại nên hóa nhân cũng được như thế. Nên ở trên không trung hóa hiện ngồi theo vị trí đó. Do nguyên nhân này nên ngồi được ở trên không trung.

Hỏi: Do đâu hóa nhân ở trên không trung mà trái đặt giường ghế và tùy ý nằm nghỉ?

Đáp: Ấy là do sự tự tại của người biến hóa nên hóa nhân cũng như thế. Do đó ở trên không trung mà trái đặt giường ghế, và do nhân này mà nằm được ở trên không trung.

Đây là như thế. Còn các việc khác do công sức thần thông tạo nên, tùy ý mong muốn cũng như các việc đã nói, nên biết như thế.

- Phần thứ mười bốn: **Nhân thi thiết trong Đối Pháp Đại Luận.**

Hỏi: Có gì tính lường được trời mưa không?

Đáp: Có tám loại mây. Loại mây thứ nhất thì cao một do-tuần rưỡi. Loại mây thứ hai cao năm câu-lô-xá. Loại mây thứ ba bay cao một do-tuần. Loại mây thứ tư bay cao ba câu-lô-xá. Loại mây thứ năm bay cao nửa do-tuần. Loại mây thứ sáu bay cao một câu-lô-xá. Loại mây thứ bảy bay cao nửa câu-lô-xá. Loại mây thứ tám bay cao một phần tư câu-lô-xá. Các đám mây ngừng rồi thì trời mưa hay không, lại không nhất định.

Hỏi: Do đâu người thời kiếp sơ, cõi mây bay cao một do-tuần rưỡi thì khắp mặt đất đều có trời mưa?

Đáp: Người thời kiếp sơ có đầy đủ oai đức lớn, nên các Long vương đại lực hết sức tôn kính, cho nên khi cõi mây bay cao khoảng một do-tuần rưỡi thì khắp mặt đất đều có tuôn mưa. Còn người thời nay oai đức kém hơn nhiều, nên Long vương đại lực không còn tôn kính nữa. Thế nên người thời nay cõi mây chỉ bay cao có nửa câu-lô-xá thì trời sẽ mưa xuống. Do nhân này, mà việc đó như thế.

Hỏi: Do đâu có lúc trời không mưa?

Đáp: Có tám nguyên nhân khiến trời không mưa:

1. Là khi sắp mưa xuống thì điện chớp sáng lòe, sấm gầm vang động, gió lạnh từ bốn phương ồ ạt thổi mạnh. Người đoán (dự báo) thời tiết không thể biết rõ, chỉ tự bảo là trời sắp mưa. Hoặc sức nóng trên đất bằng tảng vọt, do cơ đó mà cơn mưa biến mất. Đó là nguyên nhân thứ nhất khiến trời không mưa.

2. Là khi trời sắp mưa, thì điện chớp sáng lòe, sấm gầm vang động, gió lạnh từ bốn phương ồ ạt thổi mạnh, khiến người dự đoán thời tiết không biết rõ ràng, chỉ tự bảo là trời sắp mưa. Hoặc ở trên không trung cuồng phong thổi mạnh, khiến đám mưa ấy rơi xuống ở chỗ rất xa, nơi các đồng cỏ hoang vắng, không có nhà cửa. Đó là nguyên do thứ hai khiến trời không mưa.

3. Là khi trời sắp mưa thì điện chớp sáng lòe, sấm gầm vang động, gió lạnh từ bốn phương ào ạt thổi mạnh, khiến người dự đoán thời tiết không biết rõ ràng, chỉ tự bảo là trời sắp mưa. Hoặc là vua A-tu-la La Hầu hai tay cầm vật che lại, khiến mưa rơi ngoài biển cả. Đó là nguyên nhân thứ ba khiến trời không mưa.

4. Là khi trời sắp mưa thì điện chớp sáng lòe, sấm gầm vang động, gió lạnh từ bốn phương ào ạt thổi mạnh, khiến người dự đoán thời tiết

chẳng biết rõ ràng, chỉ tự bảo trời sắp mưa. Hoặc là, khi trời mưa thì thiên tướng lại đang mê say chơi cờ. Vì ham chơi cờ nên không làm cho mưa rơi xuống được. Đó là nguyên nhân thứ tư khiến trời không mưa.

5. Là khi trời sắp mưa thì điện chớp sáng lòe, sấm gầm vang động, gió lạnh từ bốn phương ào ạt thổi mạnh. Người dự đoán thời tiết cũng không biết rõ ràng, chỉ tự bảo là trời sắp mưa. Hoặc là do dân chúng làm nhiều việc phi pháp, tạo các hạnh hiêm ác. Do làm các điều phi pháp, các hạnh gian hiêm ác độc, cho nên trời không mưa. Đó là nguyên nhân thứ năm khiến trời không mưa.

6. Là khi trời sắp mưa thì có thiên tử (người cõi trời) có thần thông, đã dùng oai lực của pháp thân, mà ngăn cản cơn mưa rơi xuống. Đó là nguyên nhân thứ sáu khiến trời không mưa.

7. Là do nghiệp chướng của dân chúng, có hợp duyên như thế, nên ở trong chốn đó trời không tuôn mưa xuống. Đó là nguyên nhân thứ bảy khiến trời không mưa.

8. Là khi mưa gió không đúng thời, nên phải thành khẩn cúng tế cầu đảo, do các thiên thần đã dùng oai lực thần thông ngăn cản không cho mưa xuống. Đó là nguyên nhân thứ tám khiến trời không mưa.

Hỏi: Do đâu mà có thể khiến trời mưa xuống đúng thời?

Đáp: Có tám nguyên do khiến trời mưa xuống. Tám điều ấy là:

1. Do oai lực của Long vương nên trời liền mưa xuống.
 2. Do oai lực của quỷ Dạ-xoa khiến trời mưa xuống.
 3. Do oai lực của quỷ Cưu-bàn-trà nên trời mưa xuống.
 4. Do oai lực của chư Thiên nên trời mưa xuống.
 5. Do oai lực của loài người nên trời mưa xuống.
 6. Do sức thần thông biến hóa nên trời mưa xuống.
 7. Đúng pháp đúng thời thì trời liền mưa.
 8. Do thành khẩn cúng tế cầu đảo nên trời mưa.
- Đó là tám nguyên do khiến trời mưa xuống.

Hỏi: Do đâu mà vào lúc mùa Hạ nóng bức khó chịu và vào mùa mưa thì có mưa nhiều?

Đáp: Vào hai lúc đó, các Long vương vui vẻ, lại do thời tiết quy định xui khiến, các rồng vui thích lượn múa trên hư không mà đến. Do các rồng vui thích nên vào hai lúc đó có mưa nhiều. Vả lại, do dân chúng ở đó làm theo chánh pháp, tu tập các nghiệp thiện. Do sức tốt lành mà hai thời gian ấy có mưa nhiều.

Hỏi: Do đâu khi trời mưa kết lại thành giọt lớn?

Đáp: Do gió hai chiều thổi mạnh xoáy tụ vào một chỗ, cho nên khi mưa trút xuống thì kết lại thành giọt lớn. Hoặc do người tạo nhiều nghiệp ác, sức ác hoành hành khiến các loài quỷ thần phi nhân nào loạn. Gặp các việc như thế thật không lợi ích gì. Do nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Vì sao khi mưa lớn lại có mưa đá?

Đáp: Do gió lạnh hai chiều thổi xoáy vào một nơi tạo nên các giọt mưa lớn rơi xuống đất, mặt đất lại quá cứng nhắc, gió phía dưới thổi mạnh, nên có khi tạo thành tuyết hoặc làm mưa lớn đổ xuống ào ạt. Do nhân đó nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu mà có ánh chớp?

Đáp: Gió hai chiều thổi mạnh dữ dội, gặp gió nóng thổi vào, hai thứ gió ấy đụng nhau nên ánh chớp từ gió xẹt vào. Do nhân này nên có việc như thế.

Hỏi: Do đâu trong cơn mưa lại có sét đánh âm vang.

Đáp: Vì ở phía dưới có sức nóng dữ dội có hình dạng như ngọn lửa cháy sáng, tức là lửa tăng mạnh, vì lửa tăng mạnh nên gió cũng càng mạnh lên, vì gió mạnh lên nên có nước chảy qua lại. Do nhân này mà việc đó như thế.

Hỏi: Do đâu mà mây có màu xanh?

Đáp: Do có lưu động thấm nhuần của nước (thủy giới).

Hỏi: Do đâu mây có màu trắng?

Đáp: Ấy là do tính chất của các giới lửa - nước - gió... hòa hợp với nhau. Do đó nên biết được tướng trạng mây có màu xanh-vàng- đỏ-trắng...

Hỏi: Do đâu mà ở thế gian lại có đủ các vị đắng, chua, cay, mặn, lạt...?

Đáp: Ấy là do các giới cùng trái nghịch lại nhau. Do các nhân này nên việc đó như thế.

Hỏi: Do đâu mà có vị ngọt?

Đáp: Ấy là do tính chất hòa hợp của các giới (lửa, nước, gió...). Do nhân duyên này nên việc đó như vậy.

Hỏi: Do đâu ở đời lại có các thứ cứng rắn nặng nề?

Đáp: Ấy là do tính chất cứng chắc của giới đất (địa giới).

Hỏi: Do đâu mà có sự mềm mại linh hoạt và điều hòa vui thích?

Đáp: Ấy là do giới nước có tánh lưu động thấm nhuần tăng cao. Do các nhân này nên có sự việc như thế.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 89

LUẬN A TỶ ĐẠT MA
THỨC THÂN TỨC

SỐ 1539
(Quyển 1 → 16)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1539

LUẬN A TỖ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

Tác giả: A la hán Đề Bà Thiết Ma.

Hán dịch: Đời Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang.

QUYỂN 1

Tụng đầu: Quy Lễ Tán

*Lạy bậc Đại giác, Vua giác ngộ,
Vua giác ban mặt trời ba cõi,
Pháp mâu giải thoát nương về trí,
Người tuệ, chỗ dựa các Thánh chúng.
Biển A-tỳ-đạt-ma khó vượt,
Lời Phật tuôn trào ngàn Thánh uống,
Đối cảnh biển lớn khéo quyết đoán,
Nên nay con chí thành kính lễ.
Mặt trời sáng không chiếu nhân gian,
Rừng rậm si mê ai dứt trừ,
Nếu không luận A-tỳ-đạt-ma,
Nẻo trí nhận biết, ai diệt mê?
Đèn chánh pháp A-tỳ-đạt-ma,
Trí căn bản mất sáng trong tâm,
Gươm tà luận rừng soi biết rõ,
Uy lực Đại sĩ Như Lai tạc.
Đạo mắt tuệ soi khắp ba cõi,
Hết thấy đèn pháp, biển lời Phật,*

*Phát khởi thẳng tuệ phá tan nghi,
Là đường pháp rộng của Hiền Thánh.
Bậc trí, ao đầy tràn nước tuệ,
Dùng mãnh cầu trí nền tảng vững,
Thông sáng tột rõ thẳng pháp này,
Chân Phật tử ngộ Thánh giáo ấy.*

Bài tụng tóm lược:

*Trước: Uẩn Mục-kiền-liên,
Kế: Bồ-đặc-già-la,
Nhân, sở duyên, nhiều loại,
Bốn câu là rốt sau.*

Uẩn Thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, Phần 1

Tụng Ốt-đà-nam thứ nhất:

*Căn, hành ác, tưởng,
Tâm, tứ, giới, lậu,
Lửa ái, sở hữu,
Cấu phược đều ba.*

Sa-môn Mục-liên nói thế này: Quá khứ- vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi thầy ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong kệ kinh, Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói về ba căn bất thiện: Tham là căn bất thiện, sân là căn bất thiện, si là căn bất thiện. Thầy ấy đáp: Đúng như thế!

Lại hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là có người đối với tham là căn bất thiện đã quan sát, đang quan sát, sẽ quan sát, đó là điều bất thiện. Thầy ấy đáp: Đúng như thế.

Quan sát nó như thế nào? Quán về quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói quán về quá khứ, nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải là hai tâm trước sau cùng hòa hợp, mà chỉ nói một bên là sở quán (đối tượng được quán), một bên là năng quán (chủ thể quán) thì điều này không đúng lý. Nếu không nói là một Bồ-đặc-già-la không phải là hai tâm trước sau cùng hòa hợp, mà chỉ nói một bên là sở quán, một bên

là năng quán, thì không nên nói là quán ở hiện tại. Nếu nói quán hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không quán về quá khứ-vị lai-hiện tại thì đối với căn bất thiện tham không thể nào đã quán- đang quán và sẽ quán, đó là bất thiện. Nếu không thể quán thì không thể nào đã chán- đang chán và sẽ chán. Nếu không có khả năng chán sợ thì không thể nào đã lìa nhiễm- đang lìa nhiễm và sẽ lìa nhiễm. Nếu không có khả năng lìa nhiễm thì không thể nào đã giải thoát- đang giải thoát và sẽ giải thoát. Nếu không có khả năng giải thoát, thì không thể nào đã nhập Niết-bàn- đang nhập Niết-bàn và sẽ nhập Niết-bàn. Như điều bất thiện đó đúng là sự kết trói, sự ràng buộc của tùy miên và tùy phiền não, nên phải bỏ- phải buông- phải đoạn dứt và biết khắp cũng vậy.

Lại hỏi thầy ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là có người đối với căn bất thiện tham lam đã quán- đang quán và sẽ quan sát, thấy ở đời sau sẽ chịu cái khổ dị thực? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Vậy quán ra sao? Quán về quá khứ- vị lai hay hiện tại chẳng?

Nếu nói quán về quá khứ thì nên nói có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Vì nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng hay tạo nghiệp, cũng liền nhận lãnh dị thực của nghiệp đó. Đây là không đúng lý. Nếu không nói là có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng hay tạo nghiệp, cũng liền nhận lãnh dị thực của nghiệp đó, thì không nên nói quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói là không quán về quá khứ-vị lai-hiện tại thì đối với căn bất thiện tham lam không thể nào đã quán- đang quán và sẽ quán thấy rõ đời sau phải chịu cái khổ dị thực. Nếu không có khả năng quan sát thì không thể nào đã chán - đang chán và sẽ chán sợ. Nếu không có khả năng chán sợ thì không thể nào đã lìa nhiễm - đang lìa nhiễm và sẽ lìa nhiễm. Nếu không có khả năng lìa nhiễm thì không thể nào đã giải thoát - đang giải thoát và sẽ giải thoát. Nếu không có khả năng giải thoát, thì không thể nào nhập Niết-bàn- đang nhập Niết-bàn và sẽ nhập Niết-bàn.

Cũng như nói về tham lam là căn bất thiện, thì các căn bất thiện sân giận và ngu si cũng như thế.

Hạnh ác của thân, hạnh ác của ngữ là pháp bất thiện, không phải là kết (kết), là phược (trói buộc), là tùy miên, là tùy phiền não, mà là cái phải buông bỏ, là đoạn dứt, là biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Hành ác của ý là bất thiện, là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, của tùy phiền não, là cái khổ phải bỏ, phải buông, phải đoạn dứt và biết khắp, chúng hay chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Các tướng về dục, về sân giận, về ác hại đều là bất thiện, không phải là kết, không phải là buộc, không phải là sự buộc ràng của tùy miên, của tùy phiền não, mà là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt và phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Các tâm về dục, về giận dữ, về ác hại đều là bất thiện, không phải là kết buộc, không phải là sự buộc ràng của tùy miên, mà là tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Lĩnh vực về dục, lĩnh vực về sân là điều bất thiện, là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Lĩnh vực về hại là điều bất thiện, không phải là kết, không phải là buộc, không phải là sự buộc ràng của tùy miên, mà là tùy phiền não, là cái phải bỏ, cái phải buông, phải cắt đứt và phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Lậu dục, lậu vô minh là điều bất thiện, là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt và phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Pháp hữu lậu không phải là điều bất thiện, mà là sự kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó không chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Lửa tham, lửa sân, lửa si và ái dục là các điều bất thiện, là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Ái sắc, ái vô sắc không phải là bất thiện, mà là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng không chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời

sau.

Hiện có tham, có sân, có si; tham cấu, sân cấu, si cấu; sự cột trời của tham, cột trời của sân, cột trời của si..., đều là bất thiện. Chúng là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thục ở đời sau.

Uẩn Thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, Phần 2

Tụng Ốt-đà-nam thứ hai:

*Bộc, ách, thủ, hệ, cái,
Dưới, trên, tài, câu, ngại,
Kiến ái và tùy miên,
Tà chi, kiết, nghiệp đạo.*

Sa-môn Mục-liên nói thế này: Quá khứ- vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói về bốn thứ bộc lưu (dòng thác) là: Dục bộc lưu, Hữu bộc lưu, Kiến bộc lưu và Vô minh bộc lưu. Thầy ấy đáp: Đúng vậy.

Lại hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là có người có khả năng đối với Dục bộc lưu đã quan sát- đang quan sát- sẽ quan sát, thấy nó là bất thiện. Thầy ấy bảo: Đúng vậy.

Và quán như thế nào? Quán về quá khứ- vị lai hay hiện tại?

Nếu nói quán về quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la không phải trước sau hai tâm hòa hợp nhau. Một bên là sở quán, một bên là năng quán, điều này không đúng lý.

Nếu không nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước sau hai tâm hòa hợp nhau, một bên là sở quán, một bên là năng quán, thì không nên nói là quán hiện tại. Nếu nói quán hiện tại thì không hợp đạo lý. Nếu nói không quán quá khứ-vị lai-hiện tại thì đối với Dục bộc lưu không có thể đã quán- đang quán và sẽ quán để thấy đó là bất thiện. Nếu không khéo quan sát thì không có thể đã chán sợ- đang chán sợ và sẽ chán sợ.

Nếu không khéo chán sợ thì không có thể đã lìa nhiễm- đang lìa nhiễm và sẽ lìa nhiễm. Nếu không khéo lìa nhiễm thì không có thể đã giải thoát- đang giải thoát và sẽ giải thoát. Nếu không khéo giải thoát thì không có thể đã nhập Niết-bàn- đang nhập Niết-bàn và sẽ nhập Niết-bàn. Điều bất thiện như thế đúng là sự kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên và tùy phiền não. Nó là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, cũng thế.

Lại hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là có người có khả năng đối với Dục bộc lưu đã quán- đang quán và sẽ quán sát, thấy nó sẽ chiêu cảm cái khổ dị thực? Thầy ấy đáp: Đúng như thế! Quán sát như thế nào? Quán về quá khứ- vị lai hay hiện tại?

Nếu nói quán về quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói quán về hiện tại, nên nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng có thể tạo nghiệp, cũng liền nhận lãnh các dị thực của nghiệp đó. Điều này không đúng lý.

Nếu không nói có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cũng có thể tạo nghiệp, cũng liền nhận lãnh các dị thực của nghiệp đó, thì không nên nói là quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không có quán về quá khứ-vị lai-hiện tại thì đối với Dục bộc lưu không có thể đã quán, đang quán và sẽ quán, để thấy nó chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau. Nếu không có khả năng quán sát thì không có thể đã chán sợ- đang chán sợ và sẽ chán sợ. Nếu không có khả năng chán sợ thì không có thể đã lìa nhiễm- đang lìa nhiễm và sẽ lìa nhiễm. Nếu không có khả năng lìa nhiễm thì không có thể đã giải thoát-đang giải thoát và sẽ giải thoát. Nếu không có khả năng giải thoát thì không có thể đã nhập Niết-bàn- đang nhập Niết-bàn và sẽ nhập Niết-bàn được.

Cũng như nói về Dục bộc lưu, các thứ bộc lưu như: Kiến bộc lưu, Vô minh bộc lưu cũng giống như thế.

Hữu bộc lưu không phải là bất thiện, mà là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp. Nó không chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Cũng như bộc lưu, ách cũng thế.

Trong các thứ thủ (chấp giữ) thì dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ là bất thiện, là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Ngã ngữ thủ không phải là bất thiện, mà là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não. Nó là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, không chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Các hệ là bất thiện. Nó là kết buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Đối với các thứ cái (sự che ngăn) gồm có cái tham dục, cái giận dữ, cái si mê..., đều là bất thiện. Nó là kết, là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Cái hôn trầm - tùy miên, cái trạo cử - ố tác (hối) đều là bất thiện, không phải là kết, là buộc, không phải là tùy miên, mà là sự ràng buộc của tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp. Chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Trong kiến phần dưới thì thân kiến không phải là bất thiện, mà là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải bỏ, phải buông, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó không chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Các kiết phần dưới còn lại là bất thiện, là kết, là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, vì nó có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Trong kiết phần trên, thì kiết trạo cử, không phải là bất thiện, không phải là kết, là buộc, không phải là tùy miên, mà là sự ràng buộc của tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp. Nó không chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Các kiết phần trên còn lại không phải là bất thiện, mà là kiết, là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp. Nó không chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Năm tâm Căn tài và năm tâm Câu ngại đều là bất thiện, là kiết, là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Trong các kiến, thì Tát-ca-da kiến (Thân kiến) và Biên kiến chấp không phải là bất thiện, mà là kết, là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng không chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Tà kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ là bất thiện, là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, chúng có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Các ái thân là bất thiện, mà là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm cái khổ dị thực ở đời sau.

Trong các tùy miên, có tham tùy miên, không phải là bất thiện, mà là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó không chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Còn các tùy miên khác đều là bất thiện, là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Trong các tà chi, thì tà kiến là bất thiện, là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng đều là bất thiện, nó không phải là kiết, là buộc, là tùy miên, cũng không phải là tùy phiền não ràng buộc, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Còn các tà chi khác đều là bất thiện, không phải là kết là buộc, không phải là tùy miên, mà là tùy phiền não không ràng buộc, mà là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Trong các kiết, thì kiết ganh ghét, kiết keo kiệt là bất thiện, là kết là buộc, không phải là tùy miên, mà là tùy phiền não ràng buộc, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Còn các kiết khác đều là bất thiện, là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Trong các nghiệp đạo thì bảy nghiệp đạo trước đều là bất thiện, nó không phải là kiết, là buộc, là tùy miên, cũng không phải là tùy phiền não buộc ràng, mà là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Ba nghiệp đạo sau đều là bất thiện, là kết là buộc, là sự ràng buộc của tùy miên, tùy phiền não, là cái phải buông, phải bỏ, phải cắt đứt, phải biết khắp, nó có khả năng chiêu cảm các khổ dị thực ở đời sau.

Uẩn Thứ 1: MỤC KIÊN LIÊN, Phần 3

Tụng Ót-đà-nam thứ ba:

Kiết, cái, giác chi, tâm, thọ ý,

Điều luyện, trì kiên ở rốt sau.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ- vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho như thế này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nếu có kiết nội nhân thì biết đúng như thật ta đang có kiết nội nhân. Nếu không có kiết nội nhân thì biết đúng như thật ta không có kiết nội nhân. Còn như nhân kiết ấy chưa sinh mà sinh, đã sinh ra rồi thì nên khiến cho cắt đứt, khi đã cắt đứt thì giữ gìn khiến nó sau này đừng sinh lại nữa. Cũng đều biết đúng như thật các việc như thế.

Người ấy đáp: Đúng như vậy. Nhưng biết như thế nào? Nó thuộc về quá khứ- vị lai hay ở hiện tại?

Nếu nói biết về quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không nên nói không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không nên nói không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về hiện tại thì nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở tri (đối tượng được nhận biết), một bên là năng tri (chủ thể nhận biết), thì điều đó không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở tri, một bên là năng tri, thì không nên nói là biết về hiện tại. Nếu nói biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không biết về quá khứ-vị lai-hiện tại thì trong kinh Đức

Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nếu có các kiết nội nhân thì biết đúng như thật là ta có kiết nội nhân. Nếu không có kiết nội nhân thì biết đúng như thật là ta không có kiết nội nhân. Còn như kiết nhân ấy chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi thì nên cắt đứt, khi đã cắt đứt thì giữ gìn khiến nó sau này đừng sinh lại nữa. Cũng biết đúng chính xác như thế. Như vậy thì với kinh do Đức Thế Tôn giảng nói đó, ông chê bai chống đối, vượt bỏ, trái nghịch lại. Nếu ông chê bai, chống đối với các điều trong kinh do Đức Thế Tôn đã giảng nói như thế thì không hợp với đạo lý.

Cũng như nói về kiết nhân, các thứ kiết về tai- mũi- lưỡi- thân ý cũng giống như thế.

Sa-môn Mục-liên nói lời thế này: Quá khứ- vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Như trong các kinh do Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nếu ta đang bị tham dục điều khiển thì biết đúng như thật ta đang bị tham dục điều khiển. Còn nếu ta không bị tham dục điều khiển, thì biết đúng như thật ta không bị tham dục điều khiển. Còn như tham dục đó chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi thì diệt, đã đoạn dứt nó thì đừng để sau này sinh lại. Các việc như thế đều biết đúng như thật. Người ấy đáp: Đúng như vậy. Nhưng biết nó như thế nào? Nó thuộc về quá khứ- vị lai hay ở hiện tại?

Nếu nói biết về quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không nên nói không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không nên nói không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở tri, một bên là năng tri. Điều đó không đúng lý.

Nếu nói là không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở tri, một bên là năng tri, thì không nên nói là biết về hiện tại. Nếu nói biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không biết về quá khứ- vị lai- hiện tại thì theo như kinh do Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nếu ta đang bị tham dục điều khiển thì biết đúng như thật ta đang bị tham dục điều khiển. Còn nếu ta không bị tham dục điều khiển, thì biết đúng như thật ta không bị tham dục điều khiển. Còn như tham dục đó chưa sinh mà sinh, đã sinh rồi phải cắt đứt, đã cắt đứt thì không để nó sinh lại sau này. Các việc

như thế đều biết đúng như thật. Như vậy thì đối với lời Đức Thế Tôn đã giảng nói trong Khế kinh, ông lại chê bai chống báng, vượt bỏ, trái nghịch. Nếu ông đã chê bai, chống đối các điều trong kinh do Đức Thế Tôn giảng nói thì không hợp với đạo lý.

Như nói về cái tham dục, các thứ cái giận dữ, hôn trầm tùy miên, trạo cử, ác tác, nghi ngờ..., cũng giống như thế.

Sa-môn Mục-liên nói thế này: Quá khứ- vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Đối với các lời hay ý thiện trong Khế kinh, Thế Tôn có nói: Nếu bên trong ta đang có các giác chi như Niệm v.v... thì biết đúng như thật, trong ta đang có các giác chi như Niệm v.v... Còn nếu ta không có các giác chi như Niệm v.v... thì biết đúng như thật trong ta không có các giác chi như Niệm v.v... Còn như các giác chi như Niệm v.v... này chưa sinh thì khiến cho sinh, đã sinh ra rồi thì khiến còn mãi không quên mất, tu tập đầy đủ, thêm lớn rộng đến trí tác chứng. Cũng biết đúng như thật các việc như thế. Người ấy đáp: Đúng như vậy. Nhưng biết như thế nào? Nó thuộc về quá khứ-vị lai hay ở hiện tại?

Nếu nói biết về quá khứ thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về vị lai, thì nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở tri, một bên là năng tri, thì điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, còn thấy một bên là sở tri, một bên là năng tri, thì không nên nói là biết về hiện tại. Nếu nói biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không biết về quá khứ-vị lai-hiện tại thì với lời hay ý thiện Đức Thế Tôn đã nói: trong kinh Nếu bên trong ta đang có giác chi như Niệm v.v... thì biết đúng như thật là trong ta đang có giác chi như Niệm v.v... Còn trong ta không có giác chi như Niệm v.v... thì biết đúng như thật là trong ta không có giác chi như Niệm v.v... Còn như giác chi như Niệm v.v... này chưa sinh thì khiến cho nó sinh, đã sinh rồi thì khiến nó còn mãi không quên, tu tập đầy đủ, khiến càng rộng lớn đến trí tác chứng. Các việc như thế đều biết đúng như thật.

Như vậy đối với kinh do Đức Thế Tôn giảng nói, ông lại chê bai, chống đối, vượt bỏ, đi ngược lại. Nếu ông đã chê bai chống đối lại thì

không hợp với đạo lý.

Như nói về giác chi Niệm, thì các giác chi khác như Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả v.v... cũng giống như thế.

Sa-môn Mục-liên nói thế này: Quá khứ-vị lai đều không thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi thầy ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh do Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nếu đang có tâm tham thì biết đúng như thật là đang có tâm tham. Nếu đã lìa bỏ tâm tham thì biết đúng như thật là đã lìa bỏ tâm tham? Người ấy đáp: Đúng như vậy. Nhưng phải biết như thế nào, nó thuộc về quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói biết về quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói biết về hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp. Nếu còn thấy một bên là sở tri, một bên là năng tri, thì điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở tri, một bên là năng tri, thì không nên nói là biết về hiện tại. Nếu nói biết về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không biết về quá khứ-vị lai-hiện tại thì đối với Khế kinh do Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nếu đang có tâm tham thì biết đúng như thật là đang có tâm tham, còn như đã lìa bỏ tâm tham thì biết đúng như thật là đã lìa bỏ tâm tham. Như thế thì đối với Khế kinh do Đức Thế Tôn giảng nói, ông nhằm chê bai, chống đối, vượt bỏ, đi ngược lại. Nếu ông đã chê bai, chống báng thì không hợp đạo lý.

Cũng như nói về có tâm tham, lìa bỏ tâm tham, các thứ như có tâm sân - lìa bỏ tâm sân, có tâm si - lìa bỏ tâm si, tâm tóm tắt, tâm phân tán, tâm chìm xuống, tâm nổi dậy, tâm quấy động, tâm không quấy động, tâm không vắng lặng, tâm vắng lặng, tâm không định, tâm định, tâm không tu, tâm tu tập, tâm không giải thoát, tâm giải thoát..., đều biết đúng như thật, cũng như vậy.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ-vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Thọ có hai thứ: Một là thân thọ, hai là tâm thọ. Người ấy đáp: Đúng thế. Nầy thầy, nếu

ta nhận được các thọ về thân, các thọ về tâm, thì lúc đó nên nói ở thời nào? Quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói nó ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, cùng nhận lãnh hai thứ thọ: Một là thọ của thân, hai là thọ của tâm. Điều này không đúng lý.

Nếu nói là không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, nhận lãnh hai thứ thọ: một là thọ của thân, hai là thọ của tâm, thì không nên nói là nó ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó không ở quá khứ-vị lai-hiện tại thì đối với Khế kinh mà Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Thọ có hai thứ: Một là thọ của thân, hai là thọ của tâm. Như vậy đối với kinh điển của Đức Thế Tôn giảng nói, ông nhằm chê bai, chống đối, vượt bỏ, đi ngược lại. Nếu ông đã chê bai, chống đối, đi ngược lại thì không đúng đạo lý.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ-vị lai đều không có, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong kinh điển Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Thọ có ba thứ: Một là thọ vui, hai là thọ khổ, ba là thọ không khổ không vui. Người này đáp: Đúng như thế. Này thầy, nếu khi lãnh nhận ba thứ thọ đó, thì nên nói ở vào thời nào? Quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói nó ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, cùng nhận lãnh ba thứ thọ: Một là thọ vui, hai là thọ khổ, ba là thọ không khổ không vui. Điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, nhận được ba thứ thọ: Một là thọ vui, hai là thọ khổ, ba là thọ không khổ không vui, thì không nên nói là nó ở hiện tại. Nếu nói ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở quá khứ-vị lai và hiện tại thì là đối với kinh điển Đức Thế Tôn đã giảng nói lời hay ý thiện, nói: Có ba thứ thọ: Một là thọ vui, hai là thọ khổ, ba là thọ không khổ không vui. Như vậy là đối với

các kinh điển do Đức Thế Tôn đã giảng nói, ông nhằm chê bai, chống báng, vượt bỏ, đi ngược lại. Nếu ông chê bai chống đối thì không hợp đạo lý.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ-vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Ý và pháp làm duyên phát sinh ra ý thức.

Người ấy đáp: Đúng như thế. Nhưng này thầy, khi ý thức khởi lên thì lúc đó ý nên nói nó ở thời nào? Là quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói nó ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp với ý và ý thức, thì không nên nói nó ở trong hiện tại. Nếu nói nó ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói nó không ở trong quá khứ-vị lai-hiện tại thì trong kinh Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, nói là: Ý và pháp làm duyên phát sinh ra ý thức. Như vậy, đối với kinh do Đức Thế Tôn giảng nói, ông nhằm chê bai, chống báng, vượt bỏ, đi ngược lại. Nếu ông đã chê bai, chống đối thì không hợp đạo lý.

Sa-môn Mục-liên nói thế này: Không có quá khứ-vị lai, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là các kinh điển Đức Thế Tôn đã giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Lấy răng giữ răng đưa đầu lưỡi để trên nóc họng. Lại dùng tâm ấy để hàng phục, giữ gìn, điều luyện tâm mình. Điều phục ở thời nào? Ở quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói điều luyện tâm ở quá khứ thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói điều luyện tâm ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói điều luyện tâm ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một là đối tượng điều luyện, hai là chủ thể điều luyện. Điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là đối tượng được điều luyện,

một bên là chủ thể điều luyện, thì không nên nói là điều luyện ở hiện tại. Nếu nói được điều luyện trong hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không điều luyện trong quá khứ-vị lai và hiện tại thì trong Khế kinh Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói là dùng răng giữ răng, đầu lưỡi để trên nóc họng, lại dùng tâm giữ gìn, điều luyện tâm. Thì như thế là đối với kinh điển ông có ý chê bai, chống báng, trái bỗ, đi ngược lại. Nếu ông chê bai, chống đối thì không hợp đạo lý.

Sa-môn Mục-liên có nói như vậy: Quá khứ-vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là nơi Khế kinh Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nay nói để thầy Bí-sô Bồ-sắc-yết-la-sa-lợi biết: Có mười tám ý cận hành gọi là sĩ phu. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi: Này thầy, nếu khi mắt thấy sắc rồi thì thuận theo chỗ vui nơi các sắc mà cận hành, bấy giờ thì mười bảy ý cận hành kia phải nói là chúng đang ở đâu? Ở thời quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói chúng ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói chúng ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói chúng ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, mà có mười tám ý cận hành, đồng thời cùng hiện hành. Điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, có mười tám ý cận hành đồng thời cùng hiện hành, thì không nên nói là ở hiện tại. Nếu nói chúng ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không có cả quá khứ-vị lai-hiện tại thì trong Khế kinh Đức Thế Tôn giảng nói lời hay ý thiện, có nói: Nay xin nói để thầy Bí-sô Bồ-sắc-yết-la-sa-lợi biết: Có mười tám ý cận hành, gọi là sĩ phu. Như thế thì đối với Khế kinh do Đức Thế Tôn giảng nói, ông có ý chê bai chống báng, trái bỗ, đi ngược lại. Nếu ông đã chê bai chống báng thì không hợp đạo lý.

Uẩn Thứ 1: MỤC KIẾN LIÊN, Phần 4

Tụng Ốt-đà-nam thứ tư:

Vô sở duyên, tinh lự,

*Dị sinh, Đại sĩ, then,
Nói chỗ ở hữu tình,
Ăn, Thánh đế, đoạn, lậu.*

Sa-môn Mục-liên nói: Có tâm vô sở duyên. Nên hỏi người ấy: Thầy có thấy điều ấy đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh do Đức Thế Tôn đã khéo trình bày giảng dạy: Các thầy Bí-sô nên phân biệt biết rõ. Vì biết rõ nên gọi là thức. Phân biệt biết rõ những gì? Nghĩa là phân biệt, biết rõ về sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp? Người ấy đáp: Đúng như thế. Thầy hãy lắng nghe, kéo lại rơi vào chỗ tranh luận bị thua.

Nếu thầy nói là có tâm vô sở duyên, thì không nên nói trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo trình bày, giảng dạy: Các thầy Bí-sô nên phân biệt biết rõ, vì phân biệt biết rõ nên gọi là thức. Phân biệt biết rõ những gì? Nghĩa là phân biệt biết rõ về sắc, biết rõ về thanh, hương, vị, xúc, pháp... Nên nếu nói như thầy thì không hợp đạo lý.

Nếu đã nói trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo trình bày chỉ dạy: Các thầy Bí-sô cần phân biệt biết rõ nên gọi là thức. Phân biệt rõ biết những gì? Nghĩa là phân biệt rõ biết về sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp, thì không nên nói là có tâm vô sở duyên. Nếu nói có tâm vô sở duyên thì không hợp đạo lý.

Người ấy nói: Nhất định là có tâm vô sở duyên. Vì sao như thế? Nghĩa là nó duyên với quá khứ hoặc duyên với vị lai. Nên hỏi người ấy: Thầy có chấp nhận điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày là:

Vì thầy Bí-sô Bốn-ngư-sư-sa-để mà nói: Các thầy Bí-sô, do các nhân, do các thứ duyên mà phát sinh ra thức. Khi thức đã sinh rồi thì rơi vào mọi thứ số. Do mắt (nhãn căn) và sắc mà phát sinh ra thức, thức đã sinh rồi thì rơi vào số nhãn thức. Do tai- mũi- lưỡi- thân- ý và pháp mà phát sinh ra thức, khi thức đã sinh rồi thì rơi vào số ý thức? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Thầy hãy nghĩ kỹ kéo rơi vào sự trái ngược.

Nếu thầy nói nhất định là có tâm vô sở duyên thì không nên nói trong Khế kinh Đức Thế Tôn khéo giảng dạy trình bày, vì thầy Bí-sô Bốn-ngư-sư-sa-để mà nói: Đây các vị Bí-sô, do mọi thứ nhân, do mọi thứ duyên mà phát sinh ra thức. Khi thức đã sinh rồi thì rơi vào các thứ số. Do mắt và sắc mà phát sinh ra thức. Khi thức đã sinh ra rồi thì rơi vào số nhãn thức. Do tai- mũi- lưỡi- thân- ý và pháp mà phát sinh ra thức. Khi thức đã sinh ra rồi thì rơi vào số ý thức. Nếu nói như thầy thì không hợp đạo lý.

Nay nếu thầy nói trong Khế kinh Đức Thế Tôn khéo giảng dạy trình bày, vì thầy Bí-sô Bôn-ngư-sư-sa-đề mà nói: Nay các vị Bí-sô, do các thứ nhân, do các thứ duyên mà phát sinh ra thức. Khi thức đã sinh rồi thì rơi vào số nhãn thức. Do tai-mũi-lưỡi-thân-ý và pháp mà sinh ra thức. Khi thức đã sinh ra rồi thì rơi vào số ý thức. Như vậy thì không nên nói nhất định là có tâm vô sở duyên. Nếu nói nhất định là có tâm vô sở duyên thì không hợp đạo lý.

Sa-môn Mục-liên nói thế này: Quá khứ và vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nếu như có kẻ biết hổ thẹn, xấu hổ hối hận giữ gìn và ham thích học tập, nương thân lâu dài ở những nơi tốt lành và chứng được bốn thứ tính lực của thế gian? Người ấy đáp đúng như thế.

Khi thầy đó sắp qua đời, có các bậc trí thức đồng tu phạm hạnh đến hỏi: Này thầy, thầy có nhớ rõ được các quả chứng của mình không? Người này thưa: Thưa các vị, tôi đã chứng được bốn thứ tính lực ở thế gian. Nên hỏi thầy ấy: Thầy ấy đã nhớ được những chỗ chứng nào? Ở quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói là ghi nhớ ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói là ghi nhớ ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói là ghi nhớ ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở ký, một bên là năng ký (đối tượng được ghi nhớ - người ghi nhớ). Lại ở trong định thì nói lời khác, điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một bên là sở ký, một bên là năng ký. Lại ở trong định không nói lời khác, thì không nên nói là ghi nhớ ở hiện tại. Nếu nói ghi nhớ ở hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói là không ghi nhớ ở các thời quá khứ-vị lai và hiện tại, tức là trống không, không có pháp vượt hơn người khác, mà tự bảo là có. Người ấy nên bỏ đi thì đúng hơn.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ-vị lai đều không thì hiện tại sao có được. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo diễn giảng trình bày:

Có năm thứ căn, đó là Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn. Này các thầy Bí-sô, nếu như có người đối với năm căn này,

do ở bậc cao, do mạnh mẽ lạnh lợi, do điều phục căn thiện, do tu hành toàn vẹn mà chứng được A-la-hán, đầy đủ các phần giải thoát. Tự mình đã được hàng phục nên chuyển đổi được những phần nhỏ, chậm thành tựu tuệ giải thoát. Từ nay tự hàng phục lấy mình nên chuyển đổi được những phần nhỏ, chậm thành tựu sự chứng đắc của thân. Từ nay đã chuyển đổi được những phần nhỏ, chậm thành tựu các kiến đắc (chánh tri kiến). Từ nay đã chuyển đổi được các phần nhỏ, chậm thành tựu tín giải thoát. Từ nay đã điều phục, chuyển đổi những phần nhỏ chậm thành tựu hạnh tùy pháp, thành tựu hạnh tùy tín. Nay các thầy Bí-sô, như thế nên biết: Do căn Ba-la-mật-đa làm duyên mà quả Ba-la-mật-đa được thành lập, do quả Ba-la-mật-đa làm duyên mà Bồ-đặc-già-la Ba-la-mật-đa được thành lập. Như thế thì năm căn đâu có vô ích.

Này các thầy Bí-sô, nếu có người đối với năm căn này, tất cả đều vô ngã, thì có thể nói người ấy đã vượt ra ngoài hạng phàm phu? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy, kẻ hữu học hiện khởi tâm ràng buộc. Bấy giờ thì năm căn ấy nên nói là ở vào thời nào, quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một là tâm tu học, hai là tâm ràng buộc. Điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một là tâm tu học, hai là tâm ràng buộc, thì không nên nói là nó ở vào thời hiện tại. Nếu nói nó ở thời hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở cả ba thời quá khứ-vị lai-hiện tại thì kẻ hữu học hiện khởi tâm ràng buộc, nên nói đó là ở ngoài, nên nói đó là hàng phàm phu, nên nói là trụ ở bên ngoài thứ bậc của hàng phàm phu.

Sa-môn Mục-liên có nói: Không có quá khứ-vị lai, thì hiện tại sao có được? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, nói: Vì các thầy chưa diệt, nên đối với tâm tứ của bậc Đại sĩ mà nói thì thiếu dục là pháp, còn đại dục là phi pháp. Người ấy đáp: Đúng như thế. Nay các thầy, thiếu dục là pháp thế nào? Tức là tâm sở pháp cùng tương ưng với tâm. Nay thầy, nếu bậc A-la-hán, thân đang ở cõi Dục mà hiện

nhập vào định diệt tận thì thiếu dục như thế phải nói là ở vào đời nào? Đời quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói ở vào quá khứ, thì nên nói là có thời quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vào vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì là không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, thì không thể nói là hiện nhập vào định diệt. Nếu nói hiện nhập vào định diệt thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở cả quá khứ-vị lai-hiện tại thì bậc A-la-hán có thân còn ở cõi Dục, mà hiện nhập vào định diệt sẽ không phải là thiếu dục.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ-vị lai đều không thì hiện tại sao có được? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy, trình bày: Vì thầy La-hổ-la mà nói: Này thầy La-hổ-la, nếu có thầy nào biết đúng sự việc mà lại nói dối, lại không biết xấu hổ, không có ăn năn. Ta nói người ấy không có hạnh ác nào mà chẳng dám làm. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy, xấu hổ là pháp như thế nào?

Tức là tâm sở pháp cùng tương ứng với tâm.

Này thầy, bậc A-la-hán có thân đang ở cõi Dục mà hiện nhập định diệt, thì xấu hổ sẽ ở vào thời nào? Là quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì là trái đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, thì không nên nói là hiện nhập vào định diệt. Nếu nói hiện nhập vào định diệt thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không ở cả ba thời quá khứ-vị lai-hiện tại, tức là bậc A-la-hán có thân đang ở cõi Dục, hiện nhập vào định diệt sẽ không biết xấu hổ.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 2

Uẩn Thứ 1: MỤC KIỀN LIÊN, Phần 5

Tụng Ốt-đà-nam: Phần sau của tụng thứ tư.

Sa-môn Mục-liên nói: Không có quá khứ-vị lai, thì hiện tại sao có được? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày:

Có chín chỗ ở của loài hữu tình:

1. Có loài hữu tình có sắc, có các loại thân, có các loại tướng, tức là loài người và một phần các cõi trời. Đó là chỗ ở thứ nhất.

2. Có loài hữu tình có sắc, có các loại thân, có một thứ tướng, tức là cõi trời Phạm Chúng và những kẻ mới sinh lên đó. Đây là chỗ ở thứ hai.

3. Có loài hữu tình có sắc, có một loại thân, có nhiều thứ tướng, tức là cõi trời Quang Âm. Đó là chỗ ở thứ ba.

4. Có loài hữu tình có sắc, có một loại thân và một thứ tướng, tức là cõi trời Biến Tịnh. Đó là chỗ ở thứ tư.

5. Có loài hữu tình có sắc, không có tướng, không có các tướng sai khác (gọi là không tướng khác), tức là cõi trời Vô Tướng. Đây là chỗ ở thứ năm.

6. Có loài hữu tình không có sắc, vượt qua tất cả các loại sắc tướng, các đối tượng đều không còn, các loại tướng không còn tác ý nữa. Ở khoảng vô biên hư không, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, tức là ở gần cõi trời Không vô biên xứ. Đó là chỗ ở thứ sáu.

7. Có loài hữu tình không có sắc, đều đã vượt qua tất cả các loại hư không vô biên, mà vào vô biên thức, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ. Đây là chỗ ở thứ bảy.

8. Có loài hữu tình không có sắc, đã vượt qua tất cả các loại Thức vô biên xứ, không còn có chút gì cả, trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, tức là ở gần cõi trời Vô sở hữu xứ. Đây là chỗ ở thứ tám.

9. Có loài hữu tình không có sắc, đều đã vượt qua tất cả các loại Vô sở hữu xứ, trụ đầy đủ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, tức là ở gần cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là chỗ ở thứ chín.

Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy, nếu bậc A-la-hán có thân đang sống ở cõi Dục và hiện nhập định diệt, thì phải nói là vị đó ở chỗ nào nơi chín cõi hữu tình?

Người ấy đáp: Vị ấy ở chỗ có các loại thân và các thứ tướng.

Này thầy, do tướng ở đời nào mà nói là có tướng ở đời quá khứ- vị lai hay hiện tại?

Nếu nói do tướng ở đời quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói do tướng ở đời vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói do tướng ở đời hiện tại, không nên nói là hiện nhập định diệt. Nếu nói hiện nhập định diệt thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không do tướng ở cả ba đời quá khứ-vị lai- hiện tại, thì bậc A-la-hán có thân đang ở cõi Dục, hiện nhập định diệt, nên nói là không có tướng, nên nói là loài hữu tình không có tướng, nên nói là sống ở chỗ của loài hữu tình không có tướng.

Sa-môn Mục-liên nói: Quá khứ-vị lai đều không, thì hiện tại sao có được? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy, trình bày: Tất cả các loài hữu tình đều phải nhờ vào sự ăn uống mới sống còn? Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Này thầy, chúng hữu tình chư Thiên không có tướng đó thì nên bảo là họ có ăn uống không? Người ấy đáp: Họ chỉ có ý thức nghĩ tới việc ăn uống mà thôi.

Này thầy, việc ăn uống đó lúc ấy nên nói nó thuộc vào thời nào, quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu bảo là nó ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu bảo là ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói ở hiện tại, không nên nói là loài hữu tình không có tướng. Nếu nói là loài hữu tình không có tướng thì không hợp đạo lý.

Nếu nói cả quá khứ-vị lai- hiện tại nó đều không có, thì đối với

Khế kinh mà Đức Thế Tôn khéo giảng dạy trình bày nói: Tất cả loài hữu tình đều phải nhờ vào ăn uống mà sống còn. Như thế, đối với kinh điển do Thế Tôn giảng nói, ông có ý chê bai chống báng, trái bở, đi ngược lại. Nếu ông chống báng, chê bai thì không hợp đạo lý.

Sa-môn Mục-liên có nói: Quá khứ-vị lai đều không, thì hiện tại làm sao có? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh mà Đức Thế Tôn khéo giảng dạy trình bày có nói: Có sáu thức thân, đó là thức của mắt, thức của tai, thức của mũi, thức của lưỡi, thức của thân và thức của ý. Người ấy đáp: Đúng như vậy. Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là có người có khả năng đối với thức của mắt, mà đã quan sát-đang quan sát và sẽ quan sát thấy thức ấy là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Người ấy đã quan sát-đang quan sát và sẽ quan sát nhân của nó là nhân, là sự tụ tập, là sự sinh ra các loại, là duyên của mọi thứ.

Quan sát sự diệt của nó là diệt hết, là vắng lặng yên tĩnh, là mẫu nhiệm, là lìa bỏ.

Quan sát đạo có thể đoạn dứt của nó, là đạo, là như, là hành, là xuất. Người ấy đáp: Đúng như thế. Nhưng quán thế nào? Quán về quá khứ-vị lai hay quán về hiện tại?

Nếu nói quán về quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói là quán về vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì là không hợp đạo lý.

Nếu nói là quán về hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một là sở quán, một là năng quán. Điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la, không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một là sở quán, một là năng quán, thì không nên nói là quán về hiện tại. Nếu nói quán về hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không có quán về cả ba thời quá khứ-vị lai, hiện tại, tức là không có thể đối với nhãn thức (thức của mắt) đã quan sát-đang quan sát và sẽ quan sát, thấy nó là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Đã quan sát-đang quan sát- sẽ quan sát thấy nhân của nó là nhân, là sự tụ tập hợp, thấy diệt của nó, là sự diệt hết, là tĩnh lặng, là mẫu nhiệm, là lìa bỏ.

Quan sát đạo có thể đoạn của nó thì thấy là đạo, là như, là hành,

là xuất ly.

Nếu không có khả năng quan sát thì không thể đã chán sợ- đang và sẽ chán sợ. Nếu không có khả năng chán sợ thì không có thể đã lìa nhiễm- đang và sẽ lìa nhiễm. Nếu không có khả năng lìa nhiễm thì không có thể đã giải thoát- đang giải thoát và sẽ giải thoát. Nếu không có thể giải thoát thì không thể nào đã nhập Niết-bàn- đang nhập Niết-bàn, sẽ nhập Niết-bàn.

Cũng giống như nói về nhãn thức, các nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức... cũng giống như thế.

Sa-môn Mục-liên có nói: Quá khứ-vị lai đều không thì hiện tại sao có được? Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là ở Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày nói: Là các Bí-sô, cần phải đoạn trừ các lậu. Người ấy đáp: Đúng như thế. Nhưng phải đoạn như thế nào? Đoạn ở quá khứ-vị lai hay hiện tại?

Nếu nói đoạn ở quá khứ, thì nên nói là có quá khứ, chứ không phải là không có quá khứ. Nếu nói không có quá khứ thì không hợp đạo lý.

Nếu nói đoạn dứt ở vị lai, nên nói là có vị lai, chứ không phải là không có vị lai. Nếu nói không có vị lai thì không hợp đạo lý.

Nếu nói đoạn dứt ở hiện tại, nên nói là có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, hai tâm cùng hòa hợp, một là sở đoạn, một là năng đoạn (đối tượng được đoạn dứt và chủ thể đoạn dứt). Điều này không đúng lý.

Nếu nói không có một Bồ-đặc-già-la không phải trước, không phải sau, cả hai tâm cùng hòa hợp, một là sở đoạn, một là năng đoạn, thì không nên nói là đoạn dứt trong hiện tại. Nếu nói đoạn dứt trong hiện tại thì không hợp đạo lý.

Nếu nói không có đoạn dứt trong cả ba thời quá khứ-vị lai- hiện tại... thì trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng nói đó, ông có ý chê bai chống báng, trái bở, đi ngược lại. Nếu ông đã chê bai, chống báng thì không hợp đạo lý.

Uẩn Thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, Phần 1

Tụng Ót-đà-nam thứ nhất:

Hướng Bồ-đặc-già-la,

Tám thứ và ba tụ,

Ba thứ, tự tạo tác,

Nghe thấy, hiểu biết sau.

Luận về Bồ-đặc-già-la có nói: Nghĩa chắc thực, nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la là có thể có được, có thể chứng được. Các thứ hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bồ-đặc-già-la.

Luận về tánh không thì có người hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn khéo giảng dạy trình bày có nói: Trong năm cõi được an lập nhất định không có lẫn lộn được. Nghĩa là cõi Nại-lạc-ca (địa ngục), cõi bàng sinh, cõi quỷ, cõi trời và cõi người nhất định là có riêng biệt. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nếu có một người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi thì sinh lên cõi bàng sinh? Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Này thầy hãy lắng nghe kéo rơi vào chỗ tranh luận bị thua. Nếu có năm cõi đã quyết định được lập thành không có lẫn lộn, tức là từ cõi Nại-lạc-ca cho đến cõi người, nhất định là riêng biệt có cõi Nại-lạc-ca, cho đến nhất định là riêng biệt có cõi người, thì không thể nói: Có người ở cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh vào cõi bàng sinh. Lời thầy nói đó là không đúng đạo lý.

Bây giờ nếu thầy nói có người từ cõi Nại-lạc-ca chết đi sẽ sinh vào cõi bàng sinh, thì không nên nói sự thành lập năm cõi nhất định là không lẫn lộn được. Nghĩa là từ cõi Nại-lạc-ca cho đến cõi người, nhất định là có riêng biệt, rõ ràng từ cõi Nại-lạc-ca cho đến cõi người. Vì khi nói năm cõi này được thành lập một cách nhất định không lẫn lộn được, nghĩa là từ cõi Nại-lạc-ca cho đến cõi người nhất định là có cõi Nại-lạc-ca riêng biệt cho đến nhất định có cõi người riêng biệt. Điều này không đúng lý, nếu người ấy bảo: Nhất định là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh vào cõi bàng sinh.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Cõi kia tức là cõi kia. Người ấy đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kéo tranh luận bị thua. Nếu nhất định có người ở cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh vào cõi bàng sinh, thì nên nói cõi kia tức là cõi kia. Thầy nói lời ấy không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói cõi kia tức là cõi kia thì không nên nói nhất định là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ vào cõi bàng sinh. Nếu thầy nói nhất định là có người ở cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh vào cõi bàng sinh thì không đúng đạo lý.

Nếu nói cõi kia tức là cõi kia, thì nên hỏi kẻ ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nếu cõi Nại-lạc-ca kia tức là cõi bàng sinh? Người

ấy đáp: Không đúng. Vậy thầy hãy lắng nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cõi kia tức là cõi kia, thì nên nói cõi Nại-lạc-ca kia tức là cõi bàng sinh. Thầy nói lời đó không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói cõi Nại-lạc-ca kia tức là cõi bàng sinh, thì không nên nói cõi kia tức là cõi kia, vì nói như thế thì không đúng đạo lý.

Nếu thầy nói cõi kia khác với cõi kia, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nếu Nại-lạc-ca đoạn dứt thì chỉ sinh ở cõi bàng sinh? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cõi kia khác với cõi kia, thì nên nói là Nại-lạc-ca đoạn dứt rồi thì chỉ sinh ở cõi bàng sinh, lời nói này của thầy không hợp đạo lý.

Nếu thầy không nói ở cõi Nại-lạc-ca đoạn dứt sẽ chỉ sinh ra ở cõi bàng sinh, thì không nên nói là cõi kia khác với cõi kia, vì nói như thế là không đúng đạo lý.

Nếu nói: Không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia, hoặc là khác cõi kia. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nếu có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên cõi bàng sinh. Nếu nói như thế, thì cũng không thể nói cõi ấy hoặc là cõi ấy, hoặc khác với cõi ấy? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe thật kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu không thể nói cõi ấy hoặc là cõi ấy hoặc khác với cõi ấy, thì nên nói là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh lên cõi bàng sinh. Lời nói như thế, cũng không thể nói cõi ấy hoặc là cõi ấy, hoặc khác với cõi ấy. Lời thầy nói đó không đúng đạo lý.

Nếu thầy không nói có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên cõi bàng sinh. Lời nói như thế, cũng không thể nói cõi ấy hoặc là cõi ấy, hoặc khác cõi ấy. Vậy thì không nên nói là không thể nói cõi ấy hoặc là cõi ấy hoặc là khác với cõi ấy. Vì nói không thể nói cõi ấy hoặc là cõi ấy hoặc là khác với cõi ấy, thì không đúng đạo lý.

Như nói về việc có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào cõi bàng sinh, thì việc có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh vào cõi quỷ cũng như thế.

Luận về Bồ-đặc-già-la có kẻ nói: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa hơn hết. Các Bồ-đặc-già-la là có thể có được, có thể chứng được. Các thứ hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bồ-đặc-già-la.

Luận về tánh không thì có kẻ hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, nói: Có năm cõi như thế, nhất định là được an lập không hề lẫn lộn, tức

là cõi Nại-lạc-ca, cõi bàng sinh, cõi quỷ, cõi trời và cõi người..., quyết định là có cõi Nại-lạc-ca riêng biệt cho đến có cõi người riêng biệt. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nếu có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên cõi người? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu có năm cõi quyết định được thành lập không lẫn lộn, nghĩa là cõi Nại-lạc-ca cho đến cõi người, quyết định có cõi Nại-lạc-ca riêng biệt, cho đến cõi người riêng biệt, thì không nên nói là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên ở cõi người. Nếu thầy nói như thế thì không đúng đạo lý.

Nay nếu thầy nói có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên cõi người, thì không nên nói là năm cõi quyết định được an lập không lẫn lộn. Nghĩa là từ cõi Nại-lạc-ca riêng biệt cho đến cõi người, thì quyết định là có cõi Nại-lạc-ca riêng biệt cho đến có cõi người riêng biệt. Nếu nói năm cõi này quyết định được an lập không hề lẫn lộn, nghĩa là từ cõi Nại-lạc-ca cho đến cõi người, quyết định là có cõi Nại-lạc-ca riêng biệt, cho đến có cõi người riêng biệt, thì không đúng đạo lý.

Người ấy nói nhất định là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên ở cõi người. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Cõi ấy tức là cõi ấy? Người ấy đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu nhất định là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên ở cõi người, thì nên nói cõi ấy tức là cõi ấy. Lời thầy nói như thế không đúng đạo lý.

Nếu thầy không nói cõi ấy tức là cõi ấy, thì không nên nói nhất định là có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên ở cõi người. Nếu nói nhất định có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên ở cõi người thì không đúng đạo lý.

Nếu nói: Cõi ấy tức là cõi ấy, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Cõi Nại-lạc-ca kia tức là cõi người. Người ấy đáp: Không đúng.

Này thầy hãy lắng nghe cho kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu cõi kia tức là cõi kia, thì nên nói cõi Nại-lạc-ca kia tức là cõi người. Lời thầy nói không đúng lý. Nếu thầy không nói cõi Nại-lạc-ca kia tức là cõi người, thì không nên nói cõi kia tức là cõi kia. Nếu nói cõi kia tức là cõi kia thì không đúng đạo lý.

Lại nếu nói cõi kia tức là cõi kia, thì nên hỏi người ấy: Thầy có

cho điều này là đúng không, cõi Nại-lạc-ca đối với việc sinh ra các căn, lực, giác chi vô lậu..., thì không có khả năng, còn cõi người thì có khả năng làm được. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng, việc không có khả năng làm được, tức là có khả năng?

Đáp: Không đúng!

Thầy hãy lắng nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cõi kia tức là cõi kia, thì nên nói không có khả năng tức là có khả năng làm được. Nay lời thầy nói không có khả năng tức là có khả năng làm được, thì không nên nói cõi kia tức là cõi kia, nếu nói như thế thì không đúng đạo lý.

Còn như có lời nói: Cõi kia khác với cõi kia. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, cõi Nại-lạc-ca dứt rồi thì chỉ sinh lên cõi người? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy lắng nghe kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cõi kia khác với cõi kia, thì phải nói là ở cõi Nại-lạc-ca dứt rồi sẽ chỉ sinh vào cõi người. Thầy nói như thế không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói là cõi Nại-lạc-ca dứt rồi sẽ chỉ sinh vào cõi người, thì không nên nói là cõi kia khác cõi kia. Nếu nói cõi kia khác với cõi kia thì không đúng đạo lý.

Như có lời nói này: Không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia, hoặc khác với cõi kia. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nếu có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào ở cõi người. Lời nói như thế, cũng không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia, hoặc là khác? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác, thì mới nên nói có kẻ từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh vào cõi người. Lời nói như thế, cũng không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác. Nay thầy nói thế thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói là có người ở cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh làm người. Lời nói như thế cũng không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác, thì không nên nói: Cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác cõi kia. Nếu nói không thể nói cõi kia hoặc là cõi kia hoặc là khác cõi kia, thì không đúng đạo lý.

Như nói có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sẽ sinh lên cõi người, thì có người từ cõi Nại-lạc-ca chết rồi sinh lên cõi trời cũng như thế. Và như ở cõi Nại-lạc-ca, ở các cõi bàng sinh, cõi quý, cõi người, trời... cũng như vậy.

Trong này, có sự sai khác là đối với các cỡi Nại-lạc-ca, cỡi bàng sinh, cỡi quỷ thì không nên nói là có khả năng làm được, chỉ có cỡi người và Trời thì mới nói có khả năng. Và với cỡi người cỡi trời thì không nên nói là không có khả năng, chỉ có các cỡi Nại-lạc-ca, cỡi bàng sinh, cỡi quỷ mới nói là không có khả năng làm được mà thôi.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Là nghĩa chắc thật, nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la là có thể có được, có thể chứng được. Các thứ hiện có đều có. Thế nên quyết định là có Bồ-đặc-già-la.

Có kẻ luận về tánh không đặt câu hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không? Là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, nói: Có tám thứ Bồ-đặc-già-la được thành lập, quyết định là không có lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc quả A-la-hán, thì quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, quyết định có riêng quả A-la-hán. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, các Bồ-đặc-già-la đều chứng được quả Dự lưu? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu có tám thứ Bồ-đặc-già-la quyết định được thành lập không lẫn lộn, nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán, thì quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, và quyết định có riêng quả A-la-hán. Như thế thì không nên nói là các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, và các Bồ-đặc-già-la đều chứng được quả Dự lưu. Lời thầy nói đó không đúng đạo lý.

Nay nếu thầy nói các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, và các Bồ-đặc-già-la đều chứng được quả Dự lưu, thì không nên nói có tám loại Bồ-đặc-già-la quyết định được thành lập không hề lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán quyết định có riêng quả Dự lưu, có thể tác chứng hưởng, hoặc quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán, có thể tác chứng hưởng, thì quyết định là có riêng quả A-la-hán.

Nói tám thứ Bồ-đặc-già-la này, quyết định đã được thành lập

không có lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán, có thể tác chứng hưởng. Hoặc là quả A-la-hán thì quyết định có riêng quả Dự lưu, có thể tác chứng hưởng, quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán, có thể tác chứng hưởng, thì quyết định có riêng quả A-la-hán. Điều này không đúng đạo lý.

Người ấy nói: Các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, và các Bồ-đặc-già-la đều chứng được quả Dự lưu. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Nó tức là nó? Người ấy đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, và các Bồ-đặc-già-la nhất định là đạt được quả Dự lưu, thì nên nói là nó tức là nó. Thầy nói lời đó không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói nó tức là nó, thì không nên nói các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, và các Bồ-đặc-già-la nhất định đều chứng được quả Dự lưu. Nói quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, và Bồ-đặc-già-la nhất định đạt được quả Dự lưu, nói như thế là không đúng đạo lý.

Nếu nói nó tức là nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nếu người ấy tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả? Người ấy đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu nó tức là nó, thì thầy nên nói: Người ấy chứng hưởng tức là đã trụ vào quả. Lời nói này của thầy lại không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói người ấy chứng được hưởng tức là đã trụ vào quả, thì không nên nói nó tức là nó. Nếu nó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Lại như nói nó tức là nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, và các Bồ-đặc-già-la đều không thành tựu được quả vị, hoặc quả Dự lưu thành tựu được quả vị? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Người ấy không thành tựu tức là thành tựu? Đáp: Không thể đúng được.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Hoặc quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, còn Bồ-đặc-già-la không thành tựu được quả, chỉ có quả Dự lưu thành tựu được quả vị, thì nên nói người ấy không thành tựu tức là đã thành tựu. Lời nói của thầy không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói người ấy không thành tựu tức là thành tựu, thì không thể nói nó tức là nó. Nếu nói nó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Nếu nói: Nó khác với nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, các quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, dứt rồi thì chỉ sinh được quả Dự lưu? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kéo lại bị xem là tranh luận thua. Nếu nó khác với nó thì có thể nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, dứt rồi liền sinh quả Dự lưu. Thầy nói như thế là không đúng lý. Nếu thầy không nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, dứt rồi thì sẽ sinh được quả Dự lưu, thì không nên nói: Nó khác với nó. Nếu nói nó khác với nó thì không đúng đạo lý.

Nếu nói: Không thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng: Các quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, và chứng được quả Dự lưu? Lời nói như thế cũng không thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác nó.

Đáp: Không đúng.

Này thầy nên lắng nghe kéo bị thua. Nếu không thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác nó, vậy thì nên nói các quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, và chứng được quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng không thể nói là hoặc là nó, hoặc là khác nó. Lời nói ấy của thầy không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói: Các quả Dự lưu đều có thể tác chứng hưởng, và chứng được quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác, thì không nên nói không thể nói là nó hoặc là nó, hoặc là khác. Thầy nói lời nói ấy không đúng đạo lý. Như quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, và mong đến quả Dự lưu. Lời nói như thế cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác, thì không nên nói là không thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác. Thầy nói lời nói ấy không đúng đạo lý.

Như nói về quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, và mong đến quả Dự lưu, thì các quả Nhất lai có thể tác chứng hưởng, và mong đến quả Nhất lai cũng vậy. Ở đây có sự sai khác là các quả Nhất lai có thể tác chứng hưởng, không nên nói nhất định là không thành tựu quả.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói thế này: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la là có thể có được, có thể chứng, các loại hiện có đều có. Thế nên nhất định có Bồ-đặc-già-la.

Luận về tánh không đã hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là nơi Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định được lập thành không hề lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán, thì quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, quyết định

có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, thì quyết định có riêng quả A-la-hán? Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Các quả Bất hoàn đều có thể tác chứng hưởng, và chứng được quả Bất hoàn? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kéo lại bị xem là tranh luận thua. Có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định được thành lập không hề có lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng. Hoặc là quả Dự lưu cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng. Hoặc là quả A-la-hán quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, quyết định có riêng quả Dự lưu cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc quyết định có riêng quả A-la-hán, thì không nên nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, và được quả Bất hoàn. Lời thầy nói đó thì không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, và chứng được quả Bất hoàn, thì không nên nói là có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định được thành lập không hề lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán, nên quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, thì quyết định là có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định là có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc quyết định có riêng quả A-la-hán.

Nói có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định đã được thành lập không hề lẫn lộn, nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc quả A-la-hán, quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, thì quyết định chỉ có quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán mới có thể tác chứng hưởng, tức là quyết định có riêng quả A-la-hán..., thì không đúng đạo lý. Người ấy nói: Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng thì nhất định là được quả Bất hoàn. Nên hỏi người ấy rằng: Thầy có cho điều này là đúng không: Nó tức là nó? Người ấy đáp: Không đúng thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kéo lại bị xem là tranh luận thua. Nếu quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, và chứng được quả Bất hoàn, thì nên nói nó tức là nó. Nhưng lời ấy của thầy không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói nó tức là nó, thì không nên nói là các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, nhất định sẽ được quả Bất hoàn. Vì nếu nói quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng nhất định chứng được quả Bất hoàn, là không đúng đạo lý.

Nếu như nói: Nó tức là nó, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không: Người tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả? Đáp: Không đúng thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kéo lại bị xem là tranh luận thua. Nếu nó tức là nó, thì nên nói người ấy tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả. Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói người ấy tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả, thì không nên nói nó tức là nó. Nếu nói nó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Lại nếu nói nó tức là nó, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không: Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng lại có giận dữ, thì quả Bất hoàn ấy nên xa lìa giận dữ? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không: Người ấy có giận dữ tức là lìa bỏ giận dữ? Đáp: Không đúng thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kéo lại bị xem là tranh luận thua. Nếu nó tức là nó, thì nên nói người ấy có giận dữ tức đã lìa bỏ giận dữ. Nếu thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói người ấy có giận dữ tức là lìa bỏ giận dữ, thì không nên nói nó tức là nó, nếu nói nó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Nếu có lời nói: Nó khác với nó, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng, các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, dứt rồi chỉ sinh được quả Bất hoàn. Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu nó khác với nó, thì nên nói là các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, dứt rồi liền sinh lên quả Bất hoàn. Thầy nói như thế là không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, dứt rồi liền sinh lên quả Bất hoàn, thì không nên nói: Nó khác với nó. Nếu nói nó khác với nó thì không đúng đạo lý.

Như có lời nói: Không thể nói nó hoặc là nó hoặc là khác nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không: Các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, sẽ được quả Bất hoàn. Lời nói như thế cũng không thể nói: hoặc là nó, hoặc là khác? Đáp: Không đúng như thế.

Thầy hãy lắng nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu không thể nói: Nó hoặc là nó, hoặc là khác tức thì nên nói là các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng, chứng được quả Bất hoàn. Lời nói như thế cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác. Lời thầy nói đó không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói các quả Bất hoàn có thể tác chứng hưởng sẽ chứng được quả Bất hoàn. Lời nói như thế, cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác, thì không nên nói là không thể nói nó hoặc là nó

hoặc khác nó. Nếu nói là không thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác nó, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la đã nói: Là nghĩa chắc thật (đế), là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la là có thể được, có thể chứng, các loại hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bồ-đặc-già-la.

Luận về tánh không đã hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, có nói: Có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định được thành lập không hề lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng hoặc là quả A-la-hán, tức là quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, nên quyết định có riêng quả A-la-hán. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, là quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng chứng được quả A-la-hán? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu có tám loại Bồ-đặc-già-la quyết định được thành lập thì không hề lẫn lộn, nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán đều có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán, nên quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, tức là quyết định có riêng quả A-la-hán, không nên nói quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng được quả A-la-hán. Thầy nói như thế không đúng đạo lý.

Nay nếu thầy nói quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, được quả A-la-hán, thì không nên nói là có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định được thành lập không hề lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán, tức là quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, quyết định chỉ có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc quyết định có riêng quả A-la-hán.

Nói có tám loại Bồ-đặc-già-la, quyết định được thành lập không lẫn lộn. Nghĩa là quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả Dự lưu, cho đến quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, hoặc là quả A-la-hán, tức là quyết định có riêng quả Dự lưu có thể tác chứng hưởng, hoặc

quyết định có riêng quả Dự lưu, cho đến quyết định có riêng quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, nên quyết định có riêng quả A-la-hán, thì không đúng đạo lý.

Người ấy nói: Quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng nhất định phải được quả A-la-hán. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Nó tức là nó? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu có quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, nhất định phải được quả A-la-hán, thì nên nói nó tức là nó. Thầy nói lời ấy không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói nó tức là nó, thì không nên nói quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, nhất định phải được quả A-la-hán. Nếu nói quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, nhất định phải được quả A-la-hán thì không đúng đạo lý.

Nếu nói nó tức là nó, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Người ấy tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu nó tức là nó thì nên nói: Người ấy có thể tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả... Thầy nói lời đó không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói người ấy tác chứng hưởng tức là đã trụ vào quả, thì không nên nói nó tức là nó. Nếu nói nó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Lại nếu nói nó tức là nó, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng mà chưa hoàn toàn lìa bỏ tham, chưa hoàn toàn lìa bỏ kiêu mạn, chưa hoàn toàn lìa bỏ vô minh..., do hữu học và còn tạo tác. Khi các quả A-la-hán đã hoàn toàn lìa bỏ tham, đã hoàn toàn lìa bỏ kiêu mạn, đã hoàn toàn lìa bỏ vô minh, việc đó là do vô học và việc làm đã xong? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Người đó đang tạo tác tức là việc làm đã xong? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu nó tức là nó, vậy thì nên nói người ấy đang tạo tác tức là việc làm đã xong. Thầy nói như vậy không hợp đạo lý. Nếu thầy không nói người ấy đang tạo tác tức là việc làm đã xong, thì không thể nói nó tức là nó. Nếu nói nó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Nếu lại nói: Nó khác với nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng? Là các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, khi đã dứt thì được sinh lên quả A-la-hán? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu nói nó khác với nó thì mới có thể nói rằng các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, dứt rồi liền sinh lên quả A-la-hán. Nếu thầy nói thế thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, dứt rồi liền được sinh lên quả A-la-hán, thì không nên nói là nó khác với nó. Nếu nói nó khác với nó thì không đúng đạo lý.

Nếu lại nói: Không có thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Là các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng được quả A-la-hán. Nói như thế thì cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác? Đáp: Không đúng thế.

Này thầy hãy lắng nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu không thể nói nó hoặc là nó, hoặc là khác, thì nên nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng được quả A-la-hán. Lời nói như thế cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác. Thầy nói lời đó thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói các quả A-la-hán có thể tác chứng hưởng, chứng được quả A-la-hán, nói như thế thì cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác, thì không nên nói là không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác. Nếu nói không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la đã nói: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la có thể được, có thể chứng, các loại hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bồ-đặc-già-la.

Luận về tánh không đã hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, có nói: Có ba nhóm được quyết định thành lập không hề lẫn lộn, đó là nhóm Bất định, nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định, thì quyết định là có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định, có riêng nhóm Chánh tánh định? Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, là có người ở nhóm Bất định nhập vào nhóm nhất định là Tà tánh? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu có ba nhóm quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, nghĩa là có nhóm Bất định, nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định, thì quyết định là có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định và có riêng nhóm Chánh tánh định, thì không thể nói là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định. Vì thầy nói như thế là không đúng đạo lý.

Nay nếu thầy nói là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm

Tà tánh định, thì không nên nói có ba nhóm quyết định được thành lập không hề lẫn lộn. Nghĩa là có nhóm Bất định, nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định tức là nhất định có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định và có riêng nhóm Chánh tánh định. Nói có ba nhóm quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, nghĩa là có nhóm Bất định, nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định, nên quyết định có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định và có riêng nhóm Chánh tánh định..., thì không đúng đạo lý.

Vì người ấy nói: Nhất định là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không. Cái đó tức là nó? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu nhất định là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định thì nên nói cái đó tức là nó. Nhưng điều thầy nói đó là không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói cái đó tức là nó, thì cũng không nên nói nhất định là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định, vì nó không đúng đạo lý.

Nếu lại nói: Cái đó tức là nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là những người đang ở nhóm Bất định tức là cũng ở nhóm Tà tánh định? Đáp: Không đúng.

Này thầy nên lắng nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu cái đó tức là nó thì mới có thể nói những người đang ở nhóm Bất định cũng tức là đang ở nhóm Tà tánh định. Nếu thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Còn nếu thầy không nói những người đang ở nhóm Bất định cũng tức là đang ở nhóm nhất Tà tánh định, thì không nên nói cái đó tức là nó. Nếu cái đó tức là nó thì không đúng đạo lý.

Lại nếu như nói cái đó tức là nó, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là khi trụ vào nhóm Bất định thì vẫn có được khả năng làm sinh ra các loại căn - lực - giác chi vô lậu, còn khi trụ vào nhóm Tà tánh định thì không có khả năng đó? Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Là người ấy có khả năng làm được tức là không có khả năng? Đáp: Không đúng.

Thầy nên nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu cái đó tức là nó thì mới có thể nói rằng người ấy có khả năng làm được cũng tức là không có khả năng. Vì nếu thầy nói thế thì không đúng đạo lý. Còn nếu thầy không nói: Người ấy có khả năng làm được cũng tức là không có khả năng, thì không nên nói cái đó tức là nó. Vì nếu nói cái đó tức là

nó thì không đúng đạo lý.

Lại có lời nói: Cái đó khác với nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Những người đã trụ vào nhóm Bất định, khi dứt rồi thì liền sinh vào nhóm Tà tánh định? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu cái đó khác với nó mới có thể nói những người đang trụ ở nhóm Bất định, khi dứt rồi thì liền sinh vào nhóm Tà tánh định. Thầy nói điều đó không đúng đạo lý. Còn nếu thầy không nói người đang trụ ở nhóm Bất định, khi dứt rồi thì liền sinh vào nhóm Tà tánh định, như thế không nên nói cái đó khác với nó. Nếu nói cái đó khác với nó thì không đúng đạo lý.

Lại có lời nói này: Không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nên liền hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Những người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định. Như lời nói đó thì cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác nó? Người ấy đáp: Không đúng.

Này thầy nên nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác nó, thì có thể nói những người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định. Như lời nói đó thì cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác. Thầy nói thế nên không đúng đạo lý. Nếu như thầy không nói những người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Tà tánh định. Như lời nói đó thì cũng không thể nói cái đó hoặc là nó hoặc khác nó..., thì không nên nói là không thể nói cái đó hoặc là nó hoặc khác nó. Nếu nói không thể nói cái đó hoặc là nó hoặc khác nó, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la có thể được, có thể chứng, các loại hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bồ-đặc-già-la.

Luận về tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, nghĩa là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày: Có ba nhóm quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, nghĩa là có nhóm Bất định, nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định, thì quyết định là có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định, có riêng nhóm Chánh tánh định? Người ấy đáp: Đúng thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, tức là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định? Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Thầy hãy nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu có ba nhóm quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, nghĩa là có nhóm Bất định,

nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định, thì quyết định là có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định, có riêng nhóm Chánh tánh định..., thì không thể nói là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh Định. Thầy nói thế là không đúng đạo lý. Còn nếu thầy nói có nhiều người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định, thì không nên nói là có ba nhóm quyết định thành lập không hề lẫn lộn. Nghĩa là có nhóm Bất định, có nhóm Tà tánh định, có nhóm Chánh tánh định, thì quyết định là có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định, có riêng nhóm Chánh tánh định... Nói có ba nhóm quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, nghĩa là có nhóm Bất định, có nhóm Tà tánh định, nhóm Chánh tánh định, tức quyết định là có riêng nhóm Bất định, có riêng nhóm Tà tánh định và có riêng nhóm Chánh tánh định ..., như thế thì không đúng đạo lý.

Người ấy lại nói: Nhất định là có người từ nhóm Bất định mà nhập vào nhóm Chánh tánh định. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Cái đó tức là nó? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu nhất định có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định, thì mới có thể nói là cái đó tức là nó. Lời thầy nói như thế là không đúng đạo lý. Còn nếu như thầy không nói cái đó tức là nó, thì thầy mới có thể nói nhất định là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định. Vì nếu nói nhất định là có người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định thì không đúng đạo lý.

Nếu cứ nói cái đó tức là nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Là những người đang trụ vào nhóm Bất định thì cũng tức là trụ vào nhóm Chánh tánh định? Đáp: Không đúng.

Này thầy nên nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cái đó tức là nó thì nên nói những người đang trụ vào nhóm Bất định cũng tức là trụ vào nhóm Chánh tánh định. Thầy nói điều đó lại không đúng đạo lý. Còn nếu thầy không nói những người đang trụ ở nhóm Bất định cũng tức là trụ vào nhóm Chánh tánh định thì không nên nói cái đó tức là nó, vì nếu nói cái đó tức là nó, thì không đúng đạo lý.

Lại nếu cứ nói là cái đó tức là nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Những người đang trụ ở nhóm Bất định là hữu lượng phước điền, còn trụ vào nhóm Chánh tánh định thì có vô lượng phước điền? Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chăng: Những người hữu lượng phước điền tức là có vô lượng phước điền? Đáp: Không

đúng.

Thầy nên nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cái đó tức là nó thì mới có thể nói những người hữu lượng phước điền tức là vô lượng phước điền, vì thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Còn như thầy không nói những người hữu lượng phước điền tức là có vô lượng phước điền, thì không nên nói cái đó tức là nó. Vì nếu nói cái đó tức là nó, thì không đúng đạo lý.

Còn như có lời nói: Cái đó là khác với nó. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, là những người trụ vào nhóm Bất định, dứt rồi liền sinh và trụ vào nhóm Chánh tánh định? Đáp: Không đúng.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu cái đó khác với nó thì nên nói những người đang trụ ở nhóm Bất định khi dứt rồi, liền sinh vào nhóm Chánh tánh định. Thầy nói điều đó là không đúng đạo lý. Còn nếu thầy không nói những người đang trụ ở nhóm Bất định, khi dứt rồi thì được sinh vào ở nhóm Chánh tánh định, thì không nên nói cái đó khác với nó. Nếu nói cái đó khác với nó thì không đúng đạo lý.

Nếu lại nói lời này: Không thể nói cái đó hoặc là nó hoặc khác nó. Nên liền hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Có những người trụ từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định. Nếu nói như thế thì cũng không thể nói hoặc là nó hoặc khác nó? Người ấy đáp: Không đúng.

Này thầy nên nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác thì nên nói có những người từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định. Lời nói như thế cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác nó. Lời thầy nói thế là không đúng đạo lý. Còn nếu như thầy không nói có những người trụ từ nhóm Bất định nhập vào nhóm Chánh tánh định, thì nói như thế cũng không thể nói hoặc là nó, hoặc là khác nó, tức là không nên nói không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác nó. Nếu nói không thể nói cái đó hoặc là nó, hoặc là khác nó, thì không đúng đạo lý.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 3

Uẩn Thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, Phần 2

Tụng Ốt-đà-nam thứ nhất, phần sau:

Có kẻ luận về Bổ-đặc-già-la nói: Là nghĩa chắc thật, là nghĩa hơn hết. Bổ-đặc-già-la là có thể được, có thể chứng, các thứ hiện có đều có. Thế nên nhất định là có Bổ-đặc-già-la.

Luận về Tánh không đã hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, tức là trong Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, có nói: Có ba thứ Bổ-đặc-già-la quyết định được thành lập không hề lẫn lộn, đó là học Bổ-đặc-già-la, vô học Bổ-đặc-già-la và phi học phi vô học Bổ-đặc-già-la. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Và nói pháp cũng có ba thứ, tức là pháp học, pháp vô học và pháp phi học phi vô học. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Trước là phi học phi vô học Bổ-đặc-già-la, kế đến trở thành có học, đã thành có học rồi thì sau mới thành vô học. Đã thành vô học rồi lại trở thành có học Bổ-đặc-già-la. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Lại hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không? Trước hết là pháp phi học phi vô học, kế đến thì thành có học. Khi đã thành có học rồi, sau đó mới thành vô học. Khi đã thành vô học rồi thì lại trở thành pháp có học.

Đáp rằng: Không đúng. Thầy hãy nghe kỹ không thì sẽ bị thua. Nếu trước tiên là phi học phi vô học sở Bổ đặc già la, tiếp đến thành có học. Đã thành có học rồi sau đó rồi thành vô học. Thành vô học rồi lại thành

Có học Bổ-đặc-già-la. Vậy thì nên nói trước tiên là phi học và phi vô học pháp, tiếp đến thành có học. Đã thành có học rồi sau đó thành vô học. Thành vô học rồi lại thành học pháp. Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nếu thầy không nói trước tiên là pháp phi học phi vô học,

kế đến thì thành có học, khi đã thành có học, sau đó mới thành vô học; khi đã thành vô học rồi thì lại trở thành pháp có học, thì không nên nói trước hết là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kế đó thì thành có học; Khi đã thành có học, sau đó mới thành vô học. Khi đã thành vô học thì lại trở thành Bồ-đặc-già-la có học. Nếu nói trước hết là Bồ-đặc-già-la phi học phi vô học, kế đó thì thành có học. Khi đã thành có học rồi, sau đó mới thành vô học. Khi đã thành vô học thì lại trở thành Bồ-đặc-già-la có học. Như thế là không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Mạng sống của loài hữu tình có ngã được sinh ra, nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ không vui. Người ấy khi đã Tạo các nghiệp thuận vui rồi thì nhận lãnh thọ vui, khi đã Tạo các nghiệp thuận khổ rồi thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, và khi đã Tạo các nghiệp không khổ không vui rồi thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui.

Luận về Tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng: Chính mình Tạo ra nỗi khổ niềm vui? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy lắng nghe kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra, nuôi lớn lên, thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la này nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, khi đã Tạo ra các nghiệp thuận khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, và khi đã Tạo ra các nghiệp thuận không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui. Thế nên nói chính mình Tạo ra khổ vui. Như thầy nói lời ấy là không đúng đạo lý. Còn như thầy không nói chính mình Tạo ra khổ vui thì không nên nói là mạng sống của hữu tình có ngã, được sinh ra, nuôi lớn lên, thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận vui thì sẽ nhận lãnh thọ vui, khi Tạo ra các nghiệp thuận khổ thì sẽ nhận lãnh thọ khổ, khi đã Tạo ra các nghiệp thuận không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh cái thọ không khổ không vui. Nói mạng sống của loài hữu tình có ngã được sanh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la này cho nên có thể Tạo ra các nghiệp, hoặc là thuận thọ vui, hoặc là thuận thọ khổ, hoặc là thuận thọ không khổ không vui. Khi

người ấy Tạo ra nghiệp thuận thọ vui rồi sẽ nhận lãnh thọ vui, Tạo ra nghiệp thuận thọ khổ rồi sẽ nhận lãnh thọ khổ, Tạo ra nghiệp thuận thọ không Khổ không vui rồi sẽ nhận lãnh thọ không Khổ không vui. Nếu nói như thế thì không đúng đạo lý.

Còn như nói tự mình Tạo ra khổ vui. Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, theo như Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì ông Siêm-bộ-lư đi xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư đã nhận lãnh các thứ ham muốn (hữu dục) nên tự mình đã Tạo ra khổ vui. Chuyện về Siêm-bộ-lư Ta không nói hết. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Thầy hãy nghe kỹ kéo lại bị xem là tranh luận thua. Nếu tự mình gây ra khổ vui, thì không nên nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày có kể: Vì ông Siêm-bộ-lư đi xuất gia cho nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư đã nhận lãnh các thứ ham muốn, đã tự Tạo ra các khổ vui. Chuyện về Siêm-bộ-lư Ta không nói hết. Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nếu nay thầy nói việc Siêm-bộ-lư như vừa kể trên, thì không nên nói tự mình Tạo ra các khổ vui, vì nói tự mình Tạo ra các khổ vui thì không đúng đạo lý.

Còn như nói thế này: Ông ấy đã Tạo ra khổ vui, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, như nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có kể: Vì Siêm-bộ-lư xuất gia nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư nhận lãnh khác, nếu có ham muốn thì khiến ông Tạo ra các khổ vui, việc của Siêm-bộ-lư đây Ta không nói hết... Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy hãy nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu ông ấy Tạo ra các khổ vui, thì không nên nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày nói: Vì Siêm-bộ-lư xuất gia, nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư nhận lãnh khác, các thứ tham dục khiến ông ấy Tạo ra các khổ vui, việc ông Siêm-bộ-lư đây Ta không nói hết... Thầy nói như thế thì không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày có nói: Vì Siêm-bộ-lư xuất gia, nên ngoại đạo nói Siêm-bộ-lư đã nhận lãnh khác biệt về các thứ ham muốn, khiến ông Ta Tạo ra các khổ vui, việc Siêm-bộ-lư Ta không nói hết..., thì không nên nói ông ấy Tạo ra các khổ vui. Nếu nói ông ấy Tạo ra các khổ vui, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Mạng sống của loài hữu tình có ngã được sinh ra, nuôi lớn lên, thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên Tạo ra các nghiệp hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận

thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo các nghiệp thuận vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, khi Tạo các nghiệp thuận khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, khi đã Tạo các nghiệp không khổ không vui thì sẽ nhận được các thọ không khổ không vui.

Luận về Tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không: Đây làm đây chịu? Đáp: Không đúng.

Thầy hãy nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra và nuôi lớn thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận thọ vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, khi đã Tạo ra các nghiệp thuận thọ khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, khi đã Tạo các nghiệp thuận với thọ không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui..., thì nên nói đây làm đây chịu. Lời thầy nói đó thì không đúng đạo lý. Còn nếu như thầy không nói là đây làm đây chịu, thì không nên nói có mạng sống của loài hữu tình có ngã, được sinh ra, nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên có thể Tạo ra các nghiệp hoặc thuận với thọ vui, hoặc thuận với thọ khổ, hoặc thuận với thọ không khổ không vui. Khi người ấy đã Tạo ra các nghiệp thuận với thọ vui thì sẽ nhận lãnh các thọ vui, nếu Tạo ra các nghiệp thuận với thọ khổ thì sẽ nhận lãnh các thọ khổ, nếu Tạo ra các nghiệp thuận với thọ không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh các thọ không khổ không vui. Nói mạng sống của loài hữu tình có ngã được sanh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la cho nên có thể Tạo ra các nghiệp, hoặc thuận thọ vui, hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ không khổ không vui. Khi người kia Tạo ra nghiệp thuận với thọ vui rồi thì nhận lãnh thọ vui, Tạo ra nghiệp thuận với thọ Khổ rồi thì nhận lãnh thọ Khổ, Tạo ra nghiệp thuận với thọ không khổ không vui thì sẽ nhận lãnh cái thọ không khổ không vui. Như vừa nêu trên thì không đúng đạo lý.

Nếu cứ nói là đây làm đây chịu, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một vị Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, đây làm đây chịu là rơi vào thường biên. Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy nên nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu đây làm đây chịu, thì không nên nói là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một vị Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, đây làm đây chịu là rơi vào Thường biên. Lời thầy nói đó không

đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, đây làm đây chịu là rơi vào Thường biên, thì không nên nói là đây làm đây chịu. Nếu nói đây làm đây chịu, thì không đúng đạo lý.

Nếu nói: Người khác làm người khác chịu, nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, người khác làm người khác chịu, đó là rơi vào Đoạn biên. Người ấy đáp: Đúng như vậy.

Thầy hãy nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu người khác làm người khác chịu, thì không nên nói là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, người khác làm người khác chịu là rơi vào Đoạn biên. Thầy nói điều đó là không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì một Phạm chí nên nói: Đây Phạm chí, người khác làm người khác chịu đó là rơi vào Đoạn biên, thì không nên nói là người khác làm người khác chịu. Nếu nói người khác làm người khác chịu, thì không đúng đạo lý.

Có kẻ luận về Bồ-đặc-già-la nói: Mạng sống của loài hữu tình có ngã được sinh ra nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên đối với những việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp đã có được, đã tìm cầu, rồi để Tâm theo, luôn theo dõi suy nghĩ tìm xét.

Luận về Tánh không thì hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chăng, tức là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày, có nói: Vì Bí-sô Bốn-mục-lư-át-lý-sắt-tra nên nói: Đây thầy Bí-sô, đối với những việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp, đã có được, đã tìm cầu, rồi để Tâm theo dõi, thường suy nghĩ tìm hiểu thì thấy Tất cả đều không phải là ngã, ngã sở, cũng không phải là cái ngã của Ta, phải nên dùng chánh tuệ để nhìn thấy đúng thật như vậy. Người ấy đáp: Đúng như thế.

Này thầy nên nghe kỹ kéo bị xem là tranh luận thua. Nếu hữu tình có mạng sống có ngã, được sinh ra và nuôi lớn thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên đối với những việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp đã có được, đã tìm cầu, rồi để Tâm theo dõi, luôn suy nghĩ tìm xét..., thì không nên nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo giảng dạy trình bày, có nói: Vì Bí-sô Bốn-mục-lư-át-lý-sắt-tra nên nói: Đây Bí-sô, đối với những việc thấy, nghe, hiểu biết về các pháp, đã có được, đã tìm cầu, rồi để ý theo dõi tìm xét thì thấy Tất cả

đều không phải là ngã, ngã sở, cũng không phải là ngã của mình, phải nên dùng chánh tuệ để nhìn thấy đúng thật như thế... Thầy nói lời ấy thì không đúng đạo lý. Nay nếu thầy cũng nói đúng như các lời vừa nói trên, thì không nên nói là có mạng sống của hữu tình có ngã được sinh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la nên đối với những việc thấy nghe, hiểu biết về các pháp, đã có được, đã tìm cầu, để ý theo dõi, tìm xét..., mà nói hữu tình có mạng sống, có ngã, được sinh ra và nuôi lớn lên thành một sĩ phu Bồ-đặc-già-la. Do có Bồ-đặc-già-la, cho nên đối với các việc thấy, nghe, hay, biết về các pháp đã có được, đã tìm cầu và luôn theo dõi tìm xét..., thì không đúng đạo lý.

Uẩn Thứ 2: BỒ ĐẶC GIÀ LA, Phần 3

Tụng Ốt-đà-nam thứ hai:

*Nói Từ duyên vào đâu?
Thức thân cùng niệm trụ,
Các giác chi đạt được,
Hữu vi và vô vi.*

Người luận về Tánh không thì nói: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la không phải là có thể được, không phải là có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la hỏi: Nay thầy, lòng Từ duyên với cái gì? Đáp: Trong các pháp Tánh, Tất cả mọi thứ đều có đầy đủ, do đó mà có đủ các thứ tướng rồi giả nói là có loài hữu tình. Theo nghĩa ở đây thì lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau.

Người ấy hỏi: Thầy nói là lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau phải chăng? Đáp: Đúng như vậy.

Thầy có cho điều này là đúng chăng, nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy, trình bày có nói: Phải làm cho các loài hữu tình đều có đầy đủ các thứ an vui, cứ suy nghĩ như thế và nhập Tam-muội Từ ... Người này đáp: Đúng như thế.

Bấy giờ người kia nói: Thầy hãy nghe kỹ kẻo bị xem là tranh luận thua. Nếu lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau thì không nên nói theo nơi Khế kinh Phật nói: Phải làm cho các loài hữu tình luôn được an vui. Nếu suy nghĩ như thế và nhập Tam-muội Từ thì không nên

nói là lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau. Vì nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn luôn nối tiếp nhau thì không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng chẳng, theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo giảng dạy trình bày có nói: Có sáu thức thân, đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức...?

Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy, thế thì lòng Từ cùng tương ứng với thức nào của thân? Với nhãn thức, hay nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức? Nếu nói nó tương ứng với nhãn thức, tức là nó không duyên với loài hữu tình đó, vì nhãn thức thì chỉ duyên với sắc mà thôi. Nếu nói nó tương ứng với nhĩ thức, tức là nó không duyên với loài hữu tình đó, vì nhĩ thức chỉ duyên với tiếng mà thôi. Nếu nói nó tương ứng với tỷ thức, tức là nó không duyên với loài hữu tình đó, vì tỷ thức chỉ duyên với hương. Nếu nói nó tương ứng với thiệt thức, tức là nó không duyên với hữu tình đó, vì thiệt thức chỉ duyên với vị. Nếu nói nó tương ứng với thân thức, tức là nó không duyên với hữu tình đó, vì thân thức chỉ duyên với xúc. Nếu nói là nó tương ứng với ý thức, tức là nó không duyên với hữu tình ấy, vì ý thức chỉ duyên với pháp mà thôi. Nếu nói nó không tương ứng với cả các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... tức là lòng Từ chỉ tương ứng với thức thứ bảy của loài hữu tình đó. Về thức thứ bảy này thì Đức Thế Tôn không hiện bày sự hiểu biết. Này thầy, Đức Thế Tôn ở trong pháp vô úy có nói thế này: Ta đối với các pháp hiện bày sự hiểu biết đúng nhất. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hay Thiên ma, Phạm chí v.v... đúng như pháp mà hỏi han, vấn nạn đều khiến luôn ghi nhớ. Đối với các pháp mà Ta không hiện bày sự thấy biết đúng đắn, vì nó không duyên với chánh kiến của Ta. Khi nó không duyên thì Ta luôn được an ổn, không có sợ sệt nào cả. Khi đó Ta tự xưng là bậc Đại tiên cao quý đang chuyển Đại pháp luân, là tể tướng lớn của sư tử ở giữa đại chúng.

Này thầy, nếu như thế thì há chẳng có kẻ vấn nạn cho Phật là vô trí sao?

Này thầy, Ta không hề vấn nạn bảo Phật là kẻ vô trí, vì Đức Thế Tôn đối với việc đó đã hiện bày sự hiểu biết đầy đủ, nhưng không tuyên bố ra mà thôi. Này thầy, Đức Thế Tôn đã từng nói với thầy A-nan-đà: Này thầy A-nan-đà, đối với các pháp Ta luôn giảng dạy không hề ngưng nghỉ gián đoạn, như các pháp bốn niệm xứ, bốn chánh đạo, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo...

Này thầy A-nan-đà, Như Lai đối với các pháp không hề là bậc thầy nắm chắc bàn Tay, nghĩa là tự mình che giấu sợ người khác biết điều không hiểu biết của mình.

Này thầy, nếu như thế thì đâu có thắc mắc cho Phật là bậc thầy còn giấu giếm? Người ấy nói: Này thầy, tôi không hề thắc mắc vấn nạn cho Phật là kẻ vô trí, tôi cũng không thắc mắc cho Phật là bậc thầy còn giấu giếm, vì đối với các pháp, dù Đức Thế Tôn đều hiểu biết rõ, nhưng không tuyên bố nói ra. Này thầy, Đức Thế Tôn có nói trong kinh Thăng Nhiếp Ba Lâm: Này các thầy Bí-sô, cho đến khắp cả đại địa nhiều như số lá cây nơi rừng Thăng Nhiếp Ba, đối với các pháp đó Ta đều tự nhiên nhận biết, tuy hiện bày sự giác ngộ nhưng không nói cho người khác. Thế nên Đức Thế Tôn biết cả, dù biết rõ nhưng không nói ra.

Nên hỏi người ấy: Này thầy, ở đoạn kinh đó không có nói thêm điều gì khác nữa chăng?

Ấy là như Đức Thế Tôn nói: Này các Bí-sô, trong những pháp ấy không dẫn Ta đến các nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó cũng không đưa Ta đến phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông, không giúp Ta chứng được bậc Đăng giác hay chứng được quả vị Niết-bàn.

Giả như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, cũng không thể dẫn đưa Ta đến nghĩa lý nào, sự tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó cũng không đưa Ta đến phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông hay bậc Đăng giác, cũng không giúp Ta chứng được quả vị Niết-bàn, tức là không có chỗ dừng, là vô dụng. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Người luận về Tánh không thì nói: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa hơn hết, Bồ-đặc-già-la không phải là có thể được, không phải là có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la liền hỏi: Này thầy, lòng Từ duyên vào đâu? Đáp: Những pháp Tánh, các thứ có đều có, do các tướng đều tướng nên mượn nhờ đó mà nói có hữu tình. Với nghĩa ở đây thì lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau.

Người ấy hỏi: Thầy nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nhau đấy chăng? Đúng vậy.

Người ấy lại hỏi: Thầy có cho điều này là đúng không? Nghĩa là trong Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy, có nói: Phải làm thế nào khiến cho các loài hữu tình luôn được đầy đủ an vui, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ? Đáp: Đúng vậy.

Này thầy hãy nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua. Nếu lòng Từ

duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau thì không nên nói theo nơi các Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Phải khiến cho các loài hữu tình được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ ... Vì thầy nói điều đó là không đúng đạo lý. Nay nếu thầy nói theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy, nói: Phải khiến cho Tất cả các loài hữu tình luôn được an vui đầy đủ, cứ nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ..., thì không nên nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau, vì nó không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, nghĩa là theo nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Có bốn niệm trụ, đó là thân niệm trụ, thọ niệm trụ, Tâm niệm trụ và pháp niệm trụ? Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy, lòng Từ đã tương ứng với niệm trụ nào? Nó tương ứng với thân niệm trụ, hay thọ, hay Tâm, hay pháp niệm trụ? Nếu nói nó tương ứng với thân niệm trụ tức là nó không duyên với hữu tình, vì thân niệm trụ chỉ duyên với thân. Nếu nói nó tương ứng với thọ niệm trụ thì nó không duyên với hữu tình, vì thọ niệm trụ chỉ duyên với thọ. Nếu nói nó tương ứng với Tâm niệm trụ, thì nó không duyên với hữu tình, vì Tâm niệm trụ chỉ duyên với Tâm. Nếu nói nó tương ứng với pháp niệm trụ, thì nó không duyên với hữu tình, vì pháp niệm trụ chỉ duyên với pháp. Còn nếu nói nó không tương ứng cả với bốn niệm trụ thân, thọ, Tâm, pháp..., tức là lòng Từ đã tương ứng với niệm trụ thứ năm của hữu tình. Niệm trụ đó Đức Thế Tôn không chỉ rõ cho biết.

Này thầy, Đức Thế Tôn đối với pháp vô úy có nói: Đối với các pháp Ta đều hiện bày sự hiểu biết đúng đắn. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào hoặc là Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp mà vẫn nạn, đều khiến luôn nhớ nghĩ đến. Đối với các pháp đó Ta không chỉ rõ sự thấy biết đúng, vì chúng không duyên với chánh kiến của Ta. Khi nó không duyên thì Ta luôn được an ổn, không có sự sợ sệt nào cả. Khi đó, Ta tự xưng là bậc Đại tiên cao quý đang chuyển Đại phạm luân, là tiếng gầm lớn của sư tử ở giữa đại chúng.

Này thầy, như thế thì há không có kẻ vẫn nạn bảo Phật là vô trí?

Người ấy nói: Này thầy, Ta không hề vẫn nạn thắc mắc bảo Phật là kẻ vô trí. Vì Đức Thế Tôn đối với việc đó đã hiểu biết đầy đủ, nhưng lại không nói ra mà thôi. Này thầy, Đức Thế Tôn đã từng nói với thầy A-nan-đà: Này A-nan-đà, đối với các pháp môn Ta luôn tuyên nói giảng dạy không hề gián đoạn, ngưng nghỉ, như các pháp bốn niệm trụ, bốn

chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo v.v... Nay thầy A-nan-đà, Như Lai đối với các pháp không hề giấu giếm như bậc thầy nắm chắc bàn Tay để tự mình luôn che giấu, sợ người khác biết được chỗ không hiểu biết của mình.

Này thầy, nếu như thế há lại chẳng có kẻ vấn nạn thắc mắc Phật còn giấu giếm? Người ấy nói: Nay thầy, tôi không hề thắc mắc vấn nạn cho Phật là kẻ vô trí, cũng không vấn nạn cho Phật là có giấu giếm, vì Đức Thế Tôn đối với các pháp đó đều hiện sự hiểu biết rõ ràng nhưng lại không nói ra. Nay thầy, Đức Thế Tôn có nói trong kinh Thắng Nhiếp Ba Lâm: Nay các thầy Bí-sô, cho đến đại địa nhiều như số lá cây nơi rừng Thắng Nhiếp Ba, đối với các pháp đó Ta đều tự nhiên hiểu biết rõ ràng, tuy hiện biết rõ nhưng không nói cho người khác. Thế nên Đức Thế Tôn đối với các niệm trụ đó dù đã biết rõ nhưng không nói ra.

Nên hỏi người ấy: Nay thầy, ở đoạn kinh đó không nói thêm điều gì khác nữa hay sao? Ấy là như Đức Thế Tôn nói: Nay các vị Bí-sô, các pháp ấy không dẫn Ta đến các nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào, nó cũng không đưa Ta đến phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông, hay chứng được bậc Đăng giác, hay chứng được quả vị Niết-bàn. Giả sử như có loại Bồ-đặc-già-la như thế thì cũng không thể dẫn Ta đến nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó không giúp Ta chứng được thần thông, chứng được bậc Đăng giác, hay chứng được quả vị Niết-bàn, tức là nó không có chỗ dùng, là vô dụng. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Tánh không thì nói: Là nghĩa đúng thực, là nghĩa hơn hết. Bồ-đặc-già-la không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên nói không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la liền hỏi: Nay thầy, lòng Từ duyên vào đâu? Đáp: Các thứ pháp Tánh, những thứ có đều có, do các tướng đều tướng nên nhờ đó mà nói có loại hữu tình. Với nghĩa ở đây thì lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau.

Người ấy hỏi: Thầy nói lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nhau đấy chẳng? Đáp: Đúng vậy.

Người ấy hỏi: Thầy có cho điều này là đúng chẳng? Nghĩa là nơi Khế kinh Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Phải khiến cho Tất cả loài hữu tình luôn được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ? Người này đáp: Đúng như thế.

Người ấy nói: Thầy nên nghe kỹ kẻ bị xem là tranh luận thua.

Nếu lòng Từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn tiếp nối nhau thì không nên nói: Theo các Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày, giảng dạy có nói: Phải khiến cho các loài hữu tình được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ. Vì thầy nói như thế là không đúng đạo lý.

Nay nếu thầy nói theo Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy có nói: Phải khiến cho các loài hữu tình luôn được an vui đầy đủ, cứ suy nghĩ như thế mà nhập vào Tam-muội lòng Từ..., thì không nên nói Tâm từ duyên vào mà giữ lấy các uẩn nối tiếp nhau, vì không đúng đạo lý.

Nên hỏi người ấy: Thầy có cho điều này là đúng không, tức là theo nơi Khế kinh, Đức Thế Tôn đã khéo léo trình bày giảng dạy, có nói: Có bảy giác chi là Niệm, Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác chi?

Người ấy đáp: Đúng thế.

Này thầy, lòng Từ sẽ tương ứng với giác chi nào? Tương ứng với Niệm hay Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh an, Định và Xả giác chi?

Nếu nói lòng Từ tương ứng với Niệm giác chi thì nó không duyên với hữu tình, vì Niệm giác chi chỉ duyên với pháp.

Nếu nói lòng Từ tương ứng với Trạch pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh an, Định Xả v.v... thì nó không duyên với hữu tình, vì các giác chi như Xả v.v... chỉ duyên với pháp.

Nếu nói nó không tương ứng với Niệm v.v... như bảy giác chi, tức là lòng Từ đã tương ứng riêng với giác chi thứ Tám của loài hữu tình. Thứ giác chi này Đức Thế Tôn không chỉ cho biết.

Này thầy, trong pháp vô úy, Đức Thế Tôn có nói: Đối với các pháp Ta đều hiện bày sự hiểu biết rõ ràng. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào hay Thiên, Ma, Phạm v.v... đúng như pháp mà vẫn nạn, thắc mắc đều khiến luôn nhớ nghĩ. Đối với các pháp Ta không hiện bày sự hiểu biết rõ ràng, vì những sự thấy biết đó không duyên với chánh kiến của Ta. Khi nó không duyên thì Ta luôn được an ổn, không có sự sợ sệt nào cả. Khi đó Ta tự xưng là bậc Đại tiên cao quý đang chuyển Đại phạm luân, là tiếng gầm lớn của sư tử ở giữa đại chúng.

Này thầy, nếu như thế thì há chẳng có kẻ vẫn nạn thắc mắc bảo Phật là vô trí?

Người ấy nói: Này thầy, Ta không hề vẫn nạn, thắc mắc bảo Phật là kẻ vô trí, vì Đức Thế Tôn đối với các việc đó đã hiện bày sự hiểu biết rõ ràng, nhưng lại không nói ra mà thôi.

Này thầy, Đức Thế Tôn đã từng nói với thầy A-nan-đà: Này thầy A-nan-đà, đối với các pháp Ta hiện đang tuyên nói, giảng dạy không hề gián đoạn ngưng nghỉ, như các pháp bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Tám chi Thánh đạo v.v... Này thầy A-nan-đà, Như Lai đối với các pháp không hề giấu giếm, như kẻ che giấu sợ người khác biết điều không hiểu biết của mình.

Này thầy, nếu như thế thì há chẳng có kẻ vấn nạn thắc mắc cho Phật là có giấu giếm? Người ấy nói: Này thầy, tôi không hề vấn nạn thắc mắc cho Phật là kẻ vô trí, cũng không vấn nạn bảo Phật là có giấu giếm. Vì Đức Thế Tôn đối với các pháp đó đều hiện bày sự hiểu biết rõ ràng, nhưng lại không nói ra. Này thầy, Đức Thế Tôn có nói trong kinh Thắng Nhiếp Ba Lâm: Này các thầy Bì-sô, cho đến khắp cả đại địa nhiều như số lá cây ở rừng Thắng Nhiếp Ba, đối với các pháp ở đó Ta đều tự nhiên hiểu biết rõ ràng. Tuy hiện hiểu biết rõ, nhưng lại không nói cho ai biết. Thế nên Đức Thế Tôn đối với các giác chi ấy đã hiện bày sự hiểu biết rõ ràng nhưng không nói ra.

Nên hỏi người ấy: Này thầy, ở đoạn kinh đó lại không có nói thêm điều gì khác nữa chẳng? Ấy là Thế Tôn có nói: Này các thầy Bì-sô, vì các pháp đó không dẫn Ta đến các nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào cả, nó cũng không đưa Ta đến với phạm hạnh, không giúp Ta chứng được thần thông, hay chứng được bậc Đẳng giác, cũng không giúp Ta chứng được quả vị Niết-bàn. Giả sử như có loại Bồ-đặc-già-la như thế, thì cũng không thể dẫn đưa Ta đến những nghĩa lý nào, các điều tốt lành nào, các pháp môn nào. Nó cũng không giúp Ta chứng được thần thông, hay chứng được bậc Đẳng giác, hoặc chứng được quả vị Niết-bàn, tức là nó không có chỗ dùng, là vô dụng. Thế nên nói là không có Bồ-đặc-già-la.

Người luận về Bồ-đặc-già-la liền nói: Hữu vi có thể đạt được, vô vi có thể đạt tới được, Bồ-đặc-già-la cũng có thể đạt được.

Người luận về Tánh không thì hỏi: Này thầy, Bồ-đặc-già-la đó, phải nói là hữu vi hay là vô vi? Nếu nói là hữu vi thì phải được thành lập giống như hữu vi, nghĩa là có sinh diệt, có trụ lại và có đổi khác. Nếu nói là vô vi thì phải được thành lập giống như vô vi, tức là không có sinh diệt, không có trụ lại và đổi khác. Này thầy, Đức Thế Tôn nói các thầy Bì-sô biết: Có hai vật: Một là Hữu vi, hai là Vô vi, ngoài ra không có một vật nào khác. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Uẩn Thứ 2: BỔ ĐẶC GIÀ LA, Phần 4

Tụng Ốt-đà-nam thứ ba:

*Bổ-đặc-già-la không có Không,
Các pháp hòa hợp mỗi thứ Tạo,
Bao câu sinh biết do hai thức,
Tâm Tánh vô thường rõ ái duyên.*

- Có sáu thức thân: Đó là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Mắt và sắc làm duyên, sinh ra nhãn thức. Như thế thì nhãn thức chỉ biết được các sắc, chứ không phải là Bổ-đặc-già-la. Vì Bổ-đặc-già-la này không phải là nhãn thức để nhận biết. Chỉ có các sắc là đối tượng nhận biết của nhãn thức. Thế nên nhãn thức này không phải là Bổ-đặc-già-la thức. Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ đó hòa hợp nhau lại nên có xúc. Như thế thì nhãn thức chỉ có thể tiếp xúc được các sắc, nó không phải là Bổ-đặc-già-la. Bổ-đặc-già-la này không phải là chỗ tiếp xúc của nhãn thức chỉ có các sắc là chỗ tiếp xúc của nhãn thức. Thế nên nhãn thức đây không phải là Bổ-đặc-già-la xúc.

Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nhau cho nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Như thế thì nhãn thức đã sinh ra thọ, nên chỉ có thể thọ nhận được các sắc, chứ không phải Bổ-đặc-già-la. Loại Bổ-đặc-già-la này không phải là do nhãn thức sinh ra hay thọ nhận biết, mà chỉ có các sắc mới do nhãn thức sinh ra và các thọ nhận lãnh. Thế nên chính nhãn thức sinh ra thọ chứ không phải Bổ-đặc-già-la xúc sinh ra thọ. Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Cả ba thứ là mắt- sắc- thức, hòa hợp lại mà có xúc. Xúc làm duyên sinh ra tưởng. Như vậy thì nhãn thức sinh ra tưởng và chỉ có thể tưởng được các sắc chứ không phải là Bổ-đặc-già-la. Nhãn thức sinh ra các tưởng và chỉ nghĩ tưởng tới các sắc chứ không phải nghĩ tưởng tới Bổ-đặc-già-la. Thế nên nhãn thức sinh ra các tưởng chứ không phải Bổ-đặc-già-la sinh ra các tưởng.

Vả lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại nên có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tư (suy nghĩ). Như thế là nhãn thức sinh ra tư, chỉ có thể suy nghĩ đến các sắc chứ không phải Bổ-đặc-già-la. Nhãn thức sinh ra tư để suy nghĩ về các sắc chứ không phải suy nghĩ về Bổ-đặc-già-la. Thế nên nhãn thức sinh ra tư, chứ không phải Bổ-đặc-già-la xúc sinh ra tư.

Do các pháp như thế nên xúc là Bổ-đặc-già-la thứ năm, không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều

có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, thức... cũng vậy.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Trong đó, hoặc là mắt, là sắc, là nhãn thức đều không phải là Bồ-đặc-già-la, mà chỉ có mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp nên sinh ra xúc. Trong đó, hoặc là mắt hay sắc hay nhãn thức, hay nhãn xúc đều không phải là Bồ-đặc-già-la, mà chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc.

Lại, do mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp mà có xúc. Do xúc làm duyên nên có thọ. Trong đó, hoặc là mắt hay sắc, hay nhãn thức, hay nhãn xúc sinh ra thọ đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên có thọ.

Lại, do mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp mà có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Trong đó hoặc là mắt hay sắc, hay nhãn thức, hay nhãn xúc sinh ra tưởng... đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra tưởng.

Lại, do mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp mà có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tư. Trong đó, hoặc là mắt hay sắc, hay nhãn thức, hay nhãn xúc sinh ra tư đều không phải là Bồ-đặc-già-la, chỉ có sắc và mắt làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Do xúc làm duyên nên sinh ra tư. Do các pháp đó mà xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

- Có sáu thức thân: Đó là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Trong đó, mắt sinh, sắc sinh mà nhãn thức không sinh, như thế là không thể được. Còn mắt sinh, sắc sinh và nhãn thức cũng sinh thì có thể được. Nếu trong đó mắt diệt, sắc diệt, mà nhãn thức không diệt là không thể được, còn mắt diệt, sắc diệt mà nhãn thức cũng diệt thì có thể được.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp nên sinh ra xúc. Trong đó, mắt có sinh, sắc có sinh, nhãn thức có sinh mà nhãn xúc không sinh thì không thể được. Còn mắt có sinh, sắc có sinh, nhãn thức và nhãn xúc cũng sinh như thế là có thể được. Trái lại

mất, sắc, nhãn thức diệt mà nhãn xúc không diệt thì không thể được. Còn như mất, sắc, nhãn thức diệt mà nhãn xúc cũng diệt thì có thể được.

Lại, mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp mà có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Trong đó, mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều sinh mà nhãn xúc sinh ra thọ lại không sinh thì không thể được. Trái lại mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cả nhãn xúc sinh ra thọ đều sinh thì có thể được. Còn trong đó mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt còn nhãn xúc sinh ra thọ lại không diệt thì không thể được. Nếu mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra thọ đều diệt thì có thể được.

Lại, mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc, xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Trong đó mất, sắc, nhãn thức nhãn xúc đều sinh mà nhãn xúc sinh ra tưởng lại không sinh, như thế là không được. Còn mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra tưởng đều sinh thì có thể được. Trong đó, nếu mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt, nhưng nhãn xúc sinh ra tưởng không diệt thì không thể được. Còn như mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra tưởng đều diệt thì là có thể được.

Lại, mất, sắc cùng làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tư. Trong đó mất, sắc, nhãn thức nhãn xúc đều sinh mà nhãn xúc sinh ra tư không sinh, như thế là không thể được. Còn mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và cả nhãn xúc sinh ra tư đều sinh thì có thể được. Nếu trong đó mà mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc đều diệt, nhưng nhãn xúc sinh ra tư lại không diệt, như thế là không thể được. Còn Tất cả mất, sắc, nhãn thức, nhãn xúc và nhãn xúc sinh ra tư đều diệt cả thì là có thể được.

Các pháp như thế, xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, cùng sinh cùng trụ và cùng diệt. Khi một cái sinh thì Tất cả cùng sinh, khi một cái diệt thì Tất cả cùng diệt. Do các pháp này mà xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm, không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la. Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.

- Có sáu thức thân: Tức là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Như thế thì nhãn thức là có thể nhận biết các sắc, chứ không phải là xúc, thọ, tưởng, tư. Do tướng có thể nhận biết thì đó là nhãn thức.

Lại, mất và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại

nên có xúc. Như thế là nhãn xúc luôn luôn tiếp xúc với các sắc, không phải là thọ, tưởng, tư, thức. Do tướng luôn luôn tiếp xúc thì đó là nhãn xúc.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra thọ. Như thế là nhãn xúc sinh ra thọ luôn luôn nhận biết xúc cảm các sắc, mà không phải là tưởng, tư, thức, xúc. Do tướng luôn luôn nhận biết xúc cảm thì đó là thọ do xúc sinh ra.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba thứ hòa hợp lại nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tưởng. Như thế thì tưởng do nhãn xúc sinh ra luôn luôn nghĩ tưởng các sắc, chứ không phải là tư, thức, xúc, thọ. Do cái tướng hay tưởng nghĩ thì đó là cái tướng do xúc sinh ra.

Lại, mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp lại nên có xúc. Xúc làm duyên nên sinh ra tư. Như thế thì tư là do nhãn xúc sinh ra luôn luôn suy nghĩ đến các sắc, chứ không phải là thức, xúc, thọ, tưởng. Do cái tướng luôn luôn suy nghĩ, thì đó là tư do nhãn xúc sinh ra.

Các pháp như thế, nên xúc là cái thứ năm đồng sinh, đồng trụ và đồng diệt. Khi một cái sinh ra thì Tất cả đều sinh, khi một cái diệt đi thì Tất cả đều diệt. Khi đã sinh khởi rồi thì mỗi cái đều đảm trách riêng nhiệm vụ, việc làm của mình mà không làm công việc của cái khác được. Do các pháp này mà xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Hỏi: Nhãn thức phân biệt hiểu biết những gì và không phân biệt hiểu biết những gì?

Đáp: Nhãn thức phân biệt và hiểu biết các sắc và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia, cũng như thế Ta có:

Nhĩ thức phân biệt hiểu biết các tiếng và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Tỷ thức phân biệt hiểu biết các mùi thơm- thối, và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Thiệt thức phân biệt hiểu biết các vị (mặn, ngọt) mà không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Thân thức phân biệt hiểu biết các đụng chạm và không phân biệt hiểu biết mười một xứ kia.

Hỏi: Ý thức phân biệt hiểu biết những gì?

Đáp: Ý thức phân biệt hiểu biết về mắt, các sắc và nhãn thức; về Tai, các tiếng và nhĩ thức; về mũi, các mùi và tỷ thức; về lưỡi, các vị và thiệt thức; về thân, sự đụng chạm và thân thức; về ý, các pháp và ý thức. Như vậy đối với sáu thức của thân thì ý thức luôn luôn phân biệt hiểu biết. Nó có tính chất luôn luôn phân biệt hiểu biết chứ không phải là có tính chất không phân biệt. Bồ-đặc-già-la thì không có tính chất phân biệt hiểu biết như thế. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

- Có mười hai xứ: Đó là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ.

Hỏi: Nhãn xứ có bao nhiêu thức nhận biết..., cho đến pháp xứ có bao nhiêu thức nhận biết?

Đáp: Sắc xứ có hai thức nhận biết, đó là nhãn thức và ý thức. Thanh xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là nhĩ thức và ý thức.

Hương xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là tỷ thức và ý thức.

Vị xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là thiệt thức và ý thức.

Xúc xứ cũng có hai thức nhận biết, đó là thân thức và ý thức. Còn bảy xứ khác thì chỉ có ý thức là nhận biết mà thôi. Như thế là mười hai xứ. Đó là thức có tính chất nhận biết chứ không phải là không có tính chất nhận biết. Còn Bồ-đặc-già-la lại không có tính chất như thế, cho nên nói không có Bồ-đặc-già-la.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, cả ba thứ hòa hợp lại nên có xúc, và xúc cùng sinh ra có thọ, tưởng, tư. Do các pháp này nên xúc là Bồ-đặc-già-la thứ năm không có thể được, không có thể chứng, không phải là hiện có, không phải là đều có. Thế nên không có Bồ-đặc-già-la.

Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý... cũng như thế.

Đối với các sự việc mến ưa, yêu thích đều do vô trí, nên sinh ra các tham. Ở đây gọi vô trí là vô minh, gọi các tham là hành, gọi sự phân biệt hiểu biết sự tướng là thức. Thức cùng đi chung với bốn uẩn gọi là danh sắc. Các căn nương vào danh sắc tức là lục xứ. Lục xứ hòa hợp tức là có xúc. Ở đây sự nhận lãnh do tiếp xúc mà có gọi là thọ, nếu thọ nhận có vui mừng thích thú tức là ái. Ái Tăng mạnh và giữ lấy nên gọi là thủ. Vì thủ nên Tạo ra các nghiệp khiến có đời sau nên gọi là hữu. Khi các

uẩn hiện khởi thì gọi là sinh, khi các uẩn già chín gọi là lão, khi các uẩn rời rã Tan lìa thì gọi là chết. Ở trong lòng bứt rứt nóng nảy thì gọi là sầu buồn. Khi lên tiếng oán than trách móc, thì gọi là than. Khi năm thức tương ứng với thọ không bình an thì gọi là khổ, khi ý thức tương ứng với thọ không bình an thì gọi là âu lo. Khi Tâm bị rối rắm, buồn rầu không yên thì gọi là nhiều não. Và Tất cả cùng khởi lên thì gọi là sinh.

Nói như thế, tức là chỉ bày, làm sáng tỏ bằng lời nói rõ ràng, các sự việc có thể sinh khởi, gọi đó là sự Tập hợp, chứa nhóm. Còn thuần, nghĩa là chỉ mức độ cuối cùng, rốt ráo đầy đủ.

Uẩn khổ lớn, nghĩa là cái Tai ương hoạn nạn lớn nhất, sự ngang trái lo rầu to nhất, tức là các khổ sở đau buồn chiếm phần lớn cuộc đời này.

Lại, vì các vô minh chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, làm nhân duyên cho các hành sinh khởi, nên có các thứ như hành tùy phước, hành tùy phi phước, hành tùy bất động. Các hành như thế chưa đoạn dứt, chưa biết rõ làm nhân duyên sinh khởi ra các thức, sinh vào các cõi thiện, hoặc các cõi dữ. Các thức đó chưa đoạn dứt, chưa biết khắp, làm duyên sinh khởi ra danh sắc, tức là cái thân xác ở đời này hoặc ở đời sau. Danh sắc như thế chưa được cắt đứt và biết khắp, làm duyên sinh khởi ra lục xứ tức là sáu căn, hoặc có đầy đủ hoặc không đầy đủ sáu thứ ấy. Lục xứ hòa hợp nên có xúc. Và tùy theo sự nhận lãnh khi tiếp xúc mà có các thọ. Khi thọ sinh ra vui thích nên có ái. Khi mến yêu quá thì sinh ra sự muốn giữ lấy, tức là thủ. Chính thủ hay chiêu cảm các nghiệp khiến có đời sau, nên gọi là hữu. Khi các uẩn hiện khởi thì gọi là sinh, khi các uẩn thành thực thì gọi là già, khi các uẩn rã rời lìa Tan thì gọi là chết. Trong lòng bứt rứt nóng nảy thì gọi là buồn rầu, nếu lên tiếng oán than trách móc thì gọi là than. Khi năm thức tương ứng với các thọ không bình an thì gọi là khổ, còn ý thức tương ứng với thọ không bình an thì gọi là âu lo, khi Tâm người ấy rối rắm buồn rầu không yên thì gọi là nhiều não. Các thứ cùng khởi lên thì gọi là sinh.

Nói như thế, tức là chỉ bày làm sáng tỏ, phát biểu bằng lời nói rõ ràng về các sự việc đã sinh khởi, gọi đó là sự Tập hợp, chứa nhóm; còn thuần, nghĩa là chỉ mức độ cuối cùng, rốt ráo đầy đủ.

Uẩn khổ lớn, nghĩa là các Tai ương hoạn nạn lớn nhất, sự ngang trái lo rầu to nhất, tức là các khổ sở đau buồn chiếm phần lớn cuộc đời này.

Do có mười bốn nguyên nhân nên biết Tâm Tánh nhất định là vô thường, nghĩa là vì gia hạnh, vì có tương ứng, vì các oai nghi cử chỉ, vì

nghề nghiệp khéo léo, vì thân nghiệp, vì ngữ nghiệp, vì ý nghiệp, vì các nguyên nhân, vì tất cả không gián đoạn, vì được duyên với, vì duyên Tăng cao, vì nhiễm và không nhiễm, vì thọ nhận khác nhau, sự nghiệp được Tạo dựng chuyển tiếp khác biệt.

Nếu Tâm đã hiểu biết rõ ràng về thời này hoặc là thời khác, các sự nhớ nghĩ đều biết rõ ràng. Tâm Tánh như thế thì không lia Tâm trước. Và lại Tâm Tánh này không lia Tâm trước, do đạo lý ấy mà các Tâm lần lượt nối tiếp. Kể từ lúc xa xưa không có đầu mối bến bờ cho đến nay, các Tâm luôn luôn có thứ lớp. Như thế gọi là khổ Tập thánh đế và theo như thế quan sát khổ Tập thánh đế. Nếu quan sát như thế thì gọi là chánh quán, còn quan sát khác với các điều ấy thì gọi là Tà trí.

Nếu có các tham ái chưa cắt đứt và nhận biết khắp thì nó làm duyên để sinh khởi ra các khổ ở đời sau. Còn như khi các ái này đã đoạn dứt và biết khắp rồi, thì không còn nhân duyên nào khiến các khổ nào sẽ sinh ra ở đời sau nữa. Do đó, các thầy cần nên thấy, cần nên nghe. Như thế các thầy đã lia bỏ các tham ái mà sống trên thế gian này. Song bây giờ các tham ái đã cắt đứt, đã biết khắp rồi thì không còn nguyên nhân nào để có thể khiến các khổ nào ở đời sau khởi lên được. Thế nên các thầy không còn nghe thấy. Như thế là các thầy đã lia bỏ các tham ái mà sống trên cõi đời này. Như thế thì gọi là khổ diệt thánh đế. Cứ như thế mà quan sát khổ diệt thánh đế. Nếu quan sát như thế thì gọi là chánh quán. Còn nếu quan sát khác đây thì gọi là Tà trí.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Nhãn thức có bốn thứ duyên:

1. Là duyên nhân.
2. Là duyên đẳng vô gián.
3. Là duyên sở duyên.
4. Là duyên Tăng thượng.

Duyên nhân là gì? Nghĩa là điều này đều có các pháp tương ứng v.v...

Duyên đẳng vô gián là gì? Nghĩa là nếu từ đó các Tâm và Tâm pháp đều bình đẳng không gián đoạn; như thế là nhãn thức đã sinh thì chánh thức sinh ra.

Duyên sở duyên là gì? Nghĩa là Tất cả các sắc.

Duyên Tăng thượng là gì? Nghĩa là trừ tự Tánh của Tất cả các pháp khác.

Đó gọi là nhãn thức vốn có bốn thứ duyên, tức là duyên nhân, duyên đẳng vô gián, duyên sở duyên và duyên Tăng thượng.

Nhãn thức như thế thì cái gì là nhân duyên? Nghĩa là ở đây đều có các pháp tương ứng.

Cái gì là duyên đẳng vô gián? Nghĩa là từ nhãn thức luôn luôn bình đẳng không gián đoạn đã sinh và chính thức sinh ra các Tâm và Tâm pháp.

Cái gì là duyên sở duyên? Nghĩa là có thể duyên với các Tâm và Tâm pháp này.

Cái gì là duyên Tăng thượng? Nghĩa là trừ tự Tánh của Tất cả các pháp.

Cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như thế.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 4

Uẩn Thứ 3: NHÂN DUYÊN, Phần 1

Tụng Ốt-đà-nam:

*Các nhân quá khứ và các thiện,
Tùy tăng bao nhiêu nhân và duyên,
Mười, mười lăm tâm không phải nhân,
Kiết phước tùy miên cùng tương ứng.*

Có sáu thức thân: Là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu thức như thế hoặc ở quá khứ, hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại.

Nếu nhãn thức ở quá khứ thì lại có quá khứ làm nhân mà không phải là vị lai hay hiện tại làm nhân.

Lại có thứ do vị lai làm nhân mà không phải là do quá khứ hay hiện tại làm nhân.

Lại có thứ do hiện tại làm nhân mà không phải là do quá khứ hay vị lai làm nhân.

Lại có thứ do quá khứ và hiện tại làm nhân mà không phải là do vị lai làm nhân.

Lại có thứ do quá khứ và vị lai làm nhân mà không phải là do hiện tại làm nhân.

Lại có thứ do cả quá khứ, vị lai và hiện tại đều làm nhân.

Cũng giống như nhãn thức ở quá khứ, các nhãn thức ở vị lai và hiện tại cũng giống như thế. Và cũng giống như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng giống như thế.

Nếu nhãn thức của quá khứ thì tất cả đều dùng quá khứ làm nhân, còn tất cả các thức khác đều không thể được.

Còn nhãn thức của vị lai thì dùng quá khứ hoặc vị lai làm nhân chứ không dùng hiện tại làm nhân.

Những nhân ở vị lai là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp tương ứng với nhau.

Những nhân ở quá khứ là gì? Nghĩa là các pháp ở quá khứ đối với nhân thức này thì hoặc là đồng loại, hoặc là dị thực, chứ không phải là các pháp ở hiện tại (đối với nhân thức là đồng loại hoặc dị thực).

Hoặc có thứ do cả quá khứ vị lai và hiện tại làm nhân thì nhân vị lai là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng. Còn nhân của quá khứ và hiện tại là gì? Tức là các pháp của quá khứ và hiện tại, nó đối với nhân thức này là đồng loại hoặc dị thực. Nhân thức ở hiện tại thì tất cả đều dùng quá khứ và hiện tại làm nhân, còn tất cả các thứ khác đều không thể được.

Những nhân ở hiện tại là gì? Nghĩa là ở đây đều cùng có các pháp tương ứng.

Những nhân ở quá khứ là gì? Nghĩa là các pháp ở quá khứ thì cùng với nhân thức này là đồng loại hoặc là dị thực.

Như nhân thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng giống như vậy.

Ý thức của quá khứ thì tất cả đều dùng quá khứ làm nhân, còn tất cả các thứ khác đều không thể được.

Còn ý thức ở vị lai thì hoặc có vị lai làm nhân chứ không phải do quá khứ và hiện tại làm nhân, nghĩa là chưa chứng được vào chánh tánh ly sinh Bồ-đặc-già-la, là cái ý thức vô lậu đầu tiên ở vị lai.

Nhân vị lai là gì? Nghĩa là các thứ này đều có các pháp tương ứng.

Hoặc có thứ do vị lai và hiện tại làm nhân mà không phải là do quá khứ làm nhân, nghĩa là do Khổ pháp trí nhãn ở hiện tại và thời trước mà có được ý thức vô lậu ở vị lai.

Nhân vị lai là gì? Nghĩa là các thứ này đều có các pháp cùng tương ứng.

Nhân hiện tại là gì? Nghĩa là khổ pháp trí nhãn cùng với các pháp đều tương ứng.

Hoặc có thứ do quá khứ và vị lai làm nhân chứ không phải do hiện tại làm nhân, thì nhân của vị lai là gì? Nghĩa là đây có các pháp cùng tương ứng.

Nhân quá khứ là gì? Nghĩa là các pháp ở quá khứ cùng với ý thức này là đồng loại hoặc là dị thực, chứ không phải là hiện tại (cùng với ý thức này là đồng loại hoặc là dị thực).

Hoặc có thứ do cả quá khứ, vị lai và hiện tại cùng làm nhân, thì những gì là nhân vị lai? Nghĩa là đây đều có các pháp cùng tương ứng nhau.

Những gì là nhân quá khứ và hiện tại? Tức là các pháp ở quá khứ và hiện tại cùng với ý thức này là đồng loại hoặc là dị thực mà có ý thức hiện tại.

Hoặc có thứ do hiện tại làm nhân, không phải là do quá khứ hay vị lai làm nhân? Nghĩa là khổ pháp trí nhân ở hiện tại và thời trước mà cùng tương ứng với ý thức này.

Nhân hiện tại là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng nhau.

Hoặc có thứ do quá khứ và hiện tại làm nhân mà không phải do vị lai làm nhân? Những gì là nhân hiện tại? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng nhau.

Nhân quá khứ là gì? Nghĩa là các pháp ở quá khứ cùng với ý thức này là đồng loại hoặc là dị thực v.v...

Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức đó hoặc là thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Nhãn thức thiện thì có pháp thiện làm nhân mà không phải là pháp bất thiện và vô ký làm nhân.

Lại có thứ do pháp bất thiện làm nhân mà không phải là pháp thiện và vô ký làm nhân.

Lại có thứ do vô ký làm nhân, mà không phải là pháp thiện và bất thiện làm nhân.

Lại có thứ do thiện và vô ký làm nhân, mà không phải là bất thiện làm nhân.

Lại có thứ do bất thiện và vô ký làm nhân mà không phải do thiện làm nhân.

Lại có thứ do thiện và bất thiện làm nhân mà không phải là vô ký làm nhân.

Lại có thứ do cả thiện, bất thiện và vô ký cùng làm nhân.

Như nhãn thức thiện vừa kể, các nhãn thức bất thiện và vô ký cũng vậy. Vì cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

Nhãn thức thiện thì tất cả đều dùng thiện làm nhân, còn các thứ khác đều không thể được.

Nhãn thức bất thiện thì tất cả đều dùng bất thiện và vô ký làm nhân, các thứ khác đều không thể được.

Nhãn thức vô ký thì hoặc là vô ký làm nhân, không phải do thiện và bất thiện làm nhân, thì tức là nhãn thức có oai nghi và nghề nghiệp khéo léo, mà nhãn thức ô nhiễm ở cõi Phạm thế thì hoặc là có thiện và

vô ký làm nhân chứ không phải là bất thiện làm nhân, nghĩ là thiện dị thực sinh ra nhân thức.

Những gì là nhân vô ký? Nghĩa là ở đây có các pháp đều tương ứng nhau.

Những gì là nhân thiện? Nghĩa là pháp thiện ấy có thể chiêu cảm nhân thức dị thực này.

Hoặc có thứ do bất thiện và vô ký làm nhân mà không phải do thiện làm nhân, là do quả dị thực bất thiện sinh ra nhân thức.

Những gì là nhân vô ký? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng.

Những gì là nhân bất thiện? Nghĩa là các pháp bất thiện ấy có thể chiêu cảm nhân thức dị thực này.

Như nhân thức, các thứ thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

Trong này có sự khác nhau là tỷ thức và thiệt thức thì không nên nói có ở cõi Phạm thế.

Ý thức thiện thì tất cả đều dùng pháp thiện làm nhân, còn các thứ khác đều không thể được.

Ý thức bất thiện thì tất cả đều dùng pháp bất thiện và vô ký làm nhân, còn các thứ khác đều không thể được.

Ý thức vô ký hoặc là có vô ký làm nhân, chứ không phải thiện và bất thiện làm nhân, nghĩa là ý thức có oai nghi và nghề nghiệp khéo léo, cùng ý thức ô nhiễm hệ thuộc ở cõi Sắc và Vô sắc.

Hoặc có thứ do thiện và vô ký làm nhân chứ không phải do bất thiện làm nhân, là ý thức do quả dị thực thiện sinh ra.

Những gì là nhân vô ký? Nghĩa là ở đây có các pháp đều tương ứng nhau.

Những gì là nhân thiện? Nghĩa là các pháp thiện ấy có thể chiêu cảm ý thức dị thực này.

Hoặc có thứ do bất thiện và vô ký làm nhân, không phải do thiện làm nhân Nghĩa là ở cõi Dục có Thân kiến và Biên chấp kiến tương ứng với ý thức.

Những gì là nhân vô ký? Nghĩa là ở đây đều có các pháp tương ứng.

Những gì là nhân bất thiện? Nghĩa là ở cõi Dục do thấy khổ mà đã cắt đứt được tám thứ tùy miên, và do thấy tập mà cắt đứt được tùy miên biến hành v.v...

- Có sáu thức thân: Là những thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Sáu thức như thế hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hay là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện thì có bao nhiêu số tùy miên tăng thêm?

Đối với nhãn thức bất thiện, nhãn thức hữu phú vô ký và vô phú vô ký thì có bao nhiêu số tùy miên tùy tăng? Như nhãn thức, các thức khác n nhĩ, tử, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Đối với nhãn thức thiện thì có tùy miên biến hành của Dục triền (sự ràng buộc của dục), Sắc triền (sự ràng buộc của sắc) và sự tùy tăng của các tùy miên do tu mà đoạn.

Đối với nhãn thức bất thiện thì có tùy miên biến hành của Dục triền và sự tùy tăng của các tùy miên do tu mà đoạn.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký thì có tùy miên biến hành của Sắc triền và sự tùy tăng của các tùy miên do tu mà đoạn.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký thì có tùy miên biến hành của Dục triền, Sắc triền và sự tùy tăng của các tùy miên do tu mà đoạn.

Như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tử, thiệt, thân, ý cũng như thế.

Trong này có sự sai khác là đối với tử thức và thiệt thức thì không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện thì có tùy miên biến hành của ba cõi và sự tùy tăng của các tùy miên do tu mà đoạn.

Đối với ý thức bất thiện thì sự tùy tăng của tất cả các tùy miên thuộc Dục triền.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thì có tất cả các tùy miên của Sắc và Vô sắc triền cùng tất cả các tùy miên do thấy khổ mà đoạn, cũng như sự tùy tăng của tùy miên biến hành do tập mà đoạn thuộc về Dục triền.

Đối với ý thức vô phú vô ký thì có tùy miên biến hành của ba cõi và sự tùy tăng của các tùy miên do tu mà đoạn.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân và ý. Sáu thức như thế hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc hữu phú vô ký, hoặc vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện thì có bao nhiêu số tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, có bao nhiêu tùy miên đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân?

Đối với nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký và vô phú vô ký thì có bao nhiêu tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên và có bao nhiêu tùy miên đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân?

Như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tử, thiệt, thân, ý... cũng

vậy.

Đối với nhãn thức thiện, tất cả các tùy miên đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức bất thiện thì có mười lăm tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký thì có mười bốn tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn các thứ tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký thì trừ nhãn thức tùy miên dị thực ra, còn các nhãn thức vô phú vô ký khác, và tất cả các tùy miên thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực thì có ba mươi bốn tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Hỏi: Có phải là một lòng chẳng?

Đáp: Không đúng.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy khổ mà đoạn tà kiến thì có hai tùy miên đáng nói là nhân, cũng đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như thấy khổ mà đoạn tà kiến, thì các thứ kiến thủ, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn,... cũng giống như thế.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy khổ mà đoạn không đi với vô minh thì có một tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy tập mà đoạn tà kiến thì có hai tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như do thấy tập mà đoạn tà kiến, thì các thứ kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng giống như thế.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy tập mà đoạn không đi với vô minh thì có một tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy diệt mà đoạn tà kiến thì có hai tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như do thấy diệt mà đoạn tà kiến, thì các thứ kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn, ... cũng vậy.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy diệt mà đoạn không đi với vô minh, thì có một tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy đạo mà đoạn tà kiến thì có hai tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như do thấy đạo mà đoạn tà kiến, thì các thứ kiến thủ, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn cũng như thế.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy đạo mà đoạn không đi với vô minh, thì có một tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy tu mà đoạn trừ tham lam thì có hai tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như do tu mà đoạn tham, thì các thứ giận hờn, kiêu mạn, ... cũng như thế.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do tu mà đoạn không đi với vô minh, thì có một tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như nhãn thức, các thức như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng giống như thế.

Trong này có sự sai khác là tỷ thức và thiệt thức, thì không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện thì tất cả tùy miên đều đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện thì có ba mươi sáu tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Hỏi: Có phải là một lòng chẳng?

Đáp: Không đúng.

Đối với ý thức bất thiện do thấy khổ mà đoạn thì có mười bốn tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do thấy tập mà đoạn thì có mười bốn tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do thấy diệt mà đoạn thì có mười tám tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do thấy đạo mà đoạn thì có mười chín tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do tu mà đoạn trừ thì có mười lăm tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thì có bảy mươi sáu tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Hỏi: Có phải là một lòng chẳng?

Đáp: Không đúng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì có mười bốn tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký do thấy khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc thì có mười ba tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký do thấy tập mà đoạn thuộc cõi Sắc thì có mười ba tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký do thấy diệt mà đoạn thuộc cõi Sắc thì có mười bảy tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký do thấy đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc thì có mười tám tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ thuộc cõi Sắc thì có mười bốn tùy miên đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn các tùy miên khác thì chỉ đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Như thuộc cõi Sắc, Vô sắc thì cũng như thế.

Đối với ý thức vô phú vô ký, tất cả tùy miên đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức như thế thì hoặc thuộc các thời quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc là thiện hoặc bất thiện, hoặc thuộc hữu phú vô ký hay vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện thời quá khứ, có các tùy miên. Nếu nó đối với tâm này mà có tùy tăng thì cũng coi nó là nhân chẳng? Giả sử như đối với tâm này có thể làm nhân thì nó có là tùy tăng chẳng?

Như nhãn thức thiện ở thời quá khứ, các nhãn thức thiện ở thời vị lai và thời hiện tại cũng giống như thế.

Và cũng như nhãn thức thiện, các nhãn thức bất thiện hữu phú vô ký và vô phú vô ký cũng như thế. Và cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Đối với nhãn thức thiện thời quá khứ mà có các tùy miên, nếu nó đối với tâm này mà khiến tùy tăng thì nó không phải là nhân. Nếu nó làm nhân đối với tâm này thì nó không phải là tùy miên mà cũng không phải là tùy tăng.

Như nhãn thức thiện ở thời quá khứ, các nhãn thức thiện ở thời vị lai và thời hiện tại cũng vậy.

Đối với nhãn thức bất thiện thời quá khứ mà có các tùy miên, thì đối với tâm này hoặc có khả năng làm nhân thì nó không phải là tùy tăng, hoặc nó là tùy tăng thì không thể làm nhân, hoặc là có thể làm nhân mà cũng là tùy tăng, hoặc không thể làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng.

Vả lại, nếu có thể làm nhân thì không thể là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức là tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc là có duyên rồi nhưng đã dứt, và tùy miên tương ứng này đã dứt.

Vì là sự tùy tăng không thể làm nhân. Nghĩa là các thứ tùy miên sau tâm này, đồng loại biến hành, tức là tùy miên đó còn duyên vào đây chưa dứt.

Lại có thể làm nhân mà cũng là chỗ tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức là tùy miên ấy duyên vào đây chưa dứt và các thứ tùy miên tương ứng này cũng chưa dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là sự tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành, tức là tùy miên ấy hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên rồi nhưng đã dứt, hoặc là nó duyên với cái khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên không đồng với giới biến hành.

Như nhãn thức bất thiện thời quá khứ, các nhãn thức bất thiện thời vị lai cũng thế.

Đối với nhãn thức bất thiện thời hiện tại, có các tùy miên, nó đối với tâm này hoặc có thể làm nhân thì không phải là sự tùy tăng, hoặc

là sự tùy tăng thì không thể làm nhân, hoặc có thể làm nhân mà cũng là sự tùy tăng, hoặc là không thể làm nhân mà cũng không phải là sự tùy tăng.

Nếu chỉ có thể làm nhân mà không phải là sự tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành, tức là tùy miên đó, hoặc không duyên vào đây, hoặc đã duyên rồi mà đã dứt.

Sự tùy tăng này mà không thể làm nhân, là các thứ tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành. Tức là tùy miên đó duyên vào đây hoặc chưa dứt và có các tùy miên tương ứng này.

Nó hay làm nhân lại cũng là sự tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này, đồng loại biến hành. Tức là tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt và có các tùy miên tương ứng này.

Nó không thể làm nhân mà cũng không phải là sự tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở sau tâm này, đồng loại biến hành. Tức là tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên với cái khác, hoặc là có thứ tùy miên khác, hoặc là có tùy miên không đồng với giới biến hành.

Như nhãn thức bất thiện, nhãn thức hữu phú vô ký cũng như thế.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký ở thời quá khứ, có các thứ tùy miên nó đối với tâm này là sự tùy tăng, mà cũng là nhân chăng?

Trừ các nhãn thức tùy miên dị thực khác, đối với các nhãn thức vô phú vô ký ở thời quá khứ khác, có các thứ tùy miên thì nó đối với tâm này, hoặc là sự tùy tăng mà không thể làm nhân, hoặc là đối với tâm này có thể làm nhân, tức là không phải tùy miên mà cũng không phải là tùy tăng.

Nếu các nhãn thức tùy miên dị thực, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này, hoặc có thể là nhân mà chẳng phải là sự tùy tăng, hoặc là sự tùy tăng mà không thể làm nhân, hoặc có thể làm nhân mà cũng là sự tùy tăng, hoặc không thể làm nhân mà cũng không phải là sự tùy tăng.

Vả lại, có thể làm nhân nhưng không phải là sự tùy tăng, là các thứ tùy miên làm nhân, có thể chiêu cảm quả dị thực cho tâm này. Tức là tùy miên đó hoặc không duyên vào đây, hoặc đã duyên rồi mà đã dứt.

Là sự tùy tăng nhưng lại không thể làm nhân, là các thứ tùy miên không thể làm nhân chiêu cảm quả dị thực cho tâm này. Tức là tùy miên đó, duyên vào đây chưa dứt.

Nó có thể làm nhân mà cũng là sự tùy tăng, là các thứ tùy miên

làm nhân, có thể chiêu cảm quả dị thực cho tâm này, tức là tùy miên đó, duyên vào đây chưa dứt. Không thể làm nhân cũng không phải là sự tùy tăng, nghĩa là các tùy miên không làm nhân chiêu cảm quả dị thực cho tâm này, tức là tùy miên đó không thể duyên vào đây, hoặc có duyên nhưng đã dứt, hoặc duyên với cái khác, hoặc là tùy miên khác, hoặc là tùy miên không đồng với giới biến hành.

Như nhãn thức vô phú vô ký ở quá khứ, nhãn thức vô phú vô ký ở vị lai và hiện tại cũng như thế.

Như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng thế.

Trong này có sai khác, là đối với tỷ thức và thiệt thức thì không nên nói là có hữu phú vô ký, và không nên nói là có tùy miên đã chiêu cảm ý thức dị thực.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu thức của thân như thế hoặc ở các thời quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc là hữu phú vô ký, hoặc là vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện thời quá khứ có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không làm nhân chẳng?

Giả sử đối với tâm này nó không làm nhân, mà cũng không phải là tùy tăng chẳng?

Như nhãn thức thiện thời quá khứ, thì nhãn thức thiện thời vị lai và hiện tại cũng như thế.

Như nhãn thức thiện, các thứ nhãn thức bất thiện - hữu phú vô ký và vô phú vô ký cũng như thế.

Như về nhãn thức, các thức kia như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng thế.

Đối với nhãn thức thiện ở thời quá khứ có những thứ tùy miên. Nó đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không làm nhân, hoặc không làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng, là các thứ tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt.

Như nhãn thức thiện ở thời quá khứ, các nhãn thức thiện ở thời vị lai và hiện tại cũng giống như thế.

Đối với nhãn thức bất thiện ở thời quá khứ có các thứ tùy miên. Nó đối với tâm này hoặc không làm nhân, cũng không phải là không tùy tăng, hoặc không phải là tùy tăng mà đều là làm nhân, hoặc không làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng, hoặc đều làm nhân và đều là tùy tăng.

Nếu nó không làm nhân mà đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này, có biến hành đồng loại, tức là các tùy miên đó còn duyên

vào đây chưa dứt.

Không phải là sự tùy tăng mà đều làm nhân, là các thứ tùy miên đó ở trước tâm này, có biến hành đồng loại, tức là các thứ tùy miên đó, hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, và các thứ tùy miên tương ứng này đã dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này, có biến hành đồng loại. Tức là các thứ tùy miên đó, hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên nhưng đã dứt, hoặc duyên nơi khác hoặc là khác tùy miên, hoặc không đồng giới với các tùy miên biến hành.

Cũng đều làm nhân và đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này có biến hành đồng loại. Tức là các thứ tùy miên đó, còn duyên vào đây chưa dứt, và sự tương ứng của tùy miên này chưa dứt.

Như nhãn thức bất thiện ở quá khứ, nhãn thức bất thiện ở vị lai cũng như thế.

Đối với nhãn thức bất thiện ở hiện tại, có các thứ tùy miên đối với tâm này, hoặc không làm nhân mà đều là tùy tăng, hoặc không phải là tùy tăng mà đều làm nhân, hoặc không làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng, hoặc đều làm nhân và đều là tùy tăng.

Vả như không làm nhân mà đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này, có biến hành đồng loại, tức là các tùy miên này còn duyên vào đây chưa dứt.

Không phải là tùy tăng nhưng lại đều làm nhân, là các thứ tùy miên ở trước tâm này, có biến hành đồng loại. Tức là các thứ tùy miên đó, hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này, có biến hành đồng loại, tức là những tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc là khác tùy miên, hoặc có tùy miên không đồng giới với biến hành.

Đều làm nhân và đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này có biến hành đồng loại, tức là thứ tùy miên đó còn duyên vào đây chưa dứt, và có các tùy miên tương ứng này.

Như nhãn thức thiện, nhãn thức hữu phú vô ký cũng thế.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký ở thời quá khứ, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không làm nhân sao?

Nghĩa là trừ các nhãn thức tùy miên dị thực ra, thì đối với các nhãn

thức vô phú vô ký khác, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này hoặc là không phải tùy tăng mà cũng không phải làm nhân, hoặc không làm nhân mà là đều tùy tăng, nghĩa là có các thứ tùy miên còn duyên vào đây chưa dứt. Nếu các nhân thức tùy miên dị thực, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này hoặc không làm nhân cũng không phải là không tùy tăng, hoặc không phải tùy tăng mà đều làm nhân, hoặc không làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng, hoặc đều làm nhân và đều là tùy tăng.

Vả như không làm nhân mà đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên không làm nhân để chiêu cảm quả dị thực cho tâm này, tức là các thứ tùy miên đó còn duyên vào đây, hoặc có duyên nhưng đã dứt rồi.

Không thể làm nhân cũng không phải tùy tăng, là các thứ tùy miên đó không làm nhân để chiêu cảm quả dị thực cho tâm này, tức là các thứ tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc là khác tùy miên, hoặc không có tùy miên đồng giới với biến hành.

Đều làm nhân và đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm quả dị thực cho tâm này, tức là thứ tùy miên đó còn duyên vào đây chưa dứt.

Như nhân thức vô phú vô ký ở thời quá khứ, các nhân thức vô phú vô ký ở vị lai và hiện tại cũng như thế.

Như nhân thức thiện, các thức nhĩ, tử, thiệt, thân, ý cũng vậy. Trong này có sự sai khác, là đối với tử thức và thiệt thức thì không nên nói là có hữu phú vô ký và cũng không nên nói là có tùy miên chiêu cảm quả dị thực cho ý thức.

- Có mười loại tâm: Đó là thuộc cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Thuộc cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Thuộc cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Nói về tâm thiện thuộc cõi Dục, nếu Thể của nó chưa dứt thì do cái chưa dứt làm nhân, giả sử do chưa dứt làm nhân mà Thể của nó chưa dứt...; cho đến tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thì Thể của nó chưa dứt là do chưa dứt làm nhân, giả sử vì chưa dứt làm nhân mà Thể của nó chưa dứt chẳng?

Nói về tâm thiện thuộc cõi Dục, có phải là cái Thể chưa đoạn dứt là do sự chưa đoạn làm nhân? Đúng thế. Giả sử do chưa đoạn dứt làm nhân mà cái Thể chưa đoạn dứt?

Đúng như thế.

Còn các tâm bất thiện, có phải là cái Thể chưa đoạn dứt là do sự chưa đoạn dứt làm nhân?

Nó hoặc là cái Thể chưa đoạn dứt là do sự chưa đoạn dứt làm nhân, hoặc là cái Thể chưa đoạn dứt mà do sự đã đoạn dứt làm nhân và sự chưa đoạn dứt làm nhân.

Vả như Thể chưa đoạn dứt là do chưa đoạn dứt làm nhân, là các Bồ-đặc-già-la có đầy đủ các sự trói buộc, các tâm bất thiện mà Thể của nó chưa đoạn dứt chưa đoạn dứt làm nhân, hoặc là Thể của nó chưa đoạn dứt là do đã đoạn dứt làm nhân, và do chưa đoạn dứt làm nhân, là chưa lia bỏ tham dục ở cõi Dục. Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Thấy rõ Tập- Diệt- Đạo và tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở đây đều có các pháp tương ứng nhau.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là ở cõi Dục, thấy Khổ mà đoạn trừ các tùy miên biến hành và các pháp mà nó tương ứng. Lúc đó thì Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, đã thấy rõ Diệt và Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Những gì là nhân chưa đoạn? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng.

Những gì là nhân đã đoạn? Nghĩa là các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp mà nó tương ứng, thì Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, thấy rõ Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là có các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp tương ứng với nó. Nếu thấy trọn vẹn đầy đủ, là đệ tử của Thế Tôn nhưng chưa lia bỏ tham ở cõi Dục và tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp tương ứng nhau.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là có các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà do đã đoạn và chưa đoạn làm nhân. Giả sử chưa đoạn làm nhân thì Thể chưa đoạn chẳng?

Hoặc là do chưa đoạn làm nhân mà Thể cũng chưa đoạn, hoặc do chưa đoạn và đã đoạn làm nhân mà Thể chưa đoạn, hoặc là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể ấy đã đoạn.

Chưa đoạn làm nhân mà Thể chưa đoạn. Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đầy đủ mọi trói buộc và các tâm bất thiện. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân mà Thể cũng chưa đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể vẫn chưa đoạn. Nghĩa là chưa lìa bỏ tham của cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, thấy rõ Tập - Diệt - Đạo và tu các pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là thấy Khổ nên đoạn trừ các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp tương ứng với nó, Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, thấy rõ Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là có các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp tương ứng với nó, Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, thấy rõ Đạo và tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có các pháp cùng tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là có các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp tương ứng với nó, dường như thấy trọn vẹn đầy đủ là đệ tử của Thế Tôn, nhưng chưa lìa bỏ tham Dục tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp cùng tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là có các tùy miên biến hành ở cõi Dục và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Còn do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó cũng đã đoạn chăng?

Nghĩa là chưa lìa bỏ tham của cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, thấy Khổ mà đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở cõi Dục, do thấy Tập mà đoạn trừ các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Có các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nếu Thể chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đúng như thế.

Giả sử do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn chăng?

Hoặc là do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà thể của nó đã đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn. Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đầy đủ mọi trói buộc, có các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn. Nghĩa là chưa lìa bỏ tham dục cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, do thấy rõ Khổ mà đoạn trừ các thứ tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở cõi Dục, do thấy Tập mà đoạn trừ các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Gọi đó là do nhân chưa đoạn và nhân đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, hoặc Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Và trừ các tùy miên đã chiêu cảm quả dị thực, các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục khác thì nếu Thể chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đúng như thế.

Giả sử do chưa đoạn làm nhân thì Thể của nó cũng chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng như thế.

Nếu các tùy miên đã chiêu cảm quả dị thực, hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân, hoặc là Thể chưa đoạn làm nhân là do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân, nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ buộc ràng và các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Nếu chưa lìa bỏ các tham dục cõi Dục thì Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, thấy rõ Tập Diệt Đạo và tu pháp đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Khi Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, do thấy Diệt và Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Khi Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, do thấy Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nếu thấy được đầy đủ trọn vẹn các đệ tử của Thế Tôn, nhưng chưa lìa bỏ các tham ở cõi Dục và tu pháp đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực, đó gọi là Thế chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Thế của nó chưa đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Nghĩa là chưa lìa bỏ tham ở cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, do thấy rõ Khổ mà đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là thấy Khổ mà đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như vậy. Khi Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, do thấy Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là thấy Khổ và Tập mà đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như vậy. Khi Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, do thấy Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đầy đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là thấy Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế, nếu thấy đầy đủ trọn vẹn Đức Thế Tôn và các đệ tử, nhưng chưa lìa bỏ các tham dục ở cõi Dục, thấy đã đoạn trừ các thứ tùy miên vốn chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì?

Nghĩa là thấy đã đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Đó gọi là Thế chưa đoạn do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Nếu do chưa đoạn làm nhân mà Thế của nó chưa đoạn chẳng?

Đúng như thế .

Các tâm thiện ở cõi Sắc, nếu Thế của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Đúng thế.

Nếu do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn chẳng?
Đúng như thế.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, nếu Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chẳng?

Hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân, hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi trói buộc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, đã lìa bỏ tham ở cõi Dục, nhưng chia lìa bỏ tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc. Đó là Thể chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn mà do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Nghĩa là chưa lìa bỏ các tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà tập trí chưa sinh, ở các cõi Sắc thấy rõ Tập - Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là ở cõi Sắc, do thấy Khổ đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Khi Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh, ở các cõi Sắc do thấy Diệt và Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là gì? Nghĩa là ở cõi Sắc, có các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó, khi diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh, thì ở các cõi Sắc do thấy Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là gì? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc, có các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó, dường như thấy vẹn toàn đầy đủ Đức Thế Tôn và đệ tử, nhưng chưa lìa bỏ các tham ở cõi Sắc và các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là có các tùy miên biến hành ở cõi Sắc và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là Thể chưa đoạn do đã đoạn

làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Giả sử do chưa đoạn làm nhân nên Thể của nó chưa đoạn chăng? Hoặc là do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là do chưa đoạn làm nhân, đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đầy đủ mọi trói buộc và tâm hữu phú vô ký thuộc các cõi Sắc, đã lìa bỏ tham thuộc cõi Dục, nhưng chưa lìa bỏ tham thuộc cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh, các tâm hỷ còn là hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đó là do chưa đoạn làm nhân nên Thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Nghĩa là chưa lìa bỏ được tham thuộc cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Sắc do thấy rõ Tập Diệt Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Tập loại trí đã sinh còn Diệt loại trí chưa sinh, ở các cõi Sắc thấy rõ Diệt và Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó, thì Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh, ở các cõi Sắc do thấy Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Nếu thấy đầy đủ trọn vẹn Đức Thế Tôn và chúng đệ tử, nhưng chưa lìa bỏ các tham ở cõi Sắc, ở các cõi Sắc mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc có các tùy miên biến

hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn. Là chưa lia bỏ được tham cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Sắc do thấy Khổ mà chưa đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Đó gọi là chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Tâm vô phú vô ký, thuộc các cõi Sắc nếu Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế.

Nếu do chưa đoạn làm nhân thì Thể của nó là chưa đoạn chăng?

Đúng thế.

Các tâm thiện ở cõi Vô sắc, nếu Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế.

Giả sử do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn chăng?

Đúng thế.

Tâm hữu phú vô ký, thuộc cõi Vô sắc nếu Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân, hoặc Thể của nó chưa đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi trói buộc và các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đã lia bỏ được tham ở cõi Dục, nhưng chưa lia bỏ tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc thì các tâm hữu phú vô ký đã lia được tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc mà còn tâm hữu phú vô ký. Đó gọi là Thể chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân.

Cái Thể chưa đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Nghĩa là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc thấy rõ Tập- Diệt- Đạo và tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương

ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Khi đó Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc thấy rõ Diệt Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Khi đó Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc do thấy Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Dường như thấy Đức Thế Tôn và các đệ tử đều đầy đủ trọn vẹn, nhưng chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Vô sắc. Ở cõi Vô sắc mà tu pháp đoạn trừ tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Đó gọi là Thế chưa đoạn do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Giả sử do chưa đoạn làm nhân thì Thế của nó cũng chưa đoạn chẳng? Hoặc do chưa đoạn làm nhân mà Thế của nó chưa đoạn chẳng? Hoặc do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thế của nó chưa đoạn, hoặc là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thế của nó đã đoạn chẳng?

Do chưa đoạn làm nhân mà Thế của nó chưa đoạn. Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi trói buộc. Ở cõi Vô sắc mà còn tâm hữu phú vô ký, đã lìa được tham cõi Dục, nhưng chưa lìa được các tham cõi Sắc. Khổ loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc còn có tâm hữu phú vô ký, đã lìa các tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc mà còn tâm hữu phú vô ký, đó gọi là do chưa đoạn làm nhân nên Thế của nó cũng chưa đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thế của nó chưa đoạn.

Nghĩa là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc thấy rõ Tập Diệt Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Khi đó Tập loại trí đã sinh còn Diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc thấy rõ Diệt Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Khi ấy Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc do thấy Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp mà nó tương ứng. Dường như thấy được Đức Thế Tôn và các đệ tử vẹn toàn đầy đủ, nhưng chưa lìa các tham ở cõi Vô sắc. Ở các cõi Vô sắc mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Đó gọi là do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Do chưa đoạn làm nhân và đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Nghĩa là Khổ loại trí đã sinh còn Tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng.

Ở các cõi Vô sắc mà có các tâm vô phú vô ký, nếu Thể của nó chưa đoạn là do chưa đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế Giả sử do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó cũng chưa đoạn chăng?

Đúng thế.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 5

Uẩn Thứ 3: NHÂN DUYÊN, Phần 2

Có mười loại tâm:

- Nghĩa là ở cõi Dục có:

1. Tâm thiện.
2. Tâm bất thiện.
3. Tâm hữu phú vô ký.
4. Tâm vô phú vô ký.

- Ở cõi Sắc có:

1. Tâm thiện.
2. Tâm hữu phú vô ký.
3. Tâm vô phú vô ký.

- Ở cõi Vô sắc có:

1. Tâm thiện.
2. Tâm hữu phú vô ký.
3. Tâm vô phú vô ký.

Các tâm thiện ở cõi Dục nếu Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chẳng?

Nếu do đã đoạn làm nhân thì Thể của nó đã đoạn chẳng? Cho đến ở cõi Vô sắc có tâm vô phú vô ký, nếu Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chẳng?

Đúng thế.

Nếu do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn chẳng?

Các tâm thiện cõi Dục, nếu Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chẳng?

Đúng thế.

Giả sử do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó thành đã đoạn chẳng?

Đúng thế.

Các tâm bất thiện, nếu Thể của nó đã đoạn thì do đã đoạn làm nhân chăng?

Hoặc là Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, hoặc là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân chăng?

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, là do chưa lìa được tham ở cõi Dục, Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Do thấy Khổ và Tập mà đoạn trừ tâm bất thiện. Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, thấy rõ Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ tâm bất thiện. Nếu thấy toàn vẹn đệ tử và Đức Thế Tôn, nhưng chưa lìa được các tham ở cõi Dục, do thấy mà đoạn trừ tâm bất thiện. Đã lìa bỏ được các tham cõi Dục, nhưng chưa lìa được các tham ở cõi Sắc, và các tâm bất thiện. Đã lìa được các tham ở cõi Sắc, nhưng chưa lìa được các tham ở cõi Vô sắc và các tâm bất thiện. Đã lìa được các tham ở cõi Vô sắc và các tâm bất thiện. Đó gọi là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân.

Nghĩa là chưa lìa được tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, do thấy Khổ mà đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục do thấy Tập mà đoạn trừ các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó là Thể đã đoạn do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân.

Nếu do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó cũng đã đoạn chăng? Hoặc là do đã đoạn làm nhân mà thể của nó đã đoạn, hoặc do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, hoặc do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn chăng?

Do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Nghĩa là do chưa lìa bỏ được các tham cõi Dục, khi Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, thấy Khổ và Tập mà đoạn các tâm bất thiện. Khi đó Tập trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, thấy Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các tâm bất thiện. Nếu thấy đệ tử tròn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ các tham ở cõi Dục thì do thấy mà đoạn trừ các tâm bất thiện, đã lìa bỏ các tham cõi Dục nhưng chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Sắc và các tâm bất thiện, đã lìa bỏ được các tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Vô sắc và các tâm bất thiện, đã lìa bỏ được các tham ở cõi Vô sắc và các tâm bất thiện... Đó gọi là do đã đoạn làm

nhân mà thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lia bỏ được các tham cõi Dục, khi Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, do thấy rõ Khổ mà đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục do thấy Tập mà đoạn trừ các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Nghĩa là chưa lia bỏ được các tham ở cõi Dục, khi ấy Khổ trí đã sinh và Tập trí chưa sinh, thấy rõ Tập- Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục do thấy Khổ mà đoạn trừ các tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Khi ấy Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, thấy rõ Tập - Diệt - Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục có các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Khi đó Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, do thấy Đạo mà tu pháp đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đầy đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục có các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Nếu thấy đệ tử tròn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lia bỏ hết các tham dục ở cõi Dục, thì do Tu mà đoạn trừ các tâm bất thiện.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục có các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, nếu Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Hoặc là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, hoặc là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, là chưa lia được các tham ở cõi Dục. Khi đó Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, nên vẫn còn tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục. Khi ấy Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh nên vẫn còn có tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nếu thấy đệ tử tròn vẹn của Đức Thế Tôn, mà họ chưa lia được các tham ở cõi Dục, thì ở cõi Dục vẫn còn tâm hữu phú vô ký. Đã lia được các tham ở cõi Dục nhưng chưa lia được các tham ở cõi Sắc, thì vẫn còn các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục.

Đã lia được các tham ở cõi Sắc nhưng chưa lia được các tham ở cõi Vô sắc, thì hãy còn các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đã lia được các tham ở cõi Vô sắc nhưng hãy còn các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Đó gọi là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân, là chưa, lia được các tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, nên hãy còn các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, và do thấy Khổ mà đoạn trừ.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Dục thấy Tập nên đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là Thể đã đoạn do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Nếu do đã đoạn làm nhân thì Thể của nó là đã đoạn chăng?

Đúng thế.

Tâm vô phú vô ký, ở các cõi Dục nếu Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế.

Nếu do đã đoạn làm nhân thì Thể của nó cũng đã đoạn chăng?

Nghĩa là trừ các thứ tùy miên đã chiêu cảm quả dị thực, còn các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục khác, thì do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó cũng đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng thế.

Các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực, hoặc do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn, hoặc do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó là chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, là lia được tham cõi Dục, nhưng chưa lia được tham cõi Sắc, và có các tùy miên đã chiêu

cảm các tâm dị thực.

Đã lìa được tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa được tham ở cõi Vô sắc, thì vẫn còn các thứ tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Đã lìa được tham của cõi Vô sắc, nhưng vẫn còn có các thứ tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa được tham ở cõi Dục, khi Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, do thấy Khổ mà đoạn trừ các thứ tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đầy đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là do thấy Khổ mà đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế, Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ các tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là thấy rõ Khổ - Tập mà đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế, Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, thấy rõ Khổ-Tập -Diệt mà đoạn trừ các thứ tùy miên, đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng. Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là thấy rõ Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế.

Nếu thấy đệ tử tròn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa được các tham cõi Dục, thì họ thấy mà đoạn trừ các thứ tùy miên đã chiêu cảm các tâm dị thực.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là thấy rõ chỗ đoạn trừ các tùy miên, có thể chiêu cảm các tâm dị thực như thế. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm thiện ở cõi Sắc, nếu Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế.

Giả sử do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn chăng?

Đúng thế.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nếu Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Hoặc là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, hoặc là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, là chưa lìa được tham ở cõi Sắc, Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Ở các cõi Sắc thấy rõ Khổ Tập mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Ở các cõi Sắc thấy rõ Khổ Tập Diệt mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Hoặc thấy đệ tử tròn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa được các tham cõi Sắc, thì ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Đã lìa được tham cõi Sắc nhưng chưa lìa được tham ở cõi Vô sắc, thì vẫn còn tâm hữu phú vô ký thuộc các cõi Sắc. Đã lìa được các tham ở cõi Vô sắc, thì vẫn còn tâm hữu phú vô ký thuộc các cõi Sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân, là chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Sắc do thấy rõ Khổ mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc thấy Tập mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Hỏi: Giả sử do đã đoạn làm nhân thì Thể là đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn, hoặc do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà thể của nó là đã đoạn, hoặc do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa bỏ các tham cõi Sắc, Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do thấy rõ Khổ Tập mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc thấy rõ Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Hoặc thấy đệ tử vẹn toàn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa được các tham ở cõi Sắc, thì ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Đã lìa các tham cõi Sắc nhưng chưa lìa được các tham ở cõi Vô sắc, vẫn còn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Đã lìa được các tham cõi

Vô sắc, thì vẫn còn tâm hữu phú vô ký thuộc các cõi Sắc. Đó là do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa bỏ được tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc thấy Khổ mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp nó tương ứng. Đó là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà thể đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa được các tham cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Ở cõi Sắc thấy rõ Tập- Diệt- Đạo và do Tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Tập loại trí đã sinh và Diệt loại trí chưa sinh, ở các cõi Sắc thấy rõ Diệt- Đạo và do Tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là có các thứ tùy miên biến hành ở cõi Sắc và các pháp nó tương ứng. Diệt loại trí đã sinh và Đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Sắc do thấy Đạo và tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là có các thứ tùy miên biến hành ở cõi Sắc và các pháp nó tương ứng. Hoặc thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được các tham cõi Sắc. Ở cõi Sắc mà tu pháp đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là có các thứ tùy miên biến hành ở cõi Sắc và các pháp nó tương ứng. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó là chưa đoạn.

Có các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nếu Thể của nó đã đoạn

là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế.

Nếu do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn chăng

Đúng thế.

Có các tâm thiện ở cõi Vô sắc, hoặc Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng Đúng thế.

Nếu do đã đoạn làm nhân thì Thể của nó đã đoạn chăng?

Đúng thế.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nếu Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Hoặc là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân, hoặc là Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Thể của nó là đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Nghĩa là Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh, ở các cõi Vô sắc thấy rõ Khổ - Tập mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc thấy rõ Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các tâm vô phú vô ký. Hoặc thấy đệ tử toàn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được các tham cõi Vô sắc, thì ở cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Đã lìa bỏ được các tham cõi Vô sắc nhưng vẫn còn tâm hữu phú vô ký thuộc các cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn là do đã đoạn làm nhân.

Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh, ở các cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là Thể đã đoạn do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân.

Nếu do đã đoạn làm nhân thì Thể của nó đã đoạn chăng?

Hoặc do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, hoặc do đã đoạn làm nhân và do chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn, hoặc là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn.

Do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, là Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc thấy rõ Khổ - Tập mà đoạn trừ tâm hữu phú vô ký.

Khi ấy Diệt loại trí đã sinh và Đạo loại trí chưa sinh, ở các cõi Vô sắc thấy rõ Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký. Hoặc thấy đệ tử vẹn toàn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được các tham cõi Sắc, thì ở cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Đã lìa bỏ được các tham cõi Vô sắc, vẫn còn các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc thấy Tập mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó là đã đoạn.

Do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh còn Tập loại trí chưa sinh, ở cõi Vô sắc thấy rõ Tập - Diệt - Đạo và do Tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là không có các pháp tương ứng nào cả.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng. Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc thấy rõ Diệt - Đạo do Tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các thứ tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Diệt loại trí đã sinh và Đạo loại trí chưa sinh. Ở các cõi Vô sắc thấy Đạo do Tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là ở cõi Vô sắc có các tùy miên biến hành và các pháp tương ứng với nó. Nếu thấy đệ tử vẹn toàn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Vô sắc, thì ở các cõi Vô sắc do Tu mà đoạn trừ các tâm hữu phú vô ký.

Nhân chưa đoạn là sao? Nghĩa là ở đây đều có đủ các pháp tương ứng.

Nhân đã đoạn là sao? Nghĩa là các thứ tùy miên biến hành ở cõi Vô sắc và các pháp tương ứng với nó. Đó gọi là do đã đoạn làm nhân và chưa đoạn làm nhân mà Thể của nó là chưa đoạn.

Các tâm vô phú vô ký thuộc các cõi Vô sắc, nếu Thể của nó đã đoạn là do đã đoạn làm nhân chăng?

Đúng thế.

Nếu do đã đoạn làm nhân thì Thể của nó là đã đoạn chăng?

Đúng như thế.

Có mười lăm thứ tâm: Nghĩa là ở cõi Dục có năm tâm, cõi Sắc có năm tâm và cõi Vô sắc có năm tâm. Như thế là có mười lăm tâm, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai hoặc hiện tại.

Thế nào là cõi Dục có năm tâm?

Nghĩa là ở cõi Dục do tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, do tâm thấy Tập- Diệt- Đạo và do Tu mà đoạn trừ.

Như ở cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc cũng như thế.

Ở cõi Dục quá khứ do tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, có các thứ tùy miên đối với tâm này, nếu có chỗ tùy tăng thì cũng làm nhân chăng?

Giả như đã làm nhân thì cũng có tùy tăng chăng? Cho đến ở cõi Vô sắc vào quá khứ do Tu mà đoạn trừ tâm, có các thứ tùy miên đối với tâm này, nếu có chỗ tùy tăng thì cũng làm nhân chăng? Giả sử làm nhân mà cũng là tùy tăng chăng?

Vào quá khứ, ở cõi Dục thấy Khổ mà đoạn trừ tâm, có các thứ tùy miên, đối với tâm này hoặc vừa là tùy tăng mà cũng làm nhân chăng? Hoặc là có thể làm nhân nhưng không phải tùy tăng, hoặc là tùy tăng nhưng không thể làm nhân, hoặc là có thể làm nhân mà cũng là tùy tăng, hoặc là không thể làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng?

Vả như có thể làm nhân mà lại không phải là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này, có đồng loại biến hành, tức là các thứ tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt và các thứ tùy miên tương ứng này đã dứt.

Đó là sự tùy tăng nhưng không có thể làm nhân, là các thứ tùy miên ở sau tâm này, có đồng loại biến hành, tức là các thứ tùy miên đó duyên vào đây mà chưa dứt.

Cũng có thể làm nhân mà cũng là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở trước tâm này đồng loại với biến hành, tức là những tùy miên đó còn duyên vào đây chưa dứt và các thứ tương ứng với tùy miên này

cũng chưa dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là những tùy miên đó hoặc không duyên vào đây, hoặc nếu có duyên thì đã dứt rồi, hoặc duyên nơi khác, hoặc khác tùy miên, hoặc không đồng loại với tùy miên biến hành.

Cũng như thấy Khổ mà đoạn trừ tâm ở cõi Dục quá khứ, thấy Khổ mà đoạn trừ tâm ở cõi Dục vào vị lai cũng vậy.

Còn đối với hiện tại, ở cõi Dục thấy Khổ mà đoạn trừ tâm, thì có các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc là sự tùy tăng mà cũng làm nhân chăng?

Hoặc nó có thể làm nhân mà không phải là tùy tăng, hoặc là tùy tăng mà không có thể làm nhân, hoặc là có thể làm nhân mà cũng là tùy tăng, hoặc là không có thể làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng.

Vả lại như có thể làm nhân mà không phải là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở trước tâm này, đồng loại với biến hành, tức là những tùy miên đó hoặc không duyên vào đây hoặc có duyên mà đã dứt.

Là sự tùy tăng mà không thể làm nhân, tức là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là các tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt.

Cũng có thể làm nhân mà cũng là tùy tăng, tức là các thứ tùy miên ở trước tâm này đồng loại với biến hành, tức là những tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt và các thứ tùy miên tương ứng này chưa dứt

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc khác tùy miên, hoặc là tùy miên không đồng loại với biến hành.

Cũng như thấy Khổ mà đoạn trừ tâm, thì thấy Tập - Diệt - Đạo và tu pháp mà đoạn trừ tâm ô nhiễm cũng vậy.

Đối với quá khứ, ở cõi Dục mà tu pháp đoạn trừ tâm không ô nhiễm, có các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc là sự tùy tăng mà cũng làm nhân chăng?

Nghĩa là trừ các thứ tùy miên đã chiêu cảm quả dị thực, còn lại các thứ tu pháp mà đoạn trừ tâm không ô nhiễm ở cõi Dục vào quá khứ, có những thứ tùy miên đối với tâm này hoặc là tùy tăng thì không làm nhân.

Hoặc đối với tâm này cũng có thể làm nhân tức là không phải là

tùy miên cũng không phải là tùy tăng.

Còn đối với các thứ tùy miên đã chiêu cảm tâm dị thực thì hoặc là có thể làm nhân mà không phải là tùy tăng, hoặc là tùy tăng mà không thể làm nhân, hoặc là có thể làm nhân mà cũng là tùy tăng, hoặc là không thể làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng.

Vả như có thể làm nhân mà không phải là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên làm nhân, có thể chiêu cảm tâm dị thực này, tức các tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt.

Là sự tùy tăng mà không phải làm nhân, là các tùy miên không làm nhân chiêu cảm tâm dị thực này, tức là các tùy miên đã duyên vào đây chưa dứt.

Cũng có thể làm nhân mà cũng là sự tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm tâm dị thực này, tức là các tùy miên đó vẫn còn duyên vào đây chưa dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng. Nghĩa là các thứ tùy miên không làm nhân chiêu cảm tâm dị thực này. Tức là các tùy miên đó hoặc không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc khác tùy miên, hoặc là tùy miên không đồng loại với biến hành.

Cũng như quá khứ, các thứ thuộc vị lai- hiện tại cũng y như thế.

Cũng như cõi Dục, các cõi Sắc và Vô sắc cũng giống như vậy. Ở đây có điều khác nhau là tâm ở cõi Sắc và tâm ở cõi Vô sắc thì không nên nói là có tùy miên dị thực.

- Có mười lăm thứ tâm: Tức là ở Dục giới có năm tâm, Sắc giới có năm tâm và ở Vô sắc giới có năm tâm. Như thế là mười lăm tâm, hoặc ở quá khứ, hoặc vị lai hay hiện tại.

Thế nào là cõi Dục có năm tâm?

Nghĩa là ở cõi Dục do tâm thấy Khổ mà đoạn, tâm thấy Tập - Diệt - Đạo và tu mà đoạn.

Cũng như ở cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc cũng vậy. Đối với cõi Dục ở quá khứ, do tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, có các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không làm nhân chẳng? Hoặc không thể làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng chẳng?

Cho đến đối với cõi Vô sắc ở hiện tại mà tu pháp đoạn trừ tâm, chỉ có các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng cũng không làm nhân chẳng? Hoặc không làm nhân mà cũng không phải là tùy tăng chẳng?

Đối với cõi Dục ở quá khứ do tâm thấy Khổ mà đoạn, có các thứ

tùy miên đối với tâm này hoặc không phải tùy tăng mà cũng không làm nhân chẳng? Hoặc không làm nhân mà đều là tùy tăng, hoặc không là tùy tăng mà đều làm nhân, hoặc không làm nhân cũng không phải là tùy tăng, hoặc đều làm nhân và đều là tùy tăng.

Nếu không làm nhân mà đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó vẫn còn duyên vào đây chưa dứt

Không phải là tùy tăng mà đều làm nhân, tức là các thứ tùy miên ở trước tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó hoặc không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt và các thứ tùy miên tương ứng này cũng đã dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc khác tùy miên, hoặc là tùy miên không đồng loại với biến hành.

Đều làm nhân và đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này đồng loại với biến hành, tức là các tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt và các thứ tùy miên tương ứng này chưa dứt.

Cũng như ở cõi Dục quá khứ do tâm thấy Khổ mà đoạn, thì vị lai cũng vậy.

Đối với cõi Dục thời hiện tại do tâm thấy Khổ mà đoạn, có các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không thể làm nhân chẳng? Hoặc không làm nhân mà đều là tùy tăng, hoặc không phải tùy tăng mà đều làm nhân, hoặc không làm nhân cũng không phải tùy tăng, hoặc đều làm nhân và đều là tùy tăng chẳng?

Vả như không làm nhân mà đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt.

Không phải là tùy tăng mà đều làm nhân, là các thứ tùy miên ở trước tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó hoặc không duyên vào đây, hoặc có duyên nhưng đã dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở sau tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên này hoặc không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc khác tùy miên, hoặc là tùy miên không đồng loại với biến hành.

Đều làm nhân cũng đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên ở trước tâm này đồng loại với biến hành, tức là các thứ tùy miên đó hoặc duyên

vào đây chưa dứt và các thứ tùy miên tương ứng này chưa dứt.

Như thấy Khổ mà đoạn tâm, thấy Tập-Diệt-Đạo và do Tu mà đoạn tâm ô nhiễm cũng vậy.

Đối với cõi Dục ở quá khứ do Tu mà đoạn trừ tâm không ô nhiễm, có các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không làm nhân chẳng?

Nghĩa là trừ ra các thứ tùy miên đã chiêu cảm đến quả dị thực, đối với các cõi Dục khác do Tu mà đoạn trừ tâm không ô nhiễm, các thứ tùy miên đối với tâm này hoặc không phải tùy tăng mà cũng không làm nhân. Hoặc không làm nhân nhưng đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt, hoặc các thứ tùy miên đó đã chiêu cảm đến quả dị thực.

Hoặc không làm nhân mà đều là tùy tăng, hoặc không phải tùy tăng mà đều làm nhân, hoặc không làm nhân cũng không phải tùy tăng, hoặc đều làm nhân và đều là tùy tăng.

Không thể làm nhân mà đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên không làm nhân chiêu cảm cái tâm dị thực này, tức là các thứ tùy miên đó còn duyên vào đây chưa dứt

Không phải là tùy tăng mà đều làm nhân, là các thứ tùy miên làm nhân có thể chiêu cảm tâm dị thực này. Tức là các thứ tùy miên đó hoặc là không duyên vào đây, hoặc có duyên mà đã dứt.

Không thể làm nhân cũng không phải tùy tăng, là các thứ tùy miên không làm nhân chiêu cảm tâm dị thực này. Tức là các tùy miên đó hoặc không duyên vào đây, hoặc có duyên nhưng đã dứt, hoặc duyên nơi khác, hoặc khác tùy miên, hoặc là tùy miên không đồng loại với biến hành.

Đều làm nhân và đều là tùy tăng, là các thứ tùy miên có thể làm nhân chiêu cảm tâm dị thực này, tức là các tùy miên đó duyên vào đây chưa dứt.

Cũng như cõi Dục ở quá khứ do Tu mà đoạn trừ tâm không ô nhiễm, vị lai và hiện tại cũng thế.

Cũng như tâm ở cõi Dục, các tâm ở cõi Sắc và Vô sắc cũng thế. Trong này có điều sai khác là tâm ở cõi Sắc và ở cõi Vô sắc thì không nên nói là có tùy miên dị thực.

- Có sáu thức thân: Đó là các thức: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu thức như thế hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc hữu phú vô ký, hoặc vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện thì có kiết, có phược, có tùy miên và tùy

phiền não triền triền (sự ràng buộc của tùy phiền não triền). Như thế thì có bao nhiêu thứ đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, có bao nhiêu thứ đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân?

Đối với nhãn thức bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký triền thì có các thứ kiết, phược, tùy miên và tùy phiền não triền triền. Trong đó có bao nhiêu thứ đáng gọi là nhân, đáng gọi là duyên và có bao nhiêu thứ đáng gọi là duyên mà không nên gọi là nhân?

Cũng như nhãn thức, thì các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vậy.

Đối với nhãn thức thiện, tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền đều đáng nói là duyên mà không nói là nhân.

Đối với nhãn thức bất thiện thì có: bảy kiết, bảy phược, mười lăm tùy miên và hai mươi tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác thì đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký thì có sáu kiết, sáu phược, mười bốn tùy miên và mười sáu tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký thì trừ các tùy miên dị thực ra, đối với các nhãn thức vô phú vô ký khác thì tất cả các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực thì có bảy kiết, bảy phược, ba mươi bốn tùy miên, ba mươi chín tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Có phải một lòng chãng?

Không phải vậy.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực, thấy Khổ mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bảy tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác chỉ đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Cũng như nhãn thức tùy miên dị thực, thấy Khổ mà đoạn các thứ tà kiến, thì các nhãn thức tùy miên dị thực về kiến thủ, giới cấm thủ, về nghi, tham, giận dữ, kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực thấy Khổ mà đoạn trừ không đi với vô minh, thì có một kiết, một phược, một tùy miên và sáu tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ

khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Tập mà đoạn các tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bảy tùy phiền não triền triền đáng gọi là nhân, đáng gọi là duyên. Còn tất cả các thứ khác đều đáng gọi là duyên mà không đáng gọi là nhân.

Cũng giống như nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Tập mà đoạn các tà kiến, thì các nhãn thức tùy miên dị thực về kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Tập mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và sáu tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Diệt mà đoạn các tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bảy tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Cũng giống như nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Diệt mà đoạn các tà kiến, thì các nhãn thức tùy miên dị thực về kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Diệt mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và sáu tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Đạo mà đoạn trừ các tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bảy tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác thì đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Cũng giống như nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Đạo mà đoạn trừ các tà kiến, thì các nhãn thức tùy miên dị thực về kiến thủ, giới cấm thủ, về nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Đạo mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và sáu tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với nhãn thức tùy miên dị thực do thấy Tu mà đoạn trừ tham lam thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bảy tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác thì đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Cũng như nhân thức tùy miên dị thực do Tu mà đoạn trừ tham lam, thì các nhân thức tùy miên dị thực về giận dữ, kiêu mạn cũng thế.

Đối với nhân thức tùy miên dị thực do Tu mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và sáu tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác thì đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Cũng như nhân thức, các thức khác như nhĩ, tử, thiệt, thân, ý... cũng như thế. Trong này có sự sai khác là đối với tử thức và thiệt thức, thì không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức bất thiện thì tất cả các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện thì có bảy kiết, bảy phược, ba mươi sáu tùy miên và bốn mươi một tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác thì đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Tất cả là một lòng chẳng?

Không phải vậy.

Đối với ý thức bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ thì có bảy kiết, bảy phược, mười bốn tùy miên và mười chín tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên. Còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ thì có bảy kiết, bảy phược, mười bốn tùy miên và mười chín tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do thấy Diệt mà đoạn trừ thì có bảy kiết, bảy phược, mười tám tùy miên và hai mươi ba tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác thì đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do thấy Đạo mà đoạn trừ thì có bảy kiết, bảy phược, mười chín tùy miên và hai mươi bốn tùy phiền não triền triền đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức bất thiện do Tu mà đoạn trừ thì có bảy kiết, bảy phược, mười lăm tùy miên và hai mươi tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác thì đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thì có bảy kiết, bảy phược, bảy mươi

sáu tùy miên và tám mươi một tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Có phải là một lòng chẳng?

Không đúng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký ở cõi Dục thì có bảy kiết, bảy phược, mười bốn tùy miên, mười chín tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ thì có sáu kiết, sáu phược, mười ba tùy miên và mười lăm tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ thì có sáu kiết, sáu phược, mười ba tùy miên và mười lăm tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ thì có sáu kiết, sáu phược, mười bảy tùy miên và mười chín tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ thì có sáu kiết, sáu phược, mười tám tùy miên và hai mươi tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc do Tu mà đoạn trừ thì có sáu kiết, sáu phược, mười bốn tùy miên, mười sáu tùy phiền não triền triền, đáng nói là nhân, đáng nói là duyên, còn tất cả các thứ khác đều chỉ đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

Đối với ý thức vô phú vô ký thì tất cả kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền đều đáng nói là duyên mà không nên nói là nhân.

- Có sáu thức thân: Tức là gồm các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu thức của thân như thế hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc hữu phú vô ký và vô phú vô ký.

Đối với nhãn thức thiện có các kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền, thì đáng nói cùng tương ứng với bao nhiêu thứ và không tương ứng với bao nhiêu thứ?

Còn đối với nhãn thức bất thiện và hữu phú vô ký, vô phú vô ký có bao nhiêu kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền thì đáng nói có bao nhiêu thứ cùng tương ứng và có bao nhiêu thứ không tương ứng?

Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng như vậy.

Đối với nhãn thức thiện thì tất cả các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền nên nói là đều không tương ứng. Còn đối với nhãn thức bất thiện thì có ba kiết, ba phược, ba tùy miên và bảy tùy phiền não triền triền, đáng nói là tương ứng.

Có phải một lòng chẳng?

Không phải vậy.

Đối với nhãn thức bất thiện tương ứng với tham thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và sáu tùy phiền não triền triền, đáng nói là tương ứng.

Cũng như tham tương ứng với nhãn thức bất thiện, thì sân giận tương ứng với nhãn thức bất thiện cũng như thế.

Đối với nhãn thức hữu phú vô ký thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bốn tùy phiền não triền triền, đáng nói là tương ứng.

Đối với nhãn thức vô phú vô ký thì tất cả các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền đều đáng nói là không tương ứng.

Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý cũng như thế. Trong này có điều sai khác là đối với tỷ thức và thiệt thức thì không nên nói là có hữu phú vô ký.

Đối với ý thức thiện thì tất cả các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triền triền, đáng nói là đều không tương ứng với nó.

Còn đối với ý thức bất thiện thì có bảy kiết, bảy phược, ba mươi bốn tùy miên, ba mươi chín tùy phiền não triền triền, đáng nói là tương ứng.

Có phải là một lòng chẳng?

Không phải vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Khổ mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên; nếu ở phần vị đã giác ngộ phần nào thì có sáu tùy phiền não triền triền đáng nói là tương ứng. Còn ở phần vị thù miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Cũng như đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Khổ mà đoạn trừ tà kiến, thì các thứ ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên về kiến thủ, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Khổ mà

đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên; nếu ở phần vị giác ngộ thì có năm tùy phiền não triền triền đáng nói là tương ứng, nếu ở phần vị còn thùy miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Tập mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên; nếu ở phần vị giác ngộ thì có sáu tùy phiền não triền triền đáng nói là tương ứng. Nếu ở phần vị còn thùy miên thì có thêm tùy miên thứ.

Cũng như ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Tập mà đoạn trừ tà kiến, thì đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên về kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng như vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Tập mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên; nếu ở phần vị giác ngộ thì có năm tùy phiền não triền triền đáng nói là tương ứng, nếu ở phần vị thùy miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Diệt mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có sáu tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng, còn ở phần vị còn thùy miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Cũng như ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Diệt mà đoạn trừ tà kiến, thì ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên về kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn cũng vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Diệt mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có năm tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng, nếu ở phần vị còn thùy miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Đạo mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có sáu tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng, còn ở phần vị còn thùy miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Cũng như ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Đạo mà đoạn trừ tà kiến, các ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên về kiến thủ, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham lam, giận dữ, kiêu mạn... cũng thế.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do thấy Đạo mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có năm tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng, nếu ở phần vị thùy miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do Tu mà đoạn trừ thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có

sáu tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng. Nếu ở phần vị còn tùy miên thì có thêm tùy miên thứ bảy.

Cũng như ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do Tu mà đoạn trừ, thì các ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên về giận hờn, kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với ý thức bất thiện tương ứng với tùy miên do Tu mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có năm tùy phiền não triền, đáng nói là tương ứng, nếu ở phần vị còn tùy miên thì có thêm tùy miên thứ sáu.

Đối với ý thức hữu phú vô ký thì có sáu kiết, sáu phược, 65 tùy miên, 68 tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng.

Có phải một lòng chẳng?

Không phải vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tát-ca-da tà kiến ở cõi Dục thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên. Nếu ở phần vị giác ngộ thì có bốn tùy phiền não triền, đáng nói là tương ứng. Nếu ở phần vị còn tùy miên thì có thêm tùy miên thứ năm.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tát-ca-da tà kiến ở cõi Dục, các ý thức hữu phú vô ký tương ứng với biên chấp kiến cũng vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, tát-ca-da tà kiến ở cõi Sắc thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên, bốn tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, tát-ca-da tà kiến ở cõi Sắc ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên về biên chấp kiến, do thấy Khổ mà đoạn trừ tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham lam, kiêu mạn... cũng như thế.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và ba tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bốn tùy phiền não triền đáng nói là tương ứng.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ tà kiến thì ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên về kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, kiêu mạn... cũng thế.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược,

một tùy miên và ba tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bốn tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, ở cõi Sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ tà kiến thì ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên về kiến thủ, nghi ngờ, tham lam, kiêu mạn... cũng như thế.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và ba tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ tà kiến thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bốn tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, ở cõi Sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ tà kiến thì ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên về kiến thủ, giới cấm thủ, nghi ngờ, tham lam, kiêu mạn... cũng như thế.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và ba tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Đối với ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Sắc do thấy do Tu mà đoạn trừ tham thì có hai kiết, hai phược, hai tùy miên và bốn tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên ở cõi Vô sắc do Tu mà đoạn trừ tham thì các ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên về kiêu mạn... cũng vậy.

Đối với ý thức hữu phú vô ký ở cõi Sắc do Tu mà đoạn trừ không đi với vô minh thì có một kiết, một phược, một tùy miên và ba tùy phiền não triển đáng nói là tương ứng.

Cũng như ý thức hữu phú vô ký tương ứng với tùy miên, ở cõi Sắc thì các ý thức hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc cũng như thế.

Còn đối với các ý thức vô phú vô ký thì tất cả các thứ kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não triển, nên nói đều không tương ứng.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 6

Uẩn Thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, Phần 1

Tụng Ốt-đà-nam:

*Hỏi quá khứ cùng hỏi các thiện,
Hỏi biết xanh, hai, bốn thứ tâm,
Hỏi mười hai tâm, có hai thứ,
Hỏi mười lăm tâm, có năm thứ.*

- Có sáu thức thân: Đó là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Sáu thức như thế hoặc ở quá khứ-vị lai hay hiện tại. Như nhãn thức ở quá khứ có thứ chỉ duyên với quá khứ mà không duyên với vị lai hay hiện tại. Có thứ chỉ duyên với vị lai mà không duyên với quá khứ hay hiện tại. Có thứ chỉ duyên với hiện tại mà không duyên với quá khứ và vị lai. Có thứ thì duyên với quá khứ và hiện tại mà không phải vị lai. Có thứ chỉ duyên với vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ. Có thứ chỉ duyên với quá khứ- vị lai mà không phải là hiện tại. Có thứ thì duyên với cả quá khứ-vị lai và hiện tại.

Cũng như nhãn thức ở quá khứ, các nhãn thức ở vị lai và hiện tại cũng thế. Và cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý cũng như thế.

Tất cả nhãn thức ở quá khứ đều duyên với quá khứ còn những thứ khác thì không thể được. Nhãn thức vị lai, hoặc duyên với quá khứ, hoặc duyên với vị lai, hoặc duyên với hiện tại. Tất cả nhãn thức ở hiện tại đều duyên với hiện tại và các thứ khác thì không thể được.

Cũng như nhãn thức, các thức nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng thế.

Các ý thức ở quá khứ- vị lai- hiện tại, đều đáng nói là nó duyên với tất cả các pháp.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu thức đó hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Như nhãn thức thiện thì chỉ duyên với thiện chứ không phải là bất

thiện và vô ký chẳng? Có khi chỉ duyên với bất thiện mà không phải với thiện và vô ký, có khi chỉ duyên với vô ký mà không phải với thiện và bất thiện, có khi chỉ duyên với thiện và bất thiện mà không phải với vô ký, có khi chỉ duyên với thiện và vô ký mà không phải với bất thiện, có khi chỉ duyên với bất thiện và vô ký mà không phải với thiện, có khi thì duyên cả với thiện-bất thiện và vô ký.

Cũng như nhãn thức thiện, nhãn thức bất thiện và vô ký cũng như thế. Và cũng như nhãn thức, các thức khác như nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng thế.

Nhãn thức thiện hoặc duyên với thiện, hoặc duyên với bất thiện, hoặc duyên với vô ký. Nhãn thức bất thiện hoặc duyên với thiện, hoặc duyên với bất thiện, hoặc duyên với vô ký. Nhãn thức vô ký hoặc duyên với thiện, hoặc duyên với bất thiện, hoặc duyên với vô ký.

Cũng như nhãn thức, nhĩ thức và ý thức cũng thế, còn ba thức kia (tỷ, thiệt, thân) thì hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Tất cả nên nói là chỉ duyên với vô ký.

- Có sáu thức thân: Tức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Nhãn thức chỉ có thể phân biệt hiểu rõ màu xanh, mà không thể hiểu rõ đây là màu xanh gì. Còn ý thức cũng có thể phân biệt hiểu rõ màu xanh, ngay cả khi chưa hiểu rõ đến tên của nó thì không thể phân biệt hiểu rõ đây là màu xanh gì. Nếu khi biết rõ cái tên gọi của nó thì lúc đó sẽ biết rõ về màu xanh, cũng biết rõ đó là màu xanh gì. Cũng như màu xanh, các màu vàng, đỏ, trắng v.v... cũng như thế.

Nhĩ thức chỉ có thể biết rõ về tiếng mà không thể phân biệt rõ đây là tiếng gì? Còn ý thức cũng có thể biết về tiếng, thậm chí khi chưa biết rõ tên gọi của nó thì không thể biết rõ đây là tiếng gì. Nếu biết rõ tên gọi của nó thì lúc đó cũng biết rõ về tiếng đó, cũng như biết rõ đây là tiếng gì.

Tỷ thức chỉ có thể biết rõ về mùi hương, nhưng không thể biết rõ đó là mùi hương gì. Ý thức cũng có thể biết rõ về mùi hương, ngay cả khi chưa biết được tên gọi của nó thì cũng không biết rõ nó là mùi hương gì. Nếu khi biết rõ tên gọi của nó, thì lúc đó sẽ biết rõ đây là mùi hương gì, cũng biết rõ đó là mùi hương gì.

Thiệt thức chỉ có thể biết rõ về vị mà không biết rõ đó là vị gì. Ý thức cũng biết rõ về vị, ngay cả khi chưa biết rõ cái tên gọi của nó thì cũng không biết rõ đó là vị gì. Nếu đã biết rõ tên gọi của nó thì lúc đó sẽ biết rõ mùi vị và cũng biết rõ đó là mùi vị gì.

Thân thức chỉ có thể biết rõ về đụng chạm, xúc giác mà không

biết rõ chạm cái gì. Ý thức cũng biết rõ sự đụng chạm. Nếu khi chưa biết được tên gọi của nó thì cũng không biết rõ đó là chạm vào cái gì. Nhưng khi đã biết rõ tên gọi của nó thì lúc đó sẽ biết rõ về đụng chạm và cũng biết rõ là đụng chạm vào cái gì.

Ý thức cũng có thể phân biệt hiểu rõ các pháp, nghĩa là hoặc chấp đó là ta, hoặc chấp đó là cái của ta (ngã sở), hoặc chấp là đoạn, hoặc chấp là thường. Hoặc bác bỏ là không có nhân, hay bài bác là vô tác (không tạo tác làm ra), hoặc lại cho là hư mất, hoặc chấp rằng mình là cao quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng, hoặc chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm là hay nghi ngờ, là do dự, chưa tin chắc, là tham lam - giận dữ, là kiêu mạn- ngu si, là thô bạo- khỗ sở, hoặc là chướng ngại, hoặc nhiệm mầu xuất ly. Hoặc coi đó như bệnh, như ung nhọt - ghẻ lở, như tên độc, như não hại buồn khổ. Hoặc đó là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì bảo là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc đối với diệt thì gọi là diệt, là yên tĩnh, là nhiệm mầu, là ly (lìa bỏ). Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là có nhân - có khởi, hoặc có chỗ đó, hoặc có việc ấy, hoặc hiểu rõ những điều đúng lý đã dẫn ra, hoặc hiểu rõ những điều không đúng lý đã dẫn ra, hoặc hiểu rõ những điều chẳng bao giờ gọi là không đúng lý đã dẫn ra.

- Có bốn loại tâm: Tức là tâm thuộc cõi Dục, tâm thuộc cõi Sắc, tâm thuộc cõi Vô sắc và tâm không thuộc vào đâu.

Tâm thuộc cõi Dục khả năng biết rõ ràng các pháp cõi Dục chẳng?

Có khả năng biết rõ ràng các pháp cõi Sắc chẳng?

Có khả năng biết rõ ràng các pháp cõi Vô sắc chẳng?

Có khả năng biết rõ ràng các pháp không lệ thuộc vào đâu chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Sắc chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Vô sắc chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và không liên hệ vào cõi nào chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và không lệ thuộc cõi nào chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp cõi Vô sắc và không lệ thuộc cõi nào chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Sắc, Vô sắc chẳng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Sắc và không lệ thuộc cõi nào chăng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Vô sắc và không lệ thuộc cõi nào chăng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc và không lệ thuộc cõi nào chăng?

Có khả năng hiểu rõ các pháp cõi Dục, Sắc, Vô sắc và không lệ thuộc cõi nào chăng?

Như tâm thuộc cõi Dục, cho đến tâm không lệ thuộc vào cõi nào thì cũng như vậy.

Tâm thuộc cõi Dục có khả năng hiểu rõ các pháp cõi Dục chăng?

Có khả năng hiểu rõ, nên hoặc chấp là ta (ngã), là cái của ta, hoặc chấp là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có nhân, hoặc là không tạo tác, hoặc lại bị hư mất, hoặc chấp cho rằng mình là cao quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ và do dự, hoặc vô trí, ngu đần, tối tăm, ngu si, thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là nhiệm mầu, tĩnh lặng, lia xa... Hoặc coi đó như bệnh ung nhọt, như tên độc, như não hại buồn khổ. Hoặc đó là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đối với nhân thì bảo là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, hoặc có việc đó, hoặc hiểu rõ chỗ, điều dẫn giải đúng lý, hoặc không đúng lý, hoặc không bao giờ là không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ pháp thuộc về cõi Sắc chăng?

Có khả năng hiểu rõ, nghĩa là hoặc bác bỏ không có nhân, hoặc bác bỏ không có tạo tác, hoặc lại hư hoại, hoặc chấp là tôn quý, hoặc chấp là hơn hẳn, hoặc chấp là cao hơn, hoặc chấp là bậc nhất. Hoặc chấp là thanh tịnh, hoặc chấp là giải thoát, hoặc chấp là xuất ly. Hoặc mê mờ nghi ngờ, hoặc do dự vô trí, hoặc tối tăm ngu si, hoặc thô lỗ-khổ sở-chướng ngại, hoặc thanh tịnh-vi diệu-xuất lý. Hoặc như bệnh hoạn-như ung nhọt, hoặc như tên độc-não hại sâu thẳm. Hoặc là vô thường-khổ-không-vô ngã. Hoặc đối với nhân thì nói là nhân-là tập-là sanh-là duyên, hoặc là có nhân-có dấy khởi, hoặc có nơi này, hoặc có việc này, hoặc như lý đã dẫn ra rõ ràng, hoặc không như lý đã dẫn ra rõ ràng.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ, tức là hoặc bác bỏ không có nhân, bài bác không có tạo tác, hoặc lại bị hư mất, hoặc chấp cho rằng mình là cao quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho mình là

thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các pháp như mê lầm, nghi ngờ, do dự, không tin chắc, vô trí, tối tăm, ngu si, thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc tĩnh lặng, nhiệm mầu, lìa xa. Hoặc xem như các loại bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, thô bạo, khổ sở. Hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên, hoặc có nguyên nhân, có sinh khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc rõ các điều dẫn giải đúng lý, hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp không lệ thuộc vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ, tức là các pháp như đối với diệt thì gọi là diệt, là tĩnh lặng, là nhiệm mầu, là lìa xa; đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là tổn giảm về diệt, hoặc tổn giảm về đạo, hoặc do dự về hiểu biết, hoang mang, ngu si, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý, hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Sắc chăng?

Hiểu rất rõ. Đó là các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các loại bệnh hoạn, ghẻ nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ; hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều đã đúng lý dẫn giải.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ, tức là các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các loại bệnh ghẻ nhọt, tên độc, buồn khổ. Hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và không lệ thuộc vào cõi nào chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hư mất. Hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng; hoặc chấp là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các pháp như mê lầm, nghi vực, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si, thô bạo, khổ sở, chướng ngại, ngăn trở; hoặc là tĩnh lặng, nhiệm mầu, lìa xa. Hoặc như các loại bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, buồn khổ; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với

nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên, hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý và không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và không lệ thuộc vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Vô sắc và không lệ thuộc vào đâu?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở các cõi Dục, Sắc, Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, buồn khổ, hoặc vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Sắc và không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Vô sắc và không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc và không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở các cõi Dục, Sắc, Vô sắc và không lệ thuộc vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải

đúng lý.

Tâm thuộc cõi Sắc có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp như chấp là ta, là cái của ta; hoặc chấp là đoạn, là thường; hoặc bài bác không có nhân duyên, không có tạo tác, hoặc là bị hao bớt; hoặc chấp cho ta là cao quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho ta là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ như mê lầm, ngờ vực, do dự, hoang mang, tham lam, kiêu mạn, ngu si, thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc tĩnh lặng, nhiệm mầu, lìa xa. Hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại, hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó và hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý, hoặc không đúng lý, hoặc điều đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp cõi Dục chẳng?

Hiểu rất rõ các thứ thô bạo, khổ sở, chướng ngại, hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nguyên nhân, có sinh khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu biết rõ ràng các điều dẫn giải đúng lý và không đúng lý hoặc đều đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Vô sắc chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hư hao. Hoặc chấp cho mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các pháp như mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si, thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc là tĩnh lặng, nhiệm mầu, xa lìa. Hoặc xem như các loại bệnh hoạn, ghẻ nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải hoặc đúng lý, hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở chỗ không lệ thuộc vào đâu chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh lặng, là nhiệm mầu, là lìa xa. Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất, hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là hao tổn về diệt, hao tổn về đạo, hoặc còn do dự về hiểu rõ, hoặc ngu si, hoặc có nhân,

có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý, hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo (thô thiển), khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như các bệnh hoạn, như ung nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, ghẻ nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ, các pháp như bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hao bớt. Hoặc chấp cho ta là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly; hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc là vô trí, tối tăm, ngu si, thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, nhiệm mầu, xa lìa. Hoặc xem như bệnh hoạn, ghẻ nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên, hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và chỗ không lệ thuộc vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và chỗ không lệ thuộc vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Vô sắc và chỗ không lệ thuộc vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc

có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở các cõi Dục, Sắc, Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các loại bệnh hoạn, ghẻ nhọt, tên độc, não hại buồn khổ; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó; có việc đó, hoặc hiểu biết các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Sắc và chỗ không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục, Vô sắc và chỗ không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường-khổ-không-vô ngã, hoặc có nhân-có khởi, hoặc có nơi này, hoặc có việc này, hoặc như lý đã dẫn rõ ràng.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc và chỗ không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở các cõi Dục, Sắc, Vô sắc và chỗ không liên hệ vào đâu chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Tâm cõi Vô sắc Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như chấp cho là ta, là cái của ta, hoặc chấp là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc là bị hao bớt, hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ như sai lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, hoặc là tham lam, kiêu mạn, ngu si, hoặc thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tính lạnh, nhiệm mầu, xa lìa. Hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại, buồn khổ; hoặc là vô thường, khổ, không, vô

ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý, hoặc không đúng lý, hoặc đều đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp không liên hệ cõi nào chăng?

Hiểu rất rõ các pháp: Đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh lặng, là nhiệm mầu, là xa lìa. Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất, hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo, hoặc là còn hiểu biết do dự, còn hoang mang, ngu si. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc biết rõ các điều dẫn giải là đúng lý, hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như thô thiển (thô bạo), khổ sở, chướng ngại; hoặc biết rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc và chỗ không có liên hệ cõi nào chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý - cứ như thế mà hiểu biết, ngoài ra không biết rõ về tâm không nương (lệ thuộc) vào đâu cả.

Có khả năng hiểu rõ được các pháp không lệ thuộc vào đâu cả chăng?

Hiểu biết rất rõ, như các pháp đối với diệt thì gọi là diệt, là tĩnh lặng, là xa lìa. Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó, hoặc biết rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Dục chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc là có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý. Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc chăng?

Hiểu rất rõ về vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý hoặc không đúng lý.

Có khả năng hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có khả năng hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu các điều dẫn giải là đúng lý, hiểu biết như thế, còn các thứ khác thì không biết rõ.

- Có bốn loại tâm: Là tâm thuộc về cõi Dục, tâm thuộc cõi Sắc, tâm thuộc cõi Vô sắc và tâm không thuộc vào đâu.

Các tâm thuộc cõi Dục nếu như có thể hiểu rõ các pháp cõi Dục thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là sự tùy tăng? Nếu như có thể hiểu biết các pháp khác thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng...? Cho đến các tâm không liên hệ, nếu như có thể hiểu biết các pháp không liên hệ thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là tùy tăng? Nếu như có thể hiểu biết các pháp, khác thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên gọi là tùy tăng?

Các tâm thuộc cõi Dục, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Dục thì trong đó có các thứ duyên tùy miên hữu lậu của Dục triền (sự trói buộc của tham dục) là tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Sắc, thì trong đó có ba phần tùy miên của Dục triền là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Vô sắc, thì trong đó có ba phần tùy miên của Dục triền là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục, như có thể hiểu biết các pháp không liên hệ, thì trong đó cũng có ba phần tùy miên của Dục triền và các tùy miên biến hành là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Dục, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc, thì trong đó có ba phần tùy miên của Dục triền là đã tùy tăng. Còn như có thể hiểu biết các pháp khác, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Dục triền và các thứ tùy miên của pháp tu đoạn trừ (tu sở đoạn) là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Sắc, thì trong đó có các thứ duyên tùy miên hữu lậu của Sắc triền là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Vô sắc, thì trong đó có ba phần tùy miên của Sắc triền là sự tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc, như có thể hiểu biết các pháp không liên hệ, thì trong đó có ba phần tùy miên của Sắc triền (sự ràng buộc của sắc) và các thứ tùy miên biến hành làm chỗ tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Sắc, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Sắc và

Vô sắc, thì trong đó có ba phần tùy miên của Sắc triền là đã tùy tăng. Còn như có thể hiểu biết các pháp khác, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Sắc triền và các thứ tùy miên của pháp tu đoạn trừ là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc, như có thể hiểu biết các pháp ở cõi Vô sắc, thì trong đó có các thứ duyên tùy miên hữu lậu của Vô sắc triền là đã tùy tăng.

Các tâm thuộc cõi Vô sắc, như có thể hiểu biết các pháp không liên hệ thì trong đó có ba phần tùy miên của Vô sắc triền và các tùy miên biến hành là đã tùy tăng. Nếu như có thể hiểu biết các pháp khác, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Vô sắc triền và các thứ tùy miên của pháp tu đoạn trừ là đã tùy tăng.

Các tâm không thuộc vào đâu, như có thể nhận biết các pháp không liên hệ thì trong đó không có thứ nào là tùy miên cả là đã tùy tăng. Còn như có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó cũng không có các thứ tùy miên nào là đã tùy tăng.

- Có mười hai tâm: Tức là ở cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký.

Ở cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Ở cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, tâm học, tâm vô học.

Tâm thiện ở cõi Dục có khả năng nhận biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục chăng? Có khả năng nhận biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc chăng? Có khả năng nhận biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc chăng? Có khả năng nhận biết các pháp không liên hệ chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Dục và Sắc chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Dục và Vô sắc chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Dục và ở chỗ không thuộc vào đâu chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Sắc và không nơi liên hệ gì chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc và không nơi liên hệ gì chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Dục, Sắc và Vô sắc chăng? Có khả năng nhận biết các pháp ở cõi Dục, Sắc và không nơi liên hệ gì chăng? Có khả năng nhận biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Vô sắc và không nơi liên hệ gì chăng? Có khả năng nhận biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc và không nơi liên hệ gì chăng? Có khả năng nhận biết rõ ràng các pháp ở các cõi Dục, Sắc, Vô sắc và không nơi liên hệ gì chăng?

Cũng như tâm thiện ở cõi Dục, cho đến tâm vô học cũng như thế.

Tâm thiện ở cõi Dục có thể nhận biết hiểu rõ các pháp ở cõi Dục chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển (thô bạo), khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ghẻ nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân mà gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi; hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể nhận biết hiểu rõ các pháp ở cõi Sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc là sự tĩnh lặng, mâu nhiệm, lìa xa; hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể nhận biết hiểu rõ các pháp ở cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc là sự tĩnh lặng, mâu nhiệm, xa lìa. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể nhận biết hiểu rõ các pháp không nơi liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt thì gọi là diệt, là tĩnh lặng, mâu nhiệm, lìa xa. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể nhận biết hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và Sắc chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại, hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải và đúng lý.

Có thể nhận biết hiểu rõ các pháp ở cõi Dục và không nơi liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc là tĩnh lặng, mâu nhiệm, lìa xa. Hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc và không nơi liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc và không có liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, như ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc, Dục và không có liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó, hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Vô sắc và không có liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn

giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc và không có liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Sắc, Vô sắc và không có liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Còn các tâm bất thiện có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác việc không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hao mòn. Hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, hoang mang, do dự, tham lam, kiêu mạn, ngu si; hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hao mòn. Hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, hoang mang, do dự, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị tổn giảm hư hao; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, hoang mang, do dự, hoặc vô trí tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp không có liên hệ gì chăng?

Hiểu biết rất rõ, như các pháp hoặc tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo; hoặc hiểu biết do dự, hoang mang, hoặc ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như bài bác việc không có nhân, không

có tạo tác, hoặc lại bị hao mòn, tổn giảm; hoặc chấp cho mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, hoang mang, do dự; hoặc không có trí, tối tăm, ngu si; hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý. Cứ như thế mà hiểu biết còn các thứ khác thì không hiểu biết.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như chấp cho là ta, là cái của ta; hoặc chấp là đoạn, là thường; hoặc biết rõ các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các điều khác thì không hiểu biết gì.

Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục có hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục chăng?

Hiểu biết rõ ràng như hiểu rõ các điều dẫn giải là không đúng lý. Hiểu biết rõ ràng như thế còn các thứ khác thì không biết rõ.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 7

Uẩn Thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, Phần 2

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc có nhận biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc chăng?

Hiểu biết rất rõ các pháp như: thô thiển, khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, mâu nhiệm, lìa xa. Hoặc xem như các bệnh hoạn, gở nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân mà gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể nhận biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Dục chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể nhận biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc là tĩnh lặng, mâu nhiệm, xa lìa. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể nhận biết rõ ràng các pháp thuộc chỗ không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt thì gọi là diệt, là tĩnh lặng, là mâu nhiệm, là lìa xa. Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó. Hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Dục và Sắc chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như là thô thiển, khổ sở, chướng ngại. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Dục và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể nhận biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Dục và không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp hoặc là thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc là tinh lặng, mâu nhiệm, lìa xa. Hoặc xem như bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc và không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc và ở chỗ không có liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở Dục, Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp hoặc là thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô

thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Sắc và không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Vô sắc và không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc, Vô sắc và không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Dục, Sắc, Vô sắc và không liên hệ gì chăng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải là đúng lý.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như chấp là ta, là cái của ta; hoặc chấp là đoạn, là thường; hoặc bài bác về không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hao tổn; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, tham lam, hoang mang, do dự, kiêu mạn, ngu si; hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hao tổn; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, hoang mang, do dự; hoặc không có trí tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc chỗ không liên hệ gì chẳng?

Hiểu biết rất rõ, như các pháp hoặc hao tổn về diệt, hao tổn về đạo; hoặc hiểu biết hoang mang, do dự, hoặc ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Sắc, Vô sắc chẳng?

Hiểu rất rõ về các pháp như bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị hao tổn; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc vô trí, tối tăm, ngu si; hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các thứ khác thì không hiểu biết.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Sắc chẳng?

Hiểu rất rõ về các sự hiểu biết, các điều dẫn giải không đúng lý hoặc điều đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Dục chẳng?

Hiểu biết rõ về các sự hiểu biết, các điều dẫn giải không đúng lý hoặc là điều đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các thứ khác thì không biết.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp hoặc như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc tĩnh lặng, mâu nhiệm, xa lìa; hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, nã hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Sắc chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp hoặc như thô thiển, khổ sở, chướng ngại; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc về không liên hệ gì chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt thì gọi là diệt, là mâu nhiệm, là lìa xa; hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Vô sắc và không có

liên hệ gì chẳng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các thứ khác thì không hiểu biết.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc chẳng?

Hiểu rất rõ về các pháp như chấp là ta, là cái của ta, hoặc chấp là đoạn, là thường; hoặc bài bác là không có nhân, không có tạo tác, hoặc lại bị tổn giảm hao mòn. Hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, tham lam, kiêu mạn, ngu si; hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc về không liên hệ gì chẳng?

Hiểu rất rõ như các pháp tổn giảm về diệt, tổn giảm về đạo; hoặc hiểu biết do dự, hoang mang, ngu si; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các thứ khác thì không hiểu biết.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, có thể hiểu biết rõ ràng các pháp ở cõi Vô sắc chẳng?

Hiểu rất rõ về sự hiểu biết, các điều dẫn giải không đúng lý hoặc là điều đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các điều khác thì không biết.

Các tâm học có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc về không liên hệ gì chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt gọi là diệt, là tĩnh lặng, là mâu nhiệm, là lìa xa. Hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là hành, là xuất. Hoặc là có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Dục chẳng?

Hiểu biết rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Sắc chẳng?

Hiểu rất rõ về các pháp như vô thường-khổ-không-vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân-là tập-là sanh-là duyên, hoặc là có nhân-có khởi, hoặc có nơi này-hoặc có việc ấy, hoặc là như ý đã dẫn ra rõ ràng.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc cõi Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Có thể hiểu biết rõ ràng các pháp thuộc về cõi Sắc và Vô sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc là đối với nhân thì gọi là nhân, là tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, hoặc có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các thứ khác thì không biết rõ.

Cũng như tâm hữu học, tâm vô học cũng như thế.

Có mười hai tâm: Tức là thuộc cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký. Cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký. Cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, tâm học và tâm vô học.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục. Như có thể nhận biết các pháp ở cõi Dục, thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là sự tùy tăng? Nếu như có thể hiểu biết các pháp khác thì có bao nhiêu thứ tùy miên là sự tùy tăng? Cho đến các tâm, vô học, nếu có thể nhận biết các pháp không có liên hệ, thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là sự tùy tăng? Nếu như có thể nhận biết các pháp khác thì trong đó có bao nhiêu thứ tùy miên là sự tùy tăng?

Các tâm thiện thuộc cõi Dục, có thể nhận biết các pháp cõi Dục thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Dục triền và các tùy miên của pháp tu mà đoạn trừ, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, trong đó cũng có các thứ tùy miên biến hành của Dục triền và các tùy miên của pháp tu đoạn trừ, là sự tùy tăng.

Các tâm bất thiện, nếu có thể nhận biết các pháp ở cõi Dục, thì trong đó có các thứ duyên tùy miên hữu lậu của Dục triền, là sự tùy tăng.

Nếu có thể nhận biết các pháp ở cõi Sắc, thì trong đó có hai phần tùy miên của Dục triền, là sự tùy tăng.

Nếu có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, thì trong đó có hai phần tùy miên của Dục triền, là sự tùy tăng.

Nếu có thể nhận biết các pháp không có liên hệ, thì trong đó có hai phần tùy miên của Dục triền và các thứ tùy miên biến hành, là sự tùy tăng.

Nếu có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và Vô sắc, thì trong đó có hai phần tùy miên của Dục triền, là sự tùy tăng

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, chỉ có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong này có thấy Khổ mà đoạn tất cả tùy miên của Dục triền và thấy Tập mà đoạn tùy miên biến hành, là sự tùy tăng.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, chỉ có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Dục, trong này có tùy miên biến hành của Dục triền và tu đã đoạn tùy miên, là sự tùy tăng.

Các tâm thiện thuộc cõi Sắc, nếu có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc, thì trong đó có tùy miên biến hành của Sắc triền và tu đã đoạn tùy miên, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó có tùy miên biến hành của Sắc triền và tu đã đoạn tùy miên, là sự tùy tăng.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nếu có thể nhận biết các pháp cõi Sắc, thì trong đó có tùy miên hữu lậu duyên của Sắc triền, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Vô sắc, thì trong đó có hai phần tùy miên của Sắc triền, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp không liên hệ gì, thì trong này có hai phần tùy miên của sắc triền và tùy miên biến hành, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp thuộc cõi Sắc và Vô sắc, thì trong này có hai phần tùy miên của Sắc triền, là sự tùy tăng.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nếu có thể nhận biết các pháp ở cõi Sắc, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Sắc triền và các tùy miên của tu pháp đoạn trừ, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Sắc triền và các thứ tùy miên của pháp tu đoạn trừ, là sự tùy tăng.

Các tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nếu có thể nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Vô sắc triền và các tùy miên của tu pháp đoạn trừ, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Vô sắc triền và các thứ tùy miên của pháp tu đoạn trừ, là sự tùy tăng.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nếu có thể nhận biết các pháp ở cõi Vô sắc thì trong đó có tùy miên hữu lậu duyên của Sắc triền, là sự tùy tăng.

Nếu có thể nhận biết các pháp thuộc về không liên hệ, thì trong đó có hai phần tùy miên của Vô sắc triền và các tùy miên biến hành, là sự tùy tăng.

Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chỉ có thể nhận biết các

pháp ở cõi Vô sắc, trong đó có các thứ tùy miên biến hành của Vô sắc triển và các thứ tùy miên của pháp tu đoạn trừ, là sự tùy tăng.

Các tâm hữu học, nếu có thể nhận biết các pháp thuộc về không liên hệ (lệ thuộc), thì trong đó không có tùy miên nào là sự tùy tăng cả. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó cũng không có thứ tùy miên nào là sự tùy tăng cả.

Cũng như tâm hữu học, tâm vô học cũng như thế.

- Có mười loại tâm: Tức là ở cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký.

Ở cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký.

Ở cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký.

Các tâm thiện thuộc cõi Dục, nếu Thể chưa đoạn là do sở duyên chưa đoạn chăng?... Giả sử sở duyên chưa đoạn thì Thể chưa đoạn chăng? Cho đến các tâm vô phú vô ký thuộc các cõi Vô sắc, nếu Thể chưa đoạn là do sở duyên chưa đoạn chăng?

Giả sử do sở duyên chưa đoạn mà Thể chưa đoạn chăng?

Các tâm thiện thuộc cõi Dục, nếu Thể chưa đoạn là do sở duyên chưa đoạn chăng?

Hoặc là Thể chưa đoạn là do sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể chưa đoạn là do sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể chưa đoạn là do sở duyên đã đoạn và sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể chưa đoạn là do không thể phân biệt được tâm đó vốn duyên vào đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là do sở duyên vào chưa đoạn. Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện thuộc cõi Dục duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc. Nó duyên vào Dục và Sắc, nó duyên vào Dục và Vô sắc, nó duyên vào Sắc và Vô sắc, nó duyên vào Dục, Sắc và Vô sắc.

Nếu chưa lìa được tham ở cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, thì các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và pháp tu đã đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, do duyên thấy Đạo - Diệt và pháp tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, duyên thấy Đạo và tu pháp đoạn trừ. Nếu thấy trọn vẹn đệ tử Thế Tôn, nhưng chưa lìa bỏ được tham ở cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào tu pháp đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn do sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn là: Chưa lìa được tham thuộc cõi Dục nên Khổ trí đã sinh và Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà

Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, do duyên thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, do duyên vào thấy Khổ - Tập - Diệt mà đoạn trừ. Như thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được tham thuộc cõi Dục. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn do sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và sở duyên chưa đoạn là: Chưa lìa bỏ được các tham của cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh và Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục đã duyên vào thấy Khổ - Tập - Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục đã duyên vào thấy Khổ - Tập - Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục đã duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu pháp đoạn trừ. Như thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa được các tham ở cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục đã duyên vào thấy do tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn vì không thể phân biệt được tâm sở duyên đã đoạn hay chưa đoạn là: Các Bồ-đặc-già-la đầy đủ mọi sự trói buộc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cái không phải đoạn trừ. Nếu chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Dục, thì Khổ trí đã sinh và Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cái không phải đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cái không phải đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cái không phải đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa được các tham ở cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cái không phải đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn vì không thể phân biệt được tâm sở duyên đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu duyên vào chưa đoạn thì Thể chưa đoạn chăng?

Hoặc là do nó duyên vào chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là duyên vào chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là duyên vào chưa đoạn và duyên vào đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là duyên vào chưa đoạn và duyên vào đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Do duyên vào chưa đoạn mà Thể chưa đoạn là: Các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc, các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô

sắc, duyên vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc mà chưa lìa được tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào sự thấy Tập - Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào sự thấy Diệt- Đạo và tu pháp đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào thấy Đạo và tu pháp đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử tròn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ các tham ở cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục liền duyên vào do tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn, mà Thể chưa đoạn, là đã lìa được các tham cõi Dục, nhưng chưa lìa được các tham cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã lìa được các tham của cõi Sắc, mà Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn, mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là vì chưa lìa bỏ được các tham của cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên vào thấy Khổ- Tập- Diệt- -Đạo và tu pháp đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên vào thấy Khổ- Tập- Diệt- Đạo và tu pháp đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên vào thấy Khổ- Tập- Diệt- Đạo và tu pháp đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục đã duyên thấy do tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và sở duyên đã đoạn, thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã lìa được các tham cõi Dục, nhưng chưa lìa được các tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục - cõi Sắc và cõi Vô sắc..., và đã lìa bỏ được các tham ở cõi Sắc, nhưng chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục đã duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, đã duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Hỏi: Các tâm bất thiện, nếu Thể là chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là Thể của nó chưa đoạn do sở duyên chưa đoạn, hoặc

là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn vì không thể phân biệt được tâm này có sở duyên đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn do sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi sự trói buộc. Các tâm thiện đã duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, đã duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, nhưng chưa lìa bỏ được cái tham ở cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ, nó duyên vào thấy Tập - Diệt - Đạo và tu pháp mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Tập đoạn trừ, nó duyên thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Diệt đoạn trừ, thì nó duyên vào Diệt mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Đạo đoạn trừ, thì nó duyên thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu các pháp đoạn trừ, thì nó duyên vào tu pháp mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Diệt đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu các pháp đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Dục thì các tâm bất thiện do tu pháp đoạn trừ, duyên vào pháp mà tu đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là chưa lìa được tham thuộc cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Tập đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và sở duyên chưa đoạn, là chưa lìa bỏ được các tham của cõi Dục, Khổ trí đã sinh, Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Tập đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu pháp đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là do không thể phân biệt được sở duyên của tâm đó đã đoạn hay chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la đủ các thứ trói buộc. Các tâm bất thiện duyên vào cái không thể đoạn trừ, chưa lìa tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện duyên vào cái không thể đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Diệt -Đạo mà đoạn trừ, duyên vào cái không thể đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào cái không thể đoạn trừ. Thế

nên gọi là Thể chưa đoạn là do không thể phân biệt được sở duyên của tâm đó đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu do duyên vào chưa đoạn mà Thể của nó là chưa đoạn chăng?

Hoặc sở duyên chưa đoạn nên Thể của nó chưa đoạn, hoặc sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó là chưa đoạn, hoặc sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn mà Thể chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi trói buộc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, chưa lìa tham ở cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh.

Các tâm bất thiện do thấy Tập đoạn trừ, duyên vào thấy Tập - Diệt - Đạo và tu pháp đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Tập đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Diệt đoạn trừ, nên duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Diệt đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do tu đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, mà chưa lìa bỏ được các tham ở cõi Dục, thì các tâm bất thiện do tu đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn nên Thể của nó chưa đoạn. Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy khổ mà đoạn trừ, nên duyên vào thấy Tập - Diệt - Đạo và tu mà đoạn trừ, do đó Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy khổ mà đoạn trừ duyên vào thấy Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được các tham ở cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy đoạn trừ, thì duyên vào tu pháp mà đoạn trừ. Đã lìa được tham ở cõi Dục, nhưng chưa lìa bỏ được tham cõi Sắc nên Khổ loại trí chưa sinh.

Các tâm bất thiện duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã lìa bỏ, được các tham ở cõi Sắc, Khổ loại

trí chưa sinh. Các tâm bất thiện duyên vào Vô sắc, đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Tập đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy Khổ -Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa thể lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy đoạn trừ, thì duyên vào thấy tu mà đoạn trừ; đã lìa tham cõi Sắc nhưng chưa lìa tham cõi Vô sắc.

Các tâm bất thiện duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó là đã đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, nếu Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Đúng thế.

Nếu sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó cũng chưa đoạn chăng? Hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn chăng?

Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên vào cõi Dục. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn nên Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục do thấy khổ đoạn trừ, duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do thấy Khổ đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt - Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục do thấy khổ đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, sở duyên thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, sở duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, nếu Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên là chưa đoạn chăng? Hoặc là Thể chưa đoạn, thì sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn chăng?

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ các thứ trói buộc, có các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh.

Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm vô phú vô ký duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn, nên sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, sở duyên thấy khổ, tập mà đoạn trừ nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, sở duyên vào thấy Khổ- Tập-Diệt trí mà đoạn trừ. Nếu

thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục đã duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Nếu sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn chăng?

Đúng như vậy.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 8

Uẩn Thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, Phần 3

Các tâm thiện cõi Sắc, nếu Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do không phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la đủ các thứ trói buộc, do tâm thiện ở các cõi Sắc đã duyên vào cõi Dục duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh.

Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và Vô sắc, mà chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh.

Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh.

Các tâm thiện ở cõi Sắc đã duyên vào thấy Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lia tham ở cõi Sắc thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào tu mà đoạn trừ. Thế nên gọi là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn.

Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là đã lia tham cõi Dục rồi, nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc còn duyên vào cõi Dục nên chưa lia tham ở cõi Sắc, Khổ loại

trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ- Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được các tham cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là đã lìa tham cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục và Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc mà chưa lìa tham cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn là các Bồ-đặc-già-la đầy đủ mọi trói buộc. Các tâm thiện ở cõi Sắc lại duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đã lìa tham cõi Dục mà chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc, duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên chưa lìa tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc, duyên vào nơi không thể đoạn trừ, Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn do không thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó là chưa đoạn chăng?

Hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn

và đã đoạn mà Thể của nó là chưa đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la đủ các thứ trói buộc. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã lia tham cõi Dục nhưng chưa lia các tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí chưa sinh.

Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc mà chưa lia tham cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã lia tham cõi Sắc nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Vô sắc, đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là đã lia tham cõi Dục mà chưa lia tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử trọn vẹn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó là đã đoạn, là đã lia tham cõi Sắc nhưng chưa lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên chưa

đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, nếu Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Hoặc là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn mà chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ các thứ trói buộc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã lìa tham ở cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc đã duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc mà chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, nên duyên vào thấy Tập- Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do duyên vào tu mà đoạn trừ thì nó duyên vào tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Diệt đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ, thế nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Đạo đoạn trừ, duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ, thì nó duyên vào tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được tham ở cõi Sắc thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào tu mà đoạn trừ, đó gọi là Thể chưa đoạn sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là chưa lìa bỏ tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ các thứ trói buộc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc đã duyên vào nơi không thể đoạn trừ, đã lia tham ở cõi Dục mà chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc không duyên vào chỗ đoạn trừ, nên chưa lia các tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký không duyên vào chỗ đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Diệt, Đạo mà đoạn trừ, lại duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Đạo đoạn trừ lại duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Hoặc là sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn chăng?

Hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la đủ các thứ trói buộc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc lại duyên vào cõi Sắc, duyên cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và Vô sắc, đã lia tham cõi Dục nhưng chưa lia tham cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc mà chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập, Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt mà đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Đạo mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ, thì duyên vào tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Đạo mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ thì duyên vào tu mà đoạn

trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ thì duyên vào tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được các tham ở cõi Sắc, thì các hữu phú vô ký ở cõi Sắc do tu mà đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được tham ở cõi Sắc, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ duyên vào tu mà đoạn trừ. Do đã lìa tham ở cõi Sắc mà chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa hết tham cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt, Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt, Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ, Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt, Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được hết tham ở cõi Sắc thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy đoạn trừ, duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Do đã lìa tham ở cõi Sắc mà chưa lìa tham ở cõi Vô sắc,

nên các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc đã duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là do đã sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó là đã đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, nếu Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Hoặc là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi thứ trói buộc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục và duyên vào cõi Sắc. Đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc nên chưa lia hết các tham của cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc thì duyên vào thấy Diệt, Đạo và tu mà đoạn trừ nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia được các tham ở cõi Sắc, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là đã lia tham ở cõi Dục mà chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc vì duyên vào cõi Dục mà chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ- Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ Tập Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia hết tham ở cõi Sắc, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào chỗ thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là chưa lia tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các

tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa hết tham ở cõi Sắc thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Nếu như sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn chẳng?

Đúng như thế.

Các tâm thiện cõi Vô sắc, nếu Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chẳng?

Hoặc là Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đủ mọi trói buộc.

Các tâm thiện ở cõi Vô sắc đã duyên vào cõi Sắc và duyên vào cõi Vô sắc, đã lìa tham ở cõi Dục mà chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh.

Các tâm thiện ở cõi Vô sắc đã duyên vào cõi Sắc và duyên vào cõi Vô sắc, đã lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Vô sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh.

Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa được tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là đã lìa tham cõi Sắc mà Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các

tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, thì các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa hết các tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la có đầy đủ mọi trói buộc, mà các tâm thiện ở cõi Vô sắc lại duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đã lìa tham ở cõi Dục mà chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên đã lìa tham ở cõi Sắc và Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc không duyên vào sự đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa hết các tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn chăng?

Đúng như thế.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc, nếu như Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Hoặc là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn là do không Thể

phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la đủ mọi thứ buộc ràng. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào cõi Vô sắc, thì đã lia tham cõi Dục mà chưa lia các tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Vô sắc, đã lia tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc, duyên vào cõi Vô sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Diệt đoạn trừ, thì duyên vào thấy Diệt đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, thì nó duyên vào tu mà đoạn trừ, khi đó Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, thì nó duyên vào tu mà đoạn trừ, khi ấy Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Đạo đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Đạo đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, thì nó duyên vào tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Vô sắc, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn nên sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn. Nghĩa là các Bồ-đặc-già-la có đủ các thứ trói buộc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào nơi

không thể đoạn trừ đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên đã lia tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ nên Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Diệt và Đạo mà đoạn trừ, thì duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ lại duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó là chưa đoạn chẳng.

Hoặc là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó là chưa đoạn, hoặc là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn nên Thể của nó chưa đoạn, là các Bồ-đặc-già-la đủ mọi thứ ràng buộc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào cõi Vô sắc, thì đã lia tham cõi Dục nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào cõi Vô sắc thì đã lia tham ở cõi Vô sắc, nhưng Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào Vô sắc thì Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt mà đoạn trừ thì nó duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Đạo mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ, thì nó duyên vào tu mà đoạn trừ, khi đó thì Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Đạo mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ, thì duyên vào tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Đạo mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Đạo mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do tu mà đoạn trừ, thì duyên vào tu mà đoạn trừ. Nếu

thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được tham cõi Vô sắc, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ nó duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn nên Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, khi ấy thì Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Diệt - Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham cõi Vô sắc, thì tâm hữu phú vô ký do thấy đoạn trừ nên duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt, Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ- Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt, Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên chưa đoạn và đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, nếu Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Hoặc là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn, là các Bồ-đặc-

già-la có đủ mọi thứ ràng buộc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào cõi Vô sắc đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia hết các tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào cõi Vô sắc, đã lia hết các tham ở cõi Sắc, nhưng Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc khi duyên vào cõi Vô sắc, Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ nên Diệt loại trí đã sinh và Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc thì duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia hết các tham ở cõi Vô sắc, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, duyên vào thấy Khổ Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, duyên vào thấy Khổ -Tập - Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham cõi Vô sắc, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia hết các tham ở cõi Vô sắc, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể của nó chưa đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Nếu sở duyên chưa đoạn thì Thể của nó là chưa đoạn chăng?

Đúng như thế.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 9

Uẩn Thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, Phần 4

- Có mười loại tâm: Đó là ở cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký. Ở cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký. Ở cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Các tâm thiện ở cõi Dục, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng? Sở duyên đã đoạn nên Thể của nó đoạn chăng?

Cho đến các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng? Nếu như sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn chăng?

Các tâm thiện ở cõi Dục, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng?

Hoặc là Thể đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, là đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia bỏ được các tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục tuy duyên vào Dục đã lia bỏ được các tham ở cõi Sắc, mà chưa lia được các tham cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc đã lia được các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục- cõi Sắc, cõi Vô sắc thì đó gọi là Thể đã đoạn mà sở duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, là đã lia tham cõi Dục mà chưa lia được tham ở cõi Sắc, nên Khổ trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào

cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể của nó đã đoạn thì sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là đã lia tham cõi Dục nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục khi duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc đã lia tham ở cõi Sắc mà chưa lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục khi duyên vào Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn, là đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào nơi không thể đoạn trừ, nên đã lia tham ở cõi Sắc mà chưa lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện ở cõi Dục, duyên vào nơi không thể đoạn trừ, đã lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể của nó đã đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn chăng?

Hoặc là sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn, là đã lia tham ở cõi Dục, nhưng chưa lia tham ở cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục khi duyên vào cõi Dục, đã lia được các tham ở cõi Sắc nhưng chưa lia được các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc thì đã lia tham cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục - cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lia tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục do duyên vào thấy Khổ- Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi

Dục duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã lìa tham cõi Dục nhưng chưa lìa tham cõi Sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc, đã lìa tham ở cõi Sắc mà chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm thiện ở cõi Dục duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm bất thiện ở cõi Dục, nếu Thể của nó đã đoạn thì do sở duyên đã đoạn chăng?

Hoặc là Thể đã đoạn là do sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn là do sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn là do sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, hoặc là Thể đã đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là do sở duyên đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào Khổ mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ- Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ- Tập mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ- Tập-Diệt mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ

mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Diệt mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy mà đoạn trừ, duyên vào thấy mà đoạn trừ, đã lìa tham ở cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Dục, đã lìa tham cõi Sắc, nhưng chưa lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là Thế đã đoạn do sở duyên đã đoạn.

Thế của nó đã đoạn là do sở duyên chưa đoạn, là chưa lìa được tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy viên mãn Đức Thế Tôn và đệ tử thì vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục. Các tâm bất thiện do thấy mà đoạn trừ, thì duyên vào tu mà đoạn trừ. Đã lìa được các tham ở cõi Dục, nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ trí chưa sinh. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, nên đã lìa tham ở cõi Sắc, Khổ trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thì duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là Thế đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn.

Thế đã đoạn là do sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy mà đoạn trừ, duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đã lìa tham ở cõi Sắc, nhưng chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là Thế đã đoạn do sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thế của nó đã đoạn do không Thế phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Diệt trí đã sinh và Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Diệt mà đoạn

trừ, thì duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy mà đoạn trừ, duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đã lìa tham cõi Dục nhưng chưa lìa tham cõi. Các tâm bất thiện duyên vào nơi không phải đoạn trừ, đã lìa tham cõi Sắc nhưng chưa lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào nơi không thể đoạn trừ, đã lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thế đã đoạn do không Thế phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu do sở duyên đã đoạn thì Thế của nó đã đoạn chăng?

Hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thế của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thế của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thế của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thế của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thế của nó đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm bất thiện do thấy Diệt mà đoạn trừ, thì nó duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa hết các tham cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy mà đoạn trừ, duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đã lìa tham ở cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Dục, đã lìa tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, đã lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thế của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thế của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Đó gọi là

sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ - Tập - Diệt - Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm bất thiện thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham cõi Dục, thì các tâm bất thiện do thấy mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đã lìa tham cõi Sắc nhưng chưa lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm bất thiện duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm bất thiện do thấy Tập mà đoạn trừ thì nó duyên vào thấy Khổ-Tập Diệt Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên vào đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là do sở duyên đã đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ - Tập Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa dứt tham ở cõi Dục, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đã lìa tham ở cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc. Các tâm hữu phú vô ký cõi Dục, duyên vào cõi Dục thì đã lìa tham cõi Sắc, nhưng chưa lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào cõi Dục thì đã lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục mà duyên vào cõi Dục. Đó là Thể đã đoạn thì sở duyên đã đoạn. Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, là chưa lìa tham cõi Dục nên

Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Dục, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là chưa lia tham ở cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham của cõi Dục, thì các tâm hữu phú vô ký duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể đã đoạn mà do sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Nếu sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn chẳng?

Đúng như thế.

Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chẳng?

Đúng như thế.

Giả sử sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn ra sao?

Hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn nên Thể của nó đã đoạn, là đã lia tham ở cõi Dục nhưng chưa lia các tham ở cõi Sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục khi duyên vào cõi Dục, đã lia các tham ở cõi Sắc nhưng chưa lia các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục khi duyên vào Dục, đã lia các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào cõi Dục. Đó thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lia tham ở cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm vô

phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Dục, nên Khổ trí đã sinh và Tập trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Dục, thì các tâm vô phú vô ký ở cõi Dục duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm thiện ở cõi Sắc, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng?

Hoặc là Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn là do không phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là do sở duyên đã đoạn, là đã lìa tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa tham ở cõi Dục, các tâm thiện ở cõi Sắc, duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, đã lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Sắc khi duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục- cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể của nó đã đoạn là do sở duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn là do sở duyên chưa đoạn, là đã lìa tham ở cõi Sắc Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc khi duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là đã lìa tham cõi Sắc nhưng chưa lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Sắc, duyên vào cõi Dục và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc, duyên vào cõi Dục-cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó chưa đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn, là đã lìa tham ở cõi Sắc nhưng chưa

liã tham ở cõĩ Vô sắc. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc, duyên vào nơi không thể đoạn trừ đã liã tham cõĩ Vô sắc. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc, duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể của nó đã đoạn là do không thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu như do sở duyên đã đoạn thì Thể của nó là đã đoạn chẳng?

Hoặc do sở duyên đã đoạn thì Thể của nó là đã đoạn, hoặc do sở duyên đã đoạn mà Thể của nó là chưa đoạn, hoặc do sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó là đã đoạn, hoặc do sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó là chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã liã tham cõĩ Sắc nhưng chưa liã tham ở cõĩ Vô sắc. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc khi duyên vào cõĩ Dục, duyên vào cõĩ Sắc, duyên vào cõĩ Dục và cõĩ Sắc, đã liã các tham ở cõĩ Vô sắc. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc khi duyên vào cõĩ Dục, duyên vào cõĩ Sắc, duyên vào cõĩ Vô sắc, duyên vào cõĩ Dục và cõĩ Sắc, duyên vào cõĩ Dục và cõĩ Vô sắc, duyên vào cõĩ Sắc và cõĩ Vô sắc, duyên vào cõĩ Dục- cõĩ Sắc, và cõĩ Vô sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là đã liã tham cõĩ Dục nhưng chưa liã tham ở cõĩ Sắc, nên Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc khi duyên vào cõĩ Dục thì chưa liã tham ở cõĩ Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc, duyên vào cõĩ Dục, chưa liã tham cõĩ Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc thì duyên vào thấy do Khổ và Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa liã dứt tham ở cõĩ Sắc, thì các tâm thiện ở cõĩ Sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã liã tham ở cõĩ Sắc nhưng chưa liã tham ở cõĩ Vô sắc. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc khi duyên vào cõĩ Dục và cõĩ Vô sắc, duyên vào cõĩ Sắc và cõĩ Vô sắc, duyên vào cõĩ Dục- cõĩ Sắc và cõĩ Vô sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là đã liã tham ở cõĩ Dục, nhưng chưa liã tham ở cõĩ Sắc. Các tâm thiện ở cõĩ Sắc khi duyên vào cõĩ Dục và cõĩ Sắc duyên vào cõĩ Dục và cõĩ Vô sắc, duyên vào cõĩ Dục-cõĩ Sắc, và cõĩ Vô sắc, mà vẫn chưa liã tham

ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Sắc, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa tham ở cõi Sắc, thì các tâm thiện ở cõi Sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chẳng.

Hoặc là Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn là do không thể phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ. Tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Sắc, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, duyên vào thấy mà đoạn trừ, nên đã lìa tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa hết các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc khi duyên vào cõi Sắc đã lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc khi duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc và Vô sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn thì sở duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, là chưa lìa tham ở

cõi Sắc nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ, thì nó duyên vào Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Sắc, thì các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ, nên đã lia tham cõi Sắc, nhưng Khổ loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, nghĩa là chưa lia tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, nó duyên vào thấy tu mà đoạn trừ, nên đã lia tham cõi Sắc nhưng lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc, duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn là do không thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn, là chưa lia tham ở cõi Sắc, Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ thì duyên vào nơi không phải đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham ở cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Diệt -Đạo mà đoạn trừ, thì duyên vào nơi không phải đoạn trừ, đã lia tham cõi Sắc nhưng lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc thì duyên vào sự không phải đoạn trừ, nên đã lia hết các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể đã đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này đã đoạn hay chưa đoạn.

Nếu như do sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn chẳng.

Hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là vẫn chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ - Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt mà đoạn trừ thì duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa được các tham ở cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ thì duyên vào thấy mà đoạn trừ đã lìa tham ở cõi Sắc mà chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc, đã lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc đó duyên vào cõi Sắc- cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào

thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy tu mà đoạn trừ, đã lìa tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Sắc và cõi Vô sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc, Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, thì duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là duyên vào đã đoạn và chưa đoạn nên Thể của nó chưa đoạn.

Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng?

Hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã lìa tham ở cõi Sắc nhưng chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc, đã lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục, duyên vào cõi Sắc. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn nên Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là đã lìa tham ở cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào cõi Dục mà chưa lìa tham ở cõi Sắc, nên Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, nên Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào Khổ-Tập Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa hết tham ở cõi Sắc, các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Sắc nên Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh và Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà

đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thế của nó chưa đoạn.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 10

Uẩn Thứ 4: SỞ DUYÊN DUYÊN, Phần 5

Hỏi: Các tâm thiện ở cõi Vô sắc, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nếu như sở duyên đã đoạn thì Thể của nó đã đoạn chẳng?

Đáp: Hoặc là đối tượng đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Sắc, duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn,.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là đã lìa tham ở cõi Sắc, nhưng chưa lìa tham ở cõi Vô sắc. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc, duyên vào cõi Sắc thì Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào Khổ -Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ -Tập- Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ -Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ -Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn,

nhưng họ chưa lia tham ở cõi Vô sắc, các tâm thiện ở cõi Vô sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Hỏi: Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc, nếu Thể của nó chưa đoạn thì sở duyên chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, hoặc là Thể của nó đã đoạn do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn thì đối tượng đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh và Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt mà đoạn trừ duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa diệt các tham ở cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, duyên vào thấy mà đoạn trừ, nên đã lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là Thể đã đoạn thì sở duyên đã đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà đối tượng chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia các tham ở cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, duyên vào tu mà đoạn trừ. Đó gọi

là Thể đã đoạn mà sở duyên chưa đoạn.

Thể của nó đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là Thể đã đoạn mà sở duyên đã đoạn và chưa đoạn.

Thể của nó là đã đoạn do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn, là chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Diệt mà đoạn trừ thì duyên vào nơi không phải đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, duyên vào nơi không phải đoạn trừ, đã lìa tham cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào nơi không thể đoạn trừ. Đó gọi là Thể đã đoạn là do không Thể phân biệt được sở duyên của tâm này là đã đoạn hay chưa đoạn.

Hỏi: Nếu như do đối tượng chưa đoạn thì Thể của nó chưa đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc thì sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh.

Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Tập mà đoạn trừ. Các tâm hữu phú vô ký do thấy Diệt mà đoạn trừ, duyên vào thấy Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy đoạn trừ, duyên vào thấy mà đoạn trừ, đã lìa được các tham ở cõi Vô sắc. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ -Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ -Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ -Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Đức Thế Tôn, nhưng họ chưa lìa tham ở cõi Vô sắc, các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy đoạn trừ, duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh mà Tập loại trí chưa sinh. Các tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Tập mà đoạn trừ, duyên vào thấy Khổ -Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Hỏi: Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc, nếu Thể của nó đã đoạn thì sở duyên đã đoạn chăng?

Đáp: Đúng như thế.

Hỏi: Nếu sở duyên đã đoạn Thể của nó đã đoạn chăng?

Đáp: Hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, hoặc là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn, là đã lia tham ở cõi Vô sắc. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào cõi Vô sắc. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó đã đoạn.

Sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ mà đoạn trừ nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào Khổ-Tập Diệt mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia tham của cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

Sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn, là Khổ loại trí đã sinh và Tập loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ nên Tập loại trí đã sinh mà Diệt loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ, nên Diệt loại trí đã sinh mà Đạo loại trí chưa sinh. Các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy Khổ-Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn trừ. Nếu thấy đệ tử vẹn tròn của Thế Tôn, nhưng họ vẫn chưa lia các tham ở cõi Vô sắc, các tâm vô phú vô ký ở cõi Vô sắc duyên vào thấy tu mà đoạn trừ. Đó gọi là sở duyên đã đoạn và chưa đoạn mà Thể của nó chưa đoạn.

- Có mười lăm thứ tâm: Nghĩa là ở cõi Dục có năm thứ tâm, cõi Sắc có năm thứ tâm và cõi Vô sắc có năm thứ tâm.

Hỏi: Thế nào là cõi Dục có năm thứ tâm?

Đáp: Nghĩa là cõi Dục có tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, có tâm thấy Tập mà đoạn trừ, có tâm thấy Diệt mà đoạn trừ, có tâm thấy Đạo mà đoạn trừ, có tâm tu mà đoạn trừ.

Cũng như năm thứ tâm của cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng có năm thứ tâm như thế. Mười lăm thứ tâm, như vậy nó có mặt trong suốt ba thời quá khứ- vị lai và hiện tại.

Các tâm ở cõi Dục thấy Khổ mà đoạn trừ ở quá khứ có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này nếu là sự tùy tăng thì có Thể làm duyên chãng? Nếu nó có Thể làm duyên thì nó là sự tùy tăng chãng? Cũng như thời quá khứ, các thời vị lai và hiện tại cũng như thế. Như tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, các tâm thấy Tập, thấy Diệt, thấy Đạo và thấy tu mà đoạn trừ cũng như thế. Như cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như thế.

Hỏi: Ở thời quá khứ, các tâm ở cõi Dục thấy Khổ mà đoạn trừ có

các thứ tùy miên, nó đối với tâm này nếu là sự tùy tăng thì cũng có Thể làm duyên chăng?

Đáp: Hoặc là sự tùy tăng thì không Thể làm duyên, hoặc là làm duyên thì không phải là tùy tăng, hoặc là tùy tăng mà cũng là làm duyên, hoặc không phải là tùy tăng mà cũng chẳng làm duyên.

Là sự tùy tăng nhưng không thể làm duyên, là các thứ tùy miên ấy còn tương ứng với tâm này mãi chưa dứt.

Nó làm duyên nhưng không phải là sự tùy tăng, là các tùy miên có thể duyên vào tâm này đã dứt.

Nó là sự tùy tăng mà cũng có thể làm duyên, là các thứ tùy miên có thể duyên vào tâm này chưa dứt.

Nó không phải là tùy tăng nhưng cũng không Thể làm duyên, là các thứ tùy miên ấy tương ứng với tâm này đã lìa, hoặc duyên vào chỗ khác, hoặc khác tùy miên, hoặc không đồng loại với các tùy miên biến hành. Như thời quá khứ, thời vị lai cũng như thế.

Hỏi: Ở thời hiện tại các tâm ở cõi Dục do thấy Khổ mà đoạn trừ, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này nếu là tùy tăng thì cũng có Thể làm duyên chăng?

Đáp: Hoặc nó là tùy tăng nhưng không Thể làm duyên, hoặc nó làm duyên nhưng không phải tùy tăng, hoặc nó là tùy tăng mà cũng làm duyên, hoặc nó không phải tùy tăng mà cũng không phải làm duyên.

Nó là tùy tăng nhưng không Thể làm duyên, là các thứ tùy miên đó có thể tương ứng với tâm này.

Nó có thể làm duyên cho tâm đó nhưng lại không phải là tùy tăng, nghĩa là các thứ tùy miên ấy có thể làm duyên cho tâm này đã lìa rồi.

Nó là tùy tăng mà cũng là làm duyên, là các thứ tùy miên ấy có thể duyên vào tâm này mãi chưa lìa.

Nó không phải là tùy tăng nhưng cũng không Thể làm duyên, nghĩa là các thứ tùy miên ấy hoặc duyên vào chỗ khác, hoặc khác tùy miên, hoặc không đồng loại với các tùy miên biến hành.

Như tâm cõi Dục do thấy Khổ mà đoạn trừ, các tâm ô nhiễm do thấy Tập- Diệt- Đạo và tu mà đoạn trừ thì cũng như thế.

Hỏi: Các tâm ở cõi Dục thời quá khứ do tu mà đoạn trừ tâm ô nhiễm, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này, nếu là tùy tăng thì có thể làm duyên chăng?

Đáp: Nếu các thứ tùy miên đó là tùy tăng thì cũng có Thể làm duyên, hoặc có thể làm duyên thì không phải là tùy tăng nghĩa là các thứ tùy miên đó duyên vào tâm này nhưng đã lìa.

Như thời quá khứ, thời vị lai và hiện tại cũng như thế.

Như cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc cũng thế.

- Có mười lăm thứ tâm: Nghĩa là ở cõi Dục có năm tâm, cõi Sắc có năm tâm và cõi Vô sắc có năm tâm.

Hỏi: Thế nào là cõi Dục có năm tâm?

Đáp: Nghĩa là cõi Dục có tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, có tâm thấy Tập, thấy Diệt, thấy Đạo, tu tập mà đoạn trừ.

Như năm tâm ở cõi Dục, ở cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng vậy.

Mười lăm tâm như vậy có mặt trong các thời hoặc quá khứ, hiện tại hay vị lai.

Các tâm ở cõi Dục thời quá khứ do thấy Khổ mà đoạn trừ, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này nếu không phải là tùy tăng cũng chẳng làm duyên được chăng?

Nếu nó không Thể làm duyên thì cũng không phải là tùy tăng chăng?

Giống như thời quá khứ, thời vị lai và hiện tại cũng như thế.

Như tâm thấy Khổ mà đoạn trừ, các thứ tâm thấy Tập, thấy Diệt, thấy Đạo và thấy tu mà đoạn trừ cũng thế. Như ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng thế.

Hỏi: Các tâm ở cõi Dục thời quá khứ do thấy Khổ mà đoạn trừ, có các thứ tùy miên, nó đối với tâm này không phải là tùy tăng mà cũng chẳng làm duyên chăng?

Đáp: Hoặc không phải là tùy tăng mà đều có Thể làm duyên, hoặc không Thể làm duyên nhưng lại đều là tùy tăng, hoặc không phải là tùy tăng mà cũng không Thể làm duyên, hoặc đều là tùy tăng và đều là làm duyên.

Nó không phải là tùy tăng nhưng lại đều là làm duyên, nghĩa là các thứ tùy miên đó tương ứng với tâm này đã dứt.

Nó không thể làm duyên nhưng đều là tùy tăng, nghĩa là các thứ tùy miên đó tương ứng với tâm này chưa lìa.

Nó không phải là tùy tăng mà cũng không Thể làm duyên, nghĩa là các thứ tùy miên tương ứng với tâm này đã lìa, hoặc duyên vào chỗ khác, hoặc khác tùy miên, hoặc không đồng loại với các tùy miên biến hành.

Nó đều là tùy tăng và cũng đều làm duyên, nghĩa là các thứ tùy miên duyên vào tâm này chưa lìa.

Như thời quá khứ, thời vị lai cũng thế.

Hỏi: Các tâm ở cõi Dục thời hiện tại do thấy Khổ mà đoạn trừ, có

các thứ tùy miên, đối với tâm này nó không phải là tùy tăng mà cũng không Thể làm duyên chẳng?

Đáp: Hoặc nó không phải là tùy tăng nhưng lại đều làm duyên, hoặc nó không Thể làm duyên nhưng đều là tùy tăng, hoặc nó không phải là tùy tăng mà cũng không Thể làm duyên, hoặc nó đều là tùy tăng mà cũng đều làm duyên.

Nó không phải là tùy tăng nhưng lại đều làm duyên, nghĩa là các thứ tùy miên đó duyên với tâm này đã lia.

Nó không Thể làm duyên nhưng lại đều là tùy tăng, nghĩa là các thứ tùy miên ấy vẫn tương ứng với tâm này.

Nó không phải tùy tăng mà cũng không là duyên, nghĩa là các thứ tùy miên hoặc duyên vào chỗ khác, hoặc khác tùy miên, hoặc không đồng loại với các tùy miên biến hành.

Nó đều là tùy tăng và đều làm duyên, là các thứ tùy miên đó còn duyên vào tâm này chưa dứt.

Như tâm cõi Dục thấy Khổ mà đoạn trừ, thì các tâm ô nhiễm do thấy Tập, thấy Diệt, thấy Đạo, thấy tu... mà đoạn trừ cũng thế.

Hỏi: Các tâm ở cõi Dục thời quá khứ do tu mà đoạn trừ tâm không ô nhiễm (do tu mà không còn đoạn trừ...), có các thứ tùy miên đối với tâm này không phải là tùy tăng mà cũng không Thể làm duyên chẳng?

Đáp: Nếu các thứ tùy miên đó không làm duyên, mà cũng không phải là tùy tăng, hoặc không phải là tùy tăng nhưng lại đều làm duyên, nghĩa là các thứ tùy miên đó duyên vào tâm này đã dứt.

Như thời quá khứ, thời vị lai và hiện tại cũng thế.

Như cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc cũng thế.

- Có mười lăm thứ tâm: Nghĩa là ở cõi Dục có năm tâm, ở cõi Sắc có năm tâm và cõi Vô sắc có năm tâm.

Hỏi: Thế nào là cõi Dục có năm tâm?

Đáp: Nghĩa là cõi Dục có tâm do thấy Khổ mà đoạn trừ và các tâm do thấy Tập, thấy Diệt, thấy Đạo, thấy tu mà đoạn trừ. Như năm tâm ở cõi Dục, năm thứ tâm của cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng thế.

Các tâm ở cõi Dục do thấy Khổ mà đoạn trừ, có thể phân biệt các pháp do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Dục này chẳng?

Có Thể phân biệt hiểu biết các pháp đoạn trừ bốn Đại chủng đất-nước - gió - lửa chẳng?

Có thể phân biệt hiểu biết năm pháp đoạn trừ ở cõi Sắc và Vô sắc chẳng?

Cũng như tâm do thấy Khổ mà đoạn ở cõi Dục, các tâm do thấy

Tập, thấy Diệt, thấy Đạo, thấy tu mà đoạn trừ cũng thế. Như năm tâm ở cõi Dục, năm thứ tâm ở cõi Sắc và Vô sắc cũng Thế

Hỏi: Các tâm do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Dục, có thể phân biệt biết rõ các pháp do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Dục chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như hoặc chấp là ta, hoặc là cái của ta; hoặc chấp cho là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có khổ; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng; hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc tham lam, sân giận, kiêu mạn, si mê; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt hiểu biết các pháp về sự đoạn trừ bốn đại đất-nước-gió-lửa chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ về các pháp như chấp là ta; hoặc cái của ta, hoặc chấp cho là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có khổ; hoặc chấp ta là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp ta là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc không có trí tuệ, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt hiểu biết năm thứ pháp đoạn trừ ở cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có khổ, hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Các tâm do thấy Tập mà đoạn trừ ở cõi Dục, có thể phân biệt hiểu biết các pháp do thấy Tập mà đoạn trừ ở cõi Dục chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có nhân, hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc là tham, sân giận, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt hiểu biết năm pháp đoạn trừ về bốn đại ở cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ về các pháp như bài bác không có nhân, hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng; hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly; hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc

hiểu các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Các tâm do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Dục, có thể phân biệt hiểu biết các pháp do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Dục chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ về các pháp như hoặc chấp cho mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là hạng nhất không ai bằng. Hoặc các thứ tham lam, giận dữ, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt hiểu biết các pháp không liên hệ cõi nào chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có Diệt, hiểu biết do dự, hoặc ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do thấy Đạo mà đoạn trừ ở cõi Dục, có thể phân biệt hiểu rõ các pháp do thấy Đạo mà đoạn trừ ở cõi Dục chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như hoặc chấp cho ta là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ tham lam, giận hờn, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt hiểu biết các pháp không liên hệ đến cõi nào chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có đạo; hoặc hiểu biết do dự, hoang mang, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết các pháp như thế, các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do tu mà đoạn trừ ở cõi Dục, có thể phân biệt hiểu biết các pháp do tu mà đoạn trừ ở cõi Dục chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như tham lam, giận dữ, kiêu mạn, ngu si; hoặc thô bạo, Khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó; có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý, không đúng lý, đều đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu biết rõ ràng các pháp đoạn trừ bốn đại đất-nước-gió-lửa chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, Khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại, Khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải là đúng lý, không đúng lý, đều

đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu biết rõ ràng các pháp đoạn trừ bốn đại của cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, Khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các thứ bệnh hoạn; như ung nhọt, tên độc, não hại; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu biết rõ ràng các pháp do tu mà đoạn trừ ở cõi Sắc và cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, Khổ sở, chướng ngại. Hoặc tĩnh lặng, nhiệm mầu, lia xa. Hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại, Khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu biết rõ ràng các pháp không liên hệ với cõi nào chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như đối với Diệt gọi là Diệt, là tĩnh lặng, là nhiệm mầu, là lia xa. Hoặc đối với Đạo gọi là Đạo, là như, là hành, là xuất; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Các tâm do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Sắc, có thể phân biệt biết rõ các pháp do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ như các pháp hoặc chấp là ta, là cái của ta; hoặc chấp cho là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có khổ; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, tham lam, giận dữ, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt biết rõ các pháp đoạn trừ bốn đại đất-nước-gió-lửa chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như chấp cho là ta, là cái của ta; hoặc chấp cho là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có khổ; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt biết rõ năm pháp đoạn trừ ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có khổ; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế còn các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do thấy Tập mà đoạn trừ ở cõi Sắc, có thể phân biệt hiểu rõ các pháp do thấy Tập mà đoạn trừ ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có nhân; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, tham lam, giận dữ, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt hiểu biết về năm pháp đoạn trừ bốn đại đất-nước-gió-lửa thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ như các pháp bài bác là không có nhân; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Sắc, có thể hiểu biết rõ ràng các pháp do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc các thứ tham lam, giận dữ, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể biết rõ các pháp không liên hệ với cõi nào chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có Diệt, hoặc hiểu biết do dự, hoang mang, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, các việc khác thì không hiểu biết.

Các tâm do thấy Đạo mà đoạn trừ ở cõi Sắc, có thể hiểu biết rõ ràng các pháp do thấy Đạo mà đoạn trừ ở cõi Sắc chăng?

Hiểu rất rõ các pháp như hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hẳn, là trên hết, là bậc nhất. Hoặc chấp mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc là tham lam, kiêu mạn, ngu si. Hoặc hiểu biết những điều dẫn giải không đúng lý.

Cũng có thể hiểu biết rõ ràng về các pháp không liên hệ với cõi

nào chẳng?

Hiểu rất rõ các pháp như bài bác không có đạo; hoặc hiểu biết còn do dự, ngu si; hoặc hiểu biết những điều dẫn giải không đúng lý.

Hiểu biết như vậy, các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do tu mà đoạn trừ ở cõi Sắc, có có thể hiểu rõ các pháp do tu mà đoạn trừ ở cõi Sắc chẳng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như tham lam, kiêu mạn, ngu si; hoặc thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc tĩnh lặng, mầu nhiệm, xa lìa; hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại, khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải là đúng lý, không đúng lý, đều đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt biết rõ được năm thứ tâm ở cõi Dục và các pháp đoạn trừ bốn đại chẳng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại, khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt biết rõ các pháp đoạn trừ bốn đại ở cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các loại bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại, khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt biết rõ các pháp do tu mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, khổ sở, chướng ngại. Hoặc tĩnh lặng, mầu nhiệm, lìa xa. Hoặc xem như các bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại, khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu rõ các pháp không liên hệ với cõi nào chẳng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt thì gọi là Diệt, là tĩnh lặng, là mầu nhiệm, lìa xa. Hoặc đối với Đạo gọi là Đạo, là như, là

hành, là xuất. Hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Các tâm do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc, có thể phân biệt hiểu rõ các pháp do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ như các pháp hoặc chấp cho là ta, là cái của ta; hoặc chấp cho là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có khổ; hoặc cho ta là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho ta là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc tham lam, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết không đúng lý các điều dẫn giải.

Hỏi: Cũng có thể hiểu rõ các pháp đoạn trừ bốn đại chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như chấp cho là ta, là cái của ta; hoặc chấp cho là đoạn, là thường, hoặc bài bác là không có khổ; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho mình là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, còn các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do thấy Tập mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc, có thể biết rõ các pháp do thấy Tập mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có nhân; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang; hoặc tham lam, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu rõ các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu biết các pháp đoạn trừ bốn đại đất-nước-gió-lửa chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ như các pháp bài bác là không có nhân; hoặc chấp mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc các thứ mê lầm, nghi ngờ, do dự, hoang mang, vô trí, tối tăm, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do thấy diệt mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc, có thể phân biệt biết rõ các pháp do thấy diệt mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như chấp cho ta là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc các thứ tham lam, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể biết rõ các pháp không liên hệ với cõi nào chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có Diệt, hoặc hiểu

biết do dự, ngu si; hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, các việc khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do thấy Đạo đoạn trừ ở cõi Vô sắc, có thể biết rõ các pháp do thấy Đạo mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như chấp cho mình là tôn quý, là hơn hết, là trên hết, là bậc nhất không ai bằng. Hoặc chấp cho ta là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Hoặc các thứ tham lam, kiêu mạn, ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu biết rõ ràng các pháp không liên hệ với các cõi khác chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như bài bác là không có đạo; hoặc hiểu biết do dự hoang mang; hoặc ngu si; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải không đúng lý. Hiểu biết như thế, các thứ khác thì không hiểu biết.

Hỏi: Các tâm do tu mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc, có thể biết rõ các pháp do tu mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như tham lam, kiêu mạn, ngu si; hoặc thô bạo, Khổ sở, chướng ngại. Hoặc là tĩnh lặng, mâu nhiệm, lìa xa. Hoặc xem như các bệnh hoạn, các ung nhọt, tên độc, não hại, khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải là đúng lý, không đúng lý, đều đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể phân biệt biết rõ các pháp đoạn trừ bốn đại chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, Khổ sở, chướng ngại; hoặc xem như các thứ bệnh hoạn, ung nhọt, tên độc, não hại, khổ sâu; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc đối với nhân thì gọi là nhân, là Tập, là sinh, là duyên. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải là đúng lý, không đúng lý, đều đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể hiểu rõ năm tâm và các pháp đoạn trừ ở cõi Sắc chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như thô bạo, Khổ sở, chướng ngại; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý.

Hỏi: Cũng có thể biết rõ các pháp không liên hệ với cõi nào chăng?

Đáp: Hiểu rất rõ các pháp như đối với diệt thì gọi là Diệt, là tĩnh lặng, là mâu nhiệm, là lìa xa, hoặc đối với đạo thì gọi là đạo, là như, là

hành, là xuất; hoặc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Hoặc có nhân, có khởi, có chỗ đó, có việc đó; hoặc hiểu biết các điều dẫn giải đúng lý. Hiểu biết các việc như thế, các thứ khác thì không hiểu biết.

- Có mười lăm thứ tâm: Nghĩa là ở cõi Dục có năm tâm, ở cõi Sắc có năm tâm và ở cõi Vô sắc có năm tâm.

Hỏi: Thế nào là cõi Dục có năm tâm?

Đáp: Nghĩa là ở cõi Dục có tâm thấy Khổ mà đoạn trừ và có tâm thấy Tập, thấy Diệt, thấy Đạo, thấy tu... mà đoạn trừ.

Như năm thứ tâm ở cõi Dục, năm tâm của cõi Sắc và Vô sắc cũng thế.

Các tâm ở cõi Dục do thấy Khổ mà đoạn trừ, nếu có thể hiểu biết các pháp thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Dục, thì trong đó có bao nhiêu tùy miên là sự tùy tăng; nếu có thể hiểu biết các pháp khác thì trong đó có bao nhiêu tùy miên là sự tùy tăng...? Cho đến các tâm ở cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, nếu có thể hiểu biết các pháp do thấy tu mà đoạn trừ ở cõi Vô sắc, thì trong đó có bao nhiêu tùy miên là tùy tăng; nếu như có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó có bao nhiêu tùy miên là các tùy tăng?

Các tâm ở cõi Dục do thấy Khổ mà đoạn trừ, nếu có thể hiểu biết các pháp do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Dục, thì trong đó có tất cả các thứ tùy miên do thấy Khổ mà đoạn trừ ở cõi Dục và các thứ tùy miên biến hành do thấy Tập mà đoạn trừ là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác thì trong đó cũng có tất cả thứ tùy miên do thấy Khổ mà đoạn trừ và các thứ tùy miên biến hành do thấy Tập mà đoạn trừ, là các tùy tăng.

Các tâm ở cõi Dục do thấy Tập mà đoạn trừ, nếu có thể hiểu biết các pháp do thấy Tập mà đoạn trừ, thì trong đó có tất cả các thứ tùy miên do thấy Tập mà đoạn trừ và các thứ tùy miên biến hành do thấy Khổ mà đoạn trừ, là sự tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó cũng có tất cả các thứ tùy miên do thấy Tập mà đoạn trừ và các thứ tùy miên biến hành do thấy Khổ mà đoạn trừ, là các tùy tăng.

Các tâm ở cõi Dục do thấy Diệt mà đoạn trừ, nếu có thể nhận biết các pháp do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Dục, thì trong đó có các tùy miên hữu lậu duyên do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Dục và các thứ tùy miên biến hành, là các tùy tăng. Nếu có thể nhận biết các pháp khác, thì trong đó có tất cả các thứ tùy miên do thấy Diệt mà đoạn trừ ở cõi Dục và các thứ tùy miên biến hành, là các tùy tăng.

Các tâm ở cõi Dục do thấy Đạo đoạn trừ, nếu có thể biết rõ các

pháp do thấy Đạo mà đoạn trừ, trong ấy cũng thuộc cõi Dục, do thấy Đạo mà đoạn, các tùy miên hữu lậu duyên, tùy miên biến hành, nói là tùy tăng.

Nếu có thể biết rõ mọi pháp không hệ thuộc, trong đó thuộc cõi Dục, do thấy Đạo mà đoạn trừ hết thấy tùy miên, tùy miên biến hành, thì nó là tùy tăng.

Tâm do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, nếu có thể biết rõ pháp mà tu mà đoạn thuộc cõi Dục, thì hết thấy tùy miên và tùy miên biến hành do tu mà đoạn, thì đó là tùy tăng.

Nếu có thể biết rõ những pháp khác, trong ấy thuộc cõi Dục có mọi tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn, thì đó là tùy tăng.

Như tâm thuộc cõi Dục, tâm thuộc cõi Sắc và Vô sắc cũng vậy.

- Có mười lăm thứ tâm: Tức là thuộc cõi Dục có năm tâm, thuộc cõi Sắc có năm tâm, thuộc cõi Vô sắc có năm tâm.

Hỏi: Năm tâm thuộc cõi Dục là những gì?

Đáp: Là tâm do thấy Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục.

Là tâm do thấy Tập Diệt Đạo và tu mà đoạn.

Như năm tâm thuộc cõi Dục, năm tâm thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng vậy. Mười lăm tâm ấy hoặc là thiện, bất thiện, hoặc hữu phú vô ký, hoặc vô phú vô ký.

Tâm thiện do thấy Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục có thể duyên lấy thức, thì có bao nhiêu tùy miên gọi là tùy tăng?

Tâm bất thiện do thấy Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, có thể duyên lấy thức, thì có bao nhiêu tùy miên gọi là tùy tăng?

Như tâm thấy Khổ mà đoạn, tâm thấy Tập Diệt Đạo tu mà đoạn cũng vậy.

Như thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và Vô sắc cũng vậy.

Các tâm thấy Khổ mà đoạn thuộc cõi Dục, không phải là thiện và vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, mà chỉ có tâm bất thiện và hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc là tùy tăng.

Các tâm thấy Tập mà đoạn thuộc cõi Dục, nó không phải là thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, mà chỉ có bất thiện là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc là tùy tăng.

Các tâm thấy Diệt mà đoạn thuộc cõi Dục, nó không có thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, mà chỉ có tâm bất thiện là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục và tùy miên hữu lậu duyên do thấy Diệt mà đoạn thuộc cõi Dục, và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục, không có thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, mà chỉ có tâm bất thiện là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên hữu lậu duyên do thấy Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm do tu mà đoạn thuộc cõi Dục, không có hữu phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, có tâm thiện - bất thiện, vô phú vô ký có thể duyên lấy thức. Chúng có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn, thuộc cõi Sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Khổ mà đoạn thuộc cõi Sắc, không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký thì có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Tập mà đoạn thuộc cõi Sắc, không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục, cõi Sắc và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Diệt mà đoạn thuộc cõi Sắc, không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục, cõi Sắc và tùy miên hữu lậu duyên do thấy Diệt mà đoạn thuộc cõi Sắc và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc, không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục, cõi Sắc và tùy miên hữu lậu duyên do thấy Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc, không có bất thiện, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc cõi Dục, cõi Sắc và tùy miên biến hành, tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm do thấy Khổ mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc ba cõi, đó là tùy tăng.

Các tâm do thấy Tập mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, không có thiện, bất thiện vô phú vô ký cũng không có tâm nào duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc ba cõi, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Diệt mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc ba cõi và tùy miên hữu lậu duyên do thấy Diệt mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm thấy Đạo mà đoạn, thuộc cõi Vô sắc không có thiện, bất thiện, vô phú vô ký, cũng không có tâm có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm hữu phú vô ký có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc ba cõi và tùy miên hữu lậu duyên do thấy Đạo mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, đó là tùy tăng.

Các tâm do tu mà đoạn thuộc cõi Vô sắc, không có bất thiện, cũng không có tâm nào có thể duyên lấy thức, chỉ có tâm thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký là có thể duyên lấy thức. Nó có ba phần tùy miên thuộc ba cõi, đó là tùy tăng.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 11

Uẩn Thứ 5: TẬP, Phần 1

Tụng Ốt-đà-nam:

*Tạp uẩn nhiễm rồi sau mới biết,
Sắc có tiếp nhận tâm thế gian,
Duyên vô gián tăng- đoạn đoạn nhiễm thiện,
Phần kiến duyên giới rõ ràng sau.*

- Có sáu thức thân: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Năm thức thân thì chỉ có thể khởi nhiễm chứ không có thể nào lìa khỏi nhiễm.

Ý thức thân cũng có thể khởi nhiễm mà cũng có thể lìa nhiễm. Còn các cõi Na-lạc-ca (địa ngục), cõi bàng sinh và cõi Tổ vực (ngạ quỷ), những kẻ dứt bỏ căn thiện, những kẻ thuộc tánh tà định, Bắc cầu lô châu, tâm loài hữu tình vô tướng..., thì chỉ có thể khởi nhiễm mà không thể nào lìa nhiễm. Những người thuộc tánh bất định, người thuộc tánh chánh định, châu Nam Thiệm-bộ, Đông Tỳ-đề-ha, Tây Cù-đà-ni cùng các tâm loài hữu tình..., thì cũng có thể khởi nhiễm mà cũng có thể lìa nhiễm. Các cõi trời như trời Tứ Đại Vương Chúng, trời Ba Mười Ba, trời Dạ-xoa, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại, trời Phạm Thế, trời Quang Âm, trời Biến Tịnh, loài hữu tình vô tướng, trời Bất Nhiếp Quảng Quả, và các loài trung hữu thân, các loài vô sắc, các tâm loài hữu tình... cũng có thể khởi nhiễm, nhưng cũng có thể lìa nhiễm.

Những kẻ có tâm tùy tín hành và tùy pháp hành chỉ có thể lìa nhiễm chứ không thể nào khởi nhiễm. Những người có tâm tín, thắng giải, kiến đắc, thân chứng... cũng có thể khởi nhiễm mà cũng có thể lìa nhiễm. Những người có tâm tuệ giải thoát và giải thoát toàn phần... thì không có thể khởi nhiễm cũng không thể nào lìa nhiễm. Nhưng Có thể có nơi nói hai loại đó cũng có thể lìa nhiễm, là theo phạm vi xa mà nói.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Các pháp có sắc thì sáu thức nhận biết, nhưng pháp có sắc chỉ có năm thức nhận biết. Các pháp vô sắc chỉ một thức nhận biết, nhưng pháp vô sắc không phải là thức nhận biết. Các pháp có thấy chỉ hai thức nhận biết, nhưng pháp có thấy chỉ một thức nhận biết. Các pháp không thấy thì năm thức nhận biết, nhưng pháp không thấy chỉ bốn thức nhận biết. Các pháp có đối nghịch thì sáu thức nhận biết, nhưng pháp có đối nghịch chỉ năm thức nhận biết. Các pháp không đối nghịch chỉ một thức nhận biết, nhưng pháp không đối nghịch thì không phải là thức nhận biết. Các pháp hữu lậu thì sáu thức nhận biết, nhưng pháp hữu lậu chỉ có năm thức nhận biết. Các pháp vô lậu chỉ một thức nhận biết, nhưng pháp vô lậu thì không phải là thức nhận biết. Các pháp hữu vi thì sáu thức nhận biết, nhưng pháp hữu vi chỉ có năm thức nhận biết. Các pháp vô vi chỉ có một thức nhận biết, nhưng pháp vô vi không phải là thức nhận biết.

- Có sáu thức thân: Là các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Sắc là duyên làm cho mắt sinh ra nhãn thức. Nếu như nhận thấy màu xanh đỏ là vừa ý, thì nhận biết màu xanh đỏ là thích ý vui lòng hợp với xúc-thọ-tưởng-tư. Khi màu xanh đỏ đã trở thành thứ thích ý vui lòng thì nó khiến các căn thêm lớn, thân tứ đại vui tươi.

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nếu khi có màu xanh trái ý gây khổ, và khi nhận biết màu xanh đỏ trái ý gây khổ, bực bội với cả xúc-thọ-tưởng-tư, thì màu xanh đỏ chính là sự trái ý, nó khiến các căn hao giảm không phát triển, nên gây cho thân bốn đại bực bội, nhăn nhó, xấu xí...

Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nếu khi có màu xanh không vừa ý cũng không trái ý thì không có thọ vui hay khổ. Khi nhận biết màu xanh đỏ không thích ý cũng không gây trái ý nên chẳng có khổ vui, thì xúc thọ tưởng tư đối với nó cũng trở trở chẳng thích chẳng ghét, không khổ không vui, nên khiến các căn cũng chẳng lớn lên mà cũng không hao tổn, và thân tứ đại thì cũng chẳng vui buồn.

Như về màu xanh, các màu vàng đỏ trắng cũng thế. Như nhãn thức, các thức nhĩ - tỷ - thiệt - thân... cũng thế.

Ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức. Nếu khi có các pháp thích ý vui lòng thì hiểu biết pháp đó vui lòng thích ý hợp với xúc - thọ - tưởng - tư. Khi pháp đó thích ý vui lòng thì khiến các căn lớn mạnh và thân tứ đại vui tươi.

Ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, nếu khi có các pháp trái ý

gây khổ, và khi nhận biết pháp đó trái ý gây khổ, trái ngược với cả xúc thọ tưởng tư, thì pháp đó trở thành sự trái nghịch, nó khiến các căn hao giảm nên thân tứ đại bức bội buồn khổ, nhăn nhó xấu xí.

Ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức, nếu khi có các pháp không thích ý cũng không trái ý không có thọ vui hay khổ. Khi nhận biết pháp đó không thích ý cũng không trái ý nên chẳng có vui khổ thì xúc thọ tưởng tư đối với nó cũng trở không thích, không ghét, không khổ, không vui, nên khiến các căn cũng không lớn lên hay hao tổn, do đó mà thân tứ đại cũng chẳng vui buồn.

Hoặc có các thứ sắc không có hình thù nhưng có màu sắc rõ ràng. Có loại màu sắc rõ ràng mà hình thù lại không có, có loại thì màu sắc và hình thù đều có, có loại thì cả hình thù và màu sắc đều không.

Loại có màu sắc mà không hình thù, như các loại màu xanh - vàng - đỏ - trắng v.v..., như trời sáng thì hiện ra rõ ràng, lúc tối trời thì không thấy gì cả.

Loại có hình thù mà không màu sắc, tức là thân thể tạo nên các nghiệp, các hành động nói năng làm việc...

Loại có màu sắc và hình thù, đó là các vật vừa có màu sắc vừa có hình thù sờ chạm được...

Loại không cả màu sắc lẫn hình thù, là các vật mà màu sắc lẫn hình thù đều không có (gió, tiếng, mùi).

Hỏi: Có thể có các thứ liên hệ với tâm, liên hệ với nghiệp (tâm liên hệ, nghiệp liên hệ). Nếu tâm liên hệ với nghiệp này thì có quả liên hệ chăng?

Đáp: Có.

Như tâm liên hệ với cõi Dục, nghiệp liên hệ với cõi Dục, tâm đó nghiệp đó sẽ có quả liên hệ với Dục. Nếu tâm liên hệ với cõi Sắc và cõi Vô sắc, thì nghiệp liên hệ với cõi Sắc cõi Vô sắc, sẽ có quả liên hệ với cõi Sắc - cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể có các tâm liên hệ, nghiệp liên hệ, và với tâm đó, nghiệp đó mà có quả không liên hệ gì chăng?

Đáp: Có! Ấy là như cõi Sắc mà biến hóa ra cõi Dục, rồi làm các việc của cõi Dục, nói các lời nói của cõi Dục... Và cũng như cõi Sắc, cõi Vô sắc có thể dứt các kiết trói buộc mà chứng quả.

Hỏi: Như có các thọ ở quá khứ, thì nó đã diệt hết chăng?

Đáp: Nếu các thọ ở quá khứ thì nó đã diệt hết. Nhưng cũng có các thọ đã diệt mà không phải là thọ ở quá khứ, nghĩa là các thọ đã diệt trong cuộc đời đang sống đây vậy.

Hỏi: Có phải mọi thọ ở vị lai thì nó chưa sinh chăng?

Đáp: Các thọ ở vị lai, thì nó đều là chưa sinh. Nhưng các thọ ở vị lai thì không phải đều là thọ chưa sinh. Nghĩa là ở trong đời sống này có các thọ nhất định đang (sẽ) sinh ra.

Hỏi: Có phải các thọ ở hiện tại, tất cả đều ở hiện tại chăng?

Đáp: Các thọ ở hiện tại thì tất cả đều ở hiện tại. Nhưng các thọ ở hiện tại đều không phải hoàn toàn là hiện tại. Nghĩa là ở trong cuộc sống này đã diệt và cũng trong cuộc sống đó các thọ nhất định đang sinh ra.

- Có sáu thứ tâm: Nghĩa là tâm do thấy mà đoạn trừ, tâm do tu mà đoạn trừ thuộc cõi Dục. Có tâm do thấy mà đoạn trừ, do tu mà đoạn trừ thuộc cõi Sắc. Có tâm do thấy mà đoạn trừ, do tu mà đoạn trừ thuộc cõi Vô sắc.

Có thể có tâm do thấy mà đoạn trừ thuộc cõi Dục, thì quyết định là chỉ duyên với pháp thiện chăng? Hay chỉ duyên với pháp bất thiện? Hay chỉ duyên với pháp hữu phú vô ký? Hay chỉ duyên với pháp vô phú vô ký?

Như tâm do thấy mà đoạn trừ, thì tâm do tu mà đoạn trừ cũng như thế. Như thuộc cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc cũng như thế.

Hỏi: Có thể có tâm cõi Dục do thấy mà đoạn trừ, thì nó quyết định chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Dục do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, thì có các duyên tùy miên vô lậu tương ứng với các tâm.

Hỏi: Có thể có tâm do thấy mà đoạn trừ thuộc cõi Dục, thì nó quyết định là chỉ duyên nơi pháp bất thiện?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Dục do thấy Tập mà đoạn trừ, thì các thứ tùy miên biến hành không tương ứng với các tâm, mà chỉ có các tùy miên duyên hữu lậu thuộc cõi Dục do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, là nó tương ứng với các tâm ấy mà thôi.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Dục do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên nơi các pháp hữu phú vô ký hay vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Dục do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên nơi pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là không thuộc cõi Dục và không vô nguyện, vô nguyện lại tương ứng với các tâm ấy.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Dục do tu mà đoạn trừ, thì quyết định

là chỉ duyên với pháp bất thiện chăng? Hay chỉ duyên với hữu phú vô ký?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Dục do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là ba thức của thân ở cõi Dục là vô tướng, và vô tướng thuộc cõi Dục tương ứng với các tâm ấy.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Sắc do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, thì có các thứ tùy miên duyên vô lậu là tương ứng với tâm ấy.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp bất thiện chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp hữu phú vô ký?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Sắc do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ, thì các thứ tùy miên biến hành không tương ứng với tâm ấy, mà chỉ có các tùy miên duyên hữu lậu thuộc cõi Sắc do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, thì nó tương ứng với các tâm ấy mà thôi.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là nó chỉ duyên với pháp vô phú vô ký?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là không thuộc cõi Sắc là không - vô nguyện, vô nguyện tương ứng với các tâm ấy.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp bất thiện chăng? Hay duyên với pháp hữu phú vô ký?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Sắc do tu mà đoạn trừ, thì nó quyết định là chỉ duyên với pháp vô phú vô ký?

Đáp: Có. Nghĩa là một thức của thân, và vô tướng thuộc cõi Sắc là tương ứng với các tâm ấy.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là có các thứ tùy miên duyên vô lậu thuộc cõi Vô

sắc do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, thì nó tương ứng với các tâm ấy.

Hỏi: Có thể có các tâm thuộc cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp bất thiện chăng?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có các tâm thuộc cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp hữu phú vô ký?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Vô sắc, do thấy Khổ-Tập mà đoạn trừ thì có các thứ tùy miên biến hành không tương ứng với các tâm ấy, mà chỉ có các thứ tùy miên duyên hữu lậu thuộc cõi Vô sắc do thấy Diệt-Đạo mà đoạn trừ, thì nó tương ứng với các tâm ấy mà thôi.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Vô sắc do thấy mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp vô phú vô ký?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp thiện chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là không thuộc cõi Sắc là không- vô nguyện mà vô nguyện là không tương ứng với tâm ấy.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp bất thiện chăng? Hay duyên với pháp hữu phú vô ký?

Đáp: Không.

Hỏi: Có thể có tâm thuộc cõi Vô sắc do tu mà đoạn trừ, thì quyết định là chỉ duyên với pháp vô phú vô ký?

Đáp: Có. Nghĩa là vô tướng thuộc cõi Vô sắc, vô tướng tương ứng với các tâm ấy.

Hỏi: Có thể có các pháp ở thế gian tùy thuận hữu lậu thuộc về chấp giữ và do các uẩn thô giữ. Nhưng tự bên trong lại khởi lên các suy nghĩ tuyển chọn để sinh ra các tánh thiện nhiệm mầu thuộc cõi Dục, mà chỉ có các bậc Thánh chứ không cùn loại với hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là hiện quán thuộc cõi Dục phát sinh các trí thế tục thuộc hậu biên.

Hỏi: Có thể có các pháp ở thế gian tùy thuận với hữu lậu rồi chấp giữ và do các uẩn thô giữ. Nhưng tự bên trong lại khởi lên các suy nghĩ tuyển chọn để sinh ra các tánh thiện nhiệm mầu tùy thuộc vào cõi Sắc, chỉ do các bậc Thánh chứ không cùn loại với hàng phàm phu chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là hiện quán thuộc cõi Sắc là thế tục trí hậu biên.

Hỏi: Có thể có các pháp ở thế gian tùy thuận với hữu lậu rồi chấp

giữ và do các uẩn thân giữ. Nhưng bên trong lại khởi lên các suy nghĩ tuyển chọn để sinh ra các tánh thiện nhiệm mầu tùy thuộc vào cõi Vô sắc, do đó mà các bậc Thánh không cùng loại với hàng phàm phu chằng?

Đáp: Có. Nghĩa là định diệt tận.

Hỏi: Có thể có các pháp ở thế gian tùy thuận với hữu lậu rồi chấp giữ và do các uẩn thân giữ. Nhưng bên trong lại khởi lên các suy nghĩ tuyển chọn để sinh ra các tánh thiện nhiệm mầu tùy thuộc vào cõi Dục, có pháp định vô lậu luôn luôn duyên với pháp vô lậu không gián đoạn. Nên các bậc Thánh do đó mà không chung loại với tất cả các hàng phàm phu chằng?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Dục, không đối với không, vô nguyện đối với vô nguyện và vô tướng đối với vô tướng.

Hỏi: Có thể có các pháp ở thế gian tùy thuận với hữu lậu rồi chấp giữ và do các uẩn thân giữ điều hành, nhưng bên trong lại khởi lên các suy nghĩ tuyển chọn để sinh ra các tánh thiện nhiệm mầu tùy thuộc vào cõi Sắc, có pháp định vô lậu luôn duyên với pháp vô lậu không gián đoạn. Nên các bậc Thánh không chung loại với tất cả các hàng phàm phu chằng?

Đáp: Có. Nghĩa là thuộc cõi Sắc mà không đối với không, vô nguyện đối với vô nguyện và vô tướng đối với vô tướng.

Hỏi: Có thể có các pháp ở thế gian tùy thuận với hữu lậu rồi chấp giữ và do các uẩn thân giữ, nhưng bên trong lại khởi lên các suy nghĩ tuyển chọn để sinh ra các tánh thiện nhiệm mầu tùy thuộc vào cõi Vô sắc, có các pháp định vô lậu luôn duyên với pháp vô lậu không gián đoạn. Nên các bậc Thánh không chung loại với các hàng phàm phu chằng?

Đáp: Có. Nghĩa là ở cõi Vô sắc mà không đối với không, vô nguyện đối với vô nguyện và vô tướng đối với vô tướng.

- Có mười hai tâm: Nghĩa là thuộc cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Ở cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Ở cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, và tâm hữu học, tâm vô học.

Ở cõi Dục các tâm thiện không gián đoạn thì sinh bao nhiêu tâm..., cho đến tâm vô học không gián đoạn thì sinh bao nhiêu tâm?

Thuộc cõi Dục tâm thiện không gián đoạn thì sinh ra chín tâm, còn tâm bất thiện thuộc cõi Dục và tâm hữu phú vô ký không gián đoạn thì

có bốn tâm. Tâm vô phú vô ký không gián đoạn thì có bảy tâm.

Thuộc cõi Sắc tâm thiện không gián đoạn thì có mười một tâm. Còn tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký không gián đoạn thì có sáu tâm.

Thuộc cõi Vô sắc tâm thiện không gián đoạn thì có chín tâm, còn tâm hữu phú vô ký không gián đoạn thì có bảy tâm và tâm vô phú vô ký không gián đoạn thì có sáu tâm, tâm hữu học không gián đoạn thì có năm tâm và tâm vô học không gián đoạn thì có bốn tâm.

- Có mười hai tâm: Nghĩa là thuộc cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Thuộc cõi Sắc, có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký.

Thuộc cõi Vô sắc, có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký và tâm hữu học, tâm vô học.

Tâm thiện thuộc cõi Dục, đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do bao nhiêu duyên mới có thể nói là duyên?

Tâm thiện thuộc cõi Dục..., cho đến đối với tâm vô học, phải do bao nhiêu duyên thì mới có thể nói là duyên? Cho đến tâm vô học đối với tâm vô học, phải do bao nhiêu duyên thì mới có thể nói là duyên?

Tâm thiện thuộc cõi Dục đối với tâm thiện thuộc cõi Dục do các nhân duyên là Vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên, mới có thể là duyên.

Đối với tâm bất thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên, có thể nói là duyên. Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, do các nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, do Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên. Còn đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể gọi là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên

duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm bất thiện đối với tâm bất thiện, phải do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, phải có nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc và tất cả tâm thuộc cõi Vô sắc, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên... thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký và tất cả tâm thuộc cõi Vô sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên và

Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện - tâm bất thiện, và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm bất thiện thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, chỉ

do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm bất thiện thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, thì do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, thì chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm học và tâm vô học, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm học đối với tâm học, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô học, cũng do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký ở cõi Dục, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Tâm vô học đối với tâm vô học, do nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Dục, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm bất thiện, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, chỉ do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, do Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, do một Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Đối với tâm hữu học thì do Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thì có thể nói là duyên.

Hỏi: Thế nào là Tăng thượng duyên?

Đáp: Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, nhãn thức này lấy mắt làm tăng thượng duyên. Cũng do sắc mà tai- tiếng và nhĩ thức, mũi hương và tỷ thức, lưỡi- vị và thiệt thức, thân xúc và thân thức, ý - pháp cùng ý thức hoặc các thứ đó đều tương ứng với pháp, hoặc các thứ đó đều có pháp, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc vật thấy được, hoặc không thấy được, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi..., tất cả các pháp như thế đều là Tăng

thượng duyên, chỉ trừ tự tánh của các pháp đó. Như thế thì tai- mũi- lưỡi- thân- ý- pháp đều làm duyên để sinh ra ý thức. Ý thức này lấy ý làm Tăng thượng duyên. Cũng bởi vì pháp mà mắt sắc và nhãn thức, tai- tiếng và nhĩ thức, mũi- hương, và tỷ, lưỡi- vị và thiệt thức, đụng chạm và thân thức hoặc các thứ này cùng tương ứng với pháp, hoặc các thứ này đều có các pháp, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc thấy được, hoặc không thấy được, hoặc có đối, hoặc không đối, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi..., tất cả các pháp như thế đều là Tăng thượng duyên, chỉ trừ tự tánh của các pháp đó, thì gọi là Tăng thượng duyên.

Những kẻ dứt hết căn thiện, nó đoạn dứt như thế nào và hành tướng của việc đoạn dứt căn thiện ra sao?

Như có một kẻ ác làm hại cha hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, và khởi tâm ác dữ làm thân Như Lai chảy máu..., thì có thể đoạn dứt căn thiện.

Các nguyên cơ thúc đẩy ý nghĩ hại mạng mẹ mình, thì kẻ ấy hại như thế nào, hành tướng của việc tàn hại ra sao?

Như có một người bản tánh có đủ các thói tham sân si rất mạnh. Do đó họ ham mê chơi bời, phóng đãng, ham ăn uống, ham dâm, luôn đánh bạn với đám côn đồ bạo ác, lây nhiễm quen thói phóng dật. Bà mẹ thấy thế liền quyết ý đến can ngăn: Này con ơi, chớ nên ham mê phóng đãng, ăn uống, ham dâm, hãy thôi chớ đánh bạn với đám côn đồ bạo ác nữa. Con đừng nên tạo các nghiệp ác mà phải bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh. Con phải tránh xa các đường dữ đó ngay từ bây giờ. Do bà mẹ quyết chí hết lời can ngăn nên khiến người con phát sinh giận dữ, đã không thềm nghe, không thềm tin mà lại oán trách: Khổ thay uống phải trà độc! Cớ sao bà cứ ngăn cản mình vui chơi, kết thân với bạn bè chí thiết? Nếu bà ấy còn đến đây nói mãi những điều vô bổ kia thì mình sẽ giết bà liền. Như thế là có thể đoạn dứt căn thiện. Càng về sau, người ấy càng tăng thêm giận dữ, không hề biết tin nhận điều phải trái, càng trở nên dữ tợn hơn. Vì quá dữ tợn sân hận như thế, nếu sau này có đổi ý tu tỉnh, chừa bỏ thói giận dữ thì chính vì sự ràng buộc của tánh giận dữ kia mà khiến có ý tưởng hại mẹ. Người đó do các nghiệp thân - miệng - ý như thế, nên khi mong cầu ước muốn làm việc gì đều có tính cách tà vạy, sai trái. Vì thế đã hủy diệt bao sự việc từng làm từ trước, các tướng đều tướng, giả lập mà nói, trụ vào nhóm bất định, có chủng tánh bất định. Do đó có thêm được các điều trước đây chưa được, các tướng đều tướng, giả lập mà nói, mà đặt tên, nên lại rơi vào các nhóm tà quấy,

có bản chất tà quấy, như vậy là nhận lấy Bồ-đặc-già-la thứ năm thuộc chủng loại hỗn tạp, cùng tiếp tay với đám bạn xấu, cũng như đã từng tạo bao điều ác ở nơi này chốn nọ.

Gọi là hại mẹ hại cha, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và khởi tâm độc ác làm thân Phật chảy máu, thì những kẻ đó chỉ vì vài nguyên cớ bé nhỏ mà nghĩ đến việc hại cha giết mẹ. Việc tàn hại và hành tướng giết hại cha cũng giống như việc hại mẹ đã nói.

Còn những kẻ hại mạng Thanh văn, A-la-hán thì việc tàn hại và hành tướng giết hại ra sao?

Như có một kẻ đối với y- bát của Thanh văn và A-la-hán, hoặc các thứ vật dụng sinh sống đúng pháp của các bậc Sa-môn, mà lại sinh lòng tham muốn cùng cực, không bao giờ quên. Hấn nghĩ: Ta phải quyết lấy cho được các thứ đó. Nếu mấy ông ấy biết được có ý làm hại ta, như bắt bỏ giam giữ, đuổi đi hay mắng nhiếc, khiến ta phải mất mặt không còn được tôn trọng nữa thì ta phải giết ngay lập tức. Như thế là đoạn dứt căn thiện.

Lại như có các vị Thanh văn, A-la-hán ở giữa đại chúng tự bàn luận trình bày chỉ rõ các điều sai trái để ngăn ngừa, cấm đoán và phá bỏ các lỗi lầm của người khác. Trong đó có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn xấu ôm lòng oán hận, thấy bạn mình bị luận bàn chê trách thì cho là bị oán hại, nên trách cứ: Khổ thay, lại uống trà độc rồi. Cớ sao mấy ông Sa-môn này cứ ở giữa đại chúng bàn luận, chỉ bày về việc sai trái của người khác để ngăn ngừa, cấm đoán, phá bỏ. Nếu các ông ấy cứ nói mãi với ta những điều như thế thì ta sẽ giết ngay. Như thế là đoạn dứt các căn thiện.

Sau này, vì tức giận mà không thêm tin nhận điều hay lẽ phải, càng ngày sự giận dữ càng phát triển mạnh, do đó mà sau này có đổi ý tu tỉnh, đoạn trừ các giận dữ thì chính sự trói buộc của giận dữ đó mà khiến có ý nghĩ muốn giết hại các bậc Thanh văn, A-la-hán. Kẻ ấy, do các nghiệp của thân- ngữ- ý như thế, nên khi mong cầu ước muốn làm các việc gì, đều có tính cách tà vạy sai trái cả. Như vậy là đã hủy diệt bao nhiêu việc từng làm trước đây, rồi đặt điều tưởng tượng ra mà nói, rơi vào các nhóm bất định, chủng tánh bất định, vì thế thực hiện các việc trước đây chưa làm, rồi đặt điều tưởng tượng ra mà nói, trụ vào các nhóm, các tính chất tà định, sai trái, nên nhận lấy chủng loại Bồ-đặc-già-la thứ năm, thuộc giống loại hỗn tạp, tiếp tay với bạn xấu, tạo ra các việc ác ở nơi này chốn nọ. Nên gọi là loại người hại cha giết mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, khởi tâm độc ác khiến thân Như Lai

chảy máu.

Những người giết hại Thanh văn, A-la-hán thì giết hại như thế, hành tướng hại như thế. Còn những kẻ phá hòa hợp Tăng chúng là đệ tử của Như Lai, thì sự phá hoại như thế nào, hành tướng phá hoại ra sao?

Như có một kẻ đối với phi pháp mà nghĩ cho là pháp, đối với điều không phải Tỳ-nại-da mà nghĩ cho là Tỳ-nại-da. Người ấy không che giấu các ý tưởng đó, không che giấu sự công nhận đó, cũng không hề giấu giếm sự vui thích, quan sát thấy biết như thế. Đối với các đệ tử Thanh văn của Như Lai là Tăng chúng hòa hợp cần dạy bảo, khuyên răn, khiến họ đều vui thích tu học, thọ trì, thì họ nói rằng đây là chánh pháp, đây là Tỳ-nại-da, đây là lời dạy của bậc Đại tôn sư. Nay các thầy nên đối với chánh pháp đó, Tỳ-nại-da đó, lời dạy của bậc Đại tôn sư đó, công nhận sự giảng giải, chỉ bày, phải nên luôn suy nghĩ, nhận xét. Hoặc giả do thân đó là chủng loại thứ năm mà khởi lòng tin nhận, suy xét, dù đó là loại Bồ-đặc-già-la thấp nhất trong số này. Tuy nói là có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng, là đệ tử của Như Lai, song không thể sống đủ một kiếp để chịu tội.

Lại như có một kẻ đối với pháp mà nghĩ cho là phi pháp, đối với Tỳ-nại-da thì cho rằng không phải là Tỳ-nại-da. Người ấy không che giấu ý tưởng ấy, sự công nhận ấy, cũng không che giấu sự vui thích quan sát thấy biết đó. Khi đối với các đệ tử Thanh văn của Như Lai là Tăng chúng hòa hợp, nên khuyên răn chỉ dạy khiến họ vui vẻ thọ trì tu học, thì người ấy nói rằng đó đâu phải là chánh pháp, đâu phải là Tỳ-nại-da, đâu phải là lời dạy của bậc thầy lớn. Nay các thầy, nay các vị nên đối với các phi pháp này, các thứ không phải Tỳ-nại-da này mà nhận lấy tuân hành, phải nên nhận xét suy nghĩ. Hoặc giả do thân đó là chủng loại thứ năm mà khởi lòng tin nhận, nghĩ xét, dù đó là loại Bồ-đặc-già-la thấp nhất trong số này. Tuy nói là có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng, song không thể sống đủ một kiếp để chịu tội.

Lại như có một người đối với phi pháp thì nghĩ tưởng đó là phi pháp, đối với không phải Tỳ-nại-da thì nghĩ cho đó không phải là Tỳ-nại-da. Kẻ ấy giấu ý nghĩ đó, giấu sự công nhận đó, cũng giấu sự vui thích quan sát thấy biết đó. Đối với việc cần dạy bảo khuyên răn các đệ tử Thanh văn của Như Lai là Tăng chúng hòa hợp, khiến họ vui vẻ ham thích tu học, thọ trì, thì người này nói đó là chánh pháp, là Tỳ-nại-da, là bậc thầy lớn. Nay quý thầy, nay quý vị nên đối với chánh pháp đó, Tỳ-nại-da đó, bậc Đại sư đó, tin nhận, thọ trì, hiểu rõ, phải nên nhận xét, suy nghĩ. Hoặc giả do thân đó là hàng thứ năm mà biết tin nhận, nghĩ

xét, dù đó là Bồ-đặc-già-la thấp nhất trong số này. Nên nói kẻ ấy có thể phá hoại Tăng chúng hòa hợp, đệ tử của Như Lai, cũng có thể sống trọn một kiếp để chịu tội.

Lại như có một người đối với pháp thì nghĩ là pháp, Tỳ-nại-da thì nghĩ là Tỳ-nại-da. Người ấy giấu giếm ý nghĩ ấy, sự công nhận ấy, cũng che giấu sự vui thích quan sát thấy biết đó. Nên đối với việc cần dạy bảo, khuyên răn các đệ tử Thanh văn của Như Lai là Tăng chúng hòa hợp, khiến họ vui vẻ ham thích thọ trì tu học, người ấy bảo đó không phải là chánh pháp, không phải là Tỳ-nại-da, không phải là lời dạy của Đại sư. Nay quý thầy, nay quý vị nên đối với phi pháp này, với cái không phải là Tỳ-nại-da đây, không phải là lời dạy của Đại sư nên tin nhận, tuân hành, hiểu rõ, khởi lòng tin thọ. Giả như do thân ấy là hàng thứ năm mà nhận biết, xét tính dù đó là loại Bồ-đặc-già-la thấp nhất trong số này. Nên nói người ấy có thể phá hoại sự hòa hợp của Tăng chúng là đệ tử của Như Lai, cũng có thể sống trọn một kiếp để chịu tội.

Kẻ này vì các nghiệp thân, miệng ý đó nên khi mong cầu, ước muốn làm việc gì đều gọi là tà tánh cả. Do đó mà hủy diệt các thành tựu đã có từ trước, rồi đặt điều tưởng tượng, giả lập nói năng, nên lại rơi vào nhóm bất định, chủng tánh bất định. Vì thế thực hiện được các việc chưa thành, các tướng đều tướng, giả lập nói năng, lại trụ nơi tà định tụ và chủng tánh tà định, thu được năm loại Bồ-đặc-già-la thứ năm, thuộc giống loại hỗn tạp, tiếp tay với bạn xấu tạo ra các việc ác ở nơi này chốn nọ.

Đó gọi là kẻ hại cha giết mẹ, giết hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và khởi tâm độc ác làm thân Như Lai chảy máu. Những kẻ phá hoại sự hòa hợp Tăng chúng nơi những đệ tử Thanh văn của Như Lai thì phá hoại như thế, các hành tướng phá hoại như thế. Còn kẻ khởi tâm độc ác làm thân Như Lai chảy máu thì sự chảy máu đó và hành tướng chảy máu ấy như thế nào?

Nghĩa là như khi Như Lai ở giữa đại chúng tự nói năng, trình bày luận thuyết, nêu vấn đề chỉ dẫn, đối với những người khác luận bàn mà ngăn cấm và phá bỏ các sai trái; trong số đó, hoặc có các Sa-môn, Bà-la-môn ôm kiến chấp oán hại, nêu rõ sự bàn luận oán hại nên oán trách: Khổ thay phải uống trà độc rồi! Vì sao mấy ông Sa-môn đó cứ ở giữa đại chúng tự nói năng, trình bày luận thuyết, nêu vấn đề bàn luận về sự sai trái của người khác để ngăn chặn và phá bỏ. Nếu các ông ấy đến chỗ ta mà nói mãi những điều vô bổ, thì nhất định ta sẽ lấy mạng ngay. Như thế là đoạn dứt các căn thiện. Về sau này, do tức giận nên không

thêm tin nhận điều hay lẽ phải, càng ngày càng phát triển mạnh. Do đó dù sau này có đổi ý tu tỉnh để đoạn trừ các tật sân hận, nhưng vì sự trói buộc của giận dữ kia nên liền có ý nghĩ: Ta nay quyết định sẽ giết hại Như Lai. Song, các Đức Như Lai theo pháp thì không có cách nào có thể giết hại được, có thể khởi tâm độc ác thì cũng chỉ làm thân Như Lai chảy máu mà thôi. Người đó do nghiệp thân- miệng -ý như thế, nên khi mong cầu, ước muốn làm điều gì thì đều thuộc tà tánh, sai trái cả. Vì thế đã hủy diệt bao thành tựu từng làm từ trước, lại đặt điều tưởng tượng, giả mượn nói năng, rơi vào nhóm bất định và chủng tánh bất định, do đó thực hiện các việc trước kia chưa thành, lại đặt điều tưởng tượng, nói năng, rơi vào nhóm tà định và chủng tánh tà quấy, sai trái, nhận lấy chủng loại Bồ-đặc-già-la thứ năm, thuộc chủng loại hỗn tạp, tiếp tay với bạn xấu, tạo ra các sự việc ở nơi này chốn nọ.

Đó là những việc giết cha hại mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và khởi tâm độc ác làm thân Như Lai chảy máu. Những người khởi tâm độc ác làm thân Như Lai chảy máu thì việc làm và hành tướng làm chảy máu là như thế.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TÚC

QUYỂN 12

Uẩn Thứ 5: TẠP, Phần 2

Hỏi: Những người đoạn dứt căn thiện, sự đoạn dứt ấy như thế nào, hành tướng đoạn dứt ấy ra sao?

Đáp: Nghĩa là như có một người, ngày trước đã từng nghĩ đến việc hại cha giết mẹ nhưng không hề biết xấu hổ, ăn năn. Có thể cũng có một người cũng đã từng nghĩ đến việc giết hại mẹ cha, nhưng Có thể biết xấu hổ, ăn năn. Như thế, cả hai người này đều tu hành và được làm thầy một số Sa-môn, hoặc Bà-la-môn Ớt-yết-lạc-ca, hoặc những đám đồ đệ cùng loại. Họ cùng chấp về “không có”, lập lên luận thuyết “không có”, nói là nhân không có, nói rằng việc tạo tác không có... cứ như thế tạo ra vô số các nghiệp thiện, nghiệp ác thấy đều hư mất cả.

Có một số thường đến thưa hỏi: Thế nào là thiện, thế nào là bất thiện, thế nào là có tội, thế nào là không có tội, làm những việc gì sẽ có kết quả tốt lành chứ không phải xấu ác...? Hạng người này do gần gũi thờ phụng cúng dường các bậc thầy như thế, nên đối với các tội ác đã gây ra mà chưa hề hối lỗi, ăn năn thì khiến nó không thể sinh ra, khi đã có xấu hổ ăn năn thì khiến nó bị diệt trừ nhanh chóng. Hạng người ấy bảo: Sát sinh, ngu mê, dối trá không có quả báo, không có nghĩa lý, không có việc gì khởi sinh, không có ý vị, lợi ích gì cả. Không có việc sát sinh, không có việc sát sinh phải chiêu cảm quả dị thục. Như vậy, cũng không có việc trộm cắp, dâm dục tà hạnh, nói dối, nói lời ly gián, nói lời thô ác, nói thù dật và tham lam, giận dữ, tà kiến..., đều là ngu si, hư dối, không có quả báo, không có nghĩa lý, không có việc gì khởi sinh, không có ý vị gì, lợi ích gì, không có tà kiến v.v... Vì không có tà kiến v.v... nên không chiêu cảm quả dị thục.

Hạng người ấy đối với các việc như thế thì càng ham thích, công nhận tu hành và càng phát triển rộng. Vì các việc như thế nên nói rằng

hạng người đó thuộc phái tả đạo, tức là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà cần (tinh tấn), tà niệm và tà định. Vì hạng người ấy theo tả đạo như thế nên ba thứ căn thiện dần dần bị hao giảm, nhỏ yếu và biến mất, trái Có thể ba căn bất thiện thì càng ngày càng phát triển mạnh, dữ. Trong khi ba hạnh tốt dần dần bị hao giảm yếu ớt và biến mất, thì ba hạnh ác càng ngày càng phát triển mạnh, dữ. Mười nghiệp thiện càng ngày hao mòn, yếu ớt, thui chột thì mười nghiệp ác Có thể càng phát triển mạnh. Tám chánh hữu đạo thì yếu ớt, giảm sút, thui chột, còn tám tà tả đạo Có thể phát triển mạnh, dữ.

Do đó, hạng người này làm đủ mọi việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ly gián, nói lời hung ác, nói lời thù dật, tham lam, giận dữ, tà kiến... càng thêm nhiều, vì thế phần lớn họ không ở chốn yên tĩnh vắng lặng, giữ gìn luật pháp giới hạnh. Tuy rằng lúc đầu có phát sinh chút tâm thiện yếu ớt, cũng có tâm pháp và chánh kiến, nhưng biết bao nhiêu pháp xấu ác, bất thiện, phần lớn đều hiện hành ở phái tả đạo. Có thể như lúc Hè nóng bức sang mùa Thu mát mẻ, đêm đến mây giăng đen kịt, trời đất tối tăm, sấm động chớp lòe và dưới ánh chớp lóe sáng thì mọi vật hiện ra rồi biến mất nên tối đen ngay. Hạng người đó phần lớn đều không sống nơi vắng vẻ yên tĩnh, không tuân giữ luật pháp- giới hạnh. Tuy lúc thiếu thời có phát sinh chút tâm thiện yếu ớt cùng với tâm pháp và chánh pháp, nhưng biết bao nhiêu pháp xấu ác, bất thiện phần lớn đều hiện hành nơi phái tả đạo. Có thể như có người cuối Xuân, sang đầu mùa Hạ bị nóng khát bức bách, hơi gió nóng gây bao khổ sở... mà được ngâm mình trong ao nước trong mát, được xối bằng những vòi nước mát lạnh trong sạch, mặc tình uống tắm thỏa thích, xong rồi thì nhanh chóng ra về. Khấp thân thể bao nhiêu cấu bẩn đều sạch sẽ, trừ một số quá bé nằm ở lỗ chân lông.

Như thế những hạng người đó phần lớn đều không sống nơi yên tĩnh vắng vẻ, không tuân hành các pháp luật giới hạnh. Dầu lúc thiếu thời có phát sinh chút tâm thiện yếu ớt, có cả tâm pháp và chánh kiến, nhưng biết bao nhiêu pháp xấu ác bất thiện phần lớn đều hiện hành ở phái tả đạo.

Hạng người ấy về sau này cũng có lúc biết thương hại và coi quý mạng sống, nhưng chẳng hề biết xấu hổ, ăn năn hối lỗi. Cuối cùng là vẫn bài bác không có tất cả các nghiệp thiện ác, các quả dị thực. Do các việc vừa nói trên, nên bảo những người ấy đã đoạn dứt căn thiện có được ở ba cõi là: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Phải biết loại Bồ-đặc-già-la đó đối với các hiện pháp không thể nào tiếp tục có được các căn

thiện, nhất định khi chết rồi phải bị đọa vào địa ngục, hoặc lúc sinh thời tiếp tục tạo các căn thiện thì mới khỏi sa đọa được.

Hỏi: Về việc sát sinh giết hại, thì giết người đó (Bổ-đặc-già-la) cùng với việc giết hại trứng kiến, giậm nát kiến con, cái nào có tội lớn hơn?

Đáp: Nếu nói về việc bị trói buộc của quả dị thực thì cả hai tội đều bằng nhau.

Có thể có thuyết cho việc giết hại trứng kiến và kiến con thì tội lớn hơn là việc giết người. Tại sao như thế? Ấy là vì loài kiến còn ngây thơ vô tội chưa đoạn dứt căn thiện, còn hạng người kia thì thuộc loại đã mất căn thiện rồi.

Hạng người ấy do có các nghiệp thân- ngữ- ý xấu xa và mong ước gây những tội ác như thế, nên nói là thuộc về tà tánh, do đó mà bỏ hết các việc làm, các ý tưởng đã suy nghĩ, các giả đặt, nói năng từ trước để trụ vào chủng tánh và nhóm bất định, khi đó Có thể tạo ra các công việc, các ý tưởng, giả đặt nói năng... trước kia chưa làm xong, nên Có thể bị rơi vào nhóm và chủng loại tà định, rồi nhận lấy chủng loại Bổ-đặc-già-la thứ năm, thuộc chủng loại hỗn tạp, tiếp tay bạn bè sống giữa đám xấu ác, cùng ở chung, cùng làm việc và gây tạo thêm nhiều tội ác. Đó là những kẻ hại cha, giết mẹ, hại A-la-hán, phá hòa hợp Tăng và khởi tâm độc ác làm thân Như Lai chảy máu. Đó là kẻ đã đoạn dứt căn thiện, cách đoạn dứt và hành tướng đoạn dứt như thế.

Có thể như có một loại Bổ-đặc-già-la hiện tại đang mang các nhiễm ô ở cõi Dục, cho nên có bao nhiêu căn thiện thì hoặc bỏ mà không có được, hoặc có được mà không bỏ, hoặc cũng bỏ cũng có được, hoặc không bỏ cũng không có được.

Bỏ mà không có được, là khi đoạn dứt các căn thiện và đã lìa bỏ hết các tham của phàm phu ở cõi Dục, do đó thoát ly được sự ràng buộc của cõi Dục. Còn các căn thiện hiện có ở cõi Sắc và Vô sắc thì bỏ mà không có được. Như thế gọi là bỏ mà không có được.

Có được mà không bỏ, là khi các ngu mê lầm lạc luôn chấp giữ các căn thiện.

Cũng bỏ cũng có được, là khi ở cõi Vô sắc chết rồi sinh vào cõi Dục thì bỏ căn thiện ở cõi Vô sắc mà được các căn thiện ở cõi Dục. Khi từ cõi Sắc chết đi sinh vào cõi Dục thì bỏ hết căn thiện ở cõi Sắc và được căn thiện ở cõi Dục. Các bậc A-la-hán đã thoát ly khỏi sự ràng buộc nơi cõi Dục thì bỏ sự hệ thuộc nơi cõi Vô sắc và các căn thiện vô học mà có được căn thiện có học, và bỏ cả tâm vô học mà trụ vào tâm

hữu học, như thế gọi là cũng bỏ cũng có được.

Không bỏ cũng không có được, là không đoạn dứt căn thiện. Từ cõi Dục chết rồi Có thể sinh trở vào cõi Dục. Như thế gọi là không bỏ cũng không có được.

Có thể có một loại Bồ-đặc-già-la hiện tại đang mang các tâm ô nhiễm ở cõi Sắc, có bao nhiêu căn thiện hoặc bỏ mà không được, hoặc cũng bỏ mà cũng được, hoặc không bỏ cũng không được.

Bỏ mà không được, là đã lìa bỏ hết các tham ở cõi Sắc và có học nơi phàm phu, thoát ly khỏi cõi Sắc, còn các căn thiện ở cõi Vô sắc thì bỏ mà không được. Khi từ cõi Dục chết rồi sinh lên cõi Sắc, thì với các căn thiện ở cõi Dục bỏ mà không được. Như thế gọi là bỏ mà không được.

Cũng bỏ mà cũng được, là khi ở cõi Vô sắc chết rồi sinh nơi cõi Sắc thì bỏ các căn thiện cõi Vô sắc mà nhận được các căn thiện cõi Sắc. Các bậc A-la-hán đã thoát ly khỏi cõi Sắc, bỏ các căn thiện vô học và các hệ thuộc nơi cõi Vô sắc mà được căn thiện có học, lìa tâm vô học mà trụ vào tâm hữu học. Như thế gọi là cũng bỏ mà cũng được.

Không bỏ cũng không được, là khi ở cõi Sắc chết rồi thì sinh trở Có thể cõi Sắc. Như thế gọi là không bỏ cũng không được.

Có thể có một loại Bồ-đặc-già-la do trong hiện tại đang mang đầy các tâm ô nhiễm ở cõi Vô sắc, nên có bao nhiêu căn thiện thì hoặc là bỏ mà không được, hoặc cũng bỏ mà cũng được, hoặc không bỏ cũng không được.

Bỏ mà không được, là từ cõi Dục chết rồi sinh lên cõi Vô sắc, đối với các căn thiện ở cõi Dục và cõi Sắc đều bỏ mà không được. Từ cõi Sắc chết rồi sinh lên cõi Vô sắc thì với căn thiện ở cõi Sắc đều bỏ mà không được. Như thế gọi là bỏ mà không được.

Cũng bỏ mà cũng được, là bậc A-la-hán đã thoát ly khỏi sự ràng buộc nơi cõi Vô sắc, bỏ các căn thiện vô học mà được căn thiện có học, lìa bỏ tâm vô học mà trụ vào tâm học. Như thế gọi là cũng bỏ mà cũng được.

Không bỏ cũng không được, là ở cõi Vô sắc chết rồi thì Có thể sinh vào cõi Vô sắc. Như thế gọi là không bỏ cũng không được.

- Có thể có mười hai (lĩnh vực) xứ: Đó là các lĩnh vực của mắt, của sắc, của tai, của tiếng, của mũi, của lưỡi, của hương, của vị, của thân, của xúc, của ý và của pháp.

Hỏi: Thế nào là lĩnh vực của mắt (Nhân xứ)?

Đáp: Nghĩa là những nơi mắt đã thấy sắc, đang thấy sắc và sẽ thấy

sắc, hoặc các thứ khác đồng phần (cùng loại) với lĩnh vực của mắt.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của mắt? Nghĩa là nó cùng loại với lĩnh vực của mắt, có mặt trong thời quá khứ, hoặc trong thời vị lai hay trong hiện tại.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của mắt ở thời quá khứ? Nghĩa là các lĩnh vực của mắt không thấy được các sắc đã diệt.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của mắt ở trong thời vị lai? Nghĩa là các lĩnh vực của mắt hoặc ở trong thời vị lai nhất định không sinh ra, hoặc có sinh ra rồi nhưng không thấy sắc đó đang diệt mắt.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của mắt ở trong thời hiện tại? Nghĩa là các lĩnh vực của mắt không nhìn thấy các sắc đang diệt.

Hỏi: Thế nào là lãnh vực của sắc (Sắc xứ)?

Đáp: Nghĩa là các lĩnh vực của sắc do mắt đã thấy, đang thấy và sẽ thấy, hoặc là các thứ khác cùng loại với lĩnh vực của sắc.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của sắc? Nghĩa là các thứ cùng loại với lĩnh vực của sắc có mặt ở thời quá khứ, hoặc hiện tại hay vị lai.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của sắc ở thời quá khứ? Nghĩa là các lĩnh vực của sắc mà mắt không thấy vì đã mất rồi.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của sắc ở thời vị lai? Nghĩa là các lĩnh vực của sắc ở thời vị lai hoặc nhất định không sinh ra, hoặc là có sinh ra nhưng mắt không thấy nó đang diệt.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của sắc ở thời hiện tại? Nghĩa là các lĩnh vực của sắc này mắt không thấy được nó đang diệt.

Như các lĩnh vực của mắt và sắc, các lĩnh vực của tai, tiếng, mũi, hương, lưỡi, vị, thân, xúc, cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là lãnh vực của ý?

Đáp: Nghĩa là các lĩnh vực của ý đã hiểu rõ các pháp, đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ các pháp. Hoặc là các thứ khác cùng loại với lĩnh vực của ý.

Thế nào là các thứ cùng loại với lĩnh vực của ý? Nghĩa là các lĩnh vực của ý ở trong thời vị lai nhất định sẽ không sinh ra, không có cùng loại với lĩnh vực của ý ở thời quá khứ và hiện tại, không cùng loại với lĩnh vực của pháp.

Mắt ở thời quá khứ đối với sắc có hai trường hợp: Nghĩa là mắt đối với sắc hoặc đã thấy mà không phải đang thấy và sẽ thấy, hoặc không phải đã thấy - đang thấy và sẽ thấy.

Mất ở thời vị lai đối với sắc có ba trường hợp: Nghĩa là mất đối với sắc hoặc là không đã thấy - đang thấy và sẽ thấy, hoặc là không phải đã thấy - đang thấy mà là sẽ thấy, hoặc là không phải đã thấy hay đang thấy, hoặc sẽ thấy hoặc không phải là sẽ thấy.

Còn mất ở thời hiện tại thì có mười hai trường hợp: Mất ở thời hiện tại đối với sắc thì:

1. Hoặc là đã thấy mà không phải đang thấy và sẽ thấy.
2. Hoặc là đang thấy mà không phải là đã thấy và sẽ thấy.
3. Hoặc là sẽ thấy mà không phải là đã thấy và đang thấy.
4. Hoặc là đã thấy - đang thấy mà không phải là sẽ thấy.
5. Hoặc là đã thấy, sẽ thấy mà không phải là đang thấy.
6. Hoặc là đang thấy - sẽ thấy mà không phải là đã thấy.
7. Hoặc là đã thấy mà không phải là đang thấy, cũng không là sẽ thấy hoặc không phải là sẽ thấy.
8. Hoặc là đang thấy mà không phải là đã thấy và cũng hoặc là sẽ thấy hoặc không phải là sẽ thấy.
9. Hoặc là không phải đã thấy cũng không đang thấy, hoặc là sẽ thấy hoặc không phải là sẽ thấy.
10. Hoặc là đã thấy - đang thấy và hoặc là sẽ thấy hoặc không phải là sẽ thấy.
11. Hoặc là đã thấy-đang thấy và sẽ thấy.
12. Hoặc là không phải đã thấy - đang thấy và sẽ thấy.

Hỏi: Có thể mất là duyên với bậc trung hay bậc thượng? Duyên này là duyên cái gì? Tức là duyên với mất bậc hạ chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Vì sao không phải là duyên đó? Ấy là do nghiệp đại chủng chăng?

Đáp: Đúng thế. Nghĩa là phải từ bậc hạ lên trung rồi lên thượng. Như nói về mất, các thứ tai-mũi-lưỡi-thân cũng như thế.

Hỏi: Có thể ý là duyên với bậc trung hay bậc thượng? Duyên này là duyên cái gì? Tức là nó duyên với bậc hạ chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Nghĩa là bậc trung và bậc thượng. Có thể ý làm duyên nhưng ban đầu không phải là duyên đó. Vì sao không phải là duyên đó? Ấy là do nghiệp phiền não chăng?

Đáp: Đúng thế. Nghĩa là từ bậc hạ lên trung rồi lên bậc thượng.

- Có mười tám thứ giới: Tức gồm có Nhân giới, sắc giới và nhân thức giới; Nhĩ giới, thanh giới và nhĩ thức giới; Tỷ giới, hương giới và

tỷ thức giới; Thiệt giới, vị giới và thiệt thức giới; Thân giới, xúc giới và thân thức giới; Ý giới, pháp giới và ý thức giới.

Có thể khi nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì sắc giới cũng như thế chăng?

Nếu như sắc giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn giới cũng như thế chăng? Có thể khi nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp... cho đến ý thức giới cũng như thế chăng?

Giả sử ý thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn giới cũng như thế chăng?

Có thể cho đến khi pháp giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì ý thức giới cũng như thế chăng?

Giả sử khi ý thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì pháp giới cũng như thế chăng?

Hỏi: Có thể khi nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì sắc giới cũng như thế chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả sử sắc giới đã đoạn dứt đã biết khắp thì nhãn giới cũng như thế chăng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Như nhãn giới hướng về sắc giới, hướng về nhĩ giới thanh giới và tỷ giới, thiệt giới, thân giới, xúc giới cũng như thế chăng?

Có thể khi nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn thức giới cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn thức giới cũng thế.

Hoặc nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì chẳng phải là nhãn giới. Nghĩa là đã lìa hết các tham ở cõi Phạm thế, nhưng chưa lìa được các tham ở cõi trên. Như nhãn giới hướng về nhãn thức giới, hướng về nhĩ thức giới, hướng về thân thức giới cũng như thế.

Hỏi: Có thể khi nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì hương giới cũng như thế chăng?

Đáp: Nếu nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì hương giới cũng thế. Hoặc hương giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì không phải nhãn giới, nghĩa là đã lìa các tham ở cõi Dục, nhưng chưa lìa các tham ở cõi trên.

Như nhãn giới hướng về hương giới, hướng về vị giới, hướng về tỷ thức giới, thiệt thức giới cũng thế.

Hỏi: Có thể nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì ý giới cũng

như thế chẳng?

Đáp: Nếu ý giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn giới cũng như thế.

Hoặc nhãn giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì không phải ý giới, nghĩa là đã lìa các tham ở cõi Sắc mà chưa lìa các tham ở cõi trên.

Như nhãn giới hướng về ý giới, hướng về pháp giới ý thức giới cũng như thế.

Như nhãn giới đã rộng nói như thế, thì sắc giới, nhĩ giới, thanh giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, xúc giới... rộng nói cũng thế.

Hỏi: Có thể nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhĩ thức giới cũng như thế chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử nhĩ thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn thức giới cũng như vậy chẳng?

Đáp: Đúng thế. Như nhãn thức giới hướng về nhĩ thức giới, hướng về thân thức giới, cũng như thế.

Hỏi: Có thể nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì hương giới cũng như thế chẳng?

Đáp: Nếu nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì hương giới cũng như thế. Hoặc hương giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì không phải nhãn thức giới. Nghĩa là đã lìa tham ở cõi Dục nhưng chưa lìa tham ở cõi Phạm thế.

Như nhãn thức giới hướng về hương giới, thì hương về vị giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới cũng như thế.

Hỏi: Có thể nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì ý giới cũng như vậy chẳng?

Đáp: Nếu ý giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì nhãn thức giới cũng như vậy. Hoặc nhãn thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì không phải là ý giới, nghĩa là lìa bỏ các tham ở Phạm thế nhưng chưa lìa các tham ở cõi trên.

Như nhãn thức giới hướng về ý giới, hướng về pháp giới ý thức giới cũng như thế.

Như nhãn thức giới đã rộng nói như thế, thì nhĩ thức giới, thân thức giới rộng nói cũng như thế.

Hỏi: Có thể hương giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì vị giới cũng như thế chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả sử vị giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì hương giới cũng

như thế chẳng?

Đáp: Đúng như thế.

Như hương giới hướng về vị giới, hướng về tỷ thức giới, thiết thức giới cũng vậy.

Hỏi: Có thể hương giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì ý giới cũng như thế chẳng?

Đáp: Nếu ý giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì hương giới cũng như thế. Hoặc hương giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì không phải ý giới, nghĩa là đã lìa bỏ các tham ở cõi Dục, nhưng chưa lìa các tham ở các cõi trên.

Như hương giới hướng về ý giới, hướng về pháp giới thì ý thức giới cũng như thế.

Như hương giới đã rộng nói như thế, vị giới, tỷ thức giới, thiết thức giới rộng nói cũng thế.

Hỏi: Có thể ý giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì pháp giới cũng lại như thế chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì ý giới cũng như vậy chẳng?

Đáp: Đúng thế. Như ý giới hướng về pháp giới, hướng về ý thức giới cũng như thế.

Hỏi: Có thể pháp giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì ý thức giới cũng như thế chẳng?

Đáp: Đúng thế.

Hỏi: Giả sử ý thức giới đã đoạn dứt, đã biết khắp thì pháp giới cũng như thế chẳng?

Đáp: Đúng thế.

- Có mười hai tâm: Tức là thuộc cõi Dục có tâm thiện, tâm bất thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký và tâm vô phú vô ký. Thuộc cõi Vô sắc có tâm thiện, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, tâm hữu học và tâm vô học.

Mười hai tâm đó có mặt khắp cả ba thời quá khứ- hiện tại và vị lai.

Tâm thiện thuộc cõi Dục ở thời quá khứ có bốn trường hợp, tức là:

1. Hoặc đã hiểu rõ mà không phải là đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ - sẽ hiểu rõ mà không phải là đang hiểu rõ.

3. Hoặc đã hiểu rõ - đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ.

4. Hoặc đã hiểu rõ - đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ nhưng không phải là đang và sẽ hiểu rõ, là ở cõi Sắc và Vô sắc đã sinh trưởng các Bồ-đặc-già-la Thánh nhân.

Đã hiểu rõ - sẽ hiểu rõ nhưng không phải là đang hiểu rõ, là các Bồ-đặc-già-la đã đoạn dứt các căn thiện và ở cõi Sắc, Vô sắc đã sinh trưởng các dị sinh phàm phu.

Đã hiểu rõ - đang hiểu rõ nhưng không phải là sẽ hiểu rõ, là đã sinh trưởng từ cõi Dục rồi tiến lên các cõi Sắc và Vô sắc. Tức là những người đó không còn trở Có thể cõi Dục nữa mà trụ vào tâm thiện sau cùng.

Đã hiểu rõ - đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục, căn thiện không đoạn dứt, trụ vào phần vị tự tánh. Như thời quá khứ, thời vị lai cũng thế.

Thuộc cõi Dục chưa từng được tâm thiện có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải đã - đang và sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải là đã và đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc không phải đã và đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ và sẽ không hiểu rõ.

4. Hoặc đang và sẽ hiểu rõ mà không phải đã hiểu rõ.

Không phải đã - đang và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được định và sẽ không thể được.

Không phải đã hiểu rõ - đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được định nhưng quyết định là sẽ phải được.

Không phải đã và đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng có được tâm thiện nhưng rồi sẽ được hoặc sẽ không được.

Đang và sẽ hiểu rõ nhưng không phải là đã hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa hề có tâm thiện, mà chỉ có lần đầu tiên trong hiện tại.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thời hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc là đã và đang hiểu rõ nhưng không sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải đã hiểu rõ nhưng đang và sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc đã - đang và sẽ hiểu rõ.

Đã và đang hiểu rõ nhưng không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục rồi tiến lên cõi Sắc và Vô sắc, những người ấy không trở lại mà trụ vào tâm thiện sau cùng.

Không phải đã hiểu rõ mà đang và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được tâm thiện. Đã-đang và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay đã

từng có được tâm thiện hiện tiền.

Tâm bất thiện thuộc cõi Dục ở thời quá khứ có bảy trường hợp là:

1. Hoặc đã hiểu rõ mà không phải là đang và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ nhưng không phải là đang mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ mà không phải là đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ.
4. Hoặc đã và đang hiểu rõ nhưng không phải là sẽ hiểu rõ.
5. Hoặc đã hiểu rõ - đang và sẽ hiểu rõ.
6. Hoặc đã- đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ.
7. Hoặc đã hiểu rõ - đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ nhưng không phải là đang và sẽ hiểu rõ, là đã lìa bỏ các tham ở cõi Dục, từ khi lìa bỏ các tham dục thì nhất định không lui sụt nữa.

Đã hiểu rõ nhưng không phải đang và sẽ hiểu rõ, là đã lìa bỏ các tham ở cõi Dục, từ khi lìa bỏ các tham dục thì quyết định là sẽ thoát chuyển.

Đã hiểu rõ nhưng không phải đang hoặc sẽ hiểu rõ hay là sẽ không hiểu rõ, là đã lìa bỏ các tham ở cõi Dục, từ khi lìa bỏ các tham dục, thì hoặc sẽ lui sụt hoặc sẽ không lui sụt.

Đã hiểu rõ - đang hiểu rõ nhưng không phải là sẽ hiểu rõ, là đã trụ vào sự lìa các tham dục, trong Đạo vô gián đã được lìa tham dục, từ khi lìa bỏ tham dục thì nhất định là sẽ không lui sụt.

Đã hiểu rõ nhưng không phải là đang và sẽ hiểu rõ, là đã trụ vào sự lìa tham dục, ở trong Đạo vô gián mà lìa bỏ được tham dục, từ khi lìa bỏ được tham dục thì quyết định là sẽ lui sụt.

Đã và đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ, là đã trụ vào sự lìa tham dục, ở trong Đạo vô gián mà lìa được tham dục, từ khi lìa tham dục hoặc sẽ lui sụt hoặc không thể sẽ lui sụt.

Đã - đang và sẽ hiểu rõ, là chưa lìa được hết các tham ở cõi Dục mà trụ vào phần vị tự tánh.

Như nói thời quá khứ, thời vị lai cũng như thế.

Tâm bất thiện thuộc cõi Dục ở thời hiện tại có một trường hợp: Tức là đã hiểu rõ đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ, là tâm bất thiện chính thức có mặt trong hiện tại.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thời quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ mà không đang và sẽ không hiểu rõ.

2. Hoặc đã hiểu rõ mà không phải đang và sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ mà không đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ, hoặc sẽ không hiểu rõ.
4. Hoặc đã-đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ.
5. Hoặc đã-đang và sẽ hiểu rõ.
6. Hoặc đã và đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ.
7. Hoặc đã-đang và sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ mà không phải là đang và sẽ hiểu rõ, là các dị sinh đã lìa bỏ các tham ở cõi Dục. Từ khi lìa bỏ tham dục thì nhất định là sẽ không lui sụt. Và các bậc Thánh chưa lìa được các tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

Đã hiểu rõ mà không phải là đang và sẽ hiểu rõ, là các dị sinh đã lìa các tham ở cõi Dục. Từ khi lìa bỏ tham dục thì nhất định là sẽ lui sụt.

Đã hiểu rõ mà không phải là đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ, là các dị sinh đã lìa các tham ở cõi Dục. Từ khi lìa bỏ tham dục thì hoặc sẽ lui sụt hoặc sẽ không lui sụt.

Đã và đang hiểu rõ mà sẽ không phải hiểu rõ, là các dị sinh phạm phu trụ vào sự lìa bỏ tham dục, ở trong Đạo vô gián mà được lìa bỏ tham dục. Từ khi lìa bỏ tham dục thì nhất định là sẽ không lui sụt. Và các bậc Thánh chưa lìa hết các tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

Đã - đang và sẽ hiểu rõ, là các dị sinh trụ vào sự lìa bỏ tham dục, trong Đạo vô gián mà được lìa các tham dục. Từ khi lìa bỏ tham dục thì nhất định là sẽ phải lui sụt.

Đã- đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ, nghĩa là các dị sinh phạm phu trụ vào sự lìa bỏ các tham dục, nơi Đạo vô gián mà lìa bỏ được các tham dục. Từ khi lìa bỏ các tham dục thì hoặc là sẽ lui sụt hoặc không phải là sẽ lui sụt.

Đã-đang và sẽ hiểu rõ, là dị sinh chưa lìa bỏ các tham ở cõi Dục, trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng như thế.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thời hiện tại có một trường hợp: Tức là đã-đang và sẽ hiểu rõ, nghĩa là các dị sinh có tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục đang có mặt trong hiện tại.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục trong thời quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ mà không phải là đang và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ nhưng không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã và đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ.
4. Hoặc đã - đang và sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ mà không phải là đang và sẽ hiểu rõ, là các Thánh nhân Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã hiểu rõ nhưng không đang hiểu rõ mà phải sẽ hiểu rõ, là các dị sinh đã sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã-đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc rồi tiến lên cõi Vô sắc. Những người nào không trở về sẽ trụ vào tâm sau cuối.

Đã hiểu rõ - đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng thế.

Thuộc cõi Dục chưa từng có tâm vô phú vô ký, có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải là đã-đang và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải là đã và đang hiểu rõ mà chỉ là sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc không phải là đã và đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ, hoặc không hiểu rõ.

4. Hoặc không phải là đã hiểu rõ mà là đang và sẽ hiểu rõ.

Không phải là đã hiểu rõ, đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được thì nay nhất định cũng sẽ không được.

Không phải là đã và đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được thì nay quyết định sẽ được.

Không phải là đã và đang hiểu rõ mà là sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được thì nay sẽ được hoặc sẽ không được.

Không phải là đã hiểu rõ mà đang và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được, hiện nay mới được lần đầu tiên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục ở thời hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc đã và đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải đã - đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã-đang và sẽ hiểu rõ.

Đã và đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc rồi tiến lên cõi Vô sắc, những người Bất hoàn thì trụ vào tâm vô phú vô ký sau cuối

Không phải là đã-đang và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được, hiện nay mới được lần đầu tiên.

Đã-đang và sẽ hiểu rõ, là từ trước đến nay chưa từng được, thì nay hiện ra trước mắt lần đầu tiên.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc ở thời quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc là đã hiểu rõ chứ không phải là đang và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc là đã hiểu rõ và sẽ hiểu rõ mà không phải là đang hiểu rõ.
3. Hoặc là đã và đang hiểu rõ mà không phải là sẽ hiểu rõ.
4. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ (liễu biệt).

Đã hiểu rõ chứ không là đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là Bồ-đặc-già-la, bậc Thánh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã hiểu rõ và sẽ hiểu rõ chứ không phải là đang hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc và dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc tiến lên cõi Vô sắc, những người Bất hoàn đã trụ vào tâm sau cùng.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục, được tâm thiện ở cõi Sắc, trụ vào phần vị của tự tánh, và sinh trưởng ở cõi Sắc, trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng vậy.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa từng được, có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ, hoặc sẽ không hiểu rõ..
4. Hoặc không phải đã hiểu rõ mà đang hiểu rõ - sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, chắc chắn sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, mà sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, quyết định sẽ được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ, hay sẽ không hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ-đang và sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được cái hiện tiền lần đầu tiên.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc ở thời hiện tại có ba trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang và sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Sắc, tiến lên cõi Vô sắc, những người Bất hoàn trụ ở tâm thiện sau cùng.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được cái hiện tiền sau cùng.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được mà nay hiện ra trước mặt.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc ở thời quá khứ có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ.
4. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ không hiểu rõ.
5. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
6. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hay sẽ hiểu rõ hoặc không.
7. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là đã lìa tham cõi Sắc, từ khi lìa tham sắc thì chắc chắn không thoái lui.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là đã lìa tham cõi Sắc, từ khi lìa tham sắc thì chắc chắn sẽ thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không phải là sẽ hiểu rõ, là đã lìa tham cõi Sắc, từ khi lìa tham sắc thì hoặc sẽ lui sụt hoặc sẽ không lui sụt.

Đã hiểu rõ, đang hiểu rõ, sẽ không hiểu rõ, là trụ vào lìa tham sắc, ở trong Đạo vô gián, được lìa tham sắc, từ khi lìa tham sắc thì quyết định sẽ không lui sụt.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trụ vào lìa tham sắc trong Đạo vô gián được lìa tham sắc, từ khi lìa tham sắc thì quyết định sẽ lui sụt.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ, là ở phần vị lìa tham sắc, trong Đạo vô gián được lìa tham sắc, từ khi lìa tham sắc thì hoặc sẽ lui sụt hoặc sẽ không lui sụt.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là chưa lìa tham ở cõi Sắc, trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng vậy.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc ở thời hiện tại có một trường hợp: Tức là đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc hiện rõ ngay trước mặt.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc ở thời quá khứ có bốn trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ và sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
4. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là, các Thánh, Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, là dị si sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục và dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, tiến lên cõi Vô sắc, những người Bất hoàn trụ vào tâm sau cuối.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục và sinh trưởng ở cõi Sắc trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng vậy.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa từng được, có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không.
4. Hoặc không phải đã hiểu rõ mà đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được thì chắc chắn không được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được thì quyết định sẽ được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ, là trước chưa từng được thì hoặc sẽ được hay sẽ

không được.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được hiện trước mặt lần đầu tiên.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc ở thời hiện tại, có ba trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ, là sinh trưởng ở cõi Sắc tiến lên cõi Vô sắc, những người Bất hoàn trụ vào tâm vô phú vô ký sau cuối.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được hiện rõ trước mặt lần đầu tiên.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được, nay hiện rõ trước mặt.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc ở thời quá khứ, có hai trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng vậy.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa từng được, có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ.
4. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được thì quyết định sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được thì quyết định sẽ được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ, là trước chưa từng được thì sẽ được hay sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được hiện rõ trước mặt lần đầu tiên.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc ở thời hiện tại, có hai trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được hiện rõ trước mặt lần đầu tiên.

Đã hiểu rõ, đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, là trước chưa từng được, mà nay hiện rõ trước mặt.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở thời quá khứ, có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ.
4. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ.
5. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
6. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ.
7. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, là đã lìa tham cõi Vô sắc, từ khi lìa tham vô sắc quyết định sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, là đã lìa tham cõi Vô sắc, từ khi lìa tham vô sắc quyết định sẽ thoái lui.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ, là đã lìa tham cõi Vô sắc, từ đó hoặc thoái lui hay không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ, là trụ vào lìa tham cõi Vô sắc, trong Đạo vô gián, được lìa tham cõi Vô sắc, từ lìa tham cõi Vô sắc thì chắc chắn sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ hay sẽ không hiểu rõ, nghĩa là trụ vào việc lìa tham cõi Vô sắc, trong Đạo vô gián, được lìa tham ở cõi Vô sắc, từ lìa tham ở cõi Vô sắc thì hoặc sẽ thoái hoặc sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là chưa lìa tham cõi Vô sắc, trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng vậy.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở thời hiện tại, có một trường hợp: Tức là đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đang hiện rõ trước mắt.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở thời quá khứ, có một trường hợp: Tức là đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là tâm dị thực đã diệt.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng như vậy.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa từng được, có ba trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là chưa từng được, thì chắc chắn sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, thì quyết định sẽ được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được thì hoặc sẽ được, hoặc sẽ không được.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc ở thời hiện tại, có một trường hợp: Tức là không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là tâm dị thực ở ngay trước mặt.

Tâm hữu học thuộc cõi Vô sắc ở thời quá khứ, có bảy trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ.

4. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ.

5. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

6. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ.

7. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ,

nghĩa là bậc A-la-hán, từ bậc A-la-hán chắc chắn sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là bậc A-la-hán, từ quả A-la-hán, quyết định sẽ thoái lui.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ, nghĩa là bậc A-la-hán, từ quả A-la-hán hoặc sẽ thoái lui hoặc không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán chắc chắn sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là trụ ở quả A-la-hán, Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán, quyết định sẽ thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ, nghĩa là trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán hoặc sẽ thoái lui hoặc sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là hàng hữu học trụ ở phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng như vậy.

Tâm học thuộc cõi Vô sắc chưa từng được, có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ.

4. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được thì chắc chắn sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được thì chắc chắn sẽ được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, thì hoặc sẽ được hoặc sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được hiện rõ trước mắt lần đầu tiên.

Tâm học thuộc cõi Vô sắc ở thời hiện tại, có tám trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
3. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hay không hiểu rõ.
4. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ.
5. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
6. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ hoặc sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ.
7. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.
8. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán trước không thoái lui, trụ vào quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán thì chắc chắn sẽ không thoái lui.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán trước không thoái lui, trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán, quyết định sẽ thoái lui.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán trước không thoái lui, trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán thì hoặc sẽ thoái lui hoặc không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán trước đã thoái lui, trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán thì chắc chắn sẽ không thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán trước đã thoái lui, trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán, quyết định sẽ thoái lui.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán trước đã thoái lui, trụ ở quả A-la-hán, trong Đạo vô gián, được quả A-la-hán, từ quả A-la-hán thì hoặc sẽ thoái lui hoặc sẽ không thoái lui.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được hiện rõ trước mắt lần đầu tiên.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hoặc không hiểu rõ, nghĩa là trước đã từng được, nay hiện rõ trước mắt.

Tâm vô học thuộc cõi Vô sắc ở thời quá khứ, có bốn trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.
2. Hoặc đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ.

4. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là quả A-la-hán lúc được giải thoát, đã vào bất động.

Đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, nghĩa là A-la-hán đã thoái lui quả A-la-hán.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là A-la-hán lúc được giải thoát, trụ vào bất động trong Đạo vô gián.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là hàng vô học trụ vào phần vị của tự tánh.

Như nói về thời quá khứ, thời vị lai cũng như vậy.

Tâm vô học thuộc cõi Vô sắc chưa từng được, có bốn trường hợp:

1. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ.

4. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được thì chắc chắn là không thể được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, thì quyết định sẽ được.

Không phải đã hiểu rõ, không phải đang hiểu rõ, hoặc sẽ hiểu rõ hoặc sẽ không hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được, thì hoặc sẽ được hay sẽ không được.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được hiện rõ trước mắt lần đầu tiên.

Tâm vô học thuộc cõi Vô sắc ở thời hiện tại, có ba trường hợp:

1. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ.

2. Hoặc không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ mà sẽ hiểu rõ.

3. Hoặc đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, chứ không phải là sẽ hiểu rõ, nghĩa là bậc A-la-hán lúc được giải thoát, trụ vào bất động trong Đạo vô gián.

Không phải đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được hiện rõ trước mắt lần đầu tiên.

Đã hiểu rõ-đang hiểu rõ, sẽ hiểu rõ, nghĩa là trước chưa từng được,

nay hiện ra trước mặt.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 13

Uẩn Thứ 6: THÀNH TỰU, Phần 1

Một (Ốt-đà-nam) tụng về Uẩn thứ sáu: Thành tựu.

Đầu, thành, không thành và xả đắc

Hai thứ tâm đã đoạn, chưa đoạn

Hai Phạm thế Bồ-đặc-già-la

Hai tâm tối hậu học, vô học.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm bất thiện cũng thành tựu chẳng? Nếu tâm bất thiện thành tựu thuộc cõi Dục thì tâm thiện cũng thành tựu này chẳng? Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, thì cho đến tâm vô học cũng thành tựu chẳng? Nếu tâm vô học thành tựu thì cũng tâm thiện này thành tựu chẳng? Cho đến, nếu tâm học thành tựu thì tâm vô học cũng thành tựu chẳng? Nếu tâm vô học

thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chẳng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm bất thiện.

Hoặc tâm bất thiện thành tựu thì không phải tâm thiện này.

Hoặc tâm thiện này thành tựu, cũng là tâm bất thiện.

Hoặc không phải tâm thiện này thành tựu mà cũng không phải là tâm bất thiện.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu chứ không phải tâm bất thiện, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã lìa khỏi tham cõi Dục.

Tâm bất thiện thành tựu chứ không phải tâm thiện này, nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn căn thiện.

Tâm thiện này thành tựu cũng là tâm bất thiện, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa lìa khỏi tham cõi Dục.

Không phải tâm thiện này thành tựu, cũng không phải là tâm bất thiện, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, thì không phải tâm thiện thuộc cõi Dục

Hoặc tâm thiện này thành tựu thì cũng là tâm hữu phú vô ký này.

Hoặc không phải tâm thiện này thành tựu mà cũng không phải là tâm hữu phú vô ký này.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, thì không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, hàng dị sinh (phàm phu)- Thánh giả đã lìa tham cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã phát sinh.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ-đặc-già-la đã đoạn căn thiện.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục không đoạn mất căn thiện, chưa lìa tham ở cõi Dục, và hàng Thánh giả chưa lìa tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì chắc chắn tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu. Hoặc tâm vô phú vô ký ở cõi Dục thành tựu thì không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc thì không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Thiện thuộc cõi Dục thành tựu tâm, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm thiện cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện ở cõi Sắc.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã đoạn tham cõi Sắc.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lia tham cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, chưa lia tham ở cõi Sắc

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Sắc đã lia tham cõi Sắc và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa lia tham cõi Dục.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã lia tham cõi Dục.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm thiện ở cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện ở cõi Dục thành tựu nhưng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm thiện ở cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu nhưng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm thiện cõi Vô sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc là hàng hữu học dị sinh Bồ-đặc-già-la.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, hàng hữu học và dị sinh Bồ-đặc-già-la không đoạn mất căn thiện.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì chắc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì chắc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm học thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm

học. Hoặc tâm học thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm học. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải là tâm học.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu nhưng không phải tâm học, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, bậc A-la-hán và dị sinh Bồ-đặc-già-la không đoạn mất căn thiện.

Tâm học thành tựu, nhưng không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc,

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm học, nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng không phải tâm học, nghĩa là đã đoạn mất căn thiện và A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc- Vô sắc, giống như dị sinh Bồ-đặc-già-la.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô học thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu nhưng không phải là tâm vô học. Hoặc tâm vô học thành tựu nhưng không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm vô học. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng không phải tâm vô học.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu nhưng không phải tâm vô học, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, hàng hữu học và dị sinh không đoạn mất căn thiện Bồ-đặc-già-la.

Tâm vô học thành tựu nhưng không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm vô học, nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm vô học, nghĩa là đoạn mất căn thiện, và sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc, hàng hữu học giống như dị sinh Bồ-đặc-già-la.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng thành tựu chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì chắc tâm bất thiện thành tựu. Hoặc tâm bất thiện thành tựu nhưng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là Thánh giả chưa lìa tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thành tựu thuộc cõi Dục thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thành tựu thì chắc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu nhưng không phải tâm bất thiện, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, hoặc Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thành tựu thuộc cõi Dục thì tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm bất thiện. Hoặc tâm bất thiện thành tựu cũng là tâm thiện ở cõi Sắc. Hoặc không phải tâm bất thiện thành tựu mà cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Tâm bất thiện thành tựu không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm bất thiện, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng cõi Sắc.

Tâm bất thiện thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện cõi Sắc.

Không phải tâm bất thiện thành tựu cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện thành tựu thì chắc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm bất thiện, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham ở cõi Sắc.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm bất thiện thành tựu thì chắc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì chắc không tâm bất thiện thành tựu.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm bất thiện thành tựu thì chắc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì chắc tâm bất thiện không thành tựu.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm bất thiện thành tựu thì chắc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì không phải tâm bất thiện, nghĩa là hữu học dị sinh đã lìa tham ở cõi Dục.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký hay tâm vô học thuộc cõi Vô sắc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì chắc chắn tâm bất thiện không thành tựu.

Nếu tâm bất thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm học thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện thành tựu mà không phải tâm học. Hoặc tâm học thành tựu, không phải là tâm bất thiện. Hoặc tâm bất thiện thành tựu mà cũng là tâm học. Hoặc tâm bất thiện không thành tựu mà cũng không phải tâm học.

Tâm bất thiện thành tựu mà không phải tâm học, nghĩa là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Dục.

Tâm học thành tựu nhưng không phải tâm bất thiện, nghĩa là hàng hữu học đã lìa tham ở cõi Dục.

Tâm bất thiện thành tựu cũng là tâm học, nghĩa là hàng hữu học chưa lìa tham ở cõi Dục.

Tâm bất thiện không thành tựu mà cũng không phải tâm học, nghĩa là A-la-hán và các dị sinh đã lìa tham ở cõi Dục.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng thành tựu chăng? Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu. Hoặc vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham ở cõi Dục và Thánh giả chưa lìa tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh, hoặc là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng nơi cõi Sắc.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Hoặc không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không

phải tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa lia tâm thiện cõi Sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, dị sinh đã lia tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lia tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh, như Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham ở cõi Dục. Đã được tâm thiện cõi Sắc và Thánh giả chưa lia tham ở cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí chưa sinh.

Không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, cũng không phải tâm thiện cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì cũng tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu chăng?

Đáp: Nếu thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham ở cõi Dục, chưa lia tham ở cõi Sắc và Thánh giả chưa lia tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh. Nếu sinh trưởng ở cõi Sắc thì Bồ-đặc-già-la chưa lia tham ở đó.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì chắc chắn tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là đã lia tham ở cõi Dục, hàng hữu học dị sinh và Thánh giả chưa lia tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu. Nếu tâm vô học, nếu tâm vô phú vô ký

thuộc cõi Vô sắc thành tựu, nếu tâm vô học thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu chứ không phải tâm học; hoặc tâm học thành tựu chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm học. Hoặc không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm học. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu chứ không phải tâm học, nghĩa là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục.

Tâm học thành tựu chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là hàng hữu học hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm học, là hàng Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

Không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm học, là bậc A-la-hán và dị sinh đã lìa tham ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm thiện cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện cõi Sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục-Sắc, đã lìa tham cõi Sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu chứ không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ đặc già la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ đặc già la sinh trưởng ở cõi Vô sắc. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng là tâm thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ đặc già la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, thì trường hợp này không có.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng? Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và Sắc.

Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là hữu học dị sinh phải sinh trưởng ở cõi Dục và Sắc.

Không tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chăng?

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu mà không phải tâm học.

Hoặc tâm học thành tựu mà không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu cũng là tâm học.

Hoặc không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm học.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm học, nghĩa là bậc A-la-hán và các dị sinh, sinh trưởng ở cõi Dục-cõi Sắc.

Tâm học thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học, sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng là tâm học, nghĩa là Bồ-đặc-già-la hữu học, sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm học, nghĩa là bậc A-la-hán và các dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì tâm vô học cũng thành tựu chăng?

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, không phải tâm vô học, nói rộng, có bốn trường hợp.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, không phải tâm vô học, nghĩa là hữu học và các dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Tâm vô học thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng là tâm vô học, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải tâm vô học, nghĩa là hữu học và các dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục cõi Sắc, đã lìa tham ở cõi Sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc, chưa lìa tham cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham cõi ấy.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu.

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, nhưng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, đã được tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là các Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc và sinh trưởng ở cõi Vô sắc, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng? Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là bậc A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc, và đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, thì chắc chắn tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu. Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, thì tâm học cũng thành tựu chăng?

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, chứ không phải tâm học, là các A-la-hán và các đệ sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc. Hoặc A-la-hán và các đệ sinh sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu chứ không phải tâm vô học, nghĩa là, đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục đã được tâm thiện cõi Sắc, và đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm vô học thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm vô học, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm

vô học, nghĩa là hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Sắc, và hàng hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lìa tham cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lìa tham ở đó.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lìa tham ở cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục cõi Sắc, chưa lìa tham ở cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc

cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là dị sinh hữu học đã lìa tham ở cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu. Nếu tâm vô học, nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, nếu tâm vô học thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chẳng? Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, thì không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm học, nghĩa là các dị sinh chưa lìa tham cõi Sắc.

2. Tâm học thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là các hữu học đã lìa tham cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm học, nghĩa là các hữu học chưa lìa tham cõi Sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm học, nghĩa là các A-la-hán và các dị sinh đã lìa tham cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục đã lìa tham ở cõi Dục, chưa được tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải tâm hữu

phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, nghĩa là hữu học di sinh và sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa ở cõi Dục và sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham ở cõi Dục, và hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu mà không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, không phải là tâm học, nghĩa là các A-la-hán và các dị sinh, sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục.

2. Nếu các A-la-hán và các dị sinh sinh trưởng ở cõi Sắc thành tựu tâm học, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thì đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục và Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu, cũng là tâm học, nghĩa là hữu học sinh trưởng ở cõi Dục đã lìa tham cõi Dục và Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm học, nghĩa là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và các A-la-hán các dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì tâm vô học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì không phải tâm vô học, đó là hàng dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và hàng dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm vô học thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu cũng là tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, đó là hàng đệ sinh hữu học sinh trưởng cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Dục, và hàng đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 14

Uẩn Thứ 6: THÀNH TỰU, Phần 2

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là bậc A-la-hán.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc Thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các dị sinh hữu học đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, thì không có trường hợp đó.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc, và tâm của quả dị thực sinh trưởng ở cõi Vô sắc, không hiện tiền.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm học, đó là A-la-hán và các dị sinh đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

2. Tâm học thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là hữu học, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, cũng là tâm học, đó là hữu học đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là các dị sinh chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô học cũng thành tựu chăng?

Nếu tâm vô học thành tựu, thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu.

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô học, đó là các dị sinh hữu học đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các hữu học dị sinh, sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, dị thực quả tâm không hiện tiền.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chăng? Nếu tâm học thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm học, đó là các dị sinh.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô học không thành tựu. Nếu tâm vô học thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú

vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì không phải tâm học, đó là A-la-hán dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

2. Tâm học thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu cũng là tâm học, đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì cũng không phải tâm học, đó là bậc A-la-hán dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và A-la-hán dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì tâm vô học cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì không phải tâm vô học. Hoặc tâm học thành tựu thì không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu cũng là tâm vô học. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng không phải tâm vô học.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu mà không phải tâm vô học, đó là hữu học dị sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Tâm vô học thành tựu, không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu cũng là tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện tiền.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, cùng dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

Nếu tâm học thành tựu thì chắc chắn tâm vô học không thành tựu.
 Nếu tâm vô học thành tựu thì chắc chắn tâm học không thành tựu.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện.

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm bất thiện cũng không thành tựu chẳng? Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chẳng? Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu cho đến tâm vô học cũng không thành tựu chẳng? Nếu tâm vô học không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chẳng? cho đến nếu tâm học không thành tựu, tâm vô học cũng không thành tựu chẳng? Nếu tâm vô học không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chẳng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm bất thiện thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm bất thiện. Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm bất thiện. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, cũng không phải là tâm bất thiện.

Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải là tâm bất thiện, đó là Bồ-đặc-già-la đã đoạn mất căn thiện.

Tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục.

Tâm thiện, thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm bất thiện đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, Vô sắc.

Tâm thiện thuộc cõi Dục đều thành tựu, cũng không phải là tâm bất thiện, đó là Bồ-đặc-già-la không đoạn căn thiện, chưa lìa tham cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la đoạn mất căn thiện.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, chưa lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ, pháp trí chưa sinh.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu.

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, thì đó là đã đoạn mất căn thiện, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm thiện ở cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là đoạn mất căn thiện, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là đã đoạn mất căn thiện, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã lìa tham ở cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Sắc, đã lìa tham cõi Sắc và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là đã đoạn căn thiện và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm thiện

thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn căn thiện, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm bất thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là đã đoạn mất căn thiện và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm thiện cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là đã đoạn mất căn thiện và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và hàng dị sinh không đoạn mất căn thiện.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm

vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực hiện ngay trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn mất căn thiện.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là đã đoạn mất căn thiện, và sinh trưởng ở cõi Sắc. Nếu sinh trưởng ở cõi Vô sắc, thì tâm của quả dị thực không hiện rõ trước mặt.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, không có trường hợp đó.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, và các dị sinh, không đoạn căn thiện.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm học, đó là đã đoạn mất căn thiện, và các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc, và các dị sinh.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện không thành tựu thuộc cõi Dục thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Dục, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, đó là hàng dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn căn thiện.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu cũng không phải tâm vô học, đó là đã đoạn mất căn thiện, và hàng dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc và Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Dục, không phải không thành tựu cũng không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, đó là Thánh giả chưa lìa tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chăng? Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì chắc chắn tâm bất thiện không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Sắc.

3. Tâm bất thiện không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm bất thiện không phải không thành tựu cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng? Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm bất thiện không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi đó.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục.

3. Tâm bất thiện không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm bất thiện không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, không có trường hợp đó.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì cũng không tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu chứ không phải tâm thiện cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Vô sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, đó là sinh trưởng cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục.

3. Tâm bất thiện không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

4. Tâm bất thiện không phải không thành tựu, nhưng không phải tâm thiện cõi Vô sắc, không có trường hợp này.

Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng? Nếu tâm hữu phú vô ký cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm bất thiện không thành tựu, hoặc tâm bất thiện không thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký ở cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học đã lìa tham cõi Dục.

Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm vô

phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện không thành tựu chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực hiện ngay trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa lia tham cõi Dục.

3. Tâm bất thiện không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham cõi Dục, và sinh trưởng ở cõi Sắc. Nếu sinh trưởng ở cõi Vô sắc thì tâm của quả dị thực không hiện rõ trước mặt.

4. tâm bất thiện không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, không có trường hợp đó.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện không thành tựu, không phải tâm học, đó là hàng hữu học đã lia tham cõi Dục.

2. Tâm học không thành tựu, không phải tâm bất thiện, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham cõi Dục.

3. Tâm bất thiện không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là A-la-hán và các dị sinh đã lia tham cõi Dục.

4. Tâm bất thiện không phải không thành tựu cũng không phải tâm học, đó là các hữu học chưa lia tham cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là A-la-hán.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, đó là hữu học dị sinh chưa lia tham cõi Dục.

3. Tâm bất thiện không thành tựu cũng là tâm vô học, đó là dị sinh hữu học đã lia tham cõi Dục.

4. Tâm bất thiện không phải không thành tựu cũng không phải tâm vô học, không có trường hợp này.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô

phú vô ký thuộc cõi Dục cũng không thành tựu chăng? Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên, khổ pháp trí đã sinh. Nếu Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc, nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu,

Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục và hàng Thánh giả chưa lìa tham ở cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh, nếu Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc và hàng Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng? Nếu hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham cõi Sắc, và hàng Thánh giả chưa lìa tham cõi Sắc, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh. Nếu sinh trưởng cõi Sắc, thì Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không

phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh. Nếu sinh trưởng ở cõi Sắc thì Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu.

Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ

không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là dị sinh đã lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực hiện ngay trước mặt.

2. tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh. như sinh trưởng ở cõi Sắc, Vô sắc thì tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là hàng hữu học hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm học, đó là A-la-hán và các dị sinh đã lìa tham cõi Dục.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm học, đó là Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì

tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là A-la-hán.

2. Tâm vô học không thành tựu chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí chưa sinh.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm vô học, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục, hiện quán biên khổ pháp trí đã sinh. như dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu và cũng không phải tâm vô học, không có trường hợp này.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, thì chắc chắn tâm thiện ở cõi Sắc không thành tựu.

Hoặc tâm thiện ở cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu.

Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, thì chắc chắn tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục.

Nếu không thành tựu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu.

Nếu tâm thiện ở cõi Vô sắc không thành tựu, thì chắc chắn tâm vô

phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng? không thành tựu

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là hàng hữu học đệ sinh sinh trưởng ở cõi Vô sắc,.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là, của hàng hữu học đệ sinh sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả đệ thực hiện rõ trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả đệ thực không hiện tiền.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, trường hợp này không có.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ

không phải tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu chứ không phải tâm học, đó là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là A-la-hán dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm học, đó là A-la-hán dị sinh, sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu cũng không phải tâm học, đó là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu, cũng là tâm vô học, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 15

Uẩn Thứ 6: THÀNH TỰU, Phần 3

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện ở cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, chưa lìa tham cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham ở đó.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện cõi Sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm thiện cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì cũng không thành tựu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Hoặc không thành tựu tâm thiện thuộc cõi Sắc, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc, và hàng đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc,.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện ở cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, và đệ sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả đệ thực đang hiện rõ trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu chứ không

phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là hàng Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là hàng dị sinh A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc, và dị sinh A-la-hán sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm học, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc, và dị sinh A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Hỏi: tâm thiện thuộc cõi Sắc Nếu không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm vô học, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Sắc, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và

cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham ở cõi Sắc, và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc chưa lìa tham cõi đó.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học đã lìa tham cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không

phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa lia tham cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lia tham cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là các hữu học đã lia tham ở cõi Sắc.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là các dị sinh, chưa lia tham cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm học, đó là A-la-hán và các dị sinh, đã lia tham cõi Sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là hàng hữu học chưa lia tham cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là A-la-hán.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là các hữu học dị sinh, chưa lia tham cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm vô học, đó là dị sinh hữu học đã lia tham ở cõi Sắc.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, Bồ-đặc-già-la chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham ở cõi Dục.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Vô sắc,

tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện tiền.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, không có trường hợp này.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là các A-la-hán và các dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và các A-la-hán các dị sinh sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm học, đó là dị sinh sinh trưởng ở cõi Dục chưa lìa tham cõi Dục và các A-la-hán dị sinh, sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu cũng không phải tâm học, đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Dục đã lìa tham cõi Dục, và Bồ-đặc-già-la hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu chứ không phải tâm vô học, đó là A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, đó là hàng dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu cũng là tâm vô học, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lìa tham cõi Dục, và dị sinh

hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc và Bồ-đặc-già-la sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là hàng hữu học chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm thiện ở cõi Vô sắc, đó là dị sinh A-la-hán đã được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu cũng là tâm học, đó là các dị sinh chưa được tâm thiện ở cõi Vô sắc.

4. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm vô học không thành tựu.

Hoặc tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học đã được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu,

chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

4. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm học không thành tựu.

Hoặc tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là các dị sinh.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì chắc chắn tâm vô học không phải không thành tựu.

Nếu tâm vô học không thành tựu thì chắc chắn tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm học, đó là hàng hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

2. Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, , tâm của quả dị thực đang hiện trước mặt.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, cũng là

tâm học, đó là dị sinh A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và dị sinh A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm học, đó là hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và các A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

2. Tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu cũng là tâm vô học, đó là dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, và dị sinh hữu học sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

4. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, đó là A-la-hán sinh trưởng ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện rõ trước mặt.

Hỏi: Nếu tâm học không thành tựu thì tâm vô học cũng không thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Hoặc tâm vô học không thành tựu, chứ không phải tâm học. Hoặc tâm học không thành tựu, cũng là tâm vô học. Hoặc tâm học không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô học.

Tâm học không thành tựu, chứ không phải tâm vô học, đó là A-la-hán.

Tâm vô học không thành tựu, không phải là tâm học, đó là các hữu học.

Tâm học không thành tựu, cũng là tâm vô học, đó là các dị sinh.

Tâm học không phải không thành tựu, cũng không phải tâm vô học, không có trường hợp này.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:
 - Tâm thiện
 - Tâm bất thiện.
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
- Thuộc cõi Sắc có:
 - Tâm thiện
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
- Thuộc cõi Vô sắc có:
 - Tâm thiện
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
 - Tâm học.
 - Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm bất thiện cũng vậy chăng?

Nếu tâm bất thiện, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng vậy chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, cho đến tâm vô học cũng như vậy chăng?

Nếu tâm vô học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng? Cho đến nếu tâm học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô học cũng như vậy chăng? Nếu tâm vô học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm học cũng như vậy chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm bất thiện, và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nếu tâm bất thiện và tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì không phải tâm thiện thuộc cõi Dục. Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Hoặc không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu,

cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là khi căn thiện bị cắt đứt và chết ở cõi Dục, khi sinh lên cõi Sắc. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, nghĩa là lúc từ cõi Sắc chết, sinh lên cõi Vô sắc. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc từ cõi Dục chết, sinh lên cõi Vô sắc. Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu. Cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là trừ những hình thức đã nói trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. là khi căn thiện bị cắt đứt, và mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, là sinh trưởng ở cõi Dục đã được tâm thiện cõi Sắc. Từ cõi Sắc, tâm thiện lại lui sụt, và mất ở cõi Sắc, khi sinh thì hoặc là cõi Dục hoặc là cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Sắc, là từ cõi Dục mất, khi sinh lên cõi Vô sắc.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức như đã nói trên.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm thiện cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ

không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là khi căn thiện bị cắt đứt, và khi mất ở cõi Dục, sinh lên cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, là đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham cõi Dục, lại lui sụt, và lúc mất ở cõi Sắc sinh xuống cõi Dục, hoặc khi từ cõi Sắc mà mất, sinh lên cõi Vô sắc.

3. Tâm thiện cõi Dục xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc từ cõi Dục mất, sinh lên cõi Vô sắc.

4. Không phải tâm thiện cõi Dục xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức như đã nói trên.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Từ đây trở đi, cũng đều không có.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc các Thánh giả lìa tham Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký cõi Dục xả thành tựu được bất thành tựu, không phải tâm bất thiện, là Thánh giả chưa lìa tham cõi Dục lúc hiện quán biên khổ pháp trí xuất hiện trước mặt.

3. Tâm bất thiện xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký cõi Dục, là lúc các dị sinh lìa tham Dục

4. Không phải tâm bất thiện xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là trừ những hình thức như đã nói trên.

Nếu tâm bất thiện xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm bất thiện. Từ đây về sau cũng đều không có.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Sắc chắc chắn như vậy.

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, đó là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc. Từ tâm thiện cõi Sắc khi lui sụt trở lại, và khi mất ở cõi Sắc, sinh xuống cõi Dục. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chắc chắn vậy.

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là đã lia tham cõi Dục. Từ lia tham cõi Dục, khi lui sụt trở lại, và khi mất ở cõi Sắc, sinh xuống cõi Dục. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện cõi Vô sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là dị sinh sinh trưởng ở cõi

Dục, chưa lia tham cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc. Từ tâm thiện cõi Sắc, khi lui sụt trở lại.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, là Thánh giả đã lia tham cõi Dục. Từ lúc lia tham, lui sụt trở lại.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là dị sinh đã lia tham cõi Dục. Từ lúc lia tham Dục, lui sụt trở lại, và mất ở cõi Dục và cõi Sắc, sinh lên cõi Vô sắc, nếu lúc mất ở cõi Sắc, thì sinh xuống cõi Dục.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức như đã nói trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu, được bất thành tựu thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện ở cõi Sắc, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc. Từ tâm thiện cõi Sắc, lúc lui sụt trở lại, và mất ở cõi Sắc. Hoặc lúc sinh ở cõi Dục hay ở cõi Vô sắc, nếu lúc mất ở cõi Dục thì sinh vào cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Lúc dấy lên trói buộc ở cõi Sắc, lui sụt trở lại, và mất ở cõi Vô sắc, hoặc lúc sinh ở cõi Dục hay cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Lúc dấy lên trói buộc ở cõi Dục lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là trừ những hình thức như trên đã nói.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện cõi Sắc. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành

tự, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Từ đây trở về sau đều không có.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu được bất thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Vô sắc. Từ lúc lìa tham Dục lui sụt trở lại, và mất ở cõi Sắc, hoặc lúc sinh ở cõi Dục hoặc ở cõi Vô sắc.

2. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Lúc dấy lên trói buộc cõi Sắc, lui sụt trở lại và mất ở cõi Vô sắc, lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Lúc dấy lên trói buộc cõi Dục, thì lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là trừ những hình thức như trên đã nói.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, tâm học thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký, tâm học thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu, được bất thành tựu thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu, được bất thành tựu chứ không phải tâm vô học, là dị sinh hữu học đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham Dục lui sụt trở lại và mất ở cõi Sắc, lúc sinh hoặc ở cõi

Dục hoặc ở cõi Vô sắc, nếu như lúc mất ở cõi Dục, thì sinh lên cõi Vô sắc.

2. Tâm vô học xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là A-la-hán, dấy lên trói buộc ở cõi Sắc và Vô sắc thì lui sụt trở lại.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô học, là A-la-hán dấy lên trói buộc ở cõi Dục thì lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm vô học, là trừ những hình thức như tern6 đã nói.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là sinh trưởng ở cõi Dục, và cõi Sắc đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Từ tâm thiện cõi Vô sắc lui sụt trở lại, và tâm thiện cõi Vô sắc, tâm bị nhiễm ô rồi mất, lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là tâm của quả dị thực cõi Vô sắc lúc sinh rồi diệt.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là trụ ở cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực mất, lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là trừ những hình thức như trên đã nói..

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm học.

Nếu tâm học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm vô học, là dị sinh hữu học đã được tâm thiện cõi Vô sắc. Từ tâm thiện Vô sắc lúc lui sụt trở lại và mất ở cõi Vô sắc, lúc sinh hoặc ở cõi Dục, hoặc ở cõi Sắc.

2. Tâm vô học xả thành tựu được bất thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, là A-la-hán dấy lên Vô sắc trói buộc thì lui sụt trở lại.

3. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng là tâm vô học, là A-la-hán dấy lên sự trói buộc do cõi Dục và cõi Sắc thì lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả thành tựu được bất thành tựu, cũng không phải tâm vô học, là trừ những hình thức như trên đã nói.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm học và tâm vô học.

Nếu tâm học và tâm vô học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm vô học. Nếu tâm vô học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm học.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA THỨC THÂN TỨC

QUYỂN 16

Uẩn Thứ 6: THÀNH TỰU, Phần 4

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm bất thiện cũng như vậy chăng? Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cho đến tâm vô học cũng như vậy chăng?

Nếu tâm vô học, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng? Cho đến tâm học xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm vô học cũng như vậy chăng?

Nếu tâm vô học, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm học cũng như vậy chăng?

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành

tự, thì tâm bất thiện cũng vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu,, chứ không phải tâm bất thiện. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu,, chứ không phải tâm bất thiện, là khi căn thiện nối tiếp.

2. Tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, là đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham Dục thì lui sụt trở lại.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm bất thiện, nghĩa là lúc mất ở cõi Sắc và Vô sắc, lúc sinh ở cõi Dục.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải là tâm bất thiện, là trừ những hình thức như tên đã nói.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là khi căn thiện còn tiếp nối.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, là dị sinh đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham Dục thì lui sụt trở lại.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Sắc và Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là trừ những hình thức như trên đã nói.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc căn thiện còn nối tiếp và lúc mất ở cõi Sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Vô sắc sinh vào cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh vào cõi Dục.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là trừ những hình thức như trên đã nói.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là khi căn thiện còn nối tiếp và lúc mất ở cõi Sắc, sinh vào cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, là đã lia tham cõi Sắc. Từ lúc lia tham cõi Sắc thì lui sụt trở lại và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh vào cõi Sắc.

3. Tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh vào cõi Dục.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức như tên đã nói.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Dục. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm bất thiện chắc chắn như vậy.

Hoặc tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu,, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là Thánh giả đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham Dục thì lui sụt trở lại.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện xả bất thành tựu được thành tựu,, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham Dục thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, không phải tâm bất thiện, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

3. Tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

4. Không phải tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là trừ những hình thức như trên đã nói.

Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm bất thiện.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện xả bất thành tựu được thành tựu,, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham cõi Sắc. Từ lúc lìa tham dục, thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm bất thiện, là đã lìa tham cõi Sắc, dấy lên trói buộc ở cõi Sắc, lúc lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

3. Tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu

phú vô ký thuộc cõi Sắc, là đã lìa tham cõi Sắc, dấy lên trói buộc ở cõi Dục, thì lui sụt trở lại, và lúc chết ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

4. Không phải tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức như đã nói.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, và tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, và tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm bất thiện. Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là dị sinh hữu học đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham cõi Dục, thì lui sụt trở lại và lúc mất ở cõi Sắc cõi Vô sắc, sinh vào cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả bất thành tựu được thành tựu, không phải tâm bất thiện, là A-la-hán dấy lên trói buộc vào cõi Sắc và vô sắc thì lui sụt trở lại.

3. Tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là lúc A-la-hán dấy lên trói buộc vào cõi Dục, thì lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm bất thiện. Nếu tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng ra có bốn trường hợp:

1. Tâm bất thiện xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm học, là hàng dị sinh hữu học đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham dục thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Sắc-cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm học xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm

bất thiện, là A-la-hán dấy lên trời buộc vào cõi Vô sắc, thì lui sụt trở lại, và lúc tu gia hạnh, tiến vào kiến đạo.

3. Tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm học, là A-la-hán dấy lên trời buộc vào cõi Dục, thì lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm bất thiện, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm học, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là dị sinh đã lìa tham cõi Dục. Từ lúc lìa tham dục, thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Sắc sinh ở cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

4. Không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục là trừ những hình thức đã nói như trên.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là dị sinh đã lìa tham cõi Dục, chưa lìa tham cõi Sắc. Từ lúc lìa tham dục, thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành

tự, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc đã lìa tham cõi Sắc, dấy lên trói buộc vào cõi Sắc, thì lui sụt trở lại và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc dị sinh đã lìa tham cõi Dục, dấy lên trói buộc vào cõi Dục, thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Vô sắc sinh ở cõi Dục.

4. Không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm thiện thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc tu gia hạnh, tâm thiện cõi Sắc mới hiện ra rõ ràng.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm thiện thuộc cõi Dục, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy. Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, nghĩa là đã lìa tham cõi Sắc. Từ lúc lìa tham cõi Sắc, thì lui sụt trở lại. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi

Sắc cũng như vậy chăng? Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc mất ở cõi Vô sắc sinh ở cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, là lúc ở cõi Dục, được xa lìa dục.

3. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng? Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc tu gia hạnh thì tâm thiện cõi Sắc, mới hiện ra rõ ràng.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, nghĩa là đã lìa tham cõi Sắc. Từ lúc lìa tham cõi Sắc, thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh cõi Dục.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành

tự, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự,, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự,, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc tu gia hạnh thì tâm thiện cõi Sắc, mới hiện ra rõ ràng.

2. Tâm vô phú vô ký xả bất thành tự được thành tự, chứ không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, là khi ở cõi Dục lia dục.

3. Tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tự được thành tự, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Sắc. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, thì tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự,, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, chứ không phải tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, là đã lia tham cõi Sắc. Từ lúc lia tham cõi Sắc, thì lui sụt trở lại, và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc ở cõi Dục được lia dục.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, cũng là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc là lúc mất ở cõi Vô sắc sinh ở cõi Sắc.

4. Không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được thành tự, cũng không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tự được

thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu,, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là hữu học đệ sinh đã lìa tham cõi Sắc. Từ lúc lìa tham cõi Sắc, thì lui sụt trở lại và lúc mất ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Dục.

2. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc A-la-hán khởi trói buộc vào cõi Vô sắc, thì lui sụt trở lại.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là lúc A-la-hán dấy lên trói buộc vào cõi Dục và cõi Sắc thì lui sụt trở lại.

4. Không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm học cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm học. Nói rộng có bốn trường hợp:

1. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm học, là đệ sinh hữu học đã lìa tham cõi Sắc. Từ lúc lìa tham cõi Sắc, thì lui sụt trở lại và lúc mất ở cõi Vô sắc sinh ở cõi Sắc và cõi Dục.

2. Tâm học xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc, là lúc A-la-hán dấy lên trói buộc vào cõi Vô sắc, thì lui sụt trở lại và lúc tu gia hạnh đi vào kiến đạo.

3. Tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải tâm học, là lúc A-la-hán dấy lên trói buộc

vào cõi Sắc và cõi Dục thì lui sụt trở lại.

4. Không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc xả bất thành tựu được thành tựu, cũng không phải là tâm học, là trừ những hình thức đã nói như trên.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc. Từ đây trở về sau đều không có.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm thiện thuộc cõi Vô sắc. Từ đây về sau đều không có.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm vô phú vô ký và tâm vô học thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc. Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì tâm học nhất định như vậy. Hoặc tâm học, xả bất thành tựu được thành tựu, chứ không phải tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là lúc tu gia hạnh, nhập vào kiến đạo. Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm học và tâm vô học. Nếu tâm học và tâm vô học, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc.

Nếu tâm học, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm vô học. Nếu tâm vô học, xả bất thành tựu được thành tựu, thì chắc chắn không phải là tâm học.

Có mười loại tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chẳng? Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chẳng? Cho đến nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chẳng? Nếu tâm ấy thành tựu thì tâm ấy chưa đoạn chẳng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chẳng? Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục chưa đoạn, không phải tâm ấy thành tựu; hoặc tâm ấy thành tựu; không phải tâm ấy chưa đoạn; hoặc tâm ấy chưa đoạn, cũng tâm ấy thành tựu; hoặc không phải tâm ấy chưa đoạn, cũng không phải tâm ấy thành tựu.

Tâm ấy chưa đoạn, không phải tâm ấy thành tựu là đã đoạn căn thiện, tâm ấy thành tựu.

Không phải tâm ấy chưa đoạn, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục.

Tâm ấy chưa đoạn, cũng thành tựu tâm ấy, là sinh trưởng ở cõi Dục, căn thiện không đoạn, chưa lìa tham cõi Dục.

Không phải tâm ấy chưa đoạn cũng không phải tâm ấy thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy

Hỏi: Nếu tâm ấy thành tựu, thì tâm ấy chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng như vậy

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy thành tựu, thì tâm ấy chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục chưa đoạn, thì tâm ấy thành tựu chẳng? Nếu tâm ấy chưa đoạn, thì quyết định tâm ấy thành tựu. Hoặc tâm ấy thành tựu, không phải tâm ấy chưa đoạn, nghĩa là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục, và sinh trưởng ở cõi Sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chẳng?

Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa đoạn, không phải tâm ấy thành

tự; hoặc tâm ấy thành tựu, không phải tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn thì tâm ấy cũng thành tựu.

Hoặc không phải tâm ấy chưa đoạn thì không phải tâm ấy thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc chưa đoạn, không phải tâm ấy thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Sắc.

Thành tựu tâm ấy, không phải tâm ấy chưa đoạn là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lia tham cõi Sắc.

Tâm ấy chưa đoạn cũng tâm ấy thành tựu là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc, chưa lia tham cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lia tham cõi đó.

Hỏi: Không phải tâm ấy chưa đoạn, cũng không phải tâm ấy thành tựu là sinh trưởng ở cõi Vô sắc, nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm ấy thành tựu, thì tâm ấy chưa đoạn chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì tâm ấy thành tựu chăng? Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn thì không phải tâm ấy thành tựu.

Hoặc tâm ấy thành tựu, không phải tâm ấy chưa đoạn. Hoặc tâm ấy chưa đoạn thì cũng tâm ấy thành tựu.

Hoặc không phải tâm ấy chưa đoạn cũng không phải tâm ấy thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc chưa đoạn, không phải tâm ấy thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham cõi Dục.

Thành tựu tâm ấy, không phải tâm ấy chưa đoạn, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc đã lia tham cõi Sắc. Tâm ấy chưa đoạn, cũng tâm ấy thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham cõi Dục chưa lia tham cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lia tham cõi đó.

Không phải tâm ấy chưa đoạn, cũng không phải tâm ấy thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm đó thành tựu chăng?

Đáp: Hoặc tâm thiện thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm đó không thành tựu. Hoặc tâm đó thành tựu, không phải tâm đó chưa đoạn; hoặc tâm đó chưa đoạn, cũng tâm đó thành tựu; hoặc không phải tâm đó chưa đoạn cũng không phải tâm đó thành tựu. Tâm thiện thuộc cõi Vô sắc

chưa đoạn, không phải tâm đó thành tựu, là chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

Tâm đó thành tựu, không phải tâm đó chưa đoạn, là A-la-hán.

Tâm đó chưa đoạn cũng tâm đó thành tựu, là dị sinh hữu học.

Đã được tâm thiện cõi Vô sắc, không phải tâm đó chưa đoạn, cũng không phải tâm đó thành tựu, thì không có trường hợp này.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm đó thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm đó thành tựu, thì tâm đó chưa đoạn chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì tâm đó thành tựu chẳng?

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn thì không phải tâm đó thành tựu.

Hoặc tâm đó thành tựu, không phải tâm đó chưa đoạn. Hoặc tâm đó chưa đoạn, cũng tâm đó thành tựu.

Hoặc không phải tâm đó chưa đoạn cũng không phải tâm đó thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc chưa đoạn, không phải tâm đó thành tựu, là dị sinh hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện rõ trước mặt.

Thành tựu tâm đó, không phải tâm đó chưa đoạn, là A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực hiện ngay trước mặt.

Tâm đó chưa đoạn cũng tâm đó thành tựu, là dị sinh hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực hiện ngay trước mặt.

Không phải tâm đó chưa đoạn, cũng không phải tâm đó thành tựu, là A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện trước mặt.

Có mười loại tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn, thì tâm đó không thành tựu chẳng? Nếu tâm đó không thành tựu, thì tâm đó đã đoạn chẳng? Cho đến nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn, tâm đó không thành tựu chẳng? Nếu tâm đó không thành tựu thì nó đã đoạn chẳng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng? Hoặc tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu.

Hoặc tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn.

Hoặc tâm đó đã đoạn, tâm đó cũng không thành tựu.

Hoặc không phải tâm đó đã đoạn, cũng phải tâm đó không thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Dục đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lìa tham cõi Dục.

Tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn, là đã đoạn căn thiện.

Tâm đó đã đoạn, tâm đó cũng không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Không phải tâm đó đã đoạn cũng không phải tâm đó không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục, không đoạn căn thiện chưa lìa tham cõi Dục.

Hỏi: Nếu tâm bất thiện đã đoạn, thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm này không thành tựu, thì tâm này đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm đó không thành tựu thì tâm đó đã đoạn rồi chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục mà tâm đó không thành tựu

thì chắc chắn nó đã đoạn.

Hoặc tâm đó đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham dôi Dục và sinh trưởng ở cõi Sắc. Nếu tâm thiện ở cõi Sắc đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng? Hoặc tâm thiện thuộc cõi Sắc đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu; hoặc tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn; hoặc tâm đó đã đoạn, cũng tâm đó không thành tựu; hoặc không phải tâm đó đã đoạn, cũng không phải tâm đó không thành tựu.

Tâm thiện thuộc cõi Sắc đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lia tham cõi Sắc.

Tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn, là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa được tâm thiện cõi Sắc.

Tâm này đã đoạn cũng không thành tựu tâm này là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Không phải tâm này đã đoạn, không phải cũng không thành tựu tâm này, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã được tâm thiện cõi Sắc, chưa lia tham cõi Sắc và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lia tham cõi đó.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm đó không thành tựu thì tâm đó đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Đáp: Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu.

Hoặc tâm đó không thành tựu, chứ không phải tâm đó đã đoạn.

Hoặc tâm đó đã đoạn, cũng tâm đó không thành tựu.

Hoặc không phải tâm đó đã đoạn, cũng không phải tâm đó không thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc đã đoạn, chứ không phải tâm đó không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Dục và cõi Sắc, đã lia tham cõi Sắc.

Tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn, là sinh trưởng ở cõi Dục, chưa lia tham cõi Dục.

Tâm đó đã đoạn, tâm đó cũng không thành tựu, là sinh trưởng ở cõi Vô sắc.

Không phải tâm đó đã đoạn, cũng không phải tâm đó không thành

tự, là sinh trưởng ở cõi Dục, đã lia tham cõi Dục, chưa lia tham cõi Sắc, và sinh trưởng ở cõi Sắc, chưa lia tham ở đó.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc đã đoạn, thì chắc chắn không phải tâm đó không thành tựu. Hoặc tâm...

Hoặc tâm đó không thành tựu chứ không phải tâm đó đã đoạn, là chưa được tâm thiện cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu tâm đó không thành tựu thì tâm đó đã đoạn chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn thì tâm đó không thành tựu chẳng?

Hoặc tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu.

Hoặc tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn.

Hoặc tâm đó đã đoạn, tâm đó cũng không thành tựu.

Hoặc không phải tâm đó đã đoạn cũng, không phải tâm đó không thành tựu.

Tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc đã đoạn, không phải tâm đó không thành tựu, là A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện ra trước mặt.

Tâm đó không thành tựu, không phải tâm đó đã đoạn, là dị sinh hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện ra trước mặt.

Tâm đó đã đoạn tâm đó cũng không thành tựu, là A-la-hán thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực không hiện ra trước mặt.

Không phải tâm đó đã đoạn cũng không phải tâm đó không thành tựu, là dị sinh hữu học thuộc cõi Vô sắc, tâm của quả dị thực đang hiện ra trước mặt.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu, như vậy mười hai tâm có bao nhiêu thành tựu? Bao nhiêu không thành tựu? Cho đến nếu tâm vô học thành tựu, như vậy mười hai tâm có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục thành tựu thì hai tâm chắc chắn thành tựu, một tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu. Nếu tâm bất thiện thành tựu thì bốn tâm chắc chắn thành tựu, bốn tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì năm tâm chắc chắn thành tựu, bốn tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục thành tựu thì một tâm này chắc chắn thành tựu, một tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc thành tựu thì hai tâm chắc chắn thành tựu, một tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì ba tâm chắc chắn thành tựu, hai tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc thành tựu thì ba tâm chắc chắn thành tựu, ba tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì một tâm chắc chắn thành tựu, hai tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì một tâm

chắc chắn thành tựu, một tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc thành tựu thì hai tâm chắc chắn thành tựu, bảy tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm học thành tựu thì hai tâm chắc chắn thành tựu, một tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm vô học thành tựu thì hai tâm chắc chắn thành tựu, năm tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu, như vậy mười hai tâm, có bao nhiêu thành tựu, có bao nhiêu không thành tựu? Cho đến nếu tâm vô học không thành tựu, như vậy mười hai tâm có bao nhiêu thành tựu, có bao nhiêu không thành tựu?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Dục không thành tựu thì chỉ một tâm này chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm bất thiện không thành tựu thì có hai tâm chắc chắn không thành tựu, còn những tâm khác thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì một

tâm này chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Dục không thành tựu thì bảy tâm chắc chắn không thành tựu, một tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Sắc không thành tựu thì hai tâm chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hay không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì ba tâm chắc chắn không thành tựu, một tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Sắc không thành tựu thì một tâm này chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì ba tâm chắc chắn không thành tựu, ba tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm hữu phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì năm tâm chắc chắn không thành tựu, hai tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô phú vô ký thuộc cõi Vô sắc không thành tựu thì một tâm này chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm học không thành tựu thì một tâm này chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Nếu tâm vô học không thành tựu thì một tâm này chắc chắn không thành tựu, một tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu hoặc không thành tựu.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện

Tâm bất thiện.

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện
 Tâm hữu phú vô ký.
 Tâm vô phú vô ký.
 Tâm học.
 Tâm vô học.

Lại có ba thứ Bồ-đặc-già-la:

1. Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục.
2. Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Sắc.
3. Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Vô sắc.

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục, mười hai tâm như thế, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Sắc, mười hai tâm như thế, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Vô sắc, mười hai tâm như thế, có bao nhiêu thành tựu bao nhiêu không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Dục có bốn tâm chắc chắn thành tựu, bốn tâm chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Sắc thì có ba tâm chắc chắn thành tựu, hai tâm chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Bồ-đặc-già-la chưa lìa tham cõi Vô sắc thì một tâm chắc chắn thành tựu, một tâm chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:

Tâm thiện
 Tâm bất thiện.
 Tâm hữu phú vô ký.
 Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện
 Tâm hữu phú vô ký.
 Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện
 Tâm hữu phú vô ký.
 Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Lại có ba thứ Bồ-đặc-già-la:

1. Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Dục.
2. Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Sắc.
3. Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Vô sắc.

Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Dục, mười hai tâm như vậy, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Sắc, mười hai tâm như vậy, có bao nhiêu thành tựu bao nhiêu không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Vô sắc, mười hai tâm như thế, có bao nhiêu thành tựu, bao nhiêu không thành tựu?

Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Dục, hai tâm chắc chắn không thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Sắc, ba tâm chắc chắn không thành tựu, một tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Bồ-đặc-già-la đã lìa tham cõi Vô sắc, năm tâm chắc chắn không thành tựu, hai tâm chắc chắn thành tựu, còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu tâm thiện đầu tiên nơi cõi Phạm thế hiện ra trước mặt, thì hết thấy tâm thiện thuộc cõi Dục đều không gián đoạn chăng?

Nếu tâm thiện thuộc cõi Phạm thế đầu tiên tu gia hạnh, hiện ra trước mặt thì hết thấy tâm thiện thuộc cõi Dục đều không gián đoạn.

Hoặc tâm thiện đầu tiên nơi cõi Phạm thế hiện ra trước mặt, thì không phải tâm thiện thuộc cõi Dục đều, không gián đoạn, nghĩa là từ trên cõi Phạm thế mất thì sinh trong cõi Phạm thế. Tâm thiện đầu tiên nơi cõi Phạm thế ấy hiện ra trước mặt, cho đến nếu tâm thiện đầu tiên thuộc Vô sở hữu xứ hiện ra trước mặt, thì hết thấy tâm thiện thuộc thức vô biên xứ đều, không gián đoạn chăng?

Nếu tâm thiện thuộc Vô sở hữu xứ, đầu tiên tu gia hạnh, hiện ra trước mặt thì hết thấy tâm thiện thuộc Thức vô biên xứ đều không gián đoạn.

Hoặc tâm thiện thuộc Vô sở hữu xứ đầu tiên hiện ra trước mặt, thì không phải tâm thiện thuộc Thức vô biên xứ đều không gián đoạn, nghĩa là từ Phi tướng phi phi tướng xứ mất, sinh vào Vô sở hữu xứ, thì tâm thiện thuộc Vô sở hữu xứ đầu tiên kia hiện ra trước mặt.

Có mười hai tâm:

- Thuộc cõi Dục có:
 - Tâm thiện
 - Tâm bất thiện.
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
- Thuộc cõi Sắc có:
 - Tâm thiện
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
- Thuộc cõi Vô sắc có:
 - Tâm thiện
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
 - Tâm học.
 - Tâm vô học.

Nếu tâm học, xả thành tựu được bất thành tựu, mười hai tâm như vậy, có bao nhiêu xả thành tựu được bất thành tựu có bao nhiêu xả bất thành tựu được thành tựu,?

Nếu tâm vô học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì mười hai tâm như vậy, có bao nhiêu xả thành tựu được bất thành tựu bao nhiêu xả bất thành tựu được thành tựu,?

Nếu tâm học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì hai tâm chắc chắn xả thành tựu được bất thành tựu, một tâm chắc chắn xả bất thành tựu được thành tựu, còn lại thì không phải xả thành tựu được bất thành tựu cũng không phải xả bất thành tựu được thành tựu,.

Nếu tâm vô học, xả thành tựu được bất thành tựu, thì một tâm chắc chắn xả thành tựu được bất thành tựu hai tâm chắc chắn xả bất thành tựu được thành tựu, hai tâm hoặc xả thành tựu được bất thành tựu hai tâm hoặc xả bất thành tựu được thành tựu, năm tâm không phải xả thành tựu được bất thành tựu cũng không phải xả bất thành tựu được thành tựu,

- Có mười hai tâm
- Thuộc cõi Dục có:
 - Tâm thiện
 - Tâm bất thiện.
 - Tâm hữu phú vô ký.
 - Tâm vô phú vô ký.
 - Thuộc cõi Sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

- Thuộc cõi Vô sắc có:

Tâm thiện

Tâm hữu phú vô ký.

Tâm vô phú vô ký.

Tâm học.

Tâm vô học.

Nếu tâm học xả bất thành tựu được thành tựu, mười hai tâm như vậy, có bao nhiêu xả bất thành tựu được thành tựu,? Có bao nhiêu xả thành tựu được bất thành tựu?

Nếu tâm vô học, xả bất thành tựu được thành tựu, mười hai tâm như vậy, có bao nhiêu xả bất thành tựu được thành tựu,? Có bao nhiêu xả thành tựu được bất thành tựu?

Nếu tâm học xả bất thành tựu được thành tựu, thì hoặc có hai tâm chắc chắn xả bất thành tựu được thành tựu, có một tâm chắc chắn xả thành tựu được bất thành tựu, hai tâm hoặc xả bất thành tựu được thành tựu, hai tâm hoặc xả thành tựu được bất thành tựu hoặc có được một, đều không có xả gì hết.

Năm tâm không phải xả bất thành tựu được thành tựu,, cũng không phải xả thành tựu được bất thành tựu.

Nếu tâm vô học, xả bất thành tựu được thành tựu, thì một tâm chắc chắn xả bất thành tựu được thành tựu, hai tâm chắc chắn xả thành tựu được bất thành tựu.



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 89

LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TÚC

SỐ 1540
(Quyển Thượng - Trung & Hạ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1540

LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TỨC

Tác giả: Tôn giả Thế Hữu.

Hán dịch: Đồi Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: BẢN SỰ

*Ba địa, đều mười thứ,
Năm phiền não, năm kiến,
Năm xúc, năm căn pháp,
Sáu, sáu thân tương ứng.*

Có mười pháp đại địa, mười pháp đại phiền não địa, mười pháp tiểu phiền não địa, năm phiền não, năm kiến, năm xúc, năm căn, năm pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, sáu ái thân.

- Mười pháp đại địa là gì?

1. Thọ.
2. Tưởng.
3. Tư.
4. Xúc.
5. Tác ý.
6. Dục.
7. Thắng giải.
8. Niệm.

9. Tam-ma-địa.
 10. Tuệ.
- Mười pháp đại phiền não địa là gì?
1. Bất tín.
 2. Lười biếng.
 3. Lãng quên.
 4. Tâm loạn.
 5. Vô minh.
 6. Bất chánh tri.
 7. Tác ý phi lý.
 8. Tà thắng giải.
 9. Trạo cử.
 10. Phóng dật.
- Mười pháp tiểu phiền não địa là gì?
1. Phẫn.
 2. Hận.
 3. Phú.
 4. Não.
 5. Tật.
 6. Xan.
 7. Cuống.
 8. Siểm.
 9. Kiêu.
 10. Hại.
- Năm phiền não là gì?
1. Dục tham (Tham nơi cõi Dục).
 2. Sắc tham (Tham nơi cõi Sắc).
 3. Vô sắc tham (Tham nơi cõi Vô sắc).
 4. Sân.
 5. Nghi.
- Năm kiến là gì?
1. Hữu thân kiến.
 2. Biên chấp kiến.
 3. Tà kiến.
 4. Kiến thủ.
 5. Giới cấm thủ.
- Năm xúc là gì?
1. Hữu đối xúc.

2. Tăng ngữ xúc.
 3. Minh xúc.
 4. Vô minh xúc.
 5. Phi minh, phi vô minh xúc.
- Năm căn là gì?
1. Lạc căn.
 2. Khổ căn.
 3. Hỷ căn.
 4. Ưu căn.
 5. Xả căn.
- Năm pháp là gì?
1. Tâm.
 2. Tứ.
 3. Thức.
 4. Vô tà.
 5. Vô quý.
- Sáu thức thân là gì?
1. Nhãn thức.
 2. Nhĩ thức.
 3. Tỷ thức.
 4. Thiệt thức.
 5. Thân thức.
 6. Ý thức.
- Sáu xúc thân là gì?
1. Nhãn xúc.
 2. Nhĩ xúc.
 3. Tỷ xúc.
 4. Thiệt xúc.
 5. Thân xúc.
 6. Ý xúc.
- Sáu thọ thân là gì?
1. Thọ do nhãn xúc sinh.
 2. Thọ do nhĩ xúc sinh.
 3. Thọ do tỷ xúc sinh.
 4. Thọ do thiệt xúc sinh.
 5. Thọ do thân xúc sinh.
 6. Thọ do ý xúc sinh.
- Sáu tưởng thân là gì?

1. Tưởng do nhãn xúc sinh.
2. Tưởng do nhĩ xúc sinh.
3. Tưởng do tỷ xúc sinh.
4. Tưởng do thiệt xúc sinh.
5. Tưởng do thân xúc sinh.
6. Tưởng do ý xúc sinh.

- Sáu tư thân là gì?

1. Tư do nhãn xúc sinh.
2. Tư do nhĩ xúc sinh.
3. Tư do tỷ xúc sinh.
4. Tư do thiệt xúc sinh.
5. Tư do thân xúc sinh.
6. Tư do ý xúc sinh.

- Sáu ái thân là gì?

1. Ái do nhãn xúc sinh.
2. Ái do nhĩ xúc sinh.
3. Ái do tỷ xúc sinh.
4. Ái do thiệt xúc sinh.
5. Ái do thân xúc sinh.
6. Ái do ý xúc sinh.

Thế nào là cảm thọ? Nghĩa là cảm thọ, cùng cảm thọ, các thức cùng cảm thọ, đã cảm thọ, sẽ cảm thọ. Đối tượng được gồm thâu của thọ gọi là cảm thọ.

Thế nào là tưởng? Nghĩa là tưởng, cùng tưởng, hiện đang tưởng, đã tưởng, sẽ tưởng.

Thế nào là tư? Nghĩa là tư, cùng tư, hiện đang tư, đã tư, sẽ tư. Tâm tạo ý nghiệp do tư dẫn dắt gọi là tư.

Thế nào là xúc? Nghĩa là xúc, cùng xúc, hiện đang xúc, đã xúc, sẽ xúc chạm.

Thế nào là tác ý? Tâm dẫn dắt theo, cùng dẫn dắt, hiện đang tác ý, đã tác ý, sẽ tác ý. Tâm biết rõ gọi là tác ý.

Thế nào là dục? Nghĩa là ham muốn, tính chất phát sinh ham muốn, tính chất hiện bày ham muốn, tính chất mừng vui, tính chất nhắm tới, tính chất trông mong ham muốn, tính chất vui thích tìm kiếm. Mọi tính chất của đối tượng được tạo tác hiện có của dục gọi là dục.

Thế nào là thắng giải? Nghĩa là tâm có tánh hiểu rõ, đã hiểu rõ, sẽ hiểu rõ.

Thế nào là niệm? Nghĩa là niệm (nhớ nghĩ) tùy niệm, biệt niệm,

ức niệm. Tính chất nhớ lại, tính chất không quên. Pháp không quên nơi tánh không mất. Pháp không mất nơi tánh không quên. Tâm ghi nhớ kỹ là niệm.

Thế nào là Tam-ma-địa? Nghĩa là tâm yên trụ, cùng trụ, hiện đang trụ, cận trụ, không rối loạn, không phân tán. Thâu giữ, ngưng dứt vắng lặng, đẳng trì (định), tánh của cảnh, tâm hợp nhất, đó gọi là tam ma địa

Thế nào là tuệ? Nghĩa là lựa chọn pháp, lựa chọn tối cực, lựa chọn tận cùng, hiểu rõ tướng pháp, thấu suốt tướng tiếp cận, thấy rõ tướng liên hệ, lanh lợi, thông suốt, suy xét, lựa chọn, hoạt động của tuệ là tỉnh biết sáng tỏ, hành Tỳ-bát-xá-na (Vipassana: Quán) gọi là tuệ.

Thế nào là bất tín (không có lòng tin)? Nghĩa là không tin, tính chất không tin, tính chất không tin cái hiện có, không chứng nhận, không vừa lòng, đã không nương vào lòng tin, sẽ không nương vào lòng tin, hiện không nương vào lòng tin, khiến tâm bất tịnh, đó gọi là bất tín.

Thế nào là lười biếng? Nghĩa là không có tính chất siêng năng, tính chất tinh tấn thấp, tính chất tinh tấn mù mờ, cản trở tinh tấn, làm ngưng nghỉ tinh tấn, tâm không dũng mãnh, hăng hái, đã không dũng mãnh, hăng hái, ngay đây cũng không dũng mãnh hăng hái, đó gọi là giải đãi.

Thế nào là thất niệm? Là tính chất không nhớ nghĩ gì, tính chất nhớ nghĩ trống không, tính chất quên nhớ nghĩ, tính chất mất nhớ nghĩ, tánh của tâm không ghi nhớ rõ, đó gọi là thất niệm.

Thế nào là tâm loạn? Là tánh phân tán của tâm, tánh rối loạn của tâm, tánh nghĩ khác của tâm. Tâm có tính chất mê loạn. Tánh không trụ vào một cảnh của tâm, tính chất không trụ yên nơi một cảnh, đó gọi là tâm loạn.

Thế nào là vô minh? Là không có trí tuệ về ba cõi.

Thế nào là bất chánh tri? Nghĩa là phi lý dẫn dắt trí tuệ.

Thế nào là phi lý tác ý? Là tác ý ô nhiễm.

Thế nào là tà thắng giải? Nghĩa là tương ưng với tác ý ô nhiễm, khiến tâm thắng giải rập khuôn thuận theo. Đó gọi là tà thắng giải.

Thế nào là trạo cử? Là tâm không yên lặng, không yên lặng cùng cực, không có tính chất tịch tĩnh, cử động ồn ào, cùng cử động ồn ào, tánh cử động ồn ào của tâm, đó gọi là trạo cử.

Thế nào là phóng dật? Là trong công việc đoạn trừ pháp ác, đưa đến pháp thiện, gom góp pháp thiện thì làm không bền chắc, làm không thường xuyên, không thân cận, không tu, không luyện tập. Đó gọi là

phóng dật.

Thế nào là phần? Là giận, cùng giận, giận khắp, giận hết sức, đã giận, sẽ giận. Đó gọi là phần

Thế nào là hận? Là tâm kết hận, kết hận cùng khắp, tính chất kết oán của tâm.

Thế nào là phú? Là che giấu mọi chuyện làm ác, gây tội.

Thế nào là nã? Là tâm phần uất bức bội, tâm cố chấp càng tăng, tính chất hung dữ của tâm.

Thế nào là tật (ganh ghét)? Là tâm không chịu đựng nổi trước lợi lộc vinh hoa của kẻ khác.

Thế nào là xan (bỏn sẻn)? Là bám chắc vào tiền của và giáo pháp, không buông xả.

Thế nào là cuống (dối gạt)? Là dối trá lừa dối khiến kẻ khác mê lầm.

Thế nào là siểm (dua nịnh)? Là tâm không ngay thẳng.

Thế nào là kiêu (tự cao)? Là như có người nghĩ như vậy: Ta thật tuyệt diệu về danh tiếng, tiền của, tài nghệ, thọ mạng, công đức, thân hình cân đối đẹp đẽ, mặt mày sáng rõ, ai cũng thích nhìn. Vì lý do ấy, kẻ này liền khởi lên kiêu ngạo, kiêu ngạo cùng cực với tâm say mê, hoa mắt, lúc nào cũng như vậy.

Thế nào là hại? Là ưa việc đánh đập, gây tổn hại cho người khác.

Thế nào là dục tham? Là đối với các dục khởi lên tham lam, cùng tham lam, nên cất giấu, phòng giữ, yêu thích, tham đắm.

Thế nào là sắc tham? Là đối với các sắc khởi lên tham lam, cùng tham lam, nên cất giấu, phòng giữ, yêu thích, tham đắm.

Thế nào là vô sắc tham? Là đối với các thứ vô sắc dấy khởi tham lam, cùng tham lam, nên cất giấu, phòng giữ, yêu thích, tham đắm.

Thế nào là sân (giận)? Là đối với hữu tình muốn gây bức hại, tâm sinh sôi mãi, giận dữ cùng cực, giận dữ khắp, cùng giận dữ, giận dữ hết sức, đang giận, đã giận, sẽ giận.

Thế nào là nghi? Là do dự đối với những sự thật (đế).

Thế nào là hữu thân kiến? Là đối với năm thủ uẩn, theo đó xem xét mà chấp ngã và ngã sở, do đó khởi lên suy xét, ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán.

Thế nào là biên chấp kiến? Là đối với năm thủ uẩn theo đó quán xét để chấp trước hoặc chấp đoạn, hoặc chấp thường, do đó khởi lên suy xét ưa thích kiến chấp của tuệ quán.

Thế nào là tà kiến? Là hủy báng nhân quả, hoặc hủy báng tác dụng của nhân quả, hoặc phá hoại sự thật. Do đó khởi lên suy xét ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán.

Thế nào là kiến thủ? Là đối với năm thủ uẩn theo chỗ quán xét mà chấp, coi nó là tối thắng, là tối diệu. Do đó khởi lên suy xét ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán.

Thế nào là giới cấm thủ? Là đối với năm thủ uẩn, theo chỗ quán xét mà chấp, xem đó là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Do đó khởi lên suy xét ưa thích theo kiến chấp của tuệ quán.

Hữu đối xúc là năm thức tương ứng với tiếp xúc

Tăng ngữ xúc là ý thức tương ứng với tiếp xúc.

Minh xúc là tiếp xúc với vô lậu.

Vô minh xúc là tiếp xúc với ô nhiễm.

Phi minh, phi vô minh xúc là tiếp xúc với hữu lậu bất nhiễm.

Lạc căn là tiếp xúc thuận theo lạc thọ. Xúc là sự dấy khởi những cảm thọ nơi thân và tâm vui một cách bình đẳng. Sự gồm thâu của thọ gọi là lạc căn.

Khổ căn là tiếp xúc thuận theo khổ thọ. Xúc là sự dấy khởi những cảm thọ nơi thân và tâm khổ, không bình đẳng. Sự gồm thâu của thọ ấy gọi là khổ căn.

Hỷ căn là tiếp xúc thuận theo hỷ thọ. Xúc là sự dấy khởi những cảm thọ nơi tâm mừng, bình đẳng. Sự gồm thâu của thọ ấy gọi là hỷ căn.

Ưu căn là tiếp xúc thuận theo ưu thọ. Xúc là sự dấy khởi những cảm thọ nơi tâm lo buồn không như nhau. Sự thâu tóm của thọ ấy gọi là ưu căn.

Xả căn là tiếp xúc thuận theo cảm thọ không khổ không vui. Xúc là sự dấy khởi những cảm thọ nơi thân tâm xả, không bình đẳng, không phải là không bình đẳng. Sự gồm thâu của thọ ấy gọi là xả căn.

Tâm là tâm tìm kiếm khắp, suy tìm để hiển bày, hiển bày hết mực, hiển bày hiện tiền, tìm cầu vẽ vời, tính toán cùng khắp, phân biệt và phân biệt rạch ròi, tính chất phân biệt ấy gọi là tâm.

Tứ là tâm tuần hành khắp, tùy tuần hành mà rình xét khắp, suy nghĩ rình xét khắp, theo sự rình xét khắp mà lưu chuyển, tùy thuộc nơi tánh kia, gọi là tứ.

Thức là sáu thức thân tức là nhãn thức cho đến ý thức.

Vô tâm là không xấu hổ về mình, không có điều xấu hổ, không xấu hổ riêng. Không xấu hổ, không có điều xấu hổ, không có xấu hổ

riêng. Không tôn kính, không có điều tôn kính, không có tôn kính riêng. Không tự tại, không có điều tự tại, không có tự tại riêng. Không biết sợ hãi, cứ như thế mà chuyển đổi.

Vô quý là không thẹn, không có điều thẹn, không thẹn riêng. Không tủi hổ, không có điều tủi hổ, không tủi hổ riêng. Tính chất đối với tội không sợ không hãi. Không thấy sợ hãi các tội lỗi.

Nhãn thức là gì? Nghĩa là nhãn (mắt) cùng sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, trong đó nhãn là tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên. Sắc mà mắt biết cả thấy đều phân biệt rõ ràng. Đó gọi là nhãn thức.

Nhĩ thức cho đến ý thức là sao? Nghĩa là ý cùng với pháp làm duyên sinh ra ý thức, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng được duyên. Pháp mà ý biết cả thấy đều phân biệt rõ ràng. Đó gọi là ý thức.

Nhãn xúc là gì? Nghĩa là mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ này hòa hợp nên gọi là xúc, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên. Sắc mà mắt biết, các tiếp xúc, cùng tiếp xúc, đã và đang tiếp xúc. Đó gọi là nhãn xúc.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc là gì? Nghĩa là ý cùng với pháp làm duyên sinh ra ý thức. Ba thứ này hòa hợp nên gọi là xúc, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng được duyên. Pháp mà ý thức biết, có những sự tiếp xúc, cùng tiếp xúc, đã và đang tiếp xúc. Đó gọi là ý xúc.

Thọ do nhãn xúc sinh ra là gì? Nghĩa là nhãn cùng với sắc làm duyên sinh ra nhãn thức. Ba thứ ấy hòa hợp nên gọi là xúc. Xúc làm duyên cho thọ, trong đó, nhãn là tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên. Nhãn xúc là nhân, là tập khởi, là chủng loại, cũng là duyên. Những gì do nhãn xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Sắc mà mắt biết, các thọ cùng thọ sáng rõ, đã và đang thọ nhận. Sự gồm thấu của thọ ấy gọi là thọ do nhãn xúc sinh ra.

Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc sinh ra thọ, là ý và pháp làm duyên sinh ra ý thức. Ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc. Xúc là điều kiện (duyên) của thọ, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng được duyên. Ý xúc là nhân, là tập khởi, là chủng loại, cũng là nhân. Những gì sinh ra từ ý xúc tương ứng với tác ý. Pháp mà ý biết có các thọ, cùng thọ nhận sáng tỏ, đã và sẽ cảm thọ. Sự gồm thấu của thọ ấy gọi là thọ do ý xúc sinh ra.

Tưởng do nhãn xúc sinh ra là gì? Là mắt và sắc làm điều kiện (duyên) sinh ra cái biết của mắt (nhãn thức). Ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc. Xúc làm điều kiện cho tưởng, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên. Mắt tiếp xúc là nhân, là tập khởi, là chủng loại, là điều kiện. Những gì do mắt giao tiếp sinh ra tương ứng với tác ý. Sắc

mà mắt biết có các tướng cùng tướng đều sáng rõ, đã tướng, đang tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng do nhãn xúc sinh ra.

Nhĩ, tử, thiết, thân, ý tiếp xúc phát sinh ra tướng là gì? Là ý và pháp làm điều kiện phát sinh ý thức. Ba thứ ấy hòa hợp nhau gọi là xúc. Xúc làm điều kiện cho tướng, trong đó ý là tăng thượng, còn pháp là đối tượng được duyên. Ý tiếp xúc là nhân, là tập khởi, là chủng loại, là điều kiện. Những gì do ý xúc sinh ra tương ứng với tác ý. Pháp mà ý biết có các tướng cùng tướng đều phân biệt, đã tướng, đang tướng, sẽ tướng. Đó gọi là tướng do ý xúc sinh ra.

Tư do mắt tiếp xúc sinh ra là gì? Là mắt và sắc làm duyên sinh ra cái biết của mắt (nhãn thức). Ba thứ ấy hòa hợp nhau gọi là xúc. Xúc làm điều kiện cho tư, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên. Nhãn xúc là nhân, là tập khởi, là chủng loại, là duyên. Những gì do mắt tiếp xúc phát sinh ra tương ứng với tác ý. Sắc mà mắt biết sắc có các tư cùng tư đều phân biệt, đã tư duy, hiện đang tư duy, sẽ tư duy. Sự gồm thâu của tư duy ấy tạo ra nghiệp tâm ý. Đó gọi là tư do nhãn xúc sinh ra.

Tư do nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc sinh ra là gì? Là ý và pháp làm duyên cho ý thức phát sinh. Ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc. Xúc làm điều kiện cho tư, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng được duyên. Ý xúc là nhân, là tập khởi, là chủng loại, là duyên. Những gì do ý tiếp xúc phát sinh ra tương ứng với tác ý. Pháp mà ý biết có những tư cùng tư phân biệt rõ, đã, đang tư duy và sẽ tư duy. Sự gồm thâu của tư duy ấy tạo ra nghiệp tâm ý. Đó gọi là tư do ý xúc sinh ra.

Ái do nhãn xúc sinh ra là gì? Là mắt và sắc làm duyên cho cái biết của mắt (nhãn thức). Ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc. Xúc làm điều kiện nên có thọ. Thọ làm điều kiện cho ái, trong đó mắt là tăng thượng, sắc là đối tượng được duyên. Sắc mà mắt biết là các tham cùng tham lam, được cất giấu, phòng giữ, yêu thích, vướng mắc. Đó gọi là ái do nhãn xúc sinh ra.

Ái do nhĩ, tử, thiết, thân, ý xúc sinh ra là gì? Là ý và pháp làm điều kiện cho ý thức phát sinh. Ba thứ ấy hòa hợp gọi là xúc. Xúc làm điều kiện nên có thọ. Thọ làm điều kiện cho ái, trong đó ý là tăng thượng, pháp là đối tượng được duyên. Pháp mà ý biết có các tham cùng tham lam, rồi cất giấu, phòng giữ, yêu thích, vướng mắc. Đó gọi là ái do ý xúc sinh ra.

*Phẩm 2: PHÂN BIỆT***Môn 1:**

*Môn có tám mươi tám,
 Đầu, khác loại ba môn,
 Là thọ và thức thân,
 Cùng vô tâm vô quý.
 Môn còn tám mươi lăm,
 Là thứ lớp của thọ,
 Tương ứng, không tương ứng,
 Một hàng giới, xứ, uẩn.*

Năm thọ căn là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn.

Thọ của pháp đại địa tương ứng và không tương ứng với thứ nào trong năm thọ căn? Cho đến ái phát sinh do ý xúc tương ứng và không tương ứng với thứ nào nơi năm thọ căn?

Thọ của pháp đại địa không tương ứng với năm thọ căn, tức đều chẳng tương ứng.

Tưởng của pháp đại địa tương ứng hết với năm thọ căn. Các đại địa gồm tưởng, tư, xúc, tác ý, dục, thắng giải, niệm, Tam-ma-địa (định), tuệ đều như vậy.

Bất tín đối với năm thọ căn, tương ứng với năm căn, không tương ứng với năm căn. Như bất tín, những pháp đại phiền não địa khác cũng như vậy.

Phẫn, hận, não, tật, hại không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với hai căn là ưu, xả.

Phú, cuồng, siểm không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với ba căn, trừ khổ - lạc (tương ứng với hỷ, ưu, xả căn).

Kiêu không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn.

Xan không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với hai căn là hỷ - xả.

Dục tham, sắc tham không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với ba căn, trừ khổ - ưu.

Vô sắc tham không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với một căn là xả.

Sân không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với ba căn, trừ lạc - hỷ.

Nghi không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với bốn căn, trừ

khổ.

Năm kiến chấp, tà kiến không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với bốn căn, trừ khổ. Còn bốn kiến chấp kia không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với ba căn, trừ khổ- ưu.

Hữu đối xúc chỉ tương ứng với ba căn, trừ hỷ, ưu; không tương ứng với bốn căn, trừ khổ.

Tăng ngữ xúc chỉ tương ứng với bốn căn, trừ khổ; không tương ứng với ba căn, trừ hỷ- ưu.

Minh xúc chỉ tương ứng với ba căn, trừ ưu, khổ; không tương ứng với năm căn

Vô minh xúc và phi minh -phi vô minh xúc tương ứng với năm căn, không tương ứng với năm căn.

Lạc căn không tương ứng, thì đều không tương ứng. Như lạc căn- khổ căn- hỷ căn- ưu căn- xả căn cũng như vậy.

Tâm, tứ tương ứng với năm căn, không tương ứng với ba căn, trừ khổ, ưu.

Thức đều tương ứng với năm căn, không căn nào không tương ứng.

Vô tầm, vô quý tương ứng với năm căn, không tương ứng với năm căn.

Nhãn thức tương ứng với ba căn, trừ hỷ- ưu; không tương ứng với năm căn. Như nhãn thức- nhĩ- tỷ- thiệt- thân thức cũng như vậy. Ý thức tương ứng với bốn căn, trừ khổ căn; không tương ứng với ba căn, trừ hỷ- ưu.

Như sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Thọ phát sinh do nhãn xúc không tương ứng với năm thọ căn, tức là đều không tương ứng. Như thọ phát sinh do nhãn xúc, những thọ khác cũng như vậy.

Ái phát sinh do nhãn xúc chỉ tương ứng với hai căn là lạc- xả; không tương ứng với năm căn. Như ái phát sinh do nhãn xúc, các ái do nhĩ- tỷ- thiệt- thân xúc phát sinh cũng như vậy.

Ái phát sinh do ý xúc không tương ứng với năm căn, chỉ tương ứng với ba căn, trừ khổ- ưu.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 2:

Sáu thức thân là: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Thọ của pháp đại địa cùng với sáu thức thân, có bao nhiêu tương ứng và bao nhiêu không tương ứng? Cho đến ái sinh ra do ý xúc cùng với sáu thức thân, có bao nhiêu tương ứng và bao nhiêu không tương ứng?

Thọ của pháp đại địa tương ứng với hết thủy sáu thức thân, tức là đều tương ứng. Như thọ của pháp đại địa, các pháp đại địa khác cũng như vậy.

Bất tín tương ứng với sáu thức thân, không tương ứng với sáu thức thân. Như bất tín, các pháp đại phiền não địa khác cũng như vậy.

Phần chỉ tương ứng với một thức là ý, không tương ứng với sáu thức thân. Như phần, các pháp tiểu phiền não địa khác cũng như vậy.

Dục tham tương ứng với sáu thức thân, không tương ứng với sáu thức thân. Như dục tham, sân cũng như vậy.

Sắc tham tương ứng với bốn thức thân, trừ tỷ- thiệt; không tương ứng với sáu thức thân.

Vô sắc tham, nghi không tương ứng với sáu thức thân, chỉ tương ứng với một thức là ý.

Năm kiến chấp không tương ứng với sáu thức thân, chỉ tương ứng với một thức là ý.

Hữu đối xúc tương ứng với năm thức thân, trừ ý; không tương ứng với một thức là ý.

Tăng ngữ xúc chỉ tương ứng với một thức là ý, không tương ứng với năm thức, trừ ý.

Minh xúc tương ứng với một thức là ý, không tương ứng với sáu thức.

Vô minh xúc cùng phi minh phi vô minh xúc tương ứng với sáu thức, không tương ứng với sáu thức.

Lạc căn, xả căn tương ứng với sáu thức, không tương ứng với sáu thức.

Khổ căn tương ứng với năm thức, trừ ý; không tương ứng với sáu thức.

Hỷ căn, ưu căn không tương ứng với sáu thức, chỉ tương ứng với một thức là ý.

Tâm, tứ tướng ứng với sáu thức, không tương ứng với một thức là ý.
Thức pháp không tương ứng với sáu thức thân.

Vô tâm, vô quý tương ứng với sáu thức, không tương ứng với sáu thức.

Nhãn thức không tương ứng với sáu thức thân, đều không tương ứng. Như nhãn thức - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý thức cũng như vậy.

Nhãn xúc chỉ tương ứng với một thức là nhãn, không tương ứng với năm thức, trừ nhãn. Như nhãn xúc - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý xúc tùy sự thích hợp cũng như vậy.

Như sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng như vậy.

Ái do nhãn xúc sinh ra chỉ tương ứng với một thức là nhãn, không tương ứng với sáu thức. Như ái do nhãn xúc sinh - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý xúc sinh ra ái tùy sự ứng hợp, cũng vậy.

Phần 2: PHÂN BIỆT

Môn 3:

Hai pháp là vô tâm, vô quý Thọ của pháp đại địa cùng với hai pháp này có bao nhiêu tương ứng, bao nhiêu không tương ứng? Cho đến ái do ý xúc sinh ra cùng với hai pháp này có bao nhiêu tương ứng, bao nhiêu không tương ứng?

Thọ của pháp đại địa tương ứng với hai pháp bất thiện đó, tức là đều tương ứng. Còn những thọ khác thì không tương ứng, đều không tương ứng. Như thọ của pháp đại địa, những pháp đại địa khác cũng vậy.

Bất tín tương ứng với hai pháp bất thiện này, tức là đều tương ứng. Bất tín không tương ứng với những thứ khác, đều không tương ứng. Như bất tín, các pháp đại phiền não địa khác cũng như vậy.

Phẫn, hận, phú, nã, tạt, xan, hại đều tương ứng với hai pháp này, tức là đều tương ứng.

Cuống, siểm, kiêu tương ứng với hai pháp bất thiện ấy, tức là đều tương ứng. Cuống, siểm kiêu không tương ứng với các thứ khác, thì đều không tương ứng.

Dục tham, giận dữ đều tương ứng với hai pháp này, tức đều tương ứng.

Sắc tham, Vô sắc tham không tương ứng với hai pháp này, tức là

hoàn toàn tương ứng.

Nghi tương ứng với hai pháp bất thiện ấy, tức là đều tương ứng. Nghi không tương ứng với các thứ khác thì chắc chắn không tương ứng.

Trong năm kiến chấp, có hai kiến chấp không tương ứng, thì đều không tương ứng. Ba kiến đối với các thứ bất thiện tương ứng với hai pháp này, tức đều tương ứng. Ba kiến đó không tương ứng với các thứ khác, tức thì đều không tương ứng.

Hữu đối - tăng ngữ - vô minh xúc, đối với các thứ bất thiện đều tương ứng với hai pháp này, thì đều tương ứng. Ba xúc không tương ứng với các thứ khác, thì đều không tương ứng.

Minh xúc, phi minh phi vô minh xúc không tương ứng, thì đều không tương ứng.

Lạc căn đối với các thứ bất thiện tương ứng với hai pháp này, thì đều tương ứng. Lạc căn không tương ứng với các thứ khác, thì chắc chắn không tương ứng. Như lạc căn, các căn khác như khổ - hỷ - ưu - xả cũng vậy.

Tâm - tứ - thức pháp đối với các thứ bất thiện đều tương ứng với hai pháp này, thì đều tương ứng. Tâm - tứ - thức pháp không tương ứng với các thứ khác, thì đều không tương ứng.

Vô tầm, vô quý quyết định là tương ứng, thì đều tương ứng. Cùng với vô tầm quyết định không tương ứng, tức không tương ứng. Vô quý cùng vô tầm quyết định tương ứng thì đều tương ứng. Cùng với vô quý quyết định không tương ứng, thì không tương ứng.

Nhãn thức đối với các thứ bất thiện tương ứng với hai pháp này, thì đều tương ứng. Nhãn thức không tương ứng với các thứ khác, thì đều không tương ứng. Như nhãn thức - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý thức cũng như vậy.

Như sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng vậy.

Ái sinh ra do sự tiếp xúc của nhãn - nhĩ - thân - ý nơi các thứ bất thiện đều tương ứng với hai pháp này, thì đều tương ứng. Ái sinh ra do sự tiếp xúc của nhãn - nhĩ - thân - ý không tương ứng với các thứ khác, thì đều không tương ứng. Ái phát sinh do tỷ - thiệt tiếp xúc đều tương ứng với hai pháp này, thì đều tương ứng.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TÚC

QUYỂN TRUNG

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 4:

Thọ tương ứng, tướng không tương ứng.

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm và tâm sở pháp, tám giới, ba xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Tướng không tương ứng gồm thấu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây là hỏi điều gì? Là trừ thọ tương ứng và tướng không tương ứng với pháp, tức là trừ hết thấy các pháp nơi mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Còn thừa lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Thọ không tương ứng đã gồm thấu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Điều này có vấn đề gì? Nghĩa là trừ tướng tương ứng và pháp thọ không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với tướng, cho đến đem thọ đối với tuệ thì cũng như vậy.

Thọ tương ứng, bất tín không tương ứng. Thọ tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Bất tín không tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và bất tín không tương ứng, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Bất tín tương ứng, thọ không tương ứng. Bất tín tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Còn thừa lại những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Thọ không tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Đây có vấn đề gì? Nghĩa là trừ bất tín tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với bất tín, đối với các pháp đại phiền não địa còn lại, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Thọ tương ứng, phần không tương ứng. Thọ tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Phần không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của phần, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và pháp phần không tương ứng, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Phần tương ứng, thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, phần tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Còn thừa lại những gì? Là tự tánh của phần, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Thọ không tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ phần tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với phần, đối với các pháp tiểu phiền não địa, vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Thọ tương ứng, sắc tham không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở

pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Sắc tham không tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và pháp sắc tham không tương ứng, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sắc tham tương ứng, thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, sắc tham tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, sáu giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn thừa lại lại những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Thọ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ sắc tham tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Hữu đối xúc không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và pháp hữu đối xúc không tương ứng, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hữu đối xúc tương ứng, thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, hữu đối xúc tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười một xứ, năm uẩn.

Thọ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ hữu đối xúc tương ứng và thọ không tương ứng, tức là trừ hết thảy các pháp mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm

sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Tăng ngữ xúc không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tăng ngữ xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và tăng ngữ xúc không tương ứng với pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tăng ngữ xúc tương ứng, thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tăng ngữ xúc tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của tăng ngữ xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tăng ngữ xúc tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ứng, tâm không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Tâm không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tâm, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và tâm không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tâm tương ứng, thọ không tương ứng. Tâm tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của tâm, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tâm tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với tâm, thì đối với tứ cũng vậy.

Thọ tương ứng, thức không tương ứng. Mười tám giới, mười hai

xứ, năm uẩn, thọ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Thức không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và pháp mà thức không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thức tương ứng, thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thức tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, ba uẩn.

Thọ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thức tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ tương ứng, nhãn thức không tương ứng. Thọ tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Nhãn thức không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và nhãn thức không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn thức tương ứng, thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn thức tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ không tương ứng đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn thức tương ứng và thọ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với nhãn thức, cho đến đối với ý thức cũng như

vậy.

Thọ tương ứng, nhãn xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Nhãn xúc không tương ứng gồm những gì? Là tự thể của nhãn xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ tương ứng và nhãn xúc không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc tương ứng, thọ không tương ứng. Nhãn xúc tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười xứ, năm uẩn.

Thọ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn xúc tương ứng và thọ không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ đối với nhãn xúc, cho đến đối với ý xúc cũng như vậy. Như đem thọ đối với sáu xúc thân, đối với sáu tướng thân, sáu tư thân, nói rộng thì cũng vậy.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 5:

Tưởng tương ứng, tư không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tưởng tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai uẩn, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Tư không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tưởng tương ứng và tư không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư tương ứng, tưởng không tương ứng. Tư tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của

tư, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Tưởng không tương ưng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tư tương ưng và tưởng không tương ưng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như lấy tưởng đối với tư, cho đến đối với tuệ cũng như vậy.

Tưởng tương ưng, bất tín không tương ưng. Tưởng tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của của tưởng, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Bất tín không tương ưng gồm thâu những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tưởng tương ưng và bất tín không tương ưng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Bất tín tương ưng, tưởng không tương ưng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bất tín tương ưng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành.

Tưởng không tương ưng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ bất tín tương ưng và tưởng bất tương ưng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tưởng đối với bất tín, đối với mọi pháp đại phiền não địa khác, dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tưởng tương ưng, phần không tương ưng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tưởng tương ưng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tưởng, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Phần không tương ưng gồm thâu những gì? Là tự tánh của phần, sắc vô vi, tâm bất tương ưng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tưởng tương ưng và phần không tương ưng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm

uẩn.

Phần tương ứng, tướng không tương ứng. Phần tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của phần, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tướng không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, đã gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ phần tương ứng và tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với phần, đối với những pháp tiểu phiến nào địa khác, Vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu thọ thân cũng như vậy.

Tướng tương ứng, sắc tham không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tướng tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn thừa lại những thứ nào? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Sắc tham không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Tức là trừ tướng tương ứng và sắc tham không tương ứng pháp, thì trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sắc tham tương ứng, tướng không tương ứng. Sắc tham tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, sáu giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của Sắc tham, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành

Tướng không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ sắc tham tương ứng, tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Tướng tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Hữu đối xúc không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của

hữu đối xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng tương ứng và hữu đối xúc không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hữu đối xúc tương ứng, tướng không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ hữu đối xúc tương ứng và tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tướng tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Tăng ngữ xúc không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tăng ngữ xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng tương ứng và tăng ngữ xúc không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tăng ngữ xúc tương ứng, tướng không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tăng ngữ xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng không tương ứng gồm thâu những gì? Nghĩa là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tăng ngữ xúc tương ứng và tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ứng, lạc căn không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tướng tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ,

ba uẩn.

Lạc căn không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của lạc căn, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng tương ứng và lạc căn không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Lạc căn tương ứng, tướng không tương ứng. Lạc căn tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của lạc căn, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tướng không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ lạc căn tương ứng và tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tướng tương ứng, khổ căn không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tướng tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Khổ căn không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của khổ căn, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng tương ứng và khổ căn không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Khổ căn tương ứng, tướng không tương ứng. Khổ căn tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, mười bảy giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của khổ căn, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tướng không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ khổ căn tương ứng và tướng không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tướng tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của

tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Hỷ căn không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của hỷ căn, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng tương ứng và hỷ căn không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hỷ căn tương ứng, tướng không tương ứng. Hỷ căn tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hỷ căn, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tướng không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ hỷ căn tương ứng và tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng vậy. Đem tư đối với tâm, tứ, thức, pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu tư thân đều như đã nói trong môn thọ, chỉ trong lĩnh vực của thọ nên nói tướng ấy.

Tướng tương ứng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tướng tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng tương ứng và thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng, tướng không tương ứng. Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tướng không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tướng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, ba uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng và tướng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười

hai xứ, năm uẩn.

Như đem tướng đối với thọ do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với thọ do ý xúc sinh ra, tùy sự thích ứng nói rộng cũng như vậy.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 6:

Tư tương ứng, xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tư tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Xúc không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tư tương ứng và xúc không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Xúc tương ứng, tư không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, xúc tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn thừa lại gì? Là tự tánh của xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Tư không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ xúc tương ứng và tư không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tư đối với xúc, cho đến đối với tuệ cũng như vậy.

Tư tương ứng, bất tín không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tư tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Bất tín không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tư tương ứng và bất tín không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Bất tín tương ứng, tư không tương ứng. Bất tín tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của bất tín, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tư không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thâu những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành,

mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ bất tín tương ứng và tứ không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tứ đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tứ tương ứng, phần không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tứ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tứ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Phần không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của phần, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tứ tương ứng và phần không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Phần tương ứng, tứ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, phần tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của phần, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tứ không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, gồm thâu những gì? Là tự tánh của tứ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ phần tương ứng và tứ không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem tứ đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa khác là vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu thọ thân cũng như vậy.

Tứ tương ứng, sắc tham không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tứ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tứ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Sắc tham không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tứ tương ứng và sắc tham không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Sắc tham tương ứng, tứ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, sắc tham tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, sáu giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của sắc tham, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Tư không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thấu những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ sắc tham tương ứng và tư không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tư tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Hữu đối xúc không tương ứng gồm thấu những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tư tương ứng và hữu đối xúc không tương ứng, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Hữu đối xúc tương ứng, tư không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, hữu đối xúc tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, bảy giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của hữu đối xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười ba giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư không tương ứng gồm thấu những gì? Là tự tánh của tư, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ hữu đối xúc tương ứng và tư không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tư tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tư tương ứng như trước, cho đến hai uẩn, tăng ngữ xúc không tương ứng như trước, cho đến năm uẩn. Như tư tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng như thế. Tăng ngữ xúc tương ứng, tư không tương ứng, tùy sự ứng hợp nên nói rộng ra.

Tư tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, tư không tương ứng, tùy sự ứng hợp nên nói rộng. Như đem tư đối với lạc căn, đối với xả căn cũng vậy. Tư tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, tư không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Tư tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, tư không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem tư đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy. Đem tư đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, tùy sự ứng hợp nên nói rộng.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA GIỚI THÂN TỨC

QUYỂN HẠ

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 7:

Xúc tương ứng, tác ý không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, xúc tương ứng đều như trước, cho đến hai uẩn.

Tác ý không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tác ý, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ xúc tương ứng và tác ý không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tác ý tương ứng, xúc không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tác ý tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tác ý, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Xúc không tương ứng thì như trước đã nói. Như đem xúc đối với tác ý, cho đến đối với tuệ cũng như vậy.

Xúc tương ứng, bất tín không tương ứng. Bất tín tương ứng, xúc không tương ứng, thì tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem xúc đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô tà, vô quý cũng như vậy.

Xúc tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, xúc không tương ứng, thì tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem xúc đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa là vô sắc tham, nghi, năm kiến, sáu ái thân cũng như vậy.

Xúc tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng, xúc không tương ứng, thì tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Xúc tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, xúc không tương ứng, thì tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem xúc đối với

lạc căn, đối với xả căn cũng vậy.

Xúc tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, xúc không tương ứng, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng.

Xúc tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, xúc không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem xúc đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng vậy. Đem xúc đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 8:

Tác ý tương ứng, dục không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tác ý tương ứng đều như trước đã nói.

Dục không tương ứng gồm sáu những gì? Là tự tánh của dục, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Như trước đã nói.

Dục tương ứng, tác ý không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, dục tương ứng gồm sáu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của dục, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Tác ý không tương ứng đều như trước đã nói. Như đem tác ý đối với dục, cho đến đối với tuệ cũng vậy.

Tác ý tương ứng, bất tín không tương ứng. Bất tín tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng. Như đem tác ý đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tác ý tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem tác ý đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa khác như Vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng vậy.

Tác ý tương ứng, Sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng.

Tác ý tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng.

Tác ý tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tác ý tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy sự thuận hợp mà nói rộng.

Như đem tác ý đối với lạc căn, đối với xả căn cũng vậy.

Tác ý tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tác ý tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, tác ý không tương ứng, tùy sự thuận hợp mà nói rộng.

Như đem tác ý đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy. Đem tác ý đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 9:

Dục tương ứng, thắng giải không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, dục tương ứng đều như trước nói.

Thắng giải không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thắng giải, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ dục tương ứng và thắng giải không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thắng giải tương ứng, dục không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thắng giải tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thắng giải, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Dục không tương ứng, như trước đã nói. Như đem dục đối với thắng giải, đối với niêm, Tam-ma-địa, tuệ cũng vậy.

Dục tương ứng, bất tín không tương ứng. Dục không tương ứng, bất tín tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem dục đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là Dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng vậy.

Dục tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, dục không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem dục đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa khác là Vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng vậy.

Dục tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng, dục không tương ứng, tùy sự thích ứng mà nói rộng.

Dục tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương

ứng, dục không tương ứng, tùy sự thuận hợp mà nói rộng.

Dục tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, dục không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Dục tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, dục không tương ứng, tùy sự thích hợp mà nói rộng. Như đem dục đối với lạc căn, đối với xả căn cũng vậy.

Dục tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, dục không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Dục tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, dục không tương ứng, tùy sự thích ứng mà nói rộng. Như đem dục đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng vậy. Đem dục đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 10:

Thắng giải tương ứng, niệm không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thắng giải tương ứng đều như trước đã nói.

Niệm không tương ứng gồm sáu những gì? Là tự tánh của niệm, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Như trước đã nói.

Niệm tương ứng, thắng giải không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, niệm tương ứng gồm sáu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của niệm, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Thắng giải không tương ứng, như trước đã nói. Như đem thắng giải đối với niệm, đối với Tam-ma-địa, tuệ cũng vậy.

Thắng giải tương ứng, bất tín không tương ứng. Bất tín tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy theo chỗ ứng hợp mà nói rộng. Như đem thắng giải đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý thì cũng vậy.

Thắng giải tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự thích ứng mà nói rộng. Như đem thắng giải đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa khác là vô sắc

tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng vậy.

Thắng giải tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Thắng giải tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự thuận hợp mà nói rộng.

Thắng giải tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Thắng giải tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem thắng giải đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Thắng giải tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Thắng giải tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, thắng giải không tương ứng, tùy sự thích ứng mà nói rộng. Như đem thắng giải đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng vậy. Đem thắng giải đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 11:

Niệm tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, niệm tương ứng đều như trước đã nói.

Tam-ma-địa không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của Tam-ma-địa, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Như trước đã nói.

Tam-ma-địa tương ứng, niệm không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, Tam-ma-địa tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của Tam-ma-địa, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Niệm không tương ứng đều như trước đã nói. Như đem niệm đối với Tam-ma-địa, đối với tuệ cũng vậy.

Niệm tương ứng, bất tín không tương ứng. Bất tín tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem niệm đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh

xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tâm, vô quý cũng như vậy.

Niệm tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem niệm đối với phần, đối với pháp tiểu phần nào địa khác là vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng vậy.

Niệm tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng, niệm không tương ứng, tùy theo chỗ thích ứng mà nói rộng.

Niệm tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự thuận hợp mà nói rộng.

Niệm tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Niệm tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem niệm đối với lạc căn, đối với xả căn cũng vậy.

Niệm tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự thích ứng mà nói rộng.

Niệm tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, niệm không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem niệm đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng vậy. Đem niệm đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 12:

Tam-ma-địa tương ứng, tuệ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, Tam-ma-địa tương ứng đều như nói ở trước.

Tuệ không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tuệ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Như trước đã nói.

Tuệ tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tuệ tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tuệ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười một giới, mười một xứ, hai uẩn.

Tam-ma-địa không tương ứng cũng như trước đã nói.

Tam-ma-địa tương ứng, bất tín không tương ứng. Bất tín tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem

Tam-ma-địa đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tam-ma-địa tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem Tam-ma-địa đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa khác là vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tam-ma-địa tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tam-ma-địa tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tam-ma-địa tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tam-ma-địa tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem Tam-ma-địa đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tam-ma-địa tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tam-ma-địa tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, Tam-ma-địa không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem Tam-ma-địa đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy. Đem Tam-ma-địa đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 13:

Tuệ tương ứng, bất tín không tương ứng. Bất tín tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem tuệ đối với bất tín, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng như vậy.

Tuệ tương ứng, phần không tương ứng. Phần tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem tuệ đối với phần, đối với pháp tiểu phiền não địa khác là vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Tuệ tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng,

tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tuệ tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tuệ tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tuệ tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem tuệ đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Tuệ tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Tuệ tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, tuệ không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem tuệ đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy. Đem tuệ đối với tầm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 14:

Bất tín tương ứng, biếng nhác không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bất tín tương ứng cũng như trước đã nói.

Biếng nhác không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của biếng nhác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Như trước đã nói.

Biếng nhác tương ứng, bất tín không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, biếng nhác tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, tám giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của biếng nhác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, bất tín không tương ứng cũng như trước đã nói. Như đem bất tín đối với biếng nhác, đối với pháp đại phiền não địa khác là dục tham, sân, vô minh xúc, phi minh, phi vô minh xúc, vô tầm, vô quý cũng vậy.

Bất tín tương ứng, phẫn không tương ứng. Phẫn tương ứng, bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem bất tín đối với phẫn, đối với pháp tiểu phiền não địa khác là vô sắc tham, nghi, năm kiến, minh xúc, sáu ái thân cũng như vậy.

Bất tín tương ứng, sắc tham không tương ứng. Sắc tham tương ứng,

bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Bất tín tương ứng, hữu đối xúc không tương ứng. Hữu đối xúc tương ứng, bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Bất tín tương ứng, tăng ngữ xúc không tương ứng. Tăng ngữ xúc tương ứng, bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Bất tín tương ứng, lạc căn không tương ứng. Lạc căn tương ứng, bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem bất tín đối với lạc căn, đối với xả căn cũng như vậy.

Bất tín tương ứng, khổ căn không tương ứng. Khổ căn tương ứng, bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Bất tín tương ứng, hỷ căn không tương ứng. Hỷ căn tương ứng, bất tín không tương ứng, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như đem bất tín đối với hỷ căn, đối với ưu căn cũng như vậy. Đem bất tín đối với tâm, tứ, thức pháp, sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 15:

Do nghĩa lý sâu xa ấy, nên biếng nhác với những môn khác nhau của nó, được dựa vào trước để nói về một phương tiện hành trì. Như lý nên suy xét trong những môn này có những sai biệt, tương tự mà vị trí khác nhau, đều không nên nói, cho đến nhãn thức tương ứng, nhãn xúc không tương ứng.

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn thức tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Nhãn xúc không tương ứng với mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn gồm thấu những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn thức tương ứng và nhãn xúc không tương ứng pháp, tức là trừ hết thủy pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc tương ứng, nhãn thức không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn xúc tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn xúc, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới,

mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn thức không tương ứng gồm sáu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn xúc tương ứng và nhãn thức không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem nhãn thức đối với nhãn xúc, cho đến đối với ý xúc, sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Nhãn thức tương ứng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn thức tương ứng gồm sáu những gì? Là tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm sáu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn thức tương ứng và thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng, nhãn thức không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng gồm sáu những gì? Là tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn thức không tương ứng gồm sáu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng và nhãn thức không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Như đem nhãn thức đối với thọ do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với thọ do ý xúc sinh ra, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Nhãn thức tương ứng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn thức tương ứng gồm sáu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, một giới, một xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm sáu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ,

năm uẩn, Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn thức tương ứng và thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng pháp, tức là trừ hết thủy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc phát sinh ra thọ tương ứng, nhãn thức không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn xúc phát sinh ra thọ tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn xúc phát sinh ra thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn thức không tương ứng gồm thấu những gì? Là tự tánh của nhãn thức, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn xúc phát sinh ra thọ tương ứng và nhãn thức không tương ứng pháp, tức là trừ hết thủy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Như đem nhãn thức đối với nhãn xúc phát sinh ra thọ, cho đến đối với ý xúc phát sinh ra thọ cũng như vậy.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT

Môn 16:

Như môn nhãn thức, như vậy cho đến năm môn ý thức, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như sáu môn sáu thức thân, sáu môn sáu xúc thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng.

Nhãn xúc sinh ra thọ tương ứng, nhãn xúc sinh ra tưởng không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn xúc sinh ra thọ tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của nhãn xúc sinh ra thọ, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc sinh ra tưởng không tương ứng gồm thấu những gì? Là tự tánh của nhãn xúc sinh ra tưởng, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ nhãn xúc sinh ra thọ tương ứng và nhãn xúc sinh ra tưởng không tương ứng pháp, tức là trừ hết thủy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Nhãn xúc sinh ra tưởng tương ứng, nhãn xúc sinh ra thọ không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, nhãn xúc sinh ra tưởng tương ứng gồm thấu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, ba xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tưởng do nhãn xúc sinh

ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tướng do nhãn xúc sinh ra tương ứng và thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ do nhãn xúc sinh ra đối với tướng do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với tướng do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng, tứ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tứ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của tứ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng và tứ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Tứ do nhãn xúc sinh ra tương ứng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, tứ do nhãn xúc sinh ra tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của tứ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ tứ do nhãn xúc sinh ra tương ứng và thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng pháp, tức là trừ hết thảy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ do nhãn xúc sinh ra đối với tứ do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với tứ do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng, ái do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ do nhãn xúc sinh ra tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, ba uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh

ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Ái do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của ái do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ thọ do nhãn xúc sinh tương ứng và ái do nhãn xúc sinh không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Ái do nhãn xúc sinh ra tương ứng, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng. Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, ái do nhãn xúc sinh ra tương ứng gồm thâu những gì? Là tâm, tâm sở pháp, ba giới, hai xứ, bốn uẩn. Ở đây còn lại những gì? Là tự tánh của ái do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành.

Mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn, thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng gồm thâu những gì? Là tự tánh của thọ do nhãn xúc sinh ra, sắc vô vi, tâm bất tương ứng, mười bảy giới, mười hai xứ, năm uẩn. Ở đây có vấn đề gì? Là trừ ái do nhãn xúc sinh ra tương ứng và thọ do nhãn xúc sinh ra không tương ứng pháp, tức là trừ hết thấy các pháp, mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn.

Như đem thọ do nhãn xúc sinh ra đối với ái do nhãn xúc sinh ra, cho đến đối với ái do ý xúc sinh ra cũng như vậy.

Như môn thọ do nhãn xúc sinh ra, như thế cho đến năm môn thọ do ý xúc sinh ra, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như sáu môn sáu thọ thân, sáu môn sáu tưởng thân, sáu môn sáu tư thân, tùy sự ứng hợp mà nói rộng. Như thế lược nói có mười sáu môn, nếu nói rộng thì có tám mươi tám môn.

